TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN
PHẬT GIÁO VIỆT NAM

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

02

TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

02

KINH TRUNG BỘ

(Majjhima Nikāya)

Dịch giả

Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT

- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身,處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác…

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心,以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự."

Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律藏, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論藏, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma,* S. *Abhidharma,* H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến đại hội kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I (TTL) trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn*, *Pháp Hoa*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v…

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 5 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải, Phân tích Đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử và Hạnh tạng*.

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大藏經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海藏) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch.

Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

T*am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ thứ III (TTL) đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền

bá đạo Phật sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ thứ I đến đầu thế kỷ thứ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ thứ I (TTL), công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ thứ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiên gỗ, khắc vào thế kỷ thứ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc

truyền hoàn chỉnh nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ thứ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,…

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều biểu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

"Sau khi dịch xong *Kinh Trường bộ* (*Dīgha Nikāya*), Vu Lan, PL. 2516 (23-8-1972), tôi dịch tiếp *Kinh Trung bộ*, và như vậy cố gắng tiếp tục phiên dịch Kinh tạng Pāli như đã phát nguyện từ năm 1965, nhưng vì trách nhiệm của một vị Viện trưởng không thể hoàn thành sớm hơn và đầy đủ hơn như ý muốn."

"Vấn đề tìm được Hán tự tương đương với chữ Pāli, thật là một vấn đề nan giải. Như biết *pañcakhaṇḍa* là năm uẩn, *rūpa* là sắc, *vedanā* là thọ, *saññā* là tưởng, *saṅkhāra* là hành và *viññāṇa* là thức, thời dịch vừa gọn, vừa nhanh. Nhưng nếu gặp những danh từ chưa có chữ Hán tương đương là cả một vấn đề thật khó khăn và nan giải."

"Chúng tôi dịch kinh Pāli, không vì mục đích muốn ủng hộ hay không muốn ủng hộ một học phái nào, một lập trường nào. Mục đích của chúng tôi chỉ muốn giới thiệu những kinh điển có thể được xem là nguyên thủy hay gần nguyên thủy nhất, để người đọc có thể tìm hiểu lời dạy chân chính của đức Phật, khỏi qua ống kính của một học phái nào, dầu là Ấn Độ, Trung Hoa hay Việt Nam. Chúng tôi cũng không có trách nhiệm nêu lên cho độc giả rõ đoạn nào là nguyên thủy, đoạn nào không phải nguyên thủy. Chỉ có người đọc, sau khi tự mình đọc, tự mình tìm hiểu, tự mình suy tư, tự mình quan sát, tự mình chứng nghiệm trên bản thân, mới có thể thấy, hiểu được đoạn nào là thật sự nguyên thủy. Trách nhiệm tìm hiểu, chứng nghiệm cá nhân là trách nhiệm của người đọc, không phải của người dịch, vì đạo Phật là Đạo đến để mà thấy chớ không phải Đạo đến để nhờ người thấy hộ; Đạo của người có mắt (*cakkhumato*), không phải Đạo của người nhắm mắt; Đạo của người thấy, của người biết (*passato jānato*), không phải là Đạo của người không thấy, không biết (*apassato ajānato*). Nên chỉ có người đọc mới có thể tự mình thấy, tự mình hiểu và tự mình chứng nghiệm.

Thật sự, chúng tôi chỉ mong rằng quý vị hãy đọc thật kỹ và suy tư thật chín chắn những đoạn mà chúng tôi phiên dịch trong tập này rồi quý vị tự hỏi, những đoạn ấy có phải là những đoạn "Tiểu thừa", dành riêng cho những vị có tiểu tâm, chỉ biết tự lợi không biết lợi tha, chỉ biết tự giác không biết giác tha. Như chúng tôi đã phân tích trong Lời Giới thiệu bản dịch tập *Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa*, chúng ta đừng có mắc bẫy các vị Bà-la-môn Ấn Độ giáo đã tìm cách gán cho chữ Tiểu thừa để loại ra ngoài những lời dạy căn bản, như một số

lớn Phật tử Đại thừa đã bị mê hoặc, không dám đọc những lời Phật dạy, vì bị gán nhãn hiệu Tiểu thừa. Bên phái Nam tông, tuy tôn thờ Tam tạng Pāli, nhưng một số Phật tử cũng rơi vào một nạn tương tự, là chỉ học Luật tạng và A-tỳ-đàm tạng đề cập đến Đệ nhất nghĩa đế, còn Kinh tạng chỉ bàn đến Tục đế mà thôi. Đây cũng là một lầm lạc hết sức ngây thơ và nguy hiểm. A-tỳ-đàm tạng phát xuất từ Kinh tạng và bỏ gốc để tìm ngọn thì không khác gì kẻ đi tìm lõi cây mà chỉ đem về cành và lá. Thật sự đạo Phật đâu có phân biệt Tiểu thừa - Đại thừa, đâu có chia đôi Chân đế - Tục đế. Những sự phân chia này chỉ là hậu tác phẩm, hoặc các giáo sĩ Bà-la-môn mang danh Phật tử muốn loại bỏ những gì tinh túy nhất của đạo Phật, không cho Phật tử học và tu, hay của một số đệ tử Phật muốn làm Tổ sư một giáo phái, nên đề xướng các chủ thuyết lấn át những lời dạy nguyên thủy của đức Phật.

Thật sự chúng ta chỉ có một trách nhiệm, tìm đọc và tìm hiểu những lời Phật dạy thật sự là những lời dạy của đức Phật, và vì trách nhiệm ấy chúng tôi đã cố gắng phiên dịch Kinh tạng Pāli ra Việt ngữ. Chúng ta chỉ cần đọc, cần suy tư chín chắn và rồi chính chúng ta tự ý thức đâu là những lời dạy trung thực của đức Bổn sư của chúng ta.

Ba bài kinh cuối của tập I này được dịch trong dịp chúng tôi ra Huế dự Lễ Đại tang đức Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và cũng là Bổn sư của chúng tôi. Trong sự trang nghiêm chân thành của Phật tử toàn quốc đến nghiêng mình đảnh lễ lần cuối cùng Giác linh Đại lão Hòa thượng và trong sự trầm lặng suy tư của người đệ tử đối với vị Bổn sư đã trọn đời hiến mình cho đạo pháp và giáo huấn hậu côn, chúng tôi phát nguyện trọn đời phiên dịch Tam tạng giáo điển để đền đáp công ơn giáo huấn của Ngài. Chúng tôi tự nghĩ đó là một cử chỉ duy nhất và có ý nghĩa nhất để đền đáp thâm ân của một đệ tử đối với vị Bổn sư của mình trong cuộc đời ngũ trược ác thế này."

(*Lời Giới thiệu Kinh Trung bộ, tập* I, 1973)

"Công trình phiên dịch của tôi, một mặt đáp ứng sở nguyện xuất dương của tôi, một mặt xây dựng những tài liệu nghiên cứu đạo Phật cho các học giả và Phật tử Việt Nam. Và đây cũng là sự đóng góp của Đại học Vạn Hạnh vào tủ sách Phật học nước nhà. Lẽ dĩ nhiên, trong trách nhiệm hiện tại của tôi, sự phiên dịch đòi hỏi nhiều cố gắng, nhiều dụng công kiên trì và liên tục, nhưng chúng tôi đã được tưởng thưởng xứng đáng khi được tận hưởng những Pháp lạc do Chánh pháp đem lại trong khi phiên dịch. Pháp lạc này ẩn chứa trong từng chữ, từng câu, tiềm tàng trong từng câu văn, giọng nói, và chính Pháp lạc đã nuôi dưỡng và khích lệ chúng tôi rất nhiều trong công tác phiên dịch này.

Càng dịch, chúng tôi càng thấy rõ ác ý của các nhà Bà-la-môn đã dùng danh từ Tiểu thừa để gán vào những lời dạy thực sự nguyên thủy của đức Phật và khiến cho các Phật tử không dám đọc, không dám học, không dám tu những

pháp môn ấy. Càng dịch, càng thấy rõ dụng tâm hiểm độc của các vị Bà-la-môn, đã khôn khéo xuyên tạc đạo Phật, khiến cho những giáo lý căn bản, những tinh hoa cao đẹp nhất của tư tưởng nhân loại đã bị những tư tưởng tà giáo xen lẫn, bị ruồng bỏ, bị che giấu, không được biết đến, không được học hỏi tu hành. Nhưng chân lý bao giờ cũng là chân lý, mặt trời bao giờ cũng là mặt trời. Các ba hoa của Ma vương, các cuộc so tài của những ngọn đèn lẻ tẻ mù mờ, các lời lẽ bập bẹ của những kẻ mới tập tễnh đi vào con đường triết lý, tất cả cũng chỉ là cuồng vọng đen tối, được ánh sáng rực rỡ của chân lý quét sạch."

Có người than kinh Pāli quá dài và có nhiều đoạn trùng điệp. Khi dịch kinh, bao giờ tôi cũng phải kính trọng nguyên bản, và vì vậy chúng tôi không có thể tự ý lược bỏ những đoạn trùng điệp, dầu rằng nguyên bản Pāli chúng tôi phiên dịch cũng đã lược bỏ khá nhiều. Điều chúng ta nên nhớ là phần lớn kinh điển được kiết tập trong các Đại hội Kiết tập và đều do chư Tăng tụng đọc lại những đoạn các vị ấy đã ghi nhớ, và lẽ dĩ nhiên khi tụng đọc không bao giờ có chuyện lược bỏ. Lại nữa, đức Phật trong khi đi truyền giáo, mỗi kinh đều được giảng trọn vẹn trong mỗi hoàn cảnh đặc biệt và chư Tăng ghi nhớ lại không bao giờ dám lược bỏ các đoạn đã được nghe. Do đó, có nhiều đoạn trùng điệp, khó lòng lược bỏ cho được. Dầu thế nào, các đoạn trùng điệp vẫn có sự tác dụng cho người đọc, vì không gì tốt đẹp hơn là được nhắc đi nhắc lại những giáo lý quan trọng và những pháp tu căn bản.

Chúng tôi nay chỉ chú trọng phiên dịch, và mong dịch cho được chu toàn và đầy đủ, để làm tài liệu nghiên cứu và tu học cho các Phật tử và học giả, chưa có một nhận xét, phê bình, so sánh đối chiếu gì. Mỗi bộ kinh được dịch xong là những nguồn tài liệu văn hóa hết sức phong phú và quý giá cho các học giả và các Phật tử, và hiện tại sự cố gắng duy nhất của chúng tôi là cung cấp những tài liệu văn hóa ấy."

(*Lời Giới thiệu Kinh Trung bộ,* tập II, 1974)

"Với tập III này, chúng tôi đã hoàn thành được trọn bộ *Kinh Trung bộ* (*Majjhima Nikāya*), một trong những bộ kinh quan trọng nhất của Kinh tạng Pāli. Vì không có thì giờ, chúng tôi không đi vào nội dung của bộ này, nhưng với những tài liệu dịch thuật như vậy, các học giả, Phật tử có đầy đủ tài liệu tham cứu và suy tầm. Chúng tôi chỉ có thể nói một cách vắn tắt là *Kinh Trung bộ* đặt nặng về phần chánh tri kiến và các phương pháp tu hành, nhất là những phần tế nhị trong địa hạt tu trì của vị Tỷ-kheo. Còn *Kinh Trường bộ* đặt nặng về phần lịch sử, có tánh cách đối ngoại với các vị Bà-la-môn, du sĩ ngoại đạo, Kỳ-na giáo, v.v... Cho nên đọc *Kinh Trường bộ*, chúng ta thấy cương vị giáo lý của đạo Phật sai khác với ngoại đạo cùng tiến trình tư tưởng và văn hệ Phật giáo. Còn đọc *Kinh Trung bộ*, chúng ta đi sâu vào giáo lý và tư tưởng và đặt nặng về những phản ứng tâm lý tế nhị của người tu hành khi đạt đến những quả

vị tối cao. Cho nên, với hai tập *Kinh Trường bộ* và *Kinh Trung bộ*, chúng tôi nghĩ đã giới thiệu được những tài liệu khá chính xác và đầy đủ để các nhà học giả và Phật tử đi sâu vào được những giáo lý và giáo pháp căn bản, thật sự là nguyên thủy của đạo Phật."

(*Lời Giới thiệu Kinh Trung bộ*, tập III, 1974)

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bv.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện tiền thân của đức Phật*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)
Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī* (*Giải nghi*)
Kvu.	*Kathāvatthu* (*Luận sự / Những điểm dị biệt*)

M.	*Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ)*
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Trung bộ)*
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)*
Mhvs.	*Mahāvaṃsa (Đại sử)*
Miln.	*Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp)*
MNid.	*Mahāniddesa (Đại nghĩa thích)*
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)*
Mv.	*Mahāvagga (Đại phẩm)*
Nd.	*Niddesa (Nghĩa thích)*
NdA.	*Niddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Nghĩa thích)*
Netti.	*Nettipakaraṇa (Đạo luận)*
Patth.	*Paṭṭhāna (Luận Duyên hệ)*
Ps.	*Paṭisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo)*
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo)*
Pug.	*Puggalapaññatti (Nhân thi thiết luận)*
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā (Chú giải Nhân thi thiết luận)*
Pv.	*Petavatthu (Ngạ quỷ sự)*
S.	*Saṃyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ)*
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)*
Sn.	*Suttanipāta (Kinh tập)*
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh tập)*
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ)*
Thag.	*Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ)*
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)*
Thīg.	*Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)*
ThīgA.	*Therīgāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)*
Thūp.	*Thūpavaṃsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)*
Ud.	*Udāna (Cảm hứng ngữ)*
UdA.	*Udāna Aṭṭhakathā (Chú giải Cảm hứng ngữ)*
Uj.	*Upāsakajanālaṅkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)*
Vbh.	*Vibhaṅga (Phân tích)*
VbhA.	*Vibhaṅga Aṭṭhakathā (Chú giải Phân tích)*

Vin.	*Vinaya Piṭaka* (*Luật tạng*)
VinA.	*Vinaya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Luật tạng*)
Vism.	*Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo luận*)
Vv.	*Vimānavatthu* (*Thiên cung sự*)
VvA.	*Vimānavatthu Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thiên cung sự*)
Yam.	*Yamaka* (*Luận Song đối*)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy.	*Divyāvadāna* (*Thiên cung sự*)
Mhvu.	*Mahāvastu* (*Đại sự*)
MPS.	*Mahāparinirvānasūtra* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS.	*Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti)
BD.	*Book of Discipline* (*Luật tạng*)
BI.	*Buddhist India* (*Phật giáo Ấn Độ*)
BPE.	*Buddhist Manual of Psychological Ethics* (*Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo*)
Cpd.	*Compendium of Philosophy* (*Cương yếu triết học, Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha*)
DB.	*Dialogues of the Buddha* (*Kinh Trường bộ*)
Expos.	*Expositor* (*Chú giải Pháp tụ*)
GS.	*Gradual Sayings* (*Kinh Tăng chi bộ*)
KS.	*Kindred Sayings* (*Kinh Tương ưng bộ*)
MB.	*A Manual of Buddhism* (*Cẩm nang Phật giáo*)
MLS.	*Middle Length Sayings* (*Kinh Trung bộ*)
QKM.	*Questions of King Milinda* (*Mi-tiên vấn đáp*)
PC.	*Points of Controversy* (*Những điểm dị biệt*)
Pss. Breth.	*Psalms of the Brethern* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
Pss. Sis.	*Psalms of the Sisters* (*Trưởng lão Ni kệ*)
SBB.	*Sacred Books of the Buddhists* (*Thánh điển Phật giáo*)

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại/T.	*Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經)
Biệt Tạp.	*Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng.	*Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經)
Tạp.	*Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經)
Trung.	*Trung A-hàm kinh* (中阿含經)
Trường.	*Trường A-hàm kinh* (長阿含經)

TỪ ĐIỂN

BHSD.	*Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary* (*Từ điển Phật giáo Sanskrit lai tạo*)
CPD.	*Critical Pāli Dictionary* (*Từ điển Biện giải Pāli*)
DPPN.	*Dictionary of Pāli Proper Names* (*Từ điển Danh từ riêng Pāli*)
EPD.	*English-Pāli Dictionary* (*Từ điển Anh - Pāli*)
ERE.	*Encyclopedia of Religion and Ethics* (*Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức*)
PED.	*Pāli-English Dictionary* (*Từ điển Pāli - Anh*)

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	HT.	Hòa thượng
P.	Tiếng Pāli	TT.	Thượng tọa
H.	Tiếng Hán	ĐĐ.	Đại đức
E.	Tiếng Anh	NS.	Ni sư
TTL.	trước Tây lịch	SC.	Sư cô
TL.	Tây lịch	TS.	Tiến sĩ
tr.	trang	ThS.	Thạc sĩ
Sđd.	Sách đã dẫn		
NXB.	Nhà Xuất bản		

Tiếng Anh

AD. (*Anno Domini*)	sau Công nguyên
BC. (*Before Christ*)	trước Công nguyên
Cf. (*confer*)	Tham chiếu, so sánh
ed. (*by*)	biên tập (bởi)
etc. (*et cetera*)	vân vân... (v.v...)
f./ ff. (*following pages*)	trang kế tiếp/ các trang kế tiếp
ibid. (*ibidem*)	cùng trang đã dẫn/ như trên
n. (*note*)	chú thích
p./ pp. (*page/ pages*)	trang/ các trang
tr. (*by*)	dịch bởi
trans.	bản dịch
vol./ vols. (*volume/ volumes*)	tập, quyển/ các tập, các quyển

DẪN LUẬN KINH TRUNG BỘ

I. TỔNG QUAN KINH TRUNG BỘ

Kinh Trung bộ (P. *Majjhima Nikāya*, H. 中部經) là bộ kinh quan trọng thứ hai trong 5 bộ kinh Pāli (*Pāli Nikāya*) của Phật giáo Thượng Tọa bộ (*Theravāda*); là tuyển tập 152 bài kinh có độ dài trung bình (*The Collection of the Middle Length Sayings*) trong Kinh tạng Pāli (*Sutta Piṭaka*), tương ứng với 222 bài kinh trong *Trung A-hàm kinh* (S. *Madhyama Āgama*, H. 中阿含經). Khái niệm "trung" (*majjhima*, 中) có nghĩa là "trung bình, vừa" về số lượng chữ của từng bài kinh trong bộ này. Tuy nhiên, do số lượng kinh như đã nêu nên *Kinh Trung bộ* có số trang nhiều gần gấp 3 lần so với *Kinh Trường bộ*.

Về số lượng, *Kinh Trung bộ* ít hơn 70 bài kinh so với *Trung A-hàm kinh* thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (*Sarvāstivāda*), trong văn học Hán tạng vốn là bộ thứ hai của *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經, *Taishō edition*). Vì số lượng bài kinh giữa *Kinh Trung bộ* và *Trung A-hàm kinh* khác nhau nên có sự khác biệt lớn về thứ tự bài kinh, cách đặt tựa đề kinh, các khái niệm và nội dung từng bài kinh.

Về văn tự, kinh điển Pāli thường được phân bổ theo độ dài (*pamāṇa*) của kinh. *Kinh Trường bộ* là tuyển tập 34 bài kinh có độ dài dài nhất (*dīghappamāṇānaṃ suttānaṃ*). *Kinh Trung bộ* là tuyển tập 152 bài kinh có độ dài trung bình (*majjhimappamāṇāni suttāni*). *Kinh Tương ưng bộ* trong bản Việt dịch chúng ta gồm 2.854 bài kinh được sắp xếp theo nhóm chủ đề. *Kinh Tăng chi bộ* là tuyển tập gồm 7.260[1] kinh liên hệ đến pháp số, bắt đầu từ số 1 đến số 11. *Kinh Tiểu bộ* là một hợp tuyển gồm 15 tập theo chủ đề. Thực ra, cách phân loại tuyển tập kinh như vừa nêu cũng mang tính tương đối.[2]

Phần lớn *Kinh Trung bộ*, đức Phật giảng cho Tăng chúng về kinh nghiệm tu học, cách sống trong pháp, trong tình huynh đệ và khuyến khích hành đạo (1, 2, 3, 6, 10, 11, 13, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 25, 26, 29, 33, 34, 38, 39, 40, 45, 46, 47, 48, 67, 70, 101, 102, 103, 106, 109, 110, 111, 112, 113, 116, 117, 118, 119, 120, 129, 130, 131, 137, 138, 139, 140, 141, 148, 149). Nhiều kinh đức

---

[1] Trên thực tế chỉ có 2.202 kinh chính thức, số còn lại khác với các kinh trước chỉ là một khái niệm, một thuật ngữ rất nhỏ, nên PTS đã đánh số lược rất nhiều, từ 2 kinh đến trên 1.000 kinh. Đơn cử: 70-117, 118-165, 166-213, 214-261, 262-309, 310-357, 358-405, 406-453, 454-501, 503-511, 512-671, 96-622, 626-652, 653-1132.

[2] Trong kỳ kiết tập Tam tạng Theravāda lần thứ 6 tại Miến Điện, bộ *Milindapañhā* (*Mi-tiên vấn đáp*) được xếp vào *Tiểu bộ kinh*.

Phật đặc biệt dạy cho các Tôn giả Sāriputta, Ānanda, Mahācunda và nhiều Tôn giả khác (8, 12, 59, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 68, 69, 81, 83, 104, 114, 115, 121, 122, 125, 126, 128, 136, 142, 145, 147, 151, 152). Có kinh đức Phật dạy cho các gia chủ (51, 52, 53, 54, 55, 60, 105, 127, 135, 150). Nhiều kinh đức Phật dạy cho ngoại đạo hoặc các vấn đề do ngoại đạo nêu lên được các vị đệ tử Phật thuật lại (4, 7, 13, 27, 30, 35, 36, 41, 42, 56, 57, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 91, 92, 93, 95, 96, 98, 99, 100). Nhiều kinh đức Phật giảng cho các vua chúa, quan lại (14, 58, 82, 84, 85, 87, 88, 89, 90, 125). Có kinh đức Phật giảng cho chư thiên (23, 49, 134), giảng cho dạ-xoa (31). Có kinh đức Phật dạy cho tướng cướp giết người (86). Nhiều kinh tường thuật lại cuộc đàm luận của các Tôn giả, đệ tử xuất gia của đức Phật (24, 32, 43); hoặc cuộc đàm thoại giữa đệ tử Phật với ngoại đạo (27, 124). Nhiều kinh các Tôn giả, đại đệ tử của đức Phật giảng cho hội chúng Tỳ-kheo (5, 9, 15, 18, 28, 123, 132, 133); hoặc giảng cho ngoại đạo (97). Có kinh tường thuật Tôn giả Sāriputta thăm bệnh, thuyết pháp cho cư sĩ (143) và cho Tỳ-kheo (144). Có kinh Tôn giả Mahāmoggallāna giảng cho chư thiên (37), hoặc giảng cho Ác ma (50). Có kinh Tôn giả Nandaka giáo giới cho chư Ni (146) và có kinh do nữ Tôn giả Dhammadinnā giải thích các pháp căn bản cho cư sĩ Visākha qua hình thức vấn đáp (44). Một số kinh tường thuật các thời giảng của chư Tôn giả sau khi đức Phật nhập Niết-bàn (94, 108).

Về nội dung, *Kinh Trung bộ* chứa đựng tất cả những triết học quan trọng của đức Phật, trải dài 45 năm hoằng truyền chân lý bao gồm thế giới quan (không có nguyên nhân đầu tiên), nhân sinh quan (lấy con người làm nhân bản), chính trị quan (dựa trên chủ nghĩa pháp quyền được sự hỗ trợ bởi chân lý), xã hội quan (không giai cấp, mọi người bình đẳng, công bằng, dân chủ), đạo đức quan (dựa vào phòng phi, chỉ ác, dương thiện), tu đạo quan (hoàn thiện đạo đức, thiền định và trí tuệ), giải thoát quan (chấm dứt luân hồi, chứng đắc các quả Thánh). Ngoài ra, *Kinh Trung bộ* còn có một số bài kinh đối thoại liên tôn giáo và triết học giữa đức Phật với các đạo sĩ Sa-môn và Bà-la-môn đương thời, cũng như giữa các đệ tử đức Phật với các đạo sĩ khác tôn giáo.

Về phân loại, *Kinh Trung bộ* được chia thành 3 phần (*paṇṇāsa*), 2 phần đầu, mỗi phần gồm có 50 kinh, riêng phần cuối có 52 kinh. Trong mỗi phần lại chia ra 5 phẩm (*vagga*), mỗi phẩm có 10 kinh, riêng phẩm thứ 15 gồm 12 kinh. Cấu trúc chia thành 3 phần, 15 phẩm của *Kinh Trung bộ* được tóm tắt như sau:

1. Phần căn bản (*Mūlapaṇṇāsa*) 50 bài kinh đầu tiên:

(a) Phẩm Pháp môn căn bản (*Mūlapariyāyavagga*) gồm các kinh 01-10.

(b) Phẩm Sư tử hống (*Sīhanādavagga*) gồm các kinh 11-20.

(c) Phẩm Pháp thí dụ (*Opammavagga*) gồm các kinh 21-30.

(d) Phẩm Song đại (*Mahāyamakavagga*) gồm các kinh 31-40.

(e) Phẩm Song tiểu (*Cūḷayamakavagga*) gồm các kinh 41-50.

2. Phần giữa (*Majjhimapaṇṇāsa*) có 50 bài kinh theo thứ tự 51-100:

(a) Phẩm Cư sĩ (*Gahapativagga*) gồm các kinh 51-60.

(b) Phẩm Tỳ-kheo (*Bhikkhuvagga*) gồm các kinh 61-70.

(c) Phẩm Người tịnh hạnh (*Paribbājakavagga*) gồm các kinh 71-80.

(d) Phẩm Vương (*Rājavagga*) gồm các kinh 81-90.

(e) Phẩm Bà-la-môn (*Brāhmaṇavagga*) gồm các kinh 91-100.

3. Phần thượng (*Uparipaṇṇāsa*) có 52 bài kinh theo thứ tự 101-152:

(a) Phẩm Thiên tỷ (*Devadahavagga*) gồm các kinh 101-110.

(b) Phẩm Bất đoạn (*Anupadavagga*) gồm các kinh 111-120.

(c) Phẩm Không (*Suññatavagga*) gồm các kinh 121-130.

(d) Phẩm Phân biệt (*Vibhaṅgavagga*) gồm các kinh 131-140.

(e) Phẩm Đại xứ phân biệt (*Saḷāyatanavagga*) gồm các kinh 141-152.

Điểm đặc biệt của *Kinh Trung bộ* là phẩm 4 và 5, tức các kinh mang số thứ tự từ 31 đến 50, có cấu trúc "song đôi" (*yamaka*), cứ 2 kinh có một tựa đề. Kinh thứ nhất với tiếp đầu ngữ "*Cūḷa*" (Tiểu) là kinh ngắn hơn, kinh tiếp theo với tiếp đầu ngữ "*Mahā*" (Đại) là kinh dài hơn. Có tất cả 17 cặp kinh như vậy: 11-12, 13-14, 27-28, 29-30, 31-32, 33-34, 35-36, 37-38, 39-40, 43-44, 45-46, 63-64, 77-79, 109-110, 121-122, 135-136, 62-147. Trật tự không được nhất quán, có lúc Tiểu kinh trước Đại kinh, cũng có lúc Đại kinh trước Tiểu kinh (ví dụ, cặp 13-14, 29-30, 33-34, 39-40, 43-44, 77-79, 109-110), có lúc khoảng cách khá xa (62-147).

Về các bản dịch tiếng Anh trọn bộ, *Kinh Trung bộ* được dịch nhiều hơn bốn bộ còn lại của kinh điển Pāli.

Bản dịch đầu tiên của Lord Chalmers với tựa đề *Further Dialogues of the Buddha* (*Các cuộc đối thoại sâu sắc của đức Phật*), 2 tập, London, Oxford University Press, 1926-27.

Isaline Blew Horner dịch với tựa đề *The Collection of the Middle Length Sayings* (*Tuyển tập các lời dạy có độ dài trung bình*), 3 tập, Bristol, Pali Text Society, 1954-59.

Khoảng đầu năm 1960, Bhikkhu Ñaṇamoli dịch bộ này với tựa đề *The Middle Length Discourses of the Buddha: A New Translation of the Majjhima Nikāya* (*Những bài kinh có độ dài trung bình của đức Phật: Bản dịch mới Kinh Trung bộ*), đã hoàn thành bản thảo, nhưng chưa kịp xuất bản rồi viên tịch. Công việc này được Ngài Bhikkhu Bodhi phát tâm hiệu đính, và đặt lại tựa đề mới *The Middle Length Discourses of the Buddha* (*Các bản kinh có độ dài trung bình của đức Phật*), 2 tập. Do đó, tác phẩm được đứng tên bởi Ngài Bhikkhu Ñaṇamoli và Bhikkhu Bodhi (Somerville: Wisdom Publications, 1995; và Boston: Wisdom Publications, 2009).

David W. Evans dịch *Discourses of Gotama Buddha: Middle Collection* (*Các bài giảng của đức Phật Gotama: Tuyển tập kinh trung bình*), Janus Publications, 1991.

Ni sư Uppalavanna dịch toàn bộ 152 kinh sang tiếng Anh và đăng tải trên các trang mạng: *www.metta.lk*, *www.buddhism.org*, v.v…

Ngài Bhikkhu Sujato dịch với tựa đề *The Middle Discourses* (*Các bài kinh trung bình*), xuất bản online tại *www.suttacentral.net*, 2018.

Ngoài ra, còn có các bản tuyển dịch được xuất bản ở một số nước Đông Nam Á. Sớm nhất là bản *A Treasury of the Buddha's Words* (*Kho báu lời Phật dạy*), đứng tên dịch giả là Bhikkhu Ñaṇamoli, được Bhikkhu Khantipalo hiệu đính và xuất bản tại Bangkok, năm 1960, trước khi Ngài Bodhi hiệu đính toàn tập; Hội Kinh tạng Miến Điện tuyển dịch: *Twenty-Five Suttas from Mūla-Paṇṇāsā* (*25 bài kinh trong 50 bài đầu của Kinh Trung bộ*), 1986; *Twenty-Five Suttas from Majjhima-Paṇṇāsā* (*25 bài kinh trong 50 bài giữa của Kinh Trung bộ*), 1987; và *Twenty-Five Suttas from Upari-Paṇṇāsā* (*25 bài kinh trong 50 bài cuối của Kinh Trung bộ*), 1988 do NXB. Myanmar Piṭaka Association ấn hành tại Rangoon và được NXB. Sri Satguru, Delhi, tái bản tại Ấn Độ. Ngoài ra, còn có 82 bài kinh được Ngài Bhikkhu Thanissaro chọn dịch, in trong tuyển tập *Handful of Leaves* (*Nắm lá*), tập II, Metta Forest Monastery, California, USA, 2018.

Tại Việt Nam, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu với tựa đề *Kinh Trung bộ*, 3 tập, xuất bản lần đầu năm 1973, tái bản năm 1986, 1992. Đây là bản dịch trung thành với nguyên tác Pāli, có tham khảo bản tiếng Anh của bà I. B. Horner: *The Collection of the Middle Length Sayings*. Theo *Lời giới thiệu* của *Kinh Trung bộ*,[3] Hòa thượng có tham khảo thêm bản tiếng Nhật trong *Đại tạng kinh Nam truyền*, những ghi chú bằng tiếng Anh và tiếng Hán, khi Hòa thượng theo học ở tại Hội Dharmaduta Vidhyalaya ở Colombo, Tích Lan từ năm 1952 đến 1955. Ấn bản mới nhất được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tái bản năm 2012, in thành 2 tập.

Về tài liệu tham khảo cho *Kinh Trung bộ* trong tiếng Việt có Luận án Tiến sĩ của Hòa thượng Thích Minh Châu tại Đại học Nālandā năm 1961: *A Comparative Study of the Chinese Madhyama Āgama and the Pāli Majjhima Nikāya* (*So sánh Trung A-hàm kinh chữ Hán và Kinh Trung bộ chữ Pāli*) được Ni sư Trí Hải dịch ra tiếng Việt và xuất bản năm 1998.

Ngoài ra, còn có quyển *Tóm tắt Kinh Trung bộ*, 1 tập, của Hòa thượng Thích Minh Châu, NXB. Văn Hóa Sài Gòn, 2010; *Tìm hiểu Kinh Trung bộ*, 3 tập, của Hòa thượng Thích Chơn Thiện, NXB. Tôn Giáo, 2004; *Toát yếu Kinh Trung bộ* của Ni sư Trí Hải, 3 tập, NXB. Tôn Giáo, 2010; và *Hướng dẫn đọc Kinh Trung bộ*, 2 tập, của Thượng tọa Thích Nhật Từ, NXB. Hồng Đức, 2020.

---

[3] Lời giới thiệu, tập I, 1973.

Kinh Trung bộ lần đầu được Hòa thượng Thích Minh Châu giảng dạy tại phân khoa Phật học, Đại học Vạn Hạnh từ năm 1964-75, sau đó, tiếp tục dạy tại Trường Cao cấp Phật học Việt Nam (1984-97) nay là Học viện Phật giáo Việt Nam (HVPGVN) tại TP. HCM, dạy tại Thiền viện Vạn Hạnh (quận Phú Nhuận, TP. HCM) và Tịnh xá Trung Tâm (quận Bình Thạnh, TP. HCM). Hiện tại, kinh này được dạy ở HVPGVN tại TP. HCM, Hà Nội, Huế cũng như tại một số trong 9 trường Cao đẳng Phật học và một số trong 35 trường Trung cấp Phật học trên toàn quốc.

Ngoài Hòa thượng Thích Minh Châu, các vị Tôn túc có công giảng dạy *Kinh Trung bộ* gồm có Hòa thượng Hộ Giác, Hòa thượng Thích Chơn Thiện, Ni sư Trí Hải. Từ năm 2005, tại giảng đường chùa Xá Lợi, tôi là người giảng trọn bộ *Kinh Trung bộ*, mỗi buổi 90-120 phút. Toàn bộ các file âm thanh được phổ biến trên: phatam.com và chuagiacngo.com.

Bản dịch *Kinh Trung bộ* của Hòa thượng Thích Minh Châu và việc giảng dạy kinh này tại Việt Nam trong hơn 5 thập niên qua đã góp phần làm thay đổi tích cực nền Phật học tại Việt Nam, giúp nhiều thế hệ Tăng Ni Việt Nam không còn xem kinh điển Pāli là kinh điển Tiểu thừa nữa. Trên thực tế, đây là tuyển tập các bài kinh nền tảng nhất về Phật học. Việc xuất bản bộ kinh này tại Việt Nam đã thúc đẩy sự hợp tác giữa Phật giáo Thượng Tọa bộ và Phật giáo Đại thừa trong phạm vi Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các Phật sự chung trên toàn quốc.

II. KHÁI QUÁT NỘI DUNG CÁC KINH

1. *Kinh Pháp môn căn bản* (P. *Mūlapariyāyasuttaṃ*, H. 根本法門經) tương đương *Tưởng kinh.*[4] Bài kinh này phân tích về các cấp độ nhận thức của 4 hạng người: Phàm phu, bậc Hữu học, bậc A-la-hán và Như Lai. Trên cơ sở của nhận thức "tưởng tri" (*saññājānāti*) hoặc "thắng tri" (*abhijānāti*), phàm và Thánh được xác định, luân hồi và giải thoát có mặt. Để giải thoát, hành giả chỉ cần chuyển hóa nhận thức từ "tưởng tri" thành "thắng tri."

2. *Kinh Tất cả lậu hoặc* (P. *Sabbāsavasuttaṃ*, H. 一切漏經) tương đương *Lậu tận kinh.*[5] Đức Phật giới thiệu 7 phương pháp diệt trừ phiền não tận gốc rễ, gồm: (i) Chánh kiến, (ii) Phòng hộ giác quan, (iii) Thọ dụng với chánh niệm, (iv) Kham nhẫn, (v) Tránh né thích hợp, (vi) Trừ diệt, (vii) Tu tập 7 yếu tố đưa đến giác ngộ. Tùy theo căn tánh, hành giả chọn lựa cho mình phương pháp thích hợp nhất để giải phóng tất cả trói buộc, sống an lành hạnh phúc ngay bây giờ và tại đây.

3. *Kinh Thừa tự pháp* (P. *Dhammadāyādasuttaṃ*, H. 法嗣經) tương đương

[4] 想經 (*T*.01. 0026.106. 0596b09). Tham chiếu: *Lạc tưởng kinh* 樂想經 (*T*.01. 0056. 0851a23); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.44.6. 0766a04).

[5] 漏盡經 (*T*.01. 0026.10. 0431c13). Tham chiếu: *Nhất thiết lưu nhiếp thủ nhân kinh* 一切流攝守因經 (*T*.01. 0031. 0813a05); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.40.6. 0740a25).

Cầu pháp kinh.[6] Đức Phật khuyên tất cả đệ tử của Ngài hãy trở thành những người thừa kế gia tài Chánh pháp mà Ngài đã dày công dạy dỗ, không nên trở thành những người thừa kế gia tài vật chất. Trên tinh thần lời dạy này, Tôn giả Sāriputta đã giải thích sơ lược nội dung của thừa tự pháp cho các vị Hiền giả Thượng tọa Tỳ-kheo, Trung tọa Tỳ-kheo và tân Tỳ-kheo có mặt.

4. *Kinh Sợ hãi và khiếp đảm* (P. *Bhayabheravasuttaṃ,* H. 怖駭經).[7] Bài kinh này, một mặt trình bày các đức tính cần thiết giúp hành giả sống viễn ly để thành tựu đạo quả giải thoát, mặt khác, thông qua đó, kể lại những kinh nghiệm chinh phục sự sợ hãi của đức Phật khi Ngài còn là vị Bồ-tát sống độc cư viễn ly.

5. *Kinh Không uế nhiễm* (P. *Anaṅgaṇasuttaṃ,* H. 無穢經) tương đương *Uế phẩm kinh.*[8] Bài kinh phân tích các phương diện "uế nhiễm" được thể hiện dưới các góc độ tâm lý vị ngã trung tâm và lòng tự ái, làm phương hại đến tư cách và phẩm hạnh của hành giả tu tập; đồng thời, thông qua đó, đề cao giá trị của người xuất gia chân chánh, biết trang sức cho mình nhiều đóa hoa đạo đức.

6. *Kinh Ước nguyện* (P. *Ākaṅkheyyasuttaṃ,* H. 願經) tương đương *Nguyện kinh.*[9] Bài kinh bắt đầu bằng sự khẳng định của đức Phật về tầm quan trọng của đời sống đạo đức đối với người đang tầm cầu Thánh quả. Thành công trong sự tu tập không phải là kết quả của "ước nguyện" đơn thuần, mà là kết quả của việc thực hành đạo đức, thiền định và thiền quán.

7. *Kinh Ví dụ tấm vải* (P. *Vatthasuttaṃ*, H. 布喻經) tương đương *Thủy Tịnh Phạm chí kinh.*[10] Thông qua ảnh dụ tấm vải, đức Phật khẳng định rằng tâm cấu uế không thể nào nhuộm được màu của an vui và giải thoát. Tẩy sạch các cấu uế của tâm, con người sẽ thiết lập được niềm tin bất động vào Phật, Pháp, Tăng. Khi ấy, hành giả không còn trọng vọng vào các con sông thiêng, ngày tốt xấu mà tẩy tịnh tội lỗi của bản thân bằng các đức tính cao thượng.

8. *Kinh Đoạn giảm* (P. *Sallekhasuttaṃ*, H. 斷減經) tương đương *Châu-na vấn kiến kinh.*[11] Đức Phật dạy phương pháp áp dụng chánh quán với trí tuệ để diệt trừ các quan điểm sai lầm về ngã luận và thế giới luận. Đồng thời, Ngài xác định rằng sự chứng đắc 4 thiền sắc giới và 4 thiền vô sắc giới chưa phải là thành quả đoạn trừ được phiền não lậu hoặc thật sự. Nhân đó, đức Phật đã dạy pháp môn chuyển nghiệp, pháp môn khởi tâm, pháp môn đối trị, pháp môn hướng thượng và pháp môn từ bỏ để giúp mọi người đạt được an vui và giải thoát.

---

[6] 求法經 (*T.*01. 0026.88. 0569c23). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.18.3. 0587c16).

[7] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.1. 0665b17).

[8] 穢品經 (*T.*01. 0026.87. 0566a13). Tham chiếu: *Cầu dục kinh* 求欲經 (*T.*01. 0049. 0839a05); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.25.6. 0632a20).

[9] 願經 (*T.*01. 0026.105. 0595c11).

[10] 水淨梵志經 (*T.*01. 0026.93. 0575a19). Tham chiếu: *Phạm chí Kế Thủy Tịnh kinh* 梵志計水淨經 (*T.*01. 0051. 0843c13); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1185. 0321a24); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.98. 0408b25); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.13.5. 0573c01).

[11] 周那問見經 (*T.*01. 0026.91. 0573b13). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.47.9. 0784a06).

9. ***Kinh Chánh tri kiến*** (P. *Sammādiṭṭhisuttaṃ,* H. 正見經).[12] Qua bài kinh này, Ngài Sāriputta đã giới thiệu 16 phương diện tiêu biểu của chánh kiến, cái nhìn phù hợp với bản chất của sự vật đang là đặt trên nền tảng của nguyên lý 4 chân lý Thánh và 12 nhân duyên. Nhờ có chánh kiến, con người nhổ lên gốc rễ của các khuynh hướng tham ái, sân hận và si mê, vốn nhấn chìm họ trong đau khổ và hệ lụy.

10. ***Kinh Niệm xứ*** (P. *Satipaṭṭhānasuttaṃ*, H. 念處經) tương đương *Niệm xứ kinh.*[13] Đức Phật khẳng định có một con đường thẳng tắt, trực tiếp có khả năng làm cho chúng sinh trở nên thanh tịnh, chứng đắc được Niết-bàn, tháo gỡ tất cả lòng tham đắm, cố chấp và khổ đau trên đời. Đó là 4 pháp quán niệm về thân thể, cảm xúc, tâm tưởng và đối tượng tâm tưởng như chúng đang là.

11. ***Tiểu kinh Sư tử hống*** (P. *Cūḷasīhanādasuttaṃ*, H. 狮子吼小經) tương đương *Sư tử hống kinh.*[14] Đức Phật khẳng định chỉ trong giáo pháp và giới luật của Phật mới có khả năng tạo ra 4 Thánh quả Sa-môn, vì đạo Phật dạy phương pháp buông bỏ chấp thủ, trong khi các học thuyết khác thì không. Đây là điểm khác biệt giữa đạo Phật và các tôn giáo khác.

12. ***Đại kinh Sư tử hống*** (P. *Mahāsīhanādasuttaṃ*, H. 狮子吼大經).[15] Nhân sự kiện một Tỳ-kheo hoàn tục do không thấy được sự siêu tuyệt của đức Phật, bài kinh đã giới thiệu một cách sơ lược về các đặc điểm của Phật, theo đó, Ngài có thể rống tiếng rống sư tử trong các hội chúng. Chính các đặc điểm này đã làm đảo lộn (lông tóc dựng ngược) mọi quan điểm sai lầm về Phật và Phật giáo.

13. ***Đại kinh Khổ uẩn*** (P. *Mahādukkhakkhandhasuttaṃ,* H. 苦蘊大經) tương đương *Khổ ấm kinh.*[16] Đức Phật đã phân tích một cách súc tích "vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly" đối với 3 yếu tố dẫn đến khổ đau là dục tham, sắc đẹp và cảm xúc. Sự tuệ tri bản chất của 3 giai đoạn tâm lý vừa nêu đối với dục, sắc và cảm xúc sẽ giúp cho hành giả nhổ lên gốc rễ khổ đau. Đây chính là một trong những điểm đặc thù của đạo Phật so với các tôn giáo khác.

14. ***Tiểu kinh Khổ uẩn*** (P. *Cūḷadukkhakkhandhasuttaṃ,* H. 苦蘊小經) tương đương *Khổ ấm kinh.*[17] Đức Phật xác quyết rằng dục là thủ phạm tạo ra khuynh

---

[12] Tham chiếu: 大拘絺羅經 (*T.*01. 0026.29. 0461b22); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.344. 0094b02); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.5. 0797b14).

[13] 念處經 (*T.*01. 0026.98. 0582b07). Tham chiếu: *D.* 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại Niệm xứ*); Tham chiếu: *Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T.*01. 0026.31. 0467a28); *Niệm thân kinh* 念身經 (*T.*01. 0026.81. 0554c10); *Tứ đế kinh* 四諦經 (*T.*01. 0032. 0814b08); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.1. 0568a01).

[14] 狮子吼經 (*T.*01. 0026.103. 0590b05). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.27.2. 0643c02).

[15] Tham chiếu: *A.*10.21, *Sīhanādasuttaṃ* (*Kinh Sư tử hống*); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.684. 0186b26); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.8. 0670c02); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.46.4. 0776b14); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.50.6. 0811a29); *Phật thuyết Thân mao hỷ thọ kinh* 佛說身毛喜豎經 (*T.*17. 0757. 0591c11); *Tín giải trí lực kinh* 信解智力經 (*T.*17. 0802. 0747a19).

[16] 苦陰經 (*T.*01. 0026.99. 0584c08). Tham chiếu: *Khổ ấm kinh* 苦陰經 (*T.*01. 0053. 0846c05); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125. 21.9. 0604c07).

[17] 苦陰經 (*T.*01. 0026.100. 0586b02). Tham chiếu: *Thích Ma-nam bổn tứ tử kinh* 釋摩男本四子經 (*T.*01. 0054. 0848b03); *Khổ ấm nhân sự kinh* 苦陰因事經 (*T.*01. 0055. 0849b23); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.41.1. 0744a02).

hướng và chất chứa tàn dư của các tâm lý tham, sân và si. Cũng chính vì thái độ hưởng thụ dục lạc mà phần lớn con người chọn đời sống tại gia, chấp nhận các giá trị hạnh phúc tương đối. Đồng thời, đức Phật phủ định phương pháp tu hành ép xác của Kỳ-na giáo không phải là giải pháp dứt dục. Chuyển hóa khổ đau phải được thực hiện bằng sự hành trì trung đạo.

15. ***Kinh Tư lượng*** (P. *Anumānasuttaṃ*, H. 思量經) tương đương *Tỷ-kheo thỉnh kinh.*[18] Ngài Mahāmoggallāna phân tích về các nguyên nhân tâm lý dẫn đến tình trạng một người trở nên khó lắng nghe và không được người khác tín nhiệm. Đồng thời, Ngài khẳng định khi chuyển hóa các tâm lý tiêu cực đó, người ấy sẽ trở thành người có nhân cách cao thượng.

16. ***Kinh Tâm hoang vu*** (P. *Cetokhilasuttaṃ*, H. 心荒蕪經) tương đương *Tâm uế kinh.*[19] Do tâm hoang vu, con người đánh mất chánh tín vào Phật, Pháp, Tăng, đạo đức, nên dễ phẫn nộ và bị trói buộc bởi tham ái dục, tham ái tự thân, tham ái sắc pháp, tham ái hưởng thụ, tham ái cõi trời. Để vượt qua, con người cần tu tập thiền định, tinh tấn không ngừng như gà con đập thủng vỏ trứng, đạt thành quả giác ngộ.

17. ***Kinh Khu rừng*** (P. *Vanapatthasuttaṃ*, H. 林藪經) tương đương *Lâm kinh.*[20] Đức Phật xác định tầm quan trọng của môi trường sinh sống và đối tượng giao tế đối với đời sống đạo đức, tâm linh của các hành giả. Các trú xứ và thân cận xứ nào có thể làm lớn mạnh đời sống tâm linh, hành giả nên an trụ để thăng tiến trên con đường tu tập. Ngược lại, hành giả nên mạnh dạn từ bỏ, dù nơi đó và nhân sự đó cung ứng cho ta nhiều giá trị vật chất.

18. ***Kinh Mật hoàn*** (P. *Madhupiṇḍikasuttaṃ*, H. 蜜丸經) tương đương *Mật hoàn dụ kinh.*[21] Thái độ tranh luận thường dựa trên quan điểm và học thuyết, không thể giải quyết các vấn nạn của nhân sinh và vũ trụ, ngược lại, trói buộc con người vào mạng lưới "tưởng ám ảnh." Từ đó, con người sống trong sự chi phối và trói buộc của tham dục, nghi ngờ, hối quá, tham trước đối với các pháp hiện hữu hoặc phi hiện hữu. Triết lý về nguồn gốc nhận thức quá súc tích này được Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên) giải thích thấu đáo: (i) Không tranh: Không ngã tưởng; (ii) Rời thế giới tranh: Bỏ các tuỳ miên xấu, không tranh luận với đời, không để căn trần thức bị tác động, bị chi phối.

19. ***Kinh Song tầm*** (P. *Dvedhāvitakkasuttaṃ*, H. 雙想經) tương đương *Niệm kinh.*[22] Đức Phật kể lại kinh nghiệm phân loại tư duy của Ngài và cách chuyển hóa chúng một cách có hiệu quả. Con đường chuyển hóa đó phát khởi

---

[18] 比丘請經 (*T.*01. 0026.89. 0571b29). Tham chiếu: *Thọ tuế kinh* 受歲經 (*T.*01. 0050. 0842b03).

[19] 心穢經 (*T.*01. 0026.206. 0780b15). Tham chiếu: *Thập thượng kinh* 十上經 (*T.*01. 0001.10. 0052c17); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.4. 0817a16).

[20] 林經 (*T.*01. 0026.107. 0596c25). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.3. 0771c17).

[21] 蜜丸喻經 (*T.*01. 0026.115. 0603b09). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.304. 0086c23); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.40.10. 0743a04).

[22] 念經 (*T.*01. 0026.102. 0589a11).

bằng thái độ thừa nhận tính cách hiện hữu của tư duy trong mối quan hệ giá trị đối với bản thân và tha nhân. Sự thừa nhận này giúp hành giả chuyển hóa tận gốc rễ các tư duy tiêu cực, đồng thời phát triển các tư duy tích cực.

20. *Kinh An trú tầm* (P. *Vitakkasaṇṭhānasuttaṃ*, H. 想念止息經) tương đương *Tăng thượng tâm kinh*.[23] Lắng dịu tư duy tiêu cực được đức Phật giới thiệu như là cách thức chuyển hóa, giúp tâm an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh, vượt khỏi mọi vướng mắc phiền não. Đức Phật đã giới thiệu 5 phương pháp chuyển hóa các tư duy tính dục, tư duy sân hận và tư duy hãm hại, giúp hành giả làm chủ tư duy, làm chủ được tâm.

21. *Kinh Ví dụ cái cưa* (P. *Kakacūpamasuttaṃ,* H. 鋸喻經) tương đương *Mâu-lê-phá-quần-na kinh*.[24] Đức Phật dạy rằng trong giao tế và ứng xử, dù trong tình huống nào, hành giả phải chế ngự khẩu nghiệp, vượt qua trạng thái bị xúc phạm, chuyển hóa lòng sân, phát ngôn bằng lời từ bi và tha thứ, không để tâm sân cưa nát mình.

22. *Kinh Ví dụ con rắn* (P. *Alagaddūpamasuttaṃ*, H. 蛇喻經) tương đương *A-lê-tra kinh*.[25] Thông qua bài kinh này, đức Phật xác quyết rằng quan điểm sai lầm cho rằng hưởng thụ tính dục không làm chướng ngại Thánh đạo có thể trở thành động cơ làm người xuất gia sống thế tục hóa. Bằng các ảnh dụ sinh động, đức Phật đã phân tích bản chất của Chánh pháp chỉ là phương tiện đưa người sang sông. Hiểu được điều này, hành giả chú tâm vào hành trì hơn là học pháp để thỏa mãn tri thức Phật học. Nhờ hành trì Chánh pháp, hành giả giải phóng được các quan niệm chấp ngã.

23. *Kinh Gò mối* (P. *Vammikasuttaṃ,* H. 蟻垤經). Tham chiếu: *Nghị dụ kinh*.[26] Với các ẩn dụ, đức Phật sánh ví thân 4 đại như gò mối ban đêm phun khói (nghĩa là những gì ban ngày làm, ban đêm quán chiếu lại), ban ngày chiếu sáng (nghĩa là những gì ban đêm quán chiếu, ban ngày thực hành trên thân, miệng, ý); trí tuệ như thanh gươm; tinh tấn như sự đào lên; vô minh như then cửa; phẫn nộ như con nhái; dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo cử, nghi hoặc như đồ lọc sữa; 5 thủ uẩn như con rùa; 5 dục như con dao phay; hỷ tham như cục thịt; người dứt lậu hoặc như con rắn hổ.

24. *Kinh Trạm xe* (P. *Rathavinītasuttaṃ*, H. 傳車經) tương đương *Thất xa kinh*.[27] Bài kinh giới thiệu cuộc đối thoại giữa tướng quân Chánh pháp Tôn giả Sāriputta, và nhà hoằng pháp vĩ đại Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta (Phú-lâu-na Mãn-từ tử), về ý nghĩa của "bước đi và đích đến" hay "phương tiện và cứu cánh." Niết-bàn là cứu cánh của tu tập, chỉ đạt được khi các bước phương tiện

---

[23] 增上心經 (*T.*01. 0026.101. 0588a03).

[24] 牟犁破群那經 (*T.*01. 0026.193. 0744a04). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.50.8. 0813c02).

[25] 阿黎吒經 (*T.*01. 0026.200. 0763b01). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.43.5. 0759c29).

[26] 蟻喻經 (*T.*01. 0095. 0918b21); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1079. 0282a22); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.18. 0379c03); *Tăng* 增 (*T.*02. 0125.39.9. 0733b12).

[27] 七車經 (*T.*01. 0026.9. 0429c28). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.39.10. 0733c28).

tu tập được thành tựu; tuy nhiên, dừng lại ở phương tiện của các pháp môn thì vĩnh viễn không đạt được cứu cánh.

25. ***Kinh Bẫy mồi*** (P. *Nivāpasuttaṃ*, H. 撒餌經) tương đương *Lạp sư kinh*.[28] Với ẩn dụ con nai, đức Phật mô tả con người sở dĩ bị khổ đau là do bị vướng dính vào các cái bẫy thế gian, đó là dính bẫy do hưởng thụ, dính bẫy do gặp nghịch cảnh mà không đủ sức vượt qua và dính bẫy do lòng tham lam. Để sống vô ngại, thong dong giữa đời, người tu tập cần đề cao chánh niệm, tỉnh thức, tu 4 thiền định để không bị vướng chấp bất kỳ điều gì trên đời.

26. ***Kinh Thánh cầu*** (P. *Ariyapariyesanāsuttaṃ,* H. 聖求經) tương đương *La-ma kinh*.[29] Đức Phật đã kể lại kinh nghiệm tìm cầu con đường tâm linh của bản thân và con đường chuyển hóa của Ngài trong 2 tháng đầu sau khi thành đạo. Thông qua đó, Ngài xác định con đường Thánh hóa bắt đầu bằng việc xả ly những gì thuộc về thế gian, thực tập các pháp thuộc tâm linh, để chuyển hóa bản thân và cuộc đời.

27. ***Tiểu kinh Dụ dấu chân voi*** (P. *Cūḷahatthipadopamasuttaṃ*, H. 象跡喻小經) tương đương *Tượng tích dụ kinh*.[30] Thông qua việc phân tích các dấu hiệu xác định đâu là vết tích của con voi lớn, bài kinh khuyên chúng ta không nên đánh giá sự thành công của đức Phật thông qua việc giáo hóa Sát-đế-ly, Bà-la-môn và gia chủ. Dấu ấn của bậc Giác Ngộ, bản chất giáo pháp của Ngài và đặc điểm Tăng đoàn, chỉ có thể được xác quyết thông qua kinh nghiệm tu tập và chứng nghiệm của bản thân.

28. ***Đại kinh Dụ dấu chân voi*** (P. *Mahāhatthipadopamasuttaṃ,* H. 象跡喻大經) tương đương *Tượng tích dụ kinh*.[31] Khởi đầu bằng cách xác định Bốn Thánh đế là trái tim Phật pháp, Tôn giả Sāriputta đã phân tích cách buông xả thái độ chấp trước 5 nhóm nhân thể bằng cách quán chiếu, dẫn đến chuyển hóa thái độ chấp trước 4 đại thuộc sắc uẩn, trên nền tảng tính tương thuộc.

29. ***Đại kinh Thí dụ lõi cây*** (P. *Mahāsāropamasuttaṃ*, H. 心材喻大經).[32] Trên con đường tìm cầu tâm linh, người xuất gia chân chính sẽ lần lượt đạt được các thành tựu. Nếu không biết cách chuyển hóa tâm lý hãnh diện, các thành tựu này nhanh chóng trở thành các cản lực, làm cho hành giả rơi vào phóng dật. Mục tiêu đời sống Phạm hạnh chính là chuyển hóa tâm lý hãnh diện trong những bước đi vừa thành tựu.

30. ***Tiểu kinh Thí dụ lõi cây*** (P. *Cūḷasāropamasuttaṃ*, H. 心材喻小經).[33] Trước sự kiện 6 đạo sĩ cùng thời đức Phật tự xưng là người đạt Nhất thiết trí,

---

[28] 獵師經 (*T.*01. 0026.178. 0718b23).

[29] 羅摩經 (*T.*01. 0026.204. 0775c07). Tham chiếu: *Bổn sự kinh* 本事經 (*T.*17. 0765.4. 0679b23).

[30] 象跡喻經 (*T.*01. 0026.146. 0656a14).

[31] 象跡喻經 (*T.*01. 0026.30. 0464b17).

[32] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.43.4. 0759a29).

[33] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.43.4. 0759a29).

đức Phật giảng ẩn dụ "lõi cây". Người tu cần đạt giá trị lõi cây, xuất gia với chánh tín và lý tưởng thoát khỏi sinh tử, có tinh thần phụng sự nhân sinh, không bị bệnh tự mãn, không khen mình chê người, thành tựu giới hạnh thanh cao, vượt lên trên danh vọng, lợi dưỡng, chứng đạt được 4 thiền, trí tuệ thù thắng, thành tựu hạnh Thánh.

31. ***Tiểu kinh Rừng sừng bò*** (P. *Cūḷagosiṅgasuttaṃ*, H. 牛角林小經) tương đương *Ngưu giác Sa-la lâm kinh*.[34] Từ gương hạnh sống hòa hợp như nước với sữa của 3 Tôn giả, Anuruddha, Nandiya và Kimbila, đức Phật xác định giá trị của đời sống hòa hợp, tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau trong sinh hoạt và Phật sự, sẽ mang lại hạnh phúc và an vui cho số đông.

32. ***Đại kinh Rừng sừng bò*** (P. *Mahāgosiṅgasuttaṃ,* H. 牛角林大經) tương đương *Ngưu giác Sa-la lâm kinh*.[35] Bài kinh ghi lại kinh nghiệm chia sẻ pháp môn hành trì của một số Tôn giả lớn thời Phật, liên hệ đến tiêu chí về hành giả chói sáng và pháp môn chói sáng nhất. Thông qua đó, đức Phật khẳng định, hành giả nhổ sạch gốc rễ các lậu hoặc mới xứng danh là người tu lý tưởng nhất. Pháp môn chói sáng nhất là pháp môn có khả năng chuyển hóa toàn bộ lậu hoặc, giúp cho người phàm chứng đắc Thánh quả.

33. ***Đại kinh Người chăn bò*** (P. *Mahāgopālakasuttaṃ*, H. 牧牛者大經).[36] Nhân sự kiện mô tả các yêu cầu của một người chăn bò thành công, đức Phật giới thiệu các đức hạnh cần thiết để giúp người tu chân chính được trưởng thành trong Phật pháp, gặt hái hạnh phúc và an vui, trở thành Đạo sư khai sáng cho đời.

34. ***Tiểu kinh Người chăn bò*** (P. *Cūḷagopālakasuttaṃ,* H. 牧牛者小經).[37] Nhân dịp mổ xẻ 2 tình huống chăn dắt đàn bò đúng phương pháp và sai phương pháp, đức Phật phân tích 2 nghệ thuật tu tập có hiệu quả của người huấn luyện tinh thần, thực hành theo Chánh pháp (tùy pháp hành) và thực hành theo chánh tín (tùy tín hành) nhằm đạt được sự chấm dứt 5 trói buộc thấp (gồm thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân) và 5 trói buộc cao (sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, trạo cử và vô minh).

35. ***Tiểu kinh Saccaka*** (P. *Cūḷasaccakasuttaṃ,* H. 薩遮迦小經).[38] Với thái độ cao ngạo, khoe khoang, lõa thể Saccaka cho rằng có thể đánh bại đức Phật trong cuộc tranh luận thách đố. Đức Phật bằng thuật vấn đáp đã phân tích cho ông ta thấy rằng bản ngã là đầu mối của khổ đau. Với cái nhìn vô ngã, các nỗi

---

[34] 牛角婆羅林經 (*T.*01. 0026.185. 0729b27). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.8. 0626b11)

[35] 牛角婆羅林經 (*T.*01. 0026.184. 0726c25). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.3. 0710c05); *Phật thuyết Tỳ-kheo các ngôn chí kinh* 佛說比丘各言志經 (*T.*03. 0154.16. 0080c26).

[36] Tham chiếu: *A.* 11. 18; *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1249. 0342c11); *Phật thuyết Phóng ngưu kinh* 佛說放牛經 (*T.*02. 0123. 0546a13); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.1. 0794a07).

[37] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.9-10. 0002a02-a12); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1248. 0342a22); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.43.6. 0761b14).

[38] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.110. 0035a17); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.10. 0715a28).

khổ niềm đau không còn chỗ bám víu vào thân thể, cảm xúc, tri giác, tâm tư và nhận thức.

36. *Đại kinh Saccaka* (P. *Mahāsaccakasuttaṃ*, H. 薩遮迦大經).[39] Sau khi quan sát các vị lõa thể, Saccaka cho rằng người tu thân sẽ đau khổ về thân và điên loạn tâm. Người tu tâm mà không tu thân cũng bị tương tự. Ông cho rằng đệ tử Phật thuộc nhóm hai. Nhân đó, đức Phật giải thích cách tu tập thân và tu tập tâm nhằm chuyển hóa khổ đau, đạt được giác ngộ trong đời.

37. *Tiểu kinh Đoạn tận ái* (P. *Cūḷataṇhāsaṅkhayasuttaṃ*, H. 愛盡小經).[40] Nhân dịp tình cờ nghe pháp thoại ngắn do đức Phật giảng cho Thiên chủ Sakka về cách chuyển hóa tính dục, vượt mọi khổ ách trong đời, Ngài Mahāmoggallāna giúp Thiên chủ Sakka nhận thức được rằng hạnh phúc ở cõi bụi hồng là tạm bợ, chứa đầy sợ hãi, từ đó, nên hướng đến hạnh phúc cao hơn của người xuất gia, vượt qua tính dục, trải nghiệm Niết-bàn an vui.

38. *Đại kinh Đoạn tận ái* (P. *Mahātaṇhāsaṅkhayasuttaṃ*, H. 愛盡大經) tương đương *Trà-đế kinh*.[41] Từ quan điểm sai lầm cho rằng thức luân chuyển qua các cõi luân hồi, không hề đổi khác, đức Phật đã phân tích về thuyết duyên khởi, giải thích về tính điều kiện, theo đó, nỗ lực chặt đứt tiến trình mắc xích khổ đau, đạt được sự giải thoát.

39. *Đại kinh Xóm ngựa* (P. *Mahāassapurasuttaṃ*, H. 馬邑大經) tương đương *Mã ấp kinh*.[42] Nhân dịp có mặt tại ấp Assapura của dân Aṅga (Ương-già) vốn xa lạ với Phật giáo, đức Phật phân tích bản chất và phẩm hạnh của người xuất gia và những phương pháp vượt qua tâm lý tự mãn với các thành quả tu tập.

40. *Tiểu kinh Xóm ngựa* (P. *Cūḷaassapurasuttaṃ*, H. 馬邑小經) tương đương *Mã ấp kinh*.[43] Tại ấp Assapura của dân chúng Aṅga, đức Phật dạy về nghệ thuật chánh danh và chánh hạnh của người xuất gia, để mang lại giá trị hạnh phúc trong tu tập và độ sanh. Chánh hạnh này không thể được đồng hóa đơn thuần với chủ nghĩa hình thức của người tu cũng như các phương pháp thực tập khổ hạnh ép xác sai lầm.

41. *Kinh Sāleyyaka* (P. *Sāleyyakasuttaṃ*, H. 薩羅村婆羅門經).[44] Nhân dịp các cư sĩ tại gia và đạo sĩ Bà-la-môn tại Kosala thăm hỏi đức Phật, Ngài giải thích về nhân quả, nghiệp báo và con đường đưa đến tái sanh ở các cảnh giới

[39] Tham chiếu: *A-ma-trú kinh* 阿摩晝經 (*T*.01. 0001.20. 0082a06); *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12); *Chủng đức kinh* 種德經 (*T*.01. 0001.22. 0094a18); *Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T*.01. 0026.101. 0588a03); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.8. 0670c02); *Phật thuyết Thân mao hỷ thọ kinh* 佛說身毛喜豎經 (*T*.17. 0757. 0591c11).

[40] Tham khảo: *Trưởng lão Thượng Tôn thùy miên kinh* 長老上尊睡眠經 (*T*.01. 0026.83. 0559b27); *Phật thuyết Ly thùy kinh* 佛說離睡經 (*T*.01. 0047. 0837a06); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.505. 0133b24); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.3. 0593c13).

[41] 嗏帝經 (*T*.01. 0026.201. 0766b28). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.304. 0086c23).

[42] 馬邑經 (*T*.01. 0026.182. 0724c17). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.8. 0801c14).

[43] 馬邑經 (*T*.01. 0026.183. 0725c16).

[44] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1042. 0272c18); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1043. 0273a28).

thấp và cảnh giới cao. Từ bỏ sát hại, trộm cắp, tà dâm, không nói vọng ngữ, lời bất hòa, lời thô ác, lời thị phi; không tham lam, không giận dữ, không si mê là cách sống hạnh phúc.

42. *Kinh Verañjaka* (P. *Verañjakasuttaṃ*, H. 鞞蘭若村婆羅門經).[45] Nội dung bài kinh giống với kinh 41, chỉ khác nhau về đối tượng là các gia chủ Bà-la-môn ở Verañjā và địa điểm giảng kinh là tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

43. *Đại kinh Phương quảng* (P. *Mahāvedallasuttaṃ*, H. 有明大經) tương đương *Đại Câu-hy-la kinh*.[46] Tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika, Jetavana, Sāvatthi, Tôn giả Sāriputta (vị Trí tuệ đệ nhất) và Tôn giả Mahākoṭṭhita (vị Phân tích lý luận đệ nhất), luận đàm về các pháp vi tế: Liệt tuệ và trí tuệ; sự khác nhau giữa tuệ tri và thức tri; thọ hành và quan hệ giữa thức, tưởng, thọ; 5 căn và ý thức biệt lập của chúng; các duyên cho chánh tri kiến; có bao nhiêu hữu; chết và tái sinh; 4 thiền; 4 tâm giải thoát.

44. *Tiểu kinh Phương quảng* (P. *Cūḷavedallasuttaṃ*, H. 有明小經) tương đương *Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni kinh*.[47] Tại Kalandakanivāpa, Veḷuvana, Rājagaha, Ni sư Dhammadinnā (Vị Thuyết pháp đệ nhất trong Ni đoàn) đã giải thích cho cư sĩ Visākha (trước đây là chồng của Ni sư) về các quan điểm: Tự thân, thủ và uẩn, thân kiến, 8 Thánh đạo và 3 uẩn, định, định tướng, định tư cụ và định tu tập, 3 hành, nhập và xuất Diệt thọ tưởng định, 3 thọ, minh và vô minh, giải thoát và Niết-bàn.

45. *Tiểu kinh Pháp hành* (P. *Cūḷadhammasamādānasuttaṃ*, H. 得法小經) tương đương *Thọ pháp kinh*.[48] Kinh này kêu gọi mọi người trở thành loại thứ 4 trong 4 lối sống tạo ra hạnh phúc và khổ đau: (i) Hiện tại hạnh phúc, tương lai khổ; (ii) Hiện tại khổ, tương lai cũng khổ; (iii) Hiện tại khổ, tương lai hạnh phúc; (iv) Hiện tại hạnh phúc, tương lai hạnh phúc. Đó là người hạnh phúc ở hiện tại nhờ nỗ lực vượt qua tham ái, sân hận, si mê, tu 4 cấp thiền định, đạt được trí tuệ và tiếp tục hạnh phúc ở kiếp sau.

46. *Đại kinh Pháp hành* (P. *Mahādhammasamādānasuttaṃ*, H. 得法大經) tương đương *Thọ pháp kinh*.[49] Chi tiết hơn kinh 45, trong 4 lối sống: (i) Hiện tại khổ, tương lai khổ; (ii) Hiện tại khổ, tương lai hạnh phúc; (iii) Hiện tại hạnh phúc, tương lai khổ; (iv) Hiện tại hạnh phúc, tương lai hạnh phúc. Đức Phật khích lệ lối sống "hạnh phúc hiện tại và tương lai" bằng cách từ bỏ các hành động xấu ác: Giết hại, trộm cắp, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói chia rẽ, nói thô ác, nói phù phiếm, tham lam, giận dữ, tà kiến. Đồng thời, tu thiền định, phát triển trí tuệ, nhờ đó, người đó trở nên hữu ích và giá trị trong đời.

---

[45] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1042. 0272c18); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1043. 0273a28).

[46] 大拘稀羅經 (*T.*01. 0026.211. 0790b08).

[47] 法樂比丘尼經 (*T.*01. 0026.210. 0788a14). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.568. 0150a17).

[48] 受法經 (*T.*01. 0026.174. 0711b17).

[49] 受法經 (*T.*01. 0026.175. 0712c04). Tham chiếu: *Ứng pháp kinh* 應法經 (*T.*01. 0083. 0902b04).

47. *Kinh Tư sát* (P. *Vīmaṃsakasuttaṃ*, H. 思察經) tương đương *Cầu giải kinh*.[50] Bằng cách quan sát, có thể nhận biết tập tánh (*cetopariyāyaṃ*) của bậc Chân nhân, Thánh nhân như sau: (i) Không bị ô nhiễm do thấy, nghe trong thời gian dài; (ii) Không bị thoái chuyển khi đã nổi tiếng; (iii) Với tâm không sợ hãi, từ bỏ những điều xấu ác; (iv) Vượt qua tham ái; (v) Có đạo đức và trí tuệ. Phật tử tại gia nên nương tựa các bậc Chân nhân để tu học Phật pháp.

48. *Kinh Kosambiya* (P. *Kosambiyasuttaṃ*, H. 憍賞彌經).[51] Để vượt qua các bất hạnh do lối sống bất hòa, tranh chấp, hơn thua, đức Phật hướng dẫn 6 kỹ năng từ bi và tương kính, tương ái đối với bạn đồng Phạm hạnh, cộng sự, trước mặt và sau lưng: (i) Thân hành từ bi; (ii) Khẩu hành từ bi; (iii) Ý hành từ bi; (iv) Chia sẻ phẩm vật cúng dường; (v) Giữ giới hạnh thanh tịnh, không tỳ vết; (vi) Có chánh tri kiến. Đức Phật phân tích lợi ích của chánh tri kiến có khả năng hướng thượng, kết thúc khổ đau, chứng đắc Thánh quả.

49. *Kinh Phạm thiên cầu thỉnh* (P. *Brahmanimantanikasuttaṃ*, H. 梵天請經) tương đương *Phạm thiên thỉnh Phật kinh*.[52] Cuộc đối thoại thú vị giữa đức Phật, Thiên chủ Baka và Ác ma. Ác ma cho rằng Baka là đấng Sáng thế. Baka biểu diễn thần thông, cho rằng cõi trời của Ông là thiên đường vĩnh hằng. Đức Phật lần lượt phân tích các sai lầm của Baka và Ác ma. Đức Phật hướng dẫn mọi người thực tập Chánh pháp, chuyển hóa phiền não, vượt qua khổ đau.

50. *Kinh Hàng ma* (P. *Māratajjanīyasuttaṃ*, H. 魔訶責經) tương đương *Hàng ma kinh*.[53] Tôn giả Mahāmoggallāna điều phục Ác ma đang quấy nhiễu Ngài bằng cách kể cho Ác ma nghe câu chuyện tương tự xảy ra ở kiếp quá khứ đối với Tôn giả Vidhura và Tôn giả Sañjīva, đệ tử của đức Phật Kakusandha (Câu-lưu-tôn). Thực tập tâm từ bi, không chấp lỗi và tha thứ, 2 vị Tôn giả đã thoát khỏi ma nghiệp. Do nghiệp ác, Ác ma vẫn bị đọa lạc.

51. *Kinh Kandaraka* (P. *Kandarakasuttaṃ*, H. 乾達羅迦經).[54] Phật phân tích 4 hạng người: (i) Người tự làm khổ mình qua cách tu khổ hạnh; (ii) Người làm khổ người khác qua nghề tà, nghiệp xấu; (iii) Người vừa tự làm khổ mình vừa làm khổ người khác do phi đạo đức và phạm pháp; (iv) Người mang hạnh phúc cho mình và người khác do lối sống thánh thiện. Đề cao loại người thứ tư, đức Phật khích lệ từ bỏ các nghiệp ác của thân, lời, làm chủ các giác quan, tu tập 4 niệm xứ, chứng đắc 4 thiền và 3 minh, trở thành bậc Chân nhân và Thánh nhân.

---

[50] 求解經 (*T.*01. 0026.186. 0731a29).

[51] Tham chiếu: *J.* 428; *Vin.* I. 338ff; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.8. 0626b11); *Ngũ phần luật* 五分律 (*T.*22. 1421.24. 0158c07); *Tứ phần luật* 四分律 (*T.*22. 1428.43. 0874c08).

[52] 梵天請佛經 (*T.*01. 0026.78. 0547a09).

[53] 降魔經 (*T.*01. 0026.131. 0620b07). Tham chiếu: *Phật thuyết Ma nhiễu loạn kinh* 佛說魔嬈亂經 (*T.*01. 0066. 0864b02); *Tệ ma thí Mục-liên kinh* 弊魔試目連經 (*T.*01. 0067. 0867a02).

[54] Tham chiếu: *A.* IV. 198, *Attantapasuttaṃ*.

52. ***Kinh Bát thành*** (P. *Aṭṭhakanāgarasuttaṃ*, H. 八城經) tương đương *Bát thành kinh*.[55] Tôn giả Ānanda nương lời Phật dạy, hướng dẫn tu tập 11 cửa bất tử, nhằm đạt được an lạc giải thoát trong hiện đời gồm 4 thiền (hỷ lạc do lìa tham ái, hỷ lạc do định, diệu lạc do bỏ hỷ, xả niệm thanh tịnh), 4 Phạm trú (từ, bi, hỷ, xả) và 3 thiền vô sắc (Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ).

53. ***Kinh Hữu học*** (P. *Sekhasuttaṃ,* H. 有學經). Thay lời đức Phật, Tôn giả Ānanda giới thiệu các hạnh tu của bậc Hữu học, khích lệ mọi người tu học, kết thúc khổ đau, chứng đạt Thánh quả gồm: (i) Giới hạnh; (ii) Làm chủ 6 giác quan; (iii) Tiết độ trong tiêu thụ; (iv) Chánh niệm trong các oai nghi; (v) Tu 7 diệu pháp (tín, tàm, quý, tấn, văn, niệm, tuệ); (vi) Chứng 4 thiền.

54. ***Kinh Potaliya*** (P. *Potaliyasuttaṃ*, H. 哺多利經) tương đương *Bô-lợi-đa kinh*.[56] Đức Phật dạy kỹ năng chấm dứt nghiệp và thói phàm phu gồm sát hại, trộm cắp, nói láo, tham lam, giận dữ, phỉ báng, phẫn nộ, cao ngạo; nhờ đó, con người được hạnh phúc và thành công. Đồng thời, người tu tập thấy rõ tác hại của ái dục như khúc xương, miếng thịt, cầm đuốc đi ngược gió, hố than hừng, cơn mộng, vật mượn và như cây có nhiều quả chín để không bị nhiễm đắm vào dục.

55. ***Kinh Jīvaka*** (P. *Jīvakasuttaṃ*, H. 耆婆迦經). Đức Phật giải thích lợi ích của đạo đức và nguyên nhân không nên ăn thịt động vật. Ba trường hợp thịt thanh tịnh thì ăn được: (i) Không thấy cảnh con vật đang bị giết; (ii) Không nghe tiếng kêu của con vật đang bị giết; (iii) Không có hoài nghi về con vật ấy chết vì mình. Đồng thời, đức Phật khuyên mọi người phát triển tâm từ bi, thương yêu con người, động vật và bảo vệ môi trường.

56. ***Kinh Ưu-ba-ly*** (P. *Upālisuttaṃ,* H. 優婆離經) tương đương *Ưu-bà-ly kinh*.[57] Sau khi luận chiến với đức Phật, cư sĩ Upāli, đại diện phái tu Lõa thể, đã nhận Phật làm thầy. Qua đối thoại, đức Phật khẳng định vai trò quan trọng của ý nghiệp đối với hành vi, và thay vào đó, nên tu Tứ Thánh đế, kết thúc khổ đau.

57. ***Kinh Hạnh con chó*** (P. *Kukkuravatikasuttaṃ*, H. 狗行者經).[58] Sau khi khẳng định pháp tu hạnh con chó và hạnh con bò làm người tu khổ hạnh đầu thai làm chó, làm bò, bị đọa lạc khổ đau, đức Phật phân tích 4 loại nghiệp và quả báo: (i) Nghiệp đen, quả báo đen; (ii) Nghiệp trắng, quả báo trắng; (iii) Nghiệp nửa đen nửa trắng, quả báo nửa đen nửa trắng; (iv) Nghiệp không đen không trắng, quả bảo không đen không trắng. Phật khuyên mọi người tu nghiệp trắng, tức sống đời đạo đức thanh cao để đạt hạnh phúc và thành công.

---

[55] 八城經 (*T*.01. 0026.217. 0802a11). Tham chiếu: *Thập chi cư sĩ bát thành nhân kinh* 十支居士八城人經 (*T*.01. 0092. 0916a17).

[56] 哺利多經 (*T*.01. 0026.203. 0773a02)

[57] 優婆離經 (*T*.01. 0026.133. 0628a18).

[58] Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.7. 0393c09).

58. ***Kinh Vương tử Vô Úy*** (P. *Abhayarājakumārasuttaṃ*, H. 無畏王子經).[59] Đại diện đạo Lõa thể, Vương tử Vô Úy gài bẫy đức Phật phải trả lời "có" hoặc "không" hầu bắt bí Ngài. Đức Phật dạy kỹ năng tháo mở móc câu trong cổ, và khẳng định rằng Ngài thuyết pháp, truyền thông và đối đáp đều mang tính chân lý, hướng đến mục đích cao quý, bất luận người nghe có thích hay không thích.

59. ***Kinh Nhiều cảm thọ*** (P. *Bahuvedanīyasuttaṃ*, H. 多受經).[60] Để giúp mọi người dừng sự tranh cãi về phân loại cảm thọ là 2 hay 3, đức Phật giải thích rằng tùy tình huống, cảm thọ có thể phân loại: 2 thọ, 3, 5, 6, 18, 36 và 108 thọ. Nhân đó, đức Phật phân tích các cấp độ cảm giác hạnh phúc, thấp nhất là khoái lạc giác quan, cao hơn là hạnh phúc trong thiền định và cao nhất là Niết-bàn.

60. ***Kinh Không gì chuyển hướng*** (P. *Apaṇṇakasuttaṃ*, H. 無戲論經).[61] Đức Phật phân tích tác hại của 5 tà thuyết đương thời, gồm (i) Hư vô luận; (ii) Thuyết không có đời sau; (iii) Thuyết không có quả báo sau khi chết; (iv) Thuyết định mệnh; (v) Thuyết không có các cõi vô sắc. Theo đó, đức Phật khuyên dù chủ trương điều gì, đi theo học thuyết nào, cũng không nên làm khổ bản thân và làm khổ tha nhân; nên sống đạo đức, dứt các trói buộc tâm, tu thiền định để chứng đắc trí tuệ, giải phóng khổ đau.

61. ***Kinh Giáo giới La-hầu-la ở rừng Am-bà-la*** (P. *Ambalaṭṭhikārāhulovāda-suttaṃ*, H. 菴婆蘗林教誡羅睺羅經) tương đương *La-vân kinh*.[62] Để giúp chú tiểu La-hầu-la thấy sự nguy hiểm của lời nói dối, đức Phật dùng ảnh dụ "chậu nước" nói về sự mất giá trị, nếu đánh mất sự chân thật, trung thực. Người nói dối như con voi lâm trận, sẵn sàng thí mạng sống mà không tiếc. Người tu hành phải thường xuyên soi gương nhân cách, biết phản tỉnh, sám hối, chừa bỏ, chuyển nghiệp để trở nên cao quý và lợi ích cho nhiều người.

62. ***Đại kinh Giáo giới La-hầu-la*** (P. *Mahārāhulovādasuttaṃ,* H. 教誡羅睺羅大經).[63] Đức Phật dạy Tôn giả La-hầu-la cách quán sắc pháp và 5 uẩn không phải là tôi, tự ngã của tôi và sở hữu của tôi. Đồng thời, Ngài hướng dẫn cách tu thiền quán 4 đại, từ, bi, hỷ, xả, bất tịnh, vô thường, niệm hơi thở để vượt qua nghiệp phàm, đạt được giác ngộ và giải thoát.

63. ***Tiểu kinh Māluṅkya*** (P. *Cūḷamāluṅkyasuttaṃ,* H. 摩羅迦小經) tương

---

[59] Tham chiếu: *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T.*25. 1509.35. 0321b15); *Thập trụ Tỳ-bà-sa luận* 十住毘婆沙論 (*T.*26. 1521.11. 0079b01).

[60] Tham chiếu: *S.* 36. 19; *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.485. 0123c21).

[61] Không có kinh tương đương.

[62] 羅云經 (*T.*01. 0026.14. 0436a12). Tham chiếu: *Pháp cú thí dụ kinh*, *Tượng phẩm* 法句譬喻經象品 (*T.*04. 0211.31. 0599c20); *Xuất diệu kinh*, *Lợi dưỡng phẩm* 出曜經利養品 (*T.*04. 0212.14. 0678b05); *Căn Bản Thuyết Nhất Thuyết Hữu Bộ Tỳ-nại-da* 根本說一切有部毘奈耶 (*T.*23. 1442.24. 0760b16); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T.*25. 1509.13. 0158a29).

[63] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.803. 0206a14); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.815. 0209b15); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (*T.*02. 0101.15. 0497a02); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.17.1. 0581c01).

đương *Tiễn dụ kinh.*[64] Nhân dịp Māluṅkyaputta định hoàn tục do đức Phật không giải thích các vấn đề siêu hình, đức Phật dạy về tính trị liệu thực tiễn của Phật pháp. Cũng như nạn nhân cần thiết, khẩn cấp nhổ mũi tên độc ra khỏi cơ thể, người tu tập cần nhổ gốc khổ đau và sinh tử; thực hành Tứ Thánh đế, giải phóng khổ đau, đạt được an tịnh, trí tuệ, giác ngộ và chứng Niết-bàn.

64. *Đại kinh Māluṅkya* (P. *Mahāmāluṅkyasuttaṃ*, H. 摩羅迦大經) tương đương *Ngũ hạ phần kiết kinh.*[65] Đức Phật khuyên mọi người tinh tấn chặt đứt 5 trói buộc thấp, gồm thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục và sân để giải phóng khổ đau, chứng đắc quả Thánh. Cũng như cách lấy lõi cây, người tu cần nghe giảng pháp, quán 5 uẩn vô thường, làm chủ giác quan, tu tập 4 thiền định, phát triển trí tuệ.

65. *Kinh Bhaddāli* (P. *Bhaddālisuttaṃ*, H. 跋陀利經) tương đương *Bạt-đà-hòa-lợi kinh.*[66] Nhân dịp nhắc nhở một Tăng sĩ ương ngạnh không giữ được giới "ăn một lần trước ngọ", đức Phật khuyên mọi người phải tuân thủ giới hạnh thanh cao; không tránh né, không bất mãn, không chống đối khi được nhắc nhở; khi có tội và bị cử tội nên phát lồ sám hối, nỗ lực chuyển nghiệp; siêng tu thiền định, khai mở trí tuệ để chứng đắc các quả Thánh.

66. *Kinh Ví dụ con chim cáy* (P. *Laṭukikopamasuttaṃ*, H. 鶉喻經) tương đương *Ca-lâu Ô-đà-di kinh.*[67] Nhân dịp nói về tác hại của việc không giữ giới ăn một lần trước ngọ, đức Phật khuyên không nên xem thường các lỗi nhỏ nhặt. Vi phạm giới hạnh cũng như con chim cáy nhỏ có thể chết vì vướng lưới dây leo mong manh, hoặc như voi lớn có thể chết khi bị trói bằng dây da. Người xuất gia cần chuyển hóa nghiệp phàm, từ bỏ các trói buộc và chấp thủ, siêng tu thiền định để chứng đắc thiền lạc và chánh giác lạc.

67. *Kinh Cātumā* (P. *Cātumāsuttaṃ*, H. 車頭聚落經).[68] Như người xuống nước sợ sóng, cá sấu, nước xoáy, cá dữ; đức Phật dạy rằng người tu bị thất bại, hoàn tục là do: (i) Bệnh tự ái, vì người dạy nhỏ tuổi hơn, như sóng dữ; (ii) Thèm ăn ngon và phi thời, như cá sấu; (iii) Tiếc không hưởng thụ được 5 dục lạc, như nước xoáy; (iv) Bị dục tình phá hoại, không phòng hộ các giác quan, như cá dữ. Đức Phật cũng khuyến khích tứ chúng cần noi gương Tôn giả Sāriputta và Mahāmoggallāna sống an lạc trong hiện tại.

68. *Kinh Naḷakapāna* (P. *Naḷakapānasuttaṃ*, H. 那羅伽波寧村經) tương đương *Sa-kê-đế tam tộc tánh tử kinh.*[69] Đức Phật khen ngợi và khích lệ những

---

[64] 箭喻經 (*T.*01. 0026.221. 0804a21). Tham chiếu: *Tiễn dụ đại kinh* 箭喻大經 (*T.*01. 0094. 0917b13); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T.*25. 1509.15. 0170a08)..

[65] 五下分結經 (*T.*01. 0026.205. 0778c09).

[66] 跋陀和利經 (*T.*01. 0026.194. 0746b18). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.7. 0800b27).

[67] 迦樓烏陀夷經 (*T.*01. 0026.192. 0740c15). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.7. 0800b27).

[68] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.2. 0770c13); *Xá-lợi-phất Ma-ha Mục-kiền-liên du tứ cù kinh* 舍利弗摩訶目犍連遊四衢經 (*T.*02. 0137. 0860a18).

[69] 娑雞帝三族姓子經 (T.01. 0026.77. 0544b21).

người đi tu vì lý tưởng cao quý, giữ giới hạnh, tu thiền định, đạt trí tuệ, nhằm giải phóng khổ đau của bản thân và mang lại hạnh phúc cho tha nhân. Đức Phật xác quyết rằng chỉ vì muốn mang lại lợi ích cho con người, đức Phật nói về cảnh giới tái sanh lành của Tăng Ni và Phật tử sau khi qua đời.

69. *Kinh Goliyāni* (P. *Goliyānisuttaṃ*, H. 瞿尼師經) tương đương *Cù-ni-sư kinh*.[70] Tôn giả Sāriputta dạy 17 yếu tố giúp người tu ở rừng hay thành thị trở thành bậc Chân nhân và Thánh nhân, gồm: (i) Tôn trọng đồng tu; (ii) Khiêm tốn và nhường nhịn; (iii) Không vào làng quá sớm, không trở về quá muộn; (iv) Không đến gia đình trước và sau buổi ăn; (v) Không dao động thân; (vi) Không nhiều chuyện; (vii) Làm người bạn tốt, dễ góp ý; (viii) Hộ trì các giác quan; (ix) Tiết độ trong ăn uống; (x) Chú tâm; (xi) Tu tinh cần, tinh tấn; (xii) Chánh niệm, tỉnh giác; (xiii) Tu thiền định; (xiv) Có trí tuệ; (xv) Tu Thắng pháp, Thắng luật; (xvi) Tu Tịch tịnh giải thoát; (xvii) Tu pháp Thượng nhân.

70. *Kinh Kīṭāgiri* (P. *Kīṭāgirisuttaṃ*, H. 枳吒山邑經) tương đương *A-thấp-bối kinh*.[71] Nhân dịp nói về lợi ích của việc không ăn phi thời, đức Phật khuyên người tu nên tinh tấn tu học và an trú vào hạnh phúc do dứt các pháp bất thiện. Nhờ đó, người tu tập chứng quả Thánh bằng 7 cách: (i) Câu phần giải thoát; (ii) Tuệ giải thoát; (iii) Thân chứng; (iv) Kiến đáo; (v) Tín giải thoát; (vi) Tùy pháp hành; (vii) Tùy tín hành.

71. *Kinh Ba minh Vacchagotta* (P. *Tevijjavacchagottasuttaṃ*, H. 婆蹉衢多三明經).[72] Đức Phật cho rằng những gì mà Ngài đạt được, thực chất là 3 tuệ giác (Tam minh) gồm tuệ giác quá khứ của bản thân, tuệ giác về tái sinh của hữu tình và tuệ giác về sự chấm dứt khổ đau trong hiện tại. Đồng thời, đức Phật khẳng định trí "biết hết mọi thứ" (nhất thiết trí) trong lúc thức và lúc ngủ (nếu không có tác ý hướng tâm đến đối tượng) là không có thật. Giải thoát, theo đức Phật, thực chất là giải thoát tâm khỏi trói buộc (tâm giải thoát) và giải thoát bằng trí tuệ (tuệ giải thoát).

72. *Kinh Aggivacchagotta* (P. *Aggivacchagottasuttaṃ,* H. 婆蹉衢多火[喻]經).[73] Đức Phật chủ trương không mất thời gian trả lời các câu hỏi siêu hình, các câu chuyện hý luận. Để đạt được sự ly tham, giác ngộ và giải thoát, đức Phật hướng dẫn kỹ năng vượt qua các ảo tưởng về ngã, ngã sở hữu, ngã tùy miên đối với bản thân và mọi sự vật trên đời. Bậc Giác ngộ sau khi chết cũng như hiện tượng củi hết, lửa tắt, không thể truy tìm được hướng đi.

73. *Đại kinh Vacchagotta* (P. *Mahāvacchagottasuttaṃ*, H. 婆蹉衢多大經).[74] Nhờ lắng nghe đức Phật truy nguyên nguồn gốc của khổ đau từ tham ái, giận dữ,

[70] 瞿尼師經 (*T.*01. 0026.26. 0454c24).

[71] 阿濕貝經 (*T.*01. 0026.195. 0749c01).

[72] Có nội dung gần giống với *M.* 72.

[73] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.962. 0245b26); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.196. 0444c29).

[74] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.964. 0246b12); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.198. 0446a11).

si mê và khích lệ từ bỏ 10 nghiệp bất thiện (giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói láo, nói chia rẽ, nói thô ác, nói phù phiếm, tham, sân, tà kiến), du sĩ Vacchagotta trở thành Tăng sĩ, tu tập chân chánh, chứng đắc Thánh quả.

74. *Kinh Trường Trảo* (P. *Dīghanakhasuttaṃ*, H. 長爪經).[75] Chứng minh tác hại từ thuyết Hoài nghi của ngoại đạo Trường Trảo, đức Phật hướng dẫn quán vô ngã đối với thân (từ tinh cha, trứng mẹ, được phối hợp bởi đất, nước, lửa, gió). Thân và 3 loại cảm xúc khổ đau, hạnh phúc, trung tính đều bị vô thường chi phối, bị đoạn diệt, bị hủy hoại; cũng là vô ngã và bị vô thường chi phối. Để giải thoát, không nên chấp thủ thân, cảm xúc; không chấp thủ danh từ và mọi thứ trên đời.

75. *Kinh Māgaṇḍiya* (P. *Māgaṇḍiyasuttaṃ*, H. 摩犍提經) tương đương *Tu-nhàn-đề kinh*.[76] Phân tích sự nguy hiểm và tác hại của thuyết hưởng lạc đối với 5 dục lạc, đức Phật giải thích giá trị của hạnh phúc do tu thiền (thiền lạc). Bằng ảnh dụ “hạnh phúc cõi trời cao hơn hạnh phúc cõi người” và “sự đỡ ngứa do cào vết thương”, đức Phật khẳng định dục lạc sẽ thiêu đốt con người trong bất hạnh về lâu dài. Tu 4 cấp thiền định giúp con người trải nghiệm hạnh phúc sâu lắng, kết thúc khổ đau.

76. *Kinh Sandaka* (P. *Sandakasuttaṃ*, H. 刪陀迦經).[77] Dựa vào lời đức Phật, Tôn giả Ānanda bác bỏ 4 tà thuyết: (i) Thuyết vô hành; (ii) Thuyết vô nhân quả; (iii) Thuyết định mệnh; (iv) Thuyết luân hồi tịnh hóa. Đồng thời, nói rõ tác hại của 4 thuyết bất an: (i) Ngụy biện về toàn trí; (ii) Xem truyền thuyết là chân lý; (iii) Giỏi biện luận theo tư biện, khi này khi khác; (iv) Ngụy biện như con lươn. Đồng thời, Tôn giả khuyên mọi người tu chánh đạo, dứt năm trói buộc tâm, tu tập thiền định, đạt trí tuệ, kết thúc khổ đau.

77. *Đại kinh Sakuludāyi* (P. *Mahāsakuludāyisuttaṃ*, H. 善生優陀夷大經) tương đương *Tiễn mao kinh*.[78] Đức Phật chia sẻ lý do nhiều người tu học theo Ngài là do Ngài đạt được sự tối thượng về giới đức, thuyết pháp với thắng trí, trí tuệ biết rõ người và mọi việc, dùng Tứ Thánh đế vượt qua khổ đau và hướng dẫn tu tập 4 chánh niệm, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác ngộ, 8 chánh đạo.

78. *Kinh Samaṇamuṇḍika* (P. *Samaṇamuṇḍikasuttaṃ*, H. 沙門文祁子經) tương đương *Ngũ chi vật chủ kinh*.[79] Phân tích giới hạn của thuyết không làm ác, không hành nghề ác là thiện tối thượng, đức Phật dạy tiêu chuẩn của bậc

---

[75] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.969. 0249a29); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.203. 0449a04).

[76] 鬚閑提經 (*T.*01. 0026.153. 0670a26). Tham chiếu: *Pháp cú kinh, Nê-hoàn phẩm* 法句經泥洹品 (*T.*04. 0210.36. 0573a23); *Xuất diệu kinh, Nê-hoàn phẩm* 出曜經泥洹品 (*T.*04. 0212.27. 0730c06); *Pháp tập yếu tụng kinh, Viên tịch phẩm* 法集要頌經圓寂品 (*T.*04. 0213.26. 0790b16).

[77] Có nội dung giống với *M.* 60, *Apaṇṇakasuttaṃ* (*Kinh không gì chuyển hướng*) và *D.* 1, *Bramajālasuttaṃ* (*Kinh Phạm võng*).

[78] 箭毛經 (*T.*01. 0026.207. 0781b27). Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T.*26. 1536.18. 0440c23).

[79] 五支物主經 (*T.*01. 0026.179. 0720a28).

chân tu gồm biết rõ thiện ác từ tư duy đến hành động, nghề nghiệp và tu tập; tu tập 4 tinh tấn để nhổ lên gốc rễ của nghiệp và lối sống bất thiện là tham, sân, si và chấm dứt dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng; tu tập 4 thiền định và hoàn thiện 8 chánh đạo giúp người tu trở thành bậc chân tu, đạt được chánh trí và giải thoát.

79. ***Tiểu kinh Sakuludāyi*** (P. *Cūḷasakuludāyisuttaṃ*, H. 善生優陀夷小經) tương đương *Tiễn mao kinh*.[80] Phủ định thuyết toàn tri trong khi thức và ngủ của Ni-kiền tử, đức Phật dạy thuyết tương duyên về sự sinh diệt của con người và vạn vật. Phật liệt dẫn các loại ánh sáng, gồm ánh sáng đom đóm, đèn cầy, đuốc, đống lửa lớn, ngôi sao, mặt trăng rằm, mặt trời đứng bóng, và cho rằng ánh sáng trí tuệ là tuyệt vời nhất. Để chứng đắc Tam minh, tức trí tuệ của bậc Giác ngộ, con người cần tu đạo đức và 4 thiền định, nhờ đó kết thúc khổ đau.

80. ***Kinh Vekhanassa*** (P. *Vekhanassasuttaṃ*, H. 鞞摩那修經) tương đương *Bệ-ma-na-tu kinh*.[81] Giống kinh 79, đề cao giá trị của trí tuệ vượt lên trên các loại ánh sáng, đức Phật hướng dẫn kỹ năng vượt qua thói quen hưởng thụ 5 dục lạc (sắc, thanh, hương, vị, xúc) dễ chịu, hấp dẫn; hoàn thiện đạo đức và thiền định, chặt đứt 5 trói buộc tâm, đạt giác ngộ và giải thoát.

81. ***Kinh Ghaṭikāra*** (P. *Ghaṭikārasuttaṃ*, H. 陶師經) tương đương *Bệ-bà-lăng-kỳ kinh*.[82] Không nhận lời thỉnh cầu cúng dường của Vua Kikī vì đã nhận lời của người thợ gốm, đức Phật gián tiếp khích lệ mọi người cần đạt được 6 ưu việt như thợ gốm: (i) Không phiền não nếu bị từ chối; (ii) Quy y Tam bảo và giữ 5 đạo đức; (iii) Chánh tín với Phật pháp, không hoài nghi về 4 chân lý Thánh; (iv) Sống theo thiện pháp, tiết độ ăn uống; (v) Hiếu kính cha mẹ già; (vi) Chứng quả Bất hoàn.

82. ***Kinh Raṭṭhapāla*** (P. *Raṭṭhapālasuttaṃ*, H. 賴吒恕羅經) tương đương *Lại-tra-hòa-la kinh*.[83] Câu chuyện thanh niên nhà giàu có, nhờ tuyệt thực đã thuyết phục thành công cha mẹ cho đi tu. Khi về thăm lại gia đình, vị Tăng sĩ này chia sẻ lý tưởng xuất gia do thấy rõ: (i) Cuộc đời vô thường; (ii) Mọi thứ vô hộ và vô chủ; (iii) Vô ngã và vô sở hữu; (iv) Con người bị chi phối bởi lão suy, bệnh suy, tài suy, thân suy. Nhưng nếu làm bậc chân tu, chúng ta không chỉ tạo hạnh phúc cho mình mà còn cứu độ nhân sinh.

83. ***Kinh Makhādeva*** (P. *Makhādevasuttaṃ*, H. 大天奈林經) tương đương *Đại Thiên Nại-lâm kinh*.[84] Phật nhắc tích truyện kiếp quá khứ khi Ngài là Vua

---

[80] 箭毛經 (*T.*01. 0026.208. 0783c03).

[81] 鞞摩那修經 (*T.*01. 0026.209. 0786b12). Tham chiếu: *Bệ-ma-túc kinh* 鞞摩肅經 (*T.*01. 0090. 0913c04)

[82] 鞞婆陵耆經 (*T.*01. 0026.63. 0499a09). *Phật thuyết Khổ hạnh túc duyên kinh* 佛說苦行宿緣經 (*T.*04. 0197.10. 0172c05).

[83] 賴吒和羅經 (*T.*01. 0026.132. 0623a11). Tham chiếu: *Lại-tra-hòa-la kinh* 賴吒和烮經 (*T.*01. 0068. 0868c23); *Hộ Quốc kinh* 護國經 (*T.*01. 0069. 0872a18); *Lại-tra-hòa-la kinh* 賴吒和烮經 (*T.*04. 0199.18a. 0196b01).

[84] 大天奈林經 (*T.*01. 0026.67. 0511c21). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.50.4. 0806c21); *Ma-điều Vương kinh* 摩調王經 (*T.*03. 0152.87. 0048b25).

Makhādeva của Mithilā, quản trị đất nước theo pháp quyền và chánh pháp, sống chuẩn mực về đạo đức theo truyền thống cao quý. Trao ngai vàng cho con, vua xuất gia vì lý tưởng độ sinh, tu trọn vẹn từ, bi, hỷ, xả; khi chết được sinh trên cõi trời Ba Mươi Ba. Nay đức Phật lập truyền thống tâm linh mới, đưa đến ly tham, chấm dứt khổ đau, chứng đạt thượng trí, giác ngộ, giải thoát cho nhiều người.

84. ***Kinh Madhurā*** (P. *Madhurāsuttaṃ*, H. 摩偷羅經).[85] Dựa vào các nguyên lý bình đẳng của Phật, Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên) đã phân tích sự vô nghĩa của chủ nghĩa giai cấp Ấn Độ bằng các luận chứng bình đẳng rất sâu sắc và vững chắc gồm bình đẳng pháp lý, bình đẳng nhân quả, bình đẳng đạo đức và bình đẳng tu chứng.

85. ***Kinh Vương tử Bồ-đề*** (P. *Bodhirājakumārasuttaṃ*, H. 菩提王子經).[86] Bài kinh phân tích về 2 quan điểm hạnh phúc của Ấn Độ giáo và Phật giáo. Nếu Ấn Độ giáo cho rằng hạnh phúc có được do thực hành khổ hạnh thì ngược lại Phật giáo khẳng định hạnh phúc có được do sự chuyển hóa tâm thức.

86. ***Kinh Aṅgulimāla*** (P. *Aṅgulimālasuttaṃ*, H. 鴦掘摩經).[87] Bài kinh khẳng định con đường giác ngộ rộng mở với tất cả mọi đối tượng, khi sự hồi đầu có mặt. Sự hồi đầu trong bài kinh này bắt đầu bằng sự ngạc nhiên đối với triết lý, dẫn đến chuyển hóa các nghiệp xấu.

87. ***Kinh Ái sanh*** (P. *Piyajātikasuttaṃ*, H. 愛生經) tương đương *Ái sanh kinh*.[88] Cái chết được khẳng định như một quy luật. Thái độ tiếc thương của người thân đối với người đã khuất không làm cho người thân sống lại. Thương tiếc người thân là gốc rễ của sầu, bi, khổ, ưu, não.

88. ***Kinh Bāhitika*** (P. *Bāhitikasuttaṃ*, H. 鞞訶提經) tương đương *Bệ-ha-đề kinh*.[89] Đạo đức của người tu được đánh giá từ các hành vi của thân, biểu đạt của khẩu hành và ý niệm mang lại lợi lạc cho mình và người, có giá trị xây dựng và chuyển hóa, không bận tâm về sự đền đáp của tha nhân. Vô ngã trong đạo đức chính là giá trị đạo đức bậc nhất mà người tu hành cần thực hiện toàn mãn.

89. ***Kinh Pháp trang nghiêm*** (P. *Dhammacetiyasuttaṃ*, H. 法莊嚴經)

---

[85] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.548. 0142a18).

[86] Tham chiếu: *La-ma kinh* 羅摩經 (*T.*01. 0026.204. 0775c07); *Xuất diệu kinh, Như Lai phẩm* 出曜經如來品 (*T.*04. 0212.22. 0716b16); *Pháp tập yếu tụng kinh, Như Lai phẩm* 法集要頌經如來品 (*T.*04. 0213.21. 787b22); *Di-sa-tắc bộ Hòa-ê Ngũ phần luật* 彌沙塞部和醯五分律 (*T.*22. 1421.10. 0071c02).

[87] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1077. 0280c18); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.16. 0378b17); *Phật thuyết Ương-quật-ma kinh* 佛說鴦掘摩經 (*T.*02. 0118. 0508b17); *Phật thuyết Ương-quật kết kinh* 佛說鴦崛髻經 (*T.*02. 0119. 0510b14); *Ương-quật-ma-la kinh* 央掘魔羅經 (*T.*02. 0120. 0512b05); *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T.*02. 0121. 0544b12); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.38.6. 0719b20); *Hiền ngu kinh, Vô Não chỉ man phẩm* 賢愚經無惱指鬘品 (*T.*04. 0202.45. 0423b05); *Xuất diệu kinh, Tạp phẩm* 出曜經雜品 (*T.*04. 0212.17. 0702b08); *Pháp tập yếu tụng kinh, Thanh tịnh phẩm* 法集要頌經清淨品 (*T.*04. 0213.16. 0785a15).

[88] 愛生經 (*T.*01. 0026.216. 0800c20). Tham chiếu: *Phật thuyết Bà-la-môn tử mệnh chung ái niệm bất ly kinh* 佛說婆羅門子命終愛念不離經 (*T.*01. 0091. 0915a04); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.13.3. 0571b28).

[89] 鞞訶提經 (*T.*01. 0026.214. 0797c07).

tương đương *Pháp trang nghiêm kinh*.[90] Thông qua chuyện đời tự kể của Vua Pasenadi về lý do theo Phật, bài kinh giới thiệu các giá trị của đạo Phật, theo đó, con người quay về nương tựa đạt được các giá trị tâm linh, đạo đức, an lạc và giải thoát.

90. *Kinh Kaṇṇakatthala* (P. *Kaṇṇakatthalasuttaṃ*, H. 普棘刺林經) tương đương *Nhứt thiết trí kinh*.[91] Đức Phật xác minh rằng Ngài không chấp nhận khái niệm toàn tri là biết mọi thứ, trong mọi lúc và trong mọi thời. Nhân đó, Phật thuyết minh về thuyết bình đẳng tâm linh trong các giai cấp, giá trị tinh tấn trong thành công và chứng đắc, giá trị của tâm không não hại, có thể giúp cho con người phát triển hạnh phúc và bình an.

91. *Kinh Brahmāyu* (P. *Brahmāyusuttaṃ*, H. 梵摩經) tương đương *Phạm-ma kinh*.[92] Từ niềm tin rằng nhân tướng của một con người thể hiện nhân cách của người đó, các Bà-la-môn đã đến với đức Phật và trở thành đệ tử của Ngài. Nếu Bà-la-môn giáo nhấn mạnh về nhân tướng, thì Phật giáo nhấn mạnh về nhân cách thông qua sự huấn luyện các oai nghi tế hạnh.

92. *Kinh Sela* (P. *Selasuttaṃ*, H. 施羅經).[93] Bài kinh giới thiệu nghệ thuật chia sẻ phước duyên với người thân. Khi gặp được Phật pháp, ta nên có trách nhiệm chia sẻ và lan truyền giá trị tâm linh, hạnh phúc đến với mọi người. Đây chính là cách giúp đỡ người thân có ý nghĩa và giá trị.

93. *Kinh Assalāyana* (P. *Assalāyanasuttaṃ*, H. 阿攝惒經) tương đương *Phạm chí A-nhiếp-hòa kinh*.[94] Thông qua sự phân tích về gien di truyền, quyền lực kinh tế, giá trị nhân phẩm đạo đức, hôn nhân dị chủng và các nhu yếu hàng ngày, đức Phật đã chứng minh rằng niềm tin về sự thanh tịnh và độc tôn của giai cấp Bà-la-môn chỉ là sự rỗng tuếch, không có căn cứ.

94. *Kinh Ghoṭamukha* (P. *Ghoṭamukhasuttaṃ*, H. 瞿哆牟伽經).[95] Sự quy ngưỡng của tín đồ đối với người xuất gia thường gắn liền với đức hạnh và giá trị tâm linh của vị ấy. Nếu có nhiều người làm mất niềm tin của quần chúng thì cũng có những người mẫu mực, đáng quy ngưỡng và phát tâm.

95. *Kinh Caṅkī* (P. *Caṅkīsuttaṃ*, H. 商伽經). Theo đức Phật, chân lý đích thực không bao giờ là sự phiến diện, độc đoán một chiều. Nghệ thuật khám phá, hộ trì và chứng đạt chân lý không gì khác hơn là sự hành trì chân lý.

---

[90] 法莊嚴經 (*T*.01. 0026.213. 0795b17). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.10. 0724b28); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘奈耶雜事 (*T*.24. 1451.8. 0237a06).

[91] 一切智經 (*T*.01. 0026.212. 0792c13).

[92] 梵摩經 (*T*.01. 0026.161. 0685a05). Tham chiếu: *Phạm-ma dụ kinh* 梵摩渝經 (*T*.01. 0076. 0883b07); *Pháp cú kinh*, *Phạm chí phẩm* 法句經梵志品 (*T*.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh*, *Phạm chí phẩm* 出曜經梵志品 (*T*.04. 0212.34. 0798a01); *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Phạm chí phẩm* 法集要頌經梵志品 (*T*.04. 0213.33. 0798a01).

[93] Tham chiếu: *Sn*. 3. 7, *Selasutta*; *Thag*. 818-41; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.6. 0798a25).

[94] 梵志阿攝惒經 (*T*.01. 0026.151. 0663b25). Tham chiếu: *Phạm chí Át-ba-la-diên vấn chủng tôn kinh* 梵志頞波羅延問種尊經 (*T*.01. 0071. 0876b24); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.9. 0742b03).

[95] Tham chiếu: *M*. 51, *Kandarakasuttaṃ* (*Kinh Kandaraka*).

96. ***Kinh Esukārī*** (P. *Esukārīsuttaṃ*, H. 鬱瘦歌邏經) tương đương *Uất-sấu-ca-la kinh*.[96] Nếu đạo Bà-la-môn do dựa vào chủ nghĩa giai cấp, bắt buộc giai cấp vua chúa, thương gia và nô lệ phải phục vụ giai cấp Bà-la-môn thì đạo Phật cho rằng người có đạo đức, trí tuệ, thích bố thí, không giận dữ, tu tập pháp lành mới thực sự đáng được phụng sự.

97. ***Kinh Dhānañjāni*** (P. *Dhānañjānisuttaṃ*, H. 陀然經) tương đương *Phạm chí Đà-nhiên kinh*.[97] Phần lớn các hành động phi pháp của con người phát xuất từ động cơ thỏa mãn các nhu cầu hưởng thụ bản thân, nhưng khi chịu hậu quả thì con người đổ lỗi cho người thân và hoàn cảnh bắt buộc. Vì nhân duyên nào đó, một hành động xấu đã được gieo sẽ đẩy người đó vào tù ngục. Biết vậy, con người cần nỗ lực chuyển hóa nghiệp duyên để hạnh phúc hôm nay và tươi sáng đời sau.

98. ***Kinh Vāseṭṭha*** (P. *Vāseṭṭhasuttaṃ*, H. 婆私吒經) tương đương *Kinh tập*.[98] Bài kinh giới thiệu 2 quan điểm trái ngược về khái niệm Bà-la-môn. Nếu quan niệm truyền thống cho rằng Bà-la-môn là người sinh ra từ gia đình Bà-la-môn thuần chủng 7 đời, thì quan niệm cấp tiến cho rằng Bà-la-môn là người có giới hạnh. Vượt lên trên 2 quan điểm này, đức Phật đã mang lại nội dung mới cho Bà-la-môn, khi so sánh Bà-la-môn với Thánh nhân trong Phật giáo.

99. ***Kinh Subha*** (P. *Subhasuttaṃ*, H. 須婆經) tương đương *Anh Vũ kinh*.[99] Bài kinh phân tích sự giống và khác giữa người tại gia và người xuất gia về phương diện hành động và nghề nghiệp. Nếu người tại gia tạo ra giá trị sản lượng thì người xuất gia tạo ra giá trị tâm linh. Mặc dù không hình thù, vóc dáng, các giá trị tâm linh có thể cứu giúp con người giải quyết khổ đau.

100. ***Kinh Saṅgārava*** (P. *Saṅgāravasuttaṃ,* H. 傷歌邏經).[100] Bài kinh phân tích về sự khác biệt giữa niềm tin tâm linh và sự thật tâm linh trong thế giới tôn giáo. Các chất liệu và giá trị tâm linh chỉ có thật khi nó thích ứng với thực tế và nó phục vụ tích cực cho cuộc đời.

101. ***Kinh Devadaha*** (P. *Devadahasuttaṃ*, H. 天臂經) tương đương *Ni-kiền kinh*.[101]

---

[96] 鬱瘦歌邏經 (*T*.01. 0026.150. 0660c29).

[97] 梵志陀然經 (*T*.01. 0026.27. 0456a22).

[98] Tham chiếu: *Sn*. 3. 9, *Vāseṭṭhasuttaṃ*; *Pháp cú kinh*, *Phạm chí phẩm* 法句經梵志品 (*T*.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh, Phạm chí phẩm* 出曜經梵志品 (*T*.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh, Phạm chí phẩm* 法集要頌經梵志品 (*T*.04. 0213.34. 0768c14).

[99] 鸚鵡經 (*T*.01. 0026.152. 0666c26). Tham chiếu: *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T*.01. 0026.170. 0703c21); *Đâu-điều kinh* 兜調經 (*T*.01. 0078. 0887b04); *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T*.01. 0079. 0888b15); *Phật vị Thủ-ca Trưởng giả thuyết nghiệp báo sai biệt kinh* 佛為首迦長者說業報差別經 (*T*.01. 0080. 0891a17).

[100] Có một phần nội dung tương đồng với *M*. 26, *Ariyapariyesanāsuttaṃ* (*Kinh Thánh cầu*) và *M*. 36, *Mahāsaccakasuttaṃ* (*Đại kinh Saccaka*). Tham chiếu: *Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T*.01. 0026.101. 0588a03).

[101] 尼乾經 (*T*.01. 0026.19. 0442b29), có phần tương đồng với *M*. 27, *Cūlahatthipadopamasuttaṃ* (*Tiểu kinh Dụ dấu chân voi*).

102. ***Kinh Năm và Ba*** (P. *Pañcattayasuttaṃ*, H. 五三經).[102] Đức Phật dạy không nên quy kết tất cả những gì gặp phải ở hiện tại đều có gốc rễ quá khứ, đồng thời khích lệ tu tập tinh tấn thay vì khổ hạnh, để nhổ lên sự khổ đau bằng việc phân tích nguyên nhân của nó và trải nghiệm hạnh phúc bây giờ và tại đây.

103. ***Kinh Như thế nào*** (P. *Kintisuttaṃ*, H. 如何經). Đề cao vai trò của vị Đạo sư, đức Phật khuyên các Tăng sĩ siêng năng truyền bá 37 yếu tố giác ngộ. Để sống hạnh phúc trong cộng đồng, đức Phật khuyên không nên đào sâu sự bất đồng về quan điểm, cách hiểu, không phê phán, không khen mình, chê người; đề cao sự thực hành Chánh pháp để trải nghiệm hạnh phúc của Niết-bàn.

104. ***Kinh Làng Sāma*** (P. *Sāmagāmasuttaṃ*, H. 舍彌村經) tương đương *Châu-na kinh*.[103] Khẳng định tranh chấp là khổ đau, đức Phật dạy phân tích các nguyên nhân của tranh chấp gồm phẫn nộ - sân hận, hiềm hận - não hại, tật đố - xan tham, gian manh - xảo trá, ác dục - tà kiến, cố chấp - khó thuyết phục. Đồng thời, đức Phật dạy 6 kỹ năng sống hòa hợp và 7 phương pháp vượt qua tranh chấp, bất đồng, nhằm góp phần xây dựng gia đình, cộng đồng và quốc gia hạnh phúc.

105. ***Kinh Thiện Tinh*** (P. *Sunakkhattasuttaṃ*, H. 善星經). Đức Phật dạy rằng lời tuyên bố chứng đắc trí tuệ, có trường hợp là đúng với sự thật và có khi là do ngã mạn nên nói không. Theo đức Phật, để đạt được thắng trí, mọi người cần tu tập tâm bất động trước các cảnh, không chấp vào tính sở hữu, không để tham dục và sân hận chi phối, không ỷ lại chính mình, cam kết chữa lành mũi tên khổ đau bằng sự thực tập buông xả và không hận thù.

106. ***Kinh Bất động lợi ích*** (P. *Āneñjasappāyasuttaṃ*, H. 不動利益經) tương đương *Tịnh bất động đạo kinh*.[104] Khẳng định rằng tham dục, về bản chất là vô thường, trống rỗng, kéo theo hệ lụy, đức Phật hướng dẫn kỹ năng sống bất động trước cảnh trong hiện tại như sau: (i) Tâm quảng đại; (ii) Không chấp dính thế giới vật chất nhờ thấy rõ tính tổ hợp 4 đại của chúng; (iii) Thường quán tưởng Vô sở hữu xứ; (iv) Thực tập tâm Vô sở hữu xứ; (v) Thực tập buông xả và không chấp vào xả.

107. ***Kinh Gaṇaka Moggallāna*** (P. *Gaṇakamoggallānasuttaṃ*, H. 算數家目犍連經) tương đương *Toán số Mục-kiền-liên kinh*.[105] Con đường tâm linh kết thúc khổ đau, chứng đắc Niết-bàn bắt đầu bằng sự huấn luyện đạo đức, sống chánh hạnh, giữ oai nghi, sợ hãi các lỗi nhỏ, làm chủ 6 giác quan, làm chủ việc ăn uống, chánh niệm và tỉnh thức trong mọi động tác, thực tập thiền định để tháo mở các trói buộc tâm gồm tham ái, sân hận, hôn trầm thùy miên, hối quá và

---

[102] Tham chiếu: *D.* 1, *Brahmajālasuttaṃ* (*Kinh Phạm võng*).

[103] 周那經 (*T.*01. 0026.196. 0752c11). Tham chiếu: *Tức tránh nhân duyên kinh* 息諍因緣經 (*T.*01. 0085. 0904b27); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T.*26. 1536.7. 0428c16).

[104] 淨不動道經 (*T.*01. 0026.75. 0542b03).

[105] 算數目犍連經 (*T.*01. 0026.144. 0652a07). Tham chiếu: *Số kinh* 數經 (*T.*01. 0070. 0875a11).

hoài nghi. Ai thực hành theo sự chỉ đường của đức Phật sẽ đạt được giải thoát trong hiện đời.

108. ***Kinh Gopaka Moggallāna*** (P. *Gopakamoggallānasuttaṃ*, H. 瞿默目犍連經) tương đương *Cù-mặc Mục-kiền-liên kinh.*[106] Noi gương đức Phật, người khai sáng con đường tỉnh thức, sau khi đức Phật qua đời, người tu Phật phải nương tựa vào chân lý Phật và đạo đức, sống trong chánh hạnh, hòa thuận, giữ đủ oai nghi, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt; học rộng, hiểu Phật pháp nhiều; biết đủ với 4 vật dụng; thực tập thiền định; xem giáo hóa như phép mầu; nỗ lực kết thúc khổ đau, chứng đắc giác ngộ.

109. ***Đại kinh Mãn nguyệt*** (P. *Mahāpuṇṇamasuttaṃ*, H. 滿月大經).[107] Phân tích mắc xích khổ đau, đức Phật chỉ rõ sự dính mắc của thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức bắt đầu từ dục tham, tiếp xúc thiếu chánh niệm; đánh đồng thân và tâm là ngã. Ngài nhắc nhở người tu cần thấy rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các đối tượng giác quan, đồng thời hãy chuyển hóa tâm ngã mạn ngủ ngầm; thấy rõ vô thường để không chấp: "Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này chính là tự ngã của tôi", nhờ đó, vượt qua tất cả khổ đau.

110. ***Tiểu kinh Mãn nguyệt*** (P. *Cūḷapuṇṇamasuttaṃ*, H. 滿月小經).[108] Nhận diện tác hại của sự bất chánh, đức Phật dạy kỹ năng trở thành người chân chánh, sống với chánh kiến, giao du người tốt; suy nghĩ việc thiện, nói sự thật và hữu ích, hành động chân chánh; có chánh tín, đề cao lương tâm, nghe chân lý Phật, tinh tấn làm việc thiện, tin sâu nhân quả và kiếp sau, thích bố thí giúp người; làm tất cả việc tốt nhất với phương pháp tốt nhất có thể, trở thành người hạnh phúc và hữu dụng.

111. ***Kinh Bất đoạn*** (P. *Anupadasuttaṃ*, H. 不斷經). Nhân dịp ca ngợi Tôn giả Sāriputta đạt được đại tuệ và tu thiền sâu sắc, đức Phật dạy các cấp thiền: (i) Hỷ lạc do xa lìa ái dục; (ii) Hỷ lạc do trụ định; (iii) An lạc do xả niệm hỷ; (iv) Thanh tịnh do xả tất cả niệm. Đồng thời, Phật khuyên tu tập 4 thiền vô sắc giới: (v) Hư không vô biên xứ; (vi) Thức vô biên xứ; (vii) Vô sở hữu xứ; (viii) Phi tưởng phi phi tưởng xứ; và Diệt thọ tưởng định; nhờ đó, vượt qua mọi trói buộc, đạt được giác ngộ, giải thoát.

112. ***Kinh Sáu thanh tịnh*** (P. *Chabbisodhanasuttaṃ*, H. 六淨經) tương đương *Thuyết trí kinh.*[109] Bằng chánh trí, người tu sẽ giải thoát mình khỏi các lậu hoặc, vượt qua các chấp thủ về thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức; mắt và hình thái, tai và âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với vật xúc chạm, ý với những gì được hình dung. Vượt qua ngã mạn tùy miên, người tu trở thành bậc chân tu; chặt đứt các trói buộc tâm (tham ái, sân hận, hôn trầm

---

[106] 瞿默目犍連經 (*T.*01. 0026.145. 0653c20).

[107] Tham chiếu: *S.* 22. 82, *Puṇṇamā* (*Mãn nguyệt*); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.58. 0014b12).

[108] Có nội dung giống như *A.* II. 179; IV. 187.

[109] 說智經 (*T.*01. 0026.187. 0732a21).

thùy miên, trạo cử hối quá, hoài nghi) và giải quyết khổ đau bằng 4 sự thật Thánh, sống hạnh phúc và thong dong trong đời.

113. ***Kinh Chân nhân*** (P. *Sappurisasuttaṃ*, H. 善士經) tương đương *Chân nhân kinh*.[110] Bất luận bối cảnh giai cấp và họ tộc, bậc chân tu theo Phật pháp sẽ đạt được an lạc, giải thoát và được sự kính trọng. Bậc chân tu không khen mình, chê người về sự nổi tiếng, 4 vật cúng dường, học pháp giỏi, giữ giới hạnh, thiểu dục và giản đơn, khất thực nuôi mạng thanh tịnh, sống ở nghĩa địa, ngủ dưới gốc cây, hết tham sân si, chứng 9 cấp thiền định, đạt được trí tuệ, giải phóng khổ đau.

114. ***Kinh Nên hành trì, không nên hành trì*** (P. *Sevitabba-asevitabbasuttaṃ*, H. 應習不應習經).[111] Phật dạy tiêu chí đánh giá bản chất hành động trên nền tảng giá trị và tác hại, từ đó, nên làm và không nên làm. Bất cứ hành động thân, lời nói và các ý tưởng, hoặc khi các giác quan tiếp xúc trần cảnh mà làm tăng trưởng điều bất thiện, gây tạo khổ đau như thương tổn mạng sống, lấy của không cho, tà hạnh ngoại tình, nói láo, nói chia rẽ, nói thô ác, nói phù phiếm, vướng dính tham ái, giận dữ và tâm hãm hại…, con người nên nỗ lực từ bỏ, vượt qua. Ngược lại, đối với các hành động mang lại hạnh phúc và giá trị cho đời, con người nên theo đuổi như lý tưởng sống.

115. ***Kinh Đa giới*** (P. *Bahudhātukasuttaṃ*, H. 多界經) tương đương *Đa giới kinh*.[112] Sau khi khẳng định người trí hiểu sâu về 6 giác quan, 6 đối tượng giác quan, 6 nhận thức giác quan và thuyết tương duyên, đức Phật chỉ ra lý do người ngu dễ bị sợ hãi, thất vọng và hoạn nạn trong khi người trí thì không. Người trí hiểu rõ lạc, khổ, hỷ, ưu, xả, vô minh; vượt qua dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng; thành tựu chánh kiến, không phạm tội lỗi, nhất là 5 tội trọng; thấy rõ vô thường và vô ngã, nhờ đó, sống an vui trong đời.

116. ***Kinh Thôn Tiên*** (P. *Isigilisuttaṃ*, H. 仙呑經).[113] Tại núi Tiên (Isigili), Vương Xá, đức Phật ca ngợi vị Độc Giác, nhờ tu chánh đạo, trọn vẹn đạo đức, thiền định và trí tuệ, nên đã dứt sạch tham ái, nhổ mũi tên khổ đau, và tự chứng trí tuệ, đạt được giải thoát, đoạn tận tái sinh.

117. ***Đại kinh Bốn mươi*** (P. *Mahācattārīsakasuttaṃ*, H. 大四十經) tương đương *Thánh đạo kinh*.[114] Đức Phật giảng chi tiết về Bát chánh đạo, gồm (i) Tầm nhìn chân chánh; (ii) Tư duy chân chánh; (iii) Lời nói chân chánh; (iv) Hành động chân chánh; (v) Nghề nghiệp chân chánh; (vi) Siêng năng chân chánh; (vii) Chánh niệm hiện tiền; (viii) Đại định nhất tâm, cũng như mối quan

---

[110] 真人經 (*T*.01. 0026.85. 0561a20). Tham chiếu: *Thị pháp phi pháp kinh* 是法非法經 (*T*.01. 0048. 0837c21); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.9. 0585a18).

[111] Tham chiếu: 自觀心經 (*T*.01. 0026.109. 0598b07).

[112] 多界經 (*T*.01. 0026.181. 0723a08). Tham chiếu: *Phật thuyết Tứ phẩm pháp môn kinh* 佛說四品法門經 (*T*.17. 0776. 0712b10); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.451. 0115c27).

[113] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.7. 0723a06).

[114] 聖道經 (*T*.01. 0026.189. 0735b27).

hệ giữa trí tuệ, đạo đức và thiền định. Tu tập Bát chánh đạo thông thường sẽ trở thành chân nhân, hưởng phúc báo. Tu tập rốt ráo Bát chánh đạo sẽ chứng quả Thánh nhân, kết thúc luân hồi.

118. ***Kinh Nhập tức xuất tức niệm*** (P. *Ānāpānassatisuttaṃ*, H. 入出息念經).[115] Đức Phật dạy 16 kỹ năng thở thiền mang lại an lạc, giải thoát, gồm: (i) Chánh niệm thân: Với hơi thở ra vào, biết rõ hơi thở dài hơi thở ngắn, cảm giác toàn thân, và an tịnh thân hành; (ii) Chánh niệm cảm giác: Làm chủ hoan hỷ, hạnh phúc, cảm nhận tâm hành và an tịnh tâm hành; (iii) Chánh niệm tâm: Cảm nhận tâm, tâm hân hoan, tâm định tĩnh, tâm giải thoát; (iv) Chánh niệm về pháp: Quán vô thường, quán ly dục, quán tịch diệt và quán xả ly. Phối hợp với 7 yếu tố giác ngộ, người tu thiền sẽ đạt sự giải thoát khỏi khổ đau.

119. ***Kinh Thân hành niệm*** (P. *Kāyagatāsatisuttaṃ*, H. 身行念經) tương đương *Niệm thân kinh*.[116] Đức Phật dạy kỹ năng chánh niệm về thân (thân hành niệm), gồm làm chủ hơi thở ra vào; tỉnh giác trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, nói, im lặng, động, tịnh, thức, ngủ; quán thân thể gồm 32 yếu tố bất tịnh; quán thi thể bị trương sình và chỉ còn xương, tro, bụi; nhờ đó, không còn chấp dính vào thân, ngã, ngã sở hữu và những thứ liên hệ đến thân. Như vậy, tu và chứng 4 thiền định để chấm dứt khổ đau.

120. ***Kinh Hành sanh*** (P. *Saṅkhārupapattisuttaṃ*, H. 行生經) tương đương *Ý hành kinh*.[117] Đức Phật dạy điều kiện tái sinh theo ý muốn gồm đầy đủ chánh tín, đạo đức, bố thí, đa văn, trí tuệ; chú tâm vào cảnh giới và nơi muốn tái sinh, nhất là lúc gần qua đời. Ngoài những điều trên, nếu chú tâm vào Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, người tu tập sẽ chấm dứt khổ đau, chứng đắc quả Thánh.

121. ***Kinh Tiểu không*** (P. *Cūḷasuññatasuttaṃ*, H. 空小經) tương đương *Tiểu không kinh*.[118] Bằng kinh nghiệm bản thân, đức Phật dạy Tăng đoàn quán tính "không thực thể", tu tập Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ và Vô tướng tâm định… để không vướng tâm tưởng vào con người, làng xã, nhà cửa, đại địa, núi, sông; phối hợp với quán vô thường và vô ngã, chấm dứt các lo lắng và khổ đau liên hệ đến tưởng; tâm được giải thoát.

122. ***Kinh Đại không*** (P. *Mahāsuññatasuttaṃ*, H. 空大經) tương đương *Đại không kinh*.[119] Kinh dạy kỹ năng vượt qua ngã mạn, chấm dứt sự nhiễm đắm các sự vật, hiện tượng, sống thiểu dục, đề cao tâm viễn ly, thực tập nội tĩnh, chánh niệm, tỉnh thức, trải nghiệm các hỷ lạc do ly dục, do tu định, do diệu lạc

---

[115] Tham chiếu: *Phật thuyết Trị ý kinh* 佛說治意經 (*T*.01. 0096. 0919a22); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.810. 0208a09).

[116] 念身經 (*T*.01. 0026.81. 0554c10). Tham chiếu: *Niệm xứ kinh* 念處經 (*T*.01. 0026.98. 0582b07); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.12.1. 0568a01).

[117] 意行經 (*T*.01. 0026.168. 0700b24).

[118] 小空經 (*T*.01. 0026.190. 0736c27).

[119] 大空經 (*T*.01. 0026.191. 0738a03).

và do xả niệm. Để tiến bộ trong tu học, người tu tập dù gặp nghịch cảnh, không chán nản, bỏ cuộc; dù gặp nhiều người quý trọng, không sanh tâm cống cao; với mọi người, không có tâm thù nghịch; đề cao lòng bi mẫn mang lại lợi lạc cho mọi người.

123. ***Kinh Hy hữu, vị tằng hữu pháp*** (P. *Acchariyaabbhutadhammasuttaṃ*, H. 希有未曾有法經) tương đương *Vị tằng hữu pháp kinh*.[120] Tôn giả Ānanda thuật lại 18 điều mầu nhiệm về sự kiện Phật đản: (i) An trú trọn thọ mạng tại cung trời Đâu-suất một cách chánh niệm; (ii) Vào thai mẹ trong chánh niệm; (iii) Ánh sáng thần diệu xuất hiện khi qua đời tại cõi trời Đâu-suất; (iv) Khi vào thai mẹ, có 4 thiên nhân hộ vệ mẫu thân; (v) Trong thai, tác động mẹ sống đức hạnh; (vi) Trong thai, mẹ không có dục tưởng; (vii) Trong thai, mẹ hưởng 5 dục công đức đầy đủ; (viii) Thai nhi đủ các bộ phận, mẹ không mệt mỏi; (ix) Mẹ tái sinh cõi trời Đâu-suất sau 7 ngày sinh; (x) Trụ thai đúng 10 tháng; (xi) Mẹ sinh trong tư thế đứng; (xii) Khi sinh được chư thiên đỡ Ngài sau đó mới đến loài người; (xiii) Khi sinh, thân Ngài không chạm đất; (xiv) Khi sinh ra không bị lấm bẩn máu mủ; (xv) Khi sinh ra có 2 dòng nước nóng, lạnh tắm 2 mẹ con; (xvi) Khi sinh ra, đi 7 bước hướng Bắc, tuyên bố sự độc tôn của Ngài; (xvii) Khi sinh ra, hào quang sáng ngời các cõi; (xviii) Cảm thọ được biết đến lúc sinh khởi, lúc trú và diệt, các ý tưởng và tư duy cũng thế.

124. ***Kinh Bạc-câu-la*** (P. *Bakkulasuttaṃ*, H. 薄拘羅經) tương đương *Bạc-câu-la kinh*.[121] Tôn giả Bakkula (Bạc-câu-la) tự sự về 80 năm tu hành đặc biệt của Ngài: (i) Không có dục tưởng, sân tưởng và hại tưởng; (ii) Không nhận y phục từ cư sĩ, may y, nhận y Kathina; (iii) Không đi Trai Tăng; (iv) Không để ý tướng chung, tướng riêng của người nữ, không đến chỗ người nữ, không giảng pháp cho người nữ; (v) Không làm Bổn sư và Y chỉ sư của ai; (vi) Không tắm trong nhà tắm, không ốm đau, không dùng thuốc, không nằm giường; không đi an cư mùa mưa tại trú xứ gần làng; (vii) Chỉ mắc nợ thí chủ trong 7 ngày mới xuất gia. Sau đó, Ngài giác ngộ, giải thoát, nhập Niết-bàn trong tư thế thiền tọa bất động.

125. ***Kinh Điều ngự địa*** (P. *Dantabhūmisuttaṃ,* H. 調御地經) tương đương *Điều ngự địa kinh*.[122] Nhân câu chuyện Vương tử Jayasena không tin người tu xa lìa được 5 dục lạc, đức Phật dùng ẩn dụ con voi chưa được thuần hóa và ẩn dụ người ở đỉnh núi kể phong cảnh đó cho người dưới chân núi để mô tả cảnh giới lìa ái dục của bậc chân tu, giải phóng khổ đau. Đức Phật khuyến khích các đệ tử sống đạo đức, phòng hộ 6 giác quan, tiết độ ăn uống, chú tâm cảnh giác, vượt khỏi chướng ngại, chánh niệm trong các uy nghi, dứt 5 trói buộc tâm, tu 4 niệm xứ, chứng đắc 4 thiền, đạt được giác ngộ.

126. ***Kinh Phù-di*** (P. *Bhūmijasuttaṃ,* H. 浮彌經) tương đương *Phù-di*

---

[120] 未曾有法經 (*T.*01. 0026.32. 0469c20).

[121] 薄拘羅經 (*T.*01. 0026.34. 0475a11).

[122] 調御地經 (*T.*01. 0026.198. 0757a03).

kinh.[123] Đề cập đến giá trị trị liệu và thiết thực của Phật giáo, đức Phật giải thích kết quả của việc thực tập Bát chánh đạo trong hiện đời là hạnh phúc, giác ngộ và giải thoát, bất luận có ước nguyện hay không. Theo phương pháp đúng, cũng như ép hạt lấy dầu, vắt sữa từ vú bò cái, khuấy sữa làm bơ, và dùng cây khô để nhóm lửa, người thực tập chắc chắn được như ước nguyện.

127. ***Kinh A-na-luật*** (P. *Anuruddhasuttaṃ*, H. 阿那律經) tương đương *Hữu Thắng Thiên kinh.*[124] Tôn giả Anuruddha (A-na-luật) giải thích 2 sự giải thoát. Cùng tu tập từ, bi, hỷ, xả, nếu "tâm giải thoát đại hành" chỉ biến mãn một khu vực, khi chết hành giả sẽ tái sinh vào cõi trời Thiểu Quang, còn "tâm giải thoát vô lượng" biến mãn khắp mười phương, không hận sân, khi chết hành giả sẽ tái sinh vào cõi trời Vô Lượng Quang, Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh.

128. ***Kinh Tùy phiền não*** (P. *Upakkilesasuttaṃ*, H. 隨煩惱經) tương đương *Trường Thọ Vương bổn khởi kinh.*[125] Nhằm giúp mọi người vượt qua nghiệp tranh chấp, đức Phật dạy cách đề cao chánh niệm để phòng phi, không xem mình là nạn nhân của khổ đau, dùng từ bi chuyển hóa hận thù, kết bạn với người trí; sống hòa hợp như nước với sữa, ứng xử bằng tâm từ ái, thiện cảm, quan tâm, tương trợ; tôn trọng và học hỏi sở trường của người khác; thực tập thiền quán để vượt qua các phiền não.

129. ***Kinh Hiền ngu*** (P. *Bālapaṇḍitasuttaṃ*, H. 賢愚經) tương đương *Si tuệ địa kinh.*[126] Phật dạy kỹ năng phân biệt kẻ ngu và người trí. Đặc điểm của người trí là nghĩ lành, nói lành, làm lành; vui với sự từ bỏ các ác hành; tự xét mình không làm ác và không bị trừng trị; được an ổn và không sợ hãi; khi chết, tái sinh cõi trời, hưởng thiên lạc hơn vua chúa; khi tái sinh làm người thì sinh trong gia đình quyền quý, giàu có, sống hữu ích và hạnh phúc.

130. ***Kinh Thiên sứ*** (P. *Devadūtasuttaṃ*, H. 天使經) tương đương *Thiên sứ kinh.*[127] Luật nhân quả chi phối mọi thứ ở kiếp này và quyết định sự tái sinh kiếp sau với các cảnh giới, làm người hay vật, hưởng hạnh phúc hay chịu khổ đau. Kẻ gây ác nghiệp sẽ bị trừng phạt bởi luật pháp và luật nhân quả. Quán chiếu tiến trình sự sống bắt đầu từ ấu nhi, thanh xuân, già, bệnh, chết như các thiên sứ nhắc nhở về vô thường để bản thân sống tốt hơn, tu học Phật pháp, chuyển hóa khổ đau.

131. ***Kinh Nhứt dạ Hiền giả*** (P. *Bhaddekarattasuttaṃ*, H. 一夜賢者經). Tại tinh xá Kỳ Viên, đức Phật dạy rằng cốt lõi của tu thiền là thực tập chánh niệm trong giây phút hiện tại và tại đây. Không hồi ức, sống với kinh nghiệm

---

[123] 浮彌經 (*T.*01. 0026.173. 0709c22).

[124] 有勝天經 (*T.*01. 0026.79. 0549b03).

[125] 長壽王本起經 (*T.*01. 0026.72. 0532c09). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.8. 0626b11)

[126] 癡慧地經 (*T.*01. 0026.199. 0759a19). Tham chiếu: *Phật thuyết Nê-lê kinh* 佛說泥犁經 (*T.*01. 0086. 0907a10).

[127] 天使經 (*T.*01. 0026.64. 0503a21). Tham chiếu: *Thiết thành Nê-lê kinh* 鐵城泥梨經 (*T.*01. 0042. 0826c26); *Diêm-la Vương ngũ thiên sứ giả kinh* 閻羅王五天使者經 (*T.*01. 0043. 0828b12); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.32.4. 0674b16).

quá khứ đối với 5 thủ uẩn, 6 giác quan, 6 đối tượng giác quan. Không ước vọng, lo lắng, căng thẳng, sợ hãi về những chuyện chưa xảy ra đối với các đối tượng nêu trên. Không bị vọng niệm hiện tại lôi cuốn vào sự chấp tự ngã. An trụ tâm vào hiện tại tỉnh thức, vượt qua mọi khổ đau trên đời.

132. ***Kinh A-nan Nhứt dạ Hiền giả*** (P. *Ānandabhaddekarattasuttaṃ*, H. 阿難一夜賢者經) tương đương *A-nan thuyết kinh*.[128] Phật giảng kinh này tại tinh xá Kỳ Viên với nội dung tương tự kinh 131, đề cao vai trò chánh niệm hiện tiền trong việc giải phóng khổ đau.

133. Kinh Đại Ca-chiên-diên Nhứt dạ Hiền giả (P. *Mahākaccāna-bhaddekarattasuttaṃ*, H. 大迦旃延一夜賢者經) tương đương *Ôn tuyền lâm thiên kinh*.[129] Kinh này được Ngài Mahākaccāna giảng tại thành Vương Xá rằng chánh niệm hiện tiền là hạnh phúc dài lâu.

134. ***Kinh Lomasakaṅgiya Nhứt dạ Hiền giả*** (P. *Lomasakaṅgiya-bhaddekarattasuttaṃ*, H. 盧夷強耆一夜賢者經) tương đương *Thích trung thiền thất tôn kinh*.[130] Tôn giả Lomasakaṅgiya trả lời thiên tử Candana về chánh niệm hiện tiền theo cách được đức Phật dạy trong các bài kinh 131, 132, 133.

135. ***Tiểu kinh Nghiệp phân biệt*** (P. *Cūḷakammavibhaṅgasuttaṃ*, H. 小業分別經) tương đương *Anh Vũ kinh*.[131] Giải thích nguyên nhân thế giới có thiên sai vạn biệt. Đức Phật khẳng định rằng con người là chủ nhân, thai tạng, quyến thuộc, điểm tựa và người kế thừa nghiệp. Theo đó, nhan sắc, sức khỏe, tuổi thọ, tài sản, vị thế, quyền uy, lối sống của con người là do hành vi và thói quen của con người. Ngài khuyến khích con người nỗ lực chuyển nghiệp bằng cách gieo trồng nghiệp mới tích cực thì các nghiệp xấu ác trong quá khứ sẽ trở nên vô hiệu quả.

136. ***Đại kinh Nghiệp phân biệt*** (P. *Mahākammavibhaṅgasuttaṃ*, H. 大業分別經) tương đương *Phân biệt đại nghiệp kinh*.[132] Đức Phật dạy rằng tùy theo bản chất tích cực hay tiêu cực của nghiệp mà cảm giác hạnh phúc hay khổ đau có mặt. Do tác động của duyên, sự trổ quả của nghiệp là có thật. Người sống tà kiến, gieo nhiều bất hạnh sẽ bị khổ đau ở hiện tại hoặc bị đọa lạc cảnh giới thấp trong kiếp tương lai. Có người gieo nghiệp xấu ở hiện tại nhưng do tác động của nghiệp tốt trong quá khứ của bản thân nên chậm trổ quả. Nhân quả là có thật nhưng chuyển nghiệp được nên không có số phận và định mệnh.

---

[128] 阿難說經 (*T*.01. 0026.167. 0699c27).

[129] 溫泉林天經 (*T*.01. 0026.165. 0696b26). Giống nội dung kinh 131, 132. Tham chiếu: *Phật thuyết Thiện dạ kinh* 佛說善夜經 (*T*.21. 1362. 0881c03).

[130] 釋中禪室尊經 (*T*.01. 0026.166. 0698c03). Tham chiếu: *Tôn thượng kinh* 尊上經 (*T*.01. 0077. 0886a25).

[131] 鸚鵡經 (*T*.01. 0026.170. 0703c21). Tham chiếu: *Đâu-điều kinh* 兜調經 (*T*.01. 0078. 0887b04); *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T*.01. 0079. 0888b15); *Phật vị Thủ-ca Trưởng giả thuyết nghiệp báo sai biệt kinh* 佛為首迦長者說業報差別經 (*T*.01. 0080. 0891a17); *Phân biệt thiện ác báo ứng kinh* 分別善惡報應經 (*T*.01. 0081. 0895b25).

[132] 分別大業經 (*T*.01. 0026.171. 0706b12). Tham chiếu: *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.24b. 0238b12).

137. ***Kinh Phân biệt sáu xứ*** (P. *Saḷāyatanavibhaṅgasuttaṃ*, H. 六處分別經) tương đương *Phân biệt lục xứ kinh.*[133] Phật giảng về 6 giác quan, 6 đối tượng, 6 xúc, 6 thức, 18 ý hành (6 khổ, 6 ưu, 6 xả), 36 loại hữu tình (18 ý hành tại gia, 18 ý hành xuất gia), 3 cảm thọ, 3 niệm của Đạo sư và Vô thượng điều ngự. Phật khích lệ tu 8 giải thoát: Nội có sắc quán ngoại sắc, nội không sắc quán ngoại sắc, chú tâm trên thanh tịnh, Hư không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ và Diệt thọ tưởng định.

138. ***Kinh Tổng thuyết và biệt thuyết*** (P. *Uddesavibhaṅgasuttaṃ*, H. 總說分別經) tương đương *Phân biệt quán pháp kinh.*[134] Tôn giả Mahākaccāna giải thích lời Phật dạy về cách vượt qua sự dao động tâm, không chấp dính, không còn khổ về sanh, già, chết. Khi giác quan tiếp xúc ngoại trần cảnh, không đuổi theo tướng ngoài. Tu tập 4 thiền định để không vướng dính nội trần. Không chấp ngã, tự ngã, ngã sở hữu trong thân thể và sắc pháp, nhờ đó, không còn khát ái, không sợ hãi, không bị khủng bố, đạt được an lạc và giải thoát.

139. ***Kinh Vô tránh phân biệt*** (P. *Araṇavibhaṅgasuttaṃ*, H. 無諍分別經) tương đương *Câu-lâu-sấu vô tránh kinh.*[135] Để giúp mọi người vượt qua khổ đau do nghiệp và thói quen tranh chấp, đức Phật dạy kỹ năng tán dương mặt tích cực của người khác, góp ý khéo và đúng lúc, chú tâm vào sự an lạc của thanh tịnh và giác ngộ, giao tiếp bằng lời từ ái, không chấp dính ngôn ngữ và hành xử của người khác, thực tập hỷ xả và bao dung.

140. ***Kinh Giới phân biệt*** (P. *Dhātuvibhaṅgasuttaṃ*, H. 界分別經) tương đương *Phân biệt lục giới kinh.*[136] Để vượt qua mọi chấp thủ, đức Phật khuyên mọi người phát triển 4 siêu việt gồm tôn trọng chân lý, phát triển trí tuệ, chia sẻ tuệ giác và trải nghiệm sự tịch tịnh; nhận thức rõ địa, thủy, hỏa, phong, không vốn không phải là tôi, của tôi và tự ngã của tôi; chuyển hóa cảm xúc, vọng tưởng, tham ái, sân hận, vô minh và vượt qua mọi chấp thủ, đạt được giác ngộ và giải thoát.

141. ***Kinh Phân biệt về sự thật*** (P. *Saccavibhaṅgasuttaṃ*, H. 諦分別經) tương đương *Phân biệt Thánh đế kinh.*[137] Phương pháp chấm dứt khổ đau của đức Phật gồm 4 bước: (i) Nhận diện khổ đau của thân và tâm; (ii) Truy tìm nguyên nhân khổ đau từ tham ái, sân hận và si mê; (iii) Trải nghiệm Niết-bàn khi khổ và nguyên nhân khổ đã kết thúc; (iv) Tu Bát chánh đạo gồm sự hoàn thiện trí tuệ, đạo đức và thiền định; nhờ đó, chứng đắc giác ngộ và giải thoát ở hiện đời.

---

[133] 分別六處經 (*T.*01. 0026.163. 0692b22). Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T.*26. 1536.18. 0440c23).

[134] 分別觀法經 (*T.*01. 0026.164. 0694b13). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.43. 0010c19); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.66. 0017b16).

[135] 拘樓瘦無諍經 (*T.*01. 0026.169. 0701b22).

[136] 分別六界經 (*T.*01. 0026.162. 0690a19). Tham chiếu: *Phật thuyết Bình-sa Vương ngũ nguyện kinh* 佛說蓱沙王五願經 (*T.*14. 0511. 0779a06).

[137] 分別聖諦經 (*T.*01. 0026.31. 0467a28). Tham chiếu: *Tứ đế kinh* 四諦經 (*T.*01. 0032. 0814b08); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.27.1. 0643a26).

142. ***Kinh Phân biệt cúng dường*** (P. *Dakkhiṇāvibhaṅgasuttaṃ*, H. 施分別經) tương đương *Cù-đàm-di kinh*.[138] Dựa vào giá trị đạo đức và sự đóng góp tích cực cho đời, những bậc đáng được cúng dường bao gồm đức Phật, bậc Độc Giác, bậc A-la-hán, bậc Bất Lai, bậc Nhất Lai, bậc Dự Lưu, người đang hướng đến quả Thánh là Tăng Ni và những người đức hạnh. Nhân đây, đức Phật dạy cách cúng dường và bố thí thanh tịnh đối với người cho và người nhận.

143. ***Kinh Giáo giới Cấp Cô Độc*** (P. *Anāthapiṇḍikovādasuttaṃ*, H. 教給孤獨經) tương đương *Giáo hóa bệnh kinh*.[139] Nhằm giúp Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) vượt qua cơn đau nhức kinh khủng, Tôn giả Sāriputta và Ānanda hướng dẫn cách thực tập vô ngã đối với 6 giác quan, 6 đối tượng, 6 xúc, 6 nhận thức; địa, thủy, hỏa, phong, không, thức; thế giới này, thế giới khác. Sau khi thực tập có kết quả, Anāthapiṇḍika đã nhẹ nhàng ra đi và tái sinh vào cõi lành.

144. ***Kinh Giáo giới Channa*** (P. *Channovādasuttaṃ*, H. 教闡陀經).[140] Tuy 2 Tôn giả Sāriputta và Mahācunda động viên Tôn giả Channa hãy kham nhẫn, đồng thời quán chiếu 6 giác quan, 6 đối tượng, 6 nhận thức không phải là ta, sở hữu của ta, tự ngã của ta để vô hiệu hóa cơn đau trên thân, nhưng Tôn giả Channa không chịu đựng nổi, đã tự tử sau đó vì quá đau nhức. Bài kinh dạy phương pháp phi ngã hóa nỗi đau trên thân và nỗi khổ trong tâm, không đánh đồng thân và tâm là tôi, tự ngã của tôi và sở hữu của tôi, nhằm vượt qua hội chứng trầm cảm và tự tử.

145. ***Kinh Giáo giới Phú-lâu-na*** (P. *Puṇṇovādasuttaṃ*, H. 教富樓那經).[141] Được đức Phật xác vấn về lý tưởng truyền bá chân lý, Tôn giả Puṇṇa (Phú-lâu-na) kiên định rằng Ngài không sợ mắng nhiếc, đánh đập, ném đá, dùng hung khí tấn công, thậm chí bị giết chết bởi người dân nước Sunāparanta hung hãn. Giữ được trạng thái an tịnh trong mọi nghịch cảnh và không chấp thủ mọi thứ trên đời là nền tảng thành công trong hành đạo và phụng sự nhân sinh.

146. ***Kinh Giáo giới Nandaka*** (P. *Nandakovādasuttaṃ*, H. 教難陀迦經).[142] Vâng lời Phật dạy, Tôn giả Nandaka giáo giới Ni đoàn về sự vô thường của mọi sự vật hiện tượng gồm 6 giác quan, 6 đối tượng giác quan và 6 nhận thức giác quan vốn không phải là tôi, tự ngã của tôi, sở hữu của tôi; thực tập 7 yếu tố giác ngộ, dùng tuệ giác chặt đứt mọi trói buộc và khổ đau. An trú sự giải thoát bằng tâm (tu thiền) và giải thoát bằng trí tuệ.

---

[138] 瞿曇彌經 (*T*.01. 0026.180. 0721c21). Tham chiếu: *Phân biệt bố thí kinh* 分別布施經 (*T*.01. 0084. 0903b23); *Hiền ngu kinh, Ba-bà-ly phẩm* 賢愚經波婆離品 (*T*.04. 0202.50. 0434a01); *Tạp bảo tạng kinh, Thập xa vương duyên* 雜寶藏經十奢王緣 (*T*.04. 0203.1. 0447a16).

[139] 教化病經 (*T*.01. 0026.28. 0458b28). Tham chiếu: *S*. 55. 26; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1032. 0269c08); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.8. 0819b11).

[140] Tham chiếu: *S*. 35. 87; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1266. 0347b14).

[141] Tham chiếu: *S*. 35. 88; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.311. 0089b01); *Phật thuyết Mãn nguyện tử kinh* 佛說滿願子經 (*T*.02. 0108. 0502c05).

[142] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.276. 0073c09).

147. ***Tiểu kinh Giáo giới La-hầu-la*** (P. *Cūḷarāhulovādasuttaṃ*, H. 教羅睺羅小經).[143] Đức Phật hướng dẫn Rāhula (La-hầu-la) nhận thức sâu sắc rằng 6 giác quan, 6 đối tượng giác quan, 6 tiếp xúc giác quan, về bản chất là vô thường, biến hoại và nếu không làm chủ được sẽ dẫn đến khổ đau. Không nên đánh đồng chúng là tôi, sở hữu của tôi, tự ngã của tôi và không đắm nhiễm vào chúng; đồng thời thực tập ly tham, đạt được giải thoát.

148. ***Kinh Sáu sáu*** (P. *Chachakkasuttaṃ*, H. 六六經) tương đương *Thuyết xứ kinh*.[144] Từ sự tiếp xúc của 6 giác quan với 6 đối tượng, phát sinh 6 nhận thức, 6 cảm nhận và 6 ái luyến giác quan. Nhận diện quá trình sinh khởi và hoại diệt của mọi sự vật, người tu tập sẽ không chấp "tự ngã" đã sinh và diệt nơi tôi, nhàm chám mọi nhiễm đắm, làm chủ bản thân để các năng lượng ngủ ngầm của tham ái, sân hận, si mê không thể xuất hiện, tăng trưởng và dần bị tiêu diệt.

149. ***Đại kinh Sáu xứ*** (P. *Mahāsaḷāyatanikasuttaṃ*, H. 大六處經).[145] Tu tập 37 yếu tố giác ngộ, đặc biệt là Bát chánh đạo, phát huy sự thấy biết như thật về 6 giác quan, 6 đối tượng giác quan, 6 tiếp xúc… tạo ra cảm giác khổ, vui và trung tính. Người tu tập sẽ không nhiễm đắm bất cứ thứ gì trên đời, nhờ đó, 5 nhóm nhân tính không có mặt trong tương lai, tham ái kết thúc, thân và tâm được an lạc.

150. ***Kinh Nói cho dân chúng Nagaravinda*** (P. *Nagaravindeyyasuttaṃ*, H. 頻頭城經).[146] Nhờ tu tập có phương pháp, ở nơi an tịnh, không có điều kiện khởi lên sự ham thích hình thái, âm thanh, các mùi, vị, vật thể xúc chạm và đối tượng, các bậc chân tu nỗ lực chuyển hóa tham ái, sân hận, si mê, làm chủ được cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái biết, do vậy, đáng được tôn kính và cúng dường.

151. ***Kinh Khất thực thanh tịnh*** (P. *Piṇḍapātapārisuddhisuttaṃ*, H. 乞食清淨經).[147] Nhận diện bản chất "không thực thể" trong mọi sự vật, người tu tập khi các giác quan tiếp xúc với đối tượng của chúng, cần làm chủ tâm, không tạo điều kiện cho tham ái, sân hận, si mê xuất hiện. Tinh tấn soi xét bản thân đã chấm dứt được 5 dục lạc, 5 trói buộc tâm chưa? Luôn tự hỏi bản thân đã tu tập 4 niệm xứ, 4 tinh tấn, 4 như ý túc, 5 năng lực, 7 giác ngộ, thiền định, thiền tuệ hay chưa, để quyết tâm tu tập đạt được trí tuệ và giải thoát.

152. ***Kinh Căn tu tập*** (P. *Indriyabhāvanāsuttaṃ*, H. 根修習經).[148] Khác với cách ẩn sĩ Bà-la-môn lánh đời bằng sự bịt mắt, che tai, đức Phật dạy kỹ năng buông bỏ sự dính mắc khi 6 giác quan vẫn tiếp xúc 6 đối tượng hằng ngày, dù hài lòng hay không hài lòng. Các Tăng sĩ nên tinh tấn tu pháp lành, thực hành thiền để không hối hận, trở thành bậc Đạo sư xứng đáng và có trách nhiệm hướng dẫn mọi người giải phóng khổ đau.

---

[143] Tham chiếu: *S.* 35.121; *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.200. 0051a15).

[144] 說處經 (*T.*01. 0026.86. 0562a19). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.304. 0086c23).

[145] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.305. 0087a27).

[146] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.280. 0076c03).

[147] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.236. 0057b03); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.6. 0773b20).

[148] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.282. 0078a22).

Tóm lại, *Kinh Trung bộ* là một tuyển tập 152 kinh không quá dài và cũng không quá ngắn, bao gồm hầu hết các lĩnh vực Phật giáo như cuộc đời đức Phật (từ quá khứ đến quá trình tầm đạo, tu tập và chứng đắc quả vị tối thượng), nhận thức luận, các phẩm chất đạo đức cao thượng của người xuất gia, đời sống các vị Thánh giả trong Tăng đoàn, lộ trình tu tập thiền định, phương pháp thực tập thiền quán, các trạng thái giải thoát bằng tâm và tuệ, tinh thần độ sanh của bậc Đạo sư, các giai thoại hoằng hóa đặc biệt của đức Phật, các quan điểm sai lầm của ngoại đạo sư (về tự ngã, nghiệp, thế giới, nhân sinh, lộ trình tu học)... Nói tóm lại, 152 bài kinh này đã mô tả gần như đầy đủ bức tranh đời sống Tăng đoàn, triết lý Phật giáo và những vấn đề liên hệ. Theo Hòa thượng Thích Minh Châu, "*Kinh Trung bộ là một trong những bộ kinh quan trọng nhất của Kinh tạng Pāli.*" "*Kinh Trung bộ đặt nặng về phần chánh tri kiến và các phương pháp tu hành, nhất là những phần tế nhị trong địa hạt tu trì của vị Tỳ-kheo.*"[149] Hoặc "*đọc Kinh Trung bộ, chúng ta đi sâu vào giáo lý và tư tưởng, đặt nặng về những phản ứng tâm lý tế nhị của người tu hành khi đạt đến những quả vị tối cao*". Hòa thượng còn cho rằng, "*Chưa học Kinh Trung bộ là chưa nắm được tinh hoa của đạo Phật nguyên thủy. Chưa nghiên cứu Kinh Trung bộ rất có thể rơi vào những lệch lạc định nghĩa các danh từ chuyên môn trong đạo Phật mà đức Phật đã dày công định nghĩa, mỗi khi Ngài thuyết giảng giáo lý của Ngài.*"[150]

Ấn bản lần này được đánh số đoạn theo hệ thống Hội Thánh điển Pāli (Pali Text Society) để việc đối chiếu với ấn bản Pāli và các bản dịch quốc tế được thuận lợi hơn. Đồng thời, ấn bản mới này cũng bổ túc thêm một số nội dung trong chú thích hoặc các tựa đề kinh bằng chữ Hán để dễ dàng đối chiếu giữa 152 kinh trong *Kinh Trung bộ* và 222 kinh trong *Trung A-hàm kinh* thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ.

Cầu mong Chánh pháp lan truyền khắp nơi, trời, người và chúng sinh các cõi đều được ân triêm lợi lạc.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19-9-2019

Thượng tọa THÍCH NHẬT TỪ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

[149] Lời giới thiệu, tập III, 1974.

[150] Lời giới thiệu, tập I, 1986.

MỤC LỤC

1. KINH PHÁP MÔN CĂN BẢN

(*Mūlapariyāya Sutta*)[1]

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Ukkaṭṭhā (Tụ Lạc), trong rừng Subhaga (Hạnh Phúc), dưới gốc cây Sa-la vương. Tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các người: "Pháp môn căn bản tất cả pháp." Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. – Này các Tỷ-kheo, ở đây, có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh,[2] không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chân nhân,[3] không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, tưởng tri địa đại là địa đại. Vì tưởng tri địa đại là địa đại, người ấy nghĩ đến địa đại, nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với địa đại, nghĩ đến [tự ngã] như là địa đại, người ấy nghĩ: "Địa đại là của ta", dục hỷ địa đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri địa đại.

Người ấy tưởng tri thủy đại là thủy đại. Vì tưởng tri thủy đại là thủy đại, người ấy nghĩ đến thủy đại, nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với thủy đại, nghĩ đến [tự ngã] như là thủy đại, người ấy nghĩ: "Thủy đại là của ta", dục hỷ thủy đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri thủy đại. Người ấy tưởng tri hỏa đại là hỏa đại. Vì tưởng tri hỏa đại là hỏa đại, người ấy nghĩ đến hỏa đại, nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với hỏa đại, nghĩ đến [tự ngã] như là hỏa đại, người ấy nghĩ: "Hỏa đại là của ta", dục hỷ hỏa đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri hỏa đại. Người ấy tưởng tri phong đại là phong đại. Vì tưởng tri phong đại là phong đại, người ấy nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với phong đại, nghĩ đến [tự

---

[1] Xem *Kvu*. 401. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tưởng kinh* 想經 (*T*.01. 0026.106. 0596b09). Tham chiếu: *Lạc tưởng kinh* 樂想經 (*T*.01. 0056. 0851a23); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.6. 0766a04).

[2] *Ariya*: Chỉ cho đức Phật, Bích-chi Phật và đệ tử của Phật. Ở đây, có thể chỉ cho đức Phật.

[3] *Sappurisa*: Chỉ cho các vị Bích-chi Phật và đệ tử Phật.

ngã] như là phong đại, người ấy nghĩ: "Phong đại là của ta", dục hỷ phong đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri phong đại.

3. Người ấy tưởng tri sanh vật là sanh vật... Người ấy tưởng tri chư Thiên[4] là chư Thiên... Người ấy tưởng tri Sanh chủ[5] là Sanh chủ... Người ấy tưởng tri Phạm thiên là Phạm thiên... Người ấy tưởng tri Quang Âm thiên là Quang Âm thiên... Người ấy tưởng tri Biến Tịnh thiên là Biến Tịnh thiên... Người ấy tưởng tri Quảng Quả thiên là Quảng Quả thiên... Người ấy tưởng tri Abhibhū (Thắng giả)[6] là Abhibhū...

4. Người ấy tưởng tri Không vô biên xứ là Không vô biên xứ... Người ấy tưởng tri Thức vô biên xứ là Thức vô biên xứ... Người ấy tưởng tri Vô sở hữu xứ là Vô sở hữu xứ... Người ấy tưởng tri Phi tưởng phi phi tưởng xứ là Phi tưởng phi phi tưởng xứ...

5. Người ấy tưởng tri sở kiến là sở kiến... Người ấy tưởng tri sở văn là sở văn... Người ấy tưởng tri sở tư niệm là sở tư niệm... Người ấy tưởng tri sở tri là sở tri...

6. Người ấy tưởng tri đồng nhất là đồng nhất... Người ấy tưởng tri sai biệt là sai biệt... Người ấy tưởng tri tất cả là tất cả... Người ấy tưởng tri Niết-bàn[7] là Niết-bàn. Vì tưởng tri Niết-bàn là Niết-bàn, người ấy nghĩ đến Niết-bàn, nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với Niết-bàn, nghĩ đến [tự ngã] như là Niết-bàn, người ấy nghĩ: "Niết-bàn là của ta", dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri Niết-bàn.

7. Này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo Hữu học[8] tâm chưa thành tựu,[9] đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi khổ ách. Vị ấy thắng tri[10] địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy đã không nghĩ đến địa đại, đã không nghĩ [tự ngã] đối chiếu với địa đại, đã không nghĩ đến [tự ngã] như là địa đại, đã không nghĩ: "Địa đại là của ta", không dục hỷ địa đại. Vì sao vậy? Ta nói vị ấy có thể liễu tri địa đại... thủy đại... hỏa đại... phong đại... sanh vật... chư Thiên... Sanh chủ... Phạm thiên... Quang Âm thiên... Biến Tịnh thiên... Quảng Quả thiên... Abhibhū... Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ... sở kiến... sở văn... sở tư niệm... sở tri... đồng nhất... sai biệt... tất cả... Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy

---

[4] *Deva*: Chỉ cho các vị Tứ Thiên Vương và chư thiên cao hơn.

[5] *Pajāpati*: Thường chỉ cho vị Tạo hóa. Ở đây chỉ cho Ma vương, vì Ma vương đôi khi tự xưng là vị Tạo hóa.

[6] *Abhibhū*: Chỉ cho chúng sanh không có tưởng, tức là những vị có thiền định cao.

[7] Niết-bàn: Ở đây chỉ cho sự thọ hưởng năm dục trưởng dưỡng. Người phàm phu xem thọ hưởng năm dục trưởng dưỡng là Niết-bàn. Khái niệm "Niết-bàn" này không tương đồng với khái niệm "Niết-bàn" trong Phật giáo.

[8] Hữu học (*Sekha*): Vị còn phải học, còn phải tu tập, là hạng ở giữa người phàm phu (*puthujjana*) và bậc Vô học (*Asekha*). Người phàm phu không hiểu, vị Hữu học có thể hiểu, bậc Vô học đã hiểu.

[9] *Appattamānasa. Mānasa* có ba: *Rāga* (tham), *Citta* (tâm) và *Arahatta* (A-la-hán quả). Ở đây chỉ cho A-la-hán quả.

[10] *Abhijānāti*: Không phải với tà trí như người phàm phu, nhưng với thắng trí, vị này hiểu rõ các pháp là vô thường, khổ và vô ngã.

đã không nghĩ đến Niết-bàn, đã không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với Niết-bàn, đã không nghĩ đến [tự ngã] như là Niết-bàn, đã không nghĩ: "Niết-bàn là của ta", không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Ta nói vị ấy có thể liễu tri Niết-bàn.

8. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm,[11] đã đặt gánh nặng xuống,[12] đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử,[13] chánh trí giải thoát.[14] Vị ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ [tự ngã] đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta", không dục hỷ địa đại. Vì sao vậy? Ta nói vị ấy đã liễu tri địa đại... thủy đại... hỏa đại... phong đại... sanh vật... chư Thiên... Sanh chủ... Phạm thiên... Quang Âm thiên... Biến Tịnh thiên... Quảng Quả thiên... Abhibhū... Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ... sở kiến... sở văn... sở tư niệm... sở tri... đồng nhất... sai biệt... tất cả... Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta", không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Ta nói vị ấy đã liễu tri Niết-bàn.

9. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Vị ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta", không dục hỷ địa đại. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có tham dục, nhờ tham dục đã được đoạn trừ... thủy đại... hỏa đại... Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta", không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có tham dục, nhờ tham dục đã được đoạn trừ.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Vị ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta", không dục hỷ địa đại. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có sân hận, nhờ sân hận đã được đoạn trừ... thủy đại... hỏa đại... Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy không

---

[11] Vị đã sống theo 10 hạnh của bậc Thánh. Xem *D*. III. 269.

[12] *Ohitabhāra*: Có 3 gánh nặng - *khandha* (uẩn), *kilesa* (phiền não) và *abhisaṅkhāra* (hành) đưa đến tái sanh.

[13] *MA*. liệt kê 10 kiết sử đưa đến tái sanh.

[14] *MA*. chỉ cho 2 loại giải thoát: Tâm giải thoát và Niết-bàn.

nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta", không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có sân hận, nhờ sân hận đã được đoạn trừ.

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Vị ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta", không dục hỷ địa đại. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có si mê, nhờ si mê đã được đoạn trừ… thủy đại... hỏa đại... Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta", không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có si mê, nhờ si mê đã được đoạn trừ.

12. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác,[15] thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, Ngài không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta", không dục hỷ địa đại. Vì sao vậy? Ta nói vì Như Lai đã liễu tri địa đại... thủy đại... hỏa đại... Như Lai thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, Như Lai không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta", không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Ta nói vì Như Lai đã liễu tri Niết-bàn.

13. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, Như Lai không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến [tự ngã] như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta", không dục hỷ địa đại. Vì sao vậy? Vì Như Lai biết rằng: "Dục hỷ là căn bản của đau khổ,[16] từ hữu[17] sanh khởi lên và già chết đến với loài sinh vật."[18] Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói Như Lai với sự diệt trừ hoàn toàn các ái, sự ly tham, sự đoạn diệt, sự xả ly, sự từ bỏ hoàn toàn các ái, đã chơn chánh giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... thủy đại... hỏa đại... Như Lai thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, Như Lai không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến [tự ngã] như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta", không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì Như Lai biết rằng: "Dục hỷ

---

[15] Vì Ngài đã hoàn toàn (*sammā*) giác ngộ đối với các pháp và tự mình giác ngộ. Hoàn toàn không nhờ vả ai nên Ngài được gọi là vị Chánh Đẳng Chánh Giác (*Sammāsambuddha*).

[16] *Dukkha*: Ở đây chỉ cho năm thủ uẩn.

[17] *Bhava*: Hữu, ở đây chỉ cho nghiệp hữu (*kammabhava*).

[18] *MA*. I. 52: Giải thích *bhūta* là cái đã thành và *satta* là hữu tình. *MA*. I. 53 giải thích sự vui thích (*nandī*) thuộc về quá khứ; sanh, già, chết (*jāti, jarā, maraṇa*) thuộc về vị lai; khổ (*dukkha*) và hữu (*bhava*) thuộc về hiện tại.

là căn bản của đau khổ, từ hữu sanh khởi lên và già chết đến với loài sinh vật." Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói Như Lai, với sự diệt trừ hoàn toàn các ái, sự ly tham, sự đoạn diệt, sự xả ly, sự từ bỏ hoàn toàn các ái, đã chơn chánh giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, Thế Tôn thuyết giảng, các Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ[19] tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

[19] Theo *MA*. I. 56, các Tỷ-kheo không hoan hỷ khi nghe kinh này, các vị này ngu si mà tự hào cho rằng mình sáng suốt như đức Phật. Rồi đức Phật giảng *Mūlapariyāyajātaka* để làm cho các vị này hết kiêu mạn. Sau khi đức Phật giảng *Kinh Gotamaka* (*A*. I. 276), các vị này chứng quả A-la-hán. Điều lạ là theo bản chữ La-tinh, các Tỷ-kheo không hoan hỷ, nhưng kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm* lại viết rằng các Tỷ-kheo đều hoan hỷ.

2. KINH TẤT CẢ LẬU HOẶC

(*Sabbāsava Sutta*)[1]

14. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Khi ở tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các người: "Pháp môn[2] phòng hộ tất cả lậu hoặc."[3] Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

15. – Này các Tỷ-kheo, Ta giảng sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy? Có như lý tác ý[4] và không như lý tác ý. Này các Tỷ-kheo, do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Này các Tỷ-kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.

16. Này các Tỷ-kheo, có những lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ,[5] có

---

[1] Xem *M.* III. 128; *S.* II. 29; III. 152; V. 434; *A.* II. 116, 143, 152; III. 128, 161, 387; *It.* 103; *MNid.* 444; *Vin.* I. 1; IV. 129, 327; *Kvu.* 173, 180. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 0026.10. 0431c13). Tham chiếu: *Nhất thiết lưu nhiếp thủ nhân kinh* 一切流攝守因經 (*T*.01. 0031. 0813a05); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.40.6. 0740a25).

[2] *MA.* I. 61 giải thích *pariyāya* là *kārana*, phương tiện hay phương pháp.

[3] *Āsava*: Có 4 lậu hoặc: Dục lậu là tham ái năm trần; hữu lậu là tham ái sắc giới và vô sắc giới; kiến lậu là chấp trước tà kiến; vô minh lậu là không hiểu Bốn sự thật. Xem *MA.* I. 67.

[4] *Yoniso manasikāra* (như lý tác ý): Tác ý đến phương tiện, đến con đường. *Ayoniso manasikāra* (không như lý tác ý): Không tác ý đến phương tiện, đến con đường; hướng tâm trí chống đối sự thật, khiến chấp nhận vô thường là thường, khổ là lạc, vô ngã là ngã, bất tịnh là tịnh. Xem *MA.* I. 64-5.

[5] *Dassana*: "Tri kiến" ở đây chỉ cho Nhập lưu đạo thứ nhất, tri kiến thứ nhất về Niết-bàn. Và như vậy *saṃsāra* hay *vatta* là sự tái sanh không dừng nghỉ, chính do không như lý tác ý. Những người như lý tác ý sẽ tu tập Tám chánh đạo, bắt đầu với Chánh tri kiến. Đây là tri kiến (*yā ca sammādiṭṭhi sā vijjā*). Nhờ Chánh tri kiến sanh khởi, vô minh chấm dứt mà các hành (*saṅkhārā*) được chấm dứt và như vậy tiếp tục chấm dứt sự đau khổ. Như vậy, *Nibbāna* (Niết-bàn) ở đây gọi là *vivaṭṭa*, không còn sanh tử luân chuyển, được xem là y cứ vào như lý tác ý.

những lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.

17. Này các Tỷ-kheo, và thế nào là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không được thấy các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý. Vị này vì không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, vì không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý nên tác ý các pháp không cần phải tác ý và không tác ý các pháp cần phải tác ý. Này các Tỷ-kheo, và thế nào là các pháp không cần phải tác ý mà vị ấy tác ý? Này các Tỷ-kheo, nghĩa là các pháp do vị ấy tác ý làm dục lậu chưa sanh được sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được tăng trưởng; hay hữu lậu chưa sanh được sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được tăng trưởng; hay vô minh lậu[6] chưa sanh được sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được tăng trưởng. Những pháp ấy là những pháp không cần phải tác ý mà vị ấy tác ý. Này các Tỷ-kheo, và thế nào là các pháp cần phải tác ý mà vị ấy không tác ý? Này các Tỷ-kheo, nghĩa là các pháp do vị ấy tác ý làm dục lậu chưa sanh không sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được trừ diệt; hay hữu lậu chưa sanh không sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được trừ diệt; hay vô minh lậu chưa sanh không sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được trừ diệt. Những pháp ấy là những pháp cần phải tác ý mà vị ấy không tác ý. Do vị ấy tác ý các pháp không nên tác ý, không tác ý các pháp cần phải tác ý, nên các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng.

18. Vị ấy không như lý tác ý như sau: "Ta có mặt trong thời quá khứ,[7] hay ta không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ hình vóc như thế nào?[8] Trước kia ta là gì và ta đã có mặt như thế nào trong thời quá khứ? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hình vóc như thế nào? Vị lai ta là gì và ta sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai?" Hay nay vị ấy có nghi ngờ về mình[9] trong thời hiện tại: "Ta có mặt hay ta không có mặt? Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt hình vóc như thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu?"

---

[6] *MA*. I. 67 giải thích sự vắng mặt của kiến lậu như sau: Dục lậu là tham ái năm dục trần; hữu lậu là tham ái sắc giới và vô sắc giới, tham ái các cảnh thiền y cứ vào Thường kiến và Đoạn kiến. Như vậy, kiến lậu đã gồm trong hữu lậu. Vô minh lậu là không biết về Bốn sự thật.

[7] Xem *M*. I. 265 về những câu hỏi này.

[8] *MA*. I. 69 viết: "Ta trông như thế nào, cao hay thấp, trắng hay đen".

[9] *Ajjhatta*: Tự nghi về năm uẩn (*khandha*) của nó, tự nghi sự hiện hữu của nó (*atthibhāva*). Xem *MA*. I. 69.

19. Với người không như lý tác ý như vậy, một trong sáu tà kiến này khởi lên: "Ta có tự ngã",[10] tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chân. "Ta không có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chân. "Do tự mình, ta tưởng tri ta có tự ngã",[11] tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chân. "Do tự mình, ta tưởng tri ta không có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chân. "Không do tự mình, ta tưởng tri ta có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chân. Hay tà kiến này khởi lên với người ấy: "Chính tự ngã của ta nói, cảm giác, hưởng thọ quả báo các nghiệp thiện ác đã làm chỗ này chỗ kia, chính tự ngã ấy của ta là thường trú, thường hằng, hằng tồn, không chuyển biến, và sẽ vĩnh viễn tồn tại." Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược. Này các Tỷ-kheo, bị trói buộc bởi kiến kiết sử, kẻ phàm phu ít nghe không được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói kẻ ấy không thoát khỏi khổ đau.

20. Này các Tỷ-kheo, và vị Thánh đệ tử nghe nhiều, được thấy các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; được thấy các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; tuệ tri các pháp cần phải tác ý, tuệ tri các pháp không cần phải tác ý. Vị này, nhờ tuệ tri các pháp cần phải tác ý, nhờ tuệ tri các pháp không cần phải tác ý, nên không tác ý các pháp không cần phải tác ý và tác ý các pháp cần phải tác ý. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp không cần phải tác ý và vị này không tác ý? Này các Tỷ-kheo, những pháp nào do tác ý mà dục lậu chưa sanh được sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được tăng trưởng; hay hữu lậu chưa sanh... (như trên)... hay vô minh lậu chưa sanh được sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được tăng trưởng, đó là những pháp không nên tác ý và vị ấy không tác ý. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải tác ý và vị ấy tác ý? Này các Tỷ-kheo, những pháp nào do tác ý mà dục lậu chưa sanh không sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được trừ diệt, hay hữu lậu chưa sanh... (như trên)... hay vô minh lậu chưa sanh không sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được trừ diệt, đó là những pháp cần phải tác ý và vị ấy tác ý. Nhờ vị ấy không tác ý các pháp không cần phải tác ý, tác ý các pháp cần phải tác ý nên các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.

21. Vị ấy như lý tác ý: "Đây là khổ", như lý tác ý: "Đây là khổ tập", như lý tác ý: "Đây là khổ diệt", như lý tác ý: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Nhờ vị ấy tác ý như vậy, ba kiết sử được trừ diệt: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ.

22. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do phòng hộ được

[10] Đây là quan điểm của các vị chủ trương Thường kiến, xem ngã là thường còn trong tất cả thời.

[11] Đây là quan điểm của các vị chủ trương Đoạn kiến, chấp trước sự không hiện hữu của các loài hữu tình. Xem *MA*. I. 70.

đoạn trừ? Ở đây, có Tỷ-kheo như lý giác sát sống phòng hộ với sự phòng hộ con mắt. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ con mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ con mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Vị ấy như lý giác sát sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ tai... (như trên)... sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ mũi... (như trên)... sống phòng hộ với sự phòng hộ lưỡi... (như trên)... sống như lý giác sát phòng hộ với sự phòng hộ thân căn... (như trên)... sống như lý giác sát phòng hộ với sự phòng hộ ý căn. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ ý căn, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ ý căn, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ.

23. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát thọ dụng y phục chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự trần truồng. Vị ấy như lý giác sát thọ dụng món ăn khất thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để [thân này] khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn." Vị ấy như lý giác sát thọ dụng sàng tọa chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loại bò sát, chỉ để giải trừ nguy hiểm của thời tiết, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh. Vị ấy như lý giác sát thọ dụng dược phẩm trị bệnh chỉ để ngăn chặn các cảm giác thống khổ đã sanh, để được ly khổ hoàn toàn. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ.

24. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo như lý giác sát kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lỵ, phỉ báng. Vị ấy có tánh kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ.

25. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn

trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước nhớp, vũng nước. Những chỗ ngồi không xứng đáng nếu ngồi, những trú xứ không nên lai vãng nếu đến, những bạn bè ác độc nếu giao du mà bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường, vị ấy như lý giác sát tránh né chỗ ngồi không xứng đáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và các bạn bè độc ác ấy. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ.

26. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát không có chấp nhận dục niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại [dục niệm ấy]; không có chấp nhận sân niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại [sân niệm ấy]; không có chấp nhận hại niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại [hại niệm ấy]; không chấp nhận các ác, bất thiện pháp luôn luôn khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại [các ác, bất thiện pháp ấy]. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ.

27. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát tu tập Niệm giác chi, Niệm giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ;[12] như lý giác sát tu tập Trạch pháp giác chi... (như trên)... tu tập Tinh tấn giác chi... tu tập Hỷ giác chi... tu tập Khinh an giác chi... tu tập Định giác chi... tu tập Xả giác chi, Xả giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.

28. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo, những lậu hoặc nào phải do tri kiến được đoạn trừ, đã được tri kiến đoạn trừ; những lậu hoặc nào phải do phòng hộ được đoạn trừ, đã được phòng hộ đoạn trừ; những lậu hoặc nào phải do thọ dụng được đoạn trừ, đã được thọ dụng đoạn trừ; những lậu hoặc nào phải do kham nhẫn được đoạn trừ, đã được kham nhẫn đoạn trừ; những lậu hoặc nào phải do tránh né được đoạn trừ, đã được tránh né đoạn trừ; những lậu hoặc nào phải do trừ diệt được đoạn trừ, đã được trừ diệt đoạn trừ; những lậu hoặc nào phải do tu tập được đoạn trừ, đã được tu tập đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được

---

[12] *Vossaggapariṇāmī:* Sự từ bỏ các phiền não (*kilesa*), sự thẳng tiến đến Niết-bàn, và chính con đường (*magga*) đưa đến sự chấm dứt, sự từ bỏ, giải thoát. Xem *MA*. I. 85; *SA*. I. 159; *VbhA*. 316.

gọi là đã sống phòng hộ với sự phòng hộ tất cả lậu hoặc, đã đoạn diệt khát ái, đã thoát ly kiết sử, đã chánh quán[13] kiêu mạn, đã diệt tận khổ đau.

Như vậy Thế Tôn thuyết giảng, các Tỳ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

[13] Nhờ tri kiến và sự từ bỏ. Xem *MA*. I. 87.

3. KINH THỪA TỰ PHÁP

(*Dhammadāyāda Sutta*)[1]

29. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Khi ở tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, hãy là những người thừa tự pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật.[2] Ta có lòng thương tưởng các người và Ta nghĩ: "Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật." Và này các Tỷ-kheo, nếu các người là những người thừa tự tài vật của Ta, không phải là những người thừa tự pháp, thì không những các người trở thành những người mà người ta nói: "Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự pháp", và cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: "Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự pháp." Và này các Tỷ-kheo, nếu các người là những người thừa tự pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật, thời không những các người trở thành những người mà người ta nói: "Cả thầy và trò là những người thừa tự pháp, không phải là những người thừa tự tài vật", và cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: "Cả thầy và trò đều là những người thừa tự pháp, không phải là những người thừa tự tài vật." Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy là những người thừa tự pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật. Ta có lòng thương tưởng các người và Ta nghĩ: "Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật."

30. Này các Tỷ-kheo, ở đây, một thời Ta ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý, và còn lại đồ ăn tàn thực[3] của Ta đáng được quăng bỏ. Khi ấy có hai Tỷ-kheo đến, đói lả và kiệt sức. Ta có thể

---

[1] Xem *Miln*. 240. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.18.3. 0587c16).

[2] *It*. 101 viết *āmisa* chỉ cho tài vật như 4 loại đồ dùng của Tỷ-kheo. Tuy nhiên, *MA*. I. 89-90 viết *āmisa* theo cách ẩn dụ.

[3] *Vin*. IV. 81, *Pācittiya* 35 viết là vị Tỷ-kheo có thể ăn đồ tàn thực.

nói với hai vị ấy: "Này các Tỷ-kheo, Ta ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý, và còn lại đồ ăn tàn thực này của Ta đáng được quăng bỏ. Nếu các người muốn, hãy ăn đi. Nếu các người không muốn ăn, Ta sẽ quăng đồ ăn ấy tại chỗ không có cỏ xanh, hay Ta sẽ bỏ xuống chỗ nước không có chúng sanh trong ấy."[4] Rồi một Tỷ-kheo có thể nghĩ như sau: "Nay Thế Tôn ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý, và đây là đồ ăn tàn thực của Thế Tôn đáng được quăng bỏ. Nếu chúng ta không ăn, Thế Tôn sẽ quăng đồ ăn ấy tại chỗ không có cỏ xanh, hay sẽ bỏ xuống chỗ nước không có chúng sanh trong ấy. Nhưng Thế Tôn có dạy như sau: 'Này các Tỷ-kheo, hãy là người thừa tự pháp của Ta, đừng là người thừa tự tài vật.' Đây là loại tài vật, món đồ ăn này. Ta hãy không ăn loại đồ ăn này và trải qua đêm ngày hôm nay, bị đói lả và kiệt sức." Rồi vị ấy không ăn loại đồ ăn này và trải qua đêm ngày ấy, đói lả và kiệt sức. Tỷ-kheo thứ hai nghĩ như sau: "Thế Tôn ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý, và đây là đồ ăn tàn thực của Thế Tôn đáng được quăng bỏ. Nếu chúng ta không ăn, Thế Tôn sẽ quăng đồ ăn ấy tại chỗ không có cỏ xanh, hay sẽ bỏ xuống chỗ nước không có chúng sanh trong ấy. Vậy ta hãy ăn loại đồ ăn này, trừ bỏ đói lả và kiệt sức, và trải qua đêm ngày hôm nay như vậy." Rồi vị ấy ăn loại đồ ăn ấy, trừ bỏ đói lả và kiệt sức, và trải qua đêm ngày hôm ấy như vậy. Này các Tỷ-kheo, dầu cho Tỷ-kheo này, sau khi ăn loại đồ ăn ấy, trừ bỏ đói lả và kiệt sức, và trải qua đêm ngày hôm ấy như vậy; nhưng đối với Ta, Tỷ-kheo đầu tiên đáng được kính nể hơn, và đáng được tán thán hơn. Vì sao vậy? Vì như vậy sẽ đưa đến cho Tỷ-kheo ấy, trong một thời gian lâu ngày, ít dục, biết đủ, khổ hạnh, dễ nuôi dưỡng, tinh cần, tinh tấn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy là người thừa tự pháp của Ta, đừng là người thừa tự tài vật.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Nói xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh xá.

31. Lúc ấy, Tôn giả Sāriputta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói:

– Này các Hiền giả, như thế nào vị Đạo sư sống viễn ly mà các đệ tử không tùy học viễn ly? Và như thế nào vị Đạo sư sống viễn ly và các đệ tử tùy học viễn ly?

– Này Hiền giả, chúng tôi từ xa lại để được hiểu nghĩa lý câu nói này từ Tôn giả Sāriputta. Lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta thuyết giảng nghĩa lý câu nói ấy. Sau khi được nghe Tôn giả Sāriputta thuyết giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

---

[4] *Pācittiya* 20 và 62 cho là phạm tội Ba-dật-đề nếu Tỷ-kheo cố ý dùng nước có chúng sanh.

– Chư Hiền, vậy hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này chư Hiền, ở đây vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly. Những pháp nào vị Đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ không từ bỏ, và họ sống trong sự đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc,[5] bỏ rơi gánh nặng[6] sống viễn ly.[7] Này chư Hiền, các Thượng tọa Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng bị quở trách. Vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các Thượng tọa Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và những pháp nào vị Đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ không từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các Thượng tọa Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và họ sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các Thượng tọa Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Này chư Hiền, các Thượng tọa Tỷ-kheo do ba trường hợp này đáng bị quở trách. Này chư Hiền, các Trung tọa Tỷ-kheo[8]... (như trên). Này chư Hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo,[9] có ba trường hợp đáng bị quở trách. Vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và những pháp nào vị Đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ không từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và họ sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Này chư Hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo do ba trường hợp này, đáng bị quở trách. Này chư Hiền, như vậy là những trường hợp vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly.

32. Và như thế nào, vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly? Này chư Hiền, vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly. Những pháp nào vị Đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ, và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, họ bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc và dẫn đầu về sống viễn ly. Này chư Hiền, các Thượng tọa Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng được tán thán. Vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các Thượng tọa Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và những pháp nào vị Đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các Thượng tọa Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, họ bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc và dẫn đầu về sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các Thượng tọa Tỷ-kheo đáng được tán thán. Này chư Hiền, các Thượng tọa Tỷ-kheo do ba trường hợp này, đáng được tán thán. Này

[5] *Okkamana*: Đối với năm triền cái. Xem *MA*. I. 101.

[6] *Nikkhittadhura*: Quăng bỏ, trút bỏ trách nhiệm.

[7] Viễn ly tham ái, tức là Niết-bàn. Xem *MA*. I. 101.

[8] Những Tỷ-kheo thọ giới từ 5 đến 9 năm. Xem *MA*. I. 102.

[9] Những Tỷ-kheo thọ giới dưới 5 năm.

chư Hiền, các Trung tọa Tỷ-kheo... (như trên). Này chư Hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng được tán thán. Vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và những pháp nào vị Đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, họ bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc và dẫn đầu về viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Này chư Hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo do ba trường hợp này, đáng được tán thán. Này chư Hiền, như vậy là những trường hợp vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly.

33. Ở đây, này chư Hiền, tham là ác pháp và sân cũng là ác pháp. Có một con đường Trung đạo diệt trừ tham và diệt trừ sân, khiến [tịnh]nhãn[10] sanh, khiến [chân] trí[11] sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ,[12] Niết-bàn. Và này chư Hiền, con đường Trung đạo ấy là gì, [con đường] khiến [tịnh] nhãn sanh, khiến [chân] trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Đó là con đường Thánh tám ngành, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này chư Hiền, đó là con đường Trung đạo, khiến [tịnh] nhãn sanh, khiến [chân] trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Ở đây, này chư Hiền, phẫn nộ là ác pháp và hiềm hận[13] cũng là ác pháp… giả dối là ác pháp và não hại cũng là ác pháp… tật đố là ác pháp và xan lận cũng là ác pháp… man trá là ác pháp và phản bội cũng là ác pháp… ngoan cố là ác pháp và bồng bột nông nổi cũng là ác pháp… mạn là ác pháp và tăng thượng mạn cũng là ác pháp… kiêu là ác pháp và phóng dật cũng là ác pháp. Có một con đường Trung đạo diệt trừ kiêu và diệt trừ phóng dật, khiến [tịnh] nhãn sanh, khiến [chân] trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Và này chư Hiền, con đường Trung đạo ấy là gì, [con đường] khiến [tịnh] nhãn sanh, khiến [chân] trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Đó là con đường Thánh tám ngành, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này chư Hiền, đó là con đường Trung đạo khiến [tịnh] nhãn sanh, khiến [chân] trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời giảng của Tôn giả Sāriputta.

---

[10] Tịnh nhãn đối với Bốn sự thật.

[11] Nhờ trừ diệt tham ái.

[12] *Sambodho ti maggo*: Giác ngộ là con đường. Con đường này là Tám Thánh đạo.

[13] Các danh từ này được định nghĩa trong *Vbh*. 357.

4. KINH SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM

(*Bhayabherava Sutta*)[1]

34. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, có những thiện nam tử, vì lòng tin Tôn giả Gotama, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama là vị lãnh đạo. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama giúp ích rất nhiều. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama là vị khích lệ sách tấn.[2] Các vị này chấp nhận tuân theo quan điểm của Tôn giả Gotama.

– Này Bà-la-môn, thật sự là vậy! Này Bà-la-môn, thật sự là vậy! Này Bà-la-môn, có những thiện nam tử, vì lòng tin nơi Ta, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta là vị lãnh đạo của họ. Ta đã giúp ích rất nhiều cho họ. Ta là vị khích lệ sách tấn cho họ. Và các vị này chấp nhận tuân theo quan điểm của Ta.

– Tôn giả Gotama, thật khó kham nhẫn khi sống trong những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Con nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng thiền định.

– Này Bà-la-môn, thật sự là vậy! Này Bà-la-môn, thật sự là vậy! Này Bà-la-môn, thật khó kham nhẫn khi sống trong những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng thiền định.

35. Này Bà-la-môn, xưa kia khi Ta chưa chứng ngộ Chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, Ta nghĩ như sau: "Thật khó kham nhẫn khi sống trong những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng thiền định." Này Bà-la-môn, rồi Ta suy nghĩ: "Những

---

[1] Xem *M.* I. 160, 327; II. 209; *MNid.* 338. Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.1. 0665b17).

[2] *Samādapetā. MA.* III. 4, 6 giải thích Gotama là vị cố vấn, là vị giảng dạy con đường đưa đến Niết-bàn.

Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thân nghiệp không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước thân nghiệp không thanh tịnh, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có thân nghiệp không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Thân nghiệp Ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh với thân nghiệp thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát thân nghiệp hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tín[3] được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

36. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có khẩu nghiệp không thanh tịnh... (như trên)... có ý nghiệp không thanh tịnh... (như trên)... có mạng sống không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước mạng sống không thanh tịnh, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có mạng sống không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Mạng sống Ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh với mạng sống thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát mạng sống hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

37. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào tham dục, có ái dục cường liệt, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước tham dục, có ái dục cường liệt, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tham dục, ái dục cường liệt, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta không có tham dục, Ta là một trong những bậc Thánh không có tham dục, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có tham dục như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

38. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có tâm sân hận ác ý, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước tâm sân hận ác ý, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tâm sân hận ác ý, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta có từ tâm, Ta là một trong những bậc Thánh có từ tâm, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta có từ tâm như vậy, Ta cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

39. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những

---

[3] *Palloma*. *MA*. I. 114 viết *pannalomata*, *khema*, *sotthibhāva*, có nghĩa là an ổn, an ninh, an tịnh.

Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị hôn trầm thụy miên chi phối, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước bị hôn trầm thụy miên chi phối, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không bị hôn trầm thụy miên chi phối, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta không có hôn trầm thụy miên. Ta là một trong những bậc Thánh không có hôn trầm thụy miên, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có hôn trầm thụy miên như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

40. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào dao động, tâm không an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước bị dao động, tâm không an tịnh, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có dao động, tâm không phải không an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta không có dao động, tâm được an tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh không có dao động, tâm được an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta được an tịnh như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

41. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nghi hoặc, do dự, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước nghi hoặc, do dự, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có nghi hoặc, do dự, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta diệt trừ được nghi hoặc. Ta là một trong những bậc Thánh diệt trừ được nghi hoặc, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta diệt trừ được nghi hoặc như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

42. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào khen mình, chê người sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước khen mình, chê người, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có khen mình, chê người, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta không có khen mình, không có chê người. Ta là một trong những bậc Thánh không có khen mình, không có chê người, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta không có khen mình, không có chê người như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

43. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào run rẩy, sợ hãi, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước run rẩy, sợ hãi, những Sa-môn

hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có run rẩy, sợ hãi, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta không có lông tóc dựng ngược. Ta là một trong những bậc Thánh không có lông tóc dựng ngược, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có lông tóc dựng ngược như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

44. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta là người ít dục. Ta là một trong những bậc Thánh ít dục, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta là người ít dục như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

45. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biếng nhác, kém tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước biếng nhác, kém tinh tấn, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có biếng nhác, kém tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta siêng năng, tinh tấn. Ta là một trong những bậc Thánh siêng năng, tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta siêng năng, tinh tấn như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

46. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thất niệm, không tỉnh giác, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước thất niệm, không tỉnh giác, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có thất niệm, không phải không tỉnh giác, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta an trú niệm. Ta là một trong những bậc Thánh an trú niệm, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta quán sát Ta an trú niệm như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

47. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không định tĩnh, tâm bị tán loạn, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước không định tĩnh, tâm bị tán loạn, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta được định tĩnh, tâm không bị tán loạn, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta thành tựu định tâm. Ta là một trong những bậc Thánh thành tựu định tâm, sống tại các trú xứ xa vắng

trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta thành tựu định tâm như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

48. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào liệt tuệ, đần độn,[4] sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước liệt tuệ, đần độn, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có liệt tuệ, đần độn, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta thành tựu trí tuệ. Ta là một trong những bậc Thánh thành tựu trí tuệ, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta thành tựu trí tuệ như vậy, tự cảm thấy lòng tự tín được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.

49. Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Trong những đêm được biết đến, được xác định, đêm mười bốn, đêm mười lăm, đêm mùng tám[5] mỗi nửa tháng, trong những đêm như vậy, Ta hãy đến ở tại các trú xứ hãi hùng, lông tóc dựng ngược, như tự miếu tại các thảo viên,[6] tự miếu tại các rừng núi, tự miếu tại các cây cối, để Ta có thể thấy sự sợ hãi khiếp đảm ấy." Này Bà-la-môn, sau một thời gian, trong những đêm được biết đến, được xác định, đêm mười bốn, đêm mười lăm, đêm mùng tám mỗi nửa tháng, trong những đêm như vậy, Ta đến ở tại các trú xứ hãi hùng, lông tóc dựng ngược như vậy, như tự miếu tại các thảo viên, tự miếu tại các rừng núi, tự miếu tại các cây cối. Này Bà-la-môn, trong khi Ta ở tại các chỗ ấy, một con thú có thể đến, hay một con công làm rơi một cành cây, hay gió làm rung động các lá rơi; Ta khởi lên ý nghĩ: "Nay sự sợ hãi khiếp đảm ấy đã đến!" Này Bà-la-môn, rồi Ta suy nghĩ: "Sao Ta ở đây, chỉ để mong đợi sự sợ hãi khiếp đảm chớ không gì khác? Trong bất cứ hành vi cử chỉ nào của Ta mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, trong hành vi cử chỉ ấy, Ta hãy trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy." Này Bà-la-môn, trong khi Ta đi kinh hành qua lại mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta không đứng, Ta không ngồi, Ta không nằm, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đi kinh hành qua lại. Này Bà-la-môn, trong khi Ta đang đứng mà sự sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta không kinh hành qua lại, Ta không ngồi, Ta không nằm, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang đứng. Này Bà-la-môn, trong khi Ta đang ngồi mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta không nằm, Ta không đứng, Ta không kinh hành qua lại, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang ngồi. Này Bà-la-môn, trong khi Ta đang nằm mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta không ngồi, Ta không đứng, Ta không kinh hành qua lại, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang nằm.

---

[4] *Eḷamūgā. MA*. I. 118 giải thích là *eḷamukhā*, chữ *gā* từ chữ *khā* biến thể. *Eḷamukhā* nghĩa là nước miếng chảy từ miệng ra. Kẻ ngu si trong khi nói, chảy nước miếng nên gọi là *eḷamugā*.

[5] *Vin*. I. 102 viết đây là ba ngày dành để giảng pháp.

[6] *Ārāma*: Vườn hoa, vườn cây. Xem *MA*. I. 119.

50. Này Bà-la-môn, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn nghĩ rằng ngày giống như đêm, nghĩ rằng đêm giống như ngày. Như vậy, Ta nói rằng những Sa-môn, Bà-la-môn ấy sống trong si ám. Này Bà-la-môn, Ta nghĩ rằng đêm là đêm, nghĩ rằng ngày là ngày. Này Bà-la-môn, ai nói một cách chơn chánh sẽ nói như sau: "Vị hữu tình nào không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời và loài người." Vị ấy khi nói một cách chơn chánh về Ta, sẽ nói như sau: "Là vị hữu tình không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời và loài người."

51. Này Bà-la-môn, Ta tinh cần, tinh tấn, không lười biếng. Ta an trú chánh niệm, không có tán loạn, thân được khinh an, không có dao động, tâm được định tĩnh, chuyên nhất. Này Bà-la-môn, Ta ly dục, ly các ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tầm với tứ. Diệt tầm và tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

52. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng trí. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ này. Tại chỗ này, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ này, Ta được sanh ra ở đây." Như vậy Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Bà-la-môn, trong đêm canh đầu Ta chứng được Minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

53. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Sanh tử trí về chúng sanh. Ta với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp

theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này Bà-la-môn, trong đêm canh giữa, Ta chứng được Minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

54. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Ta thắng tri như thật: "Đây là khổ", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", thắng tri như thật: "Đây là khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt." Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Ta đã thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa." Này Bà-la-môn, trong đêm canh ba, Ta chứng được Minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

55. Này Bà-la-môn, ông có thể có tư tưởng như sau: "Nay Sa-môn Gotama chưa diệt trừ tham, chưa diệt trừ sân, chưa diệt trừ si, nên sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu." Này Bà-la-môn, chớ có hiểu như vậy. Do Ta quán sát hai mục đích mà Ta sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Tự thấy sự hiện tại lạc trú và vì lòng thương tưởng chúng sanh trong tương lai.

56. – Chúng sanh trong tương lai được Tôn giả Gotama thương tưởng, vì Tôn giả là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

5. KINH KHÔNG UẾ NHIỄM

(*Anaṅgaṇa Sutta*)[1]

57. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở tại đây, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này chư Hiền, ở đời có bốn hạng người. Thế nào là bốn? Chư Hiền, ở đây, có hạng người có cấu uế[2] nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế." Lại nữa, chư Hiền, ở đây, có hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế." Lại nữa, chư Hiền, ở đây có hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế." Lại nữa, chư Hiền, ở đây, có hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế." Chư Hiền, ở đây, hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế." Trong hai hạng người có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người hạ liệt. Chư Hiền, ở đây, hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế." Trong hai hạng người có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người ưu thắng. Chư Hiền, ở đây, có hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế." Trong hai hạng người không có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người hạ liệt. Chư Hiền, ở đây, hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế." Trong hai hạng người không có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người ưu thắng.

58. Được nghe nói như vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) nói với Tôn giả Sāriputta như sau:

– Tôn giả Sāriputta, do nhân gì, do duyên gì trong hai hạng người có cấu uế này, một hạng người được gọi là hạ liệt, một hạng người được gọi là ưu thắng? Tôn giả Sāriputta, do nhân gì, do duyên gì trong hai hạng người không

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Uế phẩm kinh* 穢品經 (*T*.01. 0026.87. 0566a13). Tham chiếu: *Cầu dục kinh* 求欲經 (*T*.01. 0049. 0839a05); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.6. 0632a20).

[2] *Vbh*. 368 viết tham, sân, si được gọi là ba cấu uế. *MA*. I. 139 xem các cấu uế đồng nghĩa với các phiền não.

có cấu uế này, một hạng người được gọi là hạ liệt, một hạng người được gọi là ưu thắng?

59. – Ở đây, Hiền giả, hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế." Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không khởi lên ước muốn, sẽ không cố gắng, sẽ không tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm." Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, phủ đầy bụi bặm, và người chủ cái bát ấy không dùng đến, không lau chùi và quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian càng ô nhiễm hơn, càng đầy bụi bặm hơn.

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế." Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không khởi lên ước muốn, sẽ không cố gắng, sẽ không tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm."

Ở đây, này Hiền giả, hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế." Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ khởi lên ước muốn, sẽ cố gắng, sẽ tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi không còn tham, không còn sân, không còn si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm." Này Hiền giả, giống như cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, phủ đầy bụi bặm, người chủ cái bát ấy dùng đến, lau chùi và không quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian được thanh tịnh hơn, được sạch sẽ hơn.

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế." Với hạng người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ khởi lên ước muốn, sẽ cố gắng, sẽ tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi không còn tham, không còn sân, không còn si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm."

Ở đây, này Hiền giả, hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế." Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ tư niệm tịnh tướng. Do tư niệm tịnh tướng, tham sẽ làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm." Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, thanh tịnh và sạch sẽ. Và người chủ cái bát ấy không dùng đến, không lau chùi và quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian, càng ô nhiễm hơn, càng bụi bặm hơn.

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế." Với người này có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ tư niệm tịnh tướng. Do tư niệm tịnh tướng, tham sẽ làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm."

Ở đây, này Hiền giả, hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế." Với người này có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không tư niệm tịnh tướng. Do không tư niệm tịnh tướng, tham sẽ không làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần, trong khi không có tham, không có sân, không có si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm." Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, thanh tịnh và sạch sẽ và người chủ cái bát ấy dùng đến, lau chùi và không quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian, càng được thanh tịnh hơn, càng được sạch sẽ hơn.

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế." Với người này có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không tư niệm tịnh tướng. Do không tư niệm tịnh tướng, tham sẽ không làm ô nhiễm tâm người này. Người này sẽ từ trần, không có tham, không có sân, không có si, không còn cấu uế, tâm không còn ô nhiễm."

Này Hiền giả Moggallāna, do nhân này, do duyên này, trong hai người có cấu uế này, một người được gọi là hạ liệt, một người được gọi là ưu thắng. Này Hiền giả Moggallāna, do nhân này, do duyên này, trong hai người này không có cấu uế, một người được gọi là hạ liệt, một người được gọi là ưu thắng.

60. Này Hiền giả, cấu uế gọi là cấu uế, danh từ gì là đồng nghĩa cái gọi là cấu uế? Này Hiền giả, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục là đồng nghĩa cái gọi là cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng các Tỷ-kheo chớ có biết rằng ta đã phạm giới tội." Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Các Tỷ-kheo có thể biết được Tỷ-kheo ấy đã phạm giới tội. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo đã biết được ta đã phạm giới tội." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng các Tỷ-kheo hãy quở trách ta ở chỗ kín đáo, không phải ở giữa Tăng chúng." Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Các Tỷ-kheo quở trách Tỷ-kheo ấy ở giữa Tăng chúng, không phải ở chỗ kín đáo. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo quở trách ta ở giữa Tăng chúng, không phải ở chỗ kín đáo." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng một Tỷ-kheo đồng đẳng[3] hãy quở trách ta, chớ không phải một vị không đồng đẳng." Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Một Tỷ-kheo không đồng đẳng quở trách Tỷ-kheo ấy, không phải một Tỷ-kheo đồng đẳng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo không đồng đẳng quở trách ta, không phải một Tỷ-kheo đồng đẳng." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng bậc Đạo sư hãy hỏi ta nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo! Mong rằng bậc Đạo sư không hỏi Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo!" Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Bậc Đạo sư hỏi một Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo, bậc Đạo sư không hỏi Tỷ-kheo ấy nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư hỏi một Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Bậc Đạo sư không hỏi ta nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng các Tỷ-kheo hãy để ta đi trước trong khi vào làng để dùng cơm! Mong rằng các Tỷ-kheo không để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm!" Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Các Tỷ-kheo để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm, các Tỷ-kheo không để Tỷ-kheo ấy đi trước trong khi vào làng để dùng cơm. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm, các Tỷ-kheo không để ta đi trước trong khi vào làng để dùng cơm." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng tại chỗ ăn, ta được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khất thực tốt nhất! Mong rằng Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khất thực tốt nhất!" Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khất thực tốt nhất. Còn Tỷ-kheo ấy tại chỗ ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khất thực tốt nhất. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khất thực tốt nhất. Tại chỗ ăn, ta không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khất thực tốt nhất." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

---

[3] *Sappaṭipuggala. MA*. I. 144 giải thích là một người đồng đẳng. Đồng đẳng có nghĩa là đồng phạm giới tội; hay có nghĩa người này ngang hàng về gia đình, dòng tộc, kinh nghiệm, tu khổ hạnh.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng, tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, ta sẽ thuyết tùy hỷ pháp, không phải Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, sẽ thuyết tùy hỷ pháp!" Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, thuyết tùy hỷ pháp. Tỷ-kheo ấy tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, không thuyết tùy hỷ pháp. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, thuyết tùy hỷ pháp. Ta tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, không thuyết tùy hỷ pháp." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tinh xá, chớ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tinh xá!" Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tinh xá. Còn Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tinh xá, Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tinh xá, còn ta không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tinh xá." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni tụ tập tại ngôi tinh xá, chớ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni tụ tập tại ngôi tinh xá!"… "Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các nam cư sĩ tụ tập tại ngôi tinh xá, chớ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các nam cư sĩ tụ tập tại ngôi tinh xá!"... "Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tinh xá, chớ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tinh xá!" Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tinh xá. Còn Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp cho các nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tinh xá. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tinh xá. Còn ta không thuyết pháp cho các nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tinh xá." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta. Các vị Tỷ-kheo chớ có cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác!" Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác. Các Tỷ-kheo không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác, chớ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng các Tỷ-kheo-ni cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta. Các vị Tỷ-kheo-ni chớ có cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác!"… "Mong rằng các nam cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta. Các nam cư sĩ chớ có cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác!"… "Mong rằng các nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta. Các nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác!" Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Các nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác. Các nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác. Các nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng ta nhận được các y phục tối thắng, Tỷ-kheo khác không nhận được các y phục tối thắng!" Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Một Tỷ-kheo khác nhận được các y phục tối thắng, Tỷ-kheo ấy không nhận được các y phục tối thắng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác nhận được các y phục tối thắng, ta không nhận được các y phục tối thắng." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng ta nhận được các đồ ăn khất thực tối thắng, Tỷ-kheo khác không nhận được các đồ ăn khất thực tối thắng!"... "Mong rằng ta nhận được các sàng tọa tối thắng, Tỷ-kheo khác không nhận được các sàng tọa tối thắng!"… "Mong rằng ta nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng, Tỷ-kheo khác không nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng!" Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: Một Tỷ-kheo khác nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng, còn Tỷ-kheo ấy không nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng, còn ta không nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng." Do đó, vị này trở thành phẫn nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phẫn nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này là đồng nghĩa cái gọi là cấu uế.

61. Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này còn được thấy và được nghe là chưa được diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy là vị sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng, sống hạnh khất thực, thứ lớp khất thực[4] từng nhà một, theo hạnh mang phấn tảo y, mặc y phục thô xấu, thời các đồng Phạm hạnh không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo

[4] Không phải lựa chọn nhà để khất thực, mà tuần tự đi từ nhà này đến nhà khác, như *Sekhiya* 33.

ấy. Vì sao vậy? Vì các vị Tôn giả này còn được thấy và còn được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới dục của Tỷ-kheo ấy chưa được diệt trừ. Này Hiền giả, ví như một bát bằng đồng, mang từ chợ về hay từ nhà người thợ rèn về, bát ấy thanh tịnh, sạch sẽ. Nhưng người chủ của bát ấy đựng đầy bát với xác rắn, xác chó hay xác người, đậy lại với một cái bát đồng khác rồi mang về hàng chợ lại. Có người thấy vậy bèn hỏi: "Bạn mang cái gì có vẻ đẹp đẽ ngon lành vậy?" Khi cầm cái bát lên, mở ra và nhìn vào, thì với người ấy, không ưa thích khởi lên, sự ghê tởm khởi lên, và sự yếm ố khởi lên. Những người đói còn chưa muốn ăn các thứ ấy, huống nữa là những người đã no. Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này còn được thấy và được nghe là chưa được diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy là vị sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng, sống hạnh khất thực, thứ lớp khất thực từng nhà một, theo hạnh mang phấn tảo y, mặc y phục thô xấu, thời các đồng Phạm hạnh không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các vị Tôn giả này còn được thấy và còn được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này là chưa được diệt trừ.

62. Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào mà các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này được thấy và được nghe là đã diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy sống gần làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực,[5] mang y người gia chủ cúng, thời các đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường vị Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này được thấy và được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục của vị Tỷ-kheo ấy đã được diệt trừ. Này Hiền giả, ví như một bát đồng, mang từ hàng chợ về hay từ nhà người thợ rèn về, bát ấy thanh tịnh, sạch sẽ. Người chủ cái bát ấy đựng đầy với gạo ngon, cơm lành, các hột đen đã lấy ra, các loại đồ ăn, đậy lại với một bát đồng khác rồi mang về hàng chợ lại. Có người thấy vậy bèn hỏi: "Bạn mang cái gì có vẻ đẹp đẽ ngon lành vậy?" Khi cầm cái bát lên, mở ra và nhìn vào, thì đối với người ấy, ưa thích khởi lên, sự không ghê tởm khởi lên, sự không yếm ố khởi lên. Người no còn muốn ăn các thứ ấy huống nữa là người đói. Này Hiền giả, cũng vậy, đối với vị Tỷ-kheo nào, mà các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này được thấy và được nghe là đã diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy sống ở biên giới gần làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực, mang y người gia chủ cúng, thời các đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này được thấy và được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này đã được diệt trừ.

63. Được nghe nói vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Hiền giả Sāriputta, một ví dụ khởi lên cho tôi!

– Hiền giả Moggallāna, hãy nói lên ví dụ ấy!

– Hiền giả, một thời tôi ở thành Vương Xá, tại Giribbaja.[6] Này Hiền giả, rồi

[5] Đi thọ trai tại nhà gia chủ do được thỉnh mỗi ngày hay đặc biệt thỉnh, không phải đi khất thực.

[6] Giribbaja. *MA*. I. 151 giải thích Rājagaha, được gọi là Giribbaja vì thành ấy như một chuồng bò (*vaja*), xung quanh có núi bao bọc.

tôi đắp y vào buổi sáng, mang theo y bát, vào thành Vương Xá để khất thực. Lúc bấy giờ, Samīti, con một người làm xe, đang đẽo một vành xe, và tà mạng ngoại đạo[7] Paṇḍuputta, trước là con của một người làm xe, đang đứng một bên. Rồi tà mạng ngoại đạo Paṇḍuputta, trước là con một người làm xe, khởi lên ý nghĩ như sau: "Mong rằng Samīti, con người thợ xe, hãy đẽo đường cong này, đường méo này và các mắt gỗ này, để vành xe này không có đường cong, không có đường méo, không có mắt gỗ, được trơn tru và được đặt vào trong trục chính." Này Hiền giả, tà mạng ngoại đạo Paṇḍuputta, trước là con một người làm xe, suy nghĩ như thế nào, thời đúng như vậy, Samīti, con người làm xe, đẽo đường cong này, đường méo này và các mắt gỗ này của vành xe ấy. Này Hiền giả, tà mạng ngoại đạo Paṇḍuputta, trước là con người làm xe, hoan hỷ nói lên lời hoan hỷ như sau: "Hình như người này đang đẽo [vành xe ấy] như là với tâm của anh ta, anh ta biết tâm ta vậy." Này Hiền giả, những ai không có lòng tin, vì mục đích sinh sống, không phải vì lòng tin mà xuất gia, sống đời sống không gia đình; những vị gian ngụy, xảo trá, khi cuống, trạo cử, kiêu mạn, dao động, lắm lời, tạp thoại, không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm cảnh giác, không tha thiết với hạnh Sa-môn, không nhiệt thành tôn trọng Phật pháp, ưa sống sung túc, biếng nhác, dẫn đầu về đọa lạc, chối bỏ trọng trách sống viễn ly, giải đãi không tinh tấn, lãng quên không chú niệm, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, đần độn. Tôn giả Sāriputta với pháp môn này, như là với tâm của Tôn giả, Tôn giả biết tâm của những hạng người ấy. Những kẻ thiện nam tử, do lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; những vị nào không gian ngụy, không xảo trá, không khi cuống, không trạo cử, không kiêu mạn, không dao động, không lắm lời, không tạp thoại, hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, tha thiết với hạnh Sa-môn, nhiệt thành tôn trọng Phật pháp, không sống trong sung túc, không biếng nhác, bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc, dẫn đầu về viễn ly, tinh cần, tinh tấn, nỗ lực, chú tâm cảnh giác, định tâm, nhất tâm, có trí tuệ, không đần độn. Những vị này sau khi nghe pháp môn này của Tôn giả Sāriputta, hình như đang uống, hình như đang nếm với lời nói và tâm ý: "Thật lành thay, một vị Tôn giả đồng Phạm hạnh đã khiến cho vượt khỏi bất thiện và an trú vào chánh thiện!" Này Hiền giả, ví như một người đàn bà hay người đàn ông, còn đang tuổi trẻ, tánh ưa trang sức, sau khi gội đầu xong, sau khi được một vòng hoa sen xanh (*uppalamāla*) hay một vòng vũ sanh hoa (*vassikamāla*), hay một vòng thiện tư hoa (*atimuttakamāla*), dùng hai tay cầm lấy vòng hoa ấy và đặt trên đỉnh đầu. Này Hiền giả, cũng vậy, những thiện nam tử vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không gian ngụy... (như trên)... "Thật lành thay, một Tôn giả đồng Phạm hạnh đã khiến cho vượt khỏi bất thiện và an trú vào chánh thiện!"

Như vậy, hai vị cao đức ấy cùng nhau thiện thuyết, cùng nhau tùy hỷ.

---

[7] *MA*. I. 151 viết *naggasamaṇa* (Sa-môn lõa thể).

6. KINH ƯỚC NGUYỆN

(*Ākankheyya Sutta*)[1]

64. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ Giới bổn,[2] sống phòng hộ với sự phòng hộ của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và học tập các học giới.

65. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta được các đồng Phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và tôn trọng!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta được các vật dụng như y phục, các món ăn khất thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nay hưởng thọ các vật dụng như y phục, các món ăn khất thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh! Mong rằng hành động của những vị tạo ra các vật dụng ấy được quả báo lớn, được lợi ích lớn!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi họ chết và mệnh chung, nghĩ [đến ta] với tâm hoan hỷ [và nhờ vậy] được quả báo lớn, lợi ích lớn!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

---

[1] Xem *D.* I. 47; *S.* V. 131, 187; *A.* I. 62; V. 131. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Nguyện kinh* 願經 (*T*.01. 0026.105. 0595c11).

[2] *Pātimokkha*: Giới bổn hay Biệt giải thoát.

66. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chớ không phải bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục bất lạc được khởi lên!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chớ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta! Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng, tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Có những giải thoát tịch tĩnh, siêu thoát sắc giới, thuộc vô sắc giới. Mong rằng ta có thể cảm xúc với thân và sống an trú trong cảnh giới ấy!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

67. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta trừ diệt ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng trừ diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, ta chứng được Nhất lai, chỉ phải trở lại đời này một lần nữa để đoạn tận khổ đau!"[3] Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng trừ diệt năm hạ phần kiết sử, ta được hóa sanh, chứng được Niết-bàn ngay tại cảnh giới ấy, không còn trở lui thế giới này nữa!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

68. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta chứng được các loại thần thông! Một thân ta hiện ra nhiều thân, nhiều thân ta hiện ra một thân; ta hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua thành, qua núi như đi ngang hư không; ta độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi

---

[3] *MA*. I. 163 giải thích *dukkha* (khổ) theo nghĩa *vattadukkha* (luân hồi khổ).

trên nước không chìm như trên đất liền; ta ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, ta chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; ta có thể, thân ta có thần thông bay cho đến Phạm thiên!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng với Thiên nhĩ thanh tịnh, siêu nhân, ta có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, ở xa hay ở gần!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng với tâm của ta, ta biết được tâm của các chúng sanh và loài người. Tâm có tham, ta biết tâm có tham. Tâm không tham, ta biết tâm không tham. Tâm có sân, ta biết tâm có sân. Tâm không sân, ta biết tâm không sân. Tâm có si, ta biết tâm có si. Tâm không si, ta biết tâm không si. Tâm chuyên chú, ta biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, ta biết tâm tán loạn. Tâm đại hành, ta biết tâm đại hành. Tâm không đại hành, ta biết tâm không đại hành. Tâm chưa vô thượng, ta biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, ta biết tâm vô thượng. Tâm thiền định, ta biết tâm thiền định. Tâm không thiền định, ta biết tâm không thiền định. Tâm giải thoát, ta biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, ta biết tâm không giải thoát!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: 'Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, thọ mạng đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, thọ mạng đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây!'" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các Tôn giả, chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải

sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các Tôn giả, chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, ta với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

69. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Với sự diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự tri tự chứng, ta chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát không có lậu hoặc!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ Giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và tu học các học giới. Như vậy, phàm đã nói gì, chính duyên ở đây mà nói vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

7. KINH VÍ DỤ TẤM VẢI

(*Vatthūpama Sutta*)[1]

70. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tía, vải ấy sẽ được màu nhuộm không tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm không sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải không được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cõi ác[2] chờ đợi một tâm cấu uế. Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải thanh tịnh, trong sạch, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tía, vải ấy sẽ được màu nhuộm tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cõi thiện chờ đợi một tâm không cấu uế.

71. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những cấu uế của tâm? Tham dục-tà tham[3] là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, phẫn là cấu uế của tâm, hận là cấu uế của tâm, hư ngụy… não hại… tật đố… xan tham… man trá… khi cuống… ngoan cố… cấp tháo… mạn... quá mạn… kiêu… phóng dật là cấu uế[4] của tâm.

72. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghĩ rằng: "Tham dục-tà tham là cấu uế của tâm", và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ tham dục-tà tham cấu uế của tâm,

---

[1] *Chú giải Sumaṅgalavilāsinī* viết *Vattha Sutta* (*DA*. I. 50). Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thủy Tịnh Phạm chí kinh* 水淨梵志經 (*T*.01. 0026.93. 0575a19). Tham chiếu: *Phạm chí Kế Thủy Tịnh kinh* 梵志計水淨經 (*T*.01. 0051. 0843c13); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1185. 0321a24); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.98. 0408b25); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.13.5. 0573c01).

[2] Cõi ác: Chỉ cho địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

[3] Tham dục là sự tham đắm đối với sở hữu của mình. Tà tham là tham đắm đối với sở hữu của người khác.

[4] Hán tạng nói đến 21 tâm uế: Tà kiến 邪見, phi pháp dục 非法欲, ác tham 惡貪, tà pháp 邪法, tham 貪, nhuế 恚, thụy miện 睡眠, điều hối 調悔, nghi hoặc 疑惑, sân triền 瞋纏, bất ngữ kiết tâm 不語結心, xan 慳, tật 嫉, khi cuống 欺誑, du siểm 諛諂, vô tàm 無慚, vô quý 無愧, mạn 慢, đại mạn 大慢, kiêu ngạo 憍慠, phóng dật 放逸.

nghĩ rằng: "Sân là cấu uế của tâm", và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ sân, cấu uế của tâm, ... phẫn... hận... hư ngụy… não hại… tật đố… xan tham… man trá… khi cuống… ngoan cố… cấp tháo… mạn… quá mạn… kiêu..., nghĩ rằng: "Phóng dật là cấu uế của tâm", và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ phóng dật, cấu uế của tâm.

73. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo biết được: "Tham dục-tà tham là cấu uế của tâm", tham dục-tà tham cấu uế của tâm được diệt trừ, sân... phẫn... hận... hư ngụy… não hại… tật đố… xan tham… man trá… khi cuống… ngoan cố… cấp tháo… mạn… quá mạn… kiêu..., khi nào Tỷ-kheo biết được: "Phóng dật là cấu uế của tâm", phóng dật cấu uế của tâm được diệt trừ.

74. Tỷ-kheo ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Phật: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn"; vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian,[5] đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng,[6] được người có trí chứng hiểu"; vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Trực hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Như lý hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Chánh hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị.[7] Chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời."

75. Đến giai đoạn này,[8] đối với vị ấy có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly. Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Thế Tôn", và chứng được Nghĩa tín thọ (*Atthaveda*), chứng được Pháp tín thọ (*Dhammaveda*), chứng được hân hoan liên hệ đến Pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, thân khinh an cảm giác được lạc thọ, với lạc thọ tâm được thiền định. Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp", và chứng được Nghĩa tín thọ, chứng được Pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến Pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, thân khinh an cảm giác được lạc thọ, với lạc thọ tâm được thiền định. Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Tăng", và chứng được Nghĩa tín thọ, chứng được Pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến Pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, thân khinh an cảm giác được lạc thọ, với lạc thọ tâm được thiền định. Vị ấy tự nghĩ: "Đến giai đoạn này, đối với ta, có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly", và chứng được Nghĩa tín thọ, chứng được Pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến Pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân khinh an, thân khinh an cảm giác được lạc thọ, với lạc thọ tâm được thiền định.

---

[5] *Akālika*: Không thuộc thời gian; có nghĩa là quả xảy ra tức thì, không có khoảng cách thời gian.

[6] Hướng thượng: Tức là Niết-bàn.

[7] Bốn đôi 8 vị: 4 đôi Đạo và Quả; 8 vị là 4 Đạo và 4 Quả.

[8] *Yathodhi*: Đến giai đoạn này vị ấy đã đạt phẩm vị Bất lai. Xem *MA*. I. 172.

76. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giới như vậy,[9] pháp như vậy,[10] tuệ như vậy, nếu có ăn đồ khất thực với gạo thơm, hạt đen được vất đi, với các món canh, với các món ăn khác cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy. Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, nếu bỏ trong nước sạch, trở thành thanh tịnh sạch sẽ, như vàng bỏ vào lò lửa trở thành thanh tịnh sạch sẽ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, nếu có ăn đồ khất thực với gạo thơm, hạt đen được vất đi, với các món canh, với các món ăn khác cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy.

77. Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với bi, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Biến mãn một phương với tâm câu hữu với hỷ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với hỷ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

78. Vị ấy biết: "Có cái này,[11] có cái hạ liệt,[12] có cái cao thượng,[13] có sự giải thoát vượt qua các tưởng." Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là Tỷ-kheo đã được tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

79. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đang ngồi không xa Thế Tôn. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama có đi đến sông Bāhukā để tắm rửa không?

---

[9] Chỉ cho sự tu tập giới luật liên hệ đến quả Bất lai.

[10] Sự tu tập thiền định cũng như sự tu tập trí tuệ liên hệ đến Bất lai đạo. Chữ *dhamma* ở đây chỉ cho *samādhi* (định), có chỗ gọi là *citta*.

[11] *MA*. I. 176 chỉ cho phiền não còn sót lại của vị A-na-hàm.

[12] Khổ và khổ tập.

[13] Chỉ cho những phương tiện đoạn trừ khổ.

– Này Bà-la-môn, sông Bāhukā là gì? Sông Bāhukā có làm được lợi ích gì?

– Tôn giả Gotama, sông Bāhukā được nhiều người xem là có khả năng giải thoát. Tôn giả Gotama, sông Bāhukā được nhiều người xem là có khả năng đem lại công đức. Và nhiều người đã gột sạch các ác nghiệp trong sông Bāhukā.

Rồi Thế Tôn nói lên những bài kệ sau đây cho Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja:

Trong sông Bāhukā,
Tại Adhikakkā,
Tại cả sông Gayā,
Và Sundarikā,
Tại Sarassatī,
Và tại Payāga,
Tại Bahumatī,
Kẻ ngu dầu thường tắm,
Ác nghiệp không rửa sạch.
Sông Sundarikā,
Có thể làm được gì?
Payāga làm gì?
Cả sông Bāhukā?
Không thể rửa nghiệp đen,
Của kẻ ác gây tội.
Đối kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày tốt,[14]
Với kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày lành,[15]
Các tịnh nghiệp thanh tịnh,
Luôn thành tựu [thiện] hành.
Này vị Bà-la-môn,
Chỉ nên tắm ở đây,
Khiến mọi loài chúng sanh,
Được sống trong an ổn.
Nếu không nói dối trá,
Nếu không hại chúng sanh,
Không lấy của không cho,
Có lòng tín, không tham,
Đi Gayā làm gì,
Gayā một giếng nước?

---

[14] *Phaggu*: Tên một chòm sao tốt lành, nên *Phaggu* được dịch là tốt lành. Theo truyền thống Bà-la-môn, ai tắm sông trong tháng *Phagguṇa* được trừ sạch mọi tội lỗi. Xem *MA*. I. 179.

[15] *Uposatha*: Ngày Bố-tát, được xem là ngày tốt lành.

80. Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tăng. Mong con được xuất gia với Tôn giả Gotama! Mong con được thọ Đại giới!

Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới. Trong thời gian ngắn sau khi thọ Đại giới, Tôn giả Bhāradvāja sống độc cư, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần và không bao lâu sau khi tự thân chứng ngộ với thượng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà vì mục đích này các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa." Như vậy, Tôn giả Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

8. KINH ĐOẠN GIẢM
(*Sallekha Sutta*)[1]

81. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahācunda, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahācunda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có những loại sở kiến[2] này khởi lên trên đời, hoặc liên hệ đến ngã luận, hoặc liên hệ đến thế giới luận. Bạch Thế Tôn, đối với một Tỷ-kheo, có tác ý ngay từ ban đầu, thời có thể đoạn trừ những sở kiến ấy hay không, có thể xả ly những sở kiến ấy hay không?

82. – Này Cunda, những loại sở kiến này khởi lên trên đời, hoặc liên hệ đến ngã luận, hoặc liên hệ đến thế giới luận; chỗ nào những sở kiến này tiềm ẩn và chỗ nào những sở kiến này hiện hành, chỉ có cách như thật quán sát chúng với trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi,[3] cái này không phải là tôi,[4] cái này không phải tự ngã của tôi",[5] như vậy thời có sự đoạn trừ những sở kiến ấy, có sự xả ly những sở kiến ấy.

Này Cunda, sự kiện này xảy ra, khi ở đây một Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm." Này Cunda, [các quả chứng] ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là hiện tại lạc trú trong giới luật của bậc Thánh.

Này Cunda, sự kiện này xảy ra, khi ở đây một Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống[6] với hạnh đoạn giảm." Này Cunda, [các quả chứng] ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là hiện tại lạc trú trong giới luật của bậc Thánh.

---

[1] Xem *MNid.* 22; *CNid.* 9: 27. Kinh tương đượng trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Châu-na vấn kiến kinh* 周那問見經 (*T.*01. 0026.91. 0573b13). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.47.9. 0784a06).

[2] Tà kiến về tự ngã có 20, vì mỗi uẩn có 4 (*S.* III. 16; *A.* II. 214). Tà kiến về thế giới có 8 (*D.* I. 14).

[3] Nghĩ rằng *etaṃ mama* (đây là của tôi), tức là tham.

[4] Nghĩ rằng *eso ham asmi* (đây là tôi), tức là mạn.

[5] Nghĩ rằng *eso me attā* (đây là tự ngã của tôi), tức là tà kiến. Xem *MA.* I. 183.

[6] *Vitarati*: Du hành. Ở đây có nghĩa là người tu hạnh đoạn giảm đi từ chỗ thấp đến chỗ cao.

Này Cunda, sự kiện này xảy ra, khi ở đây một Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm." Này Cunda, [các quả chứng] ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là hiện tại lạc trú trong giới luật của bậc Thánh.

Này Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm." Này Cunda, [các quả chứng] ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là hiện tại lạc trú trong giới luật của bậc Thánh.

Này Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng. Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Vị ấy có thể tự nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm." Này Cunda, [các quả chứng] ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là tịch tịnh trú[7] trong giới luật của bậc Thánh.

Này Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm." Này Cunda, [các quả chứng] ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là tịch tịnh trú trong giới luật của bậc Thánh.

Này Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm." Này Cunda, [các quả chứng] ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là tịch tịnh trú trong giới luật của bậc Thánh.

Này Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm." Này Cunda, [các quả chứng] ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là tịch tịnh trú trong giới luật của bậc Thánh.

83. Này Cunda, ở đây đoạn giảm được các người thực hiện khi các người nghĩ:

(1) "Những kẻ khác có thể là những người làm hại, chúng ta ở đây không thể là những người làm hại", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(2) "Những kẻ khác có thể sát sanh, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ sát sanh", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(3) "Những kẻ khác có thể lấy của không cho, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ lấy của không cho", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

---

[7] *Santa*: Có nghĩa là *nibbuta* và *sukha*, không còn khao khát về lạc.

(4) "Những kẻ khác có thể không Phạm hạnh, chúng ta ở đây sẽ sống Phạm hạnh", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(5) "Những kẻ khác có thể nói láo, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói láo", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(6) "Những kẻ khác có thể nói hai lưỡi, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói hai lưỡi", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(7) "Những kẻ khác có thể nói lời độc ác", chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói lời độc ác", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(8) "Những kẻ khác có thể nói lời phù phiếm, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói lời phù phiếm", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(9) "Những kẻ khác có thể tham dục, chúng ta ở đây không tham dục", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(10) "Những kẻ khác có thể có sân tâm, chúng ta ở đây sẽ không có sân tâm", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(11) "Những kẻ khác có thể có tà kiến, chúng ta ở đây sẽ có chánh kiến", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(12) "Những kẻ khác có thể có tà tư duy, chúng ta ở đây sẽ có chánh tư duy", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(13) "Những kẻ khác có thể có tà ngữ, chúng ta ở đây sẽ có chánh ngữ", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(14) "Những kẻ khác có thể có tà nghiệp, chúng ta ở đây sẽ có chánh nghiệp", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(15) "Những kẻ khác có thể có tà mạng, chúng ta ở đây sẽ có chánh mạng", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(16) "Những kẻ khác có thể có tà tinh tấn, chúng ta ở đây sẽ có chánh tinh tấn", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(17) "Những kẻ khác có thể có tà niệm, chúng ta ở đây sẽ có chánh niệm", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(18) "Những kẻ khác có thể có tà định, chúng ta ở đây sẽ có chánh định", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(19) "Những kẻ khác có thể có tà trí, chúng ta ở đây sẽ có chánh trí", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(20) "Những kẻ khác có thể có tà giải thoát, chúng ta ở đây sẽ có chánh giải thoát", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(21) "Những kẻ khác có thể bị hôn trầm thụy miên chi phối, chúng ta ở đây sẽ không có hôn trầm thụy miên chi phối", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(22) "Những kẻ khác có thể có trạo hối, chúng ta ở đây sẽ không có trạo hối", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(23) "Những kẻ khác có thể nghi hoặc, chúng ta ở đây sẽ trừ diệt nghi hoặc", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(24) "Những kẻ khác có thể phẫn nộ, chúng ta ở đây sẽ không có phẫn nộ", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(25) "Những kẻ khác có thể oán hận, chúng ta ở đây sẽ không có oán hận", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(26) "Những kẻ khác có thể hư ngụy, chúng ta ở đây sẽ không hư ngụy", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(27) "Những kẻ khác có thể não hại, chúng ta ở đây sẽ không não hại", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(28) "Những kẻ khác có thể tật đố, chúng ta ở đây sẽ không tật đố", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(29) "Những kẻ khác có thể xan tham, chúng ta ở đây sẽ không xan tham", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(30) "Những kẻ khác có thể man trá, chúng ta ở đây sẽ không man trá", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(31) "Những kẻ khác có thể khi cuống, chúng ta ở đây sẽ không khi cuống", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(32) "Những kẻ khác có thể ngoan cố, chúng ta ở đây sẽ không ngoan cố", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(33) "Những kẻ khác có thể cấp tháo, mạn, quá mạn, chúng ta ở đây sẽ không cấp tháo, không mạn, không quá mạn", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(34) "Những kẻ khác có thể khó nói., chúng ta ở đây sẽ dễ nói", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(35) "Những kẻ khác có thể là ác hữu, chúng ta ở đây sẽ là thiện hữu", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(36) "Những kẻ khác có thể phóng dật, chúng ta ở đây sẽ không phóng dật", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(37) "Những kẻ khác có thể là bất tín, chúng ta ở đây sẽ có tín tâm", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(38) "Những kẻ khác có thể không xấu hổ, chúng ta ở đây sẽ có xấu hổ", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(39) "Những kẻ khác có thể không sợ hãi tội lỗi, chúng ta ở đây sẽ có sợ hãi tội lỗi", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(40) "Những kẻ khác có thể nghe ít, chúng ta ở đây sẽ nghe nhiều", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(41) "Những kẻ khác có thể biếng nhác, chúng ta ở đây sẽ siêng năng", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(42) "Những kẻ khác có thể thất niệm, chúng ta ở đây sẽ an trú niệm", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(43) "Những kẻ khác có thể liệt tuệ, chúng ta ở đây thành tựu tuệ", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

(44) "Những kẻ khác có thể nhiễm thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả, chúng ta ở đây sẽ không nhiễm thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

84. Này Cunda, Ta nói rằng sự khởi tâm rất có lợi ích cho các thiện pháp, còn nói gì thân nghiệp, khẩu nghiệp phù hợp [với tâm ý]. Do vậy, này Cunda:

(1) "Những kẻ khác có thể làm hại, chúng ta ở đây sẽ không làm hại", cần phải khởi tâm như vậy.

(2) "Những kẻ khác có thể sát sanh, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ sát sanh", cần phải khởi tâm như vậy.

(3)-(43) "Những kẻ khác... (như trên).

(44) "Những kẻ khác có thể nhiễm thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả, chúng ta ở đây sẽ không nhiễm thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả", cần phải khởi tâm như vậy.

85. Này Cunda, giống như một con đường không bằng phẳng, có một con đường bằng phẳng khác đối trị. Này Cunda, giống như một bến nước không bằng phẳng, có một bến nước bằng phẳng khác đối trị. Cũng vậy này Cunda:

(1) Đối với con người làm hại, có sự không làm hại đối trị;

(2) Đối với con người sát sanh, có từ bỏ sát sanh đối trị;

(3) Đối với con người lấy của không cho, có từ bỏ lấy của không cho đối trị;

(4) Đối với con người không Phạm hạnh, có Phạm hạnh đối trị;

(5) Đối với con người nói láo, có từ bỏ nói láo đối trị;

(6) Đối với con người nói hai lưỡi, có từ bỏ nói hai lưỡi đối trị;

(7) Đối với con người nói ác khẩu, có từ bỏ nói ác khẩu đối trị;

(8) Đối với con người nói phù phiếm, có từ bỏ nói phù phiếm đối trị;

(9) Đối với con người tham dục, có không tham dục đối trị;

(10) Đối với con người sân tâm, có không sân tâm đối trị;

(11) Đối với con người tà kiến, có chánh kiến đối trị;

(12) Đối với con người tà tư duy, có chánh tư duy đối trị;

(13) Đối với con người tà ngữ, có chánh ngữ đối trị;

(14) Đối với con người tà nghiệp, có chánh nghiệp đối trị;

(15) Đối với con người tà mạng, có chánh mạng đối trị;

(16) Đối với con người tà tinh tấn, có chánh tinh tấn đối trị;

(17) Đối với con người tà niệm, có chánh niệm đối trị;

(18) Đối với con người tà định, có chánh định đối trị;

(19) Đối với con người tà trí, có chánh trí đối trị;

(20) Đối với con người tà giải thoát, có chánh giải thoát đối trị;

(21) Đối với con người bị hôn trầm thụy miên chi phối, có không bị hôn trầm thụy miên chi phối đối trị;

(22) Đối với con người trạo hối, có không trạo hối đối trị;

(23) Đối với con người nghi hoặc, có trừ diệt nghi hoặc đối trị;

(24) Đối với con người phẫn nộ, có không phẫn nộ đối trị;

(25) Đối với con người oán hận, có không oán hận đối trị;

(26) Đối với con người hư ngụy, có không hư ngụy đối trị;

(27) Đối với con người não hại, có không não hại đối trị;

(28) Đối với con người tật đố, có không tật đố đối trị;

(29) Đối với con người xan tham, có không xan tham đối trị;

(30) Đối với con người man trá, có không man trá đối trị;

(31) Đối với con người khi cuống, có không khi cuống đối trị;

(32) Đối với con người ngoan cố, có không ngoan cố đối trị;

(33) Đối với con người cấp tháo, mạn, quá mạn, có không cấp tháo, không mạn, không quá mạn đối trị;

(34) Đối với con người khó thuyết, có không khó thuyết đối trị;

(35) Đối với con người ác hữu, có thiện hữu đối trị;

(36) Đối với con người phóng dật, có không phóng dật đối trị;

(37) Đối với con người bất tín, có tín tâm đối trị;

(38) Đối với con người không xấu hổ, có xấu hổ đối trị;

(39) Đối với con người không sợ hãi tội lỗi, có sợ hãi tội lỗi đối trị;

(40) Đối với con người nghe ít, có nghe nhiều đối trị;

(41) Đối với con người biếng nhác, có siêng năng đối trị;

(42) Đối với con người thất niệm, có an trú niệm đối trị;

(43) Đối với con người liệt tuệ, có thành tựu tuệ đối trị;

(44) Đối với con người nhiễm thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả, có không nhiễm thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả đối trị.

86. Này Cunda, ví như các bất thiện pháp, tất cả đều hướng hạ, còn các thiện pháp, tất cả đều hướng thượng. Cũng vậy, này Cunda:

(1) Con người không làm hại, hướng thượng đối với người làm hại;

(2) Con người từ bỏ sát sanh, hướng thượng đối với người sát sanh;

(3)-(43) Con người từ bỏ... (như trên).

(44) Con người không nhiễm thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả, hướng thượng đối với người nhiễm thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả.

87. Này Cunda, con người tự mình bị rơi vào bùn lầy có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy không thể xảy ra. Này Cunda, con người tự mình không rơi vào bùn lầy, có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy có thể xảy ra. Này Cunda, con người tự mình không được nhiếp phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện và hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy không xảy ra. Một người được nhiếp phục, được huấn luyện, được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện, hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy xảy ra. Cũng vậy, này Cunda:

(1) Đối với con người làm hại, không làm hại đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(2) Đối với con người sát sanh, từ bỏ sát sanh đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(3) Đối với con người lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(4) Đối với con người không Phạm hạnh, sống Phạm hạnh đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(5) Đối với con người nói láo, từ bỏ nói láo đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(6) Đối với con người nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(7) Đối với con người ác khẩu, từ bỏ nói ác khẩu đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(8) Đối với con người nói phù phiếm, từ bỏ nói phù phiếm đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(9) Đối với con người có tham dục, không tham dục đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(10) Đối với con người có sân tâm, không sân tâm đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(11) Đối với con người có tà kiến, chánh kiến đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(12) Đối với con người có tà tư duy, chánh tư duy đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(13) Đối với con người có tà ngữ, chánh ngữ đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(14) Đối với con người có tà nghiệp, chánh nghiệp đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(15) Đối với con người có tà mạng, chánh mạng đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(16) Đối với con người có tà tinh tấn, chánh tinh tấn đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(17) Đối với con người có tà niệm, chánh niệm đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(18) Đối với con người có tà định, chánh định đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(19) Đối với con người có tà trí, chánh trí đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(20) Đối với con người có tà giải thoát, chánh giải thoát đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(21) Đối với con người bị hôn trầm thụy miên chi phối, không bị hôn trầm thụy miên chi phối đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(22) Đối với con người trạo hối, không trạo hối đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(23) Đối với con người nghi hoặc, không nghi hoặc đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(24) Đối với con người phẫn nộ, không phẫn nộ đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(25) Đối với con người oán hận, không oán hận đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(26) Đối với con người hư ngụy, không hư ngụy đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(27) Đối với con người não hại, không não hại đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(28) Đối với con người tật đố, không tật đố đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(29) Đối với con người xan tham, không xan tham đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(30) Đối với con người man trá, không man trá đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(31) Đối với con người khi cuống, không khi cuống đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(32) Đối với con người ngoan cố, không ngoan cố đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(33) Đối với con người cấp tháo, mạn, quá mạn, không cấp tháo, không mạn, không quá mạn đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(34) Đối với con người khó nói, dễ nói đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(35) Đối với con người ác hữu, thiện hữu đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(36) Đối với con người phóng dật, không phóng dật đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(37) Đối với con người bất tín, tín tâm đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(38) Đối với con người không xấu hổ, có xấu hổ đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(39) Đối với con người không sợ hãi tội lỗi, có sợ hãi tội lỗi đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(40) Đối với con người nghe ít, nghe nhiều đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(41) Đối với con người biếng nhác, siêng năng đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(42) Đối với con người thất niệm, an trú niệm đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(43) Đối với con người liệt tuệ, thành tựu trí tuệ đưa đến hoàn toàn giải thoát;

(44) Đối với con người nhiễm thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả; không nhiễm thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả, đưa đến hoàn toàn giải thoát.

88. Này Cunda, như vậy Ta đã giảng pháp môn đoạn giảm, đã giảng pháp môn khởi tâm, đã giảng pháp môn đối trị, đã giảng pháp môn hướng thượng, đã giảng pháp môn giải thoát hoàn toàn. Này Cunda, những gì bậc Đạo sư phải làm, vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm, vì lòng thương tưởng cho các người. Này Cunda, đây là những gốc cây, đây là những ngôi nhà không tịch. Này Cunda, hãy thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Ta cho các người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Mahācunda hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

9. KINH CHÁNH TRI KIẾN

(*Sammādiṭṭhi Sutta*)[1]

89. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Chư Hiền, chánh tri kiến, chánh tri kiến, được gọi là như vậy. Chư Hiền, cho đến như thế nào, một Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chúng tôi từ xa đến để được hiểu ý nghĩa lời nói ấy từ Tôn giả Sāriputta. Thật lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta giảng cho ý nghĩa lời nói ấy! Sau khi nghe Tôn giả Sāriputta giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Chư Hiền, vậy hãy nghe, hãy khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Chư Hiền, khi Thánh đệ tử tuệ tri được bất thiện và tuệ tri được căn bản bất thiện, tuệ tri được thiện và tuệ tri được căn bản thiện, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là bất thiện, thế nào là căn bản bất thiện, thế nào là thiện, thế nào là căn bản thiện? Chư Hiền, sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong các dục là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện. Và chư Hiền, thế nào là căn bản bất thiện? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bản bất thiện. Và này chư Hiền, thế nào là thiện? Từ bỏ sát sanh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ

---

[1] Xem *D.* II. 290; *M.* I. 55; *A.* IV. 382. Tham chiếu: *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (*T*.01. 0026.29. 0461b22); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.344. 0094b02); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.5. 0797b14).

nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện, không sân là thiện, chánh tri kiến là thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là thiện. Chư Hiền, thế nào là căn bản thiện? Không tham là căn bản thiện, không sân là căn bản thiện, không si là căn bản thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bản thiện. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bản bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bản thiện như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

90. – Lành thay, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta và hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức ăn,[2] tuệ tri tập khởi của thức ăn, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn, và tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thức ăn, thế nào là tập khởi của thức ăn, thế nào là đoạn diệt của thức ăn, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn? Chư Hiền, có bốn loại thức ăn này, khiến các loài chúng sanh đã sanh được an trú hay các loài hữu tình sẽ sanh được hỗ trợ cho sanh. Thế nào là bốn? Đoàn thực loại thô hay loại tế là thứ nhất, xúc thực là thứ hai, tư niệm thực là thứ ba, thức thực là thứ tư. Từ tập khởi của ái có tập khởi của thức ăn, từ đoạn diệt của ái có đoạn diệt của thức ăn. Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức ăn như vậy, tuệ tri tập khởi của thức ăn như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

91. – Lành thay, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

---

[2] *Ahāra*: Thức ăn là một duyên (*paccaya*).

– Này Hiền giả, có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri khổ, tuệ tri tập khởi của khổ, tuệ tri đoạn diệt của khổ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của khổ, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là khổ, thế nào là tập khởi của khổ, thế nào là đoạn diệt của khổ, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của khổ? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ. Chư Hiền, như vậy gọi là khổ. Chư Hiền, thế nào là tập khởi của khổ? Chính là ái đưa đến tái sanh, cùng khởi hỷ dục và tham hướng đến tái sanh, cùng khởi hỷ dục và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái và phi hữu ái.[3] Chư Hiền, như vậy gọi là tập khởi của khổ. Chư Hiền, thế nào là đoạn diệt của khổ? Đó là sự đoạn diệt ly tham, không có dư tàn, sự quăng bỏ, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp khát ái ấy. Chư Hiền, như vậy gọi là đoạn diệt của khổ. Chư Hiền, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của khổ? Chính là Thánh đạo tám ngành đưa đến khổ diệt, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, như vậy gọi là con đường đưa đến đoạn diệt của khổ. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri khổ như vậy, tuệ tri tập khởi của khổ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của khổ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của khổ như vậy, khi ấy vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

92. – Lành thay, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta và hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri già chết, tuệ tri tập khởi của già chết, tuệ tri đoạn diệt của già chết, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của già chết, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là già chết, thế nào là tập khởi của già chết, thế nào là đoạn diệt của già chết, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của già chết?

---

[3] *Vibhava*: Phi hữu. *DA*. III. 800 giải thích là một đồng nghĩa với lòng tham ái đối với Đoạn kiến.

Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào, trong từng mỗi loại hữu tình, sự già cả, suy lão, rụng răng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ ngày một hao mòn, bại hoại các căn. Chư Hiền, như vậy gọi là già. Chư Hiền, thế nào là chết? Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào trong từng mỗi loại hữu tình, sự mệnh một, từ trần, hủy hoại, hoại diệt, tử biệt, mệnh chung, hủy hoại các uẩn, vất bỏ hình hài. Chư Hiền, như vậy gọi là chết. Già như vậy và chết như vậy, chư Hiền, như vậy gọi là già chết. Từ sự tập khởi của sanh, có sự tập khởi của già chết; từ sự đoạn diệt của sanh, có sự đoạn diệt của già chết. Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của già chết, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri già chết như vậy, tuệ tri tập khởi của già chết như vậy, tuệ tri đoạn diệt của già chết như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của già chết như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

93. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri sanh, tuệ tri tập khởi của sanh, tuệ tri đoạn diệt của sanh, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sanh, chư Hiền, khi ấy vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là sanh, thế nào là tập khởi của sanh, thế nào là đoạn diệt của sanh, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của sanh? Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào, trong từng mỗi loại hữu tình, sự sanh,[4] hiện khởi,[5] xuất hiện,[6] hiện diện,[7] hiện hành các uẩn, tụ đắc các xứ. Chư Hiền, như vậy gọi là sanh. Từ sự tập khởi của hữu, có sự tập khởi của sanh; từ sự đoạn diệt của hữu, có sự đoạn diệt của sanh, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của sanh, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri được sanh như vậy, tuệ tri được tập khởi của sanh như vậy, tuệ tri được đoạn diệt của sanh như vậy, tuệ tri được con đường đưa đến đoạn diệt của sanh như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy

---

[4] *Jāti*: Sanh có thể là sanh đẻ hay gá thai. *MA*. I. 217 viết *jāti* vì các căn chưa đầy đủ.

[5] *Sañjāti*: Khi các căn đầy đủ thì được gọi là *Sañjāti*.

[6] *Okkanti*: Nói đến noãn sanh hay thai sanh.

[7] *Abhinibbatti*: Chỉ cho hóa sanh hay thấp sanh.

miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

94. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỳ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hữu, tuệ tri tập khởi của hữu, tuệ tri đoạn diệt của hữu, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hữu, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là hữu, thế nào là tập khởi của hữu, thế nào là đoạn diệt của hữu, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của hữu? Chư Hiền, có ba hữu này: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Từ tập khởi của thủ, có tập khởi của hữu; từ đoạn diệt của thủ, có đoạn diệt của hữu, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của hữu, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hữu như vậy, tuệ tri tập khởi của hữu như vậy, tuệ tri đoạn diệt của hữu như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hữu như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

95. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỳ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thủ, tuệ tri tập khởi của thủ, tuệ tri đoạn diệt của thủ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thủ, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thủ, thế nào là tập khởi của thủ, thế nào là đoạn diệt của thủ, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thủ? Chư Hiền, có bốn thủ này: Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Từ tập khởi của ái, có tập khởi của thủ; từ đoạn diệt của ái, có đoạn diệt của thủ, và Thánh đạo tám ngành

này là con đường đưa đến đoạn diệt của thủ, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thủ như vậy, tuệ tri tập khởi của thủ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thủ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thủ như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

96. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri ái, tuệ tri tập khởi của ái, tuệ tri đoạn diệt của ái, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của ái, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là ái, thế nào là tập khởi của ái, thế nào là đoạn diệt của ái, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của ái? Chư Hiền, có sáu loại này: Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Từ tập khởi của thọ, có tập khởi của ái; từ đoạn diệt của thọ, có đoạn diệt của ái, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của ái, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri ái như vậy, tuệ tri tập khởi của ái như vậy, tuệ tri đoạn diệt của ái như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của ái như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp.

97. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thọ, tuệ tri tập khởi của thọ, tuệ tri đoạn diệt của thọ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thọ, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thọ, thế nào là tập khởi của thọ, thế nào là đoạn diệt của thọ, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thọ? Chư Hiền, có sáu loại thọ này: Thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Từ tập khởi của xúc, có tập khởi của thọ; từ đoạn diệt của xúc, có đoạn diệt của thọ, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thọ, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thọ như vậy, tuệ tri tập khởi của thọ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thọ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thọ như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

98. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri xúc, tuệ tri tập khởi của xúc, tuệ tri đoạn diệt của xúc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của xúc, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là xúc, thế nào là tập khởi của xúc, thế nào là đoạn diệt của xúc, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của xúc? Chư Hiền, có sáu loại xúc này: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Từ tập khởi của sáu nhập, có tập khởi của xúc; từ đoạn diệt của sáu nhập, có đoạn diệt của xúc, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của xúc, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri xúc như vậy, tuệ tri tập khởi của xúc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của xúc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của xúc như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

99. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri sáu nhập, tuệ tri tập khởi của sáu nhập, tuệ tri đoạn diệt của sáu nhập, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là sáu nhập, thế nào là tập khởi của sáu nhập, thế nào là đoạn diệt của sáu nhập, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập? Chư Hiền, có sáu nhập này: Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập. Từ tập khởi của danh sắc, có tập khởi của sáu nhập; từ đoạn diệt của danh sắc, có đoạn diệt của sáu nhập, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào vị Thánh đệ tử tuệ tri sáu nhập như vậy, tuệ tri tập khởi của sáu nhập như vậy, tuệ tri đoạn diệt của sáu nhập như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

100. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri danh sắc, tuệ tri tập khởi của danh sắc, tuệ tri đoạn diệt của danh sắc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là danh sắc, thế nào là tập khởi của danh sắc, thế nào là đoạn diệt của danh sắc, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý, chư Hiền, như vậy gọi là danh; bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, chư Hiền, như vậy gọi là sắc. Như vậy đây là danh và đây là sắc, chư Hiền, như vậy gọi là danh sắc. Từ tập khởi của thức, có tập khởi của danh sắc; từ đoạn diệt của thức, có đoạn diệt của danh sắc, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri danh sắc như vậy, tuệ

tri tập khởi của danh sắc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của danh sắc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

101. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức, tuệ tri tập khởi của thức, tuệ tri đoạn diệt của thức, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thức, thế nào là tập khởi của thức, thế nào là đoạn diệt của thức, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thức? Chư Hiền, có sáu loại thức này: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Từ tập khởi của hành, có tập khởi của thức; từ đoạn diệt của hành, có đoạn diệt của thức, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thức, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức như vậy, tuệ tri tập khởi của thức như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

102. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hành,[8] tuệ tri

---

[8] *Saṅkhārā:* Hành, chỉ các nghiệp bất thiện và thiện, sanh khởi trên thân, khẩu, ý. Về thân (*kāyasaṅkhāra*), có 20 tác ý thường sanh khởi trên thân, trong đó, có 8 tác ý sanh cùng 8 tâm thiện và 12 tác ý sanh cùng 12 tâm bất thiện. Về khẩu (*vacīsaṅkhāra*) có 20 tác ý thường sanh khởi khi nói. Về ý (*cittasaṅkhāra*), thường có 29 tác ý sanh khởi, trong đó, có 12 tâm bất thiện, 8 tâm thiện, 5 tâm thiện sắc giới và 4 tâm thiện vô sắc giới.

tập khởi của hành, tuệ tri đoạn diệt của hành, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hành, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là hành, thế nào là tập khởi của hành, thế nào là đoạn diệt của hành, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của hành? Chư Hiền, có ba loại hành này: Thân hành, ngữ hành, tâm hành. Từ tập khởi của vô minh có tập khởi của hành; từ đoạn diệt của vô minh có đoạn diệt của hành, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của hành, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hành như vậy, tuệ tri tập khởi của hành như vậy, tuệ tri đoạn diệt của hành như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hành như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

103. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri vô minh, tuệ tri tập khởi của vô minh, tuệ tri đoạn diệt của vô minh, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh, khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là vô minh, thế nào là tập khởi của vô minh, thế nào là đoạn diệt của vô minh, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh? Sự không tuệ tri về khổ, không tuệ tri về khổ tập, không tuệ tri về khổ diệt, không tuệ tri về con đường đưa đến khổ diệt, chư Hiền, như vậy gọi là vô minh. Từ tập khởi của lậu hoặc có tập khởi của vô minh; từ đoạn diệt của lậu hoặc có đoạn diệt của vô minh, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri vô minh như vậy, tuệ tri tập khởi của vô minh như vậy, tuệ tri đoạn diệt của vô minh như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

104. – Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri lậu hoặc, tuệ tri tập khởi của lậu hoặc, tuệ tri đoạn diệt của lậu hoặc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc. Chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là lậu hoặc, thế nào là tập khởi của lậu hoặc, thế nào là đoạn diệt của lậu hoặc, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc? Chư Hiền, có ba lậu hoặc này: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Từ tập khởi của vô minh có tập khởi của lậu hoặc; từ đoạn diệt của vô minh có đoạn diệt của lậu hoặc, và Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri lậu hoặc như vậy, tuệ tri tập khởi của lậu hoặc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của lậu hoặc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Diệu pháp này.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời giảng của Tôn giả Sāriputta.

10. KINH NIỆM XỨ
(*Satipaṭṭhāna Sutta*)[1]

105. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở xứ Kuru (Câu-lâu), Kammāsadhamma (Kiềm-ma-sắt-đàm) là đô thị của xứ Kuru. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết như sau:

106. – Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn niệm xứ.

Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

107. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn." "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Này các Tỷ-kheo, như người thợ quay hay học trò người thợ quay thiện xảo khi quay dài, tuệ tri: "Tôi quay dài"; hay khi quay ngắn, tuệ tri: "Tôi quay ngắn." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thở vô dài, tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, tuệ tri: "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn." "Cảm giác toàn

---

[1] Xem *M*. I. 46; III. 88; *D*. II. 290; *S*. V. 141. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Niệm xứ kinh* 念處經 (*T*.01. 0026.98. 0582b07). Tham chiếu: *Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T*.01. 0026.31. 0467a28); *Niệm thân kinh* 念身經 (*T*.01. 0026.81. 0554c10); *Tứ đế kinh* 四諦經 (*T*.01. 0032. 0814b08); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.12.1. 0568a01).

thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập; "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy không nương tựa, không chấp trước vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

108. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi, tuệ tri: "Tôi đi"; hay đứng, tuệ tri: "Tôi đứng"; hay ngồi, tuệ tri: "Tôi ngồi"; hay nằm, tuệ tri: "Tôi nằm." Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy tuệ tri thân như thế ấy. Vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân; hay vị ấy sống quán thân trên nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

109. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm. Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

110. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: "Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu." Này các Tỷ-kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống đựng đầy các loại hột như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hột ấy ra và quán sát: "Đây là hột gạo, đây là hột lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hột lúa đã xay rồi." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: "Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy,

thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu." Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

111. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại." Này các Tỷ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại." Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

112. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, cũng như Tỷ-kheo thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy." Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, cũng như Tỷ-kheo thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài dã can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy." Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm.

Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa, cũng như Tỷ-kheo thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại; Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại; Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa với các bộ xương không còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại, chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy." Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, cũng như Tỷ-kheo thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn ba năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy." Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

113. Này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo khi cảm giác lạc thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ"; khi cảm giác khổ thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ"; khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ." Hay khi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất." Hay khi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất." Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất"; hay khi

cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất." Như vậy, vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ; hay sống quán thọ trên các ngoại thọ; hay sống quán thọ trên các nội thọ, ngoại thọ. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các thọ, hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ; hay sống quán tánh sanh diệt trên các thọ. "Có thọ đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ.

114. Này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo với tâm có tham, tuệ tri: "Tâm có tham"; hay với tâm không tham, tuệ tri: "Tâm không tham." Hay với tâm có sân, tuệ tri: "Tâm có sân"; hay với tâm không sân, tuệ tri: "Tâm không sân." Hay với tâm có si, tuệ tri: "Tâm có si"; hay với tâm không si, tuệ tri: "Tâm không si." Hay với tâm thâu nhiếp, tuệ tri: "Tâm được thâu nhiếp"; hay với tâm tán loạn, tuệ tri: "Tâm bị tán loạn." Hay với tâm quảng đại, tuệ tri: "Tâm được quảng đại"; hay với tâm không quảng đại, tuệ tri: "Tâm không được quảng đại." Hay với tâm hữu hạn, tuệ tri: "Tâm hữu hạn"; hay với tâm vô thượng, tuệ tri: "Tâm vô thượng." Hay với tâm có định, tuệ tri: "Tâm có định"; hay với tâm không định, tuệ tri: "Tâm không định." Hay với tâm giải thoát, tuệ tri: "Tâm có giải thoát"; hay với tâm không giải thoát, tuệ tri: "Tâm không giải thoát."

Như vậy, vị ấy sống quán tâm trên nội tâm; hay sống quán tâm trên ngoại tâm; hay sống quán tâm trên nội tâm, ngoại tâm. Hay sống quán tánh sanh khởi trên tâm; hay sống quán tánh diệt tận trên tâm; hay sống quán tánh sanh diệt trên tâm. "Có tâm đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm.

115. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi có ái dục"; hay nội tâm không có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ái dục." Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi có sân hận"; hay nội tâm không có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có sân hận." Và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã sanh, nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi có hôn trầm thụy miên"; hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên, tuệ tri:

"Nội tâm tôi không có hôn trầm thụy miên." Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có trạo hối, tuệ tri: "Nội tâm tôi có trạo hối"; hay nội tâm không có trạo hối, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có trạo hối." Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có nghi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có nghi"; hay nội tâm không có nghi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có nghi." Và với nghi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái.

116. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy tư: "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt. Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt." Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn.

117. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Này các Tỷ-kheo, ở

đây, Tỷ-kheo tuệ tri tai và tuệ tri các tiếng, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo tuệ tri mũi và tuệ tri các hương, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo tuệ tri lưỡi và tuệ tri các vị, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo tuệ tri thân và tuệ tri các xúc, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo tuệ tri ý và tuệ tri các pháp; do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ.

118. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy giác chi. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy giác chi? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nội tâm có Niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có Niệm giác chi"; hay nội tâm không có Niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ý Niệm giác chi." Và với Niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với Niệm giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có Trạch pháp giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có Trạch pháp giác chi"; hay nội tâm không có Trạch pháp giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có Trạch pháp giác chi." Và với Trạch pháp giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với Trạch pháp giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có Tinh tấn giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có Tinh tấn giác chi"; hay nội tâm không có Tinh tấn giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có Tinh tấn giác chi." Và với Tinh tấn

giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với Tinh tấn giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có Hỷ giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có Hỷ giác chi"; hay nội tâm không có Hỷ giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có Hỷ giác chi." Và với Hỷ giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với Hỷ giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có Khinh an giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có Khinh an giác chi"; hay nội tâm không có Khinh an giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có Khinh an giác chi." Và với Khinh an giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với Khinh an giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có Định giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có Định giác chi"; hay nội tâm không có Định giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có Định giác chi." Và với Định giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với Định giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có Xả giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có Xả giác chi"; hay nội tâm không có Xả giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có Xả giác chi." Và với Xả giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với Xả giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy. Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy giác chi.

119. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị ấy sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là khổ"; như thật tuệ tri: "Đây là khổ tập"; như thật tuệ tri: "Đây là khổ diệt"; như thật tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

120. Và này các Tỷ-kheo, thế nào Khổ Thánh đế? Sanh là khổ, già là khổ, [bệnh là khổ], chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, sự gắn bó với những gì không ưa thích là khổ, sự chia lìa với những gì yêu thích là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

121. Này các Tỷ-kheo thế nào là sanh? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là sanh.

122. Này các Tỷ-kheo, thế nào là già? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại, này các Tỷ-kheo, như vậy là già.

123. Này các Tỷ-kheo, thế nào là chết? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong,

thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chết.

124. Này các Tỷ-kheo, thế nào là sầu? Này các Tỷ-kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sầu, sự sầu lo, sự sầu muộn, nội sầu, mọi khổ sầu của người ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là sầu.

125. Này các Tỷ-kheo, thế nào là bi? Này các Tỷ-kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là bi.

126. Này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ? Này các Tỷ-kheo, sự đau khổ về thân, sự không sảng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sảng khoái do thân cảm thọ, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là khổ.

127. Này các Tỷ-kheo, thế nào là ưu? Này các Tỷ-kheo, sự đau khổ về tâm, sự không sảng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sảng khoái do tâm cảm thọ, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là ưu.

128. Này các Tỷ-kheo, thế nào là não? Này các Tỷ-kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là não.

129. Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự gắn bó với những gì không ưa thích là khổ [oán tắng hội khổ]? Này các Tỷ-kheo, ở đời này có vật như sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà các ông không thích, không ưa, không vừa lòng; hay người mà muốn gây bất lợi, muốn gây vô ích, muốn gây bất lạc, muốn gây bất ổn, sự đi chung, gặp gỡ, hiệp cùng, hòa lẫn với những nhân vật ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là oán tắng hội khổ.

130. Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự chia lìa với những gì yêu thích là khổ [ái biệt ly khổ]? Này các Tỷ-kheo, ở đời này có vật như sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà các ông ưa thích, ham muốn vừa lòng, hay người mà mong đem lợi ích, mong đem may mắn, mong đem an lạc, mong đem an ổn, tức là mẹ hay cha, hoặc anh em, chị em, bạn bè, thân hữu, bà con huyết thống, sự không được hội ngộ, không được trùng phùng, không được chung sống, không được hòa mình với các nhân vật ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là ái biệt ly khổ.

131. Này các Tỷ-kheo, thế nào là cầu bất đắc khổ? Này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối! Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh!" Lời cầu mong ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ,

ưu, não chi phối! Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu, não!" Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

132. Này các Tỷ-kheo, như thế nào là tóm lại năm thủ uẩn là khổ? Như sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

133. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ tập Thánh đế?

Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia như dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

Này các Tỷ-kheo, sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đâu, khi an trú thì an trú ở đâu? Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái, sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái? Ở đời, con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Ở đời, tai... Ở đời, mũi... Ở đời, lưỡi... Ở đời, thân... Ở đời, ý là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, các sắc... Ở đời, các tiếng... Ở đời, các hương... Ở đời, các vị... Ở đời, các cảm xúc... Ở đời, các pháp là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, nhãn thức... Ở đời, nhĩ thức... Ở đời, tỷ thức... Ở đời, thiệt thức... Ở đời, thân thức... Ở đời, ý thức là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, nhãn xúc... Ở đời, nhĩ xúc... Ở đời, tỷ xúc... Ở đời, thiệt xúc... Ở đời, thân xúc... Ở đời, ý xúc là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, nhãn xúc sở sanh thọ... Ở đời, nhĩ xúc sở sanh thọ... Ở đời, tỷ xúc sở sanh thọ... Ở đời, thiệt xúc sở thanh thọ... Ở đời, thân xúc sở sanh thọ... Ở đời, ý xúc sở sanh thọ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc tưởng... Ở đời, thinh tưởng... Ở đời, hương tưởng... Ở đời, vị tưởng... Ở đời, xúc tưởng... Ở đời, pháp tưởng là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc tư... Ở đời, thinh tư... Ở đời, hương tư... Ở đời, vị tư... Ở đời, xúc tư... Ở đời, pháp tư là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc ái... Ở đời, thinh ái... Ở đời, hương ái... Ở đời, vị ái... Ở đời, xúc ái... Ở đời, pháp ái là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc tầm... Ở đời, thinh tầm... Ở đời, hương tầm... Ở đời, vị tầm... Ở

đời, xúc tầm... Ở đời, pháp tầm là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời, sắc tứ... Ở đời, thinh tứ... Ở đời, hương tứ... Ở đời, vị tứ... Ở đời, xúc tứ... Ở đời, pháp tứ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.

134. Này các Tỷ-kheo, và thế nào là Khổ diệt Thánh đế?

Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm [tham ái ấy].

Này các Tỷ-kheo, sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đâu, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đâu? Ở đời, các sắc gì thân ái, các sắc gì khả ái, sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái? Ở đời, con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời, tai... Ở đời, mũi... Ở đời, lưỡi... Ở đời, thân... Ở đời, ý là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, các sắc... Ở đời, các tiếng... Ở đời, các mùi hương... Ở đời, các vị... Ở đời, các xúc... Ở đời, các pháp là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, nhãn thức... Ở đời, nhĩ thức... Ở đời, tỷ thức... Ở đời, thiệt thức... Ở đời, thân thức... Ở đời, ý thức là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, nhãn xúc... Ở đời, nhĩ xúc... Ở đời, tỷ xúc... Ở đời, thiệt xúc... Ở đời, thân xúc... Ở đời, ý xúc là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, nhãn xúc sở sanh thọ... Ở đời, nhĩ xúc sở sanh thọ... Ở đời, tỷ xúc sở sanh thọ... Ở đời, thiệt xúc sở sanh thọ... Ở đời, thân xúc sở sanh thọ... Ở đời, ý xúc sở sanh thọ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc tưởng... Ở đời, thinh tưởng... Ở đời, hương tưởng... Ở đời, vị tưởng... Ở đời, xúc tưởng... Ở đời, pháp tưởng là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc tư... Ở đời, thinh tư... Ở đời, hương tư... Ở đời, vị tư... Ở đời, xúc tư... Ở đời, pháp tư là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc ái... Ở đời, thinh ái... Ở đời, hương ái... Ở đời, vị ái... Ở đời, xúc ái... Ở đời, pháp ái là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc tầm... Ở đời, thinh tầm... Ở đời, hương tầm... Ở đời, vị tầm... Ở

đời, xúc tầm... Ở đời, pháp tầm là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Ở đời, sắc tứ... Ở đời, thinh tứ... Ở đời, hương tứ... Ở đời, vị tứ... Ở đời, xúc tứ... Ở đời, pháp tứ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.

135. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế?

Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh tri kiến?

Này các Tỷ-kheo, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh tư duy?

Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh tư duy.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh ngữ?

Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh ngữ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh nghiệp?

Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cướp, tự chế không tà dâm, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh nghiệp.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh mạng?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh mạng.

Này các Tỷ-kheo, và thế nào là Chánh tinh tấn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn, vị ấy nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh niệm?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời… trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh niệm.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh định?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh định.

Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế.

136. Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế.

137. Này các Tỷ-kheo, vị nào tu tập Bốn niệm xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì đến bảy năm, một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này như vậy trong sáu năm, trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm, trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì đến một năm, một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này trong bảy tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì bảy tháng, một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này trong sáu tháng, trong năm tháng, trong bốn tháng, trong ba tháng, trong hai tháng, trong một tháng, trong nửa tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì nửa tháng, một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này trong bảy ngày, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y thì chứng quả Bất hoàn.

138. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn niệm xứ.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

11. TIỂU KINH SƯ TỬ HỐNG
(*Cūḷasīhanāda Sutta*)[1]

139. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), trong vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết như sau:

– Này các Tỷ-kheo, chỉ ở đây[2] có Sa-môn thứ nhất[3], chỉ ở đây có Sa-môn thứ hai; chỉ ở đây có Sa-môn thứ ba, chỉ ở đây có Sa-môn thứ tư, các ngoại đạo khác[4] không có Sa-môn. Này các Tỷ-kheo, các ông hãy chơn chánh rống tiếng rống con sư tử như vậy.

140. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra, khi ở đây, những du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư Tôn giả có tin tưởng gì, có sức lực gì mà chư Tôn giả tuyên bố: Chỉ ở đây có Sa-môn thứ nhất, chỉ ở đây có Sa-môn thứ hai, chỉ ở đây có Sa-môn thứ ba, chỉ ở đây có Sa-môn thứ tư, các ngoại đạo khác không có Sa-môn." Này các Tỷ-kheo, nếu được các du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau: "Chư Hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc Đã Thấy, Đã Biết, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nên chúng tôi nói: 'Chỉ ở đây có Sa-môn thứ nhất, chỉ ở đây có Sa-môn thứ hai, chỉ ở đây có Sa-môn thứ ba, chỉ ở đây có Sa-môn thứ tư.' Thế nào là bốn? Chư Hiền, chúng tôi có lòng tin bậc Đạo sư, có lòng tin Pháp, có sự thành tựu viên mãn các giới luật; và những pháp hữu[5] của chúng tôi, những người cư sĩ và những người xuất gia, được chúng tôi thương, chúng tôi mến. Chư Hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc Đã Thấy, Đã Biết, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nên chúng tôi nói: 'Chỉ ở đây có Sa-môn

---

[1] Xem *A*. II. 238. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Sư tử hống kinh* 獅子吼經 (*T*.01. 0026.103. 0590b05). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.2. 0643c02).

[2] *Idh'eva*. *MA*. II. 4: "Trong chính lời dạy này."

[3] *D*. II. 151: Thứ nhất là Dự lưu, thứ hai là Nhất lai, thứ ba là Bất lai và thứ tư là A-la-hán.

[4] Xem 62 tà kiến trong *D*. I. 1, *Brahmajāla Sutta* (*Kinh Phạm võng*).

[5] *Sahadhammika*. *MA*. II. 8 chỉ cho các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, các vị tập sự Sa-di, Sa-di-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ. *Sahadhammika* còn đồng nghĩa với chữ *Ariyasāvaka* (Thánh đệ tử).

thứ nhất, chỉ ở đây có Sa-môn thứ hai, chỉ ở đây có Sa-môn thứ ba, chỉ ở đây có Sa-môn thứ tư, các ngoại đạo khác không có [quả vị] Sa-môn.'"

141. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra, khi ở đây, những du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư Hiền, chúng tôi cũng có lòng tin bậc Đạo sư,[6] vị ấy là Đạo sư của chúng tôi. Chúng tôi có lòng tin pháp, pháp ấy là pháp của chúng tôi, chúng tôi thành tựu viên mãn các giới luật,[7] những giới luật ấy là giới luật của chúng tôi. Và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và cả những người xuất gia, được chúng tôi thương, được chúng tôi mến. Chư Hiền, như vậy có sự sai biệt gì, có sự đặc thù gì, có sự khác biệt gì giữa quý vị và chúng tôi?" Chư Tỷ-kheo, nếu được các du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau: "Chư Hiền, cứu cánh[8] là một hay cứu cánh là đa diện?"

Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh là một, cứu cánh không phải đa diện."

"Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có tham hay cho người không tham?"

Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không tham, không phải cho người có tham."

"Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có sân hay cho người không sân?"

Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không sân, không phải cho người có sân."

"Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có si hay cho người không si?"

Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không si, không phải cho người có si."

"Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có ái hay cho người không ái?"

Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không ái, không phải cho người có ái."

"Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có chấp thủ, hay cho người không chấp thủ?"

Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không chấp thủ, không phải cho người chấp thủ."

"Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có trí, hay cho người không có trí?"

Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Cứu cánh ấy cho người có trí, không phải cho người không có trí."

---

[6] *MA*. II. 9 chỉ cho *Pūraṇa Kassapa* và 6 vị Luận sư ngoại đạo.

[7] *MA*. II. 9 chỉ cho các giới luật như theo hạnh dê, hạnh bò, hạnh chó.

[8] *Niṭṭhā*: Cứu cánh. *MA*. II. 9 giải thích *pariyosānabhūta*: Sự trở thành cứu cánh, mục tiêu tối hậu. *MA*. giải thích cứu cánh đa diện của ngoại đạo như Phạm thiên giới là cứu cánh của Bà-la-môn, Quang Âm thiên (Ābhassārā) cho các vị tu khổ hạnh, Biến Tịnh thiên (Subhakiṇha) cho các du sĩ, nhưng trong giáo pháp này, cứu cánh là quả vị A-la-hán.

"Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người thuận ứng,[9] nghịch ứng[10] hay cho người không thuận ứng, không nghịch ứng?"

Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không thuận ứng, không nghịch ứng, không phải cho người thuận ứng, nghịch ứng."

"Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người ưa hý luận, thích hý luận[11] hay cho người không ưa hý luận, không thích hý luận?"

Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo cần phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, không phải cho người ưa hý luận, thích hý luận."

142. Chư Tỷ-kheo, có hai loại tri kiến này: Hữu kiến và phi hữu kiến.[12] Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước hữu kiến, thân thiết hữu kiến, cố chấp hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại đối với phi hữu kiến. Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước phi hữu kiến, thân thiết phi hữu kiến, cố chấp phi hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại bởi hữu kiến. Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly[13] khỏi chúng; những vị này là những vị có tham, có sân, có si, có ái, có chấp thủ, không có trí, có thuận ứng, có nghịch ứng, có ưa hý luận, có thích hý luận; những vị ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy không giải thoát khỏi đau khổ. Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật tuệ tri sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly khỏi chúng; những vị này là những vị không tham, không sân, không si, không ái, không chấp thủ, có trí, không có thuận ứng, không có nghịch ứng, không ưa hý luận, không thích hý luận; những vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

143. Chư Tỷ-kheo, có bốn chấp thủ. Thế nào là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ.

Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ; họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri ba sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu

---

[9] *Anuruddha*. *MA*. II. 10 giải thích chịu sự áp lực bởi tham ái.

[10] *Paṭiviruddha*. *MA*. II. 10 giải thích chịu sự chi phối bởi sân hận.

[11] *Papañcārāmassa papañcarati*: Ưa hý luận, thích hý luận. *MA*. II. 10 giải thích là đồng nghĩa với tham dục, tà kiến và kiêu mạn.

[12] *Bhavadiṭṭhi ca vibhavadiṭṭhi ca*: Hữu kiến và phi hữu kiến. *MA*. II. 10 gọi là Thường kiến và Đoạn kiến.

[13] *Nissaraṇa*: Xuất ly. *MA*. II. 11 gọi là Niết-bàn.

tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ.

Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri hai sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ; nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ.

Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri một sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận thủ.

Chư Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với bậc Đạo sư, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các giới luật, sự thành tựu ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với những pháp hữu, sự thương mến ấy được xem là không hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một Pháp và Luật không khéo thuyết giảng, không khéo hiển thị, không có hướng thượng,[14] không dẫn đến tịch tịnh,[15] không được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị.

144. Và chư Tỷ-kheo, bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác tự xưng liễu tri tất cả thủ, chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Như Lai hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ. Chư Tỷ-kheo, trong một Pháp và Luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với bậc Đạo sư, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các giới luật, sự thành tựu ấy được xem là hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với các pháp hữu, sự thương mến ấy được xem là hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một Pháp và Luật khéo thuyết giảng, khéo hiển thị, có hướng thượng, dẫn đến tịch tịnh, được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị.

145. Chư Tỷ-kheo, bốn loại chấp thủ này lấy gì làm duyên, lấy gì làm

---

[14] Chỉ đưa đến luân hồi trong cảnh giới súc sanh.

[15] Không được an tịnh vì tham ái... Xem *MA*. II. 15.

tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Bốn loại chấp thủ này lấy ái làm duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm chủng, lấy ái làm nhân. Chư Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, ái này lấy thọ làm duyên, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm chủng, lấy thọ làm nhân. Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy xúc làm duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm chủng, lấy xúc làm nhân. Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy sáu nhập làm duyên, lấy sáu nhập làm tập khởi, lấy sáu nhập làm chủng, lấy sáu nhập làm nhân. Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy danh sắc làm duyên, lấy danh sắc làm tập khởi, lấy danh sắc làm chủng, lấy danh sắc làm nhân. Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy thức làm duyên, lấy thức làm tập khởi, lấy thức làm chủng, lấy thức làm nhân. Chư Tỷ-kheo, thức này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thức này lấy hành làm duyên, lấy hành làm tập khởi, lấy hành làm chủng, lấy hành làm nhân. Chư Tỷ-kheo, hành này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, hành này lấy vô minh làm duyên, lấy vô minh làm tập khởi, lấy vô minh làm chủng, lấy vô minh làm nhân. Và chư Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo đã đoạn trừ vô minh, đã làm minh[16] sanh khởi; vị ấy do vô minh được đoạn trừ, do minh sanh khởi, nên không chấp thủ dục thủ, không chấp thủ kiến thủ, không chấp thủ giới cấm thủ, không chấp thủ ngã luận thủ. Nhờ không chấp thủ nên không tháo động, nhờ không tháo động, nên tự thân chứng được Niết-bàn;[17] vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

[16] *Vijjā*: Minh, chỉ cho sự hiểu biết con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Xem *MA*. II. 18.

[17] *Paccattam yeva parinibbāyati*. *MA*. II. 18, 229 giải thích *sayam eva kilesaparinibbānena parinibbāyati*, nghĩa là tự mình chứng Niết-bàn nhờ giải thoát khỏi các phiền não.

12. ĐẠI KINH SƯ TỬ HỐNG

(*Mahāsīhanāda Sutta*)[1]

146. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesāli (Tỳ-xá-ly), ở phía ngoài thành, trong một khu rừng phía Tây. Lúc bấy giờ, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, vừa mới từ bỏ Pháp và Luật này, nói lời như sau trong hội chúng ở Vesāli: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân,[2] không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm[3] và thuyết cho một mục tiêu đặc biệt,[4] có khả năng hướng thượng,[5] có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau." Lúc ấy, Tôn giả Sāriputta vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, vào thành Vesāli để khất thực. Tôn giả Sāriputta nghe Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi nói như sau trong hội chúng ở Vesāli: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm và thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau."

Rồi Tôn giả Sāriputta khất thực xong, sau khi ăn và trở về, đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, vừa mới từ bỏ Pháp và Luật này, nói lời nói như sau trong hội chúng Vesāli: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành,

---

[1] Xem *M*. I. 305, 339, 400; *D*. I. 161; III. 36; *S*. II. 27, 28; V. 304, 305; *A*. I. 285; II. 8, 205; III. 417; V. 32; *J*. I. 389; *CNid*. 18:33-38; *Miln*. 396; *Kvu*. 360. Tham chiếu: *Trường A-hàm thập báo pháp kinh* 長阿含十報法經 (*T*.01. 0013. 0233b23); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.612. 0171c06); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.684. 0186b26); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.701. 0189c07); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.6. 0645b26); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.8. 0670c02); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.4. 0776b14); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.6. 0811a29); *Phật thuyết Thân mao hỷ thọ kinh* 佛說身毛喜豎經 (*T*.17. 0757. 0591c11); *Phật thuyết Thập lực kinh* 佛說十力經 (*T*.17. 0780-0781. 0715c07-0718c08); *Phật thuyết Tín giải trí lực kinh* 佛說信解智力經 (*T*.17. 0802. 0747a19).

[2] *Vin*. III. 87-109, *Pārājika* IV có định nghĩa về pháp Thượng nhân.

[3] *Sunakkhatta*. *M*. I. 520; *D*. I. 16 viết rằng pháp của Sa-môn Gotama dựa trên kinh nghiệm cá nhân, chứ không phải do tự nhiên giác ngộ.

[4] *Yassa ca khvāssa atthāya*. *MA*. II. 22 giải thích: Tu quán bất tịnh để đối trị tham ái, tu từ tâm để đối trị sân, tu quán năm pháp để đối trị ngu si, tu sổ tức để đối trị các tà tư duy.

[5] *Niyyāti*: Có khả năng hướng thượng, khỏi vòng sanh tử luân hồi (*vatta saṃsāra*), mục đích đạt đến Niết-bàn.

tùy thuận trắc nghiệm và thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau."

147. – Này Sāriputta, Sunakkhatta phẫn nộ và ngu si. Do phẫn nộ nên nói lên lời ấy. Này Sāriputta, ông ta nghĩ: "Ta sẽ nói xấu." Thế mà kẻ ngu Sunakkhatta lại nói lời tán thán Như Lai. Này Sāriputta, ai nói như sau là tán thán Như Lai: "Pháp ấy được thuyết giảng cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau."

Này Sāriputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia, sẽ không có tùy pháp (*dhammanvaya*) về Ta như sau: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn."

Này Sāriputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia, sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: "Đây là Thế Tôn, vị đã chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình; đi ngang qua vách, qua thành, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên."

Này Sāriputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia, sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: "Đây là Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh, siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người, xa và gần."

Này Sāriputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp nào về Ta như sau: "Đây là Thế Tôn, sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau: 'Tâm có tham biết là tâm có tham. Hay tâm không tham biết là tâm không tham. Tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú. Hay tâm không chuyên chú biết là tâm không chuyên chú. Tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Hay tâm không tán loạn biết là tâm không tán loạn. Đại hành tâm biết là đại hành tâm. Hay không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng. Hay tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm thiền định biết là tâm thiền định. Hay tâm không thiền định biết là tâm không thiền định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát. Hay tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."' Vị ấy biết như vậy.

148. Này Sāriputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực, chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?

Ở đây, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ (*Tri thị xứ phi xứ lực*). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Như vậy là trí lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này Như Lai tự

nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri quả báo tùy thuộc sở nhân, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại (*Tri tam thế nghiệp báo lực*). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri quả báo tùy thuộc sở nhân, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Như vậy là trí lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri con đường đưa đến tất cả cảnh giới (*Tri nhứt thiết đạo trí lực*). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri thế giới[6] với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt (*Tri thế gian chủng chủng tánh lực*). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri chí hướng (*adhimutti*) sai biệt của các loại hữu tình (*Tri tha chúng sanh chủng chủng dục lực*). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng hạ[7] của các loài hữu tình, loài người (*Tri tha chúng sanh chư căn thượng hạ lực*). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các thiền chứng về thiền, về giải thoát, về định (*Tri chư thiền tam-muội lực*). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành kiếp và hoại kiếp. Ngài nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung

[6] Thế giới của 5 uẩn, 12 xứ và 18 giới. Xem *MA*. II. 29.

[7] Các căn (*indriya*). Ở đây chỉ cho 5 căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ.

phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, Như Lai với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc tự mình chứng tri, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Sāriputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sāriputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực. Chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

149. Này Sāriputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau." Này Sāriputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.[8] Này Sāriputta, cũng như Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Này Sāriputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy.[9] Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

150. Này Sāriputta, có bốn pháp vô sở úy,[10] chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là bốn?

Này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: "Các pháp này chưa được chứng ngộ hoàn toàn mà quý vị tự xưng đã chứng ngộ hoàn toàn." Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

---

[8] *Yathābhataṃ nikkhitto evaṃ niraye.*

[9] *Evaṃ sampadamidaṃ vadāmi.*

[10] *Vesārajja:* Vô sở úy, tự tin. Xem *A.* II. 8; IV. 83f.

Này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: "Các lậu hoặc này chưa được đoạn trừ mà quý vị tự xưng đã đoạn trừ." Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: "Những pháp này được gọi là các chướng ngại pháp,[11] khi được thực hành thời không có gì gọi là chướng ngại pháp cả." Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: "Pháp do quý vị thuyết giảng không đưa đến mục tiêu đặc biệt, không có khả năng hướng thượng, không có thể dẫn người thực hành đến diệt tận khổ đau." Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sāriputta, có bốn pháp vô sở úy, chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sāriputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau." Này Sāriputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

151. Này Sāriputta, có tám hội chúng này. Thế nào là tám? Hội chúng Sát-đế-lỵ, hội chúng Bà-la-môn, hội chúng Gia chủ, hội chúng Sa-môn, hội chúng Tứ Thiên Vương, hội chúng Tam Thập Tam thiên, hội chúng Māra,[12] hội chúng Phạm thiên. Này Sāriputta, có tám hội chúng này.

Này Sāriputta, Như Lai thành tựu bốn pháp vô sở úy như vậy, đến gần và vào tám hội chúng này. Này Sāriputta, Ta nhớ lại Ta đã đến hàng trăm hội chúng Sát-đế-lỵ. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta."

---

[11] *Antarāyikā dhammā*. Xem *Vin*. IV. 133; *Pācittiya* 68. *MA*. II. 33 chỉ cho *methunadhamma* tức là dâm dục, một chướng ngại pháp cho Đạo và Quả.

[12] *MA*. II. 34 nói rõ không phải một hội chúng Māra mà chỉ cho trường hợp hội chúng của Māra tụ họp.

Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sāriputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm hội chúng Bà-la-môn. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta."

Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sāriputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm hội chúng Gia chủ. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta." Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sāriputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm hội chúng Sa-môn. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta." Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sāriputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm hội chúng Tứ Thiên Vương. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta." Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sāriputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm hội chúng Tam Thập Tam thiên. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta." Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sāriputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm hội chúng Māra. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta." Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sāriputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm hội chúng Phạm thiên. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sāriputta, Ta thấy không có một lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta." Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sāriputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau." Này

Sāriputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

152. Này Sāriputta, có bốn loại sanh. Thế nào là bốn? Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh.[13] Này Sāriputta, thế nào là noãn sanh? Này Sāriputta, những loại chúng sanh nào phá vỏ trứng mà sanh, này Sāriputta, như vậy gọi là noãn sanh. Và này Sāriputta, thế nào là thai sanh? Này Sāriputta, những loại chúng sanh nào phá màng da mỏng che chỗ kín mà sanh, này Sāriputta, như vậy gọi là thai sanh. Và này Sāriputta, thế nào là thấp sanh? Này Sāriputta, những loại chúng sanh nào sanh ra từ cá thúi, từ xác chết thúi, từ cháo cơm thúi, hay trong hồ nước dơ hay trong ao nước nhớp, này Sāriputta, như vậy gọi là thấp sanh. Và này Sāriputta, thế nào là hóa sanh? Chư thiên, các chúng sanh ở địa ngục, một số thuộc loài người và một số thuộc đọa xứ, này Sāriputta, như vậy gọi là hóa sanh.

Này Sāriputta, có bốn loại sanh như vậy. Này Sāriputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau." Này Sāriputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

153. Này Sāriputta, có năm loại sanh thú[14] này. Thế nào là năm? Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài người, chư thiên. Này Sāriputta, Ta tuệ tri địa ngục, con đường đưa đến địa ngục và hành lộ đưa đến địa ngục. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự việc này Ta cũng tuệ tri. Và này Sāriputta, Ta tuệ tri bàng sanh, con đường đưa đến bàng sanh và hành lộ đưa đến bàng sanh. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào bàng sanh, sự việc này Ta cũng tuệ tri. Và này Sāriputta, Ta tuệ tri ngạ quỷ, con đường đưa đến ngạ quỷ và hành lộ đưa đến ngạ quỷ. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ngạ quỷ, sự việc này Ta cũng tuệ tri. Và này Sāriputta, Ta cũng tuệ tri loài người, con đường đưa đến thế giới loài người và hành lộ đưa đến thế giới loài người. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài người, sự việc này Ta cũng tuệ tri. Và này Sāriputta, Ta cũng tuệ tri chư thiên, con đường đưa đến thiên giới và hành lộ đưa đến thiên giới. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, sự việc này Ta cũng tuệ tri. Và này Sāriputta, Ta cũng tuệ tri Niết-bàn, con đường đưa đến Niết-bàn và hành lộ đưa đến Niết-bàn. Tùy theo hành nghiệp, do đoạn trừ

---

[13] *MA*. II. 36 giải thích từ Tứ Thiên Vương trở lên thuộc về hóa sanh. Loài người thuộc thai sanh.

[14] *Gati*: Đi đến cảnh giới phải đến do hành nghiệp của mình, hoặc là thiện hoặc là ác.

các lậu hoặc, sau khi tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

154. Này Sāriputta, ở đây, với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người. Do hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy. Sau một thời gian, với Thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ khốc liệt. Này Sāriputta, cũng như có một hố than sâu hơn thân người, đầy vun than hừng, không có lửa ngọn, không có khói, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước, và đi thẳng đến hố than ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy, có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố than kia." Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố than ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ khốc liệt.

Này Sāriputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy." Sau một thời gian, với Thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ khốc liệt.

Này Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào bàng sanh." Sau một thời gian, với Thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy kẻ ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào bàng sanh, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ,[15] thống khổ khốc liệt. Này Sāriputta, cũng như có một hố phân, sâu hơn thân người, đầy những phân uế, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến hố phân ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố phân ấy." Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố phân ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ khốc liệt. Này Sāriputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào bàng sanh." Sau một thời gian, với Thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy kẻ ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào bàng sanh, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ khốc liệt.

Này Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành

---

[15] Ở đây không có cực khổ, vì không có đốt cháy như trong hố than hừng.

nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào ngạ quỷ." Sau một thời gian, với Thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy kẻ ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào ngạ quỷ, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ khốc liệt. Này Sāriputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất không bằng phẳng, với lá thưa thớt, với bóng che từng đám lưa thưa;[16] và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy." Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ khốc liệt. Này Sāriputta, cũng vậy ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào ngạ quỷ." Sau một thời gian, với Thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy kẻ ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào ngạ quỷ, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ khốc liệt.

Này Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta biết tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào loài người." Sau một thời gian, với Thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy người ấy sanh vào loài người, và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. Này Sāriputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất bằng phẳng với lá sum suê, với bóng cây rậm rạp. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ của người này như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy." Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. Này Sāriputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... sanh vào loài người, và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ.

Này Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này." Sau một thời gian... Ta thấy người ấy sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này và cảm thọ những cảm giác cực lạc. Này Sāriputta, giống như một ngôi lầu, có gác nhọn, có tô vôi cả trong lẫn ngoài, được che gió, có then chốt đóng lại và có các cửa sổ khép kín (*pihitavātapānaṃ*). Tại đây có một sàng tọa, trải nệm lông dài, trải nệm màu trắng, trải nệm bông có thêu hoa, trải nệm bằng da sơn dương gọi là kadali, có nệm với khuôn màu treo phía trên, có gối dài màu đỏ cả hai đầu.[17] Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng,

---

[16] *Kabaracchāya*. *MA*. II. 38 giải thích "không bằng một tầng mây mỏng".

[17] *MA*. II. 39 giải thích một cho đầu, một cho chân.

khát nước và đi thẳng đến ngôi lầu ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến ngôi lầu ấy." Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm trong ngôi lầu ấy, trong gác nhọn ấy, trên sàng tọa ấy và cảm thọ được nhiều cảm thọ cực lạc. Này Sāriputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này và cảm thọ những cảm giác cực lạc.

Này Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát như vậy." Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc. Này Sāriputta, giống như một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong sáng, có bờ hồ khéo sắp đặt, đẹp đẽ, và không xa hồ ấy có khu rừng rậm rạp. Một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến hồ sen ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hồ sen ấy." Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, sau khi tắm mình vào hồ sen ấy, sau khi tắm rửa, uống nước và làm cho dịu bớt mọi ưu tư, mệt mỏi, phiền não, sau khi ra khỏi hồ liền qua ngồi hay nằm trong rừng cây rậm rạp ấy và cảm thọ những cảm giác cực lạc. Cũng vậy, này Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát như vậy." Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc.

Này Sāriputta, năm loại này là năm sanh thú.

Này Sāriputta, có ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy, và nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuộc trắc nghiệm." Này Sāriputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Này Sāriputta, cũng như Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Này Sāriputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

155. Này Sāriputta, Ta thắng tri Phạm hạnh, đầy đủ bốn hạnh: Về khổ hạnh, Ta khổ hạnh đệ nhất; về bần uế, Ta bần uế đệ nhất; về yểm ly,[18] Ta yểm ly đệ nhất; về độc cư, Ta độc cư đệ nhất.

Này Sāriputta, ở đây,[19] khổ hạnh của Ta như sau: Ta sống lõa thể, phóng túng, không theo khuôn phép, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu; không ăn cá, thịt; không uống rượu men rượu nấu. Ta chỉ nhận đồ ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng; hay chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng; hay chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miếng. Ta nuôi sống chỉ với một chén, nuôi sống chỉ với hai chén, nuôi sống chỉ với bảy chén. Ta chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy Ta sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Ta chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc, ăn gạo lứt, ăn gạo daddula, ăn bèo cái, ăn cám, ăn váng nước cơm, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò; ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Ta mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tẫn liệm rồi quăng đi, mặc áo phấn tảo y, mặc vỏ cây tirīṭa làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Ta sống nhổ râu tóc, Ta theo tập tục sống nhổ râu tóc. Ta theo hạnh thường đứng không dùng chỗ ngồi; Ta là người ngồi chò hỏ, sống tinh tấn theo hạnh ngồi chò hỏ. Ta dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhớp che dính thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bạ đâu nằm đấy, sống ăn các uế vật, sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm. Như vậy, Ta sống theo hạnh hành hạ, giày vò thân thể theo nhiều cách. Này Sāriputta, như vậy là khổ hạnh của Ta.

156. Này Sāriputta, ở đây hạnh bần uế của Ta như sau: Trên thân Ta, bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng; như gốc cây tinduka bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Cũng vậy, này Sāriputta, trên thân Ta bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Này Sāriputta, Ta không nghĩ rằng: "Với tay của Ta, Ta hãy phủi sạch bụi bặm này đi, hay những người khác với tay của họ hãy

---

[18] *Jegucchī*. *MA*. II. 43 giải thích yểm ly ác, bất thiện pháp.

[19] Ở đây chỉ cho 4 Phạm hạnh. Xem *MA*. II. 43.

phủi sạch bụi bặm này đi cho Ta." Này Sāriputta, Ta không có nghĩ như vậy. Này Sāriputta, như vậy là sự bần uế của Ta.

Này Sāriputta, như thế này là sự yểm ly của Ta. Này Sāriputta, tỉnh giác, Ta đi tới; tỉnh giác, Ta đi lui, Ta an trú lòng từ cho đến trong một giọt nước với tâm tư: "Mong rằng Ta không làm hại một chúng sanh nhỏ nào trong những ác đạo của chúng!" Này Sāriputta, như vậy là sự yểm ly của Ta.

Này Sāriputta, như thế này là sự độc cư của Ta. Này Sāriputta, Ta đi sâu vào một khu rừng và an trú tại chỗ ấy. Khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi hay người thợ rừng, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta và mong Ta đừng thấy họ!" Này Sāriputta, giống như một con thú rừng thấy người liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Cũng vậy, này Sāriputta, khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi, hay người tiều phu, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta và mong Ta đừng thấy họ!" Này Sāriputta, như vậy là hạnh độc cư của Ta.

Này Sāriputta, rồi Ta bò bốn chân đến các chuồng bò, khi các con bò cái đã bỏ đi, khi các người chăn bò không có mặt;[20] rồi Ta ăn phân các con bò con, các con bò còn nhỏ, các con bò còn bú. Khi nước tiểu và phân của Ta còn tồn tại, Ta tự nuôi sống với các loại ấy. Này Sāriputta, như vậy là hạnh đại bất tịnh thực của Ta.

157. Này Sāriputta, Ta đi sâu vào một khu rừng rậm rạp kinh hoàng và an trú tại chỗ ấy. Này Sāriputta, tại khu rừng rậm rạp kinh hoàng này, những ai còn tham ái đi vào khu rừng rậm rạp ấy, thời lông tóc người ấy dựng ngược. Này Sāriputta, rồi Ta trong những đêm đông lạnh lẽo, giữa những ngày mùng tám, khi có tuyết rơi, trong những đêm như vậy, Ta sống giữa trời, và ban ngày sống trong khu rừng rậm rạp. Ta sống trong những ngày cuối tháng hè, ban ngày thì sống giữa trời, còn ban đêm trong khu rừng rậm rạp. Rồi này Sāriputta, những bài kệ kỳ diệu từ trước chưa từng được nghe sau đây được khởi lên:

Nay bị thiêu đốt, bị buốt lạnh,
Cô độc sống trong rừng kinh hoàng.
Trần truồng, Ta ngồi không lửa ấm,
Ẩn sĩ trong lý tưởng đăm chiêu.

Này Sāriputta, Ta nằm ngủ trong bãi tha ma, dựa trên một bộ xương. Này

---

[20] *Paṭṭhitago apagatagopālaka.*

Sāriputta, những đứa mục đồng[21] đến gần Ta, khạc nhổ trên Ta, tiểu tiện trên Ta, rắc bụi trên Ta và lấy que đâm vào lỗ tai. Này Sāriputta, và Ta biết Ta không khởi ác tâm đối với chúng. Này Sāriputta, như vậy là hạnh trú xả[22] của Ta.

158. Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn." Họ nói: "Chúng ta sống nhờ trái táo", và họ ăn trái táo, họ ăn bột táo, họ uống nước trái táo dưới nhiều hình thức. Này Sāriputta, Ta tự xưng Ta sống chỉ ăn một trái táo. Này Sāriputta, có thể các người nghĩ như sau: "Trái táo thời ấy to lớn." Này Sāriputta, chớ có hiểu như vậy. Vì trái táo thời ấy giống với trái táo hiện tại. Này Sāriputta, trong khi Ta sống chỉ ăn một trái táo, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu.

Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt dây leo khô héo. Vì Ta ăn quá ít, bàn trôn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà. Vì Ta ăn quá ít, các xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh. Vì Ta ăn quá ít, các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột nhà sàn hư nát. Vì Ta ăn quá ít, nên con ngươi long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu. Vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nheo khô cằn như trái bí trắng và đắng, bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo khô cằn. Này Sāriputta, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên này Sāriputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Này Sāriputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu tiện", thì Ta ngã quỵ úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít. Này Sāriputta, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thì này Sāriputta, trong khi Ta lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít.

159. Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn." Họ nói: "Chúng ta sống nhờ đậu xanh, và họ ăn hột đậu xanh, họ ăn bột đậu xanh, họ uống nước đậu xanh, và họ ăn hột đậu xanh dưới nhiều hình thức. Này Sāriputta, Ta tự xưng Ta sống chỉ ăn một hột đậu xanh. Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn." Họ nói: "Chúng ta sống nhờ vừng mè, và họ ăn hột vừng mè, họ ăn bột vừng mè, họ uống nước vừng mè, và họ ăn hột vừng mè dưới nhiều hình thức. Này Sāriputta, Ta tự xưng Ta sống chỉ ăn một hột vừng mè. Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn." Họ nói: "Chúng ta sống nhờ hột gạo", và họ ăn hột gạo, họ ăn

---

[21] *Gomaṇḍala*. *MA*. II. 48-9 viết là *gopāladāraka*.

[22] *Upekhā* là một trong Mười Ba-la-mật (*Pāramī*), một trong Bảy giác chi (*Bojjhaṅga*) và một trong Bốn vô lượng tâm (*Brahmavihāra*).

hột gạo nghiền thành bột, họ uống nước gạo, và họ ăn hột gạo dưới nhiều hình thức. Này Sāriputta, Ta tự xưng Ta sống chỉ ăn một hột gạo. Này Sāriputta, có thể các người nghĩ như sau: "Hột gạo thời ấy to lớn." Này Sāriputta, chớ có hiểu như vậy. Vì hột gạo thời ấy giống với hột gạo hiện tại. Này Sāriputta, trong khi Ta chỉ sống ăn một hột gạo, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu. Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt dây leo khô héo. Vì Ta ăn quá ít, bàn trôn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà. Vì Ta ăn quá ít, xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh. Vì Ta ăn quá ít, các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột của một nhà sàn hư nát. Vì Ta ăn quá ít, con ngươi long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng thâm sâu. Vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nheo, khô cằn như trái bí trắng và đắng, bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo, khô cằn. Này Sāriputta, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên này Sāriputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Này Sāriputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu tiện", thì Ta ngã quỵ úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít. Này Sāriputta, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thời này Sāriputta, trong khi Ta lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít.

Này Sāriputta, dầu Ta có theo cử chỉ như vậy, theo hành lộ như vậy, theo khổ hạnh như vậy, Ta cũng không chứng được các pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Vì sao vậy? Vì với những phương tiện ấy, không chứng được pháp Thượng nhân với Thánh trí tuệ. Chính Thánh trí tuệ này chứng được thuộc về bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau.

160. Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ luân hồi (*saṃsāra*)." Này Sāriputta, thật không dễ gì tìm được sự luân hồi mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh Cư thiên (Suddhavasa). Này Sāriputta, nếu Ta luân hồi tại Tịnh Cư thiên thì Ta đã không trở lại đời này nữa. Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ sanh khởi." Này Sāriputta, thật không dễ gì tìm được sự sanh khởi mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh Cư thiên. Này Sāriputta, nếu Ta sanh khởi tại Tịnh Cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa. Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ an trú." Này Sāriputta, thật không dễ gì tìm được sự an trú mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh Cư thiên. Này Sāriputta, nếu Ta an trú tại Tịnh Cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa. Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những

chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ tế tự." Này Sāriputta, thật không dễ gì tìm được sự tế tự mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh hay làm vị Bà-la-môn giàu có. Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ thờ lửa." Này Sāriputta, thật không dễ gì tìm được sự thờ lửa mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh, hay làm vị Bà-la-môn giàu có.

161. Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Khi một thiếu niên còn trẻ tuổi, tóc đen nhánh, huyết khí sung mãn, trong tuổi thanh xuân, người ấy thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng. Nhưng khi người ấy già cả, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, khi đã tám mươi, chín mươi hay một trăm tuổi, khi ấy trí tuệ biện tài tối thượng ấy bị đoạn trừ." Này Sāriputta, chớ có quan niệm như vậy. Này Sāriputta, nay Ta đã già, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, tuổi Ta nay đã đến tám mươi.[23] Này Sāriputta, ở đây Ta có bốn vị đệ tử, tuổi thọ đến một trăm, đã sống một trăm tuổi, thành tựu chánh niệm đệ nhất, thành tựu chuyên tâm đệ nhất, thành tựu tinh cần[24] đệ nhất và đầy đủ trí tuệ biện tài tối thượng. Này Sāriputta, ví như một người bắn cung thiện xảo, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ, có thể dễ dàng bắn ngang qua bóng một cây Sa-la. Cũng vậy, những vị này với chánh niệm đệ nhất như vậy, với chú tâm đệ nhất như vậy, với tinh cần đệ nhất như vậy, được thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng như vậy. Nếu những vị này hỏi Ta nhiều lần một câu hỏi về Bốn niệm xứ, và nếu Ta được hỏi nhiều lần như vậy, phải giải thích cho họ hiểu và nếu họ được Ta giải thích như vậy, có thể hiểu như đã giải thích; và nếu họ không hỏi Ta về những vấn đề phụ thuộc và các vấn đề khác; trừ khi ăn, uống, nhai, nếm; trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện; trừ khi ngủ để lấy lại sức. Này Sāriputta, dầu vậy, sự thuyết pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự giải thích cú pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự trả lời các câu hỏi của Như Lai cũng chưa hoàn tất, khi mà bốn đệ tử của Ta, tuổi thọ đến một trăm tuổi, đã sống một trăm tuổi, đã từ trần sau một trăm tuổi. Này Sāriputta, nếu ông có gánh Ta trên giường đi chỗ này chỗ kia, thật sự trí tuệ biện tài của Như Lai không có gì thay đổi. Này Sāriputta, những ai nói một cách chơn chánh sẽ nói như sau: "Một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người." Vị ấy sẽ nói về Ta một cách chơn chánh như sau: "Một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người."

---

[23] *MA*. II. 51: Thế Tôn giảng kinh này vào năm Ngài nhập Niết-bàn.

[24] *Dhiti*. Xem *S*. I. 62; II. 266; *A*. II. 48; IV. 429.

162. Lúc bấy giờ, Tôn giả Nāgasamāla đứng sau lưng Thế Tôn và quạt cho Ngài. Tôn giả Nāgasamāla bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Sau khi nghe pháp môn này, lông tóc con dựng ngược. Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

– Này Nāgasamāla, do vậy pháp môn này gọi là "Pháp môn Lông tóc dựng ngược." Ông hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Nāgasamāla hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

13. ĐẠI KINH KHỔ UẨN

(*Mahādukkhakkhandha Sutta*)[1]

163. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), trong vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc ấy nhiều Tỷ-kheo buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào thành Sāvatthi khất thực. Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khất thực ở Sāvatthi. Chúng ta hãy đi đến ngôi vườn[2] các du sĩ ngoại đạo." Các Tỷ-kheo ấy đi đến ngôi vườn các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với các Tỷ-kheo đang ngồi xuống một bên:

– Chư Hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các dục, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các dục. Chư Hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các sắc pháp, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các sắc pháp. Chư Hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các cảm thọ, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các cảm thọ. Chư Hiền, ở đây có sự đặc thù nào, sự dị biệt nào, sự sai khác nào giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi về vấn đề thuyết pháp hay vấn đề giáo huấn?

Các Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ cũng không chỉ trích những lời nói của các du sĩ ngoại đạo. Không hoan hỷ, không chỉ trích, các Tỷ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, từ biệt với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ học ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn."

164. Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi khất thực ở Sāvatthi, ăn xong và trở về, liền đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành khất thực. Bạch Thế Tôn, rồi chúng con suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khất thực ở Sāvatthi. Chúng ta hãy đi đến ngôi vườn các du sĩ ngoại đạo." Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến ngôi vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến xong, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với chúng con đang ngồi một bên: "Chư Hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các dục, chúng tôi cũng nêu

---

[1] Xem *M.* I. 91; III. 163, 230; *S.* IV. 223, 228; *A.* I. 47; III. 410; *CNid.* 23:166; *Kvu.* 367. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Khổ ấm kinh* 苦陰經 (*T.*01. 0026.99. 0584c08). Tham chiếu: *Khổ ấm kinh* 苦陰經 (*T.*01. 0053. 0846c05); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.21.9. 0604c07).

[2] *Arāma*, đây không phải là ngôi tinh xá, vì du sĩ ngoại đạo không thiết lập tổ chức Tăng lữ. *MA.* II. 54 cho rằng nơi này cách Kỳ Viên không xa.

rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các dục. Chư Hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các sắc pháp, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các sắc pháp. Chư Hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các cảm thọ, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các cảm thọ. Chư Hiền, ở đây có sự đặc thù nào, sự dị biệt nào, sự sai khác nào giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi về vấn đề thuyết pháp hay vấn đề giảng huấn?" Bạch Thế Tôn, chúng con không hoan hỷ, không chỉ trích những lời nói của các du sĩ ngoại đạo. Không hoan hỷ, không chỉ trích, chúng con từ chỗ ngồi đứng dậy, từ biệt với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ học ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn."

165. – Này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần được trả lời như sau: "Chư Hiền, thế nào là vị ngọt các dục, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các sắc pháp, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các cảm thọ, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly?" Này các Tỷ-kheo, khi được hỏi vậy, các du sĩ ngoại đạo không thể trả lời được và sẽ bị mắc vào các khó khăn khác. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì vấn đề này không thuộc khả năng hiểu biết của họ. Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai trong thế giới này với chư Thiên, Māra, Phạm thiên; với chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, mà câu trả lời các câu hỏi được chấp nhận, trừ Như Lai, đệ tử Như Lai và những ai được nghe từ hai vị này.

166. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị ngọt các dục? Này các Tỷ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục này: Các sắc pháp do nhãn căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn; các tiếng do nhĩ căn nhận thức...; các hương do tỷ căn nhận thức...; các vị do thiệt căn nhận thức...; các xúc do thân căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục như vậy. Này các Tỷ-kheo, y cứ vào năm pháp tăng trưởng dục này, có lạc hỷ khởi lên, như vậy là vị ngọt các dục.

167. Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các dục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử nuôi sống với nghề nghiệp, như đếm ngón tay,[3] như tính toán, như ước toán,[4] như làm ruộng, như buôn bán, như chăn bò, như bắn cung, như làm công cho vua, như làm một nghề nào khác.[5] Người ấy phải chống đỡ lạnh, phải chống đỡ nóng, phải chịu đựng sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, bị chết đói chết khát. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Này các Tỷ-kheo, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, nhưng các tài sản ấy không được đến tay mình, vị ấy than vãn,

---

[3] *Muddā*. *MA*. II. 56 giải thích rằng dùng đốt ngón tay để đếm mà biết rõ, nên gọi là *hatthamuddā*.

[4] *Saṅkhāna*. Theo *Chú giải*, ước lượng có bao nhiêu gạo, có bao nhiêu trái cây, bao nhiêu chim trên trời, bằng cách nhìn vào đồng ruộng, nhìn trên cây và nhìn trên trời.

[5] *MA*. II. 56 lấy ví dụ nghề chăn voi, nghề chăn ngựa.

buồn phiền, khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: "Ôi! Sự nỗ lực của ta thật sự là vô ích, sự tinh cần của ta thật sự không kết quả." Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Này các Tỷ-kheo, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, và các tài sản ấy được đến tay mình, vì phải hộ trì các tài sản ấy, vị ấy cảm thọ sự đau khổ, ưu tư: "Làm sao các vua chúa khỏi cướp đoạt chúng, làm sao trộm cướp khỏi cướp đoạt chúng, làm sao lửa khỏi đốt cháy, nước khỏi cuốn trôi, hay các kẻ thừa tự không xứng đáng khỏi cướp đoạt chúng?" Dầu vị ấy hộ trì như vậy, giữ gìn như vậy, vua chúa vẫn cướp đoạt các tài sản ấy, trộm cướp vẫn cướp đoạt, lửa vẫn đốt cháy, nước vẫn cuốn trôi hay các kẻ thừa tự không xứng đáng vẫn cướp đoạt chúng. Vị ấy than vãn, buồn phiền, khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: "Cái đã thuộc của ta, nay ta không có nữa." Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

168. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-ly tranh đoạt với Sát-đế-ly, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dấn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt, họ công phá nhau bằng tay, họ công phá nhau bằng đá, họ công phá nhau bằng gậy, họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây, họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ dàn trận hai mặt; và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây, họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ công phá thành quách mới trét vôi hồ;[6] và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Ở đây, họ bắn đâm nhau

---

[6] *Addāvalepana*. *MA*. II. 58 giải thích là bùn nóng.

bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ đổ nước phân sôi,[7] họ đè bẹp nhau bằng đá, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây, họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

169. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, họ đột nhập nhà cửa, họ cướp giật đồ đạc, họ hành động như kẻ cướp, họ phục kích các đường lớn, họ đi đến vợ người. Các vua chúa khi bắt được một người như vậy liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bối đầu hình[8] [xẻo đỉnh đầu thành hình con sò], họ dùng hình phạt la hầu khẩu hình,[9] hỏa man hình [lấy lửa đốt thành vòng hoa]... chúc thủ hình [đốt tay]... khu hành hình[10] [lấy rơm bện lại rồi siết chặt]... bì y hình[11] [lấy vỏ cây làm áo]... linh dương hình[12] [hình phạt con dê núi]... câu nhục hình[13] [lấy câu móc vào thịt]... tiền hình[14] [cắt thịt thành hình đồng tiền]... khối trấp hình[15]... chuyển hình[16]... cao đạp đài[17]... họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu.[18] Ở đây, họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý. Do họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục đưa đến đau khổ trong tương lai, là khổ uẩn, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nhân duyên, do chính dục làm nhân.

170. Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự xuất ly các dục? Này các Tỷ-kheo, đây

---

[7] *Pakkaṭṭhī*. *MA*. II. 58 viết *kuthita gomaya*, phân bò đốt nóng.

[8] *Saṅkhamuṇḍika*: Lột da đầu.

[9] *Rāhumukha*: Dùng kềm mở miệng rộng ra rồi đổ dầu sôi vào.

[10] *Erakavattika*: Lột da toàn thân trừ đầu, lấy dây cột rồi kéo.

[11] *Cīrakavāsika*: Lột da cho đến ngực và lột da cho đến mắt cá. Lấy da phần trên, bao phần thân trên; lấy da phần dưới, bao bọc phần thân dưới.

[12] *Eṇeyyaka*: Với 4 cọc sắt, đóng như thập tự giá rồi đốt lửa.

[13] *Baḷisamaṃsika*: Đan giống như lưỡi câu của người câu cá.

[14] *Kahāpaṇika*: Với búa sắc bén, cắt và đâm thành hình đồng tiền.

[15] *Khārāpatacchika*: Quăng sắt chảy trên thân đầy vết thương, rồi chà mạnh.

[16] *Palighaparivattika*: Bắt nằm dưới đất, đâm một gậy sắt ngang qua hai lỗ tai rồi xoay tròn.

[17] *Palālapīṭhaka*: Lột da phần trên, lấy chày giã cho nát thân.

[18] Các hành tội này được *GS*. I. 42, 43 nói đến trong phần chú thích.

là sự điều phục dục tham đối với các dục, sự đoạn trừ dục tham, như vậy là sự xuất ly các dục.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các dục là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các dục của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các dục, sự kiện như vậy không xảy ra. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các dục là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ như thật tuệ tri các dục của họ, họ cũng có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các dục, sự kiện như vậy có xảy ra.

171. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị ngọt các sắc pháp? Này các Tỷ-kheo, như các thiếu nữ Sát-đế-ly, thiếu nữ Bà-la-môn hay thiếu nữ gia chủ, tuổi khoảng độ mười lăm hay mười sáu tuổi, không quá lớn, không quá thấp, không quá ốm, không quá mập, không quá đen, không quá trắng, này các Tỷ-kheo, có phải trong thời ấy, họ đạt đến mỹ diệu tối thượng, sắc đẹp tối thượng?

– Bạch Thế Tôn, phải.

– Này các Tỷ-kheo, y cứ sắc đẹp mỹ diệu ấy khởi lên lạc thọ và hỷ thọ, như vậy là vị ngọt các sắc pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các sắc pháp? Này các Tỷ-kheo, ở đây người ta có thể thấy cô gái ấy trong một thời khác, khoảng tám mươi tuổi, chín mươi tuổi hay một trăm tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm, phải dựa gậy để chống đỡ, vừa đi vừa run rẩy, đau ốm, tuổi trẻ đã tận, răng rụng, tóc bạc hư rụng, hói đầu, da nhăn, tay chân bị khô đét tái xám. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của người đó nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

– Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

– Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người ta có thể thấy cô gái ấy bị bệnh hoạn đau khổ, trầm bệnh, nằm đắm mình trong phân tiểu của mình, phải có người nâng dậy, phải có người đỡ nằm. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của người đó nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

– Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

– Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp.

172. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, một ngày hay hai ngày hay ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu sắc đẹp xưa kia của cô gái đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

– Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

– Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài dã can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

– Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

– Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng trong nghĩa địa với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại... với bộ xương không còn thịt, không có máu, còn được gân cột lại… chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất, và sự nguy hiểm đã hiện ra?

– Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

– Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, chỉ có toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm... chỉ còn các xương thối trở thành bột. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất, và sự nguy hiểm hiện ra?

– Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

– Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp.

Này các Tỷ-kheo, và thế nào là sự xuất ly các sắc pháp? Này các Tỷ-kheo, đây là sự điều phục dục tham đối với các sắc pháp, sự đoạn trừ dục tham, như vậy là sự xuất ly các sắc pháp.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các sắc pháp là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy; những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các sắc pháp của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các sắc pháp, sự kiện như vậy không xảy ra. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các sắc pháp là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy; những vị này nhất định như thật tuệ tri các sắc pháp của họ, họ cũng có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các sắc pháp, sự kiện như vậy có xảy ra.

173. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị ngọt các cảm thọ? Ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ; trong khi ấy, nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai; trong khi ấy, vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỷ-kheo, tối thượng vô hại ấy, Ta nói là vị ngọt các cảm thọ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; trong khi ấy, nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai; trong khi ấy, vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỷ-kheo, tối thượng vô hại ấy, Ta nói là vị ngọt các cảm thọ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba; này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú; trong khi ấy, nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai; trong khi ấy, vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỷ-kheo, tối thượng vô hại ấy, Ta nói là vị ngọt các cảm thọ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh; trong khi ấy, nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai; trong khi ấy, vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỷ-kheo, tối thượng vô hại ấy, Ta nói là vị ngọt các cảm thọ.

174. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các cảm thọ? Này các Tỷ-kheo, các cảm thọ là vô thường, khổ, biến hoại, như vậy là sự nguy hiểm các cảm thọ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự xuất ly các cảm thọ? Này các Tỷ-kheo, sự điều phục dục tham đối với các cảm thọ, sự đoạn trừ dục tham, như vậy gọi là sự xuất ly các cảm thọ.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các cảm thọ của họ; họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy không xảy ra. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly

là sự xuất ly như vậy; những vị này nhất định như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy có xảy ra.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

14. TIỂU KINH KHỔ UẨN

(*Cūḷadukkhakkhandha Sutta*)[1]

175. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn sống giữa dòng họ Sakka (Thích-ca), trong thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) tại vườn Nigrodha (Ni-câu-luật). Lúc ấy, có người Sakka tên Mahānāma[2] đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến xong, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Mahānāma, dòng họ Sakka bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi, con đã hiểu như thế này về lời dạy của Thế Tôn: "Tham là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, si là cấu uế của tâm." Bạch Thế Tôn, con đã hiểu như thế này về lời dạy của Thế Tôn: "Tham là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, si là cấu uế của tâm." Tuy vậy, đôi lúc các tham pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các sân pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các si pháp chiếm cứ tâm con và an trú. Bạch Thế Tôn, con tự suy nghĩ: "Pháp nào tự trong con không đoạn trừ được, do vậy các tham pháp xâm nhập tâm con và an trú, các sân pháp xâm nhập tâm con và an trú, các si pháp xâm nhập tâm con và an trú?"

176. – Này Mahānāma, có một pháp trong ông chưa được đoạn trừ, do vậy các tham pháp xâm nhập tâm ông và an trú, các sân pháp xâm nhập tâm ông và an trú, các si pháp xâm nhập tâm ông và an trú. Và này Mahānāma, pháp ấy trong ông có thể đoạn trừ được, nếu ông không sống trong gia đình, nếu ông không thụ hưởng các dục vọng. Và này Mahānāma, vì pháp ấy trong ông chưa được đoạn trừ nên ông sống trong gia đình và thụ hưởng các dục vọng.

177. Các dục vọng vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn. Này Mahānāma, nếu một vị Thánh đệ tử khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ; nhưng nếu vị này chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác, bất thiện pháp sanh, hay một pháp nào khác cao thượng hơn; như vậy, vị ấy chưa khỏi bị các dục chi phối. Này Mahānāma, khi nào vị Thánh đệ tử khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ: "Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn"; và vị này chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác, bất

---

[1] Xem *M*. I. 83, 481; III. 230; *S*. IV. 223, 228; *A*. III. 410; *Kvu*. 458. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Khổ ấm kinh* 苦陰經 (*T*.01. 0026.100. 0586b02). Tham chiếu: *Thích Ma-nam bổn tứ tử kinh* 釋摩男本四子經 (*T*.01. 0054. 0848b03); *Khổ ấm nhân sự kinh* 苦陰因事經 (*T*.01. 0055. 0849b23); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.41.1. 0744a02).

[2] Cháu trai của Vua Suddhodana, con của Sukkodana và là anh của Anuruddha.

thiện pháp sanh, hay một pháp nào cao thượng hơn; như vậy, vị ấy không bị các dục chi phối. Này Mahānāma, thuở xưa, khi Ta còn là Bồ-tát, chưa chứng được Bồ-đề, chưa thành Chánh đẳng Chánh giác, Ta khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ: "Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn"; dầu Ta có thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy; nhưng Ta chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác, bất thiện pháp sanh, hay một pháp nào khác cao thượng hơn. Và như vậy Ta biết rằng, Ta chưa khỏi bị các dục chi phối. Và này Mahānāma, khi nào Ta khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ: "Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn"; và Ta chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác, bất thiện pháp sanh, hay một pháp nào khác cao thượng hơn; như vậy Ta khỏi bị các dục chi phối.

178. Và này Mahānāma, thế nào là vị ngọt các dục? Này Mahānāma, có năm pháp tăng trưởng các dục này: Các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ưng với dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ưng với dục, hấp dẫn; các hương do mũi nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ưng với dục, hấp dẫn; các vị do lưỡi nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ưng với dục, hấp dẫn; các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, tương ưng với dục, hấp dẫn. Này Mahānāma, có năm pháp tăng trưởng các dục như vậy. Này Mahānāma, y cứ vào năm pháp tăng trưởng các dục này, có lạc và hỷ khởi lên, như vậy là vị ngọt các dục.

Và này Mahānāma, thế nào là sự nguy hiểm các dục? Ở đây, này Mahānāma, có thiện nam tử nuôi sống với nghề nghiệp, như đếm ngón tay, như tính toán, như ước toán, như làm ruộng, như buôn bán, như chăn bò, như bắn cung, như làm công cho vua, như làm một nghề nào khác. Người ấy phải chống đỡ lạnh, phải chống đỡ nóng, phải chịu đựng sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, bị chết đói chết khát. Này Mahānāma, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục. Này Mahānāma, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, nhưng các tài sản ấy không được đến tay mình, vị ấy than vãn, buồn phiền, khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: "Ôi! Sự nỗ lực của ta thật sự là vô ích, sự tinh cần của ta thật sự không kết quả." Này Mahānāma, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục. Này Mahānāma, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, và các tài sản ấy được đến tay mình, vì phải hộ trì các tài sản ấy, vị ấy cảm thọ sự đau khổ, ưu tư: "Làm sao các vua chúa khỏi cướp đoạt chúng, làm sao trộm cướp khỏi cướp đoạt chúng, làm sao lửa khỏi đốt cháy, nước khỏi cuốn trôi, hay các kẻ thừa tự không xứng đáng khỏi cướp đoạt chúng?" Dầu vị ấy hộ trì như vậy, giữ gìn như vậy, vua chúa vẫn cướp đoạt các tài sản ấy, trộm cướp vẫn cướp đoạt, lửa vẫn đốt cháy, nước vẫn cuốn trôi hay các kẻ thừa tự không xứng đáng vẫn cướp đoạt chúng. Vị ấy than

vãn, buồn phiền, khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: "Cái đã thuộc của ta, nay ta không có nữa." Này Mahānāma, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này Mahānāma, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-lỵ tranh đoạt với Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dấn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt, họ công phá nhau bằng tay, họ công phá nhau bằng đá, họ công phá nhau bằng gậy, họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây, họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này Mahānāma, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục. Lại nữa, này Mahānāma, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ dàn trận hai mặt; và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây, họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này Mahānāma, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này Mahānāma, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ công phá thành quách mới trét vôi hồ; và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Ở đây, họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ đổ nước phân sôi, họ đè bẹp nhau bằng đá, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây, họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này Mahānāma, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này Mahānāma, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, họ đột nhập nhà cửa, họ cướp giật đồ đạc, họ hành động như kẻ cướp, họ phục kích các đường lớn, họ đi đến vợ người. Các vua chúa khi bắt được một người như vậy liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bối đầu hình [xẻo đỉnh đầu thành hình con sò], họ dùng hình phạt la hầu khẩu hình, hỏa man hình [lấy lửa đốt thành vòng hoa]... chúc thủ hình [đốt tay]... khu hành hình [lấy rơm bện lại rồi siết chặt]... bì y hình [lấy vỏ cây làm áo]... linh dương hình [hình phạt con dê núi]... câu

nhục hình [lấy câu móc vào thịt]... tiền hình [cắt thịt thành hình đồng tiền]... khối trấp hình... chuyển hình... cao đạp đài... họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây, họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này Mahānāma, như vậy là sự nguy hiểm của dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này Mahānāma, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý. Do họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Mahānāma, như vậy là sự nguy hiểm các dục đưa đến đau khổ trong tương lai, là khổ uẩn, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nhân duyên, do chính dục làm nhân.

179. Này Mahānāma, một thời Ta ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, rất nhiều Nigaṇṭha (Ni-kiền-đà) tại sườn núi Isigili, trên Kalasila (Hắc Nham), đứng thẳng người, không chịu ngồi và cảm giác những cảm thọ thống thiết, khổ đau, khốc liệt, bén nhạy. Này Mahānāma, rồi Ta vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến sườn núi Isigili, tại Kalasila chỗ các Nigaṇṭha ấy ở. Khi đến nơi, Ta nói với các Nigaṇṭha ấy:

– Chư Hiền, tại sao các người lại đứng thẳng người, không chịu ngồi xuống và cảm giác những cảm thọ thống thiết, khổ đau, khốc liệt, bén nhạy như vậy?

Này Mahānāma, khi được hỏi vậy, các Nigaṇṭha ấy trả lời Ta như sau:

– Này Hiền giả, Nigaṇṭha Nātaputta là bậc Toàn tri, Toàn kiến, tự xưng là có tri kiến toàn diện như sau: "Dầu ta có đi, có đứng, có ngủ và có thức, tri kiến luôn luôn được tồn tại liên tục ở nơi ta." Vị ấy nói như sau: "Này các Nigaṇṭha, nếu xưa kia người có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn bằng khổ hạnh khốc liệt này. Sự không làm ác nghiệp trong tương lai chính do sự hộ trì về thân, sự hộ trì về lời nói, sự hộ trì về ý ngay trong hiện tại, ở tại nơi đây.[3] Như vậy, chính nhờ sự thiêu đốt (*tapo*), sự chấm dứt các nghiệp quá khứ, sự không làm các nghiệp mới, mà không có sự tiếp tục trong tương lai. Do sự không tiếp tục trong tương lai, các nghiệp được diệt trừ; do nghiệp được diệt trừ, khổ được diệt trừ; do khổ được diệt trừ, cảm thọ được diệt trừ; do cảm thọ được diệt trừ, tất cả khổ đau sẽ được tiêu mòn." Và vì chúng tôi chấp nhận điều ấy, và chúng tôi kham nhẫn điều ấy, nên chúng tôi được hoan hỷ.

180. Này Mahānāma, khi được nghe nói vậy, Ta nói với các Nigaṇṭha ấy như sau:

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các người có biết chăng, trong quá khứ, các người có mặt hay các người không có mặt?

– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

---

[3] Không phải *diṭṭha'eva dhamma*, mà *ettha etarahi*.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các người có biết chăng, trong quá khứ, các người không làm ác nghiệp hay có làm ác nghiệp?

– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các người có biết chăng, các người không làm các nghiệp như thế này hay như thế kia?

– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các người có biết chăng, mức độ đau khổ như thế này đã trừ diệt, mức độ đau khổ như thế này cần phải trừ diệt? Hay, khi mức độ đau khổ như thế này đã được trừ diệt, thời tất cả đau khổ sẽ được trừ diệt?

– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các người có biết chăng, sự đoạn trừ ngay trong hiện tại các bất thiện pháp và sự thành tựu các thiện pháp?

– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

– Chư Hiền, theo các người nói, Nigaṇṭha các người không biết trong quá khứ các người có mặt hay các người không có mặt; các người không biết trong quá khứ các người không làm các ác nghiệp hay có làm các ác nghiệp; các người không biết các người không làm ác nghiệp như thế này hay như thế kia; các người không biết mức độ đau khổ như thế này đã được trừ diệt, mức độ đau khổ như thế này cần phải trừ diệt, mức độ đau khổ như thế này đã được trừ diệt thời tất cả đau khổ sẽ được trừ diệt; các người không biết sự đoạn trừ ngay trong hiện tại các bất thiện pháp và sự thành tựu các thiện pháp. Chư Hiền Nigaṇṭha, sự kiện là như vậy thì những kẻ săn bắn ở đời, với bàn tay đẫm máu, làm các nghiệp hung dữ, nếu được tái sanh trong loài người, những hạng ấy có xuất gia trong hàng ngũ Nigaṇṭha các người không?

– Hiền giả Gotama, hạnh phúc không có thể thành tựu nhờ hạnh phúc. Hạnh phúc phải thành tựu nhờ đau khổ. Hiền giả Gotama, nếu hạnh phúc có thể thành tựu nhờ hạnh phúc thời Vua Magadha Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) có thể đạt được hạnh phúc, và Vua Magadha Seniya Bimbisāra sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama.

– Lời nói này thật sự đã được các Tôn giả Nigaṇṭha nói lên một cách hấp tấp, không có suy tư: "Hiền giả Gotama, hạnh phúc không có thể thành tựu nhờ hạnh phúc. Hạnh phúc phải thành tựu nhờ đau khổ. Hiền giả Gotama, nếu hạnh phúc có thể thành tựu nhờ hạnh phúc thời Vua Magadha Seniya Bimbisāra có thể đạt được hạnh phúc, và Vua Magadha Seniya Bimbisāra sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama." Và chính ta ở đây cần phải được hỏi như sau: "Giữa các bậc Tôn giả, ai sống hạnh phúc hơn, Vua Magadha Seniya Bimbisāra hay Tôn giả Gotama?"

– Hiền giả Gotama, lời nói này thật sự đã được chúng tôi nói lên một cách hấp tấp, không có suy tư: "Hiền giả Gotama, hạnh phúc không có thể thành tựu

nhờ hạnh phúc. Hạnh phúc phải thành tựu nhờ đau khổ. Hiền giả Gotama, nếu hạnh phúc có thể thành tựu nhờ hạnh phúc thời Vua Magadha Seniya Bimbisāra có thể đạt được hạnh phúc, và Vua Magadha Seniya Bimbisāra sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama." Hãy để yên sự việc như vậy. Nay chúng tôi hỏi Tôn giả Gotama: "Giữa quý vị Tôn giả, ai sống hạnh phúc hơn, Vua Magadha Seniya Bimbisāra hay Tôn giả Gotama?"

– Chư Hiền Nigaṇṭha, nay Ta sẽ hỏi các người một câu, cũng vấn đề này. Nếu các người vui lòng, hãy trả lời câu hỏi ấy. Chư Hiền Nigaṇṭha, các người nghĩ thế nào? Vua Magadha Seniya Bimbisāra có thể không di động thân thể, không nói lên một tiếng, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn bảy ngày bảy đêm có được không?

– Này Hiền giả, không thể được.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các người nghĩ thế nào? Vua Magadha Seniya Bimbisāra có thể không di động thân thể, không nói lên một tiếng; sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn sáu ngày sáu đêm, luôn năm ngày năm đêm, luôn bốn ngày bốn đêm, luôn ba ngày ba đêm, luôn hai ngày hai đêm, luôn một ngày một đêm không?

– Này Hiền giả, không thể được.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, Ta có thể không di động thân thể, không nói lên một lời, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn trong một ngày một đêm. Chư Hiền Nigaṇṭha, Ta có thể không di động thân thể, không nói lên một lời, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn trong hai ngày hai đêm, luôn trong ba ngày ba đêm, luôn trong bốn ngày bốn đêm, luôn trong năm ngày năm đêm, luôn trong sáu ngày sáu đêm, luôn trong bảy ngày bảy đêm. Chư Hiền Nigaṇṭha, các người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, ai sống hạnh phúc hơn, Vua Magadha Seniya Bimbisāra hay Ta?

– Sự kiện là như vậy, Tôn giả Gotama sống hạnh phúc hơn Vua Magadha Seniya Bimbisāra.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Mahānāma thuộc dòng họ Sakka hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

15. KINH TƯ LƯỢNG

(*Anumāna Sutta*)[1]

181. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahāmoggallāna sống giữa những người thuộc dòng họ Bhaggā, tại núi Suṃsumāragira,[2] rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển. Ở đây, Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna. Tôn giả Mahāmoggallāna nói như sau:

– Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo thỉnh nguyện: "Mong rằng chư Tôn giả nói với tôi, mong rằng tôi được chư Tôn giả nói!" Nhưng nếu vị ấy là một người khó nói, đầy đủ những tánh khiến người ấy trở thành khó nói, khó kham nhẫn, không cung kính đón nhận khi được giảng dạy thì các vị đồng Phạm hạnh nghĩ rằng Tỷ-kheo ấy không đáng nói đến, nghĩ rằng Tỷ-kheo ấy không đáng được giáo huấn, nghĩ rằng không nên đặt lòng tin vào người ấy. Chư Hiền, thế nào là những tánh khiến người ấy trở thành khó nói? Chư Hiền, ở đây, vị Tỷ-kheo có ác dục, bị ác dục chi phối; chư Hiền, Tỷ-kheo có ác dục, bị ác dục chi phối, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo khen mình, chê người; chư Hiền, Tỷ-kheo khen mình, chê người, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo phẫn nộ, bị phẫn nộ chi phối; chư Hiền, Tỷ-kheo phẫn nộ, bị phẫn nộ chi phối, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo phẫn nộ, vì phẫn nộ làm nhân trở thành người có hiềm hận; chư Hiền, Tỷ-kheo phẫn nộ, vì phẫn nộ làm nhân trở thành người có hiềm hận, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo phẫn nộ, vì phẫn nộ làm nhân trở thành cố chấp; chư Hiền, Tỷ-kheo phẫn nộ, vì phẫn nộ làm nhân trở thành cố chấp, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo phẫn nộ, thốt ra những lời liên hệ đến phẫn nộ; chư Hiền, Tỷ-kheo phẫn nộ, thốt ra

---

[1] *MA*. II. 67 viết kinh này được các vị xưa xem là Giới bổn Tỷ-kheo và cần phải tư niệm ba lần trong ngày. *Anumāna* có thể hiểu là suy lý, suy luận, suy diễn hay lý sự. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tỷ-kheo thỉnh kinh* 比丘請經 (*T*.01. 0026.89. 0571b29). Tham chiếu: *Thọ tuế kinh* 受歲經 (*T*.01. 0050. 0842b03).

[2] Đây không phải *giri* (đồi núi), mà là *gira* (tiếng phát ra). *MA*. II. 65 cho rằng *Suṃsumāragira* là tên một thành phố. Khi thành phố mới hình thành, có con cá sấu ở gần bên cất tiếng kêu, nên được đặt tên như vậy.

những lời liên hệ đến phẫn nộ, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội,[3] trở lại chống đối vị đã buộc tội mình; chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, trở lại chống đối vị đã buộc tội mình, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, trở lại chỉ trích vị đã buộc tội mình; chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, trở lại chỉ trích vị đã buộc tội mình, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, trở lại chất vấn[4] vị đã buộc tội mình; chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phẫn nộ, sân hận và bất mãn của mình; chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phẫn nộ, sân hận và bất mãn của mình, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không giải thích thỏa mãn hành động[5] của mình cho vị buộc tội; chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo hư ngụy và não hại;[6] chư Hiền, Tỷ-kheo hư ngụy và não hại, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo tật đố và xan tham; chư Hiền, Tỷ-kheo tật đố và xan tham, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo khi cuống và lường gạt; chư Hiền, Tỷ-kheo khi cuống và lường gạt, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo ngoan mê và quá mạn; chư Hiền, Tỷ-kheo ngoan mê và quá mạn, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả;[7] chư Hiền, Tỷ-kheo chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả, như vậy là một tánh trở thành khó nói. Chư Hiền, như vậy được gọi là những tánh khiến trở thành khó nói.

182. Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo không thỉnh nguyện: "Mong rằng chư Tôn giả nói với tôi, mong rằng tôi được chư Tôn giả nói!" Và nếu vị ấy là một người dễ nói, đầy đủ những đức tánh khiến người ấy trở thành dễ nói, kham nhẫn, cung kính đón nhận khi được nghe giảng dạy, thì các vị đồng Phạm hạnh nghĩ rằng, Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, nghĩ rằng Tỷ-kheo ấy đáng được giáo huấn, nghĩ rằng nên đặt lòng tin vào người ấy. Chư Hiền, thế nào là những đức tánh khiến người ấy trở thành dễ nói? Chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo không có ác dục, không bị ác dục chi phối; chư Hiền, Tỷ-kheo không có ác dục, không bị ác dục chi phối, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không khen mình, chê người; chư Hiền, Tỷ-kheo không khen mình,

---

[3] *Cudito*: Bị khiển trách vì phạm giới tội. Xem *A*. IV. 193; *Vin*. I. 173; II. 248ff.

[4] *Paccāropeti*: Người ấy nói chính quý vị vi phạm lỗi này, quý vị phải tỏ lộ trước.

[5] *Apadāna*. *MA*. II. 66 viết thuật ngữ *attano cariyāya*.

[6] *M*. I. 42-43; II. 245; *D*. III. 45, 246-47.

[7] *M*. I. 43.

chê người, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không phẫn nộ, không bị phẫn nộ chi phối; chư Hiền, Tỷ-kheo không phẫn nộ, không bị phẫn nộ chi phối, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không phẫn nộ, không vì phẫn nộ làm nhân trở thành người hiềm hận; chư Hiền, Tỷ-kheo không phẫn nộ, không vì phẫn nộ làm nhân trở thành người hiềm hận, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không phẫn nộ, không vì phẫn nộ làm nhân trở thành cố chấp; chư Hiền, Tỷ-kheo không phẫn nộ, không vì phẫn nộ làm nhân trở thành cố chấp, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không phẫn nộ, không thốt ra những lời liên hệ đến phẫn nộ; chư Hiền, Tỷ-kheo không phẫn nộ, không thốt ra những lời liên hệ đến phẫn nộ, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không trở lại chống đối vị đã buộc tội mình; chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không trở lại chống đối vị đã buộc tội mình, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không trở lại chỉ trích vị đã khiển trách mình; chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không trở lại chỉ trích vị đã khiển trách mình, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình; chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phẫn nộ, sân hận và bất mãn của mình; chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phẫn nộ, sân hận và bất mãn của mình, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội; chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không hư ngụy và não hại; chư Hiền, Tỷ-kheo không hư ngụy và não hại, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không tật đố và xan tham; chư Hiền, Tỷ-kheo không tật đố và xan tham, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không khi cuống và lường gạt; chư Hiền, Tỷ-kheo không khi cuống và lường gạt, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không ngoan mê và quá mạn; chư Hiền, Tỷ-kheo không ngoan mê và quá mạn, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói. Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không chấp trước thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả; chư Hiền, Tỷ-kheo không chấp trước thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả, như vậy là một đức tánh trở thành dễ nói. Chư Hiền, như vậy được gọi là những đức tánh khiến trở thành dễ nói.

183. Chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo cần phải tư lượng[8] tự ngã với tự ngã như sau:

[8] *Attāna vā attāna anuminitabbam*: Chữ cuối giải thích vì sao kinh này tên là *anumāna*, có nghĩa là suy diễn đưa đến quyết định. *MA*. II. 67 viết *anumetabbo*, *tuletabbo*, *tīretabbo*, nghĩa là cần phải đo, phải cân, phải quyết định.

"Người này có ác dục, bị ác dục chi phối nên ta không ưa người ấy, không thích người ấy. Và nếu ta có ác dục, bị ác dục chi phối, các người khác sẽ không ưa ta, không thích ta." Chư Hiền, Tỷ-kheo khi biết vậy cần phải phát tâm như sau: "Ta sẽ không có ác dục, sẽ không bị ác dục chi phối."

"Người này khen mình, chê người, nên ta không ưa người ấy, không thích người ấy. Và nếu ta khen mình, chê người, các người khác sẽ không ưa ta, sẽ không thích ta." Chư Hiền, Tỷ-kheo khi biết vậy, cần phải phát tâm như sau: "Ta sẽ không khen mình, chê người."

"Người này có phẫn nộ, bị phẫn nộ chi phối, nên ta không ưa người ấy... "Ta sẽ không phẫn nộ, không bị phẫn nộ chi phối."

"Người này phẫn nộ, vì bị phẫn nộ làm nhân, trở thành người hiềm hận nên ta không ưa người ấy... "Ta sẽ không phẫn nộ, không vì phẫn nộ làm nhân trở thành người hiềm hận."

"Người này phẫn nộ, vì phẫn nộ làm nhân, trở thành cố chấp nên ta không ưa người ấy... "Ta sẽ không phẫn nộ, không vì phẫn nộ làm nhân trở thành cố chấp."

"Người này phẫn nộ, thốt ra những lời liên hệ đến phẫn nộ nên ta không ưa người ấy... "Ta sẽ không phẫn nộ, không thốt ra những lời liên hệ đến phẫn nộ."

"Người này bị buộc tội, trở lại chống đối vị đã buộc tội mình, nên ta không ưa người ấy... "Ta có bị buộc tội, sẽ không trở lại chống đối vị buộc tội mình."

"Người này bị buộc tội, trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình, nên ta không ưa người ấy... "Ta có bị buộc tội, sẽ không trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình."

"Người này bị buộc tội, tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn của mình, nên ta không ưa người ấy... "Ta bị buộc tội sẽ không tránh né vấn đề với một vấn đề khác, không trả lời ra ngoài vấn đề, và không để lộ phẫn nộ, sân hận bất mãn của mình."

"Người này bị buộc tội, không giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội biết nên ta không ưa người ấy... "Ta bị buộc tội, sẽ giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội biết."

"Người này hư ngụy và não hại nên ta không ưa người ấy... "Ta sẽ không hư ngụy và não hại."

"Người này tật đố và xan tham nên ta không ưa người ấy... "Ta sẽ không tật đố và xan tham."

"Người này khi cuống và lường gạt nên ta không ưa người ấy... "Ta sẽ không khi cuống và lường gạt."

"Người này ngoan mê và quá mạn nên ta không ưa người ấy... "Ta sẽ không ngoan mê và quá mạn."

"Người này chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả nên ta không ưa người ấy, không thích người ấy. Và nếu ta chấp trước thế tục, cố chấp

tư kiến, tánh khó hành xả, các người khác sẽ không ưa ta, không thích ta." Chư Hiền, Tỷ-kheo khi biết vậy, cần phải phát tâm như sau: "Ta sẽ không chấp trước thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả."

184. Chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo cần phải quán sát tự ngã với tự ngã như sau: "Không biết ta có ác dục, có bị ác dục chi phối không?" Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo quán sát và biết rằng: "Ta có ác dục và bị ác dục chi phối", thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo quán sát và biết rằng: "Ta không có ác dục, không bị ác dục chi phối", thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học các thiện pháp.

Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo phải quán sát tự ngã với tự ngã như sau: "Không biết ta có khen mình, chê người hay không?"... "Ta không khen mình, chê người"... các thiện pháp.

Lại nữa... "Không biết ta có phẫn nộ, bị phẫn nộ chi phối không?"... "Ta không có phẫn nộ, không bị phẫn nộ chi phối"... các thiện pháp.

Lại nữa... "Không biết ta có phẫn nộ, vì phẫn nộ làm nhân, trở thành có hiềm hận không?"... "Ta không có phẫn nộ, không vì phẫn nộ làm nhân, trở thành người hiềm hận"... các thiện pháp.

Lại nữa... "Không biết ta có phẫn nộ, vì phẫn nộ làm nhân, trở thành người cố chấp không?"... "Ta không có phẫn nộ, không vì phẫn nộ làm nhân, trở thành người cố chấp"... các thiện pháp.

Lại nữa... "Không biết ta có phẫn nộ, thốt ra những lời liên hệ đến phẫn nộ không?"... "Ta không có phẫn nộ, không thốt ra những lời liên hệ đến phẫn nộ"... các thiện pháp.

Lại nữa... "Ta bị buộc tội, không biết ta có trở lại chống đối vị đã buộc tội ta không?"... "Ta bị buộc tội, ta không trở lại chống đối vị đã buộc tội ta"... các thiện pháp.

Lại nữa... "Ta bị buộc tội, không biết ta có trở lại chất vấn vị đã buộc tội ta không?"... "Ta bị buộc tội, ta không trở lại chất vấn vị đã buộc tội ta"... các thiện pháp.

Lại nữa... "Ta bị buộc tội, không biết ta có tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn của ta không?"... "Ta bị buộc tội, ta không tránh né vấn đề với một vấn đề khác, không trả lời ngoài vấn đề, và ta không để lộ sự phẫn nộ, sân hận và bất mãn của ta"... các thiện pháp.

Lại nữa... "Ta bị buộc tội, không biết ta có giải thích thỏa mãn hành động của ta cho vị buộc tội biết không?"... "Ta bị buộc tội, ta có giải thích thỏa mãn hành động của ta cho vị buộc tội biết"... các thiện pháp.

Lại nữa... "Không biết ta có hư ngụy và não hại không?"... "Ta không có hư

nguỵ và não hại"... các thiện pháp. Lại nữa... "Không biết ta có tật đố và xan tham không?"... "Ta không có tật đố và xan tham"... các thiện pháp.

Lại nữa... "Không biết ta có khi cuống và lường gạt không?"... "Ta không có khi cuống và lường gạt"... các thiện pháp. Lại nữa... "Không biết ta có ngoan mê và quá mạn không?"... "Ta không có ngoan mê và quá mạn"... các thiện pháp.

Lại nữa, chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo cần phải quán sát tự ngã như sau: "Không biết ta có chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả không?" Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo quán sát và biết rằng: "Ta có chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả", thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ những ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo quán sát và biết rằng: "Ta không chấp trước thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả", thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học thiện pháp.

Chư Hiền, nếu trong khi quán sát, Tỷ-kheo thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn trừ trong nội tâm, thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp đã được đoạn trừ trong nội tâm, thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học thiện pháp. Chư Hiền, ví như một phụ nữ hay một đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang điểm, tự quán sát mặt mày của mình trong một tấm kính sạch sẽ và trong suốt, hay trong một bát nước trong sáng. Nếu người ấy thấy bụi bặm hay cấu uế trên mặt mình thì người ấy tinh tấn đoạn trừ bụi bặm hay cấu uế ấy. Nếu người ấy không thấy bụi bặm hay cấu uế trên mặt mình thì người ấy sẽ hoan hỷ nghĩ rằng: "Thật sự ta được điều tốt đẹp, thật sự ta được thanh tịnh." Cũng vậy chư Hiền, nếu trong khi quán sát, Tỷ-kheo thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp chưa đoạn trừ ở nội tâm, thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát thấy rõ rằng các ác, bất thiện pháp đã đoạn trừ ở nội tâm, thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học thiện pháp.

Tôn giả Mahāmoggallāna thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Tôn giả Mahāmoggallāna.

16. KINH TÂM HOANG VU

(*Cetokhila Sutta*)[1]

185. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào chưa diệt trừ năm tâm hoang vu (*cetokhilā*), chưa đoạn tận năm tâm triền phược, vị ấy có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra. Thế nào là năm tâm hoang vu[2] chưa được đoạn trừ? Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nghi ngờ bậc Đạo sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín; thời tâm vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín; thời tâm vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ hai chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín; thời tâm vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ ba chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghi ngờ các học pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ các học

---

[1] Xem *D*. III. 207, 272; *M*. I. 353; *A*. V. 17; III. 248, 249; IV. 460, 461, 463, 464; *Vbh*. 345. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T*.01. 0026.206. 0780b15). Tham chiếu: *Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001.10. 0052c17); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.4. 0817a16); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22).

[2] Xem *D*. III. 237; *A*. III. 248; IV. 460; V. 17.

pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín; thời tâm của vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ tư chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phẫn nộ đối với các đồng Phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối, cứng rắn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào phẫn nộ đối với các vị đồng Phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối, cứng rắn; thời tâm của vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ năm chưa được diệt trừ. Như vậy là năm tâm hoang vu chưa được diệt trừ.

186. Thế nào là năm tâm triền phược chưa được đoạn tận? Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đối với những dục, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái. Chư Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nào đối với những dục, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái; tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ nhất chưa được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với tự thân[3] không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái. Chư Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nào đối với tự thân, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái; tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ hai chưa được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các sắc pháp không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái. Chư Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nào đối với các sắc pháp, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái; tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ ba chưa được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ăn cho đến thỏa thuê, cho đến bụng chứa đầy, sống thiên nặng khoái lạc về sàng tọa, khoái lạc về ngủ nghỉ, khoái lạc về

---

[3] *MA*. II. 69.

thụy miên. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào ăn cho đến thỏa thuê cho đến bụng chứa đầy, sống thiên nặng khoái lạc về sàng tọa, khoái lạc về ngủ nghỉ, khoái lạc về thụy miên, như vậy là tâm triền phược thứ tư chưa được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống Phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác." Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác", như vậy là tâm triền phược thứ năm chưa được đoạn tận. Như vậy là năm tâm triền phược chưa được đoạn tận.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào chưa diệt trừ năm tâm hoang vu này, chưa đoạn tận năm tâm triền phược này; vị ấy có thể lớn mạnh trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

187. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đã diệt trừ năm tâm hoang vu, đã đoạn tận năm tâm triền phược; vị ấy có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra. Thế nào là năm tâm hoang vu đã được diệt trừ? Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo không nghi ngờ bậc Đạo sư, không do dự, quyết đoán, tịnh tín. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không nghi ngờ bậc Đạo sư, không do dự, quyết đoán, tịnh tín; thời tâm vị này hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất đã được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nghi ngờ Pháp, không do dự, quyết đoán, tịnh tín. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không nghi ngờ Pháp, không do dự, quyết đoán, tịnh tín; thời tâm vị này hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ hai đã được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nghi ngờ Tăng, không do dự, quyết đoán, tịnh tín. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không nghi ngờ Tăng, không do dự, quyết đoán, tịnh tín; thời tâm vị này hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ ba đã được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nghi ngờ học pháp, không do dự, quyết đoán, tịnh tín. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không nghi ngờ học pháp, không do dự, quyết đoán, tịnh tín; thời tâm vị này hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ tư đã được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phẫn nộ đối với các vị đồng Phạm hạnh, hoan hỷ, tâm tư không chống đối, cứng rắn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không phẫn nộ đối với các vị đồng Phạm hạnh, hoan hỷ, tâm tư không chống

đối, cứng rắn; thời tâm vị này hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ năm đã được diệt trừ. Như vậy là năm tâm hoang vu đã được diệt trừ.

188. Thế nào là năm tâm triền phược đã được đoạn tận? Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đối với những dục không có tham ái, không có dục cầu, không có ái luyến, không có khao khát, không có nhiệt tình, không có khát ái. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với những dục không có tham ái, không có dục cầu, không có ái luyến, không có khao khát, không có nhiệt tình, không có khát ái; tâm vị ấy hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ nhất đã được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với tự thân không có tham ái, không có dục cầu, không có ái luyến, không có khao khát, không có nhiệt tình, không có khát ái. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với tự thân không có tham ái, không có dục cầu, không có ái luyến, không có khao khát, không có nhiệt tình, không có khát ái; tâm vị ấy hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ hai đã được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các sắc pháp không có tham ái, không có dục cầu, không có ái luyến, không có khao khát, không có nhiệt tình, không có khát ái. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với các sắc pháp không có tham ái, không có dục cầu, không có ái luyến, không có khao khát, không có nhiệt tình, không có khát ái; tâm vị ấy hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ ba đã được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ăn cho đến thỏa thuê, cho đến bụng chứa đầy, sống không thiên nặng khoái lạc về sàng tọa, khoái lạc về ngủ nghỉ, khoái lạc về thụy miên. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không ăn cho đến thỏa thuê, cho đến bụng chứa đầy, sống không thiên nặng khoái lạc về sàng tọa, khoái lạc về ngủ nghỉ, khoái lạc về thụy miên, như vậy là tâm triền phược thứ tư đã được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống Phạm hạnh, không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác." Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh, không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác"; tâm vị ấy hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ năm đã được đoạn tận. Như vậy là năm tâm triền phược đã được đoạn tận. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo

nào đã đoạn tận năm tâm triền phược này, thời vị ấy có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

189. Vị này tu tập như ý túc câu hữu với dục thiền định tinh cần hành; tu tập như ý túc câu hữu với tinh tấn thiền định tinh cần hành; tu tập như ý túc câu hữu với tâm thiền định tinh cần hành; tu tập như ý túc câu hữu với tư duy thiền định tinh cần hành; với nỗ lực là thứ năm. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đầy đủ mười lăm pháp,[4] kể cả nỗ lực, thời có đủ khả năng[5] để phá vỡ,[6] có đủ khả năng để Chánh giác, có đủ khả năng để đạt thành Vô thượng an ổn khỏi các ách phược.[7] Chư Tỷ-kheo, như có khoảng tám, mười hay mười hai cái trứng của con gà mái; những trứng này được con gà mái khéo ấp, nằm lên trên, khéo ấp nóng, khéo ấp dưỡng; thời dầu cho con gà mái không khởi lên sự mong ước: "Mong rằng những con gà con của ta, sau khi đâm thủng vỏ trứng với móng chân nhọn của chúng hay với mỏ của chúng, có thể thoát ra một cách yên ổn!" Những con gà con ấy, sau khi đâm thủng vỏ trứng với móng chân nhọn của chúng hay với mỏ của chúng, có khả năng thoát ra một cách yên ổn. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, Tỷ-kheo đầy đủ mười lăm pháp, kể cả nỗ lực, thời có đủ khả năng để phá vỡ, có đủ khả năng để Chánh giác, có đủ khả năng để đạt thành Vô thượng an ổn khỏi các ách phược.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

[4] *MA*. II. 69: Năm tâm hoang vu, năm tâm triền phược, bốn như ý túc, với nỗ lực. *Ussolhi* nghĩa là nỗ lực.

[5] *Bhabba*. *MA*. II. 69 viết thuật ngữ *Anurūpo anucchaviko* nghĩa là phù hợp, xứng đáng.

[6] *MA*. II. 69: Phá vỡ các phiền não nhờ trí tuệ.

[7] *MA*. II. 69: Thoát khỏi 4 ách (*yoga*), thành tựu Niết-bàn.

17. KINH KHU RỪNG

(*Vanapattha Sutta*)[1]

190. Tôi nghe như vầy.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Chư Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các người pháp môn về khu rừng. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

191. – Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào, Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt; và những vật dụng này cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ: "Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt; và những vật dụng này cần thiết cho đời sống mà một vị xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải từ bỏ khu rừng ấy, không được ở lại, ngay lúc ban ngày hay lúc ban đêm.[2]

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Lâm kinh* 林經 (*T.*01. 0026.107. 0596c25). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.3. 0771c17).

[2] *MA*. II. 72 giải thích vị ấy biết như vậy, nếu suy tư vào ban đêm, thì chính trong đêm ấy, vị ấy phải bỏ đi; nếu suy tư vào ban ngày, thì chính trong ngày ấy, vị ấy phải bỏ đi.

192. Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào, Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt; và những vật dụng này cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt; và những vật dụng này cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; không phải vì đồ ăn khất thực...; không phải vì sàng tọa...; không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng trong khi ta ở tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược không được chứng đạt." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy chỉ với suy tính này phải từ bỏ khu rừng ấy, không được ở lại.

193. Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào, Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt; nhưng những vật dụng này cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt; nhưng những vật dụng cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; không phải vì món ăn khất thực...; không phải vì sàng tọa...; không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng trong khi ta ở tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách

phược chưa được chứng đạt được chứng đạt." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy chỉ với suy tính này, phải ở lại khu rừng ấy, không được bỏ đi.

194. Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào, Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt; và những vật dụng này cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt; và những vật dụng này cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn." Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải ở lại khu rừng cho đến trọn đời, không được rời bỏ.

195. Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một làng nào... sống tại một thị trấn nào... sống tại một đô thị nào... sống tại một quốc gia nào... sống gần một người nào. Tỷ-kheo sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt; và những vật dụng này cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt; và những vật dụng này cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn." Chư Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy ngay trong phần đêm ấy hay ngay trong phần ngày ấy, không phải xin phép, cần phải bỏ ngay người ấy mà đi, không cần theo sát người ấy.

196. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống gần một người nào, Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt; nhưng những vật dụng này cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng

tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt; nhưng những vật dụng này cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; không phải vì đồ ăn khất thực...; không phải vì sàng tọa...; không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt." Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, chỉ với ước tính này, cần phải bỏ người ấy mà đi, không có xin phép, không có theo sát.

197. Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống gần một người nào, Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt; những vật dụng này cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt; những vật dụng này cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; không phải vì đồ ăn khất thực...; không phải vì sàng tọa...; không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt." Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, chỉ với suy tính này, cần phải theo sát người ấy, không được bỏ đi.

198. Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống gần một người nào, Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn

trừ; Vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt; và những vật dụng này cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ; và Vô thượng an ổn khỏi ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt; và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một vị xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách dễ dàng." Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải trọn đời theo sát người này, không được bỏ đi, dầu cho có bị xua đuổi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

18. KINH MẬT HOÀN
(*Madhupiṇḍika Sutta*)[1]

199. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn sống giữa các vị dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở vườn Nigrodha.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Kapilavatthu để khất thực. Sau khi khất thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường trở về, Thế Tôn đi đến Đại Lâm[2] để nghỉ trưa. Sau khi vào Đại Lâm, Ngài ngồi nghỉ trưa dưới gốc cây Beḷuvalaṭṭhika. Có vị Gậy cầm tay[3] Sakka, kéo bộ khắp nơi, ngao du thiên hạ, đến tại Đại Lâm, đi sâu vào khu rừng, đến tại Beḷuvalaṭṭhika chỗ Thế Tôn ở; khi đến xong, nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu, rồi đứng một bên, dựa trên cây gậy. Đứng một bên, Gậy cầm tay Sakka nói với Thế Tôn: "Sa-môn có quan điểm thế nào,[4] giảng thuyết những gì?"[5]

– Này Hiền giả, theo lời dạy của Ta, trong thế giới với chư Thiên, Māra và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, không có tranh luận một ai ở đời;[6] các tưởng sẽ không ám ảnh vị Bà-la-môn[7] sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự với mọi hối quá đoạn diệt,[8] không có tham ái đối với hữu và phi hữu. Này Hiền giả, như vậy là quan điểm của Ta, như vậy là lời Ta giảng dạy.

Khi nghe nói vậy, Gậy cầm tay Sakka lắc đầu, liếm lưỡi, với trán nổi lên ba đường nhăn, chống gậy rồi đi.

200. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến vườn

---

[1] Xem *M*. III. 280; *S*. IV. 32. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Mật hoàn dụ kinh* 蜜丸喻經 (*T*.01. 0026.115. 0603b09). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.304. 0086c23); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.10. 0743a04).

[2] Mahāvana gần Kapilavatthu là rừng hoang, không trồng trọt, chạy dài đến chân núi Himalaya, không phải như Mahāvana gần Vesāli, vừa là rừng thiên nhiên vừa là rừng nhân tạo.

[3] *Daṇḍapāni*: Gậy cầm tay. Được gọi như vậy vì vị ấy thường cầm cây gậy mạ vàng trong tay tuy chưa già. Về sau, vị này đi theo Devadatta.

[4] *Kimvādī*. *MA*. II. 73 viết *kiṃdiṭṭhiko*, nghĩa là có quan điểm thế nào?

[5] *Kimakkhāyī*: Vị ấy trình bày những gì? Nêu ra những gì? *MA*. II. 73 giải thích theo nghĩa: Vị ấy nói vấn đề gì?

[6] *S*. III. 138 và *MA*. II. 74 giải thích: "Ta không tranh luận với đời, nhưng đời tranh luận với Ta".

[7] Vị đã đoạn trừ các lậu hoặc. Xem *MA*. II. 74.

[8] *Chinnakukkucca*. *MA*. II. 74 dùng hai thuật ngữ, *vippaṭisāra* nghĩa là hối quá, và *hatthapāda* nghĩa là tay chân.

Nigrodha, khi đến xong, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, ở đây, Ta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Kapilavatthu để khất thực. Sau khi khất thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường trở về, Ta đi đến Đại Lâm để nghỉ trưa. Sau khi vào Đại Lâm, Ta ngồi nghỉ trưa dưới gốc cây Beḷuvalaṭṭhika. Có vị Gậy cầm tay Sakka, kéo bộ khắp nơi, ngao du thiên hạ, đến tại Đại Lâm, đi sâu vào khu rừng, đến tại Beḷuvalaṭṭhika chỗ Ta ở; khi đến xong, nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu, rồi đứng một bên, dựa trên cây gậy. Đứng một bên, Gậy cầm tay Sakka nói với Ta như sau: "Sa-môn có quan điểm thế nào, giảng thuyết những gì?" Chư Tỷ-kheo, được nói vậy, Ta trả lời Gậy cầm tay Sakka: "Này Hiền giả, theo lời Ta dạy trong thế giới với chư Thiên, Māra và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, không có tranh luận một ai ở đời; các tưởng sẽ không ám ảnh vị Bà-la-môn sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự với mọi hối quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu. Này Hiền giả, như vậy là quan điểm của Ta, như vậy là lời Ta giảng dạy." Khi nghe nói vậy, Gậy cầm tay Sakka lắc đầu, liếm lưỡi, với trán nổi lên ba đường nhăn, chống gậy rồi đi.

201. Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nhưng bạch Thế Tôn, lời dạy ấy là gì mà Thế Tôn, trong thế giới với chư Thiên, Māra và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, không có tranh luận một ai ở đời; các tưởng sẽ không ám ảnh Thế Tôn, vị đã sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự với mọi hối quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu?

– Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì, một số hý luận vọng tưởng[9] ám ảnh một người. Nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ; thời như vậy là sự đoạn tận tham tùy miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên, sự đoạn tận chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ. Chính ở đây, những ác, bất thiện pháp này đều được tiêu diệt, không còn dư tàn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy bước vào tinh xá.

202. Sau khi Thế Tôn đi chẳng bao lâu, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy tóm tắt này cho chúng ta, không giải thích rộng rãi ý nghĩa, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tinh xá: 'Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn.' Nay ai có thể giải thích rộng rãi ý

---

[9] *Papañcasaññāsaṅkhā. MA.* II. 75 giải thích *saṅkhā* là *koṭṭhāsa*, nghĩa là phần, đoạn và *papañcasaññā* là những vọng tưởng liên hệ đến *papañca* (hý luận), cũng nghĩa là tham ái, ngã mạn, tà kiến.

nghĩa lời giảng được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa?" Rồi những Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay có Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên) là vị được Thế Tôn tán dương và được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahākaccāna có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahākaccāna ở; sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Mahākaccāna ý nghĩa này."

Rồi những Tỷ-kheo ấy đến chỗ Tôn giả Mahākaccāna ở; sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao với Tôn giả Mahākaccāna rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy tóm tắt này và không giải thích rõ ràng ý nghĩa, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tinh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn." Này Hiền giả Mahākaccāna, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, chúng tôi suy nghĩ: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy vắn tắt này cho chúng ta... đã đi vào tinh xá: 'Do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn.' Ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy mà Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa?" Này Hiền giả Mahākaccāna, rồi chúng tôi suy nghĩ: "Nay Tôn giả Mahākaccāna được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Mahākaccāna có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahākaccāna ở; sau khi đến, chúng ta hỏi Tôn giả Mahākaccāna ý nghĩa này. Tôn giả Mahākaccāna sẽ giải thích cho."

203. – Chư Hiền, cũng như một người ưa thích lõi cây, tìm tòi lõi cây, đi khắp mọi nơi tìm lõi cây, đến một cây to lớn đứng thẳng và có lõi cây. Người này bỏ qua rễ, bỏ qua thân cây, nghĩ rằng phải tìm lõi cây ở nơi cành lá. Cũng vậy là hành động của chư Tôn giả, đứng trước mặt Thế Tôn, quý vị bỏ qua Thế Tôn, nghĩ rằng phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy;[10] Ngài đã trở thành vị Có Mắt, trở thành vị Có Trí, trở thành vị Chánh Pháp, trở thành Brahma, vị Thuyết Giả, vị Diễn Giả, vị Đem Lại Mục Tiêu, vị Trao Cho Bất Tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Quý vị phải tùy thời hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho quý vị, quý vị hãy như vậy thọ trì.

– Hiền giả Mahākaccāna, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy; Ngài đã trở thành vị Có Mắt, trở thành vị Có Trí, trở thành vị Chánh Pháp, trở thành Brahma, vị Thuyết Giả, vị Diễn Giả, vị Đem Lại Mục Tiêu, vị Trao Cho Bất Tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Chúng tôi phải tùy thời hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho chúng tôi, chúng

[10] Xem *MA*. II. 76.

tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Mahākaccāna được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahākaccāna có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Mong Tôn giả Mahākaccāna hãy giải thích không có sự gì bất kính [phiền muộn].

– Vậy chư Hiền hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ giảng.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahākaccāna. Tôn giả Mahākaccāna giảng như sau:

204. – Chư Hiền, Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt lời dạy này... và đã đi vào tinh xá: "Này Tỷ-kheo, bất cứ vì nhân duyên gì... không còn dư tàn." Chư Hiền, với lời dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Tôi hiểu ý nghĩa một cách đầy đủ như sau:

Chư Hiền, do nhân con mắt và các sắc pháp, nhãn thức khởi lên. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ, những gì có cảm thọ thời có tưởng, những gì có tưởng thời có suy tầm,[11] những gì có suy tầm thời có hý luận. Do hý luận ấy làm nhân, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người; đối với các sắc pháp do con mắt nhận thức, quá khứ, tương lai và hiện tại. Chư Hiền, do nhân lỗ tai và các tiếng, nhĩ thức khởi lên; do nhân lỗ mũi và các hương, tỷ thức khởi lên; do nhân lưỡi và các vị, thiệt thức khởi lên; do nhân thân và xúc, thân thức khởi lên; do nhân ý[12] và các pháp, ý thức[13] khởi lên. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc nên có các cảm thọ, những gì có cảm thọ thời có tưởng, những gì có tưởng thời có suy tầm, những gì có suy tầm thời có hý luận. Do hý luận ấy làm nhân, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người; đối với các pháp do ý thức nhận thức, quá khứ, tương lai, hiện tại.

Chư Hiền, sự kiện này xảy ra: Khi nào có mắt, khi nào có sắc pháp, khi nào có nhãn thức, thời sự thi thiết của xúc được hiển lộ. Sự kiện này xảy ra: Khi nào có sự thi thiết của xúc, thời sự thi thiết của thọ được hiển lộ. Sự kiện này xảy ra: Khi nào có thi thiết của thọ, thời sự thi thiết của tưởng được hiển lộ. Sự kiện này xảy ra: Khi nào có sự thi thiết của tưởng, thời sự thi thiết của suy tầm được hiển lộ. Sự kiện này xảy ra: Khi nào có sự thi thiết của suy tầm, thời sự thi thiết của sự ám ảnh một số hý luận vọng tưởng được hiển lộ. Sự kiện này xảy ra: Khi nào có tai, khi nào có các tiếng, khi nào có nhĩ thức... Sự kiện này xảy ra: Khi nào có lỗ mũi, khi nào có các hương, khi nào có tỷ thức... Sự kiện này xảy ra: Khi nào có lưỡi, khi nào có các vị, khi nào có thiệt thức... Sự kiện này xảy ra: Khi nào có thân, khi nào có các xúc, khi nào có thân thức... Sự kiện này

[11] *Vitakketi. D.* II. 277 viết *vitakka.*

[12] *MA.* II. 77 giải thích là *bhavaṅgacitta,* hữu phần tâm hay tiềm thức.

[13] *MA.* II. 77 giải thích *āvajjana* là suy tư, làm đổ (chậu hay bát) và *javana* là tốc hành, hiểu một cách mau chóng.

xảy ra: Khi nào có ý, khi nào có các pháp, khi nào có ý thức, thời sự thi thiết của xúc được hiển lộ...

Chư Hiền, sự kiện này không xảy ra: Khi nào không có mắt, khi nào không có các sắc, khi nào không có nhãn thức, sự thi thiết của xúc được hiển lộ. Sự kiện này không xảy ra: Khi nào không có sự thi thiết của xúc, sự thi thiết của thọ được hiển lộ. Sự kiện này không xảy ra: Khi nào không có sự thi thiết của thọ, sự thi thiết của tưởng được hiển lộ. Sự kiện này không xảy ra: Khi nào không có sự thi thiết của tưởng, sự thi thiết của suy tầm được hiển lộ. Sự kiện này không xảy ra: Khi nào không có sự thi thiết của suy tầm, thời sự thi thiết của sự ám ảnh một số hý luận vọng tưởng được hiển lộ. Chư Hiền, sự kiện này không xảy ra: Khi nào không có tai, khi nào không có các tiếng... khi nào không có mũi, khi nào không có các hương... khi nào không có lưỡi, khi nào không có các vị... khi nào không có thân, khi nào không có các xúc... Sự kiện này không xảy ra: Khi nào không có ý, khi nào không có các pháp, khi nào không có ý thức, sự thi thiết của xúc được hiển lộ...

Chư Hiền, Thế Tôn, sau khi nói lên lời dạy một cách vắn tắt... đã đi vào tinh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không dư tàn." Chư Hiền, đối với lời dạy Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt này, và nghĩa lý không được giải thích một cách rộng rãi, tôi đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Nếu quý vị muốn, hãy đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, hãy hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải đáp như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

205. Rồi những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tùy hỷ lời Tôn giả Mahākaccāna nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nói lên lời dạy này một cách vắn tắt cho chúng con... đã vào tinh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn." Khi Thế Tôn đi chẳng bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói cho chúng ta lời dạy tóm tắt này, không giải thích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tinh xá: 'Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người, nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ; thời như vậy là sự đoạn tận tham tùy miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên, sự đoạn tận chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ. Chính ở đây, những ác, bất thiện pháp này đều được tiêu diệt, không còn dư tàn.' Nay ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa?" Bạch Thế Tôn, và chúng con suy nghĩ: "Nay có Tôn giả Mahākaccāna là vị được Thế Tôn tán dương và được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahākaccāna

có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahākaccāna ở; sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Mahākaccāna ý nghĩa này." Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tôn giả Mahākaccāna ở; sau khi đến, chúng con hỏi Tôn giả Mahākaccāna ý nghĩa này. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mahākaccāna đã giải thích ý nghĩa ấy cho chúng con với những phương pháp này, với những văn cú[14] này, với những văn tự[15] này.

– Chư Tỷ-kheo, Tôn giả Mahākaccāna là bậc Hiền trí. Chư Tỷ-kheo, Tôn giả Mahākaccāna là bậc Đại tuệ. Chư Tỷ-kheo, nếu các người hỏi Ta ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như Mahākaccāna đã trả lời. Như vậy là chính nghĩa lời dạy ấy, hãy như vậy thọ trì.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, như một người bị đói lả và mệt mỏi, tìm được một bánh mật,[16] cứ mỗi miếng vị ấy được nếm, cứ mỗi miếng vị ấy được thưởng thức vị ngọt thuần nhất.[17] Bạch Thế Tôn, cũng vậy, Tỷ-kheo có tri thức biệt tài, cứ mỗi phần suy tư đến ý nghĩa pháp môn này với trí tuệ, cứ mỗi phần vị ấy được thưởng thức sự hoan hỷ, được thưởng thức sự thoải mái tâm trí. Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

– Do vậy, này Ānanda, pháp môn này được gọi là pháp môn Bánh mật (Mật hoàn). Hãy như vậy thọ trì!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

---

[14] *MA*. II. 78 giải thích là bởi một nhóm âm tiết (*akkhara*) hợp lại.

[15] Bởi những âm tiết độc lập. Xem *M*. I. 320.

[16] *MA*. II. 78 giải thích một loại bánh ngọt, hay đường làm thành món ăn.

[17] *Asecanaka*: Không cần thêm gì vào, nghĩa là hoàn toàn đầy đủ.

19. KINH SONG TẦM

(*Dvedhāvitakka Sutta*)[1]

206. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo!

– Thưa vâng.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Chư Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, khi chưa thành Chánh giác và còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Ta sống suy tư và chia hai suy tầm." Chư Tỷ-kheo, phàm có dục tầm nào, sân tầm nào, hại tầm nào, Ta phân thành phần thứ nhất; phàm có ly dục tầm nào, vô sân tầm nào, vô hại tầm nào, Ta phân thành phần thứ hai.

207. Chư Tỷ-kheo, rồi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Khi dục tầm khởi lên, Ta tuệ tri: "Dục tầm này khởi lên nơi Ta, và dục tầm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn." Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm này đưa đến tự hại", dục tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm đưa đến hại người", dục tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm đưa đến hại cả hai", dục tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", dục tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận dục tầm.

208. Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Khi sân tầm khởi lên, Ta tuệ tri: "Sân tầm này khởi lên nơi Ta, và sân tầm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn." Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Sân tầm này đưa đến tự hại", sân tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Sân tầm đưa đến hại người", sân tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Sân tầm đưa đến hại cả hai", sân tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Sân tầm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", sân tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận sân tầm.

---

[1] Xem *Kvu*. 1. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Niệm kinh* 念經 (*T*.01. 0026.102. 0589a11).

Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Khi hại tầm khởi lên. Ta tuệ tri: "Hại tầm này khởi lên nơi Ta, và hại tầm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn." Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Hại tầm này đưa đến tự hại", hại tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Hại tầm đưa đến hại người", hại tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Hại tầm đưa đến hại cả hai", hại tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Hại tầm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", hại tầm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận hại tầm.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều vấn đề gì, thời tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về dục tầm, vị ấy từ bỏ ly dục tầm. Khi tâm đã nặng về dục tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về dục tầm. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư quán sát nhiều về sân tầm, vị ấy từ bỏ vô sân tầm. Khi tâm đã nặng về sân tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về sân tầm. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư quán sát nhiều về hại tầm, vị ấy từ bỏ vô hại tầm. Khi tâm đã đặt nặng về hại tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về hại tầm. Chư Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa mưa, về mùa thu, khi lúa đã trổ hạt, một người mục đồng chăn giữ bò, cầm roi đánh các con bò bên này, đánh bên kia,[2] chế ngự chúng, ngăn chặn chúng. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì người mục đồng thấy do nhân duyên này, đưa đến sự chết, sự tù tội, sự đánh đập hay sự trách móc. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, Ta đã thấy sự nguy hại, sự hạ liệt, sự uế nhiễm của các pháp bất thiện; và thấy sự viễn ly, sự lợi ích, sự thanh tịnh của các thiện pháp.

209. Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi ly dục tầm khởi lên, Ta tuệ tri như vầy: "Ly dục tầm này khởi lên nơi Ta và ly dục tầm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn." Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm Ta suy tư, quán sát [về ly dục tầm], không phải từ nhân duyên ấy mà Ta thấy sợ hãi; chư Tỷ-kheo, nếu ban ngày Ta suy tư, quán sát [về ly dục tầm], không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi; chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm, ban ngày, Ta suy tư, quán sát [về ly dục tầm], không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi. Và nếu Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có thể mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động; khi tâm bị dao động thì tâm rất khó được định tĩnh (*ūhanati*). Chư Tỷ-kheo, rồi tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn tịnh tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động.

210. Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi vô sân tầm khởi lên, Ta tuệ tri như vầy: "Vô sân tầm này khởi lên nơi Ta và vô sân tầm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa

---

[2] *Ākoṭeyya, paṭikoṭeyya. MA.* II. 82 viết rằng nó đập thẳng trên lưng chúng, hay nó đập xiên trên sườn chúng.

đến Niết-bàn." Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm Ta suy tư, quán sát [về vô sân tầm], không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi; chư Tỷ-kheo, nếu ban ngày Ta suy tư, quán sát [về vô sân tầm], không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi; chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm, ban ngày, Ta suy tư, quán sát [về vô sân tầm], không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi. Và nếu Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có thể mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động; khi tâm bị dao động thì tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, rồi tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn tịnh tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động.

Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi vô hại tầm khởi lên, Ta tuệ tri như vầy: "Vô hại tầm này khởi lên nơi Ta và vô hại tầm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn." Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm Ta suy tư, quán sát [về vô hại tầm], không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi; chư Tỷ-kheo, nếu ban ngày Ta suy tư, quán sát [về vô hại tầm], không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi; chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm, ban ngày, Ta suy tư, quán sát [về vô hại tầm], không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi. Và nếu Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có thể mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động; khi tâm bị dao động thì tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, rồi tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn tịnh tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động.

Chư Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vấn đề gì thời tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về ly dục tầm, vị ấy từ bỏ dục tầm. Khi tâm đã đặt nặng về ly dục tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về ly dục tầm. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vô sân tầm, vị ấy từ bỏ sân tầm. Khi tâm đã đặt nặng về vô sân tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về vô sân tầm. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về bất hại tầm, vị ấy từ bỏ hại tầm. Khi tâm đã đặt nặng về bất hại tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về bất hại tầm.

Chư Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng hè, khi tất cả lúa gạo đã cất vào kho thóc, một người mục đồng chăn giữ các con bò. Khi người mục đồng ở dưới gốc cây hay ở ngoài trời, người ấy có thể nghĩ đến có việc cần phải làm, và người ấy nghĩ: "Đây là những con bò."[3] Chư Tỷ-kheo, cũng vậy ở đây, có việc cần phải làm, và Ta nghĩ: "Đây là những pháp."[4]

211. Chư Tỷ-kheo, Ta phát tâm dõng mãnh, tinh tấn, không có tiêu cực, niệm không tán loạn, được an trú, tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm. Chư Tỷ-kheo, Ta ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có

[3] *MA*. II. 84 giải thích rằng không cần phải chăn chúng, mà chỉ để ý đến chúng.

[4] Chỉ cho *samatha* (chỉ) và *vipassanā* (quán). Xem *MA*. II. 84.

tứ. Diệt tầm và tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

212. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng trí. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ này. Tại chỗ này, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ này, Ta được sanh ra ở đây." Như vậy Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Chư Tỷ-kheo, trong đêm canh đầu Ta chứng được Minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

213. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Sanh tử trí về chúng sanh. Ta với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Chư Tỷ-kheo, trong đêm canh giữa, Ta chứng được Minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

214. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Ta thắng tri như thật: "Đây là khổ", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", thắng tri như thật: "Đây là khổ diệt", thắng

tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt." Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Ta đã thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa." Chư Tỷ-kheo, đó là Minh thứ ba Ta đã chứng được cuối đêm canh thứ ba; vô minh được đoạn trừ, minh sanh khởi; bóng tối được đoạn trừ, ánh sáng sanh khởi, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

215. Chư Tỷ-kheo, giống như trong một khu rừng rậm rạp có một hồ nước lớn thâm sâu, và một đàn nai lớn sống gần một bên. Có một người đến, không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, đưa đến hoan hỷ; người ấy sẽ chặn đóng con đường này lại, sẽ mở con đường nguy hiểm, sẽ đặt con mồi đực, sẽ đặt con mồi cái. Chư Tỷ-kheo, như vậy, sau một thời gian, đàn nai lớn ấy gặp ách nạn và hao mòn dần. Chư Tỷ-kheo, có một người đến, muốn đàn nai ấy được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn; người ấy sẽ mở con đường này, sẽ đóng con đường nguy hiểm lại, sẽ đem con mồi đực đi, sẽ hủy bỏ (*nāseti*) con mồi cái. Chư Tỷ-kheo, như vậy đàn nai lớn ấy sau một thời gian sẽ được tăng trưởng, hưng thịnh, thành mãn.

Chư Tỷ-kheo, Ta nói ví dụ ấy để giải thích ý nghĩa như sau: Chư Tỷ-kheo, hồ nước lớn, thâm sâu chỉ cho các dục. Chư Tỷ-kheo, đàn nai lớn chỉ cho các loài hữu tình. Chư Tỷ-kheo, con người không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn chỉ cho Ác ma. Chư Tỷ-kheo, con đường nguy hiểm chỉ cho con đường tà đạo có tám ngành; tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Chư Tỷ-kheo, con mồi đực chỉ cho hỷ và tham. Chư Tỷ-kheo, con mồi cái chỉ cho vô minh. Chư Tỷ-kheo, còn người muốn chúng được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn chỉ cho Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ chỉ cho con đường Thánh đạo tám ngành; tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta mở con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ; Ta đóng con đường nguy hiểm, Ta mang đi con mồi đực, Ta hủy bỏ con mồi cái. Chư Tỷ-kheo, những gì vị Đạo sư cần phải làm cho các đệ tử vì lòng thương tưởng họ, những điều ấy Ta đã làm vì lòng thương tưởng các người. Chư Tỷ-kheo, đây là các gốc cây, đây là các chỗ trống. Hãy thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Ta.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

20. KINH AN TRÚ TẦM

(*Vitakkasaṇṭhāna Sutta*)[1]

216. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn thực tu tăng thượng tâm[2] cần phải thường thường tác ý năm tướng. Thế nào là năm? Ở đây, Tỷ-kheo y cứ tướng nào, tác ý tướng nào, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi; thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia. Nhờ tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, ví như một người thợ mộc thiện xảo hay đệ tử một người thợ mộc, dùng một cái nêm nhỏ đánh bật ra, đánh tung ra, đánh văng ra một cái nêm khác. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, khi một Tỷ-kheo y cứ một tướng nào, tác ý một tướng nào, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi; thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia. Nhờ tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, khác với tướng kia, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

217. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy khi tác ý một tướng khác với tướng kia, liên hệ đến thiện, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên; thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải quán sát các nguy hiểm của những tầm ấy: "Đây là những tầm bất thiện, đây là những tầm có

---

[1] Xem *M*. I. 160, 237; II. 91, 209. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T*.01. 0026.101. 0588a03).

[2] *Adhicitta*: Tăng thượng tâm. *MA*. II. 87 giải thích: "Tâm khởi lên liên hệ đến 10 nghiệp chỉ là tâm. Tâm cao thượng hơn tâm này đưa đến quán và liên hệ đến 8 giải thoát." Mười nghiệp là 3 thân nghiệp, 4 khẩu nghiệp và 3 ý nghiệp. 8 giải thoát là 4 sắc giới định và 4 vô sắc giới định.

tội, đây là những tầm có khổ báo." Nhờ quán sát các nguy hiểm của những tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, ví như một người đàn bà hay người đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang sức; nếu một xác rắn, hay xác chó, hay xác người được quàng vào cổ; người ấy phải lo âu, xấu hổ, ghê tởm. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy nhờ quán sát các nguy hiểm của những tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

218. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi quán sát các nguy hiểm của những tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên; thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải không ức niệm, không tác ý (*asatiamanasikāra*) những tầm ấy. Nhờ không ức niệm, không tác ý các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, ví như một người có mắt không muốn thấy các sắc pháp nằm trong tầm mắt của mình, người ấy nhắm mắt lại hay ngó qua một bên. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi không ức niệm, không tác ý các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

219. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi không ức niệm, không tác ý các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên. Chư Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải tác ý đến hành tướng các tầm và sự an trú các tầm ấy. Nhờ tác ý đến hành tướng các tầm và sự an trú các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục... được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Ví như một người đang đi mau, suy nghĩ: "Tại sao ta lại đi mau? Ta hãy đi chậm lại." Trong khi đi chậm, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta lại đi chậm? Ta hãy dừng lại." Trong khi dừng lại, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta lại dừng lại? Ta hãy ngồi xuống." Trong khi ngồi, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta lại ngồi? Ta hãy nằm xuống." Chư Tỷ-kheo, như vậy người ấy bỏ dần các cử chỉ thô cứng nhất và làm theo các cử chỉ tế nhị nhất. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy tác ý đến... (như trên)... được an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

220. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi tác ý đến hành tướng các tầm và sự an trú các tầm, các ác, bất thiện tầm liên hệ... đến si vẫn khởi lên; thời chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm; các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục... liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong... được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Ví như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người

ốm yếu hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi tác ý hành tướng các tầm và sự an trú các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên; thời chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm; các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ trừ diệt chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

221. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo, trong khi y cứ tướng nào, tác ý tướng nào, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi. Tỷ-kheo ấy tác ý một tướng khác, liên hệ đến thiện, khác với tướng kia, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được diệt trừ, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Tỷ-kheo ấy, nhờ quán sát sự nguy hiểm các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Tỷ-kheo ấy, nhờ không ức niệm, không tác ý các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Tỷ-kheo ấy tác ý hành tướng các tầm và an trú các tầm, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Tỷ-kheo ấy nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là đã an trú trong đạo tầm pháp môn. Vị ấy có thể tác ý đến tầm nào vị ấy muốn, có thể không tác ý đến tầm nào vị ấy không muốn. Vị ấy đã đoạn trừ khát ái, đã giải thoát các kiết sử, khéo chinh phục kiêu mạn, đã chấm dứt khổ đau.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

21. KINH VÍ DỤ CÁI CƯA

(*Kakacūpama Sutta*)[1]

222. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Moḷiyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ.[2] Tôn giả Moḷiyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như sau: Nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt Tôn giả Moḷiyaphagguna nói xấu các Tỷ-kheo-ni ấy, Tôn giả Moḷiyaphagguna liền phẫn nộ, bất mãn, vấn tội ngay;[3] nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt các Tỷ-kheo-ni ấy, nói xấu Tôn giả Moḷiyaphagguna, các Tỷ-kheo-ni ấy liền phẫn nộ, bất mãn, vấn tội ngay. Tôn giả Moḷiyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như vậy. Có một Tỷ-kheo khác đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Moḷiyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Moḷiyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như sau: Nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt Tôn giả Moḷiyaphagguna nói xấu các Tỷ-kheo-ni ấy, Tôn giả Moḷiyaphagguna liền phẫn nộ, bất mãn và vấn tội ngay; nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt các Tỷ-kheo-ni ấy, nói xấu Tôn giả Moḷiyaphagguna, các Tỷ-kheo-ni ấy liền phẫn nộ, bất mãn và vấn tội ngay. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Moḷiyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ như vậy.

223. Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo khác và bảo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi, nhân danh Ta, cho gọi Tỷ-kheo Moḷiyaphagguna: "Hiền giả Phagguna, bậc Đạo sư gọi Hiền giả."

– Bạch Thế Tôn, vâng.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến chỗ Tôn giả Moḷiyaphagguna, khi đến xong, liền thưa Tôn giả Moḷiyaphagguna:

– Hiền giả Moḷiyaphagguna, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

---

[1] Xem *M*. I. 184. *DA*. 123 chú thích kinh này được dạy cho những ai không chịu khó nhẫn nại. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Mâu-lê-phá-quần-na kinh* 牟犁破群那經 (*T*.01. 0026.193. 0744a04). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.8. 0813c02).

[2] *Atįvelā*: Vượt quá, trên 3 phương diện: Về thời gian, về giới vức và về giới luật. Phagguna phạm cả 3: Vị ấy giảng dạy cho Tỷ-kheo-ni quá tối, quá lâu; nói nhiều hơn 5, 6 câu và khi nói về những trọng tội thiếu trang nghiêm. Xem *Vin*. IV. 31, 127.

[3] *Adhikaraṇa*. Xem *Vin*. II. 88, 99.

– Vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Moḷiyaphagguna vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Moḷiyaphagguna đang ngồi xuống một bên:

– Này Phagguna, có đúng sự thật không, như lời người ta đồn là ông sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ. Người ta đồn ông sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như sau: "Nếu Tỷ-kheo nào, trước mặt ông nói xấu các Tỷ-kheo-ni ấy, ông liền phẫn nộ, bất mãn, vấn tội ngay; nếu Tỷ-kheo nào, trước mặt các Tỷ-kheo-ni ấy, nói xấu ông, các Tỷ-kheo-ni ấy liền phẫn nộ, bất mãn, vấn tội ngay." Này Phagguna, có phải ông sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như vậy?

– Bạch Thế Tôn, có như vậy.

– Này Phagguna, có phải ông là thiện nam tử, vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

224. – Này Phagguna, thật không xứng đáng cho ông, một thiện nam tử, vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, mà sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ như vậy.

Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt ông, nói xấu các Tỷ-kheo-ni ấy, này Phagguna, ông phải từ bỏ những dục liên hệ đến thế tục, những tư duy liên hệ đến thế tục. Này Phagguna, ông phải học tập như sau: "Mong rằng tâm của ta sẽ không bị biến nhiễm! Mong rằng ta sẽ không nói những lời ác ngữ! Mong rằng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, không ôm lòng sân hận!" Này Phagguna, ông phải học tập như vậy. Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt ông, lấy tay đánh những Tỷ-kheo-ni ấy, lấy đất ném, lấy gậy đập, lấy gươm đánh, này Phagguna, ông phải từ bỏ những dục liên hệ đến thế tục, những tư duy liên hệ đến thế tục. Này Phagguna, ông phải học tập như sau: "Mong rằng tâm của ta sẽ không bị biến nhiễm! Mong rằng ta sẽ không nói những ác ngữ! Mong rằng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, không ôm lòng sân hận!" Này Phagguna, ông phải học tập như vậy. Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt ông nói xấu [ai], này Phagguna, ông phải từ bỏ những dục liên hệ đến thế tục, những tư duy liên hệ đến thế tục. Này Phagguna, ông phải học tập như sau: "Mong rằng tâm của ta sẽ không bị biến nhiễm! Mong rằng ta sẽ không nói những lời ác ngữ! Mong rằng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, không ôm lòng sân hận!" Này Phagguna, ông phải học tập như vậy. Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt ông lấy tay đánh, lấy đất ném, lấy gậy đập, lấy gươm đánh, này Phagguna, ông phải từ bỏ những dục liên hệ đến thế tục, những tư duy liên hệ đến thế tục. Này Phagguna, ông phải học tập như sau: "Mong rằng tâm của ta sẽ không bị biến nhiễm! Mong rằng ta sẽ không nói những lời ác ngữ! Mong rằng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, không ôm lòng sân hận!" Này Phagguna, ông phải học tập như vậy.

225. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, một thời các Tỷ-kheo của Ta có tâm rất thuần thục hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, ở đây, Ta bảo các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo, Ta theo hạnh nhất tọa thực. Chư Tỷ-kheo, sống theo hạnh nhất tọa thực, Ta cảm thấy không bệnh tật, không ốm đau, nhẹ nhàng, khang kiện và sảng khoái. Chư Tỷ-kheo, các người hãy sống theo hạnh nhất tọa thực. Chư Tỷ-kheo, các người theo hạnh nhất tọa thực, thời các người sẽ cảm thấy không bệnh tật, không ốm đau, nhẹ nhàng, khang kiện và sảng khoái." Chư Tỷ-kheo, Ta không cần phải giảng dạy gì cho các Tỷ-kheo ấy. Chư Tỷ-kheo, Ta chỉ cần khơi dậy ức niệm nơi các Tỷ-kheo ấy.

Chư Tỷ-kheo, ví như trên đất bằng, tại chỗ ngã tư, có một chiếc xe đang đậu, thắng với ngựa hay, có roi ngựa đặt ngang sẵn sàng. Có người mã thuật sư thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm lấy dây cương, tay mặt cầm lấy roi ngựa, có thể đánh xe ngựa ấy đi tới đi lui, tại chỗ nào và như thế nào, theo ý mình muốn. Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, Ta không cần phải giảng dạy gì cho các Tỷ-kheo ấy; chư Tỷ-kheo, Ta chỉ cần khơi dậy ức niệm nơi các Tỷ-kheo ấy. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện, hãy nỗ lực đối với các thiện pháp, như vậy các người mới thành tựu sự trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh trong Pháp và Luật này.

Chư Tỷ-kheo, cũng như gần một thôn làng hay thị trấn nhỏ, có ngôi rừng cây Sa-la lớn, khu rừng bị các dây leo Y-lan (cây đu đủ thầu dầu) bao phủ. Có một người đến khu rừng này, muốn lợi ích cho ngôi rừng, muốn hạnh phúc, muốn an ổn khỏi các ách phược [cho ngôi rừng]. Người ấy chặt đứt các nhánh cây cong thiếu hẳn sinh lực, vất chúng ra khỏi [ngôi rừng], dọn dẹp trong rừng sạch sẽ. Người ấy săn sóc kỹ lưỡng các nhánh cây Sa-la đứng thẳng, khéo mọc. Chư Tỷ-kheo, sau một thời gian, ngôi rừng như vậy được trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ bất thiện, hãy nỗ lực đối với các thiện pháp, như vậy các người mới thành tựu sự trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh trong Pháp và Luật này.

226. Chư Tỷ-kheo, thuở xưa, tại thành Sāvatthi này có nữ gia chủ tên là Vedehikā. Chư Tỷ-kheo, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được khởi lên về nữ gia chủ Vedehikā: "Nữ gia chủ Vedehikā là hiền thục, nữ gia chủ Vedehikā là nhu thuận, nữ gia chủ Vedehikā là ôn hòa." Chư Tỷ-kheo, nữ gia chủ Vedehikā có người nữ tỳ tên là Kāḷī, người này khéo tay, siêng năng, và làm việc cẩn thận chu toàn. Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kāḷī khởi lên ý nghĩ: "Chủ của ta được tiếng đồn tốt đẹp khởi lên như sau: 'Nữ gia chủ Vedehikā là hiền thục, nữ gia chủ Vedehikā là nhu thuận, nữ gia chủ Vedehikā là ôn hòa'. Không biết nữ chủ của ta có nội sân nhưng không tỏ lộ hay không có nội sân, hay vì công việc ta làm cẩn thận chu toàn nên nữ chủ ta có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vậy ta hãy thử nữ chủ của ta!" Chư Tỷ-kheo, rồi nữ tỳ Kāḷī sáng ngày sau dậy thật trễ. Chư Tỷ-kheo, nữ gia chủ Vedehikā nói với nữ tỳ Kāḷī:

– Này Kāḷī!

– Thưa nữ chủ, có việc gì?

– Sao hôm nay ngươi dậy trễ vậy?

– Thưa nữ chủ, có việc gì đâu?

– Thật sự không có việc gì à? Ác nữ tỳ kia, hôm nay ngươi dậy trễ!

Và nữ chủ phẫn nộ, bất mãn, trừng mắt.

Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kāḷī suy nghĩ: "Nữ chủ của ta thật sự có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vì những công việc ta làm cẩn thận chu toàn, nên nữ chủ của ta tuy có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vậy ta hãy thử thêm nữa nữ chủ của ta!"

Chư Tỷ-kheo, rồi nữ tỳ Kāḷī ngày sau lại dậy trễ hơn nữa. Chư Tỷ-kheo, nữ chủ Vedehikā nói với nữ tỳ Kāḷī:

– Này Kāḷī!

– Thưa nữ chủ, có việc gì?

– Sao hôm nay ngươi dậy trễ vậy?

– Thưa nữ chủ, có việc gì đâu?

– Thật sự không có việc gì à? Ác nữ tỳ kia, hôm nay ngươi dậy trễ!

Và nữ chủ phẫn nộ, bất mãn, thốt lên những lời bất mãn.

Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kāḷī suy nghĩ: "Nữ chủ của ta thật sự có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vì những công việc ta làm cẩn thận chu toàn nên nữ chủ của ta tuy có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vậy ta hãy thử thêm nữa nữ chủ của ta!"

Chư Tỷ-kheo, rồi nữ tỳ Kāḷī sáng hôm sau lại dậy trễ hơn nữa. Chư Tỷ-kheo, nữ chủ Vedehikā nói với nữ tỳ Kāḷī:

– Này Kāḷī!

– Thưa nữ chủ, có việc gì?

– Sao hôm nay ngươi dậy trễ vậy?

– Thưa nữ chủ, có việc gì đâu?

– Thật sự không có việc gì à? Ác nữ tỳ kia, hôm nay ngươi dậy trễ!

Rồi phẫn nộ, không hoan hỷ, nàng cầm cái then gài cửa, đánh một cú trên đầu nữ tỳ khiến bể đầu. Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kāḷī, với đầu bể máu chảy, liền đi kể lể với các nhà láng giềng: "Hãy xem việc làm của nữ chủ hiền thục! Hãy xem việc làm của nữ chủ nhu thuận! Hãy xem việc làm của nữ chủ ôn hòa! Sao nữ chủ nói với nữ tỳ độc nhất: 'Hôm nay ngươi dậy trễ', rồi phẫn nộ, bất mãn, nàng cầm then gài cửa, đánh tôi một cú trên đầu khiến bể đầu."

Chư Tỷ-kheo, sau một thời gian, tiếng đồn xấu sau đây được khởi lên về

nữ chủ Vedehikā: "Nữ chủ Vedehikā là độc ác! Nữ chủ Vedehikā là không nhu thuận! Nữ chủ Vedehikā là không ôn hòa!" Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo hết sức hiền lành, hết sức nhu thuận, hết sức ôn hòa trong khi chưa bị những lời nói bất khả ý, xúc phạm. Và chư Tỷ-kheo, chỉ khi nào Tỷ-kheo bị những lời nói bất khả ý, xúc phạm, khi ấy vị ấy mới được xem là hiền lành, mới được xem là nhu thuận, mới được xem là ôn hòa. Chư Tỷ-kheo, Ta không gọi một Tỷ-kheo là dễ nói, khi vị ấy dễ nói về các vật dụng như y áo, món ăn, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, khi vị ấy thành tựu được tánh dễ nói. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy khi không được các vật dụng như y áo, thức ăn, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, không còn là dễ nói, không còn thành tựu tánh dễ nói. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào tôn trọng pháp, cung kính pháp, sùng kính pháp trở thành dễ nói, thành tựu tánh dễ nói, vị ấy Ta mới gọi là dễ nói. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy suy nghĩ: "Chỉ vì tôn trọng pháp, cung kính pháp, sùng kính pháp chúng ta sẽ trở thành dễ nói, thành tựu tánh dễ nói." Chư Tỷ-kheo, các ông phải học tập như vậy.

227. Chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ mà các ông có thể dùng khi nói với người khác: Đúng thời hay phi thời, chơn thực hay không chơn thực, nhu nhuyến hay thô bạo, có lợi ích hay không lợi ích, với từ tâm hay với sân tâm. Chư Tỷ-kheo, khi nói với người khác, các ông có thể nói đúng thời hay phi thời. Chư Tỷ-kheo, khi nói với người khác, các ông có thể nói lời chơn thực hay nói lời không chơn thực. Chư Tỷ-kheo, khi nói với người khác, các ông có thể nói lời nhu nhuyến hay nói lời thô bạo. Chư Tỷ-kheo, khi nói với người khác, các ông có thể nói lời lợi ích hay nói lời không lợi ích. Chư Tỷ-kheo, khi nói với người khác, các ông có thể nói với từ tâm hay với sân tâm. Chư Tỷ-kheo, ở tại đây, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống biến mãn người này với tâm câu hữu với từ, và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân." Chư Tỷ-kheo, như vậy các ông cần phải học tập.

228. Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm xẻng và thúng, nói như sau: "Tôi sẽ làm cho đất lớn này không thành đất nữa", và người ấy đào chỗ này chỗ kia, rải đất chỗ này chỗ kia, nhổ nước miếng chỗ này chỗ kia, đi tiểu tiện chỗ này chỗ kia, với ý nghĩ: "Ngươi trở thành không phải đất, ngươi trở thành không phải đất." Chư Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể làm cho đất lớn này trở thành không phải đất chăng?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Vì đất lớn này thâm sâu và vô lượng, không dễ gì khiến cho đất lớn này trở thành không phải đất, trước khi người ấy bị mệt nhoài và bị thất bại.

– Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ này mà các ông có thể nói với người khác: Đúng thời hay phi thời, chơn thực hay không chơn thực,

nhu nhuyến hay thô bạo, có lợi ích hay không lợi ích, với từ tâm hay với sân tâm. Các Tỷ-kheo, khi nói với người khác, các ông có thể nói: Đúng thời... hay với sân tâm. Các Tỷ-kheo, ở tại đây, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống biến mãn người này với tâm câu hữu với từ, và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới, với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân." Các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như vậy.

229. Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm màu sơn, màu vàng, màu xanh sẫm hay màu đỏ tía, người ấy có thể nói như sau: "Ta sẽ viết các hình sắc trên hư không này. Ta sẽ làm cho các hình sắc hiển hiện." Chư Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể viết các hình sắc trên hư không và làm cho các hình sắc hiển hiện được không?

– Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, hư không là vô sắc, không thể thấy được. Ở đây, không dễ gì viết các hình sắc và làm hình sắc hiển hiện, trước khi người ấy bị mệt nhoài và bị thất bại.

– Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ này mà các ông có thể nói với người khác: Đúng thời hay phi thời... hay với sân tâm... (như trên)... và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân." Chư Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như vậy.

230. Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm một bó cỏ khô đang cháy và nói như sau: "Ta với bó cỏ khô đang cháy này sẽ hâm nóng và đun sôi sông Hằng này." Chư Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy, với bó cỏ khô đang cháy có thể hâm nóng và đun sôi sông Hằng được không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì sông Hằng thâm sâu và vô lượng, không dễ gì với bó cỏ khô đang cháy có thể hâm nóng và đun sôi sông Hằng được, trước khi người ấy mệt nhoài và bị thất bại.

– Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ này mà các ông có thể nói với các người khác: Đúng thời hay phi thời... hay với sân tâm. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các ông có thể nói: Đúng thời... hay với sân tâm... (như trên)... và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân." Chư Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như vậy.

231. Chư Tỷ-kheo, ví như một cái bị bằng da mèo, đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì, tiếng xọp, phát ra tiếng xì, tiếng xọp và một người đến, cầm gậy hay cầm mẻ sành và nói như sau: "Ta sẽ lấy cái gậy hay với cái mẻ sành làm cho cái bị bằng da mèo này, đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu

nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì, tiếng xọp, phát ra tiếng xì, tiếng xọp." Chư Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể, với cái gậy hay với cái mẻ sành làm cho cái bị bằng da mèo này đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì, tiếng xọp, phát ra tiếng xì, tiếng xọp được không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, cái bị bằng da mèo này đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì, tiếng xọp, không dễ gì làm cho cái bị ấy phát ra tiếng xì, tiếng xọp được, trước khi người ấy bị mệt nhoài và bị thất bại.

– Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ mà các ông có thể dùng khi nói với các người khác: Đúng thời hay phi thời, chơn thực hay không chơn thực, nhu nhuyến hay thô bạo, có lợi ích hay không lợi ích, với từ tâm hay với sân tâm. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các ông có thể nói đúng thời hay phi thời. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các ông có thể nói lời chơn thực hay nói lời không chơn thực. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các ông có thể nói lời nhu nhuyến hay nói lời thô bạo. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các ông có thể nói lời lợi ích hay nói lời không lợi ích. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các ông có thể nói với từ tâm hay với sân tâm. Chư Tỷ-kheo, ở tại đây, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống biến mãn người này với tâm câu hữu với từ, và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân." Chư Tỷ-kheo, như vậy các ông cần phải học tập.

232. Chư Tỷ-kheo, như bị những kẻ đạo tặc hạ liệt dùng cưa hai lưỡi mà cưa tay, cưa chân; dầu vậy, nếu một ai[4] ở đây khởi ý nhiễm loạn, người ấy do vậy không phải là người thực hành giáo pháp của Ta. Ở đây, chư Tỷ-kheo, các ông phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống biến mãn người này với tâm câu hữu với từ, và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân." Chư Tỷ-kheo, như vậy các ông cần phải học tập.

233. Và này chư Tỷ-kheo, nếu các ông luôn luôn suy tư lời dạy ví dụ cái cưa này, thì này các Tỷ-kheo, các ông có thấy loại ngôn ngữ nào, dầu tế nhị hay thô bạo mà các ông không kham nhẫn được chăng?

– Bạch Thế Tôn, không.

[4] *MA*. II. 102 viết là Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni.

– Chư Tỷ-kheo, do vậy, hãy luôn luôn suy tư lời dạy ví dụ cái cưa này, và các ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu ngày.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

22. KINH VÍ DỤ CON RẮN

(*Alagaddūpama Sutta*)[1]

234. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo tên là Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì." Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo tên Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: 'Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì.'" Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng. Khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, như sau:

– Này Hiền giả Ariṭṭha, có đúng sự thật rằng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì"?

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:[2] "Hiền giả Ariṭṭha, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Ariṭṭha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chướng ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương[3]... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như miếng thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như bó đuốc cỏ khô... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như hố than hừng...

---

[1] Xem *CNid*. 23:248; *MNid*. 116; *Vin*. II. 1; IV. 134; *Kvu*. 1. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *A-lê-tra kinh* 阿梨吒經 (*T*.01. 0026.200. 0763b01). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.5. 0759c29); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.8. 0812c02); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da* 根本說一切有部毘奈耶 (*T*.23. 1442.39. 0840b21).

[2] *M*. I. 233.

[3] *M*. I. 384.

Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như cơn mộng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như vật dụng cho mượn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như trái cây... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như lò thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như gậy nhọn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít khổ nhiều, não nhiều và do vậy, nguy hiểm càng nhiều hơn."

Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, chất vấn, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì."

235. Vì các Tỷ-kheo không thể làm cho Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên họ đến chỗ Thế Tôn ở; khi đến xong, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì." Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo tên Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: 'Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì.'" Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng: "Này Hiền giả Ariṭṭha, có đúng sự thật chăng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: 'Theo như tôi hiểu... thật sự không có chướng ngại gì'?" Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, nói với chúng con như sau: "Thật sự là vậy. Chư Hiền, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì."

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận: "Hiền giả Ariṭṭha, chớ có nói như vậy! Chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Ariṭṭha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chướng ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn."

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được chúng con cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì." Bạch Thế Tôn, vì chúng con không

thể làm cho Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

236. Rồi Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo khác:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, gọi Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng: "Hiền giả Ariṭṭha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng; sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Hiền giả Ariṭṭha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, đang ngồi xuống một bên:

– Này Ariṭṭha, có thật chăng, ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chướng ngại gì"?

– Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì.

– Này kẻ ngu si kia, sao ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chướng ngại? Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục được ví như miếng thịt... được ví như bó đuốc cỏ khô... được ví như hố than hừng... được ví như cơn mộng... được ví như vật dụng cho mượn... được ví như trái cây... được ví như lò thịt... được ví như gậy nhọn... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Và này kẻ ngu si kia, không những ông xuyên tạc Ta vì ông đã tự chấp thủ sai lạc, ông còn tự phá hoại ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho ông.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, có thể khởi lên tia lửa sáng gì[4] trong Pháp và Luật này không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể được! Không thể được, bạch Thế Tôn!

[4] *Usmīkata*. Xem *M*. I. 258 và *MA*. II. 104.

Được nghe nói vậy, Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, đang im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Này kẻ ngu si kia, người ta sẽ biết ông qua ác tà kiến của chính ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

237. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng, giống như Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và gây nên nhiều tổn đức?

– Bạch Thế Tôn, không! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chướng ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên). Thế Tôn đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo! Các ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chướng ngại. Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên). Ta đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Nhưng Tỷ-kheo Ariṭṭha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu dài cho kẻ ngu si ấy. Thật sự, này các Tỷ-kheo, sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục, ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tầm.

238. Chư Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp như Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết,[5] Kệ tụng,[6] Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng.[7] Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được

---

[5] *Veyyākaraṇa* được giải thích là *Abhidhamma*.

[6] *MA*. II. 106; *Thag*.; *Thīg*.; *Dh*. và một phần của *Sn*.

[7] Các kinh trong *Kinh Trung bộ* như *Cūḷavedalla Sutta* (*Tiểu kinh Phương quảng*), *Mahāvedalla Sutta* (*Đại kinh Phương quảng*), *Sammādiṭṭhi Sutta* (*Kinh Chánh kiến*), *Saṅkhārabhājanīya* (*Kinh Hành sanh*), *Mahāpuṇṇamā Sutta* (*Đại kinh Mãn nguyệt*) và trong *Kinh Trường bộ* như *Sakkapañha Sutta* (*Kinh Đế-thích sở vấn*)… đều là thể loại Phương quảng. Vì nội dung các bài kinh mang hình thức vấn đáp và giải thích, từ đó người nghe hoan hỷ tín thọ.

mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, một số người ngu si học pháp... Chư Tỷ-kheo, vì sự chấp thủ các pháp sai lạc.

239. Ở đây, này các Tỷ-kheo, một số thiện nam tử học pháp như Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp. Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đè con rắn nước với cây gậy có nạng.[8] Sau khi khéo đè với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỷ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một phần thân nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy. Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, ở đây, một số thiện nam tử học pháp... chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp vậy. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng, thì ở nơi đây, các ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỷ-kheo trí thức.

240. Chư Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các ông, ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ví như có người đang đi trên con đường lớn dài, đến một vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Người đó tự suy nghĩ: "Đây là vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Nay ta

---

[8] *Ajapada*: Có nạng chẻ như móng chân dê.

hãy thâu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và dựa trên chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn." Chư Tỷ-kheo, rồi người đó thâu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Khi qua bờ bên kia rồi, người đó suy nghĩ: "Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân để vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy đội chiếc bè này trên đầu hay vác nó trên vai, và đi đến chỗ nào ta muốn." Chư Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Chư Tỷ-kheo, nếu người đó làm như vậy, thì có làm đúng với sở dụng của chiếc bè chăng?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, người đó phải làm thế nào cho đúng sở dụng của chiếc bè? Ở đây, chư Tỷ-kheo, người đó sau khi vượt qua bờ bên kia, có thể suy nghĩ: "Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân đã vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy kéo chiếc bè này lên trên bờ đất khô, hay nhận chìm xuống nước, và đi đến chỗ nào ta muốn." Chư Tỷ-kheo, làm như vậy, người đó làm đúng sở dụng chiếc bè ấy. Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt đưa qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các ông cần hiểu ví dụ cái bè... Chánh pháp[9] còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp.[10]

241. Này các Tỷ-kheo, có sáu kiến xứ.[11] Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc pháp: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi",[12] xem cảm thọ: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem tưởng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem các hành: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc,[13] được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã,[14] sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi", xem như vậy là: "Cái này là

---

[9] *MA.* II. 109 viết rằng đức Thế Tôn dạy chúng ta không chấp trước ngay cả đối với pháp tu Chỉ và Quán. Ý này cũng được tìm thấy trong *Majjhima Nikāya*. Đối với Chỉ, *M.* I. 456 viết: "Ta nói sự từ bỏ Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Đối với Quán, *M.* I. 260 viết: "Dầu cho Chánh kiến này của ngươi được thanh tịnh, chớ có chấp trước nó".

[10] Như tà kiến của Ariṭṭha, xem *MA.* II. 109.

[11] *Diṭṭhiṭṭhāna*. *MA.* II. 110 viết: "Có kiến và điều kiện của kiến, cả hai là nhân của kiến và quả của kiến".

[12] Do tham, mạn, tà kiến.

[13] *Muta*: Cái được thấy, được nghe có danh từ riêng. Chữ *muta* chỉ cho cái được ngửi, được nếm, được xúc chạm.

[14] *So loko so attā*: Thế giới thế nào thời ngã như vậy, xem thế giới và ngã là một; hay có nghĩa ta là thế giới, ta là ngã.

của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi." Và này chư Tỷ-kheo, có vị đa văn Thánh đệ tử đi đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc pháp: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cảm thọ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem tưởng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem các hành: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi", xem như vậy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Vị này do quán sát như vậy, đối với sự vật chẳng thật có[15] nên không có lo âu, phiền muộn.[16]

242. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Có thể có cái gì không thực có ở ngoài,[17] có thể gây lo âu, phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, có người nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã là của tôi,[18] nay chắc chắn không còn là của tôi.[19] Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy." Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy, có cái không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu, phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể không gây lo âu, phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, có người không nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy." Người đó không sầu muộn, than vãn, khóc lóc, không đấm ngực, không đi đến bất tỉnh. Như vậy, này Tỷ-kheo, có cái không thực có ở ngoài, không gây lo âu, phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong, có thể gây ra lo âu, phiền muộn?

---

[15] *Asati* đồng nghĩa với *Avijjamāna*: Không thật có, không chơn thực. Xem *MA*. II. 111.

[16] *MA*. II. 111 giải thích không bị sợ hãi và tham ái phiền nhiễu.

[17] Ngoại vật, như mất bốn sự cúng dường. Xem *MA*. II. 111.

[18] Vật có giá trị, xe cộ, đồ cưỡi, vàng. Xem *MA*. II. 111.

[19] *MA*. II. 111 viết là bị vua ra lệnh sung công hay bị trộm cướp, cướp đoạt, hay bị đốt cháy, hay bị nước cuốn.

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, có người có [tà] kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển. Tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi." Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chỉ mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Người đó có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại."[20] Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong, có thể gây ra lo âu, phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, có người không có [tà] kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi." Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chỉ mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái để đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Vị ấy không nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại." Vị ấy không sầu muộn, than vãn, khóc lóc; vị ấy không đấm ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn.

243. Này các Tỷ-kheo, các ông có thể nắm giữ một vật sở hữu nào mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không? Chư Tỷ-kheo, các ông có thể thấy một vật sở hữu nào được nắm giữ mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một vật sở hữu được nắm giữ nào mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi. Này các Tỷ-kheo, các ông có thể chấp thủ Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không? Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, không.

---

[20] *S.* III. 55 viết *no cassaṃ, no ca me siyā*: Nếu nó không có, nó không thành của tôi.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Này các Tỷ-kheo, các ông có y chỉ kiến y nào mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không? Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy kiến y nào mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một kiến y nào mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

244. Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã, thời có ngã sở thuộc của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã sở thuộc, thời có ngã của tôi không?[21]

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ngã và ngã sở thuộc không thể được chấp nhận là thường còn, thường hằng, thì kiến xứ này: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thành thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi." Này các Tỷ-kheo, kiến xứ ấy là hoàn toàn triệt để chẳng ngu si không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể hoàn toàn triệt để chẳng ngu si được!

– Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.[22]

– Chư Tỷ-kheo, cảm thọ là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi... tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

---

[21] *MA*. II. 113 viết: "Nếu có ngã, thời có ngã sở thuộc; nếu có ngã sở thuộc, thời có ngã".

[22] *MA*. II. 113 viết rằng trước đây nó từng hiện hữu, giờ không còn, vì vậy gọi là vô thường; và vì 4 nguyên nhân này: Bởi nó sinh khởi rồi lại hoại đi, mang tính tạm bợ, và trái ngược với sự vĩnh viễn thường còn.

– Chư Tỷ-kheo, tưởng là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường...?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, các hành là thường hay vô thường... Chư Tỷ-kheo, thức là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ thì có hợp lý chăng, khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, bất cứ sắc pháp nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả sắc pháp là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ. Bất cứ cảm thọ nào... Bất cứ tưởng nào... Bất cứ hành nào... Bất cứ thức nào thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.

245. Chư Tỷ-kheo, nhờ thấy vậy, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đối với thọ, yểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức; do yểm ly nên ly tham; do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, có trí khởi lên, biết được đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui lại đây với một đời sống khác." Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã vất bỏ đi các chướng ngại vật, là vị đã lấp đầy các thông hào, là vị đã nhổ lên cột trụ, là vị đã mở tung các lề khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Và thế nào là Tỷ-kheo đã vất bỏ đi các chướng ngại vật? Ở đây, này các Tỷ-kheo, là đã đoạn trừ vô minh, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây Sa-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sanh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã vất bỏ đi các chướng ngại. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã lấp đầy các thông hào? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ tái sanh và sự luân chuyển sanh tử, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây Sa-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sanh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp đầy thông hào. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ? Ở đây, này các

Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ khát ái, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây Sa-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sanh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã mở tung các lề khóa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây Sa-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sanh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các lề khóa. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bậc Thánh, đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ ngã mạn, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây Sa-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sanh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo bậc Thánh, đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

246. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã giải thoát như vậy, thì chư thiên ở Đế Thích thiên giới, Phạm thiên giới, Sanh chủ giới sẽ không tìm được dấu vết của Tỷ-kheo ấy, nếu nghĩ rằng: "Y[23] ở đây có thức của Như Lai." Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, Ta nói ngay ở hiện tại, một Như Lai không thể tìm thấy dấu vết.[24] Chư Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, thuyết như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn xuyên tạc Ta một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thực: "Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô,[25] đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình." Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không là như vậy, Ta không nói như vậy, Ta không như các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã xuyên tạc một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thật: "Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình." Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ. Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho Như Lai tức giận, thì này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai không có sân hận, không có bất mãn, tâm không phẫn nộ. Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai không có hoan hỷ, sung sướng, tâm không thích thú. Chư Tỷ-kheo, nếu những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai suy nghĩ: "Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là trách nhiệm Ta phải làm." Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho các ông tức giận, ở đây các ông chớ có sân hận, bất mãn, tâm chớ khởi phẫn nộ. Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường các ông, thì ở đây, các ông chớ có hoan hỷ, sung sướng, tâm sanh thích thú. Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường các ông, thì ở đây, các ông hãy suy nghĩ: "Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là trách nhiệm ta phải làm."

---

[23] *Nissata*: Nâng đỡ, dính vào, dựa vào.

[24] *Ananuvejja*. Xem *Dh*. 179; *Miln*. 73.

[25] *Venayika*: Người theo chủ nghĩa Hư vô.

247. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông, các ông hãy từ bỏ. Các ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các ông. Chư Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các ông, hãy từ bỏ sắc. Các ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các ông. Chư Tỷ-kheo, thọ không phải của các ông, hãy từ bỏ thọ. Các ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các ông. Chư Tỷ-kheo, tưởng không phải của các ông, hãy từ bỏ tưởng. Các ông từ bỏ tưởng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các ông. Chư Tỷ-kheo, các hành không phải của các ông, hãy từ bỏ các hành. Các ông từ bỏ các hành sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các ông. Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các ông, hãy từ bỏ thức. Các ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các ông. Chư Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Trong Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhánh, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn, các ông có nghĩ chăng người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm gì với chúng ta tùy theo ý muốn?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông, các ông hãy từ bỏ. Các ông từ bỏ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các ông. Chư Tỷ-kheo, và cái gì không phải của các ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các ông, hãy từ bỏ sắc. Các ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các ông. Chư Tỷ-kheo, thọ... (như trên). Chư Tỷ-kheo, tưởng... (như trên). Chư Tỷ-kheo, hành... (như trên). Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các ông, hãy từ bỏ thức. Các ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các ông.

248. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quấn cũ. Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quấn cũ, nên những vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí, vòng luân chuyển [sanh tử] của những vị này không thể chỉ bày. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ. Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, được loại trừ các vải quấn cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thì những vị này thành các vị hóa sanh, nhập diệt tại đây, không còn phải trở lui lại đời này nữa. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ. Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham, sân, si, thì tất cả những vị ấy thành bậc Nhất Lai, chỉ đến đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ. Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ, nên những Tỷ-kheo nào đoạn trừ ba kiết sử, thì tất cả những vị ấy trở thành bậc Dự Lưu, không còn

bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến Chánh giác. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ. Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quấn cũ, nên những Tỷ-kheo nào là những vị Tùy pháp hành, Tùy tín hành, thì tất cả những vị này sẽ hướng về Chánh giác. Chư Tỷ-kheo, như vậy pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ khỏi các vải quấn cũ. Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quấn cũ, nên những vị nào chỉ đủ lòng tin nơi Ta, chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta, thì tất cả những vị ấy được hướng về chư thiên.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

23. KINH GÒ MỐI

(*Vammika Sutta*)[1]

249. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Kumāra Kassapa trú tại Andhavana. Rồi một vị thiên, đêm đã gần tàn,[2] với hào quang rực rỡ chiếu sáng toàn thể Andhavana, đến chỗ Tôn giả Kumāra Kassapa ở; sau khi đến, bèn đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị thiên ấy nói với Tôn giả Kumāra Kassapa:

"Tỷ-kheo, Tỷ-kheo![3] Gò mối này ban đêm phun khói, ban ngày chiếu sáng. Một Bà-la-môn nói như sau: 'Này kẻ trí, hãy cầm gươm và đào lên.' Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một then cửa: 'Thưa Tôn giả, một then cửa.' Vị Bà-la-môn nói: 'Này kẻ trí, hãy lấy then cửa lên, cầm gươm đào thêm.' Người có trí cầm gươm đào lên, thấy con nhái:[4] 'Thưa Tôn giả, một con nhái.' Vị Bà-la-môn nói: 'Này kẻ trí, hãy đem con nhái lên, cầm gươm đào thêm.' Người có trí cầm gươm đào lên, thấy con đường hai ngã: 'Thưa Tôn giả, một con đường hai ngã.' Vị Bà-la-môn nói: 'Này kẻ trí, hãy lấy con đường hai ngã lên, cầm gươm đào thêm.' Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một đồ lọc sữa:[5] 'Thưa Tôn giả, một đồ lọc sữa.' Vị Bà-la-môn nói: 'Hãy lấy đồ lọc sữa lên, cầm gươm đào thêm.' Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một con rùa: 'Thưa Tôn giả, một con rùa.' Vị Bà-la-môn nói: 'Này kẻ trí, hãy lấy con rùa lên, cầm gươm đào thêm.' Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một con dao phay: 'Thưa Tôn giả, một con dao phay.' Vị Bà-la-môn nói: 'Này kẻ trí, hãy lấy con dao phay lên, cầm gươm đào thêm.' Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một miếng thịt: 'Thưa Tôn giả, một miếng thịt.' Vị Bà-la-môn nói: 'Này kẻ trí, hãy lấy miếng thịt lên, cầm gươm đào thêm.' Người có trí cầm gươm đào lên, thấy con rắn hổ (*nāga*): 'Thưa Tôn giả, con rắn hổ.' Vị Bà-la-môn nói: 'Hãy để con rắn hổ yên, chớ đụng chạm con rắn hổ, hãy đảnh lễ con rắn hổ.' Này Tỷ-kheo, hãy đến chỗ Thế Tôn ở và hỏi những câu hỏi ấy. Thế Tôn trả lời Tôn giả như thế nào,

---

[1] Tham chiếu: *Nghị dụ kinh* 蟻喻經 (*T*.01. 0095. 0918b21); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1079. 0282a22); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.18. 0379c03); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.9. 0733b12).

[2] *MA*. II. 125 viết *abhikkanta ở* đây có nghĩa là mỹ lệ, đẹp đẽ.

[3] *MA*. II. 126 giải thích vị thiên và Tôn giả Kassapa là hai người bạn trong thời đức Phật Kassapa, cho nên vị thiên không đảnh lễ kính chào Tôn giả Kassapa theo phép tắc.

[4] *Uddhumāyikā* = *Maṇḍūka*. Xem *MA*. II. 128.

[5] *Caṅgavāra* được *MA*. II. 128 giải thích là *khāraparissāvana*, một đồ dùng để lọc.

hãy như vậy thọ trì. Này Tỷ-kheo, ta không thấy ai trên cõi đời, với chư Thiên, Ma vương, với Phạm thiên, các chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư thiên và loài người có thể hướng tâm để trả lời những câu hỏi ấy, trừ Như Lai, đệ tử Như Lai hay những ai đã được nghe hai vị này."

Vị thiên ấy nói như vậy. Sau khi nói xong như vậy, vị ấy biến mất tại chỗ.

250. Rồi Tôn giả Kumāra Kassapa, sau khi đêm ấy đã mãn, đến tại chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến xong, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Kumāra Kassapa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đêm nay, một vị thiên, đêm đã gần tàn, với hào quang rực rỡ chiếu sáng toàn thể Andhavana, đến chỗ con ở; sau khi đến, liền đứng một bên. Khi đứng một bên, vị thiên ấy nói với con: "Tỷ-kheo, Tỷ-kheo! Gò mối này, ban đêm phun khói, ban ngày chiếu sáng. Một vị Bà-la-môn nói như sau: 'Này kẻ trí, hãy cầm gươm đào lên.' Người có trí cầm gươm đào lên thấy một then cửa... (như trên)... đệ tử Như Lai hay những ai đã được nghe hai vị này." Bạch Thế Tôn, vị thiên ấy nói như vậy, nói xong liền biến mất tại chỗ ấy. Bạch Thế Tôn, gò mối là gì, cái gì phun khói ban đêm, cái gì chiếu sáng ban ngày, ai là Bà-la-môn, ai là người có trí, cái gì là cây gươm, cái gì là đào lên, cái gì là then cửa, cái gì là con nhái, cái gì là con đường hai ngã, cái gì là đồ lọc sữa, cái gì là con rùa, cái gì là con dao phay, cái gì là miếng thịt, cái gì là con rắn hổ?

251. – Này Tỷ-kheo, gò mối là đồng nghĩa với cái thân do bốn đại tạo thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt.

Này Tỷ-kheo, cái gì thuộc về công việc ban ngày, ban đêm suy tầm, suy nghĩ, như vậy là ban đêm phun khói.

Này Tỷ-kheo, cái gì sau khi suy tầm, suy tư ban đêm, ban ngày đem ra thực hành, về thân, về lời nói, về ý, như vậy là ban ngày chói sáng.

Này Tỷ-kheo, Bà-la-môn là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Này Tỷ-kheo, người có trí là đồng nghĩa với Tỷ-kheo Hữu học.

Này Tỷ-kheo, cái gươm là đồng nghĩa với trí tuệ của bậc Thánh.

Này Tỷ-kheo, đào lên là đồng nghĩa với tinh tấn, tinh cần.

Này Tỷ-kheo, cái then cửa là đồng nghĩa với vô minh; đem then cửa lên là từ bỏ vô minh; này kẻ có trí, cầm gươm đào thêm là ý nghĩa này.

Này Tỷ-kheo, con nhái là đồng nghĩa với phẫn nộ hiềm hận; đem con nhái lên là từ bỏ phẫn nộ hiềm hận; này kẻ có trí, cầm gươm đào thêm là ý nghĩa này.

Này Tỷ-kheo, con đường hai ngã là đồng nghĩa với nghi hoặc; đem con đường hai ngã lên là từ bỏ nghi hoặc; này kẻ có trí, cầm gươm đào thêm là ý nghĩa này.

Này Tỷ-kheo, đồ lọc sữa là đồng nghĩa với năm triền cái: Dục tham triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo cử hối quá triền cái, nghi hoặc triền cái; đem bỏ đồ lọc sữa lên là từ bỏ năm triền cái; này kẻ có trí, cầm gươm đào thêm là ý nghĩa này.

Này Tỷ-kheo, con rùa là đồng nghĩa với năm thủ uẩn,[6] tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn; đem con rùa lên là từ bỏ năm thủ uẩn; này kẻ có trí, cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.

Này Tỷ-kheo, con dao phay là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng, tức là các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; lấy con dao phay lên là từ bỏ năm dục trưởng dưỡng; này kẻ có trí, cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.

Này Tỷ-kheo, miếng thịt là đồng nghĩa với hỷ tham; lấy miếng thịt lên là từ bỏ hỷ tham; này kẻ có trí, cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.

Này Tỷ-kheo, con rắn hổ là đồng nghĩa với vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc; hãy để con rắn hổ yên, chớ đụng chạm con rắn hổ, hãy đảnh lễ con rắn hổ, là ý nghĩa này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[6] *MA*. II. 133 viết 5 thủ uẩn được so sánh như cái đầu và 4 chân con rùa.

24. KINH TRẠM XE

(*Rathavinīta Sutta*)[1]

252. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc ấy, một số đông Tỷ-kheo người địa phương, sau khi an cư mùa mưa tại địa phương xong, liền đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, ai ở tại địa phương được các Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh cùng một địa phương tán thán như sau: "Tự mình thiểu dục và giảng về thiểu dục cho các Tỷ-kheo; tự mình tri túc và giảng về tri túc cho các Tỷ-kheo; tự mình độc cư và giảng về độc cư cho các Tỷ-kheo; tự mình không ô nhiễm và giảng về không ô nhiễm cho các Tỷ-kheo; tự mình tinh cần, tinh tấn và giảng về tinh cần, tinh tấn cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giới hạnh và giảng về thành tựu giới hạnh cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu thiền định và giảng về thành tựu thiền định cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu trí tuệ[2] và giảng về thành tựu trí tuệ cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giải thoát và giảng về thành tựu giải thoát cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và giảng về thành tựu giải thoát tri kiến cho các Tỷ-kheo; vị giáo giới, vị khai thị, vị trình bày, vị khích lệ, vị làm cho phấn khởi, vị làm cho các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ."

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta là Tỷ-kheo địa phương được các Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh cùng một địa phương tán thán như sau: "Tự mình thiểu dục và nói về thiểu dục cho các Tỷ-kheo... (như trên)... vị làm cho các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ."

253. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta ngồi cách Thế Tôn không xa. Tôn giả Sāriputta suy nghĩ như sau: "Hạnh phúc thay Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta! Chơn hạnh phúc thay Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta! Tôn giả đã được các vị đồng Phạm hạnh có trí tán thán từng điểm một trước mặt bậc Đạo sư, và được bậc Đạo sư chấp nhận; có thể chúng ta sẽ gặp Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta, tại một chỗ nào, trong một thời gian nào, có thể sẽ có một cuộc đàm luận với Tôn giả."

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thất xa kinh* 七車經 (*T*.01. 0026.9. 0429c28). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.10. 0733c28).

[2] *Paññā*. *MA*. II. 147 giải thích là thế gian trí và xuất thế gian trí.

254. Rồi Thế Tôn trú tại Rājagaha lâu cho đến khi vừa ý, rồi khởi hành đi Sāvatthi. Ngài tuần tự đi và đến Sāvatthi. Ở đây, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika. Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta được nghe: "Thế Tôn đã đến Sāvatthi, trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika."

255. Rồi Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta thâu dọn lại sàng tọa, cầm y bát, khởi hành đi Sāvatthi. Tôn giả tuần tự đi và đến Sāvatthi, Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika, đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, từ tạ đi Andhavana để nghỉ trưa.

256. Rồi một Tỷ-kheo khác đến chỗ Tôn giả Sāriputta ở; sau khi đến, thưa với Tôn giả Sāriputta: "Hiền giả Sāriputta, Hiền giả luôn luôn tán dương Tỷ-kheo Puṇṇa Mantāṇiputta; vị này được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, từ tạ đi đến Andhavana để nghỉ trưa." Rồi Tôn giả Sāriputta vội vã đem theo tọa cụ (*nisīdana*), đi theo sau lưng Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta, đầu hướng về trước mặt [để theo dõi]. Rồi Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta đi sâu vào Andhavana và ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Tôn giả Sāriputta, sau khi đi sâu vào Andhavana, ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Rồi vào buổi chiều, Tôn giả Sāriputta từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đến tại chỗ Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta những lời chào đón, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta thưa với Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta:

257. – Hiền giả, có phải chúng ta sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn?

– Thật như vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Giới thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Tâm thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là mục đích Kiến thanh tịnh?[3]

– Không phải vậy, Hiền giả.

---

[3] Xem *D.* III. 214.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Đoạn nghi thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Đạo[4] tri kiến thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Tri kiến thanh tịnh?[5]

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Giới thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Tâm thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Kiến thanh tịnh?.. (như trên)...

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Tri kiến thanh tịnh?

Và Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta trả lời:

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, vậy với mục đích gì, sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn?

– Hiền giả, với mục đích Vô thủ trước Bát-niết-bàn, nên sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn.[6]

– Hiền giả, có phải Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

– Hiền giả, có phải Tâm thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

---

[4] *Paṭipadā*. *MA*. II. 115.

[5] Bảy thanh tịnh này được tìm thấy trong *D*. III. 288, thêm thanh tịnh nhờ trí tuệ và thanh tịnh nhờ giải thoát.

[6] *MA*. II. 156 viết, theo quan điểm của những vị cho rằng chấp thủ là do một nhân duyên, thì Vô chấp thủ Bát-niết-bàn không do nhân duyên gì. Nếu vô vi bất tử không khởi lên do một nhân duyên, thì vô vi bất tử được xem là Vô chấp thủ Bát-niết-bàn. Đó là mục đích tối hậu, tối thượng (*niṭṭhā*).

– Hiền giả, có phải Kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

– Hiền giả, có phải Đoạn nghi thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

– Hiền giả, có phải Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

– Hiền giả, có phải Đạo tri kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

– Hiền giả, có phải Tri kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

– Hiền giả, có phải cái gì ngoài các pháp này là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

– Hiền giả, có phải Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải Tâm thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Có phải Kiến thanh tịnh... (như trên) ...

– Có phải Tri kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Có phải cái gì ngoài các pháp này là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, vậy ý nghĩa lời nói này cần phải được hiểu như thế nào?

258. – Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn thì Ngài cũng tuyên bố Vô thủ trước Bát-niết-bàn là đồng đẳng với Hữu thủ trước Bát-niết-bàn. Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Tâm thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Kiến thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Đoạn nghi thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Đạo tri kiến thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Tri kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn thì Ngài cũng tuyên bố Vô thủ trước Bát-niết-bàn là đồng đẳng với Hữu thủ trước Bát-niết-bàn. Hiền giả, và nếu Thế Tôn tuyên bố cái gì ngoài các pháp ấy là Vô thủ trước Bát-niết-bàn, thì kẻ phàm phu có thể đắc Niết-bàn, vì này Hiền giả, phàm phu là ngoài các pháp ấy. Hiền giả, tôi sẽ cho Hiền giả một ví dụ, ở đây, một số kẻ có trí, nhờ ví dụ để hiểu ý nghĩa của lời nói.

259. Hiền giả, như Vua Pasenadi xứ Kosala, trong khi ở tại Sāvatthi, có công việc khẩn cấp khởi lên ở Sāketa, và bảy trạm xe được sắp đặt cho vua giữa Sāvatthi và Sāketa. Hiền giả, rồi Vua Pasenadi xứ Kosala, từ cửa nội thành ra khỏi Sāvatthi, leo lên trạm xe thứ nhất, và nhờ trạm thứ nhất đến được trạm xe thứ hai; từ bỏ trạm xe thứ nhất, leo lên trạm xe thứ hai, nhờ trạm xe thứ hai đến được trạm xe thứ ba; từ bỏ trạm xe thứ hai... đến được trạm xe thứ tư; từ bỏ trạm xe thứ ba... đến được trạm xe thứ năm; từ bỏ trạm xe thứ tư, leo lên trạm xe thứ năm, nhờ trạm xe thứ năm đến được trạm xe thứ sáu; từ bỏ trạm thứ năm, leo lên trạm xe thứ sáu, nhờ trạm xe thứ sáu, đến được trạm xe thứ bảy; từ bỏ trạm xe thứ sáu, leo lên trạm xe thứ bảy, nhờ trạm xe thứ bảy đến được Sāketa, tại cửa nội thành. Khi vua đến tại cửa nội thành, các bộ trưởng cận thần, các thân thích cùng huyết thống hỏi như sau: "Tâu Đại vương có phải với trạm xe này, Bệ hạ đi từ Sāvatthi đến Sāketa tại cửa nội thành?"

Hiền giả, Vua Pasenadi nước Kosala phải trả lời như thế nào mới gọi là trả lời đúng đắn? Hiền giả, Vua Pasenadi nước Kosala phải trả lời như thế này mới trả lời đúng đắn: "Ở đây, trong khi ta ở Sāvatthi, có công việc khẩn cấp khởi lên ở Sāketa, và bảy trạm xe được sắp đặt cho ta, giữa Sāvatthi và Sāketa. Ta từ cửa nội thành ra khỏi Sāvatthi, leo lên trạm xe thứ nhất, và nhờ trạm xe thứ nhất, ta đến được trạm xe thứ hai; từ bỏ trạm xe thứ nhất, ta leo lên trạm xe thứ hai, và nhờ trạm xe thứ hai, ta đến được trạm xe thứ ba; từ bỏ trạm xe thứ hai... đến được trạm xe thứ tư; từ bỏ trạm xe thứ ba... đến được trạm xe thứ năm; từ bỏ trạm xe thứ tư... đến được trạm xe thứ sáu; từ bỏ trạm xe thứ năm, leo lên trạm xe thứ sáu, nhờ trạm xe thứ sáu, đến được trạm xe thứ bảy; từ bỏ trạm xe thứ sáu, leo lên trạm xe thứ bảy, nhờ trạm xe thứ bảy, ta đến được Sāketa, tại cửa nội thành." Hiền giả, Vua Pasenadi nước Kosala trả lời như vậy mới trả lời một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này Hiền giả, Giới thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Tâm thanh tịnh;[7] Tâm thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được]Kiến thanh tịnh; Kiến thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Đoạn nghi thanh tịnh; Đoạn nghi thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh; Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Đạo tri kiến thanh tịnh; Đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Tri kiến thanh tịnh; Tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Vô thủ trước Bát-niết-bàn. Này Hiền giả, sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn là với mục đích Vô thủ trước Bát-niết-bàn.

260. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta:

– Tôn giả tên là gì? Và các vị đồng Phạm hạnh biết Tôn giả như thế nào?

– Hiền giả, tên tôi là Puṇṇa và các vị đồng Phạm hạnh biết tôi là Mantāṇiputta.

---

[7] Xem *MA*. II. 157.

– Thật hy hữu thay, Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được trả lời từng điểm một bởi một đệ tử nghe nhiều, đã biết rõ giáo lý của bậc Đạo sư, và vị đệ tử ấy là Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta. Thật hạnh phúc thay cho các vị đồng Phạm hạnh! Thật chơn hạnh phúc thay cho các vị đồng Phạm hạnh được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta! Nếu các vị đồng Phạm hạnh đội Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta trên đầu với một cuộn vải làm khăn[8] để được thăm viếng, để được thân cận, thì thật là hạnh phúc cho các vị ấy, thật là chơn hạnh phúc cho các vị ấy! Thật hạnh phúc cho chúng tôi, thật chơn hạnh phúc cho chúng tôi được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta!

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta nói với Tôn giả Sāriputta:

– Tôn giả tên là gì, và các vị đồng Phạm hạnh biết Tôn giả như thế nào?

– Hiền giả, tôi tên là Upatissa, và các vị đồng Phạm hạnh biết tôi là Sāriputta.

– Tôi đang luận bàn với bậc đệ tử được xem là ngang hàng với bậc Đạo sư mà không được biết là Tôn giả Sāriputta. Nếu chúng tôi được biết là Tôn giả Sāriputta, thì chúng tôi đã không nói nhiều như vậy. Thật hy hữu thay, Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được trả lời từng điểm một, bởi một đệ tử nghe nhiều, đã biết rõ giáo lý của bậc Đạo sư. Và vị đệ tử ấy là Tôn giả Sāriputta. Thật hạnh phúc thay cho các vị đồng Phạm hạnh! Thật chơn hạnh phúc thay cho các vị đồng Phạm hạnh được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Sāriputta! Nếu các vị đồng Phạm hạnh đội Tôn giả Sāriputta trên đầu với một cuộn vải làm khăn để được thăm viếng, được thân cận, thì thật là hạnh phúc cho các vị ấy, thật là chơn hạnh phúc cho các vị ấy! Thật hạnh phúc cho chúng tôi, thật chơn hạnh phúc cho chúng tôi được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Sāriputta!

Như vậy, hai bậc cao đức ấy[9] cùng nhau thiện thuyết, cùng nhau tùy hỷ.

---

[8] *MA*. II. 158 lý giải rằng để cho quần chúng thấy được Tôn giả, có thể đặt câu hỏi và nghe Tôn giả thuyết pháp, thay vì đi đó đây hỏi thăm Tôn giả đang ở đâu.

[9] Xem *M*. 5, *Anaṅgaṇa Sutta* (*Kinh Không uế nhiễm*).

25. KINH BẪY MỒI

(*Nivāpa Sutta*)[1]

261. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Chư Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi khi gieo đồ mồi cho đàn nai không nghĩ rằng: "Ta gieo đồ mồi này cho đàn nai ăn để đàn ấy được sống lâu, được tốt đẹp thêm và được nuôi dưỡng lâu dài hơn." Chư Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi khi gieo đồ mồi cho đàn nai nghĩ rằng: "Ta gieo đồ mồi này cho đàn nai, để đàn này xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn. Sau khi xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn, chúng trở thành mê loạn; do mê loạn, chúng trở thành phóng dật; do phóng dật chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này."

262. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đàn nai đầu tiên xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi này do người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Chúng ở đây xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi, nên trở thành mê loạn; do mê loạn, chúng trở thành phóng dật; do phóng dật, chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Chư Tỷ-kheo, như vậy đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực[2] của người thợ săn bẫy mồi.

263. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đàn nai thứ hai suy nghĩ như sau: "Đàn nai đầu tiên này xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi này do người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Chúng ở đây xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi, nên trở thành mê loạn; do mê loạn, chúng trở thành phóng dật; do phóng dật, chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Như vậy, đàn nai đầu tiên không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Vậy chúng ta hãy hoàn toàn từ bỏ các đồ mồi, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú." Rồi đàn nai ấy hoàn toàn từ bỏ các

---

[1] Xem *CNid*. 19:60-66; 23:70-78. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Lạp sư kinh* 獵師經 (*T*.01. 0026.178. 0718b23).

[2] *Iddhānubhāvā*. *MA*. II. 160 giải thích *iddhi* và *ānubhāva* là *vasībhāva* (như ý lực).

đồ mồi, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú. Cuối tháng mùa hạ, cỏ nước khan hiếm, thân hình đàn nai ấy trở thành hết sức gầy yếu. Vì thân hình đàn nai ấy trở thành hết sức gầy yếu, sức lực của chúng bị kiệt quệ. Vì sức lực bị kiệt quệ, đàn nai ấy trở lại các đồ mồi của người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Chúng ở đây xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi. Vì chúng ở đây xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi, nên trở thành mê loạn; do mê loạn, chúng trở thành phóng dật; do phóng dật, chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Như vậy, đàn nai thứ hai không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

264. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đàn nai thứ ba suy nghĩ như sau: "Đàn nai đầu tiên này xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi… (như trên). Như vậy, đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Còn đàn nai thứ hai này suy nghĩ như sau: 'Đàn nai đầu tiên này xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi... (như trên). Như vậy, đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Vậy chúng ta hãy hoàn toàn từ bỏ các món ăn bẫy mồi, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú.' Rồi đàn nai ấy hoàn toàn từ bỏ các món ăn bẫy mồi, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú. Cuối tháng mùa hạ, cỏ nước khan hiếm, thân hình đàn nai ấy trở thành hết sức gầy yếu. Vì thân hình đàn nai ấy trở thành hết sức gầy yếu, sức lực của chúng bị kiệt quệ. Vì sức lực bị kiệt quệ, đàn nai ấy trở lại các đồ mồi do người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Chúng ở đây xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi. Vì chúng ở đây xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi, nên trở thành mê loạn; do mê loạn, chúng trở thành phóng dật; do phóng dật, chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Như vậy, đàn nai thứ hai không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Nay chúng ta hãy làm một chỗ ẩn nấp[3] gần các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Sau khi làm chỗ ẩn nấp xong, không xâm nhập, không tham đắm, chúng ta sẽ ăn các đồ mồi ấy do người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Vì không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, chúng ta sẽ không mê loạn; do không mê loạn, chúng ta sẽ không phóng dật; do không phóng dật, chúng ta sẽ không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi của người thợ săn bẫy mồi." Rồi chúng làm một chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Sau khi làm chỗ ẩn nấp xong, không xâm nhập, không tham đắm, chúng ăn các đồ mồi ấy do người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Vì không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, nên chúng không mê loạn; do không mê loạn, chúng không phóng dật; do không phóng dật, chúng không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi và quyến thuộc người thợ săn bẫy mồi suy nghĩ như sau: "Đàn nai thứ ba này thật tinh khôn, xảo quyệt.

---

[3] Hay có thể hiểu ẩn núp tại một chỗ nào (*āsaya kappa*). *MA*. II. 161 viết đàn nai nghĩ rằng, người thợ săn không phải luôn luôn rình rập; khi người thợ săn nghỉ ngơi, đàn nai có thể ra ăn lúa.

Đàn nai thứ ba này thật có thần lực (*iddhimanta*) và ma quái.[4] Chúng ăn các đồ mồi được gieo ra này, mà chúng ta không được biết đường đi lối về của chúng. Vậy chúng ta hãy bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này, với những cây cột to lớn và những bẫy sập cùng khắp mọi nơi. Rồi chúng ta có thể thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ ba này, chỗ chúng có thể đi để lấy đồ ăn."[5] Rồi họ bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này với những cây cột to lớn và những bẫy sập cùng khắp mọi nơi. Này các Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi và những người quyến thuộc người thợ săn bẫy mồi thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ ba, chỗ chúng đi để lấy đồ ăn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đàn nai thứ ba này không thoát được như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

265. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đàn nai thứ tư suy nghĩ như sau: "Đàn nai đầu tiên này xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi... (như trên). Như vậy, đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Còn đàn nai thứ hai này suy nghĩ như sau: 'Đàn nai đầu tiên này xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi... (như trên). Như vậy, đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Vậy chúng ta hãy... (như trên).' Như vậy, đàn nai thứ hai này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Đàn nai thứ ba suy nghĩ như sau: 'Đàn nai đầu tiên xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi... (như trên). Như vậy, đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Còn đàn nai thứ hai này suy nghĩ như sau: 'Đàn nai đầu tiên này xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi... (như trên). Như vậy, đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Vậy chúng ta hãy... (như trên).' Như vậy, đàn nai thứ hai này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Vậy chúng ta hãy làm một chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Sau khi làm chỗ ẩn nấp xong, không xâm nhập, không tham đắm chúng ta sẽ ăn các đồ mồi ấy do người thợ săn gieo ra. Vì không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, chúng ta sẽ không mê loạn; do không mê loạn, chúng ta sẽ không phóng dật; do không phóng dật, chúng ta sẽ không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa những đồ mồi của người thợ săn bẫy mồi." Rồi chúng làm một chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Sau khi làm chỗ ẩn nấp xong, không xâm nhập, không tham đắm chúng ăn các đồ mồi ấy do người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Vì không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, chúng không mê loạn; do không mê loạn, chúng không phóng dật; do không phóng dật, chúng không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa những đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Ở đây, người thợ săn bẫy mồi và những quyến thuộc của người ấy suy nghĩ như sau:

---

[4] *Parajanā*: "Chúng là *Yakkha*, không phải đàn nai." Xem *MA*. II. 161.

[5] *MA*. II. 161 giải thích người đặt bẫy mồi nghĩ rằng, đàn nai không đi xa, chỉ ẩn núp gần ruộng lúa. Trong câu *yattha te gāhaṃ gaccheyyuṃ*, chữ *gāha* có thể chỉ cho chỗ giữa các cây cọc. Khi đàn nai tới, làm đụng cây cọc, nhờ đó các thợ săn biết.

"Đàn nai thứ ba này thật tinh khôn, xảo quyệt. Đàn nai thứ ba này thật có thần lực và ma quái. Chúng ăn các đồ mồi được gieo ra mà chúng ta không được biết đường đi lối về của chúng. Vậy chúng ta hãy bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này với những cây cột to lớn và những bẫy sập cùng khắp mọi nơi. Rồi chúng ta có thể thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ ba này, chỗ chúng có thể đi để lấy đồ ăn." Rồi họ bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này với những cây cột to lớn và những bẫy sập cùng khắp mọi nơi. Người thợ săn bẫy mồi và những quyến thuộc của người ấy thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ ba, chỗ chúng đi để lấy đồ ăn. Như vậy, đàn nai thứ ba ấy đã không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Vậy chúng ta hãy làm một chỗ ẩn nấp, tại một nơi mà người thợ săn bẫy mồi và những quyến thuộc của người ấy không thể đến được. Làm chỗ ẩn nấp tại đó xong, không xâm nhập, không tham đắm, chúng ta sẽ ăn các đồ mồi do người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Vì không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, chúng ta sẽ không mê loạn; do không mê loạn, chúng ta sẽ không phóng dật; do không phóng dật, chúng ta sẽ không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi của người thợ săn bẫy mồi." Rồi đàn nai thứ tư làm một chỗ ẩn nấp tại một nơi mà người thợ săn bẫy mồi và những quyến thuộc của người ấy không thể đến được. Làm chỗ ẩn nấp tại đó xong, không xâm nhập, không tham đắm, chúng ăn các đồ mồi do người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Vì không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, chúng không trở thành mê loạn; do không mê loạn, chúng không trở thành phóng dật; do không phóng dật, chúng không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi của người thợ săn bẫy mồi.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi và những quyến thuộc của người ấy suy nghĩ như sau: "Đàn nai thứ tư này thật tinh khôn, xảo quyệt. Đàn nai thứ tư này thật có thần lực và ma quái. Và chúng ăn các đồ mồi được gieo ra mà chúng ta không biết được đường đi lối về của chúng. Vậy chúng ta hãy bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này với những cây cột to lớn và những bẫy sập cùng khắp mọi nơi. Rồi chúng ta có thể thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ tư này, chỗ chúng có thể đi để lấy đồ ăn." Rồi họ bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này với những cây cột to lớn và những bẫy sập cùng khắp mọi nơi. Nhưng này các Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi và những quyến thuộc của người ấy đã không thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ tư này, chỗ chúng có thể đi để lấy đồ ăn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thợ săn và những quyến thuộc của người ấy lại suy nghĩ như sau: "Nếu chúng ta đánh phá đàn nai thứ tư này, chúng bị đánh phá sẽ đánh phá các đàn nai khác; các đàn nai khác bị đánh phá sẽ đánh phá các đàn nai khác nữa. Như vậy, toàn thể đàn nai sẽ từ bỏ các đồ mồi được gieo này. Vậy chúng ta chớ có can thiệp vào đàn nai thứ tư." Này các Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi và những quyến thuộc của người ấy không can thiệp vào đàn nai thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đàn nai thứ tư đã thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

266. Này các Tỷ-kheo, tỷ dụ này được Ta dùng để giải thích ý nghĩa. Và ý nghĩa ở đây là như sau: Chư Tỷ-kheo, đồ mồi đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng. Chư Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi đồng nghĩa với Ác ma. Chư Tỷ-kheo, các quyến thuộc của người thợ săn bẫy mồi đồng nghĩa với quyến thuộc của Ác ma. Chư Tỷ-kheo, các đàn nai đồng nghĩa với các Sa-môn, Bà-la-môn.

267. Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian. Ở đây, họ xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn, nên trở thành mê loạn; vì mê loạn, họ trở thành phóng dật; vì phóng dật, họ trở thành những người bị làm theo ý Ác ma muốn giữa các đồ mồi này và giữa các vật dụng thế gian. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này không thoát được như ý lực của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, Ta nói hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này giống như đàn nai đầu tiên trong thí dụ.

268. Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai suy nghĩ như sau: "Hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này đã xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra, và các vật dụng thế gian. Ở đây, họ xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn, nên trở thành mê loạn; vì mê loạn, họ trở thành phóng dật; vì phóng dật, họ trở thành những người bị làm theo ý Ác ma muốn giữa các đồ mồi này và giữa các vật dụng thế gian. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này đã không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Vậy, chúng ta hãy hoàn toàn từ bỏ các đồ mồi và các vật dụng thế gian, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú." Họ hoàn toàn từ bỏ các đồ mồi, các vật dụng thế gian, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú. Ở đây, họ trở thành những người[6] ăn rau cải, những người ăn lúa tắc, những người ăn gạo lứt, những người ăn gạo daddula, những người ăn bèo cái, những người ăn cám, những người ăn nước váng nước cơm, những người ăn hột vừng, những người ăn cỏ, những người ăn phân bò; những người ăn trái cây và ăn rễ cây trong rừng, những người ăn trái cây rụng để sống.

Cuối tháng mùa hạ, cỏ nước trở thành khan hiếm, thân hình của hạng Sa-môn, Bà-la-môn ấy trở thành hết sức gầy yếu. Vì thân hình hạng Sa-môn, Bà-la-môn ấy trở thành hết sức gầy yếu, nên sức lực tinh tấn của họ bị kiệt quệ. Vì sức lực tinh tấn bị kiệt quệ, nên tâm giải thoát bị kiệt quệ. Vì tâm giải thoát bị kiệt quệ, họ trở lui lại các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian. Ở đây, họ xâm nhập tham đắm ăn các món ăn. Do ở đây xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn, họ trở thành mê loạn; do mê loạn họ trở thành phóng dật; do phóng dật, họ trở thành những người bị làm theo ý Ác ma muốn giữa các đồ mồi này và giữa các vật dụng thế gian. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai này đã không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai này giống như đàn nai thứ hai trong ví dụ này.

[6] *M.* I. 78; *D.* I. 166.

269. Này các Tỷ-kheo, ở đây hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba suy nghĩ như sau: "Hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi được Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian... (như trên). Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này đã không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai suy nghĩ như sau: 'Hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra, và các vật dụng thế gian... (như trên). Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này đã không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Vậy chúng ta hãy hoàn toàn từ bỏ các đồ mồi... (như trên)... chúng ta từ bỏ hoàn toàn các đồ mồi... (như trên).' Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai này cũng không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Vậy chúng ta hãy làm một chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian. Ở đây, sau khi làm một chỗ ẩn nấp xong, không xâm nhập, không tham đắm, chúng ta sẽ ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian. Do không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, chúng ta sẽ không trở thành mê loạn; do không mê loạn, chúng ta sẽ không trở thành phóng dật; do không phóng dật, chúng ta sẽ không trở thành những người bị làm theo Ác ma muốn, giữa các đồ mồi và các vật dụng thế gian." Hạng Sa-môn, Bà-la-môn này làm chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian. Sau khi làm chỗ ẩn nấp ở đây xong, họ không xâm nhập, không tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian. Không xâm nhập, không tham đắm, họ ăn các đồ mồi nên không trở thành mê loạn; do không mê loạn, họ không trở thành phóng dật; do không phóng dật, họ không trở thành những người bị làm theo Ác ma muốn giữa các đồ mồi và các vật dụng thế gian. Nhưng rồi họ có những tà kiến như sau: "Thế giới là thường còn hay thế giới là không thường còn; thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên; mạng sống và thân thể là một hay mạng sống và thân thể là khác; Như Lai sau khi chết có tồn tại hay Như Lai sau khi chết không tồn tại; Như Lai sau khi chết có tồn tại và không tồn tại hay Như Lai sau khi chết không tồn tại và không không tồn tại." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba này đã không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba này giống như đàn nai thứ ba trong ví dụ này.

270. Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư suy nghĩ như sau: "Hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi của Ác ma và các vật dụng thế gian... (như trên). Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn này không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai suy nghĩ như sau: 'Hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất... (như trên). Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất không thoát được như ý lực của Ác ma. Vậy chúng ta hãy từ bỏ hoàn toàn các món ăn bẫy mồi... (như trên).' Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba suy nghĩ như sau: '... (như trên).' Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Vậy chúng ta hãy làm chỗ ẩn nấp tại một nơi mà Ác ma và Ác ma quyến thuộc không thể

đến được. Làm chỗ ẩn nấp ở đấy xong, chúng ta sẽ không xâm nhập, không tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian. Không xâm nhập, không tham đắm ăn các đồ ăn nên chúng ta không trở thành mê loạn; do không mê loạn, chúng ta không trở thành phóng dật; do không phóng dật, chúng ta không trở thành những người bị làm theo Ác ma muốn, giữa các đồ mồi và các vật dụng thế gian." Rồi họ làm chỗ ẩn nấp tại một nơi mà Ác ma và Ác ma quyến thuộc không thể đến được. Làm chỗ ẩn nấp ở đấy xong, họ không xâm nhập, không tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian. Không xâm nhập, không tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian, nên họ không trở thành mê loạn; do không mê loạn, họ không trở thành phóng dật; do không phóng dật, họ không trở thành những người bị làm theo Ác ma muốn giữa các đồ mồi và các vật dụng thế gian. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư đã thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, Ta nói hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư này giống như đàn nai thứ tư trong ví dụ này.

271. Này các Tỷ-kheo, sao gọi là Ác ma và Ác ma quyến thuộc không thể đến được? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Tỷ-kheo làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Như vậy gọi là Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng. Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có một vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định, sau khi thấy (mọi vật) với trí tuệ, các lậu hoặc được

diệt trừ. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là vị Tỷ-kheo làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. Vị ấy đã vượt khỏi tham trước ở đời.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

26. KINH THÁNH CẦU

(*Ariyapariyesanā Sutta*)[1]

272. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Sāvatthi để khất thực. Có một số đông Tỷ-kheo đến chỗ Tôn giả Ānanda ở; sau khi đến, nói với Tôn giả Ānanda:

– Hiền giả, đã lâu chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Lành thay, Hiền giả Ānanda, nếu chúng tôi được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp!

– Các Tôn giả hãy đến chỗ Bà-la-môn Rammaka ở, và các Tôn giả sẽ được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda. Rồi Thế Tôn, khất thực ở Sāvatthi xong, sau buổi ăn, trên đường trở về, gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Pubbārāma (Đông Viên), ngôi lầu của Migāramātu (Lộc Mẫu giảng đường) để nghỉ trưa.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ānanda đi đến Pubbārāma, ngôi lầu của Migāramātu để nghỉ trưa. Thế Tôn vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Pubbakoṭṭhaka để rửa tay, rửa chân.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn.

273. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ānanda đi đến Pubbakoṭṭhaka để rửa tay, rửa chân. Sau khi rửa tay, rửa chân ở Pubbakoṭṭhaka xong, Thế Tôn leo đứng trên bờ, đắp một tấm y, phơi tay chân cho khô. Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

---

[1] Xem *M*. I. 16, 118, 237; II. 91, 209; *D*. II. 1; *S*. I. 298, 501; *A*. II. 247; *Dh*. 94; *It*. 31; *Miln*. 235; *Vin*. I. 1; *Kvu*. 286. *Kinh Ariyapariyesanā* còn được gọi là *Kinh Pāsarāsi* trong bản *Chú giải*. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *La-ma kinh* 羅摩經 (*T*.01. 0026.204. 0775c07). Tham chiếu: *Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T*.01. 0026.101. 0588a03); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.1. 0593a24); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.5. 0618a27); *Bổn sự kinh* 本事經 (*T*.17. 0765.4. 0679b23); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da*: *Phá Tăng sự* 根本說一切有部毘奈耶:破僧事 (*T*.24. 1450.5. 0125c29).

– Bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka không xa; bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka là khả ái; bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka là khả lạc; bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn vì lòng từ bi đi đến tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka. Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo đang hội họp tại tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka để thuyết pháp. Thế Tôn đứng chờ ngoài cửa cho đến khi thuyết pháp xong. Thế Tôn biết cuộc thuyết pháp đã xong, liền đằng hắng và gõ vào thanh cửa. Các Tỷ-kheo ấy mở cửa cho Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bước vào tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka và ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các người nay hội họp bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các người bị gián đoạn?

– Bạch Thế Tôn, câu chuyện giữa chúng con thuộc về Thế Tôn và câu chuyện ấy bị gián đoạn khi Thế Tôn đến.

– Này các Tỷ-kheo, lành thay khi thiện nam tử các người, vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cùng nhau hội họp để luận bàn đạo pháp. Này các Tỷ-kheo, khi các người hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: Luận bàn đạo pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.[2]

274. Này các Tỷ-kheo, có hai sự tầm cầu này: Thánh cầu và phi Thánh cầu. Chư Tỷ-kheo, và thế nào là phi Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị sanh? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị sanh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sanh; dê và cừu là bị sanh; gà và heo là bị sanh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sanh; vàng và bạc là bị sanh. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy bị sanh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh. Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị già? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị già; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị già; dê và cừu là bị già; gà và heo là bị già; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị già; vàng và bạc là bị già. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị già, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già. Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị bệnh? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị bệnh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị bệnh; dê và cừu là bị bệnh; gà và heo là bị bệnh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị bệnh.[3] Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị bệnh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh. Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị chết? Này các Tỷ-kheo, vợ con là

[2] *MA*. II. 169: Ở đây, sự im lặng của bậc Thánh ở Thiền thứ hai.

[3] *MA*. II. 170 nêu rõ vàng và bạc không thể bị hoen ố, hư hoại, nhưng sắt, v.v… có thể bị rỉ sét, hư hoại và trải qua thời gian bị bụi bám, nhơ bẩn.

bị chết; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị chết; dê và cừu là bị chết; gà và heo là bị chết; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị chết. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị chết, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết. Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị sầu? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị sầu; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sầu; dê và cừu là bị sầu; gà và heo là bị sầu; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sầu. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị sầu, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu. Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị ô nhiễm? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị ô nhiễm; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị ô nhiễm; dê và cừu là bị ô nhiễm; gà và heo là bị ô nhiễm; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị ô nhiễm; vàng và bạc là bị ô nhiễm. Và này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị ô nhiễm, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là phi Thánh cầu.

275. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, tìm cầu cái vô sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái bất tử... tự mình bị sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Thánh cầu.

276. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng vậy, trước khi giác ngộ, khi chưa chứng Chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Tại sao Ta tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già... (như trên)... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm? Vậy Ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, hãy tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già... cái không già... tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái bất tử... tự mình bị sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị nhiễm, hãy tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn.

277. Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian,[4] khi Ta còn trẻ, niên thiếu, tóc đen nhánh, đầy đủ huyết khí của tuổi thanh xuân, trong thời vàng son cuộc đời, mặc dầu cha mẹ không bằng lòng, nước mắt đầy mặt, than khóc, Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta xuất gia như vậy, một người đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đến chỗ Āḷāra Kālāma ở, khi đến xong liền thưa với Āḷāra Kālāma: "Hiền

[4] Xem *M.* I. 240; II. 93, 212.

giả Kālāma, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này." Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Āḷāra Kālāma nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống [và an trú]. Pháp này là như vậy, khiến kẻ có trí, không bao lâu như vị Bổn sư của mình [chỉ dạy], tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú." Này các Tỷ-kheo, và không bao lâu Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này các Tỷ-kheo, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí[5] và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng tọa),[6] và Ta tự cho rằng Ta như kẻ khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Āḷāra Kālāma tuyên bố pháp này không phải chỉ vì lòng tin: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta mới an trú.' Chắc chắn Āḷāra Kālāma biết pháp này, thấy pháp này rồi mới an trú." Này các Tỷ-kheo, rồi Ta đi đến chỗ Āḷāra Kālāma ở; sau khi đến, Ta nói với Āḷāra Kālāma: "Hiền giả Kālāma, cho đến mức độ nào, ngài tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố pháp này?" Này các Tỷ-kheo, được nói vậy, Āḷāra Kālāma tuyên bố về Vô sở hữu xứ. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Āḷāra Kālāma tuyên bố: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú.'" Rồi này các Tỷ-kheo, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta đi đến chỗ Āḷāra Kālāma ở; sau khi đến, Ta nói với Āḷāra Kālāma: "Này Hiền giả Kālāma, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

– Vâng, Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy.

– Này Hiền giả, tôi cũng tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy.

– Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng Phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!

Như vậy này các Tỷ-kheo, Āḷāra Kālāma là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy, ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng.

---

[5] *Ñāṇavāda*. Tham khảo: *D*. III. 13; *A*. V. 42ff. *MA*. II. 171 viết *Jānāmīti vādaṃ*, nghĩa là học thuyết mà "Tôi biết."

[6] Theravāda. *MA*. II. 171 viết *thirabhāvavādaṃ*; *thero ahametthāti etaṃ vacanaṃ*, một vị có đạo lực.

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô sở hữu xứ." Như vậy này các Tỷ-kheo, Ta không tôn kính pháp này, và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

278. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta, khi đến xong Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Hiền giả, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này." Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Uddaka Rāmaputta nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống [và an trú]. Pháp này là như vậy, khiến người có trí không bao lâu như vị Bổn sư của mình [chỉ dạy], tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú." Này các Tỷ-kheo, Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này các Tỷ-kheo, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí, và giáo lý của bậc Trưởng lão, và Ta tự cho rằng: Ta như người khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Rāma tuyên bố pháp này không phải vì lòng tin: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta mới an trú.' Chắc chắn Rāma thấy pháp này, biết pháp này, rồi mới an trú." Này các Tỷ-kheo, rồi Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta ở; sau khi đến, Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Hiền giả Rāma, cho đến mức độ nào, ngài tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này?" Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Uddaka Rāmaputta tuyên bố về Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Rāma mới có lòng tin. Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Rāma mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Rāma mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Rāma mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Rāma mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Rāma tuyên bố: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú.'" Rồi này các Tỷ-kheo, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta ở; sau khi đến, Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Này Hiền giả Rāma, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

– Vâng Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?

– Này Hiền giả, tôi cũng đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy.

– Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng Phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như

vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Uddaka Rāmaputta là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy, ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tôn kính pháp ấy và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

279. Này các Tỷ-kheo, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ, tuần tự du hành tại nước Magadha (Ma-kiệt-đà) và đến tại tụ lạc Uruvelā (Ưu-lâu-tần-loa). Tại đây, Ta thấy một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng[7] chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự nghĩ: "Thật là một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Thật là một chỗ vừa đủ cho một thiện nam tử tha thiết tinh cần có thể tinh tấn." Và này các Tỷ-kheo, Ta ngồi xuống tại chỗ ấy và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn."

280. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị bệnh, tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị chết, tìm cầu cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị sầu, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sầu, tìm cầu cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Tri và kiến khởi lên nơi Ta. Sự giải thoát của Ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa.

281. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận,

---

[7] Nerañjarā: Sông Ni-liên-thiền.

vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý Y tánh duyên khởi pháp (*Idappaccayatā Paṭiccasamuppāda*); sự kiện này thật khó thấy, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự trừ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta, như vậy thật bực mình cho Ta!" Này các Tỷ-kheo, rồi những kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta:

Sao Ta nói Chánh pháp,
Được chứng ngộ khó khăn?
Những ai còn tham sân,
Khó chứng ngộ pháp này.
Đi ngược dòng, thâm diệu,
Khó thấy, thật tế nhị,
Kẻ ái nhiễm vô minh,
Không thấy được pháp này.

282. Rồi này các Tỷ-kheo, với những suy tư như vậy, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ Phạm thiên Sahampati khi biết được tâm tư của Ta; với tâm tư của mình, liền suy nghĩ: "Than ôi, thế giới sẽ tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp." Rồi này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co, hay co cánh tay đang duỗi; cũng vậy, vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên, và hiện ra trước mặt Ta. Này các Tỷ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y một bên vai, chắp tay hướng vái Ta và bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. [Nếu được nghe], những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp." Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói vậy, lại nói thêm như sau:

Xưa tại Magadha,
Hiện ra pháp bất tịnh.
Pháp do tâm cấu uế,
Do suy tư tác thành.
Hãy mở tung mở rộng,
Cánh cửa bất tử này.
Hãy để họ nghe pháp,
Bậc Thanh Tịnh Chứng Ngộ.
Như đứng trên tảng đá,
Trên đỉnh núi [tột cao],
Có người đứng nhìn xuống,
Đám chúng sanh quây quần.

Cũng vậy, ôi Thiện Thệ!
Bậc Biến Nhãn Cùng Khắp,
Leo lên ngôi lâu đài,
Xây dựng bằng Chánh pháp,
Bậc Thoát Ly Sầu Muộn,
Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị sầu khổ áp bức,
Bị sanh già chi phối.
Đứng lên vị Anh Hùng,
Bậc Chiến Thắng Chiến Trường.
Vị Trưởng Đoàn Lữ Khách,
Bậc Thoát Ly Nợ Nần.
Hãy đi khắp thế giới,
Bậc Thế Tôn Chánh Giác!
Hãy thuyết Vi diệu pháp,
Người nghe sẽ thâm hiểu.

283. Này các Tỷ-kheo, sau khi biết được lời Phạm thiên yêu cầu, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, với Phật nhãn, Ta nhìn quanh thế giới. Này các Tỷ-kheo, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm trong lỗi lầm phải tái sanh thế giới khác, một số ít không thấy sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm. Như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng hay hồ sen trắng có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước đẫm ướt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm trong lỗi lầm phải tái sanh thế giới khác, một số ít không thấy sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm. Và này các Tỷ-kheo, Ta nói lên bài kệ sau đây với Phạm thiên Sahampati:

Cửa bất tử rộng mở,
Cho những ai chịu nghe.
Hãy từ bỏ tín tâm,
Không chính xác của mình.
Tự nghĩ đến phiền toái,
Ta đã không muốn giảng,
Tối thượng Vi diệu pháp,
Giữa chúng sanh loài người.

Này các Tỷ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati tự nghĩ: "Ta đã tạo cơ hội cho Thế Tôn thuyết pháp", đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng [về Ta] rồi biến mất tại chỗ.

284. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự suy nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự nghĩ: "Nay có Āḷāra Kālāma là bậc trí thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời. Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho Āḷāra Kālāma, vị này sẽ mau hiểu Chánh pháp này." Này các Tỷ-kheo, rồi chư thiên đến Ta và nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Āḷāra Kālāma đã mệnh chung bảy ngày rồi." Rồi tri kiến khởi lên nơi Ta: "Āḷāra Kālāma đã mệnh chung bảy ngày rồi." Này các Tỷ-kheo, Ta nghĩ: "Thật là một thiệt hại lớn[8] cho Āḷāra Kālāma. Nếu nghe pháp này, Āḷāra Kālāma sẽ mau thâm hiểu." Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nay có Uddaka Rāmaputta là bậc trí thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời. Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho Uddaka Rāmaputta, vị này sẽ mau hiểu Chánh pháp này." Rồi chư thiên đến Ta và nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Uddaka Rāmaputta đã mệnh chung ngày hôm qua." Rồi tri kiến khởi lên nơi Ta: "Uddaka Rāmaputta đã mệnh chung hôm qua." Này các Tỷ-kheo, Ta nghĩ: "Thật là một thiệt hại lớn cho Uddaka Rāmaputta. Nếu nghe pháp này, Uddaka Rāmaputta sẽ mau thâm hiểu." Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nhóm năm Tỷ-kheo này đã hầu hạ Ta khi Ta còn nỗ lực tinh cần, nhóm ấy thật giúp ích nhiều. Vậy Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho nhóm năm Tỷ-kheo!" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nay nhóm năm Tỷ-kheo ở tại đâu?" Này các Tỷ-kheo, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy nhóm năm Tỷ-kheo hiện ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana, Lộc Uyển. Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi ở tại Uruvelā lâu cho đến khi mãn ý, Ta lên đường đi đến Bārāṇasī.

285. Này các Tỷ-kheo, một tà mạng ngoại đạo (*ājīvaka*) tên là Upaka đã thấy Ta khi Ta còn đi trên con đường giữa Gayā và cây Bồ-đề.

Sau khi thấy, vị ấy nói với Ta:

– Các căn của Hiền giả thật sáng suốt. Da sắc của Hiền giả thật thanh tịnh, thật thanh khiết. Này Hiền giả, vì mục đích gì, Hiền giả xuất gia? Ai là bậc Đạo sư của Hiền giả? Hiền giả hoan hỷ thọ trì pháp của ai?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với tà mạng ngoại đạo Upaka bài kệ như sau:

> – Ta, bậc Thắng Tất Cả,
> Ta, bậc Nhứt Thiết Trí,

[8] *Mahājāni*. Ngài Buddhadatta viết *jāni* là *hāri*, sự thiệt hại.

Hết thảy pháp không nhiễm,
Hết thảy pháp xả ly.
Ta sống chân giải thoát,
Đoạn tận mọi khát ái,
Như vậy Ta tự giác,
Còn phải y chỉ ai?
Ta không có Đạo sư,
Bậc như Ta không có,
Giữa thế giới nhơn, thiên,
Không có ai bằng Ta.
Bậc Ứng Cúng Trên Đời,
Bậc Đạo Sư Vô Thượng,
Tự mình Chánh đẳng giác,
Ta an tịnh, thanh thoát.
Để chuyển bánh xe pháp,
Ta đến thành Kāsi,
Gióng lên trống bất tử,
Trong thế giới mù lòa.

– Như Hiền giả đã tự xưng, Hiền giả xứng đáng là bậc Chiến Thắng Vô Tận.

– Như Ta, bậc Thắng Giả,
Những ai chứng lậu tận,
Ác pháp Ta nhiếp phục,
Do vậy, Ta vô địch.

Này các Tỷ-kheo, sau khi được nghe nói vậy, tà mạng ngoại đạo Upaka nói với Ta: "Này Hiền giả, mong rằng sự việc là vậy." Nói xong, Upaka lắc đầu rồi đi theo một ngả khác.

286. – Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tuần tự đi đến Bārāṇasī, Isipatana, Lộc Uyển, đi đến chỗ nhóm năm Tỷ-kheo ở. Này các Tỷ-kheo, nhóm năm Tỷ-kheo khi thấy Ta từ xa đi đến, đã cùng nhau thỏa thuận như sau: "Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đang đi đến; vị này sống trong sự sung túc, đã từ bỏ tinh cần, đã trở lui đời sống đầy đủ vật chất. Chúng ta chớ có đảnh lễ, chớ có đứng dậy, chớ có lấy y bát. Hãy đặt một chỗ ngồi, và nếu vị ấy muốn, vị ấy sẽ ngồi." Này các Tỷ-kheo, nhưng khi Ta đi đến gần, năm Tỷ-kheo ấy không thể giữ đúng điều đã thỏa thuận với nhau. Có người đến đón Ta và cầm lấy y bát, có người sắp đặt chỗ ngồi, có người đem nước rửa chân đến. Nhưng các vị ấy gọi Ta bằng tên với danh từ Hiền giả (*Āvuso*). Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chớ có gọi Ta bằng tên và dùng danh từ Hiền giả. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Hãy lóng tai, pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến

giáo, các ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại, mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

– Hiền giả Gotama, với nếp sống này, với đạo tu này, với khổ hạnh này, Hiền giả đã không chứng được pháp Siêu nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, thì nay làm sao Hiền giả, với nếp sống sung túc, với sự từ bỏ tinh cần, với sự trở lui đời sống vật chất đầy đủ, lại có thể chứng được pháp Siêu nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc, không từ bỏ tinh cần, không trở lui đời sống vật chất đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, hãy lóng tai, pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ hai, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

– Hiền giả Gotama, với nếp sống này... (như trên)... tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ hai, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc... (như trên)... các ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ ba, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

– Hiền giả Gotama, với nếp sống này... (như trên)... tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, từ trước đến nay, các ông có chấp nhận là Ta chưa bao giờ nói như vậy (*vabbhācita*) chăng?

– Bạch Thế Tôn, chưa bao giờ như vậy.

– Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Hãy lóng tai, pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt được ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã làm cho nhóm năm Tỷ-kheo chấp nhận. Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết giảng cho hai Tỷ-kheo. Ba Tỷ-kheo kia đi khất thực. Đồ ăn

mà ba Tỷ-kheo này khất thực mang về, đủ nuôi sống cho nhóm sáu người.[9] Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết giảng cho ba Tỷ-kheo. Hai Tỷ-kheo kia đi khất thực. Đồ ăn mà hai Tỷ-kheo này khất thực mang về, đủ nuôi sống cho nhóm sáu người.[10] Này các Tỷ-kheo, chúng năm Tỷ-kheo, sau khi được Ta thuyết giảng, sau khi được Ta khuyến giáo, tự mình bị sanh, sau khi biết được sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn, thoát khỏi các [khổ] ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn, thoát khỏi các [khổ] ách, Niết-bàn; tự mình bị già... cái không già... tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái không chết... tự mình bị sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết được sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, thoát khỏi các [khổ] ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, thoát khỏi các [khổ] ách, Niết-bàn. Tri và kiến khởi lên nơi họ: "Sự giải thoát của chúng ta không bị dao động, đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa."

287. Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng.[11] Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, như vậy là năm dục trưởng dưỡng. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc, bị tham đắm, bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, mà thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn." Này các Tỷ-kheo, như một con nai sống trong rừng bị sập bẫy nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như ý muốn." Khi người thợ săn đến, con nai không thể bỏ đi như nó muốn. Này các Tỷ-kheo, cũng vậy, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc... (như trên)... đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm, không bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các người không rơi vào bất hạnh, không rơi vào tai họa, không bị Ác ma sử dụng như ý muốn." Này các Tỷ-kheo, như một con nai sống trong rừng, không bị sập bẫy phải nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị người thợ săn sử dụng như ý muốn." Khi người thợ săn đến, con nai có thể bỏ đi như nó muốn. Này các Tỷ-kheo, cũng vậy, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc... không bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

---

[9] Gotama và nhóm 5 vị Tỷ-kheo.

[10] Theo *MA*. II. 193, đây là một phần của phi Thánh cầu.

[11] Bốn loại nai ở đây cũng được nói trong *M*. 25, *Nivāpa Sutta* (*Kinh Bẫy mồi*), xem *M*. I. 159.

Chư Tỷ-kheo, ví như con nai sống trong rừng, đi qua đi lại trong rừng, an tâm nó đi, an tâm nó đứng, an tâm nó ngồi, an tâm nó nằm. Tại sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nó vượt khỏi tầm tay của người thợ săn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là: Một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy bằng trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma. Vị ấy đã vượt khỏi mọi triền phược ở đời. An tâm vị ấy đi, an tâm vị ấy đứng, an tâm vị ấy ngồi, an tâm vị ấy nằm. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì vị ấy vượt khỏi tầm tay của Ác ma.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời của Thế Tôn dạy.

27. TIỂU KINH DỤ DẤU CHÂN VOI

(*Cūḷahatthipadopama Sutta*)[1]

288. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Jāṇussoṇi, với một cỗ xe toàn trắng do ngựa cái kéo, vào buổi sáng sớm, ra khỏi thành Sāvatthi. Bà-la-môn Jāṇussoṇi thấy du sĩ Pilotika từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với du sĩ Pilotika:

– Tôn giả Vacchāyana[2] đi từ đâu về sớm như vậy?

– Tôn giả, tôi từ Sa-môn Gotama đến đây.

– Tôn giả Vacchāyana nghĩ thế nào? Sa-môn Gotama có sự sáng suốt trí tuệ[3] không? Tôn giả có xem Sa-môn Gotama là bậc Có Trí không?

– Tôn giả, tôi là ai mà có thể biết Sa-môn Gotama có sáng suốt trí tuệ? Chỉ có người như Sa-môn Gotama mới có thể biết Sa-môn Gotama có sáng suốt trí tuệ.

– Tôn giả Vacchāyana thật sự tán thán Sa-môn Gotama với lời tán thán tối thượng.

– Này Tôn giả, tôi là ai mà có thể tán thán Sa-môn Gotama, bậc Tối Thượng được tán thán trong các bậc được tán thán, bậc Tối Thượng giữa chư thiên và loài người?

– Nhưng Tôn giả Vacchāyana thấy được lý do gì ở Sa-môn Gotama mà Tôn giả có lòng tin tưởng như vậy?

– Này Tôn giả, như một người săn voi thiện xảo vào một khu rừng có voi ở, và thấy một dấu chân voi lớn, dài bề dài và rộng bề ngang. Người đó đi đến kết luận: "Con voi này là con voi lớn." Cũng vậy, này Tôn giả, tôi đã thấy bốn dấu chân của Sa-môn Gotama và đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, và Tăng chúng khéo hành trì."

---

[1] Xem *M*. I. 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 14, 157; III. 1, 29; *D*. I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 214, 224, 235; *S*. IV. 103, 110, 177; *A*. I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tượng tích dụ kinh* 象跡喻經 (*T*.01. 0026.146. 0656a14). Theo *Mhvs*. XIV. 22, kinh này được Đại đức Mahinda thuyết giảng lần đầu tiên cho Vua Devānaṃpiyatissa khi Đại đức tới Tích Lan.

[2] Tên của dòng họ. *MA*. II. 195.

[3] *Paññāveyyattiya*. *M*. I. 82.

289. Thế nào là bốn? Tôi thấy ở đây có một số Sát-đế-ly bác học, tế nhị,[4] nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc. Những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama sẽ đến thăm ngôi làng này hay thị trấn này." Họ sắp đặt câu hỏi: "Chúng ta sau khi đến, sẽ hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế này, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế này. Khi chúng ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế kia, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế kia." Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama đã đến thăm ngôi làng này hay thị trấn này." Những vị này đến chỗ Sa-môn Gotama ở. Sa-môn Gotama với pháp thoại, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị này. Được Sa-môn Gotama với pháp thoại khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, họ không hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi [đã định trước], huống nữa là chất vấn. Trái lại, họ trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Này Tôn giả, khi tôi thấy dấu chân thứ nhất này của Sa-môn Gotama, tôi đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, và Tăng chúng khéo hành trì."

Này Tôn giả, lại nữa, tôi thấy ở đây có một số Bà-la-môn bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc. Những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe... (như trên)... trái lại, họ trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Này Tôn giả, khi tôi thấy dấu chân thứ hai này của Sa-môn Gotama, tôi đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, và Tăng chúng khéo hành trì."

Này Tôn giả, lại nữa, tôi thấy ở đây có một số gia chủ bác học... (như trên)... có một số Sa-môn bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc. Những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama sẽ đến thăm ngôi làng này hay thị trấn này." Họ sắp đặt câu hỏi: "Chúng ta sau khi đến, sẽ hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế này, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế kia, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế kia." Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama đã đến ngôi làng này hay thị trấn này." Những vị này đến chỗ Sa-môn Gotama ở. Sa-môn Gotama với pháp thoại khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị này. Được Sa-môn Gotama với pháp thoại khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, họ không hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi [đã định sẵn], huống nữa là chất vấn. Trái lại, họ xin phép Sa-môn Gotama được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sa-môn Gotama cho họ được xuất gia. Được xuất gia như vậy, một số các vị ấy sống một mình, không phóng dật, nỗ lực, tinh cần, và không bao lâu tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú ngay trong hiện tại, mục đích tối thượng của Phạm hạnh mà

[4] *M.* II. 722; *D.* I. 26, 162.

những thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Họ nói như sau: "Thật sự chúng ta gần hoại vong. Thật sự chúng ta gần hoại diệt. Xưa kia chúng ta không phải là Sa-môn lại tự xem là Sa-môn; không phải là Bà-la-môn, lại tự xem là Bà-la-môn; không phải là bậc A-la-hán, lại tự xem là bậc A-la-hán. Nay chúng ta mới thật là Sa-môn! Nay chúng ta mới thật là Bà-la-môn! Nay chúng ta mới thật là A-la-hán!" Khi tôi thấy dấu chân thứ tư của Sa-môn Gotama, tôi đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, và Tăng chúng khéo hành trì."

290. Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Jāṇussoṇi, từ cỗ xe toàn trắng do ngựa cái kéo, bước xuống, đắp thượng y lên một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn vái lạy, và thốt ra ba lần cảm hứng ngữ sau đây: "Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Rất có thể, chúng ta sẽ gặp Tôn giả Gotama tại một thời nào, một chỗ nào. Rất có thể, sẽ có một cuộc đàm luận." Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi đem tất cả câu chuyện của du sĩ Pilotika thuật lại với Thế Tôn. Sau khi nghe vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Jāṇussoṇi:

– Này Bà-la-môn, ví dụ dấu chân voi như vậy chưa được đầy đủ một cách rộng rãi. Này Bà-la-môn, với tầm mức như thế nào ví dụ dấu chân voi được đầy đủ một cách rộng rãi, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Jāṇussoṇi vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

291. – Này Bà-la-môn, ví như một người săn voi vào một khu rừng có voi ở. Người đó thấy một dấu chân voi lớn trong rừng voi, dài bề dài và rộng bề ngang. Nếu người đó là một thợ săn voi thiện xảo, người đó không đi đến kết luận: "Con voi này chắc chắn to lớn." Vì sao vậy? Này Bà-la-môn, trong rừng voi, có những loại voi cái lùn thấp, có dấu chân lớn, có thể dấu chân này thuộc loại voi này. Người đó đi theo dấu chân ấy. Trong khi đi theo, người đó thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, dài bề dài và rộng bề ngang, và những vật cao đều bị cọ xát.[5] Nếu người đó là một thợ săn voi thiện xảo, người đó không đi đến kết luận: "Con voi này chắc chắn to lớn." Vì sao vậy? Này Bà-la-môn, trong rừng voi, có những loại voi cái có ngà, có dấu chân lớn, có thể dấu chân này thuộc loại voi này. Người đó đi theo dấu chân ấy. Trong khi đi theo, người đó thấy trong rừng voi, một dấu chân voi lớn, dài bề dài và rộng bề ngang, những vật cao bị cọ xát, và những vật cao bị ngà voi cắt chém. Nếu người đó là một thợ săn voi thiện xảo, người đó không đi đến kết luận: "Con voi này chắc chắn to lớn." Vì sao vậy? Này Bà-la-môn, trong rừng voi,

[5] *Uccā ca nisevita*: Vị ấy thấy chỗ con voi cái cọ xát, đụng chạm các cây.

có những loại voi cái có ngà lớn, có dấu chân lớn, có thể dấu chân này thuộc loại voi này. Người đó đi theo dấu chân ấy. Trong khi đi theo, người đó thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, dài bề dài và rộng bề ngang, những vật cao bị cọ xát, những vật cao bị ngà voi cắt chém, và những vật cao bị gãy các cành. Và người đó thấy một con voi đực dưới gốc cây hay ở ngoài trời, đang đi, đang đứng, đang ngồi hay đang nằm, người đó đi đến kết luận: "Con voi này thật là con voi đực lớn."

Cũng vậy, này Bà-la-môn, ở đây Như Lai sanh ra ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ta tự thân chứng ngộ thế giới này, cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Khi đã chứng ngộ, Ta còn tuyên thuyết điều đã chứng ngộ, Ta thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ. Ta giảng dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. Người gia trưởng, hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời.[6] Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Một thời gian sau, người ấy từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn,[7] từ bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay từ bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

292. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy thành tựu học giới và nếp sống các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh,[8] tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót tất cả chúng sanh và các loài hữu tình; từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp; từ bỏ không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống tránh xa [không Phạm hạnh], từ bỏ dâm dục tục pháp;[9] từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật,[10] chắc chắn, đáng tin cậy, không phản lại đời;[11] từ bỏ nói hai lưỡi,[12] tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để

---

[6] *Rajāpatha*. *MA*. II. 204 và *DA*. I. 180 sử dụng theo nghĩa "bụi tham ái dục lạc", ngoài ra cũng có nghĩa "qua lại quá nhiều" (*āgamanapatha*).

[7] *D*. II. 85, 86.

[8] *M*. I. 287 và II. 33; *D*. I. 45.

[9] *Gāmadhamma*, có thể từ nghĩa *mātugāma* là đàn bà.

[10] *Saccasandha*. *MA*. I. 206; *DA*. I. 73 viết *saccena saccaṃ sandahati,* vị ấy kết nối sự thật với sự thật.

[11] *D*. III. 170.

[12] *M*. I. 286 và III. 49.

sanh chia rẽ ở những người kia. Vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Vị ấy từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa nói lời độc ác, vị ấy nói những lời nhẹ nhàng, thuận tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, vị ấy nói những lời như vậy. Vị ấy từ bỏ nói phù phiếm, tránh xa nói lời phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp,[13] nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi.

293. Vị ấy từ bỏ, không làm hại đến các hột giống và các loại cây cỏ,[14] dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ trang sức bằng vòng hoa hương liệu, dầu thoa, các thời trang, các thời sức; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà, con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương và đất đai; từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

294. Vị ấy bằng lòng [tri túc] với tấm y để che thân,[15] với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y bát]. Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y bát]. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không lỗi lầm.[16]

295. Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không vẩn đục. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui[17] đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, y bát đều

---

[13] *MA*. II. 208; *DA*. I. 76.

[14] *D*. I. 5.

[15] *D*. I. 71.

[16] *D*. I. 70.

[17] Như chú thích trên.

tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

296. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này,[18] thành tựu Thánh hộ trì các căn này, và thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa[19] một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái; từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận; từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên; từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối quá; từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

297. Vị ấy từ bỏ năm triền cái[20] làm cho tâm ô uế, làm cho trí tuệ muội lược, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này Bà-la-môn, như vậy gọi là dấu chân của Như Lai, dấu cọ xát của Như Lai, dấu cắt chém của Như Lai. Nhưng vị Thánh đệ tử không đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng khéo hành trì." Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này Bà-la-môn, như vậy gọi là dấu chân của Như Lai, dấu cọ xát của Như Lai, dấu cắt chém của Như Lai. Nhưng vị Thánh đệ tử không đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng khéo hành trì." Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này Bà-la-môn, như vậy gọi là dấu chân của Như Lai, dấu cọ xát của Như Lai, dấu cắt chém của Như Lai. Nhưng vị Thánh đệ tử không đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng khéo hành trì." Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Bà-la-môn, như vậy gọi là dấu chân của Như Lai, dấu cọ xát của Như Lai, dấu cắt chém của Như Lai, nhưng vị Thánh đệ tử không đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng khéo hành trì."

298. Với tâm định tĩnh,[21] thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không

---

[18] *D.* I. 71.

[19] *M.* I. 273; III. 3.

[20] *M.* I. 60, 274-75.

[21] *M.* I. 22.

phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Bà-la-môn, như vậy gọi là dấu chân của Như Lai, dấu cọ xát của Như Lai, dấu cắt chém của Như Lai. Nhưng vị Thánh đệ tử không đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng khéo hành trì."

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm các ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Bà-la-môn, như vậy gọi là dấu chân của Như Lai, dấu cọ xát của Như Lai, dấu cắt chém của Như Lai. Nhưng vị Thánh đệ tử không đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng khéo hành trì."

299. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt."

Này Bà-la-môn, như vậy gọi là dấu chân của Như Lai, dấu cọ xát của Như Lai, dấu cắt chém của Như Lai. Nhưng vị Thánh đệ tử không đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng khéo hành trì."

Vị ấy nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không có trở lui đời sống này nữa." Này Bà-la-môn, như vậy gọi là dấu chân của Như Lai, dấu cọ xát của Như Lai, dấu cắt chém của Như Lai. Này Bà-la-môn, tới mức độ này, vị Thánh đệ tử đi đến kết luận: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng khéo hành trì." Này Bà-la-môn, tới mức độ này, ví dụ dấu chân voi thật sự được đầy đủ một cách rộng rãi.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, và quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

28. ĐẠI KINH DỤ DẤU CHÂN VOI

(*Mahāhatthipadopama Sutta*)[1]

300. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Chư Hiền giả, ví như tất cả dấu chân của mọi loài động vật đều thâu nhiếp trong dấu chân voi, vì dấu chân này được xem là lớn nhất trong tất cả dấu chân về phương diện to lớn. Cũng vậy, chư Hiền giả, tất cả các thiện pháp đều tập trung trong Bốn Thánh đế. Thế nào là trong Bốn Thánh đế? Trong Khổ Thánh đế, trong Khổ tập Thánh đế, trong Khổ diệt Thánh đế, trong Khổ diệt đạo Thánh đế.

301. Chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Sanh là khổ, già là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, điều gì cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ. Chư Hiền, thế nào là năm thủ uẩn? Chính là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Chư Hiền, thế nào là sắc thủ uẩn? Bốn đại và sắc khởi lên từ bốn đại. Chư Hiền, thế nào là bốn đại? Chính là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

302. Chư Hiền, thế nào là địa giới? Có nội địa giới, có ngoại địa giới. Chư Hiền, thế nào là nội địa giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thô phù, kiên cứng, bị chấp thủ; như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thô phù, kiên cứng, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội địa giới. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Cần phải như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới. Chư Hiền, một

---

[1] Xem *M.* I. 122, 184; *Kvu.* 620. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tượng tích dụ kinh* 象跡喻經 (*T.*01. 0026.30. 0464b17).

thời xảy ra khi ngoại thủy giới[2] dao động, trong thời ấy ngoại địa giới bị biến mất. Chư Hiền, tánh vô thường của ngoại địa giới xưa ấy có thể nêu rõ, tánh hủy hoại có thể nêu rõ, tánh đoạn diệt có thể nêu rõ, tánh biến dịch có thể nêu rõ. Như vậy còn nói gì đến thân thể yểu thọ do khát ái chấp thủ này? Ở đây không có gì để có thể nói là tôi, là của tôi, hay tôi là. Chư Hiền, nếu có những người khác mắng nhiếc, chỉ trích, chọc tức,[3] nhiễu não Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ như sau: "Khổ thọ khởi lên nơi tôi, thọ này thuộc tay xúc chạm, thọ này do nhân duyên, không phải không do nhân duyên, do nhân duyên gì? Do nhân duyên xúc." Vị ấy thấy xúc là vô thường, thấy thọ là vô thường, thấy tưởng là vô thường, thấy hành là vô thường, thấy thức là vô thường. Tâm của vị này hoan hỷ, thích thú, tịnh chỉ, quyết định[4] tùy thuộc giới đối tượng. Chư Hiền, nếu những người khác xử sự với Tỷ-kheo không có hoàn hảo, không có tốt đẹp, không có khả ái, hoặc dùng tay xúc chạm, hoặc dùng đá xúc chạm, hoặc dùng gậy xúc chạm, hoặc dùng gươm xúc chạm, vị ấy tuệ tri như sau: "Sự thể của thân này là như vậy, nên tay có thể xúc chạm, đá có thể xúc chạm, gậy có thể xúc chạm, gươm có thể xúc chạm. Thế Tôn đã dạy như sau trong ví dụ cái cưa:[5] 'Chư Tỷ-kheo, nếu có kẻ trộm cướp hạ tiện lấy cái cưa hai lưỡi cắt từng phần tay và chân, nếu ai ở đây sanh ý phẫn nộ, người ấy không làm đúng lời Ta dạy.' Ta sẽ tinh cần, tinh tấn, không giải đãi. Niệm được an trú, không có loạn niệm, thân thể được khinh an, không dao động, tâm được định tĩnh, nhất tâm. Nay mặc cho tay xúc chạm thân này, mặc cho đá xúc chạm thân này, mặc cho gậy xúc chạm thân này, mặc cho gươm xúc chạm thân này, lời dạy chư Phật cần phải được thực hành." Chư Hiền, Tỷ-kheo ấy, niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện[6] không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: "Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú." Chư Hiền, ví như một người con dâu, khi thấy ông nhạc, bị dao động, bị dao động mạnh. Cũng vậy, chư Hiền, nếu Tỷ-kheo ấy niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: "Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú." Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo ấy, niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, và xả tương ưng với thiện được an trú, thì Tỷ-kheo ấy được hoan hỷ. Chư Hiền, đến mức độ này, Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

---

[2] Theo PTS., bản chính viết sai là *āpodhātu*, lẽ ra phải là *pathavīdhātu*.

[3] *M.* I. 140.

[4] *M.* I. 435 viết là *vimuccati*, không phải *adhimuccati*.

[5] *M.* I. 129.

[6] Thuật ngữ *upekkhā kusalanissitā* ở đây có nghĩa là sự buông xả, tĩnh tại hay không tham chấp nhờ tu tập thiền quán.

303. Chư Hiền, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Chư Hiền, thế nào là nội thủy giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ; như mật, [viêm đàm dịch] mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới, đều thuộc về thủy giới. Cần phải như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới. Chư Hiền, một thời xảy ra khi ngoại thủy giới dao động, nước cuốn trôi làng, cuốn trôi thị trấn, cuốn trôi thành phố, cuốn trôi xứ, cuốn trôi quốc độ. Chư Hiền, một thời xảy ra khi nước biển đại dương hạ thấp (*ogacchati*) một trăm do-tuần, hạ thấp hai trăm do-tuần, hạ thấp ba trăm do-tuần, hạ thấp bốn trăm do-tuần, hạ thấp năm trăm do-tuần, hạ thấp sáu trăm do-tuần, hạ thấp bảy trăm do-tuần. Chư Hiền, một thời xảy ra khi nước biển đại dương dâng cao đến bảy cây Sa-la, dâng cao đến sáu cây Sa-la, dâng cao đến năm cây Sa-la, dâng cao đến bốn cây Sa-la, dâng cao đến ba cây Sa-la, dâng cao đến hai cây Sa-la, dâng cao chỉ đến một cây Sa-la. Chư Hiền, một thời xảy ra khi nước biển đại dương dâng cao đến bảy đầu người, dâng cao đến sáu đầu người, dâng cao đến năm đầu người, dâng cao đến bốn đầu người, dâng cao đến ba đầu người, dâng cao đến hai đầu người, dâng cao chỉ đến một đầu người. Chư Hiền, một thời xảy ra khi nước biển đại dương dâng cao đến nửa thân người, dâng cao chỉ đến hông, dâng cao chỉ đến đầu gối, dâng cao chỉ đến gót chân. Chư Hiền, một thời xảy ra khi nước biển đại dương không có để thấm ướt đốt ngón chân. Chư Hiền, tánh vô thường của ngoại thủy giới xưa ấy có thể nêu rõ; tánh hủy hoại có thể nêu rõ; tánh đoạn diệt có thể nêu rõ; tánh biến dịch có thể nêu rõ... (như trên)... và xả tương ưng với thiện được an trú. Chư Hiền, cho đến mức độ này, vị Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

304. Chư Hiền, thế nào là hỏa giới?[7] Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Chư Hiền, thế nào là nội hỏa giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ; như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy; cái gì khiến cho những vật được ăn uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới, đều thuộc về hỏa giới. Cần phải như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới. Chư Hiền, một thời xảy ra khi hỏa giới dao động. Lửa thiêu cháy làng, thiêu cháy thị trấn, thiêu cháy

[7] *M.* I. 422.

thành phố, thiêu cháy xứ, thiêu cháy quốc độ. Lửa cháy cho đến cuối hàng cây cối, cho đến cuối đường lớn, cho đến cuối chân núi, cho đến cuối thủy biên, hay cho đến cuối khu đất khả ái, rồi lửa bị tắt vì không nhiên liệu. Chư Hiền, một thời xảy ra khi loài người đi kiếm lửa phải dùng lông gà và dây gân. Chư Hiền, tánh vô thường của ngoại hỏa giới xưa ấy có thể nêu rõ; tánh hủy hoại có thể nêu rõ; tánh đoạn diệt có thể nêu rõ; tánh biến dịch có thể nêu rõ... (như trên)... và xả tương ưng với thiện được an trú. Chư Hiền, cho đến mức độ này, vị Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

305. Chư Hiền, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Chư Hiền, thế nào là nội phong giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc động tánh, bị chấp thủ; như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các chi [tay chân], hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Chư Hiền, như vậy gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Cần phải như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Sau khi thấy như thật phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới. Chư Hiền, một thời xảy ra khi ngoại phong giới dao động, gió thổi bay làng, thổi bay thị trấn, thổi bay thành phố, thổi bay xứ, thổi bay quốc độ. Chư Hiền, một thời xảy ra khi trong tháng cuối mùa hạ, loài người tìm cầu gió nhờ lá cây Sa-la, nhờ cây quạt, và người ta không mong tìm được cỏ tại chỗ có rạch nước chảy.[8]

Chư Hiền, tánh vô thường của ngoại phong giới xưa ấy có thể nêu rõ; tánh hủy hoại có thể nêu rõ; tánh đoạn diệt có thể nêu rõ; tánh biến dịch có thể nêu rõ. Như vậy còn nói gì đến thân thể yểu thọ do khát ái chấp thủ này? Ở đây không có gì để có thể nói là tôi, là của tôi, hay tôi là. Chư Hiền, nếu có những người khác mắng nhiếc, chỉ trích, chọc tức, nhiễu não Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ như sau: "Khổ thọ khởi lên nơi tôi thuộc tay xúc chạm; thọ này do nhân duyên, không phải không do nhân duyên. Do nhân duyên gì? Do nhân duyên xúc vậy." Vị ấy thấy xúc là vô thường; vị ấy thấy thọ là vô thường; vị ấy thấy tưởng là vô thường; vị ấy thấy hành là vô thường; vị ấy thấy thức là vô thường; tâm của vị này hoan hỷ, thích thú, tịnh chỉ, quyết định, tùy thuộc giới đối tượng. Chư Hiền, nếu những người khác xử sự với Tỷ-kheo, không có hoàn hảo, không có tốt đẹp, không có khả ái, hoặc dùng tay xúc chạm, hoặc dùng đá xúc chạm, hoặc dùng gậy xúc chạm, hoặc dùng gươm xúc chạm, vị ấy biết như sau: "Sự thể của thân này là như vậy nên tay có thể xúc chạm, đá có thể xúc chạm, gậy có thể xúc chạm, gươm có thể xúc chạm. Thế Tôn đã dạy như sau trong ví dụ cái cưa: 'Chư Tỷ-kheo, nếu có kẻ trộm cướp hạ tiện lấy cái cưa hai lưỡi cắt từng phần tay và chân, nếu ai ở đây sanh ý phẫn nộ

---

[8] *Ossavana. MA*. II. 229 viết là *ossavane*, giải thích là *chadanagge*, và cho rằng vì nước chảy từ đây ra nên gọi là *ossavane*. Ở đây có nghĩa là nước chảy, khiến cỏ cây sinh trưởng được.

thì người ấy không làm đúng lời Ta dạy.' Ta sẽ tinh cần, tinh tấn, không giải đãi. Niệm được an trú, không có loạn niệm, thân thể được khinh an, không dao động, tâm được định tĩnh nhất tâm. Nay mặc cho tay xúc chạm thân này, mặc cho đá xúc chạm, mặc cho gậy xúc chạm, mặc cho gươm xúc chạm thân này, lời dạy chư Phật cần phải được thực hành." Chư Hiền, Tỷ-kheo ấy, niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: "Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú." Chư Hiền, ví như một người con dâu, khi thấy ông nhạc, bị dao động, bị dao động mạnh. Cũng vậy, chư Hiền, nếu Tỷ-kheo ấy niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú. Do vậy, vị ấy bị dao động, bị dao động mạnh: "Thật bất hạnh cho ta, thật không may cho ta, thật rủi ro cho ta, thật không tốt đẹp cho ta. Dầu ta có niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, nhưng xả tương ưng với thiện không được an trú." Chư Hiền, nếu Tỷ- Kheo ấy niệm Phật như vậy, niệm Pháp như vậy, niệm Tăng như vậy, và xả tương ưng với thiện được an trú. Do vậy, Tỷ-kheo ấy được hoan hỷ. Chư Hiền, cho đến mức độ này, vị Tỷ-kheo đã làm thật nhiều.

306. Chư Hiền, như một khoảng trống được bao vây bởi cây gậy, bởi dây leo, bởi cỏ, bởi bùn, được biết là một nhà ở. Cũng vậy, chư Hiền, một khoảng trống được bao vây bởi xương, bởi dây gân, bởi thịt, bởi da, được biết là một sắc pháp. Chư Hiền, nếu nội mắt không bị hư hại, nhưng ngoại sắc không vào trong tầm mắt, không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì thức phần thích hợp không có hiện khởi. Chư Hiền, nếu nội mắt không bị hư hại, ngoại sắc vào trong tầm mắt, nhưng không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì thức phần thích hợp không có hiện khởi. Chư Hiền, chỉ khi nào nội mắt không bị hư hại, ngoại sắc vào trong tầm mắt, có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì thức phần thích hợp có hiện khởi. Bất cứ sắc pháp gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong sắc thủ uẩn; bất cứ cảm thọ gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thọ thủ uẩn; bất cứ tưởng gì được hiện khởi như vậy đều được quy tụ trong tưởng thủ uẩn; bất cứ hành gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong hành thủ uẩn; bất cứ thức gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thức thủ uẩn. Vị ấy tuệ tri như sau: "Như vậy, như người ta nói, có sự quy tụ, sự tập hợp, sự hòa hợp của năm thủ uẩn này. Thế Tôn đã nói như sau: 'Ai thấy được lý Duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý Duyên khởi.' Những pháp này do duyên khởi lên chính là năm thủ uẩn. Sự tham dục, chấp trước, tham đắm, mê say trong năm thủ uẩn này tức là khổ tập; sự nhiếp phục tham dục, sự từ bỏ tham dục[9] tức là sự khổ diệt." Cho đến mức độ này, chư Hiền, vị Tỷ-kheo đã làm rất nhiều.

---

[9] Đồng nghĩa với *Nibbāna*. Xem *MA*. II. 230.

Chư Hiền, nếu nội tai không bị hư hại... nếu lỗ mũi không bị hư hại... nếu lưỡi không bị hư hại... nếu thân không bị hư hại... nếu nội ý căn không bị hư hại nhưng ngoại pháp không vào trong tầm của ý căn, không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì thức phần thích hợp không có hiện khởi. Chư Hiền, nếu nội ý căn không bị hư hại, ngoại pháp vào trong tầm của ý căn, nhưng không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì thức phần thích hợp không có hiện khởi. Chư Hiền, chỉ khi nào nội ý căn không bị hư hại, ngoại pháp vào trong tầm của ý căn, có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì thức phần thích hợp có hiện khởi. Bất cứ pháp gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong sắc thủ uẩn; bất cứ cảm thọ gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thọ thủ uẩn; bất cứ tưởng gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong tưởng thủ uẩn; bất cứ hành gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong hành thủ uẩn; bất cứ thức gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thức thủ uẩn. Vị ấy tuệ tri như sau: "Như vậy, như người ta nói, có sự quy tụ, sự tập hợp, sự hòa hợp của năm thủ uẩn này. Thế Tôn đã nói như sau: 'Ai thấy được lý Duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý Duyên khởi.' Những pháp này do Duyên khởi lên chính là năm thủ uẩn. Sự tham dục, chấp trước, tham đắm, mê say trong năm thủ uẩn này tức là khổ tập; sự nhiếp phục tham dục, sự từ bỏ tham dục tức là sự khổ diệt." Cho đến mức độ này, chư Hiền, vị Tỷ-kheo đã làm rất nhiều.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta dạy.

29. ĐẠI KINH THÍ DỤ LÕI CÂY

(*Mahāsāropama Sutta*)[1]

307. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), khi Devadatta[2] (Đề-bà-đạt-đa) từ bỏ [chúng Tăng] ra đi không bao lâu. Ở đây, nhân việc Devadatta, Thế Tôn cho gọi các Tỷ-kheo và dạy như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử do lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể, toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt được." Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng.

Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy hoan hỷ, mãn nguyện. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta được lợi dưỡng như vậy, được danh vọng như vậy, còn các Tỷ-kheo khác ít được biết đến, ít có uy quyền." Vị ấy vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu." Cũng vậy, ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt." Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta được lợi dưỡng như vậy, được danh vọng như vậy, còn các Tỷ-kheo khác ít được biết đến, ít có uy quyền." Vị ấy vì lợi dưỡng,

---

[1] Xem *M.* I. 198. Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.43.4. 0759a29).

[2] *S.* I. 153; *Vin.* II. 199 viết rằng Devadatta, sau khi phá hoại hòa hợp Tăng, đi đến Gayāsīsa với 500 vị Tỷ-kheo.

tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã nắm lấy cành lá Phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại [ở đây].

308. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị thiện nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt." Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do thành tựu giới đức này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta là người trì giới, theo thiện pháp. Các Tỷ-kheo khác phá giới, theo ác pháp." Do thành tựu giới đức này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (như trên). Do thành tựu giới đức này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã nắm lấy vỏ ngoài Phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại [ở đây].

309. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt được." Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Do thành tựu giới đức này, vị ấy không khen mình, chê người. Do thành tựu giới đức này, vị ấy không trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thiền định. Do thành tựu thiền định này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do thành tựu thiền định này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta có thiền định, nhất tâm. Các Tỷ-kheo khác không có thiền định, tâm bị phân tán." Do thành tựu thiền định này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được

lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong, lấy chúng mang đi, tưởng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong mang đi, tưởng đó là lõi cây. Và người này không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (như trên). Do thành tựu thiền định này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Vì sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, như vậy, vị ấy được gọi là Tỷ-kheo đã nắm giữ vỏ trong Phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại [ở đây].

310. Lại nữa, ở đây, có thiện nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt." Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thiền định. Vị ấy do thành tựu thiền định này nên hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu thiền định này khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu thiền định này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu tri kiến, vị ấy vì tri kiến này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy do tri kiến này, khen mình, chê người. "Ta sống, thấy và biết. Các Tỷ-kheo khác sống, không thấy và không biết." Vị ấy do tri kiến này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người bỏ qua lõi cây, chặt giác cây mang đi, tưởng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, chặt giác cây và mang đi, tưởng đó là lõi cây. Và người ấy không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có thiện nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... Vị này, vì tri kiến này nên mê say, tham đắm, phóng dật. Vì sống phóng dật, vị này bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, như vậy, vị này gọi là đã nắm giữ giác cây Phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại [ở đây].

311. Lại nữa, ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị thiện nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt." Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thiền định, vị ấy do thành tựu thiền định này, hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu thiền định này khen mình, chê người. Vị ấy không do thành tựu thiền định này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu tri kiến. Do thành tựu tri kiến này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu tri kiến này khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu tri kiến này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thời giải thoát.[3] Này các Tỷ-kheo, sự tình này có thể xảy ra, Tỷ-kheo ấy có thể từ bỏ thời giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy chặt lõi cây mang đi và biết đó là lõi cây. Một người có mắt thấy như vậy, có thể nói: "Người này biết lõi cây, biết giác cây, biết vỏ trong, biết vỏ ngoài, biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy chặt lõi cây mang đi và tự biết đó là lõi cây. Và người ấy đạt được mục đích mà lõi cây có thể thực hiện." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, một thiện nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong khổ đau, bị chi phối bởi khổ đau. Rất có thể, toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt." Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Vị ấy do thành tựu giới đức này hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu giới đức này khen mình, chê người. Vị ấy không do thành tựu giới đức này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thiền định. Vị ấy do thành tựu thiền định nên hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu thiền định này khen mình, chê người. Vị ấy không do thành tựu thiền định này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống

---

[3] *Samayavimokkha* (thời giải thoát) là giải thoát tạm thời khỏi phiền não khổ đau vào thời điểm tu tập.

không phóng dật, vị ấy thành tựu tri kiến. Vị ấy vì thành tựu tri kiến này nên hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu tri kiến này khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu tri kiến này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu được phi thời giải thoát (*asamayavimokkha*). Này chư Tỷ-kheo, sự tình này không thể xảy ra, Tỷ-kheo ấy có thể từ bỏ phi thời giải thoát này.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này không phải vì lợi ích lợi dưỡng, danh vọng, không phải vì lợi ích thành tựu giới đức, không phải vì lợi ích thành tựu thiền định, không phải vì lợi ích thành tựu tri kiến. Và này các Tỷ-kheo, Tâm giải thoát bất động chính là mục đích của Phạm hạnh này, là lõi cây, là mục tiêu cuối cùng của Phạm hạnh.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời của Thế Tôn dạy.

30. TIỂU KINH THÍ DỤ LÕI CÂY

(*Cūḷasāropama Sutta*)[1]

312. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Bà-la-môn Piṅgalakoccha[2] đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời hỏi thăm, chúc tụng, xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Piṅgalakoccha bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn này là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái (*titthakarā*), được quần chúng tôn sùng, như Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambala, Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Belaṭṭhiputta, Nigaṇṭha Nāṭaputta,[3] tất cả những vị này tự xưng là Nhứt thiết trí hay tất cả không phải là Nhứt thiết trí, hay một số là Nhứt thiết trí và một số không phải Nhứt thiết trí?

– Thôi vừa rồi, này Bà-la-môn, hãy dừng lại ở đây: "Tất cả những vị này tự xưng là Nhứt thiết trí hay tất cả không phải là Nhứt thiết trí? Hay một số là Nhứt thiết trí và một số không phải Nhứt thiết trí?" Này Bà-la-môn, Ta sẽ thuyết pháp cho ông, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Piṅgalakoccha vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

313. – Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi và tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu."

---

[1] Xem *M*. I. 192. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.4. 0759a29).

[2] Koccha là tên của vị này và được gọi là Piṅgala vì màu da hơi đen. Một cuộc luận đàm tương tự được viết trong *D*. II. 150-51, và Subbadda là vị đối thoại với đức Phật.

[3] Giáo lý của 6 vị ngoại đạo sư này được viết trong *D*. I. 58-64.

314. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu."

315. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu."

316. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, chặt giác cây mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, chặt giác cây mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu."

317. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy chặt lõi cây mang đi và biết rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy, có thể nói: "Người này biết lõi cây, biết giác cây, biết vỏ trong, biết vỏ ngoài, biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy chặt lõi cây mang đi và biết rằng đó là lõi cây. Và người ấy đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu."

318. Cũng vậy, này Bà-la-môn, ở đây, có người do lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt." Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta được lợi dưỡng như vậy, được danh vọng như vậy, còn các Tỷ-kheo khác ít

được biết đến, ít có uy quyền.” Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người ấy sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này Bà-la-môn, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy.

319. Nhưng ở đây, này Bà-la-môn, có người vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: “Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt.” Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu giới đức. Vì thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Vì thành tựu giới đức này, vị ấy khen mình, chê người: “Ta trì giới, theo thiện pháp. Các Tỷ-kheo khác phá giới, theo ác pháp.” Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn giới đức. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt lấy vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này Bà-la-môn, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy.

320. Nhưng ở đây, này Bà-la-môn, có người vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: “Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt.” Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu giới đức. Vì thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn giới đức. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu thiền định. Do thành tựu thiền định này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do thành tựu

thiền định này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta có thiền định, nhất tâm. Các Tỷ-kheo khác không có thiền định, tâm bị phân tán." Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu thiền định. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này Bà-la-môn, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy.

321. Nhưng ở đây, này Bà-la-môn, có người vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt." Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu giới đức này, khen mình, chê người. Vị ấy phát khởi lòng ao ước và tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu giới đức. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu thiền định. Vì thành tựu thiền định này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu thiền định này khen mình, chê người. Vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu thiền định. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu tri kiến. Vị ấy, do tri kiến này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy, do tri kiến này, khen mình, chê người: "Ta sống thấy và biết. Các Tỷ-kheo khác sống không thấy và không biết." Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, chặt giác cây mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này Bà-la-môn, Ta nói rằng, người này giống ví dụ ấy.

322. Nhưng ở đây, này Bà-la-môn, có người vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt." Do vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình,

chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu giới đức này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu giới đức. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu thiền định. Do thành tựu thiền định, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu thiền định, khen mình, chê người. Vị ấy phát khởi lòng ao ước và tinh tấn, chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu thiền định. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu tri kiến. Vị ấy do tri kiến này hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do tri kiến này, khen mình, chê người. Vị ấy phát khởi lòng ao ước, cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động.

323. Và này Bà-la-môn, những pháp gì cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến? Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định, sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Này Bà-la-môn, các pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến.

324. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, người ấy chặt lõi cây, lấy và mang đi và tự biết đó là lõi cây. Và người ấy đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này Bà-la-môn, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy.

Như vậy, này Bà-la-môn, Phạm hạnh này không phải vì lợi ích lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng, không phải vì lợi ích thành tựu giới đức, không phải vì lợi ích thành tựu thiền định, không phải vì lợi ích thành tựu tri kiến. Và này Bà-la-môn, Tâm giải thoát bất động chính là mục đích của Phạm hạnh này, là lõi cây của Phạm hạnh, là mục tiêu cuối cùng của Phạm hạnh.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Piṅgalakoccha bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

31. TIỂU KINH RỪNG SỪNG BÒ

(*Cūḷagosiṅga Sutta*)[1]

325. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Nādika, tại Giñjakāvasatha. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Nandiya, Tôn giả Kimbila trú tại khu vườn[2] trong rừng Gosiṅga có nhiều cây Sa-la. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, sau khi tham thiền, đứng dậy đi đến khu vườn trong rừng Gosiṅga có nhiều cây Sa-la. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba thiện nam tử đang trú tại đây rất ái luyến tự ngã (*attakāmarūpā*). Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ vườn nói chuyện với Thế Tôn như vậy liền nói với người giữ vườn:

– Này người giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế Tôn. Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng tôi đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya, Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến, chư Tôn giả hãy đến! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn, một người cầm y bát của Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn, sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân. Rồi các Tôn giả ấy đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi xuống một bên:

326. – Này Anuruddhā,[3] các ông có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khất thực có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành; bạch Thế Tôn, chúng con sống yên vui; bạch Thế Tôn, chúng con đi khất thực khỏi có mệt nhọc.

---

[1] Kinh này có phần giống như *M.* 128, *Upakkilesa Sutta* (*Kinh Tùy phiền não*); *Vin.* I. 337. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ngưu giác Sa-la lâm kinh* 牛角娑羅林經 (*T.*01. 0026.185. 0729b27). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.8. 0626b11).

[2] *Dāya*. *MA*. II. 235-36 viết giống như *arañña* (ngôi rừng).

[3] Anuruddhā: Dùng số nhiều để chỉ cho cả 3 Tôn giả.

– Này Anuruddhā, các ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?[4]

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Này Anuruddhā, như thế nào các ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?

– Bạch Thế Tôn, ở đây, chúng con nghe như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!" Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp,[5] trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy, chúng con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này." Bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con, và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.

Rồi Tôn giả Nandiya... (như trên)... rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghĩ như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!" Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy, chúng con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này." Bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm. Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

327. – Lành thay, lành thay, này Anuruddhā! Này Anuruddhā, các ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Này Anuruddhā, như thế nào, các ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi làng khất thực về trước,[6] thì người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư. Ai đi làng khất thực về sau, thì người ấy, còn đồ ăn thừa nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thì bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng và người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai

---

[4] *M.* I. 206, 398 và III. 156.

[5] Giống như *M.* I. 222.

[6] Giống như *Vin.* I. 157.

thấy ghè nước uống, ghè nước rửa chân, hay ghè nước trong nhà cầu hết nước, trống không thì người ấy sẽ lo liệu [nước]. Nếu ai làm không nổi với sức bàn tay của mình, thì người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: "Chúng ta hãy lo liệu [nước]." Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy mà gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả đêm, chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

328. – Lành thay, lành thay, này Anuruddhā! Này Anuruddhā, các ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, các ông có chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái, an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, sao có thể không được. Ở đây, bạch Thế Tôn, lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Như vậy, bạch Thế Tôn, đối với chúng con, là pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; chúng con chứng được và sống thoải mái, an lạc, nhờ chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Lành thay, lành thay, này Anuruddhā! Này Anuruddhā, các ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp Thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây, bạch Thế Tôn, lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp Thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc.

– Lành thay, lành thay, này Anuruddhā! Này Anuruddhā, các ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp Thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây, bạch Thế Tôn, lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp Thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc.

– Lành thay, lành thay, này Anuruddhā! Này Anuruddhā, các ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp Thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây, bạch Thế Tôn, lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp Thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc.

329. – Lành thay, lành thay, này Anuruddhā! Này Anuruddhā, các ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp Thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây, bạch Thế Tôn, lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng; chúng con nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp Thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc... (như trên). Ở đây, lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con vượt qua mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ... (như trên). Ở đây, lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con vượt qua mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ... (như trên). Ở đây, lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con vượt qua mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ở đây, bạch Thế Tôn, lâu cho đến khi chúng con muốn, chúng con vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi đã thấy nhờ trí tuệ, các lậu hoặc của chúng con được đoạn trừ. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp Thượng nhân này, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc. Bạch Thế Tôn, chúng con không thấy một lạc trú nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự lạc trú này.

– Lành thay, lành thay, Anuruddhā! Này Anuruddhā, ngoài lạc trú này, không có một lạc trú nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn.

330. Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila, khai thị, khích lệ, làm cho hoan hỷ, làm cho phấn khởi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila, sau khi tiễn đưa Thế Tôn và đi trở về. Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila nói với Tôn giả Anuruddha:

– Chúng tôi không bao giờ nói với Tôn giả Anuruddha như sau: "Chúng tôi là người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này", và nhờ vậy, Tôn giả Anuruddha, trước mặt Thế Tôn, đã nêu rõ [các quả chứng] cho đến sự đoạn trừ các lậu hoặc.

– Chư Tôn giả không nói với tôi như sau: "Chúng tôi là người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này", nhưng với tâm của tôi, tôi biết được tâm của các Tôn giả: "Chư Tôn giả này là người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này." Và chư thiên có nói với tôi về vấn đề này: "Chư Tôn giả này là người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này." Chính nhờ phương tiện này, các câu mà Thế Tôn hỏi đã được trả lời.

331. Rồi Dīgha Parajana,[7] một Yakkha (Dạ-xoa) đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Dīgha Parajana bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật lợi ích thay cho dân chúng Vajjī (Bạt kỳ)! Thật khéo lợi ích thay cho dân chúng Vajjī! Vì Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đây, và cả ba thiện nam tử, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila cũng vậy.

Sau khi nghe tiếng của Yakkha Dīgha Parajana, các Địa thần làm cho tiếng này được nghe: "Chư Hiền giả, thật lợi ích thay cho dân chúng Vajjī! Thật khéo lợi ích thay cho dân chúng Vajjī! Vì Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đây và cả ba thiện nam tử này, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila cũng vậy."

Sau khi nghe tiếng của các Địa thần, Bốn Thiên Vương thiên... (như trên)... cõi trời Ba Mươi Ba... Dạ-ma thiên... Đâu-suất-đà thiên... Hóa Lạc thiên... Tha Hóa Tự Tại thiên... Phạm Chúng thiên làm cho tiếng này được nghe: "Chư Hiền giả, thật lợi ích thay cho dân chúng Vajjī! Thật khéo lợi ích thay cho dân chúng Vajjī! Vì Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đây và cả ba thiện nam tử này, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila." Như vậy, trong giờ phút này, trong sát-na này, các Tôn giả ấy được biết cho đến Phạm thiên.

– Sự việc là như vậy, này Dīgha, sự việc là như vậy, này Dīgha. Này Dīgha, nếu gia đình nào, ba thiện nam tử này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ đến ba thiện nam tử này với tâm niệm hoan hỷ, thì gia đình ấy sẽ được an lạc, hạnh phúc lâu dài. Này Dīgha, nếu bà con quyến thuộc của gia đình mà ba thiện nam tử này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ đến ba thiện nam tử này với tâm niệm hoan hỷ, thì bà con quyến thuộc của gia đình mà ba thiện nam tử này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ đến ba thiện nam tử này với tâm niệm hoan hỷ, thì bà con quyến thuộc của gia đình ấy sẽ được an lạc, hạnh phúc lâu dài. Này Dīgha, nếu làng nào... nếu xã ấp nào... nếu thành phố nào... nếu quốc độ nào... nếu tất cả Sát-đế-ly... nếu tất cả Bà-la-môn... nếu tất cả Phệ-xá (Vessa)... nếu tất cả Thủ-đà (Sudda)... Này Dīgha, nếu thế giới với chư Thiên, với Ác ma, với Phạm thiên, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người nhớ đến ba Tôn giả này với tâm niệm hoan hỷ, thì thế giới ấy với chư Thiên, với Ác ma, với Phạm thiên, với chúng

[7] *MA*. II. 244 nói Dīgha là một Devarāja (Thiên Vương) và Parajana là tên của vị này.

Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người sẽ được an lạc, hạnh phúc lâu dài. Này Dīgha, hãy xem ba thiện nam tử này sống như thế nào vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Dạ-xoa Dīgha Parajana hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

32. ĐẠI KINH RỪNG SỪNG BÒ

(*Mahāgosiṅga Sutta*)[1]

332. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại khu vườn trong rừng Gosiṅga có nhiều cây Sa-la cùng với một số đông Thượng tọa đệ tử nổi tiếng như Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca-diếp), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa),[2] Tôn giả Ānanda (A-nan) cùng với một số Thượng tọa đệ tử nổi tiếng khác. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna vào buổi chiều, sau khi tham thiền đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Mahākassapa ở; sau khi đến, bèn nói với Tôn giả Mahākassapa:

– Hiền giả Kassapa, chúng ta hãy đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahākassapa vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, Tôn giả Mahākassapa và Tôn giả Anuruddha đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp. Tôn giả Ānanda thấy Tôn giả Mahāmoggallāna, Tôn giả Mahākassapa và Tôn giả Anuruddha đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp, sau khi thấy vậy liền đi đến chỗ Tôn giả Revata và nói với Tôn giả Revata:

– Này Hiền giả Revata, các bậc Thượng nhân như vậy đã đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp. Này Hiền giả Revata, chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp.

– Thưa vâng, Hiền giả.

333. Tôn giả Revata vâng đáp Tôn giả Ānanda. Rồi Tôn giả Revata và Tôn giả Ānanda đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp. Tôn giả Sāriputta thấy Tôn giả Revata, Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, sau khi thấy bèn nói với Tôn giả Ānanda:

– Tôn giả Ānanda hãy đến đây, thiện lai Tôn giả Ānanda, vị thị giả Thế Tôn, vị hầu cận Thế Tôn! Này Hiền giả Ānanda, khả ái thay khu rừng Gosiṅga! Đêm rằm sáng trăng, cây Sa-la trổ hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ngưu giác Sa-la lâm kinh* 牛角娑羅林經 (*T*.01. 0026.184. 0726c25). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.3. 0710c05); *Phật thuyết Tỳ-kheo các ngôn chí kinh* 佛說比丘各言志經 (*T*.03. 0154.16. 0080c26).

[2] *MA*. II. 247 giải thích ở đây chỉ cho Revata - Vị nghi ngờ, không phải Revata - Vị A-la-hán Tỳ-kheo chứng quả ở rừng Khadiravaniya (cây Xương Rồng).

khắp nơi. Này Hiền giả Ānanda, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm chói sáng khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh; những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lặp lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên.[3] Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

334. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Revata:

– Này Hiền giả Revata,[4] Tôn giả Ānanda đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata: Này Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosiṅga! ... (như trên). Này Hiền giả Revata, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

335. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Anuruddha:[5]

– Này Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha: Này Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosiṅga! ... (như trên). Này Hiền giả Anuruddha, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sāriputta, ví như một người có mắt lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp, quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

336. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Mahākassapa:

– Này Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa: Này Hiền giả Kassapa, khả ái thay ngôi rừng Gosiṅga! ... (như trên). Này Hiền giả Kassapa, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo tự mình sống ở rừng núi và tán

---

[3] *MA*. II. 254 liệt kê có đến 7 tùy miên. Xem *D*. III. 254. Trong *A*. I. 23, viết Ānanda được gọi là vị Đa văn đệ nhất.

[4] Xem *M*. I. 33. *A*. I. 24 viết Revata được gọi là vị Thiền định đệ nhất.

[5] *MA*. II. 254 viết "hàng ngàn thế giới". *A*. I. 23 viết Anuruddha được gọi là vị Thiên nhãn đệ nhất.

thán đời sống ở rừng núi; tự mình sống khất thực và tán thán đời sống khất thực; tự mình mặc y phấn tảo và tán thán hạnh mặc y phấn tảo; tự mình sống với ba y và tán thán hạnh ba y; tự mình sống thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục; tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ; tự mình sống độc cư và tán thán hạnh sống độc cư; tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục; tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạnh tinh cần, tinh tấn; tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh; tự mình thành tựu thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định; tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ; tự mình thành tựu giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát; tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

337. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói Tôn giả Mahāmoggallāna:[6]

– Hiền giả Moggallāna, Tôn giả Mahākassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahāmoggallāna: Này Hiền giả Moggallāna, khả ái thay khu rừng Gosiṅga... (như trên). Này Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, hai Tỷ-kheo đàm luận về *Abhidhamma* (A-tỳ-đàm). Các vị ấy hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, các vị trả lời được với nhau chớ không dừng lại [không trả lời được], và cuộc đàm luận về pháp được tiếp tục. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

338. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Tôn giả Sāriputta:[7]

– Hiền giả Sāriputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sāriputta: Này Hiền giả Sāriputta, khả ái thay khu rừng Gosiṅga! Đêm rằm sáng trăng, cây Sa-la trổ hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, này Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Hiền giả Moggallāna, ví như một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau. Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua

[6] *A.* I. 23 viết Moggallāna được gọi là vị Thần thông đệ nhất. *MA.* II. 256 giải thích là: "Vị hiểu rõ *Abhidhamma*; khi đã hiểu rõ những điểm vi tế, tăng trưởng quán hạnh của mình, vị ấy có thể đạt đến quả vị siêu thế." Còn vị không học *Abhidhamma*, nhầm lẫn giữa "giáo lý của mình" (*sattavāda*) và "giáo lý của người" (*paravāda*).

[7] *M.* I. 23 viết Ngài là vị Trí tuệ đệ nhất.

mặc cặp áo ấy vào buổi chiều. Cũng vậy, này Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Này Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

339. Rồi Tôn giả Sāriputta nói với các Tôn giả ấy:

– Này chư Hiền, chúng ta đã trả lời theo sự giải thích của chúng ta. Chư Hiền, chúng ta hãy đi đến chỗ Thế Tôn ở và thuật lại vấn đề này cho Thế Tôn rõ. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tôn giả ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Rồi những Tôn giả ấy đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Tôn giả Revata và Tôn giả Ānanda đến tại chỗ con ở để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, con thấy Tôn giả Revata và Tôn giả Ānanda từ xa đi đến; thấy vậy, con nói với Tôn giả Ānanda:

– Tôn giả Ānanda, hãy đến đây, thiện lai Tôn giả Ānanda, vị thị giả Thế Tôn, vị hầu cận Thế Tôn. Này Hiền giả Ānanda, khả ái thay khu rừng Gosiṅga! Đêm rằm sáng trăng, cây Sa-la trổ hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Này Hiền giả Ānanda, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, Tôn giả Ānanda trả lời với con như sau:

– Ở đây, Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh; những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và giữ gìn kỹ, được lặp lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

– Lành thay, lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Ānanda phải trả lời như vậy. Này Sāriputta, Ānanda là bậc đa văn, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh; những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lặp lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng, với văn cú viên dung lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên.

340. – Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Revata:

– Này Hiền giả Revata, Tôn giả Ānanda đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata: Này Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosiṅga! ... (như trên). Này Hiền giả Revata, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

– Lành thay, lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Revata phải trả lời như vậy. Này Sāriputta, Revata ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch.

341. – Bạch Thế Tôn, khi được nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Anuruddha như sau:

– Này Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha: Này Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosiṅga! ... (như trên). Này Hiền giả Anuruddha, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, Tôn giả Anuruddha nói với con:

– Này Hiền giả Sāriputta, ở đây, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sāriputta, ví như một người có mắt, lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp rồi quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

– Lành thay, lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Anuruddha phải trả lời như vậy. Này Sāriputta, chính Anuruddha với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quán sát ngàn thế giới.

342. – Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Mahākassapa:

– Này Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa: Này Hiền giả Kassapa, khả ái thay ngôi rừng Gosiṅga! ... (như trên). Này Hiền giả Kassapa, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, Tôn giả Mahākassapa nói với con:

– Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi; tự mình sống khất thực và tán thán đời sống khất thực; tự mình mặc y phấn tảo và tán thán hạnh mặc y phấn tảo; tự mình sống với ba y và tán thán hạnh ba y; tự mình sống thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục; tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ; tự mình sống độc cư và tán thán

hạnh độc cư; tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục; tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạnh tinh cần, tinh tấn; tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh; tự mình thành tựu thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định; tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ; tự mình thành tựu giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát; tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo ấy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

– Lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Kassapa phải trả lời như vậy. Này Sāriputta, Kassapa tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi... tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến.

343. – Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Hiền giả Moggallāna, Tôn giả Mahākassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahāmoggallāna: Này Hiền giả Moggallāna, khả ái thay khu rừng Gosiṅga! ... (như trên). Này Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna nói với con:

– Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, hai Tỷ-kheo đàm luận về *Abhidhamma* (A-tỳ-đàm). Họ hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, họ trả lời được với nhau, chớ không dừng lại vì không trả lời được, và cuộc đàm luận về pháp của họ được tiếp tục. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

– Lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Moggallāna phải trả lời như vậy. Này Sāriputta, Moggallāna là bậc thuyết về Chánh pháp.

344. Được nghe nói vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nói với Tôn giả Sāriputta như sau:

– Hiền giả Sāriputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sāriputta: Này Hiền giả Sāriputta, khả ái thay khu rừng Gosiṅga! Đêm rằm sáng trăng, cây Sa-la trổ hoa cùng khắp, hương trời như tỏa rộng khắp nơi. Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga?

– Bạch Thế Tôn, được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với con:

– Ở đây, này Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Hiền giả Moggallāna, ví như

một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau. Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi chiều. Cũng vậy, này Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị Tỷ-kheo ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Này Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

– Lành thay, lành thay, Moggallāna! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Sāriputta phải trả lời như vậy. Này Moggallāna, Sāriputta điều phục được tâm, không phải Sāriputta không điều phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều.

345. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vị nào đã khéo trả lời [câu hỏi được đặt ra]?

– Này Sāriputta, tất cả đều lần lượt khéo trả lời. Và nay các ông hãy nghe Ta nói hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga. Ở đây, này Sāriputta, Tỷ-kheo sau khi đi khất thực và thọ trai về, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, và nghĩ rằng: "Ta sẽ không bỏ ngồi kiết-già này cho đến khi tâm của ta được khéo giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ." Này Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosiṅga.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tôn giả ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

33. ĐẠI KINH NGƯỜI CHĂN BÒ

(*Mahāgopālaka Sutta*)[1]

346. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, nếu không đầy đủ mười một đức tánh này, một người chăn bò không thể chăn giữ đàn bò, không thể khiến đàn bò được hưng thịnh. Thế nào là mười một? Ở đây, này các Tỷ-kheo, một người chăn bò không biết rõ sắc; không khéo [phân biệt] các tướng; không trừ bỏ trứng con bọ chét; không băng bó vết thương; không có xông khói;[2] không biết chỗ nước có thể lội qua; không biết chỗ nước uống; không biết con đường; không khéo léo đối với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ; là người vắt sữa cho đến khô kiệt; là người không chú ý, không săn sóc đặc biệt những con bò đực già và đầu đàn. Này các Tỷ-kheo, người chăn bò nào không đầy đủ mười một đức tánh như vậy, không thể chăn giữ đàn bò, không thể khiến đàn bò được hưng thịnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không đầy đủ mười một pháp, không thể lớn mạnh, tăng thịnh, thành mãn trong Pháp và Luật này. Thế nào là mười một? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không biết sắc; không khéo [phân biệt] các tướng; không trừ bỏ trứng con bọ chét; không băng bó vết thương; không có xông khói; không biết chỗ nước có thể lội qua; không biết chỗ nước uống; không biết con đường; không khéo léo đối với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ; là người vắt sữa cho đến khô kiệt; đối với những Thượng tọa, Trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc Tôn túc trong Tăng giới, bậc Lãnh đạo trong Tăng giới, không có sự tôn kính, tôn trọng đặc biệt.

347. Chư Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không biết rõ các sắc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với sắc pháp không như thật biết tất cả loại sắc thuộc bốn

---

[1] Xem *D*. I. 47. 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 214, 224, 235; *M*. I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 14, 157; III. 1, 29; *S*. IV. 103, 110, 177; *A*. I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347; *Kvu*. 463, 498. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1249. 0342c11); *Phật thuyết Phóng ngưu kinh* 佛說放牛經 (*T*.02. 0123. 0546a13); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.1. 0794a07); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.2. 0074a23).

[2] Chống bọ chét, ruồi, muỗi, v.v… mùa mưa, bò thường không ăn cỏ ở ngoài đồng. Xem *MA*. II. 259.

đại và sắc do bốn đại hợp thành.[3] Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không biết rõ các sắc. Chư Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không khéo [phân biệt] các tướng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không như thật biết kẻ ngu và nghiệp tướng của người đó, kẻ trí và nghiệp tướng của người đó.[4] Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không khéo [phân biệt] các tướng. Chư Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không trừ bỏ trứng con bọ chét? Ở đây,[5] này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thọ dụng dục tầm khởi lên, không từ bỏ, không tránh né, không chấm dứt, không làm cho không tồn tại; thọ dụng sân tầm khởi lên... (như trên)... thọ dụng hại tầm khởi lên... (như trên)... thọ dụng các ác, bất thiện pháp khởi lên, không từ bỏ, không tránh né, không chấm dứt, không làm cho không tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không trừ bỏ trứng con bọ chét. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không băng bó vết thương? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, nắm giữ tướng chung,[6] nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; Tỷ-kheo không tự chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì con mắt, không thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; Tỷ-kheo không chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì ý căn, không thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không băng bó vết thương. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không xông khói? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thuyết giảng rộng rãi cho các người khác biết Chánh pháp mình được nghe, được thọ trì. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không xông khói. Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo không biết chỗ nước có thể lội qua? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thỉnh thoảng có đến gặp những Tỷ-kheo đa văn được trao cho truyền thống giáo điển, những bậc trì pháp, trì luật, trì các bản tóm tắt (*mātika*), nhưng không hỏi, không trả lời các vị ấy: “Thưa Tôn giả, điểm này là thế nào? Ý nghĩa này là gì?” Những bậc Tôn giả ấy không làm cho hiển lộ những điều chưa hiển lộ; không làm cho rõ ràng những điều chưa được rõ ràng; và đối với những nghi vấn về Chánh pháp, các vị ấy không đoạn trừ nghi hoặc. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không biết chỗ nước có thể lội qua. Và chư Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không biết rõ chỗ nước uống? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, trong khi Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết được giảng dạy, không chứng đạt Nghĩa tín thọ,[7] Pháp tín thọ, không chứng đạt được sự hân hoan liên hệ đến Pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không biết chỗ nước uống. Và này các Tỷ-kheo, thế nào

[3] *M.* I. 185.

[4] *A.* I. 102.

[5] *M.* I. 11.

[6] *D.* I. 70.

[7] *M.* I. 37; II. 206.

là Tỷ-kheo không biết về con đường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không như thật biết con đường Thánh đạo tám ngành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không biết đến con đường. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không khéo léo với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không như thật biết về Bốn niệm xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không khéo léo với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo vắt sữa cho đến khô kiệt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi các vị tại gia vì lòng tin cúng dường các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, Tỷ-kheo không biết nhận lãnh cho được vừa đủ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo vắt sữa cho đến khô kiệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đối với những Thượng tọa, Trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc Tôn túc trong Tăng giới, bậc Lãnh đạo trong Tăng giới, không có sự tôn kính, sự tôn trọng đặc biệt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các Thượng tọa, Trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc Tôn túc trong Tăng giới, các bậc Lãnh đạo trong Tăng giới, không có thân nghiệp đầy lòng từ[8] đối với các vị ấy trước mặt và sau lưng; không có khẩu nghiệp đầy lòng từ đối với các vị ấy trước mặt và sau lưng; không có ý nghiệp đầy lòng từ đối với các vị ấy trước mặt và sau lưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đối với những Thượng tọa, Trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc Tôn túc trong Tăng giới, bậc Lãnh đạo trong Tăng giới, không có sự tôn kính, sự tôn trọng đặc biệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không đầy đủ mười một pháp này, thì không thể lớn mạnh, tăng thịnh, thành mãn trong Pháp và Luật này.

348. Này các Tỷ-kheo, người chăn bò đầy đủ mười một đức tánh này có thể chăn giữ đàn bò, khiến đàn bò trở thành hưng thịnh. Thế nào là mười một? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chăn bò biết rõ sắc; khéo [phân biệt] các tướng; trừ bỏ trứng con bọ chét; băng bó vết thương; có xông khói; biết chỗ nước có thể lội qua; biết chỗ nước uống; biết con đường; khéo léo đối với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ; không vắt sữa cho đến khô kiệt; là người chú ý, săn sóc đặc biệt những con bò đực già và đầu đàn. Này các Tỷ-kheo, người chăn bò đầy đủ mười một đức tánh này có thể chăn giữ đàn bò và làm cho đàn bò trở thành hưng thịnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ mười một pháp này có thể lớn mạnh, tăng thịnh, thành mãn trong Pháp và Luật này. Thế nào là mười một? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết rõ sắc; khéo [phân biệt] các tướng; trừ bỏ trứng con bọ chét; băng bó vết thương; có xông khói; biết chỗ nước có thể lội qua; biết chỗ nước uống; biết con đường; khéo léo đối với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ; không phải là người vắt sữa cho đến khô kiệt; đối với những Thượng tọa, Trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc Tôn túc trong Tăng giới, bậc Lãnh đạo trong Tăng giới, có sự tôn kính, tôn trọng đặc biệt.

349. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết rõ các sắc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với sắc pháp như thật biết tất cả loại sắc thuộc bốn đại và

---

[8] *M.* I. 206.

sắc do bốn đại hợp thành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết rõ các sắc. Chư Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo khéo [phân biệt] các tướng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật biết kẻ ngu và nghiệp tướng kẻ ngu, kẻ trí và nghiệp tướng kẻ trí. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khéo [phân biệt] các tướng. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trừ bỏ trứng con bọ chét? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thọ dụng dục tầm khởi lên, từ bỏ, tránh né, chấm dứt, làm cho không tồn tại. Tỷ-kheo không thọ dụng sân tầm khởi lên... (như trên)... không thọ dụng hại tầm khởi lên... (như trên)... không thọ dụng các ác, bất thiện pháp khởi lên, từ bỏ, tránh né, chấm dứt, làm cho không tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trừ bỏ trứng con bọ chét. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo băng bó vết thương? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo băng bó vết thương. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo có xông khói? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thuyết giảng rộng rãi cho các người khác biết Chánh pháp mình được nghe, được thọ trì. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo có xông khói. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết chỗ nước có thể lội qua? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thỉnh thoảng có đến gặp những Tỷ-kheo đa văn, được trao cho truyền thống giáo điển, những bậc trì pháp, trì luật, trì các bản tóm tắt (*mātika*), có hỏi, có trả lời các vị ấy: "Thưa Tôn giả, điểm này là thế nào? Ý nghĩa này là gì?" Những bậc Tôn giả ấy làm cho hiển lộ những điều chưa được hiển lộ; làm cho rõ ràng những điều chưa được rõ ràng; và đối với những nghi vấn về Chánh pháp, các vị đoạn trừ nghi hoặc. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết rõ chỗ nước có thể lội qua. Và chư Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết rõ chỗ nước uống? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, giảng dạy, chứng đạt Nghĩa tín thọ, chứng đạt Pháp tín thọ, chứng đạt sự hân hoan liên hệ đến Pháp. Như vậy, là Tỷ-kheo biết chỗ nước uống. Và các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết rõ về con đường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật biết con đường Thánh đạo tám ngành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết rõ con đường. Và này, các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo khéo léo đối với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật biết về Bốn niệm xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo khéo léo đối với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không vắt sữa cho đến khô kiệt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi các vị tại gia vì lòng tin cúng dường các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa,

dược phẩm trị bệnh, Tỷ-kheo biết nhận lãnh cho được vừa đủ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không vắt sữa cho đến khô kiệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đối với những Thượng tọa, Trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc Tôn túc trong Tăng giới, bậc Lãnh đạo trong Tăng giới, có sự tôn kính, sự tôn trọng đặc biệt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Thượng tọa, Trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc Tôn túc trong Tăng giới, bậc Lãnh đạo trong Tăng giới, có thân nghiệp đầy lòng từ đối với các vị ấy trước mặt và sau lưng; có khẩu nghiệp đầy lòng từ đối với các vị ấy trước mặt và sau lưng; có ý nghiệp đầy lòng từ đối với các vị ấy trước mặt và sau lưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đối với những Thượng tọa, Trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc Tôn túc trong Tăng giới, bậc Lãnh đạo trong Tăng giới, có sự tôn kính, có sự tôn trọng đặc biệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đầy đủ mười một pháp này, thì có thể lớn mạnh, tăng thịnh, thành mãn trong Pháp và Luật này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

34. TIỂU KINH NGƯỜI CHĂN BÒ
(*Cūḷagopālaka Sutta*)[1]

350. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa các bộ tộc Vajjī (Bạt-kỳ), tại Ukkacelā, trên bờ sông Hằng. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Ngày xưa, này các Tỷ-kheo, tại Magadha có người chăn bò vô trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, không quán sát bờ bên này sông Hằng, không quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ không có thể lội qua được. Này các Tỷ-kheo, những con bò xô nhau tụ lại giữa dòng sông Hằng và gặp tai nạn tại nơi đây. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì người chăn bò ở Magadha là vô trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, không quán sát bờ bên này sông Hằng, không quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ không thể lội qua được. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn không khéo biết đời này, không khéo biết đời sau, không khéo biết ma giới,[2] không khéo biết phi ma giới,[3] không khéo biết tử thần giới,[4] không khéo biết phi tử thần giới.[5] Những ai nghĩ rằng cần phải nghe, cần phải tin những vị này, thì họ sẽ gặp bất hạnh, đau khổ lâu dài.

351. Ngày xưa, này các Tỷ-kheo, tại Magadha có người chăn bò có trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, sau khi quán sát bờ bên này sông Hằng, sau khi quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ có thể lội qua được. Người đó đuổi đi đầu những con bò đực già, những con đầu đàn. Những con này, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đưa qua những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực có được huấn luyện. Những con này, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đuổi

---

[1] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1248. 0342a22); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.6. 0761b14).

[2] Ở đây chỉ cho dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Xem *MA*. II. 266.

[3] Ở đây chỉ cho 4 Sắc giới định, 4 Vô sắc giới định và Diệt thọ tưởng định. Xem *MA*. II. 266.

[4] Dòng sông ái (*taṇhā*). *MA*. II. 267.

[5] Vượt ngoài vòng luân hồi (*saṃsāra*), đạt đến Niết-bàn. *MA*. II. 267.

qua những con bò đực con lớn, những con bò cái con lớn. Những con này, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đuổi qua những con bò con nhỏ, những con bò con còn bú. Những con này, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Này các Tỷ-kheo, thời xưa ấy có con bò còn nhỏ, mới sanh, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy, vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, cũng qua bờ bên kia một cách an toàn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì người chăn bò ở Magadha là người có trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, sau khi quán sát bờ bên này sông Hằng, sau khi quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ có thể lội qua được. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn khéo biết đối với đời này, khéo biết đối với đời sau, khéo biết ma giới, khéo biết phi ma giới, khéo biết tử thần giới, khéo biết phi tử thần giới. Những ai nghĩ rằng cần phải nghe, cần phải tin những vị này, thì họ sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

352. Này các Tỷ-kheo, ví như những con bò đực già đầu đàn, chúng đã lội cắt ngang dòng sông Hằng và qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những bậc A-la-hán, đã đoạn trừ các lậu hoặc, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, các hữu kiết sử đã hoàn toàn bị đoạn diệt, đã được giải thoát nhờ chánh trí. Những vị này, sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Này các Tỷ-kheo, ví như những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực có huấn luyện, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, ở tại đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại thế giới này nữa. Những vị ấy, sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn. Ví như, này các Tỷ-kheo, những con bò đực con lớn, những con bò cái con lớn, những con này, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo đã diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa, sẽ diệt tận khổ đau. Những vị ấy, sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn. Ví như, này các Tỷ-kheo, những con bò con nhỏ, những con bò con còn bú, những con này, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhất định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác. Những vị này, sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương và sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn. Ví như, này các Tỷ-kheo, con bò con còn nhỏ, mới sanh, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo Tùy pháp hành, Tùy tín hành, những vị này sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Này các Tỷ-kheo, nay Ta khéo biết đối với đời này, khéo biết đối với đời sau, khéo biết đối với ma giới, khéo biết đối với phi ma giới, khéo biết đối với tử thần giới, khéo biết đối với phi tử thần giới. Những ai nghĩ rằng cần phải nghe, cần phải tin nơi Ta, thì họ sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ nói vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

Đời này và đời sau,
Bậc Trí khéo trình bày,
Cảnh giới ma đạt được,
Cảnh tử thần không đạt.
Bậc Chánh Giác, Trí Giả,
Biết rõ mọi thế giới,
Cửa bất tử[6] rộng mở,
Đạt an ổn Niết-bàn.
Dòng ma bị chặt ngang,
Nát tan và hư hoại,
Hãy sống sung mãn hỷ,
Đạt an ổn Niết-bàn.

[6] Thánh đạo. Xem *MA*. II. 267.

35. TIỂU KINH SACCAKA
(*Cūḷasaccaka Sutta*)[1]

353. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, Đại Lâm, tại giảng đường Trùng Các. Lúc bấy giờ Nigaṇṭhaputta Saccaka ở tại Vesāli tánh ưa luận chiến, biện luận thiện xảo, được số đông tôn kính.[2] Vị này thường tuyên bố cho hội chúng ở Vesāli: "Ta không thấy một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội,[3] dầu tự cho là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không toát mồ hôi nách. Dầu ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường."

Rồi Tôn giả Assaji vào buổi sáng đắp y, cầm bát vào Vesāli để khất thực. Nigaṇṭhaputta Saccaka, thường hay ngao du thiên hạ, thấy Tôn giả Assaji từ xa đi lại. Sau khi thấy, Nigaṇṭhaputta Saccaka liền đến gần Tôn giả Assaji, nói lên những lời hỏi thăm, chào đón xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Nigaṇṭhaputta Saccaka nói với Tôn giả Assaji:

– Này Tôn giả Assaji, Sa-môn Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào? Và có những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Này Aggivessana, như thế này, Thế Tôn huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn như thế này, phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã." Như vậy này Aggivessana, Thế Tôn huấn luyện các đệ tử. Như vậy là các bộ môn mà phần lớn Thế Tôn giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Này Tôn giả Assaji, thật sự chúng tôi đã thất vọng (*dussuta*) khi nghe Sa-môn Gotama thuyết giảng như vậy. Rất có thể chúng tôi sẽ gặp Tôn giả Gotama

---

[1] Xem *S.* III. 21, 22; *Kvu.* 1, 209, 626. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.9-10. 0002a02-a12); *Tạp.* 雜 (T.02. 0099.110. 0035a17); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125. 37.10. 0715a28).

[2] *M.* I. 237.

[3] *M.* I. 198.

một thời nào đó và tại một chỗ nào đó. Rất có thể sẽ có một cuộc thảo luận. Rất có thể chúng tôi sẽ đoạn trừ ác tà kiến ấy.

354. Lúc bấy giờ, có khoảng độ năm trăm vị Licchavi tập hợp tại giảng đường vì một vài công vụ. Rồi Nigaṇṭhaputta Saccaka đến chỗ các Licchavi ấy; sau khi đến, liền nói với các vị ấy như sau:

– Hãy đến, các Tôn giả Licchavi! Hãy đến, các Tôn giả Licchavi! Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta. Nếu Sa-môn Gotama đứng đối thoại với ta như Tỷ-kheo Assaji, một vị đệ tử danh tiếng của ông ta đã làm, thì như một lực sĩ[4] tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, giật lui, vần quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, giật lui, vần quanh Sa-môn Gotama. Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu, nắm một góc thùng có thể kéo tới, giật lui, vần quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, giật lui, vần quanh Sa-môn Gotama. Và cũng như một lực sĩ nghiện rượu, sống phóng đãng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh; cũng vậy, ta sẽ dùng lời nói, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh[5] Sa-môn Gotama. Và cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước (*sāṇadhovika*); cũng vậy, ta nghĩ ta sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama. Hãy đến, các Tôn giả Licchavi! Hãy đến, các Tôn giả Licchavi! Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta.

Một số Licchavi nói như sau:

– Làm sao Sa-môn Gotama có thể luận thắng Nigaṇṭhaputta Saccaka? Nigaṇṭhaputta Saccaka sẽ luận thắng Sa-môn Gotama.

Một số Licchavi lại nói như sau:

– Làm sao chỉ là[6] Nigaṇṭhaputta Saccaka lại có thể luận thắng Thế Tôn? Thế Tôn sẽ luận thắng Nigaṇṭhaputta Saccaka.

Rồi Nigaṇṭhaputta Saccaka với khoảng năm trăm Licchavi vây quanh, cùng đi đến Đại Lâm, giảng đường Trùng Các.

355. Lúc bấy giờ một số đông các Tỷ-kheo đang đi qua lại ngoài sân. Nigaṇṭhaputta Saccaka đến các Tỷ-kheo; sau khi đến, liền nói với các vị ấy:

– Chư Tôn giả, nay Tôn giả Gotama ở đâu? Chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, Thế Tôn sau khi đi sâu vào Đại Lâm, đang ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi Nigaṇṭhaputta Saccaka cùng với đại chúng Licchavi, sau khi đi sâu vào Đại Lâm, đến tại chỗ Thế Tôn. Sau khi đến, Nigaṇṭhaputta Saccaka nói lên với

---

[4] *M.* I. 374.

[5] Như chú thích trên.

[6] *Bhavamāno. MA.* II. 272 lý giải rằng người thường không thể bắt bẻ lại Thế Tôn.

Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Một số Licchavi đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi chắp tay vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi xưng tên họ của mình rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi im lặng ngồi xuống một bên.

356. Niganṭhaputta Saccaka sau khi ngồi xuống một bên, nói với Thế Tôn:

– Tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama một vấn đề, nếu Tôn giả Gotama cho phép tôi được hỏi.

– Này Aggivessana, hãy hỏi như ông muốn.

– Tôn giả Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào? Những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Này Aggivessana, như thế này Ta huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn này, phần lớn Ta giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã." Như vậy, này Aggivessana, Ta huấn luyện các đệ tử. Các bộ môn như vậy, phần lớn Ta giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Này Tôn giả Gotama, tôi có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Này Aggivessana, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Như các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh là vì tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy, các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh. Tôn giả Gotama, như các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác, tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy, các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác. Cũng vậy, này Tôn giả Gotama, như người này mà tự ngã là sắc, nhờ nương tựa sắc làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thọ, nhờ nương tựa thọ làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là tưởng, nhờ nương tựa tưởng làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là các hành, nhờ nương tựa các hành làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thức, nhờ nương tựa thức làm thiện sự hay ác sự.

– Này Aggivessana, như vậy có phải ông nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta"?

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta." Và như đại chúng này cũng vậy.

– Này Aggivessana, đại chúng này có quan hệ gì với ông? Này Aggivessana, hãy giải thích lời nói của ông.

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta."

357. – Này Aggivessana, Ta sẽ hỏi ông trở lại về vấn đề này, ông có thể trả lời nếu ông muốn. Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh như Vua Pasenadi nước Kosala, Vua Ajātasattu con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất không?

– Tôn giả Gotama, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh như Vua Pasenadi nước Kosala, Vua Ajātasattu, con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất. Này Tôn giả Gotama, cho đến các giáo đoàn, các đoàn thể, như các Vajjī, các Malla, vẫn có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất, còn nói gì một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh như Vua Pasenadi nước Kosala, Vua Ajātasattu, con bà Vedehi nước Magadha. Này Tôn giả Gotama, vị ấy có quyền hành ấy và xứng đáng có quyền hành ấy.

– Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

Được hỏi vậy Niganṭhaputta Saccaka giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Niganṭhaputta Saccaka:

– Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

Lần thứ hai, Niganṭhaputta Saccaka vẫn giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với Niganṭhaputta Saccaka:

– Này Aggivessana, nay ông phải trả lời. Nay không phải lúc ông giữ im lặng nữa. Này Aggivessana, ai được Như Lai hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bể ra làm bảy mảnh tại chỗ.

Lúc bấy giờ, thần Dạ-xoa Vajirapāṇi (Kim Cang Thủ) đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng chói, đứng trên không trên đầu Niganṭhaputta Saccaka với ý định: "Nếu Thế Tôn hỏi đến câu hỏi thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà Niganṭhaputta Saccaka không trả lời, thì ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh." Chỉ có Thế Tôn và Niganṭhaputta Saccaka mới thấy thần Dạ-xoa Vajirapāṇi. Niganṭhaputta Saccaka sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, chỉ tìm thấy sự

che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự an ổn nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự nương tựa nơi Thế Tôn, liền bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama hãy hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

358. – Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", thì ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, ông hãy trả lời. Lời nói cuối của ông không phù hợp lời nói đầu của ông, lời nói đầu của ông không phù hợp lời nói cuối của ông. Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: "Thọ là tự ngã của ta", ông có quyền hành gì đối với thọ ấy và có nói được rằng: "Thọ của tôi phải như thế này, thọ của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, ông hãy trả lời. Lời nói cuối của ông không phù hợp lời nói đầu của ông, lời nói đầu của ông không phù hợp lời nói cuối của ông. Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: "Tưởng là tự ngã của ta", ông có quyền hành gì đối với tưởng ấy và có nói được rằng: "Tưởng của tôi phải như thế này, tưởng của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, ông hãy trả lời. Lời nói cuối của ông không phù hợp lời nói đầu của ông, lời nói đầu của ông không phù hợp lời nói cuối của ông. Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: "Các hành là tự ngã của ta", ông có quyền hành gì đối với các hành ấy và có nói được rằng: "Các hành của tôi phải như thế này, các hành của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, ông hãy trả lời. Lời nói cuối của ông không phù hợp lời nói đầu của ông, lời nói đầu của ông không phù hợp lời nói cuối của ông. Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: "Thức là tự ngã của ta", ông có quyền hành gì đối với thức ấy và có nói được rằng: "Thức của tôi phải như thế này, thức của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, ông hãy trả lời. Lời nói cuối của ông không phù hợp lời nói đầu của ông, lời nói đầu của ông không phù hợp lời nói cuối của ông. Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Thọ... (như trên)... tưởng... (như trên)... các hành... (như trên). Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Ai ái luyến khổ, chấp trước khổ, tham đắm khổ, quán khổ và nói: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.” Người ấy có thể liễu tri cái khổ của tự mình hay có thể sống trừ diệt khổ không?

– Làm sao có thể được, Tôn giả Gotama. Không thể như vậy, Tôn giả Gotama.

359. – Này Aggivessana, như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi chỗ này chỗ kia tìm kiếm lõi cây. Người ấy cầm một cái búa sắc bén, đi vào rừng. Người ấy có thể thấy ở đây, thân một cây chuối lớn[7] thẳng đứng, còn nhỏ, không có khúc đốt. Người ấy có thể chặt gốc cây ấy. Sau khi chặt gốc cây, người ấy chặt ngọn cây. Sau khi chặt ngọn cây, người ấy có thể lột ra các lá cuộn tròn. Nhưng khi lột ra các lá cuộn tròn, người ấy không tìm được giác cây, còn nói gì đến lõi cây. Cũng vậy, này Aggivessana, khi được Ta hỏi, Ta cật vấn, Ta chất vấn[8] về những lời của ông, ông đã tự tỏ ra trống rỗng, trống không, thất bại.[9] Nhưng này Aggivessana, những lời nói mà ông tuyên bố cho hội chúng ở Vesāli: “Ta không thấy một Sa-môn hay Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu có tự cho là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không bị toát mồ hôi nách. Dầu ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng

---

[7] Cây chuối là một điển hình cho loại cây không có lõi. Xem *S.* III. 142.

[8] *M.* I. 130.

[9] *Aparaddha* = *Parājita*: Thất bại. Xem *M.* I. 440.

sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường." Nhưng chính từ nơi trán của ông, này Aggivessana, những giọt mồ hôi đang chảy xuống, sau khi thấm qua thượng y, đang rơi xuống đất. Còn Ta, này Aggivessana, nay không có mồ hôi nào trên thân Ta.

Rồi Thế Tôn để lộ kim thân cho hội chúng ấy thấy. Khi nghe nói vậy, Niganṭhaputta Saccaka im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời.

360. Rồi Dummukha, một người con Licchavi, biết được Niganṭhaputta Saccaka im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Này Dummukha, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Bạch Thế Tôn, như một hồ sen không xa làng hay thị trấn bao nhiêu, ở đây có con cua. Bạch Thế Tôn, rồi một số đông con trai hay con gái đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, đến tại hồ sen kia; sau khi đến, lặn xuống hồ nước ấy bắt con cua lên và đặt nó trên đất khô. Bạch Thế Tôn, khi con cua này thò ra cái càng nào, thì các đứa con trai hay con gái ấy, với cái gậy hay miếng sành, chặt, bẻ gãy và đập nát cái càng ấy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con cua ấy bị chặt, bị bẻ gãy, bị đập nát tất cả càng, không thể lội xuống hồ sen ấy như trước. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, mọi khúc thuyết, gian kế, tranh luận của Niganṭhaputta Saccaka đã bị Thế Tôn chặt đứt, bẻ gãy, đập tan. Và nay, bạch Thế Tôn, Niganṭhaputta Saccaka không thể đến gặp Thế Tôn, chớ đừng nói là có ý định đàm luận.

Khi được nghe nói vậy, Niganṭhaputta Saccaka nói với Licchavi Dummukha:

– Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Chúng tôi không đàm luận với ông. Chúng tôi đang đàm luận với Tôn giả Gotama.

361. Tôn giả Gotama, hãy để yên những lời nói của chúng tôi và lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Tôi nghĩ cuộc đàm luận vô bổ này thật đáng hối tiếc![10] Cho đến mức độ nào, một đệ tử Thanh văn của Tôn giả Gotama trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn,[11] nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong Giáo hội Bổn sư, khỏi phải nương tựa một ai?

– Ở đây, này Aggivessana, đệ tử Thanh văn của Ta, đối với mọi sắc pháp thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Đối với mọi cảm thọ... đối với mọi tưởng... đối với mọi hành... đối với mọi thức

[10] *Vilāpa vilapita:* Nói lời vô ích.
[11] *Ovādappaṭikara*. Xem *M.* I. 491.

thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Cho đến mức độ như vậy, này Aggivessana, một đệ tử Thanh văn của Ta trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong Giáo hội Bổn sư, khỏi phải nương tựa một ai.

– Cho đến mức độ nào, này Tôn giả Gotama, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát?

– Ở đây, này Aggivessana, Tỷ-kheo đối với bất cứ sắc pháp nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả các sắc pháp, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", chứng được Vô chấp thủ giải thoát. Đối với bất cứ thọ nào... bất cứ tưởng nào... bất cứ hành nào... đối với bất cứ thức nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả các thức, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", chứng được Vô chấp thủ giải thoát. Cho đến mức độ này, này Aggivessana, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát. Với tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana, Tỷ-kheo thành tựu ba pháp vô thượng:[12] Kiến vô thượng, Đạo vô thượng, Giải thoát vô thượng. Được giải thoát như vậy, này Aggivessana, vị ấy chỉ kính lễ, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường Như Lai: "Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ. Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để chứng Niết-bàn."[13]

362. Được nghe nói vậy, Niganṭhaputta bạch với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chúng tôi thật là lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh suất. Chúng tôi đã dám nghĩ dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con voi điên, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu chống đám lửa hừng, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con rắn độc dữ tợn, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu với Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, chúng

---

[12] *Anuttariya*. Xem *D*. III. 219.
[13] *D*. III. 54.

tôi thật là lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh suất. Chúng tôi đã dám nghĩ dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả Gotama nhận lời, ngày mai dùng bữa ăn của tôi cùng với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

363. Rồi Nigaṇṭhaputta Saccaka, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền nói với các Licchavi:

– Các Tôn giả Licchavi hãy nghe tôi. Sa-môn Gotama ngày mai được mời ăn với chúng Tỷ-kheo. Hãy đem đến cho tôi những gì quý vị nghĩ là hợp thời.

Rồi những Licchavi ấy, sau khi đêm ấy đã mãn, cho đem đến Nigaṇṭhaputta Saccaka khoảng năm trăm phần cơm cúng dường nấu với sữa. Rồi Nigaṇṭhaputta Saccaka, tại vườn của mình, cho soạn các món ăn thịnh soạn loại cứng và loại mềm, rồi cho báo tin giờ cho Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ, cơm đã sửa soạn xong.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến khu vườn của Nigaṇṭhaputta Saccaka; sau khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi Nigaṇṭhaputta Saccaka, tự tay hầu hạ các món ăn thịnh soạn loại cứng và loại mềm cho chúng Tỷ-kheo, dẫn đầu là đức Phật. Rồi Nigaṇṭhaputta Saccaka sau khi biết Thế Tôn dùng bữa ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Nigaṇṭhaputta Saccaka bạch Thế Tôn:

– Này Tôn giả Gotama, trong cuộc bố thí này, nếu có công đức và công đức địa,[14] mong rằng những vị bố thí sẽ được hưởng hạnh phúc.

– Này Aggivessana, sẽ có [công đức] cho những người bố thí, đối với người đáng được cúng dường như ông, dầu ông không phải là không có tham, không phải là không có sân, không phải là không có si; sẽ có [công đức] cho ông, này Aggivessana, đối với người đáng được cúng dường như Ta, và Ta là người không có tham, không có sân, không có si.[15]

---

[14] *Puññamahī. MA*. II. 283 viết *vipākakkhandhānaṃyeva parivāro*, nghĩa là điều gì làm cho sự tích lũy quả trong tương lai thêm chồng chất.

[15] *MA*. II. 283 nêu rõ, các vị Licchavi cúng dường cho Saccaka, không phải cho đức Phật; còn Saccaka cúng dường lên đức Phật.

36. ĐẠI KINH SACCAKA

(*Mahāsaccaka Sutta*)[1]

364. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, Đại Lâm, tại giảng đường Trùng Các. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đắp y thật đầy đủ, cầm y bát, muốn vào Vesāli để khất thực. Rồi Nigaṇṭhaputta Saccaka tánh hay ngao du thiên hạ, trong khi đi khắp đó đây, đến tại Đại Lâm, giảng đường Trùng Các. Tôn giả Ānanda thấy Nigaṇṭhaputta Saccaka từ xa đi lại, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Nigaṇṭhaputta Saccaka đang đến, tánh ưa luận chiến, biện luận thiện xảo, được số đông tôn kính.[2] Bạch Thế Tôn, vị này ưa chỉ trích Phật, ưa chỉ trích Pháp, ưa chỉ trích Tăng. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn[3] ngồi lại một lát.

Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Rồi Nigaṇṭhaputta Saccaka đi đến chỗ Thế Tôn ở, nói lên những lời hỏi thăm, chúc tụng xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Nigaṇṭhaputta Saccaka nói với Thế Tôn:

365. – Tôn giả Gotama, có một số Sa-môn, Bà-la-môn sống chuyên lo tu tập về thân,[4] không tu tập về tâm.[5] Tôn giả Gotama, những vị này cảm thọ khổ về thân. Sự tình này đã xảy ra, này Tôn giả Gotama, do cảm thọ khổ về thân, chân sẽ bị tê liệt, quả tim có thể tức bể, máu nóng có thể trào ra từ miệng, có thể bị điên cuồng loạn tâm.[6] Tôn giả Gotama, sự tình này xảy ra đối với người mà tâm tùy thuộc thân, khi tâm chịu sự điều khiển của thân. Vì sao vậy? Vì tâm không được tu tập. Tôn giả Gotama, nhưng có một số Sa-môn, Bà-la-môn sống chuyên lo tu tập về tâm, không tu tập về thân. Tôn giả Gotama, những vị này cảm thọ khổ về tâm. Sự tình này đã xảy ra, này Tôn giả Gotama, do cảm thọ khổ về tâm, chân sẽ bị tê liệt, quả tim có thể tức bể, máu có thể trào ra từ miệng, có

---

[1] Xem *M.* I. 16, 118, 160; II. 91, 209. Tham chiếu: *A-ma-trú kinh* 阿摩晝經 (*T.*01. 0001.20. 0082a06); *Phạm động kinh* 梵動經 (*T.*01. 0001.21. 0088b12); *Chủng đức kinh* 種德經 (*T.*01. 0001.22. 0094a18); *Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T.*01. 0026.101. 0588a03); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.8. 0670c02); *Phật thuyết Thân mao hỷ thọ kinh* 佛說身毛喜豎經 (*T.*17. 0757. 0591c11).

[2] *M.* I. 227.

[3] Đối với Saccaka, vì Saccaka sẽ yết kiến Thế Tôn và nghe pháp. Xem *MA.* II. 284.

[4] *Bhāvanā*: Tiến triển, huấn luyện, tu tập, đây chỉ về tu tập tâm. *MA.* II. 285 nói *kāyabhāvanā* được gọi là *vipassanā* (quán); khi chứng được thời không còn tâm bệnh.

[5] *Cittabhāvanā* gọi là *samatha* (chỉ).

[6] *Cittakkhepa.*

thể bị điên cuồng loạn tâm. Tôn giả Gotama, sự tình này xảy ra đối với người mà thân tùy thuộc tâm, khi thân chịu sự điều khiển của tâm. Vì sao vậy? Vì thân không được tu tập. Này Tôn giả Gotama, rồi tôi suy nghĩ: "Thật sự, Thanh văn đệ tử của Tôn giả Gotama sống chuyên lo tu tập về tâm, không tu tập về thân."

366. – Này Aggivessana, ông nghe tu tập về thân như thế nào?

– Như Nanda Vaccha, Kisa Saṅkicca, Makkhali Gosāla, những vị này, này Tôn giả Gotama, sống lõa thể,[7] sống phóng túng, không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi chảo, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá thịt, không uống rượu nấu rượu men, cháo trấu. Những vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy các vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần.

– Này Aggivessana, họ có thể tự nuôi sống với mức độ như vậy chăng?

– Không phải vậy, này Tôn giả Gotama. Thỉnh thoảng, này Tôn giả Gotama, họ ăn những món ăn thù thắng loại cứng, họ ăn những món ăn thù thắng loại mềm, họ nếm những vị ăn thù thắng, họ uống những đồ uống thù thắng. Họ nhờ các món ăn ấy gầy dựng thân lực, làm cho thân to lớn, làm cho thân béo mập.

– Này Aggivessana, như vậy những gì ban đầu họ từ bỏ, về sau họ lại thọ dụng. Như vậy, có tụ, có tán [có được, có mất][8] cho thân này. Này Aggivessana, ông nghe tu tập về tâm như thế nào?

Nigaṇṭhaputta Saccaka, được Thế Tôn hỏi tu tập về tâm, không có thể trả lời được.

367. Rồi Thế Tôn nói với Nigaṇṭhaputta Saccaka:

– Này Aggivessana, thân tu tập mà ông vừa mới nói đầu tiên ấy không phải là thân tu tập đúng pháp trong giới luật của bậc Thánh. Này Aggivessana, ông còn không hiểu thân tu tập, làm sao ông có thể hiểu tâm tu tập. Và này Aggivessana, như thế nào là thân không tu tập, tâm không tu tập; như thế nào là thân tu tập, tâm tu tập? Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

---

[7] *M.* I. 77.

[8] *S.* II. 94.

Nigaṇṭhaputta Saccaka trả lời Thế Tôn.

368. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này Aggivessana, thế nào là thân không tu tập và thế nào là tâm không tu tập? Ở đây, này Aggivessana, kẻ vô văn phàm phu khởi lên lạc thọ. Người này được cảm giác lạc thọ, liền tham đắm lạc thọ và rơi vào sự tham đắm lạc thọ. Nếu lạc thọ ấy bị diệt mất, do lạc thọ đoạn diệt, khởi lên khổ thọ. Người ấy, do cảm giác khổ thọ, nên sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, đưa đến bất tỉnh. Này Aggivessana, lạc thọ ấy khởi lên cho người kia, chi phối tâm và an trú, do thân không tu tập. Khổ thọ ấy khởi lên chi phối tâm và an trú, do tâm không tu tập.

Này Aggivessana, không luận người nào mà cả hai phương diện đều có: Lạc thọ khởi lên, chi phối tâm và an trú, do thân không tu tập; khổ thọ khởi lên, chi phối tâm và an trú, do tâm không tu tập. Như vậy, này Aggivessana, người ấy là người có thân không tu tập và tâm không tu tập.

369. Và này Aggivessana, thế nào là thân tu tập và tâm tu tập? Ở đây, này Aggivessana, lạc thọ khởi lên cho vị Thánh đệ tử nghe nhiều. Vị này được cảm giác lạc thọ, nhưng không tham đắm lạc thọ, không rơi vào sự tham đắm lạc thọ. Nếu lạc thọ ấy bị diệt mất, do lạc thọ đoạn diệt, khởi lên khổ thọ, vị ấy cảm giác khổ thọ nhưng không sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, đưa đến bất tỉnh. Này Aggivessana, lạc thọ ấy khởi lên cho vị ấy, không chi phối tâm và không an trú, do thân có tu tập; khổ thọ ấy khởi lên cho vị ấy, không chi phối tâm và không an trú, do tâm có tu tập. Này Aggivessana, không luận người nào mà cả hai phương diện đều có: Lạc thọ khởi lên, không chi phối tâm và không an trú, do thân có tu tập; khổ thọ khởi lên, không chi phối tâm và không an trú, do tâm có tu tập. Như vậy này Aggivessana, người ấy là người có thân tu tập, có tâm tu tập.

370. – Như vậy, tôi có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama là vị có thân tu tập và có tâm tu tập.

– Này Aggivessana, dầu cho lời nói của ông có vẻ trịch thượng và khiêu khích, nhưng Ta sẽ trả lời cho ông. Này Aggivessana, khi Ta đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... và lạc thọ thật sự khởi lên nơi Ta, chi phối tâm và an trú, hay khổ thọ thật sự khởi lên nơi Ta, chi phối tâm và an trú, sự tình như vậy không thể xảy ra.

– Phải chăng một lạc thọ không khởi lên nơi Tôn giả Gotama một cách khiến cho lạc thọ ấy không thể chi phối tâm và an trú; phải chăng một khổ thọ không khởi lên nơi Tôn giả Gotama một cách khiến cho khổ thọ ấy không thể chi phối tâm và an trú?

371. – Này Aggivessana, sao có thể không như vậy được? Ở đây, này Aggivessana, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Đời sống gia đình bị gò bó, con đường đầy những

bụi đời. Đời sống xuất gia như sống giữa hư không. Thật rất khó cho một người sống tại gia đình mà có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

Rồi này Aggivessana, sau một thời gian, Ta trong khi còn niên thiếu, trẻ tuổi, tóc đen nhánh, đầy đủ huyết khí của tuổi thanh xuân, trong thời vàng son cuộc đời, mặc dầu cha mẹ không bằng lòng, nước mắt đầy mặt, than khóc, Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta xuất gia như vậy, một người đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đến chỗ Āḷāra Kālāma ở, khi đến xong liền thưa với Āḷāra Kālāma: "Hiền giả Kālāma, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này." Này Aggivessana, được nghe nói vậy, Āḷāra Kālāma nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống [và an trú]. Pháp này là như vậy, khiến kẻ có trí, không bao lâu như vị Bổn sư của mình [chỉ dạy], tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú." Này Aggivessana, và không bao lâu Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này Aggivessana, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng tọa), và Ta tự cho rằng Ta như kẻ khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này Aggivessana, Ta suy nghĩ như sau: "Āḷāra Kālāma tuyên bố pháp này không phải chỉ vì lòng tin: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta mới an trú.' Chắc chắn Āḷāra Kālāma biết pháp này, thấy pháp này rồi mới an trú." Này Aggivessana, rồi Ta đi đến chỗ Āḷāra Kālāma ở; sau khi đến, Ta nói với Āḷāra Kālāma: "Hiền giả Kālāma, cho đến mức độ nào, ngài tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này?" Này Aggivessana, được nói vậy, Āḷāra Kālāma tuyên bố về Vô sở hữu xứ. Rồi này Aggivessana, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Āḷāra Kālāma tuyên bố: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú.'" Rồi này Aggivessana, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này Aggivessana, Ta đi đến chỗ Āḷāra Kālāma ở; sau khi đến, Ta nói với Āḷāra Kālāma: "Này Hiền giả Kālāma, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

– Vâng, Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy.

– Này Hiền giả, tôi cũng tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy.

– Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng Phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự

chứng, tự đạt, và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!

Như vậy này Aggivessana, Āḷāra Kālāma là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy, ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này Aggivessana, rồi Ta tự suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô sở hữu xứ." Như vậy này Aggivessana, Ta không tôn kính pháp ấy và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

372. Rồi này Aggivessana, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta, khi đến xong Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Hiền giả, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này." Được nghe nói vậy, này Aggivessana, Uddaka Rāmaputta nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống [và an trú]. Pháp này là như vậy, khiến người có trí không bao lâu như vị Bổn sư của mình [chỉ dạy], tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú." Này Aggivessana, Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này Aggivessana, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí và giáo lý của bậc Trưởng lão, và Ta tự cho rằng: Ta như người khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này Aggivessana, Ta suy nghĩ như sau: "Rāma tuyên bố pháp này không phải vì lòng tin: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta mới an trú.' Chắc chắn Rāma thấy pháp này, biết pháp này, rồi mới an trú." Này Aggivessana, rồi Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta ở; sau khi đến, Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Hiền giả Rāma, cho đến mức độ nào, ngài tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này?" Này Aggivessana, được nghe nói vậy, Uddaka Rāmaputta tuyên bố về Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Rồi này Aggivessana, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Rāma mới có lòng tin. Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Rāma mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Rāma mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Rāma mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Rāma mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Rāma tuyên bố: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú.'" Rồi này Aggivessana, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này Aggivessana, Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta ở; sau khi đến, Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Này Hiền giả Rāma, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

– Vâng Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy.

– Này Hiền giả, tôi cũng đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy.

– Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng Phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!

Như vậy, này Aggivessana, Uddaka Rāmaputta là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy, ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Như vậy, này Aggivessana, Ta không tôn kính pháp ấy và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

373. Này Aggivessana, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ, tuần tự du hành tại nước Magadha (Ma-kiệt-đà) và đến tại tụ lạc Uruvelā (Ưu-lâu-tần-loa). Tại đây, Ta thấy một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Này Aggivessana, rồi Ta tự nghĩ: "Thật là một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Thật là một chỗ vừa đủ cho một thiện nam tử tha thiết tinh cần có thể tinh tấn." Và này Aggivessana, Ta ngồi xuống tại chỗ ấy và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn."

374. Rồi này Aggivessana, ba ví dụ khởi lên nơi Ta, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe. Này Aggivessana, ví như có một khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống và đặt trong nước.[9] Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra." Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống đặt trong nước ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa[10] thì có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì cành cây ấy đẫm ướt, đầy nhựa sống lại bị ngâm trong nước, nên người ấy chỉ bị mệt nhọc và bực bội.

– Cũng vậy, này Aggivessana, những Sa-môn hay những Bà-la-môn sống không xả ly các dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục như dục

---

[9] *M.* III. 95.

[10] *Uttarāraṇi*, trái nghịch với *adharāraṇi*.

tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm chưa được khéo đoạn trừ, chưa được khéo làm cho nhẹ bớt, nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác, và nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này không thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy cũng không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Này Aggivessana, đó là ví dụ thứ nhất, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

375. Này Aggivessana, rồi một ví dụ thứ hai, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta. Này Aggivessana, ví như có một khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra." Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa, có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì khúc cây ấy đẫm ướt, đầy nhựa sống, dầu được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, nên người ấy chỉ bị mệt nhọc và bực bội.

– Cũng vậy, này Aggivessana, những Sa-môn hay Bà-la-môn sống không xả ly các dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm chưa được khéo đoạn trừ, chưa được khéo làm cho nhẹ bớt. Nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Và nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này không thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy cũng không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Này Aggivessana, đó là ví dụ thứ hai, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

376. Này Aggivessana, rồi một ví dụ thứ ba, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta. Này Aggivessana, ví như có một khúc cây khô, không nhựa,[11] được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô. Có một người đến cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra." Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa, có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

– Thưa được, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì khúc cây ấy khô, không nhựa, lại được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô.

– Cũng vậy, này Aggivessana, những Sa-môn hay Bà-la-môn sống xả ly các dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục như dục tham, dục

---

[11] *M.* III. 95.

ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm được khéo đoạn trừ. Nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Và nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này không thình lình cảm thọ những cảm giác khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị này cũng có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Này Aggivessana, đó là ví dụ thứ ba, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

377. Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: "Ta hãy nghiến răng,[12] dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm!" Này Aggivessana, rồi Ta nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Khi Ta đang nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, mồ hôi thoát ra từ nơi nách của Ta. Này Aggivessana, như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại người ấy. Này Aggivessana, khi Ta đang nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, mồ hôi thoát ra từ nơi nách của Ta. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn (*padhānābhitunna*), do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

378. Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở."[13] Và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi. Này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi, thì một tiếng gió động kinh khủng thổi lên ngang qua lỗ tai. Này Aggivessana, ví như tiếng kinh khủng phát ra từ ống thổi bệ đang thổi của người thợ rèn. Cũng vậy, này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi, thời một tiếng gió động kinh khủng thổi lên ngang qua lỗ tai. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu Ta. Này Aggivessana, ví như một người lực sĩ[14] chém đầu [một người

---

[12] *M.* II. 120.

[13] *Appāṇaka jhāna.* Xem *M.* II. 212.

[14] Ví dụ này và các ví dụ kế tiếp được tìm thấy ở *M.* II. 193 và III. 259; *S.* IV. 56.

khác] với một thanh kiếm sắc, cũng vậy, này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu Ta. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, Ta cảm giác đau đầu[15] một cách kinh khủng. Này Aggivessana, ví như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi xiết mạnh; cũng vậy, này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, Ta cảm giác đau đầu một cách kinh khủng. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng [của Ta]. Này Aggivessana, ví như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén. Cũng vậy, này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng [của Ta]. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú, không dao động nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân Ta. Này Aggivessana, ví như hai người lực sĩ sau khi nắm cánh tay một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng. Cũng vậy, này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân Ta. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú, không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được

[15] *Sīse sīsavedanā honti*: Có những cảm thọ trên phần đầu.

khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Lại nữa, này Aggivessana, chư thiên thấy vậy nói như sau: "Sa-môn Gotama đã chết rồi." Một số chư thiên nói như sau: "Sa-môn Gotama chưa chết, nhưng Sa-môn Gotama sắp sửa chết." Một số chư thiên nói như sau: "Sa-môn Gotama chưa chết. Sa-môn Gotama cũng không phải sắp chết. Sa-môn Gotama là bậc A-la-hán, đời sống của một A-la-hán là như vậy."

379. Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy hoàn toàn tuyệt thực." Rồi này Aggivessana, chư thiên đến Ta và nói như sau: "Này Thiện hữu, Hiền giả chớ có hoàn toàn tuyệt thực. Này Thiện hữu, nếu Hiền giả có hoàn toàn tuyệt thực, chúng tôi sẽ đổ các món ăn chư thiên ngang qua các lỗ chân lông cho Hiền giả, và nhờ vậy Hiền giả vẫn sống." Rồi này Aggivessana, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta hoàn toàn tuyệt thực và chư thiên này đổ các món ăn chư thiên ngang qua các lỗ chân lông cho Ta và nhờ vậy Ta vẫn sống, thời như vậy Ta tự dối Ta." Này Aggivessana, Ta bác bỏ chư thiên ấy và nói: "Như vậy là đủ."

380. Này Aggivessana, rồi Ta tự suy nghĩ như sau: "Ta hãy giảm thiểu tối đa ăn uống, ăn ít từng giọt một, như súp đậu xanh, súp đậu đen hay súp đậu hột hay súp đậu nhỏ."[16] Và này Aggivessana, trong khi Ta giảm thiểu tối đa sự ăn uống, ăn từng giọt một, như súp đậu xanh, súp đậu đen hay súp đậu hột hay súp đậu nhỏ, thân của Ta trở thành hết sức gầy yếu. Vì Ta ăn quá ít,[17] tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt dây leo khô héo; vì Ta ăn quá ít, bàn trôn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà; vì Ta ăn quá ít, xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh; vì Ta ăn quá ít, các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột một nhà sàn hư nát; vì Ta ăn quá ít, nên con ngươi long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu; vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nhíu khô cằn như trái bí trắng và đắng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nhíu khô cằn. Này Aggivessana, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên này Aggivessana, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Này Aggivessana, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện, hay đi tiểu tiện" thì Ta ngã quỵ, úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít. Này Aggivessana, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thì này Aggivessana, trong khi Ta xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục, rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít. Lại nữa, này Aggivessana, có người thấy vậy nói như sau: "Sa-môn Gotama có da đen." Một số người nói như sau: "Sa-môn Gotama da không đen, Sa-môn Gotama có da màu xám." Một số người nói như

---

[16] Chữ P. là *muggayūsa*, *kulatthayūsa*, *kaḷāyayūsa* và *hareṇukayūsa*.

[17] *M.* I. 80.

sau: "Sa-môn Gotama da không đen, da không xám, Sa-môn Gotama có da màu vàng sẫm."[18] Cho đến mức độ như vậy, này Aggivessana, da của Ta vốn thanh tịnh, trong sáng bị hư hoại vì Ta ăn quá ít.

381. Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Thuở xưa có những Sa-môn hay Bà-la-môn thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng, không thể có gì hơn nữa. Về tương lai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng không thể có gì hơn nữa. Trong hiện tại, có những Sa-môn hay Bà-la-môn thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng, không thể có gì hơn nữa. Nhưng Ta, với sự khổ hạnh khốc liệt như thế này, vẫn không chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Hay là có đạo lộ nào khác đưa đến giác ngộ?"

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta biết, trong khi phụ thân Ta, thuộc dòng Sakka (Thích-ca), đang cày[19] và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây Diêm-phù-đề (Jambu), Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ." Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: "Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng?" Và này Aggivessana, tiếp theo ý niệm ấy,[20] ý thức này khởi lên nơi Ta: "Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ." Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: "Ta có sợ chăng lạc thọ này, một lạc thọ ly dục, ly bất thiện pháp?" Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: "Ta không sợ lạc thọ này, một lạc thọ ly dục, ly bất thiện pháp."

382. Rồi này Aggivessana, Ta suy nghĩ: "Nay thật không dễ gì chứng đạt lạc thọ ấy, với thân thể ốm yếu kinh khủng như thế này. Ta hãy ăn thô thực, ăn cơm với sữa chua." Rồi này Aggivessana, Ta ăn thô thực, ăn cơm với sữa chua. Này Aggivessana, lúc bấy giờ, năm Tỷ-kheo đang hầu hạ Ta suy nghĩ: "Khi nào Sa-môn Gotama chứng pháp, vị ấy sẽ nói cho chúng ta biết." Này Aggivessana, khi thấy Ta ăn thô thực, ăn cơm với sữa chua, các vị ấy chán ghét Ta, bỏ đi và nói: "Sa-môn Gotama nay sống đầy đủ vật chất, từ bỏ tinh tấn, trở lui đời sống sung túc."

383. Và này Aggivessana, sau khi ăn thô thực và được sức lực trở lại, Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này Aggivessana, như vậy, lạc thọ khởi lên nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này Aggivessana, như vậy, lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này Aggivessana,

---

[18] *Manguracchavi*, như *M.* I. 429 và II. 33; *D.* I. 193, 242.

[19] *MA.* II. 290: Đây là lễ cày cấy, *vappamangala.*

[20] Nghĩa là theo hơi thở vô, hơi thở ra. *MA.* II. 291.

như vậy, lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

384. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này." Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Aggivessana, đó là Minh thứ nhất Ta đã chứng được trong đêm canh một, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

385. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ta với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, Ta với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này Aggivessana, đó là Minh thứ hai Ta đã chứng được trong đêm canh giữa, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

386. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Ta biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự diệt khổ", biết như thật:

"Đây là con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, Ta khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Ta đã biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Này Aggivessana, đó là Minh thứ ba mà Ta đã chứng được trong canh cuối, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

387. Này Aggivessana, Ta biết rằng khi Ta thuyết pháp cho đại chúng gồm hàng trăm người, mỗi người nghĩ như thế này về Ta: "Đặc biệt cho ta, Sa-môn Gotama thuyết pháp." Này Aggivessana, chớ có hiểu như vậy. Khi Như Lai thuyết pháp cho đại chúng, thì đó chỉ vì mục đích giảng dạy. Và Ta, này Aggivessana, sau khi chấm dứt một buổi thuyết giảng như vậy, Ta an trú nội tâm, làm cho tịnh chỉ, làm cho nhất tâm, làm cho định tĩnh trên định tướng[21] thứ nhất ấy, và như vậy, Ta sống an trú, trường cửu, vĩnh viễn.

– Như vậy, Tôn giả Gotama thật đáng tin cậy, vì Ngài là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có cho phép ngủ ban ngày không?

– Này Aggivessana, Ta có cho phép vào cuối tháng hạ, sau khi khất thực về, sau khi xếp Đại y (*Saṅghāṭi*) thành bốn, chánh niệm tỉnh giác, Ta nằm xuống ngủ, nằm phía tay mặt.

– Này Tôn giả Gotama, như vậy một số Sa-môn, Bà-la-môn gọi là an trú nơi si ám.

– Này Aggivessana, như vậy không phải là si ám hay không si ám. Này Aggivessana, như thế nào là si ám và như thế nào là không si ám? Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Nigaṇṭhaputta Saccaka trả lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

388. – Đối với ai các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, những lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thục, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai,[22] vị ấy Ta gọi là còn si ám. Này Aggivessana, đối với ai các lậu hoặc đã được đoạn trừ, những lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thục, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, vị ấy Ta gọi là không còn si ám. Này Aggivessana, sự đoạn

[21] *Samādhinimitta. MA.* II. 292 giải thích là chú tâm trên kết quả của tánh không (*suññataphalasamādhi*).
[22] *M.* I. 464.

trừ lậu hoặc là không si ám. Này Aggivessana, đối với Như Lai, các lậu hoặc đã được đoạn trừ, những lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thục, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, chúng bị cắt tận gốc, được làm như cây Sa-la bị chặt đầu, khiến cho không thể tái sanh, không thể sanh lại trong tương lai. Này Aggivessana, ví như cây Sa-la bị chặt đứt đầu, không lớn lên; cũng vậy, này Aggivessana, đối với Như Lai, các lậu hoặc đã được đoạn trừ, những lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thục, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, chúng bị cắt tận gốc, được làm như cây Sa-la bị chặt đầu, khiến cho không thể tái sanh, không thể sanh lại trong tương lai.

389. Khi được nghe nói vậy, Nigaṇṭhaputta Saccaka bạch Thế Tôn:

– Thật kỳ diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Dầu cho Tôn giả Gotama bị chống đối một cách mỉa mai,[23] dầu cho bị công kích với những lời lẽ buộc tội trong cuộc đối thoại, màu da Tôn giả vẫn sáng, sắc mặt Tôn giả vẫn hoan hỷ như một A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này Tôn giả Gotama, tôi xác nhận tôi cùng với Pūraṇa Kassapa biện luận, vị này khi bị tôi dùng lời nói chất vấn, liền tránh né với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề và tỏ lộ sự phẫn nộ, sân hận, tức tối. Còn Tôn giả Gotama, dầu bị chống đối một cách mỉa mai, dầu bị công kích với những lời lẽ buộc tội trong cuộc đối thoại, màu da Tôn giả vẫn sáng, sắc mặt Tôn giả vẫn hoan hỷ như một A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này Tôn giả Gotama, tôi xác nhận tôi cùng với Makkhali Gosāla... Ajita Kesakambala... Pakudha Kaccāyana... Sañjaya Belaṭṭhiputta... cùng với Nigaṇṭha Nātaputta biện luận, vị này khi bị tôi dùng lời nói chất vấn liền tránh né với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề và tỏ lộ sự phẫn nộ, sân hận và tức tối. Còn Tôn giả Gotama, dầu bị chống đối một cách mỉa mai, dầu bị công kích với những lời lẽ buộc tội trong cuộc đối thoại, màu da Tôn giả vẫn sáng, sắc mặt Tôn giả vẫn hoan hỷ như một A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Và này Tôn giả Gotama, chúng tôi nay phải đi, chúng tôi có nhiều công việc, có nhiều việc phải làm.

– Này Aggivessana, ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Nigaṇṭhaputta Saccaka hoan hỷ tín thọ[24] lời Thế Tôn giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

---

[23] *Āsajja āsajja*. Xem *D*. I. 107.

[24] *M*. I. 442.

37. TIỂU KINH ĐOẠN TẬN ÁI

(*Cūḷataṇhāsaṅkhaya Sutta*)[1]

390. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), Đông Viên (Pubbārāma), giảng đường Lộc Mẫu (Migāramātu). Rồi Thiên chủ Sakka (Đế-thích) đến tại chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Thiên chủ Sakka đứng một bên, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nói một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc Tối thắng giữa chư thiên và loài người?[2]

– Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: "Thật không xứng đáng nếu có thiên vị đối với tất cả pháp."[3] Này Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau: "Thật không xứng đáng nếu có thiên vị đối với tất cả pháp", vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rốt ráo tất cả pháp. Do biết một cách rốt ráo tất cả pháp, nếu có một cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy, nên không chấp trước một vật gì ở đời; do không chấp trước nên không phiền não; do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn.[4] Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc Tối thắng giữa chư thiên và loài người.

Rồi Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết giảng, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

391. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahāmoggallāna ngồi cách Thế Tôn không xa.

---

[1] Tham chiếu: *Trưởng lão Thượng Tôn thùy miên kinh* 長老上尊睡眠經 (*T*.01. 0026.83. 0559b27); *Phật thuyết Ly thùy kinh* 佛說離睡經 (*T*.01. 0047. 0837a06); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.505. 0133b24); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.3. 0593c13).

[2] Trong *D*. II. 283, có đoạn Thiên chủ Sakka hỏi câu hỏi tương tự.

[3] *MA*. II. 298 nói đây chỉ cho 5 uẩn, 12 xứ và 18 giới.

[4] *M*. I. 67; *S*. III. 54; *MA*. II. 299 nói vị ấy chứng Niết-bàn nhờ đoạn trừ hết phiền não.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna suy nghĩ: "Không hiểu Yakkha (Dạ-xoa) kia, sau khi hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, có tín thọ hay không? Ta hãy tìm hiểu Dạ-xoa kia, sau khi hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, có tín thọ hay không?" Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất ở Đông Viên, Lộc Mẫu giảng đường và hiện ra ở giữa chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka, với đầy đủ năm trăm nhạc khí chư thiên,[5] đang vui chơi tại vườn Nhất Bạch Liên. Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả từ xa đến, bảo năm trăm nhạc khí chư thiên dừng nghỉ, đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, thưa với Tôn giả Mahāmoggallāna: "Hãy đến đây, Thiện hữu Moggallāna; thiện lai, Thiện hữu Moggallāna! Này Thiện hữu Moggallāna, lâu lắm Thiện hữu mới có dịp đến đây. Hãy ngồi, Thiện hữu Moggallāna, trên chỗ đã soạn sẵn." Tôn giả Mahāmoggallāna ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Còn Thiên chủ Sakka lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Thiên chủ Sakka đang ngồi xuống một bên:

– Này Kosiya, về lời thuyết giảng mà Thế Tôn đã nói cho ông một cách tóm tắt, thật tốt lành cho chúng tôi, nếu được nghe chỉ một phần lời thuyết giảng ấy.

392. – Thiện hữu Moggallāna, chúng tôi bận nhiều công việc, chúng tôi có nhiều việc phải làm, việc làm cho chúng tôi và việc làm cho chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba.[6] Lại nữa, này Thiện hữu Moggallāna, lời thuyết giảng ấy được khéo nghe, khéo nắm vững, khéo suy tư, khéo thẩm lự nên không thể mau quên được. Này Thiện hữu Moggallāna, xưa kia[7] phát khởi chiến tranh giữa chư thiên và chúng asura (a-tu-la). Này Thiện hữu Moggallāna, trong trận chiến này, chư thiên thắng, chúng asura bại. Này Thiện hữu Moggallāna, sau khi thắng trận chiến ấy và nhân dịp thắng trận, chúng tôi sau khi trở về, cho xây dựng một lâu đài tên là Vejayanta (Tối Thắng điện).[8] Này Thiện hữu Moggallāna, lâu đài Vejayanta có đến một trăm vọng tháp, trong mỗi vọng tháp có bảy ngôi nhà có hình tam giác, trong mỗi nhà tam giác có bảy tiên nữ, và mỗi tiên nữ có đến bảy thị nữ. Này Thiện hữu Moggallāna, Thiện hữu có muốn xem những điều khả ái của lâu đài Vejayanta không? Tôn giả Mahāmoggallāna im lặng nhận lời.

393. Rồi Thiên chủ Sakka cùng với Đại vương Vessavaṇa[9] để Tôn giả Mahāmoggallāna đi trước và đi đến lâu đài Vejayanta. Các thị nữ của Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả Mahāmoggallāna đi từ xa đến, sau khi thấy liền hổ thẹn, bẽn lẽn, rồi bước vào phòng của mình. Ví như cô dâu[10] khi thấy cha chồng liền

[5] *MA*. II. 300 nói có 5 loại.

[6] *Appeva sakena karaṇīyenāti sakaraṇīyameva appaṃ mandaṃ, na bahu, devānaṃ karaṇīyaṃ pana bahu.* Xem *MA*. II. 301.

[7] *D*. II. 285.

[8] *Thag*. 1194-96; *S*. I. 234; *DhA*. I. 273.

[9] Một trong những tên của Kuvera, vị chúa tể các Yakkha, quốc độ về phía Bắc.

[10] *M*. I. 186.

hổ thẹn, bẽn lẽn; cũng như vậy, các thị nữ của Thiên chủ Sakka, khi thấy Tôn giả Mahāmoggallāna liền hổ thẹn, bẽn lẽn, rồi bước vào phòng riêng của mình. Rồi Thiên chủ Sakka và Đại vương Vessavaṇa đưa Tôn giả Mahāmoggallāna đi thăm và xem khắp lâu đài Vejayanta: "Này Thiện hữu Moggallāna, xem điều khả ái này của lâu đài Vejayanta; xem điều khả ái này của lâu đài Vejayanta! Cái này chói sáng nhờ các công đức do Tôn giả Kosiya đã làm thời xưa; và loài người khi thấy cái gì khả ái liền nói: 'Thật sự, cái này chói sáng từ chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Cái này chói sáng nhờ các công đức do Tôn giả Kosiya đã làm thời xưa.'" Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna suy nghĩ: "Dạ-xoa này sống phóng dật một cách quá đáng. Ta hãy làm cho vị này hoảng sợ." Tôn giả Mahāmoggallāna liền thị hiện thần thông lực, dùng ngón chân cái làm cho lầu Vejayanta rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Thiên chủ Sakka, Đại vương Vessavaṇa và chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba, tâm cảm thấy kỳ diệu, hy hữu: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay đại thần thông lực, đại oai lực của Sa-môn! Với ngón chân cái, vị này làm cho thiên cung này rung động, chuyển động, chấn động mạnh!" Tôn giả Mahāmoggallāna, sau khi biết Thiên chủ Sakka đã hoảng sợ, lông tóc dựng ngược,[11] liền nói với Thiên chủ Sakka:

– Này Kosiya, về lời thuyết giảng mà Thế Tôn đã nói cho ông một cách tóm tắt, thật tốt lành cho chúng tôi, nếu được nghe chỉ một phần lời thuyết giảng ấy.

394. – Ở đây, này Thiện hữu Moggallāna, tôi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Này Thiện hữu Moggallāna, sau khi đứng một bên, tôi bạch với Thế Tôn như sau:

"Bạch Thế Tôn, một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận, giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc Tối thắng giữa chư thiên và loài người?"

Khi nghe nói vậy, này Thiện hữu Moggallāna, Thế Tôn nói với tôi như sau:

"Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: 'Thật không xứng đáng nếu có thiên vị đối với tất cả pháp.' Này Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau: 'Thật không xứng đáng nếu có thiên vị đối với tất cả pháp', vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rốt ráo tất cả pháp. Do biết một cách rốt ráo tất cả pháp, nếu có cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy nên không chấp trước một vật gì ở đời; do không chấp trước nên không phiền não; do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.' Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu

[11] *MA*. II. 304 nói ở đây là vì quá hoan hỷ.

cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc Tối thắng giữa chư thiên và loài người."

Như vậy, này Thiện hữu Moggallāna, Thế Tôn nói một cách tóm tắt cho tôi về ái tận giải thoát.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thiên chủ Sakka nói, như một nhà lực sĩ duỗi ra cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất giữa chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba và hiện ra tại Đông Viên, Lộc Mẫu giảng đường. Sau khi Tôn giả Mahāmoggallāna đi chẳng bao lâu, các thị nữ của Thiên chủ Sakka nói với Thiên chủ Sakka như sau:

– Thưa Thiên chủ, có phải vị ấy là Thế Tôn, bậc Đạo sư của Thiên chủ?

– Không, vị ấy không phải là Thế Tôn, bậc Đạo sư của ta. Vị ấy là đồng Phạm hạnh với ta, Tôn giả Mahāmoggallāna.

– Thưa Thiên chủ, thật là điều tốt lành cho Thiên chủ, có một vị đồng Phạm hạnh có đại thần thông, có đại oai lực như vậy. Chắc chắn vị ấy là Thế Tôn, bậc Đạo sư của Thiên chủ.

395. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna đến tại chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahāmoggallāna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có biết chăng, Thế Tôn vừa mới nói về ái tận giải thoát một cách tóm tắt cho một Dạ-xoa có đại oai lực?

– Này Moggallāna, Ta biết. Ở đây, Thiên chủ Sakka đến tại chỗ Ta ở; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, này Moggallāna, Thiên chủ Sakka bạch với Ta:

"Bạch Thế Tôn, nói một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc Tối thắng giữa chư thiên và loài người?"

Khi nghe nói vậy, này Moggallāna, Ta nói với Thiên chủ Sakka:

"Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: 'Thật không xứng đáng nếu có thiên vị đối với tất cả pháp.' Này Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau: 'Thật không xứng đáng nếu có thiên vị đối với tất cả pháp', vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rốt ráo tất cả pháp. Do biết một cách rốt ráo tất cả pháp, nếu có một cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy nên không chấp trước một vật gì ở đời. Do không chấp trước nên không phiền não; do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.' Này Thiên chủ, một cách tóm

tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc Tối thắng giữa chư thiên và loài người."

Như vậy, này Moggallāna, Ta biết Ta vừa nói một cách tóm tắt về ái tận giải thoát cho Thiên chủ Sakka.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

38. ĐẠI KINH ĐOẠN TẬN ÁI

(*Mahātaṇhāsaṅkhaya Sutta*)[1]

396. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo tên là Sāti, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến[2] như sau: "Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác."

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau: 'Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.'" Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá ở, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá như sau:

– Này Hiền giả Sāti, có đúng sự thật chăng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác"?

– Thật sự là vậy, chư Hiền, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

– Hiền giả Sāti, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Sāti, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi; không có duyên thì thức không hiện khởi.

Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, dù được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy:

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

---

[1] Xem *M.* I. 175, 220, 271, 339, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29, 280; *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 214, 224, 235; *S.* IV. 32, 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16; 29, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 263, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Trà-đế kinh* 嗏帝經 (*T*.01. 0026.201. 0766b28). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.304. 0086c23).

[2] Đây là một Thường kiến. *M.* I. 130 và 326 viết vị Tỷ-kheo này tên là Sāti, nhưng không phải là vị Đa văn Sāti trùng tụng *Jātaka.* Tỷ-kheo Sāti hiểu lầm rằng các uẩn khác có thể dừng, chỉ có thức là chuyển tiếp từ đời này qua đời kia và thức không do duyên (*paccaya*) cũng sinh khởi.

397. Vì các Tỷ-kheo ấy không thể làm cho Tỷ-kheo Sāti, con người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên các vị ấy đến chỗ Thế Tôn ở; khi đến xong, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác." Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá khởi lên ác tà kiến như sau: 'Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.'" Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá ở, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá:

"Này Hiền giả Sāti, có đúng sự thật chăng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: 'Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác'?"

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, nói với chúng con như sau:

"Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác."

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

"Hiền giả Sāti chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Sāti, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi; không có duyên thì thức không hiện khởi."

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, dầu cho được chúng con cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy:

– Thật sự là vậy, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

398. Rồi Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo khác:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, gọi Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá: "Hiền giả Sāti, bậc Đạo sư gọi Hiền giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá; sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá:

– Hiền giả Sāti, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, đang ngồi một bên:

– Này Sāti, có thật chăng, ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác"?

– Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này giong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

– Này Sāti, thế nào là thức ấy?

– Bạch Thế Tôn, chính thức ấy nói[3] cảm thọ, thọ lãnh chỗ này, chỗ kia, kết quả các hành động thiện ác.[4]

– Này kẻ mê mờ kia, vì ai mà ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ mê mờ kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói là thức do duyên khởi,[5] không có duyên thì thức không hiện khởi? Và này kẻ mê mờ kia, không những ông xuyên tạc Ta, vì ông đã tự chấp thủ sai lạc, ông còn tự phá hoại[6] ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ mê mờ kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho ông.

399. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong Pháp và Luật này không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể có được, không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nghe nói vậy, Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, im lặng, hổ ngươi, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn sau khi biết được Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, đang im lặng, hổ ngươi, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá:

– Này kẻ mê mờ kia, người ta sẽ biết ông qua ác tà kiến của chính ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng giống như Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi, không có duyên thì thức không hiện khởi.

---

[3] *Vado* đồng nghĩa với *Vade* (*PED*). Xem *M.* I. 552; *MA*. II. 305 viết *vadati*.

[4] *M.* I. 8.

[5] *M.* I. 191.

[6] *M.* I. 134.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo! Các ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy! Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi, không có duyên thì thức không hiện khởi. Nhưng Tỷ-kheo Sāti, con của người đánh cá, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho kẻ mê mờ ấy.

400. Này các Tỷ-kheo, do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: Duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi. Duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ gỗ bào. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu. Duyên đống rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đống rác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên, thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

401. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy sanh vật này không?

– Bạch Thế Tôn, có thấy.

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy sự tác thành sanh vật do món ăn ấy không?

– Bạch Thế Tôn, có thấy.

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy, do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy cũng bị đoạn diệt không?

– Bạch Thế Tôn, có thấy.

– Này các Tỷ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh: "Sanh vật này có thể không có mặt?"

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh: "Sự tác thành của món ăn ấy có thể có hay không?"

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh: "Do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt hay không bị đoạn diệt?"

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ thì sự nghi ngờ này được trừ diệt: "Sanh vật này có thể không có mặt."

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ thì sự nghi ngờ này được trừ diệt: "Sự tác thành của món ăn ấy có thể có hay không?"

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ thì sự nghi ngờ này được trừ diệt: "Do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt hay không bị đoạn diệt?"

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, "sanh vật này có mặt" [đối với vấn đề này], ở đây, các ông có phải không có nghi hoặc không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, "sự tác thành của món ăn ấy" [đối với vấn đề này], ở đây, các ông có phải không có nghi hoặc không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, "do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt" [đối với vấn đề này], ở đây, các ông có phải không có nghi hoặc không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, "sanh vật này có mặt" [đối với vấn đề này], có phải các ông khéo thấy như thật với chánh trí tuệ không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, "sự hiện hữu của sanh vật ấy là do các món ăn ấy tác thành", ... có phải các ông khéo thấy như thật với chánh trí tuệ không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, "do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt" [đối với vấn đề này], có phải các ông khéo thấy như thật với chánh trí tuệ không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, đối với tri kiến này được thanh tịnh như vậy, được làm cho trong sáng như vậy, nếu các ông chấp trước, lấy làm hãnh diện, truy cầu, xem là của mình, thì này các Tỷ-kheo, các ông có thể hiểu ví dụ chiếc bè,[7] nói pháp được giảng dạy là để vượt qua, không phải để nắm lấy?

---

[7] *M.* I. 134.

– Bạch Thế Tôn, không.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, đối với tri kiến này được thanh tịnh như vậy, được làm cho trong sáng như vậy, nếu các ông không chấp trước, không lấy làm hãnh diện, không truy cầu, không xem là của mình, thì này các Tỷ-kheo, các ông có thể hiểu ví dụ chiếc bè, nói pháp được giảng dạy là để vượt qua, không phải để nắm lấy?

– Bạch Thế Tôn, có.

402. – Này các Tỷ-kheo, có bốn món ăn giúp cho an trú các loài hữu tình đã sanh hay phò trợ các loài hữu tình sẽ sanh. Thế nào là bốn? Thứ nhất là đoàn thực hoặc thô hoặc tế, thứ hai là xúc thực, thứ ba là tư niệm thực và thứ tư là thức thực. Và này các Tỷ-kheo, bốn món ăn này, lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân?[8] Bốn món ăn này lấy ái làm nhân duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm sanh chủng, lấy ái làm nguyên nhân. Này các Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Ái lấy thọ làm nhân duyên, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm sanh chủng, lấy thọ làm nguyên nhân. Này các Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Thọ lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm sanh chủng, lấy xúc làm nguyên nhân. Này các Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Xúc lấy sáu nhập làm nhân duyên, lấy sáu nhập làm tập khởi, lấy sáu nhập làm sanh chủng, lấy sáu nhập làm nguyên nhân. Này các Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Sáu nhập lấy danh sắc làm nhân duyên, lấy danh sắc làm tập khởi, lấy danh sắc làm sanh chủng, lấy danh sắc làm nguyên nhân. Này các Tỷ-kheo, danh sắc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Danh sắc lấy thức làm nhân duyên, lấy thức làm tập khởi, lấy thức làm sanh chủng, lấy thức làm nguyên nhân. Này các Tỷ-kheo, thức này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Thức lấy hành làm nhân duyên, lấy hành làm tập khởi, lấy hành làm sanh chủng, lấy hành làm nguyên nhân. Này các Tỷ-kheo, các hành này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Các hành lấy vô minh làm nhân duyên, lấy vô minh làm tập khởi, lấy vô minh làm sanh chủng, lấy vô minh làm nguyên nhân. Như vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được hiện hữu. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

---

[8] *M.* I. 67.

403. Trước đã nói: "Sanh duyên già, chết [do duyên sanh nên già, chết hiện khởi]." Này các Tỳ-kheo, sanh duyên già, chết có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, sanh duyên già, chết. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Sanh duyên già, chết.

– Trước đã nói: "Hữu duyên sanh." Này các Tỳ-kheo, hữu duyên sanh có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, hữu duyên sanh. Như vậy, đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Hữu duyên sanh.

– Trước đã nói: "Thủ duyên hữu." Này các Tỳ-kheo, thủ duyên hữu có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, thủ duyên hữu. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Thủ duyên hữu.

– Trước đã nói: "Ái duyên thủ." Này các Tỳ-kheo, ái duyên thủ có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, ái duyên thủ. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Ái duyên thủ.

– Trước đã nói: "Thọ duyên ái." Này các Tỳ-kheo, thọ duyên ái có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, thọ duyên ái. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Thọ duyên ái.

– Trước đã nói: "Xúc duyên thọ." Này các Tỳ-kheo, xúc duyên thọ có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, xúc duyên thọ. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Xúc duyên thọ.

– Trước đã nói: "Sáu nhập duyên xúc." Này các Tỳ-kheo, sáu nhập duyên xúc có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, sáu nhập duyên xúc. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Sáu nhập duyên xúc.

– Trước đã nói: "Danh sắc duyên sáu nhập." Này các Tỳ-kheo, danh sắc duyên sáu nhập có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, danh sắc duyên sáu nhập. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Danh sắc duyên sáu nhập.

– Trước đã nói: "Thức duyên danh sắc." Này các Tỳ-kheo, thức duyên danh sắc có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, thức duyên danh sắc. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Thức duyên danh sắc.

– Trước đã nói: "Hành duyên thức." Này các Tỷ-kheo, hành duyên thức có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, hành duyên thức. Như vậy, đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Hành duyên thức.

– Trước đã nói: "Vô minh duyên hành." Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, vô minh duyên hành. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Vô minh duyên hành.

404. – Lành thay, này các Tỷ-kheo! Các ông nói như vậy và Ta cũng nói như vậy: "Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh", như vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não cùng sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do vô minh đoạn diệt, xả ly một cách hoàn toàn nên các hành diệt; do các hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt; do sáu nhập diệt nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

405. Trước đã nói: "Do sanh diệt nên già, chết diệt." Này các Tỷ-kheo, do sanh diệt nên già, chết diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do sanh diệt nên già, chết diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do sanh diệt nên già, chết diệt.

– Trước đã nói: "Do hữu diệt nên sanh diệt." Này các Tỷ-kheo, do hữu diệt nên sanh diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do hữu diệt nên sanh diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do hữu diệt nên sanh diệt.

– Trước đã nói: "Do thủ diệt nên hữu diệt." Này các Tỷ-kheo, do thủ diệt nên hữu diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do thủ diệt nên hữu diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do thủ diệt nên hữu diệt.

– Trước đã nói: "Do ái diệt nên thủ diệt." Này các Tỷ-kheo, do ái diệt nên thủ diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do ái diệt nên thủ diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do ái diệt nên thủ diệt.

– Trước đã nói: "Do thọ diệt nên ái diệt." Này các Tỷ-kheo, do thọ diệt nên ái diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do thọ diệt nên ái diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do thọ diệt nên ái diệt.

– Trước đã nói: "Do xúc diệt nên thọ diệt." Này các Tỷ-kheo, do xúc diệt nên thọ diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do xúc diệt nên thọ diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do xúc diệt nên thọ diệt.

– Trước đã nói: "Do sáu nhập diệt nên xúc diệt." Này các Tỷ-kheo, do sáu nhập diệt nên xúc diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do sáu nhập diệt nên xúc diệt.

– Trước đã nói: "Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt." Này các Tỷ-kheo, do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt.

– Trước đã nói: "Do thức diệt nên danh sắc diệt." Này các Tỷ-kheo, do thức diệt nên danh sắc diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do thức diệt nên danh sắc diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do thức diệt nên danh sắc diệt.

– Trước đã nói: "Do hành diệt nên thức diệt." Này các Tỷ-kheo, do hành diệt nên thức diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do hành diệt nên thức diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do hành diệt nên thức diệt.

– Trước đã nói: "Do vô minh diệt nên hành diệt." Này các Tỷ-kheo, do vô minh diệt nên hành diệt có phải không? Hay ở đây [nghĩa] như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do vô minh diệt nên hành diệt. Như vậy đối với chúng con, [nghĩa] ở đây là vậy: Do vô minh diệt nên hành diệt.

406. – Lành thay, này các Tỷ-kheo! Các ông nói như vậy và Ta cũng nói như vậy: "Cái này không có nên cái kia không có, cái này diệt nên cái kia diệt", như vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên sáu nhập diệt, sáu nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

407. Này các Tỷ-kheo, các ông biết như vậy, thấy như vậy, có còn chạy theo thời quá khứ, và suy nghĩ: "Ta có mặt trong thời quá khứ hay không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ, hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta có mặt như thế nào trong thời quá khứ?"

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các ông biết như vậy, thấy như vậy, có còn chạy theo thời vị lai, và suy nghĩ: "Ta sẽ có mặt trong thời vị lai[9] hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai, hình vóc như thế nào? Vị lai ta là gì và ta sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai?"

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các ông biết như vậy, thấy như vậy, các ông có nghi ngờ gì về mình trong thời hiện tại: "Ta có mặt hay ta không có mặt? Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt, hình vóc như thế nào? Hữu tình này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu?"

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các ông biết như vậy, thấy như vậy, các ông có nói như sau: "Bậc Đạo sư không quá nặng nề[10] đối với chúng ta. Chúng ta nói vì chúng ta tôn trọng bậc Đạo sư"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các ông biết như vậy, thấy như vậy, các ông có nói như sau: "Một Sa-môn nói với chúng tôi như vậy, các Sa-môn khác cũng nói như vậy, và còn chúng tôi không có nói như vậy"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các ông biết như vậy, thấy như vậy, các ông có tìm một vị Đạo sư khác không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các ông biết như vậy, thấy như vậy, các ông có trở lui lại các giới cấm, tế tự đàn tràng[11] của các tục tử Sa-môn, Bà-la-môn [và nghĩ rằng] chúng là căn bản không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, có phải các ông chỉ nói những gì các ông tự biết, tự thấy,[12] tự ý thức được?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, các ông đã được Ta giới thiệu Chánh pháp, pháp này thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. Này các Tỷ-kheo, pháp này thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả

[9] *M.* I. 8.

[10] *MA*. II. 309 viết rằng *garu* ở đây nghĩa là *bhārika,* nặng nề, gánh nặng, chịu đựng một cách miễn cưỡng.

[11] *Vatakotūhalamaṅgala.*

[12] Với con mắt trí tuệ. Xem *MA*. II. 309.

năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. Tất cả những gì đã nói là do duyên này mà nói.

408. Này các Tỷ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình:[13] Ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ không trong thời có thể thụ thai, và hương ấm (*gandhabba*) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương ấm[14] không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Và này các Tỷ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời kỳ có thể thụ thai, và hương ấm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy thì bào thai mới thành hình. Rồi này các Tỷ-kheo, người mẹ trong chín hay mười tháng mang bào thai ấy với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Rồi này các Tỷ-kheo, sau chín hay mười tháng, người mẹ sinh đẻ với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Khi đã sinh, người mẹ nuôi [hài nhi ấy] với máu của mình. Này các Tỷ-kheo, trong Luật của bậc Thánh, sữa của bà mẹ được xem là máu. Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ ấy, sau khi lớn lên, sau khi các căn đã thuần thục, chơi với những trò chơi[15] dành cho các đứa trẻ như với cái cày nhỏ, chơi khăng, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đong bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ. Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ sau khi lớn lên, sau khi các căn do mắt nhận thức, được thuần thục, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc; các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức...; các hương do mũi nhận thức...; các vị do lưỡi nhận thức...; các xúc do thân cảm xúc; các xúc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục.

409. Khi người đó thấy sắc[16] bằng mắt, người đó tham ái[17] đối với sắc đẹp, người đó ghét bỏ đối với sắc xấu, người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn.[18] Người đó không như thật tuệ tri Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát,[19] chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ [thuận, nghịch],[20] có cảm thọ nào khởi lên: Lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước thọ ấy. Vì tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh; có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Khi người đó nghe tiếng với tai... (như trên). Khi người đó ngửi hương với

[13] *M.* II. 157; *Miln.* 123; *Divy.* I. 440.

[14] *MA.* II. 310 giải thích *gandhabba* là loài hữu tình vào trong bào thai... loài hữu tình sắp sửa nhập thai (*tatrūpagasatta*).

[15] *D.* 16, *Mahāparinibbāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*).

[16] *S.* IV. 120, 184.

[17] *Sārajjāti. MA.* II. 311 viết *rāgaṃ uppādeti. S.* IV. 120, 184 viết *adhimuccati.*

[18] *Parittacetasa,* trái với *appamāṇacetasa.*

[19] Thường liên hệ đến Bốn vô lượng tâm.

[20] Giải thích là tham và sân. Xem *MA.* II. 311.

mũi... (như trên). Khi người đó nếm vị với lưỡi... (như trên). Khi người đó cảm xúc với thân... (như trên). Khi người đó nhận thức pháp với ý, người đó tham ái đối với pháp tốt, ghét bỏ đối với pháp xấu. Người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri đến Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không còn dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ [thuận, nghịch], có cảm thọ nào khởi lên: Lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy. Vì người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh. Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

410. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều Như Lai đã chứng ngộ. Như Lai thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Như Lai truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy; sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng kính ngưỡng Như Lai. Khi có lòng kính ngưỡng, vị ấy suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Sau một thời gian, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu, tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

411. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống thành tựu học pháp chánh hạnh, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sống thanh tịnh, không có trộm cắp; từ bỏ tà hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống hạnh viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ; từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại đối với đời; từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đến nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp; từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói không

lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người; từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hột giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, trình diễn, từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thơm và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà, con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương và đất đai; từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Vị ấy biết đủ với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đến tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Tỳ-kheo biết đủ với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đến tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Vị ấy nhờ thành tựu Thánh giới uẩn này nên hưởng được lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm. Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... (như trên)... mũi ngửi hương... (như trên)... lưỡi nếm vị... (như trên)... thân cảm xúc... (như trên)... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác.

412. Vị ấy với sự thành tựu Thánh giới uẩn này, với sự thành tựu Thánh hộ trì các căn này, và với Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm

hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

413. Vị ấy, sau khi từ bỏ năm triền cái làm ô nhiễm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

414. Khi vị ấy thấy sắc bằng mắt, vị ấy không tham ái đối với sắc đẹp, không ghét bỏ đối với sắc xấu, vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, vị ấy từ bỏ [thuận, nghịch], có cảm thọ nào khởi lên: Lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt; do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Khi vị ấy nghe tiếng bằng tai... (như trên). Khi vị ấy ngửi hương bằng mũi... (như trên). Khi vị ấy nếm vị bằng lưỡi... (như trên). Khi vị ấy cảm xúc bằng thân... (như trên). Khi vị ấy nhận thức pháp bằng ý, vị ấy không tham ái đối với pháp tốt, không ghét bỏ đối với pháp xấu. Vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, vị ấy đoạn trừ [thuận, nghịch], có cảm thọ nào khởi lên: Lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt, do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, các ông hãy thọ trì ái tận giải thoát này, được Ta nói một cách tóm tắt, nhưng [phải nhớ là] Tỷ-kheo Sāti, con người đánh cá, đã bị mắc trong cái lưới lớn của ái, trong sự rối loạn của ái.[21]

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[21] *M.* I. 383.

39. ĐẠI KINH XÓM NGỰA
(*Mahāassapura Sutta*)[1]

415. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Aṅga (Ương-già), tại một xã ấp của dân chúng Aṅga tên là Assapura. Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Sa-môn! Sa-môn! Này các Tỷ-kheo, dân chúng biết các ông là vậy. Và nếu các ông được hỏi: "Các ông là ai?" Các ông phải tự nhận: "Chúng tôi là Sa-môn." Này các Tỷ-kheo, các ông đã được danh xưng như vậy, đã tự nhận là như vậy, thì này, các Tỷ-kheo, các ông phải tự tu tập như sau: "Chúng ta sẽ thọ trì và thực hành những pháp tác thành Sa-môn, những pháp tác thành Bà-la-môn. Như vậy, danh xưng này của chúng ta mới chơn chánh và sự tự nhận này của chúng ta mới như thật. Và những đồ cúng dường mà chúng ta thọ hưởng như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh mới có được kết quả lớn, lợi ích lớn cho chúng ta. Và chúng ta xuất gia không thành vô dụng, có kết quả, có thành tích."

416. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp tác thành Sa-môn, và các pháp tác thành Bà-la-môn? "Chúng ta sẽ thành tựu tàm quý", như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tàm quý đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa." Và cho đến mức độ ấy, các ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố cho các ông: Khi các ông hướng đến mục đích Sa-môn hạnh, chớ có từ bỏ mục đích này, khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

417. Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa? "Thân hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì thân hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người."

---

[1] Xem *M.* I. 175, 220, 271, 339, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29, 280; *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 214, 224, 235; *S.* IV. 32, 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 29, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 263, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Mã ấp kinh* 馬邑經 (*T.*01. 0026.182. 0724c17). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.8. 0801c14).

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tàm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa." Và cho đến mức độ ấy, các ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố cho các ông: Khi các ông hướng đến mục đích Sa-môn hạnh, chớ có từ bỏ mục đích này, khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

418. Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa? "Khẩu hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì khẩu hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tàm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa." Và cho đến mức độ ấy, các ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

419. Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa? "Ý hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì ý hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tàm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh và ý hành thanh tịnh, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ... (như trên)." Và cho đến mức độ ấy, các ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

420. Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa? "Sanh mạng chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì sanh mạng thanh tịnh ấy, khen mình, chê người." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tàm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sanh mạng thanh tịnh, đến mức độ này như vậy là vừa đủ... (như trên)." Và cho đến mức độ ấy, các ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

421. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa? "Chúng ta phải hộ trì các căn. Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, chúng ta sẽ tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe

tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, chúng ta sẽ tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tàm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sanh mạng thanh tịnh và các căn đã được hộ trì, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ... (như trên)." Và cho đến mức độ ấy, các ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

422. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa? "Chúng ta phải biết tiết độ trong ăn uống, với chánh tư duy, chúng ta thọ thực, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: Như vậy chúng ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên cảm thọ mới và chúng ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải tu tập. Nhưng này các Tỷ-kheo, các ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tàm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sanh mạng thanh tịnh và các căn đã được hộ trì, ăn uống có tiết độ, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ... (như trên)." Và cho đến mức độ ấy, các ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

423. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa? "Chúng ta phải chú tâm cảnh giác. Ban ngày đi kinh hành [hay] trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh một đi kinh hành [hay] trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh giữa, chúng ta phải nằm dáng nằm con sư tử,[2] nghiêng bên hông tay phải, một chân đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến lúc thức dậy lại. Ban đêm canh đầu thức dậy, đi kinh hành [hay] trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải tu tập. Nhưng này các Tỷ-kheo, các ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tàm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sanh mạng thanh tịnh, các căn đã được hộ trì, ăn uống có tiết độ, chú tâm cảnh giác, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ... (như trên)." Và cho đến mức độ ấy, các ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

424. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa?

---

[2] *MA*. II. 316 đề cập đến 4 cách nằm: Cách nằm của người tham dục, cách nằm của loài ngạ quỷ, cách nằm của con sư tử và cách nằm của Như Lai.

"Chúng ta phải chánh niệm tỉnh giác,[3] khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi đứng, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải tu tập. Nhưng này các Tỷ-kheo, các ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tàm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sanh mạng thanh tịnh, các căn đã được hộ trì, ăn uống có tiết độ, chú tâm cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ... (như trên)." Và cho đến mức độ ấy, các ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

425. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử hối tiếc, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

426. Này các Tỷ-kheo, như một người mắc nợ[4] liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, ta không những trả được những nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy sau một thời gian thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc

---

[3] *M.* I. 57, 181.

[4] *D.* I. 71.

người khác, một người giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Nay ta thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người giải thoát, được tự do đi lại." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, như một người giàu có,[5] nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc. Người ấy sau một thời gian đã đi khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng, yên ổn, không có nguy hiểm, tài sản không bị tổn giảm. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc. Nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, yên ổn, không có nguy hiểm, tài sản không bị tổn giảm." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái chưa xả ly như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc. Này các Tỷ-kheo, cũng như không mắc nợ, như không bị bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đến được đất lành yên ổn, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi chúng được diệt trừ.

427. Sau khi đã đoạn trừ năm triền cái này, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ,[6] vị ấy ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện, hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

428. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra, thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh thấm nhuần.

---

[5] *D.* I. 73.

[6] Xem *M.* I. 181. Câu này khác với *D.* I. 73.

429. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Vị ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tẩm ướt, tràn đầy thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

430. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy ngồi, thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần.

431. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sinh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này các Tỷ-kheo, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa,[7] và từ làng này lại trở về làng của mình, người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây, ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta." Như vậy, này các Tỷ-kheo, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như

[7] *MA*. II. 323 viết các ngôi làng này chỉ cho 3 lần tái sanh.

vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... (như trên). Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

432. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này các Tỷ-kheo, ví như có hai nhà có cửa,[8] và ở đây, một người có mắt đứng ở giữa, người này có thể thấy các người [khác] đi vào nhà, đi ra, đi qua, đi lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang... đều do hạnh nghiệp của họ.

433. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự diệt khổ", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự đoạn trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Này các Tỷ-kheo, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ.[9] Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ." Cũng vậy, này

[8] *MA*. II. 323 viết đối mặt nhau. Ví dụ này giống ví dụ *M*. II. 21; III. 178 liên quan đến Thiên nhãn.

[9] Như *M*. II. 22; *D*. I. 84; *A*. I. 9.

các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết như thật: "Đây là khổ"... biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần phải làm đã làm xong, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa."

434. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy được gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, là vị đã tắm sạch sẽ, là vị đã biết và hiểu rõ, là bậc Hữu học (*Sottiya*), là bậc Thánh, là bậc A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo là Sa-môn? Vị này đã làm cho dừng lại các ác, các pháp bất thiện, những pháp này ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là Sa-môn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo là Bà-la-môn? Vị này đã tẩn xuất ra ngoài các ác, các pháp bất thiện, những pháp này ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là Bà-la-môn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo đã tắm sạch sẽ? Vị này đã tắm gội sạch sẽ các ác, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã tắm sạch sẽ. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo đã biết và hiểu rõ? Vị này đã biết và hiểu rõ các ác, các bất thiện pháp... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã biết rõ. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo Hữu học? Vị này đã tiêu diệt (*nissuta*) các ác, các bất thiện pháp... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Hữu học. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo được gọi là bậc Thánh? Vị này đã làm cho xa lìa các ác, các bất thiện pháp... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được gọi là bậc Thánh. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo được gọi là bậc A-la-hán? Vị này đã làm cho xa lìa các ác, các bất thiện pháp... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

40. TIỂU KINH XÓM NGỰA
(*Cūḷaassapura Sutta*)[1]

435. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Aṅga (Ương-già), tại một xã ấp của dân chúng Aṅga tên là Assapura. Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Sa-môn! Sa-môn! Này các Tỷ-kheo, dân chúng biết các ông là vậy. Và nếu các ông có được hỏi: "Các ông là ai?" Các ông phải tự nhận: "Chúng tôi là Sa-môn." Này các Tỷ-kheo, các ông đã được danh xưng như vậy, đã tự nhận là như vậy, thì này các Tỷ-kheo, các ông phải tự tu tập như sau: "Những pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn, chúng ta sẽ tu tập pháp môn ấy. Như vậy, danh xưng này của chúng ta mới chân chính và sự tự nhận này của chúng ta mới như thật. Và những thứ cúng dường mà chúng ta thọ hưởng như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh mới có được kết quả lớn, lợi ích lớn cho chúng ta. Và chúng ta xuất gia không thành vô dụng, có kết quả, có thành tích."

436. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn? Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo có tâm tham dục và lòng tham dục không được đoạn diệt, có tâm sân hận và lòng sân hận không được đoạn diệt, có tâm phẫn nộ và lòng phẫn nộ không được đoạn diệt, có tâm thù hận và lòng thù hận không được đoạn diệt, có tâm giả dối và lòng giả dối không được đoạn diệt, có tâm não hại và lòng não hại không được đoạn diệt, có tâm tật đố và lòng tật đố không được đoạn diệt, có tâm xan lận và lòng xan lận không được đoạn diệt, có tâm man trá và lòng man trá không được đoạn diệt, có tâm xảo trá và lòng xảo trá không được đoạn diệt, có tâm ái dục và lòng ái dục không được đoạn diệt, có tà kiến và tà kiến không được đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, nếu vị ấy không thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn, thì không thể đoạn diệt được những cấu uế cho Sa-môn, những tỳ vết cho Sa-môn, những lỗi lầm cho Sa-môn, sự đọa sanh vào đọa xứ, sự thọ lãnh các ác thú. Này các Tỷ-kheo, ví như một loại võ khí nguy hiểm tên mataja có

---

[1] Xem *Miln.* 181. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Mã ấp kinh* 馬邑經 (*T.*01. 0026.183. 0725c16).

hai lưỡi rất sắc bén, có thể được bao lại và bỏ vào trong một cái bao. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói sự xuất gia của Tỷ-kheo ấy là như vậy.

437. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị mang Đại y (*Sanghāṭi*) chỉ tùy thuộc vào mang Đại y. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị lõa thể chỉ tùy thuộc vào lõa thể. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị sống thoa bụi và đất chỉ tùy thuộc vào hạnh thoa bụi và đất. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị sống theo lễ nghi tắm rửa[2] chỉ tùy thuộc vào lễ nghi tắm rửa. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị sống dưới gốc cây chỉ tùy thuộc vào hạnh sống dưới gốc cây. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị sống ngoài trời chỉ tùy thuộc vào hạnh sống ngoài trời. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của người theo hạnh đứng thẳng chỉ tùy thuộc vào hạnh đứng thẳng. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị ăn uống có định kỳ[3] chỉ tùy thuộc vào hạnh ăn uống có định kỳ. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của người sống theo chú thuật (*manta*) chỉ tùy thuộc vào hạnh sống theo chú thuật. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của vị bện tóc chỉ tùy thuộc vào hạnh bện tóc.

Này các Tỷ-kheo, nếu lòng tham dục của người có tâm tham dục được đoạn diệt chỉ nhờ vào hạnh mang Đại y của người mang Đại y, nếu lòng sân của người có tâm sân được đoạn diệt, nếu lòng phẫn nộ của người có tâm phẫn nộ được đoạn diệt, nếu lòng hiềm hận của người có tâm hiềm hận được đoạn diệt, nếu lòng giả dối của người có tâm giả dối được đoạn diệt, nếu lòng não hại của người có tâm não hại được đoạn diệt, nếu lòng tật đố của người có tâm tật đố được đoạn diệt, nếu lòng xan lận của người có tâm xan lận được đoạn diệt, nếu lòng man trá của người có tâm man trá được đoạn diệt, nếu lòng xảo trá của người có tâm xảo trá được đoạn diệt, nếu lòng ái dục của người có tâm ái dục được đoạn diệt, nếu tà kiến của người có tà kiến được đoạn diệt [chỉ nhờ hạnh mang Đại y của người mang Đại y] thì những thân hữu quyến thuộc, bà con cùng một huyết thống có thể khiến người đó mang Đại y ngay khi người đó mới sanh, và khuyên người đó mặc Đại y như sau: "Này Hiền nhi,[4] hãy mang Đại y, nếu mang Đại y thì lòng tham dục của người có tâm tham dục sẽ được đoạn diệt, lòng sân của người có tâm sân sẽ được đoạn diệt, lòng phẫn nộ của người có tâm phẫn nộ được đoạn diệt, lòng hiềm hận của người có tâm hiềm hận được đoạn diệt, lòng giả dối của người có tâm giả dối sẽ được đoạn diệt, lòng não hại của người có tâm não hại sẽ được đoạn diệt, lòng tật đố của người có tâm tật đố sẽ được đoạn diệt, lòng xan lận của người có tâm xan lận sẽ được đoạn diệt, lòng man trá của người có tâm man trá sẽ được đoạn diệt, lòng xảo trá của người có tâm xảo trá sẽ được đoạn diệt, lòng ái dục của người có tâm ái

---

[2] *MA*. II. 325 viết rằng những vị này một ngày tắm 3 lần để gột sạch tội lỗi.

[3] *MA*. II. 325 viết rằng vị ấy 1 tháng ăn 1 lần hay 15 ngày ăn 1 lần. Các pháp môn này không được đức Phật chấp nhận, trừ hạnh sống dưới gốc cây và sống ngoài trời.

[4] *Bhadramukha*. Xem *M*. II. 53.

dục sẽ được đoạn diệt, tà kiến của người có tà kiến sẽ được đoạn diệt chỉ nhờ mang Đại y." Này các Tỷ-kheo, bởi vì Ta thấy có người mang Đại y nhưng vẫn có tâm tham dục, có tâm sân hận, có tâm phẫn nộ, có tâm hiềm hận, có tâm giả dối, có tâm não hại, có tâm tật đố, có tâm xan lận, có tâm man trá, có tâm xảo trá, có tâm ái dục, có tà kiến nên Ta không nói rằng, Sa-môn hạnh của người có tham dục chỉ tùy thuộc vào hạnh mang Đại y của vị ấy. Này các Tỷ-kheo, nếu lòng tham dục của người có tâm tham dục được đoạn diệt chỉ nhờ hạnh lõa thể của người lõa thể, chỉ nhờ hạnh thoa bụi và đất của người sống theo hạnh thoa bụi và đất, chỉ nhờ hạnh lễ nghi tắm rửa của người sống theo hạnh lễ nghi tắm rửa, chỉ nhờ hạnh sống dưới gốc cây của người sống dưới gốc cây, chỉ nhờ hạnh sống ngoài trời của người sống ngoài trời, chỉ nhờ hạnh sống đứng thẳng của người sống đứng thẳng, chỉ nhờ hạnh ăn uống có định kỳ của người sống ăn uống có định kỳ, chỉ nhờ hạnh sống theo chú thuật của người sống theo chú thuật. Này các Tỷ-kheo, nếu lòng tham dục của người có tâm tham dục được đoạn diệt chỉ nhờ hạnh bện tóc của người sống theo hạnh bện tóc; nếu lòng sân hận của người có tâm sân hận... (như trên)... nếu tà kiến của người có tà kiến được đoạn diệt [chỉ nhờ hạnh của người sống theo hạnh bện tóc] thì những thân hữu quyến thuộc, bà con cùng một huyết thống có thể khiến người đó bện tóc ngay khi người đó mới sinh, và khuyên người đó bện tóc như sau: "Này Hiền nhi, hãy bện tóc, nếu bện tóc thì lòng tham dục của người có tâm tham dục sẽ được đoạn diệt, lòng sân hận của người có tâm sân hận... (như trên)... nếu tà kiến của người có tà kiến sẽ được đoạn diệt chỉ nhờ sống theo hạnh bện tóc." Này các Tỷ-kheo, bởi vì Ta thấy có người theo hạnh bện tóc nhưng vẫn có tâm tham dục, có tâm sân hận, có tâm phẫn nộ, có tâm giả dối, có tâm não hại, có tâm tật đố, có tâm xan lận, có tâm man trá, có tâm xảo trá, có tâm ái dục, có tà kiến, nên Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của người theo hạnh bện tóc chỉ tùy thuộc vào hạnh bện tóc của vị ấy.

438. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn? Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo có tâm tham dục và lòng tham dục được đoạn diệt, có tâm sân và lòng sân hận được đoạn diệt, có tâm phẫn nộ và lòng phẫn nộ được đoạn diệt, có tâm hiềm hận và lòng hiềm hận được đoạn diệt, có tâm giả dối và lòng giả dối được đoạn diệt, có tâm não hại và lòng não hại được đoạn diệt, có tâm tật đố và lòng tật đố được đoạn diệt, có tâm xan lận và lòng xan lận được đoạn diệt, có tâm man trá và lòng man trá được đoạn diệt, có tâm xảo trá và lòng xảo trá được đoạn diệt, có tâm ái dục và lòng ái dục được đoạn diệt, có tà kiến và tà kiến được đoạn diệt... Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, nếu vị ấy thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn thì có thể đoạn diệt được những cấu uế cho Sa-môn, những tỳ vết cho Sa-môn, những lỗi lầm cho Sa-môn, đọa sanh vào đọa xứ, sự thọ lãnh các ác thú. Vị ấy thấy tự ngã được gột sạch tất cả những ác, bất thiện pháp ấy, và vị ấy thấy tự ngã được giải thoát. Do thấy tự ngã được gột sạch tất cả những ác, bất thiện pháp ấy, do thấy tự ngã được giải thoát nên hân hoan sanh; do tâm hân hoan nên hỷ sanh;

do hỷ nên thân được khinh an; do thân khinh an nên lạc thọ sanh; do lạc thọ nên tâm được định tĩnh. Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân... với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên). Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Này các Tỷ-kheo, ví như[5] một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong sáng, có bờ hồ khéo sắp đặt, đẹp đẽ. Nếu có người từ phương Đông đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ,[6] mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước. Người ấy đi đến hồ sen ấy giải trừ khát nước và giải trừ (*vineyya*) nóng bức. Nếu có người từ phương Tây đi đến... Nếu có người từ phương Bắc đi đến... Nếu có người từ phương Nam đi đến... Nếu có người từ bất cứ ở đâu đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước. Người ấy đi đến hồ sen ấy, giải trừ khát nước, giải trừ nóng bức. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có người từ gia đình Sát-đế-ly xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy đi đến Pháp và Luật do Như Lai thuyết dạy, sau khi tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả, nội tâm được định tĩnh, Ta nói rằng chính nhờ nội tâm định tĩnh, vị ấy thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn. Nếu vị ấy từ gia đình Bà-la-môn... từ gia đình Phệ-xá (Vessa)... từ gia đình Thủ-đà (Sudda) xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy đi đến Pháp và Luật do Như Lai thuyết dạy, sau khi tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả, nội tâm được định tĩnh, Ta nói rằng chính nhờ nội tâm định tĩnh, vị ấy thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn. Nếu từ gia đình Sát-đế-ly xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sau khi đi đến Pháp và Luật do Như Lai thuyết dạy, nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri, chứng ngộ và thành đạt Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Vị ấy thành Sa-môn nhờ đoạn diệt các lậu hoặc. Nếu từ gia đình Bà-la-môn... từ gia đình Phệ-xá... từ gia đình Thủ-đà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sau khi đi đến Pháp và Luật do Như Lai thuyết dạy, nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri, chứng ngộ và thành đạt Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, vị ấy thành Sa-môn nhờ đoạn diệt các lậu hoặc.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[5] *M.* I. 76.

[6] *M.* I. 74.

41. KINH SĀLEYYAKA

(*Sāleyyaka Sutta*)[1]

439. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang du hành trong nước Kosala (Kiều-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là Sālā. Các gia chủ Bà-la-môn ở Sālā nghe rằng: "Người ta nói Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ gia tộc Sākya, đang du hành trong nước Kosala với đại chúng Tỷ-kheo, và đã đến Sālā. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: 'Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Lành thay, nếu được yết kiến một bậc A-la-hán như vậy!'" Rồi các gia chủ Bà-la-môn ở Sālā đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, một số đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên những lời chào đón thân hữu xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số chắp tay vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên tên họ của mình trước mặt Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số giữ im lặng rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các gia chủ Bà-la-môn ở Sālā bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục? Này Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này?

– Này các gia chủ, do nhân hành phi pháp, hành phi chánh đạo, này các gia chủ, mà như vậy, ở đây có một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân hành đúng pháp, hành đúng chánh đạo, này các gia chủ, mà như vậy, ở đây có một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Chúng con không thể hiểu đầy đủ những gì Tôn giả Gotama thuyết một

---

[1] Xem *M.* I. 290; III. 45; *A.* I. 47, 127; V. 263, 285. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1042-1043. 0272c18-0273a28).

cách vắn tắt nếu không được giải thích rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho chúng con để chúng con có thể hiểu đầy đủ những gì Tôn giả Gotama thuyết một cách vắn tắt!

– Như vậy, này các gia chủ, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Các vị gia chủ Bà-la-môn ở Sālā vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

440. – Này các gia chủ, có ba loại thân hành phi pháp, phi chánh đạo; có bốn loại khẩu hành phi pháp, phi chánh đạo; có ba loại ý hành phi pháp, phi chánh đạo. Này các gia chủ, thế nào là ba loại thân hành phi pháp, phi chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.[2] [Người này] lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh đối với các dục, giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc (*saparidaṇḍā*) bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Như vậy, này các gia chủ, là ba loại thân hành phi pháp, phi chánh đạo. Này các gia chủ, thế nào là bốn loại khẩu hành phi pháp, phi chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết"; dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy"; hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy." Như vậy, lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này;[3] nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại. Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác (*aṇḍaka*), tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ, không đưa đến thiền định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích. Như vậy, này các gia chủ, có bốn loại khẩu hành phi pháp, phi chánh đạo. Và này các gia chủ, thế nào là ba loại ý hành phi pháp, phi chánh đạo? Ở

[2] *M.* II. 97 và III. 203; *A.* V. 289.

[3] *D.* I. 4.

đây, này các gia chủ, có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người có tâm sân, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại!" Lại có người có tà kiến, có tưởng điên đảo như: "Không có bố thí, không có kết quả của bố thí, không có tế lễ, không có cúng dường, các hành vi thiện ác không có kết quả dị thục, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Như vậy, này các gia chủ, là ba ý hành phi pháp, phi chánh đạo. Như vậy, do nhân hành phi pháp, hành phi chánh đạo, này các gia chủ, ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

441. Này các gia chủ, có ba loại thân hành đúng pháp, đúng chánh đạo; có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo; có ba loại ý hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Này các gia chủ, thế nào là ba loại thân hành đúng pháp, đúng chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người từ bỏ sát sanh,[4] tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình; từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy; từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Như vậy, này các gia chủ, là ba loại thân hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Và này các gia chủ, thế nào là bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết", nếu biết người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy." Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương,

[4] *D.* I. 4.

thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy. Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Như vậy, này các gia chủ, có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Và này các gia chủ, thế nào là ba loại ý hành đúng pháp, đúng chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người không có tâm sân, không khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!"[5] Người ấy có chánh kiến, không có tưởng điên đảo: "Có bố thí, có kết quả của bố thí, có tế lễ, có cúng dường, các hành vi thiện ác có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và đời sau." Như vậy, này các gia chủ, có ba loại ý hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Như vậy, do nhân hành đúng pháp, hành đúng chánh đạo, này các gia chủ, ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

442. Này các gia chủ, nếu một vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo, mong ước: "Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, tôi được sanh vào đại phú gia vương tộc Sát-đế-ly!" Sự kiện này xảy ra, vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào đại phú gia vương tộc Sát-đế-ly. Vì sao vậy? Vì vị ấy là vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Này các gia chủ, nếu một vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo, mong ước: "Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, tôi được sanh vào đại phú gia Bà-la-môn... đại phú gia gia chủ!" Sự kiện này xảy ra, vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào đại phú gia gia chủ. Vì sao vậy? Vì vị ấy là vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Này các gia chủ, nếu một vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo, mong ước: "Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, tôi được sanh thân hữu với chư thiên Tứ Thiên Vương,... với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba,... với chư thiên Dạ-ma,... với chư thiên Đâu-suất-đà,... với chư thiên Hóa Lạc,... với chư thiên Tha Hóa Tự Tại,... với chư thiên Phạm Chúng,... với chư thiên Quang thiên,... với chư thiên Thiểu Quang thiên,... với chư thiên Vô Lượng Quang thiên,... với chư thiên Quang Âm thiên,... với chư thiên Tịnh thiên,... với chư thiên Thiểu Tịnh thiên,... với chư thiên Vô Lượng Tịnh thiên,... với chư thiên Biến Tịnh thiên,... với chư thiên Quảng Quả thiên,... với chư thiên Vô Phiền thiên,... với chư thiên Vô Nhiệt thiên,... với chư thiên Thiện Hiện thiên,... với chư thiên Thiện Kiến thiên,... với chư thiên Sắc Cứu Cánh thiên,... với chư thiên Hư Không Vô Biên Xứ thiên,...

[5] *Attānaṃ pariharantū.* Xem *M.* I. 288.

với chư thiên Thức Vô Biên Xứ thiên,... với chư thiên Vô Sở Hữu Xứ thiên,... với chư thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên!" Sự kiện này xảy ra, vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh thân hữu với chư thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên. Vì sao vậy? Vì vị ấy là vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo.

443. Khi nghe nói vậy, các gia chủ Bà-la-môn ở Sālā bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện để trình bày. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo, mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

42. KINH VERAÑJAKA

(*Verañjaka Sutta*)[1]

444. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ các gia chủ Bà-la-môn ở Verañja đến trú tại Sāvatthi vì một vài công việc. Các gia chủ Bà-la-môn được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sākya (Thích-ca) nay ở Sāvatthi, tại Jetavana, tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Lành thay, nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy!" Rồi các gia chủ Bà-la-môn ở Verañja đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, một số đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên những lời thân hữu chào đón xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số chấp tay vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên tên họ của mình trước mặt Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số giữ im lặng rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các gia chủ Bà-la-môn ở Verañja bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục? Này Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này?

– Này các gia chủ, do nhân hành phi pháp, hành phi chánh đạo, này các gia chủ, mà như vậy ở đây, có một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân hành đúng pháp, hành đúng chánh đạo, này các gia chủ, mà như vậy ở đây, có một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Chúng con không thể hiểu một cách đầy đủ những gì Tôn giả Gotama

---

[1] Xem *M.* I. 285; *A.* I. 47. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1042-1043. 0272c18-0273a28).

thuyết giảng một cách vắn tắt nếu không được giải thích rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho chúng con, để chúng con có thể hiểu một cách đầy đủ những gì Tôn giả Gotama thuyết giảng một cách vắn tắt!

– Như vậy, này các gia chủ, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Các vị gia chủ Bà-la-môn ở Verañja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

445. – Này các gia chủ, có ba loại thân hành phi pháp, phi chánh đạo; có bốn loại khẩu hành phi pháp, phi chánh đạo; có ba loại ý hành phi pháp, phi chánh đạo. Này các gia chủ, thế nào là ba loại thân hành phi pháp, phi chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình. [Người này] lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh đối với các dục, giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Như vậy, này các gia chủ, là ba loại thân hành phi pháp, phi chánh đạo. Này các gia chủ, thế nào là bốn loại khẩu hành phi pháp, phi chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết"; dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy"; hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy." Như vậy, lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại. Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ, không đưa đến thiền định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích. Như vậy, này các gia chủ, có bốn loại khẩu hành phi pháp, phi chánh đạo. Và này các gia chủ, thế nào là ba loại ý hành phi pháp, phi chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người có tâm sân, khởi lên

hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại!" Lại có người có tà kiến, có tưởng điên đảo như: "Không có bố thí, không có kết quả của bố thí, không có tế lễ, không có cúng dường, các hành vi thiện ác không có kết quả dị thục, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Như vậy, này các gia chủ, là ba ý hành phi pháp, phi chánh đạo. Như vậy, do nhân hành phi pháp, hành phi chánh đạo, này các gia chủ, ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

446. Này các gia chủ, có ba loại thân hành đúng pháp, đúng chánh đạo; có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo; có ba loại ý hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Này các gia chủ, thế nào là ba loại thân hành đúng pháp, đúng chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình; từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy; từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Như vậy, này các gia chủ, là ba loại thân hành đúng pháp, đúng chánh đạo.

Và này các gia chủ, thế nào là bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết", nếu biết người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy." Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Người ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Người ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy. Từ bỏ lời nói

phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Như vậy, này các gia chủ, có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Và này các gia chủ, thế nào là ba loại ý hành đúng pháp, đúng chánh đạo? Ở đây, này các gia chủ, có người không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người không có tâm sân, không khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!" Người ấy có chánh kiến, không có tưởng điên đảo: "Có bố thí, có kết quả của bố thí, có tế lễ, có cúng dường, các hành vi thiện ác có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và đời sau." Như vậy, này các gia chủ, có ba loại ý hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Như vậy, do nhân hành đúng pháp, hành đúng chánh đạo, này các gia chủ, ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

447. Này các gia chủ, nếu một vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo, mong ước: "Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, tôi được sanh vào đại phú gia vương tộc Sát-đế-ly!" Sự kiện này xảy ra, vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào đại phú gia vương tộc Sát-đế-ly. Vì sao vậy? Vì vị ấy là vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Này các gia chủ, nếu một vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo, mong ước: "Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, tôi được sanh vào đại phú gia Bà-la-môn... đại phú gia gia chủ!" Sự kiện này xảy ra, vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào đại phú gia gia chủ. Vì sao vậy? Vì vị ấy là vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Này các gia chủ, nếu một vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo mong ước: "Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, tôi được sanh thân hữu với chư thiên Tứ Thiên Vương,... với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba,... với chư thiên Dạ-ma,... với chư thiên Đâu-suất-đà,... với chư thiên Hóa Lạc,... với chư thiên Tha Hóa Tự Tại,... với chư thiên Phạm Chúng,... với chư thiên Quang thiên,... với chư thiên Thiểu Quang thiên,... với chư thiên Vô Lượng Quang thiên,... với chư thiên Quang Âm thiên,... với chư thiên Tịnh thiên,... với chư thiên Thiểu Tịnh thiên,... với chư thiên Vô Lượng Tịnh thiên,... với chư thiên Biến Tịnh thiên,... với chư thiên Quảng Quả thiên,... với chư thiên Vô Phiền thiên,... với chư thiên Vô Nhiệt thiên,... với chư thiên Thiện Hiện thiên,... với chư thiên Thiện Kiến thiên,... với chư thiên Sắc Cứu Cánh thiên,... với chư thiên Hư Không Vô Biên Xứ thiên,... với chư thiên Thức Vô Biên Xứ thiên,... với chư thiên Vô Sở Hữu Xứ thiên,... với chư thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên!" Sự kiện này

xảy ra, vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh thân hữu với chư thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên. Vì sao vậy? Vì vị ấy là vị hành đúng pháp, đúng chánh đạo.

448. Khi nghe nói vậy, các gia chủ Bà-la-môn ở Verañja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện để trình bày. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo, mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

43. ĐẠI KINH PHƯƠNG QUẢNG

(*Mahāvedalla Sutta*)[1]

449. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahākoṭṭhita[2] (Đại Câu-hy-la), vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta[3] ở; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhita nói với Tôn giả Sāriputta:

– Này Hiền giả, liệt tuệ, liệt tuệ (*duppañña*) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là liệt tuệ?

– Này Hiền giả, vì không tuệ tri, không tuệ tri (*nappajānāti*), này Hiền giả nên được gọi là liệt tuệ. Không tuệ tri gì? Không tuệ tri: "Đây là khổ"; không tuệ tri: "Đây là khổ tập"; không tuệ tri: "Đây là khổ diệt"; không tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Vì không tuệ tri, không tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là liệt tuệ.

– Lành thay, Hiền giả!

Tôn giả Mahākoṭṭhita hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta nói, rồi hỏi Tôn giả Sāriputta một câu hỏi nữa:

– Này Hiền giả, trí tuệ, trí tuệ được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là trí tuệ?

– Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ. Có tuệ tri gì? Có tuệ tri: "Đây là khổ"; có tuệ tri: "Đây là khổ tập"; có tuệ tri: "Đây là khổ diệt"; có tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ.

– Thức, thức (*viññāṇa*), này Hiền giả, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là thức?

– Này Hiền giả, vì thức tri, thức tri (*vijānāti*), này Hiền giả, nên được gọi là có thức. Thức tri gì? Thức tri lạc, thức tri khổ, thức tri bất khổ bất lạc. Vì thức tri, thức tri, này Hiền giả, nên được gọi là có thức.

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (*T*.01. 0026.211. 0790b08).

[2] Tôn giả được xem là vị Phân tích lý luận đệ nhất. Xem *MA*. II. 337.

[3] Tôn giả được xem là vị Trí tuệ đệ nhất. Xem *A*. I. 23.

– Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

– Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Này Hiền giả, điều gì tuệ tri được là thức tri được, điều gì thức tri được là tuệ tri được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

– Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, thế nào là sự sai khác giữa những pháp được kết hợp, không phải không kết hợp này?

– Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, giữa những pháp được kết hợp, không phải không được kết hợp này, trí tuệ cần phải được tu tập (*bhāvetabba*), còn thức cần phải được liễu tri (*pariññeyyaṃ*),[4] như vậy là sự sai khác giữa những pháp này.

450. – Cảm thọ, cảm thọ, này Hiền giả, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là cảm thọ?

– Này Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ (*vedeti*), nên được gọi là cảm thọ. Và cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ bất khổ bất lạc thọ. Này Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ, nên được gọi là cảm thọ.

– Này Hiền giả, tưởng, tưởng (*sañña*) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là tưởng?

– Tưởng tri, tưởng tri (*sañjānāti*), này Hiền giả, nên được gọi là tưởng. Và tưởng tri gì? Tưởng tri màu xanh, tưởng tri màu vàng, tưởng tri màu đỏ, tưởng tri màu trắng. Tưởng tri, tưởng tri, này Hiền giả, nên được gọi là tưởng.

– Này Hiền giả, thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

– Này Hiền giả, cảm thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Này Hiền giả, điều gì cảm thọ được là tưởng tri được, điều gì tưởng tri được là cảm thọ được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

451. – Này Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn có thể đưa đến gì?[5]

---

[4] *Pariññeyyaṃ*. *MA*. II. 342 cho rằng không có sự sai khác. Nhận thức sáng suốt kết hợp với trí tuệ cần phải được tu tập; trí tuệ kết hợp với nhận thức sáng suốt cần phải được ý thức rõ.

[5] Đây chỉ cho Thiền thứ tư.

– Này Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn, có thể đưa đến Hư không vô biên xứ; hư không là vô biên, có thể đưa đến Thức vô biên xứ; thức là vô biên, có thể đưa đến Vô sở hữu xứ, không có sự vật gì.

– Này Hiền giả, pháp đưa đến nhờ gì có thể tuệ tri được?

– Này Hiền giả, nhờ tuệ nhãn,[6] pháp được đưa đến có thể tuệ tri.

– Này Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa gì?

– Này Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa là thắng tri (*abhiññattha*), có nghĩa là liễu tri (*pariññattha*),[7] có nghĩa là đoạn tận (*pahānattha*).

452. – Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên khiến Chánh tri kiến sanh khởi?

– Này Hiền giả, có hai duyên khiến Chánh tri kiến sanh khởi: Tiếng của người khác và như lý tác ý.[8] Này Hiền giả, do hai duyên này, Chánh tri kiến sanh khởi.

– Này Hiền giả, Chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi bao nhiêu chi phần để có Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát quả công đức, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát quả công đức?

– Này Hiền giả, Chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi năm chi phần để có Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát quả công đức, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát quả công đức. Ở đây, này Hiền giả, Chánh tri kiến có giới (*sīla*) hỗ trợ, có văn (*suta*) hỗ trợ, có thảo luận (*sākacchā*) hỗ trợ, có chỉ (*samatha*) hỗ trợ, có quán (*vipassanā*) hỗ trợ. Này Hiền giả, Chánh tri kiến được hỗ trợ bởi năm chi phần này để có Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát quả công đức, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát quả công đức.

453. – Này Hiền giả, có bao nhiêu hữu (*bhava*)?

– Này Hiền giả, có ba hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

– Này Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai được xảy ra?

– Này Hiền giả, bị vô minh ngăn che, bị tham ái trói buộc, các loài hữu tình thích thú chỗ này chỗ kia, như vậy sự tái sinh trong tương lai được xảy ra.

– Này Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai không xảy ra?

– Này Hiền giả, vô minh được xả ly, minh khởi, tham ái được đoạn diệt, như vậy sự tái sanh trong tương lai không xảy ra.

454. – Này Hiền giả, thế nào là Thiền thứ nhất?

– Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và

[6] Trí tuệ có mặt trong Chánh kiến. *MA*. II. 345 nói có 2 loại trí tuệ, một thuộc về Định và một thuộc về Chánh kiến.

[7] *It*. 29: *Abhiññattha* và *pariññattha*.

[8] *MA*. II. 346 viết rằng Sāriputta nghe câu kệ của Tôn giả Assaji mà đắc đạo, còn các vị Pacceka Buddha (Phật Độc Giác) thì nhờ tự mình tác ý mà đắc đạo.

trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Thiền thứ nhất.

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có bao nhiêu chi phần?

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần. Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất, có tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần như vậy.

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất từ bỏ bao nhiêu chi phần và thành tựu bao nhiêu chi phần?

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần và thành tựu năm chi phần. Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất từ bỏ tham dục, từ bỏ sân, từ bỏ hôn trầm thụy miên, từ bỏ trạo hối, từ bỏ nghi, thành tựu tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Này Hiền giả, như vậy Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần và thành tựu năm chi phần.

455. – Này Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới khác nhau, có hành giới khác nhau, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có thọ lãnh cảnh giới, hành giới lẫn nhau, cái gì làm sở y cho chúng, cái gì lãnh thọ cảnh giới, hành giới của chúng?

– Này Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lãnh thọ cảnh giới, hành giới lẫn nhau, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau, ý làm sở y cho chúng, ý lãnh thọ cảnh giới và hành giới của chúng.

456. – Này Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, năm căn này, do duyên gì mà chúng an trú?

– Này Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, năm căn này, do duyên tuổi thọ (*āyu*)[9] mà chúng an trú.

– Này Hiền giả, tuổi thọ do duyên gì mà an trú?

– Tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú.

– Này Hiền giả, hơi nóng do duyên gì mà an trú?

– Hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

– Này Hiền giả, nay chúng tôi được biết từ lời nói của Tôn giả Sāriputta là tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú. Nay chúng tôi lại được biết từ lời nói của Tôn giả Sāriputta là hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú. Này Hiền giả, như thế nào, cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?

– Này Hiền giả, tôi sẽ cho một ví dụ.[10] Nhờ ví dụ, ở đây, một số người có

[9] *MA*. II. 349 viết là *jīvitindriya*.
[10] *M.* I. 148.

trí sẽ hiểu ý nghĩa lời nói. Này Hiền giả, ví như khi một cây đèn dầu được thắp sáng, duyên tim đèn, ánh sáng được hiện ra, do duyên ánh sáng, tim đèn được thấy. Cũng vậy, này Hiền giả, tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú, và hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

457. – Này Hiền giả, những pháp thọ hành (*āyusaṅkhāra*) này là những pháp được cảm thọ (*vedaniyā*) này, hay những pháp thọ hành này khác với những pháp được cảm thọ này?

– Này Hiền giả, những pháp thọ hành này không phải là những pháp được cảm thọ này. Này Hiền giả, nếu những pháp thọ hành này là những pháp được cảm thọ này thì không thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tưởng định. Này Hiền giả, vì rằng những pháp thọ hành khác, những pháp được cảm thọ khác nên có thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tưởng định.

– Này Hiền giả, đối với thân này, khi nào có bao nhiêu pháp được từ bỏ thì thân này nằm xuống, quăng đi, vất bỏ như một khúc gỗ vô tri?

– Này Hiền giả, đối với thân này, khi nào ba pháp được từ bỏ: Tuổi thọ, hơi nóng và thức, thì thân này nằm xuống, quăng đi, vất bỏ như một khúc gỗ vô tri.

– Này Hiền giả, có sự sai khác gì giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tưởng định?

– Này Hiền giả, vật chết, mạng chung này, thân hành của nó[11] chấm dứt, dừng lại; khẩu hành[12] chấm dứt, dừng lại; tâm hành[13] chấm dứt, dừng lại; tuổi thọ diệt tận, hơi nóng tiêu diệt, các căn bị bại hoại. Còn vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tưởng định, thì thân hành của vị này chấm dứt, dừng lại; khẩu hành chấm dứt, dừng lại; tâm hành chấm dứt, dừng lại; nhưng tuổi thọ không diệt tận, hơi nóng không tiêu diệt, các căn được sáng suốt. Này Hiền giả, như vậy là sự sai khác giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tưởng định.

458. – Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập Tâm giải thoát bất khổ bất lạc?

– Này Hiền giả, có bốn duyên để chứng nhập Tâm giải thoát bất khổ bất lạc. Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Hiền giả, do bốn duyên này mà chứng nhập Tâm giải thoát bất khổ bất lạc.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập Vô tướng tâm giải thoát?

– Này Hiền giả, có hai duyên để chứng nhập Vô tướng tâm giải thoát:

[11] Được giải thích trong *M.* 44, *Cūḷavedalla Sutta* (*Tiểu kinh Phương quảng*); *M.* I. 301. Đây chỉ cho hơi thở vô, hơi thở ra.

[12] Chỉ cho tầm và tứ.

[13] Chỉ cho thọ và tưởng.

Không có tác ý nhất thiết tướng và tác ý vô tướng giới.[14] Này Hiền giả, do hai duyên này mà chứng nhập Vô tướng tâm giải thoát.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để an trú Vô tướng tâm giải thoát?

– Này Hiền giả, có ba duyên để an trú Vô tướng tâm giải thoát: Không tác ý nhất thiết tướng, tác ý vô tướng giới, và một sự sửa soạn trước. Này Hiền giả, do ba duyên này mà an trú Vô tướng tâm giải thoát.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để xuất khởi Vô tướng tâm giải thoát?

– Này Hiền giả, có hai duyên để xuất khởi Vô tướng tâm giải thoát: Tác ý nhất thiết tướng và không tác ý vô tướng giới. Này Hiền giả, do hai duyên này mà xuất khởi Vô tướng tâm giải thoát.

459. – Này Hiền giả, Vô lượng tâm giải thoát này, Vô sở hữu tâm giải thoát này, Không tâm giải thoát[15] này và Vô tướng tâm giải thoát này, những pháp này nghĩa sai biệt và danh sai biệt, hay nghĩa đồng nhất và danh sai biệt?

– Này Hiền giả, Vô lượng tâm giải thoát, Vô sở hữu tâm giải thoát, Không tâm giải thoát và Vô tướng tâm giải thoát này, có một pháp môn, này Hiền giả, do pháp môn này, các pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt. Và này Hiền giả, lại có một pháp môn, do pháp môn này, các pháp ấy có nghĩa đồng nhất và danh sai biệt. Này Hiền giả, thế nào là có pháp môn, do pháp môn này mà các pháp ấy có nghĩa sai khác và có danh sai khác? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Vô lượng tâm giải thoát. Và này Hiền giả, thế nào là Vô sở hữu tâm giải thoát? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Vô sở hữu tâm giải thoát. Và này Hiền giả, thế nào là Không tâm giải thoát? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến chỗ nhà trống và suy nghĩ như sau: "Đây trống không, không có tự ngã hay không có ngã sở." Như vậy, này Hiền giả, gọi là Không tâm giải thoát. Và này Hiền giả, thế nào là Vô tướng tâm giải thoát? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo không tác ý với nhất thiết tướng, đạt và an trú Vô tướng tâm định. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Vô tướng tâm giải thoát. Như vậy là

[14] Chỉ cho Niết-bàn (*MA*. II. 352). Tướng và vô tướng chỉ cho các pháp hữu vi và sự vắng mặt của chúng.

[15] "Không tâm" bởi vì không có bất kỳ chướng ngại nào cho việc tu thiền định. Xem *MA*. II. 353.

có pháp môn và do pháp môn này mà những pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt. Và này Hiền giả, thế nào là có pháp môn và do pháp môn này mà các pháp ấy có nghĩa đồng nhất nhưng danh sai biệt? Tham, này Hiền giả, là nguyên nhân của hạn lượng; sân là nguyên nhân của hạn lượng; si là nguyên nhân của hạn lượng. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, tham, sân, si này, đã được chặt tận gốc, đã làm như thân cây Sa-la, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô lượng,[16] thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát không có tham, không có sân, không có si. Tham, này Hiền giả, là một vật gì [chướng ngại],[17] sân là một vật gì [chướng ngại], si là một vật gì [chướng ngại]. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, tham, sân, si này, đã được chặt tận gốc, đã làm như thân cây Sa-la, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô sở hữu, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát ấy không có tham, không có sân, không có si. Tham, này Hiền giả, là nhân tạo ra tướng, sân là nhân tạo ra tướng, si là nhân tạo ra tướng. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, tham, sân, si này, đã được chặt tận gốc, đã làm như thân cây Sa-la, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô tướng,[18] thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát này không có tham, không có sân, không có si. Như vậy, này Hiền giả, là pháp môn này mà những pháp ấy là đồng nghĩa nhưng danh sai biệt.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy, Tôn giả Mahākoṭṭhita hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta dạy.

---

[16] *MA*. II. 354 nói đến 12 trạng thái (4 Vô lượng tâm, 4 Đạo, 4 Quả) và Niết-bàn.

[17] *Kiñcana. MA*. II. 354 viết rằng khi tham ái khởi lên, tác động đến vị ấy, hoặc nó hủy hoại vị ấy hoặc làm chướng ngại cho việc tu tập của vị ấy.

[18] Có đến 13 chi phần: Chánh kiến, 4 Vô sắc định, 4 Đạo, 4 Quả. Chánh kiến là vô tướng vì nó trừ tướng thường, lạc và ngã. 4 Vô sắc định là vô tướng vì không có sắc tướng. 4 Đạo và 4 Quả là vô tướng vì không có những phiền não tạo ra các tướng.

44. TIỂU KINH PHƯƠNG QUẢNG
(*Cūḷavedalla Sutta*)[1]

460. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ Kalandakanivāpa. Rồi nam cư sĩ Visākha[2] đến chỗ Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā ở; sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Visākha thưa với Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā:

– Thưa Ni sư, tự thân, tự thân[3] (*sakkāya*), được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân là như thế nào?

– Hiền giả Visākha, Thế Tôn gọi năm thủ uẩn là tự thân, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Hiền giả Visākha, năm thủ uẩn này, Thế Tôn gọi là tự thân.

– Lành thay, thưa Ni sư.

Nam cư sĩ Visākha hoan hỷ tín thọ lời Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā nói, rồi hỏi Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā thêm một câu hỏi nữa:

– Tự thân tập khởi, tự thân tập khởi, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân tập khởi (*sakkāyasamudaya*) là như thế nào?

– Hiền giả Visākha, khát ái[4] này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái và phi hữu ái. Hiền giả Visākha, khát ái này, Thế Tôn gọi là tự thân tập khởi.

– Tự thân diệt, tự thân diệt, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thế Tôn gọi tự thân diệt là như thế nào?

– Hiền giả Visākha, sự đoạn diệt, không tham đắm, không có dư tàn của khát ái ấy, sự xả ly, sự vất bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp. Hiền giả Visākha, sự đoạn diệt này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt.

---

[1] Xem *M.* III. 15; *S.* III. 43; IV. 285, 293; *A.* II. 213. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Pháp Lạc Tỷ-kheo-ni kinh* 法樂比丘尼經 (*T.*01. 0026.210. 0788a14). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.568. 0150a17).

[2] *MA.* II. 355 viết Visākha là chồng của Dhammadinnā khi cô chưa xuất gia. *A.* I. 25 viết nữ Tôn giả Dhammadinnā được xem là vị Thuyết pháp đệ nhất trong hàng Ni giới.

[3] *Sakkāya. MA.* II. 358 cho rằng Dhammadinnā đã nói câu: "Tôi xuất gia chưa được lâu ngày, làm sao có thể biết tự thân hay thân người khác."

[4] *M.* I. 48-9.

– Thưa Ni sư, tự thân diệt đạo, tự thân diệt đạo, được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân diệt đạo là như thế nào?

– Hiền giả Visākha, Con đường Thánh tám ngành này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt đạo, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

– Thưa Ni sư, thủ này tức là năm thủ uẩn kia hay thủ này khác với năm thủ uẩn kia?

– Không phải, Hiền giả Visākha! Thủ này không phải là năm thủ uẩn kia, thủ này cũng không khác với năm thủ uẩn kia. Hiền giả Visākha, phàm có dục tham đối với năm thủ uẩn, tức là [chấp] thủ đối với chúng ở đây vậy.

461. – Thưa Ni sư, thế nào là thân kiến?

– Ở đây, Hiền giả Visākha, kẻ vô văn phàm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc là tự ngã, hay xem tự ngã là có sắc,[5] hay xem sắc là trong tự ngã,[6] hay xem tự ngã là trong sắc;[7] xem thọ là tự ngã, hay xem tự ngã là có thọ, hay xem thọ là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thọ; xem tưởng là tự ngã, hay xem tự ngã là có tưởng, hay xem tưởng là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong tưởng; xem hành là tự ngã, hay xem tự ngã là có hành, hay xem hành là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong hành; xem thức là tự ngã, hay xem tự ngã là có thức, hay xem thức là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visākha, là thân kiến.

– Thưa Ni sư, thế nào là không phải thân kiến?

– Ở đây, Hiền giả Visākha, vị đa văn Thánh đệ tử đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không xem sắc là tự ngã, không xem tự ngã là có sắc, không xem sắc là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong sắc; không xem thọ là tự ngã, không xem tự ngã là có thọ, không xem thọ là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thọ; không xem tưởng là tự ngã, không xem tự ngã là có tưởng, không xem tưởng là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong tưởng; không xem các hành là tự ngã, không xem tự ngã là có các hành, không xem các hành là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong các hành; không xem thức là tự ngã, không xem tự ngã là có thức, không xem thức là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visākha, là không có thân kiến.

462. – Thưa Ni sư, thế nào là Thánh đạo tám ngành?

---

[5] Như cây có cái bóng in trên mặt đất. Xem *Ps*. I. 144.

[6] Như mùi hương trong bông hoa. Xem *Ps*. I. 145.

[7] Như viên ngọc trong một chiếc hộp. Xem *Ps*. I. 145.

– Hiền giả Visākha, đây là Thánh đạo tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

– Thưa Ni sư, Thánh đạo tám ngành này là hữu vi (*saṅkhata*) hay vô vi?

– Hiền giả Visākha, Thánh đạo tám ngành này là hữu vi.

– Thưa Ni sư, ba uẩn được Thánh đạo tám ngành thâu nhiếp hay Thánh đạo tám ngành được ba uẩn thâu nhiếp?

– Hiền giả Visākha, ba uẩn không bị Thánh đạo tám ngành thâu nhiếp; Hiền giả Visākha, Thánh đạo tám ngành bị ba uẩn thâu nhiếp. Hiền giả Visākha, Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng, những pháp này được thâu nhiếp trong Giới uẩn. Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định, những pháp này được thâu nhiếp trong Định uẩn. Chánh tri kiến và Chánh tư duy, những pháp này được thâu nhiếp trong Tuệ uẩn.

– Thưa Ni sư, thế nào là định, thế nào là định tướng, thế nào là định tư cụ, thế nào là định tu tập?

– Hiền giả Visākha, nhất tâm là định, Bốn niệm xứ là định tướng; Bốn tinh cần là định tư cụ; sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy.

463. – Thưa Ni sư, có bao nhiêu hành?[8]

– Hiền giả, có ba loại hành này: Thân hành, khẩu hành và tâm hành.

– Thưa Ni sư, thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành, thế nào là tâm hành?

– Thở vô, thở ra, Hiền giả Visākha, là thân hành; tầm, tứ là khẩu hành; tưởng và thọ là tâm hành.

– Thưa Ni sư, vì sao thở vô, thở ra là thân hành; vì sao tầm, tứ là khẩu hành; vì sao tưởng và thọ là tâm hành?

– Thở vô, thở ra, Hiền giả Visākha, thuộc về thân, những pháp này lệ thuộc với thân, nên thở vô, thở ra thuộc về thân hành. Hiền giả Visākha, trước phải tầm và tứ rồi sau mới phát lời nói; nên tầm, tứ thuộc về khẩu hành. Tưởng và thọ là tâm sở, các pháp này lệ thuộc với tâm, nên tưởng và thọ thuộc về tâm hành.

464. – Thưa Ni sư, như thế nào là chứng nhập Diệt thọ tưởng định?

– Hiền giả Visākha, Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, vị ấy không nghĩ rằng: "Tôi sẽ chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định." Vì rằng, tâm của vị này trước đã được tu tập như vậy[9] nên đưa đến trạng thái như vậy.

---

[8] *Saṅkhāra*: Hành. Hành này khác với nghĩa của "hành" trong 5 uẩn, đây có nghĩa là hành động, do thân, khẩu, ý vận hành.

[9] Vị ấy nghĩ rằng: "Khi ấy, ta sẽ không còn tưởng." Xem *MA*. II. 365.

– Thưa Ni sư, Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, những pháp gì diệt trước, thân hành, khẩu hành, hay tâm hành?

– Hiền giả Visākha, vị Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, khẩu hành diệt trước,[10] rồi đến thân hành,[11] rồi đến tâm hành.[12]

– Thưa Ni sư, làm thế nào xuất khởi Diệt thọ tưởng định?

– Hiền giả Visākha, vị Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, không có nghĩ rằng: "Tôi sẽ xuất khởi Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đang xuất khởi Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã xuất khởi Diệt thọ tưởng định." Vì rằng, tâm của vị này trước đã tu tập như vậy nên đưa đến trạng thái như vậy.

– Thưa Ni sư, Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, những pháp nào khởi lên trước, thân hành, hay khẩu hành, hay tâm hành?

– Hiền giả Visākha, Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, tâm hành khởi lên trước nhất, rồi đến thân hành, rồi đến khẩu hành.

– Thưa Ni sư, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, vị ấy cảm giác những xúc nào?

– Hiền giả Visākha, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, vị ấy cảm giác ba loại xúc: Không xúc,[13] vô tướng xúc,[14] vô nguyện xúc.[15]

– Thưa Ni sư, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, tâm của vị ấy thiên về gì, hướng về gì, khuynh hướng về gì?

– Hiền giả Visākha, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, tâm của vị ấy thiên về độc cư,[16] hướng về độc cư, khuynh hướng về độc cư.

465. – Thưa Ni sư, có bao nhiêu thọ?

– Hiền giả Visākha, có ba thọ này: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

– Thưa Ni sư, thế nào là lạc thọ, thế nào là khổ thọ, thế nào là bất khổ bất lạc thọ?

– Hiền giả Visākha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, một cách khoái lạc, khoái cảm, như vậy là lạc thọ. Hiền giả Visākha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, một cách đau khổ, không khoái cảm, như vậy là khổ thọ. Hiền giả Visākha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, không khoái cảm, không không khoái cảm, như vậy là bất khổ bất lạc thọ.

---

[10] Trong Thiền thứ hai.

[11] Trong Thiền thứ tư.

[12] Khi nội diệt (*antonirodha*). Xem *MA*. II. 349.

[13] Xem *MA*. II. 367. Đây được xem là vô ngã. *MA*. II. 113 cho rằng *anatta* ở đây được hiểu là *suññata* (không).

[14] Vô thường. Xem *MA*. II. 367.

[15] Không đưa đến khổ, vì vị này hiểu khổ thuộc về tham, sân, si. Trong khi thiền định, vị này nhận thức được Niết-bàn không còn tham, sân, si; không có dấu vết của chúng và không hướng đến chúng. Xem *MA*. II. 367.

[16] Tức là Niết-bàn. Xem *MA*. II. 367.

– Thưa Ni sư, đối với lạc thọ, cái gì lạc, cái gì khổ? Đối với khổ thọ, cái gì khổ, cái gì lạc? Đối với bất khổ bất lạc thọ, cái gì lạc, cái gì khổ?

– Hiền giả Visākha, đối với lạc thọ, cái gì trú là lạc, cái gì biến hoại là khổ. Đối với khổ thọ, cái gì trú là khổ, cái gì biến hoại là lạc. Đối với bất khổ bất lạc thọ, có trí là lạc, vô trí là khổ.

– Thưa Ni sư, trong lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong khổ thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong bất khổ bất lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại?

– Hiền giả Visākha, trong lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; trong khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; trong bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại.

– Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại?

– Hiền giả Visākha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại.

– Thưa Ni sư, trong lạc thọ, cái gì phải từ bỏ; trong khổ thọ, cái gì phải từ bỏ; trong bất khổ bất lạc thọ, cái gì phải từ bỏ?

– Hiền giả Visākha, trong lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ; trong khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ; trong bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ.

– Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ?

– Hiền giả Visākha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ. Ở đây, Hiền giả Visākha, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Do vậy, tham đã được từ bỏ, không còn tham tùy miên tồn tại ở đây. Ở đây, Hiền giả Visākha, vị Tỷ-kheo suy tư như sau: "Chắc chắn ta sẽ chứng và an trú trong trú xứ mà nay các vị Thánh đang an trú." Vì muốn phát nguyện hướng đến các cảnh giải thoát vô thượng, do ước nguyện ấy, khởi lên ưu tư. Do vậy, sân được từ bỏ, không còn sân tùy miên tồn tại ở đây. Ở đây, Hiền giả Visākha, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Do vậy vô minh đã được từ bỏ, không còn vô minh tùy miên tồn tại ở đây.

466. – Thưa Ni sư, lạc thọ lấy gì làm tương đương (*paṭibhāga*)?

– Hiền giả Visākha, lạc thọ lấy khổ thọ làm tương đương.

– Thưa Ni sư, khổ thọ lấy gì làm tương đương?

– Hiền giả Visākha, khổ thọ lấy lạc thọ làm tương đương.

– Thưa Ni sư, bất khổ bất lạc thọ lấy gì làm tương đương?

– Hiền giả Visākha, bất khổ bất lạc thọ lấy vô minh làm tương đương.

– Thưa Ni sư, vô minh lấy gì làm tương đương?

– Hiền giả Visākha, vô minh lấy minh làm tương đương.

– Thưa Ni sư, minh lấy gì làm tương đương?

– Hiền giả Visākha, minh lấy giải thoát làm tương đương.

– Thưa Ni sư, giải thoát lấy gì làm tương đương?

– Hiền giả Visākha, giải thoát lấy Niết-bàn làm tương đương.

– Thưa Ni sư, Niết-bàn lấy gì làm tương đương?

– Hiền giả Visākha, câu hỏi đi quá xa, vượt ra ngoài giới hạn câu trả lời. Hiền giả Visākha, Phạm hạnh là để thể nhập Niết-bàn, để vượt qua đến Niết-bàn, để đạt cứu cánh Niết-bàn. Hiền giả Visākha, nếu Hiền giả muốn, hãy đến chỗ Thế Tôn ở và hỏi ý nghĩa này. Và Thế Tôn trả lời cho Hiền giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

467. Rồi nam cư sĩ Visākha hoan hỷ tín thọ lời Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā, thân bên phải hướng về phía Tỷ-kheo-ni rồi từ biệt, đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, nam cư sĩ Visākha thuật lại cho Thế Tôn tất cả câu chuyện đàm đạo với Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với nam cư sĩ Visākha:

– Này Visākha, Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā là bậc Hiền trí! Này Visākha, Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā là bậc Đại tuệ! Này Visākha, nếu ông hỏi Ta ý nghĩa ấy, Ta cũng trả lời như Tỷ-kheo-ni Dhammadinnā đã trả lời. Ông đối với nghĩa này, hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, nam cư sĩ Visākha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

45. TIỂU KINH PHÁP HÀNH

(*Cūḷadhammasamādāna Sutta*)[1]

468. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại pháp hành[2] này. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ. Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ. Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc. Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc.

469. Này các Tỷ-kheo, thế nào là loại pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ? Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn thuyết như sau, có sở kiến như sau: "Không có lỗi trong các dục."[3] Những vị này đắm mình[4] trong các dục, hoan lạc với các cô gái lang thang có tóc quấn trên đầu. Họ nói như sau: "Làm sao các Sa-môn, Bà-la-môn kia thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục? Khoái lạc thay, sự xúc chạm với bàn tay có lông mịn của các cô gái lang thang trẻ trung này!" Sau khi đắm mình trong các dục, khi thân hoại mạng chung, các vị ấy phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đấy, họ cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ khốc liệt. Họ nói như sau: "Các Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Nhưng chúng ta, do các dục này làm nhân, do các dục này làm duyên, phải cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ khốc liệt." Này các Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa nóng, một bẹ hột giống dây leo nứt ra và này các Tỷ-kheo, một hột giống dây leo rơi dưới gốc một cây Sa-la. Này các Tỷ-kheo, các vị thần

---

[1] Xem *D*. I. 161; III. 36; *M*. I. 68, 339, 400; *A*. I. 295; II. 205. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thọ pháp kinh* 受法經 (*T*.01. 0026.174. 0711b17).

[2] *D*. III. 229.

[3] *A*. I. 266.

[4] *Pātabyata*. Xem *MA*. II. 371.

ở trên cây Sa-la ấy lo sợ, run sợ và hoảng sợ.[5] Này các Tỷ-kheo, bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của các vị thần trên cây Sa-la ấy, thần vườn, thần rừng, thần cây, thần các dược thảo, cỏ, rừng hội họp lại, an ủi như sau: "Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Vì hạt giống ấy, con Khổng Tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, người làm rừng có thể nhặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nảy mầm." Nhưng này các Tỷ-kheo, hạt giống ấy, con Khổng Tước không nuốt, con nai không ăn, lửa rừng không đốt, người làm rừng không nhặt đi, các loài mối không ăn và hạt giống có thể nảy mầm. Được mưa lớn nhờ các làn mây đúng mùa, hạt giống ấy được lớn lên; và một dây leo non, mềm mại, có lông, chậm chậm mọc lên và bám dính cây Sa-la ấy. Này các Tỷ-kheo, các vị thần trên cây Sa-la ấy suy nghĩ như sau: "Không hiểu vì sao các Tôn giả bạn bè thân hữu, bà con huyết thống ấy, các thần vườn, thần rừng, thần cây, các vị thần trên các dược thảo, cỏ, rừng, thấy sự sợ hãi tương lai trong hột giống, hội họp lại, an ủi như sau: 'Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Vì hột giống ấy, con Khổng Tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, những người làm rừng có thể nhặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nảy mầm.' Khoái lạc thay sự xúc chạm của dây leo non, mềm mại, có lông đang bám vào!" Dây leo ấy có thể bao trùm cây Sa-la ấy, sau khi bao trùm, liền làm thành một tàng che trên cây ấy và ở dưới khởi lên cả một lùm cây rậm rạp.[6] Khi ở dưới khởi lên cả một lùm cây rậm rạp, các cành lớn của cây Sa-la ấy có thể bị bóp nghẹt. Rồi này các Tỷ-kheo, các thần trú trên cây Sa-la ấy suy nghĩ như sau: "Chính vì thấy sự sợ hãi tương lai này, trong hột giống dây leo ấy mà những Tôn giả bạn bè thân hữu, bà con huyết thống ấy, các thần vườn, thần rừng, thần cây, các vị thần ở trên các dược thảo, cỏ, rừng, đã hội họp lại và an ủi như sau: 'Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Này Tôn giả, chớ sợ hãi! Vì hạt giống ấy, con Khổng Tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, những người làm rừng có thể nhặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nảy mầm.' Và nay ta, vì nguyên nhân hạt giống dây leo, cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ khốc liệt." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, có sở kiến như sau: "Không có lỗi trong các dục." Những vị này đắm mình trong các dục, họ hoan lạc với các cô gái lang thang có tóc quấn trên đầu. Họ nói như sau: "Làm sao các Sa-môn, Bà-la-môn ấy thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục? Khoái lạc thay, sự xúc chạm với bàn tay có lông mịn của cô gái lang thang trẻ trung này!" Sau khi đắm mình trong các dục, khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, họ cảm thọ

---

[5] Các vị thần sợ hãi vì nghĩ rằng dây leo mọc ra từ hột giống này sẽ bao trùm cả cây, và sức quá nặng của nó có thể khiến cây lớn phải ngã đổ nếu có mưa to gió lớn và các thần cây sẽ bị hại. Xem *MA*. II. 372.

[6] *Oghanaṃ jaṇeyya*, được giải thích như *heṭṭhā ghanaṃ janeyya* trong *MA*. II. 372: "Dây leo có thể sinh trưởng tươi tốt ở dưới đất, sau đó leo lên cao, bao trùm toàn cây, rồi thòng xuống lại đến tận đất."

những cảm giác đau khổ, thống khổ khốc liệt. Họ nói như sau: "Các Sa-môn, Bà-la-môn ấy thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Nhưng chúng ta vì nhân các dục này, vì duyên các dục này, phải cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ khốc liệt." Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

470. Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, đi khất thực không chịu đứng lại, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo, không nhận đồ ăn đặt tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá hay thịt, không uống rượu nấu rượu men hay cháo cám. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị ấy chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc, ăn gạo lứt, ăn gạo daddula, ăn bèo cái, ăn cám, ăn váng nước cơm, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò; ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tẫn liệm quăng đi, mặc vải phấn tảo y, mặc vỏ cây tirīṭa làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người tập tục sống nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, không dùng chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhớp che giấu thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bạ đâu nằm đấy, sống ăn các uế vật, theo hạnh ăn các uế vật, sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi]. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh hành hạ xác thân dưới nhiều hình thức như vậy. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.

471. Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo

lạc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự tánh sanh ra quá nặng về tham ái, luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do tham ái sanh; có người tự tánh sanh ra quá nặng về sân hận, luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do sân hận sanh; có người tự tánh sanh ra quá nặng về si mê, luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do si mê sanh. Với khổ và với ưu, với mặt đầy nước mắt và khóc than, vị ấy sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

472. Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự tánh sanh ra không quá nặng về tham ái, không luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do tham ái sanh; có người tự tánh sanh ra không quá nặng về sân hận, không luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do sân hận sanh; có người tự tánh sanh ra không quá nặng về si mê, không luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do si mê sanh. Vị ấy ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ; diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba; xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc. Này các Tỷ-kheo, như vậy là bốn loại pháp hành.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

46. ĐẠI KINH PHÁP HÀNH

(*Mahādhammasamādāna Sutta*)[1]

473. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, phần lớn các loài hữu tình có dục như thế này, có ước vọng như thế này, có nguyện vọng như thế này: "Mong rằng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tiêu diệt. Mong rằng các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng." Này các Tỷ-kheo, dầu cho các loài hữu tình ấy có dục như vậy, có ước vọng như vậy, có nguyện vọng như vậy, nhưng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các người có biết vì nguyên nhân gì không?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm bậc Lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn thuyết giảng, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

474. – Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, không biết rõ các pháp nên hành trì, không biết rõ các pháp không nên hành trì, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận. Vì không biết rõ các pháp nên hành trì, không biết rõ các pháp không nên hành trì, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận; vị này hành trì các pháp

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thọ pháp kinh* 受法經 (*T*.01. 0026.175. 0712c04). Tham chiếu: *Ưng pháp kinh* 應法經 (*T*.01. 0083. 0902b04).

không nên hành trì, không hành trì các pháp nên hành trì, thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận. Vị này vì hành trì các pháp không nên hành trì, không hành trì các pháp nên hành trì, thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận, cho nên các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì người ấy không có trí[2] đối với pháp này. Và này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, biết rõ các pháp nên hành trì, biết rõ các pháp không nên hành trì, biết rõ các pháp nên thân cận, biết rõ các pháp không nên thân cận. Vì biết rõ các pháp nên hành trì, biết rõ các pháp không nên hành trì, biết rõ các pháp nên thân cận, biết rõ các pháp không nên thân cận; vị này hành trì các pháp nên hành trì, không hành trì các pháp không nên hành trì, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận. Vị này vì hành trì các pháp nên hành trì, không hành trì các pháp không nên hành trì, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận, cho nên các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý bị tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

475. Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp hành.[3] Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, có pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo cũng khổ. Này các Tỷ-kheo, có pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc. Này các Tỷ-kheo, có pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ. Này các Tỷ-kheo, có pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc.

476. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.[4] Do vô trí với pháp này, do si mê, nên không tuệ tri như chân: "Đây là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ." Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, nên hành trì pháp này, không tránh né pháp này. Vì hành trì pháp này, không tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ. Do vô trí với pháp này, do si mê, nên không biết như chân: "Đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ." Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, nên hành trì pháp này, không tránh né pháp này. Vì hành trì pháp này, không tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái,

[2] Kẻ phàm phu, mê muội. Xem *MA*. II. 375.

[3] Như kinh trước, *M*. 45, *Cūḷadhammasamādāna Sutta* (*Tiểu kinh Pháp hành*).

[4] Không gìn giữ 5 giới.

khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc. Do vô trí với pháp này, do si mê, nên không tuệ tri như chân: "Đây là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc." Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, nên không hành trì pháp này, tránh né pháp này. Vì không hành trì pháp này, tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này? Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc. Do vô trí với pháp này, do si mê, nên không tuệ tri như chân: "Đây là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc." Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, nên không hành trì pháp này, tránh né pháp này. Vì không hành trì pháp này, vì tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này.

477. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ. Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chân: "Pháp hành này hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ." Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này không hành trì pháp này, tránh né pháp này. Do không hành trì pháp này, do tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý bị tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ. Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chân: "Pháp hành này hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ." Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này không hành trì pháp này, tránh né pháp này. Do không hành trì pháp này, do tránh né pháp này; các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc. Do có trí đối với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chân: "Pháp này hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc." Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này hành trì pháp này, không tránh né pháp này. Do hành trì pháp này, không tránh né pháp này; các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc. Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chân: "Pháp hành này hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc." Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này hành trì pháp này, không tránh né pháp này. Do hành trì pháp này, do không tránh né pháp này; các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp

khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

478. Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với khổ, với ưu, sát sanh, và do duyên sát sanh, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, lấy của không cho, và do duyên lấy của không cho, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, sống theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà hạnh trong các dục, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời vọng ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời ác ngữ, và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời phù phiếm, và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, có tâm tham ái, và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, có tà kiến, và do duyên tà kiến, cảm thọ khổ ưu. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo cũng khổ.

479. Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lạc, với hỷ, sát sanh, và do duyên sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, lấy của không cho, và do duyên lấy của không cho, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, sống theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà hạnh trong các dục, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời vọng ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời ác ngữ, và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời phù phiếm, và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tâm tham ái, và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tà kiến, và do duyên có tà kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vị này sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

480. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với khổ, với ưu, từ bỏ sát sanh, và do duyên từ bỏ sát sanh, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ lấy của không cho, và do duyên từ bỏ lấy của không cho, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tà hạnh trong các dục, và do duyên từ bỏ tà hạnh trong các dục, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời vọng ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời vọng ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời hai lưỡi, và do duyên từ bỏ nói lời hai lưỡi, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời ác ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời ác ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời phù phiếm, và do duyên từ bỏ nói lời phù phiếm, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tâm tham ái, và do duyên từ bỏ tâm tham ái, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu,

từ bỏ tâm sân hận, và do duyên từ bỏ tâm sân hận, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tà kiến, và do duyên từ bỏ tà kiến, cảm thọ khổ ưu. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

481. Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lạc, với hỷ, từ bỏ sát sanh, và do duyên từ bỏ sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ lấy của không cho, và do duyên từ bỏ lấy của không cho, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ tà hạnh trong các dục, và do duyên từ bỏ tà hạnh trong các dục, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói lời vọng ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời vọng ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói lời hai lưỡi, và do duyên từ bỏ nói lời hai lưỡi, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ ác ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời ác ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói lời phù phiếm, và do duyên từ bỏ nói lời phù phiếm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, không có tham ái, và do duyên không có tham ái, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, không có sân tâm, và do duyên không có sân tâm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có chánh kiến, và do duyên chánh kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc.

482. Này các Tỷ-kheo, ví như trái bí đắng có tẩm thuốc độc. Rồi một người đến, muốn sống, muốn không chết, ưa lạc, hiềm ghét khổ, và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, trái bí đắng này có tẩm thuốc độc, nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn có thể đi đến chết, hay bị đau khổ gần như chết." Người ấy có thể uống, không có suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người ấy bị chết, hay bị đau khổ gần như chết. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.

483. Này các Tỷ-kheo, ví như một bình đồng đựng nước uống, có sắc, có hương, có vị và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Rồi một người đến, muốn sống, muốn không chết, ưa lạc, hiềm ghét khổ. Và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, bình đồng đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vị và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn có thể đi đến chết, hay đau khổ gần như chết." Người kia có thể uống, không suy nghĩ, không từ bỏ. Trong khi uống, người ấy được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người ấy có thể đi đến chết, hay đau khổ gần như chết. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

484. Này các Tỷ-kheo, ví như nước tiểu của các mục súc được trộn nhiều loại thuốc. Rồi có người đi đến, bị bệnh hoàng đản, và có người nói với người

đó như sau: "Này bạn, nước tiểu của các mục súc này được trộn với nhiều loại thuốc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, bạn sẽ được an lạc." Người ấy có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, người ấy được an lạc. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

485. Này các Tỷ-kheo, ví như lạc, mật, thục tô và đường trộn lẫn với nhau. Rồi có người đi đến, bị bệnh kiết ly, và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, đây là lạc, mật, thục tô và đường trộn lẫn với nhau. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn sẽ được an lạc." Người kia có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người kia được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người kia được an lạc. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc.

486. Này các Tỷ-kheo, ví như trong tháng cuối mùa mưa, vào mùa thu, mùa gặt hái, khi bầu trời quang đãng, không có mây và mặt trời mọc lên giữa bầu trời, phá sạch hắc ám khắp cả hư không, chói sáng, hực sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc này, sau khi phá sạch các dị thuyết của các Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường, chói sáng, hực sáng và rực sáng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

47. KINH TƯ SÁT

(*Vīmaṃsaka Sutta*)[1]

487. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, tinh xá của ông Anāthapiṇḍika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, vị Tư sát Tỷ-kheo muốn biết rõ[2] tập tánh[3] (*cetopariyāya*) của người khác, cần phải tìm hiểu (*samannesanā*) về Như Lai, để ý thức được Ngài có chứng đạt Chánh đẳng giác hay không?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm bậc Lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay, Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn thuyết giảng, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

488. – Này các Tỷ-kheo, vị Tư sát Tỷ-kheo muốn biết rõ tập tánh của người khác, cần phải tìm hiểu về Như Lai trên hai loại pháp: Các pháp do mắt, tai[4] nhận thức, nghĩ rằng: "Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không hiện khởi?" Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo được biết như sau: "Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai." Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: "Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai", vị ấy tìm hiểu thêm: "Những tạp pháp [khi nhiễm khi tịnh][5] do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Cầu giải kinh* 求解經 (*T*.01. 0026.186. 0731a29).

[2] *MA*. II. 378 phân biệt có 3 loại tìm hiểu và đây là sự tìm hiểu về bậc Đạo sư.

[3] Ở đây, *pariyāya* được giải thích là *vāra* nghĩa là con đường và *pariccheda* nghĩa là giới hạn, giới vức. Xem *MA*. II. 378.

[4] *MA*. II. 380 giải thích thân hành của bậc Đạo sư được nhận thức ngang qua mắt và khẩu hành ngang qua tai.

[5] *MA*. II. 381 giải thích những pháp có khi đen, có khi trắng.

hiện khởi?" Sau khi tìm hiểu như vậy và vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai." Sau khi tìm hiểu như vậy và vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai", vị ấy tìm thiểu thêm: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh, do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không hiện khởi?" Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai." Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai", vị ấy tìm hiểu thêm: "Vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài hay trong một thời gian ngắn?" Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài, vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này không phải trong một thời gian ngắn." Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: "Vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài, vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này không phải trong một thời gian ngắn", vị ấy tìm hiểu thêm: "Vị Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một số nguy hiểm có khởi lên cho vị ấy ở đây không?"

Này các Tỷ-kheo, một số nguy hiểm không khởi lên ở đây cho vị Tỷ-kheo, khi vị ấy chưa được hữu danh, chưa có danh tiếng. Này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo ấy được hữu danh, có danh tiếng, thì một số nguy hiểm có thể khởi lên ở đây cho vị ấy. Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Vị Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một số nguy hiểm không khởi lên cho vị ấy." Sau khi tìm hiểu như vậy, vị ấy biết được như sau: "Vị Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một số nguy hiểm không khởi lên cho vị này." Vị ấy tìm hiểu thêm: "Vị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ, vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi[6] mà từ bỏ. Có phải do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái, nên vị này không thỏa mãn các dục?" Sau khi tìm hiểu như vậy, vị ấy biết được như sau: "Vị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ, vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi mà từ bỏ. Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái, nên vị này không thỏa mãn các dục."

Này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác hỏi vị Tỷ-kheo ấy như sau: "Những dữ kiện của Tôn giả là gì, những bằng chứng của Tôn giả là gì, mà Tôn giả nói: 'Vị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ, vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi mà từ bỏ.' Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái nên vị này không thỏa mãn các dục." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn trả lời một cách chơn chánh phải trả lời như sau: "Vị Tôn giả này sống giữa Tăng chúng hay sống một mình,[7] dầu cho những vị sống ở đây là thiện hạnh, là ác hạnh, dầu cho có

[6] Phàm phu có 4 sự sợ hãi, vị Hữu học (*Sekha*) có 3, nên vị này vẫn còn bị chi phối bởi sự sợ hãi. Nhưng đối với vị đã đoạn tận lậu hoặc thì không còn một sự sợ hãi nào. Xem *MA*. II. 385.

[7] Thời gian độc cư thiền định tạm thời (nửa tháng hay 3 tháng) được nhắc trong nhiều kinh như *MA*. II. 386; *S*. V. 320, 325.

những vị giáo giới hội chúng, ở đây có những vị chuyên trọng tài vật, có những vị ở đây không bị ô nhiễm bởi tài vật, vị Tôn giả này không vì vậy mà khinh bỉ họ vì lý do này."[8] Như vậy tôi nghe trước mặt Thế Tôn, như vậy tôi được biết trước mặt Thế Tôn: "Ta do vô úy mà từ bỏ, Ta không phải vì sợ hãi mà từ bỏ. Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái nên Ta không thỏa mãn các dục."

489. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai cần phải được hỏi thêm như sau: "Các pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện khởi?"

Được hỏi vậy, Như Lai sẽ trả lời[9] như sau: "Các pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không hiện khởi ở Như Lai." "Những tạp pháp ở mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện khởi?"

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sẽ trả lời như sau: "Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai." "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện khởi?"

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai trả lời như sau: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai." Ta lấy như vậy làm đạo lộ, làm hành giới.[10] Không có ai giống Ta như vậy.[11]

Này các Tỷ-kheo, một đệ tử phải đến gần bậc Đạo sư có nói như vậy để được nghe pháp. Vị Đạo sư thuyết pháp cho vị ấy, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch cùng với các pháp tương đương (*sappaṭibhāga*).[12]

Này các Tỷ-kheo, tùy theo vị Đạo sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch cùng với các pháp tương đương; vị Tỷ-kheo, tùy theo như vậy, sau khi chứng tri trong pháp ấy, đạt đến sự cứu cánh của từng pháp một. Vị ấy khởi lòng tịnh tín đối với bậc Đạo sư: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì." Này các Tỷ-kheo, nếu có người khác hỏi Tỷ-kheo ấy như sau: "Tôn giả có những dữ kiện gì, có những bằng chứng gì để Tôn giả nói rằng: 'Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì'?"

Này các Tỷ-kheo, muốn trả lời một cách chơn chánh, vị Tỷ-kheo phải trả lời

---

[8] Câu kệ này được tìm thấy ở *MA*. II. 387; *DhA*. I. 146 và *Miln*. 410. Câu kệ như sau: "*Vadhakassa devadattassa, corassaṅgulimālino. Dhanapāle rāhule ca, sabbesaṃ samako munīti*." (Cho dù kẻ đáng bị trừng phạt như Devadatta, kẻ cướp như Aṅgulimāla, hay kẻ bị ràng buộc bởi tài sản đều ngang hàng với Muni).

[9] Vì không có bất cứ câu trả lời nào của Như Lai mà không chân chánh, do đó không có sự không chơn chánh đối với thuật ngữ *sammā* nên được gọi là *byākaramāna* như được đề cập trong *MA*. II. 387.

[10] *Etaṃ pathohamasmi etaṃ gocaro*. *MA*. II. 387 viết *etāpātho* theo cách đọc khác và giải thích là "một đời sống hoàn toàn thanh tịnh và đức hạnh."

[11] Trong nếp sống giới hạnh thanh tịnh không có tham ái. Xem *MA*. II. 387.

[12] Ở đây có thể được hiểu là *savipakkha*, có nghĩa là kết quả.

như sau: "Ở đây, này Hiền giả, tôi đến yết kiến Thế Tôn để nghe thuyết pháp, Thế Tôn thuyết pháp cho tôi, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch với các pháp tương đương của chúng. Này Hiền giả, tùy theo Thế Tôn thuyết pháp cho tôi như thế nào, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch với các pháp tương đương của chúng; tùy theo như vậy, sau khi chứng tri trong pháp ấy, tôi đạt đến sự cứu cánh của từng pháp một. Tôi khởi lòng tịnh tín đối với bậc Đạo sư: 'Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì.'"

490. Này các Tỷ-kheo, đối với ai mà lòng tin đối với Như Lai được an lập, căn cứ, an trú trên những dữ kiện,[13] những văn cú, những văn tự[14] như vậy, này các Tỷ-kheo, lòng tin như vậy được gọi là có dữ kiện đầy đủ, căn cứ trên chánh kiến,[15] vững chắc, không thể bị phá hoại bởi một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Māra, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tìm hiểu về Như Lai, và như vậy Như Lai mới được khéo tìm hiểu một cách đúng pháp.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[13] *MA*. II. 388 cho rằng bởi những điều biết rõ được về bậc Đạo sư của vị này.

[14] *M*. I. 114; *S*. V. 219.

[15] Ở đây, *MA*. II. 388 giải thích rằng dựa trên pháp tu thành tựu quả vị Dự lưu, và chính lòng tịnh tín là pháp tu căn bản. Lòng tịnh tín của bậc Dự Lưu không thể bị Māra phá hoại.

48. KINH KOSAMBIYA

(*Kosambiya Sutta*)[1]

491. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Kosambī, tại tinh xá Ghosita. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo ở Kosambī sống cạnh tranh, luận tranh,[2] đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Họ không tự thông cảm nhau, không chấp nhận thông cảm; họ không tự hòa giải, không chấp nhận hòa giải.[3] Rồi một Tỷ-kheo đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ở Kosambī sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Họ không tự thông cảm nhau, không chấp nhận thông cảm; họ không tự hòa giải nhau, không chấp nhận hòa giải.

Rồi Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo và bảo như sau:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, bảo các Tỷ-kheo ấy như sau: "Bậc Đạo sư cho gọi chư Tôn giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đến chỗ các Tỷ-kheo ấy ở. Sau khi đến, liền thưa với các Tỷ-kheo ấy:

– Bậc Đạo sư cho gọi chư Tôn giả.

– Hiền giả, vâng.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo đang ngồi xuống một bên:

– Này các Tỷ-kheo, có đúng sự thật chăng, các ông sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Và các ông không tự thông cảm nhau, không chấp nhận thông cảm; không tự hòa giải nhau, không chấp nhận hòa giải?

---

[1] Tham chiếu: *J.* 428; *Vin.* I. 338ff; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.8. 0626b11). *Ngũ phần luật* 五分律 (*T.*22. 1421.24. 0158c07); *Tứ phần luật* 四分律 (*T.*22. 1428.43. 0874c08).

[2] *M.* III. 152; *Vin.* I. 341, 352.

[3] *Vin.* I. 337.

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Trong khi các ông sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi; trong khi ấy, các ông có an trú (*paccupaṭṭhita*) Từ thân hành (*Metta kāyakamma*) đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng không? Các ông có an trú Từ khẩu hành đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng không? Các ông có an trú Từ ý hành đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, [các ông] đã chấp nhận rằng, trong khi các ông sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi; trong khi ấy, không có an trú Từ thân hành đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng, không có an trú Từ khẩu hành đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng, không có an trú Từ ý hành đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Như vậy, này các kẻ mê mờ kia, do biết gì, do thấy gì, các ông sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với những binh khí miệng lưỡi; và các ông không tự thông cảm nhau, không chấp nhận thông cảm; không tự hòa giải nhau, không chấp nhận hòa giải. Như vậy, này các kẻ mê mờ kia, các ông sẽ phải chịu bất hạnh, đau khổ trong một thời gian dài.

492. Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp này cần phải ghi nhớ,[4] tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú Từ thân hành đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú Từ khẩu hành đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú Từ ý hành đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với các tài vật nhận được đúng pháp, hợp pháp, cho đến những tài vật thâu nhận chỉ trong bình bát, Tỷ-kheo không phải là người không san sẻ các tài vật nhận được như vậy, phải là người san sẻ dùng

[4] *Dhammā sāraṇīya. MA*. II. 394 viết *saritabbayuttā*, nghĩa là điều cần phải nhớ. Xem *M*. II. 250f; *D*. II. 80; III. 245; *A*. III. 288.

chung với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức. Pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với các giới luật không có vi phạm, không có tỳ vết, không có vẩn đục, không có uế tạp, giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp trước, đưa đến thiền định, Tỷ-kheo sống thành tựu trong các giới luật ấy với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với các tri kiến thuộc về bậc Thánh[5] có khả năng hướng thượng, khiến người thực hành chơn chánh diệt tận khổ đau, Tỷ-kheo sống thành tựu tri kiến như vậy, cùng với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí. Này các Tỷ-kheo, trong sáu pháp cần phải ghi nhớ này, có một pháp tối thượng, thâu nhiếp tất cả, làm giềng mối cho tất cả,[6] chính là tri kiến này, thuộc về bậc Thánh,[7] có khả năng hướng thượng, khiến người thực hành chơn chánh diệt tận khổ đau.

Này các Tỷ-kheo, ví như một căn nhà có mái nhọn như ngọn tháp, có một pháp tối thượng, thâu nhiếp tất cả, làm giềng mối cho tất cả, chính là mái nhọn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong sáu pháp cần phải ghi nhớ này, có một pháp tối thượng, thâu nhiếp tất cả, làm giềng mối cho tất cả, chính là tri kiến này, thuộc về bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, khiến người thực hành chơn chánh diệt tận khổ đau.

493. Này các Tỷ-kheo, thế nào là tri kiến thuộc về bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, khiến người thực hành chơn chánh diệt tận khổ đau? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến dưới gốc cây, hay đi đến chỗ trống vắng và suy nghĩ như sau: "Không biết ta có nội triền nào chưa đoạn trừ không? Do nội triền này nếu tâm ta bị triền phược, thì ta không thể biết như thật, không thể thấy như thật?"

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo bị tham dục triền phược, cho đến như vậy, tâm [của vị này] bị triền phược. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo bị sân triền phược, cho đến như vậy, tâm [của vị này] bị triền phược. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo bị hôn trầm thụy miên triền phược, cho đến như vậy, tâm [của vị này] bị triền phược. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo bị trạo hối triền phược, cho

[5] Tương ứng với Đạo. Xem *MA*. II. 401.

[6] *A*. III. 10.

[7] Đây là tri kiến của Dự lưu đạo. Xem *MA*. II. 401. Đoạn cuối kinh này có đề cập đến 7 trí được xem là liên hệ đến Dự lưu quả.

đến như vậy, tâm [của vị này] bị triền phược. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo bị nghi triền phược, cho đến như vậy, tâm [của vị này] bị triền phược. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có tâm bị thế sự đời này ràng buộc, cho đến như vậy, tâm [của vị này] bị triền phược. Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có tâm bị thế sự đời sau ràng buộc, cho đến như vậy, tâm [của vị này] bị triền phược. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với những binh khí miệng lưỡi, cho đến như vậy, tâm [của vị này] bị triền phược. Vị ấy biết rõ như sau: "Ta không có nội triền chưa được đoạn trừ, do nội triền này nếu tâm ta bị triền phược, ta không thể biết như thật, không thể thấy như thật. Ý của ta được khéo hướng đến sự giác ngộ các sự thật." Đó là Trí thứ nhất mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

494. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Trong khi ta thực tập, tu tập, luyện tập nhiều lần tri kiến này, ta tự đạt được tịch chỉ,[8] ta tự đạt được tịnh chỉ hay không?" Vị này biết rõ như sau: "Trong khi ta thực tập, tu tập, luyện tập nhiều lần tri kiến này; ta tự đạt được tịch chỉ, ta tự đạt được tịnh chỉ." Đó là Trí thứ hai mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

495. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Tri kiến như ta đã thành tựu này,[9] có thể có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào, ngoài tổ chức này thành tựu tri kiến như vậy không?" Vị ấy hiểu rõ như sau: "Tri kiến như ta đã thành tựu, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, ngoài tổ chức này thành tựu tri kiến như vậy." Đó là Trí thứ ba mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

496. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Pháp tánh (*Dhammatā*) mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu, Pháp tánh như vậy ta có thành tựu hay không?" Và này các Tỷ-kheo, Pháp tánh ấy là gì mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu? Đây là Pháp tánh, này các Tỷ-kheo, một vị chứng được Tri kiến thành tựu, bất cứ giới tội nào, vị này vi phạm, giới tội ấy liền được xuất tội.[10] Vị này lập tức phát lộ, tỏ bày, trình bày trước bậc Đạo sư hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi phát lộ, tỏ bày, trình bày, vị ấy phòng hộ gìn giữ trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, ví như một đứa trẻ con, ngây thơ, nằm ngửa, lập tức rút lui tay hay chân nếu tay hay chân của nó chạm phải than đỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đây là Pháp tánh mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu. Bất cứ giới tội nào vị này vi phạm, giới tội ấy liền được xuất tội. Vị này lập tức phát lộ, tỏ bày, trình bày trước bậc Đạo sư hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi phát lộ, tỏ bày, trình bày, vị ấy phòng hộ gìn giữ trong tương lai. Vị ấy biết rõ như sau: "Pháp tánh mà một vị chứng được

---

[8] *Nibbuti* được *MA*. II. 401 giải thích là *kilesavūpasama,* sự đoạn trừ các phiền não.

[9] Tri kiến của một vị đã chứng quả Dự lưu.

[10] Bởi sự phát lộ hay bởi Tăng yết-ma (*Saṅghakamma*).

Tri kiến thành tựu, Pháp tánh như vậy ta có thành tựu." Như vậy là Trí thứ tư mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

497. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Pháp tánh mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu, Pháp tánh như vậy ta có thành tựu hay không?" Và này các Tỷ-kheo, Pháp tánh ấy là gì mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu? Đây là Pháp tánh, này các Tỷ-kheo, một vị chứng được Tri kiến thành tựu, bất luận sự việc cần phải làm dầu lớn nhỏ gì,[11] giúp cho các vị đồng Phạm hạnh, vị này nỗ lực thực hiện, nhưng tha thiết hướng đến tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Này các Tỷ-kheo, ví như con bò có các con bê, khi đang nhổ lùm cỏ lên [ăn], vẫn coi chừng con bê. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đây là Pháp tánh mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu. Bất luận sự việc cần phải làm dầu lớn nhỏ gì, giúp cho các vị đồng Phạm hạnh, vị này nỗ lực thực hiện, nhưng tha thiết hướng đến tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Vị này biết rõ như sau: "Pháp tánh mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu, Pháp tánh như vậy ta có thành tựu." Như vậy là Trí thứ năm mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

498. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Sức mạnh mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu, sức mạnh như vậy ta có thành tựu hay không?" Và này các Tỷ-kheo, sức mạnh ấy là gì mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu? Đây là sức mạnh, này các Tỷ-kheo, một vị chứng được Tri kiến thành tựu, trong khi Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết được giảng dạy, sau khi chú tâm chú ý, chuyên chú toàn tâm trí, vị này lóng tai nghe pháp. Vị này biết rõ như sau: "Sức mạnh mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu, sức mạnh như vậy ta có thành tựu." Như vậy là Trí thứ sáu mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

499. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Sức mạnh mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu, sức mạnh như vậy ta có thành tựu hay không?" Và này các Tỷ-kheo, sức mạnh ấy là gì mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu? Đây là sức mạnh, này các Tỷ-kheo, một vị chứng được Tri kiến thành tựu, trong khi Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết được giảng dạy, vị này chứng được Nghĩa tín thọ (*Atthaveda*), Pháp tín thọ (*Dhammaveda*) và sự hân hoan tương ứng với Pháp.[12] Vị này hiểu rõ như sau: "Sức mạnh mà một vị chứng được Tri kiến thành tựu, sức mạnh như vậy ta có thành tựu." Như vậy là Trí thứ bảy mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

500. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp tánh được khéo an trú đối với vị

[11] Các bổn phận lớn và nhỏ. Lớn như may và nhuộm y, giữ chánh điện sạch sẽ và các công việc trong phòng kiết giới; nhỏ như đổ đầy thùng nước rửa chân, lo dầu đèn. Xem *MA*. II. 402.

[12] *M*. I. 37, 221.

Thánh đệ tử thành tựu bảy chi này để chứng được quả Dự lưu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu bảy chi này tức là đã thành tựu Dự lưu quả.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

49. KINH PHẠM THIÊN CẦU THỈNH

(*Brahmanimantanika Sutta*)[1]

501. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta ở tại Ukkaṭṭhā trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Sa-la vương. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Baka khởi lên ác tà kiến[2] như sau: "Cái này[3] là thường, cái này là thường hằng, cái này là thường tại, cái này là toàn diện, cái này không bị biến hoại, cái này không sanh, không già, không chết, không diệt; không khởi, ngoài cái này, không có một giải thoát nào khác hơn."[4] Này các Tỷ-kheo, sau khi với tự tâm biết được tâm của Phạm thiên Baka, như người lực sĩ duỗi ra cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, như vậy Ta biến mất tại Ukkaṭṭhā, rừng Subhaga, dưới gốc cây Sa-la vương và hiện ra tại cõi Phạm thiên ấy. Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Baka thấy Ta từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Ta:

– Hãy đến, Tôn giả; hãy đến, Tôn giả, đã lâu, nay Tôn giả mới có dịp đến đây.[5] Này Tôn giả, cái này là thường, cái này là thường hằng, cái này là thường tại, cái này là toàn diện, cái này không bị biến hoại, cái này không sanh, không già, không chết, không diệt; không khởi, ngoài cái này, không có một giải thoát nào khác hơn.

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Phạm thiên Baka:

– Thật sự Phạm thiên Baka bị chìm đắm trong vô minh, thật sự Phạm thiên Baka bị chìm đắm trong vô minh, khi cái vô thường lại nói là thường, cái không thường hằng lại nói là thường hằng, cái không thường tại lại nói là thường tại,

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phạm thiên thỉnh Phật kinh* 梵天請佛經 (*T*.01. 0026.78. 0547a09).

[2] Tà kiến ở đây chỉ cho Thường kiến.

[3] *MA*. II. 405 viết ở đây là một cõi Phạm thiên (Brahmaṭṭhāna).

[4] Giải thoát nào khác. Ở đây chỉ cho 3 giai đoạn trong thiền định: 4 Đạo, 4 Quả và Niết-bàn. Xem *MA*. II. 405.

[5] Như *M*. I. 252, 481.

cái không toàn diện lại nói là toàn diện, cái bị biến hoại lại nói là không biến hoại và tại chỗ có sanh, có già, có chết, có diệt, có khởi, lại nói không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi; có một giải thoát khác hơn lại nói là không có một giải thoát nào khác hơn.

502. Này các Tỷ-kheo, rồi Ác ma nhập vào một Phạm thiên quyến thuộc[6] và nói với Ta như sau:

– Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, chớ có can thiệp vào đây! Chớ có can thiệp vào đây! Này Tỷ-kheo, Phạm thiên này là Đại Phạm thiên,[7] Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Này Tỷ-kheo, thuở xưa có những Sa-môn, Bà-la-môn, ở đời phỉ báng địa đại, ghê tởm địa đại, phỉ báng thủy đại, ghê tởm thủy đại, phỉ báng hỏa đại, ghê tởm hỏa đại, phỉ báng phong đại, ghê tởm phong đại, phỉ báng chúng sanh, ghê tởm chúng sanh, phỉ báng chư thiên, ghê tởm chư thiên, phỉ báng Sanh chủ, ghê tởm Sanh chủ, phỉ báng Phạm thiên,[8] ghê tởm Phạm thiên, sau khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, phải an trú vào thân ti tiện.[9] Này Tỷ-kheo, còn những Sa-môn, Bà-la-môn ở đời xưa kia, tán thán địa đại, hoan hỷ địa đại, tán thán thủy đại, hoan hỷ thủy đại, tán thán hỏa đại, hoan hỷ hỏa đại, tán thán phong đại, hoan hỷ phong đại, tán thán chúng sanh, hoan hỷ chúng sanh, tán thán chư thiên, hoan hỷ chư thiên, tán thán Sanh chủ, hoan hỷ Sanh chủ, tán thán Phạm thiên, hoan hỷ Phạm thiên, sau khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, những vị này được an trú vào các thân vi diệu.[10] Này Tỷ-kheo, vì vấn đề này, Ta nói như sau: "Phàm Phạm thiên nói với ông những gì, ông hãy làm như vậy, ông chớ có đi quá xa lời Phạm thiên nói. Này Tỷ-kheo, nếu ông đi quá xa lời Phạm thiên nói, thì giống như người dùng gậy đánh đập thần tài (Siri)[11] đang đi đến; giống như một người đang rơi vào vực thẳm, tay chân lại không bám[12] vào đất. Này Tỷ-kheo, sự việc sẽ xảy ra cho ông như vậy. Này Tỷ-kheo, phàm Phạm thiên nói với ông những gì, ông hãy làm như vậy, ông chớ có đi quá xa lời Phạm thiên nói. Này Tỷ-kheo, ông có thấy chúng Phạm thiên đang ngồi chăng?"

Rồi này các Tỷ-kheo, Ác ma dắt Ta đến chúng Phạm thiên. Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với Ác ma như sau:

– Này Ác ma, Ta biết ông. Chớ có nghĩ rằng: "Vị ấy không biết ta." Ông là Ác ma. Này Ác ma, phàm là Phạm thiên, phàm là Phạm thiên chúng, phàm là Phạm thiên quyến thuộc, tất cả đều nằm trong tay của ông, tất cả đều nằm trong

---

[6] *MA*. II. 405 giải thích Ác ma không thể nhập vào chúng Đại Phạm thiên hay giữa các vị Phạm Phụ thiên.

[7] Xem *D*. I. 18.

[8] Tuần tự cho đến Phạm thiên. Xem *M*. I. 1ff.

[9] *Kāya. MA*. II. 406 nói chúng phải sanh trong 4 ác đạo.

[10] *MA*. II. 406 viết trong Phạm thiên giới.

[11] *Siri*: May mắn, huy hoàng, giàu sang.

[12] *Virādheyya*. Xem *MA*. II. 406-07.

quyền lực của ông. Này Ác ma, nếu ông nghĩ rằng: "Mong vị này nằm trong tay ta, mong vị này nằm trong quyền lực của ta!", này Ác ma, Ta không nằm trong tay của ông, Ta không nằm trong quyền lực của ông.

503. Này các Tỷ-kheo, khi được nghe nói vậy, Phạm thiên Baka nói với Ta như sau:

– Này Tôn giả, cái gì thường còn, ta nói là thường còn; cái gì thường hằng, ta nói là thường hằng; cái gì thường tại, ta nói là thường tại; cái gì toàn diện, ta nói là toàn diện; cái gì không biến hoại, ta nói là không biến hoại; ở đây, cái gì không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, ta nói rằng cái ấy không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi; và vì không có một sự giải thoát nào khác hơn, ta nói là không có một sự giải thoát nào khác hơn. Này Tỷ-kheo, xưa kia có Sa-môn, Bà-la-môn ở trong những đời trước ông, những vị này đã tu hành khổ hạnh lâu dài cho đến trọn tuổi thọ của ông, những vị này phải biết: "Hoặc có một sự giải thoát khác hơn, thì biết rằng có một sự giải thoát khác hơn; hoặc không có một sự giải thoát khác hơn, thì biết rằng không có một sự giải thoát nào khác hơn." Này Tỷ-kheo, ta nói như sau với ông: "Ông sẽ không thấy một giải thoát nào khác hơn, dầu ông có phải chịu đựng mệt nhọc và khổ cực. Này Tỷ-kheo, nếu ông y trước (*ajjhosati*) địa đại, ông sẽ gần ta,[13] trú tại lãnh địa (*vatthusāyika*) của ta, làm theo ý ta muốn, bị đứng ngoài lề;[14] nếu ông y trước thủy đại... hỏa đại... phong đại... chúng sanh... chư thiên... Sanh chủ... Nếu ông y trước Phạm thiên, ông sẽ gần ta, trú tại lãnh địa của ta, làm theo ý ta muốn, bị đứng ra ngoài lề."

– Này Phạm thiên, Ta biết việc này. Nếu Ta y trước địa đại... thủy đại... hỏa đại... phong đại... chúng sanh... chư thiên... Sanh chủ... Nếu Ta y trước Phạm thiên, Ta sẽ gần ông, trú tại lãnh địa của ông, làm theo ý ông muốn, bị đứng ra ngoài lề. Lại nữa, này Phạm thiên, Ta biết sanh thú (*gati*) của ông và Ta biết sự quang vinh[15] của ông: "Phạm thiên Baka có thần lực như vậy, Phạm thiên Baka có quyền lực như vậy, Phạm thiên Baka có uy lực như vậy."

– Này Tỷ-kheo, như ông biết sanh thú, ông biết sự quang vinh của ta: "Phạm thiên Baka có thần lực như vậy, Phạm thiên Baka có quyền lực như vậy, Phạm thiên Baka có uy lực như vậy."

Như nhật nguyệt lưu chuyển,
Sáng chói khắp mười phương,
Như vậy mười thiên giới,
Dưới uy lực của ông.
Ông biết chỗ cao thấp,[16]

---

[13] *Opasāyika*. *MA*. II. 407 viết là *samīpasaya*.

[14] *Bāhiteyya*. Bị tẩn xuất, bị hạ phẩm vị. *Paṭibāheti*: Bị cho ra ngoài, bị đóng cửa lại.

[15] *Juti*. *MA*. II. 408 giải thích thuật ngữ *ānubhāva*, nghĩa là sự huy hoàng, sự uy nghiêm.

[16] *Paropara*. *MA*. II. 408 giải thích là cao và thấp, tiện và quý.

Có dục và không dục,
Hữu này và hữu kia,
Chỗ đến đi hữu tình.

– Như vậy, này Phạm thiên, Ta biết chỗ sanh thú và sự quang vinh của ông: "Phạm thiên Baka có thần lực như vậy, Phạm thiên Baka có quyền lực như vậy, Phạm thiên Baka có uy lực như vậy."

504. Này Phạm thiên, có loại thân khác mà ông không biết, không thấy; nhưng Ta biết, Ta thấy. Này Phạm thiên, có loại chư thiên tên là Ābhassara (Quang Âm thiên), từ chư thiên này, ông mạng chung và sanh ở nơi đây. Nhưng vì ông an trú (*nivāsa*) ở đấy quá lâu nên ông không nhớ được. Do đó, ông không biết, không thấy; còn Ta biết, Ta thấy. Như vậy, này Phạm thiên, Ta còn không chịu ngang hàng ông về thượng trí, huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn ông. Này Phạm thiên, lại có một loại chư thiên tên là Subhakiṇha (Biến Tịnh thiên)... lại có một loại chư thiên tên là Vehapphala (Quảng Quả thiên) mà ông không biết, không thấy; nhưng Ta biết, Ta thấy. Như vậy, này Phạm thiên, Ta còn không chịu ngang hàng ông về thượng trí, huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn ông. Này Phạm thiên, Ta biết địa đại từ địa đại, cho biết giới vức địa đại, Ta không lãnh thọ[17] địa tánh; do biết địa đại, Ta không nghĩ: "Ta là địa đại,[18] Ta ở trong địa đại, Ta từ địa đại, địa đại là của Ta và Ta không tôn trọng địa đại." Như vậy, này Phạm thiên, Ta còn không chịu ngang hàng ông về thượng trí, huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn ông. Này Phạm thiên, Ta biết thủy đại... Này Phạm thiên, Ta biết hỏa đại... Này Phạm thiên, Ta biết phong đại... Này Phạm thiên, Ta biết chúng sanh... Này Phạm thiên, Ta biết chư thiên... Này Phạm thiên, Ta biết Sanh chủ... Này Phạm thiên, Ta biết Phạm thiên... Này Phạm thiên, Ta biết Ābhassara... Này Phạm thiên, Ta biết Subhakiṇha... Này Phạm thiên, Ta biết Vehapphala... Này Phạm thiên, Ta biết Abhibhū (Thắng giả)... Này Phạm thiên, Ta biết tất cả (*sabba*)[19] từ tất cả, cho đến giới vức tất cả, Ta không lãnh thọ nhứt thiết tánh, Ta không nghĩ: "Ta là tất cả, Ta ở trong tất cả, Ta từ tất cả, tất cả là của Ta và Ta không tôn trọng tất cả." Như vậy, này Phạm thiên, Ta còn không chịu ngang hàng ông về thượng trí, huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn ông.

– Này Tôn giả, đối với tất cả, nếu Tôn giả không lãnh thọ nhứt thiết tánh, thì đối với Tôn giả, trở thành trống không, trống rỗng. Thức là phi sở kiến,[20] không biên tế, chói sáng tất cả,[21] nếu không thể lãnh thọ địa đại ngang qua địa tánh, không thể lãnh thọ thủy đại ngang qua thủy tánh, không thể lãnh thọ hỏa

[17] *Ananubhūta*. *MA*. II. 412 gọi là *Nibbāna*.
[18] *M*. I. 1.
[19] *MA*. II. 412 viết Brahmā hiểu là sự bất diệt (*akkhara*), còn bậc Đạo sư hiểu là tự thân của Ngài.
[20] *MA*. II. 413 cho rằng vô hình.
[21] Trong *D*. I. 223, câu cuối đọc là *sabbāto pahaṃ*, còn kinh này viết *sabbato pabhaṃ*.

đại ngang qua hỏa tánh, không thể lãnh thọ phong đại ngang qua phong tánh, không thể lãnh thọ chúng sanh ngang qua chúng sanh tánh, không thể lãnh thọ chư thiên ngang qua chư thiên tánh, không thể lãnh thọ Sanh chủ ngang qua Sanh chủ tánh, không thể lãnh thọ Phạm thiên ngang qua Phạm thiên tánh, không thể lãnh thọ Ābhassara ngang qua Quang Âm thiên tánh, không thể lãnh thọ Subhakiṇha ngang qua Biến Tịnh thiên tánh, không thể lãnh thọ Vehapphala ngang qua Quảng Quả thiên tánh, không thể lãnh thọ Abhibhū ngang qua Thắng giả tánh, không thể lãnh thọ nhứt thiết ngang qua nhứt thiết tánh. Này Tôn giả, nay ta sẽ biến mất trước mặt Tôn giả.

– Này Phạm thiên, hãy biến đi trước mặt Ta, nếu ông có thể biến được.

Rồi này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Baka nói:

– Ta sẽ biến mất trước mặt Sa-môn Gotama. Ta sẽ biến mất trước Sa-môn Gotama.

Nhưng Phạm thiên Baka không thể biến mất trước mặt Ta. Này các Tỷ-kheo, khi thấy vậy, Ta nói với Phạm thiên Baka:

– Này Phạm thiên, Ta sẽ biến mất trước mặt ông.

– Này Tôn giả, Tôn giả hãy biến đi trước mặt ta, nếu Tôn giả có thể biến được.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta thực hiện thần thông[22] như sau: "Hãy để cho Phạm thiên, Phạm thiên chúng và Phạm thiên quyến thuộc nghe tiếng Ta chớ không thấy Ta", Ta biến mất và nói lên bài kệ như sau:

> Thấy nguy hiểm trong hữu,
> Từ hữu, tìm phi hữu (*vibhava*),
> Ta không tôn trọng hữu,
> Không hỷ, không chấp trước.

Rồi này các Tỷ-kheo, Phạm thiên, Phạm thiên chúng và Phạm thiên quyến thuộc, tâm sanh vi diệu hy hữu, nói lên như sau:

– Thật vi diệu thay, chư Tôn giả! Thật hy hữu thay, chư Tôn giả! Đại thần lực, đại uy lực của Sa-môn Gotama. Thật sự từ trước đến nay chưa từng thấy, chưa từng nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có được đại thần lực, đại uy lực như Sa-môn Gotama, là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sākya. Đối với quần chúng ái trước hữu, lạc nhiễm, hoan hỷ đối với hữu, Sa-môn Gotama đã nhổ hữu lên tận cả gốc rễ.

505. Rồi này các Tỷ-kheo, Ác ma sau khi nhập vào một trong Phạm thiên quyến thuộc đã nói với Ta như sau:

– Này Tôn giả, nếu ông biết như vậy, giác ngộ như vậy, chớ có hướng dẫn đệ tử, chớ có hướng dẫn các vị xuất gia, chớ có thuyết pháp cho các đệ tử, chớ có thuyết pháp cho các vị xuất gia, chớ có ái luyến đệ tử, chớ có ái luyến các vị

[22] *D.* I. 106.

xuất gia. Này Tỷ-kheo, trước ông đã có những vị Sa-môn, Bà-la-môn ở đời tự xưng là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Những vị này hướng dẫn đệ tử, hướng dẫn các vị xuất gia, thuyết pháp cho các đệ tử, thuyết pháp cho các vị xuất gia, ái luyến các đệ tử, ái luyến các vị xuất gia. Sau khi hướng dẫn các đệ tử, các vị xuất gia, sau khi thuyết pháp cho các đệ tử, các vị xuất gia, sau khi ái luyến các đệ tử, các vị xuất gia, khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, những vị này bị an trú trong các thân hạ liệt.[23] Này Tỷ-kheo, trước ông đã có những vị Sa-môn, Bà-la-môn ở đời, tự xưng là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Những vị này không hướng dẫn đệ tử, không hướng dẫn các vị xuất gia, không thuyết pháp cho các đệ tử, không thuyết pháp cho các vị xuất gia, không ái luyến các đệ tử, không ái luyến các vị xuất gia. Sau khi không hướng dẫn các đệ tử, không hướng dẫn các vị xuất gia, không thuyết pháp cho các đệ tử, không thuyết pháp cho các vị xuất gia, không ái luyến các đệ tử, không ái luyến các vị xuất gia, khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, các vị này được an trú trong thân vi diệu.[24] Này Tỷ-kheo, ta nói với ông như sau: "Này Tôn giả, chớ có phiền lao cực nhọc, hãy sống lạc trú hiện tại. Này Tôn giả, chớ có nêu rõ việc thiện.[25] Này Tôn giả, chớ có giảng dạy cho người khác."

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với Ác ma như sau:

– Này Ác ma, Ta biết ông! Ông chớ có nghĩ rằng: "Vị ấy không biết ta." Này Ác ma, ông là Ác ma! Ông là Ác ma! Này Ác ma, ông nói như vậy không phải vì lòng thương tưởng đối với Ta. Này Ác ma, ông nói như vậy vì không có lòng thương tưởng đối với Ta. Này Ác ma, ông nghĩ như sau: "Những ai được Sa-môn Gotama thuyết pháp, những người ấy sẽ thoát ra ngoài tầm ảnh hưởng của ta." Này Ác ma, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy không phải Chánh Đẳng Giác, nhưng tự xưng là: "Chúng ta là Chánh Đẳng Giác." Này Ác ma, Ta là Chánh Đẳng Giác và Ta tự xưng Ta là Chánh Đẳng Giác. Này Ác ma, Như Lai có thuyết pháp cho các đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai. Này Ác ma, Như Lai không thuyết pháp cho các đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai. Này Ác ma, Như Lai có hướng dẫn cho các đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai. Này Ác ma, Như Lai không hướng dẫn cho các đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai. Vì sao vậy? Này Ác ma, đối với Như Lai, các lậu hoặc tương ứng với phiền não, đưa đến tái sanh, gây nên phiền lụy, đem đến quả khổ dị thục, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy đã được diệt trừ, được cắt đứt tận gốc, được làm như thân cây Sa-la, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.[26] Này Ác ma, ví như cây Sa-la, đầu thân cây này bị chặt dứt, khiến không thể lớn lên được; cũng vậy, này Ác ma, đối với Như Lai, các lậu hoặc tương ứng với phiền não, đưa đến tái sanh, gây nên phiền lụy, đem

---

[23] *MA*. II. 415 viết trong 4 ác đạo.

[24] *MA*. II. 415 ví dụ là Phạm thiên giới.

[25] *Akkhāta*: Tuyên bố. Xem *MA*. II. 415.

[26] Như *M*. I. 250, 280.

đến quả khổ dị thục, đưa đến sanh, già, chết, trong tương lai; các lậu hoặc ấy đã được diệt trừ, được cắt đứt tận gốc, được làm như thân cây Sa-la, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

Như vậy, vì Ác ma đã thất bại, không thể thuyết phục Ta, vì có lời mời Phạm thiên, nên bài trả lời này cũng được gọi là *Kinh Phạm thiên cầu thỉnh*.

50. KINH HÀNG MA

(*Māratajjanīya Sutta*)[1]

506. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahāmoggallāna trú giữa dân chúng Bhaggā, tại Suṃsumāragira, rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahāmoggallāna đang đi kinh hành ngoài trời. Khi ấy, Ác ma đi vào bụng Tôn giả Mahāmoggallāna, ở trong bao tử. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nghĩ như sau: "Nay sao bụng của ta lại nặng nặng như có gì chồng chất quá đầy?"[2] Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna từ chỗ kinh hành bước xuống, đi vào tự viện và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Mahāmoggallāna tự chánh tư niệm. Tôn giả Mahāmoggallāna thấy Ác ma, sau khi đi vào trong bụng, đang ở trong bao tử. Thấy vậy, Tôn giả liền nói với Ác ma:

– Hãy đi ra, Ác ma! Hãy đi ra, Ác ma! Chớ có phiền nhiễu Như Lai và đệ tử Như Lai. Chớ có khiến cho ngươi bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.

Rồi Ác ma suy nghĩ: "Vị Sa-môn này không biết ta, không thấy ta, lại nói như sau: 'Hãy đi ra, Ác ma! Hãy đi ra, Ác ma! Chớ có phiền nhiễu Như Lai và đệ tử Như Lai. Chớ có khiến cho ngươi bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.' Chính vị Bổn sư cũng chưa biết ta mau như vậy, làm sao vị đệ tử này có thể biết ta được?"

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna lại nói với Ác ma như sau:

– Này Ác ma, ta biết ngươi, đừng có nghĩ rằng: "Vị ấy không biết ta." Ngươi là Ác ma. Này Ác ma, ngươi nghĩ như sau: "Vị Sa-môn này không biết ta, không thấy ta, lại nói như sau: 'Hãy đi ra, Ác ma! Hãy đi ra, Ác ma! Chớ có phiền nhiễu Như Lai và đệ tử Như Lai. Chớ có khiến cho ngươi bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.' Chính vị Bổn sư cũng không biết ta mau như vậy, làm sao vị đệ tử này có thể biết ta được?"

Rồi Ác ma suy nghĩ như sau: "Vị Sa-môn này biết ta, thấy ta và nói như sau: 'Hãy đi ra, Ác ma! Hãy đi ra, Ác ma! Chớ có phiền nhiễu Như Lai và đệ tử Như Lai. Chớ có khiến cho ngươi bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.'"

---

[1] Xem *Thag*. 1146. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Hàng ma kinh* 降魔經 (*T*.01. 0026.131. 0620b07). Tham chiếu: *Phật thuyết Ma nhiễu loạn kinh* 佛說魔嬈亂經 (*T*.01. 0066. 0864b02); *Tệ ma thí Mục-liên kinh* 弊魔試目連經 (*T*.01. 0067. 0867a02).

[2] *Māsācitaṃ*. Xem *Vbh*. 386; *VbhA*. 510; *PED*.

Rồi Ác ma từ miệng Tôn giả Mahāmoggallāna bước ra và đứng dựa nơi cửa.[3]

507. Tôn giả Mahāmoggallāna thấy Ác ma đứng dựa nơi cửa, bèn nói Ác ma:

– Ác ma, ở đây, ta cũng thấy ngươi. Ngươi chớ có nghĩ rằng: "Vị ấy không thấy ta." Này Ác ma, nay ngươi đang đứng dựa nơi cửa. Này Ác ma, thuở xưa, ta là Ác ma tên là Dūsī và chị ta tên là Kāḷī. Ngươi là con trai chị ta, như vậy, ngươi là cháu ta. Này Ác ma, lúc bấy giờ, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ra đời. Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có hai vị đệ tử tên là Vidhura và Sañjīva, hai bậc tối thượng, hai bậc Hiền giả. Này Ác ma, đối với các vị đệ tử của Thế Tôn Kakusandha,[4] bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, không một ai ở đây có thể bằng Tôn giả Vidhura về thuyết pháp. Này Ác ma, vì lý do này, Tôn giả Vidhura được gọi là Vô Song (Vidhura). Còn Tôn giả Sañjīva là vị đi rừng, đi gốc cây, đi các chỗ không người và chứng Diệt thọ tưởng định không khó khăn gì. Này Ác ma, thuở xưa, Tôn giả Sañjīva đang ngồi nhập Diệt thọ tưởng định dưới một gốc cây. Này Ác ma, các người chăn bò, chăn thú, làm ruộng, các lữ hành thấy Tôn giả Sañjīva đang ngồi nhập Diệt thọ tưởng định dưới một gốc cây, thấy vậy liền nói với nhau như sau: "Thật vi diệu thay, này các Tôn giả! Thật hy hữu thay, này các Tôn giả! Vị Sa-môn này chết mà vẫn ngồi. Chúng ta hãy hỏa táng Ngài." Rồi này Ác ma, các người chăn bò, chăn thú, làm ruộng, các lữ hành liền thâu lượm cỏ, củi và phân bò chồng lên thân Tôn giả Sañjīva, đốt lửa rồi bỏ đi. Này Ác ma, Tôn giả Sañjīva, sau khi đêm ấy đã tàn, liền xuất định, phủi áo, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào làng khất thực. Này Ác ma, các người chăn bò, chăn thú, làm ruộng, các lữ hành thấy Tôn giả Sañjīva đang đi khất thực, thấy vậy liền nghĩ: "Thật vi diệu thay, này các Tôn giả! Thật hy hữu thay, này các Tôn giả! Vị Sa-môn này chết mà vẫn ngồi, nay được sống lại."[5] Này Ác ma, vì lý do này, Tôn giả Sañjīva được xưng danh là Sañjīva.

508. Này Ác ma, rồi Ác ma Dūsī nghĩ như sau: "Ta không biết chỗ đến và chỗ đi của các vị Tỷ-kheo có giới hạnh và thiện pháp này. Vậy nay ta hãy nhập vào hàng Bà-la-môn gia chủ và nói như sau: 'Hãy đến phỉ báng, mạ lỵ, thống trách và nhiễu hại các vị Tỷ-kheo có giới hạnh và thiện tánh. Do bị phỉ báng, mạ lỵ, thống trách và nhiễu hại bởi các người, các vị ấy có thể đổi tâm và như vậy, Ác ma Dūsī mới có dịp để chi phối họ.'" Rồi này Ác ma, Ác ma Dūsī nhập vào hàng Bà-la-môn gia chủ và phỉ báng, mạ lỵ, thống trách và nhiễu hại các vị Tỷ-kheo có giới hạnh và thiện tánh như sau: "Những kẻ trọc đầu, Sa-môn giả hiệu, tiện nô, hắc nô, sanh tự gót chân này. Họ nói: 'Chúng tôi tu thiền, chúng tôi tu

---

[3] *Paccaggaḷe aṭṭhāsi. PED*. giải thích là mắc vào cổ họng. *MA*. II. 416 giải thích là *patiaggaḷeva aṭṭhāsi. Aggaḷaṃ vuccati kavāṭaṃ...*

[4] *D*. II. 4; *S*. II. 191; *Bv*. XXIII. 20; *J*. I. 42.

[5] *Paṭisañjīvito*: Trở lui lại đời sống. Sự thành tựu này được gọi là *samādhivīpphārā iddhi*. Xem *Ps*. II. 212; *BvA*. 26; *Vism*. 380-81.

thiền', và với hai vai thụt xuống, với mặt cúi xuống, mê mê, dại dại, tu thiền, mê thiền, si thiền, dại thiền.[6] Ví như con cú đậu trên cành cây, khi đang rình chuột, tu thiền, mê thiền, si thiền, dại thiền. Cũng vậy, những kẻ trọc đầu, Sa-môn giả hiệu, tiện nô, hắc nô, sanh tự gót chân này. Chúng nói: 'Chúng tôi tu thiền, chúng tôi tu thiền', và với hai vai thụt xuống, với mặt cúi xuống, mê mê, dại dại, tu thiền, mê thiền, si thiền, dại thiền. Ví như con dã can trên bờ sông, khi đang rình cá, tu thiền, mê thiền, si thiền, dại thiền. Cũng vậy, những kẻ trọc đầu... (như trên)... dại thiền. Ví như con mèo ngồi bên đống rác, khi đang rình chuột, tu thiền, mê thiền, si thiền, dại thiền. Cũng vậy, những kẻ trọc đầu... (như trên)... dại thiền. Ví như con lừa, gánh nặng được đặt xuống, đang tu thiền, mê thiền, si thiền, dại thiền. Cũng vậy, những kẻ trọc đầu, Sa-môn giả hiệu, tiện nô, hắc nô, sanh tự gót chân này. Chúng nói: 'Chúng tôi tu thiền, chúng tôi tu thiền', và với hai vai thụt xuống, với mặt cúi xuống, mê mê, dại dại, tu thiền, mê thiền, si thiền, dại thiền." Này Ác ma, lúc bấy giờ, phần lớn những người ấy sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

509. Rồi này Ác ma, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, những Bà-la-môn gia chủ bị Ác ma Dūsī nhập vào và nói: "Hãy đến phỉ báng, mạ lỵ, thống trách và nhiễu hại các Tỷ-kheo có giới hạnh và thiện tánh. Do bị phỉ báng, mạ lỵ, thống trách và nhiễu hại bởi các người, các vị ấy có thể đổi tâm và như vậy Ác ma Dūsī mới có dịp để chi phối họ."

Này các Tỷ-kheo, hãy đến biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, rồi an trú, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, rồi an trú, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Rồi này Ác ma, các Tỷ-kheo ấy được Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khuyến khích như vậy, khuyến giáo như vậy, đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến các chỗ trống vắng, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ rồi an trú, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... biến mãn một phương với tâm câu

[6] *Jhāyanti pajjhāyanti nijjhāyanti apajjhāyanti.*

hữu với xả rồi an trú, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

510. Này Ác ma, rồi Ác ma Dūsī suy nghĩ như sau: "Làm như vậy, ta không thể biết chỗ đến hay chỗ đi của các Tỷ-kheo có giới hạnh và thiện tánh. Vậy ta hãy nhập vào các Bà-la-môn gia chủ và nói như sau: 'Hãy đến tán thán, tôn trọng, đảnh lễ cúng dường các Tỷ-kheo có giới hạnh và thiện tánh này. Do được tán thán, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, các vị ấy có thể đổi tâm và như vậy, Ác ma Dūsī mới có dịp để chi phối họ.'"

Rồi này Ác ma, Ác ma Dūsī nhập vào các Bà-la-môn gia chủ và nói: "Hãy đến tán thán, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường các Tỷ-kheo có giới hạnh và thiện tánh. Những vị này được các ông tán thán, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, có thể đổi tâm và như vậy Ác ma Dūsī mới có dịp để chi phối họ."

Rồi này Ác ma, những Bà-la-môn gia chủ, bị Ác ma Dūsī xâm nhập, tán thán, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường các Tỷ-kheo có giới hạnh và thiện tánh. Này Ác ma, sau một thời gian những vị này mạng chung và phần lớn sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

511. Rồi này Ác ma, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn gia chủ bị Ác ma Dūsī xâm nhập và nói như sau: 'Các người hãy đến tán thán, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường các Tỷ-kheo có giới hạnh và thiện tánh. Những vị này được các người tán thán, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường có thể đổi tâm và như vậy Ác ma Dūsī mới có dịp để chi phối họ.' Này các Tỷ-kheo, các người hãy sống quán bất tịnh trên thân, [quán] tưởng nhàm chán đối với các món ăn, [quán] tưởng bất khả lạc đối với tất cả thế gian, quán tánh vô thường đối với tất cả hành."

Và này Ác ma, những Tỷ-kheo ấy được Thế Tôn Kakusandha khuyến khích như vậy, khuyến giáo như vậy, đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến các chỗ trống vắng, sống quán [tánh] bất tịnh trên thân, [quán] tưởng nhàm chán đối với các món ăn, [quán] tưởng bất khả lạc đối với tất cả thế gian, quán tánh vô thường đối với tất cả hành.

512. Rồi này Ác ma, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, buổi sáng đắp y, mang y bát, với Tôn giả Vidhura là thị giả, đi vào làng để khất thực. Rồi này Ác ma, Ác ma Dūsī nhập vào một đứa trẻ, cầm một hòn đá, đánh trên đầu Tôn giả Vidhura khiến bể đầu. Rồi này Ác ma, Tôn giả Vidhura với đầu bị bể và với máu chảy, vẫn đi sau lưng Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Rồi này Ác ma, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nhìn xung quanh với cái nhìn con voi chúa[7] và suy nghĩ như sau: "Thật vậy, Ác ma Dūsī không biết sự vừa phải." Này Ác ma, khi

[7] Nghĩa là không phải xoay cổ từ phía này sang phía kia mà xoay toàn thân.

Thế Tôn nhìn xung quanh, thì Ác ma Dūsī liền từ chỗ ấy từ trần và sinh vào cõi địa ngục. Này Ác ma, địa ngục ấy được ba tên gọi: Sáu Xúc Xứ địa ngục, Thiết Qua địa ngục, Biệt Thọ Khổ địa ngục. Rồi các người giữ địa ngục đến ta và nói như sau:

– Này Tôn giả, khi cọc sắt sẽ gặp cọc sắt trong tim của ngươi, ngươi mới hiểu như sau: "Ta sẽ bị trụng nước sôi một ngàn năm ở địa ngục." Và ta, này Ác ma, ta bị trụng nước sôi, trải nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm trong địa ngục. Trải qua một vạn năm trong đại địa ngục ấy, ta bị nấu sôi và cảm thọ cảm giác gọi là Vutthanima. Do vậy, này Ác ma, thân của ta là như vậy, thân như con người, và đầu ta là như vậy, đầu như con cá.

513. Địa ngục ấy thế nào,
Dūsī bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.
Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt.
Địa ngục là như vậy,
Dūsī bị nấu sôi.
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha,
Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy.
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kaṇha chịu khổ thọ.
Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu.
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.
Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy.
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kaṇha chịu khổ thọ.
Ai Thế Tôn khuyến khích,
Được chư Tăng chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển,
Lâu đài Vejayanta,
Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy.
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,

Kaṇha chịu khổ thọ.
Với ngón chân rung chuyển,
Lâu đài Vejayanta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư thiên cũng hoảng sợ.
Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy.
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kaṇha chịu khổ thọ.
Ai hỏi vị Sakka,
Tại lầu Vejayanta,
Hiền giả, ngươi có biết,
Chứng ái tận giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.
Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kaṇha chịu khổ thọ.
Ai từng hỏi Phạm thiên,
Tại hội chúng Thiện Pháp,
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa?
Có thấy cảnh huy hoàng,[8]
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Brahmā đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả, tôi không chấp,
Các tà kiến thuở xưa.
Tôi thấy sự huy hoàng,
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?
Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy.
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kaṇha chịu khổ thọ.
Ai với sự giải thoát,

[8] Nghĩa là hào quang của Ngài Sāriputta, Moggallāna, Mahākassapa, v.v... khi các vị này cùng ở trong hào quang của đức Phật tại Phạm thiên giới.

Cảm xúc Cao Sơn đảnh,[9]
Rừng[10] Đông Videha,[11]
Và ngươi nằm trên đất,[12]
Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy.
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kaṇha chịu khổ thọ.
Thật sự lửa không nghĩ:
"Ta đốt cháy kẻ ngu,"
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.
Cũng vậy, này Ác ma,
Ngươi đột kích Như Lai,
Tự mình đốt cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.
Ác ma tạo ác nghiệp,
Do nhiễu hại Như Lai.
Ngươi nghĩ chăng, Ác ma,
"Ác quả không đến ta."
Điều ác, Ác ma làm,
Chất chứa đã lâu rồi,
Ác ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.
Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhesakaḷā,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.

---

[9] Một núi ở Himavā. Neru, Sineru và Meru là các ngọn núi khác nhau.

[10] Jambudīpa (Ấn Độ). Xem *MA*. II. 423.

[11] Một trong 4 đại lục địa (châu).

[12] Chỉ cho người ở Aparagoyāna (Tây Ngưu Hóa châu) và Uttarakuru (Bắc Cu-lô châu).

51. KINH KANDARAKA

(*Kandaraka Sutta*)[1]

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Campā, trên bờ hồ Gaggarā cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Rồi Pessa, con trai người huấn luyện voi và du sĩ Kandaraka[2] đi đến chỗ Thế Tôn ở. Pessa, con trai người huấn luyện voi, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Còn du sĩ Kandaraka nói lên với Thế Tôn những lời hỏi thăm, sau khi nói lên những lời hỏi thăm thân hữu rồi đứng một bên. Du sĩ Kandaraka đứng một bên, sau khi nhìn quanh chúng Tỳ-kheo đang giữ im lặng, thật im lặng, liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Chúng Tỳ-kheo này được Tôn giả Gotama chơn chánh hướng dẫn. Tôn giả Gotama, các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, không biết quý vị Thế Tôn ấy đã có một chúng Tỳ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy chơn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỳ-kheo được Tôn giả Gotama chơn chánh hướng dẫn? Tôn giả Gotama, các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong tương lai, không biết quý vị Thế Tôn ấy sẽ có một chúng Tỳ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy sẽ chơn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỳ-kheo được Tôn giả Gotama chơn chánh hướng dẫn?

2. – Thật sự là vậy, này Kandaraka! Thật sự là vậy, này Kandaraka! Này Kandaraka, các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những vị Thế Tôn ấy đã có một chúng Tỳ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy chơn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỳ-kheo được Ta chơn chánh hướng dẫn. Này Kandaraka, các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời tương lai, những vị Thế Tôn ấy sẽ có một chúng Tỳ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy chơn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỳ-kheo được Ta chơn chánh hướng dẫn. Này Kandaraka, trong chúng Tỳ-kheo này, có những vị Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã được giải thoát nhờ chánh trí. Này Kandaraka, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo là bậc Hữu học, giới luật kiên trì (*santatasīla*), giới hạnh kiên trì, sáng suốt, hạnh

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; III. 36, 207; *M.* I. 68. 305, 400; II. 214; III. 1, 29, 175, 220, 256, 271, 353, 400, 513; II. 29, 157; *S.* 103, 110, 177; *A.* I. 113, 295; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; IV. 198; V. 201, 347.

[2] *MA.* III. 2 viết một du sĩ có đắp y.

nghiệp sáng suốt, sống với tâm khéo an trú Bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Kandaraka, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; sống quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời.

3. Được nghe nói vậy, Pessa, con trai người huấn luyện voi, bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bốn niệm xứ này đã được Thế Tôn khéo trình bày, để chúng sanh được thanh tịnh, để sầu bi được vượt qua, để khổ ưu được diệt trừ, để chánh trí được thành đạt, để Niết-bàn được chứng ngộ. Bạch Thế Tôn, chúng con là hàng tại gia, mặc đồ trắng, thỉnh thoảng chúng con sống khéo an trú tâm vào Bốn niệm xứ này.[3] Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; chúng con sống quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; chúng con sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; chúng con sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiểu được hạnh phúc và sự bất hạnh của chúng sanh, trong khi loài người sống trong sự rối ren như vậy, trong sự cặn bã như vậy, trong sự xảo quyệt như vậy. Bạch Thế Tôn, rối ren thay như loài người! Bạch Thế Tôn, cởi mở thay như loài thú vật! Bạch Thế Tôn, con có thể nhiếp phục con voi, một cách khiến con voi ấy mỗi khi đi hay đến Campā, liền trình bày mọi sự gian dối, giả dối, xảo trá, xảo quyệt. Nhưng bạch Thế Tôn, những người đầy tớ của chúng con, những người phục dịch, những người làm công, thân hành họ làm một cách, khẩu hành họ làm một cách khác, ý hành họ làm một cách khác nữa.[4] Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn biết được hạnh phúc và sự bất hạnh của chúng sanh, trong khi loài người sống trong sự rối ren như vậy, trong sự cặn bã như vậy, trong sự xảo quyệt như vậy. Bạch Thế Tôn, rối ren thay như loài người! Bạch Thế Tôn, cởi mở thay như loài thú vật!

4. – Thật như vậy, này Pessa! Thật như vậy, này Pessa! Này Pessa, rối ren thay như loài người! Cởi mở thay như loài thú vật! Này Pessa, có bốn hạng người[5] này có mặt ở trên đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này Pessa, có người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình. Ở đây, này Pessa, có người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người. Ở đây, này Pessa, có người vừa

---

[3] Vì họ bận phụng sự các vị Tỷ-kheo nên không có thời giờ tu Bốn niệm xứ, mà chỉ có thể thỉnh thoảng tu tập. Xem *MA*. III. 6.

[4] *DhA*. I. 173.

[5] *M*. I. 411; II. 159; *D*. III. 234; *A*. II. 205; *Pug*. 55.

tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người. Ở đây, này Pessa, lại có người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Người ấy không tự hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ,[6] tự ngã trú vào Phạm thể. Này Pessa, bốn hạng người này, hạng người nào, được tâm ông thích ý nhất?

– Bạch Thế Tôn, hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, hạng người này tâm con không thích ý. Bạch Thế Tôn, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, hạng người này tâm con không thích ý. Bạch Thế Tôn, hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, hạng người này tâm con không thích ý. Bạch Thế Tôn, hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người này không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không có tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể, hạng người này tâm con thích ý.

5. – Này Pessa, vì sao ông không thích ý ba hạng người này?

– Bạch Thế Tôn, hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, hạng người này hành khổ mình, hành hạ mình, trong khi tự ao ước lạc, nhàm chán khổ; do vậy, tâm con không thích ý hạng người này. Bạch Thế Tôn, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, hạng người này hành khổ người khác, hành hạ người khác, trong khi người khác ao ước lạc, nhàm chán khổ; do vậy, tâm con không thích ý hạng người này. Bạch Thế Tôn, hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, hạng người này hành khổ mình, hành hạ mình và người khác, trong khi mình và người khác ao ước lạc, nhàm chán khổ; do vậy, tâm con không thích ý hạng người này. Nhưng bạch Thế Tôn, hạng người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người này không hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể; do vậy, tâm con thích ý hạng người này. Và nay, bạch Thế Tôn, chúng con phải đi, chúng con có nhiều công vụ, có nhiều công việc phải làm.

– Này Pessa, ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Pessa, con trai người huấn luyện voi, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

[6] *MA*. III. 10 trình bày các lạc do tu thiền đem lại Đạo, Quả, Niết-bàn.

6. Rồi Thế Tôn, sau khi Pessa, con trai người huấn luyện voi, ra đi không được bao lâu, liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Pessa, con trai người huấn luyện voi, là bậc có trí;[7] Pessa, con trai người huấn luyện voi, là người có đại trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, nếu Pessa, con trai người huấn luyện voi, ngồi thêm một chút nữa, cho đến khi Ta phân tích rộng rãi hơn bốn hạng người này, thời anh ta sẽ thâu đạt được nhiều lợi ích. Tuy vậy, này các Tỷ-kheo, Pessa, con trai người huấn luyện voi, như vậy cũng đã thâu đạt được nhiều lợi ích.

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời. Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn phân tích rộng rãi hơn bốn hạng người này. Sau khi nghe Thế Tôn phân tích, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

7. – Này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sống lõa thể,[8] sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, đi khất thực không chịu đứng một chỗ, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn dành riêng, không nhận mời đi ăn, không nhận từ nơi miệng nồi, không nhận từ nơi miệng chảo, không nhận tại ngưỡng cửa, không nhận giữa những cây gậy, không nhận giữa những cối giã gạo, không nhận từ hai người đang ăn, không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận từ người đàn bà đang giao cấu người đàn ông, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận tại chỗ có chó đứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá hay thịt, không uống rượu nấu rượu men. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, hay chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, hay chỉ nhận ăn hai miếng... hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy nhà, hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát... nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa... bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị ấy chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc, ăn gạo lứt, ăn gạo daddula, ăn bèo cái, ăn cám, ăn váng nước cơm, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò; ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tẫn liệm quăng đi, mặc vải phấn tảo y, mặc vỏ cây tirīṭa làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện bằng từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người chuyên sống theo hạnh

[7] *MA.* III. 10 không đề cập 4 hạng người này mà đề cập đến Bốn niệm xứ.

[8] *M.* I. 77-78; *A.* II. 205ff.

nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, từ bỏ chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, chuyên sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi]. Như vậy, dưới nhiều hình thức, vị ấy sống tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình.

8. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người giết trâu bò, là người giết heo, là người giết vịt, săn thú, là thợ săn, thợ đánh cá, ăn trộm, người xử tử các người ăn trộm, cai ngục và những người làm các nghề độc ác khác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

9. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người vừa hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm vua, thuộc giai cấp Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh, hay một Bà-la-môn triệu phú. Vị này cho xây dựng một giảng đường mới[9] về phía Đông thành phố, cạo bỏ râu tóc, đắp áo da thô, toàn thân bôi thục tô và dầu, gãi lưng với một sừng nai, đi vào giảng đường với người vợ chính và một Bà-la-môn tế tự. Rồi vị ấy nằm xuống dưới đất trống trơn chỉ có lát cỏ. Vị vua sống với sữa từ vú một con bò cái, có con bò con cùng một màu sắc; bà vợ chính sống với sữa từ vú thứ hai; và vị Bà-la-môn tế tự sống với sữa từ vú thứ ba. Sữa từ vú thứ tư dùng để tế lửa. Còn con bò con thì sống với đồ còn lại. Vị vua nói như sau: "Hãy giết một số bò đực để tế lễ, hãy giết một số nghé đực để tế lễ, hãy giết một số nghé cái để tế lễ, hãy giết một số dê để tế lễ, hãy giết một số cừu để tế lễ, hãy chặt một số cây để làm cột tế lễ, hãy thâu lượm một số cỏ dabbha để làm chỗ tế lễ."[10] Và những người nô tỳ, những người phục vụ, những người làm công, những người này vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm (*bhayatajjitā*), với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

10. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người này không tự hành khổ mình, không hành khổ người, hiện tại sống không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời[11] là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với Thiên giới,

---

[9] *Santhāgāra*. *MA*. III. 12 giải thích là *yaññasālā*, nhà để tế lễ.

[10] *D*. I. 141; *A*. II. 207.

[11] Từ đây cho đến cuối kinh giống như *M*. I. 179ff. Xem *MLS*. I. 235.

Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên bố điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, người ấy suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ, hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ, hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

11. Vị ấy xuất gia như vậy, hành trì các học giới và hạnh sống của các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết xấu hổ, sợ hãi tội lỗi, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Vị ấy từ bỏ đời sống không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt. Vị ấy từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, liên hệ đến sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp với những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thích thú trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Vị ấy từ bỏ nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói dịu hiền, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vị ấy nói những lời nói như vậy. Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, hợp lý,[12] có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ các món ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ dùng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, trang sức và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ dùng người làm môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ,

---

[12] *Sāpadesa*. *DA*. I. 76 giải thích là *saupama*, *sakāraṇa*, với một ví dụ, với một bình luận.

gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Vị ấy sống biết đủ, bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh, cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, nội tâm hưởng lạc thọ không khuyết phạm (*anavajjasukha*).

12. Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự các nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nội tâm hưởng lạc thọ không uế nhiễm (*abyāsekasukha*). Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

13. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy sau khi từ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

14. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến Túc mạng trí. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, hai mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành kiếp và hoại kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến những đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

15. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến Sanh tử trí của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Vị ấy nghĩ rằng: "Thật sự những chúng sanh nào thành tựu những ác hạnh về thân, thành tựu những ác hạnh về lời nói, thành tựu những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

16. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy tuệ tri như thật: "Đây là khổ", tuệ tri như thật: "Đây là khổ tập", tuệ tri như thật: "Đây là khổ diệt", tuệ tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", tuệ tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có trở lui đời sống này nữa."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người vừa không tự hành khổ

mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Vị ấy không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm giác mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

52. KINH BÁT THÀNH

(*Aṭṭhakanāgara Sutta*)[1]

17. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Ānanda trú tại Beḷuvagāmaka, gần Vesāli (Tỳ-xá-ly).[2] Lúc bấy giờ, gia chủ Dasama, người ở thành Aṭṭhaka, đến tại Pāṭaliputta (Ba-la-lị-phất thành) có công việc. Rồi gia chủ Dasama, người ở thành Aṭṭhaka, đi đến Kukkuṭārāma (Kê Viên),[3] đến một Tỷ-kheo, đảnh lễ vị này, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Dasama, người ở thành Aṭṭhaka, thưa với Tỷ-kheo ấy:

– Bạch Tôn giả, Tôn giả Ānanda nay an trú ở đâu? Chúng con muốn gặp Tôn giả Ānanda.

– Này gia chủ, Tôn giả Ānanda nay ở Vesāli, tại Beḷuvagāmaka.

Rồi gia chủ Dasama, người ở thành Aṭṭhaka, sau khi làm xong công việc ở Pāṭaliputta, liền đi đến Vesāli, Beḷuvagāmaka, đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên.

18. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Dasama, người ở thành Aṭṭhaka, thưa với Tôn giả Ānanda:

– Bạch Tôn giả Ānanda, có pháp độc nhất gì do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố: Nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt?

– Này gia chủ, có pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

– Bạch Tôn giả Ānanda, pháp độc nhất ấy là gì, do Thế Tôn, bậc Tri Giả,

---

[1] Xem *M.* I. 432; *A.* IV. 422; V. 342, *Dasamasutta*. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Bát thành kinh* 八城經 (*T.*01. 0026.217. 0802a11). Tham chiếu: *Thập chi cư sĩ bát thành nhân kinh* 十支居士八城人經 (*T.*01. 0092. 0916a17).

[2] Trên sườn đồi phía Nam thành Vesāli. Xem *MA.* III. 12.

[3] *MA.* III. 13 viết Kê Viên này do một nhà triệu phú dựng lên, đặt tên là Kukkuṭa.

Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố: Nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt?

19. – Ở đây, này gia chủ, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy suy tư và được biết: "Sơ thiền này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành.[4] Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt." Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

20. Lại nữa, này gia chủ, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy suy tư và được biết: "Thiền thứ hai này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt." Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy suy tư và được biết: "Thiền thứ ba này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt." Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy,

---

[4] *Abhisaṅkhataṃ abhisañcetayitaṃ.*

thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt, được chứng đạt.

Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy suy tư và được biết: "Thiền thứ tư này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt." Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt, được chứng đạt.

Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "Từ tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt." Vị ấy do vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc... chưa chứng đạt, được chứng đạt.

Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "Xả tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự việc gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt." Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc... chưa chứng đạt, được chứng đạt.

Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Vị này suy tư và được biết: "Không vô biên xứ định này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt." Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc... chưa chứng đạt, được chứng đạt.

Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Vị này suy tư và được biết:

"Thức vô biên xứ định này là pháp hữu vi do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt." Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc... chưa chứng đạt, được chứng đạt.

Lại nữa, này gia chủ, Tỳ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Vị này suy tư và được biết: "Vô sở hữu xứ định này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt." Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỳ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

21. Khi được nghe nói vậy, gia chủ Dasama, người ở thành Aṭṭhaka, bạch Tôn giả Ānanda:

– Bạch Tôn giả Ānanda, như người tìm một kho tàng cất giấu, trong một lúc tìm được mười một kho tàng cất giấu. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con đi tìm một pháp môn bất tử mà được nghe một lần mười một pháp môn bất tử. Bạch Tôn giả, như ngôi nhà người ta có đến mười một cửa, khi ngôi nhà bị cháy, thì chỉ do một cửa người ta cũng có thể thoát ra một cách an toàn. Cũng vậy, bạch Tôn giả, chỉ với một cửa bất tử trong mười một cửa bất tử này, con có thể đạt được sự an toàn cho con. Bạch Tôn giả, đệ tử các ngoại đạo này sẽ tìm cầu tiền của cúng dường cho vị thầy của mình, sao con lại không cúng dường cho Tôn giả Ānanda.

Rồi gia chủ Dasama, người ở thành Aṭṭhaka, cho mời họp chúng Tỳ-kheo ở Pāṭaliputta và Vesāli, tự tay mời ăn và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, tặng cho mỗi Tỳ-kheo, mỗi vị một cặp y, tặng cho Tôn giả Ānanda ba y và xây dựng một Tăng xá[5] trị giá năm trăm đồng tiền vàng [hay có năm trăm Tăng phòng] cho Tôn giả Ānanda.

[5] *MA*. III. 16 viết là một cốc lá (*paṇṇasālā*).

53. KINH HỮU HỌC
(*Sekha Sutta*)[1]

22. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn sống giữa các vị Sākya (Thích-ca), thành Kapilavatthu, tại tinh xá Nigrodha. Lúc bấy giờ, một ngôi giảng đường mới được dựng lên không bao lâu cho các vị Sākya ở Kapilavatthu, và chưa được một Sa-môn, Bà-la-môn, hay một người nào đến ở. Rồi các vị Sākya ở Kapilavatthu đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Các vị Sākya ở Kapilavatthu đang ngồi một bên, bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có một ngôi giảng đường mới, được dựng lên không bao lâu cho các vị Sākya ở Kapilavatthu và chưa được một Sa-môn, Bà-la-môn, hay một người nào đến ở. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy dùng nhà giảng đường ấy trước tiên, rồi các vị Sākya ở Kapilavatthu sẽ dùng sau, và như vậy các vị Sākya ở Kapilavatthu sẽ hưởng hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Các vị Sākya ở Kapilavatthu, sau khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến ngôi giảng đường; sau khi đến, cho lấy nệm trải khắp giảng đường, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, treo đèn dầu, rồi đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Các vị Sākya ở Kapilavatthu đứng một bên, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ngôi giảng đường đã được trải nệm tất cả, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã được đặt sẵn, đèn dầu đã được treo lên. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy làm những gì Thế Tôn nghĩ là hợp thời.

Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến giảng đường; sau khi đến, Ngài rửa chân, bước vào ngôi giảng đường và ngồi xuống, dựa vào cột ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo, sau khi rửa chân, bước vào giảng đường, ngồi xuống dựa vào bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông, với Thế Tôn ngồi trước họ. Các vị Sākya ở thành Kapilavatthu cũng rửa chân, bước vào ngôi giảng đường, rồi ngồi xuống dựa vào bức tường phía Đông, mặt hướng về phía Tây, với Thế Tôn ngồi trước mặt. Rồi Thế Tôn cho đến quá nửa đêm, thuyết pháp, khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị Sākya ở Kapilavatthu, rồi nói với Tôn giả Ānanda:

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 214, 224, 235; III. 80; *M.* I. 101, 175, 220, 271, 339, 400, 513; II. 29, 157, 214, 284; III. 1, 29, 280; *S.* IV. 32, 103, 110, 177, 331; *A.* I. 113; II. 16; 29, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 263, 326, 347.

– Này Ānanda, hãy giảng Hữu học đạo[2] cho các vị Sākya ở Kapilavatthu, Ta bị đau lưng. Ta sẽ nằm nghỉ.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn trải Đại y gấp bốn lại, nằm xuống phía hông bên hữu như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại.

23. Rồi Tôn giả Ānanda nói với Sākya Mahānāma:

– Ở đây, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử, thành tựu giới hạnh, hộ trì các căn, biết tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, thành tựu bảy diệu pháp, hiện tại lạc trú bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức.

24. Và này Mahānāma, thế nào là vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh? Ở đây, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học các học pháp. Này Mahānāma, như vậy là vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh.

Và này Mahānāma, thế nào là vị Thánh đệ tử hộ trì các căn?[3] Ở đây, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Này Mahānāma, như vậy là vị Thánh đệ tử hộ trì các căn.

Và này Mahānāma, thế nào là vị Thánh đệ tử biết tiết độ trong ăn uống?[4] Ở đây, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn." Này Mahānāma, như vậy là vị Thánh đệ tử biết tiết độ trong sự ăn uống.

Và này Mahānāma, thế nào là vị Thánh đệ tử chú tâm cảnh giác?[5] Ở đây, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh một, trong

---

[2] *Sekha pāṭipada*: Hữu học đạo.

[3] *M.* I. 180; *MLS.* I. 226.

[4] *M.* I. 273.

[5] Như chú thích trên.

khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, vị này nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại; ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Này Mahānāma, như vậy là vị Thánh đệ tử chú tâm cảnh giác.

25. Và này Mahānāma, thế nào là vị Thánh đệ tử thành tựu bảy diệu pháp?[6] Ở đây, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử có lòng tin, có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Vị này có lòng tàm, tự xấu hổ vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh; tự xấu hổ vì thành tựu ác, bất thiện pháp. Vị này có lòng quý, tự sợ hãi tội lỗi vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh; tự sợ hãi tội lỗi vì thành tựu ác, bất thiện pháp. Vị này là vị đa văn, nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì, đọc tụng bằng lời, được ý suy tư, được chánh kiến thể nhập. Vị ấy sống tinh cần, tinh tấn, trừ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Vị ấy có niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng,[7] nhớ lại, nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này Mahānāma, như vậy, vị Thánh đệ tử thành tựu bảy diệu pháp.

26. Và này Mahānāma, thế nào là vị Thánh đệ tử hiện tại lạc trú bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức? Ở đây, này Mahānāma, [vị ấy] ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Diệt tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng và trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Mahānāma, như vậy là vị Thánh đệ tử hiện tại lạc trú bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức.

27. Này Mahānāma, khi một vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh như vậy, hộ trì các căn như vậy, biết tiết độ trong ăn uống như vậy, chú tâm cảnh giác như vậy, đầy đủ bảy diệu pháp như vậy, hiện tại lạc trú bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức như vậy, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đang đi trên

[6] *M.* III. 23; *D.* III. 252, 282.

[7] *Nepakka.* Xem *Vbh.* 249.

con đường Hữu học, có trứng không bị hư hoại, có khả năng phá vỡ,[8] có khả năng giác ngộ, có khả năng chứng đạt Vô thượng an ổn khỏi các ách phược. Này Mahānāma, ví như có tám, có mười, hay có mười hai trứng gà, được gà mái khéo ấp nằm, khéo ấp nóng, khéo ấp dưỡng; dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng, các con gà con của ta, sau khi phá vỡ vỏ trứng với móng chân, hay với mỏ của chúng, thoát ra ngoài một cách an toàn." Những con gà con ấy, sau khi phá vỡ vỏ trứng với móng chân, hay mỏ của chúng, có thể thoát ra ngoài một cách an toàn.

Cũng vậy, này Mahānāma, khi một vị Thánh đệ tử, thành tựu giới hạnh như vậy, hộ trì các căn như vậy, biết tiết độ trong ăn uống như vậy, chú tâm cảnh giác như vậy, đầy đủ bảy diệu pháp như vậy, hiện tại lạc trú bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức như vậy, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đang đi trên con đường Hữu học, có trứng không bị hư hoại, có khả năng phá vỡ, có khả năng giác ngộ, có khả năng chứng đạt Vô thượng an ổn khỏi các ách phược.

28. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử ấy, khi chứng được Vô thượng xả niệm thanh tịnh này,[9] nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời... (như trên)... nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là sự phá vỡ thứ nhất của con gà con ra khỏi vỏ trứng.

Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử ấy, khi chứng được Vô thượng xả niệm thanh tịnh này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Đây là sự phá vỡ thứ hai của con gà con ra khỏi vỏ trứng.

Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử ấy, khi chứng được Vô thượng xả niệm thanh tịnh này, với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Đây là sự phá vỡ thứ ba của con gà con ra khỏi vỏ trứng.

29. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào thành tựu giới hạnh, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào hộ trì các căn, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào có tiết độ trong ăn uống, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào chú tâm cảnh giác, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào đầy đủ bảy diệu pháp, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào hiện tại lạc trú bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một

---

[8] Từ vô minh đến trí tuệ, từ tối tăm đến ánh sáng. Xem *M.* I. 104.

[9] Trong Thiền thứ tư.

đời, hai đời... (như trên)... cùng với các nét đại cương và các chi tiết, như vậy thuộc về trí đức của vị ấy. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng, như vậy thuộc về trí đức của vị ấy. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, như vậy thuộc về trí đức của vị ấy. Như vậy, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử được gọi là Minh cụ túc, Hạnh cụ túc, Minh Hạnh cụ túc.

30. Này Mahānāma, Phạm thiên Sanaṅkumāra (Thường Đồng Hình) có nói bài kệ như sau:

> Chúng sanh tin giai cấp,
> Vương tộc là tối thượng.
> Vị Minh Hạnh Cụ Túc,
> Tối thắng ở nhơn thiên.

Này Mahānāma, bài kệ ấy được Phạm thiên Sanaṅkumāra khéo hát, không phải vụng hát; khéo nói, không phải vụng nói; có ý nghĩa, không phải vô nghĩa và được Thế Tôn ấn khả.

Rồi Thế Tôn ngồi dậy, nói với Tôn giả Ānanda:

– Lành thay, lành thay, Ānanda! Thật lành thay, này Ānanda! Người đã giảng Hữu học đạo cho các vị Sākya ở Kapilavatthu.

Tôn giả Ānanda thuyết giảng như vậy, bậc Đạo sư ấn khả. Các vị Sākya ở Kapilavatthu hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ānanda dạy.

54. KINH POTALIYA

(*Potaliya Sutta*)[1]

31. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Aṅguttarāpa, Āpaṇa[2] là một thị trấn của Aṅguttarāpa. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Āpaṇa để khất thực. Sau khi đi khất thực, ăn xong, trên con đường trở về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Ngài ngồi dưới một gốc cây. Gia chủ Potaliya, toàn thân mặc đồ đầy đủ, mang dù, đi dép, ngao du tản bộ khắp mọi nơi và đi đến khu rừng ấy. Sau khi đi sâu vào [khu rừng], gia chủ Potaliya đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời hỏi thăm; sau khi nói lên những lời hỏi thăm thân hữu rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Potaliya đang đứng một bên:

– Này gia chủ, có các chỗ ngồi. Nếu ông muốn, hãy ngồi xuống.

Nghe nói vậy, gia chủ Potaliya nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama gọi ta với danh từ gia chủ", nên phẫn nộ, không hoan hỷ và đứng im. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với gia chủ Potaliya:

– Này gia chủ, có các chỗ ngồi. Nếu ông muốn, hãy ngồi xuống.

Lần thứ hai, gia chủ Potaliya nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama gọi ta với danh từ gia chủ", nên phẫn nộ, không hoan hỷ và đứng im. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với gia chủ Potaliya:

– Này gia chủ, có các chỗ ngồi. Nếu ông muốn, hãy ngồi xuống.

Nghe nói vậy, gia chủ Potaliya nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama gọi ta với danh từ gia chủ", nên phẫn nộ, không hoan hỷ, nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, thật không thích đáng, không hợp lẽ, Tôn giả gọi tôi là gia chủ.

– Này gia chủ, hình dung của ông, tướng mạo của ông, hình tướng của ông giống như một gia chủ.

– Nhưng Tôn giả Gotama, tất cả nghiệp vụ đã được tôi từ bỏ, tất cả tục sự đã được tôi đoạn tận.

---

[1] Xem *S.* IV. 188; *MNid.* 1. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Bô-lợi-đa kinh* 晡利多經 (*T.*01. 0026.203. 0773a02).

[2] Được gọi như vậy vì nơi đây có nhiều cửa hàng, chợ quán. Xem *MA.* III. 37.

– Nhưng này gia chủ, như thế nào tất cả nghiệp vụ đã được ông từ bỏ, tất cả tục sự đã được ông đoạn tận?

– Ở đây, này Tôn giả Gotama, tài sản, ngũ cốc, hay vàng bạc, tất cả đều giao cho các con tôi thừa hưởng. Ở đây, tôi không khuyên bảo, tôi không can gián; tôi sống với tối thiểu đồ ăn, đồ mặc.[3] Như vậy, này Tôn giả Gotama, tất cả nghiệp vụ được tôi từ bỏ, tất cả tục sự được tôi đoạn tận.

– Này gia chủ, sự đoạn tận các tục sự mà ông nói khác với sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

– Bạch Thế Tôn, như thế nào là sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh? Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho tôi về sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

– Này gia chủ, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Gia chủ Potaliya vâng đáp Thế Tôn.

32. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này gia chủ, tám pháp này đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh.[4] Thế nào là tám? Y cứ không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ. Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho cần phải từ bỏ. Y cứ lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ. Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ. Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ. Y cứ không hủy báng, sân hận; hủy báng, sân hận cần phải từ bỏ. Y cứ không phẫn não, phẫn não cần phải từ bỏ. Y cứ không quá mạn, quá mạn cần phải từ bỏ. Này gia chủ, tám pháp này được nói một cách vắn tắt, không được giải thích rộng rãi, đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

– Bạch Thế Tôn, tám pháp này được Thế Tôn nói một cách vắn tắt, không được giải thích rộng rãi, đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh. Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn vì lòng thương tưởng, giải thích rộng rãi tám pháp này.

– Này gia chủ, vậy ông hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Gia chủ Potaliya vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

33. – Khi được nói: "Y cứ không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhân những kiết sử nào, ta có thể sát sanh, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta sát sanh, không những ta tự trách mắng ta vì duyên sát sanh, mà các bậc Trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì

---

[3] *D.* I. 60.

[4] *M.* III. 29; *D.* III. 232.

duyên sát sanh; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên sát sanh. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự sát sanh này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não nào có thể khởi lên do duyên sát sanh; đối với vị đã từ bỏ sát sanh, những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa." "Y cứ không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

34. Khi được nói: "Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhân những kiết sử nào, ta có thể lấy của không cho, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta lấy của không cho, không những ta tự trách mắng ta vì duyên lấy của không cho, mà các bậc Trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên lấy của không cho; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên lấy của không cho. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự lấy của không cho này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não nào có thể khởi lên do duyên lấy của không cho; đối với vị đã từ bỏ lấy của không cho, những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa." "Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

35. Khi được nói: "Y cứ lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhân những kiết sử nào, ta có thể nói láo, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta nói láo, không những ta tự trách mắng ta vì duyên nói láo, mà các bậc Trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên nói láo; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên nói láo. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự nói láo này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên nói láo; đối với vị đã từ bỏ nói láo, những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa." "Y cứ lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

36. Khi được nói: "Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhân những kiết sử nào, ta có thể nói hai lưỡi, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta nói hai lưỡi, không những ta tự trách mắng ta vì duyên nói hai lưỡi, mà các bậc Trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiển trách ta vì duyên nói hai lưỡi; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên nói hai lưỡi. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự nói hai lưỡi này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên nói hai lưỡi; đối với vị đã từ bỏ nói hai lưỡi, những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa." "Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

37. Khi được nói: "Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy

nghĩ như sau: "Do nhân những kiết sử nào, ta có thể có tham dục, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta tham dục, không những ta tự trách mắng ta vì duyên tham dục, mà các bậc Trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiển trách ta vì duyên tham dục; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên tham dục. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự tham dục này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên tham dục; đối với vị đã từ bỏ tham dục, các lậu hoặc, phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa." "Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

38. Khi được nói: "Y cứ không hủy báng, sân hận; hủy báng, sân hận cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhân những kiết sử nào, ta có thể hủy báng, sân hận, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta hủy báng, sân hận, không những ta tự trách mắng ta vì duyên hủy báng, sân hận, mà các bậc Trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiển trách ta vì duyên hủy báng, sân hận; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên hủy báng, sân hận. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự hủy báng, sân hận này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên hủy báng, sân hận; đối với vị đã từ bỏ hủy báng, sân hận, các lậu hoặc, phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa." "Y cứ không hủy báng, sân hận; hủy báng, sân hận cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

39. Khi được nói: "Y cứ không phẫn não, phẫn não cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhân những kiết sử nào, ta có thể có phẫn não, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta có phẫn não, không những ta tự trách mắng ta vì duyên phẫn não, mà các bậc Trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiển trách ta vì duyên phẫn não; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên phẫn não. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự phẫn não này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên phẫn não; đối với vị đã từ bỏ phẫn não, các lậu hoặc, phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa." "Y cứ không phẫn não, phẫn não cần được từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

40. Khi được nói: "Y cứ không quá mạn, quá mạn cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhân những kiết sử nào, ta có quá mạn, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta có quá mạn, không những ta tự trách mắng ta vì duyên quá mạn, mà các bậc Trí sau khi tìm hiểu, cũng khiển trách ta vì duyên quá mạn; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên quá mạn. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự quá mạn này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên quá mạn; đối với vị đã từ bỏ quá mạn, các lậu hoặc, phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa." "Y

cứ không quá mạn, quá mạn cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

41. Này gia chủ, tám pháp này được nói lên vắn tắt và được giải thích rộng rãi, đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh, nhưng thật sự chưa phải là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

– Bạch Thế Tôn, như thế nào là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật của bậc Thánh? Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho con như thế nào là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ, toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

– Này gia chủ, vậy ông hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Gia chủ Potaliya vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

42. – Này gia chủ, ví như có con chó đói lả, suy nhược,[5] đi đến một lò thịt giết bò. Ở đây, có người giết bò thiện xảo, hay người đệ tử quăng cho nó một khúc xương, khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu. Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Con chó ấy, khi gặm khúc xương ấy, khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu, có thể đoạn trừ được đói lả suy nhược của nó không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Với khúc xương khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu ấy, bạch Thế Tôn, con chó kia chỉ có mệt nhọc khốn khổ mà thôi.

– Cũng vậy, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như khúc xương,[6] khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn." Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ[7] loại xả thuộc loại đa chủng,[8] y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây, mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy.

43. – Này gia chủ, ví như con chim kên, con chim diều hâu, hay con chim ưng giành được miếng thịt liền bay bổng lên, các con chim kên khác, chim diều hâu khác, hay chim ưng khác bay đuổi theo, đuổi sát theo giành giựt xé nát[9] miếng thịt ấy. Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Nếu con chim kên, chim diều hâu, hay chim ưng ấy không vứt bỏ ngay miếng thịt ấy, nó có thể do nhân duyên ấy, đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

---

[5] *M.* I. 114.

[6] *M.* I. 130; *BD.* III. 22.

[7] *Abhinivajjetvā*. Xem *M.* I. 111; *D.* III. 113.

[8] Tham khảo: *M.* III. 220. Đa chủng chỉ cho 5 dục trưởng dưỡng và nhất chủng chỉ cho 4 thiền (*MA.* III. 43).

[9] *S.* II. 255; *Vin.* III. 105.

– Cũng vậy, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Thế Tôn đã nói, dục được ví như miếng thịt,[10] khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn.” Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây, mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy.

44. – Này gia chủ, ví như một người cầm một bó đuốc cỏ đang cháy rực[11] đi ngược gió. Này gia chủ, ông nghĩ thế nào, nếu người ấy không vứt bỏ ngay bó đuốc ấy, bó đuốc cỏ đang cháy rực ấy có thể đốt cháy tay, hay đốt cháy cánh tay, hay đốt cháy một phần thân của người ấy, người ấy có thể do nhân duyên ấy, đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Thế Tôn đã nói, dục được ví như bó đuốc cỏ,[12] khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn.” Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ... (như trên)... vị ấy tu tập loại xả như vậy.

45. – Này gia chủ, ví như một hố than hừng, sâu hơn thân người, đầy những than hừng, cháy không thành ngọn, cháy không thành khói,[13] và một người đi đến muốn sống, muốn không chết, muốn lạc, né tránh khổ. Nhưng có hai nhà lực sĩ, nắm chặt hai cánh tay người ấy và lôi người ấy đến hố than hừng. Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rúm thân, vật qua vật lại phía này phía kia không?[14]

– Bạch Thế Tôn, có. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì người ấy biết: “Nếu ta rơi vào hố than hừng này, do nhân duyên này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết.”

– Cũng vậy, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Thế Tôn đã nói, dục được ví như hố than hừng,[15] khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn.” Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ... (như trên)... vị ấy tu tập loại xả như vậy.

46. – Này gia chủ, ví như có người nằm mộng, thấy vườn khả ái, rừng núi khả ái, đất đai khả ái, ao hồ khả ái; khi tỉnh dậy, người ấy không thấy gì cả. Cũng vậy, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Thế Tôn đã nói, dục được ví như một cơn mộng, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn.” Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ... (như trên)... vị ấy tu tập loại xả như vậy.

---

[10] *M.* I. 145.

[11] *M.* I. 128.

[12] *S.* II. 152.

[13] *M.* I. 74.

[14] *M.* I. 507.

[15] *D.* III. 283; *S.* IV. 118; *A.* IV. 224; V. 175; *Sn.* 396.

47. Này gia chủ, ví như có người mượn tài vật cho mượn (*yācitvā*) như xe cộ xứng đáng bậc sang trọng, các đồ châu báu trang sức mỹ diệu, và với những đồ vật vay mượn ấy, người ấy đi vào chợ phố, được [tôn trọng] đi trước, được nhiều người vây quanh, và quần chúng thấy người ấy bèn nói: “Người này thật sự giàu sang, và người giàu sang hưởng thọ tài vật như vậy.” Nhưng những người chủ thấy người kia ở chỗ nào liền lấy lui những vật sở hữu của mình. Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Có phải sự [trá hình] dị tánh của người kia được chấm dứt ở đây?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì những người chủ lấy lui những vật sở hữu của mình.

– Cũng vậy, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Thế Tôn đã nói, dục được ví như tài vật vay mượn, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn.” Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ... (như trên)... vị ấy tu tập loại xả như vậy.

48. Này gia chủ, ví như gần thôn làng hay gần thị tứ có một khu rừng, ở đấy, có một cây đầy những trái chín, nhưng không có trái nào rơi xuống đất. Rồi một người đi đến, ước mong trái cây, tìm cầu trái cây, đi khắp đó đây để tìm trái cây. Người ấy đi sâu vào khu rừng ấy, thấy cây ấy đầy những trái chín. Người ấy có thể nghĩ như sau: “Cây này đầy những trái chín, nhưng không có trái nào rơi xuống đất, nhưng ta biết leo cây. Vậy ta hãy leo lên cây ấy ăn cho thỏa thích và bọc đầy áo [để đem về].”[16] Rồi người ấy leo lên cây ấy, ăn cho thỏa thích và [dự định] bọc đầy áo [để đem về]. Rồi một người thứ hai đi đến, ước mong trái cây, tìm cầu trái cây, đi khắp đó đây để tìm trái cây, và tay mang một búa sắc bén. Người này đi sâu vào khu rừng ấy, thấy cây ấy đầy những trái chín. Người này có thể nghĩ như sau: “Cây này đầy những trái chín, nhưng không có trái nào rơi xuống đất, nhưng ta không biết leo cây. Vậy ta hãy chặt cây này tận gốc, ăn cho thỏa thích và bọc đầy áo [để đem về].” Rồi người này chặt cây ấy tận gốc. Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Nếu người kia không leo xuống thật mau, thời cây ấy khi rơi đổ xuống, sẽ làm cho người thứ nhất, hoặc bị gãy tay, hoặc bị gãy chân, hoặc bị gãy một phần thân nào khác. Và do nhân duyên ấy, sẽ bị chết hay đi đến đau khổ gần như chết?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Thế Tôn đã nói, dục được ví như cây có trái, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn.” Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây, mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy.

---

[16] *Ucchanga.* Có thể người này cột vạt áo lại để đựng trái cây mang đi. Xem *Vin.* I. 225.

49. – Này gia chủ, vị Thánh đệ tử ấy, sau khi thành tựu xả niệm thanh tịnh vô thượng này, nhớ đến các đời sống trước, như một đời, hai đời, ba đời... Vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này gia chủ, vị Thánh đệ tử ấy, sau khi thành tựu xả niệm thanh tịnh vô thượng này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Này gia chủ, vị Thánh đệ tử ấy, sau khi thành tựu xả niệm thanh tịnh vô thượng này và với các lậu hoặc được đoạn trừ, vị này với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

50. – Này gia chủ, cho đến như vậy là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật của bậc Thánh. Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Ông có thấy ở nơi ông một sự đoạn tận tục sự như vậy, giống như sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật của bậc Thánh?

– Bạch Thế Tôn, con là ai mà có thể có sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật của bậc Thánh? Bạch Thế Tôn, con còn rất xa với sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật của bậc Thánh. Bạch Thế Tôn, xưa kia, đối với các vị du sĩ không phải thù thắng, chúng con xem là thù thắng; dầu họ không thù thắng, chúng con cúng dường các món ăn thù thắng; dầu họ không thù thắng, chúng con mời họ ở trong những trú xứ thù thắng. Bạch Thế Tôn, còn đối với các Tỷ-kheo thù thắng, chúng con xem là không thù thắng; dầu các vị ấy thù thắng, chúng con cúng dường các món ăn không thù thắng; dầu các vị ấy thù thắng, chúng con mời các vị ấy ở trong các trú xứ không thù thắng. Nhưng nay, bạch Thế Tôn, đối với các du sĩ không thù thắng, chúng con sẽ biết là không thù thắng; vì họ không thù thắng, chúng con sẽ cúng dường các món ăn không thù thắng; vì họ không thù thắng, chúng con sẽ mời họ ở trong các trú xứ không thù thắng. Còn đối với các Tỷ-kheo thù thắng, chúng con sẽ biết các vị ấy là thù thắng; vì các vị ấy thù thắng, chúng con sẽ cúng dường các món ăn thù thắng; vì các vị ấy thù thắng, chúng con sẽ mời các vị ấy ở trong các trú xứ thù thắng. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thật sự đã gợi ở nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tịnh tín Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tôn kính Sa-môn đối với các Sa-môn. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

55. KINH JĪVAKA

(*Jīvaka Sutta*)

51. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại rừng xoài của Jīvaka Komārabhacca. Rồi Jīvaka Komārabhacca đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghe nói như sau: "Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa-môn Gotama [tuy] biết thế [vẫn] dùng các loại thịt được giết [vì mình], được làm cho mình." Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa-môn Gotama [tuy] biết thế [vẫn] dùng các loại thịt được giết [vì mình] và được làm cho mình." Bạch Thế Tôn, những người ấy có nói chính lời Thế Tôn, họ không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, họ trả lời đúng pháp, thuận pháp, và những ai như pháp, thuyết đúng [pháp],[1] thuận [pháp] không có thể quở trách?[2]

52. – Này Jīvaka, những ai nói như sau: "Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa-môn Gotama [tuy] biết thế [vẫn] dùng các loại thịt được giết [vì mình], được làm cho mình",[3] những người ấy không nói chính lời của Ta, họ xuyên tạc Ta, không như chân, không như thật. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt không được thọ dụng: Thấy, nghe và nghi [vì mình mà giết]. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt không được thọ dụng. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt được thọ dụng: Không thấy, không nghe và không nghi [vì mình mà giết]. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt được thọ dụng.

53. Ở đây, này Jīvaka, Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn nào,[4] vị ấy biến mãn một phương với tâm có lòng từ và an trú, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân và an trú. Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ đến Tỷ-kheo ấy và mời ngày

---

[1] *Vādānuvāda*, có chỗ viết *vādānupāta*.

[2] Tham khảo: *M.* I. 482; II. 127, 222; III. 77; *A.* I. 161; *D.* I. 161; III. 115; *S.* II. 33, 36; III. 6; IV. 51, 340, 381; V. 6.

[3] Xem *Vin.* I. 238; III. 172.

[4] Tham khảo: *A.* I. 274, kinh 121. Có nhiều sự sai khác đáng chú ý.

mai thọ trai. Tỷ-kheo ấy nhận lời, nếu muốn. Sau khi đêm ấy đã qua, Tỷ-kheo ấy vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến chỗ người cư sĩ kia hay con người cư sĩ kia. Sau khi đến, vị ấy ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Và vị cư sĩ hay con vị cư sĩ ấy, thỉnh vị ấy dùng các món ăn khất thực thượng vị. Vị Tỷ-kheo ấy không nghĩ: "Thật tốt lành thay, người cư sĩ này hay con người cư sĩ này thỉnh ta dùng các món ăn khất thực thượng vị! Mong rằng người cư sĩ này hay con người cư sĩ này trong tương lai sẽ thỉnh ta dùng các món khất thực thượng vị như vậy!" Tỷ-kheo ấy không nghĩ như vậy. Vị ấy thọ dụng các món ăn khất thực ấy, với tâm không tham trước, không tham đắm, không đam mê, thấy rõ các tai họa, ý thức rõ rệt sự xuất ly. Này Jīvaka, ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy có nghĩ đến tự hại, hay nghĩ đến hại người, hay nghĩ đến hại cả hai?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Jīvaka, vị Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy có phải dùng các món ăn không có lỗi lầm?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Cao thượng thay,[5] an trú lòng từ!" Bạch Thế Tôn, Thế Tôn diện kiến thân chứng cho con điểm này. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn an trú lòng từ.

– Này Jīvaka, cái gọi là tham, là sân, là si, do đó sân hận khởi lên, tham ấy, sân ấy, si ấy được Như Lai đoạn trừ, chặt cho đến tận gốc, làm cho như thân cây Sa-la, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Này Jīvaka, nếu như vậy là ý nghĩa ông muốn nói, thời Ta đồng ý với ông.

– Bạch Thế Tôn, như vậy thật là ý nghĩa con muốn nói.

54. – Ở đây, này Jīvaka, Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn nào. Vị ấy biến mãn một phương với tâm có lòng bi... với tâm có lòng hỷ... với tâm có lòng xả và an trú, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy biến mãn với tâm có lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân và an trú. Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ đến Tỷ-kheo ấy và mời ngày mai thọ trai. Tỷ-kheo ấy nhận lời, nếu muốn. Sau khi đêm ấy đã qua, vị ấy vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến chỗ người cư sĩ kia hay con của người cư sĩ kia. Sau khi đến, vị ấy ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Và vị cư sĩ hay con vị cư sĩ ấy thỉnh vị ấy dùng các món ăn khất thực thượng vị. Tỷ-kheo ấy không nghĩ: "Thật tốt lành thay, người cư sĩ này hay con người cư sĩ này thỉnh ta dùng các món ăn khất thực thượng vị! Mong rằng vị cư sĩ này hay con vị cư sĩ này trong tương lai sẽ thỉnh ta dùng các món ăn khất thực thượng vị như vậy!" Tỷ-kheo ấy không nghĩ như vậy. Vị ấy thọ dụng các món ăn khất thực ấy với tâm không tham trước, không tham đắm, không đam mê, thấy rõ các tai họa, ý thức rõ rệt sự xuất ly. Này Jīvaka, ông nghĩ thế

[5] *Brahmā mettāvihārī' ti... bhagavā hi, bhante, mettāvihārī' ti. Kh.* IX. 9; *Sn.* 151 viết *etaṃ satiṃ adhiṭṭheyya, brahmametaṃ vihāramidhamāhu*, nghĩa là ở đây, sự an trú này được gọi là tối thượng.

nào? Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy có nghĩ đến hại mình, hay nghĩ đến hại người, hay nghĩ đến hại cả hai?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Jīvaka, vị Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy, có phải dùng các món ăn không có lỗi lầm?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Cao thượng thay, an trú lòng xả!" Bạch Thế Tôn, Thế Tôn diện kiến thân chứng cho con điểm này. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn an trú lòng xả.

– Này Jīvaka, cái gọi là tham, là sân, là si, do đó sân hận khởi lên, tham ấy, sân ấy, si ấy được Như Lai đoạn trừ, chặt cho đến tận gốc, làm cho như thân cây Sa-la, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Này Jīvaka, nếu như vậy là ý nghĩa ông muốn nói, thời Ta đồng ý với ông.

– Bạch Thế Tôn, như vậy thật là ý nghĩa con muốn nói.

55. – Này Jīvaka, người nào vì Như Lai, hay vì đệ tử Như Lai mà giết hại sinh vật, người ấy chất chứa nhiều phi công đức do năm nguyên nhân. Khi người ấy nói như sau: "Hãy đi và dắt con thú này đến", đó là nguyên nhân thứ nhất, người ấy chất chứa nhiều phi công đức. Con thú ấy, khi bị dắt đi, vì bị kéo lôi nơi cổ,[6] nên cảm thọ khổ ưu, đó là nguyên nhân thứ hai, người ấy chất chứa nhiều phi công đức. Khi người ấy nói: "Hãy đi và giết con thú này", đó là nguyên nhân thứ ba, người ấy chất chứa nhiều phi công đức. Khi con thú ấy bị giết, cảm thọ khổ ưu, đây là nguyên nhân thứ tư, người ấy chất chứa nhiều phi công đức. Khi người ấy cúng dường[7] Như Lai hay đệ tử Như Lai một cách phi pháp, đó là nguyên nhân thứ năm, người ấy chất chứa nhiều phi công đức. Này Jīvaka, người nào vì Như Lai, hay vì đệ tử Như Lai mà giết hại sinh vật, người ấy sẽ chất chứa nhiều phi công đức do năm nguyên nhân này.

Khi nghe nói vậy, Jīvaka Komārabhacca bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo thật sự thọ dụng các món ăn một cách hợp pháp (*kappiya*). Bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo thật sự thọ dụng các món ăn không có khuyết phạm. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến lúc mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

[6] *Galappaveṭhaka. MA*. III. 51 giải thích là con bò sau khi bị cột dây nơi cổ, bị kéo đi và do vậy cổ bị đau đớn.

[7] *Āsādeti. MA*. III. 51 giải thích *khādāpetvā*, sau khi mời ăn.

56. KINH ƯU-BA-LY

(*Upāli Sutta*)[1]

56. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Nāḷandā, trong vườn xoài Pāvārika. Lúc bấy giờ, Nigaṇṭha Nāṭaputta trú tại Nāḷandā cùng với đại chúng Nigaṇṭha (Ly Hệ phái). Rồi Nigaṇṭha Dīgha Tapassī (Trường Khổ Hạnh Giả), sau khi đi khất thực ở Nāḷandā, ăn xong, trên con đường trở về, đi đến vườn xoài Pāvārika, chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, nói lên những lời hỏi thăm Thế Tôn. Sau khi nói lên những lời hỏi thăm thân hữu, vị này đứng một bên. Thế Tôn nói với Nigaṇṭha Dīgha Tapassī đang đứng một bên:

– Này Tapassī, có những ghế ngồi. Nếu ông muốn, hãy ngồi xuống.

Khi nghe nói vậy, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī lấy một ghế thấp, rồi ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn nói với Nigaṇṭha Dīgha Tapassī đang ngồi một bên:

– Này Tapassī, Nigaṇṭha Nāṭaputta chủ trương có bao nhiêu nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

– Hiền giả Gotama, Nigaṇṭha Nāṭaputta không có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp. Hiền giả Gotama, Nigaṇṭha Nāṭaputta có thông lệ chủ trương phạt, phạt (*daṇḍa*).

– Này Tapassī, Nigaṇṭha Nāṭaputta chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

– Này Hiền giả Gotama, Nigaṇṭha Nāṭaputta chủ trương có ba loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, tức là thân phạt, khẩu phạt, ý phạt.

– Này Tapassī, nhưng có phải thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác?

– Hiền giả Gotama, thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác.

– Này Tapassī, trong ba loại phạt này, được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Nigaṇṭha Nāṭaputta chủ trương loại phạt nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, thân phạt chăng, khẩu phạt chăng, ý phạt chăng?

– Hiền giả Gotama, trong ba loại phạt này, được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Nigaṇṭha Nāṭaputta chủ trương thân phạt là tối trọng để tác

---

[1] Xem *A.* II. 190, *Bhaddiya Sutta*. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ưu-bà-ly kinh* 優婆離經 (*T.*01. 0026.133. 0628a18).

thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được.

– Này Tapassī, có phải ông nói thân phạt?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phạt.

– Này Tapassī, có phải ông nói thân phạt?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phạt.

– Này Tapassī, có phải ông nói thân phạt?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phạt.

Như vậy, Thế Tôn trong cuộc đàm thoại này đã làm Nigaṇṭha Dīgha Tapassī xác nhận cho đến lần thứ ba quan điểm [của mình].

57. Khi nghe nói vậy, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī nói với Thế Tôn:

– Hiền giả Gotama, Hiền giả chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

– Này Tapassī, Như Lai không có thông lệ chủ trương phạt, phạt. Này Tapassī, Như Lai có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp.

– Hiền giả Gotama, Hiền giả chủ trương có bao nhiêu loại nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

– Này Tapassī, Ta chủ trương có ba loại nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, tức là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, nhưng có phải thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác?

– Này Tapassī, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác.

– Hiền giả Gotama, trong ba loại nghiệp này, được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Hiền giả chủ trương loại nghiệp nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp? Thân nghiệp chăng, khẩu nghiệp chăng, ý nghiệp chăng?

– Này Tapassī, trong ba loại nghiệp này, được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Ta chủ trương ý nghiệp là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, thân nghiệp không bằng được, khẩu nghiệp không bằng được.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý nghiệp?

– Này Tapassī, Ta nói ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý nghiệp?

– Này Tapassī, Ta nói ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý nghiệp?

– Này Tapassī, Ta nói ý nghiệp.

Như vậy, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī trong cuộc đàm thoại này, sau khi đã làm

Thế Tôn xác nhận cho đến lần thứ ba quan điểm [của mình], liền từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến chỗ Nigaṇṭha Nāṭaputta.

58. Lúc bấy giờ, Nigaṇṭha Nāṭaputta đang ngồi với một đại chúng gia chủ rất đông, do Upāli (Ưu-ba-ly), người thuộc làng Bālaka dẫn đầu. Nigaṇṭha Nāṭaputta thấy Nigaṇṭha Dīgha Tapassī từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Nigaṇṭha Dīgha Tapassī:

– Này Tapassī, ông từ đâu đi đến, trong ban ngày [nóng bức] như thế này?

– Thưa Tôn giả, con từ Sa-môn Gotama đi đến đây.

– Này Tapassī, ông có đàm luận gì với Sa-môn Gotama không?

– Thưa Tôn giả, con cùng với Sa-môn Gotama có cuộc đàm thoại.

– Này Tapassī, cuộc đàm thoại của ông với Sa-môn Gotama như thế nào?

Rồi Nigaṇṭha Dīgha Tapassī kể lại cho Nigaṇṭha Nāṭaputta nghe một cách đầy đủ cuộc đàm thoại với Sa-môn Gotama. Được nghe vậy, Nigaṇṭha Nāṭaputta nói với Dīgha Tapassī:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tapassī! Sa-môn Gotama đã được Nigaṇṭha Dīgha Tapassī trả lời, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phạt hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phạt cường đại này được. Vì thân phạt thật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được.

59. Khi được nghe nói vậy, gia chủ Upāli thưa với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tôn giả Tapassī! Sa-môn Gotama đã được Tôn giả Tapassī trả lời như vậy, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phạt hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phạt cường đại này được. Vì thân phạt thật tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được. Thưa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này. Nếu Sa-môn Gotama làm con xác nhận như đã làm Tôn giả Tapassī xác nhận, thời cũng như một người lực sĩ[2] tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, giật lui, vần quanh; cũng vậy, con sẽ dùng lời nói với lời nói kéo tới, giật lui, vần quanh Sa-môn Gotama. Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu, nắm một góc thùng, có thể kéo tới, giật lui, vần quanh; cũng vậy, con dùng lời nói với lời nói kéo tới, giật lui, vần quanh Sa-môn Gotama. Cũng như một lực sĩ nghiện rượu sống phóng đãng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh; cũng vậy, con sẽ dùng lời nói với lời nói lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama. Và cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, con nghĩ, con sẽ chơi trò phun nước

[2] Xem *M.* I. 228 với những ví dụ kế tiếp.

với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này.

– Này gia chủ, hãy đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này. Vì rằng, này gia chủ, chỉ có ta hay Nigaṇṭha Dīgha Tapassī, hay ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama.

60. Khi được nghe nói vậy, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Thưa Tôn giả, con không được hài lòng để gia chủ Upāli luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn thuật sư, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo.

– Này Tapassī, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upāli trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama; có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upāli. Này gia chủ, hãy đi luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này; chỉ có ta, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī, hay ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama.

Lần thứ hai... (như trên). Lần thứ ba, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Thưa Tôn giả, con không được hài lòng để gia chủ Upāli luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn thuật sư, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo.

– Này Tapassī, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upāli trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama; có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upāli. Này gia chủ, hãy đi luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này; chỉ có ta, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī và ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Upāli vâng đáp Nigaṇṭha Nāṭaputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Nigaṇṭha Nāṭaputta, thân hữu hướng về Nigaṇṭha Nāṭaputta, và đi đến vườn xoài Pāvārika, chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Upāli bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, không biết Nigaṇṭha Dīgha Tapassī có đến tại đây không?

– Này gia chủ, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī có đến tại đây.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có đàm thoại với Nigaṇṭha Dīgha Tapassī không?

– Này gia chủ, Ta có đàm thoại với Nigaṇṭha Dīgha Tapassī.

– Bạch Thế Tôn, cuộc đàm thoại của Thế Tôn với Nigaṇṭha Dīgha Tapassī như thế nào?

Rồi Thế Tôn kể lại cho gia chủ Upāli một cách đầy đủ cuộc đàm thoại với Nigaṇṭha Dīgha Tapassī.

61. Khi nghe nói vậy, gia chủ Upāli bạch Thế Tôn:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tôn giả Tapassī! Thế Tôn đã được Tôn giả Tapassī trả lời như vậy, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phạt hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phạt cường đại này được. Vì thân phạt thật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được.

– Này gia chủ, nếu ông có thể đàm luận y cứ trên sự thật, thời ở đây, có thể có cuộc đàm thoại giữa chúng ta.

– Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây có cuộc đàm thoại giữa chúng ta.

62. – Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người Nigaṇṭha, bệnh hoạn, đau khổ, bạo bệnh, từ chối nước lạnh,[3] chỉ uống nước nóng. Người này vì không được nước lạnh nên mệnh chung. Này gia chủ, theo Nigaṇṭha Nāṭaputta, người ấy tái sanh chỗ nào?

– Bạch Thế Tôn, có hàng chư thiên được gọi là Ý Trước thiên (Manosatta).[4] Ở đấy, người ấy tái sanh. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì người ấy chấp trước ý nên mệnh chung.

– Gia chủ, gia chủ! Sau khi suy nghĩ kỹ, ông hãy trả lời. Lời nói trước của ông không phù hợp lời nói sau của ông, lời nói sau của ông không phù hợp lời nói trước của ông. Thế mà này gia chủ, ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm thoại giữa chúng ta."

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phạt mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được.

63. – Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người Nigaṇṭha được phòng hộ với sự phòng hộ của bốn loại chế giới,[5] hoàn toàn tự chế ngự đối với nước,[6] hoàn toàn chú tâm [vào sự chế ngự] đối với nước, hoàn toàn loại trừ đối với nước, hoàn toàn thấm nhuần [với sự chế ngự] đối với nước. Vị này khi đi qua, khi đi lại, đã giết hại rất nhiều sinh vật nhỏ bé. Này gia chủ, theo Nigaṇṭha Nāṭaputta, người ấy thọ quả báo nào?

– Bạch Thế Tôn, vì không cố ý, nên Nigaṇṭha Nāṭaputta xem không phải là một đại tội.

– Này gia chủ, nếu người ấy có cố ý thời như thế nào?

---

[3] *MA*. III. 57: Các Ni-kiền tử biết có các chúng sanh trong nước lạnh.

[4] *MA*. III. 57 giải thích *manosattā* là chúng sanh dựa vào ý, nương vào ý (*laggā*, *lagitā*). *Satta*, ở đây được giải thích như nghĩa của *sajjati*.

[5] *D*. I. 57; *DB*. I. 75, n. 1.

[6] *Sabbavārivārito*. *MA*. III. 58 giải thích hai nghĩa: Hoặc là *vāritasabbaudaka*, nó tự ngăn ngừa đối với mọi loại nước; hay *sabbena pāpavāraṇena vāritapāpo*, ác pháp được chế ngự bởi sự chế ngự các ác pháp.

– Bạch Thế Tôn, là một đại tội.

– Này gia chủ, ý thức [ấy], Nigaṇṭha Nāṭaputta xem thuộc về loại gì?[7]

– Bạch Thế Tôn, thuộc về ý phạt.

– Gia chủ, gia chủ! Sau khi suy nghĩ, ông hãy trả lời. Lời nói trước của ông không phù hợp với lời nói sau của ông, lời nói sau của ông không phù hợp lời nói trước của ông. Thế mà này gia chủ, ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm thoại giữa chúng ta."

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phạt mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được.

64. – Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Có phải Nāḷandā này là phú cường và phồn thịnh, dân chúng đông đúc, nhân dân trù mật?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Nāḷandā này là phú cường và phồn thịnh, dân chúng đông đúc, nhân dân trù mật.

– Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người đi đến, với thanh kiếm đưa cao, người này nói: "Trong một sát-na, trong một giây phút, ta sẽ làm cho tất cả mọi người ở tại Nāḷandā này thành một đống thịt, thành một khối thịt."[8] Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể trong một sát-na, trong một giây phút, làm cho tất cả mọi người ở tại Nāḷandā này thành một đống thịt, thành một khối thịt không?

– Bạch Thế Tôn, cho đến mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người cũng không có thể, trong một sát-na, trong một giây phút, làm cho tất cả mọi người ở tại Nāḷandā này thành một đống thịt, thành một khối thịt, huống nữa là chỉ một người nhỏ bé sao có thể sáng chói [làm thành] được.

– Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn đến, có thần thông lực, có tâm tự tại. Vị này nói như sau: "Ta sẽ làm cho Nāḷandā này trở thành tro tàn với một tâm sân hận." Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy, có thần thông lực, có tâm tự tại, có thể làm cho Nāḷandā này trở thành tro tàn với một tâm sân hận không?

– Bạch Thế Tôn, cho đến mười Nāḷandā, hai mươi Nāḷandā, ba mươi Nāḷandā, bốn mươi Nāḷandā, năm mươi Nāḷandā, vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy có thần thông lực, có tâm tự tại, có thể làm cho các Nāḷandā ấy trở thành tro tàn với một tâm sân hận, huống nữa là một Nāḷandā nhỏ bé này, sao có thể chói sáng được [khỏi bị trở thành tro tàn được].

– Gia chủ, gia chủ! Sau khi suy nghĩ, ông hãy trả lời. Lời nói trước của

[7] *Koṭṭhāsa*. Xem *MA*. III. 58.

[8] *M*. I. 404; *D*. I. 52.

ông không phù hợp lời nói sau của ông, lời nói sau của ông không phù hợp lời nói trước của ông. Thế mà này gia chủ, ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm luận giữa chúng ta."

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phạt mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được.

65. – Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Ông có nghe các rừng Daṇḍaka, Kāliṅga, Mejjha, Mātaṅga đã trở lại thành rừng như trước?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe các rừng Daṇḍaka, Kāliṅga, Mejjha, Mātaṅga đã trở lại thành rừng [như trước].

– Này gia chủ, ông nghĩ thế nào? Có thể ông được nghe vì sao các rừng Daṇḍaka, Kāliṅga, Mejjha, Mātaṅga trở thành rừng như trước?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe các rừng Daṇḍaka, Kāliṅga, Mejjha, Mātaṅga trở lại thành rừng [như trước] vì tâm sân hận các vị ẩn sĩ.

– Gia chủ, gia chủ! Sau khi suy nghĩ, ông hãy trả lời. Lời nói trước của ông không phù hợp lời nói sau của ông, lời nói sau của ông không phù hợp lời nói trước của ông. Thế mà này gia chủ, ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm luận giữa chúng ta."

66. – Bạch Thế Tôn, với ví dụ đầu tiên, con đã hoan hỷ, con đã thỏa mãn.[9] Nhưng vì con muốn nghe các vấn đáp sai biệt[10] của Thế Tôn, nên con mới nghĩ đóng vai trò đối lập với Thế Tôn. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

67. – Này gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như ông.

– Bạch Thế Tôn, con càng bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như ông." Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo được con làm đệ tử, họ sẽ trương cờ lên và tuyên bố: "Gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử chúng tôi." Nhưng Thế Tôn lại nói với con: "Này gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như ông."

---

[9] *D.* II. 352.

[10] *Pañhapaṭibhāna.* Xem *M.* I. 83.

Bạch Thế Tôn, lần thứ hai, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

68. – Này gia chủ, đã từ lâu gia đình của ông như là giếng nước, mưa nguồn cho các người Nigaṇṭha. Hãy cúng dường các món ăn cho những ai đến với ông.

– Bạch Thế Tôn, con lại bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này gia chủ, đã từ lâu gia đình của ông như là giếng nước, mưa nguồn cho các người Nigaṇṭha. Hãy cúng dường các món ăn cho những ai đến với ông." Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Sa-môn Gotama đã nói: 'Chỉ bố thí cho Ta, chớ bố thí cho các người khác. Chỉ bố thí cho các đệ tử của Ta, chớ bố thí cho đệ tử của những người khác. Chỉ bố thí cho Ta mới có phước lớn, bố thí những người khác không được phước lớn. Chỉ bố thí cho những đệ tử của Ta mới có phước lớn, bố thí cho những đệ tử của những người khác không có phước lớn.'" Nhưng Thế Tôn lại khuyến khích con bố thí cho các vị Nigaṇṭha. Bạch Thế Tôn, và chúng con ở đây sẽ biết thời nên làm. Bạch Thế Tôn, lần thứ ba, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

69. Rồi Thế Tôn thuận thứ thuyết pháp[11] cho gia chủ Upāli, tức là thuyết về bố thí, thuyết về giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô các dục lạc, những lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết gia chủ Upāli tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phấn khởi, tâm được hoan hỷ, Ngài mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như một tấm vải thuần bạch, các chấm đen được gột rửa rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính tại chỗ ngồi ấy, Pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên với gia chủ Upāli: "Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều bị tiêu diệt." Rồi gia chủ Upāli thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, đạt được Vô sở úy, không y cứ người khác đối với các pháp bậc Đạo sư. Gia chủ Upāli bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Này gia chủ, ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

70. Rồi gia chủ Upāli hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi đi về trú xá của mình; sau khi đến, nói với người giữ cửa như sau:

– Từ nay trở đi, này người gác cửa, ta sẽ đóng cửa đối với các nam Nigaṇṭha, các nữ Nigaṇṭha. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu có vị Nigaṇṭha nào đến, ông hãy nói vị ấy như sau: "Tôn giả hãy đứng lại, chớ bước vào! Từ nay trở đi, gia chủ Upāli đã

---

[11] *Vin.* I. 15-16; *BD.* IV. 23, n. 1.

trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với nam Nigaṇṭha, nữ Nigaṇṭha. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng ở đây và có người sẽ đem ra đây cho Tôn giả."

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upāli.

71. Nigaṇṭha Dīgha Tapassī nghe như sau: "Gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama." Rồi Nigaṇṭha Dīgha Tapassī đi đến chỗ Nigaṇṭha Nāṭaputta ở; sau khi đến, liền nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Thưa Tôn giả, tôi có nghe gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama.

– Này Tapassī, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upāli trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Và có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upāli.

Lần thứ hai... (như trên). Lần thứ ba, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Thưa Tôn giả, tôi có nghe gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama.

– Này Tapassī, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upāli trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upāli.

– Thưa Tôn giả, tôi sẽ đi và tìm biết gia chủ Upāli có trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama hay không.

– Này Tapassī, hãy đi và tìm biết gia chủ Upāli có trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama hay không!

72. Rồi Nigaṇṭha Dīgha Tapassī đi đến trú xá của gia chủ Upāli. Người giữ cửa thấy Nigaṇṭha Dīgha Tapassī từ xa đi đến, khi thấy vậy liền nói với Nigaṇṭha Dīgha Tapassī:

– Thưa Tôn giả, hãy đứng ở đây, chớ có bước vào! Từ nay trở đi, gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với nam Nigaṇṭha, nữ Nigaṇṭha. Cửa sẽ không đóng đối với các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng ở đây và có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả.

– Này Hiền giả, ta không cần đồ ăn.

Nói xong, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī đi trở lui, đến chỗ Nigaṇṭha Nāṭaputta ở; sau khi đến, liền thưa với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Thưa Tôn giả, sự thật là gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Về vấn đề này, tôi đã không đồng ý với Tôn giả và đã nói: "Thưa Tôn

giả, tôi không được hài lòng để gia chủ Upāli luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn thuật sư, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử các ngoại đạo." Thưa Tôn giả, nay gia chủ Upāli của Tôn giả đã bị huyễn thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn rồi.

– Này Tapassī, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upāli trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upāli.

Lần thứ hai... (như trên). Lần thứ ba, Nigaṇṭha Dīgha Tapassī nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Thưa Tôn giả, sự thật là gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Về vấn đề này, tôi đã không đồng ý với Tôn giả và đã nói: "Thưa Tôn giả, tôi không được yên lòng để gia chủ Upāli luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn thuật sư. Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử các ngoại đạo." Thưa Tôn giả, nay gia chủ Upāli của Tôn giả đã bị huyễn thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn.

– Này Tapassī, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upāli trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upāli. Này Tapassī, ta sẽ đi và tìm biết gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử Sa-môn Gotama hay không.

Rồi Nigaṇṭha Nāṭaputta cùng với đại chúng Nigaṇṭha đi đến trú xá của gia chủ Upāli. Người giữ cửa thấy Nigaṇṭha Nāṭaputta từ xa đi đến, khi thấy vậy liền nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Thưa Tôn giả, hãy đứng ở đây, chớ có bước vào! Từ nay trở đi, gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với các nam Nigaṇṭha, các nữ Nigaṇṭha. Cửa sẽ không đóng đối với các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu Tôn giả cần các món ăn, hãy đứng ở đây. Có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả.

– Này người giữ cửa, hãy đi đến gia chủ Upāli; sau khi đến, hãy thưa với gia chủ như sau: "Thưa Tôn giả, Nigaṇṭha Nāṭaputta cùng với đại chúng Nigaṇṭha đang đứng ở ngoài ngưỡng cửa và muốn yết kiến Tôn giả."

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp Nigaṇṭha Nāṭaputta, đi đến gia chủ Upāli; sau khi đến, liền thưa với gia chủ Upāli:

– Thưa Tôn giả, có Nigaṇṭha Nāṭaputta cùng với đại chúng Nigaṇṭha đang đứng ở ngoài ngưỡng cửa và muốn yết kiến Tôn giả.

– Này người giữ cửa, hãy vào soạn các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upāli, sau khi vào cho soạn các chỗ ngồi

trong căn phòng chính giữa có cửa, đi đến gia chủ Upāli; sau khi đến, liền nói với gia chủ Upāli:

– Thưa Tôn giả, các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa đã được sửa soạn. Tôn giả hãy làm những gì Tôn giả nghĩ là phải thời.

73. Rồi gia chủ Upāli đi đến căn phòng chính giữa có cửa; sau khi đến, ngồi tại chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng. Sau khi ngồi trên chỗ ấy, liền bảo người gác cửa:

– Này người giữ cửa, hãy đi đến Nigaṇṭha Nāṭaputta: "Thưa Tôn giả, gia chủ Upāli có nói: 'Thưa Tôn giả, nếu muốn, Tôn giả hãy vào.'"

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upāli, đi đến Nigaṇṭha Nāṭaputta; sau khi đến, liền nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Thưa Tôn giả, gia chủ Upāli có nói: "Thưa Tôn giả, nếu muốn, Tôn giả hãy vào."

Rồi Nigaṇṭha Nāṭaputta với đại chúng Nigaṇṭha đi đến căn phòng ở giữa, có cửa.

Gia chủ Upāli lúc trước mỗi khi thấy Nigaṇṭha Nāṭaputta từ xa đi đến, sau khi thấy liền đi ra nghinh tiếp vào tại chỗ nào có chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, liền lấy thượng y lau chỗ ngồi ấy, giữ lấy và mời Nigaṇṭha Nāṭaputta ngồi trên chỗ ngồi ấy. Nhưng nay tại chỗ có chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, gia chủ Upāli lại ngồi trên chỗ ngồi ấy và nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Thưa Tôn giả, có những chỗ ngồi. Nếu muốn, Tôn giả hãy ngồi.

Khi nghe nói vậy, Nigaṇṭha Nāṭaputta nói với gia chủ Upāli:

– Này gia chủ, ông thật là điên cuồng. Này gia chủ, ông thật là ngu si. Ông nói: "Thưa Tôn giả, tôi sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama." Sau khi đi, ông đã trở về bị trói buộc trong lưới lớn luận nghị.[12] Này gia chủ, ví như người đi với hai cao hoàn, đi về với cao hoàn bị thiến. Này gia chủ, như người đi với hai con mắt, đi về với hai con mắt bị khoét. Cũng vậy, này gia chủ, ông nói: "Thưa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama." Sau khi đi, ông đã trở về bị trói buộc trong lưới lớn luận nghị. Này gia chủ, ông đã bị huyễn thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn rồi.

74. – Thưa Tôn giả, vi diệu thay, huyễn thuật lôi cuốn này! Tốt lành thay, huyễn thuật lôi cuốn này! Thưa Tôn giả, nếu bà con huyết thống thân yêu của tôi được huyễn thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc, hạnh phúc lâu dài cho các bà con huyết thống của tôi. Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Sát-đế-ly được huyễn thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc, hạnh phúc lâu dài cho tất cả các vị Sát-đế-ly. Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Bà-la-môn... (như trên)... nếu

---

[12] *Vādasaṅghāṭapaṭimukka*. Xem *M.* I. 271, *taṇhāsaṅghāṭapaṭimukka.*

tất cả các người Phệ-xá (Vessa)... Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Thủ-đà (Sudda) được huyễn thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc và hạnh phúc lâu dài cho tất cả các người Sudda. Thưa Tôn giả, nếu thế giới với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người được huyễn thuật này lôi cuốn, thời như vậy là an lạc, hạnh phúc lâu dài cho thế giới với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người. Thưa Tôn giả, tôi sẽ nói cho Tôn giả ví dụ này. Ở đây, những người có trí nhờ ví dụ sẽ biết rõ ý nghĩa của lời nói.

75. Thưa Tôn giả, thuở xưa có người Bà-la-môn đã về già, tuổi đã lớn, bậc trưởng lão, có người vợ còn trẻ, trong tuổi thanh xuân, [người vợ này] đang mang thai, sắp đến kỳ sinh nở. Thưa Tôn giả, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một con khỉ đực con để cùng chơi với con tôi!" Thưa Tôn giả, được nói vậy, người Bà-la-môn nói với cô vợ trẻ: "Này mình, hãy chờ cho đến khi mình sanh. Nếu mình sanh con trai, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ đực con mang về để cùng chơi với đứa con trai của mình. Còn nếu mình sanh con gái, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con cái và mang về để cùng chơi với đứa con gái của mình." Thưa Tôn giả, lần thứ hai, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn ấy: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một con khỉ đực con để cùng chơi với con tôi!" Thưa Tôn giả, lần thứ hai, người Bà-la-môn ấy nói với cô vợ trẻ: "Này mình, hãy chờ cho đến khi mình sanh. Nếu mình sanh con trai, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ đực con mang về để cùng chơi với đứa con trai của mình. Còn nếu mình sanh con gái, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con cái và mang về để cùng chơi với đứa con gái của mình." Thưa Tôn giả, lần thứ ba, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn ấy: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một con khỉ đực con để cùng chơi với con tôi!" Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy vì quá yêu thương, quá ái luyến cô vợ trẻ của mình nên đi chợ mua một con khỉ đực con, đem về và nói với cô vợ trẻ: "Này mình, đây là con khỉ đực con, tôi mua ở chợ và mang về, hãy để nó cùng chơi với con của mình." Thưa Tôn giả, khi nghe nói vậy cô vợ trẻ ấy nói với người Bà-la-môn: "Này Bà-la-môn hãy đi, đem con khỉ đực con này đến Rattapāṇi, con người thợ nhuộm; sau khi đến, hãy nói với Rattapāṇi, con người thợ nhuộm: 'Này bạn Rattapāṇi, tôi muốn con khỉ đực này được nhuộm với màu vàng, được khéo đập, khéo ủi xung quanh và cả hai phía được làm thành mềm dịu.'" Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy vì quá yêu thương, quá ái luyến cô vợ trẻ của mình, đem con khỉ đực con này đi đến Rattapāṇi, con người thợ nhuộm, khi đến xong liền nói với Rattapāṇi, con người thợ nhuộm: "Này bạn Rattapāṇi, tôi muốn con khỉ đực này được nhuộm màu vàng, được khéo đập, khéo ủi xung quanh và cả hai phía được làm thành mềm dịu." Thưa Tôn giả, được nói vậy, Rattapāṇi, con người thợ nhuộm nói với người Bà-la-môn kia: "Này Tôn giả, con khỉ đực con này có thể nhuộm được, nhưng không có thể đập được, ủi được, không có thể làm thành mềm dịu." Cũng vậy, thưa Tôn giả, là lý thuyết của những Nigaṇṭha ngu si, lý thuyết này có thể ăn nhuộm đối với những người ngu si, chớ không ăn nhuộm đối với người có

trí. Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy, sau một thời gian, lấy một cặp áo mới, đi đến chỗ Rattapāṇi, con người thợ nhuộm; sau khi đến, nói với Rattapāṇi, con người thợ nhuộm: "Này Rattapāṇi, tôi muốn nhuộm cặp áo mới này với màu nhuộm màu vàng, được khéo đập, khéo ủi xung quanh và cả hai phía được làm thành mềm dịu." Thưa Tôn giả, được nói vậy, Rattapāṇi, con người thợ nhuộm, nói với người Bà-la-môn ấy: "Thưa Tôn giả, cặp áo mới này của Tôn giả có thể nhuộm được, có thể đập, ủi xung quanh và có thể làm thành mềm dịu." Cũng vậy, thưa Tôn giả, là lý thuyết của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có thể ăn nhuộm đối với người có trí, không phải đối với người ngu si, có thể đập được, ủi được và có thể khiến trở thành mềm dịu.

– Này gia chủ, quần chúng này gồm cả các vua chúa được biết như sau: "Gia chủ Upāli là đệ tử của Nigaṇṭha Nāṭaputta." Này gia chủ, nay chúng tôi xem gia chủ là đệ tử của ai?

Được nghe nói vậy, gia chủ Upāli từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y qua một bên vai, chắp tay vái chào về hướng Thế Tôn và nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta:

– Thưa Tôn giả, hãy nghe, tôi là đệ tử của ai:

76. Bậc Trí sáng suốt,
Đoạn trừ si ám.
Phá tan hoang vu,
Chiến thắng địch quân,
Đau khổ đoạn diệt,[13]
Tâm an bình tĩnh.
Giới đức trưởng thành,
Tuệ đức viên minh,
Phiền não nội tịnh,[14]
Rời trần ly cấu.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.
Do dự đoạn trừ,
Biết vừa, biết đủ,
Thế lợi tuyệt không,[15]
Tâm tư hoan hỷ,
Làm Sa-môn hạnh,
Sanh ở nhân gian,
Thân này sau cùng,
Làm người nhân thế.

[13] *Anīgha*. *MA*. III. 96 giải thích là *niddukkha*.

[14] *Vessantara*. *MA*. III. 96 giải thích là an tịnh, trầm tĩnh, vượt khỏi sự thay đổi thất thường của dục vọng.

[15] *Vantalokāmisa*. *Lokāmisa* được xem là đồng nghĩa với *kāmaguṇa*. Xem *MA*. III. 97.

Bậc Thánh cao nhất,
Rời trần ly cấu.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.
Không tâm do dự,
Khéo hành thiện xảo,
Bậc Trì Giới Luật,[16]
Điều Ngự Tối Thượng,
Là Vô Thượng Sĩ,
Sáng chói hào quang,
Nghi hoặc đoạn trừ,
Soi sáng mọi nơi,
Kiêu mạn đoạn tận,
Vô nhân anh hùng.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.
Ngài bậc Ngưu Vương,
Tâm tư vô lượng,
Thâm sâu khôn lường,[17]
Bậc Thánh Mâu-ni,[18]
Tác thành an ổn,
Bậc Có Trí Tuệ,
An trú Pháp vị,
Tự phòng hộ thân,
Vượt qua tham ái,
Bậc Giải Thoát Trí.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.
Ngài bậc Tượng Vương,[19]
Sống xa thế tục,
Kiết sử đoạn trừ,
Siêu đẳng giải thoát,
Biện tài từ tốn,
Trong sạch thanh tịnh,
Cờ xí triệt hạ,[20]

---

[16] *Venayika*: Vị né tránh, tránh xa các dục vọng. *MA*. III. 97 viết *Venayika* chỉ cho người chuyên giữ giới luật và trong *M*. I. 140 chỉ cho Ẩn sĩ Gotama.

[17] Lòng từ bi và trí tuệ của đức Như Lai vô lượng ví như đại dương. Xem *M*. I. 487.

[18] *Monapattassāti ñāṇapattassa*. Xem *MA*. III. 97.

[19] Nāga có nghĩa là Long vương và Tượng vương. Trong trường hợp chữ nāga đi chung với "*pantasena*" (nơi ẩn dật thanh vắng) nên dịch là Tượng vương, vì voi mới biểu trưng cho hạnh độc cư viễn ly. Xem *S*. I. 28.

[20] *Pannadhaja*, chỉ cho một vị đã hoàn tất các cuộc chiến. Tham khảo: *M*. I. 139; *A*. III. 84.

Tham ái đoạn trừ,
Điều ngự nhiếp phục,
Hý luận diệt tận.[21]
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.
Đệ thất Tiên nhân.[22]
Không tin lời đồn,[23]
Ba minh thành tựu,
Đạt quả Phạm thiên,
Tắm sạch thân tâm,
Văn cú thông đạt,
Khinh an yên ổn,
Thánh trí chứng đắc.
Công phá thành trì,
Thiên chủ Đế-thích.
Tôi chính thật là,
Đệ tử Thế Tôn.
Ngài bậc Thánh giả,
Tự tu tự tập,
Chứng điều phải chứng,
Thuyết giảng hiện tại,
Chánh niệm tỉnh giác,
Thiền quán tinh tế,
Không thiên tà dục,
Không nuôi tâm hận,
Dao động không còn,
Thân tâm tự tại,
Tôi chính thật là,
Đệ tử Thế Tôn.
Sống theo Chánh đạo,
Trầm tư thiền tưởng,
Nội tâm không nhiễm,[24]
Thanh tịnh trong sạch,
Không trước, không chấp,
Không nguyện, không cầu,
Độc cư, độc tọa,
Chứng tối thượng vị,

---

[21] *Nippapañca.* Xem *M.* I. 65; *Dh.* 254.
[22] Đức Phật Thích-ca là vị Phật thứ bảy. Xem *MA.* III. 97.
[23] *Sn.* 957 viết là không nghe theo tin đồn, như trong *Kinh Kālāma*.
[24] *Ananugatantara* trong *MA.* III. 98 chỉ cho tâm không bị chi phối, chướng ngại bởi các phiền não.

Đã vượt qua dòng,
Giúp người vượt qua,
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.
Bậc Chứng Tịch Tịnh,
Trí tuệ vô biên,
Trí tuệ quảng đại,
Tham ái đoạn tận,
Ngài là Như Lai,
Ngài là Thiện Thệ,
Không người sánh bằng,
Không ai đồng đẳng,
Giàu đức tự tin,
Viên mãn thành tựu,
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.
Tham ái đoạn tận,
Giác ngộ chánh giác,
Khói mù tiêu tan,
Ô uế trừ sạch,
Xứng đáng cúng dường,
Dạ-xoa thanh tịnh,
Vô thượng Thánh nhân,
Không thể cân lường,
Đại nhân Đại giác,
Đạt đến danh xưng,
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.

77. – Này gia chủ, ông chất chứa những ưu điểm này về Sa-môn Gotama từ bao giờ?

– Thưa Tôn giả, ví như một đống hoa, có nhiều loại khác nhau; người làm vòng hoa thiện xảo hay người đệ tử làm vòng hoa có thể kết thành một vòng hoa có những loại hoa sai biệt. Cũng vậy, thưa Tôn giả, Thế Tôn có nhiều đức tánh, có hàng trăm đức tánh. Thưa Tôn giả và ai lại không tán thán những bậc đáng tán thán.

Vì Nigaṇtha Nātaputta không thể nghe lời tán thán Thế Tôn, nên ngay tại chỗ ấy đã thổ ra huyết nóng.

57. KINH HẠNH CON CHÓ

(*Kukkuravatika Sutta*)[1]

78. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Koliya. Haliddavasana[2] là tên một thị trấn của dân chúng Koliya. Rồi Puṇṇa Koliyaputta hành trì hạnh con bò[3] và lõa thể Seniya hành trì hạnh con chó,[4] cùng đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, Puṇṇa Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Còn lõa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, nói lời hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên lời hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên, ngồi chò hỏ như con chó. Sau khi ngồi một bên, Puṇṇa Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lõa thể Seniya hành trì hạnh con chó, thực hành những hạnh khó hành, ăn đồ ăn quăng dưới đất, chấp nhận và hành trì hạnh con chó trong một thời gian dài, vậy sanh thú ông ấy thế nào, vận mạng ông ấy thế nào?

– Thôi vừa rồi Puṇṇa, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa.

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Puṇṇa Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lõa thể Seniya hành trì hạnh con chó, thực hành những hạnh khó hành, ăn đồ ăn quăng dưới đất, chấp nhận và hành trì hạnh con chó trong một thời gian dài, vậy sanh thú ông ấy thế nào, vận mạng ông ấy thế nào?

79. – Này Puṇṇa, thật sự Ta đã không chấp nhận [câu hỏi] của ông và đã nói: "Thôi vừa rồi Puṇṇa, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa." Tuy vậy, Ta sẽ trả lời cho ông. Ở đây, này Puṇṇa, người nào hành trì hạnh con chó một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì giới con chó một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì tâm con chó một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì uy nghi con chó[5] một cách hoàn toàn viên mãn, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh thân hữu cùng với các loài chó. Nếu ông ấy có tà kiến như sau: "Do giới này, hạnh này, khổ

---

[1] Xem *D*. III. 207; *A*. II. 230; *Kvu*. 505, 520. Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.7. 0393c09).

[2] Khi thị trấn này được xây dựng xong, dân chúng mặc áo màu vàng (*halidda vatthanivattha*) để làm lễ Nguyệt điện. *Vasana* vừa có nghĩa là áo mặc, vừa có nghĩa là chỗ ở. Xem *S*. V. 115.

[3] *Govatika*: Sau khi thọ trì hạnh tu con bò (*govata*), vị ấy cắm trên đầu một cái sừng và cột sau lưng cái đuôi, đi ăn cỏ với các con bò. Xem *MA*. III. 100.

[4] *Kukkuravatika*: Sau khi thọ trì hạnh con chó, hành động của vị ấy giống như con chó. *D*. III. 6-7 nói về hạnh tu của Korakkhattiya, đạo sĩ lõa thể tu theo hạnh con chó.

[5] *Kukkurākappa*: Khi đứng, đi, ngồi, nằm giống như chó, vị ấy nhe răng khi thấy các con chó khác.

hạnh này, hay Phạm hạnh[6] này, ta sẽ sanh thành chư thiên này,[7] hay chư thiên khác",[8] thời này Puṇṇa, đối với kẻ có tà kiến, Ta nói có một trong hai sanh thú như sau: Địa ngục hay bàng sanh. Như vậy, này Puṇṇa, nếu hạnh con chó được thành tựu, thời được sanh trong loài chó, nếu không được thành tựu, thời được sanh trong địa ngục.

Khi được nghe nói vậy, lõa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, khóc than chảy nước mắt. Rồi Thế Tôn nói với Puṇṇa Koliyaputta, hành trì hạnh con bò:

– Này Puṇṇa, Ta đã không chấp nhận [câu hỏi] của ông và đã nói: "Thôi vừa rồi Puṇṇa, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa."

– Bạch Thế Tôn, con khóc như vậy không phải vì lời Thế Tôn nói về con. Nhưng vì, bạch Thế Tôn, con đã chấp nhận và hành trì hạnh con chó này trong một thời gian dài. Bạch Thế Tôn, Puṇṇa Koliyaputta, hành trì hạnh con bò này, đã chấp nhận và hành trì hạnh con bò này, trong một thời gian dài, vậy sanh thú của ông ấy thế nào, vận mạng của ông ấy thế nào?

– Thôi vừa rồi Seniya, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa.

Lần thứ hai... Lần thứ ba, lõa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Puṇṇa Koliyaputta này đã chấp nhận và hành trì hạnh con bò này trong một thời gian dài, vậy sanh thú của ông ấy thế nào, vận mạng của ông ấy thế nào?

80. – Này Seniya, thật sự Ta đã không chấp nhận [câu hỏi] của ông và đã nói: "Thôi vừa rồi Seniya, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa." Tuy vậy, Ta sẽ trả lời cho ông. Ở đây, này Seniya, người nào hành trì hạnh con bò một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì giới con bò một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì tâm con bò một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì uy nghi con bò một cách hoàn toàn viên mãn, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh thân hữu cùng với các loài bò. Nếu ông ấy có tà kiến như sau: "Do giới này, hạnh này, khổ hạnh này, hay Phạm hạnh này, ta sẽ sanh thành chư thiên này hay chư thiên khác", thời này Seniya, đối với kẻ có tà kiến, Ta nói có một trong hai sanh thú như sau: Địa ngục hay bàng sanh. Như vậy, này Seniya, nếu hạnh con bò được thành tựu, thời được sanh trong loài bò, nếu không được thành tựu, thời được sanh trong địa ngục.

Khi được nghe nói vậy, Puṇṇa Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, khóc than, chảy nước mắt. Rồi Thế Tôn nói với lõa thể Seniya, hành trì hạnh con chó:

– Này Seniya, Ta đã không chấp nhận [câu hỏi] của ông và đã nói: "Thôi vừa rồi Seniya, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa."

---

[6] *MA*. III. 101 giải thích *Brahmacariya* có nghĩa là một đời sống cao thượng.

[7] Một vị Sakka hay Suyāma.

[8] Một hạng chư thiên có vị trí thứ hai hay thứ ba. Xem *S*. IV. 180, 461.

– Bạch Thế Tôn, con khóc như vậy không phải vì lời Thế Tôn nói về con. Nhưng vì, bạch Thế Tôn, con đã chấp nhận và hành trì hạnh con bò này trong một thời gian dài. Bạch Thế Tôn, con có lòng tin tưởng đối với Thế Tôn, Thế Tôn có thể thuyết pháp cho con để con có thể từ bỏ hạnh con bò này và để lõa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, có thể từ bỏ hạnh con chó này.

– Này Puṇṇa, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Puṇṇa Koliyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

81. – Này Puṇṇa có bốn loại nghiệp[9] này, Ta đã tự chứng tri, chứng ngộ và tuyên thuyết. Thế nào là bốn? Này Puṇṇa, có nghiệp đen [đưa đến] quả báo đen; này Puṇṇa, có nghiệp trắng [đưa đến] quả báo trắng; này Puṇṇa, có nghiệp đen trắng [đưa đến] quả báo đen trắng; này Puṇṇa, có nghiệp không đen trắng [đưa đến] quả báo không đen trắng, nghiệp đưa đến sự đoạn tận các nghiệp.[10] Và này Puṇṇa, thế nào là nghiệp đen đưa đến quả báo đen?

Ở đây, này Puṇṇa, có người tạo ra thân hành có tổn hại, tạo ra khẩu hành có tổn hại, tạo ra ý hành có tổn hại. Sau khi tạo ra thân hành có tổn hại, khẩu hành có tổn hại, ý hành có tổn hại, vị này được sanh vào thế giới có tổn hại. Vì phải sanh vào thế giới có tổn hại, vị này cảm xúc những cảm xúc có tổn hại. Do cảm xúc những cảm xúc có tổn hại, vị này cảm thọ những cảm thọ có tổn hại, thuần nhất khổ thọ, như các chúng sanh trong địa ngục. Như vậy, này Puṇṇa, là sự sanh khởi của một chúng sanh tùy thuộc ở chúng sanh,[11] chúng sanh ấy sanh khởi tùy thuộc hành động của mình và khi chúng sanh ấy đã sanh, thời các cảm xúc kích thích chúng sanh ấy. Do vậy, này Puṇṇa, Ta nói: "Các chúng sanh là kẻ thừa tự hạnh nghiệp [của mình]." Như vậy, này Puṇṇa, được gọi là nghiệp đen đưa đến quả báo đen.

Và này Puṇṇa, thế nào là nghiệp trắng [đưa đến] quả báo trắng? Ở đây, này Puṇṇa, có người làm thân hành không có tổn hại, làm khẩu hành không có tổn hại, làm ý hành không có tổn hại. Sau khi làm thân hành không có tổn hại, khẩu hành không có tổn hại, ý hành không có tổn hại, vị này được sanh vào thế giới không có tổn hại. Vì phải sanh vào thế giới không có tổn hại, vị này cảm xúc những cảm xúc không có tổn hại. Do cảm xúc những cảm xúc không có tổn hại, vị này cảm thọ những cảm thọ không có tổn hại, thuần nhất lạc thọ, như chư thiên Subhakiṇha (Biến Tịnh thiên). Như vậy, này Puṇṇa, là sự sanh khởi của một chúng sanh tùy thuộc ở chúng sanh, chúng sanh ấy sanh khởi tùy thuộc hành động của mình và khi chúng sanh ấy đã sanh, thời các cảm xúc kích thích chúng sanh ấy. Do vậy, này Puṇṇa, Ta nói: "Các chúng sanh là kẻ thừa tự hạnh nghiệp [của mình]." Như vậy, này Puṇṇa, được gọi là nghiệp trắng đưa đến quả báo trắng.

---

[9] Xem *D.* III. 230; *A.* II. 230; *GS.* II. 238; *Netti.* 98, 159; *Asl.* 89.

[10] Quan điểm sai lầm của các đạo sĩ Nigaṇṭha về tầm quan trọng và hậu quả của nghiệp này. Xem *M.* I. 93.

[11] *Bhūtā bhūtassa upapatti hoti.*

Và này Puṇṇa, thế nào là nghiệp trắng đen đưa đến quả báo trắng đen? Ở đây, này Puṇṇa, có người làm các thân hành có tổn hại và không tổn hại, các khẩu hành có tổn hại và không tổn hại, các ý hành có tổn hại và không tổn hại. Sau khi làm các thân hành có tổn hại và không tổn hại, khẩu hành có tổn hại và không tổn hại, các ý hành có tổn hại và không tổn hại, vị này được sanh vào thế giới có tổn hại và không tổn hại. Vì phải sanh vào thế giới có tổn hại và không tổn hại, vị này cảm xúc những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại. Do cảm xúc những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại, vị này cảm thọ những cảm thọ có tổn hại và không tổn hại, có lạc thọ, khổ thọ xen lẫn, như một số loài người, một số chư thiên và một số chúng sanh trong đọa xứ. Như vậy, này Puṇṇa, là sự sanh khởi của một chúng sanh tùy thuộc ở chúng sanh, chúng sanh ấy sanh khởi tùy thuộc hành động của mình và khi chúng sanh ấy đã sanh, thời các cảm xúc kích thích chúng sanh ấy. Do vậy, này Puṇṇa, Ta nói: "Các chúng sanh đều phải thừa tự hạnh nghiệp của mình." Như vậy, này Puṇṇa, được gọi là nghiệp đen trắng đưa đến quả báo đen trắng.

Và này Puṇṇa, thế nào là nghiệp không đen trắng, đưa đến quả báo không đen trắng, nghiệp đưa đến sự đoạn tận các nghiệp? Ở đây, này Puṇṇa, chỗ nào có ý chí (*cetanā*) đoạn trừ nghiệp đen đưa đến quả báo đen, chỗ nào có ý chí đoạn trừ nghiệp trắng đưa đến quả báo trắng, chỗ nào có ý chí đoạn trừ nghiệp đen trắng đưa đến quả báo đen trắng. Và này Puṇṇa, thế nào là nghiệp không đen trắng đưa đến quả báo không đen trắng, đưa đến sự đoạn tận các nghiệp? Ở đây, này Puṇṇa, chỗ nào có ý chí như vậy, này Puṇṇa, được gọi là nghiệp không đen trắng đưa đến quả báo không đen trắng, nghiệp đưa đến sự đoạn tận các nghiệp. Này Puṇṇa, bốn loại nghiệp này, Ta đã tự chứng tri, chứng ngộ và tuyên thuyết.

82. Khi được nghe nói vậy, Puṇṇa Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Còn lõa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y

Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, xin cho con thọ Đại giới.

– Này Seniya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này phải sống bốn tháng biệt trú.[12] Sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy ở đây tánh con người sai biệt nhau.[13]

– Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới, để thành vị Tỷ-kheo, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm. Sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu chư Tỷ-kheo đồng ý, mong chư Tỷ-kheo hãy xuất gia cho con, cho con thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và lõa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Seniya sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Và không bao lâu vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa." Và Tôn giả Seniya trở thành một vị A-la-hán nữa.

[12] Được đề cập trong *Vin*. I. 69. Xem *M*. I. 494, 512; *D*. I. 176; *S*. II. 21.

[13] Có người cần thực hiện pháp biệt trú, có người không cần. Xem *MA*. III. 106; *VinA*. V. 990. Trong *SnA*. II. 436; *Vin*. I. 71 có nêu rõ, các vị đạo sĩ bện tóc thờ lửa khỏi thực hiện 4 tháng biệt trú này.

58. KINH VƯƠNG TỬ VÔ ÚY

(*Abhayarājakumāra Sutta*)[1]

83. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), Kalandakanivāpa (chỗ nuôi các con sóc). Rồi Vương tử Abhaya[2] (Vô Úy) đi đến Nigaṇṭha Nāṭaputta; sau khi đến, đảnh lễ Nigaṇṭha Nāṭaputta rồi ngồi xuống một bên. Nigaṇṭha Nāṭaputta nói với Vương tử Abhaya đang ngồi một bên:

– Này Vương tử, Vương tử hãy đi đến luận chiến với Sa-môn Gotama và nhờ vậy tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi cho Vương tử: “Sa-môn Gotama có thần lực như vậy, có uy lực như vậy, đã bị Vương tử Abhaya luận chiến.”

– Thưa Tôn giả, làm thế nào con có thể luận chiến Sa-môn Gotama có thần lực như vậy, có uy lực như vậy?

– Này Vương tử, hãy đi đến Sa-môn Gotama; sau khi đến, hãy nói với Sa-môn Gotama như sau: “Bạch Thế Tôn, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích chăng?” Nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: “Này Vương tử, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích”, thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: “Bạch Thế Tôn, nếu xử sự như vậy thời có gì sai khác giữa kẻ phàm phu với Ngài? Kẻ phàm phu có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích.” Còn nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: “Này Vương tử, Như Lai không có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích”, thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: “Bạch Thế Tôn, nếu xử sự như vậy, thời vì sao Devadatta được Ngài trả lời như sau: ‘Devadatta phải đọa vào đọa xứ (*apāyika*), Devadatta phải đọa vào địa ngục, Devadatta phải đọa trong một kiếp,[3] Devadatta không thể nào cứu chữa được’? Và vì Ngài nói những lời như vậy, Devadatta phẫn nộ, không hoan hỷ.” Này Vương tử, Sa-môn Gotama khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào. Ví như một móc sắt bị mắc vào cổ họng một người nào, người ấy không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào được. Cũng vậy, này

---

[1] Tham chiếu: *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.35. 0321b15); *Thập trụ Tỳ-bà-sa luận* 十住毘婆沙論 (*T*.26. 1521.11. 0079b01).

[2] Con Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la).

[3] *Kappaṭṭha*: Phải sống một kiếp trong những cảnh giới đau khổ như vậy, không thể thoát ly được.

Vương tử, Sa-môn Gotama khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Vương tử Abhaya vâng đáp Nigaṇṭha Nāṭaputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Nigaṇṭha Nāṭaputta, thân bên hữu hướng về ông rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

84. Vương tử Abhaya đang ngồi một bên, nhìn mặt trời rồi suy nghĩ: "Hôm nay, không phải thời để luận chiến với Sa-môn Gotama. Ngày mai, ta sẽ luận chiến với Sa-môn Gotama tại nhà của ta", liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ngày mai mong Thế Tôn nhận lời dùng cơm, với Ngài là người thứ tư.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Vương tử Abhaya, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm theo y bát, đi đến chỗ của Vương tử Abhaya; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Vương tử Abhaya tự tay mời mọc, làm cho Thế Tôn thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Vương tử Abhaya chờ cho Thế Tôn sau khi đã dùng xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên.

85. Sau khi ngồi một bên, Vương tử Abhaya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Như Lai có thể nói những lời, do những lời ấy, người khác không ưa, không thích chăng?

– Này Vương tử, phải chăng ở đây, [câu hỏi] có dụng ý một chiều?[4]

– Bạch Thế Tôn, các vị Nigaṇṭha đã bị bại[5] ở đây rồi.

– Này Vương tử, vì sao Vương tử lại nói như vầy: "Bạch Thế Tôn, các vị Nigaṇṭha đã bị bại ở đây rồi"?

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con đi đến Nigaṇṭha Nāṭaputta; sau khi đến, con đảnh lễ Nigaṇṭha Nāṭaputta rồi ngồi xuống một bên. Bạch Thế Tôn, Nigaṇṭha Nāṭaputta nói với con đang ngồi một bên: "Này Vương tử, Vương tử hãy đi đến luận chiến với Sa-môn Gotama và nhờ vậy tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi cho Vương tử: 'Sa-môn Gotama có thần lực như vậy, có uy lực như vậy, đã bị Vương tử Abhaya luận chiến.'" Bạch Thế Tôn, khi được nghe nói vậy, con thưa với Nigaṇṭha Nāṭaputta: "Thưa Tôn giả, nhưng làm thế nào, tôi có thể luận chiến với Sa-môn Gotama, một vị có thần lực như vậy, có uy lực như vậy?" "Này Vương tử, hãy đi đến Sa-môn Gotama; sau khi đến, hãy nói

[4] *Ekaṃsena*: Chỉ cho câu hỏi hai mặt mà các đạo sĩ Ni-kiền tử dùng để bắt bẻ Sa-môn Gotama. Xem *Ekaṃsavādo* trong *M.* II. 197.

[5] *Anassuṃ*: Đã bị bại. *MA.* III. 109 viết chữ *naṭṭhā* có nghĩa bị bại, bị thua.

với Sa-môn Gotama như sau: 'Bạch Thế Tôn, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích chăng?' Nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: 'Này Vương tử, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích', thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: 'Bạch Thế Tôn, nếu xử sự như vậy, thời có gì sai khác giữa kẻ phàm phu với Ngài? Kẻ phàm phu có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích.' Còn nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: 'Này Vương tử, Như Lai không có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích', thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: 'Bạch Thế Tôn, nếu xử sự như vậy, thời vì sao Devadatta được Ngài trả lời như sau: Devadatta phải đọa vào đọa xứ, Devadatta phải đọa vào địa ngục, Devadatta phải đọa trong một kiếp, Devadatta không thể nào cứu chữa được? Và vì Ngài nói những lời như vậy, Devadatta phẫn nộ, không hoan hỷ.' Này Vương tử, Sa-môn Gotama, khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không thể nhả ra, cũng không thể nuốt vào. Ví như một móc sắt bị mắc vào cổ họng của một người nào, người ấy không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào được. Cũng vậy, này Vương tử, Sa-môn Gotama, khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào."

86. Lúc bấy giờ, có đứa con nít ngây thơ nằm giữa trên đầu gối của Vương tử Abhaya. Rồi Thế Tôn nói với Vương tử Abhaya:

– Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Nếu đứa con nít này, do sự vô ý của Vương tử, hay do sự vô ý của người vú hầu, thọc một cây gậy hay nuốt một hòn đá vào trong miệng, vậy Vương tử phải làm gì?

– Bạch Thế Tôn, con phải móc cho ra. Bạch Thế Tôn, nếu con không thể móc ra lập tức, thời với tay trái con nắm đầu nó lại, với tay mặt lấy ngón tay làm như cái móc, con sẽ móc cho vật ấy ra, dầu có phải chảy máu. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì con có lòng thương tưởng đứa trẻ.

– Cũng vậy, này Vương tử, lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời Như Lai không nói lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời Như Lai không nói lời nói ấy. Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai ở đây biết thời giải thích lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích, Như Lai không nói lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích, Như Lai không nói lời nói ấy. Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích,

ở đây, Như Lai biết thời giải thích lời nói ấy. Vì sao vậy? Này Vương tử, Như Lai có lòng thương tưởng đối với các loài hữu tình.

87. – Bạch Thế Tôn, những Sát-đế-ly có trí, những Bà-la-môn có trí, những gia chủ có trí, những Sa-môn có trí này, sau khi soạn sẵn câu hỏi, đến Như Lai và hỏi: "Bạch Thế Tôn, không hiểu Thế Tôn có suy nghĩ trước trong trí như sau: 'Nếu có những ai đến Ta và hỏi như vậy, được hỏi như vậy, Ta sẽ trả lời như vậy', hay Như Lai trả lời ngay [tại chỗ]?"[6]

– Này Vương tử, nay ở đây Ta sẽ hỏi Vương tử, nếu Vương tử hoan hỷ, hãy trả lời câu hỏi ấy. Này Vương tử, Vương tử nghĩ như thế nào? Vương tử có giỏi về các bộ phận sai biệt một cái xe không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con có giỏi về các bộ phận sai biệt một cái xe.

– Thưa Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Nếu có những người đến Vương tử và hỏi như sau: "Bộ phận này của cái xe tên gọi là gì?" Không hiểu Vương tử có suy nghĩ trước trong trí như sau: "Nếu có những ai đến ta và hỏi ta như vậy, ta sẽ trả lời cho họ như vậy", hay là Vương tử trả lời ngay [tại chỗ]?

– Bạch Thế Tôn, vì con là người đánh xe nổi tiếng, rất giỏi về các bộ phận sai biệt trong một cái xe nên con sẽ trả lời ngay [tại chỗ].

– Cũng vậy, này Vương tử, những Sát-đế-ly có trí, những Bà-la-môn có trí, những gia chủ có trí, những Sa-môn có trí này, sau khi soạn sẵn câu hỏi, đến Như Lai và hỏi, Như Lai sẽ trả lời ngay [tại chỗ]. Vì sao vậy? Thưa Vương tử, pháp giới[7] đã được Như Lai khéo biết. Và vì Như Lai khéo biết pháp giới nên Như Lai trả lời ngay [tại chỗ].

Khi được nghe nói vậy, Vương tử Abhaya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích.

Nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

---

[6] *Ṭhānaso*: Có hai nghĩa, ngay tại chỗ ấy và trong lúc ấy.

[7] *Dhammadhātu*. Xem *D*. II. 8; *MA*. III. 113 viết *dhammasabhāva*.

59. KINH NHIỀU CẢM THỌ

(*Bahuvedanīya Sutta*)[1]

88. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (rừng Kỳ-đà), tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi người thợ mộc Pañcakaṅga[2] (Ngũ Phần) đến Tôn giả Udāyi[3] (Ưu-đà-di); sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, người thợ mộc Pañcakaṅga thưa Tôn giả Udāyi:

– Thưa Tôn giả Udāyi, Thế Tôn thuyết có bao nhiêu thọ?

– Này gia chủ, Thế Tôn thuyết có ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này gia chủ, ba thọ này được Thế Tôn nói đến.

– Thưa Tôn giả Udāyi, Thế Tôn không thuyết ba thọ. Thế Tôn chỉ thuyết hai thọ: Lạc thọ, khổ thọ. Thưa Tôn giả, bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn thuyết là tối thắng lạc đối với vị đã chứng được Tịch tịnh.

Lần thứ hai, Tôn giả Udāyi nói với người thợ mộc Pañcakaṅga :

– Này gia chủ, Thế Tôn không thuyết hai thọ. Thế Tôn thuyết ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này gia chủ, ba thọ này được Thế Tôn nói đến.

Lần thứ hai, người thợ mộc Pañcakaṅga thưa Tôn giả Udāyi:

– Thưa Tôn giả Udāyi, Thế Tôn không thuyết ba thọ. Thế Tôn chỉ thuyết hai thọ: Lạc thọ, khổ thọ. Thưa Tôn giả, bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn thuyết là tối thắng lạc đối với vị đã chứng được Tịch tịnh.

Lần thứ ba, Tôn giả Udāyi nói với người thợ mộc Pañcakaṅga:

– Này gia chủ, Thế Tôn không thuyết hai thọ. Thế Tôn thuyết ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này gia chủ, ba thọ này được Thế Tôn nói đến.

Lần thứ ba, người thợ mộc Pañcakaṅga thưa Tôn giả Udāyi:

– Thưa Tôn giả Udāyi, Thế Tôn không thuyết ba thọ. Thế Tôn chỉ thuyết hai thọ: Lạc thọ, khổ thọ. Thưa Tôn giả, bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn thuyết là tối thắng lạc đối với vị đã chứng được Tịch tịnh.

---

[1] Xem *S.* IV. 223. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.485. 0123c21).

[2] Pañcakaṅga được nói đến trong *M.* II. 28; III. 144.

[3] *MA.* III. 144 gọi Ngài là Trưởng lão Paṇḍita Udāyi, bậc Trưởng lão bác học, đa văn.

Như vậy, Tôn giả Udāyi không thể thuyết phục được thợ mộc Pañcakaṅga. Và thợ mộc Pañcakaṅga cũng không thể thuyết phục được Tôn giả Udāyi.

89. Tôn giả Ānanda nghe được cuộc đàm thoại này giữa Tôn giả Udāyi với thợ mộc Pañcakaṅga. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thuật lại Thế Tôn rõ toàn diện cuộc đàm thoại giữa Tôn giả Udāyi và thợ mộc Pañcakaṅga. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, dầu cho pháp môn của Udāyi là đúng, nhưng thợ mộc Pañcakaṅga không chấp nhận. Dầu cho pháp môn của người thợ mộc Pañcakaṅga là đúng, nhưng Udāyi không chấp nhận. Này Ānanda, hai thọ[4] được Ta nói đến tùy theo pháp môn;[5] ba thọ được Ta nói đến tùy theo pháp môn; năm thọ[6] được Ta nói đến tùy theo pháp môn; sáu thọ[7] được Ta nói đến tùy theo pháp môn; mười tám thọ[8] được Ta nói đến tùy theo pháp môn; ba mươi sáu thọ[9] được Ta nói đến tùy theo pháp môn; một trăm lẻ tám thọ[10] được Ta nói đến tùy theo pháp môn. Như vậy, này Ānanda, pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn. Này Ānanda, vì pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn như vậy, nên đối với những ai không chấp nhận, không tán đồng, không tùy hỷ những điều được khéo nói, khéo thuyết, khéo trình bày cùng nhau, thời sự kiện này sẽ xảy ra: Họ sẽ sống đấu tranh, khẩu tranh, luận tranh, đả thương nhau với những binh khí miệng lưỡi. Như vậy, này Ānanda, pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn. Này Ānanda, vì pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn như vậy, nên đối với những ai chấp nhận, tán đồng, tùy hỷ những điều được khéo nói, khéo thuyết, khéo trình bày cùng nhau, thời sự kiện này sẽ xảy ra: Họ sẽ sống hòa hợp, tán đồng, tùy hỷ với nhau, như nước với sữa và nhìn nhau với cặp mắt tương ái.[11]

90. Này Ānanda, có năm dục trưởng dưỡng[12] này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức...; các hương do mũi nhận thức...; các vị do lưỡi nhận thức...; các xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với

---

[4] Thân thọ và tâm thọ. Xem *MA*. III. 114.

[5] *Pariyāya* được *MA*. III. 114 giải thích là *kāraṇa.*

[6] Năm thọ. Có 3 thọ thuộc về thân: Lạc, khổ, bất khổ bất lạc. Có 2 thọ thuộc về tâm: Hỷ và ưu.

[7] Sáu thọ tức là 6 căn khi tiếp xúc với 6 trần khởi lên 6 thọ. Nói cách khác, tâm sở thọ kết hợp với nhãn thức (*cakkhu-samphassajā vedanā*) sanh ra nhãn thọ;... tương tự như vậy, tâm sở thọ kết hợp với ý thức sanh ra thức thọ. Theo nguồn *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*); *S*. III. 56, thọ là một loại tâm sở kết hợp được với tất cả tâm.

[8] Sáu lạc, 6 khổ, 6 xả.

[9] Sáu lạc liên hệ với đời sống gia đình, 6 lạc liên hệ với đời sống xuất gia; 6 khổ liên hệ với đời sống gia đình, 6 khổ liên hệ với đời sống xuất gia; 6 xả liên hệ với đời sống gia đình, 6 xả liên hệ với đời sống xuất gia.

[10] Đối với quá khứ, hiện tại và vị lai, mỗi thời với 36 thọ. Xem *A*. II. 212.

[11] *M*. I. 206.

[12] *M*. I. 85, 92, 454.

dục, hấp dẫn. Này Ānanda, như vậy là năm dục trưởng dưỡng. Này Ānanda, duyên năm dục trưởng dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là dục lạc.

Này Ānanda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà các chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.[13] Và này Ānanda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này Ānanda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ānanda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ānanda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này Ānanda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ānanda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ānanda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Này Ānanda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ānanda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ānanda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo, xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Ānanda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ānanda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ānanda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư niệm sai biệt tưởng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Hư không vô biên xứ. Này Ānanda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ānanda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc

---

[13] *M.* I. 247.

thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ānanda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Này Ānanda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ānanda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ānanda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này Ānanda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ānanda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ānanda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này Ānanda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ānanda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ānanda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Này Ānanda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

91. Sự kiện này xảy ra, này Ānanda, những du sĩ ngoại đạo có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama nói đến Diệt thọ tưởng định và chủ trương định ấy thuộc về lạc thọ. Như vậy là gì, như vậy là thế nào?" Này Ānanda, được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo cần phải được trả lời như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn không chủ trương rằng chỉ có những gì tùy thuộc lạc thọ là thuộc về lạc; vì rằng, chư Hiền, Thế Tôn chủ trương rằng chỗ nào, chỗ nào có được lạc thọ, như vậy chỗ ấy, chỗ ấy thuộc về lạc."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

60. KINH KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG
(*Apaṇṇaka Sutta*)[1]

92. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo[2] và đến tại Sālā, một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala. Các Bà-la-môn gia chủ ở Sālā được nghe tiếng đồn như sau: "Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo, đã đến Sālā."

Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!" Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Sālā đi đến chỗ Thế Tôn. Sau khi đến, một số người đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chắp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người yên lặng ngồi xuống một bên.

93. Thế Tôn nói với các Bà-la-môn gia chủ ở tại Sālā đang ngồi xuống một bên:

– Này các gia chủ, các ông có vị Đạo sư khả ý nào mà các ông có lý do đặt được lòng tin không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con không có vị Đạo sư khả ý nào để chúng con có lý do đặt được lòng tin.

– Này các gia chủ, nếu các ông không có một vị Đạo sư khả ý nào, thời hãy

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 214, 224, 235; III. 36, 207; *M.* I. 68, 175, 220, 256, 271, 305, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29, 280; *S.* IV. 32, 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 29, 39, 153, 205, 295; III. 93, 161; V. 201, 263, 347.

[2] Đoạn này giống với đoạn trong *M.* 33, *Mahāgopālaka Sutta* (*Đại kinh Người chăn bò*). Xem *M.* I. 285.

lấy pháp Không gì chuyển hướng[3] này mà thực hành. Này các gia chủ, pháp Không gì chuyển hướng này được khéo thọ trì, khéo thành tựu, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các ông. Và này các gia chủ, thế nào là pháp Không gì chuyển hướng?

94. Này các gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những lập thuyết như sau, có những quan điểm như sau:[4] "Không có [kết quả của] bố thí, không có [kết quả của] lễ hy sinh, không có [kết quả của] tế tự, không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; trên đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã tự chứng ngộ với thắng trí." Nhưng này các gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói đối nghịch với các vị Sa-môn, Bà-la-môn kia, những vị này nói như sau: "Có [kết quả của] bố thí, có [kết quả của] lễ hy sinh, có [kết quả của] tế tự, có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; trên đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã tự chứng ngộ với thắng trí." Này các gia chủ, các ông nghĩ thế nào, có phải những vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy nói những lời đối nghịch với nhau?[5]

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

95. – Ở đây, này các gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có [kết quả của] bố thí, không có [kết quả của] lễ hy sinh, không có [kết quả của] tế tự, không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; trên đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã tự chứng ngộ với thắng trí." Đối với những vị này, sự kiện này sẽ chờ đợi xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành; và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp. Vì rằng có đời sau, nếu có quan điểm nào nói rằng không có đời sau, thời đó là một tà kiến. Vì rằng có đời sau, nếu có ai suy tư rằng không có đời sau, thời đó là tà tư duy. Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng không có đời sau, thời đó là tà ngữ. Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng không có đời sau, thời tự mâu thuẫn, đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có đời sau. Vì rằng có đời sau, nếu có ai thuyết phục người khác là không có đời sau, thời sự thuyết

[3] *Apaṇṇaka*. Xem *A.* I. 113; II. 76.

[4] *M.* I. 287.

[5] *D.* I. 1.

phục ấy chống lại diệu pháp và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình, chê người. Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì. Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình, chê người, như vậy các ác, bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau: "Nếu không có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung, tự ngã cảm thấy an toàn.[6] Nếu có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu muốn đời sau không có đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này, ngay trong hiện tại, bị những người có trí quở trách: 'Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương Hư vô luận.' Còn nếu có đời sau, thời vị này cả hai mặt đều gặp bất hạnh (*kaliggaha*): Ngay trong hiện tại, bị những người có trí quở trách; và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, pháp Không gì chuyển hướng này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía và bỏ phía thiện pháp."[7]

96. Ở đây, này các gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có [kết quả của] bố thí, có [kết quả của] lễ hy sinh, có [kết quả của] tế tự, có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; trên đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã tự chứng ngộ với thắng trí." Đối với những vị này, sự kiện này sẽ chờ đợi xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành; và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những vị Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp. Vì rằng có đời sau, nếu có quan điểm nào nói rằng có đời sau, thời đó là một Chánh kiến. Vì rằng có đời sau, nếu có ai suy tư rằng có đời sau, thời đó là Chánh tư duy. Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng có đời sau, thời đó là Chánh ngữ. Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng có đời sau, thời không tự mâu thuẫn, đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có đời sau. Vì rằng có đời sau, nếu có ai thuyết phục người khác là có đời sau, thời sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình, chê người. Như vậy, trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì. Và Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình, chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên Chánh kiến.

[6] *Sotthimattānaṃ karissati*. Xem *M.* I. 353.

[7] Quá thiên nặng về quan điểm của mình. Xem *MA*. III. 119.

Ở đây, này các gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau: "Nếu có đời sau, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn cho đời sau không có đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này, ngay trong hiện tại được những người có trí tán thán: 'Người này theo thiện giới, có Chánh kiến, chủ trương Hữu luận.' Còn nếu có đời sau, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn (*kaṭaggaha*): Ngay trong hiện tại, được những người trí tán thán; và sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, pháp Không gì chuyển hướng này được chấp trì, được thực hành đúng đắn, bởi vị này chấp nhận cả hai phía, bỏ qua phía bất thiện pháp."

97. Này các gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau:[8] "Tự làm[9] hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây ra sợ hãi hay khiến người gây ra sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy có tội ác, có gây ra sự tiếp tục (*āgama*) của tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng[10] giết hại, tàn sát, chém giết, đốt nấu, khiến người chém giết, đốt nấu, cũng không vì vậy có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng[11] bố thí, tế lễ, khiến người bố thí, tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo." Này các gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói những lời đối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn kia. Các vị này nói như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy có tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt, thì do nhân duyên này có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, đốt nấu, khiến người chém giết, đốt nấu, do nhân duyên này có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, tế lễ, khiến người bố thí, tế lễ, do nhân duyên này, có phước báo, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo. Bố thí, điều phục, tự chế, nói thật, đều có phước báo, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo."

---

[8] *D.* I. 52 viết chủ thuyết này của Pūraṇa Kassapa.

[9] *MA.* III. 118 viết với bàn tay.

[10] Quần chúng ở đây thô bạo, độc ác. Xem *MA.* III. 119.

[11] Quần chúng ở đây có lòng tin tưởng và trung thành với Phật, Pháp và Tăng.

Vì sao vậy? Này các gia chủ, có phải những Sa-môn, Bà-la-môn này nói lời đối nghịch với nhau?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

98. – Ở đây, này các gia chủ, có những Sa-môn, Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm,... (như trên)... không đưa đến phước báo." Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành; và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Những Sa-môn, Bà-la-môn này không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp. Vì rằng có tác dụng (*kiriya*), nếu có quan điểm nào nói rằng không có tác dụng, thời đó là một tà kiến. Vì rằng có tác dụng, nếu có ai suy tư rằng không có tác dụng, thời đó là tà tư duy. Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng không có tác dụng, thời đó là tà ngữ. Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng không có tác dụng, thời tự mâu thuẫn, đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có tác dụng. Vì rằng có tác dụng, nếu có ai thuyết phục người khác là không có tác dụng, thời sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình, chê người. Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì. Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình, chê người, như vậy những ác, bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các gia chủ, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu không có tác dụng, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, tự ngã cảm thấy an toàn. Nếu có tác dụng, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu muốn không có tác dụng đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này, ngay trong hiện tại, bị những người có trí quở trách: 'Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương không tác dụng.'[12] Còn nếu có tác dụng, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự bất hạnh: Ngay trong hiện tại, bị những người có trí quở trách; và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, pháp Không gì chuyển hướng này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía và bỏ qua phía thiện pháp."

99. Ở đây, này các gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm... (như trên)... có đưa đến phước báo." Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành; và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những Sa-môn, Bà-la-môn này thấy

[12] *D.* I. 53 viết quan điểm này của Makkhali Gosāla.

sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp. Vì rằng có tác dụng, nếu có quan điểm nào nói rằng có tác dụng, thời đó là Chánh kiến. Vì rằng có tác dụng, nếu có ai suy tư rằng có tác dụng, thời đó là Chánh tư duy. Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng có tác dụng, thời đó là Chánh ngữ. Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng có tác dụng, thời không tự mâu thuẫn, đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có tác dụng. Vì rằng có tác dụng, nếu có ai thuyết phục người khác là có tác dụng, thời sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình, chê người. Như vậy trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì. Và Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình, chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên Chánh kiến.

Ở đây, này các gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau: "Nếu có tác dụng, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn tác dụng không có đi nữa, nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại được những người có trí tán thán: 'Người này theo thiện giới, có Chánh kiến, chủ trương có tác dụng.' Còn nếu có tác dụng, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: Ngay trong hiện tại, được những người trí tán thán; và sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, pháp Không gì chuyển hướng này được chấp trì, được thực hành đúng đắn, bởi vị này chấp nhận cả hai phía và bỏ qua phía bất thiện pháp."

100. Này các gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài chúng sanh,[13] tất cả hữu tình, tất cả sanh loại, tất cả sanh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Các chúng sanh ấy bị dắt dẫn, chi phối[14] bởi định mệnh,[15] bởi sự tình cờ,[16] bởi bản tánh của họ.[17] Các chúng sanh ấy hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu loại thác sanh của họ." Này các gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn, đối nghịch với những Sa-môn, Bà-la-môn ấy. Những vị này đã nói như sau: "Có nhân, có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; có nhân, có duyên, các loài

---

[13] *MA*. III. 120; *DA*. I. 161 viết *sattā*, chúng sanh, tức là lạc đà, trâu, bò, lừa, v.v... những loài có hô hấp; *pāna*, hữu tình, chỉ cho những loài có một hay hai căn; *bhūtā*, sanh loại, chỉ cho các loài nằm trong trứng hay trong các màng bọc; *jīvā*, sự sống chỉ cho lúa, mì, v.v... Xem *DB*. I. 71, n. 2.

[14] *Pariṇatā*: Thay đổi, được chín muồi, được trưởng thành.

[15] *Niyati*. Makkhali Gosāla dùng thuật ngữ này trong nghĩa quyết định, cần thiết.

[16] *Saṅgati*: Sự gặp gỡ, hội họp.

[17] *MA*. III. 10 định nghĩa *bhāva* cũng như *sabhāva* là tánh tình, bản tánh, đặc tánh.

hữu tình bị nhiễm ô. Có nhân, có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; có nhân, có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Có lực, có tinh tấn, có nhân lực, có sự cố gắng của người. Tất cả loài chúng sanh, tất cả loài hữu tình, tất cả sanh loại, tất cả sanh mạng đều không phải không tự tại, không có lực, không có tinh tấn. [Không phải] các chúng sanh ấy bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi sự tình cờ, bởi bản tánh của họ. [Không phải] họ hưởng thọ khổ lạc y theo sáu loại[18] thác sanh của họ."

Này các gia chủ, các ông nghĩ thế nào? Có phải những vị Sa-môn, Bà-la-môn này nói lên những lời mâu thuẫn, đối nghịch nhau?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

101. – Ở đây, này các gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có nhân, không có duyên... (như trên)... họ cảm thọ khổ lạc..." Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành; và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này sẽ thực hành theo. Vì sao vậy? Những Sa-môn, Bà-la-môn này không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp. Vì rằng có nhân, nếu có quan điểm nào nói rằng không có nhân, thời đó là một tà kiến. Vì rằng có nhân, nếu có ai suy tư rằng không có nhân, thời đó là tà tư duy. Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng không có nhân, thời đó là tà ngữ. Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng không có nhân, thời tự mâu thuẫn, đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có nhân. Vì rằng có nhân, nếu có ai thuyết phục người khác là không có nhân, thời sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình, chê người. Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì. Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình, chê người, như vậy những ác, bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các gia chủ, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu không có nhân, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, tự cảm thấy an toàn. Nếu có nhân, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu muốn không có nhân đi nữa, nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại, bị những người có trí quở trách. 'Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương không nhân.' Còn nếu có nhân, thời vị này, cả hai mặt đều gặp sự bất hạnh: Ngay trong hiện tại, bị những người có trí quở trách; và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, pháp Không gì chuyển hướng này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía và bỏ qua phía thiện pháp."

---

[18] Sáu loại chúng sanh. Trong *D.* III. 250, *Gosāla* phân loại theo sự sai biệt của màu sắc: Đen, xanh, đỏ, vàng, trắng và trắng tinh.

102. Ở đây, này các gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có nhân, có duyên... (như trên)... họ cảm thọ khổ lạc." Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành; và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp. Vì rằng có nhân, nếu có quan điểm nào nói rằng có nhân, thời đó là Chánh kiến. Vì rằng có nhân, nếu có ai suy tư rằng có nhân, thời đó là Chánh tư duy. Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng có nhân, thời đó là Chánh ngữ. Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng có nhân, thời không tự mâu thuẫn, đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có nhân. Vì rằng có nhân, nếu có ai thuyết phục người khác là có nhân, thời sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình, chê người. Như vậy, trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì. Và Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình, chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên Chánh kiến.

Ở đây, này các gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau: "Nếu có nhân, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn không có nhân đi nữa, nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại, được những người có trí tán thán: 'Người này theo thiện giới, có Chánh kiến, chủ trương có nhân.' Còn nếu có nhân, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: Ngay trong hiện tại, được những người có trí tán thán; và sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, pháp Không gì chuyển hướng này được chấp trì, được thực hành đúng đắn, bởi vị này chấp nhận cả hai phía và bỏ qua phía bất thiện pháp."

103. Này các gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một vô sắc toàn diện." Lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn, đối nghịch với các Sa-môn, Ba-la-môn ấy. Các vị này đã nói như sau: "Có thể có một vô sắc toàn diện." Này các gia chủ, các ông nghĩ thế nào? Có phải những vị Sa-môn, Bà-la-môn này nói những lời mâu thuẫn, đối nghịch nhau?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các gia chủ, một người có trí suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan niệm như sau: 'Không thể có một vô sắc toàn diện', ta không có thấy như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: 'Có thể có một vô sắc toàn diện', ta không có biết như vậy. Và nếu ta không biết, không thấy mà chỉ chấp nhận một bên và tuyên bố: 'Đây là sự thật, ngoài ra đều là mê lầm', thời như

vậy không xứng đáng với ta. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: 'Không thể có một vô sắc toàn diện', nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thời sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sanh tại chỗ các chư thiên có sắc, do ý sở thành.[19] Còn nếu những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: 'Có thể có một vô sắc toàn diện', nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thời sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sanh tại chỗ các chư thiên vô sắc, do tưởng sở thành.[20] Do duyên với cái gì có sắc, chấp gậy, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ đều được thấy.[21] Nhưng sẽ không có những sự việc này trong một vô sắc toàn diện." Do suy tư như vậy, vị ấy thành tựu sự yểm ly, sự ly tham, sự diệt tận các sắc pháp.

104. Này các gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một sự hữu diệt (*bhavanirodha*) toàn diện." Này các gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn, đối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn ấy. Các vị này đã nói như sau: "Có thể có một sự hữu diệt toàn diện." Này các gia chủ, các ông nghĩ thế nào? Có phải những Sa-môn, Bà-la-môn này nói những lời mâu thuẫn, đối nghịch nhau?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các gia chủ, một người có trí suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: 'Không thể có sự hữu diệt toàn diện', ta không có thấy như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: 'Có thể có một sự hữu diệt toàn diện', ta không có biết như vậy. Và nếu ta không biết, không thấy mà chỉ chấp nhận một bên và tuyên bố: 'Đây là sự thật, ngoài ra đều là mê lầm', thời như vậy không xứng đáng với ta. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào, có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: 'Không thể có một sự hữu diệt toàn diện', nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thời sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sanh chỗ các chư thiên không sắc, do tưởng sở thành. Còn nếu những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: 'Có thể có một sự hữu diệt toàn diện', nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thời sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ nhập Niết-bàn ngay trong hiện tại. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: 'Không thể có một sự hữu diệt toàn diện', thời quan điểm này của các vị ấy gần với tham ái, gần với kiết sử, gần với ái lạc, gần với chấp trước, gần với chấp thủ. Còn những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: 'Có thể có sự hữu diệt toàn diện', thời quan điểm này của những vị ấy là gần với ly tham, gần với không kiết phược, gần với

---

[19] *Manomaya*: Do ý sở thành. *MA*. III. 122 giải thích là *jhānacittamaya*, do tâm thiền tạo ra.

[20] *Saññāmaya*. *MA*. III. 122 viết *arūpajjhāna saññāya saññāmaya*, do tưởng sở thành.

[21] *M*. I. 110.

không ái lạc, gần với không chấp trước, gần với không chấp thủ."[22] Do suy tư như vậy, vị ấy thành tựu sự yểm ly, sự vô tham, sự diệt tận đối với các hữu.

105. Này các gia chủ, có bốn hạng người này có mặt ở trong đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các gia chủ, có người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình.

Ở đây, này các gia chủ, có người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, này các gia chủ, có người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, này các gia chủ, có người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Vị này không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không có tham dục, không có khao khát, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

106. Và này các gia chủ, thế nào là người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình? Ở đây, này các gia chủ, có người sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, đi khất thực không chịu đứng một chỗ, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn dành riêng, không nhận mời đi ăn, không nhận từ nơi miệng nồi, không nhận từ nơi miệng chảo, không nhận tại ngưỡng cửa, không nhận giữa những cây gậy, không nhận giữa những cối giã gạo, không nhận từ hai người đang ăn, không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận từ người đàn bà đang giao cấu người đàn ông, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận tại chỗ có chó đứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá hay thịt, không uống rượu nấu rượu men. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, hay chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, hay chỉ nhận ăn hai miếng... hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy nhà, hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát..., nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa..., bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị ấy chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc, ăn gạo lứt, ăn gạo daddula, ăn bèo cái, ăn cám, ăn váng nước cơm, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò; ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tẫn liệm quăng đi, mặc vải phấn tảo y, mặc vỏ cây tirīṭa làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện bằng từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người chuyên sống theo hạnh

---

[22] *M.* I. 498.

nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, từ bỏ chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, chuyên sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi]. Như vậy, người ấy dưới nhiều hình thức, sống chuyên tâm hành khổ mình. Như vậy, này các gia chủ, được gọi là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình.

Và này các gia chủ, thế nào là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người? Ở đây, này các gia chủ, có người là người đồ tể giết trâu bò,[23] là người đồ tể giết heo, là người giết vịt, săn thú, là thợ săn, thợ đánh cá, ăn trộm, người xử tử các người ăn trộm, cai ngục và những người làm các nghề ác độc khác. Như vậy, này các gia chủ, được gọi là người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Và này các gia chủ, thế nào là người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người? Ở đây, này các gia chủ, có người làm vua, thuộc giai cấp Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh, hay một Bà-la-môn triệu phú. Vị này cho xây dựng một giảng đường mới về phía Đông thành phố, cạo bỏ râu tóc, đắp áo da thô, toàn thân bôi thục tô và dầu, gãi lưng với một sừng nai, đi vào giảng đường với người vợ chính và một Bà-la-môn tế tự. Rồi vị ấy nằm xuống dưới đất trống trơn chỉ có lát cỏ. Vị vua sống với sữa từ vú một con bò cái, có con bò con cùng một màu sắc; bà vợ chính sống với sữa từ vú thứ hai; và vị Bà-la-môn tế tự sống với sữa từ vú thứ ba. Sữa từ vú thứ tư dùng để tế lửa. Còn con bò con thì sống với đồ còn lại. Vị vua nói như sau: "Hãy giết một số bò đực để tế lễ, hãy giết một số nghé đực để tế lễ, hãy giết một số nghé cái để tế lễ, hãy giết một số dê để tế lễ, hãy giết một số cừu để tế lễ, hãy chặt một số cây để làm cột tế lễ, hãy thâu lượm một số cỏ dabbha để làm chỗ tế lễ." Và những người nô tỳ, những người phục vụ, những người làm công, những người này vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm, với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc. Như vậy, này các gia chủ, được gọi là hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Và này các gia chủ, thế nào là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, ngay trong hiện tại không có tham dục, không có khao khát, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể? Ở đây, này các gia chủ, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên bố điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Ngài truyền dạy

---

[23] *M.* I. 343.

Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, người ấy suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ, hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ, hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Vị ấy xuất gia như vậy, hành trì các học giới và hạnh sống của các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết xấu hổ, sợ hãi tội lỗi, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Vị ấy từ bỏ đời sống không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt. Vị ấy từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, liên hệ đến sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp với những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thích thú trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Vị ấy từ bỏ nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói dịu hiền, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vị ấy nói những lời nói như vậy. Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, hợp lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ các món ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ dùng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, trang sức và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ dùng người làm môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Vị ấy sống biết đủ, bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh, cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân,

với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, nội tâm hưởng lạc thọ không khuyết phạm.

Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự các nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nội tâm hưởng lạc thọ không uế nhiễm. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi khất thực, ăn xong và trở về, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy sau khi từ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, định tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta

được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, định tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, định tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự diệt khổ", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự đoạn trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc."

Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Như vậy, này các gia chủ, được gọi là hạng người không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, ngay trong hiện tại không có tham dục, không có khao khát, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

Khi được nghe nói vậy, các Bà-la-môn gia chủ trú ở Sālā bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama chấp nhận cho chúng con làm những người cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con xin trọn đời quy ngưỡng.

61. KINH GIÁO GIỚI LA-HẦU-LA Ở RỪNG AM-BÀ-LA

(*Ambalaṭṭhikārāhulovāda Sutta*)[1]

107. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Rāhula (La-hầu-la) ở tại Ambalaṭṭhikā.[2] Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Ambalaṭṭhikā, chỗ Tôn giả Rāhula ở. Tôn giả Rāhula thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền sửa soạn chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, và sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Rāhula đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

108. Rồi Thế Tôn, sau khi để một ít nước còn lại trong chậu nước, bảo Tôn giả Rāhula:

– Này Rāhula, ông có thấy một ít nước còn lại này trong chậu nước không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng ít vậy, này Rāhula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tàm quý.

Rồi Thế Tôn, sau khi đổ đi chút ít nước còn lại ấy rồi bảo Rāhula:

– Này Rāhula, ông có thấy chút ít nước còn lại ấy bị đổ đi không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng đổ đi vậy, này Rāhula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tàm quý.

Rồi Thế Tôn lật úp chậu nước ấy và bảo Tôn giả Rāhula:

– Này Rāhula, ông có thấy chậu nước bị lật úp ấy không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *La-vân kinh* 羅云經 (*T*.01. 0026.14. 0436a12). Tham chiếu: *Pháp cú thí dụ kinh*, *Tượng phẩm* 法句譬喻經象品 (*T*.04. 0211.31. 0599c20); *Xuất diệu kinh*, *Lợi dưỡng phẩm* 出曜經利養品 (*T*.04. 0212.14. 0678b05); *Căn Bản Thuyết Nhất Thuyết Hữu Bộ Tỳ-nại-da* 根本說一切有部毘奈耶 (*T*.23. 1442.24. 0760b16); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.13. 0158a29). Kinh này được viết trên bia đá của Vua Asoka (A-dục Vương), một trong những kinh mà các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ cần phải tụng đọc.

[2] Xem *DPPN*, *Ambalaṭṭhikarāhulovādasutta*. *MA*. III. 126 viết Rāhula lúc ấy đã là Sa-di được 7 năm.

– Cũng lật úp vậy, này Rāhula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tàm quý.

Rồi Thế Tôn lật ngửa trở lại chậu nước ấy và bảo Tôn giả Rāhula:

– Này Rāhula, ông có thấy chậu nước này trống không không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng trống không vậy, này Rāhula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tàm quý.

Này Rāhula, ví như một con voi của vua,[3] có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường có mặt ở chiến trường. Khi lâm trận, con voi này dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, nhưng bảo vệ cái vòi.[4] Ở đây, người nài nghĩ rằng: "Con voi của vua này có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường có mặt ở chiến trường. Khi lâm trận, con voi này thường dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, nhưng bảo vệ cái vòi. Con voi của vua [như vậy] không quăng bỏ mạng sống [của mình]." Này Rāhula, nhưng khi con voi của vua, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường. Khi lâm trận, con voi này dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, dùng vòi. Ở đây, người nài nghĩ rằng: "Con voi của vua này có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường. Khi lâm trận, con voi này dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, dùng vòi. Con voi của vua [như vậy] đã quăng bỏ mạng sống [của mình] và nay con voi của vua không có việc gì mà không làm." Cũng vậy, này Rāhula, đối với ai biết mà nói láo, không có tàm quý, thời Ta nói rằng người ấy không có việc ác gì mà không làm. Do vậy, này Rāhula: "Ta quyết không nói láo, dầu nói để mà chơi", này Rāhula, ông phải học tập như vậy.

109. Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Mục đích của cái gương là gì?

– Bạch Thế Tôn, mục đích là để phản tỉnh.

– Cũng vậy, này Rāhula, sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành thân nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành khẩu nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành ý nghiệp.

Này Rāhula, khi ông muốn làm một thân nghiệp gì, hãy phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: "Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai? Thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ?" Này Rāhula, nếu trong khi phản tỉnh,

---

[3] *M.* I. 450.

[4] Nó đặt trong miệng nó. Xem *MA.* III. 128.

ông biết: "Thân nghiệp này ta muốn làm, thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ." Một thân nghiệp như vậy, này Rāhula, ông nhất định[5] chớ có làm. Này Rāhula, nếu sau khi phản tỉnh, ông biết: "Thân nghiệp này ta muốn làm, thân nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc." Một thân nghiệp như vậy, này Rāhula, ông nên làm.

Này Rāhula, khi ông đang làm một thân nghiệp, ông cần phải phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: "Thân nghiệp này ta đang làm, thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai? Thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ?" Này Rāhula, nếu trong khi phản tỉnh, ông biết: "Thân nghiệp này ta đang làm, thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ." Này Rāhula, ông hãy từ bỏ một thân nghiệp như vậy. Nhưng nếu, này Rāhula, trong khi phản tỉnh, ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đang làm, thân nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc." Thân nghiệp như vậy, này Rāhula, ông cần phải tiếp tục làm.[6]

Sau khi ông làm xong một thân nghiệp, này Rāhula, ông cần phải phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: "Thân nghiệp này ta đã làm, thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai? Thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ?" Nếu trong khi phản tỉnh, này Rāhula, ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đã làm, thân nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ." Một thân nghiệp như vậy, này Rāhula, ông cần phải thưa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước các vị Đạo sư hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi đã thưa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai. Nhưng nếu trong khi phản tỉnh, này Rāhula, ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đã làm, thân nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc." Do vậy, này Rāhula, ông phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.

110. Này Rāhula, khi ông muốn làm một khẩu nghiệp gì, hãy phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau: "Khẩu nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai? Khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ?" Này Rāhula, nếu trong khi phản tỉnh,

---

[5] *Sasakkaṃ. M.* I. 514; *MA.* III. 128 viết *ekaṃsena*, chắc chắn, nhất định.

[6] *Anupadajjeyyāsi. MA.* III. 128 giải thích là *upathambheyyāsi punappunaṃ kareyyāsi*.

ông biết: "Khẩu nghiệp này ta muốn làm, khẩu nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ." Một khẩu nghiệp như vậy, này Rāhula, nhất định chớ có làm. Này Rāhula, nếu trong khi phản tỉnh, ông biết: "Khẩu nghiệp này ta muốn làm, khẩu nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc." Một khẩu nghiệp như vậy, này Rāhula, ông nên làm.

Này Rāhula, khi ông đang làm một khẩu nghiệp, ông cần phải phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau: "Khẩu nghiệp này ta đang làm, khẩu nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai? Thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ?" Này Rāhula, nếu trong khi phản tỉnh, ông biết: "Khẩu nghiệp này ta đang làm, khẩu nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ." Này Rāhula, ông hãy từ bỏ một khẩu nghiệp như vậy. Nhưng nếu, này Rāhula, khi phản tỉnh, ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đang làm, khẩu nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc." Khẩu nghiệp như vậy, này Rāhula, ông cần phải tiếp tục làm.

Sau khi ông làm xong một khẩu nghiệp, này Rāhula, ông cần phải phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm, khẩu nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai? Thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ?" Nếu trong khi phản tỉnh, này Rāhula, ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm, khẩu nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ." Một khẩu nghiệp như vậy, này Rāhula, ông cần phải thưa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi đã thưa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai. Nếu trong khi phản tỉnh, này Rāhula, ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm, khẩu nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đưa đến quả báo an lạc." Do vậy, này Rāhula, ông phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.

111. Này Rāhula, như ông muốn làm một ý nghiệp gì, hãy phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai? Ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ?" Này Rāhula, nếu trong khi phản tỉnh, ông biết: "Ý nghiệp này ta muốn làm, ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa

đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ." Một ý nghiệp như vậy, này Rāhula, ông nhất định chớ có làm. Này Rāhula, nếu trong khi phản tỉnh, ông biết: "Ý nghiệp này ta muốn làm, ý nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc." Ý nghiệp như vậy, này Rāhula, ông nên làm.

Này Rāhula, khi ông đang làm một ý nghiệp gì, ông cần phải phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này ta đang làm, ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai? Thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ?" Này Rāhula, nếu trong khi phản tỉnh, ông biết: "Ý nghiệp này ta đang làm, ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem lại quả báo đau khổ." Này Rāhula, ông hãy từ bỏ một ý nghiệp như vậy. Nhưng nếu, này Rāhula, khi phản tỉnh, ông biết như sau: "Ý nghiệp này ta đang làm, ý nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc." Ý nghiệp như vậy, này Rāhula, ông phải tiếp tục làm.

Sau khi ông làm xong một ý nghiệp, này Rāhula, ông cần phải phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này ta đã làm, ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai? Thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ?" Nếu trong khi phản tỉnh, này Rāhula, ông biết như sau: "Ý nghiệp này ta đã làm, ý nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ." Một ý nghiệp như vậy, này Rāhula, ông cần phải lo âu, cần phải tàm quý, cần phải nhàm chán. Sau khi lo âu, tàm quý, nhàm chán, cần phải phòng hộ trong tương lai. Còn nếu trong khi phản tỉnh, này Rāhula, ông biết: "Ý nghiệp này ta đã làm, ý nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc." Do vậy, này Rāhula, ông phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.

112. Này Rāhula, trong thời quá khứ, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tịnh hóa thân nghiệp, đã tịnh hóa khẩu nghiệp, đã tịnh hóa ý nghiệp. Tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa thân nghiệp; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa khẩu nghiệp; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa ý nghiệp. Này Rāhula, trong thời vị lai, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào sẽ tịnh hóa thân nghiệp, sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sẽ tịnh hóa ý nghiệp. Tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa thân nghiệp; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa ý nghiệp. Này Rāhula, trong thời hiện tại, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào tịnh hóa thân nghiệp, tịnh hóa khẩu nghiệp, tịnh hóa ý nghiệp; tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như

vậy nhiều lần, tịnh hóa thân nghiệp; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, tịnh hóa khẩu nghiệp; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, tịnh hóa ý nghiệp. Do vậy, này Rāhula: "Sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa thân nghiệp; sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp; sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa ý nghiệp." Như vậy, này Rāhula, ông cần phải tu học.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Rāhula hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng.

62. ĐẠI KINH GIÁO GIỚI LA-HẦU-LA

(*Mahārāhulovāda Sutta*)[1]

113. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Tôn giả Rāhula vào buổi sáng cũng đắp y, cầm y bát, đi sau lưng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, sau khi đưa mắt ngó xung quanh, bảo Tôn giả Rāhula:

– Này Rāhula, bất cứ sắc pháp nào thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả sắc pháp phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta."

– Bạch Thế Tôn, có phải chỉ sắc mà thôi? Bạch Thiện Thệ, có phải chỉ sắc mà thôi?

– Cả sắc, này Rāhula; cả thọ, này Rāhula; cả tưởng, này Rāhula; cả hành, này Rāhula; và cả thức, này Rāhula.

Rồi Tôn giả Rāhula tự nghĩ: "Ai có thể hôm nay được Thế Tôn trực tiếp giảng dạy với bài giáo giới, còn có thể đi vào làng để khất thực?" Rồi Tôn giả từ chỗ ấy đi trở lui về, ngồi xuống một gốc cây, kiết-già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Tôn giả Sāriputta thấy Tôn giả Rāhula đang ngồi dưới một gốc cây, kiết-già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Sau khi thấy vậy, Ngài nói với Tôn giả Rāhula:

– Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập[2] nhập tức xuất tức niệm [niệm hơi thở vô, hơi thở ra]. Này Rāhula, tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra, làm cho sung mãn, được quả lớn, được lợi ích lớn.

114. Rồi Tôn giả Rāhula, vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Rāhula bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, niệm hơi thở vô, hơi thở ra được tu tập như thế nào? Làm cho sung mãn, [pháp môn này] như thế nào để được quả lớn, được lợi ích lớn?

---

[1] Xem *M.* III. 78; *S.* V. 311; *Miln.* 384, 387; *Vin.* III. 68. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.803. 0206a14); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.815. 0209b15); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (*T.*02. 0101.15. 0497a02); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.17.1. 0581c01).

[2] *Bhāvanaṃ bhāvehi.*

– Này Rāhula, cái gì thuộc nội thân,[3] thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ; như vậy, này Rāhula, được gọi là nội địa giới. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta." Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

115. Và này Rāhula, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Rāhula, thế nào là nội thủy giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ như mật, đàm, niêm dịch, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ; như vậy, này Rāhula, được gọi là nội thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta." Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

116. Và này Rāhula, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Rāhula, thế nào là nội hỏa giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ; này Rāhula, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta." Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

117. Và này Rāhula, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Rāhula, thế nào là nội phong giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ; này Rāhula, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không

[3] Xem *M.* 28, *Mahāhatthipadopama Sutta* (*Đại kinh Dụ dấu chân voi*).

phải tự ngã của ta." Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

118. Và này Rāhula, thế nào là hư không giới?[4] Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Rāhula, thế nào là nội hư không giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn và được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn và được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn và được tống xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ; này Rāhula, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và những gì thuộc ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta." Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

119. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như đất. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như đất, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rāhula, ví như trên đất người ta quăng đồ tịnh, quăng đồ không tịnh, quăng phân uế, quăng nước tiểu, nhổ nước miếng, quăng mủ và quăng máu; tuy vậy, đất không lo âu, không dao động, hay không nhàm chán; cũng vậy, này Rāhula, hãy tu tập như đất. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như đất, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như nước. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như nước, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rāhula, ví như trong nước người ta rửa đồ tịnh, rửa đồ không tịnh, rửa sạch phân uế, rửa sạch nước tiểu, rửa sạch nước miếng, rửa sạch mủ, rửa sạch máu; tuy vậy, nước không lo âu, không dao động, không nhàm chán; cũng vậy, này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như nước, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như lửa. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như lửa, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rāhula, ví như lửa đốt các đồ tịnh, đốt các đồ không tịnh, đốt phân uế, đốt nước tiểu, đốt nước miếng, đốt mủ, đốt máu; tuy vậy lửa không lo âu, không dao động, không nhàm chán; cũng vậy, này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như lửa, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

[4] *Ākāsadhātu* (hư không giới) không được *Đại kinh Dụ dấu chân voi* (*M.* 28) đề cập đến, nhưng các kinh số 112, 115, 140 có đề cập đến và thêm vào *viññāṇadhātu* (thức giới). Xem thêm *D.* III. 247; *A.* I. 176.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như gió. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như gió, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rāhula, như gió thổi các đồ tịnh, thổi các đồ không tịnh, thổi phân uế, thổi nước tiểu, thổi nước miếng, thổi mủ, thổi máu; tuy vậy, gió không lo âu, không dao động, không nhàm chán; cũng vậy, này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như gió, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như hư không. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như hư không, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rāhula, ví như hư không, không bị trú tại một chỗ nào; cũng vậy, này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như hư không. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như hư không, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

120. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về lòng từ;[5] này Rāhula, do tu tập sự tu tập về lòng từ, cái gì thuộc sân tâm sẽ được trừ diệt. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về lòng bi; này Rāhula, do tu tập sự tu tập về lòng bi, cái gì thuộc hại tâm sẽ được trừ diệt. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về hỷ; này Rāhula, do tu tập sự tu tập về hỷ, cái gì thuộc bất lạc (*arati*) sẽ được trừ diệt. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về xả; này Rāhula, do tu tập sự tu tập về xả, cái gì thuộc hận tâm sẽ được trừ diệt. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về bất tịnh; này Rāhula, do tu tập sự tu tập về bất tịnh, cái gì thuộc tham ái được trừ diệt. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về vô thường; này Rāhula, do tu tập sự tu tập về vô thường, cái gì thuộc ngã mạn[6] được trừ diệt.

121. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về niệm hơi thở vô, hơi thở ra. Này Rāhula, do tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra, làm cho sung mãn, nên được quả lớn, được lợi ích lớn. Và này Rāhula, thế nào là tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra, làm cho sung mãn, nên được quả lớn, được lợi ích lớn? Ở đây, này Rāhula, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng,[7] đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra. Hay thở vô dài, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy biết "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn." "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành (*cittasaṅkhāra*), tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An

---

[5] Xem 6 xuất ly giới (*nissarānīya dhātuyo*) trong *D.* III. 247-50 để thấy những điểm tương đồng và dị biệt.

[6] *Asmimāna*: Ngã mạn. *M.* I. 139 viết rằng có sự kiêu mạn vì nghĩ: "Ta có trong sắc pháp", v.v…

[7] Xem *M.* I. 56, các danh từ cho đến cuối bài kinh đều được giải thích trong tập *Vism.*, chương VIII.

tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra như vậy, này Rāhula, làm cho sung mãn như vậy, có quả lớn, có lợi ích lớn. Này Rāhula, tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra như vậy, làm cho sung mãn như vậy, thời khi những hơi thở vô, hơi thở ra tối hậu chấm dứt, chứng được Giác tri, không phải không được Giác tri.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Rāhula hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

63. TIỂU KINH MĀLUṄKYA
(*Cūḷamāluṅkya Sutta*)[1]

122. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Māluṅkyaputta, trong khi độc trú tịnh cư, khởi lên sự suy tư như sau: "Có một số vấn đề này, Thế Tôn không trả lời, bỏ một bên, loại bỏ ra: 'Thế giới là thường còn hay thế giới là vô thường; thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên; sinh mạng này và thân này là một hay sinh mạng này và thân này là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết hay Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.' Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy. Vì Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy, nên ta không được hài lòng, không được thỏa mãn. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn và sẽ hỏi ý nghĩa này. Nếu Thế Tôn trả lời cho ta: 'Thế giới là thường còn hay thế giới là vô thường; thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên; sinh mạng này và thân này là một hay sinh mạng này và thân này là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết hay Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết', thời ta sẽ sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dẫn của] Thế Tôn. Còn nếu Thế Tôn không trả lời cho ta: 'Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết', thời ta sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục."

123. Rồi Tôn giả Māluṅkyaputta vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Māluṅkyaputta bạch Thế Tôn:

124. – Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi độc trú tịnh cư, con khởi lên ý nghĩ như sau: "Có một số vấn đề này, Thế Tôn không trả lời, bỏ một bên, loại bỏ ra: 'Thế giới là thường còn hay thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.' Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy. Vì Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy, nên ta không được hài lòng, không được thỏa mãn. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn và sẽ hỏi ý nghĩa này. Nếu Thế Tôn trả lời cho ta: 'Thế giới là thường còn hay thế giới là vô

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tiễn dụ kinh* 箭喻經 (*T*.01. 0026.221. 0804a21). Tham chiếu: *Tiễn dụ kinh* 箭喻經 (*T*.01. 0094. 0917b13); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.15. 0170a08).

thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết', thời ta sẽ sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dẫn của] Thế Tôn. Còn nếu Thế Tôn không trả lời cho ta: 'Thế giới là thường còn hay thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết', thời ta sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục." Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là thường còn", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là thường còn." Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là vô thường", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là vô thường." Nếu Thế Tôn không biết: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy." Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là hữu biên", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là hữu biên." Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là vô biên", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là vô biên." Nếu Thế Tôn không biết: "Thế giới là hữu biên" hay "Thế giới là vô biên", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy." Nếu Thế Tôn biết: "Sinh mạng này và thân này là một", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Sinh mạng này và thân này là một." Nếu Thế Tôn biết: "Sinh mạng này và thân này là khác", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Sinh mạng này và thân này là khác." Nếu Thế Tôn không biết: "Sinh mạng này và thân này là một" hay "Sinh mạng này và thân này là khác", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy." Nếu Thế Tôn biết: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Như Lai có tồn tại sau khi chết." Nếu Thế Tôn biết: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết." Nếu Thế Tôn không biết: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy." Nếu Thế Tôn biết: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết." Nếu Thế Tôn biết: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Nếu Thế Tôn không biết: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy."

125. – Này Māluṅkyaputta, Ta có nói với ông: "Này Māluṅkyaputta, hãy đến và sống Phạm hạnh theo Ta, Ta sẽ trả lời cho ông: 'Thế giới là thường còn' hay 'Thế giới là vô thường'... (như trên)... 'Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết' không?"

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay ông có nói với Ta như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn, nếu Thế Tôn sẽ trả lời cho con: 'Thế giới là thường còn' hay 'Thế giới là vô thường'... (như trên)... 'Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'?"

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này Māluṅkyaputta, Ta không nói với ông: "Này Māluṅkyaputta, hãy đến và sống Phạm hạnh theo Ta và Ta sẽ trả lời cho ông: 'Thế giới là thường còn' hay 'Thế giới là vô thường'... (như trên)... 'Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'", và ông cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn nếu Thế Tôn sẽ trả lời cho con: 'Thế giới là thường còn' hay 'Thế giới là vô thường'... (như trên)... 'Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.'" Sự tình là như vậy, thời này kẻ ngu kia, ông là ai và ông phủ nhận cái gì?[2]

126. Này Māluṅkyaputta, nếu có ai nói như sau: "Ta sẽ không sống Phạm hạnh theo Thế Tôn khi nào Thế Tôn không trả lời cho ta 'Thế giới là thường còn' hay 'Thế giới là vô thường... (như trên)... 'Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'", thời này Māluṅkyaputta, người ấy sẽ chết [và] vẫn không được Như Lai trả lời. Này Māluṅkyaputta, ví như một người bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bè và bà con huyết thống của người ấy mời một vị y sĩ khoa mổ xẻ đến săn sóc. Nhưng người ấy lại nói: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc dòng Hoàng tộc, hay Bà-la-môn, hay buôn bán, hay người làm công." Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi tên là gì, tộc tánh là gì." Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là cao hay thấp, hay người bậc trung." Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là da đen, da sẫm hay da vàng." Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc làng nào, thuộc thị trấn nào, thuộc thành phố nào." Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái cung mà tôi bị bắn, cái cung ấy thuộc loại cung thông thường (*cāpa*)[3] hay loại cung nỏ (*kodaṇḍa*)."[4] Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được dây cung mà tôi bị bắn, dây cung ấy làm bằng dây leo, hay cây lau, hay một thứ gân, hay một thứ dây gai, hay một thứ cây có nhựa (*khīrapaṇṇī*)." Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc một loại cây lau này (*gaccha*) hay cây lau khác (*ropima*)." Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, mũi tên ấy có kết lông gì, hoặc lông con kên, hoặc lông con cò, hoặc lông con ó, hoặc lông con công, hoặc lông một loại két (*sithilahanu*)."[5] Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa

---

[2] *Ko santo kaṃ paccācikkhasi*? Có nghĩa: "Ông là ai, ông phủ nhận điều gì?" Xem *D*. III. 3.

[3] *M.* II. 216, 256.

[4] Đồng nghĩa với *cāpa*.

[5] Ở đây chỉ cho một loại chim đặc biệt.

biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy được cuốn (*parikkhitta*) bởi loại gân nào, hoặc là gân bò cái, hoặc là gân trâu, hoặc là gân nai, hoặc là gân lừa."[6] Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc loại tên nhọn (*khurappa*), hay thuộc loại tên móc (*vekaṇḍa*), hay thuộc loại tên như đầu sào (*nārāca*), hay thuộc loại tên như răng bò (*vacchadanta*), hay thuộc loại tên như kẽm gai (*karavīrapatta*)." Này Māluṅkyaputta, người ấy sẽ chết và vẫn không được biết gì. Cũng vậy, này Māluṅkyaputta, ai nói như sau: "Ta sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn khi nào Thế Tôn trả lời cho ta: 'Thế giới là thường còn' hay 'thế giới là vô thường... (như trên)... 'Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'", thời này Māluṅkyaputta, người ấy sẽ chết [và] vẫn không được Như Lai trả lời.

127. – Này Māluṅkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm: "Thế giới là thường còn." Này Māluṅkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm: "Thế giới là vô thường." Này Māluṅkyaputta, dầu cho có quan điểm: "Thế giới là thường còn", hay dầu cho có quan điểm: "Thế giới là vô thường", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại. Này Māluṅkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm: "Thế giới là hữu biên." Này Māluṅkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm: "Thế giới là vô biên." Này Māluṅkyaputta, dầu cho có quan điểm: "Thế giới là hữu biên", hay dầu cho có quan điểm: "Thế giới là vô biên", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại. Này Māluṅkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm: "Sinh mạng này và thân này là một." Này Māluṅkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm: "Sinh mạng này và thân này là khác." Này Māluṅkyaputta, dầu cho có quan điểm: "Sinh mạng này và thân này là một", hay dầu cho có quan điểm: "Sinh mạng này và thân này là khác", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại. Này Māluṅkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết." Này Māluṅkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết." Này Māluṅkyaputta, dầu cho có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay dầu cho có quan điểm: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại. Này Māluṅkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc vào quan điểm: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết." Này Māluṅkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Này Māluṅkyaputta, dầu cho có quan điểm: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", hay dầu cho

[6] *Semhāra*: Một loại động vật, xem *PED*. Trong *MA*. III. 142, viết *makkaṭa*.

có quan điểm: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại."

128. – Do vậy, này Māluṅkyaputta, hãy thọ trì là không trả lời những gì Ta không trả lời. Hãy thọ trì là có trả lời những gì Ta có trả lời. Và này Māluṅkyaputta, điều gì Ta không trả lời? "Thế giới là thường còn", này Māluṅkyaputta, là điều Ta không trả lời. "Thế giới là vô thường" là điều Ta không trả lời. "Thế giới là hữu biên" là điều Ta không trả lời. "Thế giới là vô biên" là điều Ta không trả lời. "Sinh mạng này và thân này là một" là điều Ta không trả lời. "Sinh mạng này và thân này là khác" là điều Ta không trả lời. "Như Lai có tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời. "Như Lai không có tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời. "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời. Và này Māluṅkyaputta, vì sao điều ấy Ta không trả lời? Này Māluṅkyaputta, vì điều ấy không liên hệ đến mục đích, điều ấy không phải là căn bản Phạm hạnh, điều ấy không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, cho nên điều ấy Ta không trả lời. Và này Māluṅkyaputta, điều gì Ta trả lời? "Đây là khổ", này Māluṅkyaputta, là điều Ta trả lời. "Đây là khổ tập" là điều Ta trả lời. "Đây là khổ diệt" là điều Ta trả lời. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt" là điều Ta trả lời. Và này Māluṅkyaputta, vì sao điều ấy Ta trả lời? Này Māluṅkyaputta, vì điều ấy có liên hệ đến mục đích, điều ấy là căn bản Phạm hạnh, điều ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, vì vậy điều ấy Ta trả lời. Do vậy, này Māluṅkyaputta, hãy thọ trì là không trả lời những điều Ta không trả lời. Hãy thọ trì là trả lời những điều Ta có trả lời.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Māluṅkyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

64. ĐẠI KINH MĀLUṄKYA

(*Mahāmāluṅkya Sutta*)[1]

129. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy không?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Māluṅkyaputta bạch Thế Tôn:

– Con có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy, này Māluṅkyaputta, ông thọ trì như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con thọ trì thân kiến[2] là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì nghi là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì giới cấm thủ là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì dục tham là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sân là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Này Māluṅkyaputta, vì vấn đề gì [hay vì ai] ông thọ trì năm hạ phần kiết sử này do Ta giảng dạy? Này Māluṅkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cật vấn ông với ví dụ này về đứa con nít:[3] "Này Māluṅkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có tự thân, thời từ đâu nó có thể khởi lên thân kiến? Thân kiến tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Māluṅkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ, đang nằm ngửa không có các pháp (*dhammā*), thời từ đâu nó có thể khởi lên nghi hoặc đối với các pháp? Nghi tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Māluṅkyaputta, nếu một đứa con nít ngây

---

[1] Xem *M.* I. 349; *A.* IV. 422; V. 342. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ngũ hạ phần kiết kinh* 五下分結經 (*T.*01. 0026.205. 0778c09).

[2] *Sakkāyadiṭṭhi*. Xem *M.* I. 300.

[3] *M.* I. 459.

thơ đang nằm ngửa không có giới, thời từ đâu nó có thể khởi lên giới cấm thủ trong các giới? Giới cấm thủ tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Māluṅkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có những dục, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng dục tham trong các dục? Dục tham tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Māluṅkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có các loài hữu tình, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng sân đối với các loài hữu tình? Sân tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó." Này Māluṅkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cật vấn ông với ví dụ này về đứa con nít?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời; bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn thuyết giảng năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy Ānanda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

130. – Ở đây, này Ānanda, có kẻ vô văn phàm phu, không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, sống với tâm bị triền phược bởi thân kiến, bị chi phối bởi thân kiến và không như thật tuệ tri sự xuất ly thân kiến đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử. Vị ấy sống với tâm bị nghi hoặc triền phược, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử. Vị ấy sống với tâm bị giới cấm thủ triền phược, bị giới cấm thủ chi phối và không như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên. Giới cấm thủ này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử. Vị ấy sống với tâm bị dục tham triền phược, bị dục tham chi phối và không như thật biết sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Dục tham này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử. Vị ấy sống với tâm bị sân triền phược, bị sân chi phối và không như thật tuệ tri sự xuất ly sân đã khởi lên. Sân này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

131. Và này Ānanda, có vị đa văn Thánh đệ tử, đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, sống với tâm không bị thân kiến triền phược, không bị thân kiến chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly thân kiến đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ. Vị này sống với tâm không bị nghi hoặc triền phược, không bị nghi hoặc chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly nghi

hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ. Vị ấy sống với tâm không bị giới cấm thủ triền phược, không bị giới cấm thủ chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên. Giới cấm thủ của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ. Vị này sống với tâm không bị dục tham triền phược, không bị dục tham chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Dục tham này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ. Vị này sống với tâm không bị sân triền phược, không bị sân chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly sân đã khởi lên. Sân này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

132. Này Ānanda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử được biết rõ, hay được thấy rõ, hay được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra. Ví như, này Ānanda, đối với một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, nếu người ấy không đẽo vỏ trong, không đẽo giác cây, nhưng vẫn có thể đẽo được lõi cây,[4] sự tình này không xảy ra. Cũng vậy, này Ānanda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra. Và này Ānanda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy xảy ra. Ví như, này Ānanda, đối với một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, nếu người ấy sau khi đẽo vỏ trong, sau khi đẽo giác cây, thời sẽ đẽo được lõi cây, sự tình này xảy ra. Cũng vậy, này Ānanda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, đạo lộ ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn diệt, sự tình như vậy xảy ra. Này Ānanda, ví như sông Hằng, nước đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người ốm yếu đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn." Nhưng người ấy không thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ānanda, bất cứ ai, khi được giảng pháp để đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy không thích thú, không hoan hỷ, không có định tĩnh, không có giải thoát, thời vị ấy cần phải được xem là giống người ốm yếu kia. Này Ānanda, ví như sông Hằng, nước lớn, đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người lực sĩ đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn." Người ấy có thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ānanda, bất cứ ai, khi được giảng pháp để được đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy thích thú, hoan hỷ, có định tĩnh, có giải thoát, thời vị ấy được xem là giống như người lực sĩ kia.

133. Và này Ānanda, thế nào là con đường, thế nào là lộ trình đưa đến sự

[4] *MA*. III. 145 giải thích rằng cắt vỏ cây như chứng đạt, cắt giác cây như quán, cắt lõi cây như con đường.

đoạn trừ năm hạ phần kiết sử? Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo do viễn ly các sanh y (*upadhiviveka*),[5] do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã.[6] Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung tâm vào bất tử giới (*amatadhātu*) và nghĩ rằng: "Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn."[7] Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, thời do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa. Này Ānanda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư... Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Này Ānanda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Hư không vô biên xứ. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Này Ānanda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ... (như trên)... vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung vào bất tử giới và nghĩ rằng: "Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị

---

[5] *Upadhi*: Sanh y, tức là sự tham ái hay sự ràng buộc vào sự sanh ra và cuộc sống.

[6] *MA*. III. 146: Khổ tướng có 6, vô thường tướng có 2, sự hoại diệt (*paloka*) và vô ngã tướng có 3 (biến dịch, không, vô ngã).

[7] *M*. I. 136.

ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa. Này Ānanda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

– Bạch Thế Tôn, nếu đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thời do hành trì như thế nào mà một số vị Tỷ-kheo chứng Tâm giải thoát, một số chứng Tuệ giải thoát?[8]

– Ở đây, này Ānanda, Ta nói rằng do sự sai khác về căn tánh.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[8] Một vị Tỷ-kheo tu theo Chỉ, nếu tu tập pháp chính là Nhất tâm, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là thành tựu Tâm giải thoát; nhưng nếu tu tập pháp chính là Tuệ quán, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là thành tựu Tuệ giải thoát. Một vị Tỷ-kheo tu theo Quán, nếu tu tập pháp chính là Tuệ quán, vị ấy được gọi là thành tựu Tuệ giải thoát; nhưng nếu tu tập pháp chính là Nhất tâm, vị ấy được gọi là thành tựu Tâm giải thoát. Hai vị đại đệ tử chứng quả A-la-hán, nhờ tu tập Chỉ và Quán: Sāriputta được xem là vị thành tựu Tuệ giải thoát, còn Moggallāna là vị thành tựu Tâm giải thoát. Xem *MA*. III. 147-48.

65. KINH BHADDĀLI

(*Bhaddāli Sutta*)[1]

134. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvatthi, Jetavana, tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta ăn chỉ ngồi một lần (*ekāsanabhojana*).[2] Này các Tỷ-kheo, do Ta ăn chỉ ngồi một lần, Ta cảm thấy ít bệnh, ít não, nhẹ nhàng, có sức và lạc trú. Này các Tỷ-kheo, hãy ăn chỉ ngồi một lần. Này các Tỷ-kheo, hãy ăn chỉ ngồi một lần, và các ông sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, nhẹ nhàng, có sức và lạc trú.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Bhaddāli bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con không có thể ăn chỉ ngồi một lần. Bạch Thế Tôn, nếu con ăn chỉ ngồi một lần, thời con cảm thấy như là hối tiếc, như là hối hận.

– Vậy này Bhaddāli, khi nào ông được mời, hãy ăn tại chỗ một phần ăn, rồi đem về một phần ăn để ăn sau. Như vậy, này Bhaddāli, ông có thể ăn như vậy và sống qua ngày không?

– Như vậy, bạch Thế Tôn, con cũng không có thể ăn được. Bạch Thế Tôn, nếu con ăn như vậy, con vẫn cảm thấy như là hối tiếc, như là hối hận.

Rồi Tôn giả Bhaddāli, trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, tuyên bố sự bất lực [của mình]. Rồi Tôn giả Bhaddāli, trong ba tháng tròn, không diện kiến Thế Tôn vì không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.

135. Sau một thời gian, một số đông Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn (*cīvarakamma*) và nói rằng: "Sau khi làm y xong,[3] sau ba tháng này, Thế Tôn sẽ du hành." Rồi Tôn giả Bhaddāli đến tại chỗ các vị Tỷ-kheo ấy; sau khi đến,

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Bạt-đà-hòa-lợi kinh* 跋陀和利經 (*T.*01. 0026.194. 0746b18). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.7. 0800b27).

[2] *M.* I. 124.

[3] *Niṭṭhita.* Xem *Vin.* III. 195; *BD.* II. 4, n. 5.

nói lên với các Tỷ-kheo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Những Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Bhaddāli đang ngồi một bên:

– Này Hiền giả Bhaddāli, tấm y này đang được làm cho Thế Tôn. Sau khi làm y xong, sau ba tháng này, Thế Tôn sẽ du hành. Này Hiền giả Bhaddāli, hãy khéo tư niệm đến trường hợp đặc biệt này (*desaka*),[4] chớ để về sau, lại càng khó khăn hơn cho Hiền giả.

– Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Bhaddāli vâng đáp các Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhaddāli bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, con đã tuyên bố sự bất lực của con. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm này là một lỗi lầm, để có thể phòng hộ trong tương lai.

– Này Bhaddāli, thật sự một lỗi lầm đã chiếm đoạt ông, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Như Lai chế định, ông đã tuyên bố sự bất lực của ông.

Này Bhaddāli, trong thời ấy, ông không ý thức được điều này: "Thế Tôn trú tại Sāvatthi, Thế Tôn sẽ biết ta như sau: 'Tỷ-kheo tên Bhaddāli không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.'" Này Bhaddāli, trong thời ấy, ông không ý thức được như vậy.

Này Bhaddāli, trong thời ấy, ông không ý thức được điều này: "Một số đông Tỷ-kheo đến an cư vào mùa mưa ở Sāvatthi, các vị ấy sẽ biết ta như sau: 'Tỷ-kheo tên Bhaddāli không có thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.'" Này Bhaddāli, trong thời ấy, ông không ý thức được như vậy.

Này Bhaddāli, trong thời ấy, ông không ý thức được điều này: "Một số đông Tỷ-kheo-ni đến an cư vào mùa mưa ở Sāvatthi, các vị ấy sẽ biết ta như sau: '... (như trên).' Một số đông nam cư sĩ trú ở Sāvatthi, các vị ấy sẽ biết ta như sau: '... (như trên).' Một số đông nữ cư sĩ trú ở Sāvatthi, các vị ấy sẽ biết ta như sau: 'Tỷ-kheo tên Bhaddāli không có thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.'" Này Bhaddāli, trong thời ấy, ông không ý thức được như vậy.

Này Bhaddāli, trong thời ấy, ông không ý thức được điều này: "Một số đông Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo đến an cư vào mùa mưa ở Sāvatthi, các vị ấy sẽ biết ta như sau: 'Tỷ-kheo tên Bhaddāli là đệ tử của Sa-môn Gotama, một bậc Thượng tọa, không có thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.'" Này Bhaddāli, trong thời ấy, ông không ý thức được như vậy.

---

[4] *MA*. III. 149 viết là *dosaka* và giải thích là *okāsa aparādha*, trường hợp, lỗi lầm.

– Bạch Thế Tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, con đã tuyên bố sự bất lực của con. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm này là một lỗi lầm, để có thể phòng hộ trong tương lai.

– Này Bhaddāli, thật sự một lỗi lầm đã chiếm đoạt ông, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Ta chế định, ông đã tuyên bố sự bất lực của ông.

136. Này Bhaddāli, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có Tỷ-kheo Câu phần giải thoát.[5] Ta nói với vị ấy như sau: "Này Tỷ-kheo, hãy đến và tự làm cầu (*sankameyya*) cho Ta qua khỏi đám bùn." Vị ấy tự đến làm cầu, hay tránh né thân chỗ khác, hay nói: "Không"?

– Không phải vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Bhaddāli, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có vị Tỷ-kheo Tuệ giải thoát... Thân chứng (*Kāyasakkhi*)... Kiến chí... Tín giải thoát... Tùy pháp hành... Tùy tín hành.[6] Ta nói với vị ấy như sau: "Này Tỷ-kheo, hãy đến và tự làm cầu cho Ta qua khỏi đám bùn." Vị ấy tự đến làm cầu, hay tránh né thân chỗ khác, hay nói: "Không"?

– Không phải vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Bhaddāli, ông nghĩ thế nào? Này Bhaddāli, trong thời gian ấy ông có phải là bậc Câu phần giải thoát, hay Tuệ giải thoát, hay Thân chứng, hay Kiến chí, hay Tín giải thoát, hay Tùy pháp hành, hay Tùy tín hành?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Bhaddāli, có phải trong thời gian ấy, ông trống không, rỗng không,[7] phạm lỗi?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, con đã tuyên bố sự bất lực của con. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm này là một lỗi lầm, để có thể phòng hộ trong tương lai.

– Này Bhaddāli, thật sự một lỗi lầm đã chiếm đoạt ông, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Ta chế định, ông đã tuyên bố sự bất lực của ông. Này Bhaddāli, nếu ông sau khi thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm và như pháp phát lộ, chúng ta sẽ chấp nhận cho ông. Vì rằng này Bhaddāli, như vậy là sự lớn mạnh trong giới luật của bậc Thánh, nghĩa là bất cứ ai, sau khi thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, phải như pháp phát lộ và phòng hộ trong tương lai.

---

[5] *M.* I. 477; *D.* III. 105, 253-54; *S.* II. 151, n. 3.

[6] Những vị tu hành theo Pháp và Tín. Xem *M.* I. 226.

[7] *MA.* III. 152 viết là trống không và rỗng không vì thiếu nội quán tu tập các đức tánh của vị Thánh.

137. Ở đây, này Bhaddāli, có Tỷ-kheo không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp của bậc Đạo sư. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi, chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, tùng lâm, ngoài trời, đống rơm. Và ta có thể chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh." Vị ấy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi, chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, tùng lâm, ngoài trời, đống rơm. Khi vị ấy sống viễn ly như vậy, bậc Đạo sư quở trách, các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi quán sát quở trách, chư thiên quở trách, tự mình quở trách mình. Vị này bị bậc Đạo sư quở trách, bị các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi quán sát quở trách, bị chư thiên quở trách, tự mình quở trách mình, nên không chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Tại sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddāli, là vì vị ấy không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.

138. Nhưng ở đây, này Bhaddāli, có Tỷ-kheo thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi, chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, tùng lâm, ngoài trời, đống rơm. Và ta có thể chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh." Vị ấy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi, chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, tùng lâm, ngoài trời, đống rơm. Khi vị ấy sống viễn ly như vậy, bậc Đạo sư không quở trách, các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi quán sát không quở trách, chư thiên không quở trách, tự mình không quở trách mình. Vị này không bị bậc Đạo sư quở trách, không bị các vị đồng Phạm hạnh sau khi quán sát quở trách, không bị chư thiên quở trách, không tự mình quở trách mình, nên chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Tại sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddāli, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.

Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddāli, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.

139. Và lại nữa, này Bhaddāli, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddāli, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư. Và lại nữa, này Bhaddāli, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddāli, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư. Và lại nữa, này Bhaddāli, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddāli, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền

não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddāli, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddāli, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp của bậc Đạo sư.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự diệt khổ", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự đoạn trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddāli, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.

140. Được nghe nói vậy, Tôn giả Bhaddāli bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây [chúng Tăng] luôn luôn[8] kết tội[9] Tỷ-kheo? Bạch Thế Tôn, lại do nhân gì, do duyên gì ở đây, [chúng Tăng] không luôn luôn kết tội Tỷ-kheo như vậy?

---

[8] *Pavayha pavayha*: Gấp rút, thường xuyên. *MA*. III. 153 viết rằng vị ấy thường xuyên bị quở trách về những lỗi lầm nhỏ nhặt.

[9] *Kāraṇaṃ karonti*: Buộc tội.

– Này Bhaddāli, ở đây, có Tỷ-kheo thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội,[10] khi bị các Tỷ-kheo nói, tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn,[11] không xử sự chơn chánh, không có tự lắng dịu, không có chấm dứt giới tội,[12] không có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Ở đây, này Bhaddāli, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Tỷ-kheo này thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có tự lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?' Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, chớ có giải tội ấy một cách mau chóng." Như vậy, này Bhaddāli, các Tỷ-kheo, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, không giải tội ấy một cách mau chóng.

141. Nhưng ở đây, này Bhaddāli, lại có Tỷ-kheo, thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Ở đây, này Bhaddāli, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Tỷ-kheo này thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?' Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, hãy giải tội ấy một cách mau chóng." Như vậy, này Bhaddāli, các Tỷ-kheo sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, giải tội ấy một cách mau chóng.

142. Ở đây, này Bhaddāli, có Tỷ-kheo không thường phạm giới tội (*adhiccāpattika*), không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có tự lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Ở đây, này Bhaddāli, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Tỷ-kheo này không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có tự lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?' Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, chớ có giải tội một cách mau chóng." Như vậy, này

[10] *Āpattibāhula*. Xem *Vin*. I. 321, 330, 332.

[11] *M*. I. 99, 250; *Vin*. IV. 135.

[12] *Vin*. I. 49.

Bhaddāli, các Tỷ-kheo, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, không giải tội ấy một cách mau chóng.

143. Nhưng ở đây, này Bhaddāli, lại có Tỷ-kheo không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Ở đây, này Bhaddāli, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Chư Hiền, Tỷ-kheo này không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?' Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, hãy giải tội này một cách mau chóng." Như vậy, này Bhaddāli, các Tỷ-kheo, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, giải tội ấy một cách mau chóng.

144. Ở đây, này Bhaddāli, có Tỷ-kheo còn sống [trong Tăng chúng] với một ít lòng tin, với một ít lòng thương (*pema*). Ở đây, này Bhaddāli, các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, Tỷ-kheo này còn sống [trong Tăng chúng] với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Nếu chúng ta thường hay kết tội Tỷ-kheo này, chúng ta hãy đừng để cho chút ít lòng tin, chút ít lòng thương của vị ấy đoạn diệt." Ví như, này Bhaddāli, một người chỉ có một mắt, các thân hữu bà con huyết thống bảo vệ con mắt còn lại ấy và suy nghĩ như sau: "Chớ để cho con mắt còn lại này bị đoạn diệt." Cũng vậy, này Bhaddāli, ở đây Tỷ-kheo còn sống [trong Tăng chúng] với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Ở đây, này Bhaddāli, các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, Tỷ-kheo này còn sống trong Tăng chúng với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Nếu chúng ta thường hay kết tội Tỷ-kheo này, chúng ta hãy đừng để cho chút ít lòng tin, chút ít lòng thương của vị ấy bị đoạn diệt."

Này Bhaddāli, do nhân này, do duyên này, ở đây chúng Tăng luôn luôn kết tội Tỷ-kheo. Do nhân này, do duyên này, ở đây, chúng Tăng không luôn luôn kết tội vị Tỷ-kheo.

145. – Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, lúc xưa các học giới tuy ít hơn, nhưng các Tỷ-kheo đã ngộ nhập chánh trí nhiều hơn. Bạch Thế Tôn, lại do nhân gì, do duyên gì, ngày nay các học giới nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo ngộ nhập chánh trí ít hơn?

– Này Bhaddāli, khi các loài hữu tình bị thối thất, khi diệu pháp bị diệt mất, thời các học giới có nhiều hơn và các vị Tỷ-kheo ngộ nhập chánh trí ít hơn. Này Bhaddāli, khi nào một số hữu lậu pháp (*āsavaṭṭhāniyadhammā*) chưa hiện khởi trong Tăng chúng, khi ấy bậc Đạo sư vẫn không chế định học giới cho các đệ tử. Và này Bhaddāli, ở đây, chỉ khi nào một số hữu lậu pháp hiện khởi trong Tăng chúng, chỉ khi ấy bậc Đạo sư mới chế định học giới cho các đệ tử để đối

trị lại các pháp hữu lậu ấy. Này Bhaddāli, ở đây, khi nào Tăng chúng chưa lớn mạnh (*mahatta*), khi ấy một số hữu lậu pháp chưa hiện khởi trong Tăng chúng. Và này Bhaddāli, chỉ khi nào Tăng chúng đã được lớn mạnh, thời ở đây một số hữu lậu pháp hiện khởi trong Tăng chúng, khi ấy bậc Đạo sư mới chế định học giới cho các đệ tử để đối trị lại các pháp hữu lậu ấy. Này Bhaddāli, ở đây, khi nào Tăng chúng chưa đạt được quyền lợi tối thượng (*lābhagga*)... chưa đạt được danh xưng tối thượng (*yasagga*)... chưa đạt được đa văn (*bāhusacca*)... chưa đạt được địa vị kỳ cựu (*rattaññuta*), khi ấy một số hữu lậu pháp chưa hiện khởi trong Tăng chúng. Và này Bhaddāli, ở đây, chỉ khi nào Tăng chúng đã đạt được địa vị kỳ cựu, thời ở đây một số hữu lậu pháp hiện khởi trong Tăng chúng, khi ấy bậc Đạo sư mới chế định học giới cho các đệ tử để đối trị lại các pháp hữu lậu ấy.

146. Này Bhaddāli, các ông còn số ít (*appakā*), khi Ta giảng cho các ông pháp môn Ví dụ lương chủng mã. Này Bhaddāli, ông có nhớ không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Ở đây, này Bhaddāli, do nhân gì, ông xem sự việc xảy ra như vậy?

– Bạch Thế Tôn, vì con trong một thời gian dài đã không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.

– Này Bhaddāli, không phải chỉ có nhân như vậy, chỉ có duyên như vậy. Vì rằng, trong một thời gian khá dài, này Bhaddāli, Ta biết tâm ông với tâm của Ta [Ta biết rằng]: Khi Ta thuyết pháp, kẻ ngu si này không có để tâm, không có tác ý, không dùng nhứt thiết tâm[13] để tư niệm, không có nghe pháp với [hai] tai sẵn sàng. Và này Bhaddāli, Ta sẽ giảng cho ông pháp môn Ví dụ lương chủng mã. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Bhaddāli vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

147. – Này Bhaddāli, ví như một người điều mã sư thiện xảo,[14] có nhận được một con lương mã hiền thiện, trước hết phải huấn luyện con ngựa ấy cho quen với dây cương. Trong khi huấn luyện nó cho quen với dây cương, nếu nó có vùng vẫy, nhảy chồm, nhảy ngược, chống cự,[15] vì chưa quen sự huấn luyện trước kia chưa làm. Con ngựa ấy do sự huấn luyện thường tiếp tục, được thuần thục[16] về phương diện ấy.

Này Bhaddāli, khi con lương mã hiền thiện do huấn luyện thường xuyên, do sự huấn luyện tiếp tục, đã được thuần thục về phương diện ấy, thời người điều mã sư lại huấn luyện thêm con ngựa ấy cho quen với yên ngựa. Trong khi

---

[13] *M.* I. 325.

[14] *M.* III. 2.

[15] *M.* I. 234.

[16] *Parinibbāyati*: Được hoàn thiện, được huấn luyện một cách hoàn toàn, được nhiếp phục, được đoạn diệt đối với sự dao động lúc trước.

huấn luyện nó cho quen với yên ngựa, nếu nó có vùng vẫy, nhảy chồm, nhảy ngược, chống cự vì chưa quen sự huấn luyện trước đây chưa làm. Con ngựa ấy do sự huấn luyện thường xuyên, do sự huấn luyện tiếp tục, được thuần thục về phương diện ấy. Này Bhaddāli, khi con lương mã hiền thiện do huấn luyện thường xuyên, do huấn luyện tiếp tục, đã được thuần thục (*parinibbuta*) về phương diện ấy, thời người điều mã sư lại huấn luyện thêm con ngựa ấy cho quen với sự diễn hành (*anukkama*), đi vòng quanh (*maṇḍale*), đi đầu móng chân, chạy phi, hí, các trò chơi vương giả (*rāgavaṃsa*), vương lực (*rājaguṇa*), tối thượng tốc lực, tối thượng nhanh nhẹn, tối thượng thiện hành. Trong khi huấn luyện cho nó quen với tối thượng tốc lực, tối thượng nhanh nhẹn, tối thượng thiện hành, nếu nó có vùng vẫy, nhảy chồm, nhảy ngược, chống cự vì chưa quen sự huấn luyện trước đây chưa làm. Con ngựa ấy do sự huấn luyện thường xuyên, do sự huấn luyện tiếp tục, được thuần thục về phương diện ấy.

Này Bhaddāli, khi con lương mã hiền thiện, do huấn luyện thường xuyên, do huấn luyện tiếp tục, đã được thuần phục về phương diện ấy, thời người điều mã sư lại giúp thêm con ngựa ấy về phần sắc đẹp và trang sức.[17] Này Bhaddāli, con lương mã hiền thiện được thành tựu mười đặc tánh này trở thành xứng đáng cho bậc vua chúa, trở thành báu vật của vua, được liệt vào một ấn tướng của vua.

Cũng vậy, này Bhaddāli, một Tỷ-kheo thành tựu được mười pháp trở thành đáng được kính trọng, đáng được tôn kính, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là mười? Ở đây, này Bhaddāli, Tỷ-kheo thành tựu Vô học chánh tri kiến, thành tựu Vô học chánh tư duy, thành tựu Vô học chánh ngữ, thành tựu Vô học chánh nghiệp, thành tựu Vô học chánh mạng, thành tựu Vô học chánh tinh tấn, thành tựu Vô học chánh niệm, thành tựu Vô học chánh định, thành tựu Vô học chánh trí, thành tựu Vô học chánh giải thoát. Này Bhaddāli, Tỷ-kheo thành tựu mười pháp này trở thành đáng được kính trọng, đáng được tôn kính, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Bhaddāli hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[17] *Vaṇṇiya ca valiya ca.*

66. KINH VÍ DỤ CON CHIM CÁY

(*Laṭukikopama Sutta*)[1]

148. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Aṅguttarāpa (Ương-già Bắc Phương Thủy). Āpaṇa[2] là một thị tứ của Aṅguttarāpa. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Āpaṇa để khất thực. Khất thực ở Āpaṇa xong, sau buổi ăn, trên con đường đi trở về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để trú ban ngày. Thế Tôn đi sâu vào khu rừng này, ngồi dưới một gốc cây để trú ban ngày. Tôn giả Udāyi (Ưu-đà-di) buổi sáng cũng đắp y, cầm y bát đi vào Āpaṇa để khất thực. Khất thực ở Āpaṇa xong, sau buổi ăn, trên con đường đi trở về, Tôn giả đi đến một khu rừng để trú ban ngày. Tôn giả đi sâu vào khu rừng này và ngồi dưới một gốc cây để trú ban ngày. Rồi Tôn giả Udāyi, trong khi độc cư thiền tịnh, sự suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí Tôn giả: "Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta." Rồi Tôn giả Udāyi vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên.

149. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Udāyi bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang độc cư thiền tịnh, sự suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí con: "Như Lai thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta... Như Lai thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta." Bạch Thế Tôn, thuở trước chúng con thường ăn phi thời, ban ngày, buổi sáng và buổi chiều. Bạch Thế Tôn, thời ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban ngày và phi thời." Bạch Thế Tôn, do vậy, con cảm thấy thất vọng, con cảm thấy sầu muộn, nghĩ rằng: "Những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, các tín chủ cúng dường cho chúng ta ban ngày và phi thời. Nay Thế Tôn dạy chúng ta phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng ta phải từ bỏ." Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tàm quý, liền từ bỏ ăn ban ngày và phi thời.

---

[1] Xem *Kvu*. 528. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ca-lâu Ô-đà-di kinh* 加樓烏陀夷經 (*T*.01. 0026.192. 0740c15). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.7. 0800b27).

[2] *M*. 54, *Potaliya Sutta* (*Kinh Potaliya*), (*M*. I. 359) có đề cập điểm này.

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con thường ăn buổi chiều và buổi sáng. Bạch Thế Tôn, thời ấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: “Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban đêm phi thời.” Bạch Thế Tôn, do vậy, con cảm thấy thất vọng, con cảm thấy sầu muộn, nghĩ rằng: “Buổi ăn gọi là có thượng vị hơn trong hai buổi ăn này của chúng ta. Thế Tôn dạy chúng ta phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng ta phải từ bỏ.” Bạch Thế Tôn, thuở xưa có người được một món ăn cúng ban ngày, bèn nói: “Hãy để món ăn này một bên và ban đêm tất cả chúng ta cùng ăn với nhau.” Bạch Thế Tôn, phàm mọi sự nấu nướng, tất cả đều làm ban đêm, rất ít làm ban ngày. Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tàm quý, liền từ bỏ ăn ban đêm phi thời.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo thường đi khất thực trong đêm đen tối tăm,[3] họ bước lầm vào vũng nước nhớp, rơi vào vũng nước nhớp, đi lầm vào hàng rào gai, đi lầm vào chỗ con bò cái đang ngủ, gặp các loại đạo tặc[4] đã hành sự hay chưa hành sự, gặp các người đàn bà mời mọc một cách bất chánh.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, con đi khất thực trong đêm đen tối tăm. Một người đàn bà đang rửa chén bát thấy con trong khi trời chớp nhoáng, liền hoảng sợ và hét lớn: “Ôi kinh khủng thay cho tôi, có con quỷ [chạy] theo tôi!”

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, con nói với người đàn bà ấy:

– Này chị, không phải quỷ đâu. Đây là Tỷ-kheo đang đứng khất thực.

– Cha Tỷ-kheo hãy chết đi! Mẹ Tỷ-kheo hãy chết đi! Này Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho ông, lấy con dao sắc bén của người đồ tể cắt bụng của ông, còn hơn là vì lỗ bụng đi khất thực trong ban đêm tối tăm!

Bạch Thế Tôn, khi con nhớ như vậy, con suy nghĩ như sau: “Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta.”

150. – Tuy vậy, này Udāyi, ở đây có một số người ngu si, khi Ta nói: “Hãy từ bỏ việc này”, liền nói như sau: “Có sá gì sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này! Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán, đoạn giảm.”[5] Họ không chịu từ bỏ và gây nên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn [thực hành] học giới. Sự việc ấy, này Udāyi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.[6] Ví như, này Udāyi, có con chim cáy mái nhỏ[7] bị tấm lưới

[3] *Rattandhakāratimisāya*. Xem *D*. III. 85; *Pug*. 30.

[4] *MA*. III. 164 giải thích *māṇava* là *cora*, người ăn trộm.

[5] *Adhisallikhati*. Xem *A*. I. 236; *GS*. I. 217. Trong *MA*. III. 165, giải thích là *Atisallekhati ativāyāmaṃ karoti*.

[6] *Thūla kaḷiṅgara*. *MA*. III. 166 viết rằng nó giống như một miếng gỗ lớn treo nơi cổ.

[7] *D*. I. 91.

làm bằng dây leo trói chặt, ở đây, con chim có thể bị hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết.[8] Này Udāyi, nếu có ai nói như sau: "Con chim cáy mái nhỏ ấy bị tấm lưới làm bằng dây leo trói chặt, ở đây, con chim có thể bị sát hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Tuy vậy đối với con chim kia, lưới ấy không có chắc mạnh, lưới ấy yếu ớt, lưới ấy bị mục nát, lưới ấy không có cứng chắc." Này Udāyi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, con chim cáy mái nhỏ ấy bị tấm lưới làm bằng dây leo trói chặt, ở đấy, con chim có thể bị sát hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Đối với con chim kia, lưới ấy là mạnh mẽ, lưới ấy là vững chắc, lưới ấy là kiên cường, lưới ấy không mục nát, là một khúc gỗ to lớn.

– Cũng vậy, này Udāyi, ở đây, có một số người ngu si, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì việc tiểu tiết, nhỏ mọn này! Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán, đoạn giảm", và họ không chịu từ bỏ, gây nên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn [thực hành] học giới. Sự việc này, này Udāyi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

151. Nhưng này Udāyi, một số thiện gia nam tử, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự từ bỏ việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng con phải từ bỏ!" Họ từ bỏ sự việc ấy và không gây nên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn [thực hành] học giới. Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lăng xăng, lắng dịu, tùy thuộc những người khác [bố thí] (*paradavuttā*), sống với một tâm như con thú rừng.[9] Này Udāyi, như vậy đối với các vị kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc. Ví như, này Udāyi, một con voi của vua,[10] có ngà dài như cán cày, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc,[11] chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể đi chỗ nào nó muốn. Này Udāyi, nếu có ai nói như sau: "Con voi của vua có ngà dài như một cán cày ấy, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể đi chỗ nào nó muốn. Tuy vậy đối với con voi kia, sự trói buộc ấy mạnh mẽ, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn." Này Udāyi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, con voi của vua có ngà dài như một

---

[8] *Āgameti* = *Upeti*. Xem *MA*. III. 166.

[9] *Vin.* II. 184; *BD*. V. 259.

[10] *M.* I. 414.

[11] *A.* II. 33; *S.* III. 85.

cán cày ấy, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể đi chỗ nào nó muốn. Đối với con voi kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có kiên cường.

– Cũng vậy, này Udāyi, ở đây có một số thiện gia nam tử khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá chi việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng con phải từ bỏ." Họ từ bỏ việc ấy và không gây nên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn [thực hành] học giới. Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lăng xăng, lắng dịu, tùy thuộc những người khác [bố thí], sống với một tâm như con thú rừng. Này Udāyi, như vậy đối với các vị kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

152. Ví như, này Udāyi, một người nghèo khổ, không có vật sở hữu, khốn cùng, có một chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào; có một giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào; các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum, không đẹp mắt chút nào; và một bà vợ không đẹp mắt chút nào. Người ấy thấy một Tỷ-kheo trong tinh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn buổi cơm ngon lành, đang ngồi trong bóng mát, hướng về tăng thượng tâm. Người ấy suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh! Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Nhưng người ấy không thể từ bỏ cái chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào; không thể từ bỏ cái giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào; không thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum, không đẹp mắt chút nào; không thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này Udāyi, nếu có ai nói như sau: "Người kia, bị trói buộc bởi những trói buộc ấy, không thể từ bỏ cái chòi ở hư nát... không thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc." Này Udāyi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Người kia bị trói buộc bởi những trói buộc ấy không thể từ bỏ chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào; không thể từ bỏ giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào; không thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum, không đẹp mắt chút nào; không thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

– Cũng vậy, này Udāyi, ở đây, có một số người ngu si khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này. Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán, đoạn giảm" và họ không chịu từ bỏ, gây nên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn [thực hành] học giới. Sự việc này, này Udāyi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

153. Ví như, này Udāyi, gia chủ hay con người gia chủ, giàu có, tài sản lớn, tiền của lớn, vô số vàng bạc chất đống (*nikkhagaṇa*), vô số gạo thóc chất đống, vô số ruộng nương chất đống, vô số đất đai chất đống (*vatthugaṇa*), vô số thê thiếp chất đống, vô số đầy tớ nam chất đống, vô số nữ tỳ chất đống. Vị này thấy một Tỷ-kheo trong một tinh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn bữa cơm ngon lành, đang ngồi trong bóng mát, hướng về tăng thượng tâm. Vị này suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh! Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Vị này có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đống, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đống, có thể từ bỏ vô số ruộng nương chất đống, có thể từ bỏ vô số đất đai chất đống, có thể từ bỏ vô số thê thiếp chất đống, có thể từ bỏ vô số đầy tớ nam chất đống, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đống. Này Udāyi, nếu có ai nói như sau: "Người gia chủ hay con người gia chủ kia, bị trói buộc bởi những trói buộc ấy, có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đống... có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đống, để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn." Này Udāyi, ai nói như vậy, có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Người kia bị trói buộc bởi những trói buộc ấy có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đống, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đống, có thể từ bỏ vô số ruộng nương chất đống, có thể từ bỏ vô số đất đai chất đống, có thể từ bỏ vô số thê thiếp chất đống, có thể từ bỏ vô số đầy tớ nam chất đống, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đống, để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

– Cũng vậy, này Udāyi, ở đây, có một số thiện gia nam tử, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá chi sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng con phải từ bỏ!" Họ từ bỏ sự việc ấy và không gây nên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn [thực hành] học giới. Sau khi từ bỏ sự việc ấy, họ sống ít lăng xăng, lắng dịu, tùy thuộc những người khác [bố thí], sống với một tâm như con thú rừng. Này Udāyi, như vậy đối với họ, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

154. Này Udāyi, có bốn hạng người có mặt trên đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này Udāyi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y (*upadhipahāna*),[12] sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy[13] liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Vị này chấp nhận chúng, không đoạn trừ chúng, không từ bỏ chúng, không chấm dứt chúng, không tiêu diệt chúng. Này Udāyi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không bị trói buộc (*saṁyutta*)." Vì sao vậy? Này Udāyi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

Nhưng ở đây, này Udāyi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Nhưng vị này không chấp nhận chúng, đoạn trừ chúng, từ bỏ chúng, chấm dứt chúng, tiêu diệt chúng. Này Udāyi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không bị trói buộc." Vì sao vậy? Này Udāyi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

Nhưng ở đây, này Udāyi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo (*satisammosā*), các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y (*upadhipaṭisaṃyuttā*), tùy lúc, tùy thời hiện hành khởi lên. Này Udāyi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt [niệm ấy]. Này Udāyi, ví như một người nhỏ hai hay ba giọt nước vào một ấm nước đun sôi cả ngày, này Udāyi, giọt nước rơi một cách chậm chạp nhưng bị tiêu diệt, tiêu mất một cách mau chóng. Cũng vậy, này Udāyi, có người sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo, các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y, tùy lúc, tùy thời, hiện hành khởi lên. Này Udāyi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt [niệm ấy]. Này Udāyi, Ta nói: "Người này cũng bị trói buộc, không phải không bị trói buộc." Vì sao vậy? Này Udāyi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

Nhưng ở đây, này Udāyi, có người nghĩ rằng: "Sanh y là nguồn gốc của đau khổ", sau khi biết như vậy, vị ấy thành vô sanh y (*nirupadhi*), giải thoát với sự đoạn diệt sanh y. Này Udāyi, Ta nói: "Người này không bị trói buộc, không phải bị trói buộc." Vì sao vậy? Này Udāyi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

155. Này Udāyi, có năm dục trưởng dưỡng này.[14] Thế nào là năm? Sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Tiếng do tai nhận thức… Hương do mũi nhận thức... Vị do lưỡi nhận thức...

---

[12] *Upadhi*: Hành nghiệp còn lại làm căn cứ để tạo nên đời sống mới.

[13] *Sarasaṅkappā*. Xem *M.* III. 89, 132; *S.* IV. 76, 190.

[14] *M.* I. 85.

Xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Những pháp này, này Udāyi, là năm dục trưởng dưỡng. Này Udāyi, phàm có lạc gì, hỷ gì khởi lên, do duyên năm dục trưởng dưỡng này, lạc hỷ ấy được gọi là dục lạc, ô uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc, không nên thực hiện, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn. Ta nói rằng lạc ấy đáng phải sợ hãi.

156. Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Diệt tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Như vậy được gọi là yểm ly lạc, độc trú lạc, tịch tịnh lạc, chánh giác lạc, cần phải thực hiện, cần phải tu tập, cần làm cho sung mãn. Ta nói rằng lạc ấy không đáng sợ hãi.

Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Thiền này, này Udāyi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động (*iñjitasmiṃ*). Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây, chính là tầm tứ chưa đoạn diệt, chính tầm tứ này ở trong tình trạng dao động. Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Các Thiền này, này Udāyi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động. Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây, chính là hỷ lạc chưa được đoạn diệt, chính hỷ lạc này ở trong tình trạng dao động. Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo ly hỷ... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ ba. Thiền này, này Udāyi, Ta nói ở trong tình trạng dao động. Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây, chính là xả lạc chưa được đoạn diệt, chính xả lạc này ở trong tình trạng dao động. Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ tư. Thiền này, này Udāyi, Ta nói là không ở trong tình trạng dao động.

Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo ly dục... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ nhất. Thiền này, này Udāyi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn"; Ta nói: "Hãy từ bỏ đi"; Ta nói: "Hãy vượt qua đi." Và này Udāyi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ hai, đây là điều vị ấy cần vượt qua. Thiền này, này Udāyi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn"; Ta nói: "Hãy từ bỏ đi"; Ta nói: "Hãy vượt qua đi." Và này Udāyi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo ly hỷ... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ ba, đây là điều vị ấy cần vượt qua. Thiền này, này Udāyi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn"; Ta nói: "Hãy từ bỏ đi"; Ta nói: "Hãy vượt qua đi." Và này Udāyi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo xả lạc... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ tư. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua. Thiền này, này Udāyi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn"; Ta nói: "Hãy từ bỏ đi"; Ta nói: "Hãy vượt qua đi." Và này Udāyi, vị ấy cần phải vượt qua cái gì? Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua. Thiền này, này Udāyi,

Ta nói: "Chưa được hoàn toàn"; Ta nói: "Hãy từ bỏ đi"; Ta nói: "Hãy vượt qua đi." Và này Udāyi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua. Thiền này, này Udāyi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn"; Ta nói: "Hãy từ bỏ đi"; Ta nói: "Hãy vượt qua đi." Và này Udāyi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua. Thiền này, này Udāyi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn"; Ta nói: "Hãy từ bỏ đi"; Ta nói: "Hãy vượt qua đi." Và này Udāyi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua. Thiền này, này Udāyi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn"; Ta nói: "Hãy từ bỏ đi"; Ta nói: "Hãy vượt qua đi." Và này Udāyi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua. Chính vì [định] này, này Udāyi, mà Ta nói sự đoạn diệt của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này Udāyi, ông có thấy chăng, có kiết sử gì, nhỏ hay lớn mà Ta chưa nói đến sự đoạn diệt?

– Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Udāyi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng.

67. KINH CĀTUMĀ

(*Cātumā Sutta*)[1]

157. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Cātumā, trong rừng Āmalaki (Kha-lưu-lặc). Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sāriputta và Moggallāna dẫn đầu, cùng đến Cātumā để yết kiến Thế Tôn. Và các Tỷ-kheo mới đến chào hỏi các vị cựu trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, các tiếng náo động ồn ào khởi lên. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, các tiếng náo động ồn ào kia là các tiếng gì, thật giống như tiếng hàng đánh cá tranh giành cá với nhau.

– Bạch Thế Tôn, đó là khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sāriputta và Moggallāna dẫn đầu, đã đến Cātumā để yết kiến Thế Tôn. Và các Tỷ-kheo mới đến chào hỏi các vị cựu trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, các tiếng náo động ồn ào khởi lên.

– Vậy này Ānanda, hãy nhân danh Ta bảo các Tỷ-kheo ấy: "Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, đi đến chỗ các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy như sau:

– Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda, đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có nghĩ chăng, các tiếng náo động ồn ào thật giống như tiếng hàng đánh cá tranh giành cá với nhau?

– Bạch Thế Tôn, đó là khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sāriputta và Moggallāna dẫn đầu, đã đến Cātumā để yết kiến Thế Tôn. Và các Tỷ-kheo mới đến chào hỏi các vị cựu trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, các tiếng náo động ồn ào khởi lên.

---

[1] Xem *S.* III. 91; *A.* II. 123; *Ud.* 24; *Miln.* 187, 210. Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.2. 0770c13); *Xá-lợi-phất Ma-ha Mục-kiền-liên du tứ cù kinh* 舍利弗摩訶目犍連遊四衢經 (T.02. 0137. 0860a18).

– Hãy đi này các Tỷ-kheo, Ta đuổi các ông. Các ông chớ có ở gần Ta.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, sau đó dọn dẹp lại sàng tọa, cầm lấy y bát rồi ra đi.

158. Lúc bấy giờ, các Thích tử trú ở Cātumā đang hội họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Các Thích tử trú ở Cātumā thấy các Tỷ-kheo ấy từ xa đi đến; sau khi thấy, liền đến gặp các Tỷ-kheo; sau khi đến, bèn nói như sau:

– Nay chư Tôn giả đi đâu?

– Chư huynh, chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi đi.

– Chư Tôn giả hãy ngồi lại một lát. Chúng tôi có thể làm cho Thế Tôn vui lòng.

– Thưa vâng, chư huynh.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp các Thích tử trú ở Cātumā. Rồi các Thích tử trú ở Cātumā đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Thích tử trú ở Cātumā bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ở đây, có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong Pháp và Luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác,[2] họ có thể biến dạng (*vipariṇāma*). Ví như, bạch Thế Tôn, các hột giống cây nếu không được nước, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong Pháp và Luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Ví như, bạch Thế Tôn, con bê nếu không được thấy con bò mẹ, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong Pháp và Luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo.

159. Rồi Phạm thiên Sahampati (Ta-bà chủ) với tâm của mình biết được tâm Thế Tôn. Như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng như vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

---

[2] *Aññathatta*: Đổi khác. Xem *M.* I. 448; II. 51; *S.* III. 91-92.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ở đây, có những tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong Pháp và Luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Ví như, bạch Thế Tôn, các hột giống cây nếu không được nước, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây, có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong Pháp và Luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Ví như, bạch Thế Tôn, con bê nếu không được thấy con bò mẹ, nó có thể đổi khác, nó có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây, có những tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong Pháp và Luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo.

160. Các Thích tử ở Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã có thể làm Thế Tôn vui lòng với ví dụ hột giống và ví dụ con bê con. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna bảo các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền, hãy đứng dậy! Hãy cầm lấy y và bình bát! Thế Tôn đã được các Thích tử trú ở Cātumā và Phạm thiên Sahampati làm cho vui lòng với ví dụ hột giống và ví dụ con bê con.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna, từ chỗ ngồi đứng dậy, cầm lấy y bát, đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi một bên:

– Này Sāriputta, ông đã nghĩ gì khi chúng Tỷ-kheo bị Ta đuổi?

– Bạch Thế Tôn, khi chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi, con nghĩ như sau: "Nay Thế Tôn sẽ được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc. Chúng con nay cũng được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc."

– Này Sāriputta, hãy chờ đợi! Này Sāriputta, hãy chờ đợi! Này Sāriputta, chớ có để tư tưởng như vậy khởi lên nơi ông nữa.[3]

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Này Moggallāna, ông đã nghĩ gì khi chúng Tỷ-kheo bị Ta đuổi?

– Bạch Thế Tôn, khi chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi, con nghĩ như sau:

---

[3] Theo *MA*. III. 176, Tôn giả Sāriputta không nghĩ đến bổn phận của mình (*bhārabhāvā*) cũng như bổn phận của Tôn giả Moggallāna đối với Tăng đoàn; trong câu trả lời sau, Tôn giả Moggallāna được đức Phật tán thán. Đức Phật ít khi quở trách Tôn giả Sāriputta, xem *M*. II. 195; *MLS*. II. xxvi.

"Nay Thế Tôn sẽ được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc. Và nay, con và Tôn giả Sāriputta sẽ lãnh đạo chúng Tỷ-kheo."

– Lành thay, lành thay, Moggallāna. Này Moggallāna, chỉ có Ta hay Sāriputta và Moggallāna mới có thể lãnh đạo chúng Tỷ-kheo được.

161. Rồi Thế Tôn cho gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, có bốn điều đáng sợ hãi này chờ đợi những ai lội xuống nước. Thế nào là bốn? Sợ hãi về sóng, sợ hãi về cá sấu, sợ hãi về nước xoáy, sợ hãi về cá dữ. Này các Tỷ-kheo, bốn điều đáng sợ hãi này chờ đợi những ai lội xuống nước. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn điều đáng sợ hãi này, ở đây, chờ đợi những người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này. Thế nào là bốn? Sợ hãi về sóng, sợ hãi về cá sấu, sợ hãi về nước xoáy, sợ hãi về cá dữ.

162. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về sóng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện gia nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này." Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "Ông cần phải đi ra như vậy, ông cần phải đi về như vậy; ông cần phải ngó tới như vậy, ông cần phải ngó quanh như vậy; ông cần phải co tay như vậy, ông cần phải duỗi tay như vậy; ông cần phải mang y Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*), mang y bát như vậy." Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia, chúng ta chưa xuất gia, chính chúng ta giảng dạy, khuyên giáo người khác. Những người này giống như con chúng ta, giống như cháu chúng ta, lại nghĩ rằng cần phải giảng dạy chúng ta, cần phải khuyên giáo chúng ta." Vị ấy từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ sự học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về sóng. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về sóng là đồng nghĩa với phẫn não (*kodhupāyāsa*).

163. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cá sấu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện gia nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này." Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "Ông nên nhai cái này, ông không nên nhai cái này; ông nên ăn cái này, ông không nên ăn cái này; ông nên nếm cái này, ông không nên nếm cái này; ông nên uống cái này, ông không nên uống cái này. Cái gì được phép, ông nên nhai; cái gì không được phép, ông không nên nhai. Cái gì được phép, ông nên ăn; cái gì không được phép, ông không nên ăn. Cái gì được phép, ông nên nếm; cái gì không được phép, ông không nên nếm. Cái gì được phép, ông nên uống; cái gì không được phép, ông không nên uống. Đúng thời, ông nên nhai, không đúng thời, ông không nên nhai. Đúng thời, ông nên ăn; không đúng thời, ông không nên ăn. Đúng thời, ông nên nếm; không đúng thời,

ông không nên nếm. Đúng thời, ông nên uống; không đúng thời, ông không nên uống." Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia chúng ta chưa xuất gia, cái gì chúng ta muốn, chúng ta nhai; cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không nhai; cái gì chúng ta muốn, chúng ta ăn; cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không ăn; cái gì chúng ta muốn, chúng ta nếm, cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không nếm; cái gì chúng ta muốn, chúng ta uống, cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không uống. Cái gì được phép, chúng ta nhai; cái gì không được phép, chúng ta cũng nhai. Cái gì được phép, chúng ta ăn; cái gì không được phép, chúng ta cũng ăn. Cái gì được phép, chúng ta nếm; cái gì không được phép, chúng ta cũng nếm. Cái gì được phép, chúng ta uống; cái gì không được phép, chúng ta cũng uống. Cái gì đúng thời, chúng ta nhai; cái gì phi thời, chúng ta cũng nhai. Cái gì đúng thời, chúng ta ăn; cái gì phi thời, chúng ta cũng ăn. Cái gì đúng thời, chúng ta nếm; cái gì phi thời, chúng ta cũng nếm. Cái gì đúng thời, chúng ta uống; cái gì phi thời, chúng ta cũng uống. Khi các gia chủ có tín tâm cúng dường chúng ta những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, hình như các món ăn ấy đang bị chặn đứng lại trên miệng (*mukhāvaraṇaṃ karonti*)."

Vị ấy từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá sấu. Sợ hãi về cá sấu, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với tham ăn.

164. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về nước xoáy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện gia nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này." Khi được xuất gia như vậy, vị này buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khất thực, không phòng hộ thân, không phòng hộ lời nói, niệm không an trú, các căn không chế ngự. Ở đây, vị này thấy gia chủ hay con người gia chủ hưởng thụ một cách đầy đủ năm dục trưởng dưỡng và cảm thấy hoan hỷ trong ấy. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Chúng ta xưa kia chưa xuất gia đã hưởng thọ một cách đầy đủ năm dục trưởng dưỡng và cảm thấy hoan hỷ trong ấy. Vì nhà ta có tài sản, ta có thể vừa hưởng thọ tài sản, vừa làm công đức." Vị ấy từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị này từ bỏ học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về nước xoáy. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về nước xoáy là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng.

165. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cá dữ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện gia nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này." Khi được xuất gia như vậy, vị này buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khất thực, không phòng hộ thân, không phòng hộ lời nói, niệm không an trú, các căn không chế ngự. Vị này thấy ở đây các

phụ nữ y phục không đoan chánh, hay y phục mặc lộ liễu. Khi thấy các phụ nữ y phục không đoan chánh hay y phục lộ liễu, dục tình phá hoại tâm của vị ấy. Vị này, tâm bị dục tình phá hoại, từ bỏ học tập, trở về hoàn tục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá dữ. Này các Tỷ-kheo, sự sợ hãi về cá dữ là đồng nghĩa với phụ nữ.

Này các Tỷ-kheo, những điều này là bốn điều đáng sợ hãi ở đây, chờ đợi những người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

68. KINH NAḶAKAPĀNA

(*Naḷakapāna Sutta*)[1]

166. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala (Câu-tát-la) tại Naḷakapāna, rừng Palāsa. Lúc bấy giờ, nhiều thiện gia nam tử có thời danh, có danh tiếng, vì lòng tin Thế Tôn, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, như Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Nandiya, Tôn giả Kimbila, Tôn giả Bhagu, Tôn giả Kuṇḍadhāna, Tôn giả Revata, Tôn giả Ānanda và một số thiện gia nam tử có thời danh, có danh tiếng khác.[2] Lúc bấy giờ, Thế Tôn ngồi ở ngoài trời, có chúng Tỷ-kheo vây quanh. Rồi Thế Tôn, nhân vì các thiện gia nam tử ấy, bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các thiện gia nam tử ấy vì lòng tin Ta, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy có hoan hỷ trong Phạm hạnh không?

Khi được nghe nói vậy, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng. Lần thứ hai... (như trên). Lần thứ ba, Thế Tôn nhân vì các thiện gia nam tử ấy, bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các thiện gia nam tử ấy vì lòng tin Ta, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy có hoan hỷ trong Phạm hạnh không?

Cho đến lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy vẫn giữ im lặng.

167. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "Nay Ta hãy hỏi các thiện gia nam tử ấy." Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Anuruddha:

– Này Anuruddhā, các ông có hoan hỷ trong Phạm hạnh không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con hoan hỷ trong Phạm hạnh.

– Lành thay, lành thay, Anuruddhā! Này Anuruddhā, thật xứng đáng cho các ông, những thiện gia nam tử, vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông có hoan hỷ trong Phạm hạnh. Này Anuruddhā, trong khi các ông với tuổi trẻ tốt đẹp (*bhadra*), trong tuổi thanh xuân, với tóc đen nhánh, có thể hưởng thụ các dục lạc, thời các ông, này Anuruddhā, với tuổi trẻ tốt đẹp, trong tuổi thanh xuân, với tóc đen nhánh, lại xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Sa-kê-đế tam tộc tánh tử kinh* 娑雞帝三族姓子經 (*T*.01. 0026.77. 0544b21).

[2] *M*. I. 205, 212; III. 155; *Vin*. II. 128.

đình. Này Anuruddhā, các ông không vì mệnh lệnh của vua mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Các ông không vì mệnh lệnh của kẻ ăn trộm mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Các ông không vì nợ nần... không vì sợ hãi... Các ông không vì mất nghề sinh sống (*nājīvikāpakata*) mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng có phải với tư tưởng như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này" mà các ông, này Anuruddhā, vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Và xuất gia như vậy, này Anuruddhā, người thiện gia nam tử cần phải làm gì? Này Anuruddhā, ly dục, ly bất thiện pháp. Nếu không chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn, thời dục tham xâm chiếm (*pariyādāya*) tâm và an trú, sân xâm chiếm tâm và an trú, hôn trầm thụy miên... trạo cử hối quá... nghi hoặc... bất lạc... giải đãi xâm chiếm tâm và an trú. Này Anuruddhā, ly dục, ly bất thiện pháp, vị ấy không chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn. Này Anuruddhā, ly dục, ly bất thiện pháp, vị ấy chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn, thời dục tham không xâm chiếm tâm và an trú, sân không xâm chiếm tâm và an trú, hôn trầm thụy miên... trạo cử hối quá... nghi hoặc... bất lạc... giải đãi không xâm chiếm tâm và an trú. Này Anuruddhā, ly dục, ly bất thiện pháp, vị ấy chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn.

168. Này Anuruddhā, các ông nghĩ về Ta như thế nào? Các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não[3] sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thục, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy chưa được Như Lai đoạn trừ. Do vậy, Như Lai sau khi suy tư phân tích,[4] thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp?[5]

– Bạch Thế Tôn, chúng con không có nghĩ như vậy về Thế Tôn: "Các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thục, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy chưa được Như Lai đoạn trừ. Do vậy, Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp." Bạch Thế Tôn, chúng con nghĩ về Thế Tôn như sau: "Các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thục, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy đã được Như Lai đoạn trừ. Do vậy, Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn

---

[3] Như *M.* I. 250.

[4] *Saṅkhāya*. Xem *A.* II. 143.

[5] *M.* I. 7 nói về các phương pháp đối trị các lậu hoặc. 4 đoạn này được dùng kết nối 4 *apassena.* Xem thêm *D.* III. 224.

thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp.”

– Lành thay, lành thay, này Anuruddhā![6] Các lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thục, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai đã được Như Lai đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không thể sanh lại, không thể sanh khởi trong tương lai. Ví như, này Anuruddhā, cây Sa-la, đầu cây đã bị chặt đứt, không thể lớn lên nữa, cũng vậy, này Anuruddhā, các lậu hoặc liên hệ đến phiền não... (như trên)... không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp.

Này Anuruddhā, các ông nghĩ thế nào? Do thấy mục đích đặc biệt nào, Như Lai giải thích sự tái sanh của các đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, nói rằng: “Vị này tái sanh ở chỗ này, vị này tái sanh ở chỗ kia.”[7]

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các Pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm bậc Lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.[8]

– Này Anuruddhā, Như Lai không vì mục đích lường gạt quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích lợi lộc, trọng vọng, danh xưng, quyền lợi vật chất, không vì ý nghĩ: “Như vậy quần chúng sẽ biết Ta” mà Như Lai giải thích sự tái sanh của các vị đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, nói rằng: “Vị này tái sanh ở chỗ này, vị này tái sanh ở chỗ kia.” Và này Anuruddhā, có những thiện gia nam tử có tin tưởng với tín thọ cao thượng, với hoan hỷ cao thượng, sau khi được nghe như vậy, sẽ chú tâm trên như thật.[9] Như vậy, này Anuruddhā, là hạnh phúc, là an lạc lâu đời cho các vị ấy.

169. Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo có nghe: “Tỷ-kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Vị ấy an trú chánh trí.’” Vị Tỷ-kheo ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: “Tôn giả này có giới hạnh như vậy, Tôn giả này có pháp như vậy,[10] Tôn giả này có trí tuệ như vậy, Tôn giả này có an trú như vậy, Tôn giả này có giải thoát như vậy.” Tỷ-kheo ấy khi nhớ đến lòng tin, giới hạnh, đa văn, bố thí và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo có nghe: “Tỷ-kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: ‘Sau khi đoạn trừ năm hạ phần

---

[6] *M.* I. 250.

[7] *D.* II. 200.

[8] *M.* I. 310.

[9] *Tathatthāya*: Tình trạng như thật.

[10] *Evaṃdhammo*: Đây chỉ cho *Samādhi* (Định).

kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa.'" Vị Tỷ-kheo ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy, Tôn giả này có pháp như vậy... (như trên)... có trí tuệ như vậy... có an trú như vậy, Tôn giả này có giải thoát như vậy." Tỷ-kheo ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo có nghe: "Tỷ-kheo với tâm như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng quả Nhất lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau.'" Tỷ-kheo ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... Tôn giả này có giải thoát như vậy." Tỷ-kheo ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo có nghe: "Tỷ-kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được Chánh giác.'" Tỷ-kheo ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... Tôn giả này có giải thoát như vậy." Tỷ-kheo ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo ấy được sống lạc trú.

170. Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Vị ấy an trú chánh trí.'" Vị Tỷ-kheo-ni ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Tôn Ni này có giới hạnh như vậy, Tôn Ni này có pháp như vậy, Tôn Ni này có an trú như vậy, Tôn Ni này có giải thoát như vậy." Tỷ-kheo-ni ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... khi nhớ đến trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa.'" Vị Tỷ-kheo-ni ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Tôn Ni này có giới hạnh như vậy... Tôn Ni này có giải thoát như vậy." Tỷ-kheo-ni ấy nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng quả Nhất lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau.'" Vị Tỷ-kheo-ni ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Tôn Ni này có giới hạnh như vậy... (như trên)... Tôn Ni này có giải thoát như vậy." Tỷ-kheo-ni ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)...

và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được Chánh giác.'" Vị Tỷ-kheo-ni ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Tôn Ni này có giới hạnh như vậy... (như trên)... Tôn Ni này có giải thoát như vậy." Tỷ-kheo-ni ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, Tỷ-kheo-ni ấy được sống lạc trú.

171. Ở đây, này Anuruddhā, nam cư sĩ có nghe: "Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui đời này nữa.'" Vị nam cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... có pháp như vậy... có trí tuệ như vậy... có an trú như vậy, Tôn giả này có giải thoát như vậy." Nam cư sĩ ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, liền chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, nam cư sĩ ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, nam cư sĩ có nghe: "Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng quả Nhất lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau.'" Vị nam cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... (như trên)... Tôn giả này có giải thoát như vậy." Nam cư sĩ khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, nam cư sĩ ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, nam cư sĩ có nghe: "Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được chánh giác.'" Vị nam cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... (như trên)... có giải thoát như vậy." Tôn giả ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, nam cư sĩ ấy được sống lạc trú.

172. Ở đây, này Anuruddhā, nữ cư sĩ có nghe: "Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa.'" Vị nữ cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Nữ cư sĩ này có giới hạnh như vậy... có pháp như vậy... có trí tuệ như vậy... có an trú như vậy, nữ cư sĩ này có giải thoát như vậy." Nữ cư sĩ ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, liền chú tâm trên sự thật. Như vậy, này Anuruddhā, nữ cư sĩ ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, nữ cư sĩ có nghe: "Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng quả Nhất lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa, rồi sẽ diệt tận khổ đau.'" Vị nữ cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Nữ cư sĩ này có giới hạnh như vậy... (như trên)... nữ cư sĩ này có giải thoát như vậy." Nữ cư sĩ ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, nữ cư sĩ ấy được sống lạc trú.

Ở đây, này Anuruddhā, nữ cư sĩ có nghe: "Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: 'Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn được Chánh giác.'" Vị nữ cư sĩ ấy cũng được thấy hay cũng được nghe: "Nữ cư sĩ này có giới hạnh như vậy, nữ cư sĩ này có pháp như vậy, nữ cư sĩ này có trí tuệ như vậy, nữ cư sĩ này có an trú như vậy, nữ cư sĩ này có giải thoát như vậy." Nữ cư sĩ ấy khi nhớ đến lòng tin, giới hạnh, sự đa văn, bố thí và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, nữ cư sĩ ấy được sống lạc trú.

Như vậy, này Anuruddhā, Như Lai không vì mục đích lường gạt quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi lộc, trọng vọng, danh xưng, quyền lợi vật chất, không vì với ý nghĩ: "Như vậy quần chúng sẽ biết Ta" mà Như Lai giải thích sự tái sanh của các đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, nói rằng: "Vị này tái sanh ở chỗ này, vị này tái sanh ở chỗ kia." Và này Anuruddhā, có những thiện gia nam tử có tin tưởng, với tín thọ cao thượng, với hoan hỷ cao thượng, sau khi được nghe như vậy, sẽ chú tâm trên như thật. Như vậy, này Anuruddhā, là hạnh phúc, là an lạc lâu đời cho các vị ấy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

69. KINH GOLIYĀNI

(*Goliyāni Sutta*)[1]

173. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo Goliyāni là vị sống tại rừng núi, có hành động thô tháo, đã đến giữa Tăng chúng do một vài công vụ. Ở đây, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) nhân vì Tỷ-kheo Goliyāni, bảo các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng phải biết tôn trọng, cung kính các đồng Phạm hạnh. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng không biết tôn trọng, cung kính các đồng Phạm hạnh, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả ấy lại không tôn trọng, cung kính các đồng Phạm hạnh." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng phải biết tôn trọng, cung kính các đồng Phạm hạnh.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng phải biết khéo xử về chỗ ngồi, nghĩ rằng: "Ta sẽ ngồi, không có chiếm lấy[2] [chỗ ngồi] các Thượng tọa Tỷ-kheo, không có trục xuất[3] chỗ ngồi của các niên thiếu Tỷ-kheo." Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng, không biết khéo xử về chỗ ngồi, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại không biết hành động như pháp." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng phải biết khéo xử về chỗ ngồi.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng, không nên vào làng quá sớm và trở về[4] ban ngày. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng, nếu vào làng quá sớm và trở về ban ngày, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống

---

[1] Trong *Chú giải*, kinh này còn được viết là *Gulissāni Sutta*. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Cù-ni-sư kinh* 瞿尼師經 (*T.*01. 0026.26. 0454c24).

[2] *Vin.* II. 88; IV. 43.

[3] *Vin.* I. 47.

[4] Nghĩa là trở về chùa. Xem *Vin.* IV. 164, *Pācittiya* 85.

ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại vào làng quá sớm và trở về ban ngày." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng, không nên vào làng quá sớm và trở về ban ngày.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng không nên đi đến các gia đình trước buổi ăn hay sau buổi ăn.[5] Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng đi đến các gia đình trước buổi ăn hay sau buổi ăn, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Có phải Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, lại đi phi thời quá nhiều và xử sự như vậy (*samudācarati*) đối với chúng Tăng?" Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng không nên đi đến các gia đình trước buổi ăn hay sau buổi ăn.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng không nên trạo cử, dao động.[6] Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng mà trạo cử, dao động, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Có phải Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, lại trạo cử, dao động quá nhiều và xử sự như vậy đối với chúng Tăng?" Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng không nên trạo cử, dao động.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng không nên nói nhiều lời và nói tạp nhạp.[6] Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng nói nhiều lời và nói tạp nhạp, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại nói nhiều lời và nói tạp nhạp." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng không nên nói nhiều lời và nói tạp nhạp.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng phải là người dễ nói và là người thiện hữu.[7] Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng là người khó nói[8] và là người ác hữu, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại khó nói và là người ác hữu." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng phải là người dễ nói và là người thiện hữu.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thủ hộ các căn. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi không thủ hộ các căn, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống

---

[5] Xem *Vin.* IV. 99, *Pācittiya* 46.

[6] *M.* I. 32.

[7] *M.* I. 43.

[8] *Dubbaca*. Cũng có nghĩa là người khó nói, khó dạy. Xem *M.* I. 43.

một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại không thủ hộ các căn." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thủ hộ các căn.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải tiết độ trong sự ăn uống. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi không có tiết độ trong sự ăn uống, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại không có tiết độ trong sự ăn uống." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có tiết độ trong sự ăn uống.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải chú tâm cảnh giác. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi không chú tâm cảnh giác, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại không chú tâm cảnh giác." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải chú tâm cảnh giác.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải tinh cần, tinh tấn. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi mà biếng nhác, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại biếng nhác." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải tinh cần, tinh tấn.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải chánh niệm tỉnh giác. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi mà thất niệm, thời sẽ có người nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại thất niệm." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải chánh niệm tỉnh giác.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có thiền định. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi không có thiền định, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại không có thiền định." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có thiền định.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có trí tuệ. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi chỉ có liệt tuệ, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này lại chỉ có liệt tuệ." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có trí tuệ.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập Thắng pháp

(*Abhidhamma*), Thắng luật (*Abhivinaya*).[9] Này chư Hiền, sẽ có người hỏi Tỷ-kheo sống ở rừng núi về Thắng pháp, Thắng luật. Nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật mà không thể trả lời được, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật lại không có thể trả lời được." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có thực tập Thắng pháp, Thắng luật.

– Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập các pháp Tịch tịnh giải thoát (*santā vimokkhā*),[10] vượt khỏi các sắc pháp và các vô sắc pháp. Này chư Hiền, sẽ có người hỏi Tỷ-kheo sống ở rừng núi về các pháp Tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp, các vô sắc pháp. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi được hỏi về các pháp Tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp mà không thể trả lời được, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này được hỏi về các pháp Tịch tịnh giải thoát lại không có thể trả lời được." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập các pháp Tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập các pháp Thượng nhân. Này chư Hiền, sẽ có người hỏi Tỷ-kheo về những pháp Thượng nhân. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi được hỏi về các pháp Thượng nhân mà không thể trả lời được, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả này được hỏi về những pháp Thượng nhân lại không có thể trả lời được." Sẽ có người nói về vị ấy như vậy . Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập các pháp Thượng nhân.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Tôn giả Sāriputta như sau:

– Hiền giả Sāriputta, các pháp này cần phải được chấp trì và thực tập chỉ bởi Tỷ-kheo sống ở rừng núi hay bởi Tỷ-kheo sống ở gần thôn làng?

– Hiền giả Moggallāna, các pháp này cần phải được chấp trì và thực tập bởi Tỷ-kheo sống ở rừng núi, còn nói gì (*pageva*) Tỷ-kheo sống gần thôn làng.

---

[9] *MA*. III. 185 viết *Abhidhamma, Abhivinaya* là các tạng *Piṭaka*.

[10] Tám *Vimokkhā*. Xem *D*. II. 70-71.

70. KINH KĪṬĀGIRI

(*Kīṭāgiri Sutta*)[1]

174. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành ở Kāsi cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Ta từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do từ bỏ ăn ban đêm, Ta cảm thấy ít bệnh,[2] ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do từ bỏ ăn ban đêm, các ông sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn tiếp tục du hành ở Kāsi và đến một thị trấn xứ Kāsi tên là Kīṭāgiri. Rồi Thế Tôn ở tại Kīṭāgiri, một thị trấn xứ Kāsi.

175. Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo Assaji và Punabbasuka[3] đang ở Kīṭāgiri. Một số đông Tỷ-kheo đi đến chỗ Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka như sau:

– Chư Hiền, Thế Tôn từ bỏ ăn ban đêm, cả chúng Tỷ-kheo cũng vậy. Do từ bỏ ăn ban đêm, các vị ấy cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Chư Hiền, hãy đến và từ bỏ ăn ban đêm. Chư Hiền, do từ bỏ ăn ban đêm, chư Hiền sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú.

Được nghe nói vậy, Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời.[4] Do chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời, chúng tôi cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Sao chúng tôi lại bỏ hiện tại,[5] chạy theo tương lai?[6] Chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời.

---

[1] Xem *S.* II. 28; *A.* I. 47. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *A-thấp-bối kinh* 阿濕貝經 (*T.*01. 0026.195. 0749c01).

[2] *M.* I. 437.

[3] Hai trong 6 vị Tỷ-kheo lãnh đạo nhóm chống đối. Hai vị này trú ở Kīṭāgiri. Xem *Vin.* II. 9, 171; III. 81, 178.

[4] *M.* I. 448.

[5] *Sandiṭṭhika*: Có thể thấy và thực hiện được.

[6] *Kālika*: Đòi hỏi thời gian, không lập tức được.

Vì các Tỷ-kheo ấy không thể làm cho Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka chấp thuận nên các vị ấy đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con đi đến chỗ các Tỷ-kheo Assaji và Punabbasuka; sau khi đến, chúng con nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka như sau: "Chư Hiền, Thế Tôn từ bỏ ăn ban đêm... (như trên)... có sức lực và an trú." Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka nói với chúng con như sau: "Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời... (như trên)... chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời." Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka chấp thuận nên chúng con trình sự việc này lên Thế Tôn.

176. Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka: "Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka:

– Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka đang ngồi một bên:

– Có thật chăng, này các Tỷ-kheo, một số đông Tỷ-kheo đến các ông và nói như sau: "Chư Hiền, Thế Tôn từ bỏ ăn ban đêm, cả chúng Tỷ-kheo cũng vậy. Do từ bỏ ăn ban đêm, các vị ấy cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Chư Hiền, hãy đến và từ bỏ ăn ban đêm. Chư Hiền, do từ bỏ ăn ban đêm, chư Hiền sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú." Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, các ông nói với các Tỷ-kheo ấy như sau: "Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời. Do ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời, chúng tôi cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Sao chúng tôi lại bỏ hiện tại, chạy theo tương lai? Chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời?"

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

177. – Này các Tỷ-kheo, các ông có hiểu pháp Ta dạy như sau: "Một cá nhân cảm thọ bất cứ cảm giác nào (*evarūpa*), lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; đối với người ấy, các pháp bất thiện được đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các ông có hiểu pháp Ta dạy như sau: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt; ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng. Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ khổ thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt; ở đây, đối với một người, khi cảm thọ khổ thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn trừ, các thiện pháp được tăng trưởng. Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt; ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng"?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

178. – Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", có thể chăng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy từ bỏ lạc thọ như vậy"?[7] Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: "Hãy từ bỏ lạc thọ như vậy." Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng", có thể chăng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy chứng và trú lạc thọ như vậy"?[8] Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các thiện pháp được tăng trưởng, các bất thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: "Hãy chứng và trú lạc thọ như vậy."

179-180. Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm giác khổ thọ... (như trên)... khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", có thể chăng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy từ bỏ bất

[7] Đây chỉ 6 lạc thọ thuộc về dục giới.

[8] Chỉ cho lạc thọ không nên từ bỏ, tức là lạc thọ do yểm ly đưa đến.

khổ bất lạc thọ như vậy"? Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: "Hãy từ bỏ bất khổ bất lạc thọ như vậy." Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng", có thể chăng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy chứng và trú bất khổ bất lạc thọ như vậy"? Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các thiện pháp được tăng trưởng, các bất thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: "Hãy chứng và trú bất khổ bất lạc thọ như vậy."

181. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng đối với tất cả Tỷ-kheo, có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng đối với tất cả Tỷ-kheo, không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt được lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo như vậy, Ta nói rằng không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được các vị này làm, nhờ không phóng dật. Các vị này không thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo còn là các bậc Hữu học, tâm chưa thành tựu,[9] đang sống cần cầu sự vô thượng an ổn khỏi các triền ách; này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo như vậy, Ta nói rằng có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi các bậc Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, các vị ấy [cần phải] tự mình với thượng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, vì mục đích này, các thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo này, vì thấy quả này của không phóng dật nên Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

182. Này các Tỷ-kheo, có bảy hạng người sống trong đời này. Thế nào là

---

[9] *M.* I. 4.

bảy?[10] Bậc Câu phần giải thoát, bậc Tuệ giải thoát, bậc Thân chứng, bậc Kiến đáo, bậc Tín giải thoát, bậc Tùy pháp hành, bậc Tùy tín hành.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Câu phần giải thoát?[11] Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân[12] đã chứng đắc[13] các Tịch tịnh giải thoát,[14] vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp; và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người Câu phần giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói rằng không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật, vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Tuệ giải thoát? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi thân không chứng đắc các Tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp; và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói rằng không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật, vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Thân chứng?[15] Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi thân chứng đắc các Tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp; và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc Thân chứng. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói rằng có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, vị này [cần phải] tự mình với thượng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, vì mục đích này, các thiện gia nam tử đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Kiến đáo (*Diṭṭhipatta*)? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc các Tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp; và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn; và các pháp do Như Lai tuyên thuyết được vị này thấy một cách hoàn toàn với trí tuệ và thực hành một cách hoàn

---

[10] *M.* I. 439. *Vism.* 659. 7 bậc Hiền Thánh này được viết không cùng một thứ tự.

[11] *Ubhatobhāgavimutta.* Xem *M.* I. 439; *D.* II. 71; *A.* I. 74; IV. 453; *Pug.* 14, 72, 73. Trong *MA.* III. 188; *DA.* I. 514; III. 889, có giải thích rằng vị này giải thoát khỏi sắc thân (*rūpakāya*) nhờ chứng các vô sắc quả (*arūpasamapatti*) và giải thoát khỏi (*nāmakāya*) nhờ đạo (*magga*).

[12] *Kāya* bao gồm *rūpakāya* (sắc thân) và *nāmakāya* (danh thân).

[13] *Phassitvā.* Xem *MA.* I. 162.

[14] *D.* II. 70-1 có nói đến 8 giải thoát này. *MA.* I. 162 nói đến tịch tịnh, do từ sự tịch tịnh của các chi phần (*aṅga*) trên thân và của các đề mục thiền quán. Còn giải thoát (*vimokkha*) là giải thoát khỏi các pháp đối lập và chú tâm trên đề mục thiền quán.

[15] *Kāyasakkhi.* Xem *M.* I. 439; *Pug.* 14, 73.

toàn. Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là Kiến đáo. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người Tín giải thoát?[16] Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc các Tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp; và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và lòng tin của vị này đối với Như Lai đã được xác định, phát sanh từ căn để, an trú.[17] Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là bậc Tín giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người Tùy pháp hành?[18] Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc các Tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp; và sau khi đã thấy với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc không được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và các pháp do Như Lai tuyên thuyết, [chỉ] được vị này chấp nhận một cách vừa phải[19] với trí tuệ, dầu cho vị này có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.[20] Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người Tùy pháp hành. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người Tùy tín hành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc các Tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp; và sau khi đã thấy với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc không được đoạn trừ một cách hoàn toàn. Nhưng nếu vị này có đủ lòng tin và lòng thương[21] Như Lai, thời vị này sẽ có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người Tùy tín hành. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các

---

[16] *Sn.* 1146: Nhờ lòng tin, vị ấy được giải thoát.

[17] *Pug.* 15 giải thích khác, tuy đồng một định nghĩa cho bậc này và bậc trước nhưng cách nói có sự sai khác.

[18] *Dhammānusārī. Pug.* 15 cũng giải thích khác. Xem *M.* I. 142; *S.* III. 225, 228. *MA.* III. 190; *DA.* 890 viết *dhammo ti paññā, dhamma* là trí tuệ.

[19] *Mattaso nijjhānaṃ khamanti.*

[20] Xem *S.* V. 199.

[21] *Pug.* giải thích khác. Xem *M.* I. 142.

sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, nhưng vị này [cần phải] tự mình với thượng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, vì mục đích này, các thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

183. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng trí tuệ được hoàn thành lập tức. Nhưng này các Tỷ-kheo, trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, một vị có lòng tin đi đến gần; sau khi đến gần, vị ấy tỏ sự kính lễ;[22] sau khi tỏ sự kính lễ, vị ấy lóng tai; sau khi lóng tai, vị ấy nghe pháp; sau khi nghe pháp, vị ấy thọ trì pháp, vị ấy suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì; sau khi suy tư ý nghĩa, các pháp được chấp thuận; sau khi các pháp được chấp thuận, ước muốn sanh khởi; sau khi ước muốn sanh khởi, vị ấy nỗ lực; sau khi nỗ lực, vị ấy cân nhắc; sau khi cân nhắc, vị ấy tinh cần. Do tinh cần, vị ấy tự thân chứng được Sự thật tối thượng (*paramasaccaṃ*), và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy thấy. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu không có lòng tin ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự đến gần ấy; thời này các Tỷ-kheo, không có tỏ sự kính lễ ấy; thời này các Tỷ-kheo, không có sự lóng tai ấy; thời này các Tỷ-kheo, không có sự nghe pháp ấy; thời này các Tỷ-kheo, không có sự thọ trì pháp ấy; thời này các Tỷ-kheo, không có sự suy tư ý nghĩa ấy; thời này các Tỷ-kheo, không có sự chấp thuận pháp ấy; thời này các Tỷ-kheo, không có sự ước muốn ấy; thời này các Tỷ-kheo, không có sự nỗ lực ấy; thời này các Tỷ-kheo, không có sự cân nhắc ấy; thời này các Tỷ-kheo, không có sự tinh cần ấy. Này các Tỷ-kheo, ở đây, các ông đã đi vào phi đạo. Này các Tỷ-kheo, ở đây, các ông đã đi vào tà đạo. Thật là quá xa, này các Tỷ-kheo, các kẻ ngu này đã đi ra ngoài Pháp và Luật này.

184. Này các Tỷ-kheo, có sự thuyết trình gồm có bốn phần (*catuppada* - bốn cú), chính nhờ thuyết trình này, người có trí không bao lâu, nhờ tuệ biết được ý nghĩa. Ta sẽ đọc sự thuyết trình ấy lên cho các ông, này các Tỷ-kheo, các ông nhờ Ta sẽ hiểu thuyết trình ấy.

– Bạch Thế Tôn, chúng con là ai có thể biết được pháp?

– Này các Tỷ-kheo, cho đến một bậc Đạo sư[23] sống quá trọng vọng tài vật, là vị thừa tự tài vật, và sống liên hệ với tài vật, thời sự mua may bán đắt này không xảy ra: "Như vậy, chúng tôi sẽ làm việc này, và như vậy, chúng tôi sẽ không làm việc này", huống nữa là Như Lai, này các Tỷ-kheo, là vị sống hoàn toàn không liên hệ với các tài vật. Này các Tỷ-kheo, đối với một đệ tử có lòng

[22] *Payirupāsati* có nghĩa là kính trọng đối với một người nào, đi thăm một người nào, vị này ngồi xuống một bên. *MA*. III. 193, 426 viết rằng "vị này ngồi xuống một bên".

[23] Đây chỉ cho bậc Đạo sư thuộc ngoại đạo.

tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời tùy pháp[24] được khởi lên: "Bậc Đạo sư là Thế Tôn, đệ tử là tôi. Thế Tôn biết, tôi không biết." Này các Tỷ-kheo, đến với một đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời giáo pháp bậc Đạo sư được hưng thịnh, được nhiều sinh lực.[25] Này các Tỷ-kheo, đối với đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời tùy pháp này được khởi lên: "Dầu chỉ còn da, gân và xương; dầu thịt và máu trên thân bị khô héo,[26] mong rằng sẽ có tinh tấn lực để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu nhẫn nại, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần dõng." Này các Tỷ-kheo, đối với một đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, vị ấy sẽ chứng được một trong hai quả như sau: Chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[24] *Anudhamma*: Tùy pháp, một phương pháp hợp chánh pháp.

[25] *Ojavantaṃ*. *MA*. III. 194 viết *sinehavantaṃ*.

[26] *MA*. III. 194 giải thích sự minh họa về da, gân, xương và máu với thịt là chỉ cho sự tinh tấn 4 phần. Nhưng sự trình bày 4 phần này có lẽ chỉ cho 4 hạng đệ tử có lòng tin. Ở đây cũng không đề cập đến Bốn sự thật (*MA*. III. 193).

71. KINH BA MINH VACCHAGOTTA
(*Tevijjavacchagotta Sutta*)[1]

185. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Vesāli (Tỳ-xá-ly), Đại Lâm, tại Kūṭāgārasālā (Trùng Các giảng đường). Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta[2] ở tại Ekapuṇḍarīka,[3] vườn các du sĩ ngoại đạo. Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Vesāli để khất thực. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để đi vào Vesāli khất thực, Ta hãy đi đến Ekapuṇḍarīka, vườn các du sĩ ngoại đạo, đi đến du sĩ ngoại đạo Vacchagotta." Rồi Thế Tôn đi đến Ekapuṇḍarīka, vườn các du sĩ ngoại đạo, đi đến du sĩ ngoại đạo Vacchagotta. Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta thấy Thế Tôn từ đằng xa đi đến, khi thấy vậy, liền nói với Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đến. Bạch Thế Tôn, thiện lai, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, đã từ lâu, Thế Tôn mới có dịp này, tức là đến tại đây. Bạch Thế Tôn, mời Thế Tôn ngồi; đây là chỗ đã soạn sẵn.

Thế Tôn ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Sa-môn Gotama là bậc Nhứt Thiết Trí, là bậc Nhứt Thiết Kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: 'Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục.'" Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là bậc Nhứt Thiết Trí, là bậc Nhứt Thiết Kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: 'Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục.'" Bạch Thế Tôn, những vị ấy nói về Thế Tôn có đúng với điều đã được nói; những vị ấy không vu khống Thế Tôn với điều không thực, đã giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp; và không một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách?

– Này Vaccha, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là bậc Nhứt Thiết Trí, là bậc Nhứt Thiết Kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: 'Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục.'" Họ

---

[1] Xem *M*. I. 91; *Kvu*. 267.

[2] Xem *S*. III. 257; IV. 391; *A*. I. 160; *Thag*. 112.

[3] *MA*. III. 195; *DA*. II. 416 cho rằng *puṇḍarīka* là một cây xoài trắng. Chỉ có một cây (*eka*) mọc trong khu vườn của các du sĩ này. Khu vườn này không phải *Ekapuṇḍarīka uyyāna* trong *M*. I. 252.

nói về Ta không đúng với điều đã được nói, họ đã vu khống Ta với điều không thực, hư ngụy.

186. – Phải giải thích như thế nào, bạch Thế Tôn, chúng con mới nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói; chúng con không vu khống Thế Tôn với điều không thực; chúng con mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp; và không một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách?

– Ông phải giải thích: "Sa-môn Gotama là bậc có Ba minh (*Tevijja*)", thì này Vaccha, ông mới là người nói về Ta đúng với điều đã được nói; mới không vu khống Ta với điều không thực; mới giải thích về Ta đúng pháp và tùy pháp; và mới không có một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách. Này Vaccha, khi nào Ta muốn, Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Vaccha, nếu Ta muốn, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Vaccha, với sự đoạn diệt các lậu hoặc, Ta ngay trong hiện tại, tự mình với thượng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Và với sự giải thích: "Sa-môn Gotama là bậc có Ba minh", này Vaccha, người ấy mới là người nói về Ta đúng với điều đã được nói; mới không vu khống Ta với điều không thực; mới giải thích về Ta đúng pháp và tùy pháp; và mới không có một vị đồng hành pháp nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách.

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, có thể có người tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia[4] mà khi thân hoại mạng chung lại có thể đoạn tận khổ đau?

– Này Vaccha, không có người tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể đoạn tận khổ đau.

– Tôn giả Gotama, có thể có người tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể sanh thiên?

---

[4] Có lẽ nói đến vợ, con và người hầu hạ. *Chú giải* nói đến tất cả các vật phụ tùng, cần thiết, v.v…

– Không phải chỉ một trăm, này Vaccha, không phải hai trăm, không phải ba trăm, không phải bốn trăm, không phải năm trăm, nhưng nhiều hơn như vậy, là những người tại gia không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể sanh thiên.

– Tôn giả Gotama, có hạng tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể diệt tận khổ đau?

– Này Vaccha, không có một tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể diệt tận khổ đau.

– Tôn giả Gotama, có hạng tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh thiên?

– Này Vaccha, dầu cho Ta có nhớ đến chín mươi mốt kiếp, Ta không biết một tà mạng ngoại đạo nào đã sanh thiên, trừ một vị, và vị này thuyết về nghiệp, thuyết về tác dụng của nghiệp.

– Sự việc là như vậy, Tôn giả Gotama, thời ngoại đạo giới này (*titthāyatana*)[5] là trống không cho đến vấn đề sanh thiên.

– Sự việc là như vậy, này Vaccha, thời ngoại đạo giới này là trống không cho đến vấn đề sanh thiên.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta hoan hỷ tín thọ lời của Thế Tôn dạy.

[5] Xem *A.* I. 173; *Vin.* I. 60, 69; II. 279; IV. 217.

72. KINH AGGIVACCHAGOTTA

(*Aggivacchagotta Sutta*)[1]

187. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta[2] đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng"?

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng."

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng"?

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng."

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng"?

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng."

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng"?

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng."

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng"?

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng."

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng"?

---

[1] Xem *S.* IV. 374. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.962. 0245b26); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.196. 0444c29).

[2] *S.* III. 257; IV. 319 viết rằng du sĩ ngoại đạo Vacchagotta hỏi Tôn giả Moggallāna những câu hỏi này.

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng.”

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: “Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”?

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng.”

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: “Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”?

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng.”

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: “Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”?

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng.”

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: “Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”?

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng.”

188. – Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: “Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: ‘Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng’?” Tôn giả Gotama đã trả lời: “Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: ‘Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng.’” Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: “Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: ‘Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng’?” Tôn giả Gotama đã trả lời: “Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: ‘Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng.’” Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: “Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: ‘Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng’?” Tôn giả Gotama đã trả lời: “Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: ‘Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng.’” Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: “Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: ‘Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng’?” Tôn giả Gotama đã trả lời: “Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: ‘Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng.’”... (như trên). Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: “Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: ‘Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng’?” Tôn giả Gotama đã trả lời: “Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: ‘Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy

là chơn, ngoài ra là hư vọng.'" Tôn giả Gotama thấy có sự nguy hại gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy?

189. – Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là thường trú", như vậy là tà kiến,[3] kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là vô thường"... "Thế giới là hữu biên"... "Thế giới là vô biên"... "Sinh mạng và thân thể là một"... "Sinh mạng và thân thể là khác"... "Như Lai có tồn tại sau khi chết"... "Như Lai không có tồn tại sau khi chết"... "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết"... Này Vaccha, nghĩ rằng: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến như vậy.

– Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không?

– Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, đây là điều Như Lai đã thấy: "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt." Do vậy Ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng (*maññita*),[4] tất cả hôn mê (*mathita*), của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.

190. – Thưa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được Tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?

– Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?

– Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?

– Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?

– Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Khi được hỏi: "Tôn giả Gotama, vị Tỷ-kheo được Tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?" Tôn giả đáp: "Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng." Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?"

---

[3] *M.* I. 8, 431.

[4] *MA*. III. 198 và *SA*. II. 363 đề cập 3 là ái, tà kiến và mạn, trong khi *Vbh*. 390 đề cập 9.

Tôn giả đáp: "Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng." Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?" Tôn giả đáp: "Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng." Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?" Tôn giả đáp: "Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng." Thưa Tôn giả Gotama, tôi trở thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm này và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại, nay đã biến mất nơi tôi.

– Này Vaccha, thôi vừa rồi, vô tri của ông! Thôi vừa rồi, mê mờ [của ông]! Này Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luận bàn, tế nhị, chỉ bậc Trí mới hiểu. Thật rất khó cho ông có thể hiểu được, khi ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác.[5]

191. Và này Vaccha, nay Ta trở lại hỏi ông, hãy trả lời nếu ông kham nhẫn. Này Vaccha, ông nghĩ thế nào? Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt ông, ông có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi"?

– Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, tôi có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi."

– Nhưng nếu, này Vaccha, có người hỏi ông như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?" Nếu được hỏi vậy, này Vaccha, ông trả lời như thế nào?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?" Nếu được hỏi vậy, thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: "Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do duyên nhiên liệu (*upādāna*) cỏ và củi."

– Này Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt (*nibbāyeyya*) trước mặt ông, ông có biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi"?

– Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi."

– Này Vaccha, nếu có người hỏi ông như sau: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam?" Được hỏi vậy, này Vaccha, ông trả lời thế nào?

– Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, này Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, lửa đã bị tắt.

---

[5] *M.* II. 43; *D.* I. 47; III. 35.

192. – Cũng vậy, này Vaccha, do sắc pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai, có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là sắc, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng. Do thọ này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát cái gọi là thọ, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng. Do tưởng này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, tưởng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát cái gọi là tưởng, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng. Do những hành này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát những cái gọi là hành, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng. Do thức này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận thức được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt được tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Khi được nghe nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, như một cây Sa-la lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây (*pheggu*) rơi rụng và sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh chỉ còn lại lõi cây.[6] Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại lõi cây. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy

[6] *Suddho assa sāre patiṭṭhito*, như *M.* I. 31-2. Xem *M.* 29, *Mahāsāropama Sutta* (*Đại kinh Thí dụ lõi cây*); *M.* 30, *Cūḷasāropama Sutta* (*Tiểu kinh Thí dụ lõi cây*), *M.* I. 434.

sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

73. ĐẠI KINH VACCHAGOTTA

(*Mahāvacchagotta Sutta*)[1]

193. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), nơi Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

– Đã lâu rồi tôi mới được hầu chuyện với Tôn giả Gotama. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama giảng cho tôi một cách vắn tắt các thiện và bất thiện pháp!

– Này Vaccha, Ta có thể giảng cho ông một cách vắn tắt các thiện và bất thiện pháp. Này Vaccha, Ta có thể giảng cho ông một cách rộng rãi các thiện và bất thiện pháp. Nhưng này Vaccha, Ta sẽ giảng cho ông một cách vắn tắt các thiện và bất thiện pháp. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

194. – Tham, này Vaccha, là bất thiện; vô tham là thiện. Sân, này Vaccha, là bất thiện; vô sân là thiện. Si, này Vaccha, là bất thiện; vô si là thiện. Như vậy, này Vaccha, ba pháp là bất thiện, ba pháp là thiện. Sát sanh,[2] này Vaccha, là bất thiện; từ bỏ sát sanh là thiện. Lấy của không cho, này Vaccha, là bất thiện; từ bỏ lấy của không cho là thiện. Tà hạnh trong các dục, này Vaccha, là bất thiện; từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện. Vọng ngữ, này Vaccha, là bất thiện; từ bỏ vọng ngữ là thiện. Nói hai lưỡi, này Vaccha, là bất thiện; từ bỏ nói hai lưỡi là thiện. Nói ác khẩu, này Vaccha, là bất thiện; từ bỏ nói ác khẩu là thiện. Nói lời phù phiếm, này Vaccha, là bất thiện; từ bỏ nói lời phù phiếm là thiện. Xan tham, này Vaccha, là bất thiện; không xan tham là thiện. Sân, này Vaccha, là bất thiện; không sân là thiện. Tà kiến, này Vaccha, là bất thiện; Chánh kiến là thiện. Như vậy, này Vaccha, mười pháp là bất thiện, mười pháp là thiện. Này Vaccha, khi ái được một Tỷ-kheo đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai, Tỷ-kheo ấy là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm,

---

[1] Xem *Kvu*. 505. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.964. 0246b12); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.198. 0446a11).

[2] *M*. I. 285-86; *D*. I. 4.

đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát.

195. – Mong sự việc là như vậy đối với Tôn giả Gotama. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Tỷ-kheo là đệ tử đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Tỷ-kheo đệ tử của Ta đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

– Mong sự việc là như vậy đối với Tôn giả Gotama. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Tỷ-kheo-ni là đệ tử đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Tỷ-kheo-ni đệ tử của Ta đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

– Mong sự việc là như vậy đối với Tôn giả Gotama. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo-ni. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một nam cư sĩ là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không phải trở lại đời này nữa?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm... không phải năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những nam cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không phải trở lại đời này nữa.

– Mong sự việc là như vậy đối với Tôn giả Gotama. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo-ni. Mong sự việc là như vậy đối với nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một nam cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, [tuy] hưởng thụ dục lạc nhưng xây dựng Thánh giáo (*Sāsanakaro*), chấp nhận giáo huấn (*ovādapaticaro*), đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc Vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm... không phải năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những nam cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc, nhưng xây dựng Thánh giáo, chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc Vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư.

– Mong sự việc là như vậy đối với Tôn giả Gotama. Mong sự việc là như vậy

đối với các Tỷ-kheo. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo-ni. Mong sự việc là như vậy đối với nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh. Mong sự việc là như vậy đối với nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một nữ cư sĩ, là bậc đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không trở lại đời này nữa?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm... không phải năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không trở lại đời này nữa.

– Mong sự việc là như vậy đối với Tôn giả Gotama. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo-ni. Mong sự việc là như vậy đối với các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh. Mong sự việc là như vậy đối với các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ các dục lạc. Mong sự việc là như vậy đối với các nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc, nhưng xây dựng Thánh giáo, chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc Vô sở úy, không dựa vào người khác,[3] sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm, không phải hai trăm, không phải ba trăm, không phải bốn trăm, không phải năm trăm mà nhiều hơn thế nữa là những nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc, nhưng xây dựng Thánh giáo, chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc Vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư.

196. – Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, nhưng các Tỷ-kheo không được thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này đã không được đầy đủ về phương diện này. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này và các Tỷ-kheo cũng được thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này đã được đầy đủ về phương diện này.

Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo đã thành mãn và các Tỷ-kheo-ni không thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này không được đầy đủ về phương diện này. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo đã thành mãn và các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này được đầy đủ về phương diện này.

Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo đã thành mãn, các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn và các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh không thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này đã không được đầy đủ về phương diện này. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng

[3] *M.* I. 235.

Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo cũng đã thành mãn, các Tỷ-kheo-ni cũng đã thành mãn, các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh cũng đã thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này đã được đầy đủ về phương diện này.

Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo đã thành mãn, các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn nhưng các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc không thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này không được đầy đủ về phương diện này. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo đã thành mãn, các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn và các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc đã thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này được đầy đủ về phương diện này.

Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo đã thành mãn, các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn và các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc đã thành mãn, nhưng các nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh không thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này không được đầy đủ về phương diện này. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo đã thành mãn, các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ các vật dục đã thành mãn và các nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này được đầy đủ về phương diện này.

Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo đã thành mãn, các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc đã thành mãn, các nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, nhưng các nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc không thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này đã không đầy đủ về phương diện này. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo đã thành mãn, các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, các nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc đã thành mãn, các nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn và các nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ các vật dục đã thành mãn; như vậy, Phạm hạnh này được đầy đủ về phương diện này.

197. Thưa Tôn giả Gotama, ví như con sông Hằng (Gaṅgā) hướng về biển cả, chảy về biển cả, xuôi dòng về biển cả, liền đứng lại khi xúc chạm với biển cả;[4] cũng vậy, hội chúng (*parisā*) này của Tôn giả Gotama, gồm có cư sĩ và

[4] *Samuddaṃ āhacca tiṭṭhati.*

xuất gia, hướng về Niết-bàn, chảy về Niết-bàn, xuôi dòng về Niết-bàn, đứng lại khi xúc chạm với Niết-bàn. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

– Này Vaccha, ai trước kia thuộc ngoại đạo muốn xuất gia trong Pháp và Luật này, muốn thọ Đại giới, người ấy phải sống bốn tháng biệt trú. Sau bốn tháng, nếu các Tỷ-kheo hoan hỷ, có thể cho vị ấy xuất gia, cho thọ Đại giới để trở thành Tỷ-kheo. Nhưng ở đây, Ta biết sự sai biệt về tâm tánh chúng sanh.

– Bạch Thế Tôn, nếu những ai trước kia thuộc ngoại đạo,[5] muốn xuất gia trong Pháp và Luật này, muốn thọ Đại giới phải sống bốn tháng biệt trú. Sau bốn tháng, [nếu] các Tỷ-kheo hoan hỷ, có thể cho [những vị ấy] xuất gia, cho thọ Đại giới để trở thành Tỷ-kheo, con sẽ sống biệt trú bốn năm. Sau bốn năm, nếu các Tỷ-kheo hoan hỷ, hãy cho con xuất gia, cho con thọ Đại giới để thành Tỷ-kheo.

Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới. Không lâu sau khi thọ Đại giới, nửa tháng sau khi thọ Đại giới, Tôn giả Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cho đến mức độ Trí hữu học (*Sekhena ñāṇena*), Minh hữu học (*Sekhāya vijjāya*) có thể chứng đạt, con đã chứng đạt. Mong Thế Tôn dạy cho con pháp [khác] cao hơn (*dhammā uttari*).

– Vậy này Vaccha, hãy tu tập hai pháp cao hơn này, Chỉ và Quán. Này Vaccha, hai pháp này được tu tập cao hơn, Chỉ và Quán, sẽ đưa đến sự thể nhập vào một số giới (*dhātu*) sai biệt.

198. Này Vaccha, nếu ông muốn như sau: "Ta muốn chứng được[6] các loại thần thông; ta có thể một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; ta có thể hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; ta có thể độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta có thể đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ta có thể ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim, với bàn tay ta có thể chạm và rờ mặt trăng, mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; ta có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên", ông sẽ đạt được cái gì có thể chứng ngộ ở tại đây,[7] nếu ông còn giữ được đối tượng.[8]

---

[5] Như *M.* I. 391, 512.

[6] *M.* I. 34.

[7] *Tatra tatreva sakkhibhabbataṃ pāpuṇissasi.*

[8] *Sati satiāyatane. MA.* III. 202; IV. 146 giải thích là *kāraṇe*. *Āyatana* có lẽ nghĩa là nguyên nhân, đối tượng chánh, mục đích, lý do đầy đủ, như *M.* III. 96 và *A.* III. 27.

Này Vaccha, nếu ông muốn như sau: "Với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, ta có thể nghe được hai loại tiếng, loài trời và loài người, xa hay gần"; ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ ở tại đây, nếu ông còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, nếu ông muốn như sau: "Mong rằng ta có thể biết được tâm của các chúng sanh khác, của các người khác với tâm của ta; tâm có tham, ta có thể biết được là tâm có tham; hay tâm vô tham, ta có thể biết được là tâm vô tham; hay tâm có sân, ta có thể biết được là tâm có sân; hay tâm vô sân, ta có thể biết được là tâm vô sân; hay tâm có si, ta có thể biết được là tâm có si; hay tâm vô si, ta có thể biết được là tâm vô si; hay tâm chuyên chú, ta có thể biết được là tâm chuyên chú; hay tâm tán loạn, ta có thể biết được là tâm tán loạn; hay tâm đại hành, ta có thể biết được là tâm đại hành; hay tâm không phải đại hành, ta có thể biết được là tâm không phải đại hành; hay tâm chưa vô thượng, ta có thể biết là tâm chưa vô thượng; hay tâm vô thượng, ta có thể biết là tâm vô thượng; hay định tâm, ta có thể biết là định tâm; hay không phải định tâm, ta có thể biết là không phải định tâm; hay giải thoát tâm, ta có thể biết là giải thoát tâm; hay không phải giải thoát tâm, ta có thể biết là không phải giải thoát tâm"; ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu ông còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, ông có thể muốn như sau: "Ta có thể nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, hai trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: 'Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ, lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ, lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây. Như vậy, ta có thể nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết'"; ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu ông còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, ông có thể muốn như sau: "Với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta có thể biết rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta có thể biết chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều

do hạnh nghiệp của họ"; ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu ông còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, ông có thể muốn như sau: "Với sự đoạn trừ các lậu hoặc, mong rằng ta có thể với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát"; ông sẽ chứng đạt những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu ông còn giữ được đối tượng.

199. Rồi Tôn giả Vaccha hoan hỷ, tùy hỷ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi từ biệt. Rồi Tôn giả Vacchagotta độc trú viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần; không bao lâu với thắng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh; vì mục đích này, thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Tôn giả biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời khác nữa." Và Tôn giả Vacchagotta đã trở thành một vị A-la-hán khác nữa.[9]

200. Sau một thời gian, một số đông Tỷ-kheo đi đến yết kiến Thế Tôn. Tôn giả Vacchagotta thấy các Tỷ-kheo từ đàng xa đi đến, sau khi thấy, liền đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy như sau:

– Nay chư Tôn giả đang đi đâu?

– Thưa Hiền giả, chúng tôi đi đến yết kiến Thế Tôn.

– Vậy chư Tôn giả hãy nhân danh tôi, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vacchagotta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và nói như sau: 'Thế Tôn đã được con hầu hạ, Thiện Thệ đã được con hầu hạ.'"

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vacchagotta. Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Vacchagotta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch như sau: "Thế Tôn đã được con hầu hạ,[10] Thiện Thệ đã được con hầu hạ."

– Này các Tỷ-kheo, Ta đã được biết tâm của Tỷ-kheo Vacchagotta với tâm của Ta như sau: "Tỷ-kheo Vacchagotta là bậc Tam minh, có đại thần lực, có đại uy lực." Các chư thiên cũng báo với Ta ý nghĩa ấy: "Tỷ-kheo Vacchagotta là bậc Tam minh, có đại thần lực, có đại uy lực."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[9] Bài kệ của vị này được kiết tập trong *Thag*. 112.

[10] *Paricinna*. Xem *S*. IV. 57; *Thag*. 178, 604, 687, 792, 891.

74. KINH TRƯỜNG TRẢO

(*Dīghanakha Sutta*)[1]

201. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), trong hang Sūkarakhata. Rồi du sĩ ngoại đạo Dīghanakha[2] (Trường Trảo) đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, du sĩ ngoại đạo Dīghanakha nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, tôi có lý thuyết như sau, tôi có tri kiến như sau: "Tất cả[3] đều không làm cho tôi thích thú."

– Này Aggivessana, tri kiến: "Tất cả đều không làm cho tôi thích thú", tri kiến ấy không làm ông thích thú?

– Tôn giả Gotama, nếu tri kiến ấy làm tôi thích thú, thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy.

– Này Aggivessana, nếu số đông người ở trong đời đã nói như sau: "Thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy", thời họ không từ bỏ tri kiến ấy, họ chấp thủ một tri kiến khác.[4] Này Aggivessana, nếu thiểu số người ở trong đời đã nói như sau: "Thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy", thời họ sẽ từ bỏ tri kiến ấy và không chấp thủ một tri kiến khác.

Này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú." Này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú." Này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú." Ở đây, này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú", tri kiến này của họ là gần với tham dục,[5] gần với triền phược, gần với hoan lạc,

---

[1] Xem *MNid*. 254, 284. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.969. 0249a29); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.203. 0449a04); *Trường Trảo Phạm chí duyên kinh* 長爪梵志緣經 (*T*.04. 0200.90. 0255a16); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.1a. 0062b18); *A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa luận* 阿毘達磨大毘婆沙論 (*T*.27. 1545.98. 0509b17).

[2] Cháu trai của Tôn giả Sāriputta.

[3] *MA*. III. 204 giải thích đối với Dīghanakha, tất cả (*sabba*) những gì khởi lên và tái sanh; và như vậy Dīghanakha là một nhà Đoạn diệt luận. Còn Tôn giả Gotama hiểu chữ *sabba* theo nghĩa thông thường.

[4] *MA*. III. 205 phân biệt các tri kiến ấy là Đoạn kiến và Thường kiến.

[5] *M*. I. 411.

gần với đắm trước, gần với chấp thủ. Ở đây, này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú", tri kiến này của họ là gần với không tham dục, gần với không triền phược, gần với không hoan lạc, gần với không đắm trước, gần với không chấp thủ.

202. Khi được nghe nói vậy, du sĩ ngoại đạo Dīghanakha thưa với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama tán dương quan điểm của tôi, Tôn giả Gotama hết sức tán dương quan điểm của tôi.

– Ở đây, này Aggivessana, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú", cái gì trong tri kiến này làm họ thích thú là gần với tham dục,[6] gần với triền phược, gần với hoan lạc, gần với đắm trước, gần với chấp thủ? Cái gì trong tri kiến này làm họ không thích thú là gần với không tham dục, gần với không triền phược, gần với không hoan lạc, gần với không đắm trước, gần với không chấp thủ?

Ở đây, này Aggivessana, những Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm tôi thích thú." Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: 'Tất cả đều làm tôi thích thú', và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này[7] và nói: 'Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng', như vậy là đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: 'Tất cả đều làm cho tôi không thích thú', và Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: 'Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú.' Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này. Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận; khi nào có tranh luận thời có chống đối; khi nào có chống đối thời có bực mình." Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bực mình nên từ bỏ tri kiến này, không chấp thủ tri kiến này. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

203. Ở đây, này Aggivessana, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú." Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: 'Tất cả đều làm tôi không thích thú', và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: 'Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng', thì như vậy, ta đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: 'Tất cả đều làm cho tôi thích thú', và Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: 'Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú.' Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này. Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận; khi nào có tranh luận thời có chống đối; khi nào có chống đối thời

---

[6] *M.* I. 130, 257.

[7] *M.* I. 144.

có bực mình." Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bực mình, nên từ bỏ tri kiến ấy, không chấp thủ tri kiến này. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

204. Ở đây, này Aggivessana, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú." Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: 'Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú', và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: 'Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng', thì như vậy, ta đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: 'Tất cả đều làm cho tôi thích thú', và Sa-môn hay Bà la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: 'Tất cả đều làm cho tôi không thích thú.' Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này. Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận; khi nào có tranh luận thời có chống đối; khi nào có chống đối thời có bực mình." Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bực mình, nên từ bỏ tri kiến này, không chấp thủ tri kiến này. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

205. Nhưng này Aggivessana, thân này có sắc, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt,[8] cần phải được quán sát là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã.[9] Khi vị ấy quán sát thân này là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã thời đối với thân, thân dục, thân ái, thân phục tòng được đoạn diệt.

Này Aggivessana, có ba thọ này: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Aggivessana, trong khi cảm giác lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác khổ thọ, không cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chỉ cảm giác lạc thọ. Này Aggivessana, trong khi cảm giác khổ thọ, chính khi ấy không cảm giác lạc thọ, không cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chỉ cảm giác khổ thọ. Này Aggivessana, trong khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác lạc thọ, không cảm giác khổ thọ, chỉ cảm giác bất khổ bất lạc thọ. Này Aggivessana, lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt. Này Aggivessana, khổ thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hại, bị suy tàn, bị tiêu diệt. Này Aggivessana, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt. Thấy vậy, này Aggivessana, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly lạc thọ, yểm ly khổ thọ, yểm ly bất khổ bất lạc thọ. Do yểm ly, vị ấy không có tham dục. Do không

---

[8] *M.* I. 435.

[9] Xem *S.* III. 138. *MA.* III. 208 cho rằng vị này không thuận theo các vị chủ trương Thường kiến và không tranh luận với các vị chủ trương Bán thường kiến.

tham dục, vị ấy được giải thoát. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa." Với tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana, Tỷ-kheo không nói thuận theo một ai, không tranh luận với một ai, chỉ nói theo từ ngữ đã được dùng ở đời, không có chấp thủ [từ ngữ ấy].[10]

206. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) đứng sau lưng Thế Tôn và đang quạt hầu Thế Tôn. Rồi Tôn giả Sāriputta suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã thuyết cho chúng ta sự đoạn trừ các pháp ấy nhờ thắng trí. Thiện Thệ đã thuyết cho chúng ta sự từ bỏ các pháp ấy nhờ thắng trí." Khi Tôn giả Sāriputta suy nghĩ như vậy, tâm [của Tôn giả] được giải thoát các lậu hoặc, không còn chấp thủ. Còn đối với du sĩ ngoại đạo Dīghanakha, Pháp nhãn ly trần vô cấu được khởi lên: "Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy được đoạn diệt." Rồi du sĩ ngoại đạo Dīghanakha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

---

[10] Xem *D.* I. 202; *S.* I. 14.

75. KINH MĀGAṆḌIYA

(*Māgaṇḍiya Sutta*)[1]

207. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammāsadhamma, trên thảm cỏ trong nhà lửa của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Kammāsadhamma để khất thực. Đi khất thực ở Kammāsadhamma xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Thế Tôn đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi du sĩ Māgaṇḍiya, trong khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc họ Bhāradvāja. Du sĩ Māgaṇḍiya thấy thảm cỏ đã soạn sẵn trong nhà lửa của vị Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja, khi thấy vậy liền nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja:

– Tấm thảm cỏ này trong nhà lửa của Tôn giả Bhāradvāja đã được sửa soạn cho ai, hình như là chỗ nằm ngủ của một Sa-môn?

– Thưa Tôn giả Māgaṇḍiya, có Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sākya (Thích-ca). Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Chỗ nằm này được sửa soạn cho Tôn giả Gotama ấy.

– Thật sự, này Tôn giả Bhāradvāja, chúng tôi thấy một sự bất hạnh khi chúng tôi thấy chỗ ngủ của Tôn giả Gotama, một người phá hoại sự sống.[2]

– Này Māgaṇḍiya, hãy thận trọng lời ông nói. Này Māgaṇḍiya, hãy thận trọng lời ông nói. Nhiều vương tộc trí giả, nhiều Bà-la-môn trí giả, nhiều cư sĩ trí giả, nhiều Sa-môn trí giả có lòng tin nơi Tôn giả Gotama ấy và đã tu tập theo [chánh] Đạo, theo Pháp và theo [chí] Thiện.[3]

– Này Tôn giả Bhāradvāja, nếu chúng tôi thấy mặt Tôn giả Gotama, chúng

---

[1] Xem *Dh*. 56, 76, 204; *Miln*. 313. Kinh tượng đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tu-nhàn-đề kinh* 鬚閑提經 (*T*.01. 0026.153. 0670a26). Tham chiếu: *Pháp cú kinh*, *Nê-hoàn phẩm* 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23); *Xuất diệu kinh*, *Nê-hoàn phẩm* 出曜經泥洹品 (*T*.04. 0212.27. 0730c06); *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Viên tịch phẩm* 法集要頌經圓寂品 (*T*.04. 0213.26. 0790b16).

[2] *Bhūnahuno*. *MA*. III. 211: *Hatavaḍḍhino mariyādakārakassa... vaḍḍhihato mayirādakārako*, người phá hoại sự sống.

[3] *Ariye ñaye dhamme kusale*. Xem *M*. II. 181, 197; *D*. II. 151; *A*. I. 69. *MA*. III. 211 giải thích: *Parisuddhe kāraṇadhamme anavajje*.

tôi sẽ nói như sau trước mặt vị ấy: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống." Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Nếu Tôn giả Māgaṇḍiya hoan hỷ, tôi sẽ thưa lại sự tình này cho Sa-môn Gotama biết.

– Tôn giả Bhāradvāja hãy yên lòng và hãy nói lên những điều gì đã được nói.

208. Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe được câu chuyện giữa Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja và du sĩ Māgaṇḍiya. Và Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja; sau khi đến, liền ngồi trên thảm cỏ đã soạn sẵn. Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja đang ngồi một bên:

– Này Bhāradvāja, có phải có cuộc nói chuyện giữa du sĩ Māgaṇḍiya với ông về vấn đề thảm cỏ này?

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Bhāradvāja hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, bạch Thế Tôn:

– Chính là điều chúng con muốn thưa với Tôn giả Gotama và Tôn giả Gotama đã đoán trước chúng con.

Nhưng cuộc nói chuyện này giữa Thế Tôn và Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja nói chưa xong, du sĩ Māgaṇḍiya, khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja, đến tại chỗ Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Māgaṇḍiya đang ngồi một bên:

209. – Này Māgaṇḍiya, con mắt ưa thích sắc, ái lạc sắc, hoan hỷ sắc và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì con mắt và thuyết pháp để phòng hộ con mắt. Này Māgaṇḍiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống"?

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống." Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Này Māgaṇḍiya, tai ưa thích tiếng, ái lạc tiếng, hoan hỷ tiếng và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì tai và thuyết pháp để phòng hộ tai. Này Māgaṇḍiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống"?...

Này Māgaṇḍiya, mũi ưa thích hương, ái lạc hương, hoan hỷ hương và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì mũi và thuyết pháp để phòng hộ mũi. Này Māgaṇḍiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống"?...

Này Māgaṇḍiya, lưỡi ưa thích vị, ái lạc vị, hoan hỷ vị và Như Lai nhiếp

phục, thủ hộ, hộ trì lưỡi và thuyết pháp để phòng hộ lưỡi. Này Māgaṇḍiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống"?

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống." Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

Này Māgaṇḍiya, thân ưa thích xúc, ái lạc xúc, hoan hỷ xúc và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì thân và thuyết pháp để phòng hộ thân. Này Māgaṇḍiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống"?...

Này Māgaṇḍiya, ý ưa thích pháp, ái lạc pháp, hoan hỷ pháp và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì ý và thuyết pháp để phòng hộ ý. Này Māgaṇḍiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống"?

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống." Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

210. – Ông nghĩ thế nào, này Māgaṇḍiya? Ở đây, có người trước kia đam mê các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các sắc pháp, sau khi đoạn tận sắc ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với sắc pháp, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Māgaṇḍiya, ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Ông nghĩ thế nào, này Māgaṇḍiya? Ở đây, có người trước kia đam mê các tiếng do tai nhận thức, các tiếng này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các thanh pháp, sau khi đoạn tận thanh ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với thanh pháp, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Māgaṇḍiya, ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Ông nghĩ thế nào, này Māgaṇḍiya? Ở đây, có người trước kia đam mê các hương do mũi nhận thức, các hương này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các hương pháp, sau khi đoạn tận hương ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với hương pháp, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Māgaṇḍiya, ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Ông nghĩ thế nào, này Māgaṇḍiya? Ở đây, có người trước kia đam mê các vị do lưỡi nhận thức, các vị này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự

đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các vị pháp, sau khi đoạn tận vị ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với vị pháp, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Māgaṇḍiya, ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Ông nghĩ thế nào, này Māgaṇḍiya? Ở đây, có người trước kia đam mê các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các xúc, sau khi đoạn tận xúc ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với các xúc, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Māgaṇḍiya, ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

211. – Này Māgaṇḍiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Māgaṇḍiya, Ta có ba tòa lâu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ. Này Māgaṇḍiya, trong bốn tháng mùa mưa, Ta sống hưởng thụ trong lâu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi lâu đài ấy. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các dục vọng, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục, Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Māgaṇḍiya, có hỷ lạc (*rati*) này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt[4] thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy.[5] Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích.

212. Ví như, này Māgaṇḍiya, người gia chủ hay con một người gia chủ giàu sang, tài vật nhiều, sở hữu nhiều, sống thọ hưởng một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Vị ấy, sau khi làm thiện thân hành, sau khi làm thiện khẩu hành, sau khi làm thiện ý hành, khi thân

---

[4] *Samadhigayha tiṭṭhati.* Xem *M.* II. 25; *S.* I. 86; *It.* 16. *Samādhigaṇhāti* có nghĩa là đạt đến, chứng đắc và phân biệt sai khác. Xem *MA.* III. 268.

[5] *MA.* III. 216: Sự hoan hỷ sung sướng khi chứng đắc Thiền thứ tư.

hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này, cộng trú với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Vị ấy ở đây, trong rừng Nandana, được chúng thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Vị ấy thấy người gia chủ hay con người gia chủ đang thọ hưởng năm dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Này Māgaṇḍiya, ông nghĩ thế nào? Thiên tử ấy, được chúng thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, vị ấy có ước vọng được như người gia chủ ấy, hay con người gia chủ ấy, hay năm dục trưởng dưỡng thuộc loài người, hay trở lui về với các dục thuộc loài người?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama! Vì sao vậy? Vì thiên dục, thưa Tôn giả Gotama, là kỳ diệu hơn, là vi diệu hơn nhân dục.

– Cũng vậy, này Māgaṇḍiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn các dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Māgaṇḍiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích.

213. Ví như, này Māgaṇḍiya, một người bị bệnh cùi với thân [đầy] những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ.[6] Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc, được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn.[7] Người ấy thấy một người bị bệnh cùi khác với thân [đầy] những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Này Māgaṇḍiya, ông nghĩ thế nào? Người ấy có ước vọng được như người cùi kia, hay hố than hừng, hay sự thọ dụng dược liệu không?

– Không, thưa Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Gotama, khi có bệnh thời cần thuốc trị bệnh, khi không bệnh, thời không cần thuốc trị bệnh.

---

[6] Như *M.* I. 429; II. 216.

[7] Như *M.* II. 216.

– Cũng vậy, này Māgaṇḍiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn các dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc ấy là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Māgaṇḍiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích.

214. Ví như, này Māgaṇḍiya, một người bị bệnh cùi với thân [đầy] những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Rồi có hai lực sĩ, nắm chặt [hai] cánh tay người ấy và lôi kéo người ấy đến hố than hừng. Này Māgaṇḍiya, ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rút thân, giật qua giật lại phía này phía kia không?[8]

– Thưa Tôn giả Gotama, có. Vì sao vậy? Vì sự xúc chạm với lửa, là đau khổ, thưa Tôn giả Gotama, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não.

– Này Māgaṇḍiya, ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não; hay là trước đây, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não?

– Thưa Tôn giả Gotama, hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não; và xưa kia, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nồng cháy và rất là nhiệt não. Tuy vậy, thưa Tôn giả Gotama, kẻ bị bệnh cùi này với thân [đầy] những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, với các căn bị hư hoại (*upahatindriyā*) do sự xúc chạm đau khổ với ngọn lửa, lại có phản tưởng là được lạc thọ.

– Cũng vậy, này Māgaṇḍiya, sự xúc chạm với các dục trong thời quá khứ cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não; và sự xúc chạm với các dục trong thời vị lai cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não và sự xúc chạm với các dục trong thời hiện tại cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là

---

[8] Như *M.* I. 365.

nhiệt não. Và này Māgaṇḍiya, những chúng sanh này chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, với các căn bị hư hoại, do sự xúc chạm đau khổ với các dục, lại có phản tưởng là được lạc thọ.

215. Ví như, này Māgaṇḍiya, một người bị bệnh cùi thân [đầy] lở lói, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Này Māgaṇḍiya, người bị bệnh cùi với thân [đầy] lở lói, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, càng cào rách miệng các vết thương với các móng tay, càng hơ đốt thân mình trên hố than hừng chừng nào thời miệng các vết thương ấy lại càng thêm bất tịnh, càng thêm hôi thối và càng thêm thối nát và người ấy chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do nhân duyên gãi ngứa miệng các vết thương; cũng vậy, này Māgaṇḍiya, các chúng sanh chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, chạy theo các dục. Này Māgaṇḍiya các chúng sanh chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, càng chạy theo dục chừng nào, thời dục ái của các chúng sanh ấy càng tăng trưởng, càng bị dục nhiệt não thiêu đốt và họ chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do duyên năm dục trưởng dưỡng.

Này Māgaṇḍiya, ông nghĩ thế nào? Ông có thấy hay nghe một vị vua hay vị đại thần của vua, hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Lành thay, này Māgaṇḍiya! Này Māgaṇḍiya, Ta cũng không thấy, cũng không nghe một vị vua hay vị đại thần của vua, hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Nhưng này Māgaṇḍiya, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã sống, đang sống hay sẽ sống với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh, tất cả những vị này, sau khi như chơn biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các dục ấy, với dục ái được đoạn tận, với dục nhiệt não được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm được an tịnh.

Rồi Thế Tôn, thời ấy nói lên cảm hứng ngữ như sau:

> Không bệnh, lợi tối thắng,
> Niết-bàn, lạc tối thắng,
> Bát chánh là độc đạo,
> An ổn và bất tử.[9]

---

[9] Xem *Dh.* 204.

216. Khi được nghe vậy, du sĩ Māgaṇḍiya bạch Thế Tôn:

– Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Lời này được Tôn giả Gotama khéo nói:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.

Con cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama, con cũng đã được nghe lời này, do các vị Tôn sư, đại Tôn sư của các du sĩ đã nói:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, lời nói này lời nói kia phù hợp nhau.

– Nhưng này Māgaṇḍiya, điều mà ông đã được nghe do các vị Tôn sư, đại Tôn sư của các du sĩ đã nói:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.

Thế nào là không bệnh? Thế nào là Niết-bàn?

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Māgaṇḍiya, tự lấy tay xoa bóp chân tay của mình và nói:

– Thế nào là không bệnh, thưa Tôn giả Gotama? Thế nào là Niết-bàn, thưa Tôn giả Gotama? Tôi nay không bệnh, an lạc, không có bệnh tật gì ở tôi.

217. – Này Māgaṇḍiya, ví như người sanh ra đã mù,[10] không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh", và người ấy tìm tấm vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất, và nói: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn." Người ấy lấy tấm y ấy, sau khi lấy, đắp trên mình. Sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh." Này Māgaṇḍiya, ông nghĩ thế nào? Kẻ sanh ra đã mù kia, do biết, do thấy, lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy, sau khi lấy, người ấy đắp trên mình; sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh", hay là do lòng tin người có mắt?

– Thưa Tôn giả Gotama, do không biết, không thấy, kẻ sanh ra đã mù kia lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy, sau khi lấy, người ấy đắp trên mình; sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh" là do lòng tin người có mắt.

---

[10] Như *M.* II. 201.

– Cũng vậy, này Māgaṇḍiya, các du sĩ mù lòa,[11] không có mắt, không biết không bệnh, không thấy Niết-bàn nhưng nói lên câu kệ này:

> Không bệnh, lợi tối thắng,
> Niết-bàn, lạc tối thắng.

Này Māgaṇḍiya, câu kệ này trong thời quá khứ đã được các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nói lên:

> Không bệnh, lợi tối thắng,
> Niết-bàn, lạc tối thắng,
> Bát chánh là độc đạo,
> An ổn và bất tử.

218. Và câu kệ ấy dần dần được lan tràn đến dân chúng phàm phu. Nhưng này Māgaṇḍiya, thân này trở thành bệnh khổ, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng và với thân trở thành bệnh khổ, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng này, ông nói: "Thưa Tôn giả Gotama, cái này là không bệnh ấy, cái này là Niết-bàn ấy." Như vậy, này Māgaṇḍiya, ông không có Thánh nhãn ấy, với Thánh nhãn ấy ông có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn.

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho con để con có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn."

219. – Này Māgaṇḍiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt không khởi lên, mắt không được sáng tỏ. Này Māgaṇḍiya, ông nghĩ thế nào? Có phải vị thầy thuốc ấy cảm thấy mệt mỏi, phiền não không?

– Thưa vâng, Tôn giả Gotama.

– Cũng vậy, này Māgaṇḍiya, nếu Ta thuyết pháp cho ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", và ông không biết không bệnh, không biết Niết-bàn thời như vậy làm Ta mệt mỏi, làm Ta phiền não.

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho con để con có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn."

220. – Này Māgaṇḍiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói

---

[11] Nói về Pokkharasāti, như ở *M.* II. 202.

như sau: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh", và người ấy đi tìm tấm vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất, và nói: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn." Người ấy lấy tấm y ấy. Sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình người ấy, các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc bài tiết các nhơ bẩn về phía trên,[12] bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, cho thuốc qua lỗ mũi.[13] Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt được khởi lên, mắt được sáng tỏ. Với mắt được khởi lên, người ấy đoạn trừ tham dục đối với tấm y thô, dính dầu và dính đất kia, và người ấy có thể xem người kia là không phải bạn, có thể xem người kia là thù địch và nghĩ đến sát hại sinh mạng [của người kia]: "Thật sự trong một thời gian dài, ta bị người này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt với tấm y thô, dính dầu và đất: 'Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn.'" Cũng vậy, này Māgaṇḍiya, nếu Ta thuyết pháp cho ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", ông có thể biết không bệnh, ông có thể thấy Niết-bàn. Và với mắt được khởi lên cho ông, lòng tham dục đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ; và ông có thể nghĩ như sau: "Thật sự trong một thời gian dài, ta bị tâm này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt, chấp thủ sắc, ta đã chấp thủ; chấp thủ thọ, ta đã chấp thủ; chấp thủ tưởng, ta đã chấp thủ; chấp thủ các hành, ta đã chấp thủ; chấp thủ thức, ta đã chấp thủ. Do duyên chấp thủ ấy nơi ta, có hữu; do duyên hữu, có sanh; do duyên sanh, có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn."

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta khiến ta có thể từ chỗ ngồi này đứng dậy, không còn mù nữa."

221. – Vậy này Māgaṇḍiya, hãy thân cận các vị chân nhân. Này Māgaṇḍiya, do ông thân cận các vị chân nhân, thời này Māgaṇḍiya, ông sẽ được nghe diệu pháp. Này Māgaṇḍiya, do ông được nghe diệu pháp, thời này Māgaṇḍiya, ông sẽ sống đúng với chánh pháp và tùy pháp. Này Māgaṇḍiya, do ông sống đúng với chánh pháp và tùy pháp, thời này Māgaṇḍiya, ông sẽ tự mình biết, tự mình thấy: "Đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây, những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên được trừ diệt, không có dư tàn. Do chấp thủ được diệt ở ta, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này."

222. Khi được nghe nói vậy, du sĩ Māgaṇḍiya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống,

---

[12] Xem *D*. I. 12.

[13] Như *Vin*. I. 204.

phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Con xin xuất gia với Tôn giả Gotama, con xin thọ Đại giới.

– Này Māgaṇḍiya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp, Luật này phải sống bốn tháng biệt trú.[14] Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy các tánh con người sai biệt nhau.

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới; thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, hãy cho con thọ Đại giới để thành Tỷ-kheo.

Và du sĩ Māgaṇḍiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Māgaṇḍiya ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là mục đích của Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa." Tôn giả Māgaṇḍiya hiểu biết như vậy.

Và Tôn giả Māgaṇḍiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

[14] Xem *M.* I. 391-92.

76. KINH SANDAKA

(*Sandaka Sutta*)[1]

223. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī (Kiều-thưởng-di), tại tu viện Ghosita (Cù-sư-la). Lúc bấy giờ, du sĩ Sandaka trú ở hang Pilakkha với đại chúng du sĩ, khoảng độ năm trăm du sĩ. Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy và nói với các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền, chúng ta hãy đi đến Devakatasobbha để xem hang.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda. Rồi Tôn giả Ānanda với một số đông Tỷ-kheo đi đến Devakatasobbha. Lúc bấy giờ, du sĩ Sandaka ngồi với đại chúng du sĩ đang lớn tiếng, cao tiếng, to tiếng bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm[2] như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về đồ mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị trấn, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về hiện hữu và không hiện hữu. Du sĩ Sandaka thấy Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, thấy vậy liền khuyến cáo chúng của mình:

– Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Các Tôn giả hãy lặng tiếng! Nay đệ tử của Sa-môn Gotama, Sa-môn Ānanda đang đến. Khi nào các đệ tử của Sa-môn Gotama trú ở Kosambī, thời Sa-môn Ānanda này là một vị trong những vị ấy. Các Tôn giả ấy ưa mến trầm lặng, tu tập trong trầm lặng, tán thán trầm lặng, nếu biết chúng này trầm lặng, có thể ghé tại đây.

Rồi các du sĩ ấy đều im lặng.

---

[1] Xem *D*. I. 1, 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; III. 117; *M*. I. 29, 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400; II. 29, 157, 214; *S*. III. 211; IV. 103, 110, 177; V. 419; *A*. I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; IV. 369, 371; V. 128, 201, 347, 419; *Vin*. I. 179; IV. 165.

[2] *Vin*. IV. 164; *BD*. III. 82f, chú thích các loại tạp thoại.

224. Tôn giả Ānanda đến chỗ du sĩ Sandaka. Du sĩ Sandaka thưa với Tôn giả Ānanda:

– Hãy đến, Tôn giả Ānanda! Thiện lai, Tôn giả Ānanda! Đã lâu Tôn giả Ānanda mới tạo cơ hội này, nghĩa là đến đây. Tôn giả Ānanda hãy ngồi! Đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Tôn giả Ānanda ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ Sandaka lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ānanda nói với du sĩ Sandaka đang ngồi một bên:

– Này Sandaka, nay các vị hội họp nhau ở đây, đang bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các vị bị gián đoạn?

– Tôn giả Ānanda, hãy gác một bên vấn đề chúng tôi đang hội họp bàn luận. Lát nữa Tôn giả Ānanda nghe lại cũng không khó khăn gì! Lành thay, nếu được Tôn giả Ānanda thuyết cho pháp thoại vị Đạo sư của mình!

– Vậy này Sandaka, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Du sĩ Sandaka vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda nói như sau:

– Này Sandaka, bốn pháp phi Phạm hạnh trú này, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố và bốn pháp bất an Phạm hạnh cũng được tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

– Tôn giả Ānanda, bốn pháp phi Phạm hạnh trú ấy là gì, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh, và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện?

225. – Ở đây, này Sandaka, có vị Đạo sư có lý thuyết như sau, có quan điểm như sau:[3] "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời khác; không có mẹ, không có cha; không có loại hóa sanh; ở đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, sau khi đã tự mình giác ngộ với thắng trí tuyên bố về đời này và đời sau. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại quy nhập địa giới, thủy đại quy nhập thủy giới, hỏa đại quy nhập hỏa giới, phong đại quy nhập phong giới, các căn nhập vào hư không. [Bốn] người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm,[4] gánh người chết mang đi, đến chỗ hỏa táng và thốt ra những lời kể lể đặc tánh của người chết (*padāni*). Các xương thành màu xám như chim bồ câu, và những vật cúng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bố thí, lời nói của họ

---

[3] Được xem là của Ajita Kesakambala trong *D.* I. 55. Xem *M.* I. 287, 402; *S.* III. 206.

[4] Bốn người gánh 4 chân quan tài, kẻ nằm trong quan tài là 5.

trống không, giả dối, vô ích khi họ chấp thuyết 'có sự hiện hữu (*atthikavāda*).'[5] Kẻ ngu cũng như người trí, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn diệt, tiêu mất, không còn tồn tại sau khi chết."

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này, lý thuyết như vậy, quan điểm như vậy: 'Không có bố thí, không có lễ hy sinh... (như trên)... không còn tồn tại sau khi chết.' Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây[6] không phải ta làm; cái gì được sống ở đây không phải ta sống; nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chứng Sa-môn quả, và ta không có nói: 'Cả hai chúng ta, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị đoạn diệt, tiêu thất, sẽ không hiện hữu sau khi chết.' Thật sự là quá độ hạnh lõa thể, trọc đầu, tinh tấn ngồi chò hỏ, nhổ lông tóc của vị Tôn sư này; trong khi ta sống trong gia đình được con cái bao bọc đoanh vây, thọ dụng Chiên-đàn Kāsi, mang dùng vòng hoa, hương liệu phấn sáp, hưởng thọ vàng bạc,[7] và trong đời sau ta sẽ đồng đẳng với vị Tôn sư này về chỗ thọ sanh.[8] Như vậy, ta biết gì, thấy gì mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi Phạm hạnh trú này, yểm ly Phạm hạnh ấy và bỏ đi.

Như vậy, này Sandaka, là phi Phạm hạnh trú thứ nhất, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

226. Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư có lý thuyết như sau,[9] có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp đoạt, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất này, làm thành một đống thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, đốt nấu; khiến người chém giết, đốt nấu cũng không vì vậy có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, tế lễ; khiến người bố thí, tế lễ cũng không vì vậy có phước báo, tạo nên phước báo. Bố thí, tự điều phục, tự chế ngự, nói thật, không có công đức, không tạo nên công đức."

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này, có lý

---

[5] *Atthikavāda*, những vị xác nhận có hiện hữu. Ở đây, *MA*. III. 227 viết là quan điểm cho rằng có kết quả của việc bố thí.

[6] *Ettha*. Xem *MA*. III. 228, về Sa-môn pháp.

[7] *A*. III. 391; IV. 281.

[8] *A*. III. 347; V. 139.

[9] *M*. I. 404; *MLS*. II. 73; *S*. III. 208.

thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: 'Tự làm hay khiến người làm... (như trên)... không tạo nên công đức.' Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm; cái gì được sống ở đây không phải ta sống; nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chứng Sa-môn quả, và ta không có nói: 'Hành động của cả hai [chúng ta] không tạo ra tội ác.' Thật sự là quá độ... (như trên)... mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi Phạm hạnh trú này, yếm ly Phạm hạnh ấy và bỏ đi.

Như vậy, này Sandaka, là phi Phạm hạnh trú thứ hai, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

227. Lại nữa, này Sandaka, ở đây, có vị Đạo sư có lý thuyết như vậy, có quan điểm như vậy:[10] "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình sẽ bị nhiễm ô; không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình sẽ được thanh tịnh; không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả chúng sanh, tất cả sanh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi sự trùng hợp, bởi tự tánh. Họ hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu sanh loại."

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này có lý thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: 'Không có nhân, không có duyên... (như trên)... Họ hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu sanh loại.' Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm; cái gì được sống ở đây không phải ta sống; nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chứng Sa-môn quả và ta không có nói: 'Cả hai chúng tôi, không có nhân, không có duyên sẽ được thanh tịnh.' Thật sự là quá độ... (như trên)... mà ta sẽ sống theo hạnh ấy dưới vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi Phạm hạnh trú này, yếm ly Phạm hạnh ấy và bỏ đi.

Như vậy, này Sandaka, là phi Phạm hạnh trú thứ ba, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

228. Lại nữa, này Sandaka, ở đây, có vị Đạo sư có lý thuyết như vậy, có quan điểm như vậy:[11] "Có bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá.[12] Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng

---

[10] *M.* I. 407; *MLS.* II. 76; *S.* III. 210.

[11] *D.* I. 56 cho rằng đây là luận thuyết của Pakudha Kaccāyana. Xem *S.* III. 211.

[12] *D.* I. 14.

không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Thế nào là bảy? Địa thân,[13] thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng.[14] Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây, không có người giết hại hoặc người bị giết hại; người nghe hoặc người nói; người biết hoặc người khiến cho biết; khi có một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi. Có tất cả là một triệu bốn ngàn chủng loại thác sanh,[15] lại có thêm sáu ngàn sáu trăm. Có năm trăm loại nghiệp[16] và có năm nghiệp [theo năm căn],[17] lại có ba nghiệp [về thân, khẩu, ý], lại có toàn nghiệp [thân và khẩu], bán nghiệp [ý],[18] có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiếp,[19] sáu giai cấp,[20] tám nhân địa;[21] bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành,[22] bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài nāga,[23] hai ngàn căn, ba ngàn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy tưởng thai,[24] bảy vô tưởng thai,[25] bảy tiết thai[26] [sanh từ đốt], bảy loài thiên,[27] bảy loài người,[28] bảy loài quỷ, bảy hồ nước, bảy pavuṭā[29] (núi hay hồ nhỏ), bảy trăm papāta (vực thẳm), bảy mộng,[30] bảy trăm mộng, có tám vạn bốn ngàn đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và người trí, sau khi lưu chuyển, luân hồi, sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: 'Với giới này, với giới cấm này, với khổ

---

[13] *Pathavīkāya*. *MA*. III. 229 giải thích đây là địa đại và địa đại sở tạo. Các đại khác cũng vậy.

[14] *Sattime*. *D*. I. 56 viết *sattame* (thứ bảy).

[15] Quan điểm này được xem là của Makkhali Gosāla. Xem *D*. I. 53-54.

[16] *Kammunā*. *MA*. III. 230 viết rằng tất cả được xem là vô ích.

[17] *MA*. III. 230; *DA*. 162 đều viết là 5 căn (*Indriyā*).

[18] Về thân, khẩu, ý. Xem *MA*. III. 230.

[19] *MA*. III. 230: Trong mỗi kiếp có 64 trung kiếp. Vì không biết 2 kiếp kia nên Makkhali Gosāla nói như vậy.

[20] *Chaḷābhijātiya*. Xem quan điểm tương đương của Pūrana Kassapa (*D*. III. 250; *A*. III. 383). Giai cấp đen theo *MA*. III. 121; *DA*. 162; *SA*. II. 343 gồm đồ tể, thợ săn, người đánh cá, ăn trộm, v.v... Giai cấp xanh gồm tu sĩ và một số du sĩ. Giai cấp đỏ gồm có các tu sĩ Kỳ-na giáo và hạng chỉ mặc một y. Giai cấp vàng gồm có gia chủ và đệ tử của các du sĩ ngoại đạo tu khổ hạnh không mặc áo. Giai cấp trắng gồm có Nanda Vaccha, Sankicca hay gồm có nhà khổ hạnh lõa thể, đàn bà, đàn ông. Giai cấp sáng chói gồm có các nhà khổ hạnh lõa thể hay các vị Nanda Vaccha, Kisa Sankicca, Makkhali Gosāla.

[21] *MA*. III. 230-31: Thời con nít, thời chơi đồ chơi, thời tìm hiểu, thời đứng thẳng, thời học hành, thời tu sĩ, thời điều phục (*jinabhūmi*, *jina* giải thích là *jānanakāla*, thời hiểu biết) và thời nằm xuống (*pannabhūmi*).

[22] Các vị tu khổ hạnh không mặc áo - giai cấp trắng. Các vị Nanda Vaccha, Sankicca (*MA*. III. 121), hay các vị tu khổ hạnh lõa thể, đàn ông, đàn bà (*DA*. 162; *SA*. II. 343). Giai cấp sáng chói hay tu khổ hạnh lõa thể (*MA*. III. 121), hay các vị Nanda Vaccha, Kisa Sankicca, Makkhali Gosāla (*DA*. 162; *SA*. II. 343).

[23] *Nāgāvāsa*, được giải thích là *nāgamaṇḍala* (*MA*. III. 231), nghĩa là các nhóm nāga.

[24] Các *Chú giải* viết là các loại lạc đà, bò cái, lừa, dê, trâu, bò, nai.

[25] Các *Chú giải* viết là gạo, lúa mạch, lúa mì, các loại đậu, hạt kê và 2 loại hột khác.

[26] Mía, tre, lau, sậy, v.v...

[27] Các *Chú giải* nói *bảy*, có nghĩa là nhiều.

[28] Nghĩa là vô cùng.

[29] *Pavuṭā*. *PED*.; *MA*. III. 232 viết *Ganṭhikā*.

[30] Năm mộng của Gotama. Xem *A*. III. 240; *J*. I. 69.

hạnh này, hay với Phạm hạnh này,[31] tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thục,[32] hoặc trừ diệt những nghiệp đã được thuần thục.'[33] Bởi những nhẫn thọ liên tục không thể đo lường, khổ và lạc với những vật đo lường, trong luân hồi[34] không có tăng giảm, không có cao thấp.[35] Ví như cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người trí, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ chấm dứt khổ đau."

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này có lý thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: 'Có bảy thân này... (như trên)... sẽ chấm dứt khổ đau.' Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm; cái gì được sống ở đây không phải ta sống; nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chứng Sa-môn quả và ta không có nói: 'Cả hai chúng tôi, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ chấm dứt khổ đau.' Thật sự là quá độ hạnh lõa thể, trọc đầu, tinh tấn ngồi chò hỏ, nhổ lông tóc của vị Tôn sư này, trong khi ta sống trong gia đình, được con cái bao bọc đoanh vây, thọ dụng Chiên-đàn Kāsi, mang dùng vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, hưởng thọ vàng bạc và trong đời sau ta sẽ đồng đẳng với vị Tôn sư này về chỗ thọ sanh. Như vậy ta biết gì, ta thấy gì mà ta sẽ sống Phạm hạnh với vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi Phạm hạnh trú này, yểm ly Phạm hạnh ấy và bỏ đi.

Như vậy, này Sandaka, là phi Phạm hạnh trú thứ tư, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

Này Sandaka, bốn phi Phạm hạnh trú này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Bốn phi Phạm hạnh trú này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố là phi Phạm hạnh trú. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện. Tôn giả Ānanda, thế nào là bốn pháp bất an Phạm hạnh được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện?

---

[31] Các du sĩ tu khổ hạnh không mặc áo, hoặc hành những khổ hạnh khác.

[32] Đây là điều người trí tuệ có thể nói.

[33] Đây là điều người ngu có thể nói, nhưng người ấy vẫn phải trôi lăn trong luân hồi một thời gian. Xem *MA*. III. 233.

[34] Vòng luân hồi (*saṃsāra*) không suy giảm đối với người trí cũng không dài lâu hơn cho người thiếu trí. Xem *MA*. III. 233.

[35] Cuộn dây tự mở ra theo độ dài ngắn của cuộn dây.

229. Ở đây, này Sandaka, có bậc Đạo sư nhứt thiết tri,[36] nhứt thiết kiến, tự xem đã chứng được tri kiến hoàn toàn: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ và ta thức, tri kiến được an trú ở trong ta, liên tục, không gián đoạn." Vị ấy đi vào một nhà trống, không nhận được đồ ăn khất thực, và con chó cắn vị ấy, vị ấy gặp voi dữ, gặp người dữ, gặp bò dữ và vị ấy hỏi tên và họ một người đàn bà, một người đàn ông, và hỏi tên những con đường của làng, của thị trấn. Vị ấy được hỏi:[37] "Sao như thế này?", và trả lời: "Ta phải vào một nhà trống, do vậy ta đã vào; ta phải không nhận được đồ ăn khất thực, do vậy ta đã không nhận được đồ ăn khất thực. [Có người] phải bị chó cắn, do vậy ta đã bị chó cắn. [Có người] phải gặp voi dữ, do vậy ta đã gặp; phải gặp ngựa dữ, do vậy ta đã gặp; phải gặp bò dữ, do vậy ta đã gặp. Có người phải hỏi tên và họ của một người đàn bà, một người đàn ông, do vậy ta đã hỏi. [Có người] phải hỏi tên những con đường của làng, của thị trấn, do vậy ta đã hỏi."

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này là nhứt thiết tri, nhứt thiết kiến... (như trên)... do vậy ta đã hỏi." Vị ấy sau khi biết: "Phạm hạnh này là bất an" nên yểm ly Phạm hạnh ấy và bỏ đi.

Này Sandaka, đây là bất an Phạm hạnh thứ nhất, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

230. Lại nữa, này Sandaka, ở đây, có vị Đạo sư y cứ truyền thuyết,[38] [xem] truyền thuyết là chân thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết,[39] theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín [Thánh] tạng. Này Sandaka, nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị ấy [có phần] khéo nhớ, [có phần] không khéo nhớ, [khi thì] như thế này, [khi thì] như thế khác.

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư: "Vị Tôn sư này y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chơn thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết, theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín [Thánh] tạng. Nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chơn thật, vị ấy [có phần] khéo nhớ, [có phần] không khéo nhớ, [khi thì] như thế này, [khi thì] như thế khác." Vị ấy sau khi biết: "Phạm hạnh này là bất an" nên yểm ly Phạm hạnh ấy và bỏ đi.

Này Sandaka, đây là bất an Phạm hạnh thứ hai, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

231. Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy

---

[36] *M.* I. 92-93; II. 31; *A.* I. 220.

[37] Xem *MA.* III. 233.

[38] *M.* II. 211.

[39] *A.* I. 189, 195 và II. 91.

luận.[40] Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Này Sandaka, nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy [có phần] khéo lý luận, [có phần] không khéo lý luận, [khi thì] như thế này, [khi thì] như thế khác.

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy nghĩ: "Vị Tôn sư này là nhà lý luận, là nhà suy luận. Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy [có phần] khéo lý luận, [có phần] không khéo lý luận, [khi thì] như thế này, [khi thì] như thế khác." Vị ấy sau khi biết: "Phạm hạnh này là bất an" nên yểm ly Phạm hạnh ấy và bỏ đi.

Này Sandaka, đây là bất an Phạm hạnh thứ ba, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống thì không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

232. Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư là người đần độn, là người ngu si.[41] Vì đần độn, ngu si, khi được hỏi về vấn đề này, vấn đề khác, vị ấy dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn:[42] "Theo tôi không phải như vậy,[43] theo tôi không phải như kia, theo tôi không khác như thế, theo tôi không phải như thế, theo tôi không không phải như thế."

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư: "Vị Tôn sư này là người đần độn, là người ngu si... (như trên)... theo tôi không không phải như thế." Vị ấy sau khi biết: "Phạm hạnh này là bất an" nên yểm ly Phạm hạnh ấy và bỏ đi.

Này Sandaka, đây là bất an Phạm hạnh thứ tư, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thì không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

Này Sandaka, bốn bất an Phạm hạnh này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy và nếu sống thì không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Bốn pháp bất an Phạm hạnh này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố là bất an Phạm hạnh. Ở đây, người trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy và nếu sống thì không thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện. Thưa Tôn giả Ānanda, vị Đạo sư ấy dạy

---

[40] *M.* I. 68; *D.* I. 16.

[41] *D.* I. 27.

[42] *Amarāvikkhepa.* Xem *D.* I. 24.

[43] *D.* I. 27.

những gì, tuyên bố những gì, mà ở đây người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh và khi sống, có thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện?

233. – Ở đây, này Sandaka, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí... lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ... Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, người ấy suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ, hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ, hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Vị ấy xuất gia như vậy, hành trì các học giới và hạnh sống các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết xấu hổ, sợ hãi tội lỗi, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Vị ấy từ bỏ đời sống không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt.

Vị ấy từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, liên hệ đến sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chuyện chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thích thú trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Vị ấy từ bỏ nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói dịu hiền, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người; vị ấy nói những lời nói như vậy. Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, hợp lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Vị ấy từ bỏ không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ các món ăn phi thời; từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ không dùng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, trang sức và các thời trang; từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ không nhận vàng và bạc; từ bỏ không nhận các hạt sống; từ

bỏ không nhận thịt sống, từ bỏ không nhận đàn bà con gái; từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ không nhận cừu và dê; từ bỏ không nhận gia cầm và heo; từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ không dùng người làm môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ không buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Vị ấy sống biết đủ, bằng lòng với tấm y để che thân với đồ ăn khất thực để nuôi sống, đi tại chỗ nào cũng mang theo y và bình bát. Như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh, cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, nội tâm hưởng lạc thọ không khuyết phạm.

Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự các nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng, những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nội tâm hưởng lạc thọ không uế nhiễm.

Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây ngoài trời, đống rơm.

Sau khi đi khất thực, ăn xong, trở về, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Sau khi trừ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền, một

trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư, thời ở đây, người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh và khi sống, có thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

Lại nữa, này Sandaka, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... Nhị thiền... Tam thiền... chứng đạt và an trú Tứ thiền. Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư... (như trên)... [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy, hướng tâm đến Túc mạng trí. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... (như trên)... như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư... (như trên)... [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư... (như trên)... [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy như thật biết: "Đây là khổ"... vị ấy như thật biết: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt."

Vị ấy do biết vậy, do thấy vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa." Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một Đạo sư nào, thời ở đây, người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh và khi sống, có thể thành đạt [chánh] Đạo, Pháp và [chí] Thiện.

234. – Nhưng, thưa Tôn giả Ānanda, một vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vị Tỷ-kheo ấy có thể thọ dụng các dục vọng không?

– Này Sandaka, vị Tỷ-kheo nào, là bậc A-la-hán,[44] các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý

---

[44] *A*. IV. 369-70.

tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vị ấy không có thể vi phạm[45] năm điều:[46] Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận không có thể cố ý sát hại mạng sống chúng sanh; vị Tỷ-kheo các lậu đã tận không có thể lấy của không cho, được gọi là ăn trộm; vị Tỷ-kheo các lậu đã tận không có thể hành dâm dục; vị Tỷ-kheo các lậu đã tận không có thể cố ý nói láo; vị Tỷ-kheo các lậu đã tận không có thể hưởng thọ các dục đối với các vật được tàng trữ[47] như trước khi còn tại gia. Này Sandaka, một vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vị ấy không có thể vi phạm năm điều này.

235. – Thưa Tôn giả Ānanda, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, khi vị ấy đi, đứng, ngủ và thức, có phải tri kiến vị ấy được an trú một cách liên tục, không gián đoạn: "Các lậu hoặc của ta đã được đoạn tận"?

– Này Sandaka, ta sẽ cho ông một ví dụ, nhờ ví dụ ở đây, một số người có trí sẽ biết ý nghĩa câu nói. Ví như, này Sandaka, một người tay chân bị chặt; khi người ấy đi, đứng, ngủ và thức, tay chân bị chặt một cách liên tục, không gián đoạn và khi người ấy suy tư về vấn đề này, người ấy biết: "Tay chân của ta bị chặt." Cũng vậy, này Sandaka, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí; khi vị ấy đi, đứng, ngủ và thức, các lậu hoặc được đoạn tận một cách liên tục, không gián đoạn, và khi vị ấy suy tư về vấn đề này, vị ấy biết: "Các lậu hoặc của ta đã được đoạn tận."

236. – Nhưng thưa Tôn giả Ānanda, có bao nhiêu vị lãnh đạo tối thắng (*niyyātāro*) trong Pháp, Luật này?

– Này Sandaka, không phải chỉ có một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, mà còn nhiều vị lãnh đạo tối thắng hơn nữa trong Pháp và Luật này.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Không có sự tự tán thán pháp của mình, không có sự hủy báng pháp của người khác, nhưng cả hai sự thuyết pháp với các hành trì[48] và rất nhiều vị lãnh đạo tối thắng như vậy đã được thấy [ở đây]. Còn các tà mạng ngoại đạo này là những đứa con của người mẹ không con, họ tự tán thán khen mình chê người, và họ chỉ có ba vị lãnh đạo tối thắng, tức là Nanda Vaccha, Kisa Saṅkicca và Makkhali Gosāla.[49]

---

[45] *Ajjhācaritum*, thực hành (một cách sai lầm), phạm lỗi.

[46] *D.* III. 133, 235.

[47] *Sannidhikārakaṃ*. Xem *Vin.* IV. 86-87, *Pācittiya* 38.

[48] *Āyatane* cũng có nghĩa là sự thực hành.

[49] *M.* I. 238.

Rồi du sĩ Sandaka nói với đồ chúng của mình:

– Chư Tôn giả, hãy đi và sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama, tuy rằng nay không có dễ gì cho chúng ta từ bỏ quyền lợi, tôn kính và danh tiếng.

Như vậy, du sĩ Sandaka đã đưa đồ chúng của mình sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama.

77. ĐẠI KINH SAKULUDĀYI

(*Mahāsakuludāyi Sutta*)[1]

237. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, có rất nhiều vị du sĩ, có thời danh, có danh tiếng trú ở Moranivāpa (Khổng Tước Lâm), tu viện các du sĩ, như Annabhāra, Varadhara và du sĩ Sakuludāyi cùng với các vị du sĩ có thời danh, có danh tiếng khác. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Rājagaha để khất thực. Thế Tôn suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khất thực ở Rājagaha. Ta hãy đi đến Moranivāpa, tu viện các du sĩ, đi đến gặp du sĩ Sakuludāyi." Rồi Thế Tôn đi đến Moranivāpa, tu viện các du sĩ.

Lúc bấy giờ, du sĩ Sakuludāyi đang ngồi cùng với đại chúng du sĩ, đang lớn tiếng, cao tiếng, to tiếng bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm[2] như vương luận, tặc luận, đại thần luận, binh luận, bố úy luận, chiến đấu luận, thực luận, ẩm luận, y luận, sàng luận, hoa man luận, hương liệu luận, thân tộc luận, xa thừa luận, thôn luận, trấn luận, thị luận, quốc độ luận, phụ nữ luận, anh hùng luận, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, tạp thoại luận, thế giới luận, hải dương luận, hiện hữu và vô hiện hữu luận. Du sĩ Sakuludāyi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền khuyến cáo chúng của mình:

– Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Các Tôn giả hãy lặng tiếng! Nay Sa-môn Gotama đang đến, vị Tôn giả ấy ưa mến an tịnh, tán thán an tịnh, nếu biết chúng này an tịnh, có thể ghé tại đây.

Các du sĩ ấy đều im lặng. Rồi Thế Tôn đến chỗ du sĩ Sakuludāyi. Du sĩ Sakuludāyi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đến! Bạch Thế Tôn, thiện lai Thế Tôn! Đã lâu Thế Tôn mới tạo cơ hội này, nghĩa là đến đây. Thế Tôn hãy ngồi! Đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ Sakuludāyi lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với du sĩ Sakuludāyi đang ngồi một bên:

---

[1] Xem *D*. I. 204; II. 55, 72; III. 207, 272; *M*. III. 215; *A*. I. 39; IV. 305, 306, 348, 349; V. 59; *Miln*. 213. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tiễn mao kinh* 箭毛經 (*T*.01. 0026.207. 0781b27). Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.18. 0440c23).

[2] Xem *M*. 76, *Sandaka Sutta* (*Kinh Sandaka*), *MLS*. II. 192.

238. – Này Udāyi, nay các vị họp nhau ở đây, đang bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các vị bị gián đoạn?

– Bạch Thế Tôn, hãy gác một bên vấn đề chúng tôi đang hội họp bàn luận. Về sau Thế Tôn nghe lại cũng không khó khăn gì! Bạch Thế Tôn, trong những ngày trước, nhiều ngày trước nữa, khi các vị Sa-môn, Bà-la-môn thuộc nhiều ngoại đạo sai khác, ngồi lại và tập hợp tại Luận Nghị đường,[3] đối thoại này được khởi lên: "Thật lợi ích thay cho dân chúng Aṅga và Magadha! Thật tốt đẹp thay cho dân chúng Aṅga và Magadha, được những vị Sa-môn, Bà-la-môn này là những vị lãnh đạo hội chúng, lãnh đạo đồ chúng, những vị Sư trưởng đồ chúng, những vị thời danh, những Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng,[4] đã đến Rājagaha để an cư trong mùa mưa! Ngài Pūraṇa Kassapa (Phú-lan Ca-diếp) này là bậc lãnh đạo hội chúng, lãnh đạo đồ chúng, bậc Sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, đã đến Rājagaha để an cư trong mùa mưa. Ngài Makkhali Gosāla này... Ngài Ajita Kesakambala... Ngài Pakudha Kaccāyana... Ngài Sañjaya Belaṭṭhiputta... Ngài Nigaṇṭha Nātaputta này là bậc lãnh đạo hội chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc Sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, vị này đã đến Rājagaha để an cư trong mùa mưa. Sa-môn Gotama này là bậc lãnh đạo hội chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc Sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, vị này đã đến Rājagaha để an cư trong mùa mưa. Trong những bậc Sa-môn, Bà-la-môn này, những bậc lãnh đạo hội chúng, những bậc lãnh đạo đồ chúng, những bậc Sư trưởng đồ chúng, có thời danh, những bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, vị nào được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường? Và các đệ tử sau khi cung kính, tôn trọng đã sống nương tựa như thế nào?"

239. Ở đây, có một số người đã nói như sau: "Vị Pūraṇa Kassapa này là bậc lãnh đạo hội chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc Sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, vị ấy không được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và các đệ tử sau khi không cung kính, tôn trọng đã không sống nương tựa Pūraṇa Kassapa." Thuở xưa, Pūraṇa Kassapa thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người; ở đấy, một đệ tử của Pūraṇa Kassapa nói lớn tiếng như sau: "Chư Tôn giả, chớ có hỏi Pūraṇa Kassapa về ý nghĩa này. Vị ấy không biết ý nghĩa này, chúng tôi biết ý nghĩa này. Hãy hỏi chúng tôi về ý nghĩa này. Chúng tôi sẽ trả lời về ý nghĩa này cho chư Tôn giả." Thuở xưa, Pūraṇa Kassapa dang tay, khóc lóc nhưng không được nghe theo: "Chư Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Chư Tôn giả hãy lặng tiếng! Những vị ấy không hỏi chư Tôn giả. Những vị ấy hỏi chúng tôi. Chúng tôi sẽ trả lời cho những vị ấy." Nhiều đệ tử của Pūraṇa Kassapa, sau khi kích bác Pūraṇa

---

[3] *Kutūhalasālā*. Xem *D*. I. 179; *S*. IV. 398.

[4] *M*. I. 198.

Kassapa, bỏ đi[5] và nói: "Ông không biết[6] Pháp và Luật này. Ta biết Pháp và Luật này. Làm sao ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông theo tà hạnh. Ta theo chánh hạnh. Điều ta nói có tương ưng. Điều ông nói không tương ưng. Điều đáng nói trước ông lại nói sau. Điều đáng nói sau ông lại nói trước. Chủ trương của ông đã bị lật ngược.[7] Câu hỏi của ông đã bị bài bác.[8] Ông đã bị thuyết bại (*niggahitosi*). Hãy đến giải vây lời nói [ấy],[9] nếu có thể được, gắng thoát khỏi lối bí." Như vậy, Pūraṇa Kassapa không được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và sau khi không cung kính, tôn trọng, các đệ tử đã không sống nương tựa Pūraṇa Kassapa. Trái lại, Pūraṇa Kassapa đã bị mạ lỵ[10] với những lời mắng nhiếc vì hành động của mình.

Có một số người đã nói như sau: "Vị Makkhali Gosāla này... Vị Ajita Kesakambala... Vị Pakudha Kaccāyana... Vị Sañjaya Belaṭṭhiputta... Vị Nigaṇṭha Nāṭaputta này là bậc lãnh đạo hội chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc Sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng. Vị ấy không được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và các đệ tử sau khi không cung kính, tôn trọng đã không sống nương tựa Nigaṇṭha Nāṭaputta." Thuở xưa, Nigaṇṭha Nāṭaputta thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người. Ở đây, một đệ tử của Nigaṇṭha Nāṭaputta lớn tiếng nói như sau: "Chư Tôn giả, chớ có hỏi Nigaṇṭha Nāṭaputta về ý nghĩa này. Vị ấy không biết ý nghĩa này, chúng tôi biết ý nghĩa này. Hãy hỏi chúng tôi về ý nghĩa này. Chúng tôi trả lời về ý nghĩa này cho chư Tôn giả." Thuở xưa, Nigaṇṭha Nāṭaputta dang tay, khóc lóc nhưng không được nghe theo: "Chư Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Chư Tôn giả hãy lặng tiếng! Những vị ấy không hỏi chư Tôn giả. Những vị ấy hỏi chúng tôi. Chúng tôi sẽ trả lời cho những vị ấy." Nhiều đệ tử của Nigaṇṭha Nāṭaputta, sau khi kích bác Nigaṇṭha Nāṭaputta, bỏ đi và nói: "Ông không biết Pháp và Luật này. Ta biết Pháp và Luật này. Làm sao ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông theo tà hạnh. Ta theo chánh hạnh. Điều ta nói có tương ưng. Điều ông nói không tương ưng. Điều đáng nói trước ông lại nói sau. Điều đáng nói sau ông lại nói trước. Chủ trương của ông đã bị lật ngược. Câu nói của ông đã bị bài bác. Ông đã bị thuyết bại. Hãy đến giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát khỏi lối bí." Như vậy, Nigaṇṭha Nāṭaputta không được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và các đệ tử, sau khi không cung kính, tôn trọng, đã không sống nương tựa Nigaṇṭha Nāṭaputta. Trái lại, Nigaṇṭha Nāṭaputta đã bị mạ lỵ với những lời mắng nhiếc vì hành động của mình.

---

[5] Một số trở thành cư sĩ, một số xuất gia trong giáo pháp này. Xem *MA*. III. 237.

[6] *D*. I. 8; *S*. III. 12.

[7] *Avicinnaṃ te viparāvattaṃ*.

[8] *Āropito te vādo*. Xem *S*. I. 160; *Vin*. I. 60.

[9] *Cara vādappamokkhāya*.

[10] *Akkuṭṭho... dhammakkosena*. *MA*. III. 237 viết *sabhāvakkosena*. *Sabhāva*: Tự tánh, thật tướng, thiên nhiên.

240. Có một số người nói như sau: "Sa-môn Gotama này là bậc lãnh đạo hội chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc Sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng. Và vị này được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và các đệ tử sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Sa-môn Gotama. Thuở xưa, Sa-môn Gotama đang thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người; ở đây, một đệ tử của Sa-môn Gotama ho [thành tiếng]. Một vị đồng Phạm hạnh dùng đầu gối đập [nhẹ] vào người ấy và nói: 'Tôn giả hãy lặng tiếng! Tôn giả chớ có làm ồn! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đang thuyết pháp.' Trong khi Sa-môn Gotama đang thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người, trong khi ấy, không có một tiếng đằng hắng, không có một tiếng ho giữa các đệ tử của Sa-môn Gotama.[11] Từng nhóm đại thính chúng đang sống trong nhiệt tình kỳ vọng, nghĩ rằng: 'Thế Tôn sẽ thuyết pháp cho ta và ta sẽ được nghe.' Ví như có người tại ngã tư đường, đang bóp vắt một bánh mật ong nhỏ[12] trong sạch, và đại chúng đang sống nhiệt tình kỳ vọng. Cũng vậy, trong khi Sa-môn Gotama đang thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người, trong khi ấy, không có một tiếng đằng hắng, không một tiếng ho giữa các đệ tử của Sa-môn Gotama. Từng nhóm đại thính chúng đang sống trong nhiệt tình kỳ vọng, nghĩ rằng: 'Thế Tôn sẽ thuyết pháp cho ta và ta sẽ được nghe.' Các đệ tử của Sa-môn Gotama sau khi cãi lộn với các vị đồng Phạm hạnh, từ bỏ tu học, trở lại hoàn tục, các vị ấy vẫn tán thán bậc Đạo sư, tán thán Pháp, tán thán Tăng, tự quở trách mình, không quở trách người khác: 'Chính chúng ta thật bất hạnh, chính chúng ta thật thiếu phước, dầu chúng ta xuất gia trong Pháp và Luật được khéo giảng như vậy mà không thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh cho đến trọn đời.' Họ trở thành những người giữ vườn, hay những người cư sĩ và sống thọ trì năm giới." Như vậy, Sa-môn Gotama được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và các đệ tử sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Sa-môn Gotama.

241. – Này Udāyi, ông thấy nơi Ta có bao nhiêu pháp mà do các pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính tôn trọng, sống nương tựa vào Ta?

– Bạch Thế Tôn, con thấy nơi Thế Tôn có năm pháp mà do năm pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn. Thế nào là năm? Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ăn ít và tán thán hạnh ăn ít. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ăn ít và tán thán hạnh ăn ít. Bạch Thế Tôn, pháp này là pháp thứ nhất con thấy nơi Thế Tôn. Do pháp này các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ loại y nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ

[11] *M.* II. 122.
[12] *D.* III. 85.

loại y nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào. Chính pháp này, bạch Thế Tôn, là pháp thứ hai con thấy nơi Thế Tôn. Do pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn; và sau khi cung kính, tôn trọng sống nương tựa vào Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ món ăn khất thực nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khất thực nào. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ món ăn khất thực nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khất thực nào. Chính pháp này, bạch Thế Tôn, là pháp thứ ba con thấy nơi Thế Tôn. Do pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ sàng tọa nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ sàng tọa nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào. Chính pháp này, bạch Thế Tôn, là pháp thứ tư con thấy nơi Thế Tôn. Do pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn sống viễn ly và tán thán hạnh sống viễn ly. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sống viễn ly và tán thán hạnh sống viễn ly. Chính pháp này, bạch Thế Tôn, là pháp thứ năm con thấy nơi Thế Tôn. Do pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

Chính năm pháp này, bạch Thế Tôn, con thấy nơi Thế Tôn. Do năm pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

242. – "Sa-môn Gotama ăn ít và tán thán hạnh ăn ít", này Udāyi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta; thời này Udāyi, có những đệ tử của Ta chỉ ăn với một bát (*kosakāhāra*), chỉ ăn với nửa bát, chỉ ăn với trái cây Beḷuva, chỉ ăn với nửa trái cây Beḷuva. Và này Udāyi, còn Ta, có khi Ta ăn hơn một bình bát này, có khi Ta ăn nhiều hơn như vậy nữa. "Sa-môn Gotama ăn ít và tán thán hạnh ăn ít", này Udāyi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi tôn trọng, cung kính, sống nương tựa vào Ta; thời này Udāyi, những đệ tử ấy của Ta, sống nương tựa vào Ta, chỉ ăn với một bát, chỉ ăn với nửa bát, chỉ ăn với trái cây Beḷuva, chỉ ăn với nửa trái cây Beḷuva; những vị ấy vì pháp hạnh này[13] đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và đáng lẽ không tôn trọng, cung kính, không sống nương tựa vào Ta.

"Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ loại y nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào", này Udāyi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta,

---

[13] *Iminā dhammena. Xem MLS*. II. 205.

thời này Udāyi, có những đệ tử của Ta sống mặc phấn tảo y, mặc thô y. Những vị ấy lượm từng mảnh vải từ bãi tha ma, hay từ đống rác, hay từ tiệm phố và sau khi làm thành áo Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*), họ mang loại áo ấy. Còn Ta, này Udāyi, có khi Ta mặc vải y của cư sĩ cúng dường, các chỗ sờn mỏng được bện chắc lại với dây tơ cây bí trắng. "Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ loại y nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào", này Udāyi, nếu vì vậy các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi tôn trọng, cung kính, sống nương tựa vào Ta; thời này Udāyi, những vị đệ tử ấy của Ta, sống mặc phấn tảo y, mặc thô y, những vị ấy lượm từng mảnh vải từ bãi tha ma, hay từ đống rác, hay từ tiệm phố và sau khi làm thành áo *Saṅghāṭi*, họ mang loại áo ấy; những vị ấy vì pháp hạnh này đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.

"Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ món ăn khất thực nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khất thực nào", này Udāyi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta; thời này Udāyi, có những đệ tử của Ta chỉ ăn những món ăn nhận trong bình bát khất thực, chỉ đi khất thực từng nhà một [không bỏ sót nhà nào], tự thỏa mãn với những món ăn mảy mún,[14] khi đi vào trong nhà, dầu được mời ngồi, cũng không chấp nhận. Còn Ta, này Udāyi, đôi khi Ta nhận ăn những chỗ được mời, nhận ăn các thứ gạo, cháo trong ấy các hạt đen được vứt bỏ,[15] các loại canh, các loại trợ vị. "Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ món ăn khất thực nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khất thực nào", này Udāyi, nếu vì vậy các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta; thời này Udāyi, những vị đệ tử ấy của Ta, chỉ ăn những món ăn nhận trong bình bát khất thực, chỉ đi khất thực từng nhà một, tự thỏa mãn với những món ăn mảy mún, khi đi vào trong nhà, dầu được mời ngồi, cũng không chấp nhận; những vị ấy vì pháp hạnh này đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.

"Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ sàng tọa nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào", này Udāyi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta; thời này Udāyi, có những đệ tử của Ta sống dưới gốc cây, sống ở ngoài trời. Những vị ấy trong tám tháng không sống dưới mái che nào. Còn Ta, này Udāyi, có đôi khi Ta sống dưới những ngôi lầu có gác nhọn, có tô vôi trong và ngoài, được che gió, có then chốt đóng lại và có các cửa sổ khép kín. "Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ sàng tọa nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào", này Udāyi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ,

---

[14] *Uñchāsake vate ratā*. Xem *MA*. III. 240.

[15] *D*. I. 105.

cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta; thời này Udāyi, các vị đệ tử ấy của Ta, sống dưới gốc cây, sống ở ngoài trời, trong tám tháng không sống dưới mái che nào; những vị ấy vì pháp [hạnh] này đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.

"Sa-môn Gotama là vị sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly", này Udāyi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta; thời này Udāyi, có những đệ tử của Ta sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng; sau khi đi sâu vào trong rừng núi, trong các trú xứ xa vắng, sống tại các chỗ ấy, và nửa tháng một lần mới trở về giữa Tăng chúng để tụng đọc Giới bổn. Còn Ta, này Udāyi, đôi khi Ta sống đoanh vây xung quanh bởi các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quốc vương, đại thần, ngoại đạo, đệ tử các ngoại đạo. "Sa-môn Gotama là vị sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly", này Udāyi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta; thời này Udāyi, các vị đệ tử ấy của Ta, sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng; sau khi đi sâu vào trong rừng núi, trong các trú xứ xa vắng, sống tại các chỗ ấy và nửa tháng một lần mới trở về giữa Tăng chúng để tụng đọc Giới bổn; những vị đệ tử ấy vì pháp [hạnh] này đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.

Như vậy, này Udāyi, các đệ tử của Ta do năm pháp này đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và không cung kính, tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.

243. Này Udāyi, lại có năm pháp khác, do năm pháp này, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa [vào Ta]. Thế nào là năm?

Ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta thán phục tăng thượng giới: "Sa-môn Gotama là vị có giới hạnh và thành tựu Giới uẩn tối thượng." Này Udāyi, chính đệ tử của Ta thán phục tăng thượng giới, nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama là vị có giới hạnh và thành tựu Giới uẩn tối thượng." Đây là pháp thứ nhất, này Udāyi, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa [vào Ta].

244. Lại nữa, này Udāyi, các đệ tử của Ta thán phục tri kiến vi diệu. Khi nói: "Ta biết", nghĩa là Sa-môn Gotama có biết. Khi nói: "Ta thấy", nghĩa là Sa-môn Gotama có thấy. Sa-môn Gotama thuyết pháp với thắng trí, không phải không với thắng trí. Sa-môn Gotama thuyết pháp có nhơn duyên, không phải không có nhơn duyên. Sa-môn Gotama thuyết pháp có thần thông lực (*sappāṭihāriyaṃ*), không phải không có thần thông lực. Này Udāyi, chính đệ tử của Ta thán phục tri kiến vi diệu và nghĩ rằng: "Khi nói: 'Ta biết', nghĩa là Sa-môn Gotama có biết. Khi nói: 'Ta thấy', nghĩa là Sa-môn Gotama có thấy.

Sa-môn Gotama thuyết pháp với thắng trí, không phải không với thắng trí. Sa-môn thuyết pháp với nhơn duyên, không phải không có nhơn duyên. Sa-môn Gotama thuyết pháp có thần thông lực, không phải không có thần thông lực." Đây là pháp thứ hai, này Udāyi, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

245. Lại nữa, này Udāyi, đệ tử của Ta thán phục tăng thượng trí tuệ và sự kiện này không thể xảy ra khi họ nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama là vị có trí tuệ và thành tựu Tuệ uẩn tối thượng. [Tuy vậy] Ngài không thấy trước một luận đạo nào ở tương lai, hay một luận nạn ngoại đạo nào khởi lên [trong hiện tại] mà Ngài không luận phá, sau khi khéo léo nạn phá với Chánh pháp." Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Các đệ tử của Ta, sau khi biết như vậy, thấy như vậy, có thể làm gián đoạn một cuộc đàm thoại đang diễn tiến nửa chừng không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Udāyi, Ta không chờ đợi sự giáo giới từ nơi những đệ tử của Ta. Trái lại, chính những đệ tử của Ta chờ đợi sự giáo giới từ nơi Ta. Do vậy, này Udāyi, sự kiện này không thể xảy ra khi các đệ tử của Ta thán phục tăng thượng trí tuệ và suy nghĩ: "Sa-môn Gotama là bậc Có Trí Tuệ và thành tựu Tuệ uẩn tối thắng. [Tuy vậy] Ngài không thấy [trước] một luận đạo nào ở tương lai, hay một luận nạn ngoại đạo nào khởi lên [trong hiện tại] mà Ngài không luận phá, sau khi khéo léo nạn phá với Chánh pháp." Đây là pháp thứ ba, này Udāyi, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

246. Lại nữa, này Udāyi, những đệ tử của Ta bị đắm chìm trong đau khổ, bị đau khổ chi phối, đến Ta và hỏi về Khổ Thánh đế. Được hỏi về Khổ Thánh đế, Ta trả lời cho họ. Ta làm cho tâm của họ thỏa mãn với câu trả lời của Ta. Họ hỏi Ta về Khổ tập... Khổ diệt... Khổ diệt đạo Thánh đế, Ta trả lời cho họ. Ta làm cho tâm của họ thỏa mãn với câu trả lời của Ta. Đây là pháp thứ tư, này Udāyi, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

247. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này, tu tập Bốn niệm xứ. Ở đây, này Udāyi, vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu trên đời; quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu trên đời. Và ở đây, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.[16]

Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập Bốn chánh cần. Ở đây, này Udāyi, vị Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa

---

[16] *Abhiññāvosānapāramippattā*. Xem *A*. III. 9; *M*. II. 211.

sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm... Và ở đây, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này, tu tập Bốn thần túc. Ở đây, này Udāyi, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc câu hữu với dục thiền định tinh cần hành... tinh tấn thiền định... tâm thiền định... tu tập thần túc câu hữu với tư duy thiền định tinh cần hành. Và ở đây, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này, tu tập Năm căn.[17] Ở đây, này Udāyi, vị Tỷ-kheo tu tập Tín căn hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ; tu tập Tinh tấn căn... tu tập Niệm căn... tu tập Định căn... tu tập Tuệ căn hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo con đường tu hành này, tu tập Năm lực. Ở đây, này Udāyi, vị Tỷ-kheo tu tập Tín lực hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ; tu tập Tinh tấn lực... tu tập Niệm lực... tu tập Định lực... tu tập Tuệ lực, hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ. Ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập Bảy giác chi.[18] Ở đây, này Udāyi, vị Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, hướng đến xả; tu tập Trạch pháp giác chi... tu tập Tinh tấn giác chi... tu tập Hỷ giác chi... tu tập Khinh an giác chi... tu tập Định giác chi... tu tập Xả giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, hướng đến xả. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập Thánh đạo tám ngành. Ở đây, này Udāyi, vị Tỷ-kheo tu tập Chánh tri kiến, tu tập Chánh tư duy, tu tập

[17] *M.* I. 103; *MLS.* I. 147.
[18] *M.* I. 11; *MLS.* I. 15.

Chánh ngữ, tu tập Chánh nghiệp, tu tập Chánh mạng, tu tập Chánh tinh tấn, tu tập Chánh niệm, tu tập Chánh định. Và ở đây, này Udāyi, các vị đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

248. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập tám giải thoát.[19] "Tự mình có sắc, thấy các sắc", đó là giải thoát thứ nhất. "Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc", đó là giải thoát thứ hai. "Quán tưởng [sắc là] tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy", đó là giải thoát thứ ba. Vượt hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng đối ngại, không suy tư đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hư không là vô biên", chứng và trú Hư không vô biên xứ, đó là giải thoát thứ tư. Vượt hoàn toàn Hư không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ, đó là giải thoát thứ năm. Vượt hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu. Vượt hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là giải thoát thứ bảy. Vượt hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định, đó là giải thoát thứ tám. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

249. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập tám thắng xứ. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc, vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh... như bông gai màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh... như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta thấy, ta biết", đó là thắng xứ thứ năm.

---

[19] *D*. II. 70.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng... như bông kaṇikāra màu vàng, sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng... như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu vàng, sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ... như bông bandhujīvaka màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ... như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng... như sao mai Osadhi màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng... như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám.

Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

250. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập mười biến xứ. Một vị biết được đất biến xứ: Trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Một vị biết được nước biến xứ... Một vị biết được lửa biến xứ... Một vị biết được gió biến xứ... Một vị biết được xanh biến xứ... Một vị biết được vàng biến xứ... Một vị biết được đỏ biến xứ... Một vị biết được trắng biến xứ... Một vị biết được hư không biến xứ... Một vị biết được thức biến xứ: Trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

251. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập bốn thiền. Ở đây, này Udāyi, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị Tỷ-kheo thấm nhuần,[20] tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này Udāyi, như một người hầu tắm lão luyện, hay đệ tử người hầu tắm, sau

[20] *M.* I. 276-78; *MLS.* I. 330; *D.* I. 73.

khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Udāyi, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Udāyi, vị Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Này Udāyi, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Udāyi, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Udāyi, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú vào Thiền thứ ba. Vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Này Udāyi, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tẩm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Udāyi, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Udāyi, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị Tỷ-kheo ấy ngồi, thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần. Này Udāyi, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này Udāyi, vị Tỷ-kheo ngồi, thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

252. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tuệ tri như sau: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt,[21] trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."[22] Ví như, này Udāyi, một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy: "Hòn lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt." Cũng vậy, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, biết được như sau: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc." Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

253. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.[23] Ví như, này Udāyi, một người rút một cây lau ra ngoài vỏ, người ấy nghĩ: "Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác; và cây lau từ vỏ rút ra." Ví như, này Udāyi, một người rút thanh kiếm từ bao kiếm. Người ấy nghĩ: "Đây là thanh kiếm, đây là bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác; và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra." Ví như, này Udāyi, một người lột xác một con rắn. Người ấy nghĩ: "Đây là con rắn, đây là xác rắn; con rắn khác, xác rắn khác; và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra." Cũng vậy, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

254. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường,

---

[21] *M.* I. 144.

[22] *D.* I. 76.

[23] *D.* I. 34, 77, 186, 195.

qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Ví như, này Udāyi, một người thợ gốm khéo tay, hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Ví như, này Udāyi, một người thợ ngà khéo tay, hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo khéo giũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Ví như, này Udāyi, người thợ vàng khéo tay, hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích.

Cũng vậy, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trong nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

255. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe được hai loại tiếng, chư thiên và người, xa và gần. Ví như, này Udāyi, một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiểng. Người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiểng." Cũng vậy, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta, y cứ con đường tu hành này, với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe được hai loại tiếng, chư thiên và người, xa và gần. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

256. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người,[24] với tâm của mình được biết như sau: "Tâm tham, biết là tâm tham; tâm không tham, biết là tâm không tham; tâm sân, biết là tâm sân; tâm không sân, biết là tâm không sân; tâm si, biết là tâm si; tâm không si, biết là tâm không si; tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú; tâm không chuyên chú, biết là tâm không chuyên chú; tâm đại hành, biết là tâm đại hành; tâm không đại hành, biết là tâm không đại hành; tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng; tâm thiền định,

---

[24] *M.* I. 34, 39.

biết là tâm thiền định; tâm không thiền định, biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát." Ví như, này Udāyi, một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch sáng suốt, hay một chậu nước trong; nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết.[25]

Cũng vậy, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người, với tâm của mình được biết như sau: "Tâm tham, biết là tâm tham; tâm không tham, biết là tâm không tham; tâm sân, biết là tâm sân; tâm không sân, biết là tâm không sân; tâm si, biết là tâm si; tâm không si, biết là tâm không si; tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú; tâm không chuyên chú, biết là tâm không chuyên chú; tâm đại hành, biết là tâm đại hành; tâm không đại hành, biết là tâm không đại hành; tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng; tâm thiền định, biết là tâm thiền định; tâm không thiền định, biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát." Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

257. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, nhớ đến các đời sống quá khứ[26] như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, các vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Ví như, này Udāyi,[27] một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta."

Cũng vậy, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... (như trên). Như vậy, các vị ấy nhớ đến nhiều đời sống

---

[25] *D.* I. 80.
[26] *M.* I. 22.
[27] *M.* I. 278.

quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

258. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh.[28] Những vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo Chánh kiến, tạo các nghiệp theo Chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, các vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Những vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Ví như, này Udāyi, một tòa lầu có thượng đài giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư hay trên đài thượng."

Cũng vậy, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Những vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

259. Lại nữa, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Ví như, này Udāyi, tại dãy núi lớn có một hồ nước[29] thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, một người có mắt đứng trên bờ sông thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng yên một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ."

Cũng vậy, này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và

[28] *M.* I. 22.

[29] *M.* I. 279.

các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Và ở đây, này Udāyi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Này Udāyi, đây là pháp thứ năm, do pháp này các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

Này Udāyi, do năm pháp này, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta; và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, du sĩ Sakuludāyi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

78. KINH SAMAṆAMUṆḌIKA

(*Samaṇamuṇḍika Sutta*)[1]

260. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ Viên), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, du sĩ Uggāhamāna, con của Samaṇamuṇḍika, trú ở tinh xá của Mallikā tại Ekasālaka, có hàng cây tinduka bao quanh, được xây dựng để tranh luận,[2] cùng với đại chúng du sĩ khoảng ba trăm vị.

Rồi thợ mộc Pañcakaṅga vào buổi sáng sớm, đi ra khỏi Sāvatthi để yết kiến Thế Tôn. Thợ mộc Pañcakaṅga suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn, Thế Tôn đang an tịnh thiền tọa; cũng không phải thời để yết kiến các vị Tỷ-kheo đang tu dưỡng tâm ý, các vị Tỷ-kheo đang an tịnh thiền tọa. Ta hãy đi đến tinh xá của Mallikā tại Ekasālaka, có hàng cây tinduka bao quanh, được xây dựng để tranh luận, đi đến du sĩ Uggāhamāna, con của Samaṇamuṇḍika." Rồi thợ mộc Pañcakaṅga đi đến tinh xá của Mallikā tại Ekasālaka, có hàng cây tinduka bao quanh, được xây dựng để tranh luận.

Lúc bấy giờ du sĩ Uggāhamāna, con của Samaṇamuṇḍika đang ngồi với đại chúng du sĩ, đang lớn tiếng, cao tiếng, to tiếng bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm[3] như vương luận, tặc luận, đại thần luận, binh luận, bố uý luận, chiến đấu luận, thực luận, ẩm luận, y luận, sàng luận, hoa man luận, hương liệu luận, thân tộc luận, xa thừa luận, thôn luận, trấn luận, thị luận, quốc độ luận, phụ nữ luận, anh hùng luận, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, tạp thoại luận, thế giới luận, hải dương luận, hiện hữu và vô hiện hữu luận. Du sĩ Uggāhamāna, con của Samaṇamuṇḍika, thấy thợ mộc Pañcakaṅga từ xa đi đến, thấy vậy liền khuyến cáo chúng của mình:

– Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Các Tôn giả hãy lặng tiếng! Nay thợ mộc Pañcakaṅga, đệ tử của Sa-môn Gotama đang đến. Khi nào các đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Sa-môn Gotama trú ở Sāvatthi, thời thợ mộc Pañcakaṅga là một trong những vị ấy. Các vị Tôn giả ấy ưa mến an tịnh, được tu tập về an tịnh, tán thán an tịnh, nếu biết chúng này an tịnh, có thể ghé tại đây.

---

[1] Xem *MNid*. 83, 304. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ngũ chi vật chủ kinh* 五支物主經 (*T*.01. 0026.179. 0720a28).

[2] *Samayappavādake. MA*. III. 266 viết đây là một ngôi vườn (*ārāma*); các Bà-la-môn, du sĩ Kỳ-na giáo, các du sĩ lõa thể thường hội họp tranh luận tại đây.

[3] Xem *M*. 76, *Sandaka Sutta* (*Kinh Sandaka*); *M*. 77. *Mahāsakuludāyi Sutta* (*Đại kinh Sakuludāyi*).

Rồi các du sĩ ấy đều im lặng.

261. Thợ mộc Pañcakaṅga đi đến du sĩ Uggāhamāna, con của Samaṇamuṇḍika; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với du sĩ Uggāhamāna, con của Samaṇamuṇḍika; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Rồi du sĩ Uggāhamāna nói với thợ mộc Pañcakaṅga đang ngồi một bên:

– Này thợ mộc, ta chủ trương rằng một người thành tựu bốn pháp, người ấy sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng. Thế nào là bốn? Ở đây, này thợ mộc, không làm ác nghiệp về thân, không nói lời ác, không tư duy ác tư duy, không sinh sống [bằng] nếp sống ác. Này thợ mộc, ta chủ trương rằng một người nào thành tựu bốn pháp này, người ấy sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng.

Rồi thợ mộc Pañcakaṅga không hoan hỷ, không kích bác lời nói của du sĩ Uggāhamāna, con của Samaṇamuṇḍika; không hoan hỷ, không kích bác, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi, với ý nghĩ: "Từ Thế Tôn, ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này." Rồi thợ mộc Pañcakaṅga đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thợ mộc Pañcakaṅga thưa lại với Thế Tôn tất cả câu chuyện giữa mình với du sĩ Uggāhamāna, con của Samaṇamuṇḍika.

262. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với thợ mộc Pañcakaṅga:

– Nếu sự tình là như vậy thời một đứa con nít còn bé nhỏ, vô trí, nằm ngửa[4] sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, là bậc Vô năng thắng đúng như lời du sĩ Uggāhamāna, con của Samaṇamuṇḍika. Này thợ mộc, đối với đứa con nít nhỏ bé, vô trí, nằm ngửa, không có nghĩ: "Đây là thân",[5] từ đâu nó có thể làm ác nghiệp về thân, trừ ra chỉ biết quơ tay quơ chân? Này thợ mộc, đối với đứa con nít nhỏ bé, vô trí, nằm ngửa, không có nghĩ: "Đây là lời nói", từ đâu nó có thể làm ác nghiệp về lời nói, trừ ra chỉ biết khóc? Này thợ mộc, đối với đứa con nít nhỏ bé, vô trí, nằm ngửa, không có nghĩ: "Đây là tư duy", từ đâu nó có thể tư duy ác tư duy, trừ ra chỉ biết bập bẹ?[6] Này thợ mộc, đối với đứa con nít nhỏ bé, vô trí, nằm ngửa, không có nghĩ: "Đây là nghề sinh sống", từ đâu nó có thể sinh sống bằng nếp sống ác, trừ ra chỉ biết bú sữa mẹ? Nếu sự tình là vậy, này thợ mộc, thời một đứa con nít còn nhỏ bé, vô trí, nằm ngửa, sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng đúng như lời du sĩ Uggāhamāna, con của Samaṇamuṇḍika.

263. Này thợ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu bốn pháp, người ấy sẽ không được thiện cụ túc, thiện tối thắng, không là bậc Sa-môn thành đạt

---

[4] *M.* I. 394.

[5] *Kāyotipi na hoti. MA.* III. 267 viết: "Nó không biết sự sai khác giữa thân nó và thân người khác."

[6] Khóc hay cười tùy theo cảnh giới địa ngục hay thiên giới nó được sanh ra. Xem *MA.* III. 268.

tối thượng, vô năng thắng và như vậy để xác chứng[7] đứa con nít bé nhỏ, vô trí, nằm ngửa này. Thế nào là bốn? Ở đây, này thợ mộc, không làm ác nghiệp về thân, không nói lời ác ngữ, không tư duy ác tư duy, không sinh sống [bằng] nếp sống ác. Này thợ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu bốn pháp này, người ấy sẽ không được thiện cụ túc, thiện tối thắng, không là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng.

Này thợ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu mười pháp, người ấy sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng. Ta nói rằng, những [pháp] này, này thợ mộc, cần phải được người ấy hiểu là những bất thiện giới. Ta nói rằng, này thợ mộc, những bất thiện giới cần phải được người ấy hiểu là từ đây sanh (*itosamuṭṭhānā*). Ta nói rằng, này thợ mộc, ở đây cần phải được người ấy hiểu là những bất thiện giới được diệt trừ không có dư tàn. Ta nói rằng, này thợ mộc, cần phải được người ấy hiểu là thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện giới. Ta nói rằng, này thợ mộc, những [pháp] này cần phải được người ấy hiểu là những thiện giới. Ta nói rằng, này thợ mộc, những thiện giới cần phải được người ấy hiểu là từ đây sanh. Ta nói rằng, này thợ mộc, ở đây cần phải được người ấy hiểu là những thiện giới được diệt trừ không có dư tàn. Ta nói rằng, này thợ mộc, cần phải được người ấy hiểu là thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện giới. Ta nói rằng, này thợ mộc, những [pháp] này cần phải được người ấy hiểu là những bất thiện tư duy. Ta nói rằng, này thợ mộc, cần phải được người ấy hiểu là những bất thiện tư duy từ nơi đây sanh. Ta nói rằng, này thợ mộc, ở đây cần phải được người ấy hiểu các bất thiện tư duy được diệt trừ không có dư tàn. Ta nói rằng, này thợ mộc, cần phải được người ấy hiểu là thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện tư duy. Ta nói rằng, này thợ mộc, những [pháp] này cần phải được người ấy hiểu là những thiện tư duy. Ta nói rằng, này thợ mộc, cần phải được người ấy hiểu là những thiện tư duy từ nơi đây sanh. Ta nói rằng, này thợ mộc, ở đây cần phải được người ấy hiểu là các thiện tư duy được trừ diệt không có dư tàn. Ta nói rằng, này thợ mộc, cần phải được người ấy hiểu là thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện tư duy.

264. Và này thợ mộc, thế nào là bất thiện giới? Thân nghiệp bất thiện, khẩu nghiệp bất thiện, nếp sống ác. Những pháp này, này thợ mộc, được gọi là bất thiện giới.

Và này thợ mộc, những bất thiện giới này sanh khởi như thế nào? Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến. Cần phải trả lời là từ tâm sanh khởi. Thế nào là tâm? Tâm có nhiều loại, đa chủng, sai biệt: Tâm có tham, có sân, có si, từ đây những bất thiện giới sanh khởi.

Và này thợ mộc, những bất thiện giới này từ đâu được trừ diệt không có

[7] *Samadhigayha tiṭṭhati.* Xem *MLS.* II. 184, n. 2.

dư tàn? Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, này thợ mộc, một Tỷ-kheo, sau khi đoạn trừ thân ác hạnh, tu tập thân thiện hạnh; sau khi đoạn trừ khẩu ác hạnh, tu tập khẩu thiện hạnh; sau khi đoạn trừ ý ác hạnh, tu tập ý thiện hạnh; sau khi đoạn trừ nếp sống ác, sinh sống với nếp sống chánh. Ở đây, những bất thiện giới ấy được trừ diệt, không có dư tàn.

Thực hành như thế nào, này thợ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện giới? Ở đây, này thợ mộc, vị Tỷ-kheo khởi lên ý muốn,[8] nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không được sanh khởi; khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt; khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn. Sự thực hành như vậy, này thợ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện giới.

265. Và này thợ mộc, thế nào là thiện giới? Thân nghiệp thiện, khẩu nghiệp thiện, nếp sống thanh tịnh mạng. Những pháp này, này thợ mộc, được gọi là thiện giới.

Và này thợ mộc, những thiện giới này sanh khởi như thế nào? Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến. Cần phải trả lời là từ tâm sanh khởi. Thế nào là tâm? Tâm có nhiều loại, đa chủng, sai biệt: Tâm không tham, không sân, không si, từ đây những thiện giới sanh khởi.

Và này thợ mộc, những thiện giới này từ đâu được trừ diệt, không có dư tàn? Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, vị Tỷ-kheo có giới hạnh, không chấp trước giới (*sīlamayo*)[9] và vị này như thật tuệ tri Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Ở đây,[10] những thiện giới ấy được trừ diệt, không có dư tàn.

Thực hành như thế nào, này thợ mộc, là sự thực hành đưa đến trừ diệt các thiện giới? Ở đây, này thợ mộc, vị Tỷ-kheo khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp chưa sanh không được sanh khởi;... khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt;... khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn. Sự thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện giới.

266. Và này thợ mộc, thế nào là bất thiện tư duy? Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy. Những pháp này, này thợ mộc, được gọi là bất thiện tư duy.

---

[8] *M.* II. 11.

[9] *MA.* III. 270 giải thích *sīlavā hoti no ca sīlamayo* nghĩa là vị ấy thành tựu giới hạnh và không còn việc gì phải làm thêm nữa.

[10] *Yattha*. Đây là quả vị A-la-hán. Xem *MA.* III. 270.

Và này thợ mộc, những bất thiện tư duy này sanh khởi như thế nào? Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến. Cần phải trả lời là từ tưởng sanh khởi. Thế nào là tưởng? Tưởng có nhiều loại, đa chủng, sai biệt: Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng, từ đây những bất thiện tư duy sanh khởi.

Và này thợ mộc, những bất thiện tư duy này từ đâu được trừ diệt, không có dư tàn? Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, này thợ mộc, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Ở đây, những bất thiện tư duy được trừ diệt, không có dư tàn.

Và sự thực hành như thế nào, này thợ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện tư duy? Ở đây, vị Tỷ-kheo khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp chưa sanh không được sanh khởi;... khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt;... khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn. Sự thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện tư duy.

267. Này thợ mộc, thế nào là thiện tư duy? Ly dục tư duy, vô sân tư duy, bất hại tư duy. Những pháp này, này thợ mộc, được gọi là thiện tư duy.

Và này thợ mộc, những thiện tư duy này sanh khởi như thế nào? Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến. Cần phải trả lời là từ tưởng sanh khởi. Thế nào là tưởng? Tưởng có nhiều loại, đa chủng, sai biệt: Ly dục tưởng, vô sân tưởng, bất hại tưởng, từ đây những thiện tư duy sanh khởi.

Và này thợ mộc, những thiện tư duy này từ đâu được trừ diệt không có dư tàn? Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, này thợ mộc, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ở đây, những thiện tư duy ấy được trừ diệt, không có dư tàn.

Và sự thực hành như thế nào, này thợ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện tư duy? Ở đây, Tỷ-kheo khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp chưa sanh không có sanh khởi;... khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt;... khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn. Sự thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện tư duy.

268. Và này thợ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu mười pháp này, người ấy được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng. Ở đây, này thợ mộc, vị Tỷ-kheo thành tựu Vô học chánh tri kiến, thành tựu Vô học chánh tư duy, thành tựu Vô học chánh ngữ, thành tựu

Vô học chánh nghiệp, thành tựu Vô học chánh mạng, thành tựu Vô học chánh tinh tấn, thành tựu Vô học chánh niệm, thành tựu Vô học chánh định, thành tựu Vô học chánh trí, thành tựu Vô học chánh giải thoát. Này thợ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu mười pháp này sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, thợ mộc Pañcakaṅga hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

79. TIỂU KINH SAKULUDĀYI

(*Cūḷasakuludāyi Sutta*)[1]

269. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), ở Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, du sĩ Sakuludāyi ở tại Moranivāpa (Khổng Tước Lâm), một tinh xá du sĩ, cùng với đại chúng du sĩ. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào Vương Xá để khất thực.[2] Thế Tôn khởi lên ý nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khất thực ở Vương Xá, Ta hãy đi đến tinh xá du sĩ Khổng Tước Lâm, đến du sĩ Sakuludāyi." Rồi Thế Tôn đi đến tinh xá du sĩ Khổng Tước Lâm. Lúc bấy giờ, du sĩ Sakuludāyi đang ngồi với đại chúng du sĩ, đang lớn tiếng, cao tiếng, to tiếng bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm như bàn về vua, bàn về ăn trộm, bàn về đại thần, bàn về binh, bàn về sợ hãi, bàn về chiến đấu, bàn về đồ ăn, bàn về đồ uống, bàn về y phục, bàn về giường nằm, bàn về vòng hoa, bàn về hương liệu, bàn về bà con, bàn về xe cộ, bàn về làng, bàn về thị trấn, bàn về đô thị, bàn về quốc độ, bàn về phụ nữ, bàn về anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, bàn việc tạp nhạp, bàn về thế giới, bàn về biển cả, bàn về hiện hữu và không hiện hữu. Du sĩ Sakuludāyi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền khuyến cáo chúng của mình:

– Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Các Tôn giả hãy lặng tiếng! Nay Sa-môn Gotama này đang đến. Sa-môn Gotama ấy ưa mến an tịnh, tán thán an tịnh. Nếu biết chúng này an tịnh, có thể ghé tại đây.

Rồi các du sĩ ấy đều im lặng.

270. Thế Tôn đến chỗ du sĩ Sakuludāyi. Du sĩ Sakuludāyi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đến! Bạch Thế Tôn, thiện lai Thế Tôn! Đã lâu Thế Tôn mới tạo cơ hội này, nghĩa là đến đây. Thế Tôn hãy ngồi! Đây là chỗ đã soạn sẵn.

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ Sakuludāyi lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với du sĩ Sakuludāyi đang ngồi một bên:

---

[1] Xem *D.* I. 1, 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M.* I. 29, 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 157, 214; III. 1, 29; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tiễn mao kinh* 箭毛經 (*T.*01. 0026.208. 0783c03).

[2] Xem *M.* 76, *Sandaka Sutta* (*Kinh Sandaka*); *M.* 77. *Mahāsakuludāyi Sutta* (*Đại kinh Sakuludāyi*); *M.* 78, *Samaṇamuṇḍika Sutta* (*Kinh Samaṇamuṇḍika*).

– Này Udāyi, nay các vị hội họp nhau ở đây, đang bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các vị bị gián đoạn?

– Bạch Thế Tôn, hãy gác một bên vấn đề chúng con đang hội họp bàn luận. Về sau Thế Tôn nghe lại cũng không khó khăn gì. Bạch Thế Tôn, khi con không ở gần chúng này, thời chúng này ngồi nói nhiều câu chuyện phù phiếm. Và bạch Thế Tôn, khi con ở gần chúng này, thời chúng này ngồi nhìn thẳng mặt con và nghĩ: "Sa-môn Udāyi thuyết pháp gì, chúng ta sẽ nghe." Bạch Thế Tôn, khi nào Thế Tôn đến với chúng này thời con và chúng này ngồi nhìn thẳng mặt Thế Tôn và nghĩ: "Thế Tôn thuyết pháp gì, chúng ta sẽ nghe."

– Vậy này Udāyi, hãy nói lên ở đây vấn đề gì, để Ta có thể nói chuyện.

271. – Thuở xưa, bạch Thế Tôn, rất xa xưa, bậc Biết Tất Cả, Thấy Tất Cả, tự nhận mình có tri kiến không dư thừa:[3] "Khi ta đi, khi ta đứng, khi ta ngủ và khi ta thức, tri kiến được tồn tại liên tục thường hằng." Vị ấy khi được con hỏi câu hỏi về quá khứ, liền tránh né với một câu hỏi khác, trả lời ra ngoài vấn đề và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận và bất mãn.[4] Do vậy, bạch Thế Tôn, con khởi lên niệm hoan hỷ đối với Thế Tôn: "Thật sự Thế Tôn, thật sự bậc Thiện Thệ là bậc thiện xảo về những pháp này."

– Này Udāyi, vị nào là bậc Biết Tất Cả, Thấy Tất Cả và tự nhận mình có tri kiến không dư thừa: "Khi ta đi, khi ta đứng, khi ta ngủ, khi ta thức, tri kiến được tồn tại liên tục thường hằng"? Vị ấy là ai mà khi được ông hỏi câu hỏi về quá khứ liền tránh né với một câu hỏi khác, trả lời ra ngoài vấn đề và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận và bất mãn?

– Bạch Thế Tôn, vị ấy là Nigaṇṭha Nāṭaputta.

– Này Udāyi, vị nào nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt như một đời, hai đời... nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Hoặc là vị ấy hỏi Ta câu hỏi về quá khứ, hay là Ta hỏi vị ấy câu hỏi về quá khứ. Hoặc là vị ấy làm tâm Ta thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi về quá khứ, hay là Ta làm tâm vị ấy thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi về quá khứ. Này Udāyi, vị nào với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Hoặc là vị ấy hỏi Ta câu hỏi về tương lai, hay là Ta hỏi vị ấy câu hỏi về tương lai. Hoặc là vị ấy làm tâm Ta thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi về tương lai, hay là Ta làm tâm vị ấy thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi về tương lai. Và thôi, này Udāyi, hãy dừng lại ở quá khứ, hãy dừng lại ở tương lai! Ta sẽ thuyết pháp cho ông: "Cái này có mặt thì cái đây có mặt, do cái này sanh thì cái đây sanh. Cái này không có mặt thì cái đây không có mặt, do cái này diệt thì cái đây diệt."

---

[3] *M.* I. 519.

[4] *M.* I. 250.

– Bạch Thế Tôn, cho đến trong phạm vi kinh nghiệm với tự ngã này (*attabhāva*), con còn không thể nhớ đến các nét đại cương và các chi tiết, từ đâu con có thể nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời... con có thể nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, với các nét đại cương và các chi tiết như Thế Tôn? Bạch Thế Tôn, nay con còn không thấy được con quỷ Phiêu Phong (*Paṃsupisācaka*) từ đâu, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, con có thể tuệ tri rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh; con có thể biết rõ các chúng sanh đều do hạnh nghiệp của họ như Thế Tôn? Do vậy, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn nói với con như sau: "Này Udāyi, hãy dừng lại ở quá khứ, hãy dừng lại ở tương lai! Ta sẽ thuyết pháp cho ông: 'Cái này có mặt thì cái đây có mặt, do cái này sanh thì cái đây sanh. Cái này không có mặt thì cái đây không có mặt, do cái này diệt thì cái đây diệt'", thời con lại càng không nhận rõ bội phần. Tuy vậy, bạch Thế Tôn, con có thể làm tâm Thế Tôn thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi về bậc Đạo sư của mình.

272. – Này Udāyi, bậc Đạo sư của ông dạy những gì?

– Bạch Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng con dạy chúng con rằng: "Sắc này là tối thượng,[5] sắc này là tối thượng."

– Này Udāyi, khi bậc Đạo sư của ông dạy ông rằng: "Sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng", thời sắc tối thượng ấy là sắc gì?

– Bạch Thế Tôn, khi một sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, thời sắc ấy là sắc tối thượng.

– Này Udāyi, sắc ấy là sắc gì, khi sắc ấy không có một sắc nào khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn?

– Bạch Thế Tôn, khi một sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, thời sắc ấy là sắc tối thượng.

– Này Udāyi, [lời giải thích] của ông chỉ dài như vậy, ông phải [giải thích] rộng rãi thêm. Nếu ông nói: "Bạch Thế Tôn, khi một sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, sắc ấy là sắc tối thượng", thời ông không chỉ rõ sắc ấy. Này Udāyi, như có người nói:[6] "Tôi yêu và luyến ái một cô gái đẹp trong nước này." Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp mà bạn yêu và luyến ái ấy, bạn có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-lỵ, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp bạn yêu và luyến ái ấy, bạn có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người, hay người bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, thị trấn nào, hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải bạn đã yêu và đã luyến ái một người bạn không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời

[5] *M.* II. 40. *Vaṇṇa* có nhiều nghĩa: Màu sắc, giai cấp, sắc đẹp, dáng vẻ, tán thán.
[6] *D.* I. 241.

phải. Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Sự tình là như vậy, thời lời nói của người ấy có phải là không hiệu năng không?[7]

– Bạch Thế Tôn, sự tình là như vậy, thời lời nói của người ấy thật sự là không hiệu năng.

– Cũng vậy, này Udāyi, khi ông nói: "Bạch Thế Tôn, khi một sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, thời sắc ấy là sắc tối thượng", thời ông không chỉ rõ sắc ấy.

– Bạch Thế Tôn, ví như một hòn lưu ly bảo châu,[8] đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu nhạt, tự nó sáng lên, chói lên, bừng sáng lên; với sắc như vậy, tự ngã là không bệnh, sau khi chết.[9]

273. – Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Một hòn lưu ly bảo châu nào, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu nhạt, tự nó sáng lên, chói lên, bừng sáng lên; hay con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù, giữa hai [quang] sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Bạch Thế Tôn, con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù, [quang] sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù hay là ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, giữa hai [quang] sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Bạch Thế Tôn, ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, quang sắc [ngọn đèn dầu] này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, hay là một đống lửa lớn trong đêm đen tối mù, giữa hai [quang] sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Bạch Thế Tôn, đống lửa lớn trong đêm đen tối mù, [quang] sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Đống lửa lớn trong đêm đen tối mù, hay ngôi sao Mai trong một bầu trời trong sáng không mây vào lúc bình minh, giữa hai [quang] sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Bạch Thế Tôn, ngôi sao Mai trong một bầu trời trong sáng không mây vào lúc bình minh, [quang] sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Ngôi [sao Thái Bạch] sao Mai trong bầu trời trong sáng không mây trong lúc bình minh, hay là mặt trăng trong khi đứng

---

[7] *Appāṭihīrakataṃ bhāsitaṃ*, như *M.* II. 41; *D.* I. 193, 239, 242, 244. *MA.* III. 273 giải thích là *Aniyyānikaṃ amūlakaṃ niratthakaṃ*, không có hướng tiến, không có căn bản, không có mục đích. Tương tự như *Appāṭihāriya*. Xem *M.* II. 9.

[8] *M.* II. 17.

[9] *M.* II. 228. *MA.* III. 273 viết khi lâm chung, tự ngã chói sáng như chư thiên ở cõi trời Subhakiṇha.

bóng[10] trong một bầu trời trong sáng không mây, vào lúc nửa đêm trong ngày Bố-tát (*Uposatha*) vào ngày rằm, giữa hai [quang] sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Bạch Thế Tôn, mặt trăng trong khi đứng bóng trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc nửa đêm trong ngày *Uposatha* vào ngày rằm, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Mặt trăng trong khi đứng bóng trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc nửa đêm trong ngày *Uposatha* vào ngày rằm, hay là mặt trời trong lúc đứng bóng trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc giữa trưa trong tháng cuối mùa mưa về mùa thu, giữa hai [quang] sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Bạch Thế Tôn, mặt trời trong lúc đứng bóng trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc giữa trưa trong tháng cuối mùa mưa về mùa thu, [quang sắc] này vi diệu hơn và thù thắng hơn.

– Này Udāyi, hơn tất cả những quang sắc ấy, có nhiều, rất nhiều chư thiên, mà ánh sáng của những mặt trăng, mặt trời này không thể chiếu sáng (*nānubhonti*). Ta biết những chư thiên ấy, và Ta không nói: "Không có một quang sắc nào khác vi diệu hơn và thù thắng hơn quang sắc ấy." Còn ông, này Udāyi, ông lại nói: "Quang sắc này thấp kém hơn, yếu đuối hơn quang sắc con sâu đom đóm, quang sắc ấy là tối thắng." Và ông không chỉ rõ quang sắc ấy.

– Thế Tôn đã cắt đứt câu chuyện. Thiện Thệ đã cắt đứt câu chuyện.

– Này Udāyi, sao ông lại nói: "Thế Tôn đã cắt đứt câu chuyện. Thiện Thệ đã cắt đứt câu chuyện"?

– Bạch Thế Tôn, các vị Đạo sư của chúng con dạy như sau: "Quang sắc này là tối thượng, quang sắc này là tối thượng." Nhưng bạch Thế Tôn, các bậc Đạo sư của chúng con khi bị Thế Tôn đối nạn, cật nạn, vấn nạn, [tự tỏ là] trống không, hư vọng, thất bại.

274. – Nhưng này Udāyi, có một Thế giới nhứt hướng lạc không? Có đạo lộ hợp lý nào đưa đến chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc?

– Bạch Thế Tôn, các bậc Đạo sư của chúng con có dạy như sau: "Có một Thế giới nhứt hướng lạc. Có đạo lộ hợp lý[11] đưa đến chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc."

– Này Udāyi, đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc là gì?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có người đoạn trừ sát sanh, từ bỏ sát sanh; đoạn trừ lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho; đoạn trừ tà dâm, từ bỏ tà dâm; đoạn

---

[10] *MA*. III. 274 giải thích lúc nửa đêm, vầng trăng như đứng giữa bầu trời (*abhinne aḍḍharattasamaye. Iminā gaganamajjhe ṭhitacandaṃ dasseti*).

[11] *Ākāravatī paṭipadā*. Xem *Akāravati saddhā,* một niềm tin hợp lý, như *M*. I. 320.

trừ nói láo, từ bỏ nói láo; hay sống sau khi thọ trì một loại khổ hạnh (*tapoguṇa*). Bạch Thế Tôn, đó là đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Trong khi đoạn trừ sát sanh, từ bỏ sát sanh, trong khi ấy tự ngã là nhứt hướng lạc hay cả lạc cả khổ?

– Bạch Thế Tôn, cả lạc cả khổ.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Trong khi đoạn trừ lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, trong khi ấy tự ngã là nhứt hướng lạc hay cả lạc cả khổ?

– Bạch Thế Tôn, cả lạc cả khổ.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Trong khi đoạn trừ tà dâm, từ bỏ tà dâm, trong khi ấy tự ngã là nhứt hướng lạc hay cả lạc cả khổ?

– Bạch Thế Tôn, cả lạc cả khổ.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Trong khi đoạn trừ nói láo, từ bỏ nói láo, trong khi ấy tự ngã là nhứt hướng lạc hay cả lạc cả khổ?

– Bạch Thế Tôn, cả lạc cả khổ.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Trong khi sống thọ trì một loại khổ hạnh, trong khi ấy tự ngã là nhứt hướng lạc hay cả lạc cả khổ?

– Bạch Thế Tôn, cả lạc cả khổ.

– Này Udāyi, ông nghĩ thế nào? Như vậy đạo lộ để chứng đắc một Thế giới nhứt hướng lạc, đạo lộ ấy cả lạc cả khổ xen lẫn?

– Thế Tôn đã cắt đứt câu chuyện, Thiện Thệ đã cắt đứt câu chuyện.

– Này Udāyi, sao ông lại nói như vậy: "Thế Tôn đã cắt đứt câu chuyện, Thiện Thệ đã cắt đứt câu chuyện"?

– Bạch Thế Tôn, các bậc Đạo sư của chúng con có dạy như sau: "Có một Thế giới nhứt hướng lạc, có một đạo lộ hợp lý để chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc." Nhưng các bậc Đạo sư của chúng con khi bị Thế Tôn đối nạn, cật nạn, vấn nạn, [tự tỏ là] trống không, hư vọng, thất bại. Nhưng bạch Thế Tôn, có một Thế giới nhứt hướng lạc không? Có một đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc một Thế giới nhứt hướng lạc không?

– Này Udāyi, có một Thế giới nhứt hướng lạc, có một đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc.

275. – Bạch Thế Tôn, thế nào là đạo lộ hợp lý ấy đưa đến chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc?

– Ở đây, này Udāyi, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đắc và trú Thiền thứ nhất; sau khi diệt tầm và tứ... chứng đắc và trú Thiền thứ hai;... chứng đắc và trú Thiền thứ ba. Như vậy, này Udāyi là đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc.

– Bạch Thế Tôn, đạo lộ ấy không phải là đạo lộ đưa đến chứng đắc Thế giới

nhứt hướng lạc. Chứng đắc như vậy, bạch Thế Tôn, [phải chăng] là Thế giới nhứt hướng lạc?

– Này Udāyi, chứng đắc như vậy chưa phải là Thế giới nhứt hướng lạc. Đạo lộ ấy chỉ là đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc.

Khi được nghe nói vậy, hội chúng của du sĩ Sakuludāyi lớn tiếng, cao tiếng, to tiếng như sau:

– Ở đây, chúng tôi đã được nghe từ các vị Đạo sư. Ở đây, chúng tôi đã được nghe từ các vị Đạo sư. Chúng tôi không được biết gì hơn như vậy nữa.

Rồi du sĩ Sakuludāyi, sau khi làm cho các vị du sĩ ấy lặng tiếng xuống, liền bạch Thế Tôn:

– Phải đến mức như thế nào, mới là chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc?

– Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo đoạn trừ lạc... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Có bao nhiêu chư thiên được sanh vào Thế giới nhứt hướng lạc, Tỷ-kheo cùng đứng với các chư thiên ấy, cùng nói chuyện, cùng đàm luận. Cho đến mức độ như vậy, này Udāyi, mới là chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc.

276. – Bạch Thế Tôn, có phải chỉ vì nhân duyên chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc mà các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự [chỉ dẫn] của Thế Tôn?

– Này Udāyi, không phải chỉ vì nhân duyên chứng đắc Thế giới nhứt hướng lạc mà các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự [chỉ dẫn] của Ta. Này Udāyi, có những pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn; vì nhơn duyên chứng đắc các pháp ấy, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

– Bạch Thế Tôn, thế nào là những pháp cao thượng hơn, thù thắng hơn; vì nhơn duyên chứng đắc các pháp ấy, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn?

– Ở đây, này Udāyi, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn[12]... (như trên)... sau khi đoạn trừ năm triền cái này, những pháp làm ô uế tâm, làm muội lược trí tuệ, ly dục, ly bất thiện pháp... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ nhất. Đây là pháp, này Udāyi, cao thượng hơn và thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc pháp này mà Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta. Lại nữa này Udāyi, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... (như trên)... Thiền thứ hai; ... Thiền thứ ba;... (như trên)... chứng và an trú Thiền thứ tư. Đây là pháp, này Udāyi, cao thượng hơn và thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc pháp này, mà các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, với các phiền não được đoạn trừ, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy

[12] Xem *M.* 27, *Cūḷahatthipadopama Sutta* (*Tiểu kinh Dụ dấu chân voi*); *M.* 51, *Kandaraka Sutta* (*Kinh Kandaraka*).

hướng tâm đến Túc mạng trí.[13] Vị ấy nhớ nhiều đời ở quá khứ như một đời, hai đời... (như trên)... nhớ đến nhiều đời sống ở quá khứ, với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là pháp, này Udāyi, cao thượng hơn và thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc pháp ấy, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, với các phiền não được đoạn trừ, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến Sanh tử trí của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy rõ sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Đây là pháp, này Udāyi, cao thượng hơn và thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, với các phiền não được đoạn trừ, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị Tỷ-kheo ấy hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy như thật biết: “Đây là khổ”... “Đây là khổ tập”... “Đây là khổ diệt”... “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Vị ấy như thật biết: “Đây là những lậu hoặc”... “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”... “Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc.” Vị ấy như thật biết: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc.” Nhờ hiểu biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa.” Đây là pháp, này Udāyi, cao thượng hơn, thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta. Đây là những pháp, này Udāyi, cao thượng hơn, thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc những pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

Khi nghe nói vậy, du sĩ Sakuludāyi bạch Thế Tôn:

277. – Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con xuất gia, dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con thọ Đại giới.

Khi được nghe nói vậy, chúng du sĩ của Sakuludāyi nói với du sĩ Sakuludāyi:

– Tôn giả Udāyi, chớ có sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama! Tôn giả Udāyi đã là bậc Đạo sư, nay chớ có sống làm đệ tử! Như một

---

[13] *MLS*. I. 28.

ghè nước tốt, nay bị thủng lỗ bị chảy nước; hành động của Tôn giả Udāyi cũng sẽ như vậy. Tôn giả Udāyi, chớ có sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama! Tôn giả Udāyi đã là bậc Đạo sư, nay chớ có sống làm đệ tử!

Như vậy, chính chúng du sĩ của Sakuludāyi đã làm một chướng ngại pháp cho du sĩ Sakuludāyi sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn.

80. KINH VEKHANASSA

(*Vekhanassa Sutta*)[1]

278. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ Vekhanassa[2] đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, du sĩ Vekhanassa thốt lên lời cảm hứng sau đây trước mặt Thế Tôn:

– Sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng.

– Nhưng này Kaccāna, sao ông lại nói như sau: "Sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng, thời sắc tối thượng ấy là sắc gì?"

– Tôn giả Gotama, khi một sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, sắc ấy là tối thượng.

– Nhưng này Kaccāna, sắc ấy là sắc gì mà không có sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn?

– Tôn giả Gotama, khi một sắc nào không có sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, sắc ấy là tối thượng.

– Này Kaccāna, [lời giải thích] của ông chỉ dài như vậy, ông phải [giải thích] rộng rãi thêm. Nếu ông nói: "Tôn giả Gotama, khi một sắc nào không có sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, sắc ấy là tối thượng", và ông không chỉ rõ sắc ấy. Này Kaccāna, ví như có người nói: "Tôi yêu và luyến ái một cô gái đẹp trong nước này."[3] Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp mà bạn yêu và luyến ái ấy, bạn có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp bạn yêu và luyến ái ấy, bạn có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người hay bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, thị trấn nào hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả

---

[1] Xem *CNid*. 23:235, 23:247. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Bệ-ma-na-tu kinh* 鞞摩那修經 (*T*.01. 0026.209. 0786b12). Tham chiếu: *Bệ-ma-túc kinh* 鞞摩肅經 (*T*.01. 0090. 0913c04).

[2] *MA*. III. 277 viết rằng Vekhanassa là Đạo sư của Sakuludāyī. Xem *M*. 77. *Mahāsakuludāyi Sutta* (*Đại kinh Sakuludāyi*); *M*. 79, *Cūḷasakuludāyi Sutta* (*Tiểu kinh Sakuludāyi*). Vì muốn hiểu vì sao đệ tử của mình bị Sa-môn Gotama luận bại và muốn tự mình luận bại Sa-môn Gotama về vấn đề quang sắc tối thượng, Vekhanassa đi bộ từ Rājagaha đến Sāvatthi, hơn 45 *yojana* (do-tuần).

[3] Xem *M*. 79, *Cūḷasakuludāyi Sutta* (*Tiểu kinh Sakuludāyi*).

lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải bạn yêu và luyến ái một người bạn không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Kaccāna, ông nghĩ thế nào? Sự tình là như vậy, thời lời nói của người ấy có phải là không có hiệu năng không?

– Bạch Tôn giả Gotama, sự tình là như vậy, thời lời nói của người ấy thật sự là không có hiệu năng.

– Cũng vậy, này Kaccāna, khi ông nói: "Tôn giả Gotama, khi một sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, sắc ấy là tối thượng", và ông không chỉ rõ sắc ấy.

– Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài được đặt trên một tấm màn màu nhạt, tự nó sáng lên, chói lên, bừng sáng lên; với sắc như vậy, tự ngã là không có bệnh, sau khi chết.

279. – Này Kaccāna, ông nghĩ thế nào? Một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài được đặt trên một tấm màn màu nhạt, tự nó sáng lên, chói lên, bừng sáng lên, hay con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù, giữa hai [quang sắc] này, [quang] sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai [quang] sắc.

– Này Kaccāna, ông nghĩ thế nào? Con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù hay ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, giữa hai [quang] sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, [quang sắc ngọn đèn dầu] này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Kaccāna, ông nghĩ thế nào? Ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, hay là đống lửa lớn trong đêm đen tối mù, giữa hai [quang] sắc này, [quang] sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, đống lửa lớn trong đêm đen tối mù, [quang] sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Kaccāna, ông nghĩ thế nào? Đống lửa lớn trong đêm đen tối mù hay ngôi sao Mai trong sáng không mây, vào lúc bình minh, giữa hai [quang] sắc này, [quang] sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, ngôi sao Mai trong sáng không mây vào lúc bình minh, [quang] sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Kaccāna, ông nghĩ thế nào? Ngôi [sao Thái Bạch] sao Mai trong bầu trời trong sáng không mây trong lúc bình minh, hay là mặt trăng trong khi đứng bóng trong một bầu trời trong sáng không mây, vào lúc nửa đêm trong ngày Bố-tát (*Uposatha*) vào ngày rằm, giữa hai [quang] sắc này, [quang] sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, mặt trăng trong khi đứng bóng trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc nửa đêm trong ngày *Uposatha*, vào ngày rằm, [quang] sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Kaccāna, ông nghĩ thế nào? Mặt trăng trong khi đứng bóng trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc nửa đêm trong ngày *Uposatha* vào ngày rằm, hay là mặt trời trong lúc đứng bóng trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc giữa trưa trong tháng cuối mùa mưa về mùa thu, giữa hai [quang] sắc này, [quang] sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, mặt trời trong lúc đứng bóng trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc giữa trưa trong tháng cuối mùa mưa về mùa thu, [quang] sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn.

– Này Kaccāna, hơn tất cả quang sắc ấy, có rất nhiều, rất nhiều chư thiên mà ánh sáng của những mặt trăng, mặt trời này không thể chiếu sáng. Ta biết những chư thiên ấy và Ta không nói: "Không có một quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn quang sắc ấy." Còn ông, này Kaccāna, ông lại nói: "Quang sắc này thấp kém hơn, yếu đuối hơn quang sắc con sâu đom đóm, quang sắc ấy là tối thắng", và ông không chỉ rõ quang sắc ấy.

280. Này Kaccāna, có năm dục trưởng dưỡng này.[4] Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức...; các hương do mũi nhận thức...; các vị do lưỡi nhận thức...; các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Kaccāna, những pháp này là năm dục trưởng dưỡng. Này Kaccāna, lạc và hỷ nào khởi lên, duyên với năm dục trưởng dưỡng này, được gọi là dục lạc. Như vậy, bởi vì có dục, nên có dục lạc; từ nơi dục lạc, dục tối thượng lạc[5] được gọi ở đây là tối thượng.

Được nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Tôn giả Gotama đã khéo nói như sau: "Bởi vì có dục, nên có dục lạc; từ nơi dục lạc, dục tối thượng lạc được gọi ở đây là tối thượng."

– Cái này thật khó cho ông có thể hiểu được, này Kaccāna, về dục, hay dục lạc, hay dục tối thượng lạc. Ông là người thuộc chấp kiến khác, thuộc kham nhẫn khác, thuộc mục đích khác, thuộc tu tập khác, thuộc Đạo sư khác.[6] Này Kaccāna, nhưng đối với các Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, đã làm những việc cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, những vị ấy biết: "Dục, dục lạc, hay dục tối thượng lạc."

---

[4] *M.* I. 85.

[5] *MA.* III. 277 gọi là *Nibbāna*.

[6] *M.* I. 487.

281. Khi được nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa phẫn nộ và bất mãn, mắng nhiếc cả Thế Tôn, miệt thị cả Thế Tôn và nói:[7]

– Sa-môn Gotama sẽ bị đọa lạc.

Và du sĩ Vekhanassa thưa Thế Tôn:

– Nhưng như vậy, ở đây, có một số Sa-môn, Bà-la-môn không biết về quá khứ, không thấy về tương lai, nhưng các vị ấy tự cho: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, từ nay không trở lại đời sống này nữa." Lời nói như vậy của họ tự chứng tỏ là đáng cười, tự chứng tỏ là nói suông, tự chứng tỏ là trống không, tự chứng tỏ là hư vọng.[8]

– Này Kaccāna, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết về quá khứ, không thấy được tương lai, nhưng tự cho là họ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa", lời phủ nhận chỉ trích như vậy về họ là hợp pháp. Nhưng này Kaccāna, hãy bỏ qua quá khứ, hãy bỏ qua tương lai,[9] hãy đến đây, người có trí, người không gian trá, không xảo quyệt, chơn trực, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp.[10] Nếu thực hành theo điều đã dạy, thời không bao lâu người ấy tự biết mình, tự thấy mình: "Như vậy thật sự là đã giải thoát khỏi sự ràng buộc chánh, tức là sự ràng buộc của vô minh." Ví như, này Kaccāna, một đứa trẻ bé nhỏ, yếu ớt, nằm ngửa, bị trói buộc nơi cổ với năm trói buộc, rất có thể làm bằng dây. Sau khi nó lớn lên, sau khi các căn nó thuần thục, nó được giải thoát khỏi các trói buộc ấy, khi không còn trói buộc nữa, nó biết: "Ta được giải thoát." Cũng vậy, này Kaccāna, hãy đến đây, người có trí, người không gian trá, không xảo quyệt, chơn trực, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Nếu thực hành theo điều đã dạy, thời không bao lâu người ấy tự biết mình, tự thấy mình: "Như vậy thật sự là đã giải thoát khỏi sự ràng buộc chánh, tức là sự ràng buộc của vô minh."

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo. Xin Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

---

[7] *Vadamāna*. Đoạn này tương tự như đoạn *M*. II. 200; *D*. I. 90 viết *upavadamāna*, mắng nhiếc.

[8] *D*. I. 240.

[9] *M*. II. 32; *MA*. III. 278 viết rằng Sa-môn Gotama nói như vậy vì du sĩ Vekhanassa không có Túc mạng trí nên không bàn được việc quá khứ, cũng không có Thiên nhãn trí nên không bàn được việc tương lai.

[10] *Vin*. I. 9, câu này được xem là chính Sa-môn Gotama tự nói.

81. KINH GHAṬIKĀRA

(*Ghaṭikāra Sutta*)[1]

282. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn bước xuống bên lề đường, đến tại một địa điểm, Ngài mỉm cười. Tôn giả Ānanda suy nghĩ: “Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại mỉm cười? Không phải không lý do, Như Lai lại mỉm cười.” Rồi Tôn giả Ānanda đắp y về phía một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại mỉm cười? Không phải không lý do, Như Lai lại mỉm cười.

– Thuở xưa, này Ānanda, tại địa điểm này là một thị trấn (*gāmanigama*) tên là Vegaḷiṅga, phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sống ở đây, dựa vào thị trấn Vegaḷiṅga. Ở đây, này Ānanda, là tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính tại đây, này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ngồi giảng dạy cho chúng Tỷ-kheo.

Rồi Tôn giả Ānanda gấp tư y Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*), trải ra rồi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thỉnh Thế Tôn ngồi xuống. Chính tại địa điểm này, hai bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sẽ sử dụng.

Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Thuở xưa, này Ānanda, tại địa điểm này là thị trấn tên Vegaḷiṅga, phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã sống dựa vào thị trấn Vegaḷiṅga. Chính tại đây, này Ānanda, là tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính tại đây, này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ngồi giảng dạy cho chúng Tỷ-kheo.

283. Này Ānanda, chính tại thị trấn Vegaḷiṅga, có người thợ làm đồ gốm tên là Ghaṭikāra, người này là người đàn-tín của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán

---

[1] Xem *Miln*. 221, 223. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Bệ-bà-lăng-kỳ kinh* 鞞婆陵耆經 (*T*.01. 0026.63. 0499a09). Tham chiếu: *Phật thuyết Khổ hạnh túc duyên kinh* 佛說苦行宿緣經 (*T*.04. 0197.10. 0172c05).

Chánh Đẳng Giác, vị đàn-tín đệ nhất. Thanh niên Jotipāla là người bạn chí thân của thợ gốm Ghaṭikāra. Rồi này Ānanda, thợ gốm Ghaṭikāra nói với thanh niên Jotipāla:

"Này bạn Jotipāla, chúng ta hãy đi, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy!"

Khi nghe nói vậy, này Ānanda, thanh niên Jotipāla nói với thợ gốm Ghaṭikāra:

"Thôi vừa rồi, bạn Ghaṭikāra, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Lần thứ hai, này Ānanda... (như trên). Lần thứ ba, này Ānanda, thợ gốm Ghaṭikāra nói với thanh niên Jotipāla:

"Này bạn Jotipāla, chúng ta hãy đi, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy!"

Lần thứ ba, này Ānanda, thanh niên Jotipāla nói với thợ gốm Ghaṭikāra:

"Thôi vừa rồi, bạn Ghaṭikāra, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

"Vậy này bạn Jotipāla, hãy cầm đồ gãi lưng và bột tắm, chúng ta hãy đi đến sông để tắm!"

"Thưa bạn, vâng."

Này Ānanda, thanh niên Jotipāla vâng đáp thợ gốm Ghaṭikāra như vậy.

Thợ gốm Ghaṭikāra và thanh niên Jotipāla lấy đồ gãi lưng và bột tắm, đi đến sông để tắm.

284. Rồi này Ānanda, thợ gốm Ghaṭikāra nói với thanh niên Jotipāla:

"Này bạn Jotipāla, chỗ này cách tu viện Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipāla, chúng ta hãy đi, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy!"

Khi nghe nói vậy, này Ānanda, thanh niên Jotipāla nói với thợ gốm Ghaṭikāra:

"Thôi vừa rồi, bạn Ghaṭikāra, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Lần thứ hai, này Ānanda... (như trên). Lần thứ ba, này Ānanda, thợ gốm Ghaṭikāra nói với thanh niên Jotipāla:

"Này bạn Jotipāla, chỗ này cách tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipāla, chúng ta hãy đi, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy!"

Lần thứ ba, này Ānanda, thanh niên Jotipāla nói với thợ gốm Ghaṭikāra:

"Thôi vừa rồi, bạn Ghaṭikāra, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Rồi này Ānanda, thợ gốm Ghaṭikāra nắm lấy thanh niên Jotipāla ở nơi cổ tay áo và nói:

"Này bạn Jotipāla, chỗ này cách tu viện Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipāla, chúng ta hãy đi, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy!"

Rồi này Ānanda, sau khi gỡ thoát cổ tay áo, thanh niên Jotipāla nói với thợ gốm Ghaṭikāra:

"Thôi vừa rồi, bạn Ghaṭikāra, yết kiến vị Sa-môn trọc đầu ấy để làm gì?"

Rồi thợ gốm Ghaṭikāra nắm lấy tóc vừa mới tắm xong của thanh niên Jotipāla và nói:

"Này bạn Jotipāla, chỗ này cách tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipāla, chúng ta hãy đi, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy!"

Rồi này Ānanda, thanh niên Jotipāla suy nghĩ như sau: "Thật là vi diệu! Thật là hy hữu! Thợ gốm Ghaṭikāra tuy sanh thuộc hạ cấp, lại dám nghĩ có thể nắm lấy tóc của ta, dầu ta vừa mới gội đầu, chắc việc này không phải là tầm thường", rồi nói với thợ gốm Ghaṭikāra:

"Này bạn Ghaṭikāra, có thật sự là cần thiết không?"[2]

"Này bạn Jotipāla, thật sự là cần thiết. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác!"

"Vậy bạn Ghaṭikāra, hãy thả [tay] ra. Chúng ta sẽ đi."

285. Rồi này Ānanda, thợ gốm Ghaṭikāra và thanh niên Jotipāla cùng đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sau khi đến, thợ gốm Ghaṭikāra đảnh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, rồi ngồi xuống một bên. Còn thanh niên Jotipāla thì nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, này Ānanda, thợ gốm Ghaṭikāra bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác:

"Bạch Thế Tôn, đây là thanh niên Jotipāla, bạn của con, bạn thân tình của con. Mong Thế Tôn thuyết pháp cho bạn con."

---

[2] *Yāvetadohipi. MA.* III. 281 giải thích như thuật ngữ *Yāvetaparamaṃ*, nghĩa là nếu muốn người đi đến chỗ đó, cần có những cử chỉ thành ý như năn nỉ, hoặc nắm lấy dây thắt lưng kéo đi, nắm lấy tóc bảo đi, v.v...

Rồi này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ thợ gốm Ghaṭikāra và thanh niên Jotipāla. Rồi này Ānanda, thợ gốm Ghaṭikāra và thanh niên Jotipāla, sau khi được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, phấn khởi, hoan hỷ; sau khi hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

286. Rồi này Ānanda, thanh niên Jotipāla nói với thợ gốm Ghaṭikāra:

"Này bạn Ghaṭikāra, khi nghe pháp này, vì sao bạn không xuất gia?"

"Này bạn Jotipāla, bạn không biết tôi sao? Tôi phải nuôi dưỡng cha mẹ già mù lòa."

"Vậy này bạn Ghaṭikāra, tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

Rồi này Ānanda, thợ gốm Ghaṭikāra và thanh niên Jotipāla đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, này Ānanda, thợ gốm Ghaṭikāra bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác:

"Bạch Thế Tôn, đây là thanh niên Jotipāla, bạn của con, bạn thân tình của con. Mong Thế Tôn xuất gia cho bạn con!"

Và này Ānanda, thanh niên Jotipāla được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác cho xuất gia, cho thọ Đại giới.[3]

287. Rồi này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác; sau khi thanh niên Jotipāla xuất gia chưa bao lâu, sau nửa tháng, sau khi ở tại Vegaḷiṅga lâu cho đến khi thấy tự thỏa mãn, liền du hành đi đến Bārāṇasī. Ngài tuần tự du hành và đến tại Bārāṇasī (Ba-la-nại).

Rồi này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, trú tại Bārāṇasī, ở Isipatana, Lộc Uyển. Này Ānanda, Kikī, vua xứ Kāsi, được nghe như sau: "Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã đến Bārāṇasī, trú tại Bārāṇasī, Isipatana, Lộc Uyển." Rồi này Ānanda, Kikī, vua nước Kāsi, cho thắng các cỗ xe thù thắng; sau khi tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng liền cùng với các cỗ xe thù thắng khác đi ra khỏi thành Bārāṇasī với đại uy vệ của nhà vua đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Vua đi xe cho đến chỗ nào còn đi được xe, rồi xuống xe đi bộ, đi đến chỗ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, rồi ngồi xuống một bên. Này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Kikī, vua xứ Kāsi, đang ngồi một bên. Rồi Kikī,

---

[3] *MA*. III. 282 viết là các vị Bồ-tát xuất gia thọ giới trước sự chứng minh của đức Phật.

vua xứ Kāsi, sau khi được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác:

"Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời con mời ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo."

Và này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác im lặng nhận lời.

288. Rồi này Ānanda, sau khi được biết Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nhận lời, nhà vua từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Và này Ānanda, Kikī, vua xứ Kāsi, sau khi đêm ấy đã mãn, tại trú xứ của mình, cho bày biện các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, cơm vàng khô,[4] các loại cari với các hột đen được gạn bỏ, và các món ăn gia vị, rồi báo thời giờ cho Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được biết:

"Bạch Thế Tôn giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng."

Rồi này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Kikī, vua xứ Kāsi; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi này Ānanda, Kikī, vua xứ Kāsi, tự tay thân hầu và làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Rồi này Ānanda, Kikī, vua xứ Kāsi, sau khi Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã ăn xong, tay đã rời khỏi bát, lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, này Ānanda, Kikī, vua xứ Kāsi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác:

"Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con, an cư mùa mưa tại Bārāṇasī, sẽ có sự cúng dường như vậy cho chúng Tỷ-kheo."

"Thôi vừa rồi, Đại vương, Ta đã nhận lời an cư mùa mưa rồi."

Lần thứ hai, này Ānanda... (như trên). Lần thứ ba, này Ānanda, Kikī, vua xứ Kāsi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác:

"Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con, an cư mùa mưa tại Bārāṇasī, sẽ có sự cúng dường như vậy cho chúng Tỷ-kheo."

"Thôi vừa rồi, Đại vương, Ta đã nhận lời an cư mùa mưa rồi."

Rồi này Ānanda, Kikī, vua xứ Kāsi, suy nghĩ như sau: "Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không nhận lời mời của ta an cư mùa mưa ở Bārāṇasī", vì vậy cảm thấy thất vọng, ưu phiền.[5] Rồi này Ānanda, Kikī, vua xứ Kāsi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác:

---

[4] *Paṇḍumuṭīkassa sālino*. *MA*. III. 283 giải thích *puṭake katvā sukkhāpitassa rattasālino. Tassa kira sālino vappakālato paṭṭhāya ayaṃ parīhāro.*

[5] Xem *M*. I. 448, 457.

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có người đàn-tín hộ trì hơn con?"

"Đại vương, có một thị trấn tên là Vegaḷiṅga. Tại đấy có thợ gốm tên là Ghaṭikāra. Người ấy là đàn-tín hộ trì của Ta, một đàn-tín hộ trì tối thượng. Đại vương, Đại vương có nghĩ như sau: 'Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không nhận lời mời của ta an cư mùa mưa ở Bārāṇasī', do vậy, Đại vương cảm thấy thất vọng, ưu phiền. Nhưng thợ gốm Ghaṭikāra không có như vậy, và không sợ như vậy. Này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ rượu men rượu nấu. Này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra thành tựu lòng tin bất thối chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, thành tựu các giới được bậc Thánh ái lạc. Này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra không có nghi ngờ đối với khổ, không có nghi ngờ đối với khổ tập, không có nghi ngờ đối với khổ diệt, không có nghi ngờ đối với con đường đưa đến khổ diệt. Này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, có giới hạnh, theo thiện pháp. Này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra từ bỏ ngọc và vàng, không có vàng và bạc. Này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra không có tự tay đào đất hay đào với cái cuốc. Vị này vui lòng làm thành ghè bát với đất lấy từ bờ đê bị sập xuống hay do chuột và chó đào lên, và nói như sau: 'Ở đây, nếu ai muốn, hãy bỏ vào từng nhúm các loại gạo có vỏ, từng nhúm các loại đậu que, từng nhúm các loại đậu hột (*kaḷāya*), và có thể lấy cái gì mình muốn.'[6] Này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra nuôi dưỡng cha mẹ già mù lòa. Này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn từ chỗ ấy, không phải trở lui đời này nữa.

289. Một thời, này Đại vương, Ta ở tại thị trấn Vegaḷiṅga. Rồi này Đại vương, Ta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến cha mẹ của thợ gốm Ghaṭikāra; sau khi đến, nói với cha mẹ thợ gốm Ghaṭikāra như sau:

'Người thợ làm đồ gốm[7] đi đâu?'

'Bạch Thế Tôn, người đàn-tín hộ trì cho Thế Tôn đã đi khỏi và có dặn như sau: Hãy lấy cháo từ nơi nồi, hãy lấy đồ ăn từ nơi chảo mà dùng.'

Rồi Ta, này Đại vương, sau khi lấy cháo từ nơi nồi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi. Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra đi đến cha mẹ, sau khi đến, nói với cha mẹ như sau:

'Ai đã lấy cháo từ nơi nồi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi?'

'Này con, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sau khi lấy cháo từ nơi nồi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi.'

Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra suy nghĩ như sau: 'Thật là lợi ích

---

[6] *MA*. III. 284-85: Người thợ gốm không buôn bán các ghè, nồi nung, nhưng nếu dân chúng cần, họ có thể lấy thứ gì họ thích, và đổi lại cho người thợ gốm những thứ hữu dụng từ rừng núi.

[7] *Bhaggava*: Tên gọi chung cho tất cả những người làm đồ gốm.

cho ta, thật là khéo lợi ích cho ta, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy!' Rồi này Đại vương, cho đến nửa tháng, hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghaṭikāra, hay cho đến một tuần [không rời khỏi] cha mẹ [người thợ gốm].

290. Một thời, này Đại vương, Ta ở tại thị trấn Vegaḷiṅga. Rồi này Đại vương, Ta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến cha mẹ của thợ gốm Ghaṭikāra; sau khi đến, nói với cha mẹ thợ gốm Ghaṭikāra như sau:

'Người thợ làm đồ gốm đi đâu?'

'Bạch Thế Tôn, người đàn-tín hộ trì cho Thế Tôn đã đi khỏi và có dặn như sau: Hãy lấy cơm từ nơi nồi, hãy lấy đồ ăn từ nơi chảo mà dùng.'

Rồi Ta, này Đại vương, sau khi lấy cơm từ nơi nồi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi. Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra đi đến cha mẹ, sau khi đến, nói với cha mẹ như sau:

'Ai đã lấy cơm từ nơi nồi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi?'

'Này con, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sau khi lấy cơm từ nơi nồi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi.'

Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra suy nghĩ như sau: 'Thật là lợi ích cho ta, thật là khéo lợi ích cho ta, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy!' Rồi này Đại vương, cho đến nửa tháng, hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghaṭikāra, hay cho đến một tuần [không rời khỏi] cha mẹ [người thợ gốm].

291. Một thời, này Đại vương, Ta trú ở thị trấn Vegaḷiṅga; lúc bấy giờ, các cốc bị mưa dột, rồi Ta, này Đại vương, gọi các Tỷ-kheo:

'Hãy đi, này các Tỷ-kheo, và xem tại nhà của thợ gốm Ghaṭikāra có cỏ hay không.'

Khi được nghe nói vậy, này Đại vương, các Tỷ-kheo bạch với Ta:

'Bạch Thế Tôn, tại nhà của thợ gốm Ghaṭikāra không có cỏ, nhưng nhà người ấy có mái cỏ.'

'Này các Tỷ-kheo, hãy đi và rút cỏ từ ngôi nhà thợ gốm Ghaṭikāra.'

Rồi này Đại vương, các Tỷ-kheo ấy rút cỏ từ ngôi nhà thợ gốm Ghaṭikāra. Này Đại vương, cha mẹ thợ gốm Ghaṭikāra nói với các Tỷ-kheo ấy:

'Quý vị là ai lại rút cỏ ngôi nhà?'

'Này đại tỷ, ngôi nhà của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác bị mưa dột.'

'Hãy lấy đi, chư Hiền giả![8] Hãy lấy đi, chư Hiền giả!'

---

[8] *Bhadramukha*. Xem *M.* II. 210; *S.* I. 74.

Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra đi đến cha mẹ, sau khi đến, thưa với cha mẹ như sau:

'Những ai đã rút cỏ khỏi ngôi nhà?'

'Này con, các Tỷ-kheo có nói: 'Ngôi nhà của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác bị mưa dột.'

Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghaṭikāra suy nghĩ như sau: 'Thật là lợi ích cho ta, thật là khéo lợi ích cho ta, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy!'

Rồi này Đại vương, cho đến nửa tháng, hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghaṭikāra, hay cho đến một tuần, [không rời khỏi] cha mẹ thợ gốm. Rồi suốt cả ba tháng trời,[9] ngôi nhà đứng lấy bầu trời làm mái, nhưng không có mưa rơi vào. Và như vậy, này Đại vương, là người thợ gốm Ghaṭikāra."

"Lợi ích thay, bạch Thế Tôn, cho thợ gốm Ghaṭikāra! Thật khéo lợi ích thay, bạch Thế Tôn, cho thợ gốm Ghaṭikāra, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tin tưởng!"

292. Rồi này Ānanda, Kikī, vua xứ Kāsi, cho người đưa đến thợ gốm Ghaṭikāra khoảng năm trăm xe gạo có vỏ, gạo vàng khô và các món đồ ăn.[10] Rồi này Ānanda, những người của nhà vua đi đến thợ gốm Ghaṭikāra và nói:

"Này Tôn giả, năm trăm xe gạo có vỏ, gạo vàng khô và các món đồ ăn này, do Kikī, vua xứ Kāsi, gởi đến cho Tôn giả, mong Tôn giả hãy nhận lấy."

"Nhà vua rất nhiều phận sự, rất nhiều việc cần phải làm. Thật là vừa đủ cho tôi, được nhà vua nghĩ đến như thế này."

Này Ānanda, rất có thể ông suy nghĩ như sau: "Lúc bấy giờ, thanh niên Jotipāla có thể là một người khác." Nhưng này Ānanda, chớ có nghĩ như vậy. Lúc bấy giờ, Ta chính là thanh niên Jotipāla.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[9] *MA*. III. 286 cho rằng đức Thế Tôn đã trải qua tháng đầu trong 4 tháng mùa mưa trước khi người thợ gốm cúng dường cỏ lợp mái hương thất.

[10] Các đồ ăn này tặng cho người thợ gốm và chúng Tăng trong 3 tháng. Xem *MA*. III. 287.

82. KINH RAṬṬHAPĀLA

(*Raṭṭhapāla Sutta*)[1]

293. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành ở giữa dân chúng Kuru, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đi đến một thị trấn của dân chúng Kuru tên là Thullakoṭṭhika. Các Bà-la-môn, gia chủ ở Thullakoṭṭhika được nghe như sau: "Sa-môn Gotama là Thích tử, Tôn giả xuất gia từ dòng họ Sākya, du hành giữa dân chúng Kuru nay đã đến Thullakoṭṭhika với đại chúng Tỷ-kheo. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được nói lên về Tôn giả Gotama: 'Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài với thắng trí tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên bố sự chứng ngộ ấy cho người khác. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch.' Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!"

Rồi các Bà-la-môn, gia chủ ở Thullakoṭṭhika đi đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, một số người đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Một số người nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Một số người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Một số người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên. Một số người yên lặng rồi ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị Bà-la-môn, gia chủ ở Thullakoṭṭhika đang ngồi một bên.

294. Lúc bấy giờ, một thiện nam tử tên là Raṭṭhapāla,[2] con trai một gia đình

---

[1] Xem *Sn*. 6; *Thag*. 769, 1146; *J*. IV. 165, 172; *Ap*. I. 63; *Vin*. III. 1. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Lại-tra-hòa-la kinh* 賴吒和羅經 (*T*.01. 0026.132. 0623a11). Tham chiếu: *Lại-tra-hòa-la kinh* 賴吒和惒經 (*T*.01. 0068. 0868c23); *Hộ Quốc kinh* 護國經 (*T*.01. 0069. 0872a18); *Lại-tra-hòa-la kinh* 賴吒和惒經 (*T*.04. 0199.18a. 0196b01); *Phật độ Vương tử Hộ Quốc xuất gia duyên* 佛度王子護國出家緣 (*T*.04. 0199.18b. 0249b120); *Pháp cú kinh*, *Lão mao phẩm* 法句經老耗品 (*T*.04. 0210.19. 0565b25); *Pháp cú thí dụ kinh*, *Dụ lão mạo phẩm* 法句譬喻經喻老耄品 (*T*.04. 0211.19. 0592b15); *Xuất diệu kinh*, *Quán phẩm* 出曜經觀品 (*T*.04. 0212.28. 0736b06); *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Quán sát phẩm* 法集要頌經觀察品 (*T*.04. 0213.27. 0791b03); *Phân biệt công đức luận* 分別功德論 (*T*.25. 1507.4. 0042b01).

[2] Câu chuyện của Raṭṭhapāla tìm cách xuất gia và những sự tình xảy ra sau khi xuất gia khá giống với câu chuyện của Sudinna trong *Vin*. III. 12, tuy nhiên cũng có nhiều sai khác đáng chú ý.

thượng tộc ở tại Thullakoṭṭhika ấy, đang ngồi trong hội chúng này. Rồi thiện nam tử Raṭṭhapāla suy nghĩ như sau: "Như ta được hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, thời sống tại gia đình thật không dễ gì thực hành Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn trong sạch, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Thullakoṭṭhika, sau khi được Thế Tôn với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ; sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Thiện nam tử Raṭṭhapāla, sau khi các Bà-la-môn gia chủ ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thiện nam tử Raṭṭhapāla bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, như con được hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, thời sống tại gia đình thật không dễ gì thực hành Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn trong sạch, trắng bạch như vỏ ốc. Con muốn, bạch Thế Tôn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, cho con thọ Đại giới.

– Nhưng này Raṭṭhapāla, ông có được cha mẹ bằng lòng cho ông xuất gia chưa?

– Bạch Thế Tôn, con chưa được cha mẹ bằng lòng cho con xuất gia.

– Này Raṭṭhapāla, Như Lai không có cho ai xuất gia nếu không được cha mẹ người ấy bằng lòng.

– Như vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ làm những gì cần thiết để cha mẹ bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

295. Rồi thiện nam tử Raṭṭhapāla từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi ra đi, đi đến cha mẹ; sau khi đến, liền thưa với cha mẹ:

– Thưa mẹ và cha, như con được hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, thời sống tại gia đình thật không dễ gì thực hành Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn trong sạch, trắng bạch như vỏ ốc. Con muốn cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Hãy bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi được nghe nói vậy, cha mẹ thiện nam tử Raṭṭhapāla nói với thiện nam tử Raṭṭhapāla:

– Này con thân yêu Raṭṭhapāla, con là đứa con độc nhất của mẹ cha, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này con thân yêu Raṭṭhapāla, con không biết gì về đau khổ. Này con thân yêu Raṭṭhapāla, hãy ăn, hãy uống và hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, con có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Chúng ta không bằng lòng cho con

được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu con có chết, chúng ta còn không muốn không có mặt con, huống nay con còn sống, chúng ta lại bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

Lần thứ hai... (như trên). Lần thứ ba, thiện nam tử Raṭṭhapāla thưa với mẹ cha:

– Thưa mẹ và cha, như con được hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, thời sống tại gia đình thật không dễ gì thực hành Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Con muốn cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Hãy bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Lần thứ ba, cha mẹ thiện nam tử Raṭṭhapāla nói với thiện nam tử Raṭṭhapāla:

– Này con thân yêu Raṭṭhapāla, con là đứa con độc nhất của mẹ cha, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này con thân yêu Raṭṭhapāla, con không biết gì về đau khổ. Này con thân yêu Raṭṭhapāla, hãy ăn, hãy uống và hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, con có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Chúng ta không bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu con có chết, chúng ta còn không muốn không có mặt con, huống nay con còn sống, chúng ta lại bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

296. Rồi thiện nam tử Raṭṭhapāla không được cha mẹ cho xuất gia, liền ngay tại chỗ ấy nằm xuống trên đất trần và nói:

– Con sẽ chết ở đây hay được xuất gia.

Rồi cha mẹ thiện nam tử Raṭṭhapāla nói với thiện nam tử Raṭṭhapāla:

– Này con thân yêu Raṭṭhapāla, con là đứa con độc nhất của mẹ cha, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này con thân yêu Raṭṭhapāla, con không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy, này con thân yêu Raṭṭhapāla, hãy ăn, hãy uống, hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, con có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Chúng ta không bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu con có chết, chúng ta còn không muốn không có mặt con, huống nay con còn sống, chúng ta lại bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

Khi được nghe nói vậy, thiện nam tử Raṭṭhapāla giữ im lặng. Lần thứ hai... (như trên). Lần thứ ba, cha mẹ thiện nam tử Raṭṭhapāla nói với thiện nam tử Raṭṭhapāla:

– Này con thân yêu Raṭṭhapāla, con là đứa con độc nhất của mẹ cha, khả ái, dễ thương, sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này con thân yêu Raṭṭhapāla, con không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy, này con thân yêu Raṭṭhapāla, hãy ăn, hãy uống, hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, con có thể thụ hưởng cái ái dục và sung sướng làm các phước đức. Chúng ta không bằng lòng

cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu con có chết, chúng ta còn không muốn không có mặt con, huống nay con còn sống, chúng ta lại bằng lòng cho con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

Lần thứ ba, thiện nam tử Raṭṭhapāla giữ im lặng.

297. Rồi cha mẹ thiện nam tử Raṭṭhapāla liền đi đến các thân hữu của thiện nam tử Raṭṭhapāla, và nói:

– Này các thân hữu, thiện nam tử Raṭṭhapāla nằm trên đất trần và nói: "Con sẽ chết ở đây hay được xuất gia." Này các con thân mến, hãy đi đến thiện nam tử Raṭṭhapāla, sau khi đến hãy nói với thiện nam tử Raṭṭhapāla: "Này bạn Raṭṭhapāla, bạn là con độc nhất của cha mẹ, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này bạn Raṭṭhapāla, bạn không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy, bạn Raṭṭhapāla, hãy ăn, hãy uống, hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, bạn có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Cha mẹ bạn không bằng lòng cho bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu bạn có chết đi, cha mẹ bạn còn không muốn không có mặt bạn, huống nay bạn còn sống, cha mẹ bạn lại bằng lòng cho bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!"

Rồi những người bạn của thiện nam tử Raṭṭhapāla vâng theo lời cha mẹ của thiện nam tử Raṭṭhapāla, đi đến chỗ thiện nam tử Raṭṭhapāla, sau khi đến liền nói:

– Này bạn Raṭṭhapāla, bạn là con độc nhất của cha mẹ, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này bạn Raṭṭhapāla, bạn không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy, bạn Raṭṭhapāla, hãy ăn, hãy uống, hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, bạn có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Cha mẹ bạn không bằng lòng cho phép bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu bạn có chết đi, cha mẹ bạn còn không muốn không có mặt bạn, huống nay bạn còn sống, cha mẹ bạn lại bằng lòng cho bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

Khi được nghe nói vậy, thiện nam tử Raṭṭhapāla giữ im lặng. Lần thứ hai... (như trên). Lần thứ ba, những người bạn của thiện nam tử Raṭṭhapāla nói với thiện nam tử Raṭṭhapāla:

– Này bạn Raṭṭhapāla, bạn là con độc nhất của cha mẹ bạn, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này bạn Raṭṭhapāla, bạn không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy, bạn Raṭṭhapāla, hãy ăn, hãy uống, hãy vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, bạn có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Cha mẹ bạn không bằng lòng cho phép bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu bạn chết đi, cha mẹ bạn còn không muốn không có mặt bạn, huống nay bạn còn sống, cha mẹ bạn lại bằng lòng cho phép bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

Lần thứ ba, thiện nam tử Raṭṭhapāla giữ im lặng.

298. Rồi các thân hữu của thiện nam tử Raṭṭhapāla đi đến cha mẹ thiện nam tử Raṭṭhapāla, sau khi đến liền thưa:

– Thưa mẹ và cha, thiện nam tử Raṭṭhapāla đang nằm xuống trên đất trần kia và nói: "Ta sẽ chết ở đây hay được xuất gia." Nếu cha mẹ không bằng lòng cho thiện nam tử Raṭṭhapāla xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thời Raṭṭhapāla sẽ chết ở tại chỗ ấy. Còn nếu cha mẹ bằng lòng cho thiện nam tử Raṭṭhapāla xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thời cha mẹ có thể thấy Raṭṭhapāla sau khi xuất gia. Nếu thiện nam tử Raṭṭhapāla không cảm thấy hoan hỷ trong khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thời Raṭṭhapāla không còn con đường nào đi khác hơn, Raṭṭhapāla sẽ trở lại ở đây. Hãy bằng lòng cho phép thiện nam tử Raṭṭhapāla xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

– Này các con thân mến, chúng ta bằng lòng cho phép thiện nam tử Raṭṭhapāla xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng sau khi xuất gia, cần phải về thăm cha mẹ.

Rồi những thân hữu của thiện nam tử Raṭṭhapāla đi đến thiện nam tử Raṭṭhapāla, sau khi đến, liền nói:

– Này bạn Raṭṭhapāla, bạn là con độc nhất của cha mẹ bạn, khả ái, dễ thương, sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này bạn Raṭṭhapāla, bạn không biết gì về đau khổ. Hãy đứng dậy, ăn, uống, và vui chơi. Ăn, uống, vui chơi, bạn có thể thụ hưởng các ái dục, và sung sướng làm các phước đức. Cha mẹ bạn đã bằng lòng cho phép bạn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và sau khi xuất gia, cần phải về thăm cha mẹ.

299. Rồi thiện nam tử Raṭṭhapāla, sau khi đứng dậy, sau khi lấy lại sức lực, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thiện nam tử Raṭṭhapāla bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con đã được mẹ cha bằng lòng cho phép con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Xin Thế Tôn hãy xuất gia cho con!

Và thiện nam tử Raṭṭhapāla được xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn và được thọ Đại giới.

Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Raṭṭhapāla thọ Đại giới không bao lâu, nửa tháng sau khi thọ Đại giới, sau khi ở tại Thullakoṭṭhika cho đến khi thỏa mãn, liền khởi hành đi đến Sāvatthi, tuần tự du hành và đến Sāvatthi. Ở đấy, Thế Tôn trú tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Raṭṭhapāla sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, tức là tự chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn phải trở lui ở đời này nữa." Tôn giả Raṭṭhapāla trở thành một vị A-la-hán nữa.

Rồi Tôn giả Raṭṭhapāla đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Raṭṭhapāla bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con muốn đi thăm mẹ cha, nếu Thế Tôn cho phép con.

Thế Tôn với tâm của mình, tìm hiểu tâm tư Tôn giả Raṭṭhapāla. Khi Thế Tôn được biết thiện nam tử Raṭṭhapāla không thể từ bỏ tu học, trở lại hoàn tục, liền nói với Tôn giả Raṭṭhapāla:

– Này Raṭṭhapāla, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Raṭṭhapāla từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Thế Tôn; sau khi thâu xếp chỗ ở, cầm y bát và khởi hành đi đến Thullakoṭṭhika, tuần tự du hành và đến Thullakoṭṭhika. Ở đấy, Tôn giả Raṭṭhapāla trú tại Lộc Uyển của Vua Koravya. Rồi Tôn giả Raṭṭhapāla vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Thullakoṭṭhika để khất thực. Tôn giả đi khất thực từng nhà một ở Thullakoṭṭhika và đến tại nhà người cha mình. Lúc bấy giờ, người cha của Tôn giả Raṭṭhapāla đang chải tóc ở giữa gian phòng có cửa. Người cha của Tôn giả Raṭṭhapāla thấy Tôn giả Raṭṭhapāla từ xa đi đến, và nói:

– Chính vì những Sa-môn đầu trọc này mà đứa con độc nhất của chúng ta, khả ái, dễ thương đã xuất gia.

Và Tôn giả Raṭṭhapāla từ ngôi nhà của cha mình, không được bố thí, không nhận được lời từ chối, chỉ nhận được lời sỉ nhục.

Lúc bấy giờ, người nữ tỳ thân gia của Tôn giả Raṭṭhapāla muốn quăng đổ cháo ngày hôm qua. Tôn giả Raṭṭhapāla nói với người nữ tỳ ấy:

– Này chị, nếu cần phải quăng đổ cháo này, hãy đổ vào bát của tôi ở đây.

Rồi người nữ tỳ, trong khi đổ cháo ngày hôm qua ấy vào bát của Tôn giả Raṭṭhapāla, nhận diện được tướng tay, chân và giọng nói của Tôn giả.

300. Người nữ tỳ liền đi đến người mẹ của Tôn giả Raṭṭhapāla, sau khi đến nói với người mẹ của Tôn giả Raṭṭhapāla:

– Thưa Tôn mẫu, Tôn mẫu có biết chăng, cậu ấm (*ayyaputta*) Raṭṭhapāla đã trở về.

– Nếu ngươi nói đúng sự thật, ngươi sẽ được thoát khỏi phận nô tỳ.

Rồi mẹ Tôn giả Raṭṭhapāla đi đến cha Tôn giả Raṭṭhapāla và nói:

– Thưa gia chủ, gia chủ có biết chăng, thiện nam tử Raṭṭhapāla đã trở về.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Raṭṭhapāla đang ăn cháo ngày hôm qua ấy, ngồi dựa vào một bức tường. Rồi người cha đến tại chỗ của Tôn giả Raṭṭhapāla, sau khi đến liền nói với Tôn giả Raṭṭhapāla:

– Này con thân yêu Raṭṭhapāla, có phải con đang ăn cháo ngày hôm qua? Này con thân yêu Raṭṭhapāla, con phải vào nhà của con.

– Thưa gia chủ, chỗ nào là nhà của chúng tôi, những người xuất gia, từ bỏ

gia đình, sống không gia đình? Chúng tôi là những người không gia đình, thưa gia chủ. Chúng tôi có đến nhà của gia chủ, thưa gia chủ, nhưng tại đấy, chúng tôi không nhận được bố thí, không nhận được lời từ chối, chỉ nhận được lời sỉ nhục.

– Hãy đi vào nhà, này con thân yêu Raṭṭhapāla.

– Thưa gia chủ, thôi vừa rồi. Hôm nay tôi đã ăn xong.

– Vậy này con thân yêu Raṭṭhapāla, hãy nhận lời mời ngày mai đến dùng cơm.

Tôn giả Raṭṭhapāla im lặng nhận lời. Rồi người cha của Tôn giả Raṭṭhapāla, sau khi được biết Tôn giả Raṭṭhapāla đã nhận lời liền về đến nhà của mình, cho chất vàng nén và tiền vàng thành một đống lớn, lấy màn che lại, và cho gọi các người vợ cũ của Tôn giả Raṭṭhapāla:

– Này các con dâu, hãy tự trang điểm với những trang điểm mà xưa kia các con được thiện nam tử Raṭṭhapāla ái lạc và ưa thích.

301. Rồi người cha của Tôn giả Raṭṭhapāla, sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi cho sửa soạn trong nhà của mình, các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, liền báo giờ cho Tôn giả Raṭṭhapāla:

– Đã đến giờ, này con thân yêu Raṭṭhapāla, cơm đã sẵn sàng.

Rồi Tôn giả Raṭṭhapāla vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến ngôi nhà của người cha mình; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi người cha của Tôn giả Raṭṭhapāla cho trình bày ra đống vàng nén và tiền vàng, và nói với Tôn giả Raṭṭhapāla:

– Này con thân yêu Raṭṭhapāla, đây là tiền tài của mẹ, kia là tiền tài của cha, kia là tiền tài của Tổ tiên (*Pitāmaha*). Này con thân yêu Raṭṭhapāla, con có thể thụ hưởng tài vật và làm các phước đức. Này con thân yêu Raṭṭhapāla, hãy từ bỏ tu học, hoàn tục thụ hưởng các tài vật và làm các phước đức.

– Thưa gia chủ, nếu gia chủ làm theo lời nói của tôi, sau khi chồng chất đống vàng nén và tiền vàng này vào trong các xe, sau khi cho chở và hạ xuống giữa sông Hằng, hãy đổ đống vàng này vào giữa dòng sông. Vì sao vậy? Này gia chủ, vì do nhân duyên này mà sầu, bi, khổ, ưu, não sẽ khởi lên cho gia chủ.

Rồi những người vợ cũ của Tôn giả Raṭṭhapāla ôm chân [Tôn giả] và nói:

– Thưa phu quân (*ayyaputta*), vì thiên nữ nào mà phu quân sống Phạm hạnh?

– Các bà chị, không phải vì thiên nữ nào mà chúng tôi sống Phạm hạnh.

– Phu quân Raṭṭhapāla đối với chúng ta gọi chúng ta là bà chị.

Nói lên như vậy, [các người vợ cũ] liền ngã xuống đất, bất tỉnh.

Rồi Tôn giả Raṭṭhapāla nói với phụ thân:

– Thưa gia chủ, nếu gia chủ muốn bố thí đồ ăn thời hãy bố thí đi, chớ có phiền nhiễu chúng tôi.

– Hãy ăn, này con thân yêu Raṭṭhapāla, cơm đã sẵn sàng.

Rồi người cha của Tôn giả Raṭṭhapāla tự tay thân mời và làm cho thỏa mãn Tôn giả Raṭṭhapāla với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

302. Rồi Tôn giả Raṭṭhapāla sau khi ăn xong, tay đã rời khỏi bát, đứng dậy và nói bài kệ[3] sau đây:

Hãy nhìn[4] hình bóng trang sức này,
Một nhóm vết thương được tích tụ,
Bệnh nhiều, tham tưởng cũng khá nhiều,
Nhưng không gì kiên cố, thường trú.
Hãy nhìn dung mạo trang sức này,
Với các châu báu, với vòng tai,
Một bộ xương được da bao phủ,
Được y phục làm cho sáng chói.
Chân được sơn với son, với sáp,
Mặt được thoa với phấn, với bột,
Vừa đủ làm mê hoặc kẻ ngu,
Nhưng vô phương kẻ cầu bờ giác.
Tóc được uốn bảy vòng, bảy lớp,
Mắt được xoa với thuốc, với son,
Vừa đủ làm mê hoặc kẻ ngu,
Nhưng vô phương kẻ cầu bờ giác.
Như hộp thuốc trang hoàng mới mẻ,
Là uế thân được điểm thời trang,
Vừa đủ làm mê hoặc kẻ ngu,
Nhưng vô phương kẻ cầu bờ giác.
Người thợ săn đặt bày lưới sập,
Loài nai [khôn] chẳng chạm bén chân,
Ăn lúa xong, chúng ta lên đường,
Mặc cho kẻ bắt nai than khóc.

Tôn giả Raṭṭhapāla đọc bài kệ xong đứng dậy, liền đi đến Lộc Uyển của Vua Koravya, sau khi đến, liền ngồi xuống nghỉ trưa dưới một gốc cây.

303. Rồi Vua Koravya nói với người thợ săn:

– Này thợ săn, hãy dọn dẹp đất vườn ở Lộc Uyển, ta muốn đi thăm viếng cảnh đẹp.

– Thưa vâng, Đại vương.

Người thợ săn vâng đáp Vua Koravya, trong khi dọn dẹp Vườn Nai, thấy Tôn giả Raṭṭhapāla đang ngồi dưới gốc cây để nghỉ trưa. Sau khi thấy vậy, người ấy liền đến Vua Koravya, sau khi đến liền tâu Vua Koravya:

---

[3] Xem *Thag*. 769-74.

[4] Xem *Dh*. 147. *DhA*. III. 104 nhắc đến Sirimā, một kỹ nữ có nhan sắc ở Rājagaha.

– Tâu Đại vương, Vườn Nai đã được dọn dẹp, và ở đấy có thiện nam tử tên là Raṭṭhapāla là con một thế gia ở Thullakoṭṭhika mà Đại vương thường hay tán thán, vị ấy đang ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

– Này thợ săn, hôm nay thế là vừa đủ về vườn cảnh. Nay chúng ta muốn cung kính cúng dường Tôn giả Raṭṭhapāla.

Rồi Vua Koravya, sau khi nói: "Ở đây, hãy đem bố thí tất cả món ăn đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm", ra lệnh cho thắng nhiều cỗ xe thù thắng, leo lên một cỗ xe thù thắng, liền cùng với các cỗ xe đi ra khỏi Thullakoṭṭhika để yết kiến Tôn giả Raṭṭhapāla với đại uy phong của bậc Đế vương. Sau khi cưỡi xe cho đến chỗ đất còn có thể cưỡi xe được, Ngài xuống xe, đi bộ, cùng với hàng tùy tùng vương hầu, đến chỗ của Tôn giả Raṭṭhapāla; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Raṭṭhapāla; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, Vua Koravya bạch Tôn giả Raṭṭhapāla:

– Ở đây, xin mời Tôn giả Raṭṭhapāla ngồi xuống trên nệm voi.

– Thôi vừa rồi, Đại vương. Đại vương hãy ngồi. Tôi đã ngồi trên chỗ ngồi của tôi.

Rồi Vua Koravya ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Vua Koravya bạch Tôn giả Raṭṭhapāla:

304. – Bạch Tôn giả Raṭṭhapāla, có bốn sự suy vong này. Chính do thành tựu bốn sự suy vong này mà ở đây, có người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế nào là bốn? Lão suy vong, bệnh suy vong, tài sản suy vong, thân tộc suy vong. Này Tôn giả Raṭṭhapāla, thế nào là lão suy vong? Ở đây, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, có người niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã sống mãn kỳ, đã gần mệnh chung. Vị ấy suy tư như sau: "Nay ta đã già, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã sống mãn kỳ, đã gần mệnh chung. Thật không dễ gì cho ta thâu được các tài vật chưa thâu hoạch được, hay làm tăng trưởng các tài vật đã thâu hoạch. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Vị này, do thành tựu lão suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, được gọi là lão suy vong. Nhưng Tôn giả Raṭṭhapāla nay còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời; Tôn giả Raṭṭhapāla đâu có lão suy vong! Vậy Tôn giả Raṭṭhapāla đã biết gì, đã thấy gì hay đã nghe gì mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

Và thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, thế nào là bệnh suy vong? Ở đây, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, có người bị bệnh, khổ đau, mang trọng bệnh. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta nay bị bệnh, khổ đau, mang trọng bệnh. Thật không dễ gì cho ta thâu được các tài vật chưa thâu hoạch được, hay làm tăng trưởng các tài vật đã thâu hoạch được. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Vị này, do thành tựu bệnh suy vong nên cạo bỏ râu tóc,

đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, được gọi là bệnh suy vong. Nhưng Tôn giả Raṭṭhapāla nay ít bệnh, ít não, tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng; Tôn giả Raṭṭhapāla đâu có bệnh suy vong! Vậy Tôn giả Raṭṭhapāla đã biết gì, đã thấy gì hay đã nghe gì mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

Và thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, thế nào là tài sản suy vong? Ở đây, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, có người giàu sang, tiền của nhiều, tài vật nhiều, và những tài vật của vị ấy dần dần đi đến chỗ suy vong. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta trước đây giàu sang, tiền của nhiều, tài sản nhiều; những tài vật ấy của ta dần dần đã đi đến suy vong. Thật không dễ gì cho ta thâu được những tài vật chưa thâu hoạch được, hay làm cho tăng trưởng những tài vật đã thâu hoạch được. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Vị này do thành tựu tài sản suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla được gọi là tài sản suy vong. Nhưng Tôn giả Raṭṭhapāla chính tại Thullakoṭṭhika này, là con của một lương gia đệ nhất; Tôn giả Raṭṭhapāla đâu có tài sản suy vong! Vậy Tôn giả Raṭṭhapāla đã biết gì, đã thấy gì hay đã nghe gì mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

Và này Tôn giả Raṭṭhapāla, thế nào là thân tộc suy vong? Ở đây, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, có người có nhiều thân hữu quen biết, bà con huyết thống, những thân hữu quyến thuộc của người ấy dần dần đi đến chỗ suy vong. Người ấy suy tư như sau: "Trước kia, ta có nhiều người thân hữu quen biết, bà con huyết thống; những thân hữu quyến thuộc ấy của ta dần dần đi đến chỗ suy vong. Thật không dễ gì cho ta thâu được những tài vật chưa thâu hoạch được, hay làm cho tăng trưởng những tài vật đã thâu hoạch được. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Vị này do thành tựu thân tộc suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, được gọi là thân tộc suy vong. Nhưng Tôn giả Raṭṭhapāla chính tại Thullakoṭṭhika này, có nhiều thân hữu quen biết, bà con huyết thống; Tôn giả Raṭṭhapāla đâu có thân tộc suy vong! Vậy Tôn giả Raṭṭhapāla đã biết gì, đã thấy gì hay đã nghe gì mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

Thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, đây là bốn loại suy vong, do thành tựu bốn loại suy vong này mà ở đây, có người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; Tôn giả Raṭṭhapāla đâu có những loại ấy. Vậy Tôn giả đã biết gì, đã thấy gì hay đã nghe gì mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

305. – Thưa Đại vương, có bốn sự thuyết giáo Chánh pháp, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác giảng dạy. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy mà tôi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế nào là bốn?

"Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt",[5] thưa Đại vương, đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy mà tôi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. "Thế giới là vô hộ, vô chủ", thưa Đại vương, đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ hai, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy mà tôi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. "Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả", thưa Đại vương, đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ ba, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy mà tôi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. "Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái", thưa Đại vương, đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ tư, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy mà tôi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thưa Đại vương, đây là bốn sự thuyết giáo Chánh pháp, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác giảng dạy. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy mà tôi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

306. – Tôn giả Raṭṭhapāla đã nói: "Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt", ý nghĩa của lời nói này cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Khi Ngài hai mươi tuổi hay hai mươi lăm tuổi, Ngài có thiện nghệ về voi, thiện nghệ về ngựa, thiện nghệ về xe, thiện nghệ về cung, thiện nghệ về kiếm, bắp vế mạnh và cánh tay mạnh, có khả năng và thiện nghệ trong nghề đánh giặc?

– Thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, khi tôi được hai mươi tuổi hay hai mươi lăm tuổi, tôi thiện nghệ về voi, tôi thiện nghệ về ngựa, thiện nghệ về xe, thiện nghệ về cung, thiện nghệ về kiếm, bắp vế mạnh và cánh tay mạnh, có khả năng và thiện nghệ trong nghề đánh giặc. Có đôi lúc, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, tôi cảm thấy có thần lực và xem không ai có thể bằng tôi về sức mạnh.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Và nay Đại vương vẫn còn bắp vế mạnh, cánh tay mạnh, có khả năng và thiện nghệ đánh giặc như vậy không?

– Không như vậy, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, nay tôi đã già, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã sống mãn kỳ, đã gần mệnh chung, gần tám mươi tuổi thọ. Có đôi lúc, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, tôi nghĩ: "Ở đây, ta sẽ bước chân", nhưng tôi lại bước chân tại chỗ khác.

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói: "Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt", và tôi sau khi biết, sau khi thấy và sau khi nghe như vậy đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

---

[5] *Upaniyyati loko addhuvo*: Bị đem đi, mang đi. Xem *KS*. I. 4.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Raṭṭhapāla! Thật hy hữu thay, Tôn giả Raṭṭhapāla! Ý nghĩa này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã khéo nói: "Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt." Thật vậy, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt. Nhưng thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, ở vương quốc này, có đội quân voi, cũng có đội quân ngựa, cũng có đội quân xa, cũng có đội quân bộ, nếu chúng tôi gặp nguy khốn thời các đội quân bảo vệ chúng tôi. Tôn giả Raṭṭhapāla đã nói: "Thế giới là vô hộ, vô chủ", ý nghĩa của lời nói này, cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có mắc chứng bệnh kinh niên nào không?

– Thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, tôi có bệnh phong kinh niên. Nhiều khi, thân hữu quen biết, bà con huyết thống đứng xung quanh tôi và nói: "Nay Vua Koravya sẽ mệnh chung, nay Vua Koravya sẽ mệnh chung."

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có thể nói chăng, với các thân hữu quen biết, bà con huyết thống của Đại vương: "Mong rằng các Tôn giả thân hữu quen biết, bà con huyết thống làm vơi nhẹ sự đau khổ của tôi! Mong tất cả hãy san sẻ cảm thọ này, để tôi có thể có một cảm thọ nhẹ nhàng hơn", hay là Đại vương chỉ có thể thọ lãnh cảm thọ ấy một mình?

– Thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, tôi không thể nói với các thân hữu quen biết, bà con huyết thống của tôi: "Mong rằng các Tôn giả thân hữu quen biết, bà con huyết thống làm vơi nhẹ sự đau khổ của tôi. Mong tất cả hãy san sẻ cảm thọ này, để tôi có thể có một cảm thọ nhẹ nhàng hơn", và tôi chỉ có thể thọ lãnh cảm thọ ấy một mình.

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói: "Thế giới là vô hộ, vô chủ", và tôi sau khi biết, sau khi thấy và sau khi nghe như vậy, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Raṭṭhapāla! Thật hy hữu thay, Tôn giả Raṭṭhapāla! Ý nghĩa này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã khéo nói: "Thế giới là vô hộ, vô chủ." Thật vậy, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, thế giới là vô hộ, vô chủ. Nhưng thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, ở vương quốc này có rất nhiều vàng nén và tiền vàng dưới đất và trên mặt đất. Nhưng Tôn giả Raṭṭhapāla đã nói: "Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả." Ý nghĩa của lời nói này cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Dầu cho nay Đại vương sống thụ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trưởng dưỡng, Đại vương có thể nói được như sau: "Chính như vậy, tôi thọ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trưởng dưỡng này", hay là người khác sẽ thọ hưởng tài sản này, còn Đại vương sẽ phải đi theo nghiệp của mình?

– Thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, dầu cho nay tôi sống thụ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trưởng dưỡng, tôi không thể nói được như sau: "Chính như vậy, tôi thọ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trưởng dưỡng này." Chính người khác sẽ thọ hưởng tài sản này, còn tôi phải đi theo nghiệp của tôi.

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói: "Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả." Và tôi sau khi biết, sau khi thấy và sau khi nghe như vậy, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Raṭṭhapāla! Thật hy hữu thay, Tôn giả Raṭṭhapāla! Ý nghĩa này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã khéo nói: "Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả." Thật vậy, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả. Tôn giả Raṭṭhapāla có nói: "Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái." Ý nghĩa của lời nói này cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Có phải Đại vương trị vì ở Kuru, một nước phồn thịnh?

– Thưa vâng, Tôn giả Raṭṭhapāla. Tôi trị vì ở Kuru, một nước phồn thịnh.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có người đáng tin cậy, chánh trực đến với Đại vương từ phương Đông, và sau khi đến tâu với Đại vương: "Tâu Đại vương, Đại vương có biết chăng, tôi từ phương Đông lại. Ở đấy, tôi có thấy một quốc độ lớn, phú cường, phồn thịnh, dân cư trù mật; tại đấy có nhiều đội quân voi, đội quân ngựa, đội quân xa và đội quân bộ; tại đấy có nhiều ngà voi; tại đấy có nhiều vàng nén, tiền vàng chưa làm và đã làm, có nhiều phụ nữ. Và có thể chinh phục quốc độ ấy với vũ lực như thế ấy. Tâu Đại vương, hãy đi chinh phục!" Đại vương sẽ hành động như thế nào?

– Thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, sau khi chinh phục quốc độ ấy, tôi sẽ trị vì.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, có người đến với Đại vương từ phương Tây... (như trên)... từ phương Bắc... (như trên)... từ phương Nam... (như trên)... từ bờ biển bên kia, người ấy đáng tin cậy, chánh trực, tâu với Đại vương: "Tâu Đại vương, Đại vương có biết chăng, tôi từ bờ biển bên kia lại. Ở đây, tôi thấy có một quốc độ lớn, phú cường, phồn thịnh, dân cư trù mật; tại đấy có nhiều đội quân voi, đội quân ngựa, đội quân xa và đội quân bộ; tại đấy có nhiều ngà voi; tại đấy có nhiều vàng nén, tiền vàng chưa làm và đã làm, có nhiều phụ nữ. Và có thể chinh phục quốc độ ấy với vũ lực như thế ấy. Tâu Đại vương, hãy đi chinh phục!" Đại vương sẽ hành động như thế nào?

– Thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, sau khi chinh phục, tôi sẽ trị vì.

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói: "Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái", và tôi sau khi biết, sau khi thấy, sau khi nghe như vậy, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Raṭṭhapāla! Thật hy hữu thay, Tôn giả Raṭṭhapāla! Ý nghĩa này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã khéo nói: "Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái." Thật vậy, thưa Tôn giả Raṭṭhapāla, thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái.

Tôn giả Raṭṭhapāla đã giảng như vậy, sau khi giảng như vậy xong, lại nói thêm như sau:

307. Ta thấy người giàu sang ở đời,
Có của vì si không bố thí,
Vì tham, họ tích tụ tài vật,
Và chạy theo dục vọng càng nhiều.
Dùng bạo lực, chinh phục quả đất,
Vua trị vì cho đến hải biên,
Không thỏa mãn bờ biển bên này,
Và chạy theo bờ biển bên kia.
Vua cùng rất nhiều loại người khác,
Ái chưa ly, mạng chung đã đến,
Bị thiếu thốn, không bỏ thân họ,
Không thỏa mãn lòng dục ở đời.
Quyến thuộc tán loạn, khóc người ấy:
"Than ôi, người ấy không bất tử!"
Mạng thân người ấy vải bao phủ,
Họ đốt lửa làm lễ hỏa thiêu,
Bị thọc với cây, người ấy cháy,
Độc mảnh vải, bỏ tiền của lại.
Ở đây, quyến thuộc cùng thân hữu,
Không nơi nương tựa, cho kẻ chết.
Kẻ thừa tự, nhận mang tài sản,
Riêng con người, theo nghiệp phải đi,
Tiền của đâu có theo người chết,
Cả vợ con, tài sản, quốc độ.
Tài sản không mua được trường thọ,
Phú quý không tránh được già suy,
Kẻ trí nói đời này thật ngắn,
Thật vô thường, biến đổi luôn luôn.
Kẻ giàu, kẻ nghèo đều cảm xúc,[6]
Người ngu, kẻ trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh nằm ngã,
Bậc trí cảm xúc, không run sợ.
Do vậy, trí tuệ thắng tài vật,

[6] *Phussati phassaṃ*: Cảm xúc; trong trường hợp này cũng có nghĩa là chết.

Nhờ trí, ở đây được viên thành.[7]
Không thành mãn trong hữu, phi hữu,
Kẻ ngu tạo tác các ác nghiệp.
Nhập thai thác sanh thế giới khác,
Người ấy luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ thiểu trí chắc hẳn phải là,
Nhập thai và sanh thế giới khác.
Như kẻ trộm bị bắt khi trộm,
Ác tánh hại (*haññati*) mình do tự nghiệp,
Chúng sanh cũng vậy chết đời khác,
Ác tánh hại mình, do tự lực.
Dục vọng nhiều loại, ngọt, khả ái,
Nhiễu loạn tâm dưới nhiều hình thức,
Thấy hoạn nạn trong dục trưởng dưỡng,
Nên ta xuất gia, tâu Đại vương!
Như quả từ đây, người bị rụng,
Cả già lẫn trẻ, khi thân hoại,
Do thấy chính vậy, ta xuất gia,
Hạnh Sa-môn phải là tối thắng,
Thưa Đại vương!

[7] A-la-hán quả.

83. KINH MAKHĀDEVA

(*Makhādeva Sutta*)[1]

308. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Mithilā (Di-tát-la), tại Makhādevāmbavana. Rồi Thế Tôn mỉm cười khi đến tại một địa điểm. Tôn giả Ānanda liền suy nghĩ: "Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại mỉm cười? Không phải không có lý do khiến Thế Tôn mỉm cười." Rồi Tôn giả Ānanda, đắp y phía một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì Thế Tôn lại mỉm cười? Không phải không lý do khiến Thế Tôn mỉm cười.

– Thuở xưa, này Ānanda, vị vua nước Mithilā này tên là Makhādeva, là vị Pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành chánh pháp, giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Bố-tát (*Uposatha*) vào các ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày mùng tám. Rồi này Ānanda, Vua Makhādeva sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, bảo người thợ cạo tóc:

"Này thợ cạo tóc, khi nào ông thấy trên đầu ta có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết."

"Thưa vâng, tâu Đại vương."

Này Ānanda, người thợ cạo tóc vâng đáp Vua Makhādeva. Này Ānanda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người thợ cạo tóc thấy trên đầu Vua Makhādeva có sanh tóc bạc, thấy vậy liền tâu Vua Makhādeva:

"Các thiên sứ đã hiện ra cho Đại vương, tóc bạc đã được thấy mọc trên đầu."

"Vậy này thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp và đặt chúng trên bàn tay của ta."

"Thưa vâng, tâu Đại vương."

Này Ānanda, người thợ cạo tóc vâng đáp Vua Makhādeva, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay của Vua Makhādeva.

---

[1] Xem *J.* I. 138; VI. 97. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Đại Thiên Nại-lâm kinh* 大天奈林經(*T*.01. 0026.67. 0511c21). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.1.1. 0549b09); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.4. 0806c21); *Ma-điều Vương kinh* 摩調王經 (*T*.03. 0152.87. 0048b25); *Pháp cú kinh*, *Đạo-lợi phẩm* 法句經道利品 (*T*.04. 0210.38. 0574b16); *Pháp cú thí dụ kinh*, *Đạo-lợi phẩm* 法句譬喻經道利品 (T.04. 0211.38. 0606b16); *Phật thuyết Trừ khủng tai hoạn kinh* 佛說除恐災患經 (*T*.17. 0744. 0533b01).

309. Rồi này Ānanda, Vua Makhādeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương ấp như một ân tứ, liền cho gọi Hoàng tử con đầu và nói:

"Này Hoàng tử thân yêu, các thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã được thấy mọc trên đầu. Ta đã hưởng thọ các dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc. Hãy đến đây, này Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này! Sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và này, Hoàng tử thân yêu, khi nào con thấy tóc bạc mọc trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo tóc một lương ấp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia cho Hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, con phải tiếp tục duy trì, con chớ thành người tối hậu sau ta! Này Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào [làm cho đứt đoạn], người ấy là người tối hậu. Vậy này Hoàng tử thân yêu, ta nói với con: 'Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta!'"

Rồi này Ānanda, Vua Makhādeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương ấp [như là một ân tứ], sau khi khéo giao quốc gia cho Hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài Makhādeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia. Vị này an trú, biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân... với tâm thấm nhuần lòng bi... (như trên)... với tâm thấm nhuần lòng hỷ... (như trên)... an trú, biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Nhưng này Ānanda, Vua Makhādeva, tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của Hoàng tử; tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một Phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một Quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại rừng xoài Makhādeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Vị này, sau khi tu tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

310. Rồi này Ānanda, con Vua Makhādeva, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người thợ cạo tóc:

"Này thợ cạo tóc, khi nào ông thấy trên đầu ta có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết."

"Thưa vâng, tâu Đại vương."

Này Ānanda, người thợ cạo tóc vâng đáp con Vua Makhādeva. Này Ānanda,

sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm người thợ cạo tóc thấy trên đầu con Vua Makhādeva có sanh tóc bạc, thấy vậy liền tâu với con Vua Makhādeva:

"Các thiên sứ đã hiện ra cho Đại vương, tóc bạc đã được thấy mọc trên đầu."

"Vậy này thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp và đặt chúng trên bàn tay của ta!"

"Thưa vâng, tâu Đại vương."

Này Ānanda, người thợ cạo tóc vâng đáp con Vua Makhādeva, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay của con Vua Makhādeva. Rồi này Ānanda, con Vua Makhādeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương ấp như một ân tứ, liền cho gọi vị Hoàng tử con đầu và nói:

"Này Hoàng tử thân yêu, các thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã thấy mọc trên đầu. Ta đã hưởng thọ dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc. Hãy đến đây, này Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này! Sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và nay, này Hoàng tử thân yêu, khi nào con thấy tóc bạc mọc trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo tóc một lương ấp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia này cho vị Hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, con phải tiếp tục duy trì, chớ thành người tối hậu sau ta! Này Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào [làm cho đứt đoạn], người ấy là người tối hậu. Vậy này Hoàng tử thân yêu, ta nói với con: 'Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta!'"

Rồi này Ānanda, con Vua Makhādeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương ấp [như một ân tứ], sau khi khéo giao quốc gia cho vị Hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài này, con Vua Makhādeva, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia. Vị này an trú, biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân... với tâm thấm nhuần lòng bi... (như trên)... với tâm thấm nhuần lòng hỷ... (như trên)... an trú, biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Nhưng này Ānanda, con Vua Makhādeva, tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của Hoàng tử; tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một Phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một Quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại rừng xoài này, con Vua Makhādeva, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, từ

bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Vị này, sau khi tu tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

311. Rồi này Ānanda, các tử tôn của Vua Makhādeva truyền nối tiếp tục vua ấy, sau tám vạn bốn ngàn năm làm vương tộc (Khattiya), chính tại rừng xoài Makhādeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Các vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng từ và an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân... với tâm thấm nhuần lòng bi... (như trên)... với tâm thấm nhuần lòng hỷ... (như trên)... an trú, biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; những vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Các vị ấy, tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của Hoàng tử; tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như Phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như Quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại rừng xoài Makhādeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Các vị ấy, sau khi tu tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

Nimi là vị cuối cùng của các vị vua ấy, là vị Pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành chánh pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ *Uposatha* vào các ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày mùng tám.

312. Thuở xưa, này Ānanda, khi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam (Tāvatiṃsa) ngồi hội họp với nhau tại giảng đường Thiện Pháp (Sudhamma), cuộc đối thoại sau đây được khởi lên: "Thật hạnh phúc thay cho dân chúng Videha! Thật tốt đẹp thay cho dân chúng Videha, được Vua Nimi là vị Pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành chánh pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ *Uposatha* vào các ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày mùng tám."

Rồi này Ānanda, Thiên chủ Sakka nói với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba:

"Chư khanh, chư khanh có muốn yết kiến Vua Nimi không?"

"Thưa Thiên chủ, chúng tôi muốn yết kiến Vua Nimi."

Lúc bấy giờ, Vua Nimi trong ngày rằm lễ Bố-tát, đã gội đầu, giữ trai giới, đang ngồi trên lầu cung điện. Rồi này Ānanda, Thiên chủ Sakka, như nhà lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra; cũng vậy, Thiên chủ biến mất giữa chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, và hiện ra trước mặt Vua Nimi. Rồi này Ānanda, Thiên chủ Sakka nói với Vua Nimi:

"Tâu Đại vương, thật hạnh phúc thay cho Đại vương! Thật tốt lành thay cho Đại vương! Tâu Đại vương, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba đang ngồi tại giảng đường Thiện Pháp tán thán Đại vương và nói: "Thật hạnh phúc thay cho dân chúng Videha... (như trên)... và ngày mùng tám!" Tâu Đại vương, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba muốn yết kiến Đại vương. Tâu Đại vương, tôi sẽ gởi cho Đại vương một cỗ xe có ngàn ngựa kéo, Đại vương hãy cưỡi thiên xa ấy, chớ có sợ hãi!"

Này Ānanda, Vua Nimi im lặng nhận lời.

313. Rồi này Ānanda, Thiên chủ Sakka, sau khi biết được Vua Nimi đã nhận lời, như nhà lực sĩ... (như trên)... và ngày mùng tám."

314. Rồi này Ānanda, Thiên chủ Sakka gọi người đánh xe Mātali và nói:

"Này Mātali, sau khi thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, hãy đi đến Vua Nimi và nói: 'Tâu Đại vương, đây là cỗ xe có ngàn ngựa kéo do Thiên chủ Sakka gửi đến cho Đại vương. Đại vương hãy cưỡi thiên xa, chớ có sợ hãi!'"

"Thưa vâng, Tôn giả."

Người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka, cho thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, đi đến Vua Nimi và thưa:

"Tâu Đại vương, đây là cỗ xe có ngàn ngựa kéo do Thiên chủ Sakka gửi đến cho Đại vương. Đại vương hãy cưỡi thiên xa, chớ có sợ hãi! Và tâu Đại vương, con sẽ dẫn Đại vương đi đường nào? Con đường do đó các nghiệp ác đưa đến sự cảm thọ quả báo các nghiệp ác hay con đường do đó các thiện nghiệp đưa đến sự cảm thọ quả báo các thiện nghiệp?"

"Hãy đưa ta đi, cả hai con đường."

Và này Ānanda, người đánh xe Mātali đưa Vua Nimi đến giảng đường Thiện Pháp. Này Ānanda, Thiên chủ Sakka thấy Vua Nimi đường xa đi đến, sau khi thấy vậy, liền nói với Vua Nimi:

"Hãy đến, tâu Đại vương; thiện lai, tâu Đại vương! Tâu Đại vương, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba ngồi ở giảng đường Thiện Pháp, tán thán Đại vương như sau: "Thật là hạnh phúc... (như trên)... và ngày mùng tám!" Tâu Đại vương, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba muốn yết kiến Đại vương. Tâu Đại vương, hãy hoan lạc với thiên uy lực giữa chư thiên."

"Thôi vừa rồi, Tôn giả. Hãy đưa tôi về Mithilā, tại đấy tôi sẽ sống theo chánh pháp giữa các vị Bà-la-môn, gia chủ, giữa các thị dân và thôn dân, và thọ trì trai giới vào các ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày mùng tám."

Rồi này Ānanda, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mātali:

"Này Mātali, sau khi thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, hãy đưa Vua Nimi về tại Mithilā."

"Thưa vâng, Tôn giả."

Này Ānanda, người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka, thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, và đưa Vua Nimi về Mithilā.

Ở đây, này Ānanda, Vua Nimi sống như pháp giữa các vị Bà-la-môn, gia chủ, giữa các thị dân và thôn dân, và thọ trì trai giới vào các ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày mùng tám.

Và này Ānanda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, Vua Nimi gọi người thợ cạo tóc:

"Này thợ cạo tóc, khi nào ông thấy trên đầu ta có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết."

"Thưa vâng, tâu Đại vương."

Này Ānanda, người thợ cạo tóc vâng đáp Vua Nimi. Này Ānanda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người thợ cạo tóc thấy trên đầu Vua Nimi có mọc tóc bạc, thấy vậy liền tâu với Vua Nimi:

"Các thiên sứ đã hiện ra cho Đại vương, tóc bạc đã được thấy mọc trên đầu."

"Vậy này thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp và đặt chúng trên bàn tay của ta."

"Thưa vâng, tâu Đại vương."

Này Ānanda, người thợ cạo tóc vâng đáp Vua Nimi, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay Vua Nimi. Rồi này Ānanda, Vua Nimi, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương ấp [như một ân tứ], liền cho gọi vị Hoàng tử con đầu và nói:

"Này Hoàng tử thân yêu, các thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã được thấy mọc trên đầu. Ta đã hưởng thọ các dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc. Hãy đến đây, Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này. Sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và này, Hoàng tử thân yêu, khi nào con thấy tóc bạc mọc trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo tóc một lương ấp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia cho vị Hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, con phải tiếp tục duy trì, con chớ thành người tối hậu sau ta! Này Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào [làm cho đứt đoạn], người ấy là người tối hậu. Này Hoàng tử thân yêu, ta nói với con: 'Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta!'"

315. Rồi này Ānanda, Vua Nimi, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương ấp [như là một ân tứ], sau khi khéo giao quốc gia cho vị Hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài Makhādeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia. Vị này an trú, biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như

vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân... với tâm thấm nhuần lòng bi... (như trên)... với tâm thấm nhuần lòng hỷ... (như trên)... an trú, biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Nhưng này Ānanda, Vua Nimi, tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của Hoàng tử; tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một Phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một Quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại rừng xoài Makhādeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Vị này, sau khi tu tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

Nhưng này Ānanda, người con của Vua Nimi tên là Kaḷārajanaka. Vị này không xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị này đã cắt đứt truyền thống tốt đẹp ấy. Vị này là người tối hậu của các vị ấy.

316. Này Ānanda, rất có thể ông nghĩ như sau: "Trong thời ấy, Vua Makhādeva, vị đã thiết lập truyền thống tốt đẹp ấy là một vị khác." Nhưng này Ānanda, chớ có hiểu như vậy. Trong thời ấy, Ta là Makhādeva. Ta đã thiết lập truyền thống tốt đẹp ấy. Dân chúng đến sau cho rằng truyền thống tốt đẹp ấy được Ta thiết lập. Nhưng này Ānanda, truyền thống tốt đẹp ấy không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Và này Ānanda, nay thế nào là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là Thánh đạo tám ngành này, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này Ānanda, đây là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này Ānanda, về vấn đề này, Ta nói như sau: "Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, hãy tiếp tục duy trì. Các ông chớ có thành người tối hậu sau Ta!" Này Ānanda, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào [làm cho đứt đoạn], người ấy là người tối hậu. Vậy này Ānanda, Ta nói với ông: "Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, các ông hãy tiếp tục duy trì. Các ông chớ có thành người tối hậu sau Ta!"

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

84. KINH MADHURĀ

(*Madhurā Sutta*)[1]

317. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên) trú ở Madhurā, tại rừng Gundā. Vua Madhurā Avantiputta được nghe như sau: "Sa-môn Mahākaccāna trú ở Madhurā, tại rừng Gundā. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được khởi lên về Tôn giả Kaccāna: 'Tôn giả là bậc Hiền giả, bậc Trí giả, thông minh, đa văn, nói năng lưu loát, nhà Biện tài lão luyện, bậc Trưởng thượng, bậc A-la-hán. Thật tốt lành thay được yết kiến một vị A-la-hán như vậy!'" Rồi Vua Madhurā Avantiputta cho thắng nhiều cỗ xe thù thắng, leo lên một cỗ xe thù thắng và đi ra khỏi Madhurā với uy vệ của bậc Đại vương để yết kiến Tôn giả Mahākaccāna. Vua đi xe cho đến chỗ còn có thể đi xe được, rồi xuống xe đi bộ, đi đến chỗ Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Mahākaccāna; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Madhurā Avantiputta thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Thưa Tôn giả Kaccāna, các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không như vậy. Các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, tạo tác bởi Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên." Ở đây, Tôn giả Kaccāna đã nói gì?

– Thưa Đại vương, đây chỉ là một âm thanh ở đời, [câu nói]: "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không như vậy. Các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, tạo tác bởi Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên." Đây chỉ là một pháp môn, với pháp môn này cần được hiểu như là một âm thanh ở đời, [câu nói]: "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... thừa tự Phạm thiên."

318. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có người Sát-đế-ly

---

[1] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.548. 0142a18).

(Khattiya) sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Khattiya khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một vị Tỳ-xá (Vessa), hay người ấy có thể có một Thủ-đà (Sudda) là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?

– Thưa Tôn giả Kaccāna, nếu có người Khattiya sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Khattiya khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; người ấy cũng có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một Vessa, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một vị Bà-la-môn sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Bà-la-môn khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một Vessa, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?

– Thưa Tôn giả Kaccāna, nếu có người Bà-la-môn sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Bà-la-môn khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Khattiya, hay người ấy có thể có một vị Vessa, hay người ấy có thể có một vị Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một người Vessa sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Vessa khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?

– Thưa Tôn giả Kaccāna, nếu có người Vessa sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Vessa khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Sudda là

người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có người Sudda sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Sudda khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Vessa là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?

– Thưa Tôn giả Kaccāna, nếu có người Sudda sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Sudda khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Vessa là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ như thế nào?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccāna, nếu sự tình là như vậy thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở đời, [câu nói]: "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... thừa tự Phạm thiên."

319. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, có người Khattiya sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không, hay không phải thác sanh? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào?

– Người Khattiya, thưa Tôn giả Kaccāna, sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, đối với tôi là vậy, và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay Đại vương! Lành thay, Đại vương! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, có người Bà-la-môn... Ở đây, có người Vessa... Ở đây, có người Sudda sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù

phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, có sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không, hay không phải thác sanh? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào?

– Người Sudda, thưa Tôn giả Kaccāna, sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác ngữ, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, đối với tôi là vậy, và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương! Lành thay, Đại vương! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ như thế nào?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccāna, nếu sự tình là như vậy thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở đời, [câu nói]: "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... thừa tự Phạm thiên."

320. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có người Khattiya từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này không, hay không thể thác sanh? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào?

– Người Khattiya, thưa Tôn giả Kaccāna, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ở đây, đối với tôi là vậy và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương! Lành thay, Đại vương! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có vị Bà-la-môn... Ở đây, nếu có vị Vessa... Ở đây, nếu có vị Sudda từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này hay không, hay không thể thác sanh? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào?

– Người Sudda, thưa Tôn giả Kaccāna, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không

cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ở đây, đối với tôi là vậy, và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương! Lành thay, Đại vương! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ thế nào?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccāna, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở đời, [câu nói]: "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... là thừa tự Phạm thiên."

321. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, vị Khattiya đột nhập nhà cửa, cướp giật đồ đạc, hành động như kẻ cướp, phục kích các đường lớn hay tư thông vợ người. Và nếu có người bắt người ấy và dẫn người ấy đến trước mặt Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, đây là kẻ ăn trộm đã làm hại đến Đại vương. Nếu Đại vương muốn, hãy hình phạt nó." Đại vương đối xử người ấy như thế nào?

– Thưa Tôn giả Kaccāna, chúng tôi sẽ chém giết người ấy, hay chúng tôi sẽ tra tấn người ấy, hay chúng tôi sẽ tẩn xuất người ấy, hay chúng tôi sẽ áp dụng hình phạt tùy theo tội trạng. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccāna, danh xưng Khattiya mà xưa kia người ấy được gọi đã biến mất. Nay người ấy chỉ được gọi là tên ăn trộm.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, người Bà-la-môn... Ở đây, người Vessa... Ở đây, người Sudda đột nhập nhà cửa, hay cướp giật đồ đạc, hay hành động như kẻ cướp, hay phục kích các đường lớn, hay tư thông vợ người. Và nếu có người bắt người ấy, dẫn người ấy đến trước mặt Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, đây là kẻ ăn trộm đã làm hại đến Đại vương. Nếu Đại vương muốn, hãy hình phạt nó." Đại vương đối xử với người ấy như thế nào?

– Thưa Tôn giả Kaccāna, chúng tôi sẽ chém giết người ấy, hay chúng tôi sẽ tra tấn người ấy, hay chúng tôi sẽ tẩn xuất người ấy, hay chúng tôi sẽ áp dụng hình phạt tùy theo tội trạng. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccāna, danh xưng Sudda mà xưa kia người ấy được gọi đã biến mất. Nay người ấy chỉ được gọi là tên ăn trộm.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ gì?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccāna, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở đời, [câu nói]: "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... là thừa tự Phạm thiên."

322. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, vị Khattiya, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, trì giới luật, trì thiện pháp. Đại vương đối xử với vị ấy như thế nào?

– Thưa Tôn giả Kaccāna, tôi sẽ đảnh lễ hay đứng dậy, hay mời chỗ ngồi, hay cúng dường vị ấy bốn loại đồ dùng như y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, hay chúng tôi sắp đặt sự bảo vệ, hộ trì, che chở đúng pháp. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccāna, danh xưng Khattiya mà xưa kia vị ấy được gọi đã biến mất. Nay vị ấy chỉ được gọi là một vị Sa-môn.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, người Bà-la-môn... Ở đây, người Vessa... Ở đây, người Sudda sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, trì giới luật, trì thiện pháp. Đại vương đối xử với vị ấy như thế nào?

– Thưa Tôn giả Kaccāna, tôi sẽ đảnh lễ, hay đứng dậy, hay mời chỗ ngồi, hay cúng dường vị ấy bốn loại đồ dùng như y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, hay chúng tôi sắp đặt sự bảo vệ, hộ trì, che chở đúng pháp. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccāna, danh xưng Sudda mà xưa kia vị ấy được gọi đã biến mất. Nay vị ấy chỉ được gọi là một vị Sa-môn.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng? Và Đại vương, ở đây, Đại vương có ý nghĩ thế nào?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccāna, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải hiểu như âm thanh ở đời, [câu nói]: "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không phải như vậy. Các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, tạo tác bởi Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên."

323. Khi được nghe nói vậy, Vua Madhurā Avantiputta thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccāna! Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccāna!

Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Kaccāna dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Tôn giả Kaccāna, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả Kaccāna nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Thưa Đại vương, Đại vương chớ có quy y tôi, Đại vương hãy quy y Thế Tôn, chính tôi đã quy y Thế Tôn.

– Thưa Tôn giả Kaccāna, nay bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trú ở đâu?

– Bậc Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nay đã nhập Niết-bàn rồi, thưa Đại vương.

– Thưa Tôn giả Kaccāna, nếu chúng tôi được nghe Thế Tôn ở xa mười do-tuần (*yojana*), chúng tôi sẽ đi mười *yojana* để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Kaccāna, nếu chúng tôi được nghe Thế Tôn ở xa hai mươi *yojana*... ba mươi *yojana*... bốn mươi *yojana*...năm mươi *yojana*, chúng tôi sẽ đi năm mươi *yojana*, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Kaccāna, vì rằng Thế Tôn đã nhập Niết-bàn rồi, chúng tôi xin quy y Thế Tôn đã nhập Niết-bàn ấy, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả Kaccāna nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

85. KINH VƯƠNG TỬ BỒ-ĐỀ

(*Bodhirājakumāra Sutta*)[1]

324. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Susumāragiri, rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, Vương tử Bodhi có một lâu đài tên Kokanada[2] dựng lên không bao lâu và chưa được một Sa-môn, một Bà-la-môn hay một hạng người nào ở cả. Rồi Vương tử Bodhi gọi thanh niên Sañjikāputta và nói:

– Này Sañjikāputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và thưa: "Bạch Thế Tôn, Vương tử Bodhi cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và bạch như sau: 'Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của Vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỳ-kheo.'"

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Sañjikāputta vâng đáp Vương tử Bodhi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thanh niên Sañjikāputta đang ngồi một bên và bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, Vương tử Bodhi cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú và thưa như sau: "Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của Vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỳ-kheo."

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi thanh niên Sañjikāputta, sau khi biết được Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Vương tử Bodhi; sau khi đến, thưa với Vương tử Bodhi:

– Chúng tôi đã nhân danh Tôn giả, bạch lên Thế Tôn Gotama như sau: "Thưa Tôn giả Gotama, Vương tử Bodhi cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và thưa như sau: 'Mong Tôn giả

---

[1] Xem *D*. II. 1; *M*. I. 118, 160, 237; II. 209; *S*. I. 298; *It*. 31; *Netti*. 128; *Vin*. I. 1; *Kvu*. 286. Tham chiếu: *La-ma kinh* 羅摩經 (*T*.01. 0026.204. 0775c07); *Xuất diệu kinh*, *Như Lai phẩm* 出曜經如來品 (*T*.04. 0212.22. 0716b16); *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Như Lai phẩm* 法集要頌經如來品 (*T*.04. 0213.21. 0787b22); *Di-sa-tắc bộ Hòa-ê Ngũ phần luật* 彌沙塞部和醯五分律 (*T*.22. 1421.10. 0071c02).

[2] Xem *M*. 53, *Sekha Sutta* (*Kinh Hữu học*); *Vin*. II. 127; *BD*. V. 176.

Gotama nhận lời mời của Vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo.'" Và Sa-môn Gotama đã nhận lời.

325. Rồi Vương tử Bodhi, sau khi đêm ấy đã mãn, tại trú xá của mình cho sửa soạn các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, và cho trải vải trắng lâu đài Kokanada cho đến tam cấp thấp nhất (*pacchima*), rồi gọi thanh niên Sañjikāputta:

– Này thanh niên Sañjikāputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy báo giờ cho Thế Tôn được biết: "Bạch Thế Tôn, đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng."

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xá của Vương tử Bodhi. Lúc bấy giờ, Vương tử Bodhi chờ đón Thế Tôn đến, đang đứng ở cửa ngoài. Vương tử Bodhi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền tiến đến đón, đảnh lễ Thế Tôn, đi đầu hướng dẫn đến lâu đài Kokanada. Rồi Thế Tôn đứng sát vào tam cấp thấp nhất. Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng. Lần thứ hai, Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để cho con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Lần thứ hai, Thế Tôn im lặng. Lần thứ ba, Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn... (như trên)... an lạc lâu dài.

326. Rồi Thế Tôn nhìn Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda thưa với Vương tử Bodhi:

– Thưa Vương tử, hãy cho cuộn lại tấm vải, Thế Tôn không có đi bộ trên vải, Như Lai còn nghĩ đến[3] những người thấp kém.

Rồi Vương tử Bodhi cho cuộn lại tấm vải, cho sửa soạn các chỗ ngồi tại tầng trên lầu Kokanada. Rồi Thế Tôn bước lên lâu đài Kokanada, và ngồi trên ghế đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Rồi Vương tử Bodhi tự tay mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Vương tử Bodhi, khi Thế Tôn ăn xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế thấp và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc được chứng đắc do khổ."[4]

327. – Này Vương tử, trước khi giác ngộ, chứng đắc Chánh đẳng giác, khi còn là vị Bồ-tát, Ta nghĩ như sau: "Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc

---

[3] *Apaloketi*. *Vin*. II. 128 viết là *Anukampati*.

[4] Như *M*. I. 93; *MLS*. I. 123.

được chứng đắc do khổ. Và Ta, này Vương tử, sau một thời gian, khi Ta còn trẻ, niên thiếu, tóc đen nhánh, đầy đủ huyết khí của tuổi thanh xuân, trong thời vàng son cuộc đời, mặc dầu cha mẹ không bằng lòng, nước mắt đầy mặt, than khóc; Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta xuất gia như vậy, một người đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đến chỗ Āḷāra Kālāma ở, khi đến xong liền thưa với Āḷāra Kālāma: "Hiền giả Kālāma, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này." Này Vương tử, được nghe nói vậy, Āḷāra Kālāma nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống [và an trú]. Pháp này là như vậy, khiến kẻ có trí, không bao lâu như vị Bổn sư của mình [chỉ dạy], tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú." Này Vương tử, và không bao lâu Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này Vương tử, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng tọa), và Ta tự cho rằng Ta như kẻ khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này Vương tử, Ta suy nghĩ như sau: "Āḷāra Kālāma tuyên bố pháp này không phải chỉ vì lòng tin: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta mới an trú.' Chắc chắn Āḷāra Kālāma biết pháp này, thấy pháp này rồi mới an trú." Này Vương tử, rồi Ta đi đến chỗ Āḷāra Kālāma ở; sau khi đến, Ta nói với Āḷāra Kālāma: "Hiền giả Kālāma, cho đến mức độ nào, ngài tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố pháp này?" Này Vương tử, được nói vậy, Āḷāra Kālāma tuyên bố về Vô sở hữu xứ. Rồi này Vương tử, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Āḷāra Kālāma tuyên bố: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú.'" Rồi này Vương tử, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này Vương tử, Ta đi đến chỗ Āḷāra Kālāma ở; sau khi đến, Ta nói với Āḷāra Kālāma: "Này Hiền giả Kālāma, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

"Vâng, Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy."

"Này Hiền giả, tôi cũng tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy."

"Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng Phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!"

Như vậy, này Vương tử, Āḷāra Kālāma là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy, ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này Vương tử, rồi Ta tự suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô sở hữu xứ." Như vậy, này Vương tử, Ta không tôn kính pháp ấy, và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

328. Rồi này Vương tử, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta, khi đến xong Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Hiền giả, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này." Được nghe nói vậy, này Vương tử, Uddaka Rāmaputta nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống [và an trú]. Pháp này là như vậy, khiến người có trí không bao lâu như vị Bổn sư của mình [chỉ dạy] tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú." Này Vương tử, Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này Vương tử, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí, và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng tọa), và Ta tự cho rằng: Ta như người khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này Vương tử, Ta suy nghĩ như sau: "Rāma tuyên bố pháp này không phải vì lòng tin: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta mới an trú.' Chắc chắn Rāma thấy pháp này, biết pháp này, rồi mới an trú." Này Vương tử, rồi Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta ở; sau khi đến, Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Hiền giả Rāma, cho đến mức độ nào, Ngài tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này?" Này Vương tử, được nghe nói vậy, Uddaka Rāmaputta tuyên bố về Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Rồi này Vương tử, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Rāma mới có lòng tin. Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Rāma mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Rāma mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Rāma mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Rāma mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Rāma tuyên bố: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú.'" Rồi này Vương tử, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này Vương tử, Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta ở; sau khi đến, Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Này Hiền giả Rāma, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

"Vâng Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

"Này Hiền giả, tôi cũng đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy."

"Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng Phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự

tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!"

Như vậy, này Vương tử, Uddaka Rāmaputta là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy, ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Như vậy, này Vương tử, Ta không tôn kính pháp ấy, và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

329. Này Vương tử, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ, tuần tự du hành tại nước Magadha (Ma-kiệt-đà) và đến tại tụ lạc Uruvelā (Ưu-lâu-tần-loa). Tại đây, Ta thấy một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Này Vương tử, rồi Ta tự nghĩ: "Thật là một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Thật là một chỗ vừa đủ cho một thiện nam tử tha thiết tinh cần có thể tinh tấn." Và này Vương tử, Ta ngồi xuống tại chỗ ấy và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn."

Nhưng này Vương tử, có ba ví dụ khởi lên nơi Ta, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe. Này Vương tử, ví như có một khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống và đặt trong nước. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra." Này Vương tử, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống đặt trong nước ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa thì có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì cành cây ấy đẫm ướt, đầy nhựa sống lại bị ngâm trong nước, nên người ấy chỉ bị mệt nhọc và bực bội.

– Cũng vậy, này Vương tử, những Sa-môn hay những Bà-la-môn sống không xả ly các dục về thân, những gì đối với chúng thuộc các dục như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm chưa được khéo đoạn trừ, chưa được khéo làm cho nhẹ bớt, nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác, và nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này không thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy cũng không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Này Vương tử, đó là ví dụ thứ nhất, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

330. Này Vương tử, rồi một ví dụ thứ hai, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta. Này Vương tử, ví như có một khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra." Này Vương tử, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa, có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì khúc cây ấy đẫm ướt, đầy nhựa sống, dầu được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, nên người ấy chỉ bị mệt nhọc và bực bội.

– Cũng vậy, này Vương tử, những Sa-môn hay Bà-la-môn sống không xả ly các dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm chưa được khéo đoạn trừ, chưa được khéo làm cho nhẹ bớt. Nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Và nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này không thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy cũng không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Này Vương tử, đó là ví dụ thứ hai, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

331. Này Vương tử, rồi một ví dụ thứ ba, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta. Này Vương tử, ví như có một khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô. Có một người đến cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra." Này Vương tử, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa, có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

– Thưa được, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì khúc cây ấy khô, không nhựa, lại được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô.

– Cũng vậy, này Vương tử, những Sa-môn hay Bà-la-môn sống xả ly các dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục, như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm được khéo đoạn trừ. Nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Và nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này không thình lình cảm thọ những cảm giác khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị này cũng có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Này Vương tử, đó là ví dụ thứ ba, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

332. Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ: "Ta hãy nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm!" Này Vương

tử, rồi Ta nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Khi Ta đang nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, mồ hôi thoát ra từ nơi nách của Ta. Này Vương tử, như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại người ấy. Này Vương tử, khi Ta đang nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, mồ hôi thoát ra từ nơi nách của Ta. Này Vương tử, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

333. Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Vương tử, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi. Này Vương tử, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi, thì một tiếng gió kinh khủng thổi lên, ngang qua lỗ tai. Này Vương tử, ví như tiếng kinh khủng phát ra từ ống thổi bệ đang thổi của người thợ rèn. Cũng vậy, này Vương tử, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi, thời một tiếng gió kinh khủng thổi lên, ngang qua lỗ tai. Này Vương tử, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Vương tử, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Vương tử, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu Ta. Này Vương tử, ví như một người lực sĩ chém đầu [một người khác] với một thanh kiếm sắc, cũng vậy này Vương tử, khi ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu Ta. Này Vương tử, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Vương tử, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, Ta cảm giác đau đầu một cách kinh khủng. Này Vương tử, ví như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết mạnh; cũng vậy, này Vương tử, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, Ta cảm giác đau đầu một cách kinh khủng. Này Vương tử, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này

Vương tử, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Vương tử, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng [của Ta]. Này Vương tử, ví như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén. Cũng vậy, này Vương tử, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng [của Ta]. Này Vương tử, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dẫu cho niệm được an trú, không dao động nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Vương tử, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Vương tử, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân Ta. Này Vương tử, ví như hai người lực sĩ sau khi nắm cánh tay một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng. Cũng vậy, này Vương tử, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai thì có một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân Ta. Này Vương tử, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú, không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

Lại nữa, này Vương tử, chư thiên thấy vậy nói như sau: "Sa-môn Gotama đã chết rồi." Một số chư thiên nói như sau: "Sa-môn Gotama chưa chết, nhưng Sa-môn Gotama sắp sửa chết." Một số chư thiên nói như sau: "Sa-môn Gotama chưa chết. Sa-môn Gotama cũng không phải sắp chết. Sa-môn Gotama là bậc A-la-hán, đời sống của một A-la-hán là như vậy."

334. Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy hoàn toàn tuyệt thực." Rồi này Vương tử, chư thiên đến Ta và nói như sau: "Này thiện hữu, Hiền giả chớ có hoàn toàn tuyệt thực. Này thiện hữu, nếu Hiền giả có hoàn toàn tuyệt thực, chúng tôi sẽ đổ các món ăn chư thiên ngang qua các lỗ chân lông cho Hiền giả, và nhờ vậy Hiền giả vẫn sống." Rồi này Vương tử, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta hoàn toàn tuyệt thực và chư thiên này đổ các món ăn chư thiên ngang qua các lỗ chân lông cho Ta và nhờ vậy Ta vẫn sống, thời như vậy Ta tự dối Ta." Này Vương tử, Ta bác bỏ chư thiên ấy và nói: "Như vậy là đủ."

Này Vương tử, rồi Ta tự suy nghĩ như sau: "Ta hãy giảm thiểu tối đa ăn uống, ăn từng giọt một, như súp đậu xanh, súp đậu đen hay súp đậu hột hay súp đậu nhỏ." Và này Vương tử, trong khi Ta giảm thiểu tối đa sự ăn uống, ăn từng giọt một, như súp đậu xanh, súp đậu đen hay súp đậu hột hay súp đậu nhỏ, thân của Ta trở thành hết sức gầy yếu. Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt dây leo khô héo; vì Ta ăn quá ít, bàn trôn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà; vì Ta ăn quá ít, xương sống

phô bày của Ta giống như một chuỗi banh; vì Ta ăn quá ít, các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột một nhà sàn hư nát; vì Ta ăn quá ít, nên con ngươi long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu; vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nhíu khô cằn như trái bí trắng và đắng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nhíu khô cằn. Này Vương tử, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên này Vương tử, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Này Vương tử, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện, hay đi tiểu tiện" thì Ta ngã quỵ, úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít. Này Vương tử, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thì này Vương tử, trong khi Ta xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục, rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít. Lại nữa, này Vương tử, có người thấy vậy nói như sau: "Sa-môn Gotama có da đen." Một số người nói như sau: "Sa-môn Gotama da không đen, Sa-môn Gotama có da màu xám." Một số người nói như sau: "Sa-môn Gotama da không đen, da không xám, Sa-môn Gotama có da màu vàng sẫm." Cho đến mức độ như vậy, này Vương tử, da của Ta vốn thanh tịnh, trong sáng bị hư hoại, vì Ta ăn quá ít.

335. Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Thuở xưa có những Sa-môn hay Bà-la-môn thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng, không thể có gì hơn nữa. Về tương lai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng không thể có gì hơn nữa. Trong hiện tại, có những Sa-môn hay Bà-la-môn thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng, không thể có gì hơn nữa. Nhưng Ta, với sự khổ hạnh khốc liệt như thế này, vẫn không chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Hay là có đạo lộ nào khác đưa đến giác ngộ?"

Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta biết, trong khi phụ thân Ta, thuộc dòng Sakka (Thích-ca), đang cày và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây Diêm-phù-đề (Jambu), Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ." Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: "Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng?" Và này Vương tử, tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: "Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ." Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ: "Ta có sợ chăng lạc thọ này, một lạc thọ ly dục, ly bất thiện pháp?" Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ: "Ta không sợ lạc thọ này, một lạc thọ ly dục, ly bất thiện pháp."

Rồi này Vương tử, Ta suy nghĩ: "Nay thật không dễ gì chứng đạt lạc thọ ấy, với thân thể ốm yếu kinh khủng như thế này. Ta hãy ăn thô thực, ăn cơm chua." Rồi này Vương tử, Ta ăn thô thực, ăn cơm chua. Này Vương tử, lúc bấy giờ, năm Tỳ-kheo đang hầu hạ Ta suy nghĩ: "Khi nào Sa-môn Gotama chứng pháp,

vị ấy sẽ nói cho chúng ta biết." Này Vương tử, khi thấy Ta ăn thô thực, ăn cơm chua, các vị ấy chán ghét Ta, bỏ đi và nói: "Sa-môn Gotama nay sống đầy đủ vật chất, từ bỏ tinh tấn, trở lui đời sống sung túc."

336. Và này Vương tử, sau khi ăn thô thực và được sức lực trở lại, Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này." Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Vương tử, đó là Minh thứ nhất Ta đã chứng được trong đêm canh một, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ta với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, Ta với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này Vương tử, đó là Minh thứ hai Ta đã chứng được trong đêm canh giữa, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Ta biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự diệt khổ", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, Ta khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Ta đã biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Này Vương tử, đó là Minh thứ ba mà Ta đã chứng được trong canh cuối, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, sống nhiệt tâm, tinh cần."[5]

337. Rồi này Vương tử, Ta suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý Y tánh duyên khởi pháp (*Idappaccayatā Paṭiccasamuppāda*); sự kiện này thật khó thấy, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự trừ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta, như vậy thật bực mình cho Ta!" Này Vương tử, rồi những kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta:

> Sao Ta nói Chánh pháp,
> Được chứng ngộ khó khăn?
> Những ai còn tham sân,
> Khó chứng ngộ pháp này.
> Đi ngược dòng, thâm diệu,
> Khó thấy, thật tế nhị,
> Kẻ ái nhiễm vô minh,
> Không thấy được pháp này.

Rồi này Vương tử, với những suy tư như vậy, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp.

338. Này Vương tử, lúc bấy giờ Phạm thiên Sahampati khi biết được tâm tư của Ta; với tâm tư của mình, liền suy nghĩ: "Than ôi, thế giới sẽ tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp." Rồi này Vương tử, Phạm

---

[5] Tức là câu nói này: "Lạc thọ này khởi lên nơi Ta, tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta", trong *M.* 36, *Mahāsaccaka Sutta* (*Đại kinh Saccaka*) xuất hiện lần thứ 2, nhưng không tìm thấy trong kinh này.

thiên Sahampati, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co, hay co cánh tay đang duỗi; cũng vậy, vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên, và hiện ra trước mặt Ta. Này Vương tử, rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y một bên vai, chắp tay hướng vái Ta và bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. [Nếu được nghe], những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp." Này Vương tử, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói vậy, lại nói thêm như sau:

Xưa tại Magadha,
Hiện ra pháp bất tịnh.
Pháp do tâm cấu uế,
Do suy tư tác thành.
Hãy mở tung mở rộng,
Cánh cửa bất tử này.
Hãy để họ nghe pháp,
Bậc Thanh Tịnh Chứng Ngộ.
Như đứng trên tảng đá,
Trên đỉnh núi [tột cao],
Có người đứng nhìn xuống,
Đám chúng sanh quây quần.
Cũng vậy, ôi Thiện Thệ!
Bậc Biến Nhãn Cùng Khắp,
Leo lên ngôi lâu đài,
Xây dựng bằng Chánh pháp,
Bậc Thoát Ly Sầu Muộn,
Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị sầu khổ áp bức,
Bị sanh già chi phối.
Đứng lên vị Anh Hùng,
Bậc Chiến Thắng Chiến Trường,
Vị Trưởng Đoàn Lữ Khách,
Bậc Thoát Ly Nợ Nần.
Hãy đi khắp thế giới,
Bậc Thế Tôn Chánh Giác!
Hãy thuyết Vi diệu pháp,
Người nghe sẽ thâm hiểu.

339. Này Vương tử, sau khi biết được lời Phạm thiên yêu cầu, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, với Phật nhãn, Ta nhìn quanh thế giới. Này Vương tử, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm trong lỗi lầm phải tái sanh thế giới khác,

một số ít không thấy sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm. Như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng hay hồ sen trắng có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước. Có số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước. Có số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước đẫm ướt. Cũng vậy, này Vương tử, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm trong lỗi lầm phải tái sanh thế giới khác, một số ít không thấy sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm. Và này Vương tử, Ta nói lên bài kệ sau đây với Phạm thiên Sahampati:

Cửa bất tử rộng mở,
Cho những ai chịu nghe.
Hãy từ bỏ tín tâm,
Không chính xác của mình.
Tự nghĩ đến phiền toái,
Ta đã không muốn giảng,
Tối thượng Vi diệu pháp,
Giữa chúng sanh loài người.

340. Này Vương tử, rồi Phạm thiên Sahampati tự nghĩ: "Ta đã tạo cơ hội cho Thế Tôn thuyết pháp", sau đó đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng [về Ta] rồi biến mất tại chỗ.

Này Vương tử, rồi Ta tự suy nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Này Vương tử, rồi Ta tự nghĩ: "Nay có Āḷāra Kālāma là bậc trí thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời. Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho Āḷāra Kālāma, vị này sẽ mau hiểu Chánh pháp này." Này Vương tử, rồi chư thiên đến Ta và nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Āḷāra Kālāma đã mệnh chung bảy ngày rồi." Rồi tri kiến khởi lên nơi Ta: "Āḷāra Kālāma đã mệnh chung bảy ngày rồi." Này Vương tử, Ta nghĩ: "Thật là một thiệt hại lớn cho Āḷāra Kālāma. Nếu nghe pháp này, Āḷāra Kālāma sẽ mau thâm hiểu." Rồi này Vương tử, Ta lại nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Rồi này Vương tử, Ta lại nghĩ: "Nay có Uddaka Rāmaputta là bậc trí thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời. Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho Uddaka Rāmaputta, vị này sẽ mau hiểu Chánh pháp này." Rồi chư thiên đến Ta và nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Uddaka Rāmaputta đã mệnh chung ngày hôm qua." Rồi tri kiến khởi lên nơi Ta: "Uddaka Rāmaputta đã mệnh chung hôm qua." Này Vương tử, Ta nghĩ: "Thật là một thiệt hại lớn cho Uddaka Rāmaputta. Nếu nghe pháp này, Uddaka Rāmaputta sẽ mau thâm hiểu."

341. Này Vương tử, rồi Ta suy nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai

sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Rồi này Vương tử, Ta lại nghĩ: "Nhóm năm Tỷ-kheo này đã hầu hạ Ta khi Ta còn nỗ lực tinh cần, nhóm ấy thật giúp ích nhiều. Vậy Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho nhóm năm Tỷ-kheo!" Rồi này Vương tử, Ta lại nghĩ: "Nay nhóm năm Tỷ-kheo ở tại đâu?" Này Vương tử, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy nhóm năm Tỷ-kheo hiện ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana, Lộc Uyển. Rồi này Vương tử, sau khi ở tại Uruvelā lâu cho đến khi mãn ý, Ta lên đường đi đến Bārāṇasī.

Này Vương tử, một tà mạng ngoại đạo tên là Upaka đã thấy Ta khi Ta còn đi trên con đường giữa Gayā và cây Bồ-đề.

Sau khi thấy, vị ấy nói với Ta:

"Các căn của Hiền giả thật sáng suốt. Da sắc của Hiền giả thật thanh tịnh, thật thanh khiết. Này Hiền giả, vì mục đích gì, Hiền giả xuất gia? Ai là bậc Đạo sư của Hiền giả? Hiền giả hoan hỷ thọ trì pháp của ai?"

Này Vương tử, khi nghe nói vậy, Ta nói với tà mạng ngoại đạo Upaka bài kệ như sau:

Ta, bậc Thắng Tất Cả,
Ta, bậc Nhứt Thiết Trí,
Hết thảy pháp không nhiễm,
Hết thảy pháp xả ly.
Ta sống chân giải thoát,
Đoạn tận mọi khát ái,
Như vậy Ta tự giác,
Còn phải y chỉ ai?
Ta không có Đạo sư,
Bậc như Ta không có,
Giữa thế giới nhơn, thiên,
Không có ai bằng Ta.
Bậc Ứng Cúng Trên Đời,
Bậc Đạo Sư Vô Thượng,
Tự mình Chánh đẳng giác,
Ta an tịnh, thanh thoát.
Để chuyển bánh xe pháp,
Ta đến thành Kāsi,
Gióng lên trống bất tử,
Trong thế giới mù lòa.

– Như Hiền giả đã tự xưng, Hiền giả xứng đáng là bậc Chiến Thắng Vô Tận.

Như Ta, bậc Thắng Giả,
Những ai chứng lậu tận,
Ác pháp, Ta nhiếp phục,
Do vậy, Ta vô địch.

Này Vương tử, sau khi được nghe nói vậy, tà mạng ngoại đạo Upaka nói với Ta: "Này Hiền giả, mong rằng sự việc là vậy." Nói xong, Upaka lắc đầu rồi đi theo một ngả khác.

342. Này Vương tử, rồi Ta tuần tự đi đến Bārāṇasī, Isipatana, Lộc Uyển, đi đến chỗ nhóm năm Tỷ-kheo ở. Này Vương tử, nhóm năm Tỷ-kheo khi thấy Ta từ xa đi đến, đã cùng nhau thỏa thuận như sau: "Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đang đi đến; vị này sống trong sự sung túc, đã từ bỏ tinh cần, đã trở lui đời sống đầy đủ vật chất. Chúng ta chớ có đảnh lễ, chớ có đứng dậy, chớ có lấy y bát. Hãy đặt một chỗ ngồi, và nếu vị ấy muốn, vị ấy sẽ ngồi." Này Vương tử, nhưng khi Ta đi đến gần, năm Tỷ-kheo ấy không thể giữ đúng điều đã thỏa thuận với nhau. Có người đến đón Ta và cầm lấy y bát, có người sắp đặt chỗ ngồi, có người đem nước rửa chân đến. Nhưng các vị ấy gọi Ta bằng tên với danh từ Hiền giả (*Āvuso*). Này Vương tử, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

"Này các Tỷ-kheo, chớ có gọi Ta bằng tên và dùng danh từ Hiền giả. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Hãy lóng tai, pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại, mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các thiện nam tử xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông sẽ an trú."

Này Vương tử, khi nghe nói vậy, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

"Hiền giả Gotama, với nếp sống này, với đạo tu này, với khổ hạnh này, Hiền giả đã không chứng được pháp Siêu nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, thì nay làm sao Hiền giả, với nếp sống sung túc, với sự từ bỏ tinh cần, với sự trở lui đời sống vật chất đầy đủ, lại có thể chứng được pháp Siêu nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?"

Này Vương tử, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

"Này các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc, không từ bỏ tinh cần, không trở lui đời sống vật chất đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, hãy lóng tai, pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông sẽ an trú."

Này Vương tử, lại lần thứ hai, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

"Hiền giả Gotama, với nếp sống này,... (như trên)... tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?"

Này Vương tử, lại lần thứ hai, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

"Này các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc... (như trên)... các ông sẽ an trú."

Này Vương tử, lại lần thứ ba, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

"Hiền giả Gotama, với nếp sống này... (như trên)... tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?"

Này Vương tử, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

"Này các Tỷ-kheo, từ trước đến nay, các ông có chấp nhận là Ta chưa bao giờ nói như vậy chăng?"

"Bạch Thế Tôn, chưa bao giờ như vậy."

"Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Hãy lóng tai, pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt được ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông sẽ an trú."

Này Vương tử, Ta đã làm cho nhóm năm Tỷ-kheo chấp nhận. Này Vương tử, Ta thuyết giảng cho hai Tỷ-kheo. Ba Tỷ-kheo kia đi khất thực. Đồ ăn mà ba Tỷ-kheo này khất thực mang về, đủ nuôi sống cho nhóm sáu người. Này Vương tử, Ta thuyết giảng cho ba Tỷ-kheo. Hai Tỷ-kheo kia đi khất thực. Đồ ăn mà hai Tỷ-kheo này khất thực mang về, đủ nuôi sống cho nhóm sáu người.

343. Như vậy, này Vương tử, chúng năm vị Tỷ-kheo được Ta giáo giới như vậy, giáo huấn như vậy, không bao lâu chứng được với thượng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh mà con cháu các lương gia xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến.

Khi được nghe nói vậy, Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Độ bao lâu, bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo chấp nhận Như Lai là vị Lãnh đạo, chứng được mục đích tối cao... (như trên)... và an trú?

– Này Vương tử, ở đây, Ta sẽ hỏi Vương tử. Tùy theo Vương tử có thể kham nhẫn, Vương tử hãy trả lời. Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Vương tử có thiện xảo trong nghề cưỡi voi và trong kỹ thuật dùng câu móc không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con thiện xảo trong nghề cưỡi voi và kỹ thuật dùng câu móc.

– Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Ở đây có người đến và nói: "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử." Nếu người ấy không có lòng tin, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy không thể đạt được. Nếu người ấy nhiều bệnh, thời những gì ít bệnh có thể đạt được, người ấy không thể đạt được. Nếu người ấy gian trá, xảo trá, thời những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được, người ấy không đạt được. Nếu người ấy biếng nhác, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy không đạt được. Nếu người ấy có liệt tuệ, thời những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy không đạt được. Này

Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Người ấy có thể học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không?

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu thành tựu chỉ một đức tánh, người ấy cũng không thể học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi [nếu người ấy thành tựu] cả năm đức tánh.

344. – Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Ở đây, có người đến và nói: "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử." Nếu người ấy có lòng tin, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy đạt được. Nếu người ấy ít bệnh, thời những gì ít bệnh có thể đạt được, người ấy đạt được. Nếu người ấy không gian trá, không xảo trá, thời những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được, người ấy đạt được. Nếu người ấy tinh tấn, cần mẫn, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy đạt được. Nếu người ấy có trí tuệ, thời những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy đạt được. Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Người ấy có thể học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không?

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu cho thành tựu chỉ một đức tánh, cũng có thể học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi [nếu người ấy thành tựu] cả năm đức tánh.

– Cũng vậy, này Vương tử, có năm tinh cần chi này.[6] Thế nào là năm? Ở đây, này Vương tử, vị Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai. Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ít bệnh, ít não, với bộ tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung bình, hợp với tinh tấn. Vị ấy không gian trá, xảo trá, tự mình xử sự như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị có trí hay đối với các vị đồng Phạm hạnh. Vị ấy sống tinh cần, tinh tấn[7] từ bỏ các bất thiện pháp, làm cho khởi lên các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt [của các pháp], với sự thể nhập bậc Thánh[8] đưa đến sự chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Này Vương tử, như vậy là năm tinh cần chi.

345. Này Vương tử, vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc Lãnh đạo, sau khi đã tự chứng tri với thượng trí ngay trong hiện tại Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh mà vì mục đích này, các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và vị ấy có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú trong bảy năm. Này Vương tử, đừng nói chi bảy năm, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú sáu

---

[6] Như *M*. II. 128; *D*. III. 237; *A*. III. 65.

[7] Như *M*. I. 356.

[8] *MA*. III. 326 giải thích là thanh tịnh (*suddha*).

năm... (như trên)... năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm. Này Vương tử, đừng nói chi một năm, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú bảy tháng. Này Vương tử, đừng nói chi bảy tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú ngay trong sáu tháng... (như trên)... trong năm tháng, bốn tháng, ba tháng, hai tháng, một tháng, nửa tháng. Này Vương tử, đừng nói chi nửa tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú trong bảy ngày đêm. Này Vương tử, đừng nói chi bảy ngày đêm, Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này trong sáu ngày đêm... (như trên)... năm ngày đêm, bốn ngày đêm, ba ngày đêm, hai ngày đêm, một ngày đêm. Này Vương tử, đừng nói chi một ngày đêm, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc Lãnh đạo, nếu được giảng dạy buổi chiều thời chứng được sự thù thắng buổi sáng; nếu được giảng dạy buổi sáng, thời sẽ chứng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi được nghe nói vậy, Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Ôi, thật là Phật! Ôi, thật là Pháp! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay! Nếu được giảng dạy buổi chiều thời chứng được sự thù thắng buổi sáng; nếu được giảng dạy buổi sáng thời chứng được sự thù thắng buổi chiều.

346. Khi nghe nói vậy, thanh niên Sañjikāputta thưa với Vương tử Bodhi:

– Như vậy, Tôn giả Bodhi này đã nói: "Ôi, thật là Phật! Ôi, thật là Pháp! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay!" Nhưng Vương tử không nói thêm: "Tôi quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo."

– Này Sañjikāputta, chớ có nói như vậy! Này Sañjikāputta, chớ có nói như vậy! Này Sañjikāputta, mặt trước mặt đối diện với mẫu thân của ta, ta tự nghe như sau: "Một thời, này Sañjikāputta, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại tu viện Ghosita. Mẫu thân ta đang mang thai, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, mẫu thân ta bạch với Thế Tôn: 'Bạch Thế Tôn, đứa con này của con, dù là con trai hay con gái, cũng xin quy y với Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận nó làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, nó trọn đời quy ngưỡng.'" Lại một thời, này Sañjikāputta, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Susumāragiri, rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển. Rồi người vú của ta, bế ta bên hông, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, người vú của ta bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Vương tử Bodhi này xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận Vương tử này làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, xin trọn đời quy ngưỡng." Và nay, này Sañjikāputta, lần thứ ba ta quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. "Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng."

86. KINH AṄGULIMĀLA

(*Aṅgulimāla Sutta*)[1]

347. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvatthi, Jetavana, ở tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, trong lãnh thổ của Quốc vương Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala, có tên cướp Aṅgulimāla[2] là một thợ săn, tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào Sāvatthi để khất thực. Sau khi khất thực ở Sāvatthi, ăn xong, dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, Ngài quay trở về và đi trên con đường dẫn đến tên cướp Aṅgulimāla. Các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người bộ hành thấy Thế Tôn đang đi trên con đường dẫn đến tên cướp Aṅgulimāla, thấy vậy liền bạch Thế Tôn: "Thưa Sa-môn, chớ có đi trên con đường này. Thưa Sa-môn, trên con đường này có tên cướp Aṅgulimāla, là một thợ săn, tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người. Thưa Sa-môn, trên đường này, có mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người tụ họp lại, tụ họp lại rồi cùng đi. Tuy vậy, họ vẫn rơi vào tay của tên cướp Aṅgulimāla." Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

Lần thứ hai, các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người đi đường bạch Thế Tôn: "Thưa Sa-môn, chớ có đi con đường ấy... (như trên)... rơi vào tay của tên cướp Aṅgulimāla." Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

---

[1] Xem *S*. I. 53; *Dh*. 7, 19, 22, 37, 48, 102; *Thag*. 9, 203, 547, 866. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1077. 0280c18); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.16. 0378b17); *Phật thuyết Ương-quật-ma kinh* 佛說鴦掘摩經 (*T*.02. 0118. 0508b17); *Phật thuyết Ương-quật kết kinh* 佛說鴦崛髻經 (*T*.02. 0119. 0510b14); *Ương-quật-ma-la kinh* 央掘魔羅經 (*T*.02. 0120. 0512b05); *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.6. 0719b20); *Hiền ngu kinh*, *Vô Não chỉ man phẩm* 賢愚經無惱指鬘品 (*T*.04. 0202.45. 0423b05); *Xuất diệu kinh*, *Tạp phẩm* 出曜經雜品 (*T*.04. 0212.17. 0702b08); *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Thanh tịnh phẩm* 法集要頌經清淨品 (*T*.04. 0213.16. 0785a15).

[2] Nghĩa là "Vòng hoa làm bằng ngón tay người", *Sutasomā Jātaka* (số 537) bàn về Aṅgulimāla.

Lần thứ ba, các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người đi đường bạch Thế Tôn: "Thưa Sa-môn, chớ có đi con đường ấy... (như trên)... rơi vào tay của tên cướp Aṅgulimāla."

348. Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

Tên cướp Aṅgulimāla thấy Thế Tôn từ xa đi lại, sau khi thấy liền nghĩ: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Con đường này, cho đến mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người tụ họp lại, tụ họp lại rồi cùng đi; tuy vậy, chúng vẫn rơi vào tay của ta. Nay người Sa-môn này chỉ có một mình, không có người thứ hai, lại đi đến, hình như do một sức mạnh gì (*pasayha*)? Vậy ta hãy giết hại mạng sống của người Sa-môn này!" Rồi tên cướp Aṅgulimāla lấy kiếm và tấm khiên, đeo cung và tên vào, đi theo sau lưng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn hiện thần thông lực một cách làm cho tên cướp Aṅgulimāla, dầu cho đi với tất cả tốc lực của nó cũng không thể bắt kịp Thế Tôn đang đi với tốc lực bình thường. Tên cướp Aṅgulimāla suy nghĩ: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Ta trước đây đuổi theo con voi đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo con ngựa đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo chiếc xe đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo con nai đang chạy và bắt kịp nó; nay dầu ta đi với tất cả tốc lực của ta cũng không thể bắt kịp Sa-môn này đang đi với tốc lực bình thường." Nó đứng lại và thưa với Thế Tôn:

– Hãy đứng lại, Sa-môn! Hãy đứng lại, Sa-môn!

– Ta đã đứng rồi, này Aṅgulimāla. Và ngươi hãy đứng lại!

Rồi tên cướp Aṅgulimāla suy nghĩ: "Những Sa-môn Thích tử này là những người nói sự thật và chấp nhận sự thật. Và Sa-môn này dầu cho đang đi lại nói: 'Ta đã đứng rồi, này Aṅgulimāla. Và ngươi hãy đứng lại!' Vậy ta hãy hỏi vị Sa-môn này."

349. Rồi tên cướp Aṅgulimāla với bài kệ[3] nói với Thế Tôn:

– Ngươi đi lại nói: "Ta đã đứng rồi."
Ta đứng, ngươi nói: "Sao ngươi không đứng?"
Sa-môn, ta hỏi về ý nghĩa này,
Sao ngươi đứng lại, còn ta không đứng?
– Aṅgulimāla, Ta đã đứng rồi.
Với mọi chúng sanh, Ta bỏ trượng, kiếm,
Còn ngươi hữu tình, không tự kiềm chế,
Do vậy, Ta đứng, còn ngươi chưa đứng.
– Đã lâu tôi kính bậc Đại Tiên Nhân,
Nay Sa-môn này bước vào Đại Lâm.
Không lâu, tôi sẽ đoạn trừ ác pháp.

[3] Câu kệ được cho rằng Tôn giả Aṅgulimāla đã nói được tìm thấy ở *Thag*. 866.

Sau khi được nghe pháp kệ của Ngài.
Nói xong tên cướp liền quăng bỏ kiếm,
Quăng bỏ khí giới xuống vực thâm sâu,
Tên cướp đảnh lễ dưới chân Thiện Thệ,
Ngay tại chỗ ấy, xin được xuất gia.
Đức Phật từ bi, bậc Đại Tiên Nhân,
Đạo Sư nhân giới, cùng với thiên giới,
Ngài đã trả lời: "Thiện lai, Tỷ-kheo!"
Uy đức Tỷ-kheo, được Ngài xác chứng.

350. Rồi Thế Tôn với Tôn giả Aṅgulimāla là Sa-môn tùy tùng, bắt đầu du hành đi đến Sāvatthi, và tuần tự du hành. Thế Tôn đến Sāvatthi. Ở đây, Thế Tôn trú tại Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, tại cửa nội cung Vua Pasenadi nước Kosala, một số đông quần chúng tụ họp lại, cao tiếng, lớn tiếng nói lên: "Tâu Đại vương, trong lãnh thổ Đại vương có tên cướp tên Aṅgulimāla, là tên thợ săn, bàn tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Do vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người. Đại vương hãy tẩn xuất nó."

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, với khoảng năm trăm con ngựa, sáng sớm đi ra khỏi Sāvatthi, đi đến tinh xá, đi xe đến chỗ nào còn đi xe được, rồi Vua xuống xe, đi bộ đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, có phải Vua Seniya Bimbisāra nước Magadha tức giận với Đại vương, hay các người Licchavi ở Vesāli, hay một địch vương nào khác?

– Bạch Thế Tôn, Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha không có tức giận với con, không phải các người Licchavi ở Vesāli, cũng không phải có địch vương nào khác. Bạch Thế Tôn, trong lãnh thổ của con, có tên cướp tên là Aṅgulimāla, một tên thợ săn, bàn tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các quốc độ trở thành không quốc độ. Bạch Thế Tôn, nhưng con không thể tẩn xuất nó được. Bạch Thế Tôn, con sẽ tẩn xuất nó đi.

– Thưa Đại vương, nếu Đại vương được thấy Aṅgulimāla[4] cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, giữ giới, hành trì thiện pháp, Đại vương sẽ làm gì đối với Aṅgulimāla?

– Bạch Thế Tôn, con sẽ đảnh lễ, hay đứng dậy, hay đưa ghế mời ngồi, hay lo liệu bốn sự cúng dường Aṅgulimāla, tức là y phục, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh; hay chúng con bảo vệ, hộ trì đúng pháp. Nhưng bạch Thế Tôn,

[4] Xem *M.* II. 89.

từ đâu một người phá giới, làm các ác pháp lại có thể trở thành giữ giới, biết chế ngự như vậy?

Lúc bấy giờ, Tôn giả Aṅgulimāla ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Thế Tôn duỗi cánh tay mặt và nói với Vua Pasenadi:

– Thưa Đại vương, đây là Aṅgulimāla.

Vua Pasenadi nước Kosala liền hoảng sợ, run sợ, lông tóc dựng ngược. Thế Tôn biết được Vua Pasenadi nước Kosala hoảng sợ, khiếp sợ, lông tóc dựng ngược, bèn nói với Vua Pasenadi nước Kosala:

– Chớ có sợ hãi, thưa Đại vương! Chớ có sợ hãi, thưa Đại vương! Ở đây, không có gì đáng sợ hãi cho Đại vương.

Rồi sự hoảng sợ, khiếp sợ, lông tóc dựng ngược của Vua Pasenadi nước Kosala được tan biến. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đến gần Tôn giả Aṅgulimāla, sau khi đến, thưa với Tôn giả Aṅgulimāla:

– Thưa Tôn giả, có phải Tôn giả là Aṅgulimāla?

– Thưa phải, Đại vương.

– Thưa Tôn giả, phụ thân Tôn giả thuộc dòng họ gì? Mẫu thân thuộc dòng họ gì?

– Thưa Đại vương, phụ thân tôi thuộc dòng họ Gagga, mẫu thân tôi thuộc dòng họ Mantāni.

– Thưa Tôn giả, mong Tôn giả Gagga Mantāniputta được hoan hỷ. Tôi sẽ cố gắng lo bốn sự cúng dường là y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh cho Tôn giả.

351. Lúc bấy giờ, Tôn giả Aṅgulimāla theo hạnh ở rừng núi, đi khất thực mà ăn, sống chỉ với ba y. Rồi Tôn giả Aṅgulimāla nói với Vua Pasenadi nước Kosala:

– Thôi vừa rồi, thưa Đại vương, tôi đã đủ ba y.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến gần Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Làm sao Thế Tôn lại nhiếp phục được người không thể nhiếp phục, làm cho an tịnh được người không thể an tịnh, làm cho tịch diệt được người không thể tịch diệt![5] Bạch Thế Tôn, đối với người con không thể nhiếp phục với gậy, với kiếm; Thế Tôn đã có thể nhiếp phục được với không gậy, không kiếm. Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi. Chúng con có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

---

[5] Hoặc có nghĩa là "một vị giúp cho những người chưa đạt được đạt đến Niết-bàn."

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và ra đi.

Rồi Tôn giả Aṅgulimāla, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sāvatthi để khất thực. Trong khi đi khất thực từng nhà một ở Sāvatthi, Tôn giả Aṅgulimāla thấy một người đàn bà đang sanh đẻ, rất nguy kịch và đau đớn. Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "Thật đau khổ thay các chúng sanh! Thật đau khổ thay các chúng sanh!" Rồi Tôn giả Aṅgulimāla, sau khi đi khất thực ở Sāvatthi, sau buổi ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Aṅgulimāla bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào thành Sāvatthi để khất thực. Bạch Thế Tôn, trong khi đi khất thực từng nhà một ở Sāvatthi, con thấy một người đàn bà đang sanh đẻ, rất nguy kịch, đau đớn. Thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật đau khổ thay các chúng sanh! Thật đau khổ thay các chúng sanh!"

– Này Aṅgulimāla, ông hãy đi đến Sāvatthi, sau khi đến, nói với người đàn bà ấy như sau: "Này bà chị, vì rằng tôi từ khi sanh ra chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà chị được an toàn và sanh đẻ được an toàn!"

– Bạch Thế Tôn, nếu làm vậy, thời con là cố ý nói láo. Bạch Thế Tôn, con đã cố ý giết hại mạng sống rất nhiều chúng sanh rồi.

– Vậy thì, này Aṅgulimāla, ông hãy đi đến Sāvatthi, sau khi đến, hãy nói với người đàn bà ấy như sau: "Này bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh này, chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà chị được an toàn và sanh đẻ được an toàn!"

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Aṅgulimāla, sau khi vâng đáp Thế Tôn, đi đến Sāvatthi, sau khi đến, nói với người đàn bà ấy như sau: "Thưa bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh này, chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà chị được an toàn và sanh đẻ được an toàn!" Và người đàn bà được an toàn, sanh đẻ được an toàn. Rồi Tôn giả Aṅgulimāla sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và không bao lâu sau, tự thân chứng ngộ với thắng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh mà vì mục đích này các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, từ nay không còn trở lui đời này nữa." Vị ấy biết như vậy. Và như vậy, Tôn giả Aṅgulimāla trở thành một vị A-la-hán nữa.

352. Rồi Tôn giả Aṅgulimāla vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sāvatthi

để khất thực. Lúc bấy giờ, một cục đất do một người ném, rơi trên thân Tôn giả Aṅgulimāla; rồi một cây gậy do một người khác quăng, rơi trên thân Tôn giả Aṅgulimāla; rồi một hòn sỏi do một người khác quăng, rơi trên thân Tôn giả Aṅgulimāla. Rồi Tôn giả Aṅgulimāla bị lỗ đầu, chảy máu, bình bát bị bể, ngoại y bị rách, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Aṅgulimāla từ xa đi đến, thấy vậy, liền nói với Tôn giả Aṅgulimāla: "Hãy kham nhẫn, này Bà-la-môn![6] Hãy kham nhẫn, này Bà-la-môn! Ông đang gặt hái ngay trong hiện tại quả báo của nghiệp mà đáng lẽ ông phải chịu nấu sôi ở địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm."

Rồi Tôn giả Aṅgulimāla sống độc cư, thiền tịnh, cảm thọ được giải thoát lạc, và trong lúc ấy nói lên lời cảm khái sau đây:

"Ai trước phóng dật,[7] sau không phóng dật,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.
Ai làm ác nghiệp, nhờ thiện chặn lại,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.
Niên thiếu Tỳ-kheo, trung thành Phật giáo,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.
Mong kẻ địch ta, nghe giảng pháp thoại!
Mong kẻ địch ta, trung thành Phật giáo!
Mong kẻ địch ta, thọ lãnh chánh pháp!
[Thân tâm] an tịnh, san sẻ mọi người.
Mong kẻ địch ta, từ bậc Thuyết Nhẫn,
Từ bậc Tán Thán, vô oán hận tâm,
Thời thời nghe pháp, y pháp hành trì,
Một kẻ như vậy, không có hại ta,
Cũng không làm hại một người nào khác.
Vị ấy sẽ chứng Tối thượng tịch tịnh,[8]
Hộ trì mọi người, kẻ tham người không,
Như người dẫn nước,[9] hướng dẫn nước chảy,
Như kẻ làm tên, uốn cong thân tên,
Như người thợ mộc, uốn nắn cây gỗ,
Kẻ trí tự mình, tự điều phục mình.
Có kẻ[10] được điều bởi gậy, roi, móc,
Riêng ta được điều không gậy, không kiếm.

---

[6] *MA*. III. 339 giải thích, sở dĩ Tôn giả được gọi như vậy bởi vì các lậu hoặc đã được đoạn trừ.

[7] Các câu kệ được xem do Aṅgulimāla nói thêm trong *Thag*. 871. Hai câu kệ đầu cũng được tìm thấy trong *Dh*. 172, 173.

[8] *Tasathāvara*. *MA*. III. 341 và *ThagA*. viết *Tasā* nghĩa là những người có tham ái (*sataṇhā*), còn *Thāvarā* là những người không tham ái (*nittaṇhā*).

[9] Xem *Dh*. 80, 145.

[10] Xem *Vin*. II. 196.

[Bởi bậc như vậy].
Ta tên Vô Hại, trước ta sát hại,
Nay được chánh danh, vì chẳng hại ai.
Trước ta được tên Aṅgulimāla,
Bị nước thác cuốn, ta quy y Phật.
Trước tay vấy máu, danh xưng Aṅgulimāla,
Xem ta quy y, đoạn dây sanh tử,
Làm nghiệp như vậy phải sanh ác thú,
Khi lãnh nghiệp báo,[11] không nợ ta hưởng.[12]
Kẻ ngu vô trí, đam mê phóng dật,
Còn người có trí, giữ không phóng dật,
Như giữ tài sản, tối thượng, tối quý.
Chớ mê phóng dật, chớ mê dục lạc,
Giữ không phóng dật, luôn luôn thiền định,
Chứng đắc đại lạc, quảng đại vô lượng.
Thiện lai[13] ta đến,[14] không đi lạc hướng,
Không ai khuyên ta theo tư tưởng ác,
Giữa các chân lý [được khéo] giảng dạy,
Chân lý ta theo, chân lý tối thượng.
Thiện lai ta đến, không đi lạc hướng,
Không ai khuyên ta theo tư tưởng ác,
Ba minh ta chứng, Phật lý viên thành.

[11] *Kammavipāka* còn được gọi là *maggacetanā*, nghĩa là cương quyết chọn lựa con đường. Vì rằng *kamma* có nghĩa bị làm cho lộ rõ và bị đoạn trừ bởi pháp này, nên pháp này được gọi là *Kammavipāka*.

[12] *Bhuñjāmi bhojanaṃ*. Cũng được tìm thấy ở *Thag*. 789. Trong *MA*. III. 343; *Vism*. 43; *J*. V. 253, phân biệt bốn loại *paribhoga,* thụ hưởng, thọ dụng. Ở đây *sāmiparibhoga* có nghĩa là thọ hưởng của người làm chủ nhân ông, các lậu hoặc của vị ấy đã được đoạn trừ. *Bhojana* có thể dịch là những đặc ân, đặc quyền, sự thọ dụng, địa vị.

[13] Bài kệ này cũng có trong *Thag*. 9.

[14] *ThagA*. I. 55 viết *svāgataṃ* có 2 nghĩa: Sự đến đây của ta rất tốt đẹp; hoặc tốt đẹp thay trong ta có sự hiện diện của đức Thế Tôn.

87. KINH ÁI SANH

(*Piyajātika Sutta*)[1]

353. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, đứa con một của một gia chủ, khả ái, đáng thương bị mệnh chung. Sau khi con chết, [người cha] không còn muốn làm việc, không còn muốn ăn uống, luôn luôn đi đến nghĩa địa, người ấy than khóc: "Con ở đâu, đứa con một của ta? Con ở đâu, đứa con một của ta?" Rồi người gia chủ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với người gia chủ đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, có phải ông có các căn để an trú tự tâm ông, có phải các căn của ông đổi khác?

– Bạch Thế Tôn, sao các căn của con có thể không đổi khác được? Bạch Thế Tôn, đứa con một khả ái, đáng thương của con đã mệnh chung. Sau khi nó chết, [con] không còn muốn làm việc, con không còn muốn ăn uống, con luôn luôn đi đến nghĩa địa và than khóc: "Con ở đâu, đứa con một của ta? Con ở đâu, đứa con một của ta?"

– Sự thật là như vậy, này gia chủ. Vì rằng, này gia chủ sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

– Nhưng đối với ai, bạch Thế Tôn, sự tình sẽ như vậy: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái." Vì rằng, bạch Thế Tôn, hỷ lạc (*ānandasomanassā*) do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Rồi người gia chủ không hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, chống báng lại, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

354. Lúc bấy giờ, một số người đánh bạc đang chơi đổ nhứt lục không xa Thế Tôn bao nhiêu. Người gia chủ kia đi đến những người đánh bạc ấy, sau khi đến, nói với những người ấy như sau:

– Này quý vị, ở đây tôi đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến, đảnh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên. Này quý vị, Sa-môn Gotama nói với tôi đang ngồi một bên:

---

[1] Xem *MNid*. 401. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ái sanh kinh* 愛生經 (*T*.01. 0026.216. 0800c20). Tham chiếu: *Bà-la-môn tử mạng chung ái niệm bất ly kinh* 婆羅門子命終愛念不離經 (*T*.01. 0091. 0915a04); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.13.3. 0571b28); *Phật thuyết Tử mạng quá kinh* 佛說子命過經 (*T*.03. 0154.15. 0080c09).

"Này gia chủ, có phải ông có các căn để an trú tự tâm ông, có phải các căn của ông đổi khác?"

Này quý vị, được nghe nói vậy tôi nói với Sa-môn Gotama:

"Bạch Thế Tôn, sao các căn của con có thể không đổi khác được? Bạch Thế Tôn, đứa con một khả ái, đáng thương của con đã mệnh chung. Sau khi nó chết, con không còn muốn làm việc, con không còn muốn ăn uống, con luôn luôn đi đến nghĩa địa và than khóc: 'Con ở đâu, đứa con một của ta? Con ở đâu, đứa con một của ta?'"

"Sự thật là như vậy, này gia chủ. Vì rằng, này gia chủ, sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái."

"Nhưng đối với ai, bạch Thế Tôn, sự tình sẽ như vậy: 'Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.' Vì rằng, bạch Thế Tôn, hỷ lạc do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái."

Này quý vị, không hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, ta chống báng lại, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

– Sự thật là như vậy, này gia chủ. Sự thật là như vậy, này gia chủ. Này gia chủ, hỷ lạc do ái sanh, hiện hữu từ nơi ái.

Rồi người gia chủ suy nghĩ: "Có sự đồng ý giữa ta và những người đánh bạc", rồi bỏ đi. Và cuộc đối thoại ấy dần dần được truyền đi và truyền đến trong nội cung.

355. Rồi Vua Pasenadi xứ Kosala cho gọi Hoàng hậu Mallikā:

– Này Mallikā, đây là lời Sa-môn Gotama nói với các người ấy: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái."

– Tâu Đại vương, nếu Thế Tôn đã dạy như vậy, thì sự việc là như vậy.

– Điều gì Sa-môn Gotama nói, Mallikā này cũng nói theo. Vì Mallikā quá hoan hỷ với Sa-môn Gotama. Vì vị Đạo sư nói gì cho đệ tử, và đệ tử quá hoan hỷ với vị Đạo sư nên nói: "Sự thật là vậy, thưa Đạo sư. Sự thật là như vậy, thưa Đạo sư." Cũng vậy, này Mallikā, điều gì Sa-môn Gotama nói, Hoàng hậu quá hoan hỷ với Sa-môn Gotama nên đã nói: "Nếu Thế Tôn đã nói như vậy, thời sự việc là vậy." Hãy đi đi, Mallikā, hãy đi đi!

Rồi Hoàng hậu Mallikā cho gọi Bà-la-môn Nāḷijaṅgha và nói:

– Này Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú, và thưa: "Bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mallikā cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú không?" Và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn đã nói như sau: 'Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái'?" Và nếu Thế Tôn trả

lời ông như thế nào, hãy khéo nắm giữ và nói lại với ta. Vì các Như Lai không nói phản lại sự thật.[2]

– Thưa vâng, tâu Hoàng hậu.

Bà-la-môn Nāḷijaṅgha vâng đáp Hoàng hậu Mallikā, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn; và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Nāḷijaṅgha bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, Hoàng hậu Mallikā cúi đầu đảnh lễ chân Sa-môn Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú, và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn đã nói như sau: 'Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái'?"

356. – Thật sự là như vậy, này Bà-la-môn. Thật sự là như vậy, này Bà-la-môn. Này Bà-la-môn, sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này, cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Sāvatthi này, người mẹ của một người đàn bà mệnh chung. Từ khi bà ta mệnh chung, người đàn bà này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, và nói: "Người có thấy mẹ tôi đâu không? Người có thấy mẹ tôi đâu không?"

Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này, cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Sāvatthi này, người cha của một người đàn bà mệnh chung... (như trên)... người anh mệnh chung... người chị mệnh chung... người con trai mệnh chung... người con gái mệnh chung... người chồng mệnh chung. Từ khi người chồng mệnh chung, người đàn bà này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, và nói: "Người có thấy chồng tôi đâu không? Người có thấy chồng tôi đâu không?"

Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này, cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Sāvatthi này, người mẹ của một người đàn ông mệnh chung. Từ khi bà ta mệnh chung, người đàn ông này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, và nói: "Người có thấy mẹ tôi đâu không? Người có thấy mẹ tôi đâu không?"

Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này, cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Sāvatthi này, người cha của một người đàn ông mệnh chung... người anh mệnh chung... người chị mệnh chung... người con trai mệnh chung...

[2] *Vitathaṃ*. Xem *D*. II. 73.

người con gái mệnh chung... người vợ mệnh chung. Từ khi người vợ mệnh chung, người đàn ông này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, và nói: "Người có thấy vợ tôi đâu không? Người có thấy vợ tôi đâu không?"

Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà-la-môn, thuở xưa, chính tại thành Sāvatthi này, một người đàn bà đi về thăm gia đình bà con. Những người bà con ấy của người đàn bà muốn dùng sức mạnh bắt người đàn bà ấy phải xa chồng và muốn gả cho một người đàn ông khác. Người đàn bà ấy không chịu. Rồi người đàn bà ấy nói với chồng mình: "Này hiền phu, những người bà con này muốn dùng sức mạnh bắt tôi phải xa anh và muốn gả tôi cho một người đàn ông khác. Nhưng tôi không muốn như vậy." Rồi người đàn ông ấy chặt người đàn bà ấy làm hai rồi tự vẫn, nghĩ rằng: "Hai chúng ta sẽ gặp nhau trong đời sau." Này Bà-la-môn, do pháp môn này, cần phải được hiểu rằng sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

357. Rồi Bà-la-môn Nāḷijaṅgha hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoàng hậu Mallikā; sau khi đến, kể lại cho Hoàng hậu Mallikā toàn thể cuộc đàm thoại với Thế Tôn. Rồi Hoàng hậu Mallikā đi đến Vua Pasenadi nước Kosala, và thưa:

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có thương Công chúa Vajirī của thiếp không?

– Phải, này Mallikā, ta thương Công chúa Vajirī.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Công chúa Vajirī của Đại vương, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mallikā, nếu có sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Công chúa Vajirī của ta, thì sẽ có một sự thay đổi đến đời sống của ta, làm sao không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não nơi ta?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái." Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nữ Sát-đế-lỵ Vāsabhā,[3] Đại vương có thương yêu không?

– Này Mallikā, ta có thương yêu nữ Sát-đế-lỵ Vāsabhā.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho nữ Sát-đế-lỵ Vāsabhā, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mallikā, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho nữ Sát-đế-lỵ

[3] Theo *MA*. III. 345, nàng là một Quý phi của Vua.

Vāsabhā, thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho đời sống của ta, làm sao không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não nơi ta?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái." Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Tướng quân Viḍūḍabha,[4] Đại vương có thương quý không?

– Này Mallikā, ta có thương quý Tướng quân Viḍūḍabha.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Tướng quân Viḍūḍabha, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mallikā, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Tướng quân Viḍūḍabha thì sẽ có sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não nơi ta?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái." Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có yêu thương thiếp không?

– Phải, này Mallikā, ta có thương yêu Hoàng hậu.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho thiếp, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mallikā, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Hoàng hậu, thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não nơi ta?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái." Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có yêu thương dân chúng Kāsi và Kosala không?

– Phải, này Mallikā, ta thương yêu dân chúng Kāsi và Kosala. Này Mallikā, nhờ sức mạnh của họ, chúng ta mới có được gỗ Chiên-đàn từ nước Kāsi và dùng các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho dân chúng Kāsi và Kosala, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mallikā, nếu có một sự biến dịch đổi khác xảy đến cho dân chúng nước Kāsi và Kosala, thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não nơi ta?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả,

[4] Con trai của Vua Pasenadi và Quý phi Vāsabhā.

Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái."

– Thật vi diệu thay, này Mallikā! Thật hy hữu thay, này Mallikā! Thế Tôn đã thể nhập nhờ trí tuệ, đã thấy nhờ trí tuệ.[5] Đến đây, Mallikā, hãy sửa soạn tẩy trần (*ācamehī*).

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái Thế Tôn và nói lên ba lần lời cảm hứng sau đây: "Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác!"

[5] Xem *M.* I. 480; II. 173; *A.* II. 115-16.

88. KINH BĀHITIKA

(*Bāhitika Sutta*)[1]

358. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Ānanda vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Đi khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, Tôn giả đi đến lâu đài của Migāramātu (Lộc Mẫu) tại Pubbārāma (Đông Viên) để nghỉ trưa. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala cưỡi trên con voi Ekapuṇḍarīka và đi ra khỏi thành Sāvatthi trong buổi sáng sớm. Vua Pasenadi nước Kosala thấy Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với vị đại thần Sirivaḍḍha:

– Vị Tôn giả ấy, này Sirivaḍḍha, có phải là Ānanda không?

– Thưa phải, tâu Đại vương, Tôn giả ấy là Ānanda.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala nói với một người khác:

– Này người kia, hãy đi đến Tôn giả Ānanda, sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda, rồi thưa như sau: "Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ānanda không có công việc gì phải làm gấp, thưa Tôn giả, mong Tôn giả hãy vì lòng từ chờ đợi một lát."

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp Vua Pasenadi xứ Kosala, đi đến Tôn giả Ānanda, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi đứng một bên. Đứng một bên, người ấy thưa với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả, Vua Pasenadi nước Kosala cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda, và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ānanda không có công việc gì phải làm gấp, thưa Tôn giả, mong Tôn giả hãy vì lòng từ chờ đợi một lát."

Tôn giả Ānanda im lặng nhận lời.

359. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến bờ sông Aciravatī, sau khi đến, liền ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, dưới một gốc cây. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, cưỡi voi cho đến chỗ nào có thể đi voi được, rồi xuống voi đi bộ đến chỗ Tôn giả Ānanda, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi đứng một bên. Đứng một bên, Vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả, ở đây, mong Tôn giả Ānanda ngồi trên thảm ngựa.

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Bệ-ha-đề kinh* 鞞訶提經 (*T*.01. 0026.214. 0797c07).

– Thôi vừa rồi, Đại vương, Đại vương hãy ngồi. Tôi đã ngồi trên chỗ ngồi của tôi.

Vua Pasenadi nước Kosala ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Thế Tôn không làm các thân hành[2] mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?[3]

– Thưa Đại vương, Thế Tôn không làm các thân hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

– Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Thế Tôn không làm các khẩu hành... (như trên)... không làm các ý hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?

– Thưa Đại vương, Thế Tôn không làm các ý hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Thưa Tôn giả, điều mà tôi không thể nói lên một cách đầy đủ trong một câu hỏi, đã được Tôn giả Ānanda nói lên một cách đầy đủ trong câu trả lời câu hỏi. Thưa Tôn giả, khi người ngu si, thiếu kinh nghiệm, tán thán hay hủy báng những người khác, mà không chứng nghiệm và suy xét, thì chúng tôi không y cứ vào đấy và xem như là lõi cây. Nhưng thưa Tôn giả, khi người có trí, có kinh nghiệm, tán thán hay hủy báng những người khác, có chứng nghiệm và suy xét, thì chúng tôi y cứ vào đấy và xem như là lõi cây.

360. Nhưng thưa Tôn giả Ānanda, thế nào là thân hành mà các vị Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?

– Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì bất thiện.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành bất thiện?

– Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì có tội.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có tội?

– Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì có hại.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có hại?

– Thưa Đại vương, bất cứ thân hành nào có khổ báo.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có khổ báo?

– Thưa Đại vương, phàm thân hành gì đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, từ thân hành ấy, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm. Thưa Đại vương, thân hành như vậy bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

---

[2] Xem *Vin*. II. 248.

[3] *Opārambha*. *MA*. III. 346 viết *upārambhaṃ dosaṃ āropanāraho*, chỉ cho câu chuyện của những kẻ giang hồ giết người trong *Ud*. IV. 8.

– Thưa Tôn giả, thế nào là khẩu hành... (như trên). Thế nào là ý hành bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?

– Thưa Đại vương, bất cứ ý hành gì bất thiện.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành bất thiện?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành gì có tội.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có tội?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành gì có hại.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có hại?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành nào có khổ báo.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có khổ báo?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành gì đưa đến tự hại, đưa đến hại người [khác], đưa đến hại cả hai, từ ý hành ấy, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm. Thưa Đại vương, ý hành như vậy bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

– Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Thế Tôn tán thán sự đoạn trừ tất cả bất thiện pháp?

– Thưa Đại vương, Như Lai đã đoạn trừ tất cả bất thiện pháp và thành tựu các thiện pháp.[4]

361. – Nhưng thưa Tôn giả Ānanda, thế nào là thân hành không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?

– Thưa Đại vương, bất cứ thiện thân hành nào.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thiện thân hành?

– Thưa Đại vương, phàm thân hành nào không có tội.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành không có tội?

– Thưa Đại vương, phàm thân hành nào không có hại.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành không có hại?

– Thưa Đại vương, phàm thân hành nào có lạc báo.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có lạc báo?

– Thưa Đại vương, phàm thân hành nào không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, từ thân hành ấy, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng. Thưa Đại vương, thân hành như vậy không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

– Thưa Tôn giả Ānanda, thế nào là khẩu hành... (như trên). Thế nào là ý hành không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?

---

[4] Xem *D.* III. 135.

– Thưa Đại vương, bất cứ thiện ý hành nào.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thiện ý hành?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành nào không có tội.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành không có tội?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành nào không có hại.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành không có hại?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành nào có lạc báo.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có lạc báo?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành nào không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, từ ý hành ấy, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng. Thưa Đại vương, ý hành như vậy không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

– Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Thế Tôn tán thán sự thành tựu tất cả thiện pháp?

– Thưa Đại vương, Như Lai đã đoạn trừ tất cả bất thiện pháp, và thành tựu các thiện pháp.

362. – Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Thật khéo nói thay việc này, thưa Tôn giả! Do Tôn giả Ānanda mà chúng tôi, thưa Tôn giả, được hoan hỷ và thỏa mãn với những lời khéo nói của Tôn giả Ānanda. Được hoan hỷ và thỏa mãn, thưa Tôn giả, với những lời khéo nói của Tôn giả Ānanda, chúng tôi vui lòng tặng một con voi báu cho Tôn giả Ānanda, nếu Tôn giả Ānanda được phép nhận con voi báu. Chúng tôi vui lòng tặng con ngựa báu cho Tôn giả Ānanda, nếu Tôn giả Ānanda được phép nhận con ngựa báu. Chúng tôi vui lòng tặng một làng ân tứ cho Tôn giả Ānanda, nếu Tôn giả Ānanda được phép nhận một làng ân tứ. Nhưng thưa Tôn giả, chúng tôi được biết như sau: "Việc này Tôn giả Ānanda không được phép." Thưa Tôn giả, có cuộn vải ngoại hóa này,[5] được gắn vào trong một cán dù, do Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha gởi cho tôi, dài mười sáu khuỷu tay, rộng tám khuỷu tay. Thưa Tôn giả, mong Tôn giả Ānanda vì lòng từ bi nạp thọ cho.

– Thôi vừa rồi, Đại vương. Tôi đã đủ ba y.

– Thưa Tôn giả, sau cơn mưa lớn trên sườn núi, cả Tôn giả và tôi đã thấy lúc ấy sông Aciravatī chảy mạnh, tràn qua hai bên bờ như thế nào. Cũng vậy, thưa Tôn giả, Tôn giả Ānanda có thể làm cho mình ba y, từ nơi tấm vải ngoại hóa này; còn ba y cũ, Tôn giả Ānanda có thể đem phân phát cho các đồng Phạm hạnh. Như vậy sự bố thí này của chúng tôi được trôi chảy, như lan tràn qua bờ. Thưa Tôn giả, mong Tôn giả nhận cho tấm vải ngoại hóa này.

---

[5] *Bāhitikā. MA*. II. 362 viết là loại vải được chế tạo ngoài vương quốc Kosala.

Rồi Tôn giả Ānanda nhận lấy tấm vải ngoại hóa. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả Ānanda, nay chúng tôi phải đi. Chúng tôi có nhiều công vụ, có nhiều trách nhiệm phải làm.

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Ānanda dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi ra đi.

363. Tôn giả Ānanda, sau khi Vua Pasenadi nước Kosala ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda tường thuật lên Thế Tôn tất cả cuộc đàm thoại với Vua Pasenadi nước Kosala rồi dâng tấm vải ngoại hóa lên Thế Tôn.

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Thật hạnh phúc thay cho Vua Pasenadi nước Kosala! Thật tốt đẹp thay cho Vua Pasenadi nước Kosala! Vua đã được yết kiến Tôn giả Ānanda và được cúng dường.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

89. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM

(*Dhammacetiya Sutta*)[1]

364. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka (Thích-ca), thị trấn Medaḷumpa của dân chúng Sakka. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Nagaraka có một vài công việc. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala nói với Dīgha Kārāyana:[2]

– Này Kārāyana, hãy sửa soạn các cỗ xe thù thắng, ta muốn đi đến vườn thượng uyển để ngắm phong cảnh.

– Thưa vâng, Đại vương.

Dīgha Kārāyana vâng đáp Vua Pasenadi nước Kosala, cho sửa soạn các cỗ xe thù thắng, rồi thưa với Vua Pasenadi nước Kosala:

– Tâu Đại vương, các cỗ xe thù thắng của Đại vương đã sửa soạn xong, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala leo lên một cỗ xe thù thắng, đi ra khỏi Nagaraka cùng nhiều cỗ xe thù thắng khác, với tất cả uy vệ của vua chúa, và đi đến vườn thượng uyển, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ vào vườn thượng uyển. Trong khi đi qua đi lại trong vườn [thượng uyển], trong khi tản bộ thưởng ngoạn, Vua Pasenadi nước Kosala thấy những gốc cây khả ái, đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng. Thấy vậy, Vua liền nghĩ đến Thế Tôn: "Những gốc cây khả ái, đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng này, chính tại đây, chúng ta đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác."

365. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala nói với Dīgha Kārāyana:

– Này Kārāyana, những gốc cây khả ái... (như trên)... bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này Kārāyana, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác trú tại chỗ nào?

– Tâu Đại vương, có một thị trấn của dân chúng Sakka tên là Medaḷumpa. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đang trú.

---

[1] Xem *A*. V. 65. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Pháp trang nghiêm kinh* 法莊嚴經 (*T*.01. 0026.213. 0795b17). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.10. 0724b28); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘奈耶雜事 (*T*.24. 1451.8. 0237a06).

[2] Cháu trai của Bandhula, vị đại tướng chỉ huy quân binh của dân Malla. Xem *MA*. III. 349.

– Này Kārāyana, Medaḷumpa, thị trấn của dân chúng Sakka, cách xa Nagaraka bao nhiêu?

– Tâu Đại vương, cách không xa, có ba do-tuần (*yojana*), có thể đi đến chỗ ấy trong ngày.

– Vậy này Kārāyana, hãy sửa soạn các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Dīgha Kārāyana vâng đáp Vua Pasenadi nước Kosala, cho sửa soạn các cỗ xe thù thắng, sau khi sửa soạn xong các cỗ xe thù thắng, liền tâu với Vua Pasenadi nước Kosala:

– Tâu Đại vương, các cỗ xe thù thắng đã sửa soạn xong, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala leo lên một cỗ xe thù thắng, và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, từ Nagaraka đi đến Medaḷumpa, thị trấn của dân chúng Sakka, đến tại chỗ, nội trong ngày, rồi đi đến tinh xá. Vua đi xe cho đến chỗ nào có thể đi xe được, rồi xuống xe đi bộ vào tinh xá.

366. Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Vua Pasenadi nước Kosala đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo ấy:

– Chư Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

– Thưa Đại vương, Thế Tôn ở trong ngôi nhà này với các cửa khép kín. Hãy im lặng đến gần, bước vào hành lang nhưng không vượt qua, sau khi đằng hắng, hãy gõ vào khóa cửa. Thế Tôn sẽ mở cửa cho Đại vương.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, ngay tại chỗ ấy, trao kiếm và vành khăn cho Dīgha Kārāyana. Rồi Dīgha Kārāyana tự nghĩ: "Nay Vua muốn đi một mình. Ở đây, ta phải dừng lại." Rồi Vua Pasenadi nước Kosala im lặng đi đến căn nhà đóng cửa, sau khi đến, bước vào hành lang nhưng không vượt qua, đằng hắng và gõ vào khóa cửa. Thế Tôn mở cửa. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala bước vào căn nhà, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, tay xoa rờ xung quanh chân và tự xưng tên:

– Bạch Thế Tôn, con là Vua Pasenadi nước Kosala. Bạch Thế Tôn, con là Vua Pasenadi nước Kosala.

367. – Thưa Đại vương, do thấy nguyên nhân gì, Đại vương lại hạ mình tột bực như vậy đối với thân này và biểu lộ tình thân ái như vậy?

– Bạch Thế Tôn, con có pháp truyền thống[3] (*dhammanvaya*) này đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng,

[3] *Dhammanvaya*. Xem *M*. I. 69. Chữ này có nhiều nghĩa. Ở đây tạm dịch là "pháp truyền thống."

chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập hành trì." Ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn hành trì Phạm hạnh có giới hạn trong mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm. Những vị này, sau một thời gian, khéo tắm, khéo phấn sáp, với râu tóc khéo chải chuốt, sống thụ hưởng một cách sung mãn, đầy đủ năm dục trưởng dưỡng. Ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo sống hành trì Phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh cho đến trọn đời, cho đến hơi thở cuối cùng. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra có một Phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư Tăng đệ tử Thế Tôn khéo tu tập hành trì."

368. Lại nữa, bạch Thế Tôn, vua chúa cãi lộn với vua chúa, Sát-đế-ly cãi lộn với Sát-đế-ly, Bà-la-môn cãi lộn với Bà-la-môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, anh em cãi lộn với chị em, chị em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè. Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo sống với nhau thuận hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra, có một Phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì."

369. Lại nữa, bạch Thế Tôn, con đi du hành tản bộ từ công viên này đến công viên khác, từ cung uyển này đến cung uyển khác. Ở đấy, con thấy một số Sa-môn, Bà-la-môn gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật sự các bậc Tôn giả này sống Phạm hạnh không được hoan hỷ hay có những ác nghiệp được giấu kín. Do vậy, các vị Tôn giả này mới gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn." Con đi đến các vị ấy và nói:

– Vì sao chư Tôn giả lại gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn?

Các vị ấy trả lời như sau:

– Tâu Đại vương, chúng tôi bị bệnh gia truyền.

– Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào [sự hỷ cúng] của người khác,[4] với tâm tư như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật sự các bậc Tôn giả này ý thức được một sự tối thắng thù diệu trong giáo pháp Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự[5] nên các bậc Tôn giả này hân hoan,

[4] *Paradattavutta*. Xem *BD*. V. 259.

[5] *Pubbenāparaṃ visesaṃ*: Thiền định trên đề mục, ngang qua tuệ quán chứng quả A-la-hán. Xem *MA*. III. 353.

phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào [sự hỷ cúng] của người khác, với tâm tư như con thú rừng." Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì."

370. Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là một vị Vua Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh, có thể hành quyết những ai đáng bị hành quyết, gia phạt những ai đáng bị gia phạt, trục xuất những ai đáng bị trục xuất. Nhưng bạch Thế Tôn, khi con ngồi xử kiện, có người đôi khi nói ngắt lời của con. Và con không có dịp để nói: "Này quý vị, chớ có ngắt lời nói của ta, khi ta đang ngồi xử kiện. Quý vị hãy chờ cho đến khi ta nói xong." Bạch Thế Tôn, thế mà có người vẫn ngắt lời nói của con. Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, trong khi ấy không có một tiếng nhảy mũi hay tiếng ho khởi lên. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, có người đệ tử Thế Tôn ho lên. Một đồng Phạm hạnh khẽ đập vào đầu gối và nói: "Tôn giả hãy im lặng, Tôn giả chớ có làm ồn. Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đang thuyết pháp." Bạch Thế Tôn, con khởi lên ý nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Thính chúng này thật khéo được huấn luyện, không gậy, không kiếm. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đồ chúng này có một đồ chúng nào khác được khéo huấn luyện như đồ chúng này. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì."

371. Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy ở đây một số Sát-đế-ly[6] bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc. Những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama sẽ đến thăm ngôi làng này hay thị trấn này." Họ sắp đặt câu hỏi: "Chúng ta sau khi đến sẽ hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế này, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế kia, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế kia." Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama đã đến thăm ngôi làng hay thị trấn này." Những vị này đến chỗ Sa-môn Gotama ở. Sa-môn Gotama với pháp thoại khai thị cho các vị này, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Được Sa-môn Gotama, với pháp thoại khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, họ không hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi [đã định trước], huống nữa là chất vấn. Trái lại, họ trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Bạch Thế Tôn, như vậy là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì."

372. Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy ở đây một số Bà-la-môn bác học... gia

---

[6] Xem *M.* I. 176.

chủ bác học... Sa-môn bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến... (như trên)... họ không hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi [đã định trước], huống nữa là chất vấn. Trái lại, họ xin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn cho họ được xuất gia. Được xuất gia như vậy, một số vị ấy sống một mình, không phóng dật, nỗ lực, tinh cần và không bao lâu sau, tự chứng với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích tối thượng của Phạm hạnh mà những thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Họ nói như sau: "Thật sự chúng ta gần hoại vong. Thật sự chúng ta gần hoại diệt. Xưa kia chúng ta không phải Sa-môn lại tự xem là Sa-môn, không phải Bà-la-môn lại tự xem là Bà-la-môn, không phải bậc A-la-hán lại tự xem là bậc A-la-hán. Nay chúng ta mới thật là Sa-môn. Nay chúng ta mới thật là Bà-la-môn. Nay chúng ta mới thật là A-la-hán." Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì."

373. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Isidatta và Purāṇa là hai quan giữ ngựa,[7] ăn cơm của con, đi xe của con, sinh sống do con cho, và chính con đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình đối với con như họ hạ mình đối với Thế Tôn. Thuở xưa, bạch Thế Tôn, trong khi hành quân chống với đội quân [đối nghịch], và muốn thử thách Isidatta và Purāṇā, hai quan giữ ngựa, con đến ở tại một căn nhà chật hẹp. Rồi bạch Thế Tôn, hai quan giữ ngựa, Isidatta và Purāṇa, sau khi cùng nhau đàm luận về chánh pháp hơn nửa đêm, rồi nằm xuống ngủ, với đầu của họ hướng về phía mà họ được nghe là chỗ Thế Tôn ở và với chân hướng về chỗ con. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Hai quan giữ ngựa Isidatta và Purāṇa này ăn cơm của ta, đi xe của ta, sinh sống do ta cho, và chính ta đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình đối với ta như họ hạ mình đối với Thế Tôn. Thật sự những vị này ý thức được một sự tối thắng thù diệu trong giáo pháp Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự." Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì."

374. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuộc dòng Sát-đế-lỵ, con cũng thuộc dòng Sát-đế-lỵ. Thế Tôn là người nước Kosala, con cũng thuộc người nước Kosala. Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi. Vì Thế Tôn thuộc dòng Sát-đế-lỵ và con cũng thuộc dòng Sát-đế-lỵ; vì Thế Tôn là người nước Kosala, con cũng thuộc người Kosala; vì Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi; nên con sẵn sàng hạ mình tột bực đối với Thế Tôn, và biểu lộ tình thân ái. Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm.

[7] *Thapatayo* có nhiều nghĩa. Xem *KS.* V. 303.

– Thưa Đại vương, Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Khi Vua Pasenadi nước Kosala ra đi không bao lâu, Thế Tôn cho gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, đấy là Vua Pasenadi nước Kosala. Sau khi nói lên những pháp trang nghiêm, Vua đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Này các Tỷ-kheo, hãy học các pháp trang nghiêm! Hãy thấu triệt các pháp trang nghiêm! Này các Tỷ-kheo, hãy thọ trì các pháp trang nghiêm! Này các Tỷ-kheo, các pháp trang nghiêm này liên hệ đến mục tiêu, là căn bản của Phạm hạnh.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

90. KINH KAṆṆAKATTHALA

(*Kaṇṇakatthala Sutta*)[1]

375. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Ujuññā, gần Lộc Uyển ở Kaṇṇakatthala. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Ujuññā có công việc. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala bảo một người:

– Đến đây, này người kia, hãy đi đến Thế Tôn! Sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, Vua Pasenadi nước Kosala cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không?" Và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, hôm nay Vua Pasenadi nước Kosala, sau buổi ăn sáng, sẽ đến yết kiến Thế Tôn."

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp Vua Pasenadi nước Kosala, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Vua Pasenadi nước Kosala cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, hôm nay Vua Pasenadi nước Kosala, sau buổi ăn sáng, sẽ đến yết kiến Thế Tôn."

Hai chị em Somā và Sakulā[2] được nghe: "Hôm nay Vua Pasenadi nước Kosala sau buổi ăn sáng, sẽ đến yết kiến Thế Tôn." Rồi hai chị em Somā và Sakulā đi đến Vua Pasenadi nước Kosala tại phòng ăn, và thưa như sau:

– Tâu Đại vương, hãy nhân danh chúng thiếp cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa giúp: "Bạch Thế Tôn, chị em Somā và Sakulā cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không?"

376. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala sau buổi ăn sáng đi đến Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Nhứt thiết trí kinh* 一切智經 (*T*.01. 0026.212. 0792c13).

[2] *MA*. III. 356 nói hai chị em đều làm vợ của Vua Pasenadi.

– Bạch Thế Tôn, hai chị em Somā và Sakulā cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không?

– Thưa Đại vương, vì sao hai chị em Somā và Sakulā lại không thể nhờ một vị đưa tin khác?

– Bạch Thế Tôn, hai chị em Somā và Sakulā có nghe: "Hôm nay Vua Pasenadi nước Kosala sau buổi ăn sáng, sẽ yết kiến Thế Tôn." Rồi hai chị em Somā và Sakulā đi đến con tại phòng ăn và thưa như sau: "Tâu Đại vương, hãy nhân danh chúng thiếp cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa: 'Bạch Thế Tôn, hai chị Somā và Sakulā cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm [Thế Tôn] có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không?'"

– Thưa Đại vương, mong rằng hai chị em Somā và Sakulā được hạnh phúc!

377. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có nghe như sau: "Sa-môn Gotama có nói: 'Không có một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào toàn tri, toàn kiến, có thể tự cho là chứng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra.'" Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama có nói: 'Không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào toàn tri, toàn kiến có thể cho là chứng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra.'" Bạch Thế Tôn, có phải những vị ấy nói lời Thế Tôn nói, họ không xuyên tạc Thế Tôn không đúng như thật, họ giải thích pháp đúng pháp và những ai nói hợp pháp, đúng pháp sẽ không có cơ hội để chỉ trích hay không?[3]

– Thưa Đại vương, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama có nói: 'Không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào toàn tri, toàn kiến, có thể cho là chứng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra'", những vị nói như vậy không nói đúng lời Ta nói, và họ xuyên tạc Ta một cách hư ngụy, không đúng sự thật.

378. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala nói với Tướng quân Viḍūḍabha:

– Này Tướng quân, ai đã đem vấn đề này vào trong nội cung?

– Tâu Đại vương, Bà-la-môn Sañjaya, thuộc dòng họ Ākāsa.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala cho gọi một người:

– Đến đây, này người kia, hãy nhân danh ta, bảo với Bà-la-môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa: "Thưa Tôn giả, Vua Pasenadi nước Kosala cho gọi Tôn giả."

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp Vua Pasenadi nước Kosala, đi đến Bà-la-môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa, sau khi đến, liền thưa với Bà-la-môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa: "Thưa Tôn giả, Vua Pasenadi nước Kosala cho gọi Tôn giả."

---

[3] Xem *M.* I. 368; II. 77, 222, 243.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, rất có thể những điều Thế Tôn nói về một vấn đề khác, được người ta gán vào một vấn đề khác. Bạch Thế Tôn, liên hệ vấn đề gì Thế Tôn tự xem là nói những lời nói ấy?

– Thưa Đại vương, Ta tự xem là đã nói những lời như sau: "Không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể trong một lúc[4] biết hoàn toàn và thấy hoàn toàn, không thể có sự tình như vậy."

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên (*heturūpaṃ*). Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên và nói như sau: "Không có một Sa-môn nào hay Bà-la-môn nào có thể trong một lúc biết hoàn toàn và thấy hoàn toàn, không thể có sự tình như vậy." Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ-xá (Vessa) và Thủ-đà (Sudda). Bạch Thế Tôn, giữa bốn giai cấp này, có những khác biệt nào, sai biệt nào?

– Thưa Đại vương, có bốn giai cấp này: Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà. Thưa Đại vương, giữa bốn giai cấp này, hai giai cấp Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn được xem là tối thượng về xưng hô; hai giai cấp kia từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay và giúp đỡ họ các công việc.

– Bạch Thế Tôn, con không hỏi về hiện tại. Bạch Thế Tôn, con hỏi về tương lai. Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà. Bạch Thế Tôn, trong bốn giai cấp này, có những khác biệt nào, sai biệt nào?

379. – Thưa Đại vương, có năm tinh cần chi này.[5] Thế nào là năm? Ở đây, thưa Đại vương, Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ít bệnh, ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn. Vị ấy không gian trá, không xảo trá, nêu rõ tự mình như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các đồng Phạm hạnh. Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, với sự thể nhập của các bậc Thánh, đưa đến chơn chánh đoạn diệt các khổ đau." Thưa Đại vương, có bốn giai cấp này: Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà. Và nếu các giai cấp này thành tựu năm tinh cần chi này, như vậy sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ.

– Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà. Nếu những vị này thành tựu năm tinh cần chi này, bạch Thế Tôn, ở đây có sự khác biệt gì, có sự sai biệt gì?

---

[4] *Sakideva*. *MA*. III. 357 viết rằng người có một hướng tâm, một tưởng, một nhận thức có thể biết và thấy toàn thể quá khứ, vị lai và hiện tại.

[5] Như *M*. II. 95.

– Thưa Đại vương, ở đây, Ta nói đến sự sai biệt trong tinh cần. Ví như, thưa Đại vương, giữa những con voi đáng được điều phục, hay những con ngựa đáng được điều phục, hay những con bò đáng được điều phục, có hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện; và có hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, có phải chúng được điều phục, đạt được khả năng điều phục (*dantakāraṇaṃ*), chúng được điều phục, đạt được vị trí điều phục (*dantabhūmiṃ*)?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Còn hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò không được khéo điều phục kia, không được khéo huấn luyện kia, không được điều phục mà chúng đạt được khả năng điều phục, không được điều phục mà chúng đạt được vị trí điều phục như hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò được khéo điều phục kia, được khéo huấn luyện kia?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, những gì đạt được do lòng tin, do ít bệnh tật, do không gian trá, không dối trá, do tinh cần tinh tấn, do trí tuệ; cũng sẽ do bất tín, do nhiều bệnh tật, do xảo trá, do dối trá đạt được, sự tình như vậy không thể xảy ra.

380. – Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên, Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà. Và nếu các vị này thành tựu năm tinh cần chi này, nếu họ chơn chánh tinh cần, thì bạch Thế Tôn, có thể có sự khác biệt nào, có thể có sự sai biệt nào giữa các vị này không?

– Thưa Đại vương, Ta nói không có sự khác biệt gì về phương diện giải thoát đối với giải thoát. Ví như, thưa Đại vương, một người đem củi khô từ cây Sa-la lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Và một người khác đem củi khô từ cây Sāka[6] lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Rồi có một người khác đem củi khô từ cây xoài lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Rồi có một người khác đem củi khô từ cây Udumbara lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Vì rằng các loại củi dùng để nhen lửa sai khác, vậy có những sai khác gì, giữa ngọn lửa với ngọn lửa, giữa màu sắc với màu sắc, giữa ánh sáng với ánh sáng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, với sức nóng do tinh tấn tạo nên, do tinh cần nhen nhúm lên, ở đây, Ta nói không có một sự sai biệt gì về giải thoát đối với giải thoát.

---

[6] *Sāka* một loại gỗ như gỗ Teak. Xem *M.* II. 152, 183.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên, Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn, nhưng có chư thiên không?

– Thưa Đại vương, sao Đại vương có thể nói: "Bạch Thế Tôn, nhưng có chư thiên không?"

– Bạch Thế Tôn, không biết chư thiên ấy có sanh lại tại đây không (*itthatta*) hay không sanh lại tại đây?

– Thưa Đại vương, chư thiên nào có não hại tâm, sanh lại tại đây; chư thiên nào không có não hại tâm, không sanh lại tại đây.

381. Khi được nghe nói vậy, Tướng quân Viḍūḍabha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chư thiên có não hại tâm, sanh lại tại đây có thể đánh đuổi hay tẩn xuất chư thiên không có não hại tâm, không sanh lại tại đây không?

Tôn giả Ānanda khởi lên ý nghĩ như sau: "Tướng quân Viḍūḍabha này là con Vua Pasenadi nước Kosala, ta là con Thế Tôn. Nay đã đến thời người con nói chuyện với người con." Rồi Tôn giả Ānanda nói với Tướng quân Viḍūḍabha:

– Này Tướng quân, nay ở đây, tôi sẽ hỏi lại Tướng quân vấn đề này. Nếu có thể được, Tướng quân hãy trả lời. Này Tướng quân, Tướng quân nghĩ thế nào? Xa rộng cho đến lãnh thổ của Vua Pasenadi nước Kosala, và tại chỗ của Vua Pasenadi nước Kosala ngự trị, trị vì; tại chỗ ấy, Vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay tẩn xuất vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống Phạm hạnh hay không sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy không?

– Thưa Tôn giả, xa rộng cho đến lãnh thổ của Vua Pasenadi nước Kosala và chỗ nào Vua Pasenadi nước Kosala ngự trị, trị vì; tại chỗ ấy, Vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay tẩn xuất vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống Phạm hạnh hay không sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy.

– Thưa Tướng quân, Tướng quân nghĩ thế nào? Xa rộng ra ngoài lãnh thổ của Vua Pasenadi nước Kosala, và tại chỗ của Vua Pasenadi nước Kosala không ngự trị, không trị vì; tại chỗ ấy, Vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống Phạm hạnh hay không sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy không?

– Thưa Tôn giả, xa rộng ra ngoài lãnh thổ của Vua Pasenadi nước Kosala, và tại chỗ của Vua Pasenadi nước Kosala không ngự trị, không trị vì; tại chỗ ấy, Vua Pasenadi nước Kosala không thể đánh đuổi... (như trên)... ra khỏi chỗ ấy.

– Thưa Tướng quân, Tướng quân có nghe nói đến chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba không?

– Thưa vâng, Tôn giả. Chúng tôi có nghe nói đến chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Và ở đây, Vua Pasenadi nước Kosala cũng nghe có nói đến chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba.

– Này Tướng quân, ông nghĩ thế nào? Vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay tẩn xuất chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba ra khỏi chỗ ấy được không?

– Thưa Tôn giả, Vua Pasenadi nước Kosala không thể thấy chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba, làm sao Vua lại có thể đánh đuổi hay tẩn xuất chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba ra khỏi chỗ ấy?

– Cũng vậy, này Tướng quân, những chư thiên có não hại tâm, sanh lại tại đây, không thể thấy được chư thiên không có não hại tâm, không sanh lại tại đây, làm sao lại có thể đánh đuổi hay tẩn xuất chư thiên không có não hại tâm, không sanh lại tại đây ra khỏi chỗ ấy được?

382. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy tên gọi là gì?

– Thưa Đại vương, tên là Ānanda.

– Thật hân hoan thay! Thật hoan hỷ thay![7] Tôn giả Ānanda thuyết có nhân duyên, Ānanda thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn, có Phạm thiên không?

– Thưa Đại vương, sao Đại vương có thể nói như vậy: "Bạch Thế Tôn, có Phạm thiên không?"

– Bạch Thế Tôn, Phạm thiên có sanh lại tại đây hay không sanh lại tại đây?

– Thưa Đại vương, nếu Phạm thiên có não hại tâm thì Phạm thiên ấy có sanh lại tại đây; nếu không có não hại tâm thời Phạm thiên ấy không sanh lại tại đây.

Rồi một người khác tâu với Vua Pasenadi nước Kosala:

– Tâu Đại vương, Bà-la-môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa đã đến.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala nói với Bà-la-môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa:

– Này Bà-la-môn, ai phổ biến câu chuyện này trong nội cung?

– Tâu Đại vương, Tướng quân Viḍūḍabha.

Tướng quân Viḍūḍabha lại nói:

– Tâu Đại vương, chính Bà-la-môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa.

Rồi có một người tâu với Vua Pasenadi nước Kosala:

– Tâu Đại vương, nay đã đến thời dùng xe.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con đã hỏi Thế Tôn về Nhứt thiết trí, Thế Tôn đã trả lời về Nhứt thiết trí. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng

---

[7] *Ānando vata, bho, ānandarūpo vata, bho*!

con chấp nhận, nên chúng con hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chúng con đã hỏi Thế Tôn về sự thanh tịnh của bốn giai cấp, Thế Tôn đã trả lời cho chúng con về sự thanh tịnh của bốn giai cấp. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận, nên chúng con hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chúng con hỏi Thế Tôn về chư thiên và Thế Tôn đã trả lời về chư thiên. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên chúng con hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chúng con hỏi Thế Tôn về Phạm thiên và Thế Tôn đã trả lời về Phạm thiên. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận, nên làm chúng con hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, và những điều gì chúng con hỏi Thế Tôn, vấn đề ấy Thế Tôn đã trả lời, và câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên chúng con hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi. Chúng con có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

91. KINH BRAHMĀYU

(*Brahmāyu Sutta*)[1]

383. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Brahmāyu trú tại Mithilā (Di-tát-la) già yếu, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị đọc tụng Thánh điển,[2] chấp trì chú thuật; tinh thông ba tập Veda[3] với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân.[4] Bà-la-môn Brahmāyu có nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sākya (Thích-ca), đang du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: 'Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, Ngài tuyên dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. Tốt đẹp thay sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!'"

384. Lúc bấy giờ, đệ tử của Bà-la-môn Brahmāyu là thanh niên Uttara... một vị tinh thông ba tập Veda... (như trên)... và Đại nhân tướng. Rồi Bà-la-môn Brahmāyu bảo thanh niên Uttara:

– Này Uttara thân mến, Sa-môn Gotama này là Thích tử... Chánh Đẳng Giác... (như trên). Thật tốt đẹp thay được yết kiến một vị A-la-hán như vậy. Uttara thân mến, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy tìm hiểu Sa-môn

---

[1] Xem *D.* II. 220; *M.* II. 196; *S.* I. 356, 375; *A.* I. 163; *Dh.* 108; *It.* 98; *Sn.* 115; *Thīg.* 63. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phạm-ma kinh* 梵摩經 (*T.*01. 0026.161. 0685a05). Tham chiếu: *Phạm-ma dụ kinh* 梵摩渝經 (*T.*01. 0076. 0883b07); *Pháp cú kinh, Phạm chí phẩm* 法句經梵志品 (*T.*04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh, Phạm chí phẩm* 出曜經梵志品 (*T.*04. 0212.34. 0798a01); *Pháp tập yếu tụng kinh, Phạm chí phẩm* 法集要頌經梵志品 (*T.*04. 0213.33. 0798a01).

[2] Như các đoạn *M.* II. 210; *D.* I. 88.

[3] Ba tập Veda: *Rig*, *Yajur* và *Sāman*.

[4] Xem *D.* 3, *Ambaṭṭha Sutta* (*Kinh Ambaṭṭha*), *D.* I. 87; *D.* 14, *Mahāpadāna Sutta* (*Kinh Mahāpadāna*), *D.* II. 1; *D.* 30, *Lakkhaṇa Sutta* (*Kinh Lakkhaṇa*), *D.* III. 142; *Mahāpurisa Sutta* (*Kinh Đại nhân*), *S.* V. 158; *Vassakāra Sutta* (*Kinh Vassakāra*), *A.* II. 36.

Gotama, có phải là Tôn giả Gotama như tiếng đã đồn, hay là không phải, hay là Tôn giả Gotama như thế này, hay là không phải như thế này; chính nhờ ông mà chúng ta sẽ biết về Tôn giả Gotama. Ta cũng vậy, tùy theo điều ông nói, ta sẽ biết Tôn giả Gotama có phải là Tôn giả Gotama như tiếng đã đồn, hay là không phải, hay là Tôn giả Gotama như thế này, hay là không phải như thế này. Này Uttara thân mến, theo Thánh điển[5] của chúng ta được truyền lại (*āgatāni*) về ba mươi hai Đại nhân tướng, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu là tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương[6] chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với chánh pháp, không dùng gậy, không dùng đao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán Chánh Đẳng Giác, quét sạch mê lầm ở đời.[7] Này Uttara thân mến, ta đã cho con chú thuật,[8] con đã nhận những chú thuật ấy.

385. – Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Uttara vâng đáp Bà-la-môn Brahmāyu, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Bà-la-môn Brahmāyu, giữ thân hướng về phía hữu, rồi ra đi, du hành đến Thế Tôn ở Videha, tuần tự du hành đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Uttara tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn. Thanh niên Uttara thấy trên thân Thế Tôn phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Rồi Thế Tôn nghĩ rằng: "Thanh niên Uttara này thấy ở nơi Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài." Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Uttara thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn, và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vùng trán.

Rồi thanh niên Uttara suy nghĩ: "Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai Đại nhân tướng. Vậy ta hãy theo sát Sa-môn Gotama để dò xem các uy nghi [của Ngài]." Rồi thanh niên Uttara trong bảy tháng theo sát Thế Tôn như bóng không bao giờ rời hình.

---

[5] *Mantā*. *MA*. III. 364 giải thích ngang qua bộ Veda, có nghĩa là những lời nguyện cầu (của nhiều tầng lớp thi sĩ, tu sĩ và chiến sĩ), cũng có nghĩa là chú thuật (đối với số đông quần chúng).

[6] *MA*. III. 365 viết rằng vị vua này làm thế giới hoan hỷ với 4 sự hộ trì. Xem *D*. III. 232; *A*. II. 32.

[7] *MA*. III. 367 nêu rõ 3 chứng đạt này nối tiếp nhau. *Vivattacchada* là vị kéo tấm màn lên, chỉ cho sự loại bỏ 7 phiền não: Tham, sân, si, mạn, tà kiến, vô minh và ác tác.

[8] *Mantānaṃ dātā*; *tvaṃ mantānaṃ paṭiggahetā*, như *D*. I. 89.

386. Rồi thanh niên Uttara, sau bảy tháng, khởi hành đi đến Mithilā ở Videha, tuần tự du hành đến Mithilā, rồi đi đến Bà-la-môn Brahmāyu, sau khi đến, đảnh lễ Bà-la-môn Brahmāyu rồi ngồi xuống một bên. Bà-la-môn Brahmāyu nói với thanh niên Uttara đang ngồi một bên:

– Này Uttara thân mến, có phải tiếng đồn về Tôn giả Gotama là đúng như vậy, không phải khác, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, không phải khác?

– Tiếng đồn về Tôn giả Gotama là đúng như vậy, không phải khác, Tôn giả Gotama là như vậy, không phải khác. Và Tôn giả Gotama ấy có đầy đủ ba mươi hai Đại nhân tướng.[9] Tôn giả Gotama có lòng bàn chân bằng phẳng. Đây là Đại nhân tướng của đại nhân Tôn giả Gotama. Dưới hai bàn chân Tôn giả Gotama, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn căm xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ. Tôn giả Gotama có gót chân thon dài. Tôn giả Gotama có ngón tay, ngón chân dài. Tôn giả Gotama có tay chân mềm mại. Tôn giả Gotama tay chân có màng da lưới. Tôn giả Gotama có mắt cá tròn như con sò. Tôn giả Gotama có ống chân như con dê rừng. Tôn giả Gotama đứng thẳng, không cong lưng xuống vẫn có thể rờ đầu gối với hai bàn tay. Tôn giả Gotama có tướng mã âm tàng. Tôn giả Gotama có màu da như đồng, màu sắc như vàng. Tôn giả Gotama có da trơn mướt khiến bụi không thể bám dính vào. Tôn giả Gotama có lông da mọc từng lỗ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông. Tôn giả Gotama có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt. Tôn giả Gotama có thân hình cao thẳng. Tôn giả Gotama có bảy chỗ tròn đầy. Tôn giả Gotama có nửa thân trước như thân con sư tử. Tôn giả Gotama không có lõm khuyết xuống giữa hai vai. Tôn giả Gotama có thân thể cân đối như cây bàng: Bề cao thân ngang bằng bề dài hai tay sải rộng, bề dài hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân. Tôn giả Gotama có bán thân trên vuông tròn. Tôn giả Gotama có vị giác hết sức sắc bén. Tôn giả Gotama có quai hàm như con sư tử. Tôn giả Gotama có bốn mươi răng. Tôn giả Gotama có răng đều đặn. Tôn giả Gotama có răng không khuyết hở. Tôn giả Gotama có răng cửa trơn láng. Tôn giả Gotama có tướng lưỡi rộng dài. Tôn giả Gotama có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim Ca-lăng-tần-già (Karavika). Tôn giả Gotama có hai mắt màu xanh đậm. Tôn giả Gotama có lông mi con bò cái. Tôn giả Gotama, giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên mịn màng như bông nhẹ. Tôn giả Gotama có nhục kế trên đầu. Đây là Đại nhân tướng của Đại nhân Tôn giả Gotama.

387. Khi Tôn giả Gotama đi, Ngài bước chân mặt trước, không đặt chân xuống quá xa, không rút chân lên quá gần, không bước quá mau, không bước quá chậm, khi đi đầu gối không va chạm đầu gối, khi đi mắt cá không va chạm mắt cá; Ngài đi không co bắp vế lên, không duỗi bắp vế xuống, không đưa

[9] Về 32 Đại nhân tướng, xem *DB*. II. 13ff.

bắp vế vào trong, không đưa bắp vế ra ngoài.[10] Khi đi, Tôn giả Gotama chỉ di động phần thân ở dưới, và không đi dùng toàn thân lực. Khi ngó quanh, Tôn giả Gotama ngó quanh với toàn thân. Khi đi, không có ngưỡng mặt lên, không có cúi mặt xuống, không có ngó quanh,[11] và chỉ ngó xuống khoảng một tầm.[12] Xa hơn, tri kiến được mở rộng.[13] Khi đi vào nhà, [Tôn giả Gotama] không ngửa thân về phía sau, không cúi thân về phía trước, không đưa thân về phía trong, không đưa thân về phía ngoài; Ngài quay lưng không quá xa ghế ngồi, không quá gần ghế ngồi; ngồi trên ghế, không nắm chặt thành ghế, không gieo thân ngồi xuống ghế. Khi ngồi trong nhà, Ngài không rung tay,[14] không rung chân,[15] không ngồi tréo đầu gối với nhau, tréo mắt cá với nhau, không ngồi tay chống cằm; khi ngồi trong nhà, không có sợ hãi, không có run rẩy, không có dao động, không có hoảng hốt. Như vậy Tôn giả Gotama ngồi, không sợ hãi, không run sợ, không dao động, không hoảng hốt, lông tóc không dựng ngược, thiền tịnh độc cư. Khi nhận nước để rửa bát, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận nước không quá ít, không quá nhiều. Ngài rửa bát, không sanh tiếng động, rửa bát không xoay tròn bình bát, không đặt bình bát xuống đất rồi rửa tay. Khi hai tay rửa xong, bát cũng rửa xong; khi bát rửa xong, tay cũng rửa xong. Ngài đổ nước bình bát không quá xa, không quá gần, và không vẩy nước cùng khắp. Khi Ngài nhận cơm, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận cơm không quá ít, không quá nhiều. Ngài ăn đồ ăn vừa phải[16] [với cơm], không có bỏ miếng cơm chỉ lựa miếng thức ăn. Tôn giả Gotama đưa miếng cơm quanh miệng hai ba lần rồi mới nuốt, không hột cơm nào được vào trong thân không bị nghiền nát, và không một hột cơm nào còn lại trong miệng trước khi ăn miếng cơm khác. Tôn giả Gotama không thưởng thức vị ăn khi ăn đồ ăn, không thưởng thức lòng tham vị. Tôn giả Gotama ăn đồ ăn có đầy đủ tám đức tánh:[17] Không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để [thân này] khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, Ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và Ta sẽ không lỗi

---

[10] Những danh từ *unnāmeti, oṇāmeti, sannāmeti, vināmeti* được viết nhiều lần trong kinh này. Có thể dịch là chúc lên, chúc xuống, đưa về, đưa ra. Xem *Miln*. 117.

[11] *MA*. III. 388 giải thích là vị này đi không nhìn từ bên này sang bên kia, như thể không nhìn thấy những con voi, con ngựa.

[12] *Yugamatta*: Bề dài một cái cày. *MA*. III. 388 viết vị ấy nhìn tầm mắt giới hạn 9 *vidatthi* (1 gang) phía trước, khi vị ấy đi.

[13] *Anāvaṭa*: Ở đây có nghĩa là không che khuất, không bị ngăn chặn vì vị này chứng được Nhứt thiết trí.

[14] Vị ấy không xoay tròn bình bát, không làm đổ một giọt nước ra ngoài, không phá rách phất trần.

[15] Vị ấy không nghiền chân trên đất.

[16] Ba phần cơm với 1 phần đồ ăn.

[17] Xem *MA*. III. 392 và *Vism*. 31.

lầm, sống được an ổn."[18] Ngài ăn xong, lấy nước rửa bát, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận nước không quá ít, không quá nhiều. Ngài rửa bát không sanh tiếng động, rửa bát không xoay tròn bình bát, không có đặt bình bát xuống đất rồi rửa tay. Khi hai tay rửa xong, bình bát cũng rửa xong; khi bình bát rửa xong, hai tay cũng rửa xong. Ngài đổ nước bình bát, không quá xa, không quá gần, không vẩy nước cùng khắp. Khi ăn xong, Ngài đặt bình bát xuống đất, không quá xa, không quá gần, không phải không nghĩ đến bình bát, cũng không quá lo cho bình bát. Khi ăn xong, Ngài ngồi im lặng một lát nhưng không để quá thì giờ nói lời tùy hỷ [công đức]. Ngài nói lời tùy hỷ [công đức], không chỉ trích bữa ăn ấy, không mong bữa ăn khác; trái lại, Ngài với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Ngài sau khi với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Ngài đi không quá mau, không quá chậm; Ngài đi không phải [như muốn] lánh xa hội chúng ấy. Tôn giả Gotama đắp y không kéo lên quá cao trên thân, không kéo xuống quá thấp,[19] không dính sát vào thân,[20] không có lơi ra khỏi thân, gió thổi không thoát y khỏi thân Tôn giả Gotama; bụi nhớp không dính trên thân Tôn giả Gotama. Đi đến tu viện, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn, sau khi ngồi liền rửa chân, và Tôn giả Gotama không sống chú tâm vào công việc làm đẹp hai chân. Ngài ngồi kiết-già, lưng thẳng, và đặt niệm trước mặt. Ngài không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai.[21] Tôn giả Gotama ngồi, tâm hướng đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thế giới. Đi đến tu viện, Ngài thuyết pháp cho hội chúng, không tán dương hội chúng ấy, không chỉ trích hội chúng ấy; trái lại, với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Tiếng nói thoát ra từ miệng Tôn giả Gotama có tám đức tánh:[22] Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn,[23] phân minh, thâm sâu và vang động. Khi Tôn giả Gotama giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi hội chúng. Hội chúng sau khi được Tôn giả Gotama khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho thích thú, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi vẫn quay nhìn lại, không muốn rời bỏ. Chúng con thấy Tôn giả Gotama đi. Chúng con thấy [Tôn giả] đứng. Chúng con thấy [Tôn giả] ngồi im lặng trong nhà. Chúng con thấy [Tôn giả] ăn trong nhà. Chúng con thấy [Tôn giả] sau khi ăn xong, ngồi im lặng. Chúng con thấy [Tôn giả] sau khi ăn xong, nói lời tùy hỷ [công đức]. Chúng con thấy [Tôn giả] đi trở về tu viện. Chúng con

---

[18] Như *M*. I. 355 và II. 10.

[19] Không cao quá cằm hay không thấp đến mức ngang mắt cá chân. Xem *MA*. III. 393.

[20] Vì vị ấy không đổ mồ hôi như những vị khác.

[21] Như *M*. I. 414; III. 23; *S*. IV. 339; *A*. I. 157.

[22] Xem *D*. II. 211, 227.

[23] *Bindu*. *MA*. III. 394 viết *Sampiṇḍita*, nghĩa là dính liền lại, hợp lại.

thấy [Tôn giả] đi đến tu viện ngồi im lặng. Chúng con thấy [Tôn giả] đi đến tu viện thuyết pháp cho hội chúng. Như vậy, và như vậy là Tôn giả Gotama ấy, và lại còn nhiều hơn như vậy nữa.

388. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Brahmāyu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn, và ba lần nói lời cảm hứng sau đây:

Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác!

Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác!

Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác!

Có thể tại một chỗ nào, thời gian nào, chúng tôi sẽ đi đến gặp Tôn giả Gotama ấy. Có lẽ sẽ có một cuộc nói chuyện.

389. Rồi Thế Tôn tuần tự du hành ở Videha và đi đến Mithilā. Ở đấy, Thế Tôn trú tại rừng xoài Makhādeva ở Mithilā. Các Bà-la-môn, gia chủ ở Mithilā nghe nói: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đang du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị đã đến Mithilā và hiện trú ở rừng xoài Makhādeva, tại Mithilā. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: '... (như trên)... được yết kiến một vị A-la-hán như vậy!'" Rồi các Bà-la-môn, gia chủ ở Mithilā đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, một số đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; một số chắp tay hướng vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số xưng danh họ rồi ngồi xuống một bên; một số im lặng rồi ngồi xuống một bên.

390. Bà-la-môn Brahmāyu nghe như sau: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đã đến Mithilā và trú ở Mithilā tại rừng xoài Makhādeva." Rồi Bà-la-môn Brahmāyu đi đến rừng xoài Makhādeva cùng với một số đông thanh niên Bà-la-môn. Khi đến không xa rừng xoài bao nhiêu, Bà-la-môn Brahmāyu khởi lên ý nghĩ: "Thật không thích đáng cho ta đến yết kiến Sa-môn Gotama mà không báo trước." Rồi Bà-la-môn Brahmāyu bảo một người thanh niên:

– Này thanh niên, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy nhân danh ta hỏi thăm Sa-môn Gotama có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú và thưa: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmāyu hỏi thăm Tôn giả Gotama có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không? Và thưa như sau: 'Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmāyu già yếu, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật; tinh thông ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận và tướng của vị Đại nhân. Thưa Tôn giả, đối với các Bà-la-môn, gia chủ sống

tại Mithilā, Bà-la-môn Brahmāyu được xem là tối thượng về phương diện tài sản, Bà-la-môn Brahmāyu được xem là tối thượng về phương diện chú thuật (*mantā*), Bà-la-môn Brahmāyu được xem là tối thượng về phương diện tuổi tác và danh vọng. Vị ấy muốn yết kiến Tôn giả Gotama.'"

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên ấy vâng đáp Bà-la-môn Brahmāyu, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, thanh niên ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmāyu hỏi thăm Tôn giả Gotama có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú và thưa như sau: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmāyu già yếu... (như trên)... và Đại nhân tướng. Thưa Tôn giả, đối với các Bà-la-môn, gia chủ sống ở Mithilā, Bà-la-môn Brahmāyu được xem là tối thượng về phương diện tài sản, Bà-la-môn Brahmāyu được xem là tối thượng về phương diện chú thuật (*mantā*), Bà-la-môn Brahmāyu được xem là tối thượng về phương diện tuổi tác và danh vọng. Vị ấy muốn yết kiến Tôn giả Gotama."

– Này thanh niên, nay Bà-la-môn Brahmāyu hãy làm những gì vị ấy nghĩ là hợp thời.

Rồi vị thanh niên ấy đi đến Bà-la-môn Brahmāyu, sau khi đến, liền thưa với Bà-la-môn Brahmāyu:

– Tôn giả đã được Sa-môn Gotama chấp nhận (*katāvakāsa*). Nay Tôn giả hãy làm những gì Tôn giả nghĩ là hợp thời.

391. Rồi Bà-la-môn Brahmāyu đi đến Thế Tôn. Hội chúng ấy thấy Bà-la-môn Brahmāyu từ xa đi đến, sau khi thấy liền tránh chỗ hai bên[24] vì vị này được nhiều người biết đến và có danh vọng. Bà-la-môn Brahmāyu nói với hội chúng ấy:

– Thôi vừa rồi, các Tôn giả, hãy ngồi trên chỗ ngồi của mình. Ở đây, tôi sẽ ngồi gần Sa-môn Gotama.

Rồi Bà-la-môn Brahmāyu đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Brahmāyu tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn Brahmāyu thấy phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Rồi Bà-la-môn Brahmāyu nói với Thế Tôn những bài kệ sau đây:

> Tôn giả Gotama!
> Ba hai Đại nhân tướng,

---

[24] *Oramatha* hay *oramattha*. *MA*. III. 396 viết là các vị ấy đứng dậy rất nhanh, chia thành hai hàng và nhường chỗ cho Brahmāyu.

Con được nghe nói đến,
Hai tướng con không thấy,
Trên thân của Tôn giả,
Tôn giả mã âm tàng,
Bậc Tối Thượng Loài Người,
Ngài có hay không có?
Hay là tướng nữ nhân?
Hay lưỡi Ngài quá ngắn?
Hay lưỡi Ngài rộng dài?
Để con như thật biết.
Hãy đưa lưỡi Ngài ra,
Mong bậc Đại Tiên Nhân,
Trừ nghi cho chúng con,
Vì an lạc hiện tại,
Vì hạnh phúc tương lai,
Chúng con xin được phép,
Hỏi điều muốn được biết.

392. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Bà-la-môn Brahmāyu này thấy trên thân Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài." Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Brahmāyu thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn, và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vùng trán.

Rồi Thế Tôn trả lời Bà-la-môn Brahmāyu với bài kệ:

Ba hai Đại nhân tướng,
Ông đã được nghe đến,
Đều có trên thân Ta,
Hiền giả, chớ có nghi!
Điều cần biết, đã biết,
Điều cần tu, đã tu,
Điều cần trừ, đã trừ,
Do vậy, Ta là Phật.
Vì an lạc hiện tại,
Vì hạnh phúc tương lai,
Ông được phép vấn hỏi,
Những điều ông muốn biết.

393. Rồi Bà-la-môn Brahmāyu suy nghĩ như sau: "Nay Sa-môn Gotama đã cho phép ta. Vậy ta nên hỏi Sa-môn Gotama về mục đích hiện tại hay tương lai." Rồi Bà-la-môn Brahmāyu suy nghĩ: "Ta đã thiện xảo về mục đích hiện tại

và các người khác hỏi ta về mục đích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama về mục đích tương lai." Rồi Bà-la-môn Brahmāyu dùng bài kệ thưa Thế Tôn:

Thế nào [là] Bà-la-môn?
Thế nào thông Vệ-đà?
Thế nào là Ba minh?
Thế nào gọi Cát tường?
Thế nào là Ứng Cúng?
Thế nào bậc Viên Mãn?
Thế nào bậc Mâu-ni?
Thế nào gọi Phật-đà?

394. Rồi Thế Tôn dùng bài kệ trả lời Bà-la-môn Brahmāyu:

Ai biết được đời trước,
Thấy thiện thú, ác thú,
Đoạn tận được tái sanh,
Thắng trí được viên thành,
Vị ấy gọi Mâu-ni.
Ai biết tâm thanh tịnh,
Giải thoát mọi tham dục,
Sanh tử đều đoạn tận,
Phạm hạnh được viên thành,
Thông đạt nhứt thiết pháp,
Vị ấy xưng Phật-đà.

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Brahmāyu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu xuống dưới chân Thế Tôn, dùng miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, lấy tay rờ xung quanh và tự xưng danh:

– Thưa Tôn giả Gotama, con là Bà-la-môn Brahmāyu.

Và hội chúng ấy tâm tư trở thành hy hữu, vi diệu: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Đại uy lực, đại thần lực của vị Sa-môn đã khiến cho Bà-la-môn Brahmāyu này, với danh tiếng, danh vọng như vậy, lại hạ mình tối đa như vậy." Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Brahmāyu:

– Thôi vừa rồi, Bà-la-môn, hãy đứng dậy! Ông hãy ngồi trên ghế của ông vì tâm của ông đã hoan hỷ đối với Ta.

395. Rồi Bà-la-môn Brahmāyu, sau khi đứng dậy, liền ngồi trên ghế của mình. Rồi Thế Tôn thứ lớp thuyết pháp[25] cho Bà-la-môn Brahmāyu, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmāyu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập,

[25] Xem *M.* I. 379; *D.* I. 110; *Vin.* I. 15; II. 155.

Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, Pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Brahmāyu: "Phàm pháp gì được khởi lên đều bị tiêu diệt." Bà-la-môn Brahmāyu thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư. Bà-la-môn Brahmāyu liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng! Mong Tôn giả Gotama ngày mai nhận lời mời của con đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Bà-la-môn Brahmāyu khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Bà-la-môn Brahmāyu, sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi đã sửa soạn tại trú xá của mình các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, liền báo thì giờ cho Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng." Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xá của Bà-la-môn Brahmāyu, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Bà-la-môn Brahmāyu tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu, thỏa mãn bằng những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Rồi Thế Tôn sau bảy ngày liền khởi sự du hành ở Videha.

Sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, Bà-la-môn Brahmāyu mệnh chung. Một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bà-la-môn Brahmāyu đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì, tương lai tái sanh thế nào?

– Này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Brahmāyu là bậc Hiền triết. Vị ấy theo pháp đúng với Chánh pháp,[26] không có phiền nhiễu Ta với những kiện cáo về Chánh pháp (*Dhammādhikaraṇaṃ*). Này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Brahmāyu sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không có trở lui đời này nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[26] *Paccapādi dhammassānudhammaṃ*. *MA*. III. 398 giải thích rằng trong bài kinh này, *Dhamma* chỉ cho con đường đưa đến giải thoát hoàn toàn (*Arahattamagga*); *Anudhamma* chỉ cho 3 Đạo dưới A-la-hán Đạo. Đây có nghĩa là tiệm chứng theo thứ tự.

92. KINH SELA

(*Sela Sutta*)[1]

396. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành ở Aṅguttarāpa[2] cùng với đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, và đi đến một thị trấn của Aṅguttarāpa tên là Āpaṇa. Bện tóc Keṇiya[3] được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sākya, du hành ở Aṅguttarāpa cùng với đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, và đã đến Āpaṇa. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây về Tôn giả Gotama được khởi lên:[4] 'Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. Tốt đẹp thay sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!'"

Rồi Bện tóc Keṇiya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn với pháp thoại khai thị cho Bện tóc Keṇiya đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Bện tóc Keṇiya sau khi được Thế Tôn với pháp thoại khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

– Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của con ngày mai dùng cơm với chúng Tỷ-kheo!

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Bện tóc Keṇiya:

– Này Keṇiya, chúng Tỷ-kheo rất lớn, đến một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, và ông có lòng tín thành với các Bà-la-môn.

Lần thứ hai, Bện tóc Keṇiya bạch Thế Tôn:

---

[1] Xem *It*. 101; *Sn*. 91, 102; *Pv*. 23; *Thag*. 818; *Miln*. 183, 225; *Vin*. I. 199. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.6. 0798a25).

[2] Xem *M*. 54, *Potaliya Sutta* (*Kinh Potaliya*).

[3] Xem *BD*. IV. 336, n. 10.

[4] Xem *M*. 91, *Brahmāyu Sutta* (*Kinh Brahmāyu*), *M*. II. 133.

– Thưa Tôn giả Gotama, dầu chúng Tỷ-kheo rất lớn, đến một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, và dầu con có lòng tín thành với các Bà-la-môn, mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của con, ngày mai dùng cơm với chúng Tỷ-kheo!

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Bện tóc Keṇiya:

– Này Keṇiya, chúng Tỷ-kheo rất lớn, đến một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, và ông có lòng tín thành với các Bà-la-môn.

Lần thứ ba, Bện tóc Keṇiya bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, dầu chúng Tỷ-kheo rất lớn, đến một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, và dầu con có lòng tín thành với các vị Bà-la-môn, mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của con, ngày mai dùng cơm với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Bện tóc Keṇiya, sau khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến tinh xá của mình, sau khi đến liền bảo các thân hữu, bà con huyết thống:

– Quý vị thân hữu, bà con huyết thống hãy nghe tôi. Sa-môn Gotama đã được tôi mời ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo. Vậy quý vị hãy tự thân giúp việc cho tôi.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Các thân hữu, bà con huyết thống của Bện tóc Keṇiya vâng đáp Bện tóc Keṇiya. Có người thời đào hố [làm lò nấu], có người bửa củi, có người rửa chén bát, có người sắp đặt ghè nước, có người sửa soạn ghế ngồi, còn Bện tóc Keṇiya tự mình dựng lên một giàn hoa hình tròn.[5]

397. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sela trú tại Āpaṇa, vị này tinh thông ba tập Veda[6] với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Vị này dạy chú thuật (*mantā*) cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn. Lúc bấy giờ, Bện tóc Keṇiya có lòng tín thành với Bà-la-môn Sela. Rồi Bà-la-môn Sela, với ba trăm thanh niên Bà-la-môn vây quanh, tản bộ du hành đi đến tinh xá của Bện tóc Keṇiya. Bà-la-môn Sela thấy tại tinh xá của Bện tóc Keṇiya có người thời đào hố [làm lò nấu], có người bửa củi, có người rửa chén bát, có người sắp đặt ghè nước, có người sửa soạn ghế ngồi, còn Bện tóc Keṇiya tự mình dựng lên một giàn hoa hình tròn; thấy vậy, bèn nói với Bện tóc Keṇiya:

– Có phải Bện tóc Keṇiya sẽ có rước dâu hay sẽ có đưa dâu, hay một đại tế đàn được chuẩn bị, hay Vua Seniya Bimbisāra nước Magadha được mời ngày mai với cả binh lực?

– Thưa Tôn giả Sela, tôi không có rước dâu, cũng không có đưa dâu, Vua Seniya Bimbisāra nước Magadha không có được mời ngày mai với cả binh lực,

---

[5] *Maṇḍalamāla*. *MA*. III. 400 giải thích là *dussamaṇḍala*, giàn hoa có che vải.

[6] Như *M*. II. 133.

nhưng tôi đây chuẩn bị một đại tế đàn. Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đang du hành ở Aṅguttarāpa với đại chúng Tỷ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị, và đã đến Āpaṇa. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây về Tôn giả Gotama: "... (như trên)... Phật, Thế Tôn..." Vị ấy được tôi mời ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

– Tôn giả Keṇiya, có phải ông nói đức Phật?

– Tôn giả Sela, vâng, tôi nói đức Phật.

– Tôn giả Keṇiya, có phải ông nói đức Phật?

– Tôn giả Sela, vâng, tôi nói đức Phật.

398. Rồi Tôn giả Bà-la-môn Sela suy nghĩ: "Chỉ một âm thanh đức Phật này cũng khó tìm được trong đời. Theo Thánh điển của chúng ta được truyền lại về ba mươi hai Đại nhân tướng, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác.[7] Nếu là tại gia, sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với chánh pháp, không dùng gậy, không dùng đao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán Chánh Đẳng Giác, quét sạch mê lầm ở đời." Này Tôn giả Keṇiya, nay Tôn giả Gotama ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trú ở đâu?

Khi nghe nói vậy, Bện tóc Keṇiya duỗi cánh tay mặt, nói với Bà-la-môn Sela:

– Tôn giả Sela, tại ngôi rừng xanh kia.

Rồi Bà-la-môn Sela với ba trăm thanh niên đi đến Thế Tôn. Bà-la-môn bảo những thanh niên ấy:

– Quý vị hãy đến một cách im lặng, đặt chân xuống từng bước một, các bậc Thế Tôn ấy như con sư tử sống một mình, rất khó đến gần [hay ưa thích an tịnh - *durāsadā*]. Nếu ta có thảo luận với Sa-môn Gotama, chư Tôn giả chớ ngắt lời ta. Chư Tôn giả hãy chờ ta nói xong!

Rồi Bà-la-môn Sela đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Sela tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn, Bà-la-môn Sela thấy phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Bà-la-môn Sela này thấy trên thân Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng,

[7] Xem *M.* 91, *Brahmāyu Sutta* (*Kinh Brahmāyu*), *M.* II. 134.

trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài." Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Sela thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn, và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi le khắp cả vùng trán. Rồi Bà-la-môn Sela suy nghĩ: "Sa-môn Gotama thành tựu ba mươi hai Đại nhân tướng một cách đầy đủ, không phải không đầy đủ, nhưng ta chưa biết vị ấy là Phật hay không phải Phật. Tuy vậy, ta có nghe các vị Bà-la-môn niên cao, lạp lớn, các bậc Tôn sư, đại Tôn sư, nói như sau: 'Các Thế Tôn ấy, những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, khi những lời tán thán của những bậc ấy được nói đến, các bậc ấy tự hiện hình ra.'[8] Vậy ta hãy trước mặt Thế Tôn tán thán những bài kệ xứng đáng."

399. Rồi Bà-la-môn Sela tán thán trước mặt Sa-môn Gotama những bài kệ xứng đáng như sau:

> Thân trọn đủ chói sáng,
> Khéo sanh[9] và đẹp đẽ,
> Thế Tôn sắc vàng chói,
> Răng trơn láng, tinh cần.
> Đối với người khéo sanh,
> Những tướng tốt trang trọng,
> Đều có trên thân Ngài,
> Tất cả Đại nhân tướng.
> Mắt sáng, mặt tròn đầy,
> Cân đối,[10] thẳng, hoàn mỹ,
> Giữa chúng Sa-môn Tăng,
> Ngài chói như mặt trời.
> Đẹp mắt vị Tỳ-kheo,
> Da sáng như vàng chói,
> Với hạnh Sa-môn Ngài,
> Cần gì sắc tối thượng.
> Ngài xứng bậc Đại Vương,
> Chuyển Luân, bậc Điều Ngự,
> Chiến thắng khắp thiên hạ,
> Bậc Tối Thượng Diêm-phù.
> Vương tộc, hào phú vương,
> Là chư hầu của Ngài,
> Là Vua giữa các vua,
> Là Giáo chủ loài người.

---

[8] *Attānaṃ pātukarontī*: Hiện hình, tự tỏ lộ ra. Xem *A*. III. 123; *Vin*. II. 186.

[9] *Sujāta*: Khéo sanh, đây chỉ cho sự cân đối về thân hình.

[10] *Brahā*: Điều này cũng đề cập đến sự phát triển cân đối về chiều cao đến chiều ngang khi cánh tay duỗi ra. Chữ "thẳng" (*uju*) chỉ cho tay chân thẳng.

Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!
Thế Tôn liền trả lời:
Sela! Ta là Vua,
Bậc Pháp Vương Vô Thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.
[Sela:] Ngài tự nhận "Giác Giả",
Sela lại hỏi thêm,
Bậc Pháp Vương Vô Thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Ngài trả lời như vậy.
Tôn giả Gotama!
Ai sẽ là tướng quân,
Là Tôn giả đệ tử,
Vị đệ tử tín thành,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?
[Thế Tôn:] Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng.
Chính Sāriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp.
Thừa tự[11] Như Lai vị.
Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần bỏ, Ta đã bỏ,
Do vậy, Ta là Phật[12]
Ôi, Tôn giả Phạm chí!
Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Ôi, Tôn giả Phạm chí!
Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan!
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan!

[11] *Anujāta:* Kẻ thừa tự. Xem *It.* 63.
[12] Cũng được tìm thấy trong *M.* II. 143.

Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y Vương Vô Thượng,
Ôi, Tôn giả Phạm chí!
Là Phạm thiên khó sánh
Nhiếp phục các ma quân.
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta sống tâm hoan hỷ,
Không sợ hãi một ai,
Không từ đâu run sợ.
[Sela:] Chư Tôn giả, hãy nghe!
Như bậc Có Mắt giảng,
Bậc Y Vương, Anh Hùng,
Sư tử rống rừng sâu.
Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.
Ai muốn, hãy theo Ta!
Không muốn, hãy ra đi!
Ở đây Ta xuất gia,
Bậc Trí Tuệ tối thượng.
[Các Bà-la-môn:]
Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Bậc Trí Tuệ tối thượng.
[Sela:] Ba trăm Phạm chí ấy,
Chắp tay xin được phép:
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.
Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tánh.
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.

Bà-la-môn Sela cùng với hội chúng được xuất gia dưới sự lãnh đạo của Thế Tôn, được thọ Đại giới.

400. Rồi Bện tóc Keṇiya, sau đêm ấy, tại tinh xá của mình, sau khi cho sửa soạn các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm xong, liền báo thời giờ lên Thế Tôn: “Tôn giả Gotama, đã đến giờ. Cơm đã sửa soạn xong.” Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến tinh xá của Bện tóc Keṇiya, sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi Bện tóc Keṇiya sau khi tự tay mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Rồi Bện tóc Keṇiya, sau khi Thế Tôn ăn xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn nói với Bện tóc Keṇiya lời tùy hỷ công đức với những bài kệ sau đây:

Tế đàn là tối thượng,
Trong các lễ tế lửa,[13]
Savitti là tối thượng,
Giữa bài thơ Veda.
Vua là bậc Tối thượng,
Giữa thế giới loài người,
Đại dương là tối thượng,
Giữa các loại sông ngòi.
Mặt trăng là tối thượng,
Giữa các vì sao sáng,
Chúng Tăng thật tối thượng,
Với những ai bố thí,
Tâm mong ước nguyện cầu,
[Gặt hái nhiều] công đức.

Thế Tôn sau khi dùng bài kệ này nói những lời tùy hỷ công đức với Bện tóc Keṇiya, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Sela với hội chúng sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, Tôn giả chứng được mục đích tối cao mà các thiện nam tử đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự chứng đạt và an trú. “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa.” Vị này biết như vậy và Tôn giả Sela với hội chúng trở thành các vị A-la-hán. Rồi Tôn giả Sela với hội chúng đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đắp y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và đọc lên Thế Tôn bài kệ[14] sau đây:

Kính bạch bậc Pháp Nhãn,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,

---

[13] Xem *Vin.* I. 246; *BD.* IV. 340.
[14] Xem *Thag.* 838-41.

Xin [phát nguyện] quy y.
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
[Đã chế ngự chúng con],
Trong giáo lý của Ngài.
Ngài là bậc Giác Giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,
Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quần ma.
Sau khi Ngài đoạn trừ,
Vượt qua [biển sanh tử],
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua [bể khổ].
Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là Sư tử [chúa],
Không chấp, không sợ hãi.
Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chắp tay đứng thẳng,
Ôi, anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới!
Hãy để các Đại nhân,[15]
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.

---

[15] Nāga. Xem *M.* 5, *Anaṅgaṇa Sutta* (*Kinh Không uế nhiễm*), *M.* I. 32; *M.* 24, *Rathavinīta Sutta* (*Kinh Trạm xe*), *M.* I. 151.

93. KINH ASSALĀYANA

(*Assalāyana Sutta*)[1]

401. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Bà-la-môn từ nhiều quốc độ khác nhau trú tại Sāvatthi vì một vài công việc. Những vị Bà-la-môn ấy suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này chủ trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Ai có thể cùng với Sa-môn Gotama thảo luận vấn đề này?"

Lúc bấy giờ, thanh niên Assalāyana trú ở Sāvatthi, trẻ tuổi, đầu cạo trọc, chỉ có mười sáu tuổi, tinh thông ba tập Veda[2] với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Rồi các Bà-la-môn ấy suy nghĩ: "Thanh niên Assalāyana này trú ở Sāvatthi, trẻ tuổi, đầu cạo trọc, chỉ có mười sáu tuổi, tinh thông ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy có thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này." Rồi những Bà-la-môn ấy đi đến thanh niên Assalāyana, sau khi đến, nói với thanh niên Assalāyana:

– Tôn giả Assalāyana, Sa-môn Gotama chủ trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Tôn giả Assalāyana hãy đến thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Assalāyana nói với các Bà-la-môn ấy:

– Sa-môn Gotama là vị nói đúng pháp. Và những ai nói đúng pháp thật rất khó thảo luận. Tôi không thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này.

Lần thứ hai, các Bà-la-môn nói với thanh niên Assalāyana:

– Tôn giả Assalāyana, Sa-môn Gotama này chủ trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Tôn giả Assalāyana hãy đến thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này. Tôn giả Assalāyana đã sống đời sống của vị du hành khất sĩ.

Lần thứ hai, thanh niên Assalāyana nói với các vị Bà-la-môn ấy:

– Sa-môn Gotama là bậc nói đúng pháp. Và những người nói đúng pháp thật rất khó thảo luận. Tôi không thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này.

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phạm chí A-nhiếp-hòa kinh* 梵志阿攝恕經 (*T*.01. 0026.151. 0663b25). Tham chiếu: *Phạm chí Át-ba-la-diên vấn chủng tôn kinh* 梵志頞波羅延問種尊經 (*T*.01. 0071. 0876b24); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.9. 0742b03).

[2] Như *Kinh Brahmāyu* (*M*. II. 133).

Lần thứ ba, những vị Bà-la-môn ấy nói với thanh niên Assalāyana:

– Tôn giả Assalāyana, Sa-môn Gotama này chủ trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Tôn giả Assalāyana hãy đến thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này. Tôn giả Assalāyana đã sống đời sống của vị du hành khất sĩ. Tôn giả Assalāyana chớ có bị chiến bại trong một cuộc chiến bại không có binh khí chống cự![3]

Khi nghe nói vậy, thanh niên Assalāyana nói với các vị Bà-la-môn ấy:

– Thật sự tôi không chấp nhận được [lời yêu cầu] chư Tôn giả. Tôn giả Gotama là bậc nói đúng pháp. Và những ai nói đúng pháp thật rất khó thảo luận. Tôi không thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này. Tuy vậy, tôi cũng sẽ đi như lời chư Tôn giả yêu cầu.

402. Rồi thanh niên Assalāyana cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Assalāyana bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, các vị Bà-la-môn nói như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là màu da trắng, giai cấp khác là màu da đen; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không được như vậy; chỉ có Bà-la-môn mới là con chính thống Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên."[4] Ở đây, Tôn giả Gotama nói thế nào?

– Nhưng này Assalāyana, các nữ Bà-la-môn, vợ các Bà-la-môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Dầu vậy, các vị Bà-la-môn ấy, sanh ra từ nữ căn, lại nói: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là màu da trắng, giai cấp khác là màu da đen; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không được như vậy; chỉ có Bà-la-môn mới là con chính thống Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên."

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng các vị Bà-la-môn vẫn tự nghĩ rằng: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên."

403. – Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Ông có nghe chăng? Tại các biên địa quốc độ khác như Yona[5] và Kamboja,[6] chỉ có hai giai cấp: Chủ nhân và đầy

---

[3] Các du sĩ hành trì các Mantra (Chú thuật hay Thánh điển) như họ đã được học và dạy. Do vậy Assalāyana không thể thất bại, chỉ có thắng mà thôi.

[4] Như *M.* II. 84.

[5] Xem *DPPN*, có thể chỉ cho các người Ionian, Hy Lạp. Về sau chữ Yavanā hay Yonā dùng để chỉ những người Tây phương sống ở Ấn Độ.

[6] Một quốc độ (*janapada*) không thuộc Trung Ấn mà thuộc về Uttarāpatha.

tớ. Sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ; sau khi làm đầy tớ, lại trở thành chủ nhân?

– Thưa vâng, con có nghe. Trong các quốc độ biên địa như Yona và Kamboja, chỉ có hai giai cấp: Chủ nhân và đầy tớ. Sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ; sau khi làm đầy tớ, lại trở thành chủ nhân.

– Ở đây, này Assalāyana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của các Bà-la-môn, mà ở đây các vị Bà-la-môn lại nói: "Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên?"

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây, các vị Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên."

404. – Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Chỉ có người Sát-đế-ly (Khattiya) sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, mới bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; Bà-la-môn không phải như vậy? Và chỉ có người Vessa và người Sudda sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, mới bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; các Bà-la-môn không phải như vậy?

– Không phải như vậy, Tôn giả Gotama. Người Khattiya cũng vậy, Tôn giả Gotama, nếu sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, cũng bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Bà-la-môn cũng vậy, Tôn giả Gotama; Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama; Sudda cũng vậy, Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, nếu sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

– Ở đây, này Assalāyana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của Bà-la-môn, mà ở đây các Bà-la-môn lại nói: "Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên?"

– Dầu Tôn giả Sa-môn có nói như vậy, nhưng ở đây, các Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên."

405. – Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Chỉ có Bà-la-môn từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, [có chánh kiến], sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện

thú, thiên giới, cõi đời này; Khattiya không được vậy, Vessa không được vậy, Sudda không được vậy?

– Không phải vậy, Tôn giả Gotama. Khattiya cũng vậy, Tôn giả Gotama, nếu từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến, thì sau khi thân hoại mạng chung cũng được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Bà-la-môn cũng vậy, Tôn giả Gotama; Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama; Sudda cũng vậy, Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, nếu từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến, thì sau khi thân hoại mạng chung đều được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Ở đây, này Assalāyana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của Bà-la-môn, mà ở đây các Bà-la-môn lại nói: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên?"

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây, các Bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên."

406. – Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Chỉ có Bà-la-môn mới có thể trong quốc độ này tu tập từ tâm, không hận, không sân; Khattiya không thể được, Vessa không thể được, Sudda không thể được?

– Không phải vậy, Tôn giả Gotama. Khattiya, Tôn giả Gotama, cũng có thể trong quốc độ này tu tập từ tâm, không hận, không sân. Bà-la-môn cũng vậy, Tôn giả Gotama; Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama; Sudda cũng vậy, Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, đều có thể trong quốc độ này tu tập từ tâm, không hận, không sân.

– Ở đây, này Assalāyana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của Bà-la-môn, mà ở đây các Bà-la-môn lại nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên?"

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây, các Bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên."

407. – Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Chỉ có Bà-la-môn mới có thể, sau khi cầm cào lưng và bột tắm,[7] đi đến sông tắm sạch bụi bặm; Khattiya không thể được, Vessa không thể được, Sudda không thể được?

– Không phải vậy, thưa Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama, Khattiya cũng có thể, sau khi cầm cào lưng và bột tắm, đi đến sông tắm sạch bụi bặm. Bà-la-môn

---

[7] Như *M.* II. 46, 182.

cũng vậy, Tôn giả Gotama; Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama; Sudda cũng vậy, Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, đều có thể, sau khi cầm cào lưng và bột tắm, đi đến sông tắm sạch bụi bặm.

– Ở đây, này Assalāyana, do sức mạnh gì, xác tín gì của các Bà-la-môn, mà ở đây các Bà-la-môn lại nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên?"

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây, các Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên."

408. – Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Ở đây, nếu[8] có Vua Khattiya đã làm lễ quán đảnh, cho hội họp một trăm người thuộc nhiều chủng tánh khác nhau và nói: "Quý vị hãy đến đây, quý vị nào thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh ra từ hoàng tộc, hãy đem đến phần trên của đồ quay lửa, bằng cây Sāla,[9] hay cây Salaḷa, hay cây Chiên-đàn, hay cây Sen, quay cho lửa và sức nóng hiện ra. Còn những người thuộc gia đình Chiên-đà-la [hạ tiện], thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đổ phân,[10] hãy đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây Y-lan (Elaṇḍa) và quay cho lửa và sức nóng hiện ra." Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ có ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng cây Sa-la, hay cây Salaḷa, hay cây Chiên-đàn, hay cây Sen, chỉ có lửa ấy mới có ngọn, mới có màu sắc, mới có ánh sáng, và chỉ có ngọn lửa ấy mới dùng được vào các công việc do lửa đem lại? Còn ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình làm đổ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây Y-lan, lửa ấy không có ngọn, không có màu sắc, không có ánh sáng, và ngọn lửa ấy không thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại?

– Không phải vậy, thưa Tôn giả Gotama. Ngọn lửa được nhen lên, sức nóng được tạo ra, Tôn giả Gotama, từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng cây Sāla, hay cây Salaḷa, hay cây Chiên-đàn, hay cây Sen, lửa ấy có ngọn, có màu sắc, có ánh sáng, ngọn lửa ấy dùng được vào các công việc do lửa đem lại; còn ngọn lửa được nhen lên, và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đổ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ

[8] Như *M.* II. 183.

[9] Như *M.* I. 240.

[10] Về năm loại người hạ liệt này, xem *BD*. II. 173.

quay lửa, làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây Y-lan, lửa ấy cũng có ngọn, cũng có màu sắc, cũng có ánh sáng, và ngọn lửa ấy có thể dùng được vào công việc do lửa đem lại. Thưa Tôn giả Gotama, tất cả loại lửa đều có ngọn, đều có màu sắc, đều có ánh sáng; tất cả loại lửa đều có thể được dùng vào các công việc do lửa đem lại.

– Ở đây, này Assalāyana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của các Bà-la-môn mà các Bà-la-môn ở đây lại nói: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không phải như vậy; chỉ có Bà-la-môn mới là con chính thống Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên?"

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây, các Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên."

409. – Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Ở đây, một nam tử Khattiya cưới một nữ nhân Bà-la-môn làm vợ. Do hôn phối này, họ sanh được đứa con trai.[11] Đứa con trai ấy sanh ra từ nam tử Khattiya và nữ nhân Bà-la-môn. Nó giống mẹ nó hay giống cha nó, nó được gọi là Khattiya hay được gọi là Bà-la-môn?

– Thưa Tôn giả Gotama, đứa con trai ấy sanh ra từ nam tử Khattiya và nữ nhân Bà-la-môn, nó giống mẹ nó và cũng giống cha nó, và được gọi là Khattiya và cũng được gọi là Bà-la-môn.

– Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Ở đây, một nam tử Bà-la-môn cưới một nữ nhân Khattiya và do hôn phối này, họ sanh được đứa con trai. Người con trai ấy được sanh từ nam tử Bà-la-môn và nữ nhân Khattiya, nó giống mẹ nó hay giống cha nó, nó được gọi là Khattiya [hay] cũng được gọi là Bà-la-môn?

– Thưa Tôn giả Gotama, người con trai sanh ra từ nam tử Bà-la-môn và nữ nhân Khattiya, nó vừa giống mẹ nó vừa giống cha nó, và nó được gọi là Khattiya và cũng được gọi là Bà-la-môn.

– Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có con ngựa cái giao phối với con lừa. Do sự giao phối này, chúng sanh được con la. Con la ấy sanh ra từ con ngựa cái và con lừa, nó giống mẹ nó hay giống cha nó, nó được gọi là ngựa hay nó được gọi là lừa?

– Tôn giả Gotama, do sự giao phối khác giống như vậy (*vekurañjāya*), nó là con la. Đó là sự sai khác, thưa Tôn giả Gotama, mà tôi thấy ở đây. Nhưng ở chỗ khác, đối với sự vật khác, tôi không thấy sai biệt gì.

– Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có hai anh em thanh niên, đồng mẹ khác cha: Một người đọc tụng, thông hiểu Thánh điển; một người không đọc tụng, không hiểu Thánh điển. Ở đây, giữa hai vị này, các Bà-la-môn sẽ cúng

---

[11] Xem *D.* I. 97.

dường ai trước các vật cúng cho người chết, các vật thực tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, các đồ ăn đãi khách?[12]

– Thưa Tôn giả Gotama, vị thanh niên nào đọc tụng, thông hiểu Thánh điển, các Bà-la-môn sẽ cúng dường người ấy trước, các vật cúng cho người chết, các vật thực tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, các đồ ăn đãi khách. Bởi vì, thưa Tôn giả Gotama, cúng dường cho người không đọc tụng, không thông hiểu Thánh điển làm sao có quả lớn được.

– Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có hai anh em thanh niên [Bà-la-môn] đồng mẹ khác cha: Một người đọc tụng thông hiểu Thánh điển, theo ác giới, hành ác pháp; một người không đọc tụng, không thông hiểu Thánh điển, trì giới, hành thiện pháp. Ở đây, các người Bà-la-môn cúng dường cho ai trước các vật cúng cho người chết, các vật thực tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, hay các đồ ăn đãi khách?

– Thưa Tôn giả Gotama, vị thanh niên nào không đọc tụng, không thông hiểu Thánh điển, nhưng trì giới, hành thiện pháp; ở đây, các Bà-la-môn cúng dường cho người ấy trước, các vật cúng cho người chết, các vật thực tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, hay các đồ ăn đãi khách. Bởi vì, thưa Tôn giả Gotama, cúng dường cho người theo ác giới, hành ác pháp làm sao có quả lớn được.

– Này Assalāyana, trước hết, ông đi về sanh chủng; bỏ sanh chủng, ông đi về Thánh điển; bỏ Thánh điển, ông đi về sự thanh tịnh của bốn giai cấp mà Ta đã chủ trương.

Nghe nói vậy, thanh niên Assalāyana ngồi im lặng, ủ rũ, co vai, cúi đầu, sững sờ, mở miệng không ra lời.

410. Rồi Thế Tôn sau khi biết được thanh niên Assalāyana im lặng, ủ rũ, co vai, cúi đầu, sững sờ, mở miệng không ra lời, liền nói với thanh niên Assalāyana:

– Thuở xưa, này Assalāyana, trong khi bảy ẩn sĩ Bà-la-môn thảo luận trong những am thất bằng lá tại một khu rừng, ác kiến sau đây được khởi lên: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên." Này Assalāyana, ẩn sĩ Asita Devala được nghe: "Trong khi bảy ẩn sĩ Bà-la-môn thảo luận trong những am thất bằng lá tại một khu rừng, ác kiến sau đây được khởi lên: 'Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... con cháu thừa tự Phạm thiên.'" Ẩn sĩ Asita Devala sau khi sửa soạn râu tóc, đắp y vải màu đỏ tía, đi dép với nhiều lớp [đường viền] kiên cố,[13] cầm một cây gậy bằng vàng, liền hiện ra trong hành lang am thất[14] của bảy vị ẩn sĩ Bà-la-môn. Rồi này Assalāyana, ẩn sĩ Asita Devala đi qua, đi lại trong hành lang am thất của bảy vị ẩn sĩ Bà-la-môn và nói:

---

[12] Bốn loại cúng dường, như *D*. I. 97.

[13] *Paṭaliyoti* (hay *aṭaliyoti*, *agaliyo*) được giải thích là *gaṇaṅgaṇupāhanā*. Xem *MA*. III. 411; *SA*. I. 346.

[14] *Patthaṇḍile. MA*. III. 411 giải thích *paṇṇasālapariveṇa*, một phòng nhỏ trong một hành lang lợp bằng lá.

– Nay những Tôn giả ẩn sĩ Bà-la-môn này đi đâu? Nay những Tôn giả ẩn sĩ Bà-la-môn này đi đâu?

Rồi này Assalāyana, bảy vị ẩn sĩ Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Kẻ kia là ai đang đi qua lại trong hành lang am thất bảy vị ẩn sĩ Bà-la-môn như một con bò đi vòng tròn,[15] lại nói như sau: 'Nay những vị ẩn sĩ Bà-la-môn này đi đâu? Nay những vị ẩn sĩ Bà-la-môn này đi đâu?' Chúng ta hãy dùng chú thuật trù yểm ông ta." Rồi này Assalāyana, bảy ẩn sĩ Bà-la-môn dùng chú thuật trù yếm ẩn sĩ Asita Devala: "Hãy trở thành tro tàn hạ liệt." Nhưng này Assalāyana, bảy ẩn sĩ càng dùng chú thuật trù yếm, ẩn sĩ Asita Devala càng trở thành đẹp đẽ, trở thành dễ nhìn, trở thành khả ái. Rồi này Assalāyana, bảy vị ẩn sĩ Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Thật trống rỗng thay, khổ hạnh của chúng ta! Phạm hạnh của chúng ta không có hiệu quả. Trước kia, khi chúng ta dùng chú thuật trù yếm người nào: 'Hãy trở thành tro tàn hạ liệt', người ấy trở thành tro tàn ngay. Nhưng nay chúng ta càng dùng chú thuật trù yếm người này, người này lại càng trở nên đẹp đẽ, trở thành dễ nhìn, trở thành khả ái."

– Khổ hạnh chư Tôn giả không phải trống rỗng, Phạm hạnh [quý vị] không phải không hiệu quả. Chư Tôn giả, hãy từ bỏ tâm oán hận đối với ta.

– Có tâm oán hận nào đối với Tôn giả, chúng tôi sẽ bỏ. Tôn giả là ai?

– Chư Tôn giả có nghe nói đến ẩn sĩ Asita Devala không?

– Thưa có nghe, Tôn giả.

– Chư Tôn giả, vị ấy là ta.

Rồi này Assalāyana, bảy ẩn sĩ Bà-la-môn đến đảnh lễ ẩn sĩ Asita Devala.

411. Rồi ẩn sĩ Asita Devala nói với bảy ẩn sĩ Bà-la-môn:

– Chư Tôn giả, tôi có nghe như sau: "Trong khi bảy vị ẩn sĩ Bà-la-môn thảo luận tại am thất bằng lá trong khu rừng, ác tà kiến như sau khởi lên: 'Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn màu da trắng, giai cấp khác màu da đen; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không được như vậy; chỉ có Bà-la-môn là con chính thống Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên.'"

– Thưa vâng, Tôn giả.

– Nhưng chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết mẹ sanh của họ chỉ giao hợp với các Bà-la-môn, không với phi Bà-la-môn?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Nhưng chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết mẹ sanh của họ, cho đến bảy đời Tổ mẫu của họ chỉ giao hợp với các Bà-la-môn, không với phi Bà-la-môn?

---

[15] *Gāmaṇḍala,* như *Thag.* 1143. *MA.* III. 411 giải thích là *gāmadāraka*, một thanh niên nhà quê; ẩn ý như một con bò đi xung quanh sân đạp lúa.

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Nhưng chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết cha sanh của họ chỉ giao hợp với các nữ Bà-la-môn, không với phi nữ Bà-la-môn?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Nhưng chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết cha sanh của họ, cho đến bảy đời Tổ phụ của họ chỉ giao hợp với các nữ Bà-la-môn, không với phi nữ Bà-la-môn?

– Không phải vậy, Tôn giả.

– Chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết nhập thai là như thế nào?

– Thưa Tôn giả, chúng con biết nhập thai như thế này. Ở đây, mẹ cha phải giao hợp, người mẹ phải trong thời kỳ [có thể thọ sanh], hương ấm (*gandhabha*) phải có hiện hữu, ba sự như vậy có hòa hợp, nhập thai[16] mới thành tựu.

– Chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết hương ấm ấy là Khattiya, hay Bà-la-môn, hay Vessa, hay Sudda?

– Thưa Tôn giả, chúng tôi không biết hương ấm ấy là Khattiya, hay Bà-la-môn, hay Vessa, hay Sudda.

– Chư Tôn giả, sự tình là như vậy, chư Tôn giả có biết chư Tôn giả là ai không?

– Thưa Tôn giả, sự tình là như vậy, chúng tôi không có biết chúng tôi là ai.

Này Assalāyana, bảy vị ẩn sĩ Bà-la-môn ấy bị ẩn sĩ Asita Devala chất vấn, cật vấn, nạn vấn về vấn đề sanh chủng (*jātivāda*) của họ, không thể ứng đáp được. Làm sao nay ông bị Ta chất vấn, cật vấn, nạn vấn về vấn đề sanh chủng của ông, lại có thể ứng đáp được, khi ông cùng một Đạo sư với họ và không có Puṇṇa, người biết sử dụng thìa đổ sữa [làm lễ tế tự]?[17]

Khi được nghe nói vậy, thanh niên Assalāyana bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

---

[16] Xem *M.* I. 265-66.

[17] *Dabbigāha*. *MA*. III. 412 giải thích *Puṇṇa* là một thí chủ của 7 Tiên nhân này, giỏi về dùng thìa đổ sữa vào lửa.

94. KINH GHOṬAMUKHA

(*Ghoṭamukha Sutta*)[1]

412. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Udena trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại rừng xoài Khemiya. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Ghoṭamukha đến tại Bārāṇasī có một vài công việc. Rồi Bà-la-môn Ghoṭamukha tản bộ du hành và đi đến rừng xoài Khemiya. Lúc bấy giờ, Tôn giả Udena đang đi kinh hành ngoài trời. Rồi Bà-la-môn Ghoṭamukha đi đến Tôn giả Udena, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Udena, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền nói với Tôn giả Udena đang đi kinh hành:

– Thưa Tôn giả Sa-môn, không có một sự xuất gia đúng pháp. Hình như đối với con, vì không thấy một Tôn giả như Ngài, hay ở đây pháp ấy là gì?

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udena từ chỗ kinh hành bước xuống, đi vào trong tinh xá (*vihāra*), rồi ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Bà-la-môn Ghoṭamukha cũng từ chỗ kinh hành bước xuống, vào trong tinh xá rồi đứng một bên. Tôn giả Udena nói với Bà-la-môn Ghoṭamukha đang đứng một bên:

– Này Bà-la-môn, đây có những ghế ngồi. Nếu muốn, hãy ngồi xuống!

– Trong khi chúng con đến với Tôn giả Udena, chúng con không ngồi. Làm sao người như con lại nghĩ đến ngồi xuống, trước khi được mời?

Rồi Bà-la-môn Ghoṭamukha lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ghoṭamukha nói với Tôn giả Udena:

– Thưa Tôn giả Sa-môn, không có một sự xuất gia đúng pháp. Hình như đối với con, vì không thấy một Tôn giả như Ngài, hay ở đây pháp ấy là gì?

– Này Bà-la-môn, nếu ông tán đồng những gì ta tán đồng, bài bác những gì cần phải bài bác, và có điều gì ta nói mà ông không biết, ở đây, ông có thể hỏi thêm ta: "Thưa Tôn giả Udena, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?" Sau khi sắp đặt như vậy, ở đây, sẽ có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

– Con sẽ tán đồng những gì Tôn giả Udena tán đồng, bài bác những gì cần phải bài bác, và có điều gì Tôn giả Udena nói mà con không biết, ở đây, con có thể hỏi thêm Tôn giả Udena: "Tôn giả Udena, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 211, 214, 235; *M.* I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 214; III. 1, 29; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* II. 16, 39, 205; III. 93, 161; V. 201, 347.

này là gì?" Sau khi sắp đặt như vậy, ở đây, mong sẽ có cuộc nói chuyện giữa chúng ta!

413. – Này Bà-la-môn, ở đây, có bốn hạng người này có mặt ở trên đời.[2] Thế nào là bốn? Ở đây, này Bà-la-môn, có người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình. Ở đây, này Bà-la-môn, có người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người. Ở đây, này Bà-la-môn, có người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người. Ở đây, này Bà-la-môn, có người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Người ấy không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình; không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể. Này Bà-la-môn, bốn hạng người này, hạng người nào được tâm ông thích ý nhất?

– Thưa Tôn giả Udena, hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình; hạng người này, tâm con không thích ý. Thưa Tôn giả Udena, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; hạng người này, tâm con không thích ý. Thưa Tôn giả Udena, hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; hạng người này, tâm con không thích ý. Thưa Tôn giả Udena, hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; hạng người không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại, không có tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể; hạng người này, tâm con thích ý.

– Này Bà-la-môn, vì sao tâm ông không thích ý ba hạng người này?

– Thưa tôn giả Udena, hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình; hạng người này tự hành khổ mình, tự hành hạ mình, trong khi tự ao ước lạc, yểm ly khổ. Do vậy, tâm con không thích ý hạng người này. Thưa Tôn giả Udena, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; hạng người này hành khổ người khác, hành hạ người khác, trong khi người khác ao ước lạc, yểm ly khổ. Do vậy, tâm con không thích ý hạng người này. Thưa Tôn giả Udena, hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; hạng người này hành khổ mình, hành hạ mình và người khác, trong khi mình và người khác ao ước lạc, yểm ly khổ. Do vậy, tâm con không thích ý hạng người này.

Nhưng thưa Tôn giả Udena, hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; hạng người này không tự hành khổ mình, không hành khổ

---

[2] Như *M.* I. 341.

người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể. Do vậy, tâm con thích ý hạng người này.

414. – Này Bà-la-môn, có hai hội chúng này. Thế nào là hai? Ở đây, này Bà-la-môn, có hội chúng vì tham đắm châu báu và đồ trang sức,[3] tìm cầu vợ con, tìm cầu đầy tớ nam, đầy tớ nữ, tìm cầu ruộng đất, tìm cầu vàng bạc. Ở đây, này Bà-la-môn, lại có hội chúng không tham đắm châu báu và đồ trang sức, từ bỏ vợ con, từ bỏ đầy tớ nam, đầy tớ nữ, từ bỏ ruộng đất, từ bỏ vàng bạc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này Bà-la-môn, hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; hạng người này không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể. Này Bà-la-môn, trong hội chúng nào ông thấy phần lớn hạng người này: Trong hội chúng tham đắm châu báu và đồ trang sức, tìm cầu vợ con, tìm cầu đầy tớ nam, đầy tớ nữ, tìm cầu ruộng đất, tìm cầu vàng bạc; hay là trong hội chúng không tham đắm châu báu và đồ trang sức, từ bỏ vợ con, từ bỏ đầy tớ nam, đầy tớ nữ, từ bỏ ruộng đất, từ bỏ vàng bạc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

– Tôn giả Udena, hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; hạng người không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể; hạng người này, trong hội chúng không tham đắm châu báu và đồ trang sức, từ bỏ vợ con, từ bỏ đầy tớ nam, đầy tớ nữ, từ bỏ ruộng đất, từ bỏ vàng bạc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong hội chúng ấy con thấy phần lớn hạng người này.

– Nhưng này Bà-la-môn, nay ông vừa mới nói: "Chúng con biết như sau, thưa Tôn giả Sa-môn, không có một sự xuất gia đúng pháp. Hình như đối với con, vì không thấy một Tôn giả như Ngài, hay ở đây pháp ấy là gì?"

– Thưa Tôn giả Udena, thật sự lời nói ấy có lợi ích cho con. Có một sự xuất gia đúng pháp. Ở đây, đối với con là như vậy, và mong Tôn giả Udena chấp trì con là như vậy. Bốn hạng người được Tôn giả Udena nói một cách vắn tắt, không giải thích rộng ra; lành thay, nếu được Tôn giả Udena khởi lòng từ phân tích rộng rãi cho con bốn hạng người này!

– Này Bà-la-môn, vậy hãy nghe và suy nghiệm kỹ, ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Ghoṭamukha vâng đáp Tôn giả Udena. Tôn giả Udena nói như sau:

415. – Và này Bà-la-môn, thế nào là hạng người tự hành khổ mình, chuyên

[3] *Maṇikuṇḍalesu*: Bông tai bằng châu báu. Xem *M.* II. 64.

tâm tự hành khổ mình? Ở đây, này Bà-la-môn, có người sống lõa thể,[4] sống phóng túng, không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, đi khất thực không chịu đứng một chỗ, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn dành riêng, không nhận mời đi ăn, không nhận [đồ ăn] từ nơi miệng nồi, không nhận từ nơi miệng chảo, không nhận tại ngưỡng cửa, không nhận giữa những cây gậy, không nhận giữa những cối giã gạo, không nhận từ hai người đang ăn, không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận từ người đàn bà đang giao cấu với người đàn ông, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận tại chỗ có chó đứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu rượu men. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, hay chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, hay chỉ nhận ăn hai miếng... hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy nhà, hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát... nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa... bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị ấy chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc, ăn gạo lứt, ăn gạo daddula, ăn bèo cái, ăn cám, ăn váng nước cơm, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò; ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tẫn liệm rồi quăng đi, mặc vải phấn tảo y, mặc vỏ cây tirīṭa làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện bằng từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người chuyên sống theo hạnh nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, từ bỏ chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, chuyên sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi]. Như vậy dưới nhiều hình thức, vị ấy sống tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình. Như vậy, này Bà-la-môn, được gọi là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình.

416. Và này Bà-la-môn, thế nào là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người? Ở đây, này Bà-la-môn, có người giết trâu bò, là người giết heo, là người giết vịt, săn thú, là thợ săn, thợ đánh cá, ăn trộm, người xử tử các người ăn trộm, cai ngục và những người làm các nghề độc ác khác. Như vậy, này Bà-la-môn, được gọi là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

417. Và này Bà-la-môn, thế nào là hạng người vừa hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người? Ở đây, này Bà-la-môn, có người làm vua, thuộc giai cấp Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh, hay một Bà-la-môn triệu phú. Vị này cho xây dựng một giảng đường mới

---

[4] Xem *M.* I. 343-49.

về phía Đông thành phố, cạo bỏ râu tóc, đắp áo da thô, toàn thân bôi thục tô và dầu, gãi lưng với một sừng nai, đi vào giảng đường với người vợ chính và một Bà-la-môn tế tự. Rồi vị ấy nằm xuống dưới đất trống trơn chỉ có lát cỏ. Vị vua sống với sữa từ vú một con bò cái, có con bò con cùng một màu sắc; bà vợ chính sống với sữa từ vú thứ hai; và vị Bà-la-môn tế tự sống với sữa từ vú thứ ba. Sữa từ vú thứ tư dùng để tế lửa. Còn con bò con thì sống với đồ còn lại. Vị vua nói như sau: "Hãy giết một số bò đực để tế lễ, hãy giết một số nghé đực để tế lễ, hãy giết một số nghé cái để tế lễ, hãy giết một số dê để tế lễ, hãy giết một số cừu để tế lễ, hãy chặt một số cây để làm cột tế lễ, hãy thâu lượm một số cỏ dabbha để làm chỗ tế lễ." Và những người nô tỳ, những người phục vụ, những người làm công, những người này vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm, với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc. Như vậy, này Bà-la-môn, được gọi là hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

418. Và này Bà-la-môn, thế nào là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người này không tự hành khổ mình, không hành khổ người, hiện tại sống không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể? Ở đây, này Bà-la-môn, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên bố điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, người ấy suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ, hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ, hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Vị ấy xuất gia như vậy, hành trì các học giới và hạnh sống của các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết xấu hổ, sợ hãi tội lỗi, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Vị ấy từ bỏ đời sống không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt. Vị ấy từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, liên

hệ đến sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp với những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thích thú trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Vị ấy từ bỏ nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói dịu hiền, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vị ấy nói những lời nói như vậy. Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, hợp lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ các món ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ dùng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, trang sức và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ dùng người làm môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Vị ấy sống biết đủ, bằng lòng với tấm y để che thân với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh, cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, nội tâm hưởng lạc thọ không khuyết phạm.

419. Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự các nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng, những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nội tâm hưởng lạc thọ không uế nhiễm. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau

khi khất thực, ăn xong và đi trở về, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy sau khi từ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

420. Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến Túc mạng trí. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, hai mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành kiếp và hoại kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến những đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến Sanh tử trí của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Vị ấy nghĩ rằng: "Thật sự những chúng sanh nào thành tựu những ác hạnh về thân, thành tựu những ác hạnh về lời nói, thành tựu những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh

kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy tuệ tri như thật: "Đây là khổ", tuệ tri như thật: "Đây là khổ tập", tuệ tri như thật: "Đây là khổ diệt", tuệ tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", tuệ tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có trở lui đời sống này nữa."

Như vậy, này Bà-la-môn, được gọi là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Vị ấy không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

421. Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Ghoṭamukha nói với Tôn giả Udena:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Udena! Thật vi diệu thay, Tôn giả Udena! Thưa Tôn giả Udena, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, [Chánh] pháp đã được Tôn giả Udena dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Udena, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Udena nhận còn làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Này Bà-la-môn, chớ có quy y với ta. Hãy quy y với Thế Tôn, bậc mà ta đã quy y.

– Thưa Tôn giả Udena, nay Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở tại đâu?

– Này Bà-la-môn, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nhập Niết-bàn.

– Thưa Tôn giả Udena, nếu chúng con được nghe Tôn giả Gotama ở cách mười do-tuần (*yojana*), chúng con sẽ đi mười do-tuần ấy để được yết kiến Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Udena, nếu chúng con được nghe Tôn giả Gotama ở cách hai mươi do-tuần... (như trên)...

ba mươi do-tuần, bốn mươi do-tuần, năm mươi do-tuần, chúng con sẽ đi năm mươi do-tuần để được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Udena, nếu chúng con được nghe Tôn giả Gotama ở cách một trăm do-tuần, chúng con sẽ đi một trăm do-tuần để được yết kiến Tôn giả Gatama, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Udena, vì Tôn giả Gotama đã nhập Niết-bàn, chúng con xin quy y Tôn giả Gotama đã nhập Niết-bàn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Udena nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Thưa Tôn giả Udena, vua nước Aṅga có cúng dường cho con một bố thí thường xuyên hằng ngày, nay con xin cúng dường Tôn giả Udena bố thí thường xuyên ấy.

– Này Bà-la-môn, vua nước Aṅga cúng dường thường xuyên hằng ngày cho ông là bao nhiêu?

– Thưa Tôn giả Udena, năm trăm đồng tiền vàng (kahāpaṇa).

– Này Bà-la-môn, ta không được phép nhận vàng và bạc.

– Nếu Tôn giả Udena không được phép nhận vàng và bạc, con sẽ cho làm một tinh xá cho Tôn giả Udena.

– Này Bà-la-môn, nếu ông muốn xây dựng một tinh xá cho ta, thì hãy xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pāṭaliputta.

– Con lại càng bội phần hân hoan, hoan hỷ, thỏa mãn với Tôn giả Udena, khi Tôn giả khuyến khích con cúng dường chúng Tăng. Thưa Tôn giả Udena, với bố thí thường xuyên này và với bố thí thường xuyên khác về sau, con sẽ cho xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pāṭaliputta.

Rồi Bà-la-môn Ghoṭamukha, với bố thí thường xuyên này và với bố thí thường xuyên khác về sau, cho xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pāṭaliputta. Nay giảng đường ấy được gọi là Ghoṭamukhī.

95. KINH CAṄKĪ

(*Caṅkī Sutta*)[1]

422. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành trong nước Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là Opāsāda. Thế Tôn trú tại Opāsāda, tại rừng chư thiên (devavana), rừng cây sāla (sālavana), phía Bắc làng Opāsāda. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn trú ở Opāsāda, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do Vua Pasenadi nước Kosala cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp. Các Bà-la-môn gia chủ ở Opāsāda được nghe: "Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài với thắng trí tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên bố sự chứng ngộ ấy cho người khác. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch." Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy! [2]

423. Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Opāsāda, từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opāsāda và đi đến ngõ phía Bắc rừng chư thiên, rừng cây sāla. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Caṅkī đi lên trên lầu để nghỉ trưa. Bà-la-môn Caṅkī thấy các Bà-la-môn gia chủ ở Opāsāda từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opāsāda và đi đến ngõ phía Bắc rừng chư thiên, rừng cây sāla. Thấy vậy, Bà-la-môn Caṅkī bèn gọi người gác cửa:

– Này người gác cửa, vì sao các Bà-la-môn gia chủ ở Opāsāda từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opāsāda và đi đến ngõ phía Bắc rừng chư thiên, rừng cây sāla như vậy?

– Thưa Tôn giả Caṅkī, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca đang du hành trong nước Kosala nay đã đến Opāsāda với đại chúng Tỷ-kheo. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được nói lên về Tôn giả Gotama: 'Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn . Nay những người ấy đi đến để yết kiến Tôn giả Gotama.

---

[1] Xem *D*. I. 87, 111, 127, 235; *A*. III. 223; *Vin*. I. 199.

[2] Như *M*. II. 54-55.

– Này người gác cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn gia chủ ở Opāsāda, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn gia chủ: “Bà-la-môn Caṅkī có nói: ‘Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Caṅkī sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama.’”

424. Lúc bấy giờ, có khoảng năm trăm Bà-la-môn từ nhiều địa phương khác nhau đến tại Opāsāda vì một vài công vụ. Những Bà-la-môn nghe: “Bà-la-môn Caṅkī sẽ đi yết kiến Sa-môn Gotama.” Những Bà-la-môn ấy đến Bà-la-môn Caṅkī, khi đến xong, liền thưa với Bà-la-môn Caṅkī:

– Có phải Tôn giả Caṅkī sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama?

– Này các Hiền giả, đó là ý định của ta. Ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Caṅkī, chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama! Thật không xứng đáng cho Tôn giả Caṅkī đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Caṅkī.

Lại nữa, Tôn giả Caṅkī thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một giêm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Caṅkī thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Caṅkī đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiết Bà-la-môn Caṅkī.

Lại nữa, Tôn giả Caṅkī là nhà giàu có, đại phú, sung túc... (như trên)...

Lại nữa, Tôn giả Caṅkī là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biện tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Tôn giả Caṅkī đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Tôn giả Caṅkī có giới hạnh, trưởng thành trong giới hạnh, thành tựu sự trưởng thành trong giới hạnh. Tôn giả Caṅkī thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác. Tôn giả Caṅkī là bậc Tôn sư của các hàng Tôn sư của nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật. Tôn giả Caṅkī được Vua Pasenadi xứ Kosala kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Caṅkī được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Caṅkī sống ở Opāsāda, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của Vua Pasenadi nước Kosala. Vì rằng Tôn giả Caṅkī sống ở Opāsāda... (như trên)... do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Caṅkī đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiết Tôn giả Caṅkī.

425. Nghe nói vậy, Bà-la-môn Caṅkī nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Các Hiền giả hãy nghe ta giải thích, vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một giièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta; trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia, từ bỏ rất nhiều vàng bạc, bỏ cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên, tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama, dầu song thân không đồng ý, khóc than, nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có giới hạnh, gìn giữ giới hạnh của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư của các hàng Tôn sư của nhiều người. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã diệt được mọi xao động[3] của tâm. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương về nghiệp (*kammavādī*), chủ trương về hành động (*kiriyavādī*), đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-ly thanh tịnh.[4] Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn. Này các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển [băng qua nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ] đến hỏi đạo Sa-môn Gotama. Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn thiên nhân đến quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân.

Này các Hiền giả, thật vậy, Vua Seniya Bimbisāra nước Magadha, cùng với vương tử, cung phi, thị tùng đều quy y Sa-môn Gotama. Này các Hiền giả, thật vậy, Vua Pasenadi nước Kosala, cùng với vương tử, cung phi, thị tùng đều quy

---

[3] *Cāpalla. M.* I. 470; *Vbh.* 351; *Vism.* 106 viết *cāpalya.*

[4] *Ādīnakhattiyakulā.* Xem *DB.* I. 148.

y Sa-môn Gotama. Này các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasāti cùng với các con, vợ, thị giả đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Opāsāda, nay đang ở tại Opāsāda, về phía Bắc Opāsāda, trong rừng chư thiên, rừng cây sāla. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Opāsāda, hiện ở tại Opāsāda, về phía Bắc Opāsāda, trong rừng chư thiên, rừng cây sāla. Như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta. Và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta; trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi. Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

Này các Hiền giả, chỉ với một ưu điểm thôi, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama. Vậy tất cả chúng ta hãy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

426. Rồi Bà-la-môn Caṅkī cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi và nói lên với những Bà-la-môn trưởng thượng những lời thân hữu về vấn đề này, vấn đề khác. Khi ấy, có thanh niên Bà-la-môn tên Kāpaṭika trẻ tuổi, đầu cạo trọc, mới có mười sáu tuổi, từ khi sanh, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Thanh niên này đang ngồi giữa hội chúng ấy. Thanh niên này thỉnh thoảng cắt đứt cuộc đàm luận giữa Thế Tôn và các vị Bà-la-môn trưởng thượng.

Rồi Thế Tôn khiển trách thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika:

– Hiền giả Bhāradvāja, chớ có cắt ngang cuộc đàm luận của các Bà-la-môn trưởng thượng. Hiền giả Bhāradvāja hãy chờ cho đến khi câu chuyện chấm dứt!

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Caṅkī bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chớ có khiển trách thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika! Thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika là thiện nam tử. Thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika là bậc đa văn. Thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika phát ngôn thiện xảo. Thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika là bậc có trí. Và thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika có thể đàm luận với Tôn giả Gotama trong vấn đề này.

Thế Tôn nghĩ như sau: "Thật sự thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika này đã thông hiểu ba tập Veda, và các Bà-la-môn tôn trọng người này." Và thanh niên

Bà-la-môn Kāpaṭika nghĩ như sau: "Khi nào Sa-môn Gotama lấy mắt nhìn con mắt ta, ta sẽ hỏi Sa-môn Gotama." Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết được tâm tư của thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika, liền lấy mắt nhìn thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika.

427. Thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika suy nghĩ: "Sa-môn Gotama chăm chú nhìn ta, vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama một câu hỏi." Rồi thanh niên Bà-la-môn Kāpaṭika bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, câu chú thuật (*mantapada*)[5] của những vị tu sĩ thời cổ trong các vị Bà-la-môn y cứ tiếng đồn, truyền thống và Thánh tạng,[6] và ở đây, các vị Bà-la-môn chắc chắn đi đến kết luận: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm." Ở đây, Tôn giả Gotama đã nói gì?

– Nhưng này Bhāradvāja, có một Bà-la-môn nào giữa các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm?"

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bhāradvāja, có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, cho đến vị Tôn sư của các vị Tôn sư trở lui cho đến bảy đời, các vị đại Tôn sư đã nói như sau: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm?"

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bhāradvāja, thuở xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm; như là Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy có nói như sau: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm?"

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy, này Bhāradvāja, không có một Bà-la-môn nào nói như vậy với một Bà-la-môn: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm." Không có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, một vị đại Tôn sư, cho đến bảy đời, vị đại Tôn sư đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm." Thuở xưa những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú và nay những Bà-la-môn hiện tại cũng đã hát lên, nói lên giống như các vị trước đã làm; như là Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy cũng không có nói như sau: "Chúng tôi biết việc này, chúng tôi thấy việc này. Chỉ có đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm."

---

[5] *Mantapada*: Thánh cú, đây chỉ cho các tập Veda. Xem *MA*. III. 424.

[6] Xem *M.* I. 520.

428. Ví như này, Bhāradvāja, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy; cũng vậy, này Bhāradvāja, Ta nghĩ rằng, lời nói của các Bà-la-môn cũng giống như chuỗi người mù,[7] người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Này Bhāradvāja, ông nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, có phải lòng tin của các vị Bà-la-môn trở thành không có căn cứ?

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không phải chỉ dựa trên lòng tin, các Bà-la-môn ở đây còn dựa trên điều nghe (tùy văn: *Anussava*).

– Trước hết, này Bhāradvāja, ông đi đến lòng tin, nay ông nói đến tùy văn. Này Bhāradvāja, năm pháp này có hai quả báo[8] ngay trong hiện tại. Thế nào là năm? Tín, tùy hỷ, tùy văn, cân nhắc suy tư các lý do và chấp nhận quan điểm. Này Bhāradvāja, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại. Tuy vậy, này Bhāradvāja, có điều được khéo tin tưởng, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi. Lại nữa này Bhāradvāja, có điều được khéo tùy hỷ... (như trên)... được khéo tùy văn... (như trên)... được khéo cân nhắc suy tư... (như trên)... được khéo chấp nhận, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo chấp nhận, có thể là thật, chân, không thay đổi. Hộ trì chân lý, này Bhāradvāja, không đủ để một người có trí đi đến kết luận một chiều là: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm."

429. – Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là hộ trì chân lý? Cho đến mức độ nào, chân lý được hộ trì? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lý.

– Này Bhāradvāja, nếu có người có lòng tin và nói: "Đây là lòng tin của tôi", người ấy hộ trì chân lý, nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm." Cho đến như vậy, này Bhāradvāja, là sự hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được hộ trì. Và cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây chưa phải là giác ngộ chân lý. Này Bhāradvāja, nếu có người có lòng tùy hỷ; này Bhāradvāja, nếu có người có lòng tùy văn; này Bhāradvāja, nếu có người có sự cân nhắc suy tư các lý do; này Bhāradvāja, nếu có người chấp nhận một quan điểm và nói: "Đây là sự chấp nhận quan điểm của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm." Cho đến như vậy, này Bhāradvāja, là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, này Bhāradvāja, chân lý được hộ trì. Và cho đến như vậy, này Bhāradvāja, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây chưa phải là giác ngộ chân lý.

430. – Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là hộ trì chân lý. Cho đến

---

[7] Như *M*. II. 200; *D*. I. 239.

[8] *MA*. III. 426 viết là một kết quả đã thành tựu và một kết quả chưa thành tựu.

như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chân lý được hộ trì. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chúng con nhìn thấy hộ trì chân lý. Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là giác ngộ chân lý? Cho đến mức độ nào chân lý được giác ngộ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý.

– Ở đây, này Bhāradvāja, Tỷ-kheo sống gần một làng hay một thị trấn. Một gia chủ hay con trai một gia chủ đi đến vị ấy và tìm hiểu vị ấy trong ba pháp, tức là tham pháp, sân pháp, si pháp. Người này nghĩ rằng: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có tham ái hay không, do những tham ái này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy"; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài." Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Vị Tôn giả ấy không có những tham pháp, do những tham pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng tham. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng tham khéo giảng."

431. Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch không có những tham pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các sân pháp: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có sân pháp hay không, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài." Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Tôn giả ấy không có những sân pháp, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động, khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng sân. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng sân khéo giảng."

432. Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những sân pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các si pháp: "Không hiểu Tôn giả ấy có si pháp hay không, do những si pháp này, tâm của vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài." Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Tôn giả ấy không có những si pháp, do những si pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy, vẫn nói: "Tôi thấy", hay

xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng si. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng si khéo giảng." Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những si pháp, người này sanh lòng tin đối với vị ấy, với lòng tin sanh, người này đến gần, khi đến gần liền thân cận giao thiệp, do thân cận giao thiệp, nên lóng tai; lóng tai, người ấy nghe pháp, sau khi nghe, liền thọ trì pháp, rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì; trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỷ chấp nhận; khi các pháp được hoan hỷ chấp nhận, ước muốn sanh; khi ước muốn sanh, liền cố gắng; sau khi cố gắng, liền cân nhắc; sau khi cân nhắc, người ấy tinh cần. Trong khi tinh cần, người ấy tự thân chứng ngộ tối thượng chân lý, và khi thể nhập chân lý ấy với trí tuệ, người ấy thấy. Cho đến mức độ này, này Bhāradvāja, là sự giác ngộ chân lý. Cho đến mức độ này, chân lý được giác ngộ. Và cho đến mức độ này, chúng tôi chủ trương sự giác ngộ chân lý. Nhưng như vậy chưa phải là chứng đạt chân lý.

433. – Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là giác ngộ chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được giác ngộ. Và cho đến như vậy, chúng con thấy giác ngộ chân lý. Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là chứng đạt được chân lý? Cho đến mức độ nào, chân lý được chứng đạt? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về sự chứng đạt chân lý.

– Này Bhāradvāja, chính nhờ luyện tập, tu tập và hành tập nhiều lần, chân lý mới được chứng đạt. Cho đến như vậy, này Bhāradvāja, là chứng đạt chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được chứng đạt. Cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương sự chứng đạt chân lý.

434. – Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là chứng đạt chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được chứng đạt. Và cho đến như vậy, chúng con thấy chứng đạt chân lý. Nhưng trong sự chứng đạt chân lý, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự chứng đạt chân lý, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự chứng đạt chân lý, này Bhāradvāja, tinh cần được hành trì nhiều. Nếu không tinh cần [theo đuổi] chân lý thì không thể chứng đạt chân lý. Nhưng nếu tinh cần thì chứng đạt được chân lý; do vậy, trong sự chứng đạt chân lý, tinh cần được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tinh cần, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự tinh cần, này Bhāradvāja, sự cân nhắc được hành trì nhiều. Nếu không cân nhắc thì không thể tinh cần [theo đuổi] chân lý. Nếu có cân nhắc sẽ được tinh cần; do vậy, trong sự tinh cần, cân nhắc được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cân nhắc, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự cân nhắc, này Bhāradvāja, cố gắng được hành trì nhiều. Nếu không cố gắng thì không thể cân nhắc. Nhưng nếu có cố gắng thì có cân nhắc; do vậy, trong sự cân nhắc, thì cố gắng được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng, Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cố gắng, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự cố gắng, này Bhāradvāja, ước muốn được hành trì nhiều. Nếu ước muốn đối với chân lý ấy không khởi lên thì không có cố gắng. Vì ước muốn có khởi lên nên có cố gắng; do vậy, trong sự cố gắng, ước muốn được hành trì nhiều.

– Trong ước muốn, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con muốn hỏi Tôn giả Gotama, trong ước muốn, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong ước muốn, này Bhāradvāja, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều. Nếu không hoan hỷ chấp nhận pháp thì ước muốn không khởi lên. Vì có hoan hỷ chấp nhận pháp nên ước muốn khởi lên; do vậy, trong ước muốn, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều.

– Nhưng trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, này Bhāradvāja, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều. Nếu không tìm hiểu ý nghĩa thì không hoan hỷ chấp nhận pháp. Và vì có tìm hiểu ý nghĩa nên có sự hoan hỷ chấp nhận pháp; do vậy, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều.

– Nhưng trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự tìm hiểu ý nghĩa, này Bhāradvāja, thọ trì pháp được hành trì nhiều. Nếu không có thọ trì pháp thì không có tìm hiểu ý nghĩa. Và vì có thọ trì pháp nên có tìm hiểu ý nghĩa; do vậy, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thọ trì pháp được hành trì nhiều.

– Trong sự thọ trì pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Trong sự thọ trì pháp, chúng con hỏi Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự thọ trì pháp, này Bhāradvāja, nghe pháp được hành trì nhiều. Nếu không nghe pháp thì không có thọ trì pháp. Và do có nghe pháp nên có thọ trì pháp; do vậy, trong sự thọ trì pháp, nghe pháp được hành trì nhiều.

– Trong sự nghe pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự nghe pháp, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự nghe pháp, này Bhāradvāja, lóng tai được hành trì nhiều. Nếu không có lóng tai thì không có nghe pháp. Và vì có lóng tai nên có nghe pháp; do vậy, trong sự nghe pháp, lóng tai được hành trì nhiều.

– Trong sự lóng tai, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự lóng tai, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự lóng tai, này Bhāradvāja, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều. Nếu không có thân cận giao thiệp thì không có lóng tai. Vì có thân cận giao thiệp nên có lóng tai; do vậy, trong sự lóng tai, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều.

– Trong sự thân cận giao thiệp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự thân cận giao thiệp, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự thân cận giao thiệp, này Bhāradvāja, đi đến gần được hành trì nhiều. Nếu không đi đến gần thì không có thân cận giao thiệp. Và vì có đi đến gần nên có thân cận giao thiệp; do vậy, trong sự thân cận giao thiệp, đi đến gần được hành trì nhiều.

– Trong sự đi đến gần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự đi đến gần, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự đi đến gần, này Bhāradvāja, lòng tin được hành trì nhiều. Nếu lòng tin không sanh thì không có đi đến gần. Và vì lòng tin sanh nên có đi đến gần; do vậy, trong sự đi đến gần, lòng tin được hành trì nhiều.

435. – Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về hộ trì chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; và do vậy, chúng con hoan hỷ. Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về giác ngộ chân lý. Chúng con đã tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ. Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về chứng đạt chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về chứng đạt chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ. Trong sự chứng đạt chân lý, chúng con hỏi Tôn giả Gotama về pháp nào được hành trì nhiều. Trong sự chứng đạt chân lý, Tôn giả Gotama đã trả lời pháp nào được hành trì nhiều. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ. Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về bất cứ điều gì, Tôn giả Gotama đã trả lời các điều ấy. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ. Thưa Tôn giả Gotama, xưa kia chúng con biết [sự phân biệt] như sau: “Và ai là những Sa-môn trọc đầu, tiện nô, hắc nô, sanh từ gót chân của Phạm thiên?[9] Và ai là những người hiểu biết Chánh

---

[9] Xem *M.* I. 334; *MLS.* I. 397.

pháp?"[10] Thật sự Tôn giả Gotama đã làm sống dậy nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tin kính Sa-môn đối với các Sa-môn.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

[10] Xem *M.* I. 480.

96. KINH ESUKĀRĪ

(*Esukārī Sutta*)[1]

436. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Bà-la-môn Esukārī đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Esukārī bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương bốn loại phụng sự: Chủ trương phụng sự cho Bà-la-môn, chủ trương phụng sự cho Sát-đế-ly (Khattiya), chủ trương phụng sự cho Phệ-xá (Vessa: Người buôn bán), chủ trương phụng sự cho Thủ-đà (Sudda: Lao công). Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Bà-la-môn như sau: Bà-la-môn phụng sự cho Bà-la-môn, hay Khattiya phụng sự cho Bà-la-môn, hay Vessa phụng sự cho Bà-la-môn, hay Sudda phụng sự cho Bà-la-môn. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Bà-la-môn. Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Khattiya như sau: Khattiya phụng sự cho Khattiya, hay Vessa phụng sự cho Khattiya, hay Sudda phụng sự cho Khattiya. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Khattiya. Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Vessa như sau: Vessa phụng sự cho Vessa, hay Sudda phụng sự cho Vessa. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Vessa. Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Sudda như sau: Sudda phụng sự cho Sudda, vì rằng không còn ai khác có thể phụng sự cho Sudda. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Sudda. Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương bốn loại phụng sự này. Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì về vấn đề này?

437. – Nhưng này Bà-la-môn, có phải tất cả mọi người ở đời đồng ý với các Bà-la-môn khi họ chủ trương bốn loại phụng sự này?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Bà-la-môn, ví như một người nghèo nàn, không có sở hữu, khốn khổ, dầu cho người đó không muốn, vẫn bị bắt nuốt miếng thịt: "Này người kia, ông

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Uất-sấu-ca-la kinh* 鬱瘦歌邏經 (*T*.01. 0026.150. 0660c29).

phải ăn miếng thịt này và ông phải trả một số tiền." Cũng vậy, này Bà-la-môn, dầu không được các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chấp nhận, các Bà-la-môn vẫn chủ trương bốn loại phụng sự này.

Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng, tất cả cần phải phụng sự. Nhưng này Bà-la-môn, Ta cũng không nói rằng, tất cả không cần phải phụng sự. Vì rằng, này Bà-la-môn, nếu có ai trong khi phụng sự, trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn, Ta không nói rằng, người đó cần phải phụng sự. Nhưng này Bà-la-môn, nếu có ai trong khi phụng sự, trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn, Ta nói rằng, người đó cần phải phụng sự.

Và này Bà-la-môn, nếu có người hỏi vị Khattiya như sau: "Người phụng sự cho ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn; hay người phụng sự cho ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn? Và như vậy, ở đây ông cần phải được phụng sự bởi người nào?" Vị Khattiya, này Bà-la-môn, nếu trả lời chơn chánh cần phải đáp như sau: "Người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không tốt hơn, thì tôi không cần người ấy phụng sự tôi. Nhưng nếu người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không xấu hơn, thì tôi cần người ấy phụng sự tôi."

Và này Bà-la-môn, nếu có người hỏi Bà-la-môn... (như trên)...

Và này Bà-la-môn, nếu có người hỏi Vessa... (như trên)...

Và này Bà-la-môn, nếu có người hỏi Sudda như sau: "Người phụng sự cho ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn; hay người phụng sự cho ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn? Và như vậy, ông ở đây cần phải được phụng sự bởi người nào?" Người Sudda, này Bà-la-môn, nếu trả lời chơn chánh cần phải đáp như sau: "Người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không tốt hơn, thì tôi không cần người ấy phụng sự tôi. Nhưng nếu người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không xấu hơn, thì tôi cần người ấy phụng sự tôi."

Này Bà-la-môn, Ta không nói tốt hơn vì sanh trong một gia đình cao quý. Này Bà-la-môn, Ta không nói xấu hơn vì sanh trong một gia đình cao quý. Này Bà-la-môn, Ta không nói tốt hơn vì nhan sắc thù thắng. Này Bà-la-môn, Ta không nói xấu hơn vì nhan sắc thù thắng. Này Bà-la-môn, Ta không nói tốt hơn vì tài sản thù thắng. Này Bà-la-môn, Ta không nói xấu hơn vì tài sản thù thắng.

438. Ở đây, này Bà-la-môn, có người sanh trong một gia đình cao quý, sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến. Do vậy, Ta không nói tốt hơn vì sanh trong một gia đình cao quý.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sanh trong một gia đình cao quý, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo,

từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Do vậy, Ta không nói trở thành xấu hơn vì sanh trong gia đình cao quý.

439. Ở đây, này Bà-la-môn, có người với nhan sắc thù thắng... (như trên)...

Ở đây, này Bà-la-môn, có người với tài sản thù thắng, sát sanh, lấy của không cho... (như trên)... có tà kiến. Do vậy, Ta không nói trở thành tốt hơn vì có tài sản thù thắng.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người với tài sản thù thắng, từ bỏ sát sanh... (như trên)... có chánh kiến. Do vậy, Ta không nói trở thành xấu hơn vì có tài sản thù thắng.

Này Bà-la-môn, Ta không nói tất cả cần phải phụng sự. Nhưng này Bà-la-môn, Ta cũng không nói tất cả không cần phải phụng sự. Này Bà-la-môn, người nào phụng sự, do nguyên nhân phụng sự này, lòng tin được tăng trưởng, giới được tăng trưởng, sự nghe được tăng trưởng, bố thí được tăng trưởng, trí tuệ được tăng trưởng, Ta nói người ấy cần phải phụng sự.

440. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Esukārī bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương bốn loại tài sản, chủ trương tài sản của người Bà-la-môn, chủ trương tài sản của người Khattiya, chủ trương tài sản của người Vessa, chủ trương tài sản của người Sudda.

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Bà-la-môn là khất thực. Nhưng khi người Bà-la-môn khinh thường tài sản khất thực, người ấy không làm bổn phận của mình và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Bà-la-môn.

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Khattiya là cung và tên. Nhưng khi người Khattiya khinh thường tài sản cung và tên, người ấy không làm bổn phận của mình và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Khattiya.

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Vessa là canh nông và nuôi bò.[2] Nhưng khi người Vessa khinh thường tài sản canh nông và nuôi bò, người ấy không làm bổn phận của mình và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Vessa.

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Sudda là lưỡi liềm và đòn gánh (*asitabyābhaṅgī*). Nhưng khi người Sudda khinh thường tài sản lưỡi liềm và đòn gánh, người ấy không làm bổn phận của mình

[2] Xem *D*. I. 93.

và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Sudda.

Các Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, chủ trương bốn loại tài sản này. Ở đây, Tôn giả Gotama nói gì về vấn đề này?

441. – Này Bà-la-môn, có phải tất cả mọi người ở đây đồng ý với các Bà-la-môn khi họ chủ trương bốn loại tài sản này?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Bà-la-môn, ví như một người nghèo nàn, không có sở hữu, khốn khổ, dầu cho người đó không muốn, vẫn bị bắt nuốt miếng thịt: "Này người kia, ông phải ăn miếng thịt này và ông phải trả một số tiền." Cũng vậy, này Bà-la-môn, dầu không được các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chấp nhận, các Bà-la-môn vẫn chủ trương bốn loại tài sản này.

Này Bà-la-môn, Ta chủ trương tài sản cho con người là Thánh pháp vô thượng. Trong khi nhớ đến gia hệ thuở xưa của mình về phía cha và mẹ, chỗ nào một tự thể sanh ra,[3] thời sẽ được chấp nhận tùy thuộc chỗ ấy. Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Khattiya, thời được chấp nhận là Khattiya. Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, thời được chấp nhận là Bà-la-môn. Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Vessa, thời được chấp nhận là Vessa. Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Sudda, thời được chấp nhận là Sudda.

Này Bà-la-môn, như tùy thuộc duyên gì một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa được chấp nhận theo duyên ấy. Nếu do duyên củi, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa củi. Nếu do duyên dăm bào, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa dăm bào. Nếu do duyên cỏ, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa cỏ. Nếu do duyên phân bò, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa phân bò.

Cũng vậy, này Bà-la-môn, Ta chủ trương tài sản cho con người là Thánh pháp vô thượng. Trong khi nhớ đến gia hệ thuở xưa của mình về phía cha và mẹ, chỗ nào một tự thể sanh ra, thời sẽ được chấp nhận tùy thuộc chỗ ấy. Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Khattiya, thời được chấp nhận là Khattiya. Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn... trong một gia đình Vessa... trong một gia đình Sudda, thời được chấp nhận là Sudda.

Nhưng này Bà-la-môn, nếu một người từ một gia đình Khattiya xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhờ Pháp và Luật được Như Lai tuyên thuyết, [người ấy] từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm,

---

[3] *Attabhāvassa abhinibbatti.*

không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến, người ấy thành tựu chánh đạo, thiện pháp.[4]

Này Bà-la-môn, nếu một người từ một gia đình Bà-la-môn... từ một gia đình Vessa... từ một gia đình Sudda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhờ Pháp và Luật được Như Lai tuyên thuyết, [người ấy] từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến, người ấy thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

442. Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Trong lập trường này, chỉ có người Bà-la-môn mới có thể tu tập từ tâm, không hận, không sân; người Khattiya không thể được, người Vessa không thể được, người Sudda không thể được?[5]

– Thưa không phải vậy, Tôn giả Gotama. Người Khattiya, thưa Tôn giả Gotama, cũng có thể trong lập trường này, tu tập từ tâm, không hận, không sân. Người Bà-la-môn cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama; người Vessa cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama; người Sudda cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, thưa Tôn giả Gotama, trong lập trường này đều có thể tu tập từ tâm, không hận, không sân.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Khattiya xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người ấy nhờ Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, từ bỏ sát sanh... (như trên)... có chánh kiến, người ấy thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

443. Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Chỉ có người Bà-la-môn mới có thể lấy cào lưng và bột tắm,[6] đi đến sông và tắm rửa cho sạch đất và bụi; người Khattiya không thể được, người Vessa không thể được, người Sudda không thể được?

– Thưa không phải vậy, Tôn giả Gotama. Người Khattiya, thưa Tôn giả Gotama, cũng có thể lấy cào lưng và bột tắm, đi đến sông và tắm rửa cho sạch đất và bụi; người Bà-la-môn cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama; người Vessa cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama; người Sudda cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, thưa Tôn giả Gotama, đều có thể lấy cào lưng và bột tắm đi đến sông và tắm rửa cho sạch đất và bụi.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu từ một gia đình Khattiya, có người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người này nhờ Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Bà-la-môn... này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Vessa... này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Sudda, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người ấy nhờ Pháp và

[4] Xem *M.* I. 502; *M.* II. 197.

[5] Xem *M.* II. 151.

[6] Như chú thích trên.

Luật do Như Lai tuyên thuyết, từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

444. Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có vị vua Khattiya đã làm lễ quán đảnh,[7] cho hội họp một trăm người thuộc nhiều chủng tánh khác nhau và nói: "Quý vị hãy đến đây, quý vị nào thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh ra từ hoàng tộc, hãy đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa bằng cây Sāka, hay cây Sāla, hay cây Salaḷa, hay cây Chiên-đàn, hay cây Sen, quay cho bật lửa và sức nóng hiện ra. Còn những người thuộc gia đình Chiên-đà-la [hạ tiện], thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đổ phân, hãy đến đây, đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây Y-lan, và quay cho bật lửa và sức nóng hiện ra."

Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ có ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng cây Sāka, hay cây Sāla, hay cây Salaḷa, hay cây Chiên-đàn, hay cây Sen, chỉ có lửa ấy mới có ngọn, mới có màu sắc, mới có ánh sáng, và chỉ có ngọn lửa ấy mới dùng được vào các công việc do lửa đem lại; còn ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đổ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây Y-lan, lửa ấy không có ngọn, không có màu sắc, không có ánh sáng, và ngọn lửa ấy không thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại?

– Không phải vậy, thưa Tôn giả Gotama. Ngọn lửa được nhen lên, sức nóng được tạo ra, thưa Tôn giả Gotama, từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng cây Sāka, hay cây Sāla, hay cây Salaḷa, hay cây Chiên-đàn, hay cây Sen, ngọn lửa ấy có ngọn, có màu sắc, có ánh sáng, ngọn lửa ấy dùng được vào các công việc do lửa đem lại; còn ngọn lửa được nhen lên và sức nóng tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đổ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây Y-lan, lửa ấy cũng có ngọn, cũng có màu sắc, cũng có ánh sáng, và ngọn lửa ấy có thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại. Thưa Tôn giả Gotama, tất cả ngọn lửa đều có ngọn, đều có màu sắc, đều có ánh sáng, tất cả loại lửa đều có thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu có người từ gia đình Khattiya xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhờ Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết,

---

[7] Như *M.* II. 151-52.

người ấy từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp. Nếu có người từ gia đình Bà-la-môn... Nếu có người từ gia đình Vessa... Nếu có người từ gia đình Sudda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhờ Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, người ấy từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Esukārī bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

97. KINH DHĀNAÑJĀNI

(*Dhānañjāni Sutta*)[1]

445. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta đang du hành tại Dakkhiṇāgiri (Nam Sơn)[2] cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Một vị Tỷ-kheo sau khi an cư mùa mưa ở Rājagaha, đi đến Dakkhiṇāgiri và đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Sāriputta nói với vị Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

– Này Hiền giả, Thế Tôn có được không bệnh, mạnh khỏe không?

– Thưa Hiền giả, Thế Tôn không bệnh và được mạnh khỏe.

– Thưa Hiền giả, còn chúng Tỷ-kheo có được không bệnh và mạnh khỏe không?

– Thưa Hiền giả, chúng Tỷ-kheo cũng không bệnh và được mạnh khỏe.

– Ở đây, này Hiền giả, có Bà-la-môn tên là Dhānañjāni ở tại Taṇḍulapāla.[3] Này Hiền giả, Bà-la-môn Dhānañjāni có được không bệnh và mạnh khỏe không?

– Thưa Hiền giả, Bà-la-môn Dhānañjāni cũng không bệnh và được mạnh khỏe.

– Này Hiền giả, Bà-la-môn Dhānañjāni có được không phóng dật không?

– Thưa Hiền giả, làm sao Bà-la-môn Dhānañjāni có thể không phóng dật được. Thưa Hiền giả, Bà-la-môn Dhānañjāni ỷ thế vua, bóc lột các Bà-la-môn gia chủ; ỷ thế các Bà-la-môn gia chủ, bóc lột vua. Người vợ trước của Bà-la-môn có thành tín, được cưới từ một gia đình có thành tín, đã từ trần. Người vợ sau không có thành tín và được cưới từ một gia đình không có thành tín.

– Này Hiền giả, thật là một tin không tốt lành! Này Hiền giả, thật là một tin không tốt lành khi chúng ta được nghe Bà-la-môn Dhānañjāni phóng dật! Rất có thể chúng ta có dịp gặp Bà-la-môn Dhānañjāni, rất có thể sẽ có một cuộc đàm thoại.

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phạm chí Đà-nhiên kinh* 梵志陀然經 (*T*.01. 0026.27. 0456a22).

[2] *Dakkhiṇāgiri*: Nam Sơn. *MA*. III. 429 viết *giri* là sườn núi và ở đây chỉ cho phía Bắc của dãy núi bao bọc thành Rājagaha.

[3] Một trong những ngõ vào thành Rājagaha. Xem *MA*. III. 429.

446. Rồi Tôn giả Sāriputta, sau khi ở tại Dakkhiṇāgiri cho đến khi vừa ý, liền khởi hành đi Rājagaha, tuần tự du hành và đến tại Rājagaha. Ở đây, Tôn giả Sāriputta trú ở Rājagaha, Veḷuvana, tại Kalandakanivāpa. Rồi Tôn giả Sāriputta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Rājagaha để khất thực. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Dhānañjāni đang cho vắt sữa bò ở ngoài thành. Tôn giả Sāriputta, sau khi khất thực ở Rājagaha xong, sau buổi ăn, trên con đường trở về, đi đến Bà-la-môn Dhānañjāni. Bà-la-môn Dhānañjāni thấy Tôn giả Sāriputta từ xa đi tới, sau khi thấy, liền đi đến Tôn giả Sāriputta, sau khi đến, liền thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Hãy uống sữa này và chờ cho đến giờ ăn cơm!

– Thôi vừa rồi, Bà-la-môn. Hôm nay ta đã ăn xong. Ta sẽ ngồi nghỉ trưa ở một góc cây. Ông có thể đến đó.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Dhānañjāni vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Rồi Bà-la-môn Dhānañjāni, sau khi ăn sáng xong, liền đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Sāriputta nói với Bà-la-môn Dhānañjāni đang ngồi một bên:

– Này Dhānañjāni, ông có không phóng dật không?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, làm sao chúng tôi có thể không phóng dật được, khi chúng tôi còn cha mẹ phải phụng dưỡng, còn vợ con phải nuôi dưỡng, còn đầy tớ, lao công phải nuôi dưỡng, còn có những trách nhiệm[4] bạn bè thân hữu phải làm đối với bạn bè thân hữu, còn có những trách nhiệm bà con huyết thống phải làm đối với bà con huyết thống, còn có những trách nhiệm tân khách phải làm đối với tân khách, còn có những trách nhiệm Tổ tiên phải làm đối với Tổ tiên, còn có những trách nhiệm thiên thần phải làm đối với thiên thần, còn có những trách nhiệm vua chúa phải làm đối với vua chúa, lại còn thân này cần phải làm cho thỏa mãn và trưởng dưỡng.

447. – Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì cha mẹ làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy có làm được gì khi nói: "Tôi vì cha mẹ đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục"? Hay cha mẹ của người ấy có làm được gì khi nói: "Con chúng tôi vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo nó đến địa ngục"?

– Thưa không được, Tôn giả Sāriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

---

[4] *Karaṇīyaṃ kātabbaṃ.*

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì vợ con làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy có làm được gì khi nói: "Tôi vì vợ con đã làm các điều phi pháp, đã làm điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục?" Hay vợ con người ấy có làm được gì khi nói: "[Chồng, cha tôi] vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo [chồng, cha tôi] đến địa ngục"?

– Thưa không được, Tôn giả Sāriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì đầy tớ lao công làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy có làm được gì khi nói: "Tôi vì các đầy tớ lao công đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục"? Hay các đầy tớ lao công có làm được gì khi nói: "[Chủ chúng tôi] vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo [chủ chúng tôi] đến địa ngục"?

– Thưa không được, Tôn giả Sāriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì bạn bè thân hữu làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy có làm được gì khi nói: "Tôi vì các bạn bè thân hữu đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục"? Hay các bạn bè thân hữu có làm được gì khi nói: "[Người này] vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo [người này] đến địa ngục"?

– Thưa không được, Tôn giả Sāriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì các tân khách làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy có làm được gì khi nói: "Tôi vì các tân khách đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục"? Hay các tân khách có làm được gì khi nói: "[Người này] vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo [người này] đến địa ngục"?

– Thưa không được, Tôn giả Sāriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì Tổ tiên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy có làm được gì khi nói: "Tôi vì Tổ tiên đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục"? Hay Tổ tiên có làm được gì khi nói: "[Người này] vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo [người này] đến địa ngục"?

– Thưa không được, Tôn giả Sāriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì chư thiên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy có làm được gì khi nói: "Tôi vì chư thiên đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục"? Hay các chư thiên có làm được gì khi nói: "[Người này] vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo [người này] đến địa ngục"?

– Thưa không được, Tôn giả Sāriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì vua chúa làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy có làm được gì khi nói: "Tôi vì vua chúa đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục"? Hay các vua chúa có làm được gì khi nói: "[Người này] vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh, chớ có để các địa ngục quân kéo [người này] đến địa ngục"?

– Thưa không được, Tôn giả Sāriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì làm cho thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân, làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh này, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy có làm được gì khi nói: "Vì làm cho thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân, tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh này, chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục"? Hay các người khác có làm được gì khi nói: "Vì làm cho thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân, người này làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh này, chớ có để các địa ngục quân kéo người này đến địa ngục"?

– Thưa không được, Tôn giả Sāriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

448. – Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Một người vì cha mẹ làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh; hay một người vì cha mẹ làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, người vì cha mẹ làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sāriputta, người vì cha mẹ làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sāriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Này Dhānañjāni, có những hành động khác có nhân, đúng pháp,[5] với những hành động này, có thể phụng dưỡng cha mẹ, không làm các điều ác, làm được các thiện hành.[6] Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Một người vì vợ con làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh; hay một người vì vợ con làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, một người vì vợ con làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sāriputta, một người vì vợ con làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sāriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Này Dhānañjāni, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này, có thể nuôi dưỡng vợ con, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Một người vì đầy tớ lao công làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh; hay một người vì đầy tớ lao công làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, người vì đầy tớ lao công làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sāriputta, người vì đầy tớ lao công làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sāriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Này Dhānañjāni, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này, có thể nuôi dưỡng đầy tớ lao công, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Một người vì bạn bè thân hữu làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh; hay là người vì bạn bè thân hữu làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, người vì bạn bè thân hữu làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sāriputta, người vì bạn bè thân hữu làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sāriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

---

[5] *Hetukā dhammikā kammantā.*

[6] *Puññañca paṭipadaṃ. Puñña* có nghĩa là thiện, cũng có nghĩa là công đức, trái với *pāpa* (tội lỗi).

– Này Dhānañjāni, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này, có thể nuôi dưỡng bạn bè thân hữu, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Một người vì bà con huyết thống làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh; hay một người vì bà con huyết thống làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, người vì bà con huyết thống làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sāriputta, người vì bà con huyết thống làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sāriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Này Dhānañjāni, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này, có thể nuôi dưỡng bà con huyết thống, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Một người vì tân khách làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh; hay một người vì tân khách làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, người vì tân khách làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sāriputta, người vì tân khách làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sāriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Này Dhānañjāni, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể làm các bổn phận tân khách đối với tân khách, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Một người vì Tổ tiên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh; hay người vì Tổ tiên làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, người vì Tổ tiên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sāriputta, người vì Tổ tiên làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sāriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Này Dhānañjāni, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này, có thể làm được những trách nhiệm Tổ tiên phải làm đối với các Tổ tiên, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Một người vì chư thiên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh; hay người vì chư thiên làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, người vì chư thiên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sāriputta, người vì chư thiên làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp

hơn. Thưa Tôn giả Sāriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Này Dhānañjāni, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể làm được các trách nhiệm chư thiên phải làm đối với chư thiên, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Người vì vua chúa làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh; hay người vì vua chúa làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, người vì vua chúa làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sāriputta, người vì vua chúa làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sāriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Này Dhānañjāni, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, có thể làm các trách nhiệm vua chúa phải làm đối với vua chúa, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Này Dhānañjāni, ông nghĩ thế nào? Người vì làm thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân làm điều phi pháp, làm các điều bất chánh; hay là người vì làm thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân, làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, người vì làm thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân, làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sāriputta, người vì làm thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân, làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sāriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Này Dhānañjāni, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể làm thỏa mãn, trưởng dưỡng cái thân, không làm các điều ác, làm được các thiện hành.

449. Bà-la-môn Dhānañjāni hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sāriputta dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Bà-la-môn Dhānañjāni, sau một thời gian bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi Bà-la-môn Dhānañjāni cho gọi một người khác:

– Ông hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, khổ đau, bị bạo bệnh, xin cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn!" Rồi ông đi đến Tôn giả Sāriputta, sau khi đến, hãy nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ Tôn giả Sāriputta và thưa: "Thưa Tôn giả Sāriputta, Bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, cúi đầu đảnh lễ Tôn giả Sāriputta và thưa: 'Tôn giả, lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta vì lòng từ bi thương xót, đi đến trú xá của Bà-la-môn Dhānañjāni.'"

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng theo lời Bà-la-môn Dhānañjāni, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ chân Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn.

Rồi đi đến Tôn giả Sāriputta, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Sāriputta rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Tôn giả, Bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, cúi đầu đảnh lễ Tôn giả Sāriputta và thưa: "Tôn giả, lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta vì lòng từ bi thương xót, đi đến trú xá của Bà-la-môn Dhānañjāni."

Tôn giả Sāriputta im lặng nhận lời.

450. Rồi Tôn giả Sāriputta đắp y, cầm y bát, đi đến trú xá Bà-la-môn Dhānañjāni; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Sāriputta hỏi Bà-la-môn Dhānañjāni:

– Ta mong, này Dhānañjāni, ông có thể kham nhẫn; ta mong ông có thể chịu đựng; ta mong khổ thọ được giảm thiểu, không có gia tăng, và sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng!

– Thưa Tôn giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, tôi không thể chịu đựng. Sự thống khổ của tôi gia tăng, không có giảm thiểu. Và sự gia tăng được rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, ví như một người lực sĩ[7] chém đầu [một người khác] với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, những ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu tôi. Thưa Tôn giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, tôi không thể chịu đựng. Những thống khổ của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng được rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết chặt; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, tôi bị đau đầu một cách kinh khủng. Thưa Tôn giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, tôi không thể chịu đựng. Những thống khổ của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng được rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của tôi. Thưa Tôn giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, tôi không thể chịu đựng. Những thống khổ của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng được rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân tôi. Thưa Tôn giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, tôi không thể chịu đựng. Những thống khổ của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng được rõ rệt, không có giảm thiểu.

---

[7] Xem các ví dụ tương đương trong *M.* I. 243-44.

451. – Này Dhānañjāni, ông nghĩ như thế nào, địa ngục hay bàng sanh, chỗ nào tốt hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, bàng sanh tốt hơn địa ngục.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ như thế nào, bàng sanh hay cảnh ngạ quỷ, chỗ nào tốt hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, cảnh ngạ quỷ tốt hơn bàng sanh.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ như thế nào, cảnh giới ngạ quỷ hay loài người, chỗ nào tốt hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, loài người tốt hơn cảnh giới ngạ quỷ.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ như thế nào, loài người hay Tứ Thiên Vương thiên,[8] chỗ nào tốt hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, Tứ Thiên Vương thiên tốt hơn loài người.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ như thế nào, Tứ Thiên Vương thiên hay Tam Thập Tam thiên, chỗ nào tốt hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, Tam Thập Tam thiên tốt hơn Tứ Thiên Vương thiên.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ như thế nào, Tam Thập Tam thiên hay Dạ-ma thiên, chỗ nào tốt hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, Dạ-ma thiên tốt hơn Tam Thập Tam thiên.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ như thế nào, Dạ-ma thiên hay Đâu-suất-đà thiên, chỗ nào tốt hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, Đâu-suất-đà thiên tốt hơn Dạ-ma thiên.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ như thế nào, Đâu-suất-đà thiên hay Hóa Lạc thiên (*Nimmānarati*), chỗ nào tốt hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, Hóa Lạc thiên tốt hơn Đâu-suất-đà thiên.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ như thế nào, Hóa Lạc thiên hay Tha Hóa Tự Tại thiên, chỗ nào tốt hơn?

– Thưa Tôn giả Sāriputta, Tha Hóa Tự Tại thiên tốt hơn Hóa Lạc thiên.

– Này Dhānañjāni, ông nghĩ như thế nào, Tha Hóa Tự Tại thiên hay Phạm thiên giới, chỗ nào tốt hơn?

– Tôn giả Sāriputta đã nói: "Phạm thiên giới." Tôn giả Sāriputta đã nói: "Phạm thiên giới."

Rồi Tôn giả Sāriputta suy nghĩ: "Các vị Bà-la-môn này rất ái luyến Phạm thiên giới. Vậy ta hãy thuyết giảng con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên."

– Này Dhānañjāni, ta sẽ thuyết giảng cho ông con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên. Hãy nghe, khéo tác ý, ta sẽ giảng.

---

[8] Xem danh sách các thiên thần trong *M.* I. 289.

– Thưa vâng.

Bà-la-môn Dhānañjāni vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta thuyết như sau:

– Này Dhānañjāni, thế nào là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên? Ở đây, này Dhānañjāni, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Này Dhānañjāni, như vậy là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

452. Lại nữa, này Dhānañjāni, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với hỷ... an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Này Dhānañjāni, như vậy là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

– Vậy thưa Tôn giả Sāriputta, hãy nhân danh tôi cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn."

Rồi Tôn giả Sāriputta, dầu cho có những cảnh giới cao thượng hơn cần phải chứng, sau khi an trú Bà-la-môn vào Phạm thiên giới thấp kém, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Và Bà-la-môn Dhānañjāni, sau khi Tôn giả Sāriputta ra đi không bao lâu, liền mệnh chung và được sanh lên Phạm thiên giới.

453. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, dầu cho có những cảnh giới cao thượng hơn cần phải chứng, Sāriputta sau khi an trú Bà-la-môn Dhānañjāni vào Phạm thiên giới thấp kém, đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn.

– Này Sāriputta, vì sao, dầu cho có những cảnh giới cao thượng hơn cần phải chứng, ông sau khi an trú Bà-la-môn Dhānañjāni vào Phạm thiên giới thấp kém, đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi?

– Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Những vị Bà-la-môn này rất luyến ái Phạm thiên giới." Do vậy con mới thuyết giảng con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

– Và này Sāriputta, Bà-la-môn Dhānañjāni đã mệnh chung và được sanh lên Phạm thiên giới.

98. KINH VĀSEṬṬHA

(*Vāseṭṭha Sutta*)[1]

454. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Icchānaṅkala (Y-xa-năng-già-la), tại khu rừng Icchānaṅkala. Lúc bấy giờ, có rất nhiều Bà-la-môn có thời danh, có danh tiếng và giàu có trú tại Icchānaṅkala như Bà-la-môn Caṅkī,[2] Bà-la-môn Tārukkha, Bà-la-môn Pokkharasāti, Bà-la-môn Jāṇussoṇi, Bà-la-môn Todeyya cùng rất nhiều Bà-la-môn có thời danh, có danh tiếng và giàu có khác.[3] Rồi trong khi các thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha và Bhāradvāja đang tản bộ du hành, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Thế nào là một vị Bà-la-môn?"

Thanh niên Bhāradvāja nói như sau:

– Nếu ai thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh, như vậy là một vị Bà-la-môn.

Thanh niên Vāseṭṭha nói như sau:

– Nếu ai có giới hạnh và thành tựu các cấm giới, như vậy là một vị Bà-la-môn.

Thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja không thể thuyết phục thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha và thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha không thể thuyết phục thanh niên Bhāradvāja. Rồi thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha nói với thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja:

– Này Bhāradvāja, Sa-môn Gotama này là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay đang trú ở Icchānaṅkala, tại khu rừng Icchānaṅkala. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này Tôn giả Bhāradvāja, chúng ta hãy đến Sa-môn Gotama; sau khi đến hãy hỏi Tôn giả Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

---

[1] Xem *Dh*. 108; *Sn*. 115, 214; *Thag*. 620; *Thīg*. 63; *Kvu*. 545. Tham chiếu: *Pháp cú kinh*, *Phạm chí phẩm* 法句經梵志品 (*T*.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh*, *Phạm chí phẩm* 出曜經梵志品 (*T*.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Phạm chí phẩm* 法集要頌經梵志品 (*T*.04. 0213.34. 0768c14).

[2] *MA*. III. 431 viết Caṅkī và 4 vị kia là những vị Thầy tâm linh của Vua Pasenadi.

[3] *MA*. III. 431 viết rằng cứ 6 tháng, các vị này họp tại 2 chỗ. Nếu họ muốn sự thọ sanh được trong sạch, thì đến hội họp ở Ukkaṭṭhā dưới sự hướng dẫn của Pokkharasāti. Nếu họ muốn các *mantrā* được thanh tịnh, thì hội họp ở Icchānaṅkala.

– Thưa vâng.

Thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja vâng đáp thanh niên Vāseṭṭha.

455. Rồi thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha và Bhāradvāja cùng đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha dùng những lời kệ bạch Thế Tôn:

Chúng con cả hai người,
Được tôn xưng, tự nhận,
Là những bậc thông thái,
Cả ba tập Vệ-đà.
Con là đệ tử Ngài,
Pokkharasāti,
Còn vị thanh niên này,
Đệ tử Tārukkha.
Ba Vệ-đà nói gì,
Chúng con đều thông đạt,
Văn cú và văn phạm,
Chúng con đều thấu hiểu,
Thuyết giảng và giải thích,
Thật giống bậc Đạo sư.
Tôn giả Gotama,
Giữa hai người chúng con,
Có sự tranh luận này,
Về huyết thống thọ sanh.
Bhāradvāja nói:
"Chính do sự thọ sanh."
Con nói: "Do hành động,
Mới thành Bà-la-môn."
Mong bậc Có Pháp Nhãn,
Hiểu cho là như vậy.
Cả hai người chúng con,
Không thể thuyết phục nhau.
Chúng con đến hỏi Ngài,
Bậc Chánh Giác tôn xưng.
Như trăng được tròn đầy,
Quần chúng đến chắp tay,
Đảnh lễ và chiêm ngưỡng.
Cũng vậy, ở trong đời,
Quần chúng đều đảnh lễ,
Gotama Tôn giả.

Chúng con đến hỏi Ngài,
Bậc Pháp Nhãn thế gian,
Bà-la-môn do sanh,
Hay chính do hành động?
Chúng con không được biết,
Hãy nói chúng con biết.

456. Đức Thế Tôn bèn nói:
Này ông Vāseṭṭha,
Ta trả lời cho ông,
Thuận thứ và như thật,
Sự phân loại do sanh,
Của các loài hữu tình,
Chính do sự sanh đẻ,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem cỏ và cây,
Dầu chúng không nhận thức,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem loại côn trùng,
Bướm đêm, các loại kiến,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem loại bốn chân,
Loại nhỏ và loại lớn,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem loại bò sát,
Loại rắn, loại lưng dài,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem các loại cá,
Loại sinh sống trong nước,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem các loại chim,
Loại có cánh trên trời,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Tùy theo sự thọ sanh,
Chúng có tướng tùy sanh.

Trong thế giới loài người,
Tướng sanh không có nhiều.
Không ở đầu, mái tóc,
Không ở tai, ở mắt,
Không ở miệng, ở mũi,
Không ở môi, ở mày,
Không ở cổ, ở nách,
Không ở bụng, ở lưng,
Không ở ngực, ở vú,
Không âm hộ, hành dâm.
Không ở tay, ở chân,
Không ở ngón, ở móng,
Không cổ chân, bắp vế,
Không ở sắc, ở tiếng.
Không tướng, do tùy sanh,
Tùy sanh, loại sai khác.

457. Trên tự thân con người,
Không có gì đặc biệt.
Chỉ tùy theo danh xưng,
Loài người được kêu gọi.
Đối người tự sinh sống
Chăn bò, lo ruộng đất,
Vāseṭṭha hãy biết,
Kẻ ấy là nông phu,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống theo nghề nghiệp,
Vāseṭṭha hãy biết,
Kẻ ấy là công thợ,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống nghề buôn bán,
Vāseṭṭha hãy biết,
Kẻ ấy là thương nhân,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống hầu hạ người,
Vāseṭṭha hãy biết,
Kẻ ấy là nô bộc,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống lấy của người,
Vāseṭṭha hãy biết,
Kẻ ấy là kẻ trộm,
Không phải Bà-la-môn.

Ai sống nghề cung tên,
Vāseṭṭha hãy biết,
Kẻ ấy là nhà binh,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống nghề tế tự,
Vāseṭṭha hãy biết,
Kẻ ấy là tế quan,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống giữa loài người,
Thọ hưởng làng, quốc độ,
Vāseṭṭha hãy biết,
Kẻ ấy là vua chúa,
Không phải Bà-la-môn.
Và Ta không có gọi,
Kẻ ấy Bà-la-môn,
Chỉ vì do thọ sanh,
Dầu vị ấy cao sang,
Dầu vị ấy giàu có,
Nhưng còn ham thế lợi.
Không tham lam thế lợi,
Không chấp thủ sở hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

458. Vị đoạn tận kiết sử,
Không ai không sợ hãi,
Siêu việt mọi chấp trước,
Thoát ly các hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Cắt dây thừng, dây ách,
Dây cương cùng dây trói,
Quăng đi cây chắn ngang,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Bậc sáng suốt, giác ngộ,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai không lỗi, chịu đựng,
Nhiếc mắng cùng đánh trói,
Trang bị với nhẫn lực,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Không phẫn nộ, giữ luật,

Có giới hạnh không kiêu,
Nhiếp phục thân tối hậu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Như nước trên lá sen,
Hột cải trên đỉnh nhọn,
Không tham luyến dục vọng,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai biết ngay đời này,
Khổ vì ngã đoạn tận,
Gánh nặng được đặt xuống,
Xa lìa các hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Tuệ thâm sâu, có trí,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Đích tối thượng đạt được,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai không còn liên hệ,
Cả tại gia, xuất gia,
Không nhà trú, thiểu dục,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Bỏ gậy đối chúng sanh,
Kẻ yếu cùng kẻ mạnh,
Không giết, không hại ai,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Giữa kẻ thù, không thù,
Giữa hung bạo, an tịnh,
Giữa chấp thủ, không chấp,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Dối, tham, sân, mạn, phú,
Ai bỏ rơi được chúng,
Như hột cải rơi khỏi,
Đầu nhọn của mũi kim,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

459. Ai dạy thật nhỏ nhẹ,
Nói nên lời chơn thực,
Không xúc phạm một ai,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Dài ngắn hay lớn nhỏ,
Thanh tịnh hay bất tịnh,
Ở đời vật dài ngắn,
Lớn, nhỏ, tịnh, bất tịnh,
Không lấy vật không cho,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Với ai không tham cầu,
Đời này và đời sau,
Từ bỏ mọi tham cầu,
Đoạn rời mọi hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai không có chấp tàng,
Với trí đoạn nghi hoặc,
Đạt nhập đáy bất tử,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ở đời ai vượt khỏi,
Mọi buộc ràng thiện ác,
Không sầu, không bụi uế,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai không uế, thanh tịnh,
Không gợn, sáng như trăng,
Hỷ, hữu được đoạn trừ,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai vượt qua hiểm lộ,
Ác lộ, luân hồi, si,
Vượt khỏi, đến bờ kia,
Thiền tư, không dao động,
Đoạn trừ mọi nghi hoặc,
An tịnh, không chấp trước,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

Ở đời, bỏ dục vọng,
Không nhà, sống xuất gia,
Đoạn trừ dục và hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ở đời, bỏ tham ác,
Không nhà, sống xuất gia,
Đoạn trừ ác và hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai từ bỏ nhân ách,
Vượt qua cả thiên ách,
Đoạn trừ mọi ách nạn,
Thoát ly mọi hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Từ bỏ lạc, bất lạc,
Thanh lương, không y trú,
Chiến thắng mọi thế giới,
Bậc Anh hùng [dũng mãnh],
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, thiện thệ,
Giác ngộ, [đạt Chánh giác],
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Không biết chỗ sở thú,
Thiên, nhân, càn-thát-bà,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-hán,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai không có chấp trước,
Đời trước, sau, đời này,
Không chấp, không sở hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ngưu vương, bậc Tối thắng,
Anh hùng, bậc Đại sĩ,

Bậc Chinh phục, Bất động,
Tắm sạch, bậc Giác ngộ,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai biết được đời trước,
Thấy được thiện, ác thú,
Đạt được sanh diệt đoạn,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

460. Điều thế giới cho gọi,
Là "tên" và "gia tộc"
Chỉ tục danh, thông danh,
Danh từ khởi nhiều chỗ,
Đã lâu đời chấp trước,
Tà kiến của kẻ ngu,
Kẻ ngu tự tuyên bố,
Bà-la-môn do sanh.
Không phải do sanh đẻ,
Được gọi Bà-la-môn.
Không phải do sanh đẻ,
Gọi phi Bà-la-môn.
Chính do sự hành động,
Được gọi Bà-la-môn.
Chính do sự hành động,
Gọi phi Bà-la-môn.
Hành động làm nông phu,
Hành động làm công thợ,
Hành động làm lái buôn,
Hành động làm nô bộc,
Hành động làm ăn trộm,
Hành động làm nhà binh,
Hành động làm tế quan,
Hành động làm vua chúa,
Kẻ trí thấy hành động,
Như thật là như vậy.
Thấy rõ lý Duyên khởi,
Biết rõ nghiệp dị thục,
Do nghiệp, đời luân chuyển,
Do nghiệp, người luân hồi.
Nghiệp trói buộc chúng sanh,
Như trục xe quay bánh,

Do khổ hạnh, Phạm hạnh,
Tiết chế và chế ngự,
Tác thành Bà-la-môn.
Bà-la-môn như vậy,
Mới thật là tối thượng,
Ba Vệ-đà thành tựu,
An tịnh, tái sanh đoạn,
Vāseṭṭha nên biết,
Kẻ ấy được Phạm thiên,
Được Thiên chủ Sakka,
[Biết đến thật tường tận].

461. Khi được nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha và Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama,[4] quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

[4] Theo *DA*. 406, hai vị này quy y lần đầu tiên. Lần quy y thứ hai là sau khi họ nghe *Kinh Tam Minh* (*Tevijja Sutta*), *D*. 13; sau đó họ xuất gia, thọ Đại giới và chứng quả A-la-hán. Xem *D*. 27, *Aggañña Sutta* (*Kinh Khởi thế nhân bổn*); *DA*. 872.

99. KINH SUBHA

(*Subha Sutta*)[1]

462. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta trú ở Sāvatthi, tại nhà một gia chủ, vì một vài công vụ. Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta trú tại nhà gia chủ, nói với vị gia chủ ấy:

– Này gia chủ, tôi nghe như sau: "Sāvatthi không phải không có các bậc A-la-hán lui tới." Hôm nay, chúng ta nên đến chiêm ngưỡng vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào?

– Thưa Tôn giả, Thế Tôn hiện trú tại Sāvatthi, Jetavana, tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Thưa Tôn giả, hãy đi đến chiêm ngưỡng Thế Tôn ấy.

Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta vâng theo lời gia chủ ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn đã nói như sau: "Người tại gia thành tựu chánh đạo thiện pháp.[2] Người xuất gia không thành tựu chánh đạo thiện pháp." Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì?

463. – Này thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta chủ trương Phân tích (*Vibhajjavāda*); ở đây, Ta không chủ trương Nói một chiều (*Ekaṃsavāda*). Này thanh niên Bà-la-môn, Ta không tán thán tà đạo của kẻ tại gia hay kẻ xuất gia. Này thanh niên Bà-la-môn, kẻ tại gia hay kẻ xuất gia hành tà đạo, do nhân duyên hành tà đạo, không thành tựu được chánh đạo thiện pháp. Này thanh niên Bà-la-môn, Ta tán thán chánh đạo của kẻ tại gia hay kẻ xuất gia. Này thanh niên Bà-la-môn, kẻ tại gia hay kẻ xuất gia hành chánh đạo, do nhân duyên hành chánh đạo, thành tựu được chánh đạo thiện pháp.

---

[1] *D*. 10, *Subha Sutta* (*Kinh Subha*), *D*. I. 204 viết lại câu chuyện giữa Subha và Ānanda, sau khi đức Phật nhập Niết-bàn không bao lâu. Todeyya là một Bà-la-môn giàu có, địa chủ một làng tên là Tu-di gần Sāvatthi. Xem *M*. III. 202. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T*.01. 0026.152. 0666c26). Tham chiếu: *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T*.01. 0026.170. 0703c21); *Đâu-điều kinh* 兜調經 (*T*.01. 0078. 0887b04); *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T*.01. 0079. 0888b15); *Phật vị Thủ-ca Trưởng giả thuyết nghiệp báo sai biệt kinh* 佛為首迦長者說業報差別經 (*T*.01. 0080. 0891a17); *Phân biệt thiện ác báo ứng kinh* 分別善惡報應經 (*T*.01. 0081. 0895b25); *Phật thuyết Tịnh Ý Ưu-bà-tắc sở vấn kinh* 佛說淨意優婆塞所問經 (*T*.17. 0755. 0588c08).

[2] Xem *M*. I. 502.

– Thưa Tôn giả Gotama, do dịch vụ nhiều, công tác nhiều, tổ chức nhiều, lao lực nhiều, nên nghiệp sự (*kammāṭṭhānaṃ*) của kẻ tại gia có quả báo lớn; do dịch vụ ít,[3] công tác ít,[4] tổ chức ít, lao lực ít nên nghiệp sự của kẻ xuất gia không có quả lớn. Ở đây, Tôn giả Gotama nói gì?

– Này thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta chủ trương phân tích; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều. Này thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai, sẽ có kết quả nhỏ. Này thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn. Này thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai, sẽ có kết quả nhỏ. Này thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn. Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai, sẽ có kết quả nhỏ? Này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai, sẽ có kết quả nhỏ. Và này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn? Này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn. Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai, sẽ có kết quả nhỏ? Này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai, sẽ có kết quả nhỏ. Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn? Này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn.

464. Ví như, này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai, sẽ có kết quả nhỏ; cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của một cư sĩ, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai, sẽ có kết quả nhỏ. Ví như, này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn; cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của một cư sĩ với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn. Ví như, này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai, sẽ có kết quả nhỏ; cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của người xuất gia,

---

[3] *Appaṭṭha*. Xem *A*. III. 120.

[4] *Appakicca*. *A*. III. 120; *It*. 72; *Sn*. 144.

dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai, sẽ có kết quả nhỏ. Ví như, này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn; cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của người xuất gia với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn.

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước[5] đắc thiện.

– Này thanh niên Bà-la-môn, năm pháp được các Bà-la-môn chủ trương tác phước đắc thiện, nếu ông không thấy nặng nhọc, lành thay, ông hãy nói về năm pháp ấy trong hội chúng này.

– Thưa Tôn giả Gotama, không có nặng nhọc gì cho con, khi ở đây có vị như Tôn giả đang ngồi hay các vị giống như Tôn giả.

– Vậy này thanh niên Bà-la-môn, hãy nói đi!

– Chân thực, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ nhất, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước đắc thiện. Khổ hạnh, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ hai, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước đắc thiện. Phạm hạnh, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ ba, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước đắc thiện. Tụng đọc,[6] thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ tư, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước đắc thiện. Thí xả, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ năm, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước đắc thiện. Thưa Tôn giả Gotama, các vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp này tác phước đắc thiện. Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì?

465. – Thế nào, này thanh niên Bà-la-môn, có một Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn đã nói như sau: "Sau khi chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết quả dị thục của năm pháp này"?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Thế nào, này thanh niên Bà-la-môn, có một Đạo sư nào trong những Bà-la-môn, một đại Tôn sư, cho đến bảy đời Tôn sư, đại Tôn sư, vị ấy đã nói: "Sau khi tự mình chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết quả dị thục của năm pháp này"?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Thế nào, này thanh niên Bà-la-môn, những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn,[7] những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh, và ngày nay những vị Bà-la-môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Aṭṭhaka,

[5] *Kiriyāya*: Có tác dụng, nhân duyên đưa đến quả.

[6] *Ajjhena. MA*. III. 448 viết *mantagahaṇa*, nghĩa là đọc tụng.

[7] Như *M*. II. 169.

Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmita, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy có nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thục của năm pháp này"?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, không có một vị Bà-la-môn nào trong các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết kết quả dị thục của năm pháp này." Không có một Đạo sư nào trong các vị Bà-la-môn, một đại Tôn sư, cho đến bảy đời Tôn sư, đại Tôn sư nào nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết kết quả dị thục của năm pháp này." Những vị tu sĩ thời cổ trong các vị Bà-la-môn, những vị sáng tác các thần chú... (như trên)... không có một vị nào đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thục của năm pháp này." Ví như, này thanh niên Bà-la-môn, một chuỗi người mù[8] ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy; cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Ta nghĩ lời nói của những Bà-la-môn trở thành giống như một chuỗi người mù, người đầu không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

466. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta phẫn nộ, không hoan hỷ vì bị Thế Tôn dùng ví dụ một chuỗi người mù, liền mạ lỵ cả Thế Tôn, hủy báng cả Thế Tôn và nói về Thế Tôn: "Sa-môn Gotama sẽ bị quả ác độc (*pāpita*)."[9] Rồi nói với Thế Tôn như sau:

– Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pokkharasāti thuộc dòng họ Upamaññā[10] trú ở rừng Subhaga[11] đã nói: "Cũng vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn tự cho đã chứng được các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh này." Lời nói này của vị ấy thật sự chỉ đáng chê cười, thật sự chỉ là lời nói suông, thật sự chỉ là trống không, thật sự chỉ là trống rỗng. Làm sao là người lại còn có thể biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh? Sự kiện như vậy không thể xảy ra.

– Thế nào, này thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasāti thuộc dòng họ Upamaññā, trú tại rừng Subhaga có thể biết tâm tư tất cả Sa-môn, Bà-la-môn với tâm tư của mình?

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pokkharasāti thuộc dòng họ Upamaññā, trú ở rừng Subhaga, với tâm tư của mình không thể biết được tâm tư của Puṇṇikā, người đầy tớ gái của mình, làm sao lại có thể biết được tâm tư tất cả Sa-môn, Bà-la-môn với tâm tư của mình?

[8] Như *M.* II. 170.

[9] Như *M.* II. 43.

[10] Như *MA.* III. 447 viết *Issara* nghĩa là bậc Giáo chủ, bậc Đạo sư.

[11] Gần Ukkaṭṭhā. Xem *MA.* III. 447.

– Ví như, này thanh niên Bà-la-môn, một người sanh ra đã mù,[12] không thể thấy các sắc màu đen, màu trắng; không thể thấy các sắc màu xanh; không thể thấy các sắc màu vàng; không thể thấy các sắc màu đỏ; không thể thấy các sắc màu đỏ tía; không thể thấy những gì bằng phẳng, không bằng phẳng; không thể thấy các vì sao; không thể thấy mặt trăng, mặt trời, người ấy nói như sau: "Không có các sắc màu đen, màu trắng, không có người thấy các sắc màu đen, màu trắng; không có các sắc màu xanh, không có người thấy các sắc màu xanh; không có các sắc màu vàng, không có người thấy các sắc màu vàng; không có các sắc màu đỏ, không có người thấy các sắc màu đỏ; không có các sắc màu đỏ tía, không có người thấy các sắc màu đỏ tía; không có những gì bằng phẳng, không bằng phẳng, không có người thấy cái gì bằng phẳng, không bằng phẳng; không có các vì sao, không có người thấy các vì sao; không có mặt trăng, mặt trời, không có người thấy mặt trăng, mặt trời. Tôi không biết như vậy, tôi không thấy như vậy; do vậy, không có." Này thanh niên Bà-la-môn, nếu người ấy nói một cách chân chánh thì có nói như vậy không?

– Thưa không vậy, Tôn giả Gotama. Có các sắc màu đen trắng, có người thấy các sắc màu đen trắng; có các sắc màu xanh, có người thấy các sắc màu xanh... (như trên)... có mặt trăng, mặt trời, có người thấy mặt trăng, mặt trời. "Tôi không biết như vậy, tôi không thấy như vậy; do vậy, không có." Thưa Tôn giả Gotama, nếu người ấy nói một cách chơn chánh thì sẽ không nói như vậy.

– Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasāti thuộc dòng họ Upamaññā, trú ở rừng Subhaga là người mù, không có mắt. Vị ấy có thể biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sự kiện như vậy không xảy ra.

467. Này thanh niên Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Những vị Bà-la-môn giàu sang ở Kosala như Bà-la-môn Caṅkī, Bà-la-môn Tārukkha, Bà-la-môn Pokkharasāti, Bà-la-môn Jāṇussoṇi và thân phụ của ông, Todeyya, cái gì tốt hơn cho những vị ấy, lời nói của các vị ấy được thế tục chấp nhận (*sammusā*)[13] hay không được thế tục chấp nhận?

– Được thế tục chấp nhận, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải được suy tư[14] hay không suy tư ?

– Cần phải được suy tư, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải được phân tích, cân nhắc[15] hay không cần phải phân tích, cân nhắc?

– Cần phải phân tích, cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama.

---

[12] Xem *M.* I. 509.

[13] *Sammuccā* (hay *sammusā*): Cái gì được người đời chấp nhận, đồng ý chung.

[14] *Mantā*. *MA*. III. 447 giải thích là *tulayitvā* nghĩa là cân nhắc, và *pariggaṇhitvā* nghĩa là quan sát, nhìn kỹ.

[15] *Patisaṅkhāya* = *Jānitvā*. Xem *MA*. III. 447.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải liên hệ đến mục đích[16] hay không cần phải liên hệ đến mục đích?

– Cần phải liên hệ đến mục đích, thưa Tôn giả Gotama.

– Này thanh niên Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Nếu là như vậy thời lời nói của Bà-la-môn Pokkharasāti thuộc dòng họ Upamaññā, trú tại rừng Subhaga được thế tục chấp nhận hay không được thế tục chấp nhận?

– Không được thế tục chấp nhận, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên là có suy tư hay không suy tư?

– Không suy tư, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên có phân tích, cân nhắc hay không có phân tích, cân nhắc?

– Không có phân tích, cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên liên hệ đến mục đích hay không liên hệ đến mục đích?

– Không liên hệ đến mục đích, thưa Tôn giả Gotama.

– Này thanh niên Bà-la-môn, có năm triền cái này. Thế nào là năm? Tham dục triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Này thanh niên Bà-la-môn, như vậy là năm triền cái. Này thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasāti thuộc dòng họ Upamaññā, trú ở rừng Subhaga đã bị trùm che, ngăn chặn, bao phủ, và bao trùm bởi năm triền cái này. Vị ấy biết được, thấy được, hay chứng tri được các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sự kiện như vậy không xảy ra.

468. Này thanh niên Bà-la-môn, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; tiếng do tai nhận thức... hương do mũi nhận thức... vị do lưỡi nhận thức... xúc do thân nhận thức, xúc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Này thanh niên Bà-la-môn, như vậy là năm dục trưởng dưỡng. Này thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasāti thuộc dòng họ Upamaññā, trú ở rừng Subhaga bị trói buộc, bị đam mê, bị tham trước bởi năm dục trưởng dưỡng này, thụ hưởng chúng mà không thấy sự nguy hiểm, không soi thấu sự thoát ly khỏi chúng. Vị ấy thật sự biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này thanh niên Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Trong những loại lửa này, loại lửa nào có ngọn, có màu sắc hay có ánh sáng? Ngọn lửa được đốt lên nhờ cỏ và củi khô, hay ngọn lửa được đốt lên không nhờ cỏ và củi khô?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có sự kiện có thể đốt lửa mà không nhờ cỏ và củi khô, thì ngọn lửa ấy có ngọn, có sắc và có ánh sáng.

[16] *Atthasaṃhitaṃ = Kāraṇanissitaṃ*: Tùy thuộc vào hành động.

– Này thanh niên Bà-la-môn, không có sự kiện, không có trường hợp có thể đốt lửa mà không nhờ cỏ và củi khô, trừ phi dùng thần thông (*iddhimatā*).[17] Này thanh niên Bà-la-môn, Ta nói hỷ này, hỷ do năm dục trưởng dưỡng đem lại, hỷ này ví như ngọn lửa đốt lên nhờ cỏ và củi khô. Này thanh niên Bà-la-môn, Ta nói hỷ này, hỷ do ly dục, ly ác, bất thiện pháp đem lại, hỷ này ví như ngọn lửa đốt lên không nhờ cỏ và củi khô. Và này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là hỷ do ly dục, ly ác, bất thiện pháp đem lại? Ở đây, này thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất. Hỷ này, này thanh niên Bà-la-môn, là hỷ do ly dục, ly bất thiện pháp đem lại. Lại nữa, này thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai. Hỷ này, này thanh niên Bà-la-môn, là hỷ do ly dục, ly ác, bất thiện pháp đem lại.

469. Này thanh niên Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn ấy chủ trương năm pháp tác phước đắc thiện. Ở đây, các Bà-la-môn chủ trương pháp tác phước đắc thiện nào có kết quả lớn hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước đắc thiện này. Ở đây, các Bà-la-môn chủ trương pháp thí xả (*cāga*) tác phước đắc thiện có quả báo lớn.

– Này thanh niên Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Ở đây, một tế đàn lớn được một vị Bà-la-môn lập lên và có hai vị Bà-la-môn đi đến và nghĩ như sau: "Chúng ta sẽ thọ hưởng đại tế đàn của vị Bà-la-môn với danh tánh thế này." Ở đây, một vị Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Mong rằng trong phòng ăn,[18] ta sẽ được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khất thực tốt nhất; còn vị Bà-la-môn kia, trong phòng ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khất thực tốt nhất." Này thanh niên Bà-la-môn, sự kiện này xảy ra. Người Bà-la-môn ấy trong phòng ăn có thể được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khất thực tốt nhất; còn người Bà-la-môn kia, trong phòng ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khất thực tốt nhất. Vị Bà-la-môn kia nghĩ như sau: "Vị Bà-la-môn ấy, trong phòng ăn, được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khất thực tốt nhất; còn ta, trong phòng ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, đồ ăn khất thực tốt nhất." Vị ấy phẫn nộ, không hoan hỷ. Này thanh niên Bà-la-môn, các Bà-la-môn chủ trương quả dị thục gì cho người Bà-la-môn này?

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không bố thí với ý nghĩ: "Do bố thí này, người kia phẫn nộ, không hoan hỷ. Các Bà-la-môn bố thí chỉ vì lòng ái mẫn."

– Sự kiện là như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, thời đây có phải là tác phước sự thứ sáu, nghĩa là lòng ái mẫn?

---

[17] *Pāṭihāriya:* Thần thông; *Vin.* I. 31 viết rằng khi ở Uruvelā, đức Phật đã thi triển thần thông với các đạo sĩ bện tóc thờ lửa.

[18] Như *M.* I. 28; *MLS.* I. 35.

– Sự kiện là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thời đây là tác phước sự thứ sáu, nghĩa là lòng ái mẫn.

– Này thanh niên Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn ấy chủ trương năm pháp tác phước đắc thiện này. Ông thấy năm pháp này nhiều nhất ở đâu, ở những người tại gia hay ở những người xuất gia?

– Thưa Tôn giả Gotama, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước đắc thiện này, tôi nhận thấy năm pháp này có nhiều ở những người xuất gia, có ít ở những người tại gia. Người tại gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, không có thường hằng liên tục, không nói lời chân thật. Người xuất gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nhưng thường hằng liên tục, nói lời chân thật. Người tại gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, không có thường hằng liên tục sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều. Người xuất gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nhưng thường hằng liên tục sống khổ hạnh (*tapassī*), sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều. Thưa Tôn giả Gotama, năm pháp tác phước đắc thiện này được các vị Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương, tôi nhận thấy năm pháp này có nhiều ở những vị xuất gia, có ít ở những vị tại gia.

– Này thanh niên Bà-la-môn, năm pháp tác phước đắc thiện này được các vị Bà-la-môn chủ trương, Ta nói những pháp này là những tư cụ (*parikkhāra*) của tâm, nghĩa là để tâm tu tập không hận, không sân. Ở đây, này thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo nói lời chân thật, vị ấy nghĩ: "Ta nói lời chân thật", chứng được Nghĩa tín thọ (*Atthaveda*),[19] chứng được Pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến Pháp. Ta nói sự hân hoan liên hệ đến thiện này là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân. Ở đây, này thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều, vị ấy nghĩ rằng: "Ta thí xả nhiều", chứng được Nghĩa tín thọ, chứng được Pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến Pháp, Ta nói rằng sự hân hoan liên hệ đến thiện này là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân. Này thanh niên Bà-la-môn, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước đắc thiện này, Ta nói các pháp ấy là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân.

470. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi nghe như sau: "Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên."[20]

– Này thanh niên Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Làng Naḷakāra có gần đây không? Có phải làng Naḷakāra không xa ở đây?

---

[19] Xem *M.* I. 37.

[20] Xem *M.* II. 194; *D.* I. 249.

– Thưa vâng, Tôn giả, làng Naḷakāra ở gần đây. Làng Naḷakāra không xa ở đây.

– Này thanh niên Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người sanh trưởng tại làng Naḷakāra, chưa rời khỏi làng Naḷakāra, và có người tới hỏi người ấy con đường đưa đến làng Naḷakāra. Này thanh niên Bà-la-môn, người sanh trưởng tại làng Naḷakāra ấy phân vân hay ngập ngừng khi được hỏi về con đường đến làng Naḷakāra?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Gotama, vì người ấy sanh trưởng tại làng Naḷakāra, người ấy biết rõ tất cả con đường đưa đến làng Naḷakāra.

– Tuy vậy, này thanh niên Bà-la-môn, rất có thể người sanh trưởng tại làng Naḷakāra này khi được hỏi con đường đưa đến làng Naḷakāra còn có thể phân vân hay ngập ngừng. Nhưng Như Lai thì không vậy, khi được hỏi về Phạm thiên giới hay về con đường đưa đến Phạm thiên giới, Như Lai không phân vân hay ngập ngừng. Và này thanh niên Bà-la-môn, Ta biết Phạm thiên, Ta biết Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới; và Ta cũng biết phải thành tựu như thế nào để được sanh vào Phạm thiên giới.

– Thưa Tôn giả Gotama, con có nghe như sau: "Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên." Tốt lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết giảng cho con con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

– Vậy này thanh niên Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

471. – Và này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên? Ở đây, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Này thanh niên Bà-la-môn, khi từ tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng[21] như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Ví như, này thanh niên Bà-la-môn, một người lực sĩ thổi tù và làm cho bốn phương nghe được, không gì khó khăn; cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, khi Từ tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Này thanh niên Bà-la-môn, đây là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

---

[21] Xem *D.* I. 251; *S.* IV. 322; *A.* V. 299. *Pamāṇa* được dùng tương đương với *paritta*, có nghĩa là nhỏ. *Pamāṇakataṃ kammaṃ* cũng được dùng tương đương với *kāmāvacara* liên quan đến năm căn và năm trần.

Lại nữa, này thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Này thanh niên Bà-la-môn, khi xả tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Ví như, này thanh niên Bà-la-môn, một người lực sĩ thổi tù và làm cho bốn phương nghe được, không gì khó khăn; cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, khi xả tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Này thanh niên Bà-la-môn, đây là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

472. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Thưa Tôn giả Gotama, nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng con xin đi, chúng con có nhiều công việc phải làm.

– Này thanh niên Bà-la-môn, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời!

Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Jāṇussoṇi với cỗ xe do toàn ngựa cái trắng kéo, đi ra khỏi Sāvatthi để nghỉ trưa. Bà-la-môn Jāṇussoṇi thấy thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta từ xa đi lại, sau khi thấy, liền nói với thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta:

– Tôn giả Subha Todeyyaputta đi từ đâu lại, quá sớm như vậy?

– Thưa Tôn giả, tôi vừa từ Sa-môn Gotama lại.

– Này Tôn giả Subha Todeyyaputta, Tôn giả nghĩ thế nào? Tôn giả có nghĩ Sa-môn Gotama là bậc có trí, có trí tuệ sáng suốt (*paññāveyyattiyaṃ*) không?

– Thưa Tôn giả, tôi là ai mà có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama? Chỉ có vị nào như Ngài mới có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Subha Todeyyaputta thật đã tán thán Sa-môn Gotama với sự tán thán tối thượng.

– Nhưng tôi là ai mà tôi lại tán thán Sa-môn Gotama? Tán thán bởi những người được tán thán là Sa-môn Gotama, là bậc Tối thượng giữa các hàng thiên nhân.[22] Thưa Tôn giả, các vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước đắc thiện này, Sa-môn Gotama nói rằng năm pháp ấy là tư cụ cho tâm, nghĩa là để tâm tu tập, trở thành không hận, không sân.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bước xuống cỗ xe do toàn ngựa cái trắng kéo, đắp áo vào một phía bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và thốt ra lời cảm hứng như sau: "Lợi ích thay cho Vua Pasenadi nước Kosala! Tốt đẹp, lợi ích thay cho Vua Pasenadi nước Kosala được Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác trú ở trong nước!"

[22] Xem *M.* I. 175, về chư thiên và loài người.

100. KINH SAṄGĀRAVA

(*Saṅgārava Sutta*)[1]

473. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành trong nước Kosala với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, một nữ Bà-la-môn tên Dhānañjānī (Đa-na-xa-ni) trú ở Caṇḍalakappa (Đan-đạt-la-kiếp-ba)[2] có lòng tín thành Phật, Pháp và Tăng. Rồi nữ Bà-la-môn Dhānañjānī sau khi bị trượt chân,[3] thốt lên ba lần cảm hứng ngữ: "Đảnh lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác!"

Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn tên Saṅgārava trú ở Caṇḍalakappa, tinh thông ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Thanh niên Bà-la-môn Saṅgārava nghe nữ Bà-la-môn Dhānañjānī nói như vậy, sau khi nghe, liền nói với nữ Bà-la-môn Dhānañjānī:

– Nữ Bà-la-môn Dhānañjānī này thật là hạ liệt! Nữ Bà-la-môn Dhānañjānī này thật là suy đồi! Vì rằng, trong khi các Bà-la-môn đang còn sống lại nói lời tán thán Sa-môn trọc đầu ấy.

– Này Hiền giả thân mến,[4] có phải Hiền giả chưa biết đến Giới đức và Tuệ đức[5] của Như Lai? Này Hiền giả thân mến, nếu Hiền giả biết đến Giới đức và Tuệ đức của Như Lai, tôi nghĩ rằng, này Hiền giả thân mến, Hiền giả sẽ không nghĩ rằng Thế Tôn đáng bị mạ lỵ, đáng bị mắng nhiếc.

– Vậy thưa bà, khi nào Sa-môn Gotama đến tại Caṇḍalakappa, bà hãy báo tin cho tôi biết.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Nữ Bà-la-môn Dhānañjānī vâng đáp thanh niên Bà-la-môn Saṅgārava.

---

[1] Xem *M.* I. 16, 118, 160, 237; II. 91, *Miln.* 235. Tham chiếu: *Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T.*01. 0026.101. 0588a03). Có 6 *Kinh Saṅgārava* khác được đề cập trong *DPPN*, nhưng không chắc tất cả đều chỉ cho *Saṅgārava* của kinh này.

[2] Đây là một làng nhỏ.

[3] Bản chính viết *upakkhalitvā* có nghĩa là trượt chân hay vấp phải. *S.* I. 160 viết *upakkamitvā* nghĩa là đã đến hoặc đi thẳng đến. *MA.* III. 451 viết *pakkhalitvā* có nghĩa là rửa chân.

[4] *Bhadramukha*. Như *M.* II. 53.

[5] *Sīlapaññāṇa*. Như *D.* I. 124.

Rồi Thế Tôn tiếp tục du hành trong nước Kosala và đến Caṇḍalakappa. Tại đây, Thế Tôn trú tại Caṇḍalakappa, trong rừng xoài của các Bà-la-môn sống ở Tu-di. Nữ Bà-la-môn Dhānañjānī được nghe: "Thế Tôn đã đến Caṇḍalakappa, trú tại Caṇḍalakappa, trong rừng xoài của các Bà-la-môn sống ở Tu-di." Rồi nữ Bà-la-môn Dhānañjānī đi đến thanh niên Bà-la-môn Saṅgārava, sau khi đến, nói với thanh niên Bà-la-môn Saṅgārava:

– Này Hiền giả thân mến, bậc Thế Tôn ấy đã đến Caṇḍalakappa, trú tại Caṇḍalakappa, trong rừng xoài của các vị Bà-la-môn sống ở Tu-di. Này Hiền giả thân mến, nay Hiền giả hãy làm những gì mà Hiền giả nghĩ là hợp thời.

– Thưa bà, vâng.

474. Thanh niên Bà-la-môn Saṅgārava vâng đáp nữ Bà-la-môn Dhānañjānī, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Saṅgārava bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, có một số Sa-môn, Bà-la-môn tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt được ngay hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí.[6] Tôn giả Gotama là thế nào đối với các vị ấy?

– Này Bhāradvāja, Ta nói rằng có sự sai khác giữa những vị tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt được ngay trong hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí. Này Bhāradvāja, có một số Sa-môn, Bà-la-môn theo tin đồn [hay truyền thống],[7] do tin đồn [hay truyền thống], họ tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt được ngay hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí, như các Bà-la-môn thông hiểu ba tập Veda. Nhưng này Bhāradvāja, có một số Sa-môn, Bà-la-môn hoàn toàn chỉ do lòng tin, tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt ngay trong hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí, như các nhà lý luận [các nhà suy tư].[8] Này Bhāradvāja, có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, tự mình[9] chứng tri hoàn toàn pháp ấy, tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt ngay trong hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí. Ở đây, này Bhāradvāja, các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, tự mình chứng tri hoàn toàn pháp ấy, tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt ngay trong hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí, Ta là một trong những vị ấy. Này Bhāradvāja, ông cần phải hiểu theo nghĩa như vậy. Các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, tự mình chứng tri hoàn toàn

---

[6] *Abhiññāvosānapāramippattā*. Xem *M.* II. 11.

[7] *Anussavika*. Xem *M.* I. 520.

[8] *Takkī vīmaṃsī*. Xem *M.* I. 520; *D.* I. 16; *DA.* I. 106.

[9] Nghĩa là không học và không nghe từ người khác. *Vin.* I. 8 viết: *Na me ācariyo atthi*, có nghĩa là tôi không có người thầy nào cả.

pháp ấy, tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt ngay trong hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí, Ta là một trong những vị ấy.

475. Ở đây,[10] này Bhāradvāja, thuở xưa, khi Ta chưa chứng đạt Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Đời sống tại gia chật hẹp, nhiễm đầy bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì sống tại gia, có thể sống đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Này Bhāradvāja, và Ta, sau một thời gian, khi Ta còn trẻ, niên thiếu, tóc đen nhánh, đầy đủ huyết khí của tuổi thanh xuân, trong thời vàng son cuộc đời, mặc dầu cha mẹ không bằng lòng, nước mắt đầy mặt, than khóc, Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta xuất gia như vậy, một người đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đến chỗ Āḷāra Kālāma ở, khi đến xong liền thưa với Āḷāra Kālāma: "Hiền giả Kālāma, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này." Này Bhāradvāja, được nghe nói vậy, Āḷāra Kālāma nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống [và an trú]. Pháp này là như vậy, khiến kẻ có trí, không bao lâu như vị Bổn sư của mình [chỉ dạy], tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú." Này Bhāradvāja, và không bao lâu Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này Bhāradvāja, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng tọa), và Ta tự cho rằng Ta như kẻ khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này Bhāradvāja, Ta suy nghĩ như sau: "Āḷāra Kālāma tuyên bố pháp này không phải chỉ vì lòng tin: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, Ta mới an trú.' Chắc chắn Āḷāra Kālāma biết pháp này, thấy pháp này rồi mới an trú." Này Bhāradvāja, rồi Ta đi đến chỗ Āḷāra Kālāma ở; sau khi đến, Ta nói với Āḷāra Kālāma: "Hiền giả Kālāma, cho đến mức độ nào, Ngài tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố pháp này?" Này Bhāradvāja, được nói vậy, Āḷāra Kālāma tuyên bố về Vô sở hữu xứ. Rồi này Bhāradvāja, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Āḷāra Kālāma tuyên bố: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, Ta an trú.'" Rồi này Bhāradvāja, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này Bhāradvāja, Ta đi đến chỗ Āḷāra Kālāma ở; sau khi đến, Ta nói với Āḷāra Kālāma: "Này Hiền giả Kālāma, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

"Vâng, Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy."

---

[10] Như *M.* I. 240.

"Này Hiền giả, tôi cũng tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy."

"Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng Phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!"

Như vậy này Bhāradvāja, Āḷāra Kālāma là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy, ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này Bhāradvāja, rồi Ta tự suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô sở hữu xứ." Như vậy này Bhāradvāja, Ta không tôn kính pháp này, và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

476. Rồi này Bhāradvāja, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta, khi đến xong Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Hiền giả, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này." Được nghe nói vậy, này Bhāradvāja, Uddaka Rāmaputta nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống [và an trú]. Pháp này là như vậy, khiến người có trí không bao lâu như vị Bổn sư của mình [chỉ dạy] tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú." Này Bhāradvāja, Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này Bhāradvāja, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí, và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng tọa), và Ta tự cho rằng: Ta như người khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này Bhāradvāja, Ta suy nghĩ như sau: "Rāma tuyên bố pháp này không phải vì lòng tin: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, Ta mới an trú.' Chắc chắn Rāma thấy pháp này, biết pháp này, rồi mới an trú." Này Bhāradvāja, rồi Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta ở; sau khi đến, Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Hiền giả Rāma, cho đến mức độ nào, Ngài tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này?" Này Bhāradvāja, được nghe nói vậy, Uddaka Rāmaputta tuyên bố về Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Rồi này Bhāradvāja, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Rāma mới có lòng tin. Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Rāma mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Rāma mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Rāma mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Rāma mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Rāma tuyên bố: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, Ta an trú.'" Rồi này Bhāradvāja, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này Bhāradvāja, Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta ở; sau khi đến, Ta nói với Uddaka Rāmaputta:

"Này Hiền giả Rāma, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

"Vâng Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

"Này Hiền giả, tôi cũng đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy."

"Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng Phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!"

Như vậy, này Bhāradvāja, Uddaka Rāmaputta là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy, ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Như vậy, này Bhāradvāja, Ta không tôn kính pháp ấy và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

477. Này Bhāradvāja, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ, tuần tự du hành tại nước Magadha (Ma-kiệt-đà) và đến tại tụ lạc Uruvelā (Ưu-lâu-tần-loa). Tại đây, Ta thấy một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Này Bhāradvāja, rồi Ta tự nghĩ: "Thật là một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Thật là một chỗ vừa đủ cho một thiện nam tử tha thiết tinh cần có thể tinh tấn." Và này Bhāradvāja, Ta ngồi xuống tại chỗ ấy và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn."

Rồi này Bhāradvāja, ba ví dụ khởi lên nơi Ta, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe. Này Bhāradvāja, ví như có một khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống và đặt trong nước. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra." Này Bhāradvāja, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống đặt trong nước ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa thì có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì cành cây ấy đẫm ướt, đầy nhựa sống lại bị ngâm trong nước, nên người ấy chỉ bị mệt nhọc và bực bội.

– Cũng vậy, này Bhāradvāja, những Sa-môn hay những Bà-la-môn sống không xả ly các dục về thân, những gì đối với chúng thuộc các dục như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm chưa được khéo đoạn trừ, chưa được khéo làm cho nhẹ bớt, nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác, và nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này không thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy cũng không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Này Bhāradvāja, đó là ví dụ thứ nhất, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

478. Này Bhāradvāja, rồi một ví dụ thứ hai, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta. Này Bhāradvāja, ví như có một khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra." Này Bhāradvāja, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa, có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì khúc cây ấy đẫm ướt, đầy nhựa sống, dầu được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, nên người ấy chỉ bị mệt nhọc và bực bội.

– Cũng vậy, này Bhāradvāja, những Sa-môn hay Bà-la-môn sống không xả ly các dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm chưa được khéo đoạn trừ, chưa được khéo làm cho nhẹ bớt. Nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Và nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này không thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy cũng không có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Này Bhāradvāja, đó là ví dụ thứ hai, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

479. Này Bhāradvāja, rồi một ví dụ thứ ba, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta. Này Bhāradvāja, ví như có một khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô. Có một người đến cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra." Này Bhāradvāja, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa, có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

– Thưa được, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì khúc cây ấy khô, không nhựa, lại được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô.

– Cũng vậy, này Bhāradvāja, những Sa-môn hay Bà-la-môn sống xả ly các

dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục, như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm được khéo đoạn trừ. Nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Và nếu những Sa-môn hay Bà-la-môn này không thình lình cảm thọ những cảm giác khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị này cũng có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Này Bhāradvāja, đó là ví dụ thứ ba, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

480. Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ: "Ta hãy nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm!" Này Bhāradvāja, rồi Ta nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Khi Ta đang nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, mồ hôi thoát ra từ nơi nách của Ta. Này Bhāradvāja, như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại người ấy. Này Bhāradvāja, khi Ta đang nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, mồ hôi thoát ra từ nơi nách của Ta. Này Bhāradvāja, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

481. Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Bhāradvāja, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi. Này Bhāradvāja, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi, thì một tiếng gió động kinh khủng thổi lên, ngang qua lỗ tai. Này Bhāradvāja, ví như tiếng kinh khủng phát ra từ ống thổi bệ đang thổi của người thợ rèn. Cũng vậy, này Bhāradvāja, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi, thời một tiếng gió động kinh khủng thổi lên, ngang qua lỗ tai. Này Bhāradvāja, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Bhāradvāja, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Bhāradvāja, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu Ta. Này Bhāradvāja, ví như một người lực sĩ chém đầu [một người khác] với một thanh kiếm sắc, cũng vậy này Bhāradvāja, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu Ta. Này Bhāradvāja, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Bhāradvāja, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, Ta cảm giác đau đầu một cách kinh khủng. Này Bhāradvāja, ví như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết mạnh; cũng vậy, này Bhāradvāja, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, Ta cảm giác đau đầu một cách kinh khủng. Này Bhāradvāja, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Bhāradvāja, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Bhāradvāja, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng [của Ta]. Này Bhāradvāja, ví như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén. Cũng vậy, này Bhāradvāja, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng [của Ta]. Này Bhāradvāja, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú, không dao động nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu thiền nín thở." Và này Bhāradvāja, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Bhāradvāja, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân Ta. Này Bhāradvāja, ví như hai người lực sĩ sau khi nắm cánh tay một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng. Cũng vậy, này Bhāradvāja, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai thì có một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân Ta. Này Bhāradvāja, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú, không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy.

Lại nữa, này Bhāradvāja, chư thiên thấy vậy nói như sau: "Sa-môn Gotama đã chết rồi." Một số chư thiên nói như sau: "Sa-môn Gotama chưa chết, nhưng Sa-môn Gotama sắp sửa chết." Một số chư thiên nói như sau: "Sa-môn Gotama chưa chết. Sa-môn Gotama cũng không phải sắp chết. Sa-môn Gotama là bậc A-la-hán, đời sống của một A-la-hán là như vậy."

Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy hoàn toàn tuyệt thực." Rồi này Bhāradvāja, chư thiên đến Ta và nói như sau: "Này thiện hữu, Hiền giả chớ có hoàn toàn tuyệt thực. Này thiện hữu, nếu Hiền giả có hoàn toàn tuyệt thực, chúng tôi sẽ đổ các món ăn chư thiên ngang qua các lỗ chân lông cho Hiền giả, và nhờ vậy Hiền giả vẫn sống." Rồi này Bhāradvāja, Ta suy nghĩ như sau:

"Nếu Ta hoàn toàn tuyệt thực và chư thiên này đổ các món ăn chư thiên ngang qua các lỗ chân lông cho Ta và nhờ vậy Ta vẫn sống, thời như vậy Ta tự dối Ta." Này Bhāradvāja, Ta bác bỏ chư thiên ấy và nói: "Như vậy là đủ."

Này Bhāradvāja, rồi Ta tự suy nghĩ như sau: "Ta hãy giảm thiểu tối đa ăn uống, ăn ít từng giọt một, như súp đậu xanh, súp đậu đen hay súp đậu hột hay súp đậu nhỏ." Và này Bhāradvāja, trong khi Ta giảm thiểu tối đa sự ăn uống, ăn từng giọt một, như súp đậu xanh, súp đậu đen hay súp đậu hột hay súp đậu nhỏ, thân của Ta trở thành hết sức gầy yếu. Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt dây leo khô héo; vì Ta ăn quá ít, bàn trôn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà; vì Ta ăn quá ít, xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh; vì Ta ăn quá ít, các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột một nhà sàn hư nát; vì Ta ăn quá ít, nên con ngươi long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu; vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nhíu khô cằn như trái bí trắng và đắng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nhíu khô cằn. Này Bhāradvāja, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên này Bhāradvāja, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Này Bhāradvāja, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện, hay đi tiểu tiện" thì Ta ngã quỵ, úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít. Này Bhāradvāja, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thì này Bhāradvāja, trong khi Ta xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục, rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít. Lại nữa, này Bhāradvāja, có người thấy vậy nói như sau: "Sa-môn Gotama có da đen." Một số người nói như sau: "Sa-môn Gotama da không đen, Sa-môn Gotama có da màu xám." Một số người nói như sau: "Sa-môn Gotama da không đen, da không xám, Sa-môn Gotama có da màu vàng sẫm." Cho đến mức độ như vậy, này Bhāradvāja, da của Ta vốn thanh tịnh, trong sáng bị hư hoại vì Ta ăn quá ít.

482. Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Thuở xưa có những Sa-môn hay Bà-la-môn thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng, không thể có gì hơn nữa. Về tương lai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng không thể có gì hơn nữa. Trong hiện tại, có những Sa-môn hay Bà-la-môn thình lình cảm thọ những cảm giác nhói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng, không thể có gì hơn nữa. Nhưng Ta, với sự khổ hạnh khốc liệt như thế này, vẫn không chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Hay là có đạo lộ nào khác đưa đến giác ngộ?"

Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta biết, trong khi phụ thân Ta, thuộc dòng Sakka (Thích-ca), đang cày và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây Diêm-phù-đề (Jambu), Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ

nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ." Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: "Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng?" Và này Bhāradvāja, tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: "Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ." Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ: "Ta có sợ chăng lạc thọ này, một lạc thọ ly dục, ly bất thiện pháp?" Này Bhāradvāja, rồi Ta suy nghĩ: "Ta không sợ lạc thọ này, một lạc thọ ly dục, ly bất thiện pháp."

483. Rồi này Bhāradvāja, Ta suy nghĩ: "Nay thật không dễ gì chứng đạt lạc thọ ấy, với thân thể ốm yếu kinh khủng như thế này. Ta hãy ăn thô thực, ăn cơm chua." Rồi này Bhāradvāja, Ta ăn thô thực, ăn cơm chua. Này Bhāradvāja, lúc bấy giờ, năm Tỷ-kheo đang hầu hạ Ta suy nghĩ: "Khi nào Sa-môn Gotama chứng pháp, vị ấy sẽ nói cho chúng ta biết." Này Bhāradvāja, khi thấy Ta ăn thô thực, ăn cơm chua, các vị ấy chán ghét Ta, bỏ đi và nói: "Sa-môn Gotama nay sống đầy đủ vật chất, từ bỏ tinh tấn, trở lui đời sống sung túc."

Và này Bhāradvāja, sau khi ăn thô thực và được sức lực trở lại, Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này." Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Bhāradvāja, đó là Minh thứ nhất Ta đã chứng được trong đêm canh một, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

484. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ta với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến;

những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, Ta với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này Bhāradvāja, đó là Minh thứ hai Ta đã chứng được trong đêm canh giữa, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Ta biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự diệt khổ", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, Ta khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Ta đã biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Này Bhāradvāja, đó là Minh thứ ba mà Ta đã chứng được trong canh cuối, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần.

485. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Saṅgārava bạch Thế Tôn:

– Thật sự, sự tinh cần của Tôn giả Gotama là trung kiên (*aṭṭhitavataṃ*). Thật sự, sự tinh cần của Tôn giả Gotama là sự tinh cần của các bậc chân nhân (*sappurisa*), một bậc như là A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Gotama, có các chư thiên không?[11]

– Này Bhāradvāja, Ta được biết một cách chắc chắn có chư thiên.

– Nhưng vì sao, thưa Tôn giả Gotama, khi được hỏi có các chư thiên không, lại nói: "Này Bhāradvāja, Ta được biết một cách chắc chắn có chư thiên." Sự việc là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thì có phải là hư ngôn, vọng ngữ không?

– Này Bhāradvāja, nếu khi được hỏi: "Có chư thiên không?"; cần phải đáp: "Có chư thiên"; nhưng lại đáp: "Chắc chắn Ta được biết có chư thiên." Như vậy, một người có trí đi đến kết luận không có gì nghi ngờ nữa, là có chư thiên.

– Nhưng vì sao Tôn giả Gotama không giải thích như vậy cho con từ khi bắt đầu?

[11] Xem *M.* II. 130.

– Này Bhāradvāja, như vậy đã được lớn tiếng chấp nhận ở đời[12] tức là có chư thiên.

486. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Saṅgārava bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

[12] *Ucce. MA*. III. 454 giải thích *uccena saddena sammataṃ pākaṭaṃ mataṃ lokasmiṃ.*

101. KINH DEVADAHA

(*Devadaha Sutta*)[1]

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa các Sakka (Thích-ca). Devadaha[2] là một thị trấn của các Sakka; tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy,[3] đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ đoạn diệt, tất cả khổ sẽ diệt tận."

Này các Tỷ-kheo, lý thuyết các Nigaṇṭha (Ni-kiền-đà) là vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, Ta sẽ đi đến các Nigaṇṭha và nói như sau:

– Chư Hiền Nigaṇṭha, có đúng sự thật chăng, các ông có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận"?

Này các Tỷ-kheo, nếu các Nigaṇṭha ấy, khi được Ta hỏi, tự nhận có nói như vậy, Ta liền nói như sau:

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các ông có biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu"?

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M.* I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1, 29; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 205; III. 93, 161; IV. 382; V. 201, 263, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ni-kiền kinh* 尼乾經 (*T.*01. 0026.19. 0442b29).

[2] Đức Phật trú ở đây, gần vườn Lumbini. Xem *MA.* IV. 1.

[3] Xem *M.* I. 93; *MLS.* I. 122.

– Thưa Hiền giả, không như vậy.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các ông có biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp"?

– Thưa Hiền giả, không như vậy.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các ông có biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này hay như thế kia"?

– Thưa Hiền giả, không như vậy.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các ông có biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận"?

– Thưa Hiền giả, không như vậy.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các ông có biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp"?

– Thưa Hiền giả, không như vậy.

2. – Chư Hiền Nigaṇṭha, như các ông đã nói, các ông không biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu"; các ông không biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp"; các ông không biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này hay như thế kia"; các ông không biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận, khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận"; các ông không biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp"; sự tình là như vậy, thời có hợp lý chăng khi các Tôn giả Nigaṇṭha lại trả lời: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ đoạn diệt, tất cả khổ thọ sẽ được diệt tận."

Chư Hiền Nigaṇṭha, nếu các ông được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu"; các ông được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp"; các ông được biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này hay như thế kia"; các ông được biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận, hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận"; các ông được biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp"; sự tình là như vậy, thời thật là hợp lý khi các Tôn giả Nigaṇṭha trả lời: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá

khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận."

3. Chư Hiền Nigaṇṭha, ví như một người bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày.[4] Người ấy do nhân cảm xúc mũi tên, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Bạn bè, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ giải phẫu đến. Vị y sĩ giải phẫu lấy dao cắt rộng miệng vết thương. Người ấy do nhân dao cắt miệng vết thương, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu ấy dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm.[5] Người ấy do nhân bị dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu rút mũi tên ra khỏi người ấy. Người ấy do nhân được rút mũi tên, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu ấy cho đốt miệng vết thương với than đỏ.[6] Người ấy do nhân miệng vết thương bị than đỏ đốt, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Sau một thời gian, khi da đã bắt đầu lành trên miệng vết thương, người ấy không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, và đi chỗ nào người ấy muốn.[7] Người ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia, ta bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày. Do nhân cảm xúc mũi tên, ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Bạn bè, bà con huyết thống của ta có mời một y sĩ giải phẫu đến. Vị y sĩ giải phẫu ấy lấy dao cắt rộng miệng vết thương. Ta do nhân dao cắt rộng miệng vết thương, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu ấy dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm. Do nhân bị dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm, ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu ấy rút mũi tên ra khỏi ta. Do nhân được rút mũi tên, ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu ấy cho đốt miệng vết thương với than đỏ [hay đắp miệng vết thương với vải nóng như than đỏ]. Do nhân miệng vết thương bị than đỏ đốt, ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Nay da đã bắt đầu lành trên miệng vết thương, ta không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, và đi chỗ nào ta muốn."

Như vậy, này chư Hiền Nigaṇṭha, nếu các ông được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu"; các ông được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp"; các ông được biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này hay như thế kia"; các ông được biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận, hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả

---

[4] Như *M.* II. 256; *M.* I. 429.

[5] *Esanī. MA.* IV. 2 viết *Salākā,* với một thanh nhọn thăm dò. *Miln.* 112, 149 viết *nantakavaṭṭī,* chỉ cho thanh nhọn hoặc mảnh vải.

[6] *Agadaṅgāraṃ. MA.* IV. 2 nói bột (*cuṇṇa*) của trái mận anh đào, loại bột này có tính nóng (*jhāma*), có thể dùng miếng gạc gói nó bên trong đắp lên vết thương.

[7] Như *M.* I. 506.

khổ sẽ được diệt tận"; các ông được biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp"; sự tình là như vậy, thời thật là hợp lý khi các Tôn giả Nigaṇṭha trả lời: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo tác các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận."

Chư Hiền Nigaṇṭha, và vì rằng các ông không được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu"; các ông không được biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp"; các ông không được biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này hay như thế kia"; các ông không được biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận, hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận"; các ông không được biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp"; sự tình là như vậy, thời thật là không hợp lý khi các Tôn giả Nigaṇṭha trả lời: "Phàm cảm giác gì con người lãnh thọ, như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận."

4. Này các Tỳ-kheo, khi được nghe nói vậy, các Nigaṇṭha ấy nói với Ta:

– Thưa Hiền giả, Nigaṇṭha Nātaputta là bậc Toàn tri, Toàn kiến,[8] tự xưng là có tri kiến toàn diện như sau: "Dầu ta có đi, có đứng, có ngủ và có thức, tri kiến luôn luôn được tồn tại liên tục ở nơi ta." Vị ấy nói như sau: "Này các Nigaṇṭha, nếu xưa kia các ông có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn bằng khổ hạnh thống khổ này. Chính do hộ trì thân, hộ trì lời nói, hộ trì ý, ở đây, ngay trong hiện tại nên không làm các nghiệp trong tương lai. Với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận." Và vì chúng tôi chấp nhận và chúng tôi kham nhẫn điều ấy nên chúng tôi được hoan hỷ.

5. Khi được nghe nói vậy, này các Tỳ-kheo, Ta nói với các vị Nigaṇṭha ấy:

– Chư Hiền Nigaṇṭha, có năm pháp này, ngay trong hiện tại có hai quả báo. Thế nào là năm? Tín, hỷ, tùy văn, thẩm định lý do (*ākāraparivitakko*), kham

[8] Đoạn này cũng được tìm thấy trong *M.* I. 92-93; *MLS.* I. 122.

nhẫn chấp thọ [tà] kiến.[9] Này chư Hiền Nigaṇṭha, năm pháp này ngay trong hiện tại có hai quả báo. Ở đây, thế nào là lòng tin các Tôn giả Nigaṇṭha ấy đối với bậc Đạo sư trong quá khứ? Thế nào là sự hoan hỷ, thế nào là sự tùy văn, thế nào là thẩm định lý do, thế nào là kham nhẫn chấp thọ [tà] kiến các vị ấy?

Này các Tỷ-kheo, nói như vậy, Ta không thấy một câu trả lời hợp pháp nào[10] giữa các vị Nigaṇṭha. Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, Ta nói với các vị Nigaṇṭha ấy như sau:

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các ông nghĩ thế nào? Khi các ông thống thiết tinh tấn, thống thiết tinh cần, trong khi ấy có phải các ông thọ lãnh những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ? Còn trong khi các ông không thống thiết tinh tấn, không thống thiết tinh cần, khi ấy có phải các ông không thọ lãnh những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ?

– Thưa Hiền giả Gotama, khi chúng tôi thống thiết tinh tấn, thống thiết tinh cần, trong khi ấy chúng tôi thọ lãnh những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Còn trong khi chúng tôi không tha thiết tinh tấn, không tha thiết tinh cần, khi ấy chúng tôi không thọ lãnh những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

6. – Như vậy, này chư Hiền Nigaṇṭha, khi các ông thống thiết tinh tấn, thống thiết tinh cần, trong khi ấy các ông thọ lãnh những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Còn trong khi các ông không thống thiết tinh tấn, không thống thiết tinh cần, khi ấy các ông không thọ lãnh những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Sự tình là như vậy, thời thật là hợp lý khi các Tôn giả Nigaṇṭha trả lời: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận."

Này chư Hiền Nigaṇṭha, nếu trong khi các ông thống thiết tinh tấn, thống thiết tinh cần, khi ấy các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ được tồn tại. Còn trong khi các ông không thống thiết tinh tấn, không thống thiết tinh cần, khi ấy các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ cũng không được tồn tại. Sự tình là như vậy, thời thật là hợp lý khi các Tôn giả Nigaṇṭha trả lời: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ... (như trên)... tất cả khổ được diệt tận." Và vì rằng, chư Hiền Nigaṇṭha, trong khi các ông thống thiết tinh tấn, thống thiết tinh cần, khi ấy các ông lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Còn trong khi các ông không thống thiết tinh tấn, không thống thiết tinh cần, khi ấy các ông không lãnh thọ

[9] Xem *S.* II. 115; IV. 138; *A.* I. 189; II. 191.

[10] *Sahadhammikaṃ vādapaṭihāraṃ*, xem *M.* II. 220. *Vādapaṭihāraṃ*, xem *MA*. IV. 4.

những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Như vậy, thật chính các ông, trong khi lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, tự bị lừa dối bởi vô minh, vô trí, ngu muội khi các ông nói: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận."

Này các Tỳ-kheo, nói như vậy, Ta không thấy một câu trả lời hợp pháp nào giữa các vị Nigaṇṭha.

7. Và lại nữa, này các Tỳ-kheo, Ta nói với các vị Nigaṇṭha ấy như sau:

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các ông nghĩ thế nào, có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp[11] được thọ quả hiện tại này, do tinh tấn hay do tinh cần, có thể khiến được thọ quả tương lai"?[12]

– Thưa không vậy, Hiền giả.

– Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp được thọ quả tương lai này, do tinh tấn hay do tinh cần, có thể khiến được thọ quả hiện tại"?

– Thưa không vậy, Hiền giả.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các ông nghĩ thế nào, có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp được thọ lãnh lạc thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, có thể được thọ lãnh khổ thọ"?

– Thưa không vậy, Hiền giả.

– Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp được thọ lãnh khổ thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, có thể được thọ lãnh lạc thọ"?

– Thưa không vậy, Hiền giả.

– Chư Hiền Nigaṇṭha, các ông nghĩ thế nào, có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ đã được thuần thục này,[13] do tinh tấn hay tinh cần, có thể trở thành không thuần thục"?[14]

– Thưa không vậy, Hiền giả.

– Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ chưa được thuần thục này, do tinh tấn hay tinh cần, có thể trở thành thuần thục"?

---

[11] *M.* II. 220 viết là *kamma*, hành động, việc làm trải qua.

[12] Trong một đời sống tương lai, như đời thứ hai, thứ ba, cách đời này.

[13] Trong đời sống này. *MA.* IV. 5 viết rằng: "Hành động gì làm lúc trẻ tuổi có kết quả (*vipāka*) lúc trẻ tuổi, lúc trung niên hay lúc già. Hành động gì làm lúc trung niên có kết quả lúc trung niên hay lúc già. Nếu làm trong lúc già, thì có kết quả tại chỗ, ngay bây giờ (*diṭṭhadhammavedanīya*)." Hành động gì đưa lại kết quả trong bảy ngày được gọi là *paripakkavedanīya* (kết quả đã được thuần thục).

[14] Một số kết quả có vào đời sau.

– Thưa không vậy, Hiền giả.

– Chư Hiền Niganṭha, các ông nghĩ thế nào, có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp đa sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành thiểu sở thọ"?

– Thưa không vậy, Hiền giả.

– Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp thiểu sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành đa sở thọ"?

– Thưa không vậy, Hiền giả.

– Chư Hiền Niganṭha, các ông nghĩ thế nào, có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp không có sở thọ[15] này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành nghiệp có sở thọ"?

– Thưa không vậy, Hiền giả.

– Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp có sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành nghiệp không có sở thọ"?

– Thưa không vậy, Hiền giả.

8. – Như vậy, này chư Hiền Niganṭha, không thể được: "Mong rằng nghiệp được thọ quả hiện tại này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành nghiệp được thọ quả tương lai"; không thể được: "Mong rằng nghiệp được thọ quả tương lai này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành nghiệp được thọ quả hiện tại"; không thể được: "Mong rằng nghiệp được thọ lãnh lạc thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành nghiệp được thọ lãnh khổ thọ"; không thể được: "Mong rằng nghiệp được thọ lãnh khổ thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành nghiệp được thọ lãnh lạc thọ"; không thể được: "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ đã được thành thục này, do tinh tấn hay tinh cần, có thể trở thành không thành thục"; không thể được: "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ không thành thục này, do tinh tấn hay tinh cần, có thể trở thành thành thục"; không thể được: "Mong rằng nghiệp đa sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành thiểu sở thọ"; không thể được: "Mong rằng nghiệp thiểu sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành đa sở thọ"; không thể được: "Mong rằng nghiệp không có sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành có sở thọ"; không thể được: "Mong rằng nghiệp có sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần, trở thành không có sở thọ." Sự tình là như vậy, thời sự tinh tấn của các Tôn giả Niganṭha là không có kết quả, sự tinh cần của họ là không có kết quả.

Này các Tỷ-kheo, các Niganṭha nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, mười thuyết Tùy thuyết (Tùy thuận thuyết: *Vādānuvādā*) hợp pháp do các Niganṭha đã nói như vậy, đưa đến sự chỉ trích.[16]

9. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân các việc làm quá khứ, lãnh thọ lạc, khổ; thời này các Tỷ-kheo, các Niganṭha thật sự đã làm những ác hạnh

---

[15] *Vedanīya*. *MA*. IV. 9 giải thích là *savipākakamma* một hành động với kết quả.

[16] Xem *M*. I. 368; *MLS*. II. 33.

trong thời quá khứ, nên nay họ phải lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân một vị Tạo hóa tạo ra lãnh thọ những cảm giác lạc, khổ; thời này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha thật sự được tạo ra bởi một vị Tạo hóa ác độc, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện;[17] thọ lãnh lạc, khổ; thời này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha thật sự bị ác kết hợp, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các loài hữu tình do nhân sanh loại,[18] lãnh thọ những cảm giác lạc, khổ; thời này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha thật sự bị ác sinh loại, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh tấn hiện tại, thọ lãnh lạc, khổ; thời này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha thật sự đã tạo ác tinh tấn hiện tại, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân việc làm quá khứ, thọ lãnh lạc, khổ; các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Nếu các hữu tình không do nhân việc làm quá khứ, thọ lãnh lạc, khổ; các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân được một vị Tạo hóa tạo ra; thọ lãnh lạc, khổ; các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Nếu các hữu tình không do nhân được một vị Tạo hóa tạo ra; thọ lãnh lạc, khổ; các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện; thọ lãnh lạc, khổ; các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Nếu các hữu tình không do nhân kết hợp các điều kiện; thọ lãnh lạc, khổ; các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân sanh loại; thọ lãnh lạc, khổ; các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Nếu các hữu tình không do nhân sanh loại; thọ lãnh lạc, khổ; các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh cần hiện tại; thọ lãnh lạc, khổ; các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Nếu các hữu tình không do nhân tinh cần hiện tại; thọ lãnh lạc, khổ; các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, mười thuyết Tùy thuyết hợp pháp các Nigaṇṭha đã nói như vậy đưa đến sự chỉ trích. Như vậy, này các Tỷ-kheo, sự tinh tấn của các Nigaṇṭha là không có kết quả, sự tinh cần của họ là không có kết quả.

10. – Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự tinh tấn, tinh cần có kết quả? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không để cho tự ngã chưa bị nhiếp phục, bị đau khổ nhiếp phục, không từ bỏ lạc thọ hợp pháp, và không để lạc thọ ấy chi phối.[19] Vị ấy biết như sau: "Trong khi ta tinh cần chống lại nguyên nhân[20] đau khổ này,[21] do chống lại nguyên nhân đau khổ, ta không có tham dục. Trong khi

---

[17] *Saṅgatibhāvahetu*: Định mệnh. Xem *D*. I. 53.

[18] *Abhijātihetu*. *MA*. IV. 10 giải thích là sáu loại này được các ngoại đạo xếp vào nhóm người. Xem *M*. I. 517; *D*. I. 53; *A*. III. 383. Ở đây được dùng theo nghĩa Phật giáo như *D*. III. 250; *Netti*. 158.

[19] *Anadhimucchito hoti*: Không bị ô nhiễm vì không chấp thủ lạc.

[20] *Saṅkhāraṃ padahatoti sampayogavīriyaṃ karontassa*. Xem *MA*. IV. 11.

[21] *MA*. IV. 11 cho rằng nguồn gốc đau khổ của năm uẩn là tham ái (*taṇhā*).

ta xả đối với nguyên nhân đau khổ này, trong khi tu tập xả, ta không có tham dục." Khi [vị Tỷ-kheo] tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ này, do tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ này, vị ấy không có tham dục. Do vậy, ở đây,[22] vị ấy tinh cần chống lại [nguyên nhân đau khổ]. Trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ này, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục. Do vậy, ở đây, vị ấy tu tập xả. Trong khi vị ấy tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ ấy, do tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ, vị ấy không có tham dục. Như vậy, sự đau khổ ấy đối với vị ấy được diệt tận. Trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ ấy, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục. Như vậy, sự đau khổ ấy đối với vị ấy được diệt tận.

11. Này các Tỷ-kheo, ví như một người luyến ái một nữ nhân, tâm tư say đắm, nhiệt tình ái mộ, nhiệt tình luyến mộ. Người ấy thấy nữ nhân này đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy, khi thấy nữ nhân này đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, có sanh sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì rằng người ấy luyến ái nữ nhân kia, tâm tư say đắm, nhiệt tình ái mộ, nhiệt tình luyến mộ. Do vậy, người ấy, khi thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, nên sanh sầu, bi, khổ, ưu, não.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, người ấy có thể suy nghĩ như sau: "Ta luyến ái nữ nhân này, tâm tư say đắm, nhiệt tình ái mộ, nhiệt tình luyến mộ. Khi ta thấy nữ nhân này đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, ta sanh sầu, bi, khổ, ưu, não. Vậy ta hãy bỏ lòng tham luyến đối với nữ nhân này." Rồi người ấy bỏ lòng tham luyến đối với nữ nhân kia. Sau một thời gian, người ấy thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy khi thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, có sanh sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì rằng, người này đối với nữ nhân kia không còn tham luyến. Do vậy, khi thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, người ấy không sanh sầu, bi, khổ, ưu, não.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, [một người] không để cho tự ngã chưa bị nhiếp phục, bị đau khổ nhiếp phục, không từ bỏ lạc thọ hợp pháp, và không để lạc thọ ấy chi phối. Vị ấy biết như sau: "Trong khi ta tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ này, do chống lại nguyên nhân đau khổ, ta không có tham dục. Trong khi ta xả đối với nguyên nhân đau khổ này, trong khi tu tập xả, ta không có tham dục." Khi [vị ấy] tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ này, do tinh

[22] *Tattha*, "vị ấy cố gắng đi theo con đường." Xem *MA*. IV. 12.

cần chống lại nguyên nhân đau khổ, vị ấy không có tham dục. Do vậy, ở đây, vị ấy tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ. Trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ này, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục. Do vậy, ở đây, vị ấy tu tập xả. Trong khi vị ấy tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ ấy, do tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ, vị ấy không có tham dục. Như vậy, sự đau khổ ấy đối với vị ấy được diệt tận. Trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ ấy, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục. Như vậy, sự đau khổ ấy đối với vị ấy được diệt tận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn, tinh cần có kết quả.

12. – Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo lại suy nghĩ như sau: "Khi ta trú vào lạc, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp giảm thiểu. Nhưng khi ta tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã,[23] các bất thiện pháp giảm thiểu, các thiện pháp tăng trưởng. Vậy ta hãy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã." Vị ấy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Do tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã, các bất thiện pháp giảm thiểu, các thiện pháp tăng trưởng. Vị ấy sau một thời gian, không tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Vì sao vậy? Vì mục đích (*atthāya*) vị Tỷ-kheo ấy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã đã thành tựu. Do vậy, sau một thời gian, vị ấy không tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm tên, hơ nóng và đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa, khiến thân tên được thẳng và dễ uốn nắn. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi thân tên của người làm tên đã được hơ nóng và đốt nóng giữa hai ngọn lửa, trở thành thẳng và dễ uốn nắn, người ấy, sau một thời gian, không còn hơ nóng và đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa, khiến thân tên được thẳng và dễ uốn nắn. Vì sao vậy? Vì mục đích người làm tên ấy hơ nóng và đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa, khiến thân tên được thẳng và dễ uốn nắn đã được thành tựu. Do vậy, sau một thời gian, người ấy không còn hơ nóng, đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa để trở thành thẳng và dễ uốn nắn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Khi ta trú vào lạc, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp giảm thiểu. Nhưng khi ta tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã, các bất thiện pháp giảm thiểu, các thiện pháp tăng trưởng. Vậy ta hãy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã." Vị ấy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Do tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã, các bất thiện pháp giảm thiểu, các thiện pháp tăng trưởng. Vị ấy sau một thời gian, không tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Vì sao vậy? Vì mục đích vị Tỷ-kheo ấy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã đã thành tựu. Do vậy, sau một thời gian, vị ấy không tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

13. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai sanh ra ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ta tự

---

[23] *Dukkhāya pana me attānaṃ padahato.*

thân chứng ngộ thế giới này, cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Khi đã chứng ngộ, Ta còn tuyên thuyết điều Ta đã chứng ngộ, Ta thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ. Ta giảng dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. Người gia trưởng, hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Một thời gian sau, người ấy từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay từ bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

14. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy thành tựu học giới và nếp sống các Tỳ-kheo, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót tất cả chúng sanh và các loài hữu tình; từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp; từ bỏ không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống tránh xa [không Phạm hạnh], từ bỏ dâm dục tục pháp; từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không phản lại đời; từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Vị ấy từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa nói lời độc ác, vị ấy nói những lời nhẹ nhàng, thuận tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, vị ấy nói những lời như vậy. Vị ấy từ bỏ nói phù phiếm, tránh xa nói lời phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Vị ấy từ bỏ, không làm hại đến các hột giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ trang sức bằng vòng hoa hương liệu, dầu thoa, các thời trang, các thời sức; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà, con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương và đất đai; từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu

thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Vị ấy bằng lòng [tri túc] với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y bát]. Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y bát]. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không lỗi lầm.

15. Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không vẩn đục. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, y bát đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

16. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, và thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái; từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận; từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên; từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối quá; từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy từ bỏ năm triền cái làm cho tâm ô uế, làm cho trí tuệ muội lược này, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền

thứ ba. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

17. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

18. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

19. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự diệt khổ", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự đoạn trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến

sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Này các Tỷ-kheo, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết như thật: "Đây là khổ...; biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần phải làm đã làm xong, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, mười thuyết Tùy thuyết[24] hợp pháp của Như Lai đã nói như vậy đưa đến sự tán thán.

20. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân các việc đã làm trong quá khứ, thọ lãnh lạc, khổ; thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự đã làm những thiện hạnh trong thời quá khứ nên nay mới thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, thọ lãnh lạc, khổ; thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự được tạo ra bởi một vị Tạo hóa hiền thiện nên nay mới thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện, thọ lãnh lạc, khổ, thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự được thiện kết hợp nên nay mới thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân sanh loại, thọ lãnh lạc, khổ; thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự được thiện sanh loại nên nay thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh tấn hiện tại, thọ lãnh lạc, khổ; thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự đã tạo thiện tinh tấn hiện tại, nên nay thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân hành động quá khứ, thọ lãnh lạc, khổ; Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình không do nhân hành động quá khứ, thọ lãnh lạc, khổ; Như Lai đáng được tán thán. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân được một vị Tạo hóa tạo ra, thọ lãnh lạc, khổ; Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình không do nhân được một vị Tạo hóa tạo ra, thọ lãnh lạc, khổ; Như Lai đáng được tán thán. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện, thọ lãnh lạc, khổ; Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình không do nhân các điều kiện kết hợp, thọ lãnh lạc, khổ; Như Lai đáng được tán thán. Này các Tỷ-kheo,

[24] *A*. V. 120 viết nhóm 10 pháp khác.

nếu các hữu tình do nhân sanh loại, thọ lãnh lạc, khổ; Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình không do nhân sanh loại, thọ lãnh lạc, khổ; Như Lai đáng được tán thán. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh cần hiện tại, thọ lãnh lạc, khổ; Như Lai đáng được tán thán. Này các Tỷ-kheo, Như Lai nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, mười thuyết Tùy thuyết hợp pháp này Như Lai đã nói như vậy đưa đến sự tán thán.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

102. KINH NĂM VÀ BA

(*Pañcattaya Sutta*)[1]

21. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tu viện ông Anāthapiṇḍika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai, thảo luận về tương lai, y cứ vào tương lai, tuyên bố nhiều quan điểm sai khác. Ở đây, một số tuyên bố: "Sau khi chết, tự ngã không bệnh, có tưởng." Ở đây, một số tuyên bố: "Sau khi chết, tự ngã không bệnh, không tưởng." Ở đây, một số tuyên bố: "Sau khi chết, tự ngã không bệnh, phi tưởng và phi phi tưởng." Hay họ chủ trương đoạn diệt, hủy hoại, tiêu diệt của loài hữu tình hiện đang sanh tồn. Hay một số lại tuyên bố về hiện tại Niết-bàn.[2] Như vậy, họ chủ trương sau khi chết, tự ngã tồn tại,[3] không bệnh. Hay họ chủ trương đoạn diệt, hủy hoại, tiêu diệt của loài hữu tình hiện đang sanh tồn. Hay một số lại tuyên bố hiện tại Niết-bàn. Như vậy, những chủ thuyết này, sau khi thành năm trở lại thành ba; sau khi thành ba, trở lại thành năm. Đây là sự tổng thuyết năm và ba.

22. Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tưởng, không bệnh, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy hoặc chủ trương sau khi chết tự ngã có sắc, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không có sắc, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc và không không sắc, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương tự ngã hoặc nhất tưởng,[4] có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết,

---

[1] Kinh này trình bày các tà kiến của ngoại đạo, nên tham chiếu với *D.* 1, *Brahmajāla Sutta* (*Kinh Phạm võng*) và *D.* 15, *Mahānidāna Sutta* (*Kinh Đại duyên*).

[2] Xem *M.* I. 140; *D.* I. 30ff.

[3] *Santaṃ*: Có tồn tại. Ở đây có liên hệ đến 3 thức.

[4] Xem *D.* I. 31. Trong *MA.* IV. 18; *DA.* 119, *samāpatti* chỉ cho sự chứng đắc viên mãn chín tầng thiền, trong khi "dị tưởng" hay "đa tưởng" là chưa chứng đắc viên mãn.

tự ngã hoặc dị tưởng, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương tự ngã sau khi chết hoặc thiểu tưởng, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc vô lượng tưởng, có tưởng, không bệnh. Nhưng có một số tuyên bố thức biến này[5] khi vượt qua khỏi (*upātivattataṃ*) trở thành vô lượng, bất động. Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tưởng, không bệnh, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không có sắc, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc và không không sắc, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc nhất tưởng, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc dị tưởng, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc thiểu tưởng, có tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc vô lượng tưởng, có tưởng, không bệnh." Hay [Như Lai biết] loại tưởng nào trong các loại tưởng ấy được xưng là thanh tịnh, tối thắng, đệ nhất, vô thượng, tức là sắc tưởng,[6] tức là vô sắc tưởng,[7] tức là nhất tưởng, tức là dị tưởng. Nói rằng: "Vô sở hữu", một số tuyên bố Vô sở hữu xứ[8] là vô lượng, bất động. Biết rằng cái này thuộc hữu vi,[9] là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành,[10] biết được có [sự đoạn diệt] này, Như Lai thấy sự giải thoát khỏi [pháp hữu vi][11] và đã vượt khỏi [pháp hữu vi].

23. Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã không tưởng, không bệnh, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc, không tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, không tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, không tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc và không không sắc, không tưởng, không bệnh.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tưởng, vô bệnh, một số phỉ báng các vị ấy. Vì sao vậy? Họ nói

---

[5] *Viññāṇakasiṇa*. Xem *M.* II. 14-15; *A.* V. 60, ở đây mỗi một trong mười *kasiṇa* cần được hiểu theo năm cách, cách thứ năm thuộc về "vô lượng".

[6] Chỉ cho Thiền thứ tư.

[7] Chỉ cho Không vô biên xứ và Thức vô biên xứ. Xem *MA.* IV. 18.

[8] Xem *A.* V. 63, theo tưởng của một số hữu tình, đây là tưởng cao nhất.

[9] *MA.* IV. 19 cho rằng ở đây tưởng với kiến là hữu vi và được thành hình do nhiều duyên (*paccaya*) hợp lại.

[10] *Saṅkhāra*: Hành. Theo *MA.* IV. 19 và *S.* IV. 217, sự đoạn diệt các hành là tuần tự. Xem *MLS.* I. xxiv.

[11] *D.* III. 275; *Ud.* 80; *It.* 37, 61.

rằng: "Tưởng là bệnh hoạn, tưởng là mụt nhọt, tưởng là mũi tên, tưởng là si ám. Đây là tịch tịnh, thù diệu, tức là vô tưởng." Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã là không tưởng, không bệnh, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc, không tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, không tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, không tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc và không không sắc, không tưởng, không bệnh." Này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tưởng, ngoài hành, ngoài thức, ta sẽ chủ trương sự lai, vãng, tử, sanh, tăng trưởng, tăng thịnh, hay tăng đại";[12] sự tình không có như vậy. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có [sự đoạn diệt] này, Như Lai thấy sự giải thoát khỏi [pháp hữu vi] và đã vượt khỏi [pháp hữu vi].

24. Ở đây, này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã là phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc, phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc và không không sắc, phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tưởng, không bệnh, một số phỉ báng các vị ấy; các Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã không tưởng, không bệnh, một số phỉ báng các vị ấy. Vì sao vậy? [Họ nói rằng:] "Tưởng là bệnh hoạn, tưởng là mụt nhọt, tưởng là mũi tên, không tưởng là si ám. Đây là tịch tịnh, thù diệu, tức là phi tưởng phi phi tưởng." Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã là phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc, phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã là không có sắc, không không sắc, phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh."

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sự thành tựu xứ này (*āyatana*) chỉ nhờ những hành[13] có thể thấy được, nghe được, tư duy

---

[12] *MA*. IV. 20 xem lời tuyên bố này thuộc quan điểm Ngụy biện luận (*vitaṇḍavādī*).

[13] *Saṅkhāramattena* thuộc về *oḷārika*. Xem *MA*. IV. 20. Cảnh giới này là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

được, ý thức được; đây được xưng, này các Tỷ-kheo, là tổn hại cho sự thành tựu xứ này. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, xứ này không được xưng là có thể đạt thành nhờ sự thành tựu hữu hành (*saṅkhāra*), mà này các Tỷ-kheo, xứ này được xưng là có thể đạt thành nhờ sự thành tựu không có hành nào còn lại.[14] Biết rằng cái này thuộc hữu vi (*saṅkhata*) là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có [sự đoạn diệt] này, Như Lai thấy sự giải thoát khỏi [pháp hữu vi] và đã vượt khỏi [pháp hữu vi].

25. Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương đoạn diệt, hủy hoại, diệt tận của loài hữu tình hiện đang sinh tồn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tưởng, không bệnh, một số phỉ báng các vị ấy. Còn những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã không tưởng, không bệnh, một số phỉ báng các vị ấy. Còn những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã phi tưởng phi phi tưởng, không bệnh, một số phỉ báng các vị ấy. Vì sao vậy? Tất cả những Sa-môn, Bà-la-môn này hướng thượng tuyên bố có chấp trước (*āsatti*): "Đời sau chúng ta sẽ hiện hữu, đời sau chúng ta sẽ hiện hữu."[15] Ví như một người lái buôn đi buôn bán, nghĩ rằng: "Từ đây ta sẽ có vật này, ta sẽ được vật này từ cái này." Cũng vậy, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, Ta nghĩ rằng, cũng giống như những người lái buôn khi các vị này nói: "Đời sau chúng ta sẽ hiện hữu, đời sau chúng ta sẽ hiện hữu." Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết được: "Những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương đoạn diệt, hủy hoại, diệt tận, loài hữu tình hiện đang sinh tồn, những vị ấy sợ hãi tự thân, yểm ly tự thân, chỉ chạy theo và chạy vòng quanh tự thân." Ví như một con chó[16] bị dây cột vào một cột trụ hay cây cột vững chắc, chạy theo và chạy vòng tròn cột trụ hay cây cột ấy. Cũng vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy sợ hãi tự thân, yểm ly tự thân, chỉ biết chạy theo và chạy vòng quanh tự thân. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có [sự đoạn diệt này], Như Lai thấy sự giải thoát khỏi [pháp hữu vi] và đã vượt khỏi [pháp hữu vi].

26. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn về tương lai, thảo luận về tương lai, y cứ vào tương lai tuyên bố nhiều quan điểm sai khác, tất cả đều tuyên bố năm xứ này[17] hay một trong chúng.

27. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ, thảo luận về quá khứ, y cứ vào quá khứ tuyên bố nhiều quan điểm sai khác. "Tự ngã và thế giới là thường còn,[18] chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng",

[14] Cảnh giới này tế nhị hơn (*sukhuma*).

[15] Một Sát-đế-ly hay một Bà-la-môn. Xem *MA*. IV. 21.

[16] Xem *S*. III. 150.

[17] *Āyatana*. *MA*. IV. 22 giải thích là *kāraṇāni*. Sau khi đề cập 44 tà kiến về tương lai, 18 tà kiến về quá khứ được đề cập.

[18] Xem *D*. I. 13, 43 quan điểm của các nhà Thường kiến.

ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là vô thường,[19] chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là thường còn, là vô thường,[20] chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là không phải thường còn, không phải vô thường,[21] chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là hữu biên,[22] chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là hữu biên và vô biên, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới không phải hữu biên, không phải vô biên, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là nhất tưởng, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là dị tưởng, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là thiểu tưởng, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là vô lượng tưởng, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là nhứt hướng lạc,[23] chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là nhứt hướng khổ, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là lạc và khổ, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy. "Tự ngã và thế giới là không khổ không lạc, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng", ở đây, một số tuyên bố như vậy.

28. Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có chủ thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự ngã và thế giới là thường còn, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng." Ngoài tín, ngoài hỷ, ngoài tùy văn, ngoài thẩm định lý do, ngoài kham nhẫn chấp thọ [tà] kiến, trí tự mình sẽ trở thành thanh tịnh, trong sạch;[24] sự tình như vậy không xảy ra. Này các Tỷ-kheo, nếu trí tự mình không trở thành thanh tịnh, trong sạch, thời cho đến chỉ một phần nhỏ của trí mà những Sa-môn, Bà-la-môn ấy làm cho trong sạch, chính như vậy cũng được xưng là chấp trước đối với những vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có [sự đoạn diệt này], Như Lai thấy sự giải thoát khỏi [pháp hữu vi] và đã vượt khỏi [pháp hữu vi].

---

[19] Quan điểm của các nhà Đoạn kiến.

[20] Quan điểm của các nhà Một phần thường kiến. Xem *D*. I. 17.

[21] Quan điểm các nhà Ngụy biện luận. Xem *D*. I. 24-27; *Ps*. I. 155.

[22] Xem *D*. I. 31.

[23] Xem *M*. II. 35.

[24] Xem *S*. II. 115, vị Tỷ-kheo Musila, ngoài niềm tịnh tín, với sự đoạn diệt của hậu hữu, chứng đắc Niết-bàn, được xem là vị A-la-hán.

29. Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự ngã và thế giới là vô thường... (như trên)... tự ngã và thế giới là thường còn và vô thường... (như trên)... tự ngã và thế giới không thường còn và không vô thường... (như trên)... tự ngã và thế giới là hữu biên... (như trên)... tự ngã và thế giới là vô biên... (như trên)... tự ngã và thế giới là hữu biên và vô biên... (như trên)... tự ngã và thế giới là không hữu biên và không vô biên... (như trên)... tự ngã và thế giới là nhất tưởng... (như trên)... tự ngã và thế giới là dị tưởng... (như trên)... tự ngã và thế giới là thiểu tưởng... (như trên)... tự ngã và thế giới là vô lượng tưởng... (như trên)... tự ngã và thế giới là nhứt hướng lạc... (như trên)... tự ngã và thế giới là nhứt hướng khổ... (như trên)... tự ngã và thế giới là lạc và khổ... (như trên)... tự ngã và thế giới là không khổ không lạc, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng." Ngoài lòng tin, ngoài hỷ, ngoài tùy văn, ngoài thẩm định lý do, ngoài sự kham nhẫn chấp thọ [tà] kiến, trí tự mình sẽ trở thành thanh tịnh, trong sạch; sự tình như vậy không xảy ra. Này các Tỷ-kheo, nếu trí tự mình không trở thành thanh tịnh, trong sạch, thời cho đến chỉ một phần nhỏ của trí mà những Sa-môn, Bà-la-môn ấy làm cho trong sạch, chính như vậy cũng được xưng là chấp trước đối với những Sa-môn, Bà-la-môn ấy. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có [sự đoạn diệt này], Như Lai thấy sự giải thoát khỏi [pháp hữu vi] và đã vượt khỏi [pháp hữu vi].

30. Ở đây,[25] này các Tỷ-kheo, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn do từ bỏ những quan điểm về quá khứ và do từ bỏ những quan điểm về tương lai, do không hoàn toàn chú tâm đến những dục kiết sử, đạt được viễn ly hỷ[26] và an trú. Vị ấy nghĩ: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được viễn ly hỷ, ta an trú." Nhưng nếu viễn ly hỷ ấy của vị này bị đoạn diệt,[27] do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, ưu tư sanh khởi; do ưu tư được đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi. Ví như, này các Tỷ-kheo, chỗ nào bóng mát từ bỏ, chỗ ấy sức nóng [mặt trời] lan rộng; chỗ nào sức nóng [mặt trời] từ bỏ, chỗ ấy bóng mát lan rộng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, ưu tư sanh khởi; do ưu tư được đoạn diệt nên viễn ly hỷ sanh khởi. Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: Vị Sa-môn hay Bà-la-môn này, do từ bỏ những quan điểm về quá khứ, và do từ bỏ những quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, sau khi đạt được viễn ly hỷ, liền an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được viễn ly hỷ ấy, ta an trú." Viễn ly ấy của vị này bị đoạn diệt, do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, ưu tư sanh khởi; do ưu tư được đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi. Biết rằng cái này thuộc hữu vi pháp là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có [sự đoạn diệt này], Như Lai thấy sự giải thoát khỏi [pháp hữu vi] và đã vượt khỏi [pháp hữu vi].

---

[25] *MA*. IV. 25 viết cho đến đây 62 tà kiến đã được đề cập như trong *D*. 1, *Brahmajāla Sutta* (*Kinh Phạm võng*). Trong kinh này, quan điểm về tự thân cũng được đề cập.

[26] *Pavivekaṃ pītiṃ*: Sự an tịnh, hỷ, trong Thiền thứ nhất và Thiền thứ hai, hỷ này là một thiền chi.

[27] Với sự đoạn diệt của Thiền thứ nhất và Thiền thứ hai.

31. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viễn ly hỷ, sau khi đạt được phi vật chất lạc,[28] liền an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được phi vật chất lạc, ta an trú." Phi vật chất lạc của vị ấy bị đoạn diệt, do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi; do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi. Ví như, này các Tỷ-kheo, chỗ nào bóng mát từ bỏ, chỗ ấy sức nóng [mặt trời] lan rộng; chỗ nào sức nóng [mặt trời] từ bỏ, chỗ ấy bóng mát lan rộng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi; do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi. Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: Vị Sa-môn hay Bà-la-môn này, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viễn ly hỷ, đạt được phi vật chất lạc và an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được phi vật chất lạc, ta an trú." Phi vật chất lạc ấy của vị này bị đoạn diệt, do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi; do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có [sự đoạn diệt] này, Như Lai thấy được sự giải thoát khỏi [pháp hữu vi] và đã vượt khỏi [pháp hữu vi].

32. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viễn ly hỷ, do vượt qua phi vật chất lạc, sau khi đạt được vô khổ vô lạc thọ,[29] liền an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được vô khổ vô lạc thọ, ta an trú." Vô khổ vô lạc thọ ấy của vị này bị đoạn diệt, do vô khổ vô lạc thọ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, vô khổ vô lạc thọ sanh khởi. Ví như, này các Tỷ-kheo, chỗ nào bóng mát từ bỏ, chỗ ấy sức nóng [mặt trời] lan rộng; chỗ nào sức nóng từ bỏ, chỗ ấy bóng mát lan rộng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do vô khổ vô lạc thọ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, vô khổ vô lạc thọ sanh khởi. Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: Vị Sa-môn hay Bà-la-môn này, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viễn ly hỷ, do vượt qua phi vật chất lạc, sau khi đạt được vô khổ vô lạc thọ, liền an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được vô khổ vô lạc thọ, ta an trú." Vô khổ vô lạc thọ ấy của vị này bị đoạn diệt, do vô khổ vô lạc thọ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, vô khổ vô lạc thọ sanh khởi. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, sau khi biết được có sự đoạn diệt [các hành này], Như Lai thấy được sự giải thoát khỏi [pháp hữu vi] và đã vượt khỏi [pháp hữu vi].

---

[28] Đây chỉ cho Thiền thứ ba. Chữ *nirāmisa* dịch là phi vật chất.

[29] Thiền thứ tư.

33. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt khỏi viễn ly hỷ, do vượt khỏi phi vật chất lạc, do vượt khỏi vô khổ vô lạc thọ, vị ấy quán: "Ta là tịch tịnh, ta là tịch diệt, ta là không chấp thủ." Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: Vị Sa-môn, Bà-la-môn này... (như trên)... ta là không chấp thủ." Chắc chắn vị Đại đức này tuyên bố con đường thích hợp [đưa đến] Niết-bàn.[30] Nhưng vị Sa-môn hay Bà-la-môn này khởi lên chấp thủ, hoặc chấp thủ quan điểm về quá khứ,[31] chấp thủ hoặc chấp thủ quan điểm về tương lai,[32] chấp thủ hoặc chấp thủ dục kiết sử, chấp thủ hoặc chấp thủ viễn ly hỷ, chấp thủ hoặc chấp thủ phi vật chất lạc, chấp thủ hoặc chấp thủ vô khổ vô lạc thọ. Dầu cho vị Đại đức này quán: "Ta là tịch tịnh, ta là tịch diệt, ta không có chấp trước", nhưng vị này vẫn được xem là có chấp trước về điểm ấy. Biết rằng cái này thuộc hữu vi pháp là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, sau khi biết được có [sự đoạn diệt các hành] này, Như Lai thấy được sự giải thoát khỏi [pháp hữu vi] và đã vượt khỏi [pháp hữu vi].

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Vô thượng tịch tịnh tối thắng đạo[33] được Như Lai chánh đẳng giác, nghĩa là sau khi như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt và sự nguy hiểm của sáu xúc xứ, có sự giải thoát không chấp thủ.[34] Ở đây, này các Tỷ-kheo, Vô thượng tịch tịnh tối thắng đạo này được Như Lai chánh đẳng giác, nghĩa là sau khi như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt và sự nguy hiểm của sáu xúc xứ, có sự giải thoát không chấp thủ.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[30] Xem *S.* IV. 133.

[31] Mười tám tà kiến về quá khứ.

[32] Bốn mươi bốn tà kiến về tương lai.

[33] Xem *M.* I. 163.

[34] Xem *D.* I. 17 và *A.* V. 64. *Anupāda*, không chấp thủ, không chấp trước, nên không có nhiên liệu để tái sanh (*saṃsāra*). *MA*. IV. 28 viết rằng ở chỗ khác, chỉ cho Niết-bàn, ở đây chỉ cho sự chứng đắc quả A-la-hán.

103. KINH NHƯ THẾ NÀO
(*Kinti Sutta*)

34. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kusinārā, tại khu rừng Baliharaṇa.[1] Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các ông nghĩ như thế nào? Có phải vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân đồ ăn khất thực, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân sàng tọa, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân thành bại,[2] Sa-môn Gotama thuyết pháp?

– Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn. Chúng con không nghĩ rằng: "Vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp... (như trên)... vì nhân thành bại, Sa-môn Gotama thuyết pháp."

– Và như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các ông không nghĩ như sau: "Vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp... (như trên)... vì nhân thành bại, Sa-môn Gotama thuyết pháp." Vậy này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các ông nghĩ như thế nào?

– Như thế này, bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, chúng con nghĩ như sau: "Với từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ, Thế Tôn thuyết pháp."

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các ông nghĩ như sau: "Với từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ, Thế Tôn thuyết pháp."

35. Do vậy, này các Tỷ-kheo, những pháp Ta giảng cho các ông với thượng trí, như là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần, Thánh đạo tám ngành. Ở đây, các ông phải học tập tất cả trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau. Và này các Tỷ-kheo, khi các

---

[1] *Baliharaṇa*, được gọi như vậy vì người ta đem đồ cúng lễ ban phát cho các loài hữu tình.

[2] *Itibhavābhavahetu*. *MA*. IV. 28 viết: "Tùy thuộc thiện hành (*puñña*), theo lời dạy này, tôi sẽ được hưởng hạnh phúc trong đời này hay đời khác." *DA*. III. 1021 và *AA*. III. 12 giải thích *bhavābhava* như dầu, mật, bơ loãng, v.v… giống như thuốc cho người bệnh là sự cúng dường thứ tư. Nhưng *bhava* cũng được giải thích là thành công, *abhava* là thất bại.

ông học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau, có thể có hai vị Tỷ-kheo nói khác nhau về Thắng pháp.[3]

Ở đây, nếu các ông nghĩ như sau: "Giữa các vị Tôn giả này có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn"; ở đây, Tỷ-kheo nào các ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau." Rồi một Tỷ-kheo nào của phái bên kia mà các ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau." Như vậy, cái gì khó nắm giữ, cần phải thọ trì là khó nắm giữ; cái gì dễ nắm giữ, phải thọ trì là dễ nắm giữ. Sau khi thọ trì là khó nắm giữ cái gì khó nắm giữ, cái gì thuộc về Pháp, cái gì thuộc về Luật phải được nói lên.

36. Ở đây,[4] nếu các ông suy nghĩ như sau: "Giữa các bậc Tôn giả này có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn"; ở đây, Tỷ-kheo nào các ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau." Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau." Như vậy, cái gì khó nắm giữ, phải thọ trì là khó nắm giữ; cái gì dễ nắm giữ, phải thọ trì là dễ nắm giữ. Sau khi thọ trì là khó nắm giữ cái gì khó nắm giữ, sau khi thọ trì là dễ nắm giữ cái gì dễ nắm giữ, cái gì thuộc về Pháp, cái gì thuộc về Luật phải được nói lên.

37. Ở đây, nếu các ông nghĩ như sau: "Giữa các Tôn giả này có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn"; ở đây, Tỷ-kheo nào các ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả, có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhặt, tức là văn. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau vì một vấn đề nhỏ nhặt." Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhặt, tức là văn. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau vì một vấn đề nhỏ nhặt." Như vậy, cái gì dễ nắm giữ, phải thọ trì là dễ nắm giữ; cái gì khó nắm

---

[3] *Abhidhamma*: Đây nghĩa là 37 pháp đưa đến giác ngộ. Xem *MA*. IV. 29.

[4] *Tatra*: Đây cũng chỉ cho 37 pháp trợ đạo. Xem *MA*. IV. 29.

giữ, phải thọ trì là khó nắm giữ. Sau khi thọ trì là dễ nắm giữ cái gì dễ nắm giữ, sau khi thọ trì là khó nắm giữ cái gì khó nắm giữ, cái gì thuộc về Pháp, cái gì thuộc về Luật phải được nói lên.

38. Ở đây, nếu các ông nghĩ như sau: "Giữa các Tôn giả này có sự đồng nhất về nghĩa, có sự đồng nhất về văn"; ở đây, vị Tỷ-kheo nào các ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự đồng nhất về nghĩa và cũng có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa và cũng có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau." Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự đồng nhất về nghĩa và có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa và cũng có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau." Như vậy, cái gì dễ nắm giữ phải thọ trì là dễ nắm giữ. Sau khi thọ trì là dễ nắm giữ cái gì dễ nắm giữ, cái gì thuộc về Pháp, cái gì thuộc về Luật phải được nói lên.

39. Và này các Tỷ-kheo, khi các ông học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau, có thể có một Tỷ-kheo khác phạm giới, phạm luật. Ở đây, này các Tỷ-kheo, chớ có khiển trách hấp tấp, cá nhân người kia cần phải giác sát. [Các ông phải suy nghĩ:] "Sẽ không có hại gì cho ta, và sẽ không có tổn hại gì cho người kia. Nếu người kia không phẫn nộ, không uất hận, có ý kiến lanh lợi và dễ thuyết phục, và ta có thể khiến người ấy vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện." Này các Tỷ-kheo, nếu các ông nghĩ như vậy, thời các ông nên nói là phải. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các ông nghĩ như sau: "Sẽ không có hại gì cho ta, và sẽ có tổn hại cho người kia. Người kia phẫn nộ, uất hận, có ý kiến chậm chạp, nhưng dễ thuyết phục, và ta có thể khiến người ấy vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhặt, tức là sự tổn hại cho người kia. Và đây là sự việc to lớn hơn, là ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện." Này các Tỷ-kheo, nếu các ông nghĩ như vậy, thời các ông nên nói là phải. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các ông suy nghĩ như sau: "Sẽ có hại cho ta và không có tổn hại cho người kia. Người kia không có phẫn nộ, uất hận, có ý kiến lanh lợi, nhưng khó thuyết phục, và ta có thể khiến người ấy vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhặt, tức là sự tổn hại cho ta. Và đây là sự việc to lớn hơn, là ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện." Này các Tỷ-kheo, nếu các ông suy nghĩ như vậy, thời các ông nên nói là phải. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các ông suy nghĩ như sau: "Sẽ có hại cho ta và sẽ có tổn hại cho người kia. Người kia phẫn nộ, uất hận, có ý kiến chậm chạp, khó thuyết phục, và ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhặt, tức là hại cho ta và tổn hại cho người kia. Và đây là sự việc to lớn hơn, là ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện." Này các Tỷ-kheo, nếu các ông suy nghĩ như vậy, thời các ông nên nói là phải. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các ông suy nghĩ như sau: "Ta sẽ bị hại và người kia cũng

bị tổn hại. Người kia phẫn nộ, uất hận, có ý kiến chậm chạp, khó thuyết phục và ta không có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện." Đối với một người như vậy, này các Tỷ-kheo, hãy xả, chớ có nên khinh miệt.

40. Và này các Tỷ-kheo, khi các ông học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau, có thể khởi lên giữa các ông một khẩu hành,[5] một ý kiến ngoan cố, một tâm hiềm hận, ưu não, phẫn nộ. Ở đây, một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Này Hiền giả, dầu chúng tôi học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn nhau, có khởi lên một khẩu hành, một ý kiến ngoan cố, một tâm hiềm hận, ưu não, phẫn nộ. Nếu biết được như thế, vị Sa-môn[6] có quở trách không?" Trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Này Hiền giả, dầu cho chúng tôi học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn nhau... (như trên)... vị Sa-môn sẽ quở trách. Nhưng này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy,[7] Niết-bàn có thể chứng được chăng?" Nếu trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn không có thể chứng được." Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Này Hiền giả, dầu chúng tôi học tập các pháp ấy... (như trên)... vị Sa-môn có quở trách không?" Trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Này Hiền giả, dầu cho chúng tôi... (như trên)... vị Sa-môn sẽ quở trách. Nhưng này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn có thể chứng được chăng?" Nếu trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn không có thể chứng được."

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các người khác hỏi Tỷ-kheo ấy, nói rằng: "Các Tỷ-kheo ấy có được Tôn giả khiến cho vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện chăng?" Nếu trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Ở đây, này Hiền giả, tôi đi đến Thế Tôn và Thế Tôn thuyết pháp của Ngài cho tôi. Sau khi nghe pháp ấy, tôi đã nói lại cho các Tỷ-kheo ấy. Khi các Tỷ-kheo ấy nghe pháp ấy xong, các vị ấy tự vượt khỏi bất thiện và an trú vào thiện." Trả lời như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tự khen mình chê người. Vị ấy giải thích tùy pháp đúng với pháp, và không một ai trong các pháp hữu nói lời tùy thuyết, có thể đưa đến phỉ báng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[5] *Vacīsaṅkhāra*. Khẩu hành. Xem *A*. III. 350; *Vism*. 531.

[6] Bậc Đạo sư. Xem *MA*. IV. 31.

[7] Có nghĩa là cãi vã nhau.

104. KINH LÀNG SĀMA
(*Sāmagāma Sutta*)[1]

41. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa các vị Sakka (Thích-ca), tại làng Sāma (Xá-di thôn).[2] Lúc bấy giờ, Nigaṇṭha Nāṭaputta vừa mới tạ thế ở Pāvā. Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigaṇṭha chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và tàn hại nhau với binh khí miệng lưỡi. "Ông[3] không biết Pháp và Luật này, ta biết Pháp và Luật này. Sao ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói ta tương ưng, lời nói ông không tương ưng. Điều đáng nói trước, ông nói sau; điều đáng nói sau, ông nói trước. Điều ông quan niệm,[4] trình bày,[5] đã bị đảo lộn. Quan điểm của ông đã bị thách đố.[6] Ông đã bị thuyết bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của ông. Hãy tự thoát khỏi bế tắc[7] nếu ông có thể làm được!"[8] Hình như các đệ tử của Nigaṇṭha Nāṭaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử[9] cư sĩ mặc đồ trắng của Nigaṇṭha Nāṭaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm và phản đối (*paṭivānarūpā*) các Nigaṇṭha, vì Pháp và Luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

42. Rồi Sa-di[10] Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pāvā, đến thăm Tôn giả Ānanda ở làng Sāma; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Sa-di Cunda bạch Tôn giả Ānanda:

---

[1] Xem *D*. III. 207; *A*. III. 334; *Vin*. II. 73. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Châu-na kinh* 周那經 (*T*.01. 0026.196. 0752c11). Tham chiếu: *Tức tránh nhân duyên kinh* 息諍因緣經 (*T*.01. 0085. 0904b27); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.7. 0428c16).

[2] Đoạn nhập đề kinh này giống như kinh *D*. 29, *Pāsādika Suttanta* (*Kinh Thanh tịnh*), xem *D*. III. 117-18. Những tranh chấp nổi lên sau khi Nāṭaputta mệnh chung được nói đến trong *D*. III. 210.

[3] Xem *M*. II. 3; *D*. I. 8; *DB*. I. 14-5.

[4] *Adhiciṇṇa*. Bản Tích Lan viết *aviciṇṇa*.

[5] *MA*. IV. 33 viết *cirakālasevanavasena*.

[6] Xem *M*. II. 122; *S*. I. 160; *Vin*. I. 60.

[7] *Cara vādappamokkhāya*. *MA*. IV. 33 viết: "Lấy một túi đồ ăn, và đến người này người kia, tìm cách thoát ra khỏi tranh luận." Nhưng *DA*. I. 91 lại viết: "Hãy đi để làm nguôi cơn giận, hãy đi đây đó để tự tu tập."

[8] Hãy từ bỏ lời nói mà đã bị ta bác bỏ. Xem *MA*. IV. 33.

[9] *Nāṭaputtiyesu*. *MA*. IV. 33 giải thích là đệ tử của Nāṭaputta.

[10] Trong *Vin*. IV. 139, *Samaṇuddesa* đồng nghĩa với *Sāmaṇera*. Theo *MA*. IV. 36, Cunda là em trai của Tôn giả Sāriputta.

– Bạch Tôn giả, Nigaṇṭha Nāṭaputta đã từ trần ở Pāvā. Sau khi vị này tạ thế, các Nigaṇṭha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Sa-di Cunda:

– Này Hiền giả Cunda, đây là vấn đề đáng đưa ra để yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, chúng ta hãy trình bày vấn đề này để Thế Tôn biết.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Sa-di Cunda vâng lời Tôn giả Ānanda. Rồi Tôn giả Ānanda cùng với Sa-di Cunda đi đến yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sa-di Cunda có nói: "Nigaṇṭha Nāṭaputta đã từ trần ở Pāvā. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigaṇṭha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ." Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Sau khi Thế Tôn nhập diệt, chớ để cho tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng. Tranh luận ấy đưa đến sự bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài trời và loài người."[11]

43. – Này Ānanda, ông nghĩ thế nào? Những pháp Ta dạy cho các ông với thượng trí, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần, Thánh đạo tám ngành. Ông có thấy chăng, này Ānanda, có hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau?

– Bạch Thế Tôn, những pháp Thế Tôn dạy cho con với thượng trí như Bốn niệm xứ... (như trên)... Thánh đạo tám ngành, con không thấy cho đến hai Tỷ-kheo[12] đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau. Bạch Thế Tôn, và những người nào sống y cứ sùng kính Thế Tôn, những người ấy sau khi Thế Tôn nhập diệt, có thể khởi lên những tranh luận giữa Tăng chúng, hoặc về tăng thượng hoạt mạng, hoặc về tăng thượng Giới bổn (*adhipātimokkha*). Tranh luận ấy đem đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, bất an, đau khổ cho loài trời và loài người.

– Là nhỏ nhặt, này Ānanda, là sự tranh luận ấy, tức là [tranh luận] về tăng thượng hoạt mạng hay tăng thượng Giới bổn. Này Ānanda, sự tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng về con đường (*magga*) hay về đường hướng tu hành (*paṭipadā*), sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài trời và loài người.

44. Này Ānanda, có sáu căn bản tranh chấp này.[13] Thế nào là sáu? Ở đây, Tỷ-kheo phẫn nộ, sân hận. Này Ānanda, vị Tỷ-kheo nào phẫn nộ, sân hận, vị

---

[11] Đoạn cuối này được tìm thấy ở *D*. III. 246; *S*. II. 255; *A*. I. 19; *Vin*. II. 89.

[12] *MA*. IV. 37 viết rằng sự tranh luận giữa hai vị Tỷ-kheo được bàn trong chương *Kosambakkhandhaka* (*Vin*. I. 352ff) phát triển đến nỗi chia thành hai phe nhóm.

[13] Xem *D*. III. 246; *Vin*. II. 89; *BD*. V. 118.

ấy sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tôn trọng Pháp; sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập. Này Ānanda, Tỷ-kheo nào sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư... sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập, vị ấy khởi lên tranh luận giữa Tăng chúng. Sự tranh luận nào đưa đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài trời và loài người; này Ānanda, nếu ông thấy ác căn bản tranh luận như vậy, giữa các ông hay giữa các người khác, ở đây, này Ānanda, ông phải tinh tấn đoạn trừ ác căn bản tranh luận ấy. Này Ānanda, nếu ông không thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các ông hay giữa các người khác, ở đây, này Ānanda, ông phải theo một đường hướng để không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy. Có sự đoạn diệt ác căn bản tranh luận ấy, như vậy mới không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy như vậy.

45. Lại nữa này Ānanda, vị Tỷ-kheo hiềm hận, não hại... tật đố, xan tham... gian manh, xảo trá... ác dục, tà kiến... chấp thủ thế trí, cố chấp, khó thuyết phục. Này Ānanda, Tỷ-kheo nào chấp thủ thế trí, cố chấp, khó thuyết phục, vị ấy sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tôn trọng Pháp; sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập. Này Ānanda, vị Tỷ-kheo nào sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư... sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập, vị ấy khởi lên sự tranh luận giữa Tăng chúng. Sự tranh luận nào đưa đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài trời và loài người, này Ānanda, nếu ông thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các ông hay giữa các người khác; ở đây, này Ānanda, ông phải tinh tấn đoạn trừ ác căn bản tranh luận ấy. Này Ānanda, nếu ông không thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các ông hay giữa người khác, ở đây, này Ānanda, ông phải theo một đường hướng để không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy. Có sự đoạn diệt ác căn bản tranh luận ấy, như vậy mới không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận như vậy. Những pháp này, này Ānanda, là sáu căn bản tranh chấp.

46. Này Ānanda, có bốn tránh sự[14] này. Thế nào là bốn? Tránh sự khởi lên do tranh luận, tránh sự khởi lên do chỉ trích, tránh sự khởi lên do phạm giới tội, tránh sự khởi lên do trách nhiệm (*kiccādhikaraṇaṃ*: Hành tránh sự). Những pháp này, này Ānanda, là bốn tránh sự.

Nhưng này Ānanda, có bảy diệt tránh pháp[15] này để giải quyết diệt trừ các tránh pháp thỉnh thoảng khởi lên: Phán quyết với sự hiện diện cần được ban cho[16] (*sammukhāvinayo dātabbo*: Ưng dữ hiện tiền Tỳ-ni), phán quyết ức niệm

---

[14] *Adhikaraṇa*: Tránh pháp, được giải thích trong *Vin*. II. 88.

[15] Xem *D*. III. 254; *A*. IV. 144.

[16] Về cách giải quyết các tránh pháp này, xem *Vin*. IV. 207; *BD*. III. 153-54.

cần được ban cho (*sativinaya dātabbo*: Ưng dữ ức niệm Tỳ-ni), phán quyết bất si cần được ban cho (*amūḷhavinayo dātabbo*: Ưng dữ bất si Tỳ-ni), quyết định tùy theo thú nhận (*paṭiññāya kāretabbaṃ*), quyết định đa số (*yebhuyyasikā*, đa nhân mích tội), quyết định tùy theo giới tội người phạm (*tassa pāpiyyasikā*), trải cỏ che lấp (*tiṇavatthārako*: Như thảo phú địa).

47. Này Ānanda, thế nào là phán quyết với sự hiện diện cần được ban cho?[17] Ở đây, này Ānanda, các Tỷ-kheo tranh chấp nhau: "Đây là Pháp, hay đây là phi Pháp, hay đây là Luật, hay đây là phi Luật."[18] Này Ānanda, tất cả các Tỷ-kheo ấy phải tập hợp hòa hợp với nhau, sau khi tập hợp, pháp quy chế[19] phải được thảo luận, phân tích. Sau khi pháp quy chế được thảo luận, phân tích, ở đây, làm thế nào để đồng nhất đạt được, như vậy tránh sự phải được giải quyết. Như vậy, này Ānanda, là phán quyết với sự hiện diện. Và như vậy, ở đây, là sự giải quyết một số tránh sự, tức là dùng phán quyết với sự hiện diện.

48. Và này Ānanda, thế nào là quyết định đa số?[20] Này Ānanda, nếu các Tỷ-kheo kia không có thể giải quyết tránh sự ấy tại trú xứ ấy, thời này Ānanda, các vị Tỷ-kheo kia cần phải đi đến chỗ trú xứ có nhiều Tỷ-kheo hơn,[21] tại đấy, tất cả các Tỷ-kheo phải hòa đồng tập hợp lại; sau khi tập hợp, pháp quy chế phải được thảo luận, phân tích. Sau khi pháp quy chế được thảo luận, phân tích, ở đây làm thế nào để đồng nhất đạt được, như vậy tránh sự phải được giải quyết. Như vậy, này Ānanda, là sự giải quyết một số tránh sự, tức là dùng sự quyết định đa số.

49. Và này Ānanda, thế nào là phán quyết ức niệm?[22] Ở đây, này Ānanda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di (*Pārājika*), hoặc gần Ba-la-di, nói rằng: "Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di." Như vậy, này Ānanda, một phán quyết ức niệm cần phải cho Tỷ-kheo ấy. Như vậy, này Ānanda, là phán quyết ức niệm. Như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh sự, tức là nhờ phán quyết ức niệm.

50. Và này Ānanda, thế nào là phán quyết bất si?[23] Ở đây, này Ānanda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nói rằng: "Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di." Tỷ-kheo ấy bị [các vị Tỷ-kheo kia] dồn ép, phải thú nhận: "Tôn giả

---

[17] Xem *Vin*. II. 93.

[18] Xem *Vin*. II. 88.

[19] *PED*. giải thích *netti* = *niyāma*.

[20] Xem *Vin*. II. 93ff.

[21] Nhiều hơn 2 hoặc 3 vị Tỷ-kheo. Xem *MA*. IV. 48.

[22] Xem *Vin*. I. 325; II. 79f, 99f; *GS*. I. 85, n. 7.

[23] Xem *Vin*. I. 123; II. 80f, 100.

hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả có nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di." Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: "Này chư Hiền, tôi đã bị cuồng si, tâm trí tôi điên đảo; do tôi cuồng si như vậy, nhiều việc đã được tôi làm, tôi nói không xứng Sa-môn hạnh. Vì bị cuồng si, tôi không nhớ đã làm như vậy." Này Ānanda, phán quyết bất si cần phải cho Tỷ-kheo ấy. Như vậy, này Ānanda, là phán quyết bất si. Và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh pháp, tức là nhờ phán quyết bất si.

51. Và này Ānanda, thế nào là quyết định tùy theo thú nhận?[24] Ở đây, này Ānanda, bị buộc tội hay không bị buộc tội, Tỷ-kheo nhớ một giới tội, tỏ lộ, trình bày. Tỷ-kheo ấy phải đến một Tỷ-kheo lớn tuổi hơn, đắp y phía một bên vai, đảnh lễ chân vị ấy, ngồi gối hai chân, chắp tay và nói như sau: "Bạch Tôn giả, tôi có phạm giới tội tên như thế này, nay xin sám hối." Tỷ-kheo kia nói như sau: "Ông có thấy chăng?"

"Tôi có thấy."

"Ông có gìn giữ trong tương lai không?"

"Tôi sẽ gìn giữ."

Như vậy, này Ānanda, là quyết định tùy theo thú nhận. Như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh sự, tức là nhờ quyết định tùy theo thú nhận.

52. Và này Ānanda, thế nào là quyết định tùy theo giới tội người phạm?[25] Ở đây, này Ānanda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nói rằng: "Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di." Tỷ-kheo ấy bị [các Tỷ-kheo kia] dồn ép, phải tỏ lộ ra: "Tôn giả hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả có nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di." Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, tôi không có nhớ tôi có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di. Chư Hiền, tôi nhớ tôi có phạm khinh tội như thế này." Tỷ-kheo ấy bị [các Tỷ-kheo kia] dồn ép, phải tỏ lộ: "Tôn giả hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, dầu không ai hỏi tôi, tôi sẽ thú nhận có phạm khinh tội như thế này, làm sao tôi có thể, khi có người hỏi tôi, lại không thú nhận có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị kia nói như sau: "Này Hiền giả, dầu ông có phạm khinh tội này, nếu không hỏi, ông sẽ không thú nhận, làm sao khi đã phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nếu có hỏi, ông lại có thể thú nhận? Tôn giả hãy biết rõ ràng, nếu Tôn giả có nhớ có phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, tôi có nhớ tôi có phạm trọng

[24] Xem *Vin.* I. 325; II. 83.

[25] Xem *A.* IV. 347; *Vin.* II. 85f.

tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di. Điều tôi đã nói như vậy là nói chơi, điều tôi đã nói như vậy là để cười (*ravā*). Tôi không có nhớ tôi đã phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di." Như vậy, này Ānanda, là quyết định tùy theo giới tội người phạm. Và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh tội, tức là nhờ quyết định tùy theo giới tội người phạm.

53. Và này Ānanda, thế nào là trải cỏ che lấp? Ở đây, này Ānanda, một số Tỷ-kheo sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau, có nhiều việc đã làm, đã nói không xứng Sa-môn hạnh. Tất cả các Tỷ-kheo ấy phải tập hợp hòa đồng với nhau. Sau khi tập hợp, một Tỷ-kheo thông minh có kinh nghiệm hơn của một phe nhóm Tỷ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y về phía một bên vai, chắp tay, bạch Tăng chúng, nói rằng: "Chư Tôn giả, Tăng chúng hãy nghe tôi. Khi chúng tôi sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau, nhiều việc đã làm, đã nói không xứng Sa-môn hạnh. Nếu Tăng chúng xem là phải thời, tôi xin tỏ lộ bất cứ giới tội nào của các Tôn giả này và bất cứ giới tội nào của tôi. Vì lợi ích cho chư Tôn giả và cũng vì lợi ích cho tự thân, tôi xin tỏ lộ giữa Tăng chúng, như lấy cỏ trải ra, trừ các trọng tội,[26] trừ các tội liên hệ đến cư sĩ."[27] Rồi một vị Tỷ-kheo thông minh, kinh nghiệm của phe nhóm Tỷ-kheo khác, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y về phía một bên vai, chắp tay bạch Tăng chúng, nói rằng: "Chư Tôn giả, Tăng chúng hãy nghe tôi! Khi chúng tôi sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau... (như trên)... trừ các tội liên hệ đến cư sĩ." Như vậy, này Ānanda, là trải cỏ che lấp. Và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh pháp, tức là nhờ trải cỏ che lấp.

54. Này Ānanda, có sáu khả niệm pháp này,[28] tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Thế nào là sáu? Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo an trú Từ thân nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh trước chỗ đông người và tại chỗ vắng người; khả niệm pháp này tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Và lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo an trú Từ khẩu nghiệp... (như trên)... đồng nhất. Và lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo an trú Từ ý nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh trước chỗ đông người và tại chỗ vắng người; khả niệm pháp này, tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Và lại nữa, này Ānanda, với mọi sở đắc như pháp, mọi lợi dưỡng đúng pháp cho đến những thọ lãnh trong bình bát, Tỷ-kheo là vị san sẻ các lợi dưỡng như vậy, là vị thọ hưởng chúng cùng với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức; khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Và lại nữa, này Ānanda, đối với mọi giới luật nào, không sứt mẻ, không tỳ, không vết, không ô uế, giải thoát, được người trí tán thán, không chấp thủ, đưa đến thiền định, Tỷ-kheo sống thành tựu

---

[26] *MA*. IV. 50: Tội *Pārājika* hay *Saṅghādisesa*.

[27] *MA*. IV. 50: Ở đây chỉ cho vị Tỷ-kheo la rầy các cư sĩ.

[28] Như *M*. I. 322.

những giới luật như vậy cùng với các vị đồng Phạm hạnh trước chỗ đông người và tại chỗ vắng người; khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Và lại nữa, này Ānanda, đối với mọi tri kiến Thánh thiện, đưa đến xuất ly, dẫn đến sự chơn chánh, đoạn diệt khổ đau cho những ai thực hành theo, Tỷ-kheo sống thành tựu những tri kiến như vậy cùng với các vị đồng Phạm hạnh trước chỗ đông người và tại chỗ vắng người; khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa đồng, đồng nhất.

Này Ānanda, sáu pháp khả niệm này tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa đồng, đồng nhất. Này Ānanda, nếu ông thọ trì và thực hành sáu pháp khả niệm này, thời này Ānanda, ông thấy có những cách nói nào, hoặc tế hoặc thô, khiến ông không có thể kham nhẫn?[29]

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này Ānanda, hãy thọ trì và thực hành sáu pháp khả niệm này, như vậy sẽ đưa đến cho ông an lạc và hạnh phúc lâu dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[29] Xem *M.* I. 129.

105. KINH THIỆN TINH
(*Sunakkhatta Sutta*)

55. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesāli (Tỳ-xá-ly), ở Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường (Kūṭāgārasālā). Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo trước mặt Thế Tôn tuyên bố đã chứng Trí giác: "Chúng tôi biết rằng sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa." Sunakkhatta Licchaviputta[1] (Thiện Tinh Ly-xa tử) được nghe: "Nhiều Tỷ-kheo... (như trên)... này nữa." Rồi Sunakkhatta Licchaviputta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Sunakkhatta Licchaviputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có được nghe như sau: "Nhiều Tỷ-kheo... (như trên)... này nữa." Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo ấy trước mặt Thế Tôn tuyên bố đã chứng Trí giác: "Chúng tôi biết rằng sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa." Bạch Thế Tôn, không biết các Tỷ-kheo ấy đã tuyên bố một cách chơn chánh chứng Trí giác, hay ở đây có một số Tỷ-kheo vì tăng thượng mạn[2] đã tuyên bố chứng Trí giác?

56. – Này Sunakkhatta, những vị Tỷ-kheo trước mặt Ta đã tuyên bố chứng Trí giác: "Chúng tôi biết rằng, sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa." Ở đây, có một số Tỷ-kheo đã chơn chánh tuyên bố chứng Trí giác; nhưng ở đây, cũng có một số Tỷ-kheo chính vì tăng thượng mạn, đã tuyên bố chứng Trí giác. Ở đây, này Sunakkhatta, những vị Tỷ-kheo nào đã chơn chánh tuyên bố chứng Trí giác, thời đối với các vị ấy, thật là đúng như vậy. Nhưng đối với các vị Tỷ-kheo nào vì tăng thượng mạn đã tuyên bố chứng Trí giác, ở đây, này Sunakkhatta, Như Lai nghĩ như sau: "Ta hãy thuyết pháp cho những vị ấy." Và như vậy, ở đây, này Sunakkhatta, Như Lai suy nghĩ: "Ta hãy thuyết pháp cho những vị ấy." Nhưng ở đây, nếu có một số người ngu si, sắp đặt câu hỏi, đến hỏi Như Lai; ở đây, này Sunakkhatta, Như Lai suy nghĩ như sau: "Ta hãy thuyết pháp cho những người ấy." Như Lai suy nghĩ như vậy, không có làm khác.

– Nay đã đúng thời để thuyết pháp, bạch Thế Tôn! Nay đã đúng thời để

---

[1] Xem *M.* 12, *Mahāsīhanāda Sutta* (*Đại kinh Sư tử hống*).

[2] Xem *A.* V. 162ff.

thuyết pháp, bạch Thiện Thệ! Thế Tôn thuyết pháp như thế nào, sau khi nghe xong, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Sunakkhatta, hãy nghe và khéo tác ý kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Sunakkhatta Licchaviputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

57. – Này Sunakkhatta, có năm dục trưởng dưỡng[3] này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Sunakkhatta, những pháp này là năm dục trưởng dưỡng.

58. Nhưng này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra khi ở đây có số người thiên nặng về vật chất thế gian.[4] Đối với người thiên nặng về vật chất thế gian, này Sunakkhatta, câu chuyện [thích hợp với người ấy] phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người nào mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói[5] liên hệ đến bất động thời người ấy không nghe, không lóng tai, và tâm không an trú vào trí giác[6] và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú. Ví như, này Sunakkhatta, có người đã lâu không trú ở trong làng hay thị trấn của mình, và có thể thấy một người vừa mới từ làng ấy hay thị trấn ấy lại. Người này sẽ hỏi người ấy về sự an ninh của làng hay thị trấn ấy, về đồ ăn uống sung túc và về ít bệnh tật, và người ấy sẽ nói cho người này biết về sự an ổn của làng hay thị trấn ấy, về đồ ăn uống sung túc và về ít bệnh tật. Này Sunakkhatta, ông nghĩ thế nào? Có phải người này sẽ nghe người kia, lóng tai, tâm an trú vào trí giác và người này sẽ giao thiệp với người nào mà người này thích thú?

– Thưa phải vậy, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra khi ở đây có số người thiên nặng về vật chất thế gian. Đối với người thiên nặng về vật chất thế gian, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến bất động, thời người ấy không nghe, không lóng tai và tâm không an trú vào trí giác và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú, người ấy cần được hiểu như vầy: "Là hạng người thiên nặng về vật chất thế gian."

59. Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra khi một số người thiên nặng về bất

---

[3] Như *M.* I. 85.

[4] *Lokāmisa*. Xem *M.* I. 12, 155f.

[5] *Kathāya kacchamānāya*: Khi câu chuyện được nói đến.

[6] Xem *D.* I. 230-31; *Vin.* I. 10.

động. Đối với người thiên nặng về bất động, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp [với người ấy] phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến vật chất thế gian, thời người ấy không nghe, không lóng tai và tâm không an trú vào trí giác và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú. Ví như, này Sunakkhatta, một lá vàng khô đã rời khỏi cành, không còn xanh trở lại;[7] cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về bất động, đã rời khỏi kiết sử vật chất thế gian, người ấy cần được hiểu như sau: "Đây là hạng người không liên hệ với kiết sử vật chất thế gian, thiên nặng về bất động."

60. Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra. Ở đây, có một số người thiên nặng về vô sở hữu. Đối với người thiên nặng về vô sở hữu, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến bất động, thời người ấy không nghe, không lóng tai, và tâm không an trú vào trí giác, và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú. Ví như, này Sunakkhatta, một hòn đá bị vỡ làm đôi không thể nối liền lại được;[8] cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về vô sở hữu, đã bị chặt đứt khỏi kiết sử bất động, người ấy cần được hiểu như sau: "Đây là hạng người không liên hệ với kiết sử bất động, thiên nặng về vô sở hữu."

61. Nhưng này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra. Ở đây, có một số người thiên nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đối với người thiên nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến Vô sở hữu xứ, thời người ấy không nghe, không lóng tai, và tâm không an trú vào trí giác, và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú. Ví như, này Sunakkhatta, một người đã ăn các món ăn mỹ vị và đã quăng bỏ. Này Sunakkhatta, ông nghĩ thế nào, người ấy có ưa ăn lại món ăn ấy không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Vì rằng, bạch Thế Tôn, món ăn ấy được xem là ghê tởm rồi.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đã để một bên kiết sử Vô sở hữu xứ, người ấy cần được hiểu như sau: "Người ấy là hạng người không liên hệ với kiết sử Vô sở hữu xứ, thiên nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ."

62. Nhưng này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra khi ở đây có số người thiên

---

[7] Xem *Vin*. I. 96; III. 47.

[8] Xem *Vin*. I. 97.

nặng về chánh Niết-bàn.[9] Đối với hạng người thiên nặng về chánh Niết-bàn, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thời người ấy không nghe, không lóng tai, và tâm không an trú vào trí giác. Và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích. Ví như, này Sunakkhatta, cây Sa-la, ngọn cây đã bị chặt đứt không thể lớn được nữa; cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về chánh Niết-bàn, đã cắt đứt kiết sử Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đã cắt đứt từ rễ, làm cho như cây Sa-la không thể tái sanh, không thể khởi lên lại trong tương lai, người ấy cần phải được hiểu như sau: "Người ấy là hạng người không liên hệ với kiết sử Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiên nặng về chánh Niết-bàn."

63. Nhưng này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra khi ở đây có một số người suy nghĩ như sau: "Tham ái được vị Sa-môn[10] gọi là mũi tên.[11] Thuốc độc vô minh làm não hại [con người] với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt, thuốc độc vô minh đã được trừ khử, ta thiên nặng về chánh Niết-bàn." Vị ấy có thể tự hào với mục đích hiện tại. Vị ấy có thể truy cầu những gì không thích hợp với khuynh hướng chánh Niết-bàn, như mắt vị ấy có thể truy cầu sắc không thích hợp, tai có thể truy cầu tiếng không thích hợp, mũi có thể truy cầu hương không thích hợp, lưỡi có thể truy cầu vị không thích hợp, thân có thể truy cầu xúc không thích hợp, ý có thể truy cầu pháp không thích hợp. Khi mắt truy cầu sắc không thích hợp, tai truy cầu tiếng không thích hợp, mũi truy cầu hương không thích hợp, lưỡi truy cầu vị không thích hợp, thân truy cầu xúc không thích hợp, ý truy cầu pháp không thích hợp, thời tham dục nhiễu loạn tâm vị ấy. Vị ấy do tâm bị tham dục nhiễu loạn đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết.

Ví như, này Sunakkhatta, một người bị mũi tên[12] bắn, tên ấy có tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy cho mời một y sĩ giải phẫu. Vị y sĩ giải phẫu ấy có thể cắt xung quanh miệng vết thương với con dao; sau khi cắt xung quanh miệng vết thương với con dao, vị y sĩ giải phẫu có thể dò tìm mũi tên với một vật dụng dò tìm. Sau khi dò tìm mũi tên với một vật dụng dò tìm, vị y sĩ có thể rút mũi tên ra. Vị y sĩ có thể trừ khử hết thuốc độc, còn để lại một ít nhưng nghĩ không có thuốc độc nào còn lại, vị y sĩ nói như sau: "Này Hiền giả, mũi tên của bạn đã được rút ra, thuốc độc đã được trừ khử, không còn dư tàn, và không còn gì nguy hiểm nữa cho bạn,[13] nhưng

---

[9] *Sammā nibbāna*. *MA*. IV không có giải thích. Điều đó không có nghĩa là hành giả mong thành tựu quả vị Niết-bàn thì sẽ đạt được như đoạn sau nêu rõ. Có thể so sánh với giai đoạn thiền định cuối cùng, khi thọ và tưởng được dừng lại.

[10] *MA*. IV. 55 viết là *Buddhasamaṇa*.

[11] Xem *S*. I. 140.

[12] Xem *M*. II. 216.

[13] *Analañca*. Xem *MA*. IV. 55.

bạn phải chỉ ăn các đồ ăn thích hợp, và hãy gìn giữ; nếu ăn đồ ăn không thích hợp, vết thương của bạn sẽ làm mủ lại, và thường thường phải rửa vết thương, thường thường phải xức thuốc miệng vết thương. Trong khi thường thường rửa vết thương, thường thường xức thuốc cho miệng vết thương, chớ có để máu cũ đóng khô trên miệng vết thương. Và hãy cẩn thận khi đi ra giữa gió và nắng; hãy cẩn thận khi đi ra giữa gió và nắng, nếu không, bụi và nhớp[14] có thể nhiễu hại miệng vết thương. Và này bạn, nếu bạn chăm sóc vết thương, thời vết thương sẽ được lành lặn." Người ấy suy nghĩ như sau: "Mũi tên đã được rút khỏi [thân] ta, nọc độc đã được trừ khử, không còn dư tàn, và ta đã thoát khỏi nguy hiểm", và người ấy ăn những đồ ăn không thích hợp. Vì người ấy ăn những đồ ăn không thích hợp nên vết thương làm mủ lại, và thường thường người ấy không rửa vết thương, thường thường không xức thuốc miệng vết thương. Vì người ấy thường thường không rửa vết thương, vì người ấy thường thường không xức thuốc miệng vết thương, nên máu cũ đóng khô trên miệng vết thương, và người ấy thường hay đi giữa gió và nắng. Do người ấy thường hay đi giữa gió và nắng, bụi và nhớp nhiễu hại miệng vết thương, và vì người ấy không chăm sóc vết thương nên vết thương không được lành. Vì người ấy làm những việc không thích hợp, và do thuốc độc được trừ khử nhưng còn dư tàn, do cả hai điều ấy nên miệng vết thương có thể lở to[15] hơn trước. Do vết thương lở to, người ấy có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết.

64. Cũng vậy, này Sunakkhatta, sự kiện này xảy ra, khi ở đây một số Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Tham ái được bậc Sa-môn gọi là mũi tên, thuốc độc vô minh làm não hại [con người] với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt, thuốc độc vô minh đã được trừ khử, ta thiên nặng về chánh Niết-bàn." Vị ấy có thể tự hào với mục đích hiện tại. Vị ấy có thể truy cầu những gì không thích hợp với khuynh hướng chánh Niết-bàn, như mắt có thể truy cầu sắc không thích hợp, tai có thể truy cầu tiếng không thích hợp, mũi có thể truy cầu hương không thích hợp, lưỡi có thể truy cầu vị không thích hợp, thân có thể truy cầu xúc không thích hợp, ý có thể truy cầu pháp không thích hợp. Khi mắt truy cầu sắc không thích hợp, tai truy cầu tiếng không thích hợp, mũi truy cầu hương không thích hợp, lưỡi truy cầu vị không thích hợp, thân truy cầu xúc không thích hợp, ý truy cầu pháp không thích hợp, thời tham dục nhiễu loạn tâm vị ấy. Vị ấy do tham dục nhiễu loạn tâm, đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết. Như vậy, này Sunakkhatta, là chết trong giới luật của bậc Thánh, khi vị ấy từ bỏ tu tập, trở về hoàn tục, và như vậy, này Sunakkhatta, là khổ gần như chết, khi vị ấy phạm một ô uế tội nào.

Nhưng này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra, khi ở đây một số Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tham ái được bậc Sa-môn gọi là mũi tên, thuốc độc vô minh làm não hại [con người] với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn

---

[14] *Rajosūka*. *MA*. IV. 55 viết *rajo ca vīhisukādi ca sūkaṃ*.

[15] *Puthuttaṃ*. *MA*. IV. 55 viết là *mahantabhāvaṃ*, to lớn.

diệt, thuốc độc vô minh đã được trừ khử, ta thiên nặng về chánh Niết-bàn." Chính vì thiên nặng về chánh Niết-bàn, vị ấy không truy cầu những gì không thích hợp với [khuynh hướng] thiên nặng về Niết-bàn, như mắt không truy cầu sắc không thích hợp, tai không truy cầu tiếng không thích hợp, mũi không truy cầu hương không thích hợp, lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, thân không truy cầu xúc không thích hợp, ý không truy cầu pháp không thích hợp. Vì mắt vị ấy không truy cầu sắc không thích hợp, vì tai không truy cầu tiếng không thích hợp, vì mũi không truy cầu hương không thích hợp, vì lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, vì thân không truy cầu xúc không thích hợp, vì ý không truy cầu pháp không thích hợp, nên tham dục không nhiễu loạn tâm; vì tham dục không nhiễu loạn tâm nên vị ấy không đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết. Ví như, này Sunakkhatta, một người bị tên bắn, và mũi tên bị tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy cho mời một y sĩ giải phẫu. Vị y sĩ giải phẫu ấy có thể cắt xung quanh miệng vết thương với con dao; sau khi cắt xung quanh miệng vết thương với con dao, vị y sĩ giải phẫu có thể dò tìm mũi tên với một vật dụng dò tìm. Sau khi dò tìm mũi tên với một vật dụng dò tìm, vị y sĩ có thể rút mũi tên ra... Vị y sĩ có thể trừ khử hết thuốc độc, không còn để dư lại và biết rằng không còn để dư lại. Vị ấy nói như sau: "Này bạn, mũi tên của bạn đã được rút ra, thuốc độc đã được trừ khử, không có dư tàn, nhưng vẫn còn nguy hiểm cho bạn, và bạn hãy ăn những đồ ăn thích hợp, chớ ăn những đồ ăn không thích hợp khiến vết thương có thể làm mủ; và thường thường hãy rửa vết thương, thường thường hãy xức thuốc miệng vết thương. Trong khi thường thường rửa vết thương, thường thường xức thuốc miệng vết thương, chớ để máu cũ đóng khô lại trên miệng vết thương, và chớ có đi ra giữa gió và nắng. Khi đi ra giữa gió và nắng, chớ để bụi và nhớp làm nhiễu hại miệng vết thương, hãy sống gìn giữ vết thương, này bạn, và vết thương sẽ lành lặn." Người ấy suy nghĩ như sau: "Mũi tên đã được rút ra khỏi ta, thuốc độc đã được trừ khử, không có dư tàn, nhưng ta chưa thoát khỏi nguy hiểm", và vị ấy có thể chỉ ăn các đồ ăn thích hợp. Do chỉ ăn các đồ ăn thích hợp, vết thương có thể không làm mủ, và thường thường vị ấy có thể rửa vết thương, thường thường có thể xức thuốc miệng vết thương. Do thường thường rửa vết thương, do thường thường xức thuốc miệng vết thương, máu cũ không thể đóng khô lại trên miệng vết thương, và người ấy không sốt sắng đi giữa gió và nắng. Do người ấy không sốt sắng đi giữa gió và nắng, bụi và nhớp không thể nhiễu hại miệng vết thương, và người ấy sống gìn giữ vết thương nên vết thương được lành lặn. Vì người ấy chỉ làm những điều thích hợp và vì thuốc độc được trừ khử không còn dư tàn, do hai [nhân duyên ấy] vết thương được khép kín lại. Khi vết thương được da che kín lại, người ấy không đi đến chết hay không đi đến khổ gần như chết.

Cũng vậy, này Sunakkhatta, sự kiện này xảy ra, khi ở đây một số Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tham ái được bậc Sa-môn gọi là mũi tên, thuốc độc vô

minh làm não hại [con người] với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt... (như trên)... không có truy cầu những gì không thích hợp, như mắt không truy cầu sắc không thích hợp, tai không truy cầu tiếng không thích hợp, mũi không truy cầu hương không thích hợp, lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, thân không truy cầu xúc không thích hợp, ý không truy cầu pháp không thích hợp. Do mắt người ấy không truy cầu sắc không thích hợp, do tai không truy cầu tiếng không thích hợp, do mũi không truy cầu hương không thích hợp, do lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, do thân không truy cầu xúc không thích hợp, do ý không truy cầu pháp không thích hợp, tham dục có thể không nhiễu hại tâm. Do tâm không bị tham dục nhiễu hại nên người ấy không đi đến chết hay không đi đến khổ gần như chết.

65. Này Sunakkhatta, Ta nói ví dụ này với mục đích làm sáng tỏ ý nghĩa. Nghĩa ở đây như sau: Vết thương, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với sáu xúc xứ (*phassāyatana*); thuốc độc, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với vô minh; mũi tên, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với ái; vật dụng dò tìm, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với niệm; con dao, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với Thánh trí tuệ; vị y sĩ giải phẫu, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thật vậy, này Sunakkhatta, Tỷ-kheo tự mình phòng hộ đối với sáu xúc xứ, nghĩ rằng: "Sanh y (*upadhi*) là căn bản của khổ", sau khi biết như vậy, vị ấy trở thành vô sanh y, giải thoát nhờ đoạn diệt sanh y.[16] Rằng vị ấy còn chú thân của mình trên sanh y hay để tâm đến sanh y, sự tình như vậy không xảy ra. Ví như, này Sunakkhatta, một chén uống nước bằng đồng, đẹp đẽ và hương thơm, và chén ấy lại tẩm thuốc độc; rồi một người đến, muốn sống, muốn không chết, muốn lạc, yểm ly khổ. Này Sunakkhatta, ông nghĩ thế nào, người ấy có uống chén bằng đồng này không, nếu người ấy biết: "Sau khi tôi uống từ đây, tôi sẽ đi đến chết hoặc đi đến gần như chết"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, Tỷ-kheo ấy chắc chắn phòng hộ đối với sáu xúc xứ. "Sanh y là căn bản của đau khổ", sau khi biết vậy, vị ấy trở thành vô sanh y, giải thoát nhờ đoạn diệt sanh y. Còn chú thân của vị ấy trên sanh y hay để tâm đến sanh y, sự tình như vậy không xảy ra. Ví như, này Sunakkhatta, một con rắn độc hết sức độc hại, và có một người đến, muốn sống,[17] muốn không chết, muốn lạc, yểm ly khổ. Này Sunakkhatta, ông nghĩ thế nào, người ấy có đưa tay (*dajjā*) hay ngón tay[18] cho con rắn độc hại này không, nếu người ấy biết: "Nếu ta bị con rắn này cắn, ta sẽ đi đến chết hay khổ gần như chết"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, Tỷ-kheo ấy chắc chắn phòng hộ sáu xúc xứ.

---

[16] Xem *M.* I. 454; *A.* II. 24.

[17] Xem *M.* I. 315.

[18] *Aṅguṭṭha*: Chính xác là chỉ cho ngón tay cái, nhưng đã dùng chữ *hattha*.

"Sanh y là căn bản đau khổ", sau khi biết vậy, vị ấy trở thành vô sanh y, giải thoát nhờ đoạn diệt sanh y. Còn chú thân của vị ấy trên sanh y hay để tâm đến sanh y, sự tình như vậy không xảy ra.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Sunakkhatta Licchaviputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

106. KINH BẤT ĐỘNG LỢI ÍCH

(*Āneñjasappāya Sutta*)[1]

66. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru (Câu-lâu). Kammāsadhamma (Kiềm-ma-sắt-đàm) là thị trấn của dân chúng Kuru. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các dục là vô thường, trống rỗng,[2] giả dối,[3] thuộc ngu si tánh.[4] Này các Tỷ-kheo, đây là lời chào xáo của kẻ ngu xây dựng trên giả dối. Các dục hiện tại[5] và các dục tương lai,[6] các dục tưởng hiện tại và các dục tưởng tương lai, cả hai[7] đều thuộc lãnh vực của ma, là cảnh giới của ma, là chỗ dinh dưỡng của ma, là chỗ ăn uống của ma.

Ở đây, các ác, bất thiện ý[8] này dẫn đến tham dục, sân hận, khích động, và chính những pháp ấy tác thành chướng ngại ở đây cho Thánh đệ tử học tập. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Các dục hiện tại và các dục tương lai... cho Thánh đệ tử học tập. Vậy ta hãy an trú với tâm quảng đại, đại hành, sau khi chiến thắng thế giới,[9] sau khi xác định[10] vị trí của ý. Khi ta an trú với tâm quảng đại, đại hành, chiến thắng thế giới, xác định vị trí của ý, các ác, bất thiện ý: Tham dục, sân hận, khích động sẽ không khởi lên; với các pháp ấy được đoạn trừ, tâm của ta[11] không trở thành hạn hẹp,[12] trái lại thành

---

[1] Xem *Kvu*. 578. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tịnh bất động đạo kinh* 淨不動道經 (*T*.01. 0026.75. 0542b03).

[2] *Tuccha*: Trống không, không có thường tánh, không trụ tánh, không có ngã. Xem *MA*. IV. 56.

[3] *Musā. MA*. IV. 56 giải thích là *nassamaka*, bị hoại diệt.

[4] *Moghadhammā* hay *mosadhamma* trong *A*. V. 84; *MA*. IV. 56.

[5] Năm dục công đức. Xem *MA*. IV. 57.

[6] Chỉ cho những gì không "ở đây và lúc này".

[7] Các dục vọng và dục tưởng. Xem *MA*. IV. 57.

[8] *Mānasā*. Xem *PED*.

[9] Thế giới của 5 căn. Xem *MA*. IV. 58.

[10] Sau khi quyết định về *Jhāna*.

[11] Trong *Jhāna*.

[12] *Aparitta*: Tâm nhỏ, bị hạn chế (*pamāṇa*). *Paritta* chỉ cho các dục vọng.

vô lượng,[13] khéo tu tập."[14] Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ[15] [của nó]. Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động ngay hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ.[16] Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến[17] ấy có thể tùy theo đây[18] đạt đến bất động. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích bất động.

67. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau:[19] "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, phàm bất cứ sắc pháp gì, là bốn đại chủng và sắc do bốn đại tạo thành." Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ [của nó]. Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ.[20] Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến bất động. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích bất động.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau:[21] "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những sắc tưởng hiện tại và những sắc tưởng tương lai, cả hai đều vô thường. Cái gì vô thường thời không đáng để được hoan hỷ, không đáng để được hoan nghênh, không đáng để được chấp trước." Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ [của nó]. Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động[22] ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến bất động. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích bất động.

68. Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau:[23] "Những dục hiện tại... và những sắc tưởng tương lai, và những bất động tưởng; tất cả tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt, không có dư tàn, như vậy là tịch

---

[13] Những gì thuộc sắc giới và vô sắc giới.

[14] *Subhāvita*: Những gì thuộc siêu thế.

[15] *Āyatana*: Đây là A-la-hán quả, A-la-hán hướng, Thiền thứ tư hay hướng đi đến. *MA*. IV. 59 cho rằng *Āyatana* cũng có nghĩa là hành động, việc làm (*kāraṇa*).

[16] Đây có thể đưa đến A-la-hán quả hay con đường hướng đến quả ấy hay đến Thiền thứ tư, Thiền thứ ba. Nếu vị này không chứng được A-la-hán quả, thì câu sau sẽ được áp dụng ở đây.

[17] *Saṃvattanika viññāṇa* hay thức hướng tiến. *MA*. IV. 61 viết một vị Tỷ-kheo hướng đến tái sanh với tâm quả nào thì tâm đó chính là thức (tái sanh, hoặc hướng tiến).

[18] *Yaṃ*. *MA*. IV. 61 giải thích là *yena kāraṇena*, do nguyên nhân này.

[19] Nghĩa là khi vị ấy chứng Thiền thứ tư. Xem *MA*. IV. 62.

[20] Sự bất động của Hư không vô biên xứ. Xem *MA*. IV. 62.

[21] Nghĩa là khi vị này chứng Hư không vô biên xứ. Xem *MA*. IV. 63. Vị này có trí tuệ hơn hai vị Tỷ-kheo trước.

[22] Trong Thức vô biên xứ.

[23] Nghĩa là khi vị này chứng được Thức vô biên xứ. Xem *MA*. IV. 63.

tịnh, như vậy là thù diệu,[24] tức là Vô sở hữu xứ." Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ [của nó]. Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

69. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử[25] đi đến khu rừng hay đi đến dưới gốc cây và suy nghĩ như sau: "Trống không là tự ngã hay ngã này sở hữu."[26] Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ [của nó]. Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

70. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử[27] suy nghĩ như sau: "Ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và trong hình thức nào, và sở thuộc của ta không có bất cứ chỗ nào,[28] [cho ai] và trong hình thức nào." Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong trú xứ [của nó]. Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau:[29] "Những dục hiện tại... và những sắc tưởng, và những bất động tưởng, và những Vô sở hữu xứ tưởng; tất cả các tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt, không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong trú xứ [của nó]. Với tâm an tịnh vị ấy có thể thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ ngay trong hiện tại hoặc thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hành đạo về lợi ích Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

71. Khi được nói như vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu [trước] không có như vậy thời có thể không là của ta; nếu [nay] không có như

---

[24] Như *M.* I. 436 và II. 235; *A.* IV. 423 và V. 8.

[25] Khi vị này trú tại Thức vô biên xứ.

[26] Với tư tưởng "ngã" và "ngã sở hữu", như vậy sự trống không có hai loại. Xem *MA.* IV. 64.

[27] Trong khi vị này đang trú ở Thức vô biên xứ nhưng trí tuệ hơn năm vị Tỷ-kheo trước.

[28] Đây là đệ tứ "Phạm lý" (Chơn lý) được Sa-môn Gotama đề cập ở *A.* II. 177. Xem *A.* I. 206; *Ud.* 79; *Dh.* 421. Ở đây sự trống không có 4 loại. Xem *MA.* IV. 64-65.

[29] Khi vị này chứng Vô sở hữu xứ.

vậy thời có thể sẽ không là của ta.[30] Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có." Và như vậy vị ấy được xả.[31] Bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo như vậy có chứng được cứu cánh Niết-bàn không?

– Ở đây, này Ānanda, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng được cứu cánh Niết-bàn.

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng được cứu cánh Niết-bàn?[32]

– Ở đây, này Ānanda, một Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu [trước] không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu [nay] không có như vậy thời có thể sẽ không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có." Và như vậy vị ấy được xả. Vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy. Do vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy, thức lệ thuộc xả ấy và thủ trước xả ấy. Có thủ trước, này Ānanda, vị Tỷ-kheo không chứng cứu cánh Niết-bàn.[33]

– Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo ấy thủ trước là thủ trước[34] chỗ nào?[35]

– Này Ānanda, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng?[36]

– Này Ānanda, vị Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng. Này Ānanda, đây là thủ trước tối thượng, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

72. Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy[37] và suy nghĩ: "Nếu [trước] không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu [nay] không có như vậy thời có thể không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có." Như vậy, vị ấy được xả, vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không chấp trước xả ấy. Do vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không thủ trước xả ấy, thức không lệ thuộc xả ấy và không thủ trước xả ấy. Không thủ trước, này Ānanda, vị Tỷ-kheo chứng cứu cánh Niết-bàn.

---

[30] Như ở *S*. III. 55, 99, 183. Trong *MA*. IV. 65 giải thích: "Nếu không có 5 loại hành động quá khứ của ta (chỉ cho 5 uẩn), thì nay ta không có 5 quả báo hiện tại này; và nếu không có 5 loại hành động hiện tại, thì ta sẽ không có 5 loại quả trong tương lai."

[31] Do quán (*vipassanā*) đưa lại.

[32] Xem *M*. III. 4-6.

[33] Như *anupādiyaṃ... parinibbāyati* trong *S*. IV. 168.

[34] Thủ trước theo *paṭisandhi,* kiết sanh thức. Xem *MA*. IV. 67.

[35] *Kahaṃ* được *MA*. IV. 66 giải thích là *kattha*, có nghĩa là ở đâu, đi đến đâu, hay là chỗ nào.

[36] Vị ấy cố gắng được tái sanh trong cảnh giới tốt đẹp hơn.

[37] Nay nói đến A-la-hán quả của vị Tỷ-kheo.

73. – Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Chính mười y cứ sự này sự kia,[38] bạch Thế Tôn, sự vượt thoát dòng nước mạnh đã được Thế Tôn nói lên.[39] Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Thánh giải thoát?

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử[40] suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những sắc tưởng hiện tại và những sắc tưởng tương lai, những bất động tưởng, những Vô sở hữu xứ tưởng, và những Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, cái gì thuộc tự thân[41] là tự thân. Đây là bất tử[42] tức là Tâm giải thoát không thủ trước."[43] Này Ānanda, đây là đạo lộ về lợi ích Bất động được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Vô sở hữu xứ được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Phi tưởng phi phi tưởng xứ được Ta thuyết giảng, là sự vượt qua dòng nước mạnh do y cứ sự này sự kia được Ta thuyết giảng, Thánh giải thoát được Ta thuyết giảng. Những gì, này Ānanda, vị Đạo sư cần phải làm, vì lòng từ mẫn mưu tìm hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy đã được Ta làm, vì lòng từ mẫn của Ta đối với ông. Này Ānanda, đây là những gốc cây, đây là những khoảng trống, hãy tu thiền, này Ānanda, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là lời dạy của Ta cho ông.[44]

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[38] *Nissāya nissāya*, vì quả vị này và quả vị khác. Xem *MA*. IV. 67.

[39] *MA*. IV. 67-68 nhấn mạnh rằng kinh này bàn đến vị Khô kiến A-la-hán.

[40] Đây nói vị Thánh Khô kiến đệ tử.

[41] Trong 3 giới: Dục, sắc và vô sắc; ngoài 3 giới này không có tự thân. Xem *MA*. IV. 67.

[42] *MA*. IV. 67: "Đây là sự thật, đây là thù diệu."

[43] Chỗ khác gọi là *Nibbāna*, xem *A*. V. 64; *Ps*. II. 45; *Vin*. V. 164. Nhưng đây chỉ cho vị Khô kiến A-la-hán quả, xem *MA*. IV. 68.

[44] Như *M*. I. 46.

107. KINH GAṆAKA MOGGALLĀNA

(*Gaṇakamoggallāna Sutta*)[1]

74. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Đông Viên (Pubbārāma), giảng đường Lộc Mẫu (Migāramātu). Rồi Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

– Ví như, thưa Tôn giả Gotama, tại lâu đài Migāramātu này, có thể thấy được một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự,[2] tức là những tầng cấp của lầu thượng cuối cùng.[3] Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị Bà-la-môn này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là sự học hỏi[4] [các tập Veda]. Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị bắn cung này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là nghệ thuật bắn cung. Cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama, đối với chúng con là những người toán số, sống nhờ nghề toán số, cũng được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là toán số. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng khi có được người đệ tử, trước hết chúng con bắt người ấy đếm như sau: "Một, một lần, hai, hai lần, ba, ba lần, bốn, bốn lần, năm, năm lần, sáu, sáu lần, bảy, bảy lần, tám, tám lần, chín, chín lần, mười, mười lần." Và thưa Tôn giả Gotama, chúng con bắt đếm tới một trăm. Có thể trình bày chăng, thưa Tôn giả Gotama, trong Pháp và Luật này, cũng có một tuần tự học tập, một tuần tự công trình, một tuần tự đạo lộ như vậy?

75. – Có thể trình bày, này Bà-la-môn, trong Pháp và Luật này, có một tuần tự học tập, có một tuần tự công trình, có một tuần tự đạo lộ. Ví như, này Bà-la-môn, một người huấn luyện ngựa thiện xảo,[5] sau khi được một con ngựa

---

[1] Xem *D.* I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 214, 224, 235; *M.* I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157; III. 1, 29, 128; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347; *MNid.* 22. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Toán số Mục-kiền-liên kinh* 算數目揵連經 (*T.*01. 0026.144. 0652a07). Tham chiếu: *Số kinh* 數經 (*T.*01. 0070. 0875a11).

[2] Xem *M.* I. 479.

[3] *Yāva pacchimasopānakaḷevarā*. Xem *M.* II. 92; *Vin.* II. 128.

[4] *Ajjhena*. Xem *M.* II. 199. Không thể học thuộc lòng 3 tập Veda trong một ngày. Xem *MA.* IV. 69; *J.* V. 10.

[5] Xem *M.* I. 446.

hiền thiện, trước tiên luyện tập cho nó quen mang dây cương, rồi tập luyện cho nó quen các hạnh khác; cũng vậy, này Bà-la-môn, Như Lai khi được một người đáng được điều phục, trước tiên huấn luyện người ấy như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy giữ giới hạnh, hãy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới." Này Bà-la-môn, khi vị Tỷ-kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy hộ trì các căn![6] Khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn." Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo hộ trì các căn rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy tiết độ trong ăn uống, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: 'Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn.'" Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy chú tâm cảnh giác! Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp." Này Bà-la-môn, sau khi vị Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm nữa như sau:[7] "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác,[8] khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác." Này Bà-la-môn, sau khi chánh niệm tỉnh giác rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm

---

[6] Xem *M.* I. 355.
[7] Về điểm này, giữa *M.* III. 3 và *M.* I. 355f có sai khác.
[8] Xem *M.* III. 90, 135; *D.* I. 70; *A.* II. 210.

như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng,[9] gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm." Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái; từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận; từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên; từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử hối tiếc, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc; từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với các thiện pháp.

76. Khi đoạn trừ năm triền cái ấy, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm trí tuệ yếu ớt, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Vị ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Bà-la-môn, đối với những Tỷ-kheo nào là bậc Hữu học, tâm chưa thành tựu,[10] đang sống cần cầu sự Vô thượng an tịnh khỏi các triền ách, đó là sự giảng dạy của Ta như vậy đối với những vị ấy. Còn đối với những vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát, những pháp ấy đưa đến sự hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

– Các đệ tử của Sa-môn Gotama, khi được Sa-môn Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, có phải tất cả đều chứng được cứu cánh đích Niết-bàn[11] hay chỉ có một số chứng được?

– Này Bà-la-môn, một số đệ tử của Ta, khi được khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được.

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Niết-bàn,[12] trong khi có mặt con đường đưa đến Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả Gotama là bậc Chỉ Đường, tuy vậy các đệ tử Tôn giả Gotama, được Tôn giả

---

[9] Xem *M.* I. 181.

[10] *Apattamānasā*, như *S.* I. 121. Những vị chưa chứng Thánh quả (*MA.* IV. 40). Những vị chưa chứng quả A-la-hán (*SA.* I. 183).

[11] *Accantaṃ niṭṭhaṃ. Accanta* cũng có nghĩa là cứu cánh, tối thượng.

[12] *Tiṭṭhateva nibbānaṃ.*

Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được?

77. – Này Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi ông, nếu ông kham nhẫn, hãy trả lời cho Ta. Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Ông có giỏi về con đường đi đến Rājagaha (Vương Xá)?

– Thưa Tôn giả, con có giỏi về con đường đi đến Rājagaha.

– Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Ở đây, có một người đến, muốn đi đến Rājagaha, người này đến ông và nói như sau: "Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rājagaha, hãy chỉ cho tôi con đường đi đến Rājagaha." Ông nói với người ấy như sau: "Được, này bạn, đây là con đường đưa đến Rājagaha, hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, bạn sẽ thấy một làng tên như thế này, hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, bạn sẽ thấy một thị trấn tên như thế này, hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, bạn sẽ thấy Rājagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu." Dầu cho người ấy được khuyến giáo như vậy, được giảng dạy như vậy, nhưng lại lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây. Rồi một người thứ hai đến, muốn đi đến Rājagaha, người này đến ông và hỏi như sau: "Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rājagaha, mong Tôn giả chỉ con đường ấy cho tôi." Rồi ông nói với người ấy như sau: "Như vậy, này bạn, đây là đường đi đến Rājagaha, hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này, hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, bạn sẽ thấy một thị trấn có tên như thế này, hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, bạn sẽ thấy Rājagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những ao hồ mỹ diệu." Người ấy được ông khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, đi đến Rājagaha một cách an toàn.

Này Bà-la-môn, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Rājagaha, trong khi có mặt con đường đưa đến Rājagaha, trong khi có mặt ông là người chỉ đường, dầu cho ông có khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một người lấy con đường sai lạc đi về hướng Tây, còn một người có thể đi đến Rājagaha một cách an toàn?

– Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, con làm gì được? Con chỉ là người chỉ đường, thưa Tôn giả Gotama.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc Chỉ Đường, nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường.

78. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, đối với những người[13] không phải vì lòng tin, chỉ vì sinh kế, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, những người xảo trá, lường gạt, hư ngụy, mất thăng bằng, cao mạn, dao động, nói phô tạp nhạp, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đầu trong thối thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, câm ngọng; Tôn giả Gotama không thể sống với những người như vậy. Còn những thiện gia nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư ngụy, không mất thăng bằng, không cao mạn, không dao động, không nói phô tạp nhạp, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm tỉnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, sống không quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ thối thất, đi đầu trong viễn ly, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, an trú, tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, có trí tuệ, không câm ngọng; Tôn giả Gotama sống [hòa hợp] với những vị ấy. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, trong các loại căn hương,[14] hắc Chiên-đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại lõi cây hương, xích Chiên-đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại hoa hương, Vũ quý hương (*Jasmine*) được gọi là tối thượng. Cũng vậy là lời khuyến giáo của Tôn giả Gotama được xem là cao nhất trong những lời khuyến giáo hiện nay.[15]

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

---

[13] Từ đây cho đến đoạn bắt đầu ví dụ. Xem *M.* I. 32.

[14] Xem *S.* III. 156; V. 44; *A.* V. 22; *GS.* V. 17, n. 1.

[15] *Paramajjadhammesu. Dhammā* là những pháp được giảng dạy. *MA.* IV. 70 viết: "*Ajjadhammā* là các lời dạy hiện tại, trong trường hợp này chỉ cho lời dạy của lục sư ngoại đạo. Đối với những lời dạy này, lời dạy của Sa-môn Gotama là tối thượng."

108. KINH GOPAKA MOGGALLĀNA

(*Gopakamoggallāna Sutta*)[1]

79. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc, khi Thế Tôn thị tịch không bao lâu. Lúc bấy giờ, Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha (Ma-kiệt-đà), vì nghi ngờ Pajjota[2] (Đăng Quang vương), nên cho xây kiên cố thành Rājagaha. Tôn giả Ānanda buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Rājagaha để khất thực. Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để vào Rājagaha khất thực. Vậy ta hãy đi đến Bà-la-môn Gopaka Moggallāna và chỗ làm việc của vị này."[3] Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Bà-la-môn Gopaka Moggallāna và chỗ làm việc của vị này. Bà-la-môn Gopaka Moggallāna thấy Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Ānanda:

– Hãy đến, Tôn giả Ānanda! Thiện lai, Tôn giả Ānanda! Đã lâu Tôn giả Ānanda mới tạo được cơ hội này, tức là đến đây. Tôn giả Ānanda hãy ngồi xuống, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Tôn giả Ānanda ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Còn Bà-la-môn Gopaka Moggallāna chọn một chỗ ngồi thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Gopaka Moggallāna thưa với Tôn giả Ānanda:

– Có thể có chăng, một Tỷ-kheo thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thành tựu?

– Không thể có một Tỷ-kheo, này Bà-la-môn, thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thành tựu. Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo, và sẽ thành tựu [những pháp ấy] về sau.

Nhưng cuộc nói chuyện giữa Tôn giả Ānanda và Bà-la-môn Gopaka

---

[1] Xem *D*. III. 207; *S*. III. 65; *CNid*. 23:228. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Cù-mặc Mục-kiền-liên kinh* 瞿默目揵連經 (*T*.01. 0026.145. 0653c20).

[2] Vị vua này là bạn của Vua Bimbisāra.

[3] Ngoài thành. Xem *MA*. IV. 71.

Moggallāna bị gián đoạn. Bà-la-môn Vassakāra (Vũ-thế), bậc đại thần nước Magadha, đi thị sát các công sự ở Rājagaha, đến công trường của Bà-la-môn Gopaka Moggallāna, rồi đến chỗ Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakāra, bậc đại thần nước Magadha, thưa với Tôn giả Ānanda:

– Ở đây, thưa Tôn giả Ānanda, Tôn giả đang ngồi đàm luận câu chuyện gì? Và câu chuyện gì của Tôn giả bị gián đoạn?

– Này Bà-la-môn, ở đây, Bà-la-môn Gopaka Moggallāna nói với tôi như sau: "Có thể có chăng, Tôn giả Ānanda, một Tỷ-kheo thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thành tựu?" Khi được nghe nói vậy, này Bà-la-môn, ta nói với Bà-la-môn Gopaka Moggallāna như sau: "Này Bà-la-môn, không thể có một vị Tỷ-kheo nào thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thành tựu. Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo, và sẽ thành tựu [những pháp ấy] về sau."

80. – Thưa Tôn giả Ānanda, có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt: "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa[4] cho các ông, và các ông nay sẽ y chỉ vị này"?

– Này Bà-la-môn, không có một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sắp đặt: "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các ông, và các ông sẽ y chỉ vị này."

– Thưa Tôn giả Ānanda, có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ-kheo trưởng lão sắp đặt: "Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và các ông nay sẽ y chỉ vị này"?

– Không có một vị Tỷ-kheo nào, này Bà-la-môn, được chúng Tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ-kheo trưởng lão sắp đặt: "Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này."

– Và như vậy là không có chỗ nương tựa, thưa Tôn giả Ānanda, như vậy, do nhân gì [quý vị] có thể hòa hợp?

– Này Bà-la-môn, chúng tôi không phải không có chỗ nương tựa. Này Bà-la-môn, chúng tôi có chỗ nương tựa, và Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi.[5]

---

[4] *Paṭisaraṇa* còn gọi là *avassaya.* Xem *MA*. IV. 72.

[5] Xem *D.* II. 154.

– Khi được hỏi: "Có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt: 'Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các ông, và các ông nay sẽ y chỉ vị này'?" Tôn giả trả lời: "Này Bà-la-môn, không có một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sắp đặt: 'Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các ông', và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này." Khi được hỏi: "Có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận và một số đông các vị Tỷ-kheo trưởng lão sắp đặt: 'Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, các ông nay sẽ y chỉ vị này'?" Và Tôn giả trả lời: "Không có một vị Tỷ-kheo nào, này Bà-la-môn, được chúng Tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ-kheo trưởng lão sắp đặt: 'Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi', và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này." Khi được hỏi: "Và như vậy là không có chỗ nương tựa, thưa Tôn giả Ānanda, như vậy do nhân gì, [quý vị] có thể hòa hợp?" Tôn giả trả lời: "Này Bà-la-môn, chúng tôi không phải không có chỗ nương tựa. Chúng tôi có chỗ nương tựa, này Bà-la-môn, và Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi." Nhưng thưa Tôn giả Ānanda, ý nghĩa lời nói này cần phải hiểu như thế nào?

81. – Này Bà-la-môn, Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thi thiết học pháp, đã tuyên bố Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỷ-kheo. Trong những ngày Bố-tát (*Uposatha*) chúng tôi cận trú ở chung một thôn điền, tất cả chúng tôi hội họp với nhau tại một chỗ; sau khi tụ họp, chúng tôi hỏi những gì đã xảy ra cho mỗi một người. Nếu trong khi hỏi nhau như vậy, có Tỷ-kheo phạm tội, phạm giới, chúng tôi bảo vị ấy làm đúng pháp (*yathādhammāṃ*), đúng lời dạy (*yathānusiṭṭhaṃ*). Thật vậy, không phải các Tôn giả xử sự chúng tôi, chính pháp xử sự chúng tôi.

– Thưa Tôn giả Ānanda, có Tỷ-kheo nào mà nay quý vị cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường; sau khi cung kính, tôn trọng, quý vị nương tựa?

– Này Bà-la-môn, có Tỷ-kheo mà nay chúng tôi cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường; và sau khi chúng tôi cung kính, tôn trọng, chúng tôi nương tựa.[6]

– Thưa Tôn giả Ānanda, khi được hỏi: "Có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt: 'Sau khi Ta diệt độ, vị này sẽ là chỗ nương tựa cho các ông và các ông nay sẽ y chỉ vị này'?" Và Tôn giả trả lời: "Này Bà-la-môn, không có một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sắp đặt: 'Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các ông', và chúng tôi nay y chỉ vị này." Khi được hỏi: "Thưa Tôn giả Ānanda, có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận, được một số đông Tỷ-kheo trưởng lão sắp đặt: 'Vị này sau khi Thế Tôn diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các ông, và các ông nay sẽ y chỉ vị này'?" Và Tôn giả trả lời: "Không có một Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận, được một số đông Tỷ-kheo trưởng lão sắp đặt: 'Vị này sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi',

---

[6] *M.* II. 5.

và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này." Khi được hỏi: "Có một Tỷ-kheo nào, thưa Tôn giả Ānanda, nay quý vị cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vị ấy; và sau khi cung kính, tôn trọng, quý vị an trú nương tựa vị ấy?" Và Tôn giả trả lời: "Này Bà-la-môn, có Tỷ-kheo, chúng tôi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường và sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú nương tựa vị ấy." Thưa Tôn giả Ānanda, ý nghĩa lời nói ấy cần phải hiểu như thế nào?

82. – Này Bà-la-môn, có mười khả hỷ pháp[7] được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Giữa chúng tôi, vị nào có đầy đủ mười pháp này, chúng tôi nay cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường vị ấy; sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú, nương tựa vị ấy. Thế nào là mười? Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo có giới hạnh,[8] sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, sau khi thọ trì, học tập trong các học pháp. Vị ấy là bậc Đa văn, thọ trì những điều đã nghe, cất chứa những điều đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với văn, với nghĩa, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy đều được nghe nhiều, được thọ trì, được lời nói làm cho quen thuộc, được ý tư niệm, được chánh kiến khéo ngộ nhập. Vị ấy biết đủ đối với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Vị ấy là người tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, chứng được bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú. Vị ấy thực hiện các loại thần thông sai biệt, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như chim có cánh; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến Phạm thiên.

Sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài người với tâm của mình, vị ấy được biết như sau: "Tâm có tham, biết tâm có tham. Tâm không tham, biết tâm không tham. Tâm có sân, biết tâm có sân. Tâm không sân, biết tâm không sân. Tâm có si, biết tâm có si. Tâm không si, biết tâm không si. Tâm chuyên chú, biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết tâm tán loạn. Đại hành tâm, biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm, biết không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng, biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết tâm vô thượng. Tâm thiền định, biết tâm thiền định. Tâm không thiền định, biết tâm không thiền định. Tâm giải thoát, biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... nhớ đến các đời sống quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ

[7] Xem *A*. II. 22-23, bốn pháp trở thành bậc Trưởng lão.

[8] Xem *M*. I. 355.

bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Với sự đoạn diệt các lậu hoặc, sau khi với thượng trí đã chứng ngộ, vị ấy chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Này Bà-la-môn, mười pháp khả hỷ này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nói lên giữa chúng tôi. Vị nào có đầy đủ mười pháp này, chúng tôi nay cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vị ấy; sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú, nương tựa vị ấy.

83. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha, nói với Tướng quân Upānanda:[9]

– Tướng quân nghĩ thế nào? Nếu là như vậy, này Tướng quân, những vị Tôn giả này cung kính những ai đáng cung kính, tôn trọng những ai đáng tôn trọng, lễ bái những ai đáng lễ bái, cúng dường những ai đáng cúng dường; thời chắc chắn những Tôn giả này cung kính những ai đáng cung kính, tôn trọng những ai đáng tôn trọng, lễ bái những ai đáng lễ bái, cúng dường những ai đáng cúng dường. Và nếu những Tôn giả ấy không cung kính, không tôn trọng, không lễ bái, không cúng dường [Tỷ-kheo] này, thời những Tôn giả ấy cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ai?

Rồi Bà-la-môn Vassakāra, vị đại thần nước Magadha, thưa với Tôn giả Ānanda:

– Tôn giả Ānanda nay trú tại đâu?

– Này Bà-la-môn, tôi trú ở Veḷuvana.

– Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Veḷuvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa lánh dân cư đông đúc, thích hợp thiền tịnh?

– Thật vậy, này Bà-la-môn, Veḷuvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa cách dân cư đông đúc, thích hợp thiền tịnh, xứng đáng với những vị hộ trì và thủ hộ như ngài.

– Thật vậy, thưa Tôn giả Ānanda, Veḷuvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa lánh dân cư đông đúc, thích hợp thiền tịnh, xứng đáng với những người tu thiền và tánh thiên về thiền định như chư vị Tôn giả. Và chư vị Tôn giả là những vị tu thiền và tánh thiên về thiền định. Thưa Tôn giả Ānanda, một thời Tôn giả Gotama ở tại Vesāli, Đại Lâm, ở Kūṭāgārasālā (Trùng Các giảng đường). Rồi thưa Tôn giả Ānanda, tôi đi đến Mahāvana (Đại Lâm), Kūṭāgārasālā, đến Tôn giả Gotama. Ở đấy, Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện nói về Thiền định luận. Tôn giả Gotama thật là vị tu thiền và tánh thiên về thiền định. Và Tôn giả Gotama tán thán tất cả thiền định.

84. – Này Bà-la-môn, Thế Tôn không tán thán tất cả thiền định, không không tán thán tất cả thiền định. Và này Bà-la-môn, loại thiền định nào Thế Tôn không tán thán? Ở đây, này Bà-la-môn, một số vị sống với tâm thấm nhuần dục

[9] Đây có thể là trường hợp độc nhất kinh điển Pāli nói đến vị Tướng quân này. Xem *DPPN*.

tham, bị dục tham chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi dục tham đã được khởi lên. Vị ấy lấy dục tham làm đối tượng tối hậu,[10] thiền tu, thiền tư, thiền định, thiền nhập.[11] Vị ấy sống với tâm thấm nhuần sân hận, bị sân hận chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi sân hận đã được khởi lên. Vị ấy lấy sân hận làm đối tượng tối hậu, thiền tu, thiền tư, thiền định, thiền nhập. Vị ấy sống với tâm thấm nhuần hôn trầm thụy miên, bị hôn trầm thụy miên chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi hôn trầm thụy miên đã được khởi lên. Vị ấy lấy hôn trầm thụy miên làm đối tượng tối hậu, thiền tu, thiền tư, thiền định, thiền nhập. Vị ấy sống với tâm thấm nhuần trạo hối, bị trạo hối chi phối và không như thật biết sự giải thoát khỏi trạo hối đã được khởi lên. Vị ấy lấy trạo hối làm đối tượng tối hậu, thiền tu, thiền tư, thiền định, thiền nhập. Vị ấy sống với tâm thấm nhuần nghi hoặc, bị nghi hoặc chi phối và không như thật biết sự giải thoát khỏi nghi hoặc đã được khởi lên. Vị ấy lấy nghi hoặc làm đối tượng tối hậu, thiền tu, thiền tư, thiền định, thiền nhập. Này Bà-la-môn, Thế Tôn không tán thán loại thiền định như vậy. Và này Bà-la-môn, loại thiền định nào Thế Tôn tán thán? Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Diệt tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Chứng và trú Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... Này Bà-la-môn, những loại thiền như vậy, Thế Tôn tán thán.

– Thật vậy, thưa Tôn giả Ānanda, Tôn giả Gotama khiển trách thiền đáng được khiển trách, tán thán thiền đáng được tán thán. Nay thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi phải đi. Chúng tôi có những việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Này Bà-la-môn, hãy làm gì Bà-la-môn nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha, hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Ānanda giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Bà-la-môn Gopaka Moggallāna, khi Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha đi không bao lâu, thưa với Tôn giả Ānanda:

– Nếu chúng tôi không hỏi Tôn giả Ānanda, thời Tôn giả Ānanda đã không trả lời.

– Này Bà-la-môn, có phải chúng tôi đã nói với ông: "Không có một Tỷ-kheo nào, này Bà-la-môn, thành tựu mười pháp ấy một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ, những pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thành tựu. Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm cho khởi dậy con đường trước đây chưa từng được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo, và sẽ thành tựu [những pháp ấy] về sau."

---

[10] *Antaraṃ karitvā*. *MA*. IV. 73 viết *abbhantaraṃ karitvā*. Xem *CPD*; *M*. III. 38.

[11] Như *M*. I. 334.

109. ĐẠI KINH MÃN NGUYỆT
(*Mahāpuṇṇama Sutta*)[1]

85. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), Đông Viên (Pubbārāma), giảng đường Lộc Mẫu (Migāramātu). Lúc bấy giờ, trong ngày Bố-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăng rằm, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi một Tỷ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chắp tay vái Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề đặc biệt, nếu Thế Tôn cho con được phép nói lên câu hỏi.

– Vậy này Tỷ-kheo, hãy ngồi trên chỗ của ông[2] và hỏi như ý ông muốn.

86. Rồi vị Tỷ-kheo ấy, sau khi ngồi xuống trên chỗ ngồi của mình, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải có năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn?

– Này Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

– Lành thay, bạch Thế Tôn!

Tỷ-kheo ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, hỏi Thế Tôn một câu hỏi khác:

– Bạch Thế Tôn, năm thủ uẩn này, lấy gì làm căn bản?

– Này Tỷ-kheo, năm thủ uẩn này lấy dục làm căn bản.

– Bạch Thế Tôn, có phải chính chấp thủ ấy là năm thủ uẩn, hay là ngoài năm thủ uẩn, có một chấp thủ [khác]?

– Này Tỷ-kheo, không phải chính chấp thủ ấy là năm thủ uẩn, cũng không phải ngoài năm thủ uẩn có sự chấp thủ. Này Tỷ-kheo, khi nào có lòng dục, lòng tham đối với năm thủ uẩn, ở đấy chính là chấp thủ.

---

[1] Xem *M.* I. 229; *S.* III. 43, 100; IV. 285; *A.* II. 213. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.58. 0014b12).

[2] *MA.* IV. 75-76 giải thích vị Tỷ-kheo này là một Thượng tọa trong một chúng Tỷ-kheo 60 vị và sống trong rừng. Nếu vị này đứng, tất cả đều đứng, như vậy tỏ ra bất kính đối với Như Lai. Còn nếu họ ngồi trong khi vị thầy của họ đứng thì họ bất kính với vị thầy. Nếu vị thầy ngồi và họ cùng ngồi, như vậy mọi việc đều êm thắm và họ có thể nghe Chánh pháp.

– Bạch Thế Tôn, phải chăng có thể có sự sai khác trong lòng dục, lòng tham đối với năm thủ uẩn?

Thế Tôn trả lời:

– Này Tỷ-kheo, có thể có. Ở đây, này Tỷ-kheo, có người nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như thế này trong tương lai! Mong rằng có thọ như thế này trong tương lai! Mong rằng có tưởng như thế này trong tương lai! Mong rằng có hành như thế này trong tương lai! Mong rằng có thức như thế này trong tương lai!" Như vậy, này Tỷ-kheo, có sự sai khác trong lòng dục, lòng tham đối với năm uẩn.

– Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là ý nghĩa chữ uẩn trong các uẩn?

– Này Tỷ-kheo, phàm sắc gì thuộc quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, như vậy là sắc uẩn. Phàm cảm thọ gì thuộc quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, như vậy là thọ uẩn. Phàm tưởng gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)... xa hay gần, như vậy là tưởng uẩn. Phàm những hành gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)... xa hay gần, như vậy là hành uẩn. Phàm thức gì, quá khứ, vị lai, hay hiện tại... (như trên)... xa hay gần, như vậy là thức uẩn. Cho đến như vậy, này Tỷ-kheo, là ý nghĩa chữ uẩn trong các uẩn.

– Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì được chấp nhận gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là thọ uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là tưởng uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi hành uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là thức uẩn?

– Bốn đại là nhân, này Tỷ-kheo, bốn đại là duyên được chấp nhận gọi là sắc uẩn. Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là thọ uẩn. Xúc[3] là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là tưởng uẩn. Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là hành uẩn. Danh sắc là nhân, này Tỷ-kheo, danh sắc là duyên được chấp nhận gọi là thức uẩn.[4]

87. – Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là thân kiến?[5]

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu không hiểu rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không hiểu rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có sắc, hay xem sắc như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong sắc; xem thọ như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thọ, hay xem thọ như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong thọ; xem tưởng như là tự ngã, hay xem tự ngã như

---

[3] *Phassa*. *MA*. IV. 78 viết khi có sự xúc chạm thì thọ, tưởng, hành xuất hiện.

[4] Xem *D*. II. 62-63. Danh sắc và thức tùy thuộc lẫn nhau. Ở đây chỉ cho kiết sanh thức. Xem *MA*. IV. 78.

[5] Xem *M*. I. 300.

là có tưởng, hay xem tưởng như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong tưởng; xem hành như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có hành, hay xem hành như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong hành; xem thức như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thức, hay xem có thức như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là thân kiến.

– Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là không thân kiến?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử, đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh đi đến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân không xem sắc như là tự ngã, hay không xem tự ngã như là có sắc, hay không xem sắc như là trong tự ngã, hay không xem tự ngã như là trong sắc; không xem thọ như là tự ngã... không xem tự ngã như là trong thọ; không xem tưởng như là tự ngã... hay không xem tự ngã như là trong tưởng; không xem hành như là tự ngã... hay không xem tự ngã như là trong hành; không xem thức như là tự ngã... không xem tự ngã như là trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là không thân kiến.

88. – Bạch Thế Tôn, cái gì là vị ngọt của sắc, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly? Cái gì là vị ngọt của thọ, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly? Cái gì là vị ngọt của tưởng, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly? Cái gì là vị ngọt của hành, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly? Cái gì là vị ngọt của thức, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên sắc khởi lên, như vậy là vị ngọt của sắc. Cái gì vô thường, khổ, bị biến hoại trong sắc, như vậy là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục tham đối với sắc, sự đoạn diệt dục tham, như vậy là sự xuất ly của sắc. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên thọ khởi lên, như vậy là vị ngọt của thọ... như vậy là sự xuất ly của thọ. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên tưởng khởi lên, như vậy là vị ngọt của tưởng... là sự xuất ly của tưởng. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên hành khởi lên, như vậy là vị ngọt của hành... là sự xuất ly của hành. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên thức khởi lên, như vậy là vị ngọt của thức. Cái gì vô thường, khổ, bị biến hoại trong thức, như vậy là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục tham đối với thức, sự đoạn diệt dục tham, như vậy là sự xuất ly của thức.

89. – Bạch Thế Tôn, do biết gì, do thấy gì, mà không có mạn tùy miên rằng: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", đối với tự thân có ý thức, và đối với cả tướng ở ngoài?

– Này Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, đối với tất cả sắc, thấy được như thật với trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Phàm có thọ gì... tưởng gì... hành gì... phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, đối với tất cả thức, thấy được như thật với trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không

phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Này Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy, nên không có mạn tùy miên rằng: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", đối với tự thân có ý thức, và đối với tất cả tướng ở ngoài.

90. Rồi một Tỷ-kheo khác khởi lên sự suy tư như sau: "Nếu được nói rằng, chư Tôn giả,[6] sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã; như vậy những hành động do vô ngã làm đã được ngã nào[7] cảm thọ kết quả?"

Thế Tôn biết được tâm tư của Tỷ-kheo ấy với tâm tư của mình, liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, sự kiện này xảy ra, khi ở đây có kẻ ngu si, vô tri, vô minh, với tâm bị tham dục chi phối, lại nghĩ cần phải vượt qua lời dạy[8] của bậc Đạo sư với [câu hỏi]: "Nếu được nói rằng, chư Tôn giả, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã; như vậy những hành động do vô ngã làm đã được ngã nào cảm thọ kết quả?" Này các Tỷ-kheo, các ông đã được Ta huấn luyện tìm kiếm nhân duyên,[9] chỗ này chỗ kia, đối với những pháp này, pháp khác. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chăng khi xem: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, thọ... (như trên)... tưởng... hành... thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chăng khi xem: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai hay hiện tại; hoặc nội hay ngoại... tất cả loại sắc, cần phải như thật quán: "Cái này không

---

[6] *Iti kira bho*. Điều này cũng giống như trường hợp một vị Tỷ-kheo trong suy nghĩ gọi mình là Tôn giả (*bho*).

[7] Trong cái ngã nào, các quả ấy hiện khởi? Có quan điểm như vậy, tức vị ấy đã rơi vào chủ trương Thường kiến luận. Xem *MA*. IV. 79.

[8] *Atidhāvati*: Chạy nhanh, chạy vượt mức. Xem *M*. III. 230; *S*. III. 103; *Ud*. 64; *It*. 43.

[9] *Paṭiccavinītā*. *S*. III. 104 viết là *paṭipucchāvinītā*.

phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có hành gì... phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai hay hiện tại; hoặc nội hay ngoại... tất cả loại thức, cần phải như thật quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đối với thọ, yểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức. Do yểm ly nên ly tham, do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, vị ấy biết được vị ấy đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm. Từ nay không còn trở lại đời sống như thế này nữa."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự giảng giải này được nói lên, tâm của sáu mươi vị Tỷ-kheo[10] được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

[10] Bản *Chú giải* của kinh này chỉ cho các vị Tỷ-kheo tu hành thiền định trong rừng dưới sự hướng dẫn của một Thiền sư. Vị Thiền sư không bằng lòng với kết quả tu hành của các vị Tỷ-kheo này, mới đưa đến yết kiến và thỉnh vấn Thế Tôn. *MA*. IV. 79 viết các vị này đã tu hành với đối tượng cũ, nay với một đối tượng mới, các vị này tu hành, kiên định trong tư thế kiết-già và chứng được quả A-la-hán ngay tại chỗ đang ngồi.

110. TIỂU KINH MÃN NGUYỆT

(*Cūḷapuṇṇama Sutta*)[1]

91. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên (Pubbārāma), giảng đường Lộc Mẫu (Migāramātu). Lúc bấy giờ trong ngày Bố-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăng rằm, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, xung quanh có chúng Tỳ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn chúng Tỳ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng và bảo các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo, một người bất chánh (*asappurisa*)[2] có thể biết một người bất chánh: "Người bất chánh là vị này" hay không?

– Bạch Thế Tôn, không biết được.

– Lành thay, này các Tỳ-kheo! Này các Tỳ-kheo, không thể có sự tình, không thể có sự kiện một người bất chánh có thể biết một người bất chánh: "Người bất chánh là vị này." Này các Tỳ-kheo, nhưng một người bất chánh có thể biết một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?

– Bạch Thế Tôn, không biết được.

– Lành thay, này các Tỳ-kheo! Này các Tỳ-kheo, không thể có sự tình, không thể có sự kiện một người bất chánh có thể biết được một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này." Người bất chánh, này các Tỳ-kheo, là người đầy đủ pháp bất chánh, giao du với người bất chánh, suy tư như người bất chánh, tư lường như người bất chánh, nói năng như người bất chánh, hành động như người bất chánh, có tà kiến như người bất chánh, bố thí như người bất chánh.

Và này các Tỳ-kheo, như thế nào là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh? Ở đây, này các Tỳ-kheo, người bất chánh bất tín, vô tàm, vô quý, nghe ít, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh.

Và này các Tỳ-kheo, như thế nào là người bất chánh giao du với những người bất chánh? Ở đây, này các Tỳ-kheo, những vị Bà-la-môn nào bất tín, vô tàm, vô quý, ít nghe, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ, những vị ấy là bạn, là thân

---

[1] Xem *S*. III. 100; *A*. II. 179; IV. 187. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.58. 0014b12).

[2] Được viết là *pāpapurisa* trong *MA*. IV. 79. Không phải là bậc Chân nhân, không theo Pháp và Luật của chúng ta.

hữu với người bất chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh giao du với những người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh suy tư như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh suy nghĩ tự làm hại mình, suy nghĩ làm hại người khác, suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh suy tư như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh tư lường như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh tư lường tự làm hại mình, tư lường làm hại người, tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh tư lường như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh nói năng như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh nói lời nói láo, nói lời hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh nói năng như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh hành động như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh sát sanh, lấy của không cho, làm các tà hạnh trong các dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh hành động như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh có tà kiến như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp thiện, ác; không có đời này, không có đời khác; không có cha, không có mẹ; không có loại hóa sanh; ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người bất chánh bố thí như người bất chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh bố thí một cách vô lễ,[3] bố thí không phải tự tay, bố thí không có suy tư kỹ lưỡng,[4] bố thí những vật không cần dùng, bố thí không nghĩ đến tương lai.[5] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh bố thí như người bất chánh.

Này các Tỷ-kheo, người bất chánh ấy, đầy đủ pháp bất chánh như vậy, giao du với người bất chánh như vậy, suy tư như người bất chánh như vậy, tư lường như người bất chánh như vậy, nói năng như người bất chánh như vậy, hành động như người bất chánh như vậy, có tà kiến như người bất chánh như vậy, bố

---

[3] Xem *D*. II. 356; *A*. III. 171 về những cách bố thí bất chánh. Không cung kính đối với vật cho và người được cho.

[4] Hoặc là đối với vật cho hay người được cho. *Acittikatvā dānaṃ deti.*

[5] *Anāgamanadiṭṭhika*: Không nghĩ đến kết quả của bố thí (*AA*. III. 291) hay mong kết quả sẽ trở lại cho mình (*MA*. IV. 81).

thí như người bất chánh như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người bất chánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của những người bất chánh? Địa ngục hay là bàng sanh.

92. Này các Tỷ-kheo, một người chơn chánh có thể biết được một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?

– Thưa biết được, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Sự tình này xảy ra, là người chơn chánh có thể biết được người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này." Nhưng này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này" hay không?

– Thưa biết được, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, có sự tình này, là người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này." Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh đầy đủ chánh pháp, giao du với các bậc chơn chánh, suy nghĩ như các bậc chơn chánh, tư lường như các bậc chơn chánh, nói năng như bậc chơn chánh, hành động như bậc chơn chánh, có chánh kiến như bậc chơn chánh, bố thí như bậc chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh đầy đủ chánh pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có lòng tin, có lòng tàm, có lòng quý, có nghe nhiều, có tinh cần tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh đầy đủ những chánh pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có lòng tin, có lòng tàm, có lòng quý, có nghe nhiều, có tinh cần tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu của vị chơn chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không suy nghĩ tự làm hại mình, không suy nghĩ làm hại người khác, không suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không tư lường tự làm hại mình, không tư lường làm hại người khác, không tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói phiếm luận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh hành động như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh hành động như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có chánh kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự; có quả dị thục các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời khác; có cha, có mẹ; có loại hóa sanh; ở đời có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh bố thí một cách lễ độ, bố thí với tự tay, bố thí có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật cần dùng, bố thí có nghĩ đến tương lai.[6] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh.

Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh ấy, đầy đủ chánh pháp như vậy, giao du với người chơn chánh như vậy, suy tư như người chơn chánh như vậy, tư lường như người chơn chánh như vậy, nói năng như người chơn chánh như vậy, hành động như người chơn chánh như vậy, có chánh kiến như người chơn chánh như vậy, bố thí như người chơn chánh như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người chơn chánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của những người chơn chánh? Đại tánh[7] của chư thiên hay đại tánh của loài người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[6] Vị ấy có niềm tin trong việc bố thí và kết quả của bố thí. Xem *AA*. III. 291.

[7] *Mahattatā*. *MA*. IV. 81 viết đây chỉ cho chư thiên 6 cõi trời dục giới.

111. KINH BẤT ĐOẠN
(*Anupada Sutta*)

93. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Hiền trí (*Paṇḍita*); này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Đại tuệ;[1] này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Quảng tuệ;[2] này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Hỷ tuệ;[3] này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Tiệp tuệ;[4] này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Lợi tuệ;[5] này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Quyết trạch tuệ.[6] Này các Tỷ-kheo, cho đến nửa tháng, Sāriputta quán bất đoạn pháp.[7] Này các Tỷ-kheo, đây là do bất đoạn pháp quán của Sāriputta.

94. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sāriputta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Và những pháp thuộc về Thiền thứ nhất như tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm,[8] và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý,[9] các pháp ấy được an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt." Sāriputta đối với những pháp ấy

---

[1] *Mahāpaññā*: Đại tuệ, tức là đối với Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Tứ đế, 37 phẩm trợ đạo, v.v…

[2] *Puthupaññā* giống như *Mahāpaññā*.

[3] *Hāsupaññā*, có nghĩa là hỷ lạc phát sinh khi thành tựu giới luật, hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, v.v...

[4] *Javanapaññā*. Xem *S*. V. 376-77; *Ps*. II. 200. Trong *MA*. IV. 84 viết rằng vị ấy rất nhạy bén, biết rõ các uẩn là vô thường, khổ, vô ngã.

[5] *Tikkhapaññā*. Xem *M*. I. 11; *D*. III. 126; *A*. I. 45. Trong *MA*. IV. 85 giải thích rằng Tôn giả Sāriputta sớm đoạn trừ các kiết sử và đoạn trừ các bất thiện tâm như tham lam, sân hận, hoài nghi, v.v…

[6] *Nibbedhikapaññā*. Xem *Ps*. II. 201; *PED*. Các loại Tuệ này được nói đến trong *S*. I. 63; *J*. IV. 136. Xem *KS*. I. 88, n. 1.

[7] Sāriputta chứng A-la-hán quả sau 2 tuần. Xem *MA*. III. 203 và IV. 86; *DA*. 418; *DhA*. I. 97.

[8] Xem *Dhs*. 7-11, 84-8, 283-87, 371-75; *BPE*. 5-18.

[9] Xem *Dhs*. 2-6, 278-82, 366-70.

cảm thấy không luyến ái,[10] không chống đối, độc lập,[11] không trói buộc,[12] giải thoát,[13] không hệ lụy,[14] an trú với tâm không có hạn chế.[15] Sāriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa.[16] Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn nữa."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Và những pháp thuộc về Thiền thứ hai như nội tĩnh, hỷ, lạc, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt." Sāriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Và những pháp thuộc về Thiền thứ ba như xả, lạc, niệm, tỉnh giác, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, xả, tác ý, những pháp ấy được Sāriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Và những pháp thuộc về Thiền thứ tư như xả bất khổ bất lạc thọ,[17] vô quán niệm tâm,[18] thanh tịnh nhờ niệm, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sāriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta đối

---

[10] *Anupāya*. Xem *M.* III. 30.

[11] *Anissita:* Không chấp trước vào kiến và ái. Xem *MA*. IV. 89.

[12] *Appaṭibaddha:* Đối với tham và dục.

[13] *Vippamutta*: Giải thoát khỏi dục lạc.

[14] *Visaṃyutta:* Khỏi 4 ách của kiết sử. Xem *MA*. IV. 89.

[15] *Vimariyādīkatena cetasā*. Không có hạn chế vì những gì đã được đoạn trừ. Xem *S.* III. 31.

[16] Xem *M.* I. 38; *MLS*. I. 48, n. 7. Đây không phải Niết-bàn mà chỉ cho sự chứng đắc kế tiếp.

[17] *Upekkhā adukkhamasukhā vedanā.*

[18] *Cetaso anābhoga*: Sự thụ động của tư tưởng, thiếu sự chú tâm, chú ý. Xem *PC*. 221, n. 4 về *ābhoga*; *Vism.* 164 viết *cetaso ābhogo*, có mặt Thiền thứ ba, nhưng không có Thiền thứ tư.

với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta vượt lên hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Và những pháp thuộc về Không vô biên xứ như hư không vô biên xứ tưởng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sāriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta vượt lên hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Và những pháp thuộc về Thức vô biên xứ như thức vô biên xứ tưởng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sāriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta vượt lên hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Và những pháp thuộc về Vô sở hữu xứ như vô sở hữu xứ tưởng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sāriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa."

95. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta vượt lên hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Với chánh niệm, Sāriputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sāriputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt." Sāriputta đối với những pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không

trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sāriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa."

96. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và an trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với chánh niệm, Sāriputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sāriputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, sau có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt." Sāriputta đối với các pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sāriputta biết: "Không có sự giải thoát nào vô thượng hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, không có việc phải làm nhiều hơn thế nữa."

97. Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này được tự tại, được cứu cánh (*pāramippatta*) trong Thánh giới; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát." Nói một cách chơn chánh về Sāriputta, người ấy có thể nói như sau: "Sāriputta được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát."

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất." Nói một cách chơn chánh về Sāriputta, người ấy có thể nói như sau: "[Sāriputta] là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất."

Sāriputta, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển pháp luân vô thượng đã được Như Lai chuyển vận.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

112. KINH SÁU THANH TỊNH
(*Chabbisodhana Sutta*)[1]

98. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói lên chánh trí (*aññaṃ*) như sau: "Ta tuệ tri như vầy: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.'" Này các Tỷ-kheo, lời nói của vị Tỷ-kheo ấy, không nên tán thán cũng không nên bác bỏ.[2] Không tán thán, không bác bỏ, cần hỏi câu hỏi: "Này Hiền giả, có bốn hình thức tuyên bố này (*vohāra*) được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là bốn? Cái gì được thấy, được nói lên như là được thấy; cái gì được nghe, được nói lên như là được nghe; cái gì được cảm giác, được nói lên như là được cảm giác; cái gì được nhận thức,[3] được nói lên như là được nhận thức. Bốn hình thức tuyên bố này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, đối với bốn hình thức tuyên bố này, Tôn giả có thể nói là tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?"

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp (*anudhamma*) của vị ấy phải như sau: "Này chư Hiền, tôi không cảm thấy luyến ái, không chống đối, độc lập,[4] không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế, đối với những vật được thấy... được nghe... được cảm giác... được nhận thức. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy,

---

[1] Xem *D.* I. 47, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 214, 224, 235; *M.* I. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1; *S.* IV. 103, 110, 177; *A.* I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thuyết trí kinh* 說智經 (*T.*01. 0026.187. 0732a21).

[2] Hoặc "không tán thành, không phản đối" như *M.* III. 207; *D.* II. 124.

[3] Về *diṭṭha, suta, muta, viññāta*. Xem *D.* III. 232; *BD.* II. 166, n. 3; *Vbh.* 376.

[4] Xem *M.* III. 25.

đối với bốn hình thức tuyên bố này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi:

99. "Này Hiền giả, năm thủ uẩn này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, thọ thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Năm thủ uẩn này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, đối với năm thủ uẩn này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?"

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: "Này chư Hiền, sau khi biết sắc này là vô lực, biến hoại,[5] không an ổn; đối với những sắc là những chấp thủ phương tiện,[6] là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những sắc ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Này chư Hiền, sau khi biết thọ này... Này chư Hiền, sau khi biết tưởng này... Này chư Hiền, sau khi biết hành này... Này chư Hiền, sau khi biết thức này là vô lực, biến hoại, không an ổn, đối với thức là những chấp thủ phương tiện, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những thức ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với năm thủ uẩn này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi thêm:

100. "Này Hiền giả, sáu giới này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là sáu? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Sáu giới này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì đối với sáu giới này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?"

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời

---

[5] *Virāga* được *MA*. IV. 92 giải thích là *vigacchanasabhava* nghĩa là "tánh bị biến hoại, biến diệt."

[6] *Upāyūpādānā*, đồng nghĩa với tà kiến và tham ái. Xem *MA*. IV. 92.

tùy pháp của vị ấy phải như sau: "Chư Hiền, tôi đã đi đến địa giới như là không phải tự ngã, và [đi đến] tự ngã như là không tùy thuộc địa giới; đối với những pháp là những chấp thủ phương tiện tùy thuộc địa giới, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến thủy giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến hỏa giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến phong giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến không giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến thức giới như là không phải tự ngã, và [đi đến] tự ngã như là không tùy thuộc thức giới; đối với những pháp là những chấp thủ phương tiện tùy thuộc thức giới, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu giới này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ."

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi:

101. "Này Hiền giả, sáu nội ngoại xứ này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là sáu? Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Sáu nội ngoại xứ này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì đối với sáu nội ngoại xứ này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?"

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: "Chư Hiền, đối với mắt, đối với sắc, đối với nhãn thức, đối với những pháp được nhận thức bởi nhãn thức, phàm có dục gì, tham gì, hỷ gì, ái gì, phàm có những pháp chấp thủ phương tiện, những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với sáu nội ngoại xứ này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Chư Hiền, đối với tai, đối với tiếng, đối với nhĩ thức... Chư Hiền, đối với mũi, đối với hương, đối với tỷ thức... Chư Hiền, đối với lưỡi, đối với vị, đối với thiệt thức... Chư Hiền, đối với thân, đối với xúc, đối với thân thức... Chư Hiền, đối với ý, đối với pháp, đối với ý thức, đối với các pháp được nhận thức bởi ý thức, phàm có dục gì, tham gì, hỷ gì, ái gì, phàm có những chấp thủ phương tiện, những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy

như vậy, đối với sáu nội ngoại xứ này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ."

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi thêm:

102. "Nhưng này Hiền giả, do biết gì, thấy gì, do đối với các thân có nhận thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, Tôn giả có thể nói về mạn tùy miên: 'Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm', mạn tùy miên của Tôn giả được đoạn trừ một cách hoàn toàn?"

Chư Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: "Chư Hiền, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia, tôi còn ngu muội. Tôi được Như Lai, đệ tử Như Lai thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, tôi có lòng tịnh tín đối với Như Lai. Thành tựu được tịnh tín ấy, tôi suy nghĩ: 'Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.'"

Chư Hiền, một thời gian sau, tôi từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay từ bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi đã xuất gia như vậy, tôi thành tựu học giới và nếp sống các vị Tỷ-kheo, tôi từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót tất cả chúng sanh và các loại hữu tình. Tôi từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh không có trộm cướp. Tôi từ bỏ phi Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống tránh xa [phi Phạm hạnh], từ bỏ dâm dục tục pháp. Tôi từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chơn thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không phản lại đời. Tôi từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đến nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sinh chia rẽ ở những người kia. Tôi sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Tôi từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa nói lời độc ác, tôi nói những lời nhẹ nhàng, thuận tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, tôi nói những lời như vậy. Tôi từ bỏ nói lời phù phiếm, tránh xa nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Tôi

từ bỏ làm hại đến các hột giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Tôi từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn. Tôi từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, các thời trang, các thời sức. Tôi từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Tôi từ bỏ nhận các hạt sống. Tôi từ bỏ nhận thịt sống. Tôi từ bỏ nhận đàn bà, con gái. Tôi từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Tôi từ bỏ nhận cừu và dê. Tôi từ bỏ nhận gia cầm và heo. Tôi từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Tôi từ bỏ nhận ruộng nương và đất đai. Tôi từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Tôi từ bỏ buôn bán. Tôi từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Tôi từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Tôi từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Tôi bằng lòng [tri túc] với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y bát]. Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, tôi bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y bát]. Tôi thành tựu Thánh giới uẩn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm không lỗi lầm.

103. Khi mắt thấy sắc, tôi không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, tôi tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, tôi không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, tôi tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Tôi thành tựu Thánh hộ trì các căn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm không vẩn đục.

Khi đi tới, khi đi lui, tôi đều tỉnh giác. Khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh, tôi đều tỉnh giác. Khi co tay, khi duỗi tay, tôi đều tỉnh giác. Khi mang y kép, y bát, tôi đều tỉnh giác. Khi ăn, uống, nhai, nuốt, tôi đều tỉnh giác. Khi đi đại tiện, tiểu tiện, tôi đều tỉnh giác. Khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng, tôi đều tỉnh giác.

Và tôi đều thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, và thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này, chọn một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, tôi ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt. Tôi từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, tôi sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, tôi sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Trừ bỏ trạo cử hối quá, tôi sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, tôi sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

104. Tôi từ bỏ năm triền cái, các pháp làm cho tâm ô uế, làm cho trí tuệ muội lược này, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Tôi diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tôi xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tôi dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Tôi biết như thật: "Đây là khổ"; biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ"; biết như thật: "Đây là khổ diệt"; biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; biết như thật: "Đây là những lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là các lậu hoặc được diệt trừ"; biết như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc được diệt trừ."

Tôi nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của tôi thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, tôi khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Tôi biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."

Chư Hiền, do biết như vậy, thấy như vậy, đối với các thân có nhận thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, tôi có thể nói về mạn tùy miên: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", mạn tùy miên này được đoạn trừ một cách hoàn toàn.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", vị ấy cần phải được nói thêm như sau: "Thật lợi ích thay cho chúng tôi, thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một vị sống Phạm hạnh như Tôn giả."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

113. KINH CHÂN NHÂN

(*Sappurisa Sutta*)[1]

105. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông chân nhân pháp và phi chân nhân pháp. Các ông hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi chân nhân pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân xuất gia từ một gia đình cao sang. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta xuất gia từ một gia đình cao sang, còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình cao sang." Vì người ấy thuộc gia đình cao sang nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì thuộc một gia đình cao sang mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không phải từ một gia đình cao sang, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ (*paṭipadaṃ*) làm chánh yếu (*antaraṃ*),[2] không khen mình chê người vì tự mình thuộc vào gia đình cao sang. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi chân nhân xuất gia từ một gia đình[3]... (như trên)... xuất gia từ một gia đình đại phú... (như trên)... xuất gia từ một gia đình quý phái, người ấy suy nghĩ như sau: "Ta xuất gia từ một gia đình

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Chân nhân kinh* 真人經 (*T*.01. 0026.85. 0561a20). Tham chiếu: *Thị pháp phi pháp kinh* 是法非法經 (*T*.01. 0048. 0837c21); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.9. 0585a18).

[2] *So paṭipadaṃ yeva antaraṃ karitvā*. Xem *M*. III. 14. Bản chữ Hán dịch là "Như thị thú hướng đắc chơn đế pháp giả"; 如是趣向得真諦法者 (*T*.01. 0026.85. 0561b03).

[3] Một Sát-đế-ly, Bà-la-môn hay một thương gia. Xem *MA*. IV. 98.

quý phái, còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình quý phái." Vì người ấy thuộc gia đình quý phái nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì thuộc về một gia đình quý phái mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không phải từ một gia đình quý phái, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình thuộc vào gia đình quý phái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

106. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân được nhiều người biết, có danh xưng. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta được nhiều người biết, có danh xưng, còn các Tỷ-kheo này được ít người biết đến, không được trọng vọng."[4] Vì người ấy tự mình được nhiều người biết nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì mình được nhiều người biết đến mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không được nhiều người biết, không có danh xưng, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình được nhiều người biết và có danh xưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân được các vật [cúng dường] như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta nhận được các vật [cúng dường] như y phục, các đồ ăn khất thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh, còn các Tỷ-kheo này không nhận được y phục, các đồ ăn khất thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh." Vì người ấy thâu nhận được như vậy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình nhận được các vật [cúng dường] như y phục, các đồ ăn khất thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không nhận được các vật [cúng dường] như y phục, các đồ ăn khất thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình được thâu nhận như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân là người nghe nhiều.

---

[4] Xem *M.* I. 192.

Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người nghe nhiều, còn các Tỷ-kheo này không nghe nhiều." Người ấy do được nghe nhiều nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì nghe nhiều mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không nghe nhiều nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình được nghe nhiều. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân là bậc Trì luật. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là bậc Trì luật, còn các Tỷ-kheo này không là bậc Trì luật." Do tự mình trì Luật nên người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình là bậc Trì luật mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không phải là bậc Trì luật, nhưng người này hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc Trì luật. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân là người thuyết pháp. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người thuyết pháp, còn các Tỷ-kheo này không phải là người thuyết pháp." Vì tự mình là người thuyết pháp nên người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải do tự mình là bậc thuyết pháp mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không phải là người thuyết pháp, nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc thuyết pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

107. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân là người theo hạnh sống ở rừng núi. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người theo hạnh sống ở rừng núi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống ở rừng núi." Người ấy vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống ở rừng núi, nhưng hành trì đúng

pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân theo hạnh mặc phấn tảo y. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người theo hạnh mặc phấn tảo y, còn các Tỷ-kheo này không là người theo hạnh mặc phấn tảo y." Người này do tự mình theo hạnh mặc phấn tảo y nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh mặc phấn tảo y mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh mặc phấn tảo y, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình mặc phấn tảo y. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân là người theo hạnh khất thực. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta theo hạnh khất thực, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh khất thực." Người ấy do tự mình theo hạnh khất thực nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh khất thực mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh khất thực, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh khất thực. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi chân nhân theo hạnh sống dưới gốc cây.[5] Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người theo hạnh sống dưới gốc cây, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống dưới gốc cây." Người ấy do tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống dưới gốc cây, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

---

[5] Đây là 9 hạnh trong 13 hạnh Đầu-đà. *Vism.* 61ff.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân theo hạnh sống tại nghĩa địa... (như trên)... theo hạnh sống ngoài trời... (như trên)... theo hạnh thường ngồi [không nằm]... (như trên)... theo hạnh ngồi tại chỗ mời... (như trên)... theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi." Do tự mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi, nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng; ở đây, người ấy được tán thán." Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình sống chỉ ăn một lần ngồi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

108. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người chứng được Thiền thứ nhất, các Tỷ-kheo này không chứng được Thiền thứ nhất." Người ấy do tự mình chứng được Thiền thứ nhất nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Thiền thứ nhất, tự tánh là vô tham ái, Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự nó được đổi khác."[6] Người ấy, sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Thiền thứ nhất. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... chứng và trú Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng đắc định Thiền thứ tư, còn các Tỷ-kheo này không chứng đắc định Thiền thứ tư." Người ấy vì chứng đắc định Thiền thứ tư ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Thiền thứ tư, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự nó được đổi khác." Người ấy, sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng đắc định Thiền thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, người ấy nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Người ấy suy

---

[6] *Atammayatā*. Đây là *nittaṇhatā* trong khi *tammayatā* là *taṇhā*. Xem *M*. I. 319 và III. 220; *MA*. IV. 99; *A*. I. 150 và III. 444. Bản chữ Hán dịch có khác: "Chân nhân pháp giả tác như thị quán: Sơ thiền giả, Thế Tôn thuyết vô lượng chủng, nhược hữu kế giả thị vi ái giả. Bỉ nhân thử, đắc cúng dường cung kính"; 真人法者作如是觀：初禪者，世尊說無量種，若有計者是謂愛也．彼因此，得供養恭敬 (*T*.01. 0026.85. 0561c28).

nghĩ như sau: "Ta chứng được định Không vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Không vô biên xứ." Người ấy vì chứng được định Không vô biên xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Không vô biên xứ, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ như thế này, thế khác, thời tự nó được đổi khác." Người ấy, sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Không vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân, vượt lên Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Thức vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Thức vô biên xứ." Người ấy vì chứng được định Thức vô biên xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Thức vô biên xứ, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự nó được đổi khác." Người ấy, sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Thức vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân vượt lên một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Vô sở hữu xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Vô sở hữu xứ." Người ấy vì chứng được định Vô sở hữu xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Vô sở hữu xứ, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự nó được đổi khác." Người ấy, sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi chân nhân vượt lên Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Người ấy vì chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi chân nhân pháp. Và người chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự nó được đổi khác." Người ấy, sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người chân nhân sau khi vượt lên Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định, sau khi thấy với trí tuệ, các

lậu hoặc của vị này được đoạn trừ.[7] Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này không nghĩ mình là[8] bất cứ vật gì, không nghĩ đến bất cứ chỗ nào, không nghĩ đến bất cứ vì sự việc gì.[9]

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[7] *Parikkhayāpenti*, thay cho từ thường dùng *parikkhīṇā honti*. *MA*. IV. 99 giải thích đây chỉ cho bậc Bất Lai, các phàm phu không được như vậy.

[8] *Puggala*. Xem *MA*. IV. 99-100.

[9] *Na kiñci na kuhiñci na kenaci maññati*. Xem *M*. III. 103, *na katthaci na kuhiñci*.

114. KINH NÊN HÀNH TRÌ, KHÔNG NÊN HÀNH TRÌ

(*Sevitabba-asevitabba Sutta*)[1]

109. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông pháp môn về nên hành trì, không nên hành trì. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta nói thân hành có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa thân hành." Này các Tỷ-kheo, Ta nói khẩu hành cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa khẩu hành." Này các Tỷ-kheo, Ta nói ý hành cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa ý hành." Này các Tỷ-kheo, Ta nói tâm sanh cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa tâm sanh." Này các Tỷ-kheo, Ta nói tưởng đắc cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa tưởng đắc." Kiến đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa kiến đắc (*diṭṭhipaṭilābha*)." Ngã tánh đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa ngã tánh đắc."

Được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

110. "Thân hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành.'" Thế Tôn đã nói như

---

[1] Xem *M.* I. 285; *A.* I. 127; IV. 365; V. 98. Tham chiếu: *Tự quán tâm kinh* 自觀心經 (*T.*01. 0026.109. 0598b07).

vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Bạch Thế Tôn, nếu một thân hành nào khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, thân hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn, và một thân hành nào khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân hành như vậy nên hành trì.

111. Bạch Thế Tôn, thân hành gì khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình.[2] Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh trong các dục, giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Bạch Thế Tôn, thân hành gì khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Người ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy. Người ấy từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

"Thân hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Bạch Thế Tôn, một khẩu hành nào khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn, và một khẩu hành nào khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng, khẩu hành như vậy nên hành trì.

112. Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia,

---

[2] Xem các đoạn tương đương trong *M.* I. 286ff.

hãy nói những gì ông biết!" Dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy"; hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy." Như vậy, lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại. Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ, không đưa đến thiền định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi Pháp, nói những lời phi Luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết." Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy." Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, người ấy không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, người ấy không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, người ấy nói những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy. Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, người ấy nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ; vì nói hợp thời nên lời nói thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

"Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên

hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Ý hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ý hành.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Bạch Thế Tôn, một ý hành nào khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, ý hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn, và một ý hành nào khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ý hành như vậy nên hành trì.

113. Ý hành gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị làm hại, hay mong chúng không còn tồn tại!" Ý hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Ý hành gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, có người không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người không có sân tâm, không khởi lên hại ý, hại niệm, nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!" Ý hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

"Ý hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ý hành.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

114. "Tâm sanh, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tâm sanh.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Bạch Thế Tôn, nếu một tâm sanh nào khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tâm sanh như vậy không nên hành trì. Và một tâm sanh nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tâm sanh như vậy nên hành trì.

Tâm sanh gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham dục và sống với tâm câu hữu với tham dục, người ấy sân hận và sống với tâm câu hữu với sân hận, người ấy có hại tâm và sống với tâm câu hữu với hại tâm. Tâm sanh như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm.

Tâm sanh gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người không có tham dục và sống

với tâm không câu hữu với tham dục, người ấy không có sân hận và sống với tâm không câu hữu với sân hận, người ấy không có hại tâm và sống với tâm không câu hữu với hại tâm. Tâm sanh như vậy, bạch Thế Tôn, nếu hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng.

"Tâm sanh, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tâm sanh.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

115. "Tưởng đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tưởng đắc.'" Thế Tôn đã nói vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Một tưởng đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tưởng đắc như vậy không nên hành trì. Và một tưởng đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tưởng đắc như vậy nên hành trì.

Tưởng đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham dục và sống với tưởng câu hữu với tham dục, người ấy sân hận và sống với tưởng câu hữu với sân hận, người ấy có hại tâm và sống với tưởng câu hữu với hại tâm. Tưởng đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm.

Tưởng đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người không có tham dục và sống với tưởng không câu hữu với tham dục, người ấy không có sân hận và sống với tưởng không câu hữu với sân hận, người ấy không có hại tâm và sống với tưởng không câu hữu với hại tâm. Tưởng đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng.

"Tưởng đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tưởng đắc.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

116. "Kiến đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa kiến đắc.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Một kiến đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, kiến đắc như vậy không nên hành trì. Và một kiến đắc nào, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, kiến đắc như vậy nên hành trì.

Kiến đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có [tà] kiến như sau:[3] "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp thiện, ác; không có đời này, không có đời khác; không có mẹ, không có cha; không có loại hóa sanh; ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn

[3] Như *M.* III. 22.

chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thượng trí chứng tri, chứng đạt và an trú đời này, đời khác và truyền dạy lại." Kiến đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Kiến đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có [chánh] kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự; có quả dị thục các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời khác; có mẹ, có cha; có các loại hóa sanh; ở đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thượng trí chứng tri, chứng đắc và an trú đời này, đời khác và truyền dạy lại." Kiến đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

"Kiến đắc, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa kiến đắc.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

117. "Ngã tánh đắc, này các Tỳ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ngã tánh đắc.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Ngã tánh đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, ngã tánh đắc như vậy không nên hành trì. Ngã tánh đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ngã tánh đắc như vậy nên hành trì.

Ngã tánh đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm? Ngã tánh đắc có hại,[4] bạch Thế Tôn, vì sự không rốt ráo khi được sanh khởi,[5] các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm. Ngã tánh đắc vô hại,[6] bạch Thế Tôn, vì sự rốt ráo khi được sanh khởi, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

"Ngã tánh đắc, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ngã tánh đắc.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

118. – Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Lành thay, này Sāriputta! Lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Thân hành, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên

---

[4] *MA*. IV. 100 giải thích *sabyāpajjha* là *sadukkha* và *avyāpajjha* là *adukkha*.

[5] *Abhinibbattayato aparinitthitabhāvāya*. *MA*. IV. 100 giải thích trong tự ngã này, một người phàm phu không thể đoạn trừ hữu kiết sử. Do vậy, từ sát-na kiết sanh thức (*paṭisandhi*), các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, và vị ấy tạo ra (*abhinibbatteti*) một tự ngã, bị đau khổ chi phối.

[6] *Abyābajhanti adukkhaṃ*: Ngã tánh đắc vô hại, có bốn hạng người. Người phàm phu có thể đoạn trừ kiết sử, do vậy từ sát-na kiết sanh thức (*paṭisandhi*), các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng và nó tạo ra một tự ngã không bị chi phối. Cũng tương tự như vậy đối với bậc Dự Lưu, Tư-đà-hàm, A-na-hàm.

hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành." Ta đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Thân hành nào, này Sāriputta, khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, thân hành như vậy không nên hành trì. Và thân hành nào, này Sāriputta, khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân hành như vậy nên hành trì.

Thân hành gì, này Sāriputta, khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, này Sāriputta, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình. Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh trong các dục, giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, này Sāriputta, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Thân hành gì, này Sāriputta, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, này Sāriputta, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Người ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy. Người ấy từ bỏ sống theo tà hạnh trong các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, này Sāriputta, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Thân hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành." Ta đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành." Ta đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Này Sāriputta, khẩu hành nào khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Và khẩu hành nào, này Sāriputta, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, khẩu hành như vậy nên hành trì.

Khẩu hành gì, này Sāriputta, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm? Ở đây, này Sāriputta, có người vọng ngữ đến chỗ tập hội... (như trên với những thay đổi cần thiết cho đến đoạn ngã tánh đắc).

Ngã tánh đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ngã tánh đắc." Ta đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Này Sāriputta, lời nói này được Ta nói một cách vắn tắt, cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

119. Sắc do mắt nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Tiếng do tai nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Hương do mũi nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Vị do lưỡi nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Xúc do thân nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Pháp do ý nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì."

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

"Sắc do mắt nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Sắc nào do mắt nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, sắc do mắt nhận thức như vậy không nên hành trì. Sắc nào do mắt nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, sắc do mắt nhận thức như vậy nên hành trì. "Sắc do mắt nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Tiếng do tai nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Tiếng nào do tai nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tiếng do tai nhận thức như vậy không nên hành trì. Tiếng nào do tai nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tiếng do tai nhận thức như vậy nên hành trì. "Tiếng do tai nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Hương do mũi nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Hương nào do mũi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, hương do mũi nhận thức như vậy không nên hành trì. Hương nào do mũi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, hương do mũi nhận thức như vậy nên hành trì. "Hương do mũi nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Vị do lưỡi nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Vị nào do lưỡi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, vị do lưỡi nhận thức như vậy không nên hành trì. Vị nào do lưỡi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, vị do lưỡi nhận thức như vậy nên hành trì. "Vị do lưỡi nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Xúc do thân nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Xúc nào do thân nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, xúc do thân nhận thức như vậy không nên hành trì. Xúc nào do thân nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, xúc do thân nhận thức như vậy nên hành trì. "Xúc do thân nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Pháp do ý nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Pháp nào do ý nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, pháp do ý nhận thức như vậy không nên hành trì. Pháp nào do ý nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, pháp do ý nhận thức như vậy nên hành trì. "Pháp do ý nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

120. – Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Lành thay, này Sāriputta! Lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Sắc do mắt nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Lời nói như vậy được Ta nói lên và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?... (như trên)... Pháp do ý nhận thức, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Lời nói như vậy được Ta nói lên và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Này Sāriputta, lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, ý nghĩa lời nói ấy cần được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

121. Y, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành

trì." Đồ ăn khất thực, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Sàng tọa, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Làng, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Thị trấn, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Đô thị, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Quốc độ, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Người (*puggala*), này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì."

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

"Y, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Y nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, y như vậy không nên hành trì. Y nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, y như vậy nên hành trì. "Y, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: 'Nên hành trì, không nên hành trì.'" Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Đồ ăn khất thực, này Sāriputta, Ta nói có hai loại..." Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Sàng tọa, này Sāriputta, Ta nói có hai loại..." Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Làng, này Sāriputta, Ta nói có hai loại..." Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Thị trấn, này Sāriputta, Ta nói có hai loại..." Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Đô thị, này Sāriputta, Ta nói có hai loại..." Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Quốc độ, này Sāriputta, Ta nói có hai loại..." Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Người, này Sāriputta, Ta nói có hai loại..." Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên vắn tắt, không giải thích rộng rãi, con đã hiểu một cách rộng rãi như vậy.

122. – Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Lành thay, này Sāriputta! Lời nói này được Ta nói lên vắn tắt, không giải thích rộng rãi, ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Y, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì."

Ta đã nói lên như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Y nào, này Sāriputta, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Đồ ăn khất thực, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Ta đã nói lên như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Sàng tọa, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì."... (như trên)... sàng tọa như vậy không nên hành trì... sàng tọa như vậy nên hành trì... (như trên)... làng như vậy không nên hành trì... (như trên)... làng như vậy nên hành trì... (như trên)... thị trấn như vậy không nên hành trì... (như trên)... thị trấn như vậy nên hành trì... (như trên)... đô thị như vậy không nên hành trì... (như trên)... đô thị như vậy nên hành trì... (như trên)... quốc độ như vậy không nên hành trì... (như trên)... quốc độ như vậy nên hành trì... (như trên). Người, này Sāriputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì." Ta đã nói lên như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?... Người nào, này Sāriputta... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Này Sāriputta, lời nói này được Ta nói vắn tắt, ý nghĩa [lời nói ấy] cần được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

123. Này Sāriputta, nếu tất cả những vị Sát-đế-ly, đối với lời nói này được Ta nói vắn tắt, có thể hiểu ý nghĩa lời nói ấy một cách rộng rãi như vậy, tất cả những vị ấy sẽ được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu dài. Này Sāriputta, nếu tất cả những vị Bà-la-môn... (như trên)... nếu tất cả những vị Vessa... (như trên). Này Sāriputta, nếu tất cả những vị Thủ-đà (Sudda), đối với lời nói này được Ta nói vắn tắt, có thể hiểu ý nghĩa lời nói ấy một cách rộng rãi như vậy, tất cả những vị ấy sẽ được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Sāriputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

115. KINH ĐA GIỚI

(*Bahudhātuka Sutta*)[1]

124. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Phàm có những sợ hãi gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí (*panḍitato*). Phàm có những thất vọng gì[2] sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí. Phàm có những hoạn nạn gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí. Ví như, này các Tỷ-kheo, tia lửa[3] từ ngôi nhà bằng cây lau hay từ ngôi nhà bằng cỏ, thiêu cháy ngôi nhà có lầu gác được trét trong trét ngoài, được che chở khỏi gió, có chốt khóa gài kỹ, có cửa sổ đóng kỹ.[4] Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những sợ hãi gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí. Phàm có những thất vọng gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí. Phàm có những hoạn nạn gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí. Như vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu đầy những sợ hãi, người hiền trí không có sợ hãi. Kẻ ngu đầy những thất vọng, người hiền trí không có thất vọng. Kẻ ngu đầy những hoạn nạn, người hiền trí không có hoạn nạn. Này các Tỷ-kheo, không có sợ hãi cho người hiền trí, không có thất vọng cho người hiền trí, không có hoạn nạn cho người hiền trí. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập: "Chúng tôi sẽ là người hiền trí, chúng tôi sẽ là người biết suy tư tìm hiểu."

---

[1] Xem *D*. III. 99; *S*. II.140; *A*. I. 26; *Kvu*. 1. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Đa giới kinh* 多界經 (*T*.01. 0026.181. 0723a08). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.451. 0115c27); *Phật thuyết Tứ phẩm pháp môn kinh* 佛說四品法門經 (*T*.17. 0776. 0712b10); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.24a. 0237a16); *A-tỳ-đạt-ma Pháp uẩn túc luận* 阿毘達摩法蘊足論 (*T*.26. 1537.10. 0501b24).

[2] *Upaddavā*: Thất vọng, sầu não, trạng thái thất niệm. Xem *CPD*.; *MA*. IV. 102 viết *anekaggatākāra*.

[3] *Aggimukka*. Xem *A*. I. 101 viết là *Aggimutta*.

[4] Xem *M*. I. 76 và II. 8.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu"?

– Cho đến khi, này Ānanda, Tỷ-kheo thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về duyên khởi và thiện xảo về xứ phi xứ,[5] đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu."

125. – Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"?

– Này Ānanda, có mười tám giới này:[6] Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được mười tám giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới."

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"?

– Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có sáu giới này: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.[7] Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới."

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"?

– Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có sáu giới này: Lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới.[8] Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới."

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"?

– Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có sáu giới này: Dục giới, ly dục giới, sân giới, vô sân giới, hại giới, bất hại giới.[9] Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới."

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"?

---

[5] *Ṭhānāṭhāna*: Xứ phi xứ, sự kiện gì có xảy ra hay không xảy ra.

[6] *Vbh.* 90 viết về các giới, *dhātu*. Xem *Vism.* 484ff.

[7] Như *M.* III. 31.

[8] *Vbh.* 85.

[9] Xem 6 giới này tại *D.* III. 215; *S.* II. 151; *A.* III. 447; *Vbh.* 86.

– Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có ba giới này: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.[10] Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được ba giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới."

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"?

– Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có hai giới này: Hữu vi giới và vô vi giới.[11] Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được hai giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới."

126. – Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ"?

– Này Ānanda, có sáu nội xứ, ngoại xứ này: Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được sáu nội ngoại xứ này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ."

– Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi"?

– Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo biết như sau: Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sanh, cái kia sanh. Nếu cái này không có, cái kia không có; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là vô minh duyên hành,[12] hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh; do duyên sanh, lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy, này Ānanda, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng do sự diệt trừ, sự ly tham hoàn toàn của chính vô minh này, các hành diệt; do các hành diệt, danh sắc diệt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi."

127. – Nhưng cho đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ"?

– Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu,[13] khi một người thành tựu [chánh] kiến lại đi đến các hành (*saṅkhāraṃ*) và xem là thường còn." Sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một người phàm phu đi đến các hành và xem là thường còn." Sự kiện như vậy có xảy ra.

---

[10] Xem *D.* III. 215; *It.* 45.

[11] Xem *D.* III. 274.

[12] Xem *M.* I. 262-64; *MLS.* I. xxiv.

[13] Xem *A.* I. 26ff.

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người thành tựu [chánh] kiến, lại có thể đi đến các hành với ý niệm lạc thọ." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một người phàm phu đi đến các hành với ý niệm lạc thọ." Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người nào thành tựu [chánh] kiến, lại có thể đi đến các pháp với ý niệm tự ngã." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một người phàm phu đi đến các pháp với ý niệm tự ngã." Sự kiện như vậy có xảy ra.

128. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người thành tựu [chánh] kiến, có thể giết sinh mạng người mẹ." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một người phàm phu có thể giết sinh mạng người mẹ." Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người thành tựu [chánh] kiến, có thể giết sinh mạng người cha... (như trên)... có thể giết sinh mạng A-la-hán... (như trên). Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người thành tựu [chánh] kiến có thể với ác tâm làm Như Lai chảy máu." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một người phàm phu với ác tâm làm Như Lai chảy máu." Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người thành tựu [chánh] kiến có thể phá hòa hợp Tăng." Sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một người phàm phu có thể phá hòa hợp Tăng." Sự kiện như vậy có xảy ra. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người thành tựu [chánh] kiến có thể đề cao một Đạo sư khác." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một người phàm phu đề cao một Đạo sư khác." Sự kiện như vậy có xảy ra.

129. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi cùng trong một thế giới (*lokadhātu*), hai A-la-hán Chánh Đẳng Giác có thể xuất hiện [một lần] không trước không sau." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi cùng trong một thế giới, một A-la-hán Chánh Đẳng Giác có thể xuất hiện." Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không hiện hữu, khi cùng trong một thế giới hai Vua Chuyển Luân có thể xuất hiện [một lần], không trước không sau." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi trong một thế giới, một vị Vua Chuyển Luân có thể xuất hiện." Sự kiện như vậy có xảy ra.

130. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một nữ nhân có thể thành A-la-hán Chánh Đẳng Giác." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một nam nhân có thể thành một A-la-hán Chánh Đẳng Giác." Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một nữ nhân có thể thành một Chuyển Luân Vương." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một nam nhân có thể trở thành một Chuyển Luân Vương." Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một nữ nhân có thể thành Sakka (Đế-thích)… có thể trở thành Ma vương… có thể trở thành Phạm thiên." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một nam nhân có thể trở thành Sakka… có thể trở thành Ma vương… có thê trở thành Phạm thiên." Sự kiện như vậy có xảy ra.

131. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc." Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một khẩu ác hành... (như trên)... khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một khẩu ác hành... (như trên)... khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc." Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc." Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một khẩu thiện hành... (như trên)... một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc." Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một khẩu thiện hành... (như trên)... khi một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc." Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời

này.” Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: “Sự kiện này có xảy ra, khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.” Sự kiện này có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: “Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người hành trì khẩu ác hành... (như trên)... hành trì ý ác hành, do nhân ý ác hành ấy, do duyên ý ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.” Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: “Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một người hành trì khẩu ác hành... (như trên)... khi một người hành trì ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.” Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: “Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện hành ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.” Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rằng: “Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.” Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng: “Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu, khi một người hành trì khẩu thiện hành... (như trên)... hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.” Sự kiện như vậy không có xảy ra. Và vị ấy biết rõ rằng: “Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu, khi một người hành trì khẩu thiện hành... (như trên)... khi một người hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.” Sự kiện như vậy có xảy ra.

Cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: “Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ.”

132. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, pháp môn này có tên gì?

– Do vậy, này Ānanda, ông hãy thọ trì pháp môn này là Đa giới, hãy thọ trì pháp môn này là Bốn chuyển (*Catuparivaṭṭo*), hãy thọ trì pháp môn này là Pháp kính (*Dhammādāso*), hãy thọ trì pháp môn này là Trống bất tử, hãy thọ trì pháp môn này là Vô thượng chiến thắng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

116. KINH THÔN TIÊN

(*Isigili Sutta*)[1]

133. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Rājagaha (Vương Xá), trên núi Isigili. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy núi Vebhāra (Phụ Trọng) này không?

– Thưa có thấy, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là một danh xưng khác cho núi Vebhāra[2] này, một tên gọi khác. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy núi Paṇḍava (Bạch Thiện) này không?

– Thưa có thấy, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là một danh xưng khác cho núi Paṇḍava này, một tên gọi khác. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy núi Vepulla (Quảng Phổ) này không?

– Thưa có thấy, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là một danh xưng khác cho núi Vepulla[3] này, một tên gọi khác. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu) này không?

– Thưa có thấy, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là một danh xưng khác cho Gijjhakūṭa này, một tên gọi khác. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy núi Isigili này không?

– Thưa có thấy, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là một danh xưng khác cho núi Isigili, một tên gọi khác.

---

[1] Xem *Mhvu*. 357. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.7. 0723a06).

[2] Ngọn núi này và 4 núi kế tiếp bao bọc thành Vương Xá. Xem *SnA*. 382.

[3] *S*. II. 190-93.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có năm trăm vị Độc Giác Phật sống trong một thời gian khá dài trong núi Isigili này. Những vị ấy được thấy đi vào trong ngọn núi này, [nhưng] khi đi vào rồi thời không được thấy nữa. Quần chúng thấy vậy nói như sau: "Ngọn núi này nuốt những Ẩn sĩ ấy (*Ime isī gilatī*) nên được danh xưng là Isigili. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ chỉ tên các vị Độc Giác Phật; này các Tỷ-kheo, Ta sẽ kể tên các vị Độc Giác Phật; này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng tên các vị Độc Giác Phật. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

134. – Ariṭṭha (A-lợi-sá),[4] này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Upariṭṭha (Bà-lợi-sá), này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Tagarasikhi, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Yasassi, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Sudassana (Thiện Kiến), này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Piyadassi, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Gandhāra, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Piṇḍola, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Upāsabha, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Nīta, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Tatha, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Sutavā, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Bhāvitatta, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này.

135. Chư hữu tình tinh hoa,[5]
Không khổ,[6] không tham ái,
Riêng tự mình chứng đắc,
Chánh Đẳng Giác [vô thượng].
Chư vị Thượng Thắng Nhân,
Vượt ngoài mũi tên bắn,[7]
Hãy lóng tai nghe kỹ,
Ta sẽ xướng danh hiệu:
Ariṭṭha, Upariṭṭha, Tagarasikhi, Yasassi,
Sudassana, Phật Piyadassi
Gandhāra, Piṇḍola,

---

[4] Tên của 13 vị với huyền thoại khi xuất hiện được đề cập đến trong *DPPN*.

[5] *MA*. IV. 129 viết "... sau khi nói đến 13 vị Độc Giác, rồi kể tên các chúng sinh vượt trội trong các loài...". *Sattasārā*: Chỉ cho các chúng sinh vượt trội trong các loài.

[6] *Anīghā* = *Niddukkha*. Xem *MA*. IV. 129.

[7] *Visalla*. Xem *S*. I. 180; *Sn*. 17, 86, 367.

Upāsabha, Nīta, Tatha, Sutavā, Bhāvitatta.
Sumbha, Subha, Methula,
Aṭṭhama, Athassumegha,
Anīgha, Sudāṭha
Chư vị Độc Giác Phật,
Đoạn trừ nguồn tái sanh.
Hiṅgū và Hiṅga,
Chư vị đại oai lực,
Hai Ẩn sĩ Jāli,
Rồi đến Aṭṭhaka,
Đức Phật Kosalla,
Tiếp đến Subāhu,
Ngài Upanemisa, cả Ngài Nemisa này,
Ngài Santacitta, các Ngài bậc Chân Thực,
Sống như chân, ly trần,
Cũng là bậc Hiền triết.
Kāḷa, Upakāḷa, Vijita, Jita,
Aṅga, Paṅga và Gutijjita,
Passi bỏ chấp thủ,
Căn rễ của khổ đau.
Aparājita, đánh bại Ma quân lực.
Satthā, Pavattā, Sarabhaṅga, Lomahaṃsa,
Uccaṅgamāya, Asita, Anāsava,
Manomaya đoạn trừ được nạn.
Và Bandhumā,
Tadādhimutta vô cấu uế,
Và Ketumā,
Ketumbarāga và Mātaṅga Ariya,
Accuta, Accutagāma, Byāmaka,
Sumaṅgala, Dabbila, Supatiṭṭhita,
Asayha, Khemābhirata và Sorata,
Durannaya, Saṅgha, rồi đến Ujjaya,
Rồi đến Ẩn sĩ Sayha,
Với can đảm phi thường.[8]
Ānanda, Nanda, Upananda,
Tất cả là mười hai.[9]
Bhāradvāja thọ trì thân cuối cùng,
Bodhi, Mahānāma, kể cả Bhāradvāja,

[8] *Anomanikkama. MA*. IV. 129; *D*. III. 156 viết *nikkama,* và trong *MA*. cũng viết là *viriyattā.*
[9] Bốn vị Ānanda, bốn vị Nanda và bốn vị Upananda. Xem *MA*. IV. 129.

Thượng thắng, có chóp tóc và đẹp trai,
Tissa, Upatissa, Upasīdari,
Đã đoạn hữu kiết sử,
Và Sīdari, đã đoạn trừ tham ái.
Đức Phật tên Maṅgala,
Với tham được đoạn trừ,
Usabha đã cắt lưới khổ căn.
Upaṇīta, vị chứng An tịnh đạo.
Uposatha, Sundara, Saccanāma,
Jeta, Jayanta, Paduma, Uppala và Padumuttara,
Rakkhita và Pabbata,
Mānatthaddha, Sobhita, Vītarāga,
Và đức Phật Kaṇha,
Với tâm được giải thoát.
Những vị này, vị khác,
Là những bậc Độc Giác,
Những bậc Đại Uy lực,
Đã đoạn nguồn tái sanh.
Hãy đảnh lễ chư vị,
Đại Ẩn sĩ vô lượng,
Đã thắng mọi chiến trận,
Đã đạt Bát-niết-bàn.

117. ĐẠI KINH BỐN MƯƠI
(*Mahācattārīsaka Sutta*)[1]

136. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông Thánh[2] Chánh định[3] cùng với các cận duyên[4] và các tư trợ.[5] Hãy lắng tai nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh Chánh định với các cận duyên và các tư trợ? Chính là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm. Này các Tỷ-kheo, phàm có nhất tâm nào (*ekaggatā*) được tư trợ với bảy chi phần này, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Thánh Chánh định cùng với các cận duyên và các tư trợ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Chánh kiến đi hàng đầu.[6] Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Chánh kiến đi hàng đầu? Tuệ tri tà kiến là tà kiến, tuệ tri Chánh kiến là Chánh kiến, như vậy là Chánh kiến[7] của vị ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà kiến? Không có bố thí,[8] không có cúng

---

[1] Xem *S.* III. 71; *A.* II. 29. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thánh đạo kinh* 聖道經 (*T.*01. 0026.189. 0735b27).

[2] *MA*. IV. 130 nói chữ Thánh đây có nghĩa là không tỳ vết, siêu thế.

[3] Chánh định là tập trung định trên con đường (*magga*). Xem *MA*. IV. 130; *D*. II. 216f.

[4] *Sa-upanisaṃ*. Xem *S*. II. 29ff. *MA*. IV. 130 giải thích là duyên (*paccaya*).

[5] *Saparikkhāra*. Với các tư trợ, được gọi là *sa-parivāra* những gì phụ thuộc, câu hữu. Xem *MA*. IV. 130.

[6] *Pubbaṅgamā*: Đi hàng đầu, đi trước (*purecārika*). Xem *MA*. IV. 131. Chánh tri kiến có hai: Thuộc về quán (*vipassanā*), thuộc về đạo (*magga*). Chánh trí thuộc về quán, quán xét ba hành động (thân, khẩu, ý) về phương diện vô thường, v.v... Nhưng trí thuộc về đạo khởi lên sau khi quán xét, trong khi loại trừ và đoạn diệt trạng thái vừa mới chứng đạt. Xem *MA*. IV. 130. Trong *MA*. IV. 135, có viết năm loại chánh tri kiến ngang qua quán chiếu, do nghiệp đặc biệt (xem thêm *MA*. V. 10; *Dhs*. 1366; *Vbh*. 328), do Đạo, do Quả và do suy tư thẩm định.

[7] Đây là chánh tri kiến do quán chiếu. Xem *MA*. IV. 135.

[8] Như *M*. I. 287.

dường, không có tế tự; không có quả báo các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời khác; không có mẹ, không có cha; không có các loại hóa sanh; ở đời không có các vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, sau khi với thượng trí tự mình chứng đạt lại tuyên bố lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà kiến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh kiến? Chánh kiến, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại. Này các Tỷ-kheo, có loại Chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y (*upadhivepakkā*); có loại Chánh kiến, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi (*maggaṅgā*).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Có bố thí, có cúng dường, có tế tự; có quả báo các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời khác; có mẹ, có cha; có các loại hóa sanh; ở đời có các vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, sau khi với thượng trí tự mình chứng đạt đời này và đời khác lại tuyên bố lên.[9] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Phàm cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc Trí tuệ, Tuệ căn,[10] Tuệ lực,[11] Trạch pháp giác chi,[12] Chánh kiến, Đạo chi của một vị tu tập Thánh đạo, thành thục trong Thánh đạo,[13] có Vô lậu tâm, có Thánh tâm. Chánh kiến như vậy, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà kiến, thành tựu Chánh kiến, như vậy là Chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà kiến, Chánh niệm đạt được và an trú Chánh kiến, như vậy là Chánh niệm của vị ấy. Như vậy, ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo Chánh kiến, tức là Chánh kiến, Chánh tinh tấn, Chánh niệm.

137. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Chánh kiến đi hàng đầu? Tuệ tri tà tư duy là tà tư duy, tuệ tri Chánh tư duy là Chánh tư duy, như vậy là Chánh kiến của các vị ấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà tư duy? Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy, này các Tỷ-kheo, như vậy là tà tư duy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh tư duy? Chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: Có loại Chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại Chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh tư duy hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Ly dục tư duy, vô sân tư duy, bất hại tư duy, như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chánh tư duy hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y. Và này các Tỷ-

[9] Đây là Chánh tri kiến do nghiệp đặc biệt. Xem *MA*. IV. 135; *Vbh*. 328; *VbhA*. 415.

[10] *Paññindriyaṃ*: Tuệ căn. Xem *S*. V. 200.

[11] *MA*. IV. 131 viết rằng một người không biết run sợ do vì vô minh.

[12] *MA*. IV. 132 viết rằng sau khi giác ngộ, vị ấy quán chiếu về Bốn sự thật.

[13] *Ariyamaggasamaṅgino*. Xem *M*. III. 73; *M*. III. 74, 75. Trong *Pug*. 10, 73, viết *maggasamaṅgino* nghĩa là những vị đang đi trên 4 con đường này.

kheo, thế nào là Chánh tư duy thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Phàm cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc suy tư (*takka*), tầm cầu, tư duy, một ngữ hành do sự hoàn toàn chú tâm, chuyên tâm[14] của một vị tu tập Thánh đạo, thành thục trong Thánh đạo, có Vô lậu tâm, có Thánh tâm, Chánh tư duy như vậy, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi. Ai tinh tấn đoạn trừ tà tư duy, thành tựu Chánh tư duy, như vậy là Chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà tư duy, Chánh niệm đạt được và an trú Chánh tư duy, như vậy là Chánh niệm của vị ấy. Như vậy ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo Chánh tư duy, tức là Chánh kiến, Chánh tinh tấn, Chánh niệm.

138. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, Chánh kiến đi hàng đầu? Tuệ tri tà ngữ là tà ngữ, tuệ tri Chánh ngữ là Chánh ngữ, như vậy là Chánh kiến của vị ấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà ngữ? Vọng ngữ, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói lời phù phiếm, như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà ngữ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh ngữ? Chánh ngữ, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: Có loại Chánh ngữ, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại Chánh ngữ, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh ngữ hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Viễn ly vọng ngữ, viễn ly nói hai lưỡi, viễn ly ác khẩu, viễn ly phù phiếm ngữ, như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chánh ngữ hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh ngữ thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly[15] bốn ngữ ác hành,[16] đối với một vị tu tập Thánh đạo, thuần thục trong Thánh đạo, có Vô lậu tâm, có Thánh tâm, như vậy, này các Tỷ-kheo là Chánh ngữ thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi. Ai tinh tấn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu Chánh ngữ, như vậy là Chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà ngữ, Chánh niệm đạt được và an trú Chánh ngữ, như vậy là Chánh niệm của vị ấy. Như vậy, ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo Chánh ngữ, tức là Chánh kiến, Chánh tinh tấn, Chánh niệm.

139. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Chánh kiến đi hàng đầu? Tuệ tri tà nghiệp là tà nghiệp, tuệ tri Chánh nghiệp là Chánh nghiệp, như vậy là Chánh kiến của vị ấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà nghiệp? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà nghiệp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh nghiệp? Chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: Có loại Chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại Chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh nghiệp thuộc hữu lậu,

[14] *Dhs*. 7.

[15] Bốn chữ này được tìm thấy trong *Nd*. II. 462; *Dhs*. 299 liên quan Chánh ngữ.

[16] Xem *M*. I. 286.

thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Viễn ly sát sanh, viễn ly lấy của không cho, viễn ly tà hạnh trong các dục, như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chánh nghiệp thuộc hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh nghiệp thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly ba thân ác hành, đối với một vị tu tập Thánh đạo, thành thục trong Thánh đạo, có Vô lậu tâm, có Thánh tâm, như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chánh nghiệp thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi. Ai tinh tấn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu Chánh nghiệp, như vậy là Chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà nghiệp, Chánh niệm đạt được và an trú Chánh nghiệp, như vậy là Chánh niệm của vị ấy. Như vậy, ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo Chánh nghiệp, tức là Chánh kiến, Chánh tinh tấn, Chánh niệm.

140. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Chánh kiến đi hàng đầu? Tuệ tri được tà mạng là tà mạng, tuệ tri được Chánh mạng là Chánh mạng, như vậy là Chánh kiến của vị ấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà mạng? Lừa đảo,[17] nói lời mê ly, hiện tướng gian trá, lấy lợi cầu lợi, như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà mạng. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là Chánh mạng? Chánh mạng, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: Có loại Chánh mạng, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại Chánh mạng, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là Chánh mạng hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử bỏ tà mạng, nuôi sống với Chánh mạng, như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chánh mạng hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh mạng thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly tà mạng đối với một vị tu tập Thánh đạo, thuần thục trong Thánh đạo,[18] có Vô lậu tâm, có Thánh tâm, như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chánh mạng thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi. Ai tinh tấn đoạn trừ tà mạng, thành tựu Chánh mạng, như vậy là Chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà mạng, Chánh niệm đạt được và an trú Chánh mạng, như vậy là Chánh niệm của vị ấy. Như vậy, ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo Chánh mạng, tức là Chánh kiến, Chánh tinh tấn, Chánh niệm.

141. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Chánh kiến đi hàng đầu. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là Chánh kiến đi hàng đầu? Chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, do Chánh kiến[19] được khởi lên.[20] Chánh ngữ do Chánh tư duy được khởi lên. Chánh nghiệp do Chánh ngữ được khởi lên. Chánh mạng do Chánh nghiệp được khởi lên. Chánh tinh tấn do Chánh mạng được khởi lên. Chánh niệm do Chánh tinh tấn

---

[17] Xem *D*. I. 8; *Vism*. 6ff.

[18] Xem *Dhs*. 301.

[19] *Sammādiṭṭhissa*. *MA*. IV. 134 giải thích là người có Chánh kiến. *MA*. IV. 135 giải thích rằng Chánh kiến về Đạo và Chánh kiến về Quả, cả hai đều được nói ở đây.

[20] *Pahoti*. Xem *D*. II. 217.

được khởi lên. Chánh định do Chánh niệm được khởi lên. Chánh trí do Chánh định được khởi lên.[21] Chánh giải thoát do Chánh trí được khởi lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đạo lộ của vị Hữu học gồm có tám chi phần và đạo lộ của vị A-la-hán gồm có mười chi phần.

142. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Chánh kiến đi hàng đầu? Tà kiến, này các Tỷ-kheo, do Chánh kiến làm cho tiêu diệt,[22] và những ác, bất thiện pháp được tà kiến duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có Chánh kiến. Và những thiện pháp được Chánh kiến duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn. Tà tư duy, này các Tỷ-kheo, do Chánh tư duy làm cho tiêu diệt, và những ác, bất thiện pháp được tà tư duy duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có Chánh tư duy. Và những thiện pháp được Chánh tư duy duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn. Tà ngữ, này các Tỷ-kheo, do Chánh ngữ làm cho tiêu diệt, và những ác, bất thiện pháp được tà ngữ duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có Chánh ngữ. Và những thiện pháp được Chánh ngữ duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn. Tà nghiệp, này các Tỷ-kheo, do Chánh nghiệp làm cho tiêu diệt, và những ác, bất thiện pháp được tà nghiệp duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có Chánh nghiệp. Và những thiện pháp được Chánh nghiệp duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn. Tà mạng, này các Tỷ-kheo, do Chánh mạng làm cho tiêu diệt, và những ác, bất thiện pháp được tà mạng duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh mạng. Và những thiện pháp được Chánh mạng duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn. Tà tinh tấn, này các Tỷ-kheo, do Chánh tinh tấn làm cho tiêu diệt, và những ác, bất thiện pháp được tà tinh tấn duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh tinh tấn. Và những thiện pháp sai biệt được khởi lên do duyên Chánh tinh tấn, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn. Tà niệm, này các Tỷ-kheo, do Chánh niệm làm cho tiêu diệt, và những ác, bất thiện pháp được tà niệm duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh niệm. Và những thiện pháp được Chánh niệm duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn. Tà định, này các Tỷ-kheo, do Chánh định làm cho tiêu diệt, và những ác, bất thiện pháp được tà định duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh định. Và những thiện pháp được Chánh định duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn. Tà trí, này các Tỷ-kheo, do Chánh trí làm cho tiêu diệt, và những ác, bất thiện pháp được tà trí duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh trí. Và những thiện pháp được Chánh trí duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn. Tà giải thoát, này các Tỷ-kheo, do Chánh giải thoát làm cho tiêu diệt, và những ác, bất thiện pháp được tà giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có

[21] *MA*. IV. 135 viết ở đây là Chánh kiến do suy tư thẩm định.

[22] *MA*. IV. 135 viết rằng các vị trùng tụng gìn giữ các bộ Nikāya cho là ở đây nói đến Quả, nhưng các vị trùng tụng *Kinh Trung bộ* nói ở đây chỉ cho Đạo trong 10 pháp cần phải từ bỏ.

Chánh giải thoát. Và các thiện pháp sai biệt được Chánh giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, có hai mươi thiện phần,[23] hai mươi bất thiện phần. Đại pháp môn Bốn mươi đã được chuyển vận không bị chặn đứng lại bởi một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm thiên hay một ai ở đời.

143. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi này đáng bị phê bình, đáng bị phỉ báng, thời ngay hiện tại,[24] mười thuận thuyết tùy thuyết hợp pháp[25] được nói lên để chỉ trích người ấy. Nếu Tôn giả chỉ trích Chánh kiến, thời các Sa-môn, Bà-la-môn có tà kiến là những vị đáng được Tôn giả cúng dường, là những vị đáng được Tôn giả tán thán. Nếu Tôn giả chỉ trích Chánh tư duy, thời các Sa-môn, Bà-la-môn có tà tư duy là những vị đáng được Tôn giả cúng dường, là những vị đáng được Tôn giả tán thán. Nếu Tôn giả chỉ trích Chánh ngữ... Chánh nghiệp... Chánh mạng... Chánh tinh tấn... Chánh niệm... Chánh định... Chánh trí... Nếu Tôn giả chỉ trích Chánh giải thoát, thời các Sa-môn, Bà-la-môn có tà giải thoát là những vị đáng được Tôn giả cúng dường, là những vị đáng được Tôn giả tán thán. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi này đáng bị phê bình, đáng bị phỉ báng, thời ngay hiện tại, mười thuận thuyết tùy hợp pháp được nói lên để chỉ trích người ấy. Này các Tỷ-kheo, cho đến các dân chúng ở Ukkala[26] và dân chúng Vassa, dân chúng Bhanna[27] theo Vô nhân luận, theo Vô tác luận, theo Hư vô luận, những vị ấy cũng không nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi đáng bị chỉ trích, đáng bị phỉ báng. Vì sao vậy? Vì sợ quở trách, phẫn nộ, công kích.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[23] *MA.* IV. 135 viết 10 thiện pháp bắt đầu với Chánh tri kiến và 10 thiện pháp đều có liên quan với Chánh tri kiến.

[24] Xem *S.* II. 33, 36; III. 6; *A.* I. 161; III. 4.

[25] *Vādānuvādā*. Xem *A.* III. 4. *M.* II. 127 viết là *vādānupātā*.

[26] *MA.* IV. 136 viết là dân chúng nước Okkala. *Ukkala*, xem *Vin.* I. 4.

[27] *MA.* IV. 136 viết là 2 dân tộc.

118. KINH NHẬP TỨC XUẤT TỨC NIỆM

(*Ānāpānassati Sutta*)[1]

144. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Đông Viên (Pubbārāma), giảng đường Lộc Mẫu (Migāramātu), cùng với rất nhiều Thượng tọa thời danh, có danh xưng như Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahākaccāyana (Đại Ca-chiên-diên), Tôn giả Mahākoṭṭhita (Đại Câu-hy-la), Tôn giả Mahākappina (Đại Kiếp-tân-na), Tôn giả Mahācunda (Đại Thuần-đà), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa) và Tôn giả Ānanda (A-nan), cùng với nhiều bậc Thượng tọa đệ tử khác thời danh, có danh xưng. Lúc bấy giờ, các Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy các tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy mười tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy hai mươi tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy ba mươi tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy bốn mươi tân Tỷ-kheo. Và các tân Tỷ-kheo được các Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy, ý thức rõ ràng những quả vị cao diệu, tiệm thứ, thù thắng đã chứng đạt.[2]

145. Lúc bấy giờ, Thế Tôn, vào ngày Bố-tát, ngày rằm, vào đêm trăng tròn sau ngày Tự tứ,[3] đang ngồi ngoài trời với chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Thế Tôn nhìn quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng, rồi bảo các Tỷ-kheo:

– Ta được thỏa mãn,[4] này các Tỷ-kheo, với đạo lộ này. Tâm ta được thỏa mãn, này các Tỷ-kheo, với đạo lộ này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy tinh tấn hơn nữa để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Ta sẽ ở đây, tại Sāvatthi cho đến tháng Tư, lễ Komudī.[5]

Những Tỷ-kheo địa phương được nghe: "Thế Tôn sẽ ở đây, tại Sāvatthi,

---

[1] Xem *M.* I. 420; *S.* V. 311, 328, 333-35; *Vin.* III. 68. Tham chiếu: *Phật thuyết Trị ý kinh* 佛說治意經 (*T.*01. 0096. 0919a22); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.803. 0206a14); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.810-812. 0208a09-c10); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.815. 0209b15); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (*T.*02. 0101.15. 0497a02).

[2] Thiền tập trên các đề mục. Xem *MA.* IV. 137; *D.* I. 233; *S.* V. 154; *A.* IV. 47.

[3] Lễ Tự tứ được tổ chức sau mùa An cư. Xem *Vin.* I. 160; II. 32; *BD.* I. 283, 292; II. 153, n. 2.

[4] *Āraddha* được giải thích là *tuṭṭha.* Xem *MA.* IV. 137.

[5] *Komudī cātumāsinī.* Xem *BD.* II. 157, n. 3. Trong *MA.* IV. 137, gọi là Komudī vì tháng này có sen trắng và gọi *cātumāsinī* vì là cuối 4 tháng mùa mưa.

cho đến tháng Tư, lễ Komudī." Các Tỷ-kheo địa phương tụ họp tại Sāvatthi để yết kiến Thế Tôn.[6] Và các Thượng tọa Tỷ-kheo lại càng khuyến giáo, giảng dạy các tân Tỷ-kheo nhiều hơn nữa. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy mười tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy hai mươi tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy ba mươi tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy bốn mươi tân Tỷ-kheo. Và những tân Tỷ-kheo được các Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy, ý thức rõ ràng những quả vị cao diệu, tiệm thứ, thù thắng đã chứng đạt.

146. Lúc bấy giờ, Thế Tôn vào ngày Bố-tát, ngày rằm, vào đêm trăng tròn, ngày lễ Komudī vào tháng Tư. Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, chung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Thế Tôn, sau khi nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng, liền bảo các Tỷ-kheo:

– Hội chúng này, này các Tỷ-kheo, không có lời thừa thải. Hội chúng này, này các Tỷ-kheo, không có lời dư thừa, đã được an trú trong lõi cây thanh tịnh. Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo, là một hội chúng đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo, là một hội chúng bố thí ít, được [phước báo] nhiều, bố thí nhiều, càng được [phước báo] nhiều hơn nữa. Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo, là một hội chúng khó thấy ở đời. Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo, là một hội chúng xứng đáng đi nhiều do-tuần (*yojana*) với một bao lương thực trên vai[7] để đến yết kiến. Chúng Tỷ-kheo này là như vậy, này các Tỷ-kheo, hội chúng này là như vậy, này các Tỷ-kheo.

147. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là những A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn trừ, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích đã thành đạt, hữu kiết sử đã được đoạn tận, được giải thoát nhờ Chánh trí. Này các Tỷ-kheo, có những bậc Tỷ-kheo như vậy trong chúng Tỷ-kheo này.

Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ ở đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại đời này nữa. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.

Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, sau khi sanh

[6] Sau ngày rằm Kattika.

[7] *Puṭosenāpi*. *MA*. IV. 139 viết là *putaṃsena*. Xem *GS*. II. 192, n. 1.

vào đời này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.

Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này có những Tỷ-kheo đã đoạn trừ ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không còn đọa vào ác đạo, chắc chắn sẽ được giác ngộ. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.

Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Bốn niệm xứ. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Bốn chánh cần. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong hội chúng này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Bốn như ý túc. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Năm căn. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Năm lực. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Bảy giác chi. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Thánh đạo tám ngành. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.

Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập từ [tâm].[8] Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bi [tâm]. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập hỷ [tâm]. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập xả [tâm]. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.

Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bất tịnh. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.

Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Vô thường tưởng. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.

---

[8] Xem *M.* I. 424-25.

Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Nhập tức xuất tức niệm. Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, công đức lớn. Nhập tức xuất tức niệm được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho Bốn niệm xứ được viên mãn. Bốn niệm xứ được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho Bảy giác chi được viên mãn. Bảy giác chi được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho Minh giải thoát[9] được viên mãn.

148. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là tu tập Nhập tức xuất tức niệm? Như thế nào là làm cho sung mãn? Như thế nào là quả lớn, công đức lớn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng,[10] đi đến gốc cây hay đi đến ngôi nhà trống và ngồi kiết-già, lưng thẳng và trú niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ấy thở vô; Chánh niệm, vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài." Hay thở ra dài, vị ấy biết: "Tôi thở ra dài." Hay thở vô ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn." Hay thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn." "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỷ-kheo, tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, được quả lớn, được công đức lớn.

149. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Nhập tức xuất tức niệm được tu tập? Như thế nào là làm cho sung mãn, khiến Bốn niệm xứ được viên mãn? Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thở vô dài, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài." Hay khi thở ra dài, vị ấy biết: "Tôi thở ra dài." Hay thở vô ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn." Hay khi thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn." "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi tùy quán thân trên thân, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm,

---

[9] *Vijjāvimutti*, như *S.* V. 28, 335. Xem *SA.* III. 275; *Ps.* II. 243.

[10] Xem *M.* 10, *Satipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Niệm xứ*); *M.* I. 425; *A.* V. 111; *S.* V. 311, *Ānāpāna Saṃyutta.*

tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đối với các thân,[11] Ta nói đây là một, tức là thở vô thở ra. Do vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán thân trên thân, vị Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nghĩ: "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi tùy quán thọ trên các thọ, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đối với các cảm thọ, Ta nói đây là một, tức là thở vô thở ra. Do vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán thọ trên các cảm thọ, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghĩ: "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm thiền định, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm thiền định, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi tùy quán tâm trên tâm, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, sự tu tập Nhập tức xuất tức niệm không thể đến với kẻ thất niệm, không có tỉnh giác. Do vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán tâm trên tâm, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghĩ: "Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham... quán đoạn diệt... quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi tùy quán pháp trên các pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Vị ấy, do đoạn trừ tham ưu,[12] sau khi thấy với trí tuệ,[13] khéo nhìn [sự vật] với niệm xả ly.[14] Do vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán pháp trên các pháp, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỷ-kheo, được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho Bốn niệm xứ được viên mãn.

150. Và Bốn niệm xứ, này các Tỷ-kheo, được tu tập như thế nào, được làm sung mãn như thế nào, khiến cho Bảy giác chi được viên mãn? Này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán thân trên thân, Tỷ-kheo an trú, nhiệt tâm, tỉnh giác,

[11] *Kāyesu*. *MA*. IV. 140 chỉ cho 1 trong 4 đại và trường hợp này chỉ cho phong đại (*vāyokāya*); hay thân này thuộc về sắc pháp. Ở đây hơi thở được xem thuộc về thân vì gồm vào trong các xúc. Vị này xem phong đại là 1 trong 4 thân, hoặc xem hơi thở là 1 trong 25 sắc pháp.

[12] Triền cái của dục vọng là tham, triền cái của sân là ưu.

[13] Sau khi biết được đã đoạn trừ, mới đến quán những gì là vô thường, viễn ly, chấm dứt và từ bỏ.

[14] *Ajjhupekkhitā*. Đây là thuật ngữ chuyên môn, vị ấy chú tâm hay thiền quán trên đối tượng (*ārammaṇa*) mà không bị chúng ảnh hưởng và với niệm xả ly. Xem *MA*. IV. 142.

chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; trong khi ấy, niệm không hôn mê của vị ấy được an trú. Trong khi niệm không hôn mê của vị ấy được an trú; này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, Niệm giác chi được bắt đầu khởi lên với Tỷ-kheo; trong khi ấy, Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi; trong khi ấy, Niệm giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn. Này các Tỷ-kheo, trong khi trú với chánh niệm như vậy, Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy.

Này các Tỷ-kheo, trong khi trú với chánh niệm như vậy, Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy; trong khi ấy, Trạch pháp giác chi được bắt đầu khởi lên với Tỷ-kheo; trong khi ấy, Tỷ-kheo tu tập Trạch pháp giác chi; trong khi ấy, Trạch pháp giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, sự tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên với vị Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy; trong khi ấy, sự tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên với vị Tỷ-kheo ấy; trong khi ấy, Tinh tấn giác chi được bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo; trong khi ấy, Tỷ-kheo tu tập Tinh tấn giác chi; trong khi ấy, Tinh tấn giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn. Hỷ không liên hệ đến vật chất được khởi lên nơi vị tinh tấn, tinh cần.

Này các Tỷ-kheo, trong khi hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên nơi Tỷ-kheo tinh tấn, tinh cần; trong khi ấy, Hỷ giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo; trong khi ấy, Hỷ giác chi được vị Tỷ-kheo tu tập; trong khi ấy, Hỷ giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn. Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành khinh an, tâm cũng được khinh an.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với ý hoan hỷ được thân khinh an, được tâm cũng khinh an; trong khi ấy, Khinh an giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo; trong khi ấy, Khinh an giác chi được Tỷ-kheo tu tập; trong khi ấy, Khinh an giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Một vị có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh; trong khi ấy, Định giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo; trong khi ấy, Định giác chi được Tỷ-kheo tu tập; trong khi ấy, Định giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn [sự vật] với ý niệm xả ly.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn [sự vật] với ý niệm xả ly; trong khi ấy, Xả giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo; trong khi ấy, Xả giác chi được Tỷ-kheo tu tập; trong khi ấy, Xả giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.

151. Này các Tỷ-kheo, trong khi quán thọ trên các cảm thọ... (như trên)... quán tâm trên tâm... (như trên)... quán pháp trên các pháp, Tỷ-kheo an trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời, trong khi ấy, niệm của vị ấy được an trú, không có hôn mê.

Này các Tỷ-kheo, trong khi niệm của Tỷ-kheo được an trú, không có hôn mê, Niệm giác chi trong khi ấy được bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo; Niệm giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo tu tập; Niệm giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Vị ấy an trú với chánh niệm như vậy, suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, trong khi an trú với chánh niệm như vậy, vị ấy suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ, Trạch pháp giác chi trong khi ấy được bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo; Trạch pháp giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo tu tập; Trạch pháp giác chi trong khi ấy đi đến sung mãn, tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên nơi vị ấy.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ, và tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên nơi vị ấy, Tinh tấn giác chi trong khi ấy bắt đầu khởi lên nơi vị Tỷ-kheo; Tinh tấn giác chi được Tỷ-kheo tu tập; Tinh tấn giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Đối với vị ấy, tinh cần, tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo tinh cần, tinh tấn và hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên, Hỷ giác chi trong khi ấy bắt đầu được khởi lên nơi Tỷ-kheo; Hỷ giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo tu tập; Hỷ giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành khinh an, tâm cũng được khinh an.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với ý hoan hỷ được thân khinh an, được tâm cũng khinh an, trong khi ấy, Khinh an giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo; trong khi ấy, Khinh an giác chi được Tỷ-kheo tu tập; trong khi ấy, Khinh an giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Một vị có tâm khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh.

Này các Tỷ-kheo, trong khi vị ấy có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh, trong khi ấy Định giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo; trong khi ấy, Định giác chi được Tỷ-kheo tu tập; trong khi ấy, Định giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy khéo nhìn [sự vật] với ý niệm xả ly.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn [sự vật] với ý niệm xả ly, trong khi ấy Xả giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo; trong khi ấy, Xả giác chi được Tỷ-kheo tu tập; trong khi ấy Xả giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.

Này các Tỷ-kheo, Bốn niệm xứ được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho Bảy giác chi được sung mãn.

152. Và này các Tỷ-kheo, Bảy giác chi được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho Minh giải thoát được viên mãn. Ở đây,[15]

[15] Xem *M.* III. 275.

này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi, liên hệ đến viễn ly,[16] liên hệ đến ly tham, liên hệ đến diệt, hướng đến xả ly; tu tập Trạch pháp giác chi... (như trên)... tu tập Tinh tấn giác chi... (như trên)... tu tập Hỷ giác chi... (như trên)... tu tập Khinh an giác chi... (như trên)... tu tập Định giác chi... (như trên)... tu tập Xả giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến diệt, hướng đến xả ly. Này các Tỷ-kheo, Bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho Minh giải thoát được viên mãn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[16] *MA*. IV. 144 nói trong kinh này, nhập tức xuất tức niệm, thuộc về thế gian, đưa đến sự viên mãn Bốn niệm xứ cũng thuộc thế gian. Bốn niệm xứ đưa đến sự viên mãn Bảy giác chi cũng thuộc thế gian. Và Bảy giác chi đưa đến chứng đạt cứu cánh Niết-bàn và giải thoát nhờ chánh trí.

119. KINH THÂN HÀNH NIỆM
(*Kāyagatāsati Sutta*)[1]

153. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi một số đông Tỷ-kheo, sau khi đi khất thực và thọ trai về, đang ngồi tụ họp trong hội trường, câu chuyện này được khởi lên giữa chúng Tăng:

– Thật vi diệu thay, chư Hiền giả! Thật hy hữu thay, chư Hiền giả! Thân hành niệm[2] khi được tu tập và làm cho sung mãn, có được quả lớn, có được công đức lớn, như đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố.

Và câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ấy đã bị gián đoạn. Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến hội trường, sau khi đến, ngồi lên chỗ soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, các ông hiện nay đang ngồi bàn vấn đề gì? Câu chuyện gì của các ông bị gián đoạn?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, sau khi đi khất thực và thọ trai về, chúng con ngồi tụ họp tại hội trường, và câu chuyện này được khởi lên: "Thật vi diệu thay, chư Hiền giả! Thật hy hữu thay, chư Hiền giả! Thân hành niệm này được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có công đức lớn, đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tuyên bố." Bạch Thế Tôn, câu chuyện này của chúng con chưa bàn xong, thời Thế Tôn đến.

154. – Và này các Tỷ-kheo, Thân hành niệm được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào, có quả lớn, có công đức lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo[3] đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ấy thở vô. Chánh niệm, vị ấy thở ra. Hay thở vô dài, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài." Hay thở ra dài, vị ấy biết: "Tôi thở ra dài." Hay thở vô ngắn, vị

---

[1] Như kinh 118, kinh 119 này là một phần của *M.* 10, *Satipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Niệm xứ*). Xem *M.* I. 55; *D.* II. 290; *A.* I. 43; *Vbh.* 226. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Niệm thân kinh* 念身經 (*T.*01. 0026.81. 0554c10). Tham chiếu: *Niệm xứ kinh* 念處經 (*T.*01. 0026.98. 0582b07); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.1. 0568a01).

[2] Đây gồm cả *samatha* (chỉ) và *vipassanā* (quán). Xem *MA.* IV. 144.

[3] *M.* I. 56-58.

ấy biết: “Tôi thở vô ngắn.” Hay thở ra ngắn, vị ấy biết: “Tôi thở ra ngắn.” “Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô”, vị ấy tập. “Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. “An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô”, vị ấy tập. “An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy[4] thuộc về thế tục[5] được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi,[6] biết rằng: “Tôi đi.” Hay đứng, biết rằng: “Tôi đứng.” Hay ngồi, biết rằng: “Tôi ngồi.” Hay nằm, biết rằng: “Tôi nằm.” Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy biết thân thể như thế ấy. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi bước tới, bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới, ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: “Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu.” Này các Tỷ-kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống đựng đầy các loại hột như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hột ấy ra và quán sát: “Đây là hột gạo, đây là hột lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hột lúa đã xay rồi.” Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: “Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu.” Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh

---

[4] *Sarasaṅkappā*. Xem *M.* I. 453 và III. 132; *S.* IV. 76, 190.

[5] *Gehasitā*. Thuộc về cư sĩ tại gia, thế tục, thuộc 5 loại dục lạc.

[6] Xem *M.* I. 56.

cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại." Này các Tỷ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại." Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy." Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài dã can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy." Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại... chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy." Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong

nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy." Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

155. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục,[7] ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy[8] với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo,Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ nước, nước bên trong tự dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

---

[7] *M.* I. 276-78.

[8] *Paripphosakaṃ paripphosakaṃ*. Xem *M.* I. 276; II. 15; III. 140; *D.* I. 74.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Này các Tỷ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tẩm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Như vậy, Tỷ-kheo an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ngồi, thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngồi thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tịnh, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thân hành niệm.[9]

156. Này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập, làm cho sung mãn Thân hành niệm, các thiện pháp của vị ấy đi vào nội tâm (*antogadhā*) đều thuộc về minh phần (*vijjābhāgiyā*).[10] Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn của ai được thấm nhuần bởi tâm,[11] thời các con sông của vị ấy đi vào trong biển, đều thuộc về

[9] Các đoạn kinh tương đương ở *M.* I. 276-78 kết thúc ở đây.

[10] Về đoạn này, đối chiếu với *A.* I. 43. Các thiện pháp thuộc minh phần (*dhammā vijjābhāgiyā*), theo *A.* III. 334, liệt kê có 6: Vô thường tưởng, khổ tưởng trong vô thường, vô ngã tưởng trong khổ, đoạn trừ tưởng, viễn ly tưởng, diệt tưởng. *MA.* IV. 145 viết là quán trí, thần thông do thắng trí, 6 thắng trí đều câu hữu với trí.

[11] Với Thiên nhãn. Xem *MA.* IV. 145.

biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập làm cho sung mãn Thân hành niệm, các thiện pháp của vị ấy đi vào nội tâm đều thuộc về minh phần. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo nào không tu tập Thân hành niệm, không làm cho sung mãn, thời Ma [vương] có cơ hội với vị ấy, Ma [vương] có cơ duyên với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, có người quăng một hòn đá nặng vào một đống đất sét ướt nhuyễn, này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Có phải hòn đá nặng ấy có cơ hội [lún sâu] vào đống đất sét ướt nhuyễn ấy?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai không tu tập Thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma [vương] có cơ hội với vị ấy, Ma [vương] có cơ duyên với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây khô không có nhựa,[12] có người đến cầm phần phía trên của đồ quay lửa và nói: "Tôi sẽ làm cho ngọn lửa sanh ra, tôi sẽ làm cho sức nóng hiện lên." Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy mang đến phần phía trên của đồ quay lửa, quay với cành cây khô không có nhựa ấy, người ấy có làm cho ngọn lửa sanh ra, có làm cho sức nóng hiện lên không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai không tu tập Thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma [vương] có cơ hội với người ấy, Ma [vương] có cơ duyên với người ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình nước trống rỗng, trống không, được đặt trên cái giá, có một người đi đến, mang theo đầy nước. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể đổ nước [vào bình] không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị nào không tu tập Thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma [vương] có cơ hội với vị ấy, Ma [vương] có cơ duyên với vị ấy.

157. Này các Tỷ-kheo, vị nào có tu tập Thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma [vương] không có cơ hội với vị ấy, Ma [vương] không có cơ duyên với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, có người quăng một trái banh dây nhẹ vào một cánh cửa[13] làm hoàn toàn bằng lõi cây. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Trái banh dây nhẹ ấy có cơ hội đối với cánh cửa làm hoàn toàn bằng lõi cây không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào có tu tập Thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma [vương] không có cơ hội đối với vị ấy, Ma [vương] không có cơ duyên đối với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây ướt có nhựa,[14] rồi một người đi đến mang theo phần trên đồ quay lửa và nói: "Tôi sẽ làm cho lửa sinh

---

[12] *M.* I. 242.

[13] *Aggaḷaphalake*. Tấm cửa và ổ khóa. *MA.* IV. 145 viết *kavāṭa* là tấm cửa.

[14] *M.* I. 240.

ra, tôi sẽ làm cho hơi nóng hiện lên." Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy mang theo phần trên đồ quay lửa, quay với các cây ướt và có nhựa, có thể làm cho lửa sanh ra, làm cho hơi nóng hiện lên được không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào có tu tập Thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma [vương] không có cơ hội đối với vị ấy, Ma [vương] không có cơ duyên đối với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình nước[15] đầy tràn nước đến nỗi con quạ có thể uống được, được đặt trên cái giá, rồi có người đi đến, mang theo đầy nước. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể đổ được nước vào [bình ấy] không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập Thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma [vương] không có cơ hội đối với người ấy, Ma [vương] không có cơ duyên đối với người ấy.

158. Này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập Thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt đạt được sự tinh xảo [của pháp ấy] dầu thuộc giới xứ nào (*sati satiāyatane*).[16] Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình đầy tràn nước đến nỗi con quạ có thể uống được, được đặt trên cái giá và có người lực sĩ đến lắc qua lắc lại cái bình ấy, như vậy nước có thể trào ra ngoài không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập Thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo [của pháp ấy] dầu thuộc giới xứ nào. Ví như có một hồ nước[17] trên một miếng đất bằng, bốn phía có đê đắp làm cho vững chắc và tràn đầy nước đến nỗi con quạ có thể uống được. Rồi có người lực sĩ đến và phá một khúc đê, nước có thể tràn ra ngoài không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập Thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo [của pháp ấy] dầu với giới xứ nào. Ví như, này các Tỷ-kheo,[18] trên đất bằng tại chỗ ngã tư có một chiếc xe đậu, thắng với những con ngựa thuần thục, có roi ngựa đặt ngang sẵn sàng, có người mã thuật sư thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa

---

[15] *A.* III. 27.

[16] *Tatra tatreva sakkhibhavyataṃ pāpuṇāti sati satiāyatane*. Xem *M.* I. 490; *A.* I. 255-58 và III. 17-9, 27; *Asl.* 141. Trong *MA.* IV. 146, giải thích *āyatane* là *kāraṇa*, và được giảng rộng là *abhiñña*. Do vậy, ở đây các tầng thiền cao, đạt đến tầng này, hoặc tầng khác (*āyatane*) nên được hiểu như vậy.

[17] *A.* III. 28.

[18] *M.* I. 124; *S.* IV. 176; *A.* III. 28.

đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm dây cương, tay mặt cầm lấy roi ngựa, có thể đánh xe ngựa ấy đi tới đi lui, tại chỗ nào và như thế nào theo ý mình muốn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập Thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo [của pháp ấy], dầu với giới xứ nào.

159. Này các Tỷ-kheo, Thân hành niệm được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm như thành cỗ xe, được làm như thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành,[19] thời mười công đức này có thể được mong đợi. Thế nào là mười?

Bất lạc[20] được nhiếp phục, bất lạc không nhiếp phục vị ấy, và vị ấy sống luôn luôn nhiếp phục bất lạc được khởi lên. Khiếp đảm sợ hãi[21] được nhiếp phục, khiếp đảm sợ hãi không nhiếp phục vị ấy, và vị ấy luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm sợ hãi được khởi lên. Vị ấy kham nhẫn được lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, mặt trời, các loài rắn rết, các cách nói khó chịu, khó chấp nhận; vị ấy có khả năng chịu đựng được những cảm thọ về thân khởi lên, khổ đau, nhói đau, thô bạo, chói đau, bất khả ý, bất khả ái, đưa đến chết điếng. Tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, vị ấy chứng được bốn thiền, thuần túy tâm tư, hiện tại lạc trú.

Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; thân có thần thông có thể bay cho đến Phạm thiên giới. Với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, vị ấy có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, ở xa hay ở gần. Với tâm của vị ấy, vị ấy biết tâm của các chúng sanh, các loại người: Tâm có tham, biết tâm có tham; tâm không tham, biết tâm không tham; tâm có sân, biết tâm có sân; tâm không sân, biết tâm không sân; tâm có si, biết tâm có si; tâm không si, biết tâm không si; tâm chuyên chú, biết tâm chuyên chú; tâm không chuyên chú, biết tâm không chuyên chú; tâm tán loạn, biết tâm tán loạn; tâm không tán loạn, biết tâm không tán loạn; tâm đại hành, biết tâm đại hành; tâm không đại hành, biết tâm không đại hành; tâm chưa vô thượng, biết tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng, biết tâm vô thượng; tâm thiền định, biết tâm thiền định; tâm không thiền định, biết tâm không thiền định; tâm giải thoát, biết tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết. Với Thiên nhãn

---

[19] *D*. II. 103; *S*. IV. 200; *A*. IV. 290; *Ud*. 62.

[20] *M*. I. 33; *A*. V. 132.

[21] Như chú thích trên.

thuần tịnh siêu nhân, vị ấy thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Với sự diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự mình chứng tri với thượng trí, vị ấy chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, không có lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, Thân hành niệm được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm như cỗ xe, được làm như thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành, thời mười công đức này có thể mong đợi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

120. KINH HÀNH SANH

(*Saṅkhārupapatti Sutta*)[1]

160. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông sự tái sanh do hành đưa lại. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

161. – Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn (*suta*), đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy nghĩ như sau: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú trong đại gia tộc Sát-đế-ly!" Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là đạo, đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

162. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú trong đại gia tộc Bà-la-môn! Hay trong đại gia tộc cư sĩ!" Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là đạo, đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

163. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Bốn Đại Thiên Vương có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ." Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương!" Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

---

[1] Xem *A*. II. 126, 128. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ý hành kinh* 意行經 (*T*.01. 0026.168. 0700b24).

164. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư thiên Tāvatiṃsa (Tam Thập Tam)...; chư thiên Yāmā (Dạ-ma)...; chư thiên Tusitā (Đâu-suất)...; chư thiên Nimmānarati (Hóa Lạc)...; chư thiên Paranimmitavasavatti (Tha Hóa Tự Tại) có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ." Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

165. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Ngàn Phạm thiên[2] có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ." Này các Tỷ-kheo, ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn một ngàn thế giới. Và vị ấy sống thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người có mắt cầm một trái Āmaṇḍa (A-ma-lặc)[3] trong tay và nhìn trái ấy; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn một ngàn thế giới. Và vị ấy sống thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh cộng trú với ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

166. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Hai ngàn Phạm thiên... ba ngàn Phạm thiên... bốn ngàn Phạm thiên... năm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ." Này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn năm ngàn thế giới. Và vị ấy sống thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người có mắt cầm năm trái Āmaṇḍa trong tay và nhìn các trái ấy; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn năm ngàn thế giới. Và vị ấy sống thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh cộng trú với năm ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

167. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Mười ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ." Này các Tỷ-kheo, mười ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn mười ngàn thế giới. Và vị ấy sống thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hòn lưu ly bảo châu[4] đẹp đẽ trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, đặt trên một tấm màn màu lạt, sẽ chiếu sáng, sáng chói; cũng vậy, này

---

[2] Xem *D.* I. 46; *DA.* I. 301; *A.* I. 228.

[3] *Āmaṇḍa*, còn được viết *āmalaka*.

[4] Như M. II. 17; *D.* I. 76; II. 13; *S.* I. 65.

các Tỷ-kheo, mười ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn mười ngàn thế giới. Và vị ấy sống thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với mười ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

168. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Trăm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ." Này các Tỷ-kheo, trăm ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn trăm ngàn thế giới. Vị ấy cũng thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy. Ví như một đồ trang sức[5] làm bằng vàng ròng[6] được khéo tôi luyện trong lò của một thợ vàng thiện xảo, nếu được đặt trên một tấm màn màu lạt, sẽ chiếu sáng, rực sáng, chói sáng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trăm ngàn Phạm thiên an trú thấm nhuần, biến mãn trăm ngàn thế giới. Và vị ấy sống thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với trăm ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

169. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư thiên các cõi Quang: Thiểu Quang thiên...; Vô Lượng Quang thiên...; Quang Âm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ." Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

170. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư thiên các cõi Tịnh: Thiểu Tịnh thiên...; Vô Lượng Tịnh thiên...; Biến Tịnh thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ." Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

171. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư thiên các cõi: Quảng Quả thiên... Vô Phiền thiên... Vô Nhiệt thiên... Thiện Kiến thiên... A-ca-ni-sa thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ." Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư A-ca-ni-sa thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

172. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư thiên đã đạt được Hư không vô biên xứ, có thọ mạng lâu dài, cửu trú, có nhiều lạc thọ." Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta... đưa đến tái sanh chỗ ấy.

---

[5] *Nekkha*. *MA*. IV. 147 viết rằng một *nikkha* giá khoảng 5 *suvaṇṇa*. *VvA*. 104 viết là một *nikkha* bằng 15 *suvaṇṇa*.

[6] *Jambonada*. *MA*. IV. 147; *SA*. I. 125 giải thích rằng vật này được làm ra từ lá đại thụ Jambu bên bờ sông; lá cây rơi trên sông và trôi ra biển.

173-174. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư thiên đã đạt được Thức vô biên xứ,… đã đạt được Vô sở hữu xứ…, đã đạt được Phi tưởng phi phi tưởng xứ có thọ mạng lâu dài, cửu trú, có nhiều lạc thọ." Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

175. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng, với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu!" Vị ấy với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này không sinh ra một nơi nào, không sinh ra một chỗ nào.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

121. KINH TIỂU KHÔNG

(*Cūḷasuññata Sutta*)[1]

176. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Đông Viên (Pubbārāma), giảng đường Lộc Mẫu (Migāramātu). Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Một thời, bạch Thế Tôn, Thế Tôn trú giữa các Sakka (Thích-ca). Nagaraka là tên một thị trấn của các Sakka. Tại đấy, bạch Thế Tôn, con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được ghi nhớ trước mặt [Thế Tôn] như sau: "Này Ānanda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều."[2] Phải chăng, bạch Thế Tôn, điều con đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng?

– Thật vậy, này Ānanda, điều ông đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng. Thuở xưa và nay, này Ānanda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều. Ví như, lâu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội, và chỉ có một cái không phải không, tức là sự nhất trí[3] do duyên chúng Tỷ-kheo;[4] cũng vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý thôn tưởng, không tác ý nhân tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên lâm tưởng;[5] tâm của vị ấy được thích thú,[6] hân hoan, an trú, hướng đến[7] lâm tưởng. Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên thôn tưởng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên nhân tưởng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có thôn tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có nhân tưởng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng." Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tiểu không kinh* 小空經 (*T.*01. 0026.190. 0736c27).

[2] Xem *M.* III. 294; *Vin.* II. 304; *PC.* 142, n. 4 và *BSP.* 91, n. 2.

[3] *Ekatta*: Nhất thống, nhất trí. *MA.* IV. 151 sử dụng thuật ngữ *ekabhāva*.

[4] *Bhikkhusaṅghaṃ paṭicca ekattaṃ*.

[5] Vị ấy tác ý đến một khu rừng đặc biệt và nghĩ: "Đây là khu rừng, đây là gốc cây, đây là sườn núi, đây là khóm cây." Xem *MA.* IV. 151.

[6] *Pakkhandati*: Nhảy tới, phóng tới. *MA.* IV. 151 sử dụng thuật ngữ *otarati*, có nghĩa là đi sâu vào. Tham khảo: *M.* I. 186; *Miln.* 326.

[7] Nguyên bản viết *vimuccati*. Các bản *Chú giải* viết *adhimuccati*.

có." Như vậy, này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh (*suññatāvakkanti*).

177. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý nhân tưởng, không tác ý lâm tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên địa tưởng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến địa tưởng. Ví như, này Ānanda, tấm da con bò đực được căng thẳng trên một trăm cọc gỗ, đặc tánh tấm da được đoạn trừ (*vigatavalika*); cũng vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý đối với tất cả vật gì trên đất này: Đất khô và vùng lầy,[8] sông và vùng lầy,[9] các cây có thân và có gai, núi và đất bằng, vị ấy tác ý sự nhất trí do duyên địa tưởng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến địa tưởng. Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên nhân tưởng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên lâm tưởng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên địa tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có nhân tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có lâm tưởng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên địa tưởng." Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có." Này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

178. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý lâm tưởng, không tác ý địa tưởng, tác ý sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tưởng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Không vô biên xứ. Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên lâm tưởng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên địa tưởng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có lâm tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có địa tưởng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tưởng." Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: "Cái kia có, cái này có." Này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

179. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý địa tưởng, không tác ý Không vô biên xứ tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ tưởng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Thức vô biên xứ. Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên địa tưởng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên Không vô biên xứ tưởng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có địa tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có Không vô biên xứ tưởng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ tưởng." Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy

---

[8] *Ukkūlavikkūla*, như *A*. I. 35. *MA*. IV. 153 giải thích là đất khô và đất sũng nước.

[9] Như *A*. I. 35.

xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có." Này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

180. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý Không vô biên xứ tưởng, không tác ý Thức vô biên xứ tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tưởng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô sở hữu xứ. Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên Không vô biên xứ tưởng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên Thức vô biên xứ tưởng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có Không vô biên xứ tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có Thức vô biên xứ tưởng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tưởng." Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có." Này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

181. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý Thức vô biên xứ tưởng, không tác ý Vô sở hữu xứ tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị ấy biết như sau: "Các ưu phiền do duyên Thức vô biên xứ tưởng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tưởng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng. Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có Thức vô biên xứ tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có Vô sở hữu xứ tưởng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng." Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có." Này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

182. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tưởng, không tác ý Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô tướng tâm định; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định.[10] Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tưởng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có Vô sở hữu xứ tưởng." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này." Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có." Này

---

[10] Định tâm quán (*Vipassanācittasamādhi*). Xem *MA*. IV. 153. Trạng thái định này cũng gọi là Vô tướng tâm định vì không có hiện tướng trạng nào cả (*animitta*).

Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

183. Lại nữa, này Ānanda, vị Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tưởng, không tác ý Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô tướng tâm định;[11] tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định. Vị ấy tuệ tri như sau: "Vô tướng tâm định này thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên.[12] Phàm cái gì thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên, cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt", vị ấy tuệ tri như vậy. Do vị ấy tuệ tri như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết (*ñāṇa*) rằng đã được giải thoát. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn phải trở lại trạng thái này nữa." Vị ấy tuệ tri: "Các ưu phiền do duyên dục lậu không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên hữu lậu không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên vô minh lậu không có mặt ở đây, và chỉ ở một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có dục lậu." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có hữu lậu." Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có vô minh lậu, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này." Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: "Cái kia có, cái này có." Này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

184. Này Ānanda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ, sau khi chứng đạt, đã an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh (*suññataṃ*), tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này. Này Ānanda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, sau khi chứng đạt, sẽ an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều sẽ an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này. Này Ānanda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại, sau khi chứng đạt và an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này. Do vậy, này Ānanda, sau khi chứng đạt, Ta đã an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh. Như vậy, này Ānanda, các ông cần phải học tập.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[11] *MA*. IV. 154 giải thích rằng vô tướng (*animitta*) được đề cập lại nữa để chỉ cho *vipassanāya paṭivipassanaṃ*, tức là quán nhờ vào trí tuệ hay sự soi chiếu trở lại bản tâm.

[12] *M*. I. 350; III. 244; *S*. II. 65; *A*. V. 343.

122. KINH ĐẠI KHÔNG

(*Mahāsuññata Sutta*)[1]

185. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa các dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở tu viện Nigrodha (Ni-câu-luật). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kapilavatthu để khất thực. Sau khi đi khất thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường trở về, Thế Tôn đi đến trú xứ của Sakka Kāḷakhemaka[2] để ở ban ngày. Lúc bấy giờ, tại tu viện của Sakka Kāḷakhemaka, có sắp đặt rất nhiều sàng tọa. Thế Tôn thấy rất nhiều sàng tọa tại trú xứ của Sakka Kāḷakhemaka. Thấy vậy, Thế Tôn suy nghĩ: "Rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại tu viện của Sakka Kāḷakhemaka. Không biết ở đây có nhiều Tỷ-kheo ở không?"

186. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda cùng với rất nhiều vị Tỷ-kheo đang làm y (*cīvarakamma*) ở trú xứ của Sakka Ghaṭāya.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến trú xứ của Sakka Ghaṭāya; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại trú xứ của Sakka Kāḷakhemaka. Không biết có nhiều Tỷ-kheo trú ở đấy không?

– Bạch Thế Tôn, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt ở trú xứ của Sakka Kāḷakhemaka, có rất nhiều Tỷ-kheo trú tại chỗ ấy. Bạch Thế Tôn, nay là thời chúng con làm y.

– Này Ānanda, một Tỷ-kheo không chói sáng[3] nếu thích thú trong hội chúng của mình,[4] nếu hân hoan trong hội chúng của mình, nếu hoan hỷ trong hội chúng của mình,[5] nếu thích thú trong hội chúng của người, nếu hân hoan trong hội chúng của người, nếu hoan hỷ trong hội chúng của người.[6] Này Ānanda,

---

[1] Xem *M*. III. 230. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Đại không kinh* 大空經 (*T*.01. 0026.191. 0738a03).

[2] Vị này tên là Khemaka, có nước da đen (*kāḷa*). Xem *MA*. IV. 155.

[3] Trong lời dạy của đức Phật. Xem *MA*. IV. 158.

[4] *MA*. IV. 158 viết *saṅgaṇika* là sự tụ họp với hội chúng của mình; *gaṇa* là sự tụ họp với hội chúng của người khác. Chỉ có vị Tỷ-kheo ưa thích độc cư mới chói sáng.

[5] *D*. II. 78.

[6] Bản Hán viết: "Tỷ-kheo bất khả dục hoa thuyết, lạc ư hoa thuyết, hợp hội hoa thuyết, dục chúng lạc chúng, hợp hội ư chúng, bất dục ly chúng, bất lạc độc trú, viễn ly chi xứ"; 比丘不可欲嗶說,樂於嗶說,合會嗶說,欲眾樂眾,合會於眾,不欲離眾,不樂獨住, 遠離之處 (*T*.01. 0026.191. 0738a02).

nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, có thể là một vị chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc,[7] độc cư lạc,[8] an tịnh lạc,[9] chánh giác lạc;[10] sự kiện như vậy không xảy ra. Nhưng này Ānanda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy có thể xảy ra. Này Ānanda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoải mái,[11] hay không có hạn kỳ và bất động;[12] sự kiện như vậy không xảy ra. Nhưng này Ānanda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoải mái, hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy có xảy ra. Này Ānanda, Ta quán thấy không một sắc pháp[13] nào trong ấy có hoan hỷ, trong ấy có hoan lạc, chịu sự biến dịch, chịu sự đổi khác mà không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

187. Nhưng sự [an] trú này, này Ānanda, đã được Như Lai hoàn toàn giác ngộ, tức là sau khi không tác ý với tất cả tướng,[14] chứng đắc và [an] trú Nội không.[15] Và nếu, này Ānanda, trong khi Như Lai an trú trong an trú này, nếu có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thần, ngoại đạo, ngoại đạo đệ tử đến yết kiến, trong khi ấy, này Ānanda, Như Lai, với tâm hướng đến viễn ly, thiên về viễn ly, nặng về viễn ly, sống độc cư, hoan hỷ trong ly dục, làm cho đoạn tận tất cả các pháp mà dựa trên ấy các lậu hoặc an trú, nói lên tại chỗ ấy[16] những lời thuần túy liên hệ đến khích lệ.[17] Do vậy, này Ānanda, nếu Tỷ-kheo ước vọng: "Sau khi chứng đạt Nội không, ta sẽ an trú", vị Tỷ-kheo ấy, này Ānanda, cần phải an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.[18]

---

[7] Chỉ cho các dục vọng. Xem *MA*. IV. 158.

[8] Rời khỏi các dục vọng.

[9] Đưa đến sự đoạn trừ tham, sân, si.

[10] Đưa đến đích giác ngộ về đạo (*magga*).

[11] *Sāmāyikaṃ vā kantaṃ cetovimuttiṃ*, khi tâm định thì giải thoát khỏi các phiền não. *MA*. IV. 158 và *Ps*. II. 40 cho rằng sự giải thoát có hạn kỳ bao gồm sự chứng đạt 4 thiền sắc giới và 4 thiền vô sắc giới.

[12] *Asāmāyika akuppā cetovimutti*, tâm giải thoát không hạn kỳ và bất động. Đây chỉ cho sự giải thoát khỏi các phiền não, không bị thời gian chi phối, thành tựu 4 Đạo, 4 Quả và Niết-bàn.

[13] *Rūpa* còn gọi là *sarīra* (thân). Xem *MA*. IV. 159.

[14] *Nimitta*, các tướng của thế giới hiện tượng.

[15] Như sống một mình dù rằng ở giữa đám đông.

[16] Giữa hội chúng ấy. Xem *MA*. IV. 160.

[17] *Aññadatthu uyyojanikapaṭisaṃyuttaṃ yeva kathaṃ kattā hoti*, như *A*. IV. 233. Hán tạng dịch là khuyến trợ.

[18] *M*. I. 116; *A*. II. 94.

188. Và này Ānanda, như thế nào Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm? Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Diệt tầm và tứ, chứng và trú Nhị thiền, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... chứng và trú Tam thiền... chứng và trú Tứ thiền. Như vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.

Vị ấy tác ý Nội không. Trong khi vị ấy tác ý Nội không, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến Nội không. Sự kiện là như vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý Nội không, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến Nội không." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Vị ấy tác ý Ngoại không[19]... Vị ấy tác ý Nội Ngoại không[20]... Vị ấy tác ý bất động.[21] Trong khi vị ấy tác ý bất động thời tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động. Sự kiện là như vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ānanda, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm trên định tướng (*samādhinimitte*) đã đề cập về trước ấy.[22] Vị ấy tác ý Nội không. Trong khi vị ấy tác ý Nội không, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến Nội không. Sự kiện là như vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý Nội không, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến Nội không." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Vị ấy tác ý Ngoại không... Vị ấy tác ý Nội Ngoại không... Vị ấy tác ý bất động. Trong khi vị ấy tác ý bất động, tâm thích thú, tịnh tín, an trú hướng đến bất động. Sự kiện là như vậy, này Ānanda, vị Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến bất động." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

189. Này Ānanda, nếu Tỷ-kheo ấy đang an trú trong an trú này,[23] tâm vị ấy hướng đến đi kinh hành, vị ấy đi kinh hành (*caṅkamati*), và nghĩ rằng: "Trong khi ta đang đi kinh hành, tham và ưu, các ác, bất thiện pháp không có chảy vào." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.[24] Này Ānanda, nếu Tỷ-kheo đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đứng lại, vị ấy đứng lại và nghĩ rằng: "Trong khi ta đang đứng lại, tham và ưu, các ác, bất thiện pháp không có chảy vào." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ānanda, nếu trong khi Tỷ-kheo

---

[19] Ngoại không, đối với 5 uẩn của một người khác. Xem *MA*. IV. 161.

[20] Nội Ngoại không, khi thì tác ý Nội không, khi thì tác ý Ngoại không. Xem *M*. I. 56; *MLS*. I. 72.

[21] *Āneñja*: Bất động. Tham khảo: *M*. II. 229; *Vin*. III. 4. *MA*. IV. 161 viết: "Nghĩ rằng, tôi sẽ giải thoát cả hai phía, vị ấy chứng đắc Vô sắc và Bất động (*Āneñja-Arūpasamāpatti*)." *VinA*. 157 sử dụng thuật ngữ *acala*, có nghĩa là bất động, bền vững.

[22] *Purimasmiṃ*. *PED*. và Geiger, Pali Lit. U. Sprache, 19 viết *parima* tương đương *parama*. *MA*. IV. 161 cũng viết là *purimasmiṃ*. Đây có nghĩa là một sự cố gắng nữa để thành tựu và an trú Nội không.

[23] An trú trong Chỉ và Quán. Xem *MA*. IV. 162.

[24] Nghĩa là đối với *kammaṭṭhāna* này, nghiệp xứ hay đề mục thiền quán. Xem *MA*. IV. 162.

ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến ngồi, vị ấy ngồi và nghĩ rằng: "Trong khi ta đang ngồi, tham và ưu, các ác, bất thiện pháp không có chảy vào." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ānanda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến nằm, vị ấy nằm và nghĩ rằng: "Trong khi ta đang nằm, tham và ưu, các ác, bất thiện pháp không chảy vào." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ānanda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến nói, vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta sẽ không nói những câu chuyện hạ liệt, đê tiện, thuộc phàm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly dục, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như quốc vương luận, đạo tặc luận, đại thần luận, quân luận, bố úy luận, chiến tranh luận, thực vật luận, ẩm liệu luận, y phục luận, ngọa cụ luận, hoa man luận, hương liệu luận, thân thích luận, xa thừa luận, thôn luận, thị trấn luận, đô thị luận, quốc độ luận, nữ luận, anh hùng luận, hạng trung luận, thủy bình xứ luận, tiên linh luận, sai biệt luận, thế giới luận, hải thuyết luận, hữu vô hữu luận." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Nhưng này Ānanda, đối với những lời nói nào chơn chất, khai tâm, đưa đến nhất hướng yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như Thiểu dục luận, Tri túc luận, Độc cư luận, Bất chúng hội luận, Tinh cần luận, Giới luận, Định luận, Tuệ luận, Giải thoát luận, Giải thoát tri kiến luận, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ nói các luận như vậy." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ānanda, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi an trú với sự an trú này, tâm hướng đến suy tầm (*vitakka*), vị ấy suy nghĩ: "Đối với những suy tầm hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như là dục tầm, sân tầm, hại tầm, ta sẽ không suy nghĩ các loại suy tầm ấy." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Nhưng này Ānanda, đối với những suy tầm này, thuộc bậc Thánh, có khả năng cầu tiến, hướng dẫn [người suy nghĩ các suy tầm ấy] đến sự đoạn trừ hoàn toàn đau khổ,[25] như là ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại tầm, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ suy tư các loại suy tầm này." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

190. Này Ānanda, có năm dục trưởng dưỡng này.[26] Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Ānanda, có năm dục trưởng dưỡng này. Từ đây, Tỷ-kheo cần phải thường xuyên quán sát tự tâm như sau: "Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành gì với xứ (*āyatana*) này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng." Này Ānanda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: "Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng?" Sự kiện là như vậy, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "Dục ái (*chandarāga*) này đối với năm dục

[25] *Niyyanti* (*niyyāti*) *takkarassa sammādukkhakkhayāya*. Xem *M.* I. 68, 81, 322. Ở đây, chữ *kara* nên hiểu là người suy nghĩ.

[26] *M.* I. 85.

trưởng dưỡng đối với ta chưa đoạn diệt được." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ānanda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: "Trong tâm ta, không có khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng." Sự kiện là như vậy, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "Dục tham này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta đã được đoạn diệt." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

191. Này Ānanda, có năm thủ uẩn. Ở đây, Tỷ-kheo cần phải đoạn tận chúng khi vị ấy tùy quán sự sanh diệt. Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự đoạn diệt của sắc. Đây là thọ, đây là sự tập khởi của thọ, đây là sự đoạn diệt của thọ. Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự đoạn diệt của thức. Trong khi vị ấy an trú, tùy quán sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, nếu có ngã mạn nào (*asmimāno*) [khởi lên] đối với năm thủ uẩn, ngã mạn ấy được đoạn tận. Sự kiện là như vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "Phàm có ngã mạn nào đối với năm thủ uẩn [khởi lên] nơi ta, ta đã đoạn tận ngã mạn ấy." Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Những pháp này, này Ānanda, thuần nhất liên hệ đến thiện,[27] đều thuộc Hiền Thánh, siêu thế, vượt ngoài tầm của Ác ma.

Này Ānanda, ông nghĩ thế nào? Vì thấy lý do gì, một Thanh văn đệ tử tự nghĩ là xứng đáng [hợp lý] để đi theo một Đạo sư, dầu cho bị hất hủi?[28]

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản,[29] hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

192. – Này Ānanda, thật không xứng đáng cho một đệ tử bám sát theo vị Đạo sư, nếu vì lý do được nghe giải thích Khế kinh và Phúng tụng.[30] Vì cớ sao? Trong một thời gian lâu dài, các pháp đã được các ông nghe, thọ trì, đọc lớn tiếng, suy tư với ý, khéo thấu hiểu với chánh trí.[31] Nhưng này Ānanda, đối với những lời nói nào chơn chất, khai tâm, đưa đến nhất hướng, viễn ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn như là Thiểu dục luận, Tri túc luận, Độc cư luận, Bất chúng hội luận, Tinh cần luận, Giới luận, Định luận, Tuệ luận, Giải thoát luận, Giải thoát tri kiến luận, này Ānanda, do nhân duyên những loại thuyết luận như vậy, thật xứng đáng cho một Thanh văn đệ tử bám sát vị Đạo sư, dầu cho bị hất hủi. Sự kiện là như vậy,[32] này Ānanda,

---

[27] *Kusalāyātikā. MA.* IV. 163 giải thích là *kusālato āgatā*, khởi lên từ thiện pháp. Nghĩa của các bản giải thích là từng bước đến chỗ thiện.

[28] *Payujjamāno*, có nghĩa là cột vào, ép vào. Ở đây nên hiểu là *paṇujjamāno* như ở *M.* I. 108.

[29] *M.* I. 310.

[30] Trong 9 phân loại thể văn, ở đây chỉ nói đến *Sutta* (Khế kinh) và *Geyya* (Phúng tụng). Chữ *veyyākaraṇa* có nghĩa là giải thích, không phải loại thể văn thứ ba.

[31] *M.* I. 213.

[32] *Evaṃ sante*. Trong khi có vài đệ tử sống một mình, vấn đề (liên hệ đến 10 loại đàm luận) không được phát triển. Do vậy, muốn nêu rõ sự nguy hiểm (*ādīnava*) của việc sống độc cư, vị ấy nói *evaṃ sante* với ý nghĩa dầu cho sống độc cư nhàn tịnh như vậy (*evaṃ ekībhāve sante*). Xem *MA.* IV. 164-65.

thời có sự phiền lụy (*upaddava*) cho vị Đạo sư; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy cho đệ tử; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy cho các vị tu Phạm hạnh.

193. Và này Ānanda, như thế nào là sự phiền lụy cho vị Đạo sư? Ở đây, này Ānanda, có Đạo sư[33] lựa một trú xứ (*senāsanaṃ*) xa vắng trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đống rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm,[34] rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ānanda, được gọi là sự phiền lụy của Đạo sư. Vì sự phiền lụy của Đạo sư, các ác, bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai,[35] các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ānanda, là sự phiền lụy của Đạo sư.

194. Này Ānanda, thế nào là sự phiền lụy của đệ tử? Này Ānanda, đệ tử của một Đạo sư bắt chước đời sống viễn ly của Đạo sư mình, lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đống rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân với quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ānanda, được gọi là sự phiền lụy của đệ tử. Vì sự phiền lụy của đệ tử, các ác, bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ānanda, là sự phiền lụy của đệ tử.

195. Và này Ānanda, như thế nào là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh? Ở đây, này Ānanda, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đống rơm. Trong khi Ngài sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, Ngài không khởi lên nhiễm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui lại đời sống sung túc. Nhưng này Ānanda, vị đệ tử của bậc Đạo sư chú tâm theo [hạnh] viễn ly[36] của bậc Đạo sư, bắt chước [theo hạnh ấy], lựa một

---

[33] *MA*. IV. 165, một đạo sư ngoại đạo.

[34] Nguyên bản là *mucchati kāmayati*. Bản tiếng Thái viết *mucchaṃ nikāmayati*. Xem *MA*. IV. 165.

[35] *M*. I. 280.

[36] *Virekaṃ anuyutto brūhayamāno*. Xem *M*. 6, *Ākaṅkheyya Sutta* (*Kinh Ước nguyện*): "Vị hành giả tu tập ở những nơi vắng lặng."

trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đống rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ānanda, được gọi là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh. Vì sự phiền lụy của Phạm hạnh, các ác, bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ānanda, là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh.

Nhưng này Ānanda, sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh là nhiều quả khổ hơn,[37] nhiều quả não hại hơn đối với phiền lụy của vị Đạo sư này và phiền lụy của đệ tử này, hơn nữa, nó dẫn đến đọa lạc.[38]

196. Do vậy, này Ānanda, hãy đối xử với Ta với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch,[39] và như vậy các ông sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Và như thế nào là các đệ tử đối xử với vị Đạo sư với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu? Ở đây, này Ānanda, vị Đạo sư ấy với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, mong cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn, nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các ông, đây là an lạc cho các ông." Nhưng các đệ tử của vị ấy không chịu nghe theo, không chịu lóng tai, chú tâm vào hướng khác (*aññā*), ngược lại, họ đi xa lời giảng dạy của vị Đạo sư. Như vậy, này Ānanda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu. Và như thế nào, này Ānanda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch? Ở đây, này Ānanda, vị Đạo sư với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, tìm cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn, nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các ông, đây là an lạc cho các ông." Các đệ tử của vị ấy chịu nghe theo, chịu lóng tai, không chú tâm vào hướng khác, và không ngược lại, đi xa lời dạy của bậc Đạo sư. Như vậy, này Ānanda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư với tâm thân hữu, không phải với tâm thù nghịch.

Do vậy, này Ānanda, hãy đối xử với Ta với tâm thân hữu, chớ với tâm thù nghịch, và như vậy sẽ là hạnh phúc, là an lạc lâu dài cho các ông. Ta không sách tấn các ông như người thợ gốm đối với các đồ gốm chưa nung, chưa được nung chín.[40] Ta sẽ nói hết lời chỉ trích này đến lời chỉ trích khác,[41] hết

---

[37] Những ai xuất gia theo đường lối của đức Phật (*sāsana*) có thể sẽ chứng đắc 4 Đạo, 4 Quả và Niết-bàn, nhưng nếu không lãnh hội được giáo pháp (*sāsana*), sẽ không đạt được 9 tầng bậc siêu thế này.

[38] *S*. II. 128.

[39] Hán kinh viết: "Đệ tử ư sư, hành từ sự, bất hành oán sự"; 弟子於師，行慈事，不行怨事 (*T*.01. 0026.191. 0740b14).

[40] *Āmake āmakamatte*: Ý nói người thợ gốm đối với cái bình đất chưa nung, rất nhẹ tay vì sợ bể. Còn đức Phật đối với đệ tử không nhẹ tay như vậy. Nếu cần, đức Phật cũng quở rầy.

[41] *Niggayha niggayha*, tiếp tục chỉ trích. Xem *MA*. IV. 166.

lời tán thán này đến lời tán thán khác.[42] Cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ đứng vững tồn tại.[43]

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[42] *Pavayha pavayha*, tiếp tục tán thán. Xem M. I. 442-43.

[43] *Yo sāro so ṭhassati*. Hán kinh viết: "Ngã bất như thị thuyết, như đào sư tác ngõa. A-nan, ngã thuyết nghiêm cấp chí khổ, nhược hữu chơn thực giả, tất năng vãng dã"; 我不如是說, 如陶師作瓦. 阿難, 我說嚴急至苦, 若有真實者, 必能往也 (*T*.01. 0026.191. 0740b21).

123. KINH HY HỮU, VỊ TẰNG HỮU PHÁP

(*Acchariyaabbhutadhamma Sutta*)[1]

197. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi một số rất đông Tỷ-kheo, sau khi đi khất thực và thọ trai về, đang ngồi tụ họp trong Thị Giả đường (Upaṭṭhānasālā), câu chuyện này được khởi lên giữa chúng Tăng:

– Thật hy hữu thay[2] chư Hiền! Thật vị tằng hữu thay chư Hiền, là đại thần thông lực, đại uy lực của Như Lai! Vì Ngài biết được[3] chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các hý luận,[4] đã đoạn các chướng đạo,[5] đã chấm dứt luân hồi,[6] đã thoát ly mọi khổ: "Chư Thế Tôn ấy sanh tánh như vậy, danh tánh như vậy, tộc tánh như vậy... Giới hạnh như vậy... Pháp hạnh như vậy... Tuệ hạnh như vậy... Trú hạnh[7] như vậy... chư Thế Tôn ấy giải thoát như vậy."

Khi được nghe nói như vậy, Tôn giả Ānanda nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thật hy hữu thay chư Hiền, Như Lai được đầy đủ các pháp hy hữu! Thật vị tằng hữu thay chư Hiền, Như Lai được đầy đủ các pháp vị tằng hữu!

Và câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ấy bị gián đoạn.

198. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thị Giả đường, sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi nói chuyện gì? Câu chuyện gì giữa các ông bị gián đoạn?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, sau khi đi khất thực và thọ trai trở về, chúng con ngồi tụ họp tại Thị Giả đường, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Hy hữu thay, chư Hiền... (như trên)... chư Thế Tôn ấy được giải thoát như

---

[1] Xem *A*. II. 130. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Vị tằng hữu pháp kinh* 未曾有法經 (*T*.01. 0026.32. 0469c20).

[2] Xem *M*. 14, *Cūḷadukkhakkhandha Sutta* (*Tiểu kinh Khổ uẩn*).

[3] *Jānissati*. *D*. II. 8 giải thích rằng *anussarissati* có nghĩa là sẽ nhớ đến.

[4] *Papañca*. Đây chỉ cho tham ái, mạn, tà kiến. Xem *MA*. IV. 167; *DA*. II. 425.

[5] *Chinnavaṭuma*. *Vaṭuma* từ ngữ căn √*vṛt*, có nghĩa là xoay quanh, quay tròn, chỉ cho vòng luân hồi.

[6] Đồng nghĩa với câu trước. *DA*. II. 425 thêm rằng sự luân chuyển của các nghiệp được chấm dứt.

[7] *MA*. IV. 168 và *DA*. II. 426 giải thích chư Như Lai an trú trong trạng thái chấm dứt thọ và tưởng. Đây là giai đoạn thứ chín, Diệt thọ tưởng định.

vậy.'" Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, Tôn giả Ānanda nói với chúng con như sau: "Thật hy hữu thay... Như Lai được đầy đủ các pháp hy hữu! Thật vị tằng hữu thay... Như Lai được đầy đủ các pháp vị tằng hữu!" Câu chuyện này giữa chúng con, bạch Thế Tôn, bị gián đoạn. Rồi Thế Tôn đến.

199. Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Do vậy, này Ānanda, hãy nói lên nhiều nữa, những đặc tánh hy hữu, vị tằng hữu của Như Lai.

– Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ānanda, Bồ-tát sanh trong thiên chúng (kāya) Tusitā." Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát sanh trong thiên chúng Tusitā, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ānanda, Bồ-tát an trú trong thiên chúng Tusitā." Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú trong thiên chúng Tusitā, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

200. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ānanda, Bồ-tát an trú tại thiên chúng Tusitā cho đến trọn thọ mạng." Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú tại thiên chúng Tusitā cho đến trọn thọ mạng, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ānanda, Bồ-tát sau khi từ thiên chúng Tusitā mạng chung, nhập vào mẫu thai." Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát sau khi từ thiên chúng Tusitā mạng chung, nhập vào mẫu thai, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

201. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, này Ānanda, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên, hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người; cho đến các thế giới ở giữa các thế giới,[8] tối tăm, u ám,[9] không có nền tảng,[10] những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, với đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra, và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: 'Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây.' Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh, và hào

[8] *Lokantarikā*: Có lẽ là các địa ngục. Xem *MA*. IV. 177; *J*. I. 76; *VbhA*. 4.

[9] *Aghā*: Tối tăm. *MA*. IV. 177 giải thích chữ *niccavivaṭā*, có nghĩa là che giấu vĩnh viễn.

[10] *Asaṃvutā*. *MA*. IV. 177 giải thích là *heṭṭhāpi appatiṭṭhā*, nghĩa là không có gì chống đỡ ở dưới.

quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra ở thế giới." Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

202. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ānanda, bốn vị thiên tử đến canh gác bốn phương trời và nói: 'Không cho một ai, người hay không phải loài người được phiền nhiễu Bồ-tát, hay mẹ vị Bồ-tát.'" Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

203. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ānanda, mẹ Bồ-tát giữ giới một cách tự nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu nấu, rượu lên chất men." Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ānanda, mẹ Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và mẹ Bồ-tát không bị xâm phạm bởi bất kỳ người đàn ông nào có nhiễm tâm." Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ānanda, mẹ Bồ-tát tận hưởng năm dục công đức đầy đủ, tận hưởng trọn năm dục công đức." Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

204. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ānanda, mẹ Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với tâm khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Này Ānanda, ví như viên ngọc lưu ly,[11] đẹp đẽ trong suốt, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xâu qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: 'Đây là viên ngọc lưu ly, đẹp đẽ trong suốt, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xâu qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt.' Cũng vậy, này Ānanda, khi Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với tâm khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ bộ phận và chân tay." Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

205. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Sau khi sanh Bồ-tát bảy ngày, này Ānanda, mẹ Bồ-tát mệnh chung và sanh lên

[11] *M.* II. 17; *D.* II. 13.

cõi trời Đâu-suất." Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Trong khi các người đàn bà khác, này Ānanda, mang bào thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ Bồ-tát mang Bồ-tát trong bụng mười tháng rồi mới sanh." Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Trong khi các người đàn bà khác, này Ānanda, hoặc ngồi hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ Bồ-tát đứng[12] mà sanh Bồ-tát." Vì rằng, bạch Thế Tôn,... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ānanda, chư thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người." Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

206. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ānanda, Bồ-tát không đụng đến đất. Có bốn vị thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: 'Hoàng hậu hãy hoan hỷ! Hoàng hậu sanh một bậc Vĩ nhân.'"[13] Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ānanda, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Này Ānanda, ví như viên ngọc Ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại; viên ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô viên ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này Ānanda, khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch." Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ānanda, hai dòng nước từ hư không[14] hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho Bồ-tát và cho

---

[12] *Mhvu*. I. 217.

[13] *Mhvu*. I. 149-50.

[14] *Mhvu*. I. 220-22.

bà mẹ." Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

207. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Bồ-tát khi sanh ra, này Ānanda, Ngài đứng vững, thăng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước,[15] một lọng trắng được che lên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lên tiếng như con Ngưu vương, thốt ra lời như sau: 'Ta là bậc Tối thượng ở trên đời! Ta là bậc Tối tôn ở trên đời! Ta là bậc Cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa.'" Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ānanda, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên, hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người; cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, tối tăm, u ám, không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực chư thiên hiện ra, và các chúng sanh sống tại các chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây." Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh, và hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra ở thế giới. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

208. – Do vậy, này Ānanda, hãy thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Như Lai. Ở đây, này Ānanda, các cảm thọ khởi lên nơi Như Lai được biết đến; được biết đến chúng an trú; được biết đến chúng đi đến biến hoại; các tưởng được biết đến; các tầm khởi lên được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến chúng đi đến biến hoại. Này Ānanda, hãy thọ trì việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Như Lai.

– Vì rằng, bạch Thế Tôn, các cảm thọ khởi lên nơi Thế Tôn được biết đến; được biết đến chúng an trú; được biết đến chúng đi đến biến hoại; các tưởng được biết đến; các tầm khởi lên được biết đến; được biết đến chúng an trú; được biết đến chúng đi đến biến hoại. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Như Lai.

Tôn giả Ānanda nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ānanda nói.

---

[15] *Mhvu*. I. 221.

124. KINH BẠC-CÂU-LA
(*Bakkula Sutta*)[1]

209. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Bakkula[2] trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng các loài sóc). Rồi lõa thể Kassapa,[3] một người bạn trước kia của Tôn giả Bakkula khi còn là cư sĩ, đi đến Tôn giả Bakkula, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Bakkula những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, lõa thể Kassapa nói với Tôn giả Bakkula:

– Này Hiền giả Bakkula, bạn xuất gia đã bao lâu?

– Đã được tám mươi năm, này Hiền giả, từ khi tôi xuất gia.

– Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần Hiền giả hành dâm dục?

– Hiền giả Kassapa, chớ có hỏi tôi như vậy: "Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần Hiền giả hành dâm dục?" Hiền giả Kassapa, hãy hỏi tôi như sau: "Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần Hiền giả khởi lên dục tưởng?"

– Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần Hiền giả khởi lên dục tưởng?

210. – Hiền giả Kassapa, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không bao giờ nhận thấy có dục tưởng khởi lên.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula trong tám mươi năm không nhận thấy có dục tưởng khởi lên, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.[4]

– Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không bao giờ nhận thấy có sân tưởng, hại tưởng khởi lên.

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Bạc-câu-la kinh* 薄拘羅經 (*T*.01. 0026.34. 0475a11).

[2] Bakkula nghĩa là "hai gia đình". Theo *MA*. IV. 190-92, vua phán quyết Ngài thuộc về người mẹ ruột và cũng thuộc về vợ của vị quan cố vấn, vì bà đã săn sóc nuôi dưỡng khi Ngài được tìm thấy trong bụng con cá mà không bị thương tích gì.

[3] Acela Kassapa, một vị tu khổ hạnh. Xem *D*. I. 161. Cuối *Kinh Kassapa Sīhanāda* viết rằng vị ấy xuất gia và trải qua 4 tháng tu tập biệt trú, sau đó chứng quả A-la-hán. *DA*. II. 349 gọi vị này là một du sĩ ngoại đạo (*paribbājaka*).

[4] Theo *MA*. IV. 193 các đoạn này được xem là do các vị Thượng tọa kiết tập kinh điển nói lên. Các đoạn sau cũng vậy.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula trong tám mươi năm không nhận thấy có sân tưởng, hại tưởng khởi lên, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy dục tầm nào khởi lên.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy sân tầm, hại tầm nào khởi lên.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

211. – Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có thâu nhận y của cư sĩ.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có cắt y với con dao.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có may y với cây kim.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có nhuộm y với thuốc nhuộm.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có may y *Kaṭhina*.[5]

– Vì rằng Tôn giả... một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có may y cho các vị đồng Phạm hạnh... có nhận lời mời ăn... có khởi lên tâm như sau: “Mong rằng có người mời tôi ăn.”

– Vì rằng Tôn giả... một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có ngồi trong nhà... có ngồi ăn trong nhà... có ghi nhận chi tiết các tướng đặc biệt của nữ nhân... có thuyết pháp cho nữ nhân cho đến câu kệ bốn câu[6]... có đi đến trú phòng Tỷ-kheo-ni... có thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni... Tôi không nhận thấy có thuyết pháp cho học pháp nữ... Tôi không nhận thấy có thuyết pháp cho Sa-di-ni.

---

[5] Xem *Vin*. II. 116.

[6] Trong *Vin*. IV. 21, có quy định các vị Tỷ-kheo không được thuyết pháp cho nữ nhân hơn 5 hay 6 câu.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula trong tám mươi năm không nhận thấy có thuyết pháp cho Sa-di-ni, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không bao giờ nhận thấy có xuất gia [cho ai]... có thọ Đại giới [cho ai]... có nhận làm y chỉ [cho ai][7]... tôi không bao giờ nhận thấy có Sa-di hầu hạ... có tắm trong nhà tắm[8]... có tắm thoa bột cuṇṇa... có nhờ đồng Phạm hạnh xoa bóp chân tay... tôi không bao giờ nhận thấy có bệnh khởi lên, dầu cho một chốc lát[9]... có mang theo y dược cho đến một miếng nhỏ từ cây A-li-lặc vàng[10]... nằm dựa vào tấm gỗ dựa[11]... nằm dài xuống ngủ... đi an cư mùa mưa tại trú xứ gần làng.[12]

– Vì rằng Tôn giả Bakkula, trong tám mươi năm không nhận thấy có đi an cư mùa mưa tại trú xứ gần làng, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Vừa đúng trong bảy ngày,[13] này Hiền giả, còn uế nhiễm,[14] tôi đã ăn đồ ăn của nội địa,[15] rồi đến ngày thứ tám, chánh trí khởi lên.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula vừa đúng trong bảy ngày, còn uế nhiễm, đã ăn đồ ăn của nội địa, rồi đến ngày thứ tám chánh trí khởi lên, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

212. – Thưa Hiền giả Bakkula, hãy cho tôi xuất gia trong Pháp, Luật này, hãy cho tôi thọ Đại giới!

Rồi lõa thể Kassapa được xuất gia trong Pháp, Luật này, được thọ Đại giới.[16] Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa, an trú độc cư, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, mà vì mục đích ấy, các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì cần làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa." Và Tôn giả Kassapa trở thành một A-la-hán nữa.

Rồi Tôn giả Bakkula, sau một thời gian, cầm chìa khóa, đi từ trú xứ này đến trú xứ khác và nói như sau:

---

[7] *Nissayaṃ dātā*. Xem *Vin*. I. 60.

[8] Xem *Vin*. I. 47.

[9] *Gaddūhanamattaṃ*. *MA*. IV. 195 và *SA*. II. 224 giải thích là thời gian lấy được một giọt sữa từ vú con bò cái.

[10] *Haritakikhaṇḍa*: Các Tỷ-kheo được phép ăn trái cây này khi đau ốm. Xem *Vin*. I. 201, 206.

[11] Khi ngủ, vị ấy vẫn giữ thế ngồi, bằng cách dựa vào một tấm ván nghiêng như *Vin*. II. 175 mô tả.

[12] Xem *M*. I. 31.

[13] Xem *S*. II. 221.

[14] *Sāṇa*. *MA*. IV. 196 đọc là *saraṇa* (=*sa*+*raṇa*, tham ái hay lỗi lầm), giải thích là *sa-kilesa*.

[15] Đồ vật do các tín đồ cúng dường. Xem *Dh*. 308.

[16] *MA*. IV. 196 giải thích Tôn giả Bakkula không tự mình cho xuất gia và truyền Đại giới mà nói các vị Tỷ-kheo khác làm cho.

– Chư Tôn giả hãy đi ra! Chư Tôn giả hãy đi ra! Hôm nay tôi sẽ nhập Niết-bàn.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula cầm chìa khóa, đi từ trú xứ này đến trú xứ khác và nói như sau: "Chư Tôn giả hãy đi ra! Chư Tôn giả hãy đi ra! Hôm nay tôi sẽ nhập Niết-bàn", chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

Rồi Tôn giả Bakkula ngồi giữa chúng Tỷ-kheo nhập Niết-bàn.[17]

– Vì rằng Tôn giả Bakkula ngồi giữa chúng Tỷ-kheo nhập Niết-bàn, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Tôn giả Bakkula.

[17] Vị này không muốn thân mình làm gánh nặng cho những vị Tỷ-kheo khác, nên khi viên tịch, vị ấy nhập định Hỏa quang tam-muội (*tejodhātu*) tự thiêu thân mình. Xem *MA*. IV. 196.

125. KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA

(*Dantabhūmi Sutta*)[1]

213. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, Sa-di Aciravata (Tân học Sa-môn)[2] đang trú tại một cái cốc trong rừng. Rồi Vương tử Jayasena[3] trong khi tản bộ du hành,[4] đi đến Sa-di Aciravata, sau khi đến, nói lên với Sa-di Aciravata những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Vương tử Jayasena nói với Sa-di Aciravata:

– Tôn giả Aggivessana, tôi có nghe như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sẽ được nhất tâm."

– Sự việc là vậy, này Vương tử! Sự việc là vậy, này Vương tử! Ở đây, Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sẽ chứng được nhất tâm.

– Thật là tốt lành nếu Tôn giả Aggivessana thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học.

– Này Vương tử, tôi không thể thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu nay tôi thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học, và nếu Vương tử không hiểu lời tôi nói, như vậy sẽ làm tôi mệt mỏi, làm tôi phiền muộn.

– Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học! Rất có thể, tôi sẽ hiểu ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana.

– Này Vương tử, tôi sẽ thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu Vương tử có thể hiểu ý nghĩa lời nói của tôi, như vậy là tốt đẹp. Nếu Vương tử không thể hiểu lời nói của tôi, hãy dừng lại trên sự trạng của mình, chớ có hỏi tôi thêm nữa!

– Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học! Nếu tôi có thể hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana,

---

[1] Xem *M.* I. 6; III. 1; *A.* II. 116, 143, 153, 161; *Vin.* I. 1; IV. 129, 327. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Điều ngự địa kinh* 調御地經 (*T.*01. 0026.198. 0757a03).

[2] *Samaṇuddesa. Vin.* IV. 139-40 định nghĩa là Sa-di.

[3] Con Vua Bimbisāra.

[4] *M.* I. 108.

như vậy là tốt đẹp. Nếu tôi không thể hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, tôi sẽ dừng lại trên sự trạng của tôi, ở đây, tôi sẽ không hỏi Tôn giả Aggivessana[5] thêm nữa.

214. Rồi Sa-di Aciravata thuyết pháp cho Vương tử Jayasena như đã được nghe, như đã được học. Khi được nghe vậy, Vương tử nói với Sa-di Aciravata như sau:

– Sự việc không phải như vậy, Tôn giả Aggivessana; trường hợp không phải như vậy, rằng Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần lại có thể chứng đắc nhất tâm.

Rồi Vương tử Jayasena, sau khi nói lên với Sa-di Aciravata sự việc không phải như vậy và trường hợp không phải như vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Sa-di Aciravata, sau khi Vương tử Jayasena ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Sa-di Aciravata kể lại cho Thế Tôn tất cả cuộc đàm thoại với Vương tử Jayasena.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Sa-di Aciravata:

– Như vậy, này Aggivessana, nào có lợi ích gì? Vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiến, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng [quả vị] chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, hay chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra.

215. Này Aggivessana, ví như[6] giữa các con voi, con ngựa hay con bò được dạy điều phục, có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện; và có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện. Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, các con ấy có thể đi đến khả năng điều phục (*dantakāraṇaṃ*), có thể đạt đến điều phục địa không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Còn hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, nhưng không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện, các con ấy không được điều phục; có thể đi đến khả năng điều phục, có thể đạt đến điều phục địa như hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện kia không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Aggivessana, Vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiến, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết

---

[5] Jayasena gọi Aciravata là *bho*, *bhavaṃ* và nay dùng chữ *bhavantaṃ*.

[6] *M.* II. 129.

truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng [quả vị] chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra.

216. Ví như, này Aggivessana, một hòn núi lớn không xa làng hay thị trấn. Và có hai người bạn, tay trong tay đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy và đi đến hòn núi kia. Sau khi đến, một người bạn đứng dưới chân núi, còn người bạn kia leo lên đỉnh núi. Người bạn đứng dưới chân núi ấy có thể nói với người bạn đứng trên đỉnh núi: "Này bạn thân, bạn đứng trên đỉnh núi, bạn thấy những gì?" Người kia nói: "Này bạn thân, đứng trên đỉnh núi tôi thấy các vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái." Người kia nói: "Không có sự kiện này, này bạn thân, không có trường hợp này, bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái." Rồi người bạn đã đứng trên đỉnh núi, sau khi đi xuống chân núi, nắm tay bạn, khiến bạn trèo lên đỉnh núi, để bạn nghỉ thở một thời gian, rồi nói: "Này bạn thân, nay bạn có thể thấy gì khi bạn đứng trên đỉnh núi?" Và người bạn ấy có thể nói: "Này bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái." Người kia có thể nói như sau: "Vừa rồi, này bạn thân, chúng tôi hiểu bạn nói: 'Không thể có sự kiện này, này bạn thân, không thể có trường hợp này, bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái.' Nhưng nay chúng tôi hiểu bạn nói: 'Này bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái.'" Người kia nói như sau: "Này bạn thân, vì tôi bị che khuất bởi sườn núi này, nên không thấy được những điều đáng thấy."

Cũng vậy, nhưng to lớn hơn, này Aggivessana, là Vương tử Jayasena, bị che khuất, bị chặn đứng, bị chướng ngại, bị bao vây bởi vô minh uẩn này. Vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiến, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy hay có thể chứng [quả vị] chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra. Nếu hai ví dụ này[7] được ông đề cập cho Vương tử Jayasena, thời Vương tử Jayasena tự nhiên (*anacchariyaṃ*) tin tưởng ông và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, hai ví dụ này khởi đến từ nơi con cho Vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

217. – Ví như, này Aggivessana, một vị Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh bảo người nài voi: "Này tượng sư, hãy cưỡi con vương tượng, đi vào rừng có voi; khi ông thấy con voi rừng, hãy cột nó lại vào cổ con vương tượng."

"Thưa vâng, Đại vương."

[7] Xem 4 ví dụ cho Jayasena trong *M.* III. 144.

Này Aggivessana, người tượng sư vâng theo lời vị Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, cưỡi con vương tượng, vào trong rừng có voi, thấy con voi rừng, cột [con voi rừng ấy] vào cổ con vương tượng. Con vương tượng kéo nó ra chỗ ngoài trời. Cho đến như vậy, này Aggivessana, con voi rừng được đi ra đến chỗ ngoài trời. Nhưng này Aggivessana, con voi rừng còn có sự tham luyến, tức là đối với rừng có voi. Người tượng sư tâu với vị Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh về con voi rừng ấy: "Tâu Đại vương, con voi rừng đã ra chỗ ngoài trời." Rồi vị Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh bảo người điều phục voi: "Hãy đến, này người điều phục voi, hãy điều phục con voi rừng này bằng cách điều phục nếp sống rừng của nó, bằng cách điều phục tâm tư rừng núi, bằng cách điều phục sự ưu tư, mệt nhọc, nhiệt não đối với rừng núi của nó, bằng cách làm cho nó thích thú với thôn làng, và bằng cách làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người."

"Thưa vâng, tâu Đại vương."

Này Aggivessana, người điều phục voi vâng theo lời Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đóng một cọc trụ lớn vào đất, cột cổ con voi rừng, để điều phục nếp sống rừng của nó, để điều phục tâm tư rừng núi, để điều phục sự ưu tư, mệt nhọc, nhiệt não của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người. Rồi người điều phục voi lại nói với nó bằng những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ. Và này Aggivessana, con voi rừng khi được nói với những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ, liền nghe, lóng tai, trú tâm vào học hỏi (*aññā*). Tiếp đến, người điều phục voi đem cỏ và nước cho con voi rừng.

Này Aggivessana, khi con voi rừng nhận cỏ và nước, người điều phục voi mới nghĩ: "Nay con voi rừng sẽ sống." Rồi người điều phục voi khiến [con voi rừng] làm thêm một động tác khác: "Này bạn, nhặt lên! Này bạn, đặt xuống!" Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy nhặt lên đặt xuống, rồi người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác: "Này bạn, đi tới! Này bạn, đi lui!" Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy đi tới đi lui, rồi người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác: "Này bạn, đứng dậy! Này bạn, ngồi xuống!" Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy đứng dậy ngồi xuống, rồi người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác tên gọi "bất động".[8] Người điều phục voi cột cái khiên bằng gỗ vào cái vòi của con vật to lớn, và một người tay cầm ngọn giáo ngồi trên cổ, và xung quanh một số người tay cầm ngọn giáo đứng bao vây. Và người điều phục voi, tay cầm một ngọn giáo với cán cây dài, đứng ở phía trước. Con voi ấy làm động tác bất

[8] *Āneñja kāraṇa*: Giả bộ bất động, giả chết. Xem *PED*.

động, không có di động chân trước, không có di động chân sau, không có di động thân trước, không có di động thân sau, không có di động đầu, không có di động tai, không có di động ngà, không có di động đuôi, không có di động vòi. Con vương tượng là con voi có thể nhẫn chịu đao, kiếm, tên, búa, chém, bắn, nhẫn chịu tiếng vang động của trống lớn, trống nhỏ, tù và, [như là] vàng ròng tẩy sạch các tỳ vết nhơ bẩn,[9] xứng đáng được vua [dùng],[10] một sở hữu của vua, một biểu tượng của vua.

218. Cũng vậy, này Aggivessana, ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ta thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng, hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ, hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ, hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Cho đến đây, này Aggivessana, là vị Thánh đệ tử đi đến chỗ ngoài trời. Nhưng này Aggivessana, các vị thiên, nhơn có tham ái này, tức là năm dục công đức. Rồi Như Lai huấn luyện thêm cho [vị đệ tử] ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy giữ giới![11] Sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong học pháp!" Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong học pháp, Như Lai lại huấn luyện thêm cho vị đệ tử ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy bảo hộ các căn! Khi mắt thấy sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân

[9] *Nihitaninnītakasāva.* Xem *A.* I. 254.

[10] *A.* I. 244, 284; II. 113, 170.

[11] *M.* I. 354-55.

gì vì ý căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, hãy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn." Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã hộ trì các căn, Như Lai huấn luyện thêm vị Thánh đệ tử ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy tiết độ trong ăn uống! Chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: 'Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn.'" Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã tiết độ trong ăn uống, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy chú tâm cảnh giác! Ban ngày khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp." Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã chú tâm cảnh giác, Như Lai huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác! Khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác;[12] khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác." Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã thành tựu chánh niệm tỉnh giác, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy lựa một trú xứ thanh vắng, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đống rơm!" Vị ấy lựa chọn một trú xứ thanh vắng, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đống rơm. Vị ấy, sau khi khất thực, ăn xong, trên đường trở về, ngồi xuống, kiết-già, giữ lưng cho thẳng, trú niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống với tâm thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

219. Vị ấy, sau khi đoạn trừ năm triền cái này, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác,

[12] *M.* I. 274-75; *MLS.* I. 328-29.

chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời, quán thọ trên các cảm thọ... (như trên)... quán tâm trên tâm... (như trên)... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời.

Ví như, này Aggivessana, một người điều phục voi đóng một cọc trụ lớn vào đất, cột cổ con voi rừng để điều phục nếp sống rừng của nó, để điều phục tâm tư rừng núi của nó, để điều phục sự ưu tư, mệt nhọc, nhiệt não của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người; cũng vậy, này Aggivessana, Bốn niệm xứ này là những dây cột tâm tư để điều phục tánh cư sĩ, để điều phục tâm tư cư sĩ, để điều phục sự ưu tư, mệt nhọc, nhiệt não của các cư sĩ, để đạt được chánh trí (*ñāya*), để chứng ngộ Niết-bàn.[13]

220. Rồi Như Lai huấn luyện thêm vị ấy:

– Hãy đến, này Tỳ-kheo, hãy trú quán thân trên thân, và chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến thân; hãy trú quán thọ trên các cảm thọ, và chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến cảm thọ; hãy trú quán tâm trên tâm, chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến tâm; hãy trú quán pháp trên các pháp, và chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến các pháp. Vị ấy làm cho dừng lại tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ví như một hồ nước, nước bên trong tự dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, vị ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tẩm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, vị ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Vị ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Ví như một người ngồi dùng tấm

[13] *M.* I. 56; *MLS.* I. 71.

vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, vị ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc." Ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy hòn lưu ly bảo châu này đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào. Ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ, người ấy nghĩ: "Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra." Lại ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Lại ví như một người lột xác một con rắn, người ấy nghĩ: "Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra." Cũng vậy, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang

qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Ví như một người thợ gốm khéo tay hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Lại ví như một người thợ ngà khéo tay hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo giũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Lại ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn, có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Vị ấy với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và người, xa và gần. Ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiểng, người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiểng." Cũng vậy, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Vị ấy với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Vị ấy sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát." Ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa

trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết. Cũng vậy, với tâm định tĩnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Vị ấy sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ làng kia ta đi đến làng nọ, tại đấy ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta." Như vậy, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến

mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

221. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Ví như một tòa lầu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng." Cũng vậy, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm,

hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa." Ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ." Cũng vậy, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Tỷ-kheo kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của muỗi, ruồi, gió, mặt trời và các loài bò sát, các ác ngữ, các lời nói chửi mắng; vị ấy sống quen kham nhẫn với những cảm thọ về thân, thống khổ, đau nhói, đau đớn, kịch liệt, bất khoái, không thích ý, đau đớn đến chết, được gột sạch về uế nhiễm tham, sân, si. Vị ấy xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, chắp tay, là vô thượng phước điền trên đời.

222. Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thời con vương tượng tuổi già được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi bậc trung... Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục. Cũng vậy, này Aggivessana, nếu vị trưởng lão Tỷ-kheo chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thời trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo trung niên... Nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo thiếu niên chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thời Tỷ-kheo thiếu niên được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục. Nếu, này Aggivessana,

một con vương tượng tuổi già khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi già được gọi là đã chết với cái chết được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi bậc trung... Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết được điều phục. Cũng vậy, này Aggivessana, nếu một trưởng lão Tỷ-kheo với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết với cái chết được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một trung niên Tỷ-kheo... Nếu, này Aggivessana, một thiếu niên Tỷ-kheo, với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời vị thiếu niên Tỷ-kheo được gọi là đã chết với cái chết đã được điều phục.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Sa-di Aciravata hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

126. KINH PHÙ-DI

(*Bhūmija Sutta*)[1]

223. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Rồi Tôn giả Bhūmija[2] (Phù-di) vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Vương tử Jayasena. Sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Vương tử Jayasena đi đến Tôn giả Bhūmija. Sau khi đến, nói lên với Tôn giả Bhūmija những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vương tử Jayasena thưa với Tôn giả Bhūmija:

– Thưa Tôn giả Bhūmija, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Nếu có ước nguyện,[3] hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu có và không có ước nguyện,[4] hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị." Ở đây, bậc Đạo sư của Tôn giả Bhūmija có nói gì, và có lập luận gì?

– Thưa Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Và sự việc này xảy ra, Thế Tôn có giải thích như sau: "Nếu có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng (*ayoniso*), thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị; nếu có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị; nếu không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị. Còn nếu có ước nguyện, hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện, hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị; nếu có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị; nếu không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị." Thưa Vương tử, tôi

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phù-di kinh* 浮彌經 (*T*.01. 0026.173. 0709c22).

[2] Cậu của Jayasena (*MA*. IV. 199). Vị này xuất gia với những người bạn Sambhūta (Sītavaniya), Jeyyasena, Abhirādhana (*ThagA*. I. 47).

[3] *Āsañcepi karitvā*, sau khi phát lời nguyện vọng, mong cầu. Xem *Vin*. I. 260.

[4] Khi có nguyện vọng này, khi có nguyện vọng khác. Xem *MA*. IV. 199.

không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Sự việc này xảy ra, Thế Tôn có giải thích như vậy.

– Nếu Đạo sư của Tôn giả Bhūmija thuyết lý như vậy, lập luận như vậy, thời tôi nghĩ rằng chắc chắn vị Đạo sư của Tôn giả Bhūmija đứng cao hơn trên đầu[5] tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường.

Rồi Vương tử Jayasena mời Tôn giả Bhūmija dùng với bát ăn (*thālipāka*) của mình.[6]

224. Rồi Tôn giả Bhūmija, sau bữa ăn khất thực trở về, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhūmija bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Vương tử Jayasena, sau khi đến, con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Bạch Thế Tôn, Vương tử Jayasena đến chỗ con, sau khi đến, nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, Vương tử Jayasena nói với con như sau: "Thưa Tôn giả Bhūmija, một số Sa-môn, Bà-la-môn... bậc Đạo sư của Tôn giả có nói gì, có lập luận gì?"

Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con có nói với Vương tử Jayasena, như sau: "Này Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn, được nghe như sau, được ghi nhớ như sau... Tôi nghĩ rằng chắc chắn Đạo sư của Tôn giả Bhūmija đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường." Bạch Thế Tôn, không hiểu hỏi như vậy, trả lời như vậy, con có nói đúng lời Thế Tôn nói, con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không đúng sự thực, con đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp sẽ không có lý do để chỉ trích?[7]

– Thật vậy, này Bhūmija, được hỏi vậy, được trả lời vậy, ông nói đúng lời Thế Tôn nói, ông không xuyên tạc Ta với điều không đúng sự thực, ông đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp không có lý do gì để chỉ trích.

Này Bhūmija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp,[8] này Bhūmija, để đạt được quả vị.

---

[5] *Muddhānaṃ maññe āhacca tiṭṭhati*, đứng có thể chạm đầu hay đè đầu xuống, nghĩa là cao hơn tất cả.

[6] Kinh Hán tạng viết rằng Vương tử mời ở lại ăn.

[7] *Vin*. I. 234.

[8] *Ayoni hesā*. Xem *S*. I. 203, *ayoniṃ paṭinissajja*.

225. Ví như, này Bhūmija, một người cần dầu, tìm cầu dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép [cát cho ra dầu]. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép [cát cho ra dầu], người ấy không lấy được dầu; nếu người ấy không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép [cát cho ra dầu], người ấy không lấy được dầu; nếu người ấy có và không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép [cát cho ra dầu], người ấy không lấy được dầu; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép [cát cho ra dầu], người ấy không lấy được dầu. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhūmija, để lấy được dầu. Cũng vậy, này Bhūmija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy... tà định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không ước nguyện... có và không có ước nguyện... không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhūmija, để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhūmija, một người cần sữa, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa, nắm sừng con bò cái con để vắt sữa. Nếu người ấy có ước nguyện, nắm sừng con bò cái con để vắt sữa, người ấy không lấy được sữa; nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, nắm sừng con bò cái con để vắt sữa, người ấy không lấy được sữa. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhūmija, để lấy sữa. Cũng vậy, này Bhūmija, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến... có tà định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện... nếu họ có và không có ước nguyện... nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhūmija, để đạt được quả vị.

226. Ví như, này Bhūmija, một người cần sanh tô, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia để tìm sanh tô, sau khi đổ nước vào một cái ghè, rồi lấy que khuấy đánh.[9] Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô; nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô. Vì sao vậy? Này Bhūmija, đây không phải là phương pháp để lấy sanh tô. Cũng vậy, này Bhūmija, những Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến... có tà định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện... nếu họ có và không có ước

---

[9] *Matthena āviñjeyya*: Ví dụ vắt sữa trên viết là *visāṇato āviñjeyya*; như vậy, chữ *āviñjati* còn tối nghĩa và có thể có nghĩa là khuấy, đánh, quấy tròn. Chữ *matthena* cũng vậy, tạm dịch là cái cây hay cái que để đánh sữa cho thành sanh tô.

nguyện... nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Này Bhūmija, đây không phải là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhūmija, một người cần lửa, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa, người ấy đem phần phía trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa.[10] Nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa; nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đem phần trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhūmija, để lấy được lửa. Cũng vậy, này Bhūmija, có những Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến... có tà định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện... nếu họ có và không có ước nguyện... nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ không thể đạt được quả vị. Vì cớ sao? Đây không phải là phương pháp, này Bhūmija, để đạt được quả vị.

Này Bhūmija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện... nếu họ có và không có ước nguyện... nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao? Đây là phương pháp, này Bhūmija, để đạt được quả vị.

227. Ví như, này Bhūmija, một người cần dầu, tìm cầu dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu, sau khi đổ những hột giống dầu vào cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép [cho ra dầu]. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ những hột giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép [cho ra dầu], thời người ấy lấy được dầu; nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không có ước nguyện, sau khi đổ những hột giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép [cho ra dầu], thời người ấy lấy được dầu. Vì cớ sao? Này Bhūmija, đây là phương pháp để lấy được dầu. Cũng vậy, này Bhūmija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có Chánh kiến... có Chánh định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện... nếu họ có và không có ước nguyện... nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao? Này Bhūmija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhūmija, một người cần sữa, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa, và người ấy vắt sữa từ nơi vú con bò cái mẹ. Nếu người ấy có ước

[10] Như *M.* I. 240.

nguyện, vắt sữa từ nơi vú con bò cái mẹ, thời người ấy lấy được sữa; nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, vắt sữa từ nơi vú con bò cái mẹ, thời người ấy lấy được sữa. Vì cớ sao? Này Bhūmija, đây là phương pháp để lấy được sữa. Cũng vậy, này Bhūmija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có Chánh kiến... có Chánh định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện... nếu họ có và không có ước nguyện... nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao? Này Bhūmija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

228. Ví như, này Bhūmija, một người cần sanh tô, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia tìm cầu sanh tô, sau khi đổ lạc (*dadhi*) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy đánh. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ lạc vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy đánh, thời người ấy lấy được sanh tô; nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, thời sau khi đổ lạc vào trong một cái ghè, rồi lấy que khuấy đánh, người ấy lấy được sanh tô. Vì cớ sao? Này Bhūmija, đây là phương pháp để lấy được sanh tô. Cũng vậy, này Bhūmija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có Chánh kiến... có Chánh định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện... nếu họ có và không có ước nguyện... nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao? Này Bhūmija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhūmija, có một người cần lửa, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa, sau khi mang phần trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa.[11] Nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa; nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Vì cớ sao? Này Bhūmija, đây là phương pháp để lấy được lửa. Cũng vậy, này Bhūmija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có Chánh kiến... Chánh định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện... nếu họ có và không có ước nguyện... nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì sao vậy? Này Bhūmija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

Nếu bốn ví dụ này, này Bhūmija, khởi đến từ nơi ông cho Vương tử Jayasena, thời Vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng ông, và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng ông.

---

[11] *M.* I. 242.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, bốn ví dụ này khởi đến từ nơi con cho Vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe,[12] như Thế Tôn được?

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Bhūmija hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[12] *M.* III. 131 (2 ví dụ).

127. KINH A-NA-LUẬT
(*Anuruddha Sutta*)[1]

229. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, chỗ tinh xá của ông Anāthapiṇḍika. Rồi thợ mộc Pañcakaṅga[2] bảo một người:

– Hãy đến, này người kia, hãy đi đến Tôn giả Anuruddha, nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Anuruddha và thưa như sau: "Bạch Tôn giả, thợ mộc Pañcakaṅga cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Anuruddha và thưa: 'Mong rằng Tôn giả Anuruddha cùng ba vị nữa,[3] ngày mai nhận lời dùng bữa ăn của thợ mộc Pañcakaṅga. Mong rằng Tôn giả Anuruddha đến thật sớm, vì thợ mộc Pañcakaṅga có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm đối với vua.'"

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng đáp thợ mộc Pañcakaṅga, đi đến Tôn giả Anuruddha, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Anuruddha rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy thưa Tôn giả Anuruddha:

– Thợ mộc Pañcakaṅga cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Anuruddha và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha với ba vị nữa ngày mai đến dùng bữa ăn của thợ mộc Pañcakaṅga. Bạch Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha đến cho thật sớm, vì thợ mộc Pañcakaṅga có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm đối với vua."

Tôn giả Anuruddha im lặng nhận lời.

230. Rồi Tôn giả Anuruddha, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ thợ mộc Pañcakaṅga, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi thợ mộc Pañcakaṅga tự tay mời mọc và làm cho thỏa mãn Tôn giả Anuruddha với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Và sau khi Tôn giả Anuruddha đã ăn xong, đã cất tay khỏi bình bát, thợ mộc Pañcakaṅga lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thợ mộc Pañcakaṅga thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Ở đây, thưa Tôn giả, các trưởng lão Tỷ-kheo đến và nói như sau: "Này gia chủ, hãy tu tập Vô lượng tâm giải thoát." Có một số vị trưởng lão lại nói

---

[1] Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Hữu Thắng thiên kinh* 有勝天經 (*T.*01. 0026.79. 0549b03).

[2] *Pañcakaṅga.* Xem *M.* I. 386.

[3] *Attacatuttho.* Xem *M.* I. 383.

như sau: "Này gia chủ, hãy tu tập Đại hành tâm giải thoát."[4] Bạch Tôn giả, Vô lượng tâm giải thoát và Đại hành tâm giải thoát, các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn, hay đồng nghĩa chỉ khác biệt về văn?[5]

– Này gia chủ, hãy nói lên những điều gì ông nghĩ về vấn đề này, nhờ vậy, vấn đề này sẽ trở thành xác thật cho ông.

– Thưa Tôn giả, con nghĩ như sau: "Vô lượng tâm giải thoát và Đại hành tâm giải thoát, các pháp này đồng nghĩa nhưng khác văn."

– Này gia chủ, Vô lượng tâm giải thoát và Đại hành tâm giải thoát, những pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn. Do vậy, này cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn.

Và này cư sĩ, thế nào là Vô lượng tâm giải thoát? Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân; với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả... quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Vô lượng tâm giải thoát.

231. Này cư sĩ, thế nào là Đại hành tâm giải thoát? Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến một gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần[6] lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Do vậy, này cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn này, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa, vừa khác văn.

232. Này cư sĩ, có bốn hữu sanh này (*bhavūpapattiyo*: Bốn sự sanh khởi

---

[4] *Mahaggata*, chữ này với chữ *Appamāṇa* có liên hệ với *Brahmavihāra*, nghĩa là Phạm trú hay Bốn vô lượng tâm.

[5] *M.* I. 297.

[6] Về *pharitvā adhimuccitvā*, xem *MLS.* III. xx.

cho một đời sống mới). Thế nào là bốn? Ở đây, này cư sĩ, có người, với hào quang hạn lượng (*parittābhā*) an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiểu Quang thiên. Ở đây, này cư sĩ, có người với hào quang vô lượng, an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Vô Lượng Quang thiên. Ở đây, này cư sĩ, có người với hào quang tạp nhiễm, an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Tạp Nhiễm Quang thiên. Ở đây, này cư sĩ, có người với hào quang thanh tịnh, an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Biến Tịnh Quang thiên. Này cư sĩ, có bốn loại hữu sanh này.

Có thời, này cư sĩ, chư thiên kia tập hợp tại một chỗ. Khi các vị này tập hợp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang. Ví như, này cư sĩ, có người cầm nhiều cây đèn dầu đi vào trong một nhà. Khi các cây đèn dầu ấy được đem vào trong nhà, có thấy sự sai khác về ngọn lửa, nhưng không có thấy sự sai khác về ánh sáng. Cũng vậy, này cư sĩ, có thời chư thiên kia tập hợp tại một chỗ. Khi các vị này tập hợp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang. Có thời, này cư sĩ, chư thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang. Ví như, này cư sĩ, có người đem nhiều cây đèn dầu ra khỏi ngôi nhà kia, khi các cây đèn dầu ấy được đem ra khỏi ngôi nhà kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về ánh sáng. Cũng vậy, này cư sĩ, có thời chư thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang.

Này cư sĩ, chư thiên ấy không có nghĩ: "Đây là thường còn, thường trú, thường hằng cho chúng tôi." Nhưng chỗ nào chư thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư thiên ấy sống trong thoải mái. Ví như, này cư sĩ, khi các con ruồi bị mang đi trong đòn gánh hay trong cái giỏ, chúng nó không có nghĩ: "Đây là sự thường còn, thường trú, thường hằng cho chúng tôi." Nhưng chỗ nào, chỗ nào các con ruồi kia an trú, tại chỗ ấy, các con ruồi ấy sống trong thoải mái. Cũng vậy, này cư sĩ, chư thiên ấy không có nghĩ: "Đây là thường còn, thường trú hay thường hằng cho chúng tôi." Nhưng chỗ nào, chỗ nào chư thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư thiên ấy sống trong thoải mái.

233. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccāna[7] thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Tốt lành thay, Tôn giả Anuruddha! Ở đây, tôi có câu này cần phải hỏi thêm. Thưa Tôn giả, chư thiên có hào quang, tất cả đều có hào quang có hạn lượng? Hay là ở đây có một số chư thiên có hào quang vô lượng?

---

[7] Có chỗ gọi là *Sabhiya Kaccāna*. Xem *DPPN*; *S.* IV. 401; *KS.* IV. 292, n. 3.

– Này Hiền giả Kaccāna,[8] tùy theo trường hợp, ở đây một số chư thiên có hào quang có hạn lượng, nhưng ở đây cũng có một số chư thiên có hào quang vô lượng.

– Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, dầu cho chư thiên ấy được sanh khởi trong một thiên chúng, lại có một số chư thiên có hào quang hạn lượng và có một số chư thiên khác có hào quang vô lượng?

– Này Hiền giả Kaccāna, ở đây ta sẽ hỏi Hiền giả. Nếu Hiền giả kham nhẫn, Hiền giả sẽ trả lời. Này Hiền giả Kaccāna, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo, cho đến một gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]; và Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Này Hiền giả Kaccāna, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]; và Tỷ-kheo, cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Này Hiền giả Kaccāna, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]; và Tỷ-kheo cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Này Hiền giả Kaccāna, Tỷ-kheo, cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]; và Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?

– Thưa Tôn giả Anuruddha, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba đại vương quốc,

[8] *Tadaṅgena. MA.* IV. 202 giải thích: *Tassā bhavūpapattiyā aṅgena*, tùy theo tánh sanh khởi của chúng làm thành một đời sống mới.

an trú, biến mãn và thấm nhuần rộng lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Này Hiền giả Kaccāna, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]; và Tỷ-kheo, cho đến dải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến dải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Này Hiền giả Kaccāna, do nhân này, do duyên này, giữa các chư thiên ấy được sanh khởi trong một thiên chúng, có một số chư thiên có hào quang có hạn lượng, nhưng có một số chư thiên có hào quang vô lượng.

234. – Lành thay, Tôn giả Anuruddha! Tôi có một câu cần phải hỏi thêm nữa. Thưa Tôn giả, về hào quang của chư thiên, có phải tất cả hào quang là tạp nhiễm hay có một số chư thiên có hào quang thanh tịnh?

– Tùy theo trường hợp, này Hiền giả Kaccāna, ở đây có một số chư thiên có hào quang tạp nhiễm, nhưng ở đây cũng có một số chư thiên có hào quang thanh tịnh.

– Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, trong chư thiên ấy được sanh khởi trong một thiên chúng, có một số hào quang tạp nhiễm, nhưng có một số chư thiên có hào quang thanh tịnh?

– Này Hiền giả Kaccāna, ta sẽ cho Hiền giả một ví dụ. Nhờ ví dụ, ở đây, người có trí hiểu được ý nghĩa của lời nói. Ví như, này Hiền giả Kaccāna, một cây đèn đang cháy với dầu không được sạch sẽ, với tim đèn cũng không được sạch sẽ. Vì dầu không được sạch sẽ và cũng vì tim đèn không được sạch sẽ, nên cây đèn cháy rất lu mờ. Cũng vậy, này Hiền giả Kaccāna, ở đây, có Tỷ-kheo an trú, biến mãn và thấm nhuần với hào quang tạp nhiễm. Thân dâm hạnh[9] của vị ấy không được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên không được khéo đoạn trừ, trạo cử hối quá không được khéo nhiếp phục. Vì không được khéo chấm dứt thân dâm hạnh, vì không khéo đoạn trừ hôn trầm thụy miên, vì không khéo nhiếp phục trạo cử hối quá, nên vị ấy được cháy lên[10] một cách lu mờ. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư thiên có hào quang tạp nhiễm. Ví như, này Hiền giả Kaccāna, một ngọn đèn dầu được đốt cháy, với dầu sạch sẽ và với tim đèn cũng được sạch sẽ. Do dầu được sạch sẽ và cũng do

[9] *Kāyaduṭṭhulla*. *MA*. IV. 202 còn gọi là *kāyālasiyabhāvo*, nghĩa là sự uể oải, lười biếng của thân. Ở đây có thể chỉ cho *kāmacchanda*, nghĩa là tham dục, 1 trong 5 triền cái.

[10] *Jhāyati* có hai nghĩa: Đốt cháy và thiền tập. Nghĩa chữ đầu xuất phát từ Sanskrit là *Kṣāyati*, và nghĩa chữ sau là *dhyāyati*. Tuy nhiên, *MA*. IV. 202 giải thích *jhāyati* là trạng thái thiền định hay đốt cháy của vị Tăng, vì *jalati* có nghĩa là đốt cháy, tỏa sáng. Trong trường hợp nói về thiền định, *jhāna* là một trạng thái lóe sáng trong tâm thức, sự thiêu hủy những gì cần từ bỏ, xóa sạch hết để ánh sáng thanh tịnh có thể tỏa sáng khắp nơi.

tim đèn được sạch sẽ nên cây đèn ấy được cháy không có mù mờ. Cũng vậy, này Hiền giả Kaccāna, ở đây, Tỷ-kheo an trú, biến mãn và thấm nhuần với hào quang thanh tịnh. Thân dâm hạnh của vị này được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, trạo cử hối quá được khéo nhiếp phục. Do thân dâm hạnh được khéo chấm dứt, do hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, do trạo cử hối quá được khéo nhiếp phục, nên vị ấy được cháy lên không có mù mờ. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh cộng trú với chư thiên có hào quang thanh tịnh.

Này Hiền giả Kaccāna, do nhân này, do duyên này, giữa chư thiên ấy sanh khởi cùng trong một thiên chúng, có một số chư thiên có hào quang tạp nhiễm, nhưng có một số chư thiên có hào quang thanh tịnh.

235. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccāna thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Thật lành thay, Tôn giả Anuruddha! Thưa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha không có nói như sau: "Như vậy tôi nghe" hay "Sự việc đáng phải như vậy."[11] Trái lại, thưa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha chỉ nói: "Chư thiên này là như vậy và chư thiên kia là như vậy." Thưa Tôn giả, tôi nghĩ như sau: "Tôn giả Anuruddha chắc chắn đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư thiên ấy."

– Này Hiền giả Kaccāna, lời nói này của Hiền giả đến gần như thử thách ta phải tuyên bố,[12] nhưng ta sẽ trả lời cho Hiền giả. Này Hiền giả Kaccāna, đã từ lâu, ta đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư thiên ấy.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccāna nói với thợ mộc Pañcakaṅga:

– Thật lợi ích thay cho ông, này cư sĩ, rằng ông đã đoạn trừ được điều nghi ngờ từ trước, và cũng được dịp nghe pháp môn này.

---

[11] *Evaṃ arahati bhavituṃ.*

[12] *Āsajja upanīya vācā bhāsitā.* Xem *A.* I. 172; *GS.* I. 156.

128. KINH TÙY PHIỀN NÃO

(*Upakkilesa Sutta*)[1]

236. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Kosambī (Kiều-thưởng-di), tại tinh xá Ghosita (Cù-sư-la). Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo ở Kosambī sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi.[2] Rồi một Tỷ-kheo đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ở Kosambī sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Tốt lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn đến các Tỷ-kheo ấy.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, liền nói với họ:

– Thôi vừa rồi, các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng, chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ hai, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng, chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

---

[1] Xem *M.* I. 205; *Dh.* 1, 90; *Ud.* 61; *Sn.* 6; *Thag.* 275, 494; *J.* III. 211, 428, 488; *Vin.* I. 337. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Trường Thọ Vương bổn khởi kinh* 長壽王本起經 (*T.*01. 0026.72. 0532c09). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.8. 0626b11); *Pháp cú kinh*, *Song yếu phẩm* 法句經雙要品 (*T.*04. 0210.9. 0562a11); *Xuất diệu kinh*, *Phẫn nộ phẩm* 出曜經忿怒品 (*T.*04. 0212.15. 0693b19); *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Oán gia phẩm* 法集要頌經怨家品 (*T.*04. 0213.14. 0784a14).

[2] Đoạn đầu giống như *M.* 48, *Kosambiya Sutta* (*Kinh Kosambiya*).

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng, chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát và đi vào Kosambī để khất thực. Sau khi đi khất thực ở Kosambī, ăn xong và trở về, sau khi dọn dẹp chỗ nằm, lấy y bát, Ngài đứng và nói bài kệ này:

237. Giữa quần chúng la ó,
Không ai nghĩ mình ngu,
Giữa Tăng chúng phân ly,
Có ai nghĩ hướng thượng?
Thất niệm kẻ trí nói,
Ba hoa trăm thứ chuyện,
Miệng há, nói thả dàn,
Dẫn đi đâu, ai biết?
"Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!"
Ai ôm oán niệm ấy,
Hận thù không thể nguôi.
"Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!"
Không ôm oán niệm ấy,
Hận thù sẽ tự nguôi.
Hận thù diệt hận thù,
Không đời nào diệt được,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.
"Người khác không hiểu biết,
Ở đây ta bị diệt",
Những ai hiểu điều này,
Nhờ vậy, tranh luận tiêu.
Kẻ chủ xướng hại mạng,
Cướp bò, ngựa, tài sản,
Kẻ cướp đoạt quốc độ,
Họ còn biết đoàn kết,
Sao các ông không vậy?

Nếu được bạn hiền trí,
Đồng hành, khéo an trú,
Đã thắng mọi hiểm nạn,
Sống hoan hỷ chánh niệm.
Nếu không bạn hiền trí,
Như vua bỏ quốc độ,
Cô độc như voi rừng.
Tốt hơn, sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu,
Cô độc không làm ác,
Nhàn hạ, như voi rừng.

238. Rồi Thế Tôn đứng, nói lên những câu kệ này, rồi đi đến làng Bālakaloṇakāra. Khi ấy, Tôn giả Bhagu sống ở trong làng Bālakaloṇakāra. Tôn giả Bhagu thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền sắp đặt chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn, sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Bhagu đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhagu đang ngồi một bên:

– Này Tỷ-kheo, có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khất thực có mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, con được an lành. Bạch Thế Tôn, con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, con đi khất thực không có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn sau khi với thời thuyết pháp khích lệ Tôn giả Bhagu, làm cho hân hoan, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Pācīnavaṃsadāya. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Nandiya (Nan-đề) và Tôn giả Kimbila (Kim-tỳ-la) trú ở Pācīnavaṃsadāya. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, khi thấy vậy, liền bạch Thế Tôn:

– Này Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba thiện gia nam tử rất ái luyến tự ngã (*attakāmarūpā*) trú tại đây. Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ khu vườn nói chuyện với Thế Tôn, liền nói với người giữ vườn:

– Này người giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế Tôn! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng tôi đã đến.

239. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn; một người cầm y bát Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người

đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn, sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân. Rồi các Tôn giả ấy đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi xuống một bên:

– Này Anuruddhā,[3] các ông có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khất thực có mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành. Bạch Thế Tôn, chúng con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, chúng con đi khất thực không có mệt nhọc.

– Này Anuruddhā, các ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?[4]

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Này Anuruddhā, như thế nào các ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con nghĩ như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các đồng Phạm hạnh như vậy!" Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy, con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này." Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.

Rồi Tôn giả Nandiya... (như trên). Rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con nghĩ như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!" Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy, con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này." Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm. Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

240. – Lành thay, lành thay, này Anuruddhā! Và này Anuruddhā, các ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

---

[3] Anuruddhā (số nhiều) chỉ cho cả ba vị Tôn giả.

[4] Trong *Vin*. I. 352, bắt đầu từ đây trở đi có sai khác.

– Này Anuruddhā, như thế nào, các ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi vào làng khất thực về trước, người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư. Ai đi vào làng khất thực về sau, người ấy, còn đồ ăn để lại, nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thời bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng. Người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghè nước uống, ghè nước rửa chân hay ghè nước trong nhà cầu hết nước trống không, người ấy sẽ lo liệu [nước]. Nếu làm không nổi với sức bàn tay của mình, người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: "Chúng ta hãy lo liệu [nước]." Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả một đêm chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

241. – Lành thay, lành thay, này Anuruddhā! Này Anuruddhā, các ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, các ông có chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái an lạc không?[5]

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, chúng con nhận thấy được hào quang, cũng như sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Chúng con không được hiểu rõ tướng ấy là gì.

– Này Anuruddhā, tướng ấy các ông cần phải hiểu rõ. Ta cũng vậy, này Anuruddhā, trước khi giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, Ta nhận thấy hào quang và sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì hào quang biến mất đối với Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp?" Này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Nghi hoặc khởi lên nơi Ta. Vì có nghi hoặc nên định của Ta bị biến diệt;[6] khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta sẽ phải làm thế nào để nghi hoặc không khởi lên nơi Ta nữa?"

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất

[5] Trong *M*. I. 207, bắt đầu từ đây có sai khác.

[6] Theo *MA*. IV. 207, trạng thái này chỉ cho *parikammasamādhi*, cận định. Chữ *cavi* có nghĩa là biến mất, là hình thức trung tính của *cavati*, một động từ thường dùng có nghĩa là đã qua, sự chết, sự tái sinh trong hình thức khác. Tuy nhiên, trường hợp trên rõ ràng không sử dụng theo nghĩa đặc biệt này.

nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?" Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Không tác ý khởi lên nơi Ta. Vì không có tác ý nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc và không tác ý không khởi lên nơi Ta nữa?"

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?" Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Hôn trầm thụy miên khởi lên nơi Ta. Vì có hôn trầm thụy miên nên định của Ta bị biến diệt; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc, không tác ý và hôn trầm thụy miên không khởi lên nơi Ta nữa?"

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?" Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Sự sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Ví như, này Anuruddhā, một người đang đi trên con đường, có kẻ giết người nhảy đến [công kích] từ hai phía. Do nhân duyên từ hai phía, người ấy khởi lên sợ hãi. Cũng vậy, này Anuruddhā, sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên và sự sợ hãi không khởi lên nơi Ta nữa?"

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?" Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Sự phấn chấn[7] khởi lên nơi Ta. Vì có sự phấn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. [Ví như, này Anuruddhā, một người đi tìm cửa miệng một kho tàng, và trong một lần tìm được năm cửa miệng kho tàng,[8] do nhân duyên này phấn chấn khởi lên. Cũng vậy, này Anuruddhā, sự phấn chấn khởi lên nơi Ta. Vì có sự phấn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào

---

[7] *Ubbilla*: Có nghĩa là phấn chấn, hân hoan, dõng dược. Thuật ngữ này dường như chỉ xuất hiện trong kinh điển Pāli, như trường hợp *ubbillāvitatta* trong *M.* I. 140 và một vài chỗ khác.

[8] *M.* I. 352.

quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp]. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi và sự phấn chấn không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Dâm ý (*duṭṭhullaṃ*) khởi lên nơi Ta. Vì có dâm ý nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phấn chấn và dâm ý không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Sự tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta, và vì có tinh cần quá độ nên định biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. [Ví như, này Anuruddhā, một người với hai tay bắt nắm quá chặt một con chim cáy (*quail*) khiến con chim chết liền tại chỗ. Cũng vậy, này Anuruddhā, tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá độ nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp]. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phấn chấn, dâm ý và tinh cần quá độ không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?” Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: “Tinh cần quá yếu đuối khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. [Ví như, này Anuruddhā, một người bắt một con chim cáy quá lỏng lẻo, con chim ấy bay khỏi hai tay của người ấy. Cũng vậy, này Anuruddhā, tinh cần quá yếu đuối khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp]. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phấn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ và tinh cần quá yếu đuối không khởi lên nơi Ta nữa?”

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?" Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Ái dục[9] khởi lên nơi Ta. Vì có ái dục nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phấn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ, tinh cần quá yếu đuối và ái dục không khởi lên nơi Ta nữa?"

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?" Rồi này Anuruddhā, Ta nghĩ như sau: "Sai biệt tưởng khởi lên nơi Ta. Vì có sai biệt tưởng nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phấn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ, tinh cần quá yếu đuối, ái dục và sai biệt tưởng không khởi lên nơi Ta nữa?"

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và Ta nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp?" Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp khởi lên nơi Ta, vì có một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, phấn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ, tinh cần quá yếu đuối, ái dục, các tưởng sai biệt và trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp không khởi lên nơi Ta nữa?"

242. Rồi này Anuruddhā, sau khi biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ nghi hoặc phiền não của tâm; sau khi biết được không tác ý là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ không tác ý phiền não của tâm; sau khi biết được hôn trầm thụy miên...; sau khi biết được sợ hãi...; sau khi biết được phấn chấn...; sau khi biết được dâm ý...; sau khi biết được sự tinh cần quá độ...; sau khi biết được sự tinh cần quá yếu đuối...; sau khi biết được dục ái...; sau khi biết được tưởng sai biệt...; sau khi biết được trạng thái quá chú tâm vào các sắc

[9] *Abhijappā* được *MA*. IV. 208 giải thích là *tanhā*.

pháp là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp, một phiền não của tâm.

243. Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang nhưng Ta không thấy các sắc pháp, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Ta thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, Ta chỉ nhận thấy hào quang nhưng không thấy các sắc pháp, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày? Ta chỉ thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Trong khi Ta không tác ý sắc tướng, nhưng có tác ý hào quang tướng, trong khi ấy ta nhận thấy hào quang, [nhưng] không thấy các sắc pháp. Còn trong khi Ta không tác ý hào quang tướng, [nhưng] tác ý sắc tướng, trong khi ấy Ta thấy các sắc pháp, [nhưng] không nhận thấy hào quang, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày."

Rồi này Anuruddhā, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy được các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và nhận thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Về vấn đề này, này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?" Về vấn đề này, này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Khi nào định có hạn lượng, khi ấy mắt của Ta có hạn lượng; với con mắt có hạn lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy sắc pháp có hạn lượng. Nhưng khi nào định của Ta không hạn lượng, trong khi ấy mắt của Ta thành vô lượng, và với con mắt vô lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang vô lượng và thấy các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày."

244. Này Anuruddhā, khi nào biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, thời nghi hoặc phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được không tác ý là một phiền não của tâm, thời không tác ý phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được hôn trầm thụy miên... khi nào biết được sợ hãi... khi nào biết được phấn chấn... khi nào biết được dâm ý... khi nào biết được sự tinh cần quá độ... khi nào biết được sự tinh cần quá yếu đuối... khi nào biết được dục ái... khi nào biết được tưởng sai biệt... khi nào biết được trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp là một phiền não của tâm, thời trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp là một phiền não của tâm được đoạn trừ.

245. Rồi này Anuruddhā, Ta suy nghĩ như sau: "Những phiền não tâm của Ta đã được đoạn trừ. Nay Ta tu tập ba loại định." Rồi này Anuruddhā, Ta tu tập định có tầm có tứ; Ta tu tập định không có tầm, chỉ có tứ; Ta tu tập định không tầm, không tứ; Ta tu tập định có hỷ;[10] Ta tu tập định không có hỷ;[11] Ta tu tập

[10] *Sappītika*, chỉ cho Thiền thứ hai và Thiền thứ ba. Xem *MA*. IV. 209.

[11] Định Thiền thứ ba, Thiền thứ tư. Xem *MA*. IV. 209.

định câu hữu với lạc;[12] Ta tu tập định câu hữu với xả.[13] Này Anuruddhā, khi nào Ta tu tập định có tầm có tứ; khi nào Ta tu tập định không tầm, chỉ có tứ; khi nào Ta tu tập định không có tầm, không có tứ; khi nào Ta tu tập định có hỷ; khi nào Ta tu tập định không có hỷ; khi nào Ta tu tập định câu hữu với lạc; khi nào Ta tu tập định câu hữu với xả, thời tri kiến khởi lên nơi Ta: "Giải thoát của Ta là bất động, đây là đời sống cuối cùng của Ta, nay không còn hiện hữu."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[12] *Sāta*, chỉ cho Thiền thứ ba và Thiền thứ tư. Xem *MA*. IV. 209.

[13] *Upekkhā*: Chỉ cho Thiền thứ tư hay Thiền thứ năm theo phân loại 4 thiền và 5 thiền. Xem *MA*. IV. 209.

129. KINH HIỀN NGU

(*Bālapaṇḍita Sutta*)[1]

246. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có ba đặc điểm, đặc tướng, và đặc ấn này của người ngu. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu tư duy ác tư duy, nói lời ác ngữ và hành các ác hạnh. Này các Tỷ-kheo, nếu người ngu không tư duy ác tư duy, không nói lời ác ngữ, không hành ác hạnh, thời làm sao kẻ trí biết được người ấy: "Người này là người ngu, không phải là chân nhân"? Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ngu tư duy ác tư duy, nói lời ác ngữ, hành ác hạnh, do vậy, người trí biết người ấy: "Người này là người ngu, không phải là chân nhân." Người ngu ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại cảm thọ ba loại khổ ưu. Này các Tỷ-kheo, nếu người ngu ngồi giữa hội chúng, hay ngồi bên đường có xe cộ qua lại, hay tại [ngã ba, ngã tư] đường, tại đấy [nếu] có người nghĩ đến câu chuyện thích hợp về người ấy. Nếu người ngu, này các Tỷ-kheo, sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, say rượu men rượu nấu, thời ở đấy, này các Tỷ-kheo, người ngu ấy suy nghĩ như sau: "Các người ấy nghĩ đến câu chuyện thích hợp về ta, vì những pháp ấy thật có nơi ta và ta có những pháp ấy." Này các Tỷ-kheo, đây là loại khổ ưu thứ nhất, người ngu cảm thọ ngay trong hiện tại.

247. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người ngu thấy các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai biệt khác.[2] Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bối đầu hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khẩu hình, hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa), chúc

---

[1] Xem *M.* III. 178; *A.* I. 47; 102, 138; *J.* V. 264; *Netti.* 128. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Si tuệ địa kinh* 癡慧地經 (*T.*01. 0026.199. 0759a19). Tham chiếu: *Phật thuyết Nê-lê kinh* 佛說泥犁經 (*T.*01. 0086. 0907a10).

[2] *M.* I. 87; *MLS.* I. 115.

thủ hình (đốt tay), khu hành hình (lấy rơm bện lại rồi siết chặt), bì y hình (lấy vỏ cây làm áo), linh dương hình (hình phạt con dê núi), câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt), tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền), khối trấp hình, chuyển hình, cao đạp đài, họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu nghĩ như sau: "Do nhân các ác hành như vậy, các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng những hình phạt sai biệt khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân... họ lấy gươm chặt đầu; những pháp ấy có thật nơi ta và ta có những pháp ấy. Nếu các vua chúa biết về ta, các vua chúa ấy sau khi bắt ta liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn... họ lấy gươm chặt đầu." Này các Tỷ-kheo, đây là loại khổ ưu thứ hai, người ngu cảm thọ ngay trong hiện tại.

248. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi người ngu leo ngồi trên ghế, hay trên giường, hay nằm trên đất, lúc bấy giờ, những ác nghiệp người ấy làm từ trước như thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè lên người ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, những bóng các đỉnh núi treo nằm, treo áp, treo đè trên đất; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi người ngu ngồi trên ghế, hay ngồi trên giường, hay nằm dưới đất, trong khi ấy các nghiệp quá khứ của người ấy, tức là thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không làm điều phước, không làm điều thiện, không làm điều chống lại sợ hãi;[3] làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều tội lỗi. Do không làm điều phước, không làm điều thiện, không làm điều chống lại sợ hãi; do làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều tội lỗi nên phải đi đến ác thú, ác thú ấy sau khi chết ta phải đến." Người ấy sầu muộn, than van, than khóc, đấm ngực, rên la và rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây là sự khổ ưu thứ ba, ngay trong hiện tại, người ngu [phải] cảm thọ.

Này các Tỷ-kheo, kẻ ngu kia sau khi làm thân ác hành, sau khi làm khẩu ác hành, sau khi làm ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn về người ấy, phải nói rằng người ấy hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về địa ngục, phải nói rằng địa ngục hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, cho đến một ví dụ cũng không dễ gì, vì rất nhiều là sự đau khổ của địa ngục.

249. Khi được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho con một ví dụ được không?

Thế Tôn đáp:

---

[3] *Bhīruttāṇa*. Xem *AA*. III. 161; *It*. 25; *Vin*. III. 72; *BD*. I. 124, n. 1; *VinA*. 436.

– Có thể được, này Tỷ-kheo. Ví như, này Tỷ-kheo, có người bắt được một tên trộm cướp, dẫn đến trước mặt vua và thưa: "Tâu Đại vương, đây là một tên trộm cướp phạm tội. Hãy hình phạt nó như Đại vương muốn!" Và vị vua ấy nói như sau về tên trộm cướp ấy: "Này các ông, hãy đi và vào buổi sáng, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo." Và vào buổi sáng, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến trưa, vua nói như sau:

"Này các ông, người ấy ra sao?"

"Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống."

Rồi vua lại nói như sau về tên trộm cướp ấy: "Này các ông, hãy đi và vào buổi trưa, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo." Và vào buổi trưa, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến chiều, vua nói như sau:

"Này các ông, người ấy ra sao?"

"Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống."

Rồi vua lại nói như sau về người kia: "Này các ông, hãy đi và vào buổi chiều, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo." Và vào buổi chiều, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo.

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy bị đâm ba trăm ngọn giáo, do nhân duyên ấy, có cảm thọ khổ ưu không?

– Bạch Thế Tôn, chỉ bị ngọn giáo đâm một lần, người kia do nhân duyên ấy cũng cảm thấy khổ ưu, còn nói gì đến ba trăm ngọn giáo!

250. Rồi Thế Tôn lượm lên một hòn đá nhỏ, lớn bằng bàn tay và nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Cái gì lớn hơn, hòn đá này, to bằng bàn tay do ta lượm lên, hay núi Tuyết (Himavā),[4] vua các loại núi?

– Thật là quá nhỏ, bạch Thế Tôn, hòn đá này lớn bằng bàn tay do Thế Tôn lượm lên, so sánh với núi Tuyết, vua các loại núi, nó không đáng kể gì, nó không bằng một phần ngàn vạn lần [của núi Tuyết], nó không thể so sánh được!

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy bị đâm bởi ba trăm ngọn giáo, do nhân duyên ấy cảm thọ khổ ưu. Khổ ưu ấy so sánh với khổ ưu ở địa ngục không đáng kể gì, không bằng một phần ngàn vạn lần, không thể so sánh được. Này các Tỷ-kheo, những người giữ địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc[5] (*pañcavidhabandhanaṃ*). Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác

[4] Cũng gọi là Himālaya.

[5] *M.* III. 183; *A.* I. 141-42; *J.* I. 174.

nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, những người giữ địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, những người giữ địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ... (như trên)... chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, những người giữ địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... (như trên)... chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, những người giữ địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống trên một sườn núi đầy than hừng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... (như trên)... chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, những người giữ địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở đây bị nấu với vạc nước sôi sùng sục; khi thì nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, những người giữ địa ngục quăng người ấy vào đại địa ngục.[6] Này các Tỷ-kheo, đại địa ngục ấy có bốn góc, bốn cửa, chia thành phần bằng nhau, xung quanh có tường sắt, mái sắt lợp lên trên, nền địa ngục bằng sắt nung đỏ, cháy đỏ rực, đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do-tuần.

Này các Tỷ-kheo, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về địa ngục,[7] nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các Tỷ-kheo, vì đau khổ ở địa ngục quá nhiều.

251. Này các Tỷ-kheo, có những loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Chúng ăn những cỏ ướt và khô, với răng nhai nghiền cỏ ấy. Này các Tỷ-kheo, những sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ là gì? Các loại ngựa, trâu, bò, lừa, dê, nai hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Này các Tỷ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, những loại hữu tình ăn cỏ.

Này các Tỷ-kheo, có các sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân. Chúng ngửi được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây." Ví như các Bà-la-môn chạy đến, ngửi được mùi lễ tế sanh, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây." Cũng vậy này các Tỷ-kheo, có các loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, và ăn phân. Chúng ngửi được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng:

[6] Trong *MA*. IV. 234; *AA*. II. 232, *mahāniraya* (đại địa ngục) được gọi là Avīci (A-tỳ).

[7] *MA*. IV. 234 viết rằng địa ngục Avīci dài 100 do-tuần, rộng 100 do-tuần, nền và nóc bằng đồng và mỗi bức tường dài đến 99 do-tuần. Xem *Mhvu*. I. 9.

"Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây." Và này các Tỷ-kheo, các sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân là gì? Các loại gà, heo, chó, chó rừng (dã can), hay tất cả các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn phân. Này các Tỷ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loại hữu tình ấy, những loại hữu tình ăn phân.

Này các Tỷ-kheo, có các loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối. Này các Tỷ-kheo, những sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối là gì? Các loại côn trùng, con sùng, con dòi, con sâu đom đóm và các loại sanh vật khác thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sống trong bóng tối. Này các Tỷ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loại hữu tình sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối, chết trong bóng tối.

Này các Tỷ-kheo, có những sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sinh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Và này các Tỷ-kheo, các sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước là gì? Các loại cá, rùa, cá sấu, hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Này các Tỷ-kheo, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước.

Này các Tỷ-kheo, có các sanh vật thuộc loài bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh. Và này các Tỷ-kheo, các sanh vật ấy, các loại thuộc bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh là gì? Này các Tỷ-kheo, các loài hữu tình nào sanh ra trong cá thúi, hay già trong cá thúi, hay chết trong cá thúi; hay trong tử thi thúi... hay trong đồ ăn thúi... hay trong vũng nước... hay sinh ra trong đầm nước [nhớp], hay già trong đầm nước [nhớp], hay chết trong đầm nước [nhớp]. Này các Tỷ-kheo, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh.

Này các Tỷ-kheo, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về các loại bàng sanh, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các Tỷ-kheo, vì đau khổ ở loài bàng sanh quá nhiều.

252. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người quăng một khúc cây có một cái lỗ trên biển, một ngọn gió từ phương Đông thổi nó trôi qua phía Tây; một ngọn gió từ phương Tây thổi nó trôi qua phía Đông; một ngọn gió từ phương Bắc

thổi nó trôi qua phía Nam; một ngọn gió từ phương Nam thổi nó trôi qua phía Bắc. Rồi có một con rùa mù, cứ một trăm năm mới trồi đầu lên một lần. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Con rùa mù ấy có thể đút cổ nó vào trong lỗ cây này được không?

– Nếu có được chăng nữa, bạch Thế Tôn, thời chỉ được một lần, sau một thời gian rất lâu dài.

– Còn mau hơn, này các Tỷ-kheo, con rùa mù ấy có thể chui cổ vào khúc cây có lỗ hổng kia; nhưng này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng còn khó hơn được làm người trở lại, một khi người ngu bị rơi vào đọa xứ. Vì sao vậy? Vì ở đấy, này các Tỷ-kheo, không có pháp hành, an tịnh hành, thiện hành, phước hành. Này các Tỷ-kheo, ở đây chỉ có ăn lẫn nhau và ăn thịt kẻ yếu. Và này các Tỷ-kheo, nếu người ngu ấy sau một thời gian rất lâu dài, có được làm người trở lại, thời người ấy sẽ sanh trong gia đình thấp hèn, trong gia đình hạ cấp, trong gia đình kẻ đi săn, trong gia đình kẻ đan tre, trong gia đình người làm xe, hay trong gia đình người đổ phân; trong những gia đình nghèo khốn, không đủ để uống hay để ăn, cho đến miếng vải che lưng cũng khó tìm được. Lại nữa, người ấy thô xấu, khó nhìn, lùn thấp, hay bệnh, mù hay có tật, què hay bị bại. Người ấy không có thể được các đồ ăn, đồ uống, vải sa, vòng hoa, hương liệu, giường nằm, chỗ trú xứ và ánh sáng. Người ấy hành thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành; vì hành thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung, sinh ra trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đánh bạc trong canh đổ bạc đầu tiên, mất con, mất vợ, mất tất cả tài sản, lại cuối cùng phải tù tội. Nhưng này các Tỷ-kheo, còn nhỏ bé canh đổ bạc ấy, do canh đổ bạc đầu tiên này, người ấy mất con, mất vợ, mất tất cả tài sản, lại cuối cùng phải tù tội. Và canh bạc này to lớn hơn, với canh bạc ấy, người ngu, do thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đây là địa vức hoàn toàn viên mãn của kẻ ngu.

253. Này các Tỷ-kheo, có ba đặc điểm, đặc tướng và đặc ấn này của người trí. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người trí tư duy thiện tư duy, nói lời thiện ngữ và hành các thiện hành. Này các Tỷ-kheo, nếu người trí không tư duy thiện tư duy, không nói lời thiện ngữ, không hành các thiện hành, thời làm sao kẻ trí biết được người ấy: "Vị này là người trí, là bậc chân nhân?" Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, người trí tư duy thiện tư duy, nói lời thiện ngữ, hành thiện hành, do vậy người trí biết người ấy: "Vị này là người có trí, là bậc chân nhân." Người trí ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại cảm thọ ba loại lạc hỷ. Này các Tỷ-kheo, nếu người trí ngồi giữa hội chúng, hay ngồi bên đường có xe cộ qua lại, hay tại [ngã ba, ngã tư] đường, tại đấy, [nếu] có người nghĩ đến câu chuyện thích hợp về người ấy. Nếu người trí, này các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ say rượu men rượu nấu, thời ở đây, này các Tỷ-kheo, người trí ấy suy nghĩ

như sau: "Các người ấy nghĩ đến câu chuyện thích hợp về ta, vì những pháp ấy thật có nơi ta và ta có những pháp ấy." Này các Tỷ-kheo, đây là loại lạc hỷ thứ nhất, người trí cảm thọ ngay trong hiện tại.

254. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người trí thấy các vua chúa, sau khi bắt tên trộm cướp phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai biệt khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn... (như trên)... họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người trí suy nghĩ như sau: "Do nhân các ác hành như vậy, các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng những hình phạt sai biệt khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy... (như trên)... họ lấy gươm chặt đầu; những pháp ấy thật không có nơi ta, và ta không có những pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là loại lạc hỷ thứ hai, người trí cảm thọ ngay trong hiện tại.

255. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi người trí leo ngồi trên ghế, hay trên giường, hay nằm trên đất, lúc bấy giờ, những thiện nghiệp người ấy làm từ trước như thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, những bóng các đỉnh núi treo nằm, treo áp, treo đè trên đất; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi người trí ngồi trên ghế hay ngồi trên giường, hay nằm dưới đất, trong khi các nghiệp quá khứ của người ấy, tức là thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người trí suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều tội lỗi; lại làm điều phước, làm điều thiện, làm điều chống sợ hãi. Do không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều tội lỗi; do làm điều phước, làm điều thiện, làm điều chống sợ hãi nên được đi đến [thiện] thú, [thiện] thú ấy sau khi chết, ta được đến." Vị ấy không sầu muộn, không than van, không than khóc, không đấm ngực, không rên la và không rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây là sự lạc hỷ thứ ba, ngay trong hiện tại người trí được cảm thọ. Này các Tỷ-kheo, kẻ trí kia sau khi làm thân thiện hành, sau khi làm khẩu thiện hành, sau khi làm ý thiện hành, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn về vị ấy, phải nói rằng vị ấy hoàn toàn tốt đẹp, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn thích ý. Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về thiên giới phải nói rằng thiên giới hoàn toàn tốt đẹp, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn thích ý. Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, cho đến một ví dụ cũng không dễ gì, vì rất nhiều là sự [an] lạc của thiên giới.

256. Khi được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho con một ví dụ được không?

– Có thể được, này Tỷ-kheo.

Thế Tôn nói như vậy.

– Ví như, này các Tỷ-kheo, vị Vua Chuyển Luân[8] có đầy đủ bảy món báu và

[8] *D.* II. 174-78.

bốn như ý đức, do nhân duyên ấy, cảm thọ lạc hỷ. Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, vào ngày Bố-tát trăng rằm, sau khi gội đầu, lên cao điện để trai giới, thời thiên luân báu hiện ra, đủ một ngàn căm xe, với vành xe, trục xe, đầy đủ mọi bộ phận. Thấy vậy, Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh suy nghĩ: "Ta nghe như vầy: Khi một vị Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh vào ngày Bố-tát trăng rằm, sau khi gội đầu, lên cao điện để trai giới, nếu có thiên luân báu hiện ra, đủ một ngàn căm xe, với vành xe và trục xe, đầy đủ mọi bộ phận, thời vị Vua ấy là Chuyển Luân Vương. Như vậy, ta có thể là Chuyển Luân Vương."

Này các Tỷ-kheo, rồi Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y trên một vai, tay trái cầm bình nước và với tay phải rưới nước trên xe báu và nói: "Này xe báu, hãy lăn khắp. Này xe báu, hãy chinh phục!" Và này các Tỷ-kheo, xe báu lăn về hướng Đông và Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào xe báu dừng lại, chỗ ấy Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh an trú cùng với bốn loại binh chủng.

Này các Tỷ-kheo, các địch vương ở phương Đông đến yết kiến Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, và nói: "Hãy đến đây, Đại vương! Hoan nghênh, đón mừng Đại vương! Tâu Đại vương, tất cả đều thuộc của ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi!"

Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh nói rằng: "Không được sát sanh. Không được lấy của không cho. Không được tà dâm. Không được nói láo. Không được uống rượu. Hãy ăn uống cho thích nghi."

Này các Tỷ-kheo, tất cả địch vương ở phương Đông đều trở thành chư hầu Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh.

257. Này các Tỷ-kheo, rồi xe báu ấy lặn xuống biển lớn ở phương Đông rồi nổi lên và lăn về phương Nam... lặn xuống biển lớn ở phương Nam rồi nổi lên và lăn về phương Tây... lặn xuống biển lớn ở phương Tây rồi nổi lên và lăn về phương Bắc và Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào xe báu dừng lại, chỗ ấy Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh an trú cùng với bốn loại binh chủng.

Này các Tỷ-kheo, các địch vương ở phương Bắc đến yết kiến Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh và nói: "Hãy đến đây, Đại vương! Hoan nghênh, đón mừng Đại vương! Tâu Đại vương, tất cả đều thuộc của ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi!"

Này các Tỷ-kheo, tất cả địch vương ở phương Bắc đều trở thành chư hầu Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh.

Này các Tỷ-kheo, xe báu ấy sau khi chinh phục trái đất cho đến hải biên, liền trở về kinh đô Kusāvati và đứng trước pháp đình, trên cửa nội cung như

một trang bảo cho nội cung của Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện xe báu của Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh.

258. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, voi báu xuất hiện cho Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, thuần trắng, bảy xứ kiên cường, có thần lực, phi hành trên hư không và tên là Uposatha (Bố-tát). Thấy [voi báu], Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: "Lành thay được cưỡi con voi này, nếu nó chịu sự điều ngự." Và này các Tỷ-kheo, như một con hiền tượng quý phái chịu sự điều ngự lâu ngày, con voi báu ấy tự đến để chịu điều ngự. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, để thử voi báu này, sáng sớm cưỡi voi đi khắp quả đất cho đến hải biên, rồi về lại kinh đô Kusāvati kịp giờ ăn sáng. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện voi báu của Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ngựa báu xuất hiện cho Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, thuần trắng, đầu đen như quạ, bờm ngựa màu đen, có thần lực, phi hành trên hư không và tên là Valāhaka. Thấy [ngựa báu], Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: "Tốt đẹp thay được cưỡi con ngựa này nếu nó chịu sự điều ngự!" Và này các Tỷ-kheo, như một con hiền mã quý phái, chịu sự điều ngự lâu ngày, con ngựa báu ấy tự đến để chịu sự điều ngự. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, để thử con ngựa báu này, sáng sớm liền cưỡi ngựa đi khắp quả đất cho đến hải biên, rồi về lại kinh đô Kusāvati kịp giờ ăn sáng. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện ngựa báu của Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, châu báu xuất hiện cho Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh. Châu báu ấy là lưu ly châu, sáng suốt, thuần chất, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, trong suốt, không tỳ vết, hoàn hảo mọi phương diện. Này các Tỷ-kheo, hào quang châu báu này chiếu sáng cùng khắp một do-tuần. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, để thử châu báu này, đã cho dàn bày bốn binh chủng, đặt bảo châu cao trên quân kỳ và có thể tiến quân trong đêm tối âm u. Này các Tỷ-kheo, mọi người trong làng ở xung quanh đều bắt đầu làm việc, tưởng rằng trời đã sáng rồi. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện châu báu của Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh.

Này các Tỷ-kheo, nữ báu xuất hiện cho Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, mỹ miều, khả ái, cử chỉ đoan trang, màu da tuyệt mỹ, không quá cao, không quá thấp, không béo, không gầy, không quá đen, không quá trắng, vượt trên dung sắc loài người, sánh bằng dung sắc chư thiên. Này các Tỷ-kheo, thân xác nữ báu này [êm mịn] như bông, như nhung. Này các Tỷ-kheo, khi trời lạnh, chân tay nữ báu này trở thành ấm áp; khi trời nóng, trở thành lạnh mát. Này các Tỷ-kheo, thân nữ báu tỏa mùi thơm Chiên-đàn, miệng tỏa mùi thơm hoa sen. Này các Tỷ-kheo, nữ báu này dậy trước và đi ngủ sau Vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, mọi hành động làm vua thỏa thích, yên lành khả ái.[9] Này các Tỷ-kheo,

---

[9] *M.* II. 84.

nữ báu này không có một tư tưởng nào bất tín đối với Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, huống nữa là về thân thể. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện nữ báu của Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, cư sĩ báu xuất hiện cho Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, chứng được Thiên nhãn, do nghiệp dị thục sanh và nhờ Thiên nhãn này có thể thấy châu báu chôn cất có chủ hay không có chủ. Cư sĩ báu này đến Vua Sát-đế-ly đã làm quán đảnh và nói:

"Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, thần sẽ xử lý thích nghi tài sản Đại vương."

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, muốn thử cư sĩ báu này, liền cưỡi thuyền, chèo ra giữa sông Hằng và bảo cư sĩ báu:

"Này cư sĩ, ta cần vàng."

"Tâu Đại vương, hãy cho chèo thuyền gần bờ nào cũng được."

"Này cư sĩ, ta cần vàng ngay tại đây."

Này các Tỷ-kheo, khi ấy cư sĩ báu thọc hai tay xuống nước nhấc lên một ghè đầy cả vàng ròng, rồi tâu với Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh:

"Tâu Đại vương, như vậy đã đủ chưa? Tâu Đại vương, làm như vậy đã được chưa?"

Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh trả lời:

"Này cư sĩ, như vậy là đủ. Này cư sĩ, làm như vậy là được rồi. Này cư sĩ, cúng dường như vậy là được rồi."

Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện cư sĩ báu của Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, tướng quân báu xuất hiện cho Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, có học thức, thông minh, sáng suốt, có khả năng khuyến cáo Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, khi đáng tiến thì tiến, khi đáng lùi thì lùi, khi đáng dừng thì dừng.

Vị này đến tâu Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh:

"Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, thần sẽ cố vấn Đại vương."

Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện tướng quân báu của Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Này các Tỷ-kheo, Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh có đầy đủ bảy báu như vậy.

259. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh có đầy đủ bốn như ý đức.[10] Thế nào là bốn?

---

[10] *D.* II. 177.

Này các Tỷ-kheo, Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh đẹp trai, khả ái, cử chỉ thanh lịch, sắc diện tuyệt luân, thấy xa hơn mọi người. Này các Tỷ-kheo, đó là như ý đức thứ nhất của Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh sống lâu, tuổi thọ thắng xa các người khác. Này các Tỷ-kheo, đó là như ý đức thứ hai của Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh ít bệnh tật, ít tai ương, thể nhiệt không quá lạnh, không quá nóng,[11] được quân phân để điều hòa sự tiêu hóa, thắng xa các người khác. Này các Tỷ-kheo, đó là như ý đức thứ ba của Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh được các Bà-la-môn và gia chủ ái kính và yêu mến. Này các Tỷ-kheo, như người cha được các người con ái kính và yêu mến, cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh được các Bà-la-môn và gia chủ ái kính và yêu mến. Này các Tỷ-kheo, các vị Bà-la-môn và gia chủ được Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh ái kính và yêu mến. Này các Tỷ-kheo, như những người con được người cha ái kính và yêu mến, cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn và gia chủ được Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh ái kính và yêu mến. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh đi đến hoa viên cùng với bốn loại binh chủng. Này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn và gia chủ đến Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh và tâu rằng:

"Tâu Đại vương, hãy cho đi chậm chậm để chúng tôi có thể chiêm ngưỡng lâu dài hơn."

Này các Tỷ-kheo, nhưng Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh lại ra lệnh cho người đánh xe:

"Này anh đánh xe, hãy đánh xe chậm chậm để ta có thể thấy các vị Bà-la-môn và gia chủ lâu dài hơn."

Này các Tỷ-kheo, như vậy là như ý đức thứ tư của Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Và này các Tỷ-kheo, Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh suy nghĩ: "Nay ta hãy cho xây những hồ sen giữa các hàng cây Sa-la, cứ cách khoảng một trăm cung tầm."

Này các Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân có đầy đủ bốn như ý đức này.

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Vua Chuyển Luân, đầy đủ bảy món báu và bốn như ý đức, do nhân duyên ấy, có cảm thọ lạc hỷ không?

– Bạch Thế Tôn, Vua Chuyển Luân chỉ đầy đủ một món báu, do nhân duyên ấy, có cảm thọ lạc hỷ; còn nói gì đầy đủ bảy món báu và bốn như ý đức.

---

[11] Nói về Raṭṭhapāla. Xem *M.* II. 67.

260. Rồi Thế Tôn lượm lên một hòn đá nhỏ, lớn bằng bàn tay và nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Cái gì lớn hơn? Hòn đá này, to bằng bàn tay, do Ta lượm lên hay núi Tuyết, vua các loại núi?

– Thật là quá nhỏ, bạch Thế Tôn, là hòn đá này, lớn bằng bàn tay, do Thế Tôn lượm lên, so sánh với núi Tuyết, vua các loại núi, nó không đáng kể gì, nó không bằng một phần ngàn vạn lần [của núi Tuyết], nó không thể so sánh được.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân với bảy món báu và bốn như ý đức, do nhân duyên ấy cảm thọ lạc hỷ, lạc hỷ ấy so sánh với thiên lạc không đáng kể gì, không bằng một phần ngàn vạn lần, không thể so sánh được. Này các Tỷ-kheo, người có trí ấy, nếu sau một thời gian rất lâu dài, được sinh làm người, người ấy sẽ sinh ra trong một gia đình cao quý Sát-đế-lỵ đại gia, hay Bà-la-môn đại gia, hay cư sĩ đại gia giàu có, tài sản nhiều, tài nguyên nhiều, vàng và bạc phong phú, tài vật phong phú, lúa thóc phong phú. Hơn nữa, vị ấy đẹp trai, khả ái, dễ thương, đầy đủ dung sắc tối thượng. Vị ấy nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, giường, trú xứ và ánh sáng. Vị ấy sống với thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành. Sống với thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đánh bạc, chính trong canh bạc thứ nhất [đổ xúc xắc] được tiền bạc rất nhiều. Thật là quá nhỏ, này các Tỷ-kheo, là canh bạc ấy, nhờ canh bạc đầu tiên này, người đánh bạc ấy được tiền bạc rất nhiều. Lớn hơn canh bạc ấy là canh bạc mà nhờ đó người trí sau khi hành thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, đây là địa vức hoàn toàn viên mãn của bậc có trí.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

130. KINH THIÊN SỨ

(*Devadūta Sutta*)[1]

261. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ví như, này các Tỷ-kheo, có hai nhà có cửa;[2] ở đây, một người có mắt đứng chính giữa có thể thấy những người đi vào nhà, đi ra khỏi nhà, đi qua, đi lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy các chúng hữu tình chết đi sanh lại, hạ liệt, cao sang, đẹp trai, xấu hình, thiện thú, ác thú, tùy theo hạnh nghiệp của họ, [và Ta nghĩ]: "Các vị hữu tình này, do thành tựu thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp chánh kiến; các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Hay các vị hữu tình này, do thành tựu thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp chánh kiến; các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh ra giữa loài người. Còn các vị hữu tình do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với tà kiến; các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi ngạ quỷ (*pettivisaya*). Hay các vị hữu tình này, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp tà kiến; các hữu tình ấy sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào các loại bàng sanh. Hay các vị hữu tình này, do thành tựu thân ác hành... (như trên)... sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục."

---

[1] Xem *M.* III. 163; *A.* I. 138; *J.* V. 264; *MNid.* 401; *CNid.* 23:32-33; *Miln.* 67. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thiên sứ kinh* 天使經 (*T.*01. 0026.64. 0503a21). Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T.*01. 0001.30. 0114b07); *Thiết thành Nê-lê kinh* 鐵城泥犁經 (*T.*01. 0042. 0826c26); *Diêm-la Vương ngũ thiên sứ giả kinh* 閻羅王五天使者經 (*T.*01. 0043. 0828b12); *Nê-lê kinh* 泥犁經 (*T.*01. 0086. 0907a10); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.32.4. 0674b16).

[2] *M.* I. 279; II. 21.

262. Này các Tỷ-kheo,[3] các người coi giữ địa ngục, sau khi bắt giữ người ấy với nhiều cánh tay, dẫn người ấy đến trước Vua Yama [và thưa]:

– Tâu Đại vương, người này không có từ tâm, không xứng là Sa-môn, không xứng là Bà-la-môn,[4] không kính trọng các vị lớn tuổi trong gia đình. Đại vương hãy trừng phạt nó!

Này các Tỷ-kheo, Vua Yama, chất vấn người ấy, cật vấn, thẩm vấn người ấy về Thiên sứ thứ nhất: "Này người kia, ngươi có thấy Thiên sứ thứ nhất đã hiện ra giữa loài người không?" Người ấy nói: "Thưa ngài, không thấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, ngươi có thấy giữa loài người có đứa con nít nhỏ, yếu ớt, nằm ngửa, nằm rơi vào giữa phân và nước tiểu của nó hay không?" Người ấy đáp: "Thưa ngài, có thấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, tuy ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng ngươi không có nghĩ: 'Ta bị sanh chi phối, ta không thoát khỏi sanh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý.'" Người ấy đáp: "Thưa ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa ngài." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, nếu vì phóng dật nên ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho ngươi, này người kia, tùy theo sự phóng dật ấy của ngươi; vì rằng đây là một ác nghiệp của ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm, chính ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy."

263. Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn và thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ nhất, Vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về Thiên sứ thứ hai: "Này người kia, ngươi có thấy giữa loài người, Thiên sứ thứ hai hiện ra không?" Người ấy đáp: "Thưa ngài, không thấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người kia: "Này người kia, ngươi có thấy người đàn bà hay người đàn ông tám mươi tuổi, hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm, chống gậy, vừa đi vừa run, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã qua mất, răng rụng, tóc sói, da nhăn, run rẩy, với tay chân bạc màu?" Người ấy đáp: "Thưa ngài, có thấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, tuy ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng ngươi không có nghĩ: 'Ta bị già chi phối, ta không thoát khỏi già; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý.'" Người ấy đáp: "Thưa ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa ngài." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, nếu vì phóng dật nên ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho ngươi, này người kia, tùy theo sự phóng dật của ngươi; vì rằng đây là một ác nghiệp của ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm,

---

[3] Từ đây trở đi, xem *A.* I. 138ff, chỉ nói đến 3 Thiên sứ.

[4] *D.* III. 72; *A.* I. 138 viết: "Không lễ phép với cha, với mẹ, không kính lễ các bậc Sa-môn, Bà-la-môn".

không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm, chính ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy."

264. Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ hai, Vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về Thiên sứ thứ ba: "Này người kia, ngươi có thấy giữa loài người, Thiên sứ thứ ba hiện ra không?" Người ấy đáp: "Thưa ngài, không thấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người kia: "Này người kia, người có thấy người đàn bà hay người đàn ông bị bệnh hoạn, khổ não, bị bệnh trầm trọng nằm rơi vào trong nước tiểu và phân của mình, cần người khác nâng dậy, cần người khác dìu nằm xuống?" Người ấy đáp: "Thưa ngài, có thấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, tuy ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng ngươi không có nghĩ: 'Ta bị bệnh chi phối, ta không thoát khỏi bệnh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý.'" Người ấy đáp: "Thưa ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa ngài." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, nếu vì phóng dật nên ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho ngươi, này người kia, tùy theo sự phóng dật của ngươi; vì rằng đây là một ác nghiệp của ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm, chính ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy."

265. Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ ba, Vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về Thiên sứ thứ tư: "Này người kia, ngươi có thấy giữa loài người, Thiên sứ thứ tư hiện ra không?" Người ấy đáp: "Thưa ngài, không thấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người kia: "Này người kia, ngươi có thấy giữa loài người, các vua chúa sau khi bắt được tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bối đầu hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khẩu hình, hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa), chúc thủ hình (đốt tay), khu hành hình (lấy rơm bện lại rồi siết chặt), bì y hình (lấy vỏ cây làm áo), linh dương hình (hình phạt con dê núi), câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt), tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền), khối trấp hình, chuyển hình, cao đạp đài, họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu." Người ấy nói: "Thưa ngài, có thấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, tuy ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng ngươi không có nghĩ: 'Thật sự những ai làm các ác nghiệp, họ phải chịu những hình phạt sai khác ngay trong hiện tại như vậy, huống nữa là về đời sau! Ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu, ý.'" Người

ấy đáp: “Thưa ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa ngài.” Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: “Này người kia, nếu vì phóng dật nên ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho ngươi, này người kia, tùy theo sự phóng dật của ngươi; vì rằng đây là một ác nghiệp của ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm, chính ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy.”

266. Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ tư, Vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về Thiên sứ thứ năm: “Này người kia, ngươi có thấy giữa loài người, Thiên sứ thứ năm hiện ra không?” Người ấy đáp: “Thưa ngài, không thấy.” Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: “Này người kia, ngươi có thấy giữa loài người, người đàn bà hay người đàn ông chết đã được một ngày, hai ngày hay ba ngày, sưng phồng lên, xanh xám lại, rữa nát ra?” Người ấy nói: “Thưa ngài, có thấy.” Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: “Này người kia, tuy ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng ngươi không có nghĩ: ‘Ta bị chết chi phối, ta không thoát khỏi chết; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý.’” Người ấy đáp: “Thưa ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa ngài.” Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: “Này người kia, nếu vì phóng dật nên ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho ngươi, này người kia, tùy theo sự phóng dật của ngươi; vì rằng đây là một ác nghiệp của ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm, chính ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy.”

267. Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn, người ấy về Thiên sứ thứ năm, Vua Yama giữ im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc (*pañcavidhabandhanaṃ*), họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ địa ngục dựng ngược người ấy chân

phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống trên một sườn núi đầy than hừng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở đây bị nấu với vạt nước sôi sùng sục; khi thì trôi nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, những người coi giữ địa ngục quăng người ấy vào đại địa ngục.[5] Này các Tỷ-kheo, đại địa ngục ấy: "Có bốn góc, bốn cửa, chia thành phần bằng nhau, xung quanh có tường sắt, mái sắt lợp lên trên, nền địa ngục bằng sắt nung đỏ, cháy đỏ rực, đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do-tuần."

Này các Tỷ-kheo, từ tường phía Đông của đại địa ngục ấy, những ngọn lửa bừng cháy lên được thổi tạt đến tường phía Tây. Những ngọn lửa bừng cháy lên từ tường phía Tây được thổi tạt đến tường phía Đông. Những ngọn lửa bừng cháy lên từ tường phía Bắc được thổi tạt đến tường phía Nam. Những ngọn lửa bừng cháy lên từ tường phía Nam được thổi tạt đến tường phía Bắc. Những ngọn lửa bừng cháy lên từ phía dưới được thổi tạt lên phía trên. Những ngọn lửa bừng cháy lên từ phía trên được thổi tạt xuống phía dưới. Người ấy ở đây cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

268. Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông của đại địa ngục được mở ra. Người ấy chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen.[6] Sự trốn thoát[7] của người ấy là như vậy. Này các Tỷ-kheo, dù cho người ấy có cố gắng rất nhiều,[8] cửa vẫn đóng chống lại người ấy. Tại đấy người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

---

[5] Đoạn tả địa ngục này cho đến hết bài kệ cũng được tìm thấy trong *M.* III. 166-67.

[6] Xem *DhA.* I. 425, *akkhīni me dhūmāyanti.*

[7] *Ubbhataṃ tādisameva hoti*, như vậy là sự cố gắng thoát ra khỏi của người ấy. Nhưng người ấy không thể thoát ra một cách mau chóng được. Lần sau, cửa phương Đông mở và người ấy thoát ra từ cửa này.

[8] *Bahusampatta. MA.* IV. 235 viết rằng sau khi nói rằng người ấy chịu đựng nhiều trăm ngàn năm ở địa ngục Vô Gián (Avīci) để thọ lãnh kết quả hành vi ác nghiệp của mình, rồi tiếp đến mô tả cực hình của Devadatta trong sáu lò lửa của địa ngục. Avīci có nghĩa là đau khổ không gián đoạn.

Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Tây được mở ra... (như trên)... cửa phía Bắc được mở ra... (như trên)... cửa phía Nam được mở ra. Người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Này các Tỷ-kheo, dầu cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chống lại người ấy. Tại đấy người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi các ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông được mở ra, người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ... (như trên)... sự trốn thoát của người ấy là như vậy.

Người ấy đi ra khỏi cửa ấy.

269. Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát đại địa ngục là đại địa ngục Phẩn Nị (Gūthaniraya).[9] Người ấy rơi vào địa ngục này. Này các Tỷ-kheo, tại Phẩn Nị địa ngục ấy, các chúng sanh với miệng như mũi kim cắt đứt da ngoài; sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong; sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt; sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân; sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương; sau khi cắt đứt xương, chúng cắt đứt xương tủy. Ở đấy người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát đại địa ngục Phẩn Nị ấy là đại địa ngục Nhiệt Khôi (Than hừng - Kukkulaniraya). Người ấy rơi vào ở đấy. Ở đấy, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát đại địa ngục Nhiệt Khôi là Đại Châm Thọ Lâm (Simbalivana) cao một do-tuần, với những gai nhọn dài mười sáu ngón tay, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Họ bắt người ấy leo lên, leo xuống. Ở đấy người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Đại Châm Thọ Lâm là Đại Kiếm Diệp Lâm (Rừng lá gươm - Asipattavana). Người ấy rơi vào trong ấy. Ở đấy, các lá cây, do gió lay động, cắt đứt tay của người ấy, cắt đứt chân, cắt đứt tay chân, cắt đứt tai, cắt đứt mũi, cắt đứt tai mũi. Ở đấy, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Đại Kiếm Diệp Lâm là Đại Khôi Hà (Sông vôi - Khārodakānadī). Người ấy rơi vào trong ấy. Tại đấy, người ấy bị trôi thuận theo dòng nước, người ấy bị trôi ngược lại dòng nước, người ấy trôi thuận theo,

---

[9] Các loại địa ngục, xem *DPPN*.

ngược lại dòng nước. Ở đấy, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

270. Rồi này các Tỷ-kheo, những người coi giữ địa ngục, câu người ấy lên[10] với móc câu, đặt người ấy trên đất và nói với người ấy: "Này người kia, ngươi muốn gì?" Người ấy nói: "Thưa các ngài, tôi đói bụng." Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ địa ngục lấy cọc sắt nung đỏ, cạy miệng người ấy và nhét vào miệng người ấy những cục đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Môi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo ruột lớn, ruột nhỏ, các cục đồng ấy rơi ra ngoài từ phía dưới. Ở đấy, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ địa ngục nói với người ấy: "Này người kia, ngươi muốn gì?" Người ấy nói: "Thưa các ngài, tôi khát nước." Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ địa ngục lấy cọc sắt nung đỏ cạy miệng người ấy ra, và đổ vào miệng người ấy nước đồng nấu sôi, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Môi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo ruột lớn, ruột nhỏ, [nước đồng sôi ấy] chảy ra ngoài từ phía dưới. Ở đấy, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ địa ngục lại quăng người ấy vào đại địa ngục.

Một thời xưa lắm, này các Tỷ-kheo, Vua Yama suy nghĩ như sau: "Những ai làm ác nghiệp ở đời, phải thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và ta có thể hầu hạ Thế Tôn, và Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thể thông hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng."

Này các Tỷ-kheo, điều Ta đang nói không phải Ta nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác; nhưng điều Ta đang nói chỉ được Ta biết mà thôi, chỉ được Ta thấy mà thôi, chỉ được Ta hiểu mà thôi.

271. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

> Dầu thiên sứ báo động,
> Thanh niên vẫn phóng dật,
> Họ ưu buồn lâu dài,
> Sanh làm người hạ liệt.

---

[10] *Mhvu*. I. 7-8.

Ở đây bậc chân nhân,
Được thiên sứ báo động,
Không bao giờ phóng dật,
Trong diệu pháp bậc Thánh.
Thấy sợ trong chấp thủ,
Trong hiện hữu sanh tử.
Được giải thoát chấp thủ,
Sanh tử được đoạn trừ.
Được yên ổn an lạc,
Ngay hiện tại tịch tịnh,[11]
Mọi oán hận sợ hãi,
Các vị ấy vượt qua;
Mọi đau đớn sầu khổ,
Họ đều được siêu thoát.

[11] *Abhinibbutā*. Các bài kệ này cũng được tìm thấy trong *A*. I. 142 và 4 câu cuối trong *A*. III. 311.

131. KINH NHẤT DẠ HIỀN GIẢ

(*Bhaddekaratta Sutta*)[1]

272. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các ông: Nhất dạ Hiền giả (*Bhaddekaratta*), tổng thuyết và biệt thuyết. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

Quá khứ[2] không truy tìm,[3]
Tương lai không ước vọng,
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến.
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây,
Không động, không rung chuyển,
Biết vậy, nên tu tập.
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết.
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

---

[1] Xem *M.* III. 189, 192, 199; *J.* VI. 4; *MNid.* 180, 209; *Ap.* II. 504; *Netti.* 128. Trong *MA*. V. 1, viết liên hệ đến chữ *Bhaddekaratta*, sự tập trung quán chiếu (*vipassanā*) đạt được định.

[2] Năm uẩn trong quá khứ. Bài kệ này cũng được tìm thấy trong *Netti.* 149; *Ap.* 506.

[3] *Nānvāgameyya*. *MA*. V. 1 giải thích như *nānugaccheyya*, nghĩa là dõi theo. Nghĩa của *anvāgameti* là khiến cho quay trở lại, làm tỉnh thức, không còn bị lôi cuốn bởi tham ái và tà kiến.

273. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và truy tìm[4] sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là hành của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thức của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là truy tìm quá khứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là hành của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thức của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không truy tìm quá khứ.

274. Và này các Tỷ-kheo, thế nào ước vọng tương lai? Vị ấy nghĩ: "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là tưởng của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là hành của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thức của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ước vọng trong tương lai.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không ước vọng trong tương lai? Vị ấy nghĩ: "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là tưởng của tôi trong tương lai", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là hành của tôi trong tương lai", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thức của tôi trong tương lai", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không ước vọng trong tương lai.

275. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là bị lôi cuốn[5] trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc là tự ngã, hay quán tự ngã là có sắc, hay quán sắc là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong sắc; hay vị ấy quán thọ là tự ngã, hay quán tự ngã là có thọ, hay quán thọ là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thọ; hay vị ấy quán tưởng là tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay quán

[4] *Samanvāneti*: Tiếp tục truy tìm. Xem *MA*. V. 2.

[5] *Paccuppannesu dhammesu saṃhīrati*. *Saṃhīrati* nghĩa là bị lôi cuốn bởi tham ái và tà kiến; nhờ tu tập tuệ quán (*vipassanā*) mà ra khỏi. Xem *M*. V. 2.

tưởng là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong tưởng; hay vị ấy quán hành là tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là có hành, hay vị ấy quán hành là trong tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là trong hành; hay vị ấy quán thức là tự ngã, hay quán tự ngã là có thức, hay quán thức là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị đa văn Thánh đệ tử, đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; đi đến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị này không quán sắc là tự ngã, không quán tự ngã là có sắc, không quán sắc là trong tự ngã, không quán tự ngã trong sắc; không quán thọ...; không quán tưởng...; không quán hành...; không quán thức là tự ngã, không quán tự ngã là có thức, không quán thức là trong tự ngã, không quán tự ngã trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến.
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây,
Không động, không rung chuyển,
Biết vậy, nên tu tập.
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết.
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Khi Ta nói: "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông Nhất dạ Hiền giả, tổng thuyết và biệt thuyết", chính duyên ở đây mà nói vậy.

132. KINH A-NAN NHẤT DẠ HIỀN GIẢ

(*Ānandabhaddekaratta Sutta*)[1]

276. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda tại hội trường thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. [Tôn giả] giảng Nhất dạ Hiền giả, tổng thuyết và biệt thuyết. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến hội trường, sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, ai tại hội trường đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. Ai đã giảng Nhất dạ Hiền giả, tổng thuyết và biệt thuyết?

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ānanda tại hội trường đã thuyết thị, khích lệ, làm cho thích thú, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. [Tôn giả] đã giảng Nhất dạ Hiền giả, tổng thuyết và biệt thuyết.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Nhưng như thế nào, này Ānanda, ông đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp? Ông có phải đã giảng Nhất dạ Hiền giả, tổng thuyết và biệt thuyết?

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn, con đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. Con đã giảng Nhất dạ Hiền giả, tổng thuyết và biệt thuyết:

> Quá khứ không truy tìm,
> Tương lai không ước vọng,
> Quá khứ đã đoạn tận,
> Tương lai lại chưa đến.
> Chỉ có pháp hiện tại,
> Tuệ quán chính ở đây,
> Không động, không rung chuyển,
> Biết vậy, nên tu tập.

---

[1] Xem *M.* III. 187, 192, 199; *J.* VI. 4. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *A-nan thuyết kinh* 阿難說經 (*T.*01. 0026.167. 0699c27).

Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết.
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

277. Này các Hiền giả, thế nào là truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là hành của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thức của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Hiền giả, là truy tìm quá khứ.

Và này các Hiền giả, thế nào là không truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là hành của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thức của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Hiền giả, là không truy tìm quá khứ.

Và này các Hiền giả, thế nào ước vọng tương lai? Vị ấy nghĩ: "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là tưởng của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là hành của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thức của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Hiền giả, là ước vọng trong tương lai.

Và này các Hiền giả, thế nào là không ước vọng trong tương lai? Vị ấy nghĩ: "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là tưởng của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là hành của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thức của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Hiền giả, là không ước vọng trong tương lai.

Và này các Hiền giả, như thế nào là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Hiền giả, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc là tự ngã, hay quán tự ngã là có sắc, hay quán sắc là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong sắc; hay vị ấy quán thọ là tự ngã, hay quán tự ngã là có thọ, hay quán thọ là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thọ; hay vị ấy quán tưởng là tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay quán tưởng là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong tưởng; hay vị ấy quán hành là tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là có hành, hay vị ấy quán hành là trong tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là trong hành; hay vị ấy quán thức là tự ngã, hay quán tự ngã là có thức, hay quán thức là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thức. Như vậy, này các Hiền giả, là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Và này các Hiền giả, thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Hiền giả, có vị đa văn Thánh đệ tử, đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; đi đến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị này không quán sắc là tự ngã, không quán tự ngã là có sắc, không quán sắc là trong tự ngã, không quán tự ngã trong sắc; không quán thọ...; không quán tưởng...; không quán hành...; không quán thức là tự ngã, không quán tự ngã là có thức, không quán thức là trong tự ngã, không quán tự ngã trong thức. Như vậy, này các Hiền giả, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

> Quá khứ không truy tìm,
> Tương lai không ước vọng,
> ... (như trên)...
> Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
> Bậc an tịnh, trầm lặng.

Như vậy, bạch Thế Tôn, con đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo. Con đã giảng Nhất dạ Hiền giả, tổng thuyết và biệt thuyết.

278. – Lành thay, lành thay, này Ānanda! Lành thay, này Ānanda! Ông đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. Ông đã giảng Nhất dạ Hiền giả, tổng thuyết và biệt thuyết.

> Quá khứ không truy tìm,
> Tương lai không ước vọng,
> ... (như trên) ...
> Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
> Bậc an tịnh, trầm lặng.

Và thế nào, này Ānanda, là truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thọ

của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là hành của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thức của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này Ānanda, là truy tìm quá khứ.

Và này Ānanda, thế nào là không truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là hành của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thức của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này Ānanda, là không truy tìm quá khứ.

Và này Ānanda, thế nào là ước vọng trong tương lai? Vị ấy nghĩ: "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là tưởng của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là hành của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thức của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này Ānanda, là ước vọng trong tương lai.

Và này Ānanda, thế nào là không ước vọng trong tương lai? Vị ấy nghĩ: "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là tưởng của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là hành của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thức của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này Ānanda, là không ước vọng trong tương lai.

Và này Ānanda, thế nào là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này Ānanda, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc là tự ngã, hay quán tự ngã là có sắc, hay quán sắc là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong sắc; hay vị ấy quán thọ là tự ngã, hay quán tự ngã là có thọ, hay quán thọ là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thọ; hay vị ấy quán tưởng là tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay quán tưởng là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong tưởng; hay vị ấy quán hành là tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là có hành, hay vị ấy quán hành là trong tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là trong hành; hay vị ấy quán thức là tự ngã, hay quán tự ngã là

có thức, hay quán thức là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thức. Như vậy, này Ānanda, là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Và này Ānanda, thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này Ānanda, có vị đa văn Thánh đệ tử, đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; đi đến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị ấy không quán sắc là tự ngã, không quán tự ngã là có sắc, không quán sắc là trong tự ngã, không quán tự ngã trong sắc; không quán thọ...; không quán tưởng...; không quán hành...; không quán thức là tự ngã, không quán tự ngã là có thức, không quán thức là trong tự ngã, không quán tự ngã trong thức. Như vậy này Ānanda, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
... (như trên)...
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

133. KINH ĐẠI CA-CHIÊN-DIÊN NHẤT DẠ HIỀN GIẢ

(*Mahākaccānabhaddekaratta Sutta*)[1]

279. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại tinh xá Tapoda.[2] Lúc bấy giờ, Tôn giả Samiddhi,[3] thức dậy vừa lúc bình minh, đi đến Tapoda để tắm rửa. Tắm rửa ở Tapoda xong, sau khi lên khỏi [nước], vị ấy đứng mặc một y để tay chân cho khô. Rồi sau khi đêm vừa mãn, một thiên thần, chói sáng với dung sắc thù thắng cả vùng Tapoda, đi đến Tôn giả Samiddhi, sau khi đến, liền đứng một bên. Đứng một bên, thiên thần ấy thưa Tôn giả Samiddhi:

– Này Tỷ-kheo, Ngài có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả không?

– Này Hiền giả, tôi không có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả. Nhưng này Hiền giả, Hiền giả có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả không?

– Này Tỷ-kheo, tôi cũng không có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả. Nhưng này Tỷ-kheo, Ngài có thọ trì bài kệ về Nhất dạ Hiền giả không?

– Này Hiền giả, tôi không có thọ trì bài kệ về Nhất dạ Hiền giả. Nhưng này Hiền giả, Hiền giả có thọ trì bài kệ về Nhất dạ Hiền giả không?

– Này Tỷ-kheo, tôi không có thọ trì bài kệ về Nhất dạ Hiền giả. Này Tỷ-kheo, hãy học tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả. Này Tỷ-kheo, hãy học cho thuần thục tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả. Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả. Vì rằng, này Tỷ-kheo, tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả là liên hệ đến mục đích và căn bản của Phạm hạnh.

Thiên thần ấy nói như vậy. Sau khi nói vậy, vị ấy biến mất ở đấy.

---

[1] Xem *M*. III. 187, 189, 199; *J*. VI. 4; *MNid*. 209. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Ôn tuyền lâm thiên kinh* 溫泉林天經 (*T*.01. 0026.165. 0696b26). Tham chiếu: *Phật thuyết Thiện dạ kinh* 佛說善夜經 (*T*.21. 1362. 0881c03).

[2] Được gọi như vậy vì tinh xá này được xây dựng trước mặt hồ Tapoda. Xem *SA*. I. 38; *VinA*. II. 512; *BD*. I. 188, n. 1 và 274, n. 6; *KS*. I. 14, n. 5.

[3] Một bài kệ do vị Tôn giả này làm được kết tập trong *Thag*. 46. Xem *M*. 136, *Mahākammavibhaṅga Sutta* (*Đại kinh Nghiệp phân biệt*); *Pss. Breth*. 51, n. 3.

280. Rồi Tôn giả Samiddhi sau khi đêm ấy đã mãn, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con thức dậy vừa lúc bình minh, đi đến Tapoda để tắm rửa. Tắm rửa ở Tapoda xong, sau khi lên khỏi nước, con đứng mặc một y để tay chân cho khô. Rồi, bạch Thế Tôn, sau khi đêm vừa mãn, một thiên thần... (như trên)... và là căn bản của Phạm hạnh." Thiên thần ấy nói như vậy. Sau khi nói như vậy, vị ấy biến mất ở đấy. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết giảng cho con tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả!

– Vậy này Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây.
Không động, không rung chuyển,
Biết vậy nên tu tập.
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết,
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền suy nghĩ: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi thuyết giảng phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng ta, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá:

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng.
... (như trên)...
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này? Phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi."

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên) này đã được Thế Tôn tán thán và được các đồng Phạm hạnh có trí kính trọng; Tôn giả Mahākaccāna có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đến Tôn giả Mahākaccāna, sau khi đến, chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này."

281. Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Mahākaccāna, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākaccāna những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Thưa Hiền giả Kaccāna, Thế Tôn sau khi đọc tổng thuyết này, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá:

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
... (như trên)...
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này? Phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi. Rồi này Hiền giả Kaccāna, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahākaccāna này đã được Thế Tôn tán thán... (như trên)... chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này." Mong Tôn giả Mahākaccāna hãy giải thích cho!

– Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây, tìm cầu lõi cây, đang đi tìm cầu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây, người ấy bỏ rễ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lõi cây cần phải tìm trong các nhánh cây, lá cây... Cũng vậy, là việc làm của chư Tôn giả... Chư Tôn giả đứng trước mặt Thế Tôn, chư Tôn giả lại vượt qua Thế Tôn, và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc Có Mắt, bậc Trí Giả, bậc Pháp Giả, bậc Phạm Thiên, bậc Thuyết Giả, bậc Tuyên Thuyết Giả, bậc Dẫn Đến Mục Đích, bậc Đem Cho Bất Tử, bậc Pháp Chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời, chư Hiền hãy đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chư Hiền như thế nào, chư Hiền hãy như vậy thọ trì.

– Thưa Hiền giả Kaccāna, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần biết... (như trên)... Nay đã đến thời chúng tôi đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chúng tôi như thế nào, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Mahākaccāna được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh kính trọng.

Tôn giả Mahākaccāna có thể giải thích một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi. Mong Tôn giả Mahākaccāna giải thích cho, nếu Tôn giả không cảm thấy phiền phức.

– Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahākaccāna. Tôn giả Mahākaccāna nói như sau:

– Này chư Hiền, phần tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá:

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
... (như trên)...
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Về phần tổng thuyết này chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi, này chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

282. Này chư Hiền, thế nào là truy tìm quá khứ? "Mắt[4] của tôi trong thời quá khứ là như vậy, các sắc pháp là như vậy" và thức ở đây bị dục và ái trói chặt. Vì thức bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy.[5] Vì hân hoan trong ấy, vị ấy truy tìm quá khứ. "Tai của tôi trong quá khứ là như vậy, các tiếng là như vậy" và thức ở đây bị dục và ái trói chặt. Vì thức bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Vì hân hoan trong ấy, vị ấy truy tìm quá khứ. "Mũi của tôi trong quá khứ là như vậy, các hương là như vậy" và thức ở đây bị dục và ái trói chặt. Vì thức bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Vì hân hoan trong ấy, vị ấy truy tìm quá khứ. "Lưỡi của tôi trong quá khứ là như vậy, các vị là như vậy" và thức ở đây bị dục và ái trói chặt. Vì thức bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Vì hân hoan trong ấy, vị ấy truy tìm quá khứ. "Thân của tôi trong quá khứ là như vậy, các xúc là như vậy" và thức ở đây bị dục và ái trói chặt. Vì thức bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Vì hân hoan trong ấy, vị ấy truy tìm quá khứ. "Ý của tôi trong quá khứ là như vậy, các pháp là như vậy" và thức ở đây bị dục và ái trói chặt. Vì rằng thức bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Vì hân hoan trong ấy, vị ấy truy tìm quá khứ.

Và này chư Hiền, thế nào là không truy tìm quá khứ? "Mắt của tôi trong thời quá khứ là như vậy, các sắc pháp là như vậy" và thức ở đây không bị dục và ái trói chặt. Vì thức không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong

---

[4] *MA*. V. 5-6 viết rằng 2 kinh trước và kinh sau, tổng thuyết (*mātikā*) và biệt thuyết đề cập đến 5 uẩn (*khandhā*). Nhưng ở đây lại đề cập đến 12 xứ (*āyatana*).

[5] Trong sự thấy, v.v... Xem *S*. IV. 13-4 nói đến sự hân hoan trong 6 xứ.

ấy. Vì không hân hoan trong ấy, vị ấy không truy tìm quá khứ. "Tai của tôi trong quá khứ là như vậy, các tiếng là như vậy" và thức ở đây không bị dục và ái trói chặt. Vì thức không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Vì không hân hoan trong ấy, vị ấy không truy tìm quá khứ. "Mũi của tôi trong quá khứ là như vậy, các hương là như vậy" và thức ở đây không bị dục và ái trói chặt. Vì thức không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Vì không hân hoan trong ấy, vị ấy không truy tìm quá khứ. "Lưỡi của tôi trong quá khứ là như vậy, các vị là như vậy" và thức ở đây không bị dục và ái trói chặt. Vì thức không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Vì không hân hoan trong ấy, vị ấy không truy tìm quá khứ. "Thân của tôi trong quá khứ là như vậy, các xúc là như vậy" và thức ở đây không bị dục và ái trói chặt. Vì thức không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Vì không hân hoan trong ấy, vị ấy không truy tìm quá khứ. "Ý của tôi trong quá khứ là như vậy, các pháp là như vậy", và thức ở đây không bị dục và ái trói chặt. Vì thức không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Vì không hân hoan trong ấy, vị ấy không truy tìm quá khứ. Như vậy, này chư Hiền, là không truy tìm quá khứ.

283. Và này chư Hiền, thế nào là ước vọng tương lai? "Mong rằng mắt của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các sắc pháp là như vậy" và vị ấy hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Vì duyên hướng tâm như vậy, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy ước vọng tương lai. "Mong rằng tai của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các tiếng là như vậy" và vị ấy hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Vì duyên hướng tâm như vậy, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy ước vọng tương lai. "Mong rằng mũi của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các hương là như vậy" và vị ấy hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Vì duyên hướng tâm như vậy, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy ước vọng tương lai. "Mong rằng lưỡi của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các vị là như vậy" và vị ấy hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Vì duyên hướng tâm như vậy, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy ước vọng tương lai. "Mong rằng thân của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các xúc là như vậy" và vị ấy hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Vì duyên hướng tâm như vậy, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy ước vọng tương lai. "Mong rằng ý của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các pháp là như vậy" và vị ấy hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Vì duyên hướng tâm như vậy, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy ước vọng tương lai. Như vậy, này chư Hiền, là ước vọng tương lai.

Và này chư Hiền, thế nào là không ước vọng tương lai? "Mong rằng mắt của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các sắc pháp là như vậy" và vị ấy không hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Do duyên không hướng tâm, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không có ước vọng tương lai. "Mong rằng tai của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các tiếng là như vậy" và vị ấy không hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Do duyên không

hướng tâm, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không có ước vọng tương lai. "Mong rằng mũi của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các hương là như vậy" và vị ấy không hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Do duyên không hướng tâm, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không có ước vọng tương lai. "Mong rằng lưỡi của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các vị là như vậy" và vị ấy không hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Do duyên không hướng tâm, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không có ước vọng tương lai. "Mong rằng thân của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các xúc là như vậy" và vị ấy không hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Do duyên không hướng tâm, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không có ước vọng tương lai. "Mong rằng ý của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các pháp là như vậy" và vị ấy không hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Do duyên không hướng tâm, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không có ước vọng tương lai. Như vậy, này chư Hiền, là không ước vọng tương lai.

284. Và này chư Hiền, thế nào là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Này chư Hiền, nếu mắt và các sắc pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Này chư Hiền, nếu tai và các tiếng... (như trên)... nếu mũi và các hương... (như trên)... nếu lưỡi và các vị... (như trên)... nếu thân và các xúc... (như trên). Này chư Hiền, nếu ý và các pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Như vậy, này chư Hiền, là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Và này chư Hiền, thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Này chư Hiền, nếu mắt và các sắc pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy không bị dục và ái trói chặt trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Này chư Hiền, nếu tai và các tiếng... (như trên). Này chư Hiền, nếu mũi và các hương... (như trên). Này chư Hiền, nếu lưỡi và các vị... (như trên). Này chư Hiền, nếu thân và các xúc... (như trên). Này chư Hiền, nếu ý và các pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy không bị dục và ái trói chặt trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Như vậy, này chư Hiền, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

285. Này chư Hiền, phần tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá:

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
... (như trên)...
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Phần tổng thuyết này, này chư Hiền, được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi, này chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Và nếu chư Tôn giả muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này! Thế Tôn giải thích các Tôn giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì!

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Mahākaccāna giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá:

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
... (như trên)...
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Thế Tôn sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải nghĩa một cách rộng rãi và đã đi vào tinh xá:

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
... (như trên)...
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi."

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên) này... (như trên)... chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này." Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến Tôn giả Mahākaccāna, sau khi đến, chúng con hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này. Ý nghĩa của những [chữ] ấy đã được Tôn giả Mahākaccāna giải thích cho chúng con với những phương pháp (*ākāra*) này, với những câu này, với những chữ này.

– Này các Tỷ-kheo, Mahākaccāna là bậc Hiền trí. Này các Tỷ-kheo, Mahākaccāna là bậc Đại trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, nếu các ông hỏi Ta về ý

nghĩa này, Ta cũng giải thích cho các ông như vậy, như Mahākaccāna đã giải thích. Thật sự ý nghĩa ấy là vậy, và các ông hãy thọ trì như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

134. KINH LOMASAKAṄGIYA NHẤT DẠ HIỀN GIẢ

(*Lomasakaṅgiyabhaddekaratta Sutta*)[1]

286. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Lomasakaṅgiya trú ở giữa dòng họ Sākya (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở tinh xá Nigrodha (Ni-câu-luật). Rồi thiên tử Candana sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng cả vùng tinh xá Nigrodha, đi đến Tôn giả Lomasakaṅgiya; sau khi đến, liền đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Candana thưa với Tôn giả Lomasakaṅgiya:

– Này Tỷ-kheo, ngài có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả không?

– Này Hiền giả, tôi không thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả. Này Hiền giả, Hiền giả có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả không?

– Này Tỷ-kheo, tôi cũng không thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả. Nhưng này Tỷ-kheo, ngài có thọ trì bài kệ về Nhất dạ Hiền giả không?

– Này Hiền giả, tôi không thọ trì bài kệ về Nhất dạ Hiền giả. Này Hiền giả, Hiền giả có thọ trì bài kệ về Nhất dạ Hiền giả không?

– Này Tỷ-kheo, tôi có thọ trì bài kệ về Nhất dạ Hiền giả.

– Này Hiền giả, Hiền giả thọ trì như thế nào bài kệ về Nhất dạ Hiền giả?

– Một thời, này Tỷ-kheo, Thế Tôn trú giữa chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, dưới cây Pāricchattaka (Trú Độ Thọ), trên hòn đá Paṇḍukambalasilā[2] (Vô Cấu Bạch Thạch). Tại đấy, Thế Tôn đọc lên tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả cho chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,

---

[1] Xem *M.* III. 187, 189, 192; *J.* VI. 4. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thích trung thiền thất tôn kinh* 釋中禪室尊經 (*T*.01. 0026.166. 0698c03). Tham chiếu: *Tôn thượng kinh* 尊上經 (*T*.01. 0077. 0886a25).

[2] *Paṇḍukambalasilā*: Đây là tên ngai vàng của Thiên chủ Sakka.

Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây.
Không động, không rung chuyển,
Biết vậy nên tu tập,
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết,
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Này Tỷ-kheo, tôi thọ trì bài kệ về Nhất dạ Hiền giả như vậy. Này Tỷ-kheo, hãy học tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả. Này Tỷ-kheo, hãy học cho thuần thục tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả. Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả. Vì rằng, này Tỷ-kheo, tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả liên hệ đến mục đích, là căn bản của Phạm hạnh.

287. Rồi Tôn giả Lomasakaṅgiya sau khi đêm ấy đã mãn, dọn dẹp sàng tọa, lấy y áo và lên đường đi đến Sāvatthi. Tuần tự du hành, [Tôn giả] đi đến Sāvatthi, Jetavana, tinh xá ông Anāthapiṇḍika, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Lomasakaṅgiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một thời con trú giữa dòng họ Sākya, tại Kapilavatthu, tinh xá Nigrodha. Rồi bạch Thế Tôn, một thiên tử, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng cả vùng tinh xá Nigrodha, đến con và đứng một bên. Đứng một bên, bạch Thế Tôn, thiên tử ấy thưa với con: “Này Tỷ-kheo, ngài có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả không?” Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con nói với thiên tử ấy: “Này Hiền giả, tôi không thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất dạ Hiền giả.”

“Này Hiền giả, Hiền giả có thọ trì... (như trên)... là căn bản của Phạm hạnh.”

Bạch Thế Tôn, thiên tử ấy nói như vậy. Nói như vậy xong, vị ấy biến mất tại đấy. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn giảng cho con tổng thuyết và biệt thuyết về bài kệ Nhất dạ Hiền giả!

288. – Này Tỷ-kheo, ông có biết thiên tử ấy không?

– Bạch Thế Tôn, con không biết thiên tử ấy.

– Này Tỷ-kheo, thiên tử ấy tên là Candana. Này Tỷ-kheo, Candana là thiên

tử, sau khi chú tâm, sau khi tác ý, sau khi tập trung nội tâm, lóng tai[3] nghe pháp. Vậy này Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Lomasakaṅgiya vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

> Quá khứ không truy tìm,
> Tương lai không ước vọng,
> ... (như trên)...
> Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
> Bậc an tịnh, trầm lặng.

Này Tỷ-kheo, thế nào là truy tìm quá khứ?

Vị ấy nghĩ: "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ" và truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là hành của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thức của tôi trong quá khứ" và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này Tỷ-kheo, là truy tìm quá khứ.

Này Tỷ-kheo, thế nào là không truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là hành của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Như vậy là thức của tôi trong quá khứ", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không truy tìm quá khứ.

Và này Tỷ-kheo, thế nào ước vọng tương lai? Vị ấy nghĩ: "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là tưởng của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là hành của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thức của tôi trong tương lai", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ước vọng trong tương lai.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không ước vọng trong tương lai? Vị ấy nghĩ: "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là tưởng của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là hành của tôi trong tương lai", và vị ấy không truy tìm sự hân hoan trong ấy. "Mong rằng như vậy sẽ là thức của tôi trong tương lai", và vị ấy

---

[3] *M.* I. 325.

không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không ước vọng trong tương lai.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc là tự ngã, hay quán tự ngã là có sắc, hay quán sắc là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong sắc; hay vị ấy quán thọ là tự ngã, hay quán tự ngã là có thọ, hay quán thọ là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thọ; hay vị ấy quán tưởng là tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay quán tưởng là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong tưởng; hay vị ấy quán hành là tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là có hành, hay vị ấy quán hành là trong tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là trong hành; hay vị ấy quán thức là tự ngã, hay quán tự ngã là có thức, hay quán thức là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị đa văn Thánh đệ tử, đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; đi đến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị này không quán sắc là tự ngã, không quán tự ngã là có sắc, không quán sắc là trong tự ngã, không quán tự ngã trong sắc; không quán thọ...; không quán tưởng...; không quán hành...; không quán thức là tự ngã, không quán tự ngã là có thức, không quán thức là trong tự ngã, không quán tự ngã trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
... (như trên)...
Xứng gọi Nhất dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Lomasakaṅgiya hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

135. TIỂU KINH NGHIỆP PHÂN BIỆT
(*Cūḷakammavibhaṅga Sutta*)[1]

289. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta[2] đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, giữa loài người với nhau, khi họ là loài người, lại thấy có người liệt, có người ưu?

Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ; chúng tôi thấy có người nhiều bệnh, có người ít bệnh; chúng tôi thấy có người xấu sắc, có người đẹp sắc; chúng tôi thấy có người quyền thế nhỏ, có người quyền thế lớn; chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn; chúng tôi thấy có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý; chúng tôi thấy có người trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ.

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, giữa loài người với nhau, khi họ là loài người, lại thấy có người liệt, có người ưu?

– Này thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp.[3] Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa,[4] nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt, có ưu.

– Tôi không hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi để tôi có thể hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi!

---

[1] Xem *M.* II. 196; *Miln.* 65. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T.*01. 0026.170. 0703c21). Tham chiếu: *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T.*01. 0026.152. 0666c26); *Đâu-điều kinh* 兜調經 (*T.*01. 0078. 0887b04); *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T.*01. 0079. 0888b15); *Phật vị Thủ-ca Trưởng giả thuyết nghiệp báo sai biệt kinh* 佛為首迦長者說業報差別經 (*T.*01. 0080. 0891a17); *Phân biệt thiện ác báo ứng kinh* 分別善惡報應經 (*T.*01. 0081. 0895b25).

[2] Todeyya là vị Bà-la-môn tế lễ của Vua Pasenadi, vị này giàu có nhưng rất hà tiện, bị tái sanh làm con chó trong gia đình của vị ấy; con chó sủa đức Phật khi Ngài đến thăm Subha. Đức Phật biết rõ và để xác chứng tiền thân của nó cho mọi người biết, Ngài bảo nó đi tìm một vài chỗ giấu của quý mà nó đã cất khi còn làm người.

[3] *M.* I. 390.

[4] *Kammappaṭisaraṇā*. *M.* III. 9 viết *dhammappaṭisaraṇā*.

290. – Vậy này thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Subha Todeyyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh.[5] Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, mà được đi đến loài người, thời chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải đoản mạng. Con đường đưa đến đoản mạng, này thanh niên, tức là sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.

Nhưng ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, mà người ấy đi đến loài người, thời chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được trường thọ. Con đường đưa đến trường thọ, này thanh niên, tức là từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

291. Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông tánh hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, mà người ấy đi đến loài người, thời chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị nhiều bệnh hoạn. Con đường đưa đến nhiều bệnh hoạn, này thanh niên, tức là tánh hay não hại các loài hữu tình với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.

Nhưng ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông tánh không hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, mà người ấy đi đến loài người, thời chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được ít bệnh hoạn. Con đường đưa đến ít bệnh hoạn, này thanh niên, tức là tánh không não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.

---

[5] *M.* I. 286.

292. Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông phẫn nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, mà người ấy đi đến loài người, thời chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị xấu sắc. Con đường đưa đến xấu sắc, này thanh niên, tức là phẫn nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn.

Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông không phẫn nộ, không nhiều phật ý, dầu cho bị nói đến nhiều cũng không bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và không tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy... thiện thú... đẹp sắc.[6] Con đường đưa đến đẹp sắc, này thanh niên, tức là không phẫn nộ... không bất mãn.

293. Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông tật đố, đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường, sanh tật đố, sanh tâm,[7] ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy... ác thú... quyền thế nhỏ. Con đường đưa đến quyền thế nhỏ, này thanh niên, tức là tật đố... ôm ấp tâm tật đố.

Nhưng ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông không có tật đố, đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường, không sanh tật đố, không sanh tâm, không ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp ấy... thiện thú... quyền thế lớn. Con đường đưa đến quyền thế lớn, này thanh niên, tức là không tật đố... không ôm ấp tâm tật đố.

294. Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy… đọa xứ... tài sản nhỏ. Con đường đưa đến tài sản nhỏ... ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Nhưng ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông có bố thí cho Sa-môn hay cho Bà-la-môn các đồ ăn uống... ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy... thiện thú... nhiều tài sản. Con đường đưa đến nhiều tài sản... ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

295. Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông ngạo nghễ, kiêu mạn, không đảnh lễ những người đáng đảnh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không mời ngồi những người đáng mời ngồi, không nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, không tôn trọng những người đáng tôn trọng, không cung kính những người đáng cung kính, không cúng dường những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy... đọa xứ...

---

[6] *Pāsādika*: Hoan hỷ. Không dùng danh từ *vaṇṇavant* như trước.

[7] *Upadussati*. Những danh từ *dussati, padussati, upadussati* có thể đồng nghĩa và ý nghĩa theo tuần tự càng giống hơn với những chữ *jhāyanti, pajjhāyanti, nijjhāyanti, apajjhāyanti*. Xem *M.* I. 334.

thuộc gia đình hạ liệt. Con đường đưa đến gia đình hạ liệt... không cúng dường những người đáng cúng dường.

Nhưng ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông không có ngạo nghễ, quá mạn, đảnh lễ những người đáng đảnh lễ... cúng dường những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy... thiện thú... vào gia đình cao quý. Con đường đưa đến gia đình cao quý... cúng dường những người đáng cúng dường.

296. Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, không hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài?" Do nghiệp ấy... đọa xứ... trí tuệ yếu kém. Con đường đưa đến trí tuệ yếu kém... lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

Nhưng ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, có hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện... lợi ích, an lạc lâu dài?" Do nghiệp ấy... thiện thú... đầy đủ trí tuệ. Con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ... lợi ích, an lạc lâu dài.

297. Ở đây, này thanh niên, con đường đưa đến đoản thọ, dẫn đến đoản thọ; con đường đưa đến trường thọ, dẫn đến trường thọ; con đường đưa đến nhiều bệnh, dẫn đến nhiều bệnh; con đường đưa đến ít bệnh, dẫn đến ít bệnh; con đường đưa đến xấu sắc, dẫn đến xấu sắc; con đường đưa đến đẹp sắc, dẫn đến đẹp sắc; con đường đưa đến quyền thế nhỏ, dẫn đến quyền thế nhỏ; con đường đưa đến quyền thế lớn, dẫn đến quyền thế lớn; con đường đưa đến tài sản nhỏ, dẫn đến tài sản nhỏ; con đường đưa đến tài sản lớn, dẫn đến tài sản lớn; con đường đưa đến gia đình hạ liệt, dẫn đến gia đình hạ liệt; con đường đưa đến gia đình cao quý, dẫn đến gia đình cao quý; con đường đưa đến trí tuệ yếu kém, dẫn đến trí tuệ yếu kém; con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ, dẫn đến trí tuệ đầy đủ.

Này thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt, có ưu.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Subha Todeyyaputta nói với Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, [Chánh] pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

136. ĐẠI KINH NGHIỆP PHÂN BIỆT
(*Mahākammavibhaṅga Sutta*)[1]

298. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Samiddhi[2] trú tại một cái cốc trong rừng. Rồi du sĩ ngoại đạo Potaliputta tiêu dao tản bộ, tuần tự du hành, đi đến Tôn giả Samiddhi; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Samiddhi những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Potaliputta thưa với Tôn giả Samiddhi:

– Này Hiền giả Samiddhi, trước mặt Thế Tôn, tôi tự thân nghe, tự thân ghi nhận như sau: "Hư vọng[3] là thân nghiệp, hư vọng là khẩu nghiệp, chỉ có ý nghiệp là chân thật. Và có một thiền chứng (*samāpatti*), do thành tựu thiền chứng này, sẽ không có cảm giác gì."

– Này Hiền giả Potaliputta, chớ có nói vậy! Này Hiền giả Potaliputta, chớ có nói vậy! Chớ có phỉ báng Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn là không tốt! Thế Tôn không có nói như vậy: "Hư vọng là thân nghiệp, hư vọng là khẩu nghiệp, chỉ có ý nghiệp là chân thật." Và Hiền giả: "Có một thiền chứng, do thành tựu thiền chứng này, sẽ không có cảm giác gì."

– Ngài xuất gia đã bao lâu, thưa Hiền giả Samiddhi?

– Không lâu, thưa Hiền giả, có ba năm.

– Nay ở đây chúng tôi còn hỏi các Tỷ-kheo trưởng lão làm gì khi một tân Tỷ-kheo nghĩ rằng cần phải bảo vệ vị Đạo sư như vậy. Thưa Hiền giả Samiddhi, khi một người có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, thời người ấy có cảm giác gì?

– Này Hiền giả Potaliputta, khi một người có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, thời người ấy cảm giác khổ đau.

Rồi du sĩ ngoại đạo Potaliputta, không tán thán cũng không phản đối lời nói của Tôn giả Samiddhi. Không tán thán, không phản đối, du sĩ ngoại đạo Potaliputta từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

---

[1] Xem *Netti*. 33; *Kvu*. 380. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phân biệt đại nghiệp kinh* 分別大業經 (*T*.01. 0026.171. 0706b12). Tham chiếu: *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.24b. 0238b12).

[2] Được đề cập trong *M*. 133, *Mahākaccānabhaddekaratta Sutta* (*Kinh Đại Ca-chiên-diên nhất dạ Hiền giả*).

[3] *Mogha*: Trống không, hư vọng, vô ích. *MA*. V. 15 giải thích là *tucchaṃ aphalaṃ*, nghĩa là trống không, vô quả, đối lập với nghĩa với *sacca* như trong *M*. II. 169; *D*. I. 187, v.v…

299. Rồi Tôn giả Samiddhi, sau khi du sĩ ngoại đạo Potaliputta ra đi không bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi kể lại cho Tôn giả Ānanda tất cả cuộc đàm thoại với du sĩ ngoại đạo Potaliputta. Sau khi nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Samiddhi:

– Này Hiền giả Samiddhi, đây là đề tài một câu chuyện cần phải yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Samiddhi, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy trình bày lên Thế Tôn rõ ý nghĩa này! Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta hãy như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp Tôn giả Ānanda. Rồi Tôn giả Ānanda và Tôn giả Samiddhi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda, trình lên Thế Tôn tất cả câu chuyện giữa Tôn giả Samiddhi với du sĩ ngoại đạo Potaliputta.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, Ta chưa từng thấy (*dassana*) du sĩ ngoại đạo Potaliputta, thời câu chuyện này từ đâu xảy ra? Này Ānanda, câu hỏi đáng lý phải trả lời phân tích rõ ràng cho du sĩ ngoại đạo Potaliputta, lại được kẻ ngu si Samiddhi này trả lời theo một chiều.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udāyi[4] bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nếu đây là ý nghĩa của Tôn giả Samiddhi nói lên, thời cảm giác gì người ấy cảm thọ là cảm giác khổ đau?

300. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy xem con đường sai lạc[5] của kẻ ngu si Udāyi này. Này Ānanda, Ta biết rằng, nếu nay kẻ ngu si Udāyi này mở miệng ra[6] [đề cập vấn đề gì], ông ấy sẽ mở miệng đề cập một cách không như lý (*ayoniso*). Này Ānanda, thật sự chỗ khởi thủy của du sĩ ngoại đạo Potaliputta hỏi là về ba cảm thọ. Này Ānanda, nếu kẻ ngu si Samiddhi này được du sĩ ngoại đạo Potaliputta hỏi như vậy và trả lời như sau: "Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, có khả năng đưa đến lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác lạc thọ. Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến khổ thọ, người ấy sẽ cảm giác khổ thọ. Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp,

---

[4] Lāḷudāyin, một vị Tỷ-kheo có sở trường nói sai quấy. Xem *MA*. V. 16; *DPPN*.

[5] *Ummagga*. Viết cách khác là *ummaṅga*. *MA*. V. 16 giải thích như *pañhāummaṅgaṃ*; đối chiếu với *SnA*. 50, *ummaṅgo paññā pavuccati*. Trong ngữ cảnh này, nên hiểu là *ummaṅga* với nghĩa là xuất hiện tâm mong muốn hiểu biết đưa đến việc dò hỏi. Xem *GS*. II. 184, n. 5.

[6] *Ummujjamāno... ayoniso ummujjissatīti*, muốn nói rằng vị ấy trương gân cổ, quai hàm cử động, nhăn mặt, vị ấy ngồi không yên. Xem *MA*. V. 16-7.

khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến bất khổ bất lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác bất khổ bất lạc thọ." Nếu trả lời như vậy, này Ānanda, kẻ ngu si Samiddhi đã trả lời một cách chơn chánh cho du sĩ ngoại đạo Potaliputta. Và lại nữa, này Ānanda, những kẻ du sĩ ngoại đạo ngu si, kém học, họ sẽ hiểu được đại phân biệt về nghiệp của Như Lai, này Ānanda, nếu ông nghe Như Lai phân tích đại phân biệt về nghiệp.

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời; bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời, Thế Tôn hãy phân tích đại phân biệt về nghiệp! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Ānanda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này Ānanda, có bốn loại người này có mặt ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này Ānanda, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Ở đây, này Ānanda, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

301. Ở đây, này Ānanda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh tác ý[7] nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, nhờ Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, vị ấy thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Vị ấy nói như sau: "Thật sự có những ác nghiệp, có quả báo ác hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có

[7] *MA*. V. 18 viết đây là năm tên gọi cho sự tinh tấn.

sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục." Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí." Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước[8] và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng."

Ở đây, này Ānanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh tác ý nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, nhờ Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, vị ấy thấy có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Vị ấy nói như sau: "Thật sự không có những ác nghiệp, không có quả báo ác hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này." Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, họ đều được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến." Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng."

Ở đây, này Ānanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh tác ý nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, nhờ Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, vị ấy thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Vị ấy nói như sau: "Thật sự có những thiện nghiệp, có quả báo thiện hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này." Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói

---

[8] Như *M.* I. 130, 257, 498.

láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí." Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng."

Ở đây, này Ānanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh tác ý nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, nhờ Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, vị ấy thấy có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Vị ấy nói như sau: "Thật sự không có những thiện nghiệp, không có quả báo thiện hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục." Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, họ đều bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến." Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng."

302. Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn có ác nghiệp, có quả báo ác nghiệp", như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy. Vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục", như vậy, Ta cũng chấp nhận cho vị ấy. Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục", như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy. Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến", như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy. Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng", như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Vì cớ sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn không có ác nghiệp, không có quả báo ác hạnh", như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy. Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này", như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy. Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú thiên giới, cõi đời này", như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy. Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến", như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy. Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng", như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Vì cớ sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn có thiện nghiệp, có quả báo thiện hạnh", như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy. Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này", như vậy, Ta cũng chấp nhận cho vị ấy. Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này", như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy. Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến", như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng", như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Vì cớ sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn không có thiện nghiệp, không có quả báo thiện hạnh", như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy. Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào cõi dữ,

ác thú, đọa xứ, địa ngục", như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy. Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục", như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến", như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng", như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Vì cớ sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về đại phân biệt về nghiệp.

303. Ở đây, này Ānanda, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục: Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm lúc trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mạng chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Và ai ở đây sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Ở đây, này Ānanda, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này: Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm lúc trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mạng chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Và ai ở đây sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Ở đây, này Ānanda, người nào từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này: Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm từ trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mạng chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy,

sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Và ai ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Ở đây, này Ānanda, người nào từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục: Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm từ trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mạng chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Và ai ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Như vậy, này Ānanda, có nghiệp vô hữu[9] tợ vô hữu;[10] có nghiệp vô hữu tợ hữu; có nghiệp hữu tợ hữu; có nghiệp hữu tợ vô hữu.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[9] *Atthi kammaṃ abhabbaṃ* (có bản viết *natthi*). Chữ *bhabba* có nghĩa là có thể, và như vậy có thể dịch không có thể tợ không có thể, có thể tợ không có thể; có thể tợ có thể, có thể tợ không có thể. Bản tiếng Anh của PTS dịch là *operative* (tác dụng). Bản chữ Hán dịch là hữu. Chúng tôi theo bản chữ Hán.

[10] *Abhabbābhāsa,* tợ vô hữu hay tợ không có tác dụng.

137. KINH PHÂN BIỆT SÁU XỨ

(*Saḷāyatanavibhaṅga Sutta*)[1]

304. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông Phân biệt sáu xứ. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Có sáu nội xứ cần phải biết. Có sáu ngoại xứ cần phải biết. Có sáu thức thân cần phải biết. Có sáu xúc thân cần phải biết. Có mười tám ý hành cần phải biết. Có ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết. Tại đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này, có ba niệm xứ mà một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành [niệm xứ] ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng. Trong các bậc Huấn luyện sư,[2] vị ấy được gọi là bậc Vô thượng điều ngự sư, điều phục các hạng người đáng được điều phục. Đây là tổng thuyết về phân biệt sáu xứ.

305. Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải biết",[3] do duyên gì, được nói đến như vậy? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

---

[1] Xem *M.* II. 1; *D.* II. 55, 72; III. 272; *A.* IV. 39, 306, 349. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phân biệt lục xứ kinh* 分別六處經 (*T.*01. 0026.163. 0692b22). Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T.*26. 1536.18. 0440c23).

[2] *Yoggācariya*. Xem *M.* I. 124 và III. 97.

[3] Đoạn này và ba đoạn tiếp. Xem *D.* III. 243.

Khi được nói đến: "Sáu thức thân cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Khi được nói đến: "Sáu thức thân cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến: "Mười tám ý hành cần phải biết",[4] do duyên gì, được nói đến như vậy? Sau khi mắt thấy sắc, [ý] chạy theo sắc khởi lên hỷ, chạy theo sắc khởi lên ưu, chạy theo sắc khởi lên xả; sau khi tai nghe tiếng... (như trên)...; sau khi mũi ngửi hương... (như trên)...; sau khi lưỡi nếm vị... (như trên)...; sau khi thân cảm xúc... (như trên)...; sau khi ý nhận thức pháp, ý chạy theo pháp khởi lên hỷ, chạy theo pháp khởi lên ưu, chạy theo pháp khởi lên xả. Như vậy có sáu hỷ hành, có sáu ưu hành, có sáu xả hành. Khi được nói đến: "Mười tám ý hành cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

306. Khi được nói đến: "Ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? Sáu hỷ liên hệ tại gia, sáu hỷ liên hệ xuất ly; sáu ưu liên hệ tại gia, sáu ưu liên hệ xuất ly; sáu xả liên hệ tại gia, sáu xả liên hệ xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu hỷ liên hệ tại gia? Có hỷ khởi lên, hoặc do nhận được hay thấy sự nhận được các sắc do con mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì đã nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ tại gia. Có hỷ khởi lên, hoặc do nhận được hay thấy sự nhận được các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... (như trên)... các vị do lưỡi nhận thức... (như trên)... các xúc do thân nhận thức... (như trên)... các pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì đã nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến tại gia.[5] Sáu hỷ này liên hệ đến tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu hỷ liên hệ đến xuất ly? Sau khi biết các sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt, nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại." Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly. Sau khi biết được các tiếng... (như trên)... các hương... (như trên)... các vị... (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt, nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại." Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly. Sáu hỷ này liên hệ đến xuất ly.

---

[4] *M.* III. 239; *D.* III. 244; *Vbh.* 381. Đối chiếu với "18 cảm thọ" trong *S.* IV. 232.

[5] *Vism.* 319.

307. Ở đây, thế nào là sáu ưu liên hệ tại gia? Có ưu khởi lên, hoặc do không nhận được hay thấy sự không nhận được các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì không nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ tại gia. Có ưu khởi lên, hoặc do không nhận được hay thấy sự không nhận được các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... (như trên)... các vị do lưỡi nhận thức... (như trên)... các xúc do thân nhận thức... (như trên)... các pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì không nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ đến tại gia. Sáu ưu này liên hệ đến tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu ưu liên hệ đến xuất ly? Sau khi biết được các sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt, nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại." Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, vị ấy khởi lên ước muốn đối với Vô thượng giải thoát, nghĩ rằng: "Khi nào ta có thể chứng đạt và an trú trong xứ (*āyatana*) mà các bậc Thánh đang chứng đạt và an trú?" Như vậy, do ước muốn đối với các Vô thượng giải thoát, ưu khởi lên do duyên ước muốn. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ xuất ly. Sau khi biết được các tiếng... (như trên)... các hương... (như trên)... các vị... (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt, nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại." Sau khi sự thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, vị ấy khởi lên ước muốn đối với các Vô thượng giải thoát, nghĩ rằng: "Khi nào ta có thể chứng đạt và an trú trong xứ mà các bậc Thánh đang chứng đạt và an trú?" Như vậy, do ước muốn đối với các Vô thượng giải thoát, ưu khởi lên do duyên ước muốn. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ xuất ly. Sáu ưu này liên hệ xuất ly.

308. Ở đây, thế nào là sáu xả liên hệ tại gia? Khi một người ngu si, ám độn, phàm phu thấy sắc với con mắt, xả khởi lên của một vô văn phàm phu, không chinh phục được [phiền não],[6] không chinh phục được quả dị thục, không thấy sự nguy hiểm. Loại xả như vậy không vượt khỏi sắc pháp. Do vậy, đây được gọi là xả liên hệ tại gia.[7] Khi một người ngu si, ám độn, phàm phu nghe tiếng với tai... (như trên)... ngửi hương với mũi... (như trên)... nếm vị với lưỡi... (như trên)... cảm xúc với thân... (như trên)... nhận thức pháp với ý, xả khởi lên của một vô văn phàm phu, không chinh phục được [phiền não], không chinh phục được quả dị thục, không thấy sự nguy hiểm. Loại xả như vậy không vượt khỏi các pháp. Do vậy, đây được gọi là xả liên hệ tại gia. Sáu xả này liên hệ tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu xả liên hệ xuất ly? Sau khi biết sắc pháp là vô thường,

---

[6] *Anodhijina*: Một vị chưa đoạn trừ toàn diện (*odhi* hay đến giới hạn) các phiền não, nghĩa là một vị chưa đoạn trừ hết các lậu hoặc. *MA*. V. 24; *Vbh*. 246.

[7] Đây là loại xả của sự không hiểu biết. Xem *MA*. V. 24.

biến hoại, ly tham, biến diệt, nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại." Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, xả khởi lên. Loại xả như vậy được gọi là xả liên hệ xuất ly. Sau khi biết được các tiếng... (như trên)... các hương... (như trên)... các vị... (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt, nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại." Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, xả khởi lên. Loại xả như vậy được gọi là xả liên hệ xuất ly. Sáu xả này liên hệ xuất ly.

Khi được nói đến: "Ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

309. Khi được nói đến: "Ở đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này", do duyên gì, được nói đến như vậy? Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu hỷ liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu hỷ liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng, như vậy là sự vượt qua chúng.[8] Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu ưu liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu ưu liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng, như vậy là sự vượt qua chúng. Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu xả liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu xả liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng, như vậy là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu hỷ liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu ưu liên hệ xuất ly. Như vậy là sự đoạn tận chúng, như vậy là sự vượt qua chúng. Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu xả liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu hỷ liên hệ xuất ly. Như vậy là sự đoạn tận chúng, như vậy là sự vượt qua chúng.

310. Này các Tỷ-kheo, có xả đa diện, y cứ đa diện; có xả nhứt diện, y cứ nhứt diện.[9]

Này các Tỷ-kheo, thế nào là xả đa diện, y cứ đa diện? Này các Tỷ-kheo, có xả đối với các sắc pháp, có xả đối với các tiếng, có xả đối với các hương, có xả đối với các vị, có xả đối với các xúc. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là xả đa diện, y cứ đa diện.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả nhứt diện, y cứ nhứt diện? Có xả y cứ Hư không vô biên xứ, có xả y cứ Thức vô biên xứ, có xả y cứ Vô sở hữu xứ, có xả y cứ Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là xả nhứt diện, y cứ nhứt diện. Ở đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên xả nhứt diện, xả y cứ nhứt diện, đoạn tận, vượt qua xả đa diện, xả y cứ đa diện. Như vậy là sự đoạn tận [xả] này, như vậy là sự vượt qua [xả] này. Này các Tỷ-kheo, do y cứ không tham dục, do duyên không tham dục,[10] đoạn tận, vượt qua xả nhứt diện, xả y cứ

[8] Xem *M.* I. 445.
[9] Xem *M.* I. 364-67.
[10] *Atammayatā.* Xem *M.* III. 42.

nhứt diện ấy. Như vậy là sự đoạn tận [xả] này, như vậy là sự vượt qua [xả] này. Khi được nói đến: "Tại đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

311. Khi được nói đến: "Có ba niệm xứ mà một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành [niệm xứ] ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng", do duyên gì, được nói đến như vậy? Ở đây,[11] này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử vì lòng từ mẫn, vì lo cho hạnh phúc của họ, vì thương tưởng họ, nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các ông, đây là an lạc cho các ông." Một số đệ tử của bậc Đạo sư ấy không có khéo nghe, không có lóng tai, không có an trú tâm vào chánh trí, và hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không có hoan hỷ, không có cảm giác hoan hỷ, nhưng sống không có dao động,[12] chánh niệm, tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, đây là niệm xứ thứ nhất, một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành niệm xứ ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử vì lòng từ mẫn, vì lo cho hạnh phúc của họ, vì thương tưởng họ, nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các ông, đây là an lạc cho các ông." Một số đệ tử bậc Đạo sư ấy không có khéo nghe, không có lóng tai, không có an trú tâm vào chánh trí, và hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư. Có một số đệ tử khéo nghe, lóng tai, an trú tâm vào chánh trí, và không hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không có hoan hỷ, không có cảm giác hoan hỷ, không có không hoan hỷ, không có cảm giác không hoan hỷ; sau khi đoạn bỏ cả hai, hoan hỷ và không hoan hỷ, Như Lai trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, đây là niệm xứ thứ hai, một bậc Thánh phải thực hành... (như trên)... diễn giảng đồ chúng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử... (như trên)... đây là an lạc cho các ông." Đệ tử của bậc Đạo sư ấy khéo nghe, lóng tai, an trú tâm vào chánh trí, và không đi ngược lời dạy của bậc Đạo sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai hoan hỷ, và cảm giác hoan hỷ, sống không dao động,[13] chánh niệm, tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, đây là niệm xứ thứ ba, một bậc Thánh phải thực hành... (như trên)... diễn giảng đồ chúng.

Khi được nói đến: "Có ba niệm xứ, một bậc Thánh phải thực hành, và có [thực hành] niệm xứ ấy, bậc Thánh mới xứng đáng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

312. Khi được nói đến: "Trong các vị Huấn luyện sư, vị ấy được gọi là vị Vô thượng điều ngự sư, điều phục hạng người đáng được điều phục", do duyên gì, được nói đến như vậy? Này các Tỷ-kheo, một con voi được điều phục do

---

[11] Xem *M.* III. 117.

[12] *Anavassuta*: Ở đây có nghĩa là tâm đối nghịch (*paṭigha*) không quá nhiều. Xem *MA*. V. 27.

[13] Ở đây có nghĩa là tâm tham ái (*rāga*) không quá nhiều.

một vị điều ngự tượng sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... phương Đông, phương Tây, phương Bắc hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một con ngựa được điều phục do một vị điều ngự mã sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một con bò được điều phục do một vị điều ngự ngưu sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một người được điều phục do Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác dắt dẫn, được chạy cùng khắp cả tám phương.[14] Có sắc, thấy các sắc pháp; đó là phương thứ nhất. Không có tưởng nội sắc, thấy các ngoại sắc; đó là phương thứ hai. Nghĩ đến thanh tịnh, chú tâm trên ấy; đó là phương thứ ba. Vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tưởng, diệt trừ đối ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, và nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ; đó là phương thứ tư. Vượt qua một cách hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ; đó là phương thứ năm. Vượt qua một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có gì cả", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ; đó là phương thứ sáu. Vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; đó là phương thứ bảy. Vượt qua một cách hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định; đó là phương thứ tám. Này các Tỷ-kheo, một người đáng được điều phục do Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác dắt dẫn, được chạy cùng khắp tám phương này. Khi được nói đến: "Trong các vị Huấn luyện sư, vị ấy được gọi là Vô thượng điều ngự sư, điều phục hạng người đáng điều phục", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[14] Các phương ở đây chỉ cho 8 giải thoát, như *M.* II. 12.

138. KINH TỔNG THUYẾT VÀ BIỆT THUYẾT
(*Uddesavibhaṅga Sutta*)[1]

313. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông tổng thuyết và biệt thuyết.[2] Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát[3] một cách như thế nào để thức[4] của vị ấy đối với ngoại [trần] không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội [trần], không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại [trần] không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội [trần], không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai.

Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bước vào tinh xá.

314. Sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, sau khi Thế Tôn đọc lên bài tổng thuyết một cách vắn tắt, không có giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại [trần] không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội

---

[1] Xem *S*. III. 15. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phân biệt quán pháp kinh* 分別觀法經 (*T*.01. 0026.164. 0694b13). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.43. 0010c19); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.66. 0017b16).

[2] *MA*. V. 28 viết *uddesañca vibhaṅgañca, mātikañca vibhajanañcāti*. Như vậy, trong kinh này, *uddesa* là tổng thuyết (*mātikā*) và phần tổng thuyết sẽ được phần phân biệt thuyết giải thích.

[3] *Upaparikkheyya*: Cần phải cân nhắc, đo đếm, tìm kiếm, làm dấu. Câu chữ Hán có khác như sau: "Tâm bất xuất ngoại bất sái tán tâm trú nội, bất thọ bất khủng bố"; 心不出外不灑散心住內,不受不恐怖 (*T*.01. 0026.164. 0694b19). Chúng tôi theo bản chữ Hán dịch đoạn này.

[4] Xem *MA*. V. 28.

[trần], không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại [trần] không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội [trần], không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai.' Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi phần tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi?"

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên)[5] này đã được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng; Tôn giả Mahākaccāna có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này." Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Mahākaccāna, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākaccāna những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Thưa Hiền giả Kaccāna, sau khi đọc tổng thuyết này, không giải nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào... (như trên)... già, chết trong tương lai." Nay không biết có ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Rồi này Hiền giả Kaccāna, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahākaccāna này đã được Thế Tôn tán thán... (như trên)... chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này." Mong Tôn giả Mahākaccāna hãy giải thích cho.

315. – Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây, tìm cầu lõi cây, đang đi tìm cầu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây; người ấy bỏ rễ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lõi cây cần phải tìm trong các nhánh cây, lá cây... Cũng vậy là việc làm của chư Tôn giả... Chư Tôn giả đứng trước mặt Thế Tôn, chư Tôn giả lại vượt qua Thế Tôn, và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc Có Mắt, bậc Trí Giả, bậc Pháp Giả, bậc Phạm Thiên, bậc Thuyết Giả, bậc Tuyên Thuyết Giả, bậc Dẫn Đến Mục Đích, bậc Đem Cho Bất Tử, bậc Pháp Chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời, chư Hiền hãy đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩ này. Thế Tôn giải thích cho chư Hiền như thế nào, chư Hiền hãy như vậy thọ trì.

– Thưa Hiền giả Kaccāna, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần biết... (như trên). Nay đã đến thời chúng tôi đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chúng tôi như thế nào, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Mahākaccāna được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh kính trọng.

---

[5] *M.* III. 194-95.

Tôn giả Mahākaccāna có thể giải thích một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Mong Tôn giả Mahākaccāna giải thích cho, nếu Tôn giả không cảm thấy phiền phức.

– Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahākaccāna. Tôn giả Mahākaccāna nói như sau:

– Này chư Hiền, phần tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào... (như trên)... không chấp thủ, không sợ hãi. Này chư Hiền, lời tổng thuyết này được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi", tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

316. Chư Hiền, sao gọi là thức đối với ngoại [trần], bị tán loạn, bị tản rộng? Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỷ-kheo thấy sắc với con mắt, thức truy cầu sắc tướng, bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, bị cột chặt bởi vị của sắc tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại [trần] bị tán loạn, bị tản rộng. Khi vị Tỷ-kheo nghe tiếng với tai... ngửi hương với mũi... nếm vị với lưỡi... cảm xúc với thân... nhận thức pháp với ý, thức truy cầu pháp tướng, bị trói buộc bởi vị của pháp tướng, bị cột chặt bởi vị của pháp tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của pháp tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại [trần] bị tán loạn, bị tản rộng. Như vậy, này chư Hiền, gọi là thức bị tán loạn, bị tản rộng.

317. Chư Hiền, sao gọi là thức đối với ngoại [trần], không bị tán loạn, không bị tản rộng? Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỷ-kheo thấy sắc với con mắt, thức không truy cầu sắc tướng, không bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, không bị cột chặt bởi vị của sắc tướng, không bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại [trần] không bị tán loạn, không bị tản rộng. Khi vị Tỷ-kheo nghe tiếng với tai... (như trên)... ngửi hương với mũi... (như trên)... nếm vị với lưỡi... (như trên)... cảm xúc với thân... (như trên)... nhận thức pháp với ý, thức không truy cầu pháp tướng, không bị trói buộc bởi vị của pháp tướng, không bị cột chặt bởi vị của pháp tướng, không bị triền phược bởi kiết sử vị của pháp tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại [trần] không bị tán loạn, không bị tản rộng. Như vậy, này chư Hiền, gọi là thức không bị tán loạn, không bị tản rộng.

318. Và này chư Hiền, thế nào gọi là tâm trú trước nội [trần]? Ở đây, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Thức vị ấy truy tìm hỷ lạc do ly dục sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị cột chặt bởi vị

hỷ lạc do ly dục sanh, bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh; như vậy gọi là tâm trú trước nội [trần]. Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Thức của vị ấy truy tìm hỷ lạc do định sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh, bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh; như vậy gọi là tâm trú trước nội [trần]. Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Thức của vị ấy truy tìm xả, bị trói buộc bởi vị xả và lạc, bị cột chặt bởi vị xả và lạc, bị triền phược bởi vị xả và lạc; như vậy gọi là tâm trú trước nội [trần]. Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Thức của vị ấy truy tìm không khổ không lạc, bị trói buộc bởi vị không khổ không lạc, bị cột chặt bởi vị không khổ không lạc, bị triền phược bởi kiết sử vị không khổ không lạc; như vậy gọi là tâm trú trước nội [trần]. Như vậy gọi là tâm trú trước nội [trần].

319. Và này chư Hiền, thế nào gọi là tâm không bị trú trước nội [trần]? Ở đây, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do ly dục sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh; như vậy gọi là tâm không trú trước nội [trần]. Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do định sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh; như vậy gọi là tâm không trú trước nội [trần]. Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Thức của vị ấy không truy tìm xả, không bị trói buộc bởi vị xả và lạc, không bị cột chặt bởi vị xả và lạc, không bị triền phược bởi vị xả và lạc; như vậy được gọi là tâm không trú trước nội [trần]. Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Thức của vị ấy không truy tìm không khổ không lạc, không bị trói buộc bởi vị của không khổ không lạc, không bị cột chặt bởi vị của không khổ không lạc, không bị triền phược bởi kiết sử vị không khổ không lạc; như vậy gọi là tâm không trú trước nội [trần]. Như vậy gọi là tâm không trú trước nội [trần].

320. Và thế nào, này chư Hiền, là bị chấp thủ quấy rối? Ở đây, này chư Hiền, kẻ vô văn phàm phu không yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không yết kiến các bậc

Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay thấy sắc như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong sắc. Sắc pháp ấy của vị ấy có biến hoại, đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong sắc pháp ấy của vị ấy, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp của vị ấy. Do thức bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp, nên pháp quấy rối khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm bị xâm nhập, vị ấy sợ hãi, bực phiền và đầy những khao khát.[6] Và vị ấy bị chấp thủ[7] quấy rối.[8] Vị ấy xem cảm thọ... tưởng... các hành... thức như là tự ngã hay tự ngã như là có thức, hay thức như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong thức. Thức ấy của vị ấy biến hoại và đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong thức ấy của vị ấy, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức của vị ấy. Do thức bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức, nên các pháp quấy rối khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm bị xâm nhập, vị ấy sợ hãi, bực phiền và đầy những khao khát. Và vị ấy bị chấp thủ quấy rối. Như vậy, này chư Hiền, là bị chấp thủ quấy rối.

321. Và thế nào, này chư Hiền, là không bị chấp thủ quấy rối? Ở đây, này chư Hiền, có vị đa văn Thánh đệ tử yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay không thấy sắc như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong sắc. Sắc pháp của vị ấy biến hoại, đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong sắc pháp của vị ấy, thức của vị ấy không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp của vị ấy. Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp, nên các pháp quấy rối không khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm không bị xâm nhập, vị ấy không sợ hãi, không bực phiền và không đầy những khao khát. Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối. Vị ấy không xem cảm thọ... tưởng... các hành... thức như là tự ngã hay tự ngã như là có thức, hay không thấy thức như là trong tự ngã hay tự ngã như là trong thức. Thức của vị ấy biến hoại và đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong thức của vị ấy, thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức của vị ấy. Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức, nên các pháp quấy rối không khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm không bị xâm nhập, vị ấy không sợ hãi, không bực phiền và không đầy những khao khát. Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối. Như vậy, này chư Hiền, là không bị chấp thủ quấy rối.

---

[6] *MA*. V. 30 viết là *apekkhavā*, giải thích là *sālayo sasineho*, với lạc và ái.

[7] *Anupādāya*. *S*. III. 16 viết là *upādāya*. Kinh chữ Hán viết là "bất thọ" trọn cả đoạn này.

[8] Ở đây bản chữ Hán giải thích có khác: "Chư Hiền, thế nào là Tỷ-kheo không thọ mà khủng bố? Chư Hiền, Tỷ-kheo không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát. Chư Hiền, nếu có Tỷ-kheo không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát; vị ấy muốn được sắc, cầu sắc, trước sắc, trú sắc. Sắc tức là ngã, sắc là sở hữu của ngã, khi muốn được sắc, cầu sắc, trú sắc; sắc tức là ngã, sắc là sở hữu của ngã, thì thức ôm ấp sắc; khi thức ôm ấp sắc, thì khi sắc biến dị, thức chuyển theo sắc; khi thức chuyển theo sắc, thì nó sanh khủng bố pháp và tâm trú trong ấy. Nhơn vì tâm không biết, nên sanh sợ hãi, phiền lao, không thọ mà khủng bố." (*T*.01. 0026.163. 0695c18).

Này chư Hiền, phần tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào... (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai."

Phần tổng thuyết này, này chư Hiền, được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi; này chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Và nếu như chư Hiền muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích chư Hiền như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

322. Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Mahākaccāna giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải thích nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, và đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào... (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai."

Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Thế Tôn sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng ta, không giải nghĩa một cách rộng rãi, và đã đi vào tinh xá: 'Vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào... (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai.' Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi?"

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahākaccāna... (như trên)... nay chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này." Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến Tôn giả Mahākaccāna, sau khi đến, chúng con hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này. Ý nghĩa của những [chữ] ấy đã được Tôn giả Mahākaccāna giải thích cho chúng con với những phương pháp (*ākāra*) này, với những câu này, với những chữ này.

– Này các Tỷ-kheo, Mahākaccāna là bậc Hiền giả. Này các Tỷ-kheo, Mahākaccāna là bậc Đại trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, nếu các ông hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng giải thích cho các ông như vậy, như Mahākaccāna đã giải thích. Thật sự ý nghĩa ấy là vậy, và các ông hãy thọ trì như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

139. KINH VÔ TRÁNH PHÂN BIỆT

(*Araṇavibhaṅga Sutta*)[1]

323. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về Vô tránh phân biệt.[2] Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Chớ có hành trì dục lạc hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích. Sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp. Nên biết phán xét về lạc. Sau khi biết phán xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc. Không nên nói lên lời bí mật. Mặt đối mặt [với ai], không nên nói lời mất lòng.[3] Nên nói thật từ từ, không có vội vàng. Chớ có chấp trước địa phương ngữ,[4] chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng. Như vậy là tổng thuyết về Vô tránh phân biệt.

324. Khi được nói đến: "Chớ có hành trì dục lạc hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Và cũng không nên hành trì

---

[1] Xem *M*. I. 83, 91; III. 109. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Câu-lâu-sấu vô tránh kinh* 拘樓瘦無諍經 (*T*.01. 0026.169. 0701b22).

[2] *Araṇa* có thể dịch là hòa bình và *saraṇa* là có tranh chấp. Cũng có thể dịch là phiền não. Xem *MA*. V. 32; *SA*. I. 101; *AA*. I. 220.

[3] *Khīṇa*. *MA*. V. 30 giải thích là *ākiṇṇa*, bị dao động, bực phiền, và *kiliṭṭha*, ô uế. Nghĩa là không nên nói lời có hại, làm phiền người khác và không nói lời không thích đáng.

[4] Kinh Hán tạng dùng chữ "Tùy quốc tục pháp, mạc thị mạc phi"; 隨國俗法, 莫是莫非 (*T*.01. 0026.169. 0703a02).

tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích." Do duyên gì được nói đến như vậy? Phàm lạc gì liên hệ với dục, đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy là có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Phàm lạc gì liên kết với dục, nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.

Phàm hành trì tự kỷ khổ hạnh nào, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Phàm không hành trì tự kỷ khổ hạnh nào, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Khi được nói đến: "Chớ có hành trì dục lạc hạ liệt, đê tiện, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

325. Khi được nói đến: "Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn", do duyên gì được nói đến như vậy? Đây là con đường Thánh tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Khi được nói đến: "Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

326. Khi được nói đến: "Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích. Sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp." Do duyên gì, được nói đến như vậy? Này các Tỳ-kheo, thế nào là tán thán, thế nào là chỉ trích, nhưng không thuyết pháp? Vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau: "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục nhưng đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những người ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo." Vị ấy tán thán một số người và nói như sau: "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo." Ở đây, vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau: "Những ai đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc về tà đạo." Ở đây, vị ấy tán thán một số người và nói như sau: "Những ai không đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy đều không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo." Ở đây, vị ấy chỉ

trích một số người và nói như sau: "Những ai chưa đoạn tận hữu kiết sử,[5] tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo." Ở đây, vị ấy tán thán một số người và nói như sau: "Những ai đã đoạn tận hữu kiết sử,[6] tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có tán thán, có chỉ trích, nhưng không thuyết pháp.

327. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không có tán thán và không có chỉ trích, nhưng có thuyết pháp? Vị ấy không nói như sau: "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo." Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Sự đam mê là một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo." Vị ấy không nói: "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo." Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Không đam mê là một pháp không đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo." Vị ấy không nói: "Những ai đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo." Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Sự đam mê là một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo." Vị ấy không nói: "Những ai không đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, tất cả những vị ấy đều không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo." Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Sự không đam mê là không đau khổ, pháp này không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc về chánh đạo." Vị ấy không nói: "Những ai chưa đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não." Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Khi hữu kiết sử chưa đoạn tận, hữu chưa đoạn tận." Vị ấy không nói như sau: "Những ai đã đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não." Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Và khi hữu kiết sử được đoạn tận, hữu được đoạn tận." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không tán thán, không chỉ trích, nhưng chỉ thuyết pháp.

Khi được nói đến: "Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích. Sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, chớ có tán thán, chớ có chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp." Chính do duyên này, được nói đến như vậy.

328. Khi được nói đến: "Nên biết phán xét về lạc. Sau khi biết phán xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc." Do duyên gì, được nói đến như vậy? Này các

---

[5] Ở đây chỉ cho ái (*taṇhā*).

[6] Ở đây là *vibhava*. Kinh chữ Hán dùng chữ hữu (*bhava*).

Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... (như trên)...; các hương do mũi nhận thức... (như trên)...; các vị do lưỡi nhận thức... (như trên)...; các xúc do thân cảm giác, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, như vậy là năm dục trưởng dưỡng. Này các Tỷ-kheo, do duyên năm dục trưởng dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là dục lạc, uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc. Ta nói loại lạc này không nên thực hành, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn, mà nên sợ hãi. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... Thiền thứ ba... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Như vậy gọi là xuất ly lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, giác ngộ lạc. Ta nói loại lạc này nên thực hành, nên tu tập, nên làm cho sung mãn, không nên sợ hãi. Khi được nói đến: "Nên biết phán xét về lạc. Sau khi phán xét về lạc, hãy chú tâm vào nội lạc." Do chính duyên này, được nói đến như vậy.

329. Khi được nói đến: "Không nên nói lên lời bí mật. Mặt đối mặt [với ai], không nên nói lời mất lòng." Do duyên gì, được nói đến như vậy? Tại đây, này các Tỷ-kheo, biết được một lời bí mật là không thực, hư vọng, không liên hệ mục đích, nếu có thể được, chớ nói lên lời bí mật ấy. Và nếu biết được một lời bí mật là thực, không hư vọng, nhưng không liên hệ mục đích, hãy tập đừng nói lời ấy. Và nếu biết được một lời bí mật là thực, không hư vọng, có liên hệ mục đích, ở đây, nên biết thời nói lên lời bí mật ấy. Nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt [với ai] là không thực, hư vọng, không liên hệ mục đích, nếu có thể được, mặt đối mặt, chớ nói lên lời nói mất lòng ấy. Nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt [với ai] là thực, không hư vọng, nhưng không liên hệ mục đích, hãy tập chớ nói lên lời ấy. Và nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt [với ai] là thực, không hư vọng, có liên hệ mục đích, ở đây nên biết thời nói lên lời mất lòng ấy. Khi được nói đến: "Không nên nói lên lời bí mật, mặt đối mặt [với ai], không nên nói lên lời mất lòng." Do chính duyên này, được nói đến như vậy.

330. Khi được nói đến: "Nên nói thật từ từ, chớ có vội vàng." Do duyên gì, được nói đến như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu nói vội vàng, thời thân mệt mỏi, tâm bị tổn hại, tiếng bị tổn hại và cổ họng bị đau. Lời nói một người vội vàng không được rõ ràng và không được nhận hiểu. Tại đây, này các Tỷ-kheo, nói lời từ từ, thân không mệt mỏi, tâm không tổn hại, tiếng không tổn hại và cổ họng không bị đau. Lời nói một người nói từ từ được rõ ràng và được nhận hiểu. Khi được nói đến: "Nên nói thật từ từ, chớ có nói vội vàng." Chính do duyên này, được nói đến như vậy.

331. Khi được nói đến: "Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng." Do duyên gì, được nói đến như vậy? Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chấp trước địa phương ngữ và đi quá xa ngôn ngữ thường

dùng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta gọi *pātī* (cái dĩa) bằng những chữ *patta... vitta... sarāva... dhāropa... poṇa... pisīlava...* Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy, những chữ là như vậy; như vậy, có người lại làm như vậy, kiên trì chấp thủ, chấp trước và nói: "Chỉ như vậy là sự thật, ngoài ra là hư vọng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp trước địa phương ngữ, là đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.

332. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không chấp trước địa phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta biết những chữ *pātī... patta... vitta... sarāva... dhāropa... poṇa... pisīlava...* Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy, những chữ là như vậy; như vậy, một người không chấp thủ mà giải thích: "Các vị ấy y cứ như thế này, giải thích như vậy." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không chấp trước địa phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng. Khi được nói đến: "Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng." Do chính duyên này, được nói đến như vậy.

333. Ở đây, này các Tỷ-kheo, phàm lạc gì liên hệ với dục, nhưng có đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích; pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lạc gì liên kết với dục, nhưng không có đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích; pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

334. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích; pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm không có hành trì tự kỷ khổ hạnh, không đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích; pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

335. Tại đây, này các Tỷ-kheo, đây là Trung đạo đã được Thế Tôn giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Pháp này không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

336. Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp tán thán và chỉ trích nhưng không thuyết pháp này; pháp này có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có phiền não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp không tán thán, cũng không chỉ trích, chỉ có thuyết pháp; pháp này không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

337. Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp dục lạc này là uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc; pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp xuất ly lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, pháp này là pháp không đau khổ, không phiền lao, không ưu não, không nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

338. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói bí mật nào không thật, hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói bí mật nào là chân thật, không hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói bí mật nào là chân thật, không hư vọng, có liên hệ mục đích, pháp này là pháp không đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

339. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói mất lòng nào, mặt đối mặt [với ai], không chân thật, hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói mất lòng nào, mặt đối mặt [với ai] là chân thật, không hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói mất lòng nào, mặt đối mặt [với ai] là chân thật, không hư vọng, liên hệ mục đích, pháp này là pháp không đau khổ... thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

340. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói nào được nói lên một cách vội vàng, pháp này có đau khổ... tà đạo... pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói nào được nói lên một cách từ từ, pháp này không có đau khổ... chánh đạo... pháp vô tránh.

341. Tại đây, này các Tỷ-kheo, chấp trước địa phương ngữ và đi quá xa ngôn ngữ thường dùng, pháp này là pháp có đau khổ... thuộc tà đạo... pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, không chấp trước địa phương ngữ và không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng, pháp này là pháp không có đau khổ... thuộc chánh đạo... pháp vô tránh.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông phải tự tu học như sau: "Chúng ta sẽ biết hữu tránh pháp và chúng ta sẽ biết vô tránh pháp. Sau khi biết hữu tránh pháp và sau khi biết vô tránh pháp, chúng ta sẽ hành trì vô tránh đạo."

Và này các Tỷ-kheo, thiện gia nam tử Subhūti (Tu-bồ-đề) đã hành trì vô tránh pháp.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

140. KINH GIỚI PHÂN BIỆT

(*Dhātuvibhaṅga Sutta*)[1]

342. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rājagaha (Vương Xá), đến nhà thợ gốm Bhaggava;[2] sau khi đến, nói với thợ gốm Bhaggava:

– Này Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.

– Bạch Thế Tôn, không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy đồng ý, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, thiện gia nam tử Pukkusāti,[3] do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến thiện gia nam tử Pukkusāti; sau khi đến, nói với Pukkusāti:

– Này Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

– Rộng rãi,[4] thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm. Hiền giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi [như vậy]. Tôn giả Pukkusāti trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi [như vậy]. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Cử chỉ thiện gia nam tử này có vẻ tín thành, Ta hãy hỏi vị ấy." Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusāti:

– Này Tỷ-kheo, ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của ông? Ông chấp nhận pháp của ai?

– Thưa Tôn giả, có Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy:

---

[1] Xem *D*. III. 207; *S*. IV. 201; *A*. III. 279; *MNid*. 116. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phân biệt lục giới kinh* 分別六界經 (*T*.01. 0026.162. 0690a19). Tham chiếu: *Phật thuyết Bình-sa Vương ngũ nguyện kinh* 佛說蓱沙王五願經 (*T*.14. 0511. 0779a06).

[2] Ở đây, người thợ gốm có thể tên là Bhaggava. Xem *M*. II. 52; *MLS*. II. 248.

[3] P. Pukkusāti; H. 弗迦邏娑利. *MA*. V. 33-5 có viết một tiểu sử khá dài của vị Tỷ-kheo này. Xem *DPPN*.

[4] *Urunda* có thể là *uruddha*, nghĩa là có chỗ để thở. *MA*. V. 47 giải thích là *vivitta*, nghĩa là chỗ thanh vắng, nhàn tịnh và *asambhādha*, nghĩa là không đông người.

"Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– Này Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?

– Thưa Tôn giả, có một thành phố tên là Sāvatthi giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hiện nay đang ở.

– Này Tỷ-kheo, trước đây ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, ông có nhận ra không?

– Thưa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho thiện gia nam tử ấy." Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusāti:

– Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa Hiền giả, vâng.

Tôn giả Pukkusāti vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

343. – Này Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xứ, mười tám ý hành,[5] bốn thắng xứ,[6] khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng tuệ thí (*cāga*), hãy tu học tịch tịnh.[7] Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.[8]

344. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến: "Người này có sáu giới", do duyên gì, được nói đến như vậy? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến: "Người này có sáu giới", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

345. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến: "Người này có sáu xúc xứ", do duyên gì, được nói đến như vậy? Nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ. Khi được nói đến: "Người này có sáu xúc xứ", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

346. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến: "Người này có mười tám ý hành",

---

[5] Xem *M.* III. 216. Ba đoạn đầu cũng được *A.* I. 175 giải thích, nhưng đề cập đến Tứ đế, thay thế cho Bốn thắng xứ.

[6] *D.* III. 229.

[7] Thứ tự ở đây có khác với đoạn giải thích phần sau.

[8] Kinh Hán tạng viết như sau: "Nhân hữu lục giới tụ, lục xúc xứ, thập bát ý hành, tứ trụ xứ"; 人有六界聚, 六觸處, 十八意行, 四住處 (*T*.01. 0026.162. 0690b22), không khác với bản Pāli. Đoạn tiếp có nhiều chỗ khác: "Nếu có trú, vị ấy không nghe các sự ưu buồn; sau khi không nghe các sự ưu buồn, ý không ghét, không lo, không phiền lao, cũng không sợ hãi. Như vậy có lời dạy không buông lung trí tuệ, thủ hộ chân đế, trưởng dưỡng tuệ thí. Tỳ-kheo nên học tối thượng, nên học chí tịch, phân biệt 6 giới." (*T*.01. 0026.148. 0660b01).

do duyên gì, được nói đến như vậy? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc khởi lên hỷ, chạy theo sắc khởi lên ưu, chạy theo sắc khởi lên xả;[9] khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp khởi lên hỷ, chạy theo pháp khởi lên ưu, chạy theo pháp khởi lên xả. Như vậy, có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến: "Người này có mười tám ý hành", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

347. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến: "Người này có Bốn thắng xứ", do duyên gì, được nói đến như vậy? Tuệ thắng xứ, Đế thắng xứ, Tuệ thí thắng xứ, Tịch tịnh thắng xứ.[10] Khi được nói đến: "Người này có Bốn thắng xứ", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

348. Khi được nói đến: "Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng tuệ thí, hãy tu học tịch tịnh", do duyên gì, được nói đến như vậy? Thế nào là không buông lung trí tuệ? Có sáu giới này: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

349. Này Tỷ-kheo, thế nào là địa giới?[11] Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội địa giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

350. Và này Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội thủy giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

---

[9] Kinh Hán tạng viết: "Vị Tỷ-kheo nhãn kiến sắc, quán sắc hỷ trú, quán sắc ưu trú, quán sắc xả trú"; 謂比丘眼見色,觀色喜住,觀色憂住,觀色捨住. (*T*.01. 0026.162. 0690b29).

[10] Kinh Hán tạng viết: "Vị chân đế trú xứ, tuệ trú xứ, thi trú xứ, tức trú xứ"; 謂真諦住處,慧住處,施住處,息住處 (*T*.01. 0026.162. 0690c09).

[11] Cho đến hư không giới, xem *M*. I. 421ff; I. 185ff; *MLS*. I. 231ff.

351. Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội hỏa giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa hay tất cả những vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

352. Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội phong giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

353. Và này Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội hư không giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm và được tống xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và những gì thuộc ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

354. Lại nữa, khi thức còn lại được trong sạch, thanh tịnh, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc. Này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ." Do lạc xúc ấy diệt

đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt."

355. Này Tỷ-kheo, duyên khổ xúc, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ." Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt."

356. Này Tỷ-kheo, duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ." Do bất khổ bất lạc xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt."

357. Này Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt. Cũng vậy, này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác lạc thọ." Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt."

358. Này Tỷ-kheo, duyên khổ xúc, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác khổ thọ." Do khổ xúc... được chấm dứt."

359. Này Tỷ-kheo, duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt."

360. Lại nữa, khi xả còn lại được trong sạch, thanh tịnh, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng. Ví như, này Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người đệ tử sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kềm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò, rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng láng, sạch sẽ, gột sạch, các uế tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyến, dễ uốn nắn và chói sáng... Và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy. Cũng vậy, này Tỷ-kheo, lại nữa, khi xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng.

361. Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này, thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này, thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy,

chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này, thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài."

362. Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này, thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời [xả] ấy[12] trở thành pháp hữu vi." Vị ấy không tác thành, không suy tưởng[13] đến hữu hay phi hữu.[14] Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời, chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa."

363. Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ." Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ." Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ."

364. Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu."[15] Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương."

365. Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy đỏ nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu ấy bị diệt tắt... Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu." Khi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác

---

[12] Chữ *etaṃ* có thể chỉ cho thọ mạng (*āyu*) như *MA*. V. 55: "Dầu cho thọ mạng này đến hai mươi ngàn kiếp… thọ mạng này cũng không thường còn…"

[13] Ở đây nói về quả A-la-hán.

[14] *Bhava* và *vibhava*, được gọi là tăng và giảm, cũng liên hệ đến Thường kiến và Đoạn kiến.

[15] *D*. I. 46; II. 128; *S*. II. 83; *A*. II. 198.

một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương."

Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với Tối thắng tuệ thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là Tối thắng Thánh tuệ, nghĩa là trí, biết sự đoạn tận mọi đau khổ.

366. Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào chân đế, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng; cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với Tối thắng đế thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là Tối thắng Thánh đế, tức là Niết-bàn, không có thể đưa đến hư vọng.

367. Và những sanh y vô trí thức trước của nó[16] đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với Tối thắng tuệ thí thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là Tối thắng Thánh tuệ thí, tức là sự xả ly tất cả sanh y.

368. Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa.

Và sự phẫn nộ vô trí thức trước của nó, thuộc sân hận, thuộc tội quá, pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu Tối thắng tịch tịnh thắng xứ. Này Tỷ-kheo, như vậy là Tối thắng Thánh tịch tịnh, tức là sự tịch tịnh tham, sân, si.

Khi được nói đến: "Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn tuệ thí, hãy tu học tịch tịnh", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

369. Khi được nói đến: "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh." Do duyên gì, được nói đến như vậy? Này Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng; "Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng; "Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng; "Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng; "Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng; "Tôi sẽ không có sắc", như vậy là vọng tưởng; "Tôi sẽ có tưởng", như vậy là vọng tưởng; "Tôi sẽ không có tưởng", như vậy là vọng tưởng; "Tôi

---

[16] Đối với các uẩn, đối với các phiền não, đối với các hành (*abhisaṅkhārā*) và đối với năm dục công đức. Xem *MA*. V. 60.

sẽ không có tưởng, không không có tưởng", như vậy là vọng tưởng. Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bướu, vọng tưởng là mũi tên. Này Tỷ-kheo, khi vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh. Nhưng này Tỷ-kheo, vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu. Vì không có cái gì để có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết, làm sao dao động được? Không dao động, làm sao hy cầu? Khi được nói đến: "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh." Do chính duyên này, được nói đến như vậy. Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt của Ta về sáu giới.

370. Rồi Tôn giả Pukkusāti nghĩ như sau: "Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!" Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo như con đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai!

– Này Tỷ-kheo, thật vậy, ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì ông đã nghĩ rằng ông có thể xưng hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng này Tỷ-kheo, nếu ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thời Ta chấp nhận [lỗi lầm] ấy cho ông. Vì rằng, này Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ Cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, ông có đủ y bát không?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Này Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao Cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusāti sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusāti đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống [của Tôn giả].

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thiện gia nam tử Pukkusāti được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống tương lai như thế nào?

– Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả,[17] thiện gia nam tử Pukkusāti, đã chấp hành chánh pháp và tùy pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, thiện gia nam tử Pukkusāti, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời này nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[17] *M.* II. 146.

141. KINH PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT

(*Saccavibhaṅga Sutta*)[1]

371. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), Isipatana (chư tiên đọa xứ), tại Migadāya (Lộc Uyển). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Vô thượng pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở Lộc Uyển, chỗ chư tiên đọa tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma [vương], Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh đế.

Thế nào là bốn? Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ tập Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ diệt Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ diệt đạo Thánh đế. Vô thượng pháp luân, này các Tỷ-kheo, đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở Lộc Uyển, chỗ chư tiên đọa tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma [vương], Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh đế. Này các Tỷ-kheo, hãy thân cận Sāriputta và Moggallāna. Này các Tỷ-kheo, hãy gần gũi Sāriputta và Moggallāna; các vị ấy là những Tỷ-kheo Hiền trí (*paṇḍitā*), là những vị sách tấn[2] các đồng Phạm hạnh. Như một sanh mẫu, này các Tỷ-kheo, như vậy là Sāriputta. Như một dưỡng mẫu, như vậy là Moggallāna. Này các Tỷ-kheo, Sāriputta hướng dẫn đến quả Dự lưu, còn Moggallāna hướng dẫn đến Tối thượng nghĩa.[3] Này các Tỷ-kheo, Sāriputta có

---

[1] Xem *M.* I. 55; *D.* II. 290. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T.*01. 0026.31. 0467a28). Tham chiếu: *Niệm xứ kinh* 念處經 (*T.*01. 0026.98. 0582b07); *Tứ đế kinh* 四諦經 (*T.*01. 0032. 0814b08); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.1. 0568a01); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.27.1. 0643a26).

[2] *Anuggāhakā. S.* III. 5; V. 162 chỉ nói đến Tôn giả Sāriputta và được dịch là người đỡ đầu.

[3] *Uttamattha* tức là A-la-hán quả. Dường như Sāriputta quan tâm dìu dắt các tân Tỷ-kheo hơn là dìu dắt những vị đã và đang có những thành tựu tu tập cao hơn.

thể khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ một cách rộng rãi Bốn Thánh đế.[4]

Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá.

372. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Chư Hiền, Vô thượng pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở Lộc Uyển, chỗ chư tiên đọa tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma [vương], Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Bốn Thánh đế.

Thế nào là bốn? Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ tập Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ diệt Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ diệt đạo Thánh đế.

373. Và này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế?[5] Sanh là khổ, già là khổ, [bệnh là khổ], chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là sanh? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành,[6] tái sanh,[7] sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này chư Hiền, như vậy gọi là sanh.

Này chư Hiền, thế nào là già? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại. Này chư Hiền, như vậy gọi là già.

Này chư Hiền, thế nào là chết? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Này chư Hiền, như vậy gọi là chết.

Này chư Hiền, thế nào là sầu? Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sầu của người ấy. Này chư Hiền, như vậy gọi là sầu.

---

[4] Tôn giả Sāriputta được xem là vị Tướng quân Chánh pháp (*Dhammasenāpati*).

[5] Đoạn kinh còn lại giống *D.* 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*), *D.* I. 305-13.

[6] Vào trong bào thai.

[7] *Nibbatti*, không có trong *M.* I. 49.

Này chư Hiền, thế nào là bi? Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Này chư Hiền, như vậy gọi là bi.

Này chư Hiền, thế nào là khổ? Này chư Hiền, sự đau khổ về thân, sự không sảng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sảng khoái do thân cảm thọ. Này chư Hiền, như vậy gọi là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là ưu? Này chư Hiền, sự đau khổ về tâm,[8] sự không sảng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sảng khoái do tâm cảm thọ. Này chư Hiền, như vậy gọi là ưu.

Này chư Hiền, thế nào là não? Này chư Hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Này chư Hiền, như vậy gọi là não.

Này chư Hiền, thế nào là "cầu bất đắc khổ"? Này chư Hiền, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối! Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh!" Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Này chư Hiền, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối! Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu, não!" Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

Này chư Hiền, như thế nào là "tóm lại năm thủ uẩn là khổ"? Như sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, như vậy, tóm lại năm thủ uẩn là khổ. Này chư Hiền, như vậy là Khổ Thánh đế.

374. Này chư Hiền, thế nào là Khổ tập Thánh đế? Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.

Này chư Hiền, và thế nào là Khổ diệt Thánh đế? Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm [tham ái ấy]. Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.

375. Này chư Hiền, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh tri kiến? Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh tri kiến.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh tư duy? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh tư duy.

---

[8] *Cetasikaṃ dukkhaṃ*. Xem *D*. II. 306.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh ngữ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh ngữ.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh nghiệp? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh nghiệp.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh mạng? Này chư Hiền, ở đây, vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh mạng.

Này chư Hiền, và thế nào là Chánh tinh tấn? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh niệm? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời... thọ trên các cảm thọ... tâm trên các tâm... pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh niệm.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh định? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. [Vị Tỷ-kheo ấy] diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. [Tỷ-kheo] ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. [Tỷ-kheo ấy] xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh định.

Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế.

Chư Hiền, Vô thượng pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở Lộc Uyển, chỗ chư tiên đọa tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma [vương], Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh đế.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta dạy.

142. KINH PHÂN BIỆT CÚNG DƯỜNG

(*Dakkhiṇāvibhaṅga Sutta*)[1]

376. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dòng họ Sakka (Thích-ca), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), tại tinh xá Nigrodha (Ni-câu-luật). Rồi Mahāpajāpatī Gotamī (Cù-đàm nữ Ma-ha-ba-xà-ba-đề) đem theo một cặp y mới, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt đặc biệt cho Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy nhận lấy cho con.

Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

– Này Gotamī, hãy cúng dường Tăng chúng! Bà cúng dường Tăng chúng, thời Ta sẽ được cung kính, và cả Tăng chúng cũng vậy.

Lần thứ hai, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt đặc biệt cho Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy nhận lấy cho con!

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

– Này Gotamī, hãy cúng dường Tăng chúng! Bà cúng dường Tăng chúng, thời Ta sẽ được cung kính, và cả Tăng chúng cũng vậy.

Lần thứ ba, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt đặc biệt cho Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy nhận lấy cho con!

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

– Này Gotamī, hãy cúng dường Tăng chúng! Bà cúng dường Tăng chúng, thời Ta sẽ được cung kính, và cả Tăng chúng cũng vậy.

377. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn hãy nhận cặp y mới cho Mahāpajāpatī Gotamī! Bạch Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī đã giúp ích nhiều cho Thế Tôn, là thúc mẫu, là dưỡng

---

[1] Xem *Kvu*. 553. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Cù-đàm-di kinh* 瞿曇彌經 (*T*.01. 0026.180. 0721c21). Tham chiếu: *Phân biệt bố thí kinh* 分別布施經 (*T*.01. 0084. 0903b23); *Hiền ngu kinh*, *Ba-bà-ly phẩm* 賢愚經波婆離品 (*T*.04. 0202.50. 0434a01); *Tạp bảo tạng kinh*, *Thập xa vương duyên* 雜寶藏經十奢王緣 (*T*.04. 0203.1. 0447a16).

mẫu, đã nuôi dưỡng Thế Tôn, đã cho Thế Tôn bú sữa, vì rằng sau khi sanh mẫu của Thế Tôn mệnh chung, chính bà đã cho Thế Tôn bú sữa. Bạch Thế Tôn, và Thế Tôn cũng giúp ích nhiều cho Mahāpajāpatī Gotamī. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahāpajāpatī từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu đem lại. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī có đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, đầy đủ các giới luật làm bậc Thánh hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī không còn nghi ngờ đối với khổ, không còn nghi ngờ đối với khổ tập, không còn nghi ngờ đối với khổ diệt, không còn nghi ngờ đối với con đường đưa đến khổ diệt. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn cũng đã giúp ích nhiều cho Mahāpajāpatī Gotamī.

378. – Thật là như vậy, này Ānanda! Thật là như vậy, này Ānanda! Này Ānanda, nếu do nhờ một người[2] mà một người khác[3] được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, thời này Ānanda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia về đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay, về làm những việc thích hợp và về dâng cúng các sự cúng dường như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nếu do nhờ một người mà một người khác từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu men rượu nấu, thời này Ānanda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia về đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay, về làm những việc thích hợp và về dâng cúng các sự cúng dường như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Này Ānanda, nếu do nhờ một người mà một người khác đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với Phật, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, đầy đủ các giới luật, thời này Ānanda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia về đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay, về làm những việc thích hợp và về dâng cúng các sự cúng dường như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Này Ānanda, nếu do nhờ một người mà một người khác không có nghi ngờ đối với khổ, không có nghi ngờ đối với khổ tập, không có nghi ngờ đối với khổ diệt, không có khi ngờ đối với con đường đưa đến khổ diệt, thời này Ānanda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia về đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay, về làm những việc thích hợp và về dâng cúng các sự cúng dường như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

379. Này Ānanda, có mười bốn loại cúng dường phân loại theo hạng người.[4] Bố thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác là cúng dường thứ

---

[2] Chỉ cho bậc Đạo sư (*ācariya*). Xem *Vin*. I. 44ff.

[3] Chỉ cho người đệ tử (*antevāsika*). Xem *MA*. V. 70.

[4] *Pāṭipuggalikā dakkhiṇā*, giá trị và công đức của sự bố thí được xác định tùy thuộc giá trị và công đức của người nhận.

nhất, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị Độc Giác Phật là cúng dường thứ hai, phân loại theo hạng người. Bố thí các bậc A-la-hán đệ tử Như Lai là cúng dường thứ ba, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán là cúng dường thứ tư, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị chứng quả Bất lai là cúng dường thứ năm, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai là cúng dường thứ sáu, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ bảy, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ tám, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ chín, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị trên con đường chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ mười, phân loại theo hạng người. Bố thí những vị ngoại học (*bāhiraka*)[5] đã ly tham trong các dục vọng là cúng dường thứ mười một, phân loại theo hạng người. Bố thí những phàm phu gìn giữ giới luật là cúng dường thứ mười hai, phân loại theo hạng người. Bố thí những phàm phu theo ác giới là cúng dường thứ mười ba, phân loại theo hạng người. Bố thí các loại bàng sanh là cúng dường thứ mười bốn, phân loại theo hạng người.

Tại đây, này Ānanda, sau khi bố thí cho các loại bàng sanh, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức.[6] Sau khi bố thí cho những phàm phu theo ác giới, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức. Sau khi bố thí cho các phàm phu gìn giữ giới luật, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn phần công đức. Sau khi bố thí cho các người ngoại học đã ly tham trong các dục vọng, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn ức phần công đức. Sau khi bố thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu,[7] cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán đệ tử Như Lai? Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật? Còn nói gì đến các Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác?

380. Này Ānanda, có bảy loại cúng dường cho Tăng chúng. Bố thí cho cả hai Tăng chúng với đức Phật là vị dẫn đầu là cúng dường Tăng chúng thứ nhất. Bố thí cho cả hai Tăng chúng sau khi đức Phật đã nhập diệt là cúng dường Tăng chúng thứ hai. Bố thí cho chúng Tỷ-kheo là cúng dường Tăng chúng thứ ba. Bố thí cho chúng Tỷ-kheo-ni là cúng dường Tăng chúng thứ tư. Bố thí và nói rằng: "Mong Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni như vậy" là cúng dường Tăng chúng thứ năm. Bố thí và nói rằng: "Mong Tăng chúng

---

[5] *MA*. V. 71 viết: *Bāhirake kāmesu vītarāgeti kammavādikiriyavādimhi lokiyapañcābhiññe*, liên quan đến 5 Thế thắng trí, vị này là người giảng về nghiệp và thành quả của nghiệp.

[6] Một trăm lợi ích, công đức. *MA*. V. 71; *A*. III. 42.

[7] *MA*. V. 72 giải thích rằng dù là một cư sĩ quy y Tam bảo cũng được xem là đang đi trên con đường chứng quả Dự lưu.

chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo như vậy" là cúng dường Tăng chúng thứ sáu. Bố thí và nói rằng: "Mong Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo-ni như vậy" là cúng dường Tăng chúng thứ bảy.

Nhưng này Ānanda, trong thời tương lai sẽ có những hạng Tỷ-kheo chuyển tánh (*gotrabhuno*),[8] với chiếc y cà-sa vàng quấn quanh cổ,[9] hành theo ác giới, ác pháp, và cuộc bố thí làm cho Tăng chúng theo ác giới. Nhưng này Ānanda, khi Ta nói rằng cúng dường cho Tăng chúng là vô số và vô lượng, thời này Ānanda, Ta không muốn nói rằng bất cứ phương tiện gì, một sự bố thí phân loại theo cá nhân lại có kết quả to lớn hơn đối với cúng dường cho Tăng chúng.

381. Này Ānanda, có bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường. Thế nào là bốn? Này Ānanda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho nhưng không bởi người nhận. Này Ānanda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận nhưng không bởi người cho. Này Ānanda, có loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận. Này Ānanda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và này Ānanda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho nhưng không bởi người nhận? Ở đây, này Ānanda, người cho giữ giới, theo thiện pháp, còn những người nhận theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ānanda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho nhưng không bởi người nhận.

Và này Ānanda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận nhưng không bởi người cho? Ở đây, này Ānanda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, còn những người nhận giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ānanda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận nhưng không bởi người cho.

Và này Ānanda, thế nào là loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận? Ở đây, này Ānanda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, và người nhận cũng theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ānanda, là sự cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và này Ānanda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận? Ở đây, này Ānanda, người cho giữ giới, theo thiện pháp, và người nhận cũng giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ānanda, là sự cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Này Ānanda, như vậy là bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

382. Ai đầy đủ giới luật,
Bố thí cho ác giới,
Vật thí được đúng pháp,

---

[8] Xem *GS*. IV. 247; *Pug*. 12, 13.

[9] *Kāsāvakaṇtha*, như *Dh*. 307; *It*. 43.

Với tâm khéo hoan hỷ,[10]
Với lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy,
Thanh tịnh bởi người cho.
Ai không giữ giới luật,
Bố thí cho thiện giới,
Vật thí không đúng pháp,
Với tâm không hoan hỷ,
Không lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy,
Thanh tịnh bởi người nhận.
Ai không giữ giới luật,
Bố thí cho ác giới,
Vật thí không đúng pháp,
Với tâm không hoan hỷ,
Không lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy,
Cả hai không thanh tịnh.
Ai đầy đủ giới luật,
Bố thí cho thiện giới,
Vật thí được đúng pháp,
Với tâm khéo hoan hỷ,
Với lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Ta nói bố thí ấy,
Chắc chắn có quả lớn.
Ai xuất ly tham ái,[11]
Bố thí không tham ái,
Vật thí được đúng pháp.
Với tâm khéo hoan hỷ,
Với lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Ta nói bố thí ấy,
Là quảng đại tài thí.

---

[10] Tức là với giáo pháp. *Miln*. 258 có trích bài kệ và viết tên của bài kinh này.

[11] *MA*. V. 77 viết đây chỉ cho một vị Bất Lai, vì một vị A-la-hán hoàn toàn không còn tham ái.

143. KINH GIÁO GIỚI CẤP CÔ ĐỘC
(*Anāthapiṇḍikovāda Sutta*)[1]

383. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana, (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau bị trọng bệnh. Rồi cư sĩ Cấp Cô Độc gọi một người:

– Hãy đến đây, này bạn! Hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch như sau: "Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau bị trọng bệnh. Cấp Cô Độc xin cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn." Rồi đi đến Tôn giả Sāriputta, sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ Tôn giả Sāriputta và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau bị trọng bệnh. Cấp Cô Độc xin cúi đầu đảnh lễ Tôn giả Sāriputta và thưa như sau: 'Thưa Tôn giả, lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta vì lòng từ mẫn, đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc!'"

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng đáp cư sĩ Cấp Cô Độc, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ chân Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau bị trọng bệnh. Xin cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn.

Rồi người ấy đi đến Tôn giả Sāriputta, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Sāriputta rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Tôn giả, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đảnh lễ Tôn giả Sāriputta và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta vì lòng từ mẫn, đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc!"

Tôn giả Sāriputta im lặng nhận lời.

384. Rồi Tôn giả Sāriputta đắp y, cầm y bát, cùng với Tôn giả Ānanda là thị giả, đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc; sau khi đến, liền ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Sāriputta nói với cư sĩ Cấp Cô Độc:

---

[1] Xem *S.* I. 71, 126; V. 126; *Netti.* 128. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Giáo hóa bệnh kinh* 教化病經 (*T.*01. 0026.28. 0458b28). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.187. 0048c27); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.593. 0158b24); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1032. 0269c08); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.8. 0819b11).

– Này cư sĩ, ta mong rằng ông có thể kham nhẫn, ta mong rằng ông có thể chịu đựng! Ta mong rằng khổ thọ được giảm thiểu, không gia tăng, sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng!

– Thưa Tôn giả Sāriputta, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Sự thống khổ của con gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, ví như một người lực sĩ chém đầu [một người khác] với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, những ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu con. Thưa Tôn giả Sāriputta, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Những thống khổ của con gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết chặt; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, con cảm thấy bị đau đầu một cách kinh khủng. Thưa Tôn giả Sāriputta, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Những thống khổ của con gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của con. Thưa Tôn giả Sāriputta, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Những thống khổ của con gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân con. Thưa Tôn giả Sāriputta, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Những thống khổ của con gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu.

385. – Do vậy, này cư sĩ hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ con mắt, và tôi sẽ không có thức y cứ vào con mắt." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy, này cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ tai, và tôi sẽ không có thức y cứ vào tai." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ mũi... y cứ vào mũi... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ lưỡi... y cứ vào lưỡi... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ thân... y cứ vào thân... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ ý... y cứ vào ý... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ sắc... y cứ vào sắc... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ tiếng... y cứ vào tiếng... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ hương... y cứ vào hương... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ vị... y cứ vào vị... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ xúc... y cứ vào xúc... hãy học tập như vậy. Do vậy, này cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ pháp, và tôi sẽ không có thức y cứ vào pháp." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ nhãn thức, và tôi sẽ không có thức y cứ vào nhãn thức." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy.

"Tôi sẽ không chấp thủ nhĩ thức... Tôi sẽ không chấp thủ tỷ thức... Tôi sẽ không chấp thủ thiệt thức... Tôi sẽ không chấp thủ thân thức... Tôi sẽ không chấp thủ ý thức, và tôi sẽ không có thức y cứ vào ý thức." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ nhãn xúc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào nhãn xúc." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ nhĩ xúc... Tôi sẽ không chấp thủ tỷ xúc... Tôi sẽ không chấp thủ thiệt xúc... Tôi sẽ không chấp thủ thân xúc... Tôi sẽ không chấp thủ ý xúc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào ý xúc." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ thọ do nhãn xúc sanh khởi, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thọ do nhãn xúc sanh khởi." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ thọ do nhĩ xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do tỷ xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do thiệt xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do thân xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do ý xúc sanh khởi và tôi sẽ không có thức y cứ vào thọ do ý xúc sanh khởi." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy.

386. Do vậy, này cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ địa giới, và tôi sẽ không có thức y cứ vào địa giới." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ thủy giới... Tôi sẽ không chấp thủ hỏa giới... Tôi sẽ không chấp thủ phong giới... Tôi sẽ không chấp thủ hư không giới... Tôi sẽ không chấp thủ thức giới, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thức giới." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này cư sĩ... "Tôi sẽ không chấp thủ sắc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào sắc." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ thọ... Tôi sẽ không chấp thủ tưởng... Tôi sẽ không chấp thủ hành... Tôi sẽ không chấp thủ thức và tôi sẽ không có thức y cứ vào thức." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy... "Tôi sẽ không chấp thủ Hư không vô biên xứ, và tôi sẽ không có thức y cứ vào Hư không vô biên xứ." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... "Tôi sẽ không chấp thủ Thức vô biên xứ... Tôi sẽ không chấp thủ Vô sở hữu xứ... Tôi sẽ không chấp thủ Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tôi sẽ không có thức y cứ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ thế giới ở đây và tôi sẽ không có thức y cứ vào thế giới ở đây." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... "Tôi sẽ không chấp thủ thế giới khác, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thế giới khác." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy.

387. Do vậy, này cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ những gì được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận thức, được hy cầu, được tư sát với ý, và tôi sẽ không có thức y cứ vào các pháp [nói trên]." Này cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Khi nghe nói vậy, cư sĩ Cấp Cô Độc khóc và chảy nước mắt. Rồi Tôn giả Ānanda nói với cư sĩ Cấp Cô Độc:

– Này cư sĩ, ông đang gượng lên mà sống, hay chìm xuống [cõi chết]?

– Thưa Tôn giả Ānanda, con không gượng lên mà sống, con đang chìm xuống cõi chết. Dầu cho bậc Đạo sư được con hầu hạ đã lâu và dầu các vị Tỷ-kheo tu tập ý lực,[2] con chưa từng được nghe một thời thuyết pháp như vậy.

– Này cư sĩ, thuyết pháp như vậy không nói cho các hàng cư sĩ mặc áo trắng. Này cư sĩ, thuyết pháp như vậy nói cho các hàng xuất gia.

– Vậy thưa Tôn giả Sāriputta, hãy thuyết pháp như vậy cho hàng cư sĩ mặc áo trắng. Thưa Tôn giả Sāriputta, có những thiện gia nam tử sanh ra với cấu uế không nhiều, nếu không được nghe pháp, sẽ bị đọa lạc; nhưng nếu được nghe, họ có thể biết được [Chánh] pháp.

Rồi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Ānanda, sau khi giảng dạy cho cư sĩ Cấp Cô Độc với bài thuyết giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi cư sĩ Cấp Cô Độc, sau khi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Ānanda ra đi không bao lâu thân hoại mạng chung liền sanh lên cõi Tusitā (Đâu-suất-đà thiên). Rồi thiên tử Cấp Cô Độc, khi đêm đã gần mãn, sau khi chói sáng toàn cảnh Jetavana (Kỳ-đà Lâm) với dung sắc thù thắng đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Cấp Cô Độc nói lên với Thế Tôn bài kệ sau đây:

Rừng Jetavana,
Tốt đẹp phước lành này,
Được chư thiên, chúng Tăng,
Thường lui tới an trú,
Được Pháp vương trú trì,
Ban hoan hỷ cho ta.
Nghiệp,[3] Minh[4] và Chánh pháp,[5]
Giới, tối thượng sanh mạng,[6]
Chính nhờ các pháp trên,
Khiến chúng sanh thanh tịnh.[7]
Không phải do giai cấp,
Không phải do tài sản.
Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy rõ mục đích mình,

---

[2] *Manobhāvanīyā ca Bhikkhū.*

[3] *Kamma*, ở đây có nghĩa là *maggacetanā.* Xem *MA*. V. 81.

[4] *Vijjā*, chỉ cho trí tuệ vượt ngoài tầm nhận thức của các căn, của cảm giác (*maggapaññā*); hay nói đến Chánh kiến và Chánh tư duy. Xem *MA*. V. 81.

[5] *Dhamma* thuộc định - *Samādhipakkhiyaṃ dhammaṃ* (*MA*. V. 81), chỉ cho Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

[6] Giới đây chỉ cho đời sống của một người giữ giới hạnh là cao thượng nhất. *Sīla* ở đây có nghĩa là Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng. Xem *MA*. V. 81.

[7] Tự ngã được Bát chánh đạo làm cho thanh tịnh. Xem *MA*. V. 81. Ở đây *vijjā*, *dhamma* và *sīla* được giải thích như các chi pháp thuộc Bát chánh đạo.

Suy tư pháp chơn chánh,
Được thanh tịnh ở đây.[8]
Như Sāriputta,
Về tuệ, giới, tịch tịnh,
Bất luận Tỷ-kheo nào,
Đã tới bờ bên kia,
Hãy đạt được tối thắng,
Trong những pháp kể trên.

Thiên tử Cấp Cô Độc nói như vậy, bậc Đạo sư tán đồng. Rồi thiên tử Cấp Cô Độc suy nghĩ: "Bậc Đạo sư tán đồng ta." Sau khi đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

388. Rồi Thế Tôn, khi đêm ấy đã mãn, gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, đêm nay, một vị thiên tử, khi đêm đã gần mãn, chiếu sáng toàn cảnh Jetavana với dung sắc thù thắng, đã đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên tử ấy nói lên với Ta bài kệ sau đây:

Rừng Jetavana,
Tốt đẹp phước lành này,
... (như trên)...
Hãy đạt được tối thắng,
Trong những pháp kể trên.

Nói vậy xong, này các Tỷ-kheo, vị thiên tử ấy suy nghĩ: "Bậc Đạo sư tán đồng ta." Sau khi đảnh lễ, thân phía hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải vị ấy là thiên tử Cấp Cô Độc chăng? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc có lòng tịnh tín bất động đối với Tôn giả Sāriputta.

– Lành thay, lành thay, Ānanda! Những gì có thể thành đạt được bởi suy tư đã được đạt đến, này Ānanda, chính Cấp Cô Độc là vị thiên tử ấy, không một ai khác.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời của Thế Tôn dạy.

---

[8] Trong Thánh đạo hay trong Tứ Thánh đế này. Xem *MA*. V. 81.

144. KINH GIÁO GIỚI CHANNA
(*Channovāda Sutta*)[1]

389. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahācunda (Đại Chu-na) và Tôn giả Channa (Xiển-đà) cùng trú ở Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Tôn giả Channa bị bệnh, đau khổ bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahācunda, sau khi đến, nói với Tôn giả Mahācunda:

– Chúng ta hãy đi, này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi đến Tôn giả Channa để hỏi thăm bệnh trạng!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahācunda vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Rồi Tôn giả Sāriputta cùng với Tôn giả Mahācunda đi đến Tôn giả Channa; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Channa những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Channa:

– Này Hiền giả Channa, mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng! Mong rằng khổ thọ được giảm thiểu, không có gia tăng, và sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng!

– Thưa Hiền giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, tôi không thể chịu đựng.[2] Sự thống khổ của tôi gia tăng không có giảm thiểu, và sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Hiền giả Sāriputta, ví như một người lực sĩ chém đầu [một người khác] với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, thưa Hiền giả Sāriputta, những ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu tôi. Thưa Hiền giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, tôi không thể chịu đựng. Những thống khổ của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Hiền giả Sāriputta, như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi xiết chặt; cũng vậy, thưa Hiền giả Sāriputta, tôi cảm thấy bị đau đầu một cách kinh khủng. Thưa Hiền giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, tôi không thể chịu đựng. Những thống

---

[1] Xem *S.* IV. 55, *Channa Sutta*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1266. 0347b14).

[2] *M.* III. 259; *MLS.* III. 310.

khổ của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Hiền giả Sāriputta, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, thưa Hiền giả Sāriputta, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của tôi. Thưa Hiền giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, tôi không thể chịu đựng. Những thống khổ của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Hiền giả Sāriputta, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng; cũng vậy, thưa Hiền giả Sāriputta, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân tôi. Thưa Hiền giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, tôi không thể chịu đựng. Những thống khổ của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu.

Thưa Hiền giả Sāriputta, tôi sẽ đem dao [cho tôi].[3] Tôi không còn muốn sống.

390. – Tôn giả Channa, chớ có đem lại con dao! Tôn giả Channa, hãy tiếp tục sống! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa tiếp tục sống. Nếu Tôn giả Channa không có các món ăn tốt lành, tôi sẽ đi tìm các món ăn tốt lành cho Tôn giả Channa. Nếu Tôn giả Channa không có các dược phẩm tốt lành, tôi sẽ đi tìm các dược phẩm tốt lành cho Tôn giả Channa. Nếu Tôn giả Channa không có người thị giả thích đáng, tôi sẽ hầu hạ Tôn giả Channa. Tôn giả Channa chớ có đem lại con dao! Tôn giả Channa hãy tiếp tục sống! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa tiếp tục sống.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, không phải tôi không có các món ăn tốt lành, cũng không phải tôi không có các dược phẩm tốt lành, cũng không phải tôi không có thị giả thích đáng. Thưa Hiền giả Sāriputta, trong một thời gian dài, tôi đã hầu hạ[4] bậc Đạo sư, làm cho [bậc Đạo sư] được đẹp lòng, không phải không được đẹp lòng. Thưa Hiền giả Sāriputta, thật là thích đáng cho người đệ tử hầu hạ bậc Đạo sư, làm cho [bậc Đạo sư] được đẹp lòng, không phải không được đẹp lòng. Tỷ-kheo Channa đem lại con dao không có phạm tội.[5] Thưa Hiền giả Sāriputta, hãy thọ trì như vậy!

– Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Channa về một vấn đề đặc biệt, nếu Tôn giả Channa cho chúng tôi được phép đặt câu hỏi.

– Hãy hỏi đi, Hiền giả Sāriputta, sau khi nghe, tôi sẽ biết [nói như thế nào].

391. – Hiền giả Channa, Hiền giả có xem con mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"? Hiền giả Channa, Hiền giả có xem tai, nhĩ thức... Hiền giả Channa, Hiền

[3] *MA*. V. 82 viết rằng Tôn giả Channa không thể chịu đựng nổi cơn đau nên dự định lấy dao tự sát (tự đâm hay cắt cổ), vì vị ấy vẫn còn là phàm phu.

[4] *Paricinna*. Xem *M*. I. 497; *MLS*. II. 175.

[5] *Anupavajjaṃ... satthaṃ āharissatī*. Theo *MA*. V. 82, hành động của Tôn giả Channa là không có tái sanh (*anuppattika*), không đưa đến kiết sanh thức (*appaṭisandhika*). *SA*. II. 371 viết là *anupavattaka*, có nghĩa là không sanh trở lại.

giả có xem mũi, tỷ thức... Hiền giả Channa, Hiền giả có xem lưỡi, thiệt thức... Hiền giả Channa, Hiền giả có xem thân, thân thức... Hiền giả Channa, Hiền giả có xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Hiền giả Sāriputta, tôi xem mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Hiền giả Sāriputta, tôi xem tai, nhĩ thức... Hiền giả Sāriputta, tôi xem mũi, tỷ thức... Hiền giả Sāriputta, tôi xem lưỡi, thiệt thức... Hiền giả Sāriputta, tôi xem thân, thân thức... Hiền giả Sāriputta, tôi xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

392. – Này Hiền giả Channa, Hiền giả đã thấy cái gì, đã chứng tri cái gì trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp được mắt nhận thức mà Hiền giả xem mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi"? Hiền giả Channa, Hiền giả đã thấy cái gì, đã chứng tri cái gì trong tai, trong nhĩ thức... trong mũi, trong tỷ thức... trong lưỡi, trong thiệt thức... trong thân, trong thân thức... trong ý, trong ý thức, trong các pháp do ý nhận thức mà Hiền giả xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

– Thưa Hiền giả Sāriputta, chính vì tôi thấy sự diệt (*nirodha*),[6] chứng tri sự diệt trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp do mắt nhận thức mà tôi xem mắt, nhãn thức, và các pháp do mắt nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Thưa Hiền giả Sāriputta, chính vì tôi thấy sự diệt, chứng tri sự diệt trong tai, trong nhĩ thức... trong mũi, trong tỷ thức... trong lưỡi, trong thiệt thức... trong thân, trong thân thức... trong ý, trong ý thức, trong các pháp do ý nhận thức mà tôi xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

393. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Mahācunda nói với Tôn giả Channa:

– Do vậy, này Hiền giả Channa, lời dạy này của Thế Tôn phải được thường trực tác ý: Ai có chấp trước là có dao động.[7] Ai không chấp trước là không có dao động. Không có dao động, thời có khinh an; có khinh an thời không có hy cầu (*nati*);[8] không có hy cầu[9] thời không có khứ lai; không có khứ lai thời không có tử sanh; không có tử sanh thời không có đời này, không có đời sau, không có giữa hai đời. Như vậy là sự đoạn tận đau khổ.

---

[6] *MA*. V. 82; *SA*. II. 372 giải thích là *khayavayaṃ*, sự đoạn trừ, sự suy hoại.

[7] Đoạn này cũng được tìm thấy trong *S*. II. 67; *Ud*. 81; *UdA*. 398; *Netti*. 65.

[8] *Nati*. Xem *M*. I. 115; *MA*. V. 83; *SA*. II. 372 viết là *taṇhā*.

[9] Nghĩa là đối với việc tái sanh. Xem *MA*. V. 82; *SA*. II. 372.

Rồi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahācunda sau khi giáo giới cho Tôn giả Channa, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

394. Rồi Tôn giả Channa, sau khi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahācunda ra đi không bao lâu, đem dao lại [cho mình].[10] Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Channa đã đem dao lại [cho mình], sanh xứ của Tôn giả ấy là gì? Đời sống tương lai là gì?

– Này Sāriputta, có phải trước mặt ông, Tỷ-kheo Channa đã tuyên bố sự không phạm tội (*anupavajja*)?

– Bạch Thế Tôn, có một ngôi làng của dòng họ Vajjī (Bạt-kỳ) tên là Pubbajira. Tại đấy, có những gia đình thân hữu, những gia đình hộ trì (*suhajjakulāni*) Tôn giả Channa, những gia đình cần được viếng thăm.[11]

– Này Sāriputta, có những gia đình ấy là những gia đình thân hữu, những gia đình hộ trì Tỷ-kheo Channa, những gia đình cần được viếng thăm. Này Sāriputta, cho đến nay, Ta không nói rằng Tỷ-kheo Channa có phạm tội (*saupavajja*). Này Sāriputta, ai quăng bỏ thân này và chấp thủ thân khác, Ta nói rằng người ấy có phạm tội. Tỷ-kheo Channa không có [chấp thủ] như vậy. Tỷ-kheo Channa đem con dao lại [cho mình], không có phạm tội.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Sāriputta hoan hỷ tín thọ lời của Thế Tôn dạy.

---

[10] Tôn giả Channa cắt cổ họng, nhưng lúc ấy lại sợ chết. Biết rằng mình còn là phàm phu, vị ấy lấy trí quán và điều phục các hành (*saṅkhāra*), chứng quả A-la-hán và nhập Niết-bàn. Xem *KS*. IV. 33, n. 1.

[11] *Upavajjakulāni*: Các gia đình cần được thăm viếng. Theo *CPD*. chính Sāriputta hiểu lầm *upavajja* là *upasaṅkamitabhakalāni*.

145. KINH GIÁO GIỚI PHÚ-LÂU-NA
(*Puṇṇovāda Sutta*)[1]

395. Như vầy tôi nghe.

Một thời,[2] Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Tôn giả Puṇṇa[3] (Phú-lâu-na) vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Puṇṇa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt cho con, để con có thể sau khi nghe Thế Tôn, sống một mình, nhàn tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Vậy này Puṇṇa, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Puṇṇa vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này Puṇṇa, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy;[4] thời do hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú, dục hỷ sanh. Và này Puṇṇa, Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ là sự tập khởi của khổ. Này Puṇṇa, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những cảm xúc do thân nhận thức... có những pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy; thời do hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú, dục hỷ sanh. Và này Puṇṇa, Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ là sự tập khởi của khổ.

Này Puṇṇa, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Puṇṇa, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ. Này Puṇṇa, có những tiếng do tai nhận thức...

---

[1] Xem *S*. IV. 60, *Puṇṇa Sutta*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.311. 0089b01); *Phật thuyết Mãn Nguyện tử kinh* 佛說滿願子經 (*T*.02. 0108. 0502c05); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘奈耶雜事 (*T*.24. 1448.3. 0011c29).

[2] *S*. IV. 60ff; *Divy*. 37-39.

[3] Bài kệ của vị Tôn giả này được kết tập trong *Thag*. 70.

[4] Cả đối với mắt và các sắc.

có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những cảm xúc do thân nhận thức... có những pháp do ý nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Puṇṇa, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ.

Này Puṇṇa, ông sẽ sống ở quốc độ nào, nay ông đã được Ta giáo giới với lời giáo giới vắn tắt?

– Bạch Thế Tôn, nay con đã được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt, có một quốc độ tên là Sunāparanta[5] (Tây Phương Du-na quốc), con sẽ sống tại đấy.

396. – Này Puṇṇa, người nước Sunāparanta là hung bạo. Này Puṇṇa, người nước Sunāparanta là thô ác. Này Puṇṇa, nếu người nước Sunāparanta mắng nhiếc ông, nhục mạ ông, thời này Puṇṇa, tại đấy ông sẽ như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunāparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, người nước Sunāparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunāparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta." Bạch Thế Tôn, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Puṇṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy tay đánh đập ông, thời này Puṇṇa, tại đấy ông sẽ nghĩ như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy tay đánh đập con, thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, người nước Sunāparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunāparanta này! Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh ta." Bạch Thế Tôn, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Puṇṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy các cục đất ném đánh ông, thời này Puṇṇa, tại đấy ông sẽ nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy các cục đất ném đánh con, thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunāparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunāparanta! Vì rằng họ không lấy gậy đánh đập ta." Bạch Thế Tôn, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Puṇṇa... lấy gậy đánh đập ông... ông nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy gậy đánh đập con... Vì rằng họ không lấy dao đánh đập ta... Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

---

[5] *MA*. V. 85 viết rằng vị này trú ở Sunāparanta. Nơi này có 4 trú xứ có thể trú ngụ tu học, tuy nhiên, trong số đó, có 2 trú xứ không được thuận lợi, đó là tinh xá ở Samuddagiri, có nhiều tảng đá nam châm nên vị ấy không thể đi kinh hành và ở Mātulagiri, chim chóc quá nhiều, ồn ào suốt ngày đêm.

– Nhưng này Puṇṇa... lấy dao đánh đập ông... ông nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy dao đánh đập con... Vì rằng họ không lấy dao sắc bén đoạt hại mạng ta... Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Puṇṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy dao sắc bén đoạt hại mạng ông... ông nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy dao sắc bén đoạt hại mạng con, thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: "Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng, đi tìm con dao [để tự sát].[6] Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy." Bạch Thế Tôn, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Puṇṇa! Này Puṇṇa, ông có thể sống trong nước Sunāparanta, khi ông có được đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh này.[7] Này Puṇṇa, ông nay hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

397. Rồi Tôn giả Puṇṇa, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, lấy y bát, rồi ra đi, đi đến nước Sunāparanta. Tiếp tục du hành, [Tôn giả Puṇṇa] đi đến nước Sunāparanta. Tại đây, Tôn giả Puṇṇa sống trong nước Sunāparanta. Rồi Tôn giả Puṇṇa trong an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ được khoảng năm trăm nam cư sĩ; cũng trong an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ khoảng năm trăm nữ cư sĩ; cũng trong an cư mùa mưa ấy, chứng được Tam minh. Sau một thời gian, Tôn giả Puṇṇa mệnh chung.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thiện nam tử Puṇṇa ấy, sau khi được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy là thế nào?

– Này các Tỷ-kheo, thiện nam tử Puṇṇa là bậc Hiền trí. Vị ấy thực hành pháp và tùy pháp. Vị ấy không phiền nhiễu Ta với những câu hỏi về pháp. Này các Tỷ-kheo, thiện nam tử Puṇṇa đã nhập Niết-bàn.[8]

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[6] *Satthahāraka* hay một kẻ giết người. Xem *Vin*. III. 73, *Pārājika* 3; *MA*. V. 85.

[7] *Damūpasama. MA*. V. 85 viết trong kinh này, *dama* là *khanti* (nhẫn nhục), và *upasama* cũng cùng một nghĩa.

[8] *MA*. V. 92 viết rằng Tôn giả Puṇṇa chứng Vô dư y Niết-bàn. Dân chúng cúng dường thân thể một tuần và dùng củi thơm trà-tỳ nhục thân, sau đó nhặt lấy Xá-lợi và dựng một ngôi tháp để tôn trí Xá-lợi.

146. KINH GIÁO GIỚI NANDAKA

(*Nandakovāda Sutta*)[1]

398. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Mahāpajāpatī Gotamī cùng với khoảng năm trăm Tỷ-kheo-ni đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới cho Tỷ-kheo-ni! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giảng dạy cho Tỷ-kheo-ni! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni!

Lúc bấy giờ, các Thượng tọa (Trưởng lão) Tỷ-kheo thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni. Nhưng Tôn giả Nandaka[2] không muốn thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni.[3] Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Ānanda và nói:

– Này Ānanda, hôm nay đến phiên ai giáo giới Tỷ-kheo-ni?

– Bạch Thế Tôn, chính là phiên của Nandaka theo phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nandaka không muốn thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni.

Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Nandaka:

– Này Nandaka, hãy giáo giới Tỷ-kheo-ni! Này Nandaka, hãy giảng dạy Tỷ-kheo-ni! Này Bà-la-môn,[4] hãy thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Nandaka ấy vâng đáp Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Sau khi khất thực ở Sāvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường trở về, không có người thứ hai cùng đi, đi đến Rājakārāma (Vương Tự).[5] Các Tỷ-kheo-ni ấy thấy Tôn giả Nandaka từ xa đi đến, sau khi thấy, liền

---

[1] Xem *Kvu.* 485. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.276. 0073c09); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘奈耶雜事 (*T.*23. 1442.30. 0792a17).

[2] *A.* I. 25 viết rằng Tôn giả là vị đặc biệt thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni. Các bài kệ của vị Tôn giả này được chép ở *Thag.* 279-82.

[3] Vì trong một kiếp trước, Tôn giả là một vị vua còn các Tỷ-kheo-ni là cung thiếp, nên sợ những vị nào có Túc mạng minh biết được và chỉ trích Tôn giả là muốn gặp các thê thiếp cũ của mình.

[4] Một danh từ tôn kính.

[5] Rājakārāma, do Vua Pasenadi dựng lên phía Nam thành phố, tương ứng với Thūpārāma (ở Anurādhapura). Xem *MA.* V. 96; *J.* II. 15; *DPPN.*

sửa soạn chỗ ngồi và sắp đặt nước rửa chân. Tôn giả Nandaka ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn, sau khi ngồi, liền rửa chân. Các Tỷ-kheo-ni ấy, sau khi đảnh lễ Tôn giả Nandaka, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Nandaka nói với các Tỷ-kheo-ni đang ngồi một bên:

– Các Hiền tỷ, sẽ có cuộc luận thuyết bằng cách đặt câu hỏi. Ở đây, những ai biết, hãy trả lời: "Tôi biết." Những ai không biết, hãy trả lời: "Tôi không biết." Nếu có ai nghi ngờ hay nghi hoặc, ở đây, ta cần được hỏi như sau: "Thưa Tôn giả, sự việc này là thế nào? Ý nghĩa việc này là gì?"

– Thưa Tôn giả, cho đến đây, chúng con rất hoan hỷ và thỏa mãn với Tôn giả Nandaka, vì rằng Tôn giả đã mời chúng con [hỏi].

399. – Các Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào? Mắt là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi xem cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Các Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào? Tai là thường hay vô thường?... Mũi là thường hay vô thường?... Lưỡi là thường hay vô thường?... Thân là thường hay vô thường?... Ý là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Trước đây, thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ rằng: "Sáu nội xứ này là vô thường."

– Lành thay, lành thay, các Hiền tỷ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

400. Chư Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Chư Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào? Tiếng là thường hay vô thường?... Hương là thường hay vô thường?... Vị là thường hay vô thường?... Xúc là thường hay vô thường?... Pháp là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Trước đây, thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ rằng: "Sáu ngoại xứ này là vô thường."

– Lành thay, lành thay, các Hiền tỷ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

401. Chư Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào? Nhãn thức là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Này các Hiền tỷ, nhĩ thức là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Tỷ thức là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Thân thức là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Ý thức là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Trước đây, thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ rằng: "Sáu thức thân này là vô thường."

– Lành thay, lành thay, chư Hiền tỷ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

402. Ví như, chư Hiền tỷ, một ngọn đèn dầu được đốt cháy. Dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bấc là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa là vô thường, chịu sự biến hoại; ánh sáng là vô thường, chịu sự biến hoại. Chư Hiền tỷ, nếu có ai nói rằng: "Ngọn đèn dầu này được đốt cháy. Dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bấc là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa là vô thường, chịu sự biến hoại; nhưng ánh sáng ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại"; chư Hiền tỷ, nói như vậy là có nói chơn chánh không?

– Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, ngọn đèn dầu này được đốt cháy. Dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bấc cũng là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa cũng là vô thường, chịu sự biến hoại. Còn nói gì đến ánh sáng, cũng là vô thường, chịu sự biến hoại!

– Như vậy là phải, này các Hiền tỷ! Nếu có ai nói như sau: "Sáu ngoại xứ này là vô thường, và do duyên sáu ngoại xứ này, tôi có cảm thọ như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại"; này các Hiền tỷ, người ấy có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, do duyên cái này, cái này cảm thọ như thế này, như thế này khởi lên. Do diệt các duyên như thế này, các cảm thọ như thế này, như thế này cũng biến diệt.

– Lành thay, lành thay, các Hiền tỷ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

403. Ví như, này các Hiền tỷ, có cây to lớn đứng thẳng, có lõi cây, với rễ vô thường, chịu sự biến hoại; với thân cây vô thường, chịu sự biến hoại; với cành lá vô thường, chịu sự biến hoại; với bóng cây vô thường, chịu sự biến hoại. Nếu có người nói như sau: "Có cây lớn đứng thẳng có lõi cây này, với rễ vô thường, chịu sự biến hoại; với thân cây vô thường, chịu sự biến hoại; với cành lá vô thường, chịu sự biến hoại; nhưng bóng mát của cây ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại"; này các Hiền tỷ, người ấy có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, cây to lớn đứng thẳng có lõi cây này, có rễ vô thường, chịu sự biến hoại; có thân cây vô thường, chịu sự biến hoại; có cành lá vô thường, chịu sự biến hoại; còn nói gì đến bóng mát, cũng là vô thường, chịu sự biến hoại!

– Như vậy là phải, này chư Hiền tỷ! Nếu có ai nói như sau: "Sáu ngoại xứ này là vô thường, và do duyên sáu ngoại xứ này, tôi cảm thọ như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại"; này các Hiền tỷ, người ấy có nói chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, do duyên cái này, cái này cảm thọ như thế này, như thế này khởi lên. Do diệt các duyên như thế này, các cảm thọ như thế này, như thế này cũng biến diệt.

– Lành thay, lành thay, chư Hiền tỷ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

404. Ví như, này các Hiền tỷ, một người đồ tể giết bò thiện xảo hay người đệ tử, sau khi giết con bò, cắt con bò với con dao sắc bén của người đồ tể giết bò, mà không hư hại phần thịt ở trong, không hư hại phần da ngoài; rồi với con dao sắc bén của người đồ tể giết bò, cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiệt mọi dây thịt phía trong, dây gân phía trong, dây khớp xương phía trong; sau khi cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiệt và sau khi lột da ngoài, lại bao trùm con bò ấy với chính da bò ấy rồi nói: "Con bò này đã được dính liền với da này như trước"; này các Hiền tỷ, nói như vậy có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy? Dầu cho, thưa Tôn giả, người đồ tể giết bò thiện xảo ấy hay người đệ tử sau khi giết con bò... (như trên)... lại bao trùm con bò ấy với chính da bò ấy lại có thể nói như sau: "Con bò này đã được dính liền với da này như trước", dầu con bò này đã bị lột ra khỏi da ấy.

– Ta làm ví dụ này, này các Hiền tỷ, là để nêu rõ ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa này như sau: "Chư Hiền tỷ, thịt ở trong là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Chư Hiền tỷ, da ở ngoài là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Chư Hiền tỷ, dây thịt phía trong, dây gân phía trong, dây khớp xương phía trong là đồng nghĩa với dục hỷ và tham. Chư Hiền tỷ, con dao đồ tể giết bò sắc bén là đồng nghĩa với Thánh trí tuệ. Với Thánh trí tuệ này, cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiệt nội phiền não, nội kiết sử, nội triền phược.

405. Chư Hiền tỷ, có Bảy giác chi,[6] do tu tập, làm cho sung mãn Bảy giác chi này, vị Tỷ-kheo với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình chứng tri ngay trong hiện tại với thượng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thế nào là bảy? Ở đây, chư Hiền tỷ, Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập Trạch pháp giác chi... tu tập Tinh tấn giác chi... tu tập Hỷ giác chi... tu tập Khinh an giác chi... tu tập Định giác chi... tu tập Xả giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chư Hiền tỷ, Bảy giác chi này, do tu tập, làm cho sung mãn, Tỷ-kheo với sự đoạn tận các lậu hoặc, sau khi tự mình chứng tri ngay trong hiện tại với thượng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

406. Rồi Tôn giả Nandaka sau khi giáo giới các Tỷ-kheo-ni ấy với lời giáo giới, liền cho giải tán:

– Chư Hiền tỷ, hãy đi về, giờ đã đến rồi.

---

[6] *M.* III. 88; *MA.* V. 96-97 cho rằng chỉ có sự thông thái mà không có Bảy giác chi thì không thể đoạn trừ phiền não.

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Nandaka dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tôn giả Nandaka, thân phía hữu hướng về Tôn giả rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo-ni ấy đang đứng một bên:

– Này các Tỷ-kheo-ni, hãy đi, giờ đã đến rồi.

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy, sau khi đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi các Tỷ-kheo-ni ấy ra đi không bao lâu, gọi các vị Tỷ-kheo và nói:

– Này các Tỷ-kheo, ví như vào ngày Bố-tát, ngày mười bốn, quần chúng không có nghi ngờ hay nghi hoặc rằng mặt trăng là không tròn hay mặt trăng là tròn vì khi ấy mặt trăng chưa tròn, cũng vậy, này các Tỷ-kheo, dầu cho các Tỷ-kheo-ni ấy hoan hỷ với bài thuyết pháp của Nandaka, nhưng tâm trí của họ chưa được thỏa mãn.

407. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Nandaka:

– Vậy này Nandaka, ngày mai, ông sẽ giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni ấy với bài giáo giới.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Nandaka vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Nandaka, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi (Xá-vệ) để khất thực. Sau khi đi khất thực ở Sāvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường trở về, tự thân một mình đi đến Rājakārāma. Các vị Tỷ-kheo-ni ấy thấy Tôn giả Nandaka từ xa đi lại, sau khi thấy, liền sửa soạn chỗ ngồi và sắp đặt nước rửa chân. Tôn giả Nandaka ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, sau khi ngồi, liền rửa chân. Các vị Tỷ-kheo-ni ấy đảnh lễ Tôn giả Nandaka rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Nandaka nói với các Tỷ-kheo-ni ấy đang ngồi một bên:

– Các Hiền tỷ, sẽ có cuộc luận thuyết bằng cách đặt câu hỏi. Ở đây, những ai biết, hãy trả lời: "Tôi biết." Những ai không biết, hãy trả lời: "Tôi không biết." Nếu ai có nghi ngờ hay do dự, ở đây, ta cần được hỏi như sau: "Thưa Tôn giả, sự việc này là thế nào? Ý nghĩa việc này là gì?"

– Thưa Tôn giả, cho đến đây, chúng con rất hoan hỷ và thỏa mãn với Tôn giả Nandaka, vì rằng Tôn giả đã mời chúng con [hỏi].

408-414. – Chư Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào? Mắt là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Những gì vô thường... (như trên).

415. Rồi Tôn giả Nandaka sau khi giáo giới các Tỷ-kheo-ni ấy với lời giáo giới, liền cho giải tán:

– Hãy đi, này các Tỷ-kheo-ni, giờ đã đến rồi!

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Nandaka dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tôn giả Nandaka, thân phía hữu hướng về Tôn giả rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo-ni ấy đang đứng một bên:

– Này các Tỷ-kheo-ni, hãy đi, giờ đã đến rồi.

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy, sau khi đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi các Tỷ-kheo-ni ấy ra đi không bao lâu, gọi các Tỷ-kheo và nói:

– Này các Tỷ-kheo, ví như vào ngày Bố-tát, ngày rằm, quần chúng không có nghi ngờ hay phân vân rằng: Mặt trăng là không tròn hay mặt trăng là tròn, vì khi ấy mặt trăng đã tròn, cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni ấy hoan hỷ với bài thuyết pháp của Tôn giả Nandaka, và tâm tư của họ được thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, trong năm trăm Tỷ-kheo-ni ấy, Tỷ-kheo-ni cuối cùng[7] chứng được Dự lưu, không còn bị đọa lạc và chắc chắn đạt đến Chánh giác.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[7] Vị cuối cùng chứng quả Dự lưu, còn các vị khác chứng quả Nhất lai, Bất lai và A-la-hán. Xem *MA*. V. 97.

147. TIỂU KINH GIÁO GIỚI LA-HẦU-LA
(*Cūḷarāhulovāda Sutta*)[1]

416. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Thế Tôn trong khi nhàn tịnh độc cư, khởi lên tư niệm sau đây: "Đã thuần thục là những pháp[2] đưa đến giải thoát cho Rāhula. Vậy Ta hãy huấn luyện Rāhula hơn nữa trong sự đoạn tận các lậu hoặc." Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Sau khi đi khất thực ở Sāvatthi, sau buổi ăn, trên con đường trở về, Thế Tôn cho gọi Tôn giả Rāhula và nói:

– Này Rāhula, hãy cầm tọa cụ, chúng ta sẽ đi đến Andhavana[3] để nghỉ ban ngày!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Rāhula vâng đáp Thế Tôn, cầm lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, hàng ngàn chư thiên đi theo Thế Tôn và nghĩ rằng: "Hôm nay, Thế Tôn sẽ huấn luyện cho Tôn giả Rāhula hơn nữa trong sự đoạn tận các lậu hoặc."

Rồi Thế Tôn đi sâu vào Andhavana và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn dưới một gốc cây. Tôn giả Rāhula đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rāhula đang ngồi một bên:

417. – Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Con mắt là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

---

[1] Xem *S*. II. 244-47; IV. 105, *Rāhulovāda Sutta*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.200. 0051a15).

[2] *Dhammā*. Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách. Xem *MA*. V. 98.

[3] *Andhavana*. Xem *BD*. II. 36, n. 3.

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Nhãn thức là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Nhãn xúc là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức; pháp được khởi lên ấy là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

418. – Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Tai là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

... (như trên)...

– Mũi là thường hay vô thường?... (như trên). Lưỡi là thường hay vô thường?... (như trên). Thân là thường hay vô thường?... (như trên). Ý là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Pháp là thường hay vô thường?

... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Ý thức là thường hay vô thường?

... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Ý xúc là thường hay vô thường?

... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào? Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức; các pháp [được khởi lên] ấy là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

419. – Này Rāhula, do thấy vậy, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly con mắt, yểm ly các sắc, yểm ly nhãn thức, yểm ly nhãn xúc; do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yểm ly pháp [được khởi lên] ấy. Vị ấy yểm ly tai, yểm ly các tiếng... yểm ly mũi, yểm ly các hương... yểm ly lưỡi, yểm ly các vị... yểm ly thân, yểm ly các xúc... yểm ly ý, yểm ly các pháp, yểm ly ý thức, yểm ly ý xúc; do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yểm ly các pháp [được khởi lên] ấy. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: "Ta đã được giải thoát." Và vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Rāhula, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của Tôn giả Rāhula được giải thoát khỏi các lậu hoặc,[4] không có chấp thủ. Và đối với hàng ngàn chư thiên ấy, được khởi lên Pháp nhãn ly trần vô cấu: "Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị diệt tận."

---

[4] *MA*. V. 99 viết rằng *Kinh Upāli* và *Kinh Dīghanakha* chỉ nói Đạo thứ nhất; *Kinh Brahmāyu* nói đến ba Quả; ở đây nói đến bốn Đạo và bốn Quả, cho một số chư thiên là bậc Dự Lưu, Nhất Lai, Bất Lai và một số vị đã đoạn tận các lậu hoặc.

148. KINH SÁU SÁU
(*Chachakka Sutta*)[1]

420. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các ông, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa. Ta sẽ nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh, tức là sáu sáu. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Sáu nội xứ cần phải được biết. Sáu ngoại xứ cần phải được biết. Sáu thức thân cần phải được biết. Sáu xúc thân cần phải được biết. Sáu thọ thân cần phải được biết. Sáu ái thân cần phải được biết.

421. Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải được biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải được biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ nhất.

Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ hai.

Khi được nói đến: "Sáu thức thân cần phải được biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Do duyên ý và

---

[1] Xem *M.* I. 108, 256; *S.* II. 73; IV. 32; *MNid.* 254; *Netti.* 5; *Kvu.* 330. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thuyết xứ kinh* 說處經 (*T.*01. 0026.86. 0562a19). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.304. 0086c23); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.323-27. 0091c23-0092a13); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.330. 0092a28).

do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Khi được nói đến: "Sáu thức thân cần phải được biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ ba.

Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc.[2] Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ tư.

Khi được nói đến: "Sáu thọ thân cần phải được biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc là thọ. Khi được nói đến: "Sáu thọ thân cần phải được biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ năm.

Khi được nói đến: "Sáu ái thân cần phải được biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? Do duyên mắt và duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến: "Sáu ái thân cần phải được biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ sáu.

422. Nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy là không hợp lý.[3] Sự sanh và sự diệt[4] của mắt đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt[5] ở nơi tôi." Do vậy, nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã. Nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các sắc

---

[2] *M.* I. 111.

[3] *Na uppajjati* được giải thích là *na yujjati*, như *MA*. V. 100.

[4] *Veti* được giải thích là *vigacchati nirujjhati,* như *MA*. V. 100.

[5] Về tham ái, sân và vô minh. Xem *M.* I. 303-04.

là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã. Nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy, nếu ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy, nếu ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

423. Nếu có ai nói rằng: "Tai là tự ngã"...

Nếu có ai nói rằng: "Mũi là tự ngã"...

Nếu có ai nói rằng: "Lưỡi là tự ngã"...

Nếu có ai nói rằng: "Thân là tự ngã"...

Nếu có ai nói rằng: "Ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy, nếu ai nói rằng: "Ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: "Các pháp là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các pháp đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các pháp là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy, nếu ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã,

các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh... Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

424. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến sự tập khởi của thân kiến. Ai quán mắt là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi." Ai quán các sắc là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi." Ai quán nhãn thức: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán nhãn xúc: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán thọ: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán ái: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán tai: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán mũi: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán lưỡi: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán thân: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán ý: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán các pháp: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán ý thức: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán ý xúc: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán thọ: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán ái: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi."

Nhưng này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân kiến. Ai quán mắt: "Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi." Ai quán sắc: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán nhãn thức: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán nhãn xúc: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán thọ: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán ái: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán tai: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán mũi: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán lưỡi: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán thân: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán ý: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán các pháp: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán ý thức: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán ý xúc: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán thọ: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi." Ai quán ái: "Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi."

425. Này các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn

thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

426. Này các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên cảm xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

427. Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly mắt, yểm ly các sắc, yểm ly nhãn thức, yểm ly nhãn xúc, yểm ly thọ, yểm ly ái. Vị ấy yểm ly tai, yểm ly các tiếng... yểm ly mũi, yểm ly các hương... yểm ly lưỡi, yểm ly các vị... yểm ly thân, yểm ly các xúc... yểm ly ý, yểm ly các pháp, yểm ly ý thức, yểm ly ý xúc, yểm ly thọ, yểm ly ái. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: "Ta đã được giải thoát." Và vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của sáu mươi Tỷ-kheo ấy[6] được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

---

[6] *MA*. V. 101 cho rằng có 60 vị Tỷ-kheo chứng quả A-la-hán khi đức Phật giảng bài kinh này đầu tiên. Ngoài ra, trong mỗi thời giảng bài kinh này của Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Moggallāna hay 80 vị Trưởng lão khác cũng có một con số tương tự các vị chứng quả A-la-hán. Về sau, Trưởng lão Maliyadeva (xem *Mhvs*. 262) đã giảng bài kinh này tại 60 trú xứ khác nhau ở Tích Lan và mỗi lần cũng có 60 vị Tỷ-kheo chứng quả A-la-hán. Một lần, sau khi Trưởng lão Tipiṭaka Cūḷanāga giảng bài kinh này đã có 1000 vị Tỷ-kheo chứng quả như vậy.

149. ĐẠI KINH SÁU XỨ

(*Mahāsaḷāyatanika Sutta*)[1]

428. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *Đại kinh Sáu xứ*. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

429. – Này các Tỷ-kheo, ai không biết và không thấy như chơn mắt, không biết và không thấy như chơn các sắc, không biết và không thấy như chơn nhãn thức, không biết và không thấy như chơn nhãn xúc; do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; không biết và không thấy như chơn cảm thọ ấy, vị ấy ái trước đối với mắt, ái trước đối với các sắc, ái trước đối với nhãn thức, ái trước đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy ái trước đối với cảm thọ ấy. Khi vị ấy trú, quán sát vị ngọt, bị ái trước, hệ lụy và tham đắm nên năm thủ uẩn đi đến tích trữ trong tương lai.[2] Và ái của vị ấy đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm sự hoan lạc chỗ này chỗ kia; ái ấy được tăng trưởng, những thân ưu não tăng trưởng, những tâm ưu não tăng trưởng; những thân nhiệt não tăng trưởng, những tâm nhiệt não tăng trưởng; những thân khổ não tăng trưởng, những tâm khổ não tăng trưởng. Vị ấy cảm thọ thân khổ và tâm khổ.

Này các Tỷ-kheo, ai không thấy và không biết như chơn tai...

Này các Tỷ-kheo, ai không thấy và không biết như chơn mũi...

Này các Tỷ-kheo, ai không thấy và không biết như chơn lưỡi...

Này các Tỷ-kheo, ai không thấy và không biết như chơn thân...

---

[1] Tham chiếu: *Kvu*. 600; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.305. 0087a27).

[2] *Upacaya*: Sự tích tập, bảo trì, chỉ cho bản chất của nghiệp.

Này các Tỷ-kheo, ai không thấy và không biết như chơn ý, không thấy và không biết như chơn các pháp, không thấy và không biết như chơn ý thức, không thấy và không biết như chơn ý xúc; do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; không thấy và không biết như chơn cảm thọ ấy, vị ấy ái trước đối với ý, ái trước đối với pháp, ái trước đối với ý thức, ái trước đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ... (như trên). Vị ấy cảm thọ thân khổ và tâm khổ.

430. Này các Tỷ-kheo, ai thấy và biết như chơn mắt, thấy và biết như chơn các sắc, thấy và biết như chơn nhãn thức, thấy và biết như chơn nhãn xúc; do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; thấy và biết như chơn cảm thọ ấy, vị ấy không ái trước đối với con mắt, không ái trước đối với các sắc, không ái trước đối với nhãn thức, không ái trước đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy không ái trước đối với cảm thọ ấy. Khi vị ấy trú, quán sát vị ngọt, không bị ái trước, hệ lụy và tham đắm, nên năm thủ uẩn đi đến tàn diệt (*apacaya*) trong tương lai. Và ái của vị ấy đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm sự hoan lạc chỗ này chỗ kia; ái ấy được đoạn tận, những thân ưu não được đoạn tận, những tâm ưu não được đoạn tận; những thân nhiệt não được đoạn tận, những tâm nhiệt não được đoạn tận; những thân khổ não được đoạn tận, những tâm khổ não được đoạn tận. Vị ấy cảm thọ thân lạc và tâm lạc.

431. Kiến gì như chơn của vị ấy, kiến ấy là Chánh kiến.[3] Tư duy gì như chơn của vị ấy, tư duy ấy là Chánh tư duy. Tinh tấn gì như chơn của vị ấy, tinh tấn ấy là Chánh tinh tấn. Niệm gì như chơn của vị ấy, niệm ấy là Chánh niệm. Định gì như chơn của vị ấy, định ấy là Chánh định. Thân nghiệp, ngữ nghiệp, sinh mạng của vị ấy được thanh tịnh tốt đẹp. Và Thánh đạo tám ngành này đi đến tu tập và phát triển sung mãn cho vị ấy. Do sự tu tập Thánh đạo tám ngành này như vậy, Bốn niệm xứ đi đến tu tập và phát triển sung mãn; Bốn chánh tinh tấn cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; Bốn như ý túc cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; Năm căn cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; Năm lực cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; Bảy giác chi cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn. Và nơi vị ấy, hai pháp này được chuyển vận song hành:[4] Chỉ và Quán. Với thượng trí, vị ấy liễu tri những pháp cần phải liễu tri với thượng trí. Với thượng trí, vị ấy đoạn tận những pháp cần phải đoạn tận với thượng trí. Với thượng trí, vị ấy tu tập những pháp cần phải tu tập với thượng trí. Với thượng trí, vị ấy chứng ngộ những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải liễu tri với thượng trí? Cần phải trả lời là năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Những pháp này là những pháp cần phải liễu tri

---

[3] *MA*. V. 104 viết là các vị theo chủ trương Ngụy biện luận (*Vitaṇḍavādin*), dựa trên kinh này, cho rằng con đường siêu thế có 5 phần.

[4] *Yuganandhā ti ekakkhaṇikayugannadhā*. Xem *MA*. V. 104.

với thượng trí. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải đoạn tận với thượng trí? Vô minh và hữu ái, những pháp này cần phải đoạn tận với thượng trí. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải tu tập với thượng trí? Chỉ và Quán, những pháp này cần phải tu tập với thượng trí. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí? Minh và Giải thoát, những pháp này cần phải chứng ngộ với thượng trí.

432. Này các Tỷ-kheo, ai thấy và biết như chơn tai...

Này các Tỷ-kheo, ai thấy và biết như chơn mũi...

Này các Tỷ-kheo, ai thấy và biết như chơn lưỡi...

Này các Tỷ-kheo, ai thấy và biết như chơn thân...

Này các Tỷ-kheo, ai thấy và biết như chơn ý; này các Tỷ-kheo, ai thấy và biết như chơn các pháp; này các Tỷ-kheo, ai thấy và biết như chơn ý thức; này các Tỷ-kheo, ai thấy và biết như chơn ý xúc; do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; thấy và biết như chơn cảm thọ ấy, nên vị ấy không ái trước đối với ý, không ái trước đối với các pháp, không ái trước đối với ý thức, không ái trước đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không ái trước đối với cảm thọ ấy... (như trên)... tâm khổ não được đoạn tận. Vị ấy cảm thọ thân lạc và tâm lạc.

433. Kiến gì như chơn của vị ấy, kiến ấy là Chánh kiến. Tư duy gì như chơn của vị ấy... (như trên)... sinh mạng của vị ấy đi đến thanh tịnh tốt đẹp. Và Thánh đạo tám ngành này đi đến tu tập và phát triển sung mãn cho vị ấy. Do sự tu tập Thánh đạo tám ngành này như vậy... (như trên). Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí? Minh và Giải thoát, những pháp này cần phải chứng ngộ với thượng trí.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

150. KINH NÓI CHO DÂN CHÚNG NAGARAVINDA

(*Nagaravindeyya Sutta*)[1]

434. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là Nagaravinda. Các Bà-la-môn gia chủ ở Nagaravinda được nghe như sau: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ gia tộc Sakka (Thích-ca), đang du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đã đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là Nagaravinda. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: 'Ngài là đấng Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài với thắng trí tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên bố sự chứng ngộ ấy cho người khác. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch.' Tốt đẹp thay được yết kiến một A-la-hán như vậy!"

Rồi các vị Bà-la-môn gia chủ ở Nagaravinda đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, một số người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên; một số người chắp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số người nói lên tên họ trước Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số người im lặng ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với những Bà-la-môn gia chủ ở Nagaravinda đang ngồi một bên:

435. – Này các gia chủ, nếu những du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Này các gia chủ, hạng Sa-môn, Bà-la-môn nào không đáng tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường?" Được hỏi vậy, này các gia chủ, các du sĩ ngoại đạo ấy cần được trả lời như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với các sắc do mắt nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh; sở hành thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp khi thăng bằng, khi không thăng bằng; những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy không đáng cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường. Vì sao vậy? Chúng tôi đối với các sắc do

---

[1] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.280. 0076c03).

mắt nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh; sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp khi thăng bằng, khi không thăng bằng; nhưng chúng tôi không thấy các vị ấy hơn sở hành thăng bằng của chúng tôi. Do vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy không đáng được tôn trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với các tiếng do tai nhận thức... đối với các hương do mũi nhận thức... đối với các vị do lưỡi nhận thức... đối với các xúc do thân nhận thức... đối với các pháp do ý nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh; sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp khi thăng bằng, khi không thăng bằng; các Sa-môn, Bà-la-môn ấy không đáng được tôn trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường. Vì cớ sao? Chúng tôi đối với các pháp do ý nhận thức không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh; sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp khi thăng bằng, khi không thăng bằng; nhưng chúng tôi không thấy các vị ấy hơn sở hành thăng bằng của chúng tôi. Do vậy, các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy không đáng được tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường." Được hỏi như vậy, này các gia chủ, các ông cần phải trả lời như vậy cho các du sĩ ngoại đạo ấy.

436. Nhưng này các gia chủ, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Này các gia chủ, hạng Sa-môn, Bà-la-môn nào đáng tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường?" Khi được hỏi vậy, này các gia chủ, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với các sắc do mắt nhận thức, ly tham, ly sân, ly si, nội tâm tịch tĩnh; sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp được thăng bằng; các Sa-môn, Bà-la-môn như vậy đáng được tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường. Vì sao vậy? Chúng tôi đối với các sắc do mắt nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh; sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp khi thăng bằng, khi không thăng bằng; nhưng chúng tôi có thấy các vị ấy hơn sở hành thăng bằng của chúng tôi. Do vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đáng được tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với các tiếng do tai nhận thức... đối với các hương do mũi nhận thức... đối với các vị do lưỡi nhận thức... đối với các xúc do thân nhận thức... đối với các pháp do ý nhận thức, ly tham, ly sân, ly si, nội tâm tịch tĩnh; sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp được thăng bằng, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đáng được tôn trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường. Vì sao vậy? Chúng tôi đối với các pháp do ý nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh; sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, khi thăng bằng, khi không thăng bằng; nhưng chúng tôi có thấy các vị ấy hơn sở hành thăng bằng của chúng tôi. Do vậy, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đáng được tôn trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường." Khi được hỏi vậy, này các gia chủ, các ông hãy trả lời như vậy cho các vị du sĩ ngoại đạo ấy.

437. Này các gia chủ, nhưng nếu du sĩ ngoại đạo ấy hỏi các ông như sau: "Do căn cứ gì về các Tôn giả [ấy], do truyền thống gì, các vị nói về các Tôn giả

ấy như sau: 'Chắc chắn các Tôn giả ấy là ly tham, hay đang đi trên con đường điều phục tham; hay ly sân, hay đang đi trên con đường điều phục sân; hay ly si, hay đang đi trên con đường điều phục si'?" Khi được hỏi vậy, này các gia chủ, các ông hãy trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Các Tôn giả ấy sống tại các trú xứ xa vắng trong các khu rừng nhàn tịnh; tại các chỗ như vậy, không có các sắc do mắt nhận thức để họ có thể thấy, và sau khi thấy, có lòng thích thú; tại các chỗ như vậy, không có các tiếng do tai nhận thức để họ có thể nghe, và sau khi nghe, có lòng thích thú; tại các chỗ như vậy, không có hương do mũi nhận thức, để họ có thể ngửi, và sau khi ngửi, có lòng thích thú; tại các chỗ như vậy, không có các vị do lưỡi nhận thức để họ có thể nếm, và sau khi nếm, có lòng thích thú; tại các chỗ như vậy, không có các xúc do thân nhận thức, để họ có thể cảm giác, và sau khi cảm giác, có lòng thích thú.[2] Chư Hiền giả, do căn cứ này, do những truyền thống này, mà chúng tôi nói về các Tôn giả [ấy] như sau: 'Thật vậy, chư Tôn giả ấy ly tham, hay đang đi trên con đường nhiếp phục tham; hay ly sân, hay đang đi trên con đường nhiếp phục sân; hay ly si, hay đang đi trên con đường nhiếp phục si.'" Khi được hỏi vậy, này các gia chủ, các ông hãy trả lời các du sĩ ngoại đạo như vậy.

Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn gia chủ ở Nagaravinda nói với Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama hãy nhận chúng con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con sẽ trọn đời quy ngưỡng.

[2] *MA*. V. 105 viết rằng ở đây tuy nói đến năm dục công đức, nhưng thực sự muốn chỉ cho nữ giới. *A*. I. 1 có viết: "Ta không thấy một pháp nào khác làm người nam tham đắm bằng người nữ."

151. KINH KHẤT THỰC THANH TỊNH
(*Piṇḍapātapārisuddhi Sutta*)[1]

438. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Rồi Tôn giả Sāriputta vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi một bên:

– Này Sāriputta, các căn của ông rất sáng suốt, sắc da của ông thanh tịnh trong sáng. Này Sāriputta, ông nay đang phần lớn an trú với loại an trú nào?

– Bạch Thế Tôn, con nay đang phần lớn an trú với Không tánh.[2]

– Lành thay, lành thay! Này Sāriputta, ông nay đang phần lớn an trú với sự an trú của bậc Đại nhân.[3] Này Sāriputta, sự an trú của bậc Đại nhân tức là Không tánh. Do vậy, này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo ước mong rằng: "Mong rằng tôi nay phần lớn an trú với sự an trú Không tánh", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Trên con đường ta đã đi vào làng để khất thực, tại trú xứ ta đã đi khất thực và trên con đường từ làng ta đi khất thực trở về, tại chỗ ấy, đối với các sắc do mắt nhận thức, có khởi lên ở nơi ta dục tham, sân, si hay hận tâm không?"

Này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo sau khi tư duy, biết rằng: "Trên con đường ta đã đi vào làng để khất thực, tại trú xứ ta đã đi khất thực và trên con đường từ làng ta đi khất thực trở về, đối với các sắc do mắt nhận thức, có khởi lên nơi ta dục tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy. Nhưng này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư, được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi... ta đi khất thực trở về, đối với các sắc do mắt nhận thức, không có khởi lên nơi ta dục tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú[4] với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

439. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Trên con đường ta đã đi... ta đi khất thực trở về, đối với các tiếng do tai nhận thức... đối với các hương do mũi nhận thức... đối với các vị do lưỡi nhận thức... đối với

[1] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.236. 0057b03); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.6. 0773b20).

[2] *M.* III. 104; *Vin.* II. 304.

[3] Đây là sự an trú của chư Phật, các vị Phật Độc Giác và các vị đại đệ tử. Xem *MA.* V. 106.

[4] *Vihātabbaṃ* từ *vijahati*. *A.* III. 307; *GS.* III. 220 viết là *viharati*.

các xúc do thân nhận thức... đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên nơi ta dục tham, sân, si hay hận tâm không?"

Này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư, được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi... ta đi khất thực trở về, đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên nơi ta dục tham, sân, si, hay hận tâm", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy. Nhưng này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư, được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi... ta đi khất thực trở về, đối với các pháp do ý nhận thức, không có khởi lên nơi ta dục tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

440. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng chưa?" Này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư, được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm dục trưởng dưỡng. Nhưng nếu, này Sāriputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư, được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

441. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái chưa?" Nếu, này Sāriputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm triền cái", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm triền cái. Nhưng nếu, này Sāriputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư, được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

442. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta có liễu tri năm thủ uẩn chưa?" Này Sāriputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn liễu tri năm thủ uẩn. Nhưng nếu, này Sāriputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta đã liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sāriputta, vị Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

443. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập Bốn niệm xứ chưa?" Nếu Tỷ-kheo, này Sāriputta, trong khi suy tư, được biết như sau: "Ta chưa tu tập Bốn niệm xứ", thời này Sāriputta, vị Tỷ-kheo cần phải tinh tấn tu tập Bốn niệm xứ. Nhưng nếu, này Sāriputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta đã tu tập Bốn niệm xứ", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

444. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập Bốn chánh cần chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập Bốn chánh cần. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

445. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập Bốn như ý túc chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập Bốn như ý túc. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

446. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập Năm căn chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập Năm căn. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

447. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập Năm lực chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập Năm lực. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

448. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập Bảy giác chi chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập Bảy giác chi. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

449. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập Thánh đạo tám ngành chưa?" Nếu Tỷ-kheo, này Sāriputta, trong khi suy tư, được biết như sau: "Ta chưa tu tập Thánh đạo tám ngành", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập Thánh đạo tám ngành. Nhưng nếu, này Sāriputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư, được biết như sau: "Ta đã tu tập Thánh đạo tám ngành", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú trong hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

450. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập Chỉ và Quán chưa?" Nếu Tỷ-kheo, này Sāriputta, trong khi suy tư, được biết như sau: "Ta chưa tu tập Chỉ và Quán", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập Chỉ và Quán. Nhưng nếu, này Sāriputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư, được biết như sau: "Ta đã tu tập Chỉ và Quán", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

451. Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã chứng ngộ Minh và Giải thoát chưa?" Nếu Tỷ-kheo, này Sāriputta, trong khi suy tư, được biết như sau: "Ta chưa chứng ngộ Minh và Giải thoát", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập Minh và Giải thoát. Nhưng nếu, này Sāriputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư, được biết như sau: "Ta đã chứng ngộ Minh và Giải thoát", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

452. Này Sāriputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ đã làm cho khất thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khất thực được thanh tịnh bằng cách suy tư, suy tư như vậy. Này Sāriputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời gian tương lai sẽ làm cho khất thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy sẽ làm cho khất thực được thanh tịnh bằng cách suy tư, suy tư như vậy. Và này Sāriputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại đang làm cho khất thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đang làm cho khất thực được thanh tịnh bằng cách suy tư, suy tư như vậy. Vậy này

Sāriputta, các ông cần phải học tập như sau: "Sau khi suy tư, suy tư như vậy, chúng ta sẽ làm cho khất thực được thanh tịnh." Này Sāriputta, các ông phải tu tập như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Sāriputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

152. KINH CĂN TU TẬP

(*Indriyabhāvanā Sutta*)[1]

453. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Kajangalā, tại Mukheḷuvana.[2] Rồi thanh niên Bà-la-môn Uttara, đệ tử của Pāsāriya, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với thanh niên Bà-la-môn Uttara, đệ tử của Pāsāriya, đang ngồi một bên:

– Này Uttara, Bà-la-môn Pāsāriya có thuyết về căn tu tập cho các đệ tử không?

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pāsāriya có thuyết về căn tu tập cho các đệ tử.

– Nhưng này Uttara, Bà-la-môn Pāsāriya thuyết về căn tu tập cho các đệ tử như thế nào?

– Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, không nên thấy sắc với mắt, không nên nghe tiếng với tai. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pāsāriya thuyết căn tu tập cho các đệ tử.

– Nếu là như vậy, này Uttara, theo như lời nói của Bà-la-môn Pāsāriya, người mù sẽ là người có căn tu tập, người điếc sẽ là người có căn tu tập. Này Uttara, người mù không thấy sắc với mắt, người điếc không nghe tiếng với tai.

Khi được nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Uttara, đệ tử của Pāsāriya, ngồi im lặng, hổ thẹn, thụt vai, mặt cúi gằm xuống, trầm ngâm, không nói năng gì.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Uttara, đệ tử của Pāsāriya, im lặng, hổ thẹn, thụt vai, mặt cúi gằm xuống, trầm ngâm, không nói năng gì, liền gọi Tôn giả Ānanda và nói:

– Này Ānanda, Bà-la-môn Pāsāriya thuyết cho các đệ tử căn tu tập một cách khác; nhưng trong giới luật các bậc Thánh, vô thượng căn tu tập khác như vậy.

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời. Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn thuyết vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh. Sau khi nghe Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

---

[1] Xem *Ps*. II. 205, *Iddhikathā*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.282. 0078a22).

[2] Rừng này có nhiều cây tên Mukheḷuvana; có thể đọc cách khác là Muñcelu, Suveḷu và Veḷuvana.

– Vậy này Ānanda, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

454. – Này Ānanda, thế nào là vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo mắt thấy sắc, khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý và bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khả ý này khởi lên, bất khả ý này khởi lên, khả ý và bất khả ý này khởi lên nơi ta. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. [Nhưng] cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả." Cho nên, dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Này Ānanda, như một người có mắt, sau khi mở mắt, lại nhắm mắt lại, hay sau khi nhắm mắt, lại mở mắt ra, cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ānanda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các sắc do mắt nhận thức.

455. Lại nữa, này Ānanda, vị Tỷ-kheo tai nghe tiếng, khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý và bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khả ý này khởi lên, bất khả ý này khởi lên, khả ý và bất khả ý này khởi lên nơi ta. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. [Nhưng] cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả." Cho nên, dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Này Ānanda, như một người lực sĩ có thể búng tay một cách dễ dàng, cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy] và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ānanda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các tiếng do tai nhận thức.

456. Lại nữa, này Ānanda, vị Tỷ-kheo do mũi ngửi hương, khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý và bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khả ý này khởi lên, bất khả ý này khởi lên, khả ý và bất khả này khởi lên nơi ta. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. [Nhưng] cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả." Cho nên, dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Này Ānanda, như những giọt nước mưa chảy trượt đi, không có đọng lại trên một lá sen hơi chúc xuống, cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ānanda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các hương do mũi nhận thức.

457. Lại nữa, này Ānanda, vị Tỷ-kheo lưỡi nếm vị, khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý và bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khả ý này khởi lên, bất khả ý này khởi lên, khả ý và bất khả ý này khởi lên nơi ta. Cái này khởi

lên, vì là hữu vi nên thô. [Nhưng] cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả." Cho nên, dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Này Ānanda, như một người lực sĩ có thể nhổ ra một cách dễ dàng cục đờm đọng lại trên đầu lưỡi, cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ānanda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các vị do lưỡi nhận thức.

458. Lại nữa, này Ānanda, vị Tỷ-kheo thân cảm xúc, khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý và bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khả ý này khởi lên, bất khả ý này khởi lên, khả ý và bất khả ý này khởi lên nơi ta. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. [Nhưng] cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả." Cho nên, dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Này Ānanda, ví như một người có thể duỗi cánh tay đang co lại của mình, hay co lại cánh tay đang duỗi ra của mình, cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ānanda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các xúc do thân nhận thức.

459. Lại nữa, này Ānanda, vị Tỷ-kheo ý nhận thức các pháp, khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý và bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khả ý này khởi lên, bất khả ý này khởi lên, khả ý và bất khả ý này khởi lên nơi ta. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. [Nhưng] cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả." Cho nên, dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Này Ānanda, như một người cho nhỏ hai hay ba giọt nước trong một cái chậu bằng sắt đun nóng mỗi ngày, này Ānanda, các giọt nước rơi rất chậm nhưng chúng bị tiêu diệt, biến đi rất mau, cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, [tất cả] đều đoạn diệt [trong vị ấy], và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ānanda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các pháp do ý nhận thức.

Như vậy, này Ānanda, là vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh.

460. Và này Ānanda, thế nào là đạo lộ của vị Hữu học? Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo mắt thấy sắc, khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý và bất khả ý. Vì rằng có khả ý khởi lên, có bất khả ý khởi lên, có khả ý và bất khả ý khởi lên, vị ấy ưu não, tàm quý, ghét bỏ. Sau khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức pháp, vị ấy khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý và bất khả ý. Vì rằng có khả ý khởi lên, có bất khả ý khởi lên, có khả ý và bất khả ý khởi lên, vị ấy ưu não, tàm quý, ghét bỏ. Như vậy, này Ānanda, là đạo lộ của vị Hữu học.

461. Và này Ānanda, thế nào là bậc Thánh, các căn được tu tập? Ở đây, này Ānanda, sau khi mắt thấy sắc, vị Tỷ-kheo khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý và bất khả ý. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng không yểm ly đối với [sự vật] yểm ly",[3] thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng không yểm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng yểm ly đối với [sự vật] không yểm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng yểm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng không yểm ly đối với [sự vật] yểm ly và [sự vật] không yểm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng không yểm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng yểm ly đối với [sự vật] không yểm ly và [sự vật] yểm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng yểm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi sau khi từ bỏ cả hai yểm ly và không yểm ly, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác", thời ở đây, vị ấy an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

462. Lại nữa, này Ānanda, vị Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức pháp, vị Tỷ-kheo khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý và bất khả ý. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng không yểm ly đối với [sự vật] yểm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng không yểm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng yểm ly đối với [sự vật] không yểm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng yểm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng không yểm ly đối với [sự vật] yểm ly và [sự vật] không yểm ly", thời ở đây, vị ấy sống an trú với tưởng không yểm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng yểm ly đối với [sự vật] không yểm ly và [sự vật] yểm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng yểm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi, sau khi từ bỏ cả hai yểm ly và không yểm ly, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác", thời ở đây, vị ấy an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Như vậy, này Ānanda, là bậc Thánh, các căn được tu tập.

463. Như vậy, này Ānanda, Ta đã giảng vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh, đã giảng đạo lộ của bậc Hữu học, đã giảng đạo lộ của bậc Thánh, các căn được tu tập. Này Ānanda, những gì một bậc Đạo sư phải làm, vì lòng từ mẫn, mưu cầu hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy Ta đã làm cho các ông. Này Ānanda, đây là những gốc cây, đây là những chỗ trống. Này Ānanda, hãy thiền tư, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là những lời giáo giới của Ta cho các ông.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[3] *Ps*. II. 212 viết đoạn này và đoạn tiếp được gọi là *ariyā iddhi*. Xem phần giải thích trong *MA*. V. 108.

PHỤ LỤC 1
QUY CÁCH BIÊN TẬP
TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SỐ THEO PTS

Các bản kinh được đánh số lại theo hệ thống PTS nhằm hỗ trợ cho các học giả dễ dàng tra cứu khi đối chiếu các văn bản: Pāli, Anh, Việt hoặc các ngôn ngữ khác. Nguồn PTS: www.tipitaka.org.

2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN

Nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pāli và bản Hán, bộ *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*) được sử dụng làm tài liệu chính để tham chiếu. Nguồn: http://cbeta.org/.

3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"… đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"… đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

* Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v…

* Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết Vô nhân luận, thuyết Luân hồi tịnh hóa, v.v…

4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*), v.v…

4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v…

4.1.4. Các từ chỉ quả vị, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Thiền thứ hai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v… Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v…

4.1.5. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỳ-kheo, Ta nhắc các ông rằng…"

4.1.6. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, …

4.2. Danh từ riêng

4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

4.2.3 Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

4.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như "đức", "bậc", "đấng", thường

đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Nhất Lai, bậc Vô Sanh, bậc Đã Thấy Đã Biết.

4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành.*

4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

4.5. Pháp số Phật học

4.5.1. Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, ngũ uẩn, lục căn, thất bảo, bát công đức thủy, cửu thiền, thập pháp giới.

4.5.2. Viết hoa từ đầu đối với các thuật ngữ quan trọng hoặc là lộ trình tu tập mà bài kinh đó đang nhấn mạnh. Ví dụ: – Hiền giả, có phải Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn? (Trích *Kinh Trạm xe* (số 24) thuộc *Kinh Trung bộ*).

5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

5.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài Dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32.

5.6. Tỉnh lược số trang trong cước chú

- Trang 254-256 được viết là 254-56.

- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

- *S*. I. 70. Nghĩa là *Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70.
- *Sn*. 140. Nghĩa là *Suttanipāta*, trang 140.
- *Vin*. II. 287. Nghĩa là *Vinaya*, tập II, trang 287.
- *Vbh*. 351. Nghĩa là *Vibhaṅga*, trang 351.
- *Kvu*. 401. Nghĩa là *Kathāvatthu*, trang 401.
- *DA*. I. 41-2. Nghĩa là *Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42.
- *Dh*. 10. Nghĩa là *Dhammapada*, kệ 10.
- *Thag*. 1196. Nghĩa là *Theragāthā*, kệ 1196.
- *J*. I. 389. Nghĩa là *Jātaka*, tập I, câu chuyện 389.
- *S*. 56.25: 1. Nghĩa là *Saṃyutta Nikāya*, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1.

6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả các ấn bản tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản.

- *GS*. II. 42. Nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, translated by F. L. Woodward, London: PTS, 1933, p. 42.

- *PC*. 338, n. 1. Nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), London: PTS, 1915, p. 338, note 1.

6.3. Chú thích tên kinh theo ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*).
- *M*. 60, *Apaṇṇaka Sutta* (*Kinh Không gì chuyển hướng*).

6.4. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli được viết như sau: Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara; S. Ābhāsvara; H. 光音天; E. The Radian gods).

6.5. Chú thích theo Hán văn

6.5.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- Phạm võng lục thập nhị kiến kinh 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- Phật thuyết Nguyệt dụ kinh 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

6.5.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

6.5.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

6.5.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh*, *Nê-hoàn phẩm* 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04; 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, *Nê-hoàn phẩm* thứ 36; trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.5.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

6.5.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

- *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự của *Bất đãi phẩm*, số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-a12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-a12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy bị thiếu, sót, nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc y theo cách dịch của chính dịch giả đã sử dụng trong dịch phẩm. Nhiều chú thích vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ *Đại Chánh tạng*.

Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn tham chiếu của các cước chú.

PHỤ LỤC 2
ĐỐI CHIẾU KINH TRUNG BỘ VÀ TRUNG A-HÀM KINH

KINH TRUNG BỘ (*Majjhima Nikāya*)	**TRUNG A-HÀM KINH (中阿含經)**	**CÁC KINH KHÁC**
A. PHẦN CĂN BẢN (*Mūlapaṇṇāsa*)		
1) Phẩm Pháp môn căn bản (*Mūlapariyāyavagga*)		
1. *Kinh Pháp môn căn bản* (P. *Mūlapariyāyasuttaṃ*)	106. *Tưởng kinh* 想經 (*T*.01. 0026.106. 0596b09).	*Lạc tưởng kinh* 樂想經 (*T*.01. 0056. 0851a23); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.44.6. 0766a04).
2. *Kinh Tất cả lậu hoặc* (P. *Sabbāsavasuttaṃ*)	10. *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 0026.10. 0431c13).	*Nhất thiết lưu nhiếp thủ nhân kinh* 一切流攝守因經 (*T*.01. 0031. 0813a05); Tăng. 增 (*T*.02. 0125.40.6. 0740a25).
3. *Kinh Thừa tự pháp* (P. *Dhammadāyādasuttaṃ*)	88. *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23).	*Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.18.3. 0587c16).
4. *Kinh Sợ hãi và khiếp đảm* (P. *Bhayabheravasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.31.1. 0665b17).

5. *Kinh Không uế nhiễm* (P. *Anaṅgaṇasuttaṃ*)	87. *Uế phẩm kinh* 穢品經 (*T*.01. 0026.87. 0566a13).	*Cầu dục kinh* 求欲經 (*T*.01. 0049. 0839a05); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.6. 0632a20).
6. *Kinh Ước nguyện* (P. *Ākaṅkheyyasuttaṃ*)	105. *Nguyện kinh* 願經 (*T*.01. 0026.105. 0595c11).	
7. *Kinh Ví dụ tấm vải* (P. *Vatthasuttaṃ*)	93. *Thủy Tịnh Phạm chí kinh* 水淨梵志經 (*T*.01. 0026.93. 0575a19).	*Phạm chí Kế Thủy Tịnh kinh* 梵志計水淨經 (*T*.01. 0051. 0843c13); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1185. 0321a24); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.98. 0408b25); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.13.5. 0573c01).
8. *Kinh Đoạn giảm* (P. *Sallekhasuttaṃ*)	91. *Châu-na vấn kiến kinh* 周那問見經 (*T*.01. 0026.91. 0573b13).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.47.9. 0784a06).
9. *Kinh Chánh tri kiến* (P. *Sammādiṭṭhisuttaṃ*)	29. Không có kinh tương đương.	*Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (*T*.01. 0026.29. 0461b22); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.344. 0094b02); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.5. 0797b14).
10. *Kinh Niệm xứ* (P. *Satipaṭṭhānasuttaṃ*)	98. *Niệm xứ kinh* 念處經 (*T*.01. 0026.98. 0582b07).	*Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T*.01. 0026.31. 0467a28); *Niệm thân kinh* 念身經 (*T*.01. 0026.81. 0554c10); *Tứ đế kinh* 四諦經 (*T*.01. 0032. 0814b08); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.12.1. 0568a01).

2) Phẩm Sư tử hống (*Sīhavagga*)		
11. *Tiểu kinh Sư tử hống* (P. *Cūḷasīhanādasuttaṃ*)	103. *Sư tử hống kinh* 狮子吼經 (*T*.01. 0026.103. 0590b05).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.2. 0643c02).
12. *Đại kinh Sư tử hống* (P. *Mahāsīhanādasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Trường A-hàm thập báo pháp kinh* 長阿含十報法經 (*T*.01. 0013. 0233b23); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.612. 0171c06); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.684. 0186b26); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.701. 0189c07); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.6. 0645b26); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.8. 0670c02); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.4. 0776b14); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.6. 0811a29); *Phật thuyết Thân mao hỷ thọ kinh* 佛說身毛喜豎經 (*T*.17. 0757. 0591c11); *Phật thuyết Thập lực kinh* 佛說十力經 (*T*.17. 0780-0781. 0715c07-0718c08); *Phật thuyết Tín giải trí lực kinh* 佛說信解智力經 (*T*.17. 0802. 0747a19).
13. *Đại kinh Khổ uẩn* (P. *Mahādukkhakkhandhasuttaṃ*)	99. *Khổ ấm kinh* 苦陰經 (*T*.01. 0026.99. 0584c08).	*Khổ ấm kinh* 苦陰經 (*T*.01. 0053. 0846c05); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125. 21.9. 0604c07).
14. *Tiểu kinh Khổ uẩn* (P. *Cūḷadukkhakkhandhasuttaṃ*)	100. *Khổ ấm kinh* 苦陰經 (*T*.01. 0026.100. 0586b02).	*Thích Ma-nam bổn tứ tử kinh* 釋摩男本四子經 (*T*.01. 0054. 0848b03); *Khổ ấm nhân sự kinh* 苦陰因事經 (*T*.01. 0055. 0849b23); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.41.1. 0744a02).
15. *Kinh Tư lượng* (P. *Anumānasuttaṃ*)	89. *Tỷ-kheo thỉnh kinh* 比丘請經 (*T*.01. 0026.89. 0571b29).	*Thọ tuế kinh* 受歲經 (*T*.01. 0050. 0842b03).

16. *Kinh Tâm hoang vu* (P. *Cetokhilasuttaṃ*)	206. *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T*.01. 0026.206. 0780b15).	*Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001.10. 0052c17); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.4. 0817a16); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22).
17. *Kinh Khu rừng* (P. *Vanapatthasuttaṃ*)	107. *Lâm kinh* 林經 (*T*.01. 0026.107. 0596c25).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.45.3. 0771c17).
18. *Kinh Mật hoàn* (P. *Madhupiṇḍikasuttaṃ*)	115. *Mật hoàn dụ kin*h 蜜丸喻經 (*T*.01. 0026.115. 0603b09).	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.304. 0086c23)*; Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.10. 0743a04).
19. *Kinh Song tầm* (P. *Dvedhāvitakkasuttaṃ*)	102. *Niệm kinh* 念經 (*T*.01. 0026.102. 0589a11).	
20. *Kinh An trú tầm* (P. *Vitakkasaṇṭhānasuttaṃ*)	101. *Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T*.01. 0026.101. 0588a03).	
3) Phẩm Pháp thí dụ (*Opammavagga*)		
21. *Kinh Ví dụ cái cưa* (P. *Kakacūpamasuttaṃ*)	193. *Mâu-lê-phá-quần-na kinh* 牟犁破群那經 (*T*.01. 0026.193. 0744a04).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.8. 0813c02).
22. *Kinh Ví dụ con rắn* (P. *Alagaddūpamasuttaṃ*)	200. *A-lê-tra kinh* 阿黎吒經 (*T*.01. 0026.200. 0763b01).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.5. 0759c29); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.8. 0812c02); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da* 根本說一切有部毘奈耶 (*T*.23. 1442.39. 0840b21).

23. *Kinh Gò mối* (P. *Vammikasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Nghị dụ kinh* 蟻喻經 (*T*.01. 0095. 0918b21); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1079. 0282a22); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.18. 0379c03); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.9. 0733b12).
24. *Kinh Trạm xe* (P. *Rathavinītasuttaṃ*)	9. *Thất xa kinh* 七車經 (*T*.01. 0026.9. 0429c28).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.10. 0733c28).
25. *Kinh Bẫy mồi* (P. *Nivāpasuttaṃ*)	178. *Lạp sư kinh* 獵師經 (*T*.01. 0026.178. 0718b23).	
26. *Kinh Thánh cầu* (P. *Ariyapariyesanāsuttaṃ*)	204. *La-ma kinh* 羅摩經 (*T*.01. 0026.204. 0775c07).	*Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T*.01. 0026.101. 0588a03); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.1. 0593a24); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.5. 0618a27); *Bổn sự kinh* 本事經 (T.17. 0765.4. 0679b23); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da: Phá Tăng sự* 根本說一切有部毘奈耶:破僧事 (*T*.24. 1450.5. 0125c29).
27. *Tiểu kinh Dụ dấu chân voi* (P. *Cūḷahatthipadopamasuttaṃ*)	146. *Tượng tích dụ kinh* 象跡喻經 (*T*.01. 0026.146. 0656a14).	
28. *Đại kinh Dụ dấu chân voi* (P. *Mahāhatthipadopamasuttaṃ*)	30. *Tượng tích dụ kinh* 象跡喻經 (*T*.01. 0026.30. 0464b17).	
29. *Đại kinh Thí dụ lõi cây* (P. *Mahāsāropamasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.4. 0759a29).
30. *Tiểu kinh Thí dụ lõi cây* (P. *Cūḷasāropamasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.4. 0759a29).

4) Phẩm Song đại (*Mahāyamakavagga*)		
31. *Tiểu kinh Rừng sừng bò* (P. *Cūḷagosiṅgasuttaṃ*)	185. *Ngưu giác Sa-la lâm kinh* 牛角娑羅林經 (*T*.01. 0026.185. 0729b27).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.8. 0626b11).
32. *Đại kinh Rừng sừng bò* (P. *Mahāgosiṅgasuttaṃ*)	184. *Ngưu giác Sa-la lâm kinh* 牛角娑羅林經 (T.01. 0026.184. 0726c25).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.3. 0710c05); *Phật thuyết Tỳ-kheo các ngôn chí kinh* 佛說比丘各言志經 (*T*.03. 0154.16. 0080c26).
33. *Đại kinh Người chăn bò* (P. *Mahāgopālakasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1249. 0342c11); *Phật thuyết Phóng ngưu kinh* 佛說放牛經 (*T*.02. 0123. 0546a13); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.1. 0794a07); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.2. 0074a23).
34. *Tiểu kinh Người chăn bò* (P. *Cūḷagopālakasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1248. 0342a22); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.6. 0761b14).
35. *Tiểu kinh Saccaka* (P. *Cūḷasaccakasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-a12); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.110. 0035a17); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.10. 0715a28).
36. *Đại kinh Saccaka* (P. *Mahāsaccakasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*A-ma-trú kinh* 阿摩晝經 (*T*.01. 0001.20. 0082a06); *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12); *Chủng đức kinh* 種德經 (*T*.01. 0001.22. 0094a18); *Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T*.01. 0026.101. 0588a03); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.8. 0670c02); *Phật thuyết Thân mao hỷ thọ kinh* 佛說身毛喜豎經 (*T*.17. 0757. 0591c11)

37. *Tiểu kinh Đoạn tận ái* (P. *Cūḷataṇhāsaṅkhayasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Trưởng lão Thượng Tôn thùy miên kinh* 長老上尊睡眠經 (*T*.01. 0026.83. 0559b27); *Phật thuyết Ly thùy kinh* 佛說離睡經 (*T*.01. 0047. 0837a06); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.505. 0133b24); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.3. 0593c13).
38. *Đại kinh Đoạn tận ái* (P. *Mahātaṇhāsaṅkhayasuttaṃ*)	201. *Trà-đế kinh* 嗏帝經 (*T*.01. 0026.201. 0766b28).	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.304. 0086c23).
39. *Đại kinh Xóm ngựa* (P. *Mahāassapurasuttaṃ*)	182. *Mã ấp kinh* 馬邑經 (*T*.01. 0026.182. 0724c17).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.8. 0801c14).
40. *Tiểu kinh Xóm ngựa* (P. *Cūḷaassapurasuttaṃ*)	183. *Mã ấp kinh* 馬邑經 (*T*.01. 0026.183. 0725c16).	
5) Phẩm Song tiểu (*Cūḷayamakavagga*)		
41. *Kinh Sāleyyaka* (P. *Sāleyyakasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1042-1043. 0272c18-0273a28).
42. *Kinh Verañjaka* (P. *Verañjakasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1042-1043. 0272c18-0273a28).
43. *Đại kinh Phương quảng* (P. *Mahāvedallasuttaṃ*)	211. *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘稀羅經 (*T*.01. 0026.211. 0790b08).	
44. *Tiểu kinh Phương quảng* (P. *Cūḷavedallasuttaṃ*)	210. *Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni kinh* 法樂比丘尼經 (*T*.01. 0026.210. 0788a14).	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.568. 0150a17).
45. *Tiểu kinh Pháp hành* (P. *Cūḷadhammasamādānasuttaṃ*)	174. *Thọ pháp kinh* 受法經 (*T*.01. 0026.174. 0711b17).	

46. *Đại kinh Pháp hành* (P. *Mahādhammasamādānasuttaṃ*)	175. *Thọ pháp kinh* 受法經 (*T*.01. 0026.175. 0712c04).	*Ứng pháp kinh* 應法經 (*T*.01. 0083. 0902b04).
47. *Kinh Tư sát* (P. *Vīmaṃsakasuttaṃ*)	186. *Cầu giải kinh* 求解經 (*T*.01. 0026.186. 0731a29).	
48. *Kinh Kosambiya* (P. *Kosambiyasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.8. 0626b11); *Ngũ phần luật* 五分律 (*T*.22. 1421.24. 0158c07); *Tứ phần luật* 四分律 (*T*.22. 1428.43. 0874c08).
49. *Kinh Phạm thiên cầu thỉnh* (P. *Brahmanimantanikasuttaṃ*)	78. *Phạm thiên thỉnh Phật kinh* 梵天請佛經 (*T*.01. 0026.78. 0547a09).	
50. *Kinh Hàng ma* (P. *Māratajjanīyasuttaṃ*)	131. *Hàng ma kinh* 降魔經 (*T*.01. 0026.131. 0620b07).	*Phật thuyết Ma nhiễu loạn kinh* 佛說魔嬈亂經 (*T*.01. 0066. 0864b02); *Tệ ma thí Mục-liên kinh* 弊魔試目連經 (*T*.01. 0067. 0867a02).
B. PHẦN GIỮA (*Majjhimapaṇṇāsa*)		
1) Phẩm Cư sĩ (*Gahapativagga*)		
51. *Kinh Kandaraka* (P. *Kandarakasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
52. *Kinh Bát thành* (P. *Aṭṭhakanāgarasuttaṃ*)	217. *Bát thành kinh* 八城經 (*T*.01. 0026.217. 0802a11).	*Thập chi cư sĩ bát thành nhân kinh* 十支居士八城人經 (*T*.01. 0092. 0916a17).
53. *Kinh Hữu học* (P. *Sekhasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	

54. *Kinh Potaliya* (P. *Potaliyasuttaṃ*)	203. *Bô-lợi-đa kinh* 晡利多經 (*T*.01. 0026.203. 0773a02).	
55. *Kinh Jīvaka* (P. *Jīvakasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
56. *Kinh Ưu-ba-ly* (P. *Upālisuttaṃ*)	133. *Ưu-bà-ly kinh* 優婆離經 (*T*.01. 0026.133. 0628a18).	
57. *Kinh Hạnh con chó* (P. *Kukkuravatikasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.7. 0393c09).
58. *Kinh Vương tử Vô Úy* (P. *Abhayarājakumārasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.35. 0321b15); *Thập trụ Tỳ-bà-sa luận* 十住毘婆沙論 (*T*.26. 1521.11. 0079b01).
59. *Kinh Nhiều cảm thọ* (P. *Bahuvedanīyasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.485. 0123c21).
60. *Kinh Không gì chuyển hướng* (P. *Apaṇṇakasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
2) Phẩm Tỳ-kheo (*Bhikkhuvagga*)		
61. *Kinh Giáo giới La-hầu-la ở rừng Am-bà-la* (P. *Ambalaṭṭhikārāhulovādasuttaṃ*)	14. *La-vân kinh* 羅云經 (*T*.01. 0026.14. 0436a12).	*Pháp cú thí dụ kinh, Tượng phẩm* 法句譬喻經象品 (*T*.04. 0211.31. 0599c20); *Xuất diệu kinh, Lợi dưỡng phẩm* 出曜經利養品 (*T*.04. 0212.14. 0678b05); *Căn Bản Thuyết Nhất Thuyết Hữu Bộ Tỳ-nại-da* 根本說一切有部毘奈耶 (*T*.23. 1442.24. 0760b16); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.13. 0158a29).

62. *Đại kinh Giáo giới La-hầu-la* (P. *Mahārāhulovādasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.803. 0206a14); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.815. 0209b15); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 *(T*.02. 0101.15. 0497a02*)*; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.1. 0581c01).
63. *Tiểu kinh Māluṅkya* (P. *Cūḷamāluṅkyasuttaṃ*)	221. *Tiễn dụ kinh* 箭喻經 (*T*.01. 0026.221. 0804a21)	*Tiễn dụ kinh* 箭喻經 (*T*.01. 0094. 0917b13); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.15. 0170a08).
64. *Đại kinh Māluṅkya* (P. *Mahāmāluṅkyasuttaṃ*)	205. *Ngũ hạ phần kiết kinh* 五下分結經 (*T*.01. 0026.205. 0778c09).	
65. *Kinh Bhaddāli* (P. *Bhaddālisuttaṃ*)	194. *Bạt-đà-hòa-lợi kinh* 跋陀和利經 (*T*.01. 0026.194. 0746b18).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.7. 0800b27).
66. *Kinh Ví dụ con chim cáy* (P. *Laṭukikopamasuttaṃ*)	192. *Ca-lâu Ô-đà-di kinh* 加樓烏陀夷經 (*T*.01. 0026.192. 0740c15).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.7. 0800b27).
67. *Kinh Cātumā* (P. *Cātumāsuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.45.2. 0770c13); *Xá-lợi-phất Ma-ha Mục-kiền-liên du tứ cù kinh* 舍利弗摩目犍連遊四衢經 (*T*.02. 0137. 0860a18).
68. *Kinh Naḷakapāna* (P. *Naḷakapānasuttaṃ*)	77. *Sa-kê-đế tam tộc tánh tử kinh* 娑雞帝三族姓子經 (*T*.01. 0026.77. 0544b21).	
69. *Kinh Goliyāni* (P. *Goliyānisuttaṃ*)	26. *Cù-ni-sư kinh* 瞿尼師經 (*T*.01. 0026.26. 0454c24).	
70. *Kinh Kīṭāgiri* (P. *Kīṭāgirisuttaṃ*)	195. *A-thấp-bối kinh* 阿濕貝經 (*T*.01. 0026.195. 0749c01).	

3) Phẩm Người Tịnh hạnh (*Paribbājakavagga*)		
71. *Kinh Ba minh Vacchagotta* (P. *Tevijjavacchagottasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
72. *Kinh Aggivacchagotta* (P. *Aggivacchagottasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.962. 0245b26); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.196. 0444c29).
73. *Đại kinh Vacchagotta* (P. *Mahāvacchagottasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.964. 0246b12); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.198. 0446a11).
74. *Kinh Trường Trảo* (P. *Dīghanakhasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.969. 0249a29); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.203. 0449a04). *Trường Trảo Phạm chí duyên kinh* 長爪梵志緣經 (*T*.04. 0200.90. 0255a16); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.1a. 0062b18); *A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa luận* 阿毘達磨大毘婆沙論 (*T*.27. 1545.98. 0509b17).
75. *Kinh Māgaṇḍiya* (P. *Māgaṇḍiyasuttaṃ*)	153. *Tu-nhàn-đề kinh* 鬚閑提經 (*T*.01. 0026.153. 0670a26).	*Pháp cú kinh, Nê-hoàn phẩm* 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23); *Xuất diệu kinh, Nê-hoàn phẩm* 出曜經泥洹品 (*T*.04. 0212.27. 0730c06); *Pháp tập yếu tụng kinh, Viên tịch phẩm* 法集要頌經圓寂品 (*T*.04. 0213.26. 0790b16).
76. *Kinh Sandaka* (P. *Sandakasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
77. *Đại kinh Sakuludāyi* (P. *Mahāsakuludāyisuttaṃ*)	207. *Tiễn mao kinh* 箭毛經 (*T*.01. 0026.207. 0781b27).	*A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.18. 0440c23).

78. *Kinh Samaṇamuṇḍika* (P. *Samaṇamuṇḍikasuttaṃ*)	179. *Ngũ chi vật chủ kinh* 五支物主經 (*T*.01. 0026.179. 0720a28).	
79. *Tiểu kinh Sakuludāyi* (P. *Cūḷasakuludāyisuttaṃ*)	208 *Tiễn mao kinh* 箭毛經 (*T*.01. 0026.208. 0783c03).	
80. *Kinh Vekhanassa* (P. *Vekhanassasuttaṃ*)	209. *Bệ-ma-na-tu kinh* 鞞摩那修經 (*T*.01. 0026.209. 0786b12).	*Bệ-ma-túc kinh* 鞞摩肅經 (*T*.01. 0090. 0913c04).
4) Phẩm Vương (*Rājavagga*)		
81. *Kinh Ghaṭikāra* (P. *Ghaṭikārasuttaṃ*)	63. *Bệ-bà-lăng-kỳ kinh* 鞞婆陵耆經 (*T*.01. 0026.63. 0499a09).	*Phật thuyết Khổ hạnh túc duyên kinh* 佛說苦行宿緣經 (*T*.04. 0197.10. 0172c05).
82. *Kinh Raṭṭhapāla* (P. *Raṭṭhapālasuttaṃ*)	132. *Lại-tra-hòa-la kinh* 賴吒和羅經 (*T*.01. 0026.132. 0623a11).	*Lại-tra-hòa-la kinh* 賴吒和羅經 (*T*.01. 0068. 0868c23); *Hộ Quốc kinh* 護國經 (*T*.01. 0069. 0872a18); *Lại-tra-hòa-la kinh* 賴吒和羅經 (*T*.04. 0199.18a. 0196b01); *Phật độ Vương tử Hộ Quốc xuất gia duyên* 佛度王子護國出家緣 (*T*.04. 0199.18b. 0249b120); *Pháp cú kinh, Lão mao phẩm* 法句經老耗品 (*T*.04. 0210.19. 0565b25); *Pháp cú thí dụ kinh, Dụ lão mạo phẩm* 法句譬喻經喻老耄品 (*T*.04. 0211.19. 0592b15); *Xuất diệu kinh, Quán phẩm* 出曜經觀品 (*T*.04. 0212.28. 0736b06); *Pháp tập yếu tụng kinh, Quán sát phẩm* 法集要頌經觀察品 (*T*.04. 0213.27. 0791b03); *Phân biệt công đức luận* 分別功德論 (*T*.25. 1507.4. 0042b01).

83. *Kinh Makhādeva* (P. *Makhādevasuttaṃ*)	67. *Đại Thiên Nại-lâm kinh* 大天奈林經 (*T*.01. 0026.67. 0511c21)	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.1.1. 0549b09); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.4. 0806c21); *Ma-điều Vương kinh* 摩調王經 (*T*.03. 0152.87. 0048b25); *Pháp cú kinh, Đao-lợi phẩm* 法句經道利品 (*T*.04. 0210.38. 0574b16); *Pháp cú thí dụ kinh, Đao-lợi phẩm* 法句譬喻經道利品 (*T*.04. 0211.38. 0606b16); *Phật thuyết Trừ khủng tai hoạn kinh* 佛說除恐災患經 (*T*.17. 0744. 0533b01).
84. *Kinh Madhurā* (P. *Madhurāsuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.548. 0142a18).
85. *Kinh Vương tử Bồ-đề* (P. *Bodhirājakumārasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*La-ma kinh* 羅摩經 (*T*.01. 0026.204. 0775c07); *Xuất diệu kinh, Như Lai phẩm* 出曜經如來品 (*T*.04. 0212.22. 0716b16); *Pháp tập yếu tụng kinh, Như Lai phẩm* 法集要頌經如來品 (*T*.04. 0213.21. 0787b22); *Di-sa-tắc bộ Hòa-ê Ngũ phần luật* 彌沙塞部和醯五分律 (*T*.22. 1421.10. 0071c02).
86. *Kinh Aṅgulimāla* (P. *Aṅgulimālasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1077. 0280c18); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.16. 0378b17); *Phật thuyết Ương-quật-ma kinh* 佛說鴦掘摩經 (*T*.02. 0118. 0508b17); *Phật thuyết Ương-quật kết kinh* 佛說鴦崛髻經 (*T*.02. 0119. 0510b14); *Ương-quật-ma-la kinh* 央掘魔羅經 (*T*.02. 0120. 0512b05); *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.6. 0719b20); *Hiền ngu kinh, Vô Não chỉ man phẩm* 賢愚經無惱指鬘品 (*T*.04. 0202.45. 0423b05); *Xuất diệu kinh, Tạp phẩm* 出曜經雜品 (*T*.04. 0212.17. 0702b08); *Pháp tập yếu tụng kinh, Thanh tịnh phẩm* 法集要頌經清淨品 (*T*.04. 0213.16. 0785a15).

87. *Kinh Ái sanh* (P. *Piyajātikasuttaṃ*)	216. *Ái sanh kinh* 愛生經 (*T*.01. 0026.216. 0800c20).	*Bà-la-môn tử mạng chung ái niệm bất ly kinh* 婆羅門子命終愛念不離經 (*T*.01. 0091. 0915a04); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.13.3. 0571b28); *Phật thuyết Tử mạng quá kinh* 佛說子命過經 (*T*.03. 0154.15. 0080c09).
88. *Kinh Bāhitika* (P. *Bāhitikasuttaṃ*)	214. *Bệ-ha-đề kinh* 鞞訶提經 (*T*.01. 0026.214. 0797c07).	
89. *Kinh Pháp trang nghiêm* (P. *Dhammacetiyasuttaṃ*)	213. *Pháp trang nghiêm kinh* 法莊嚴經 (*T*.01. 0026.213. 0795b17).	*Tăng.* 增 (*T*.02. 125.38.10. 0724b28); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘奈耶雜事 (*T*.24. 1451.8. 0237a06).
90. *Kinh Kaṇṇakatthala* (P. *Kaṇṇakatthalasuttaṃ*)	212. *Nhất thiết trí kinh* 一切智經 (*T*.01. 0026.212. 0792c13).	
5) Phẩm Bà-la-môn (*Brāhmaṇavagga*)		
91. *Kinh Brahmāyu* (P. *Brahmāyusuttaṃ*)	161. *Phạm-ma kinh* 梵摩經 (*T*.01. 0026.161. 0685a05).	*Phạm-ma dụ kinh* 梵摩渝經 (*T*.01. 0076. 0883b07); *Pháp cú kinh, Phạm chí phẩm* 法句經梵志品 (*T*.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh, Phạm chí phẩm* 出曜經梵志品 (*T*.04. 0212.34. 0798a01); *Pháp tập yếu tụng kinh, Phạm chí phẩm* 法集要頌經梵志品 (*T*.04. 0213.33. 0798a01).
92. *Kinh Sela* (P. *Selasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.49.6. 0798a25).
93. *Kinh Assalāyana* (P. *Assalāyanasuttaṃ*)	151. *Phạm chí A-nhiếp-hòa kinh* 梵志阿攝惒經 (*T*.01. 0026.151. 0663b25).	*Phạm chí Át-ba-la-diên vấn chủng tôn kinh* 梵志頞波羅延問種尊經 (*T*.01. 0071. 0876b24); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.40.9. 0742b03).

94. *Kinh Ghoṭamukha* (P. *Ghoṭamukhasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
95. *Kinh Caṅkī* (P. *Caṅkīsuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
96. *Kinh Esukārī* (P. *Esukārīsuttaṃ*)	150. *Uất-sấu-ca-la kinh* 鬱瘦歌邏經 (*T.*01. 0026.150. 0660c29).	
97. *Kinh Dhānañjāni* (P. *Dhānañjānisuttaṃ*)	27. *Phạm chí Đà-nhiên kinh* 梵志陀然經 (*T.*01. 0026.27. 0456a22).	
98. *Kinh Vāseṭṭha* (P. *Vāseṭṭhasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Pháp cú kinh, Phạm chí phẩm* 法句經梵志品 (*T.*04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh, Phạm chí phẩm* 出曜經梵志品 (*T.*04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh, Phạm chí phẩm* 法集要頌經梵志品 (*T.*04. 0213.34. 0768c14).
99. *Kinh Subha* (P. *Subhasuttaṃ*)	152. *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T.*01. 0026.152. 0666c26).	*Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T.*01. 0026.170. 0703c21); *Đâu-điều kinh* 兜調經 (*T.*01. 0078. 0887b04); *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T.*01. 0079. 0888b15); *Phật vị Thủ-ca Trưởng giả thuyết nghiệp báo sai biệt kinh* 佛為首迦長者說業報差別經 (*T.*01. 0080. 0891a17); *Phân biệt thiện ác báo ứng kinh* 分別善惡報應經 (*T.*01. 0081. 0895b25); *Phật thuyết Tịnh Ý Ưu-bà-tắc sở vấn kinh* 佛說淨意優婆塞所問經 (*T.*17. 0755. 0588c08).
100. *Kinh Saṅgārava* (P. *Saṅgāravasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T.*01. 0026.101. 0588a03).

C. PHẦN THƯỢNG **(*Uparipaṇṇāsa*)**		
1) Phẩm Thiên Tý **(*Devadahavagga*)**		
101. *Kinh Devadaha* (P. *Devadahasuttaṃ*)	19. *Ni-kiền kinh* 尼乾經 (*T*.01. 0026.19. 0442b29).	
102. *Kinh Năm và Ba* (P. *Pañcattayasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
103. *Kinh Như thế nào* (P. *Kintisuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
104. *Kinh Làng Sāma* (P. *Sāmagāmasuttaṃ*)	196. *Châu-na kinh* 周那經 (*T*.01. 0026.196. 0752c11).	*Tức tránh nhân duyên kinh* 息諍因緣經 (*T*.01. 0085. 0904b27); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.7. 0428c16).
105. *Kinh Thiện Tinh* (P. *Sunakkhattasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
106. *Kinh Bất động lợi ích* (P. *Āneñjasappāyasuttaṃ*)	75. *Tịnh bất động đạo kinh* 淨不動道經 (*T*.01. 0026.75. 0542b03).	
107. *Kinh Gaṇaka Moggallāna* (P. *Gaṇakamoggallānasuttaṃ*)	144. *Toán số Mục-kiền-liên kinh* 算數目犍連經 (*T*.01. 0026.144. 0652a07);	*Số kinh* 數經 (*T*.01. 0070. 0875a11).
108. *Kinh Gopaka Moggallāna* (P. *Gopakamoggallānasuttaṃ*)	145. *Cù-mặc Mục-kiền-liên kinh* 瞿默目犍連經 (*T*.01. 0026.145. 0653c20).	

109. *Đại kinh Mãn nguyệt* (P. *Mahāpuṇṇamasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.58. 0014b12).
110. *Tiểu Kinh Mãn nguyệt* (P. *Cūḷapuṇṇamasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.58. 0014b12).
2) Phẩm Bất đoạn (*Anupadavagga*)		
111. *Kinh Bất đoạn* (P. *Anupadasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
112. *Kinh Sáu thanh tịnh* (P. *Chabbisodhanasuttaṃ*)	187. *Thuyết trí kinh* 說智經 (*T*.01. 0026.187. 0732a21).	
113. *Kinh Chân nhân* (P. *Sappurisasuttaṃ*)	85. *Chân nhân kinh* 真人經 (*T*.01. 0026.85. 0561a20).	*Thị pháp phi pháp kinh* 是法非法經 (*T*.01. 0048. 0837c21); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.9. 0585a18).
114. *Kinh Nên hành trì, không nên hành trì* (P. *Sevitabba-asevitabbasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tự quán tâm kinh* 自觀心經 (*T*.01. 0026.109. 0598b07).
115. *Kinh Đa giới* (P. *Bahudhātukasuttaṃ*)	181. *Đa giới kinh* 多界經 (*T*.01. 0026.181. 0723a08).	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.451. 0115c27); *Phật thuyết Tứ phẩm pháp môn kinh* 佛說四品法門經 (*T*.17. 0776. 0712b10); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.24a. 0237a16); *A-tỳ-đạt-ma Pháp uẩn túc luận* 阿毘達摩法蘊足論 (*T*.26. 1537.10. 0501b24).
116. *Kinh Thôn Tiên* (P. *Isigilisuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.7. 0723a06).

117. *Đại Kinh Bốn mươi* (P. *Mahācattārīsakasuttaṃ*)	189. *Thánh đạo kinh* 聖道經 (*T*.01. 0026.189. 0735b27).	
118. *Kinh Nhập tức xuất tức niệm* (P. *Ānāpānassatisuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Phật thuyết Trị ý kinh* 佛說治意經 (*T*.01. 0096. 0919a22); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.803. 0206a14); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.810-812. 0208a09-c10); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.815. 0209b15); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (*T*.02. 0101.15. 0497a02).
119. *Kinh Thân hành niệm* (P. *Kāyagatāsatisuttaṃ*)	81. *Niệm thân kinh* 念身經 (*T*.01. 0026.81. 0554c10).	*Niệm xứ kinh* 念處經 (*T*.01. 0026.98. 0582b07); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.12.1. 0568a01).
120. *Kinh Hành sanh* (P. *Saṅkhārupapattisuttaṃ*)	168. *Ý hành kinh* 意行經 (*T*.01. 0026.168. 0700b24).	
3) Phẩm Không (*Suññātavagga*)		
121. *Kinh Tiểu không* (P. *Cūḷasuññatasuttaṃ*)	190. *Tiểu không kinh* 小空經 (*T*.01. 0026.190. 0736c27).	
122. *Kinh Đại không* (P. *Mahāsuññatasuttaṃ*)	191. *Đại không kinh* 大空經 (*T*.01. 0026.191. 0738a03).	
123. *Kinh Hy hữu, vị tằng hữu pháp* (P. *Acchariyaabbhutadhammasuttaṃ*)	32. *Vị tằng hữu pháp kinh* 未曾有法經 (*T*.01. 0026.32. 0469c20).	

124. *Kinh Bạc-câu-la* (P. *Bakkulasuttaṃ*)	34. *Bạc-câu-la kinh* 薄拘羅經 (*T*.01. 0026.34. 0475a11).	
125. *Kinh Điều ngự địa* (P. *Dantabhūmisuttaṃ*)	198. *Điều ngự địa kinh* 調御地經 (*T*.01. 0026.198. 0757a03).	
126. *Kinh Phù-di* (P. *Bhūmijasuttaṃ*)	173. *Phù-di kinh* 浮彌經 (*T*.01. 0026.173. 0709c22).	
127. *Kinh A-na-luật* (P. *Anuruddhasuttaṃ*)	79. *Hữu Thắng thiên kinh* 有勝天經 (*T*.01. 0026.79. 0549b03).	
128. *Kinh Tùy phiền não* (P. *Upakkilesasuttaṃ*)	72. *Trường Thọ Vương bổn khởi kinh* 長壽王本起經 (*T*.01. 0026.72. 0532c09).	*Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.8. 0626b11); *Pháp cú kinh, Song yếu phẩm* 法句經雙要品 (*T*.04. 0210.9. 0562a11); *Xuất diệu kinh, Phẫn nộ phẩm* 出曜經忿怒品 (*T*.04. 0212.15. 0693b19); *Pháp tập yếu tụng kinh, Oán gia phẩm* 法集要頌經怨家品 (*T*.04. 0213.14. 0784a14).
129. *Kinh Hiền ngu* (P. *Bālapaṇḍitasuttaṃ*)	199. *Si tuệ địa kinh* 癡慧地經 (*T*.01. 0026.199. 0759a19).	*Phật thuyết Nê-lê kinh* 佛說泥犁經 (*T*.01. 0086. 0907a10).
130. *Kinh Thiên sứ* (P. *Devadūtasuttaṃ*)	64. *Thiên sứ kinh* 天使經 (*T*.01. 0026.64. 0503a21).	*Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30. 0114b07); *Thiết thành Nê-lê kinh* 鐵城泥梨經 (*T*.01. 0042. 0826c26); *Diêm-la Vương ngũ thiên sứ giả kinh* 閻羅王五天使者經 (*T*.01. 0043. 0828b12); *Nê-lê kinh* 泥犁經 (*T*.01. 0086. 0907a10); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.4. 0674b16).

4) Phẩm Phân biệt (*Vibhaṅgavagga*)		
131. *Kinh Nhất dạ Hiền giả* (P. *Bhaddekarattasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	
132. *Kinh A-nan Nhất dạ Hiền giả* (P. *Ānandabhaddekarattasuttaṃ*)	167. *A-nan thuyết kinh* 阿難說經 (*T*.01. 0026.167. 0699c27).	
133. *Kinh Đại Ca-chiên-diên Nhất dạ Hiền giả* (P. *Mahākaccānabhaddekarattasuttaṃ*)	165. *Ôn tuyền lâm thiên kinh* 溫泉林天經 (*T*.01. 0026.165. 0696b26).	*Phật thuyết Thiện dạ kinh* 佛說善夜經 (*T*.21. 1362. 0881c03).
134. *Kinh Lomasakaṅgiya Nhất dạ Hiền giả* (P. *Lomasakaṅgiyabhaddekarattasuttaṃ*)	166. *Thích trung thiền thất tôn kinh* 釋中禪室尊經 (*T*.01. 0026.166. 0698c03).	*Tôn thượng kinh* 尊上經 (*T*.01. 0077. 0886a25).
135. *Tiểu kinh Nghiệp phân biệt* (P. *Cūḷakammavibhaṅgasuttaṃ*)	170. *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T*.01. 0026.170. 0703c21).	*Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T*.01. 0026.152. 0666c26); *Đâu-điều kinh* 兜調經 (*T*.01. 0078. 0887b04); *Anh Vũ kinh* 鸚鵡經 (*T*.01. 0079. 0888b15); *Phật vị Thủ-ca Trưởng giả thuyết nghiệp báo sai biệt kinh* 佛為首迦長者說業報差別經 (*T*.01. 0080. 0891a17); *Phân biệt thiện ác báo ứng kinh* 分別善惡報應經 (*T*.01. 0081. 0895b25).
136. *Đại kinh Nghiệp phân biệt* (P. *Mahākammavibhaṅgasuttaṃ*)	171. *Phân biệt đại nghiệp kinh* 分別大業經 (*T*.01. 0026.171. 0706b12).	*Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.24b. 0238b12).
137. *Kinh Phân biệt sáu xứ* (P. *Saḷāyatanavibhaṅgasuttaṃ*)	163. *Phân biệt lục xứ kinh* 分別六處經 (*T*.01. 0026.163. 0692b22).	*A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.18. 0440c23).

138. *Kinh Tổng thuyết và biệt thuyết* (P. *Uddesavibhaṅgasuttaṃ*)	164. *Phân biệt quán pháp kinh* 分別觀法經 (*T*.01. 0026.164. 0694b13).	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.43. 0010c19); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.66. 0017b16).
139. *Kinh Vô tránh phân biệt* (P. *Araṇavibhaṅgasuttaṃ)*	169. *Câu-lâu-sấu vô tránh kinh* 拘樓瘦無諍經 (*T*.01. 0026.169. 0701b22).	
140. *Kinh Giới phân biệt* (P. *Dhātuvibhaṅgasuttaṃ*)	162. *Phân biệt lục giới kinh* 分別六界經 (*T*.01. 0026.162. 0690a19).	*Phật thuyết Bình-sa Vương ngũ nguyện kinh* 佛說蓱沙王五願經 (*T*.14. 0511. 0779a06).
5) Phẩm Đại xứ phân biệt (*Saḷāyatanavagga*)		
141. *Kinh Phân biệt về sự thật* (P. *Saccavibhaṅgasuttaṃ*)	31. *Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T*.01. 0026.31. 0467a28).	*Niệm xứ kinh* 念處經 (*T*.01. 0026.98. 0582b07); *Tứ đế kinh* 四諦經 (*T*.01. 0032. 0814b08); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.12.1. 0568a01); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.1. 0643a26).
142. *Kinh Phân biệt cúng dường* (P. *Dakkhiṇāvibhaṅgasuttaṃ*)	180. *Cù-đàm-di kinh* 瞿曇彌經 (*T*.01. 0026.180. 0721c21).	*Phân biệt bố thí kinh* 分別布施經 (*T*.01. 0084. 0903b23); *Hiền ngu kinh, Ba-bà-ly phẩm* 賢愚經波婆離品 (*T*.04. 0202.50. 0434a01); *Tạp bảo tạng kinh, Thập xa vương duyên* 雜寶藏經十奢王緣 (*T*.04. 0203.1. 0447a16).
143. *Kinh Giáo giới Cấp Cô Độc* (P. *Anāthapiṇḍikovādasuttaṃ*)	28. *Giáo hóa bệnh kinh* 教化病經 (*T*.01. 0026.28. 0458b28).	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.187. 0048c27); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.593. 0158b24); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1032. 0269c08); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.8. 0819b11).
144. *Kinh Giáo giới Channa* (P. *Channovādasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1266. 0347b14).

145. *Kinh Giáo giới Phú-lâu-na* (P. *Puṇṇovādasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.311. 0089b01); *Phật thuyết Mãn Nguyện tử kinh* 佛說滿願子經 (*T.*02. 0108. 0502c05); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘奈耶雜事 (*T.*24. 1448.3. 0011c29).
146. *Kinh Giáo giới Nandaka* (P. *Nandakovādasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.276. 0073c09); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘奈耶雜事 (*T.*23. 1442.30. 0792a17).
147. *Tiểu kinh Giáo giới La-hầu-la* (P. *Cūḷarāhulovādasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.200. 0051a15).
148. *Kinh Sáu sáu* (P. *Chachakkasuttaṃ*)	86. *Thuyết xứ kinh* 說處經 (*T.*01. 0026.86. 0562a19).	*Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.304. 0086c23); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.323-327. 0091c23-0092a13); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.330. 0092a28).
149. *Đại kinh Sáu xứ* (P. *Mahāsaḷāyatanikasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.305. 0087a27).
150. *Kinh Nói cho dân chúng Nagaravinda* (P. *Nagaravindeyyasuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.280. 0076c03).
151. *Kinh Khất thực thanh tịnh* (P. *Piṇḍapātapārisuddhisuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.236. 0057b03); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.6. 0773b20).
152. *Kinh Căn tu tập* (P. *Indriyabhāvanāsuttaṃ*)	Không có kinh tương đương.	*Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.282. 0078a22).

PHỤ LỤC 3

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH

(Được sử dụng trong các chú thích của
bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manoratthapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-1927).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-1927).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda. (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906. etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys David, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-1932).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Mahāvaṃsa, ed. Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Mahāvaṃsa, Extended, ed. Malalasekera, G. P. (London: PTS, 1937).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-1936).

Jātaka, 7 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-1896).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-1897).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-1899).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-1838).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-1917).

Milindapañha - Milinda Ṭikā, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjoṭikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-1940).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-1907).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-1947).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sārattappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-1937).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* II), 3 vols., ed. by Smith. H. (London: PTS, 1916-1918).

Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg. H., and Pischel. R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-1959).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* VI), ed. by Müller. E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-1883).

Vibhaṅga, ed. by Rhys David, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. Cowell, E. B. and Neil, R.A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the *Kathāvatthu*), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the *Therīgāthā*), tr. by Mrs. Rhys Davids C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethen* (A Translation of the *Theragāthā*), tr. by Mrs. Rhys Davids C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the *Vinaya Piṭaka*), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs Rhys Davids C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-1930).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-1936).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. Horner, I. B. (London: PTS, 1954-1959). *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (A Translation of the *Jātaka*), 6 vols. and Index, tr. by Cowell, E. B., Chalmers, R., Rouse, W. H. D., and Francis, H. T. (London: PTS, 1895-1913).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., A Manual of Buddhism, (London: Sheldon Press, 1932).

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., Buddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism*, (New York: GP Putnam, 1896).

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism*, (London: PTS, 1912).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations*, (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist Birth Stories,* Trübner's Oriental Series, (London: Trübner and Co., 1880).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India*, Stories of the Nations, (New York: GP Putnam, 1903).

Journal of the Pali Text Society. (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society. (London: Cambridge University Press, 1824).

Geiger, Wilhelm, *Pali Literature und Sprache*, (Strassburg: Karl J. Trübner, 1916).

D. TỪ ĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin, (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

A Critical Pali Dictionary, ed. Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert, (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-1938).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James, (Edinburgh: T&T Clark, 1908-1927).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T.W. and Stede, William, (London: PTS, 1921-1925).

SÁCH DẪN

A

B

C

D

K

L

M

N

O

P

Q

R

S

T

U

V

Y

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các Tổ đình, tự viện, tịnh xá. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.

- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.

- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.

- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Mọi sự đóng góp, xin liên hệ:

1. Văn phòng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
750 Nguyễn Kiệm, P. 4, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
ĐT: (+84) 28 3844 8893   DĐ: (+84) 909 478 298
Web: www.vncphathoc.com

PHƯƠNG DANH ẤN TỐNG

2. Tài khoản:

*** Gởi trong nước:**
Tên chủ TK: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
Số TK: **0071001286090**
Ngân hàng: VIETCOMBANK (Chi nhánh TP. HCM)

*** Gởi từ nước ngoài:**
Tên chủ TK: Vien Nghien cuu Phat hoc Viet Nam
Số TK: **0071001286090**
Ngân hàng: VIETCOMBANK (Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Ho Chi Minh City Branch)
Swift code: **BFTVVNVX 007**

Thực hiện

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 02
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ - 02
KINH TRUNG BỘ
(Majjhima Nikāya)
Dịch giả: Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng Biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in
ĐĐ. Thích Quảng Tánh, ĐĐ. Thích Quảng Kiến,
SC. Thích nữ Hạnh Thường, SC. Thích nữ Tịnh Huệ, SC. Thích nữ Liên Kỉnh
Cẩm Hồng, Ngọc Thanh, Liên Ngọc, Ngọc Hoa, Liên Nguyệt

Trình bày
Tống Viết Diễn, Đặng Thái Trung

Đối tác liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In: 6.000 bản, khổ: 19 x 27 cm, tại ***Công ty CP In Khuyến học phía Nam*** *(Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh). Số Xác nhận đăng ký XB: 4217-2020/CXBIPH/18 – 78/HĐ. Số QĐXB của NXB: 371/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 10/10/2020. In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.*
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-318-037-4

ISBN: 978-604-318-037-4
9786043180374